

Còn các đạo Thiên Trường, Bắc Giang, Nam Sách và Quốc Oai đều thuộc phủ quân Đông, Tây, Nam, Bắc, không có quân Đô ti.

Vệ Bắc Bình sau đổi làm vệ Cao Bằng.

Nhận xét: Quân hiệu trong kinh và ngoài các đạo thành thoảng có tên hiệu trùng điệp với nhau và không có ý nghĩa gì cả, lúc bấy giờ nghị định thế nào, nay đều không thể rõ được, ở đây chỉ tham khảo trong Hồng Đức thiên Nam dư hạ tập và điển lệ quan chế triều Lê, chú thích bổ sung vào, để phòng khi khảo cứu.

Nguyễn Vĩnh Tích: Người huyện Thượng Phúc¹, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448), năm Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Tháng 9. Phát sinh tai nạn hoàng trùng.

Lúc ấy, hoàng trùng phá hại, nhà vua hạ lệnh cho đạo sĩ² lập đàn cầu đảo; lại hạ lệnh cho bọn Nguyễn Như Đỗ đến tế lễ ở đền thờ Bách thần để tống tiễn hoàng trùng.

Người nước Tiêm La đến dâng phẩm vật địa phương, nhà vua từ chối.

Thuyền đi biển của nước Tiêm La đến Vân Đồn trang, tiến tờ biểu Kim điệp³ và dâng phẩm vật địa phương, nhà vua từ chối không nhận.

Lời chua - Tiêm La: Tên nước.

Vân Đồn: Tên trang. Cả hai đều xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chính biên IV, 43).

Gió bão (nguyên Hán văn chép "cụ phong"). Nước biển dâng đẩy lên quá với mực thường.

Lúc ấy, gió bão rất to, các phủ Nam Sách, Giáp Sơn, Thái Bình và Kiến Xương nước ở biển dâng đẩy lên to lắm, đê điều bị vỡ lở, lúa thóc bị ngập lụt, nhiều người chết đói. Các huyện ở đầu nguồn và bãi biển thuộc Nghệ An phần nhiều bị nước phá hoại. Nhà vua hạ lệnh cho Ngự sử là bọn Đinh Nhân Phủ và Thiệu Duy Tinh chia nhau đến ba đạo mặt đông, mặt tây và mặt nam ở ven biển thân hành đi khám xét bờ đê, đốc sức ty Thừa chính sở tại bồi đắp. Một mặt miễn cho quân sĩ ở ven biển đầu xuân sang năm tới không phải về kinh sữ tập họp điểm duyệt nữa⁴.

Lời chua - Cụ phong: Theo Vân Đài loại ngữ của Lê Quý Đôn thì "cụ" nghĩa là đủ bốn thứ gió: đông, tây, nam, bắc. Lúc bấy giờ nổi gió, nếu gió nổi từ đông bắc thổi đến, thì tất nhiên từ gió bắc rồi chuyển sang gió tây; nếu gió nổi từ tây bắc thổi đến, thì tất nhiên từ gió bắc rồi chuyển sang gió đông, đầu bắt đầu từ gió đông bắc hay tây bắc, cũng đều đến khi nào chuyển sang gió nam thì bão mới tắt.

Giáp Sơn: Tên huyện, nay thuộc phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nghệ An: Châu Hoan xưa. Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16-17, 21-22).

Thái Bình⁵: Tên phủ, nay thuộc tỉnh Nam Định.

¹ Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

² Xem chú thích số 3, Chính biên quyển XI, tờ 32.

³ Dùng một thứ loại kim dát cho mỏng ra làm thành hình lá cây, trong cái lá bằng vàng ấy có khắc những chữ thuộc về biểu văn, đựng vào một cái hộp bằng vàng, gọi là "kim điệp biểu". Nghi lễ này đến triều nhà Thanh, nước Miến Điện vẫn còn dùng để dâng lễ cống.

⁴ Xem thêm Chính biên quyển XIX, tờ 24, việc quân sĩ hằng năm phải hội duyệt.

⁵ Nay gồm các huyện Quỳnh Phụ, Đông Quan cũ (nay thuộc Đông Hưng). Thụy Anh cũ (nay thuộc Thái Thụy), tỉnh Thái Bình.

Kiến Xương: Tên phủ, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 15 (Chính biên VI, 28).

Bờ đê ven biển: Nay đều không rõ ở đâu. Duy ở huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình, có con đê đắp bằng đá từ phía bắc cửa Thần Phù đến bờ phía nam cửa Cờn, và con đê đắp bằng đất từ xã Côi Trì huyện Yên Mô đến bờ phía nam xã Bồng Hải huyện Yên Khánh. Tương truyền: Lê Thánh Tông cho đắp đê chống nước mặn, vì thế nên gọi là "đê Hồng Đức". Nay đê ấy đã bỏ, vậy hãy phụ lục ở đây sẽ khảo cứu sau.

Bãi bỏ việc Tổng binh các đạo được kiêm giữ công việc Thừa chính sứ.

Trước kia 12 đạo đều có đặt hai ti: Đô ti và Thừa ti. Về phần Đô ti, đặt chức đô Tổng binh sứ, Tổng binh đồng tri và Tổng binh thêm sự, mỗi chức một người; về phần Thừa ti, đặt chức Thừa chính sứ, Tham chính và Tham nghị, mỗi chức một người, nhưng Thừa chính sứ phần nhiều cho Tổng binh kiêm giữ. Đến nay Trấn điện tướng quân Lê Văn nói: "Tổng binh chỉ có người xuất thân từ hàng võ, không hiểu chữ nghĩa, thế mà kiêm giữ hai chức, e rằng sẽ trở ngại đến việc quân ngũ và việc chính trị. Vậy từ nay, Tổng binh chỉ nên chuyên giữ về việc binh, mà đình bãi việc kiêm giữ công việc trong ti Thừa chính; còn chức Thừa chính sứ thì chọn người có văn học để sung bổ; chức Tham chính và Tham nghị thì liệu lượng bớt đi một; để có chuyên trách, nếu khi ở nơi biên cương có xảy ra việc gì thì hai ti được phép hội bàn với nhau, khỏi đến nỗi có sự ngăn trở và lăm lẩn". Nhà vua chuẩn theo lời nói ấy.

Nhà vua hạ dụ cho Thừa tuyên Tổng binh ở các đạo rằng: "Người tướng sủng giữ nơi biên khốn, chức trách rất là quan trọng, triều đình trông cậy không khác gì cái phen cái giậu để bảo vệ trong nước. Vậy triều đình đối với tổng binh, nếu có những việc trọng đại, như: tuyên triệu, tra hỏi, bắt nộp thu phen, hoặc thu nộp phẩm vật... tất nhiên triều đình ban hạ chỉ thư¹, nội phù², các viên tổng binh cần phải khám xét tường tận, nếu thấy không có gì sai suyển, mới nên tuân theo mệnh lệnh. Nếu có sắc chỉ mà không có nội phù, hoặc có nội phù mà không có sắc chỉ, cùng các văn thư của tước công, tước hầu trở xuống đến các nha môn về việc bắt nộp lính, bắt nộp lương, v.v... nếu thấy có điều gì gian trá, thì phải lập tức cho chạy trạm về kinh hặc tâu. Người nào tự tiện lìa bỏ chức phận của mình sẽ bị luận tội; nếu tình trạng nặng sẽ luận vào tội chết, tình trạng nhẹ luận vào tội lưu.

¹ Thời đại quân chủ, mệnh lệnh của vua chúa ban bố cho thần dân tuân hành, gọi là chỉ thư hoặc sắc chỉ.

² Một thứ dùng làm phù hiệu để làm tin, chế bằng tr, gỗ hoặc loại kim, trên mặt khắc chữ, cắt ra làm đôi, triều đình và viên quan ngoài phiên trấn mỗi bên giữ một nửa. Mỗi khi triều đình có hạ mệnh lệnh cho viên quan phiên trấn nào, thì sai trung sứ cầm một nửa phù hiệu đi để làm ghi dấu. Khi tới nơi, viên quan phiên trấn đem một nửa phù hiệu mình giữ khớp với một nửa phù hiệu mà trung sứ mang đi, để phân biệt sự thật hay giả. Ngược lại, khi viên quan triều trấn sai người về tâu việc ở triều đình cũng theo thể thức ấy.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XXI

Từ tháng 10 mùa đông năm Đinh Hợi, Quang Thuận thứ 8 (1467) đến năm Canh Dần, Hồng Đức nguyên niên (1470) đời Lê Thánh Tông, gồm 3 năm lẻ.

✱

Tháng 10, mùa đông. Người nước Ai Lao xin phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua không nhận.

Ai Lao từ khi thua trận ở Khâu Lao¹, bộ lạc tan vỡ, đến nay, tên Hô Lung, một đảng trong bộ lạc, mới xin phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua cho rằng bọn ấy là người mê muội, bụng dạ không nhất định, nên từ chối không nhận.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 3 (Tiền biên VI, 9-10).

Thi khảo các quân sĩ về võ nghệ, định lệnh thưởng phạt khác nhau.

Nhà vua chuẩn định ba năm một kỳ thi khảo các quân sĩ về võ nghệ. Cứ đến mùa đông từng kỳ, hạ lệnh cho quan khảo xét sự giàng tập của quân thủy, quân bộ, quân thị hậu và quân ngoài các đạo, nhân đấy định cách thức thưởng phạt: binh sĩ nào thắng luôn 4 tao được thưởng một chiếc áo và một quan năm tiền sử tiền; 3 tao thắng 1 tao bình, được thưởng một chiếc áo; 2 tao thắng 2 tao bình, được thưởng 6 tiền sử tiền; 1 tao thắng, 3 tao bình, được thưởng 3 tiền sử tiền; 4 tao đều bình được cấp cho tiền cơm là 20 đồng sử tiền. Ngược lại, binh sĩ nào thua cũng phải phạt như thế.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các vệ các ti Thần võ, Du nỗ, Thần tí, Vũ Lâm và Ngũ Oai; mỗi khi binh sĩ đến phen túc trực, đều thay đổi từng ban chuyên tập võ nghệ; binh sĩ ở vệ Ngũ Oai và các sở Súng Nỗ thuộc các vệ ở các đạo ngoài kinh thành đều được nghỉ việc sai phái về tạp dịch, liệu lượng định số người canh giữ, còn bao nhiêu người đều phải chuyên tập võ nghệ, ban nào tập xong, quan sẽ xét duyệt lại và thưởng phạt theo như lệ định.

Lời chua - Sử tiền, cổ tiền: Sách Văn Đài loại ngữ của Lê Quý Đôn chép: "Người Trung quốc tính một trăm đồng là một tiền, nước ta tính mỗi tiền 36 đồng, gọi là sử tiền, mỗi tiền 60 đồng, gọi là cổ tiền. Như vậy, 10 tiền của sử tiền, hay là cũng gọi một quan sử tiền, tức là 6 tiền của cổ tiền; còn 10 tiền của cổ tiền tức là 1 quan 6 tiền 40 đồng² của sử tiền. Sử tiền còn có tên riêng là tiền gián; cổ tiền tên riêng là tiền quý."

Vệ Ngũ Oai: Các vệ Phấn Oai, Chấn Oai, Hùng Oai, Lô Oai và Tuyên Oai gọi là vệ Ngũ Oai, đều thuộc ngũ phủ quân. Xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chính biên XX, 3-5).

Dời quân doanh trấn thủ An Bang đến Bài Lắm.

Lời chua - Bài Lắm: Nay không khảo cứu được.

Thừa chính sứ Thanh Hóa dâng một sọt tơ ươm bằng cái kén của thứ sâu ở đồng nội, nhà vua không nhận.

Lời chua - Thừa chính sứ Thanh Hóa: Không rõ tên.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XX từ 17 việc hiệu úy Hoàng Liễn đánh bộ lạc Ai Lao ở Khâu Lao.

² Con số này sử Cương mục chép sai, chính ra phải là một quan 6 tiền 24 đồng mới đúng.

Bột Lân, thổ tù nhà Minh, xâm phạm châu Hạ Lang.

Bột Lân, thổ quan châu An Bình nhà Minh, đem tám ngàn quân, ba trăm ngựa xâm phạm châu Hạ Lang, bị quân ta đánh bại, bọn Bột Lân phải chạy về, chia nhau giữ cửa biên giới, Trấn thủ Thái Nguyên là bọn Đào Viên và Lê Bá Đạt xin đưa thư cho Lân hỏi về duyên cớ khởi binh. Nhà vua y cho.

Lê Luyện, tổng binh Lạng Sơn, cho người chạy ngựa về kinh báo cáo về việc tổng binh tỉnh Quảng Tây nhà Minh điều động tập họp mười ba vạn binh mã đóng châu Ngô, châu Tầm nói phao lên là sửa sang khe cừ cầu đường ở các nơi ven biển để đem quân đánh giặc Mán ở Liêm Châu. Nhà vua hạ lệnh cho các quan trong triều hội bàn, Thái bảo là bọn Nguyễn Lỗi đều nói: "Nước ta chỉ nên giữ cửa ải cho kiên cố, việc bọn kia làm, không có gì đáng lo ngại".

Lời chua - Châu Hạ Lang: Xem Lý Thái Tông, năm Kiến phù hữu đạo thứ 3 (Chính biên III, 3).

Châu An Bình: Theo Đại Thanh nhất thống chí: Châu An Bình thuộc phủ Thái Bình tỉnh Quảng Tây.

Châu Ngô, châu Tầm: Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chính biên III, 18-19).

Liêm Châu: Tức Thái Bình quân, xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 2 (Chính biên I, 25-26).

Lạng Sơn: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19, 31).

Trăm quan dâng tờ biểu xin nhà vua xưng đúng tôn hiệu; nhà vua không nhận lời.

Trước kia, khi Thái Tổ lên ngôi vua, bầy tôi làm tờ biểu dâng đế¹ hiệu, Thái Tổ nhún nhường không chịu nhận, phàm cho ban hành tờ chiếu tờ cáo đều xưng là vương²; đến đời Thái Tông, Nhân Tông vẫn theo vương hiệu. Kịp khi nhà vua vào triều đường nối ngôi vua, Lễ bộ thị lang Lương Như Hộc và Nguyễn Đình Mỹ thường lấy cớ là thời tiết hòa thuận, hòa cốc phong đăng, muôn dân yên lành, mọi vật sinh nở, xin dâng tôn hiệu; nhà vua không nhận lời. Đến nay, đại thần và trăm quan dâng biểu cố xin. Nhà vua nói: "Tôn hiệu hoàng đế, trăm chưa dám nói đến. Nay trăm xưng với quần thần là hoàng thượng, xưng ở nhà thái miếu là tự hoàng, như thế cũng đã đủ phân biệt với hiệu "vương"³ của các vương khác rồi, các người nên thể tất ý của trăm.

Đợi mấy năm sau nữa, nếu thấy trên được trời giúp, dưới được dân yên, mưa thuận, gió hòa, nước nhỏ mẫn đức, nước lớn sợ oai, lúc bấy giờ bàn đến tôn hiệu". Trăm quan lại dâng biểu xin rằng: "Bệ hạ đã xưng ở ngôi chí tôn, cần phải xưng tôn hiệu một cách chính xác". Nhà vua không theo.

Lời cần án - Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, Lê Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ nhất (1428) bầy tôi làm tờ biểu dâng đế hiệu, vua Thái Tổ nhún nhường không nhận, phàm tờ chiếu, tờ cáo đều xưng "đại vương". Như thế, đủ tỏ ra rằng đời Lê Thái Tổ chưa xưng đế hiệu; đến như việc xưng hiệu của Thái Tông và Nhân Tông tuy không có văn kiện rõ rệt, nhưng cứ xem như Thánh Tông lên ngôi vua đến nay đã 8 năm, bầy tôi mới xin dâng đế hiệu, thì có thể biết rằng nhà Lê từ Thái Tông, Nhân Tông trở về trước đều xưng vương hiệu. Tuy thế, Thánh Tông đối với bầy tôi xưng là hoàng

¹ Chữ "đế" chữ "vương" đều nghĩa là vua, nhưng theo đẳng cấp thời phong kiến thì "đế" là hoàng đế (vua một nước lớn) dùng vũ lực bắt nước nhỏ phải phụ thuộc vào nước mình và hằng năm phải cống nạp. "Vương" là quốc vương (vua một nước nhỏ), phải chịu vua nước lớn phong cho. Nhưng đối với nước lớn tuy xưng là "vương" mà đối với thần dân nước mình thì lại xưng là hoàng đế. Có khi cũng dùng vũ lực bắt nước nhỏ khác phải lệ thuộc vào nước mình và phong vương cho nước nhỏ ấy.

² Chữ "đế" chữ "vương" đều nghĩa là vua, nhưng theo đẳng cấp thời phong kiến thì "đế" là hoàng đế (vua một nước lớn) dùng vũ lực bắt nước nhỏ phải phụ thuộc vào nước mình và hằng năm phải cống nạp. "Vương" là quốc vương (vua một nước nhỏ), phải chịu vua nước lớn phong cho. Nhưng đối với nước lớn tuy xưng là "vương" mà đối với thần dân nước mình thì lại xưng là hoàng đế. Có khi cũng dùng vũ lực bắt nước nhỏ khác phải lệ thuộc vào nước mình và phong vương cho nước nhỏ ấy.

³ Chữ "vương" này chỉ có nghĩa là một nước, về phần vinhự thì hơn cả tước công tước hầu, nhưng không phải là vua một nước. Ví dụ: như Hưng đạo vương Quốc Tuấn triều Trần, Cung vương Khắc Xương triều Lê.

thượng, đây là nghĩa thông thường, còn đối với nhà thái miếu mà xưng là tự hoàng, thì thấy nghĩa ở kinh điển nào? Sau này đối với nhà thái miếu lại còn xưng là quốc hoàng¹ nữa. Đến như tờ chế, tờ cáo ban cho bầy tôi cũng xưng là hoàng thượng², thì thật không có kinh điển nào cả. Vì thế nên người làm vua lúc bắt đầu xây dựng công việc, cần nhất là phải kê cứu vào điển lễ đời cổ.

Tháng 11. Xét tội những tù phạm hiện giam trong ngục.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho tế thần³ lúc xét tội những tù phạm hiện giam, phải có quan chức của Đại lý tự, nếu người có tội kêu là xét oan, thì cho quan chức của Đại lý tự cùng người có tội biện bạch bề bác với nhau.

Nguyễn Phục, đô chỉ huy, giữ việc vâng tờ chiếu của vua xét hỏi hình ngục mà không khám xét được mau chóng, để việc hình ngục phần nhiều đình trệ. Nhà vua hạ lệnh cho giám quan⁴ là bọn Trần Thốc xét hỏi về tội chậm trễ của Nguyễn Phục.

Thi nho thân⁵ ở Phượng Nghi đường.

Nhà vua cho triệu những người trước đã đỗ tiến sĩ hện làm việc ở các nha môn là bọn Lê Đình Tuấn cùng với bí thư giám là bọn Lương Thế Vinh, cộng 30 người, đến Phượng Nghi đường. Nhà vua ra đầu bài để khảo thí bọn này. Trong số ấy có thị chế Dương Như Châu vì học nghiệp không tiến, phải xuất ra làm Hồng lô tự thừa.

Lời chua - Phượng Nghi đường: Nay không khảo cứu được.

Khôi phục quan chức cho Nguyễn Như Đổ.

Nguyễn Như Đổ trước kia làm thượng thư bộ Lại, vì lựa chọn ghi chú việc bổ dụng người không được minh bạch, nên bị cất chức, đến đây nhà vua lại triệu vào triều cho khôi phục lại chức cũ.

Nguyễn Như Đổ thường xin cho giáo thụ⁶ được cất nhắc lên chức tri huyện⁷. Nhà vua nói: "Giáo thụ cần phải để giữ chức vụ lâu dài, mới có thể mong họ giáo dục học trò thành người tài giỏi được. Nhà người giữ chức vụ lựa chọn cần nhắc để bổ sung các chức, nếu dám có điều gì thay đổi, tội ấy không phải nhỏ đâu!".

Nguyễn Như Đổ thường xin cho Quản lãnh⁸ Lê Bốc được giữ chức Tổng tri⁹, nhà vua nói: "Lê Bốc có bệnh tê, yếu đuối không thể làm gì được; thế mà nhà người hai ba lần xin cất nhắc hẳn lên, nhà người thật là một viên quan gian xảo".

Lời phê - Đã biết là người gian xảo, sao lại còn dùng?

Xét duyệt sổ hộ người Chiêm Thành.

Khoảng niên hiệu Thái Hòa (1443-1453), người Chiêm Thành sang quy phụ nước ta, tất cả trai gái hơn 200 người, lúc ấy đã phân phối họ đến ở các đạo. Nay nhà vua hạ lệnh xét duyệt sổ hộ khẩu của

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXI từ 7 ở dưới.

² Xem thêm Chính biên quyển XXI từ 7 ở dưới.

³ Xem chú thích ở Chính biên quyển VIII, từ 35.

⁴ Viên quan giữ việc can ngăn vua.

⁵ Bầy tôi có văn học.

⁶ Viên quan chuyên giữ việc dạy học trò.

⁷ Viên quan cai trị trong một huyện, giữ công việc hành chính.

⁸ Theo binh chế đời Lê Thánh Tông, đặt ngũ phủ quân, mỗi phủ 6 vệ. Tổng tri là chức đứng đầu một vệ; mỗi vệ có 5 sở hoặc 6 sở, Quản lãnh là chức đứng đầu một sở.

⁹ Theo binh chế đời Lê Thánh Tông, đặt ngũ phủ quân, mỗi phủ 6 vệ. Tổng tri là chức đứng đầu một vệ; mỗi vệ có 5 sở hoặc 6 sở, Quản lãnh là chức đứng đầu một sở.

họ có bao nhiêu người, định cách kiểm chế để họ được theo một phạm vi nhất định; cấm nhà quan, nhà tư không được dùng họ làm nô tì.

Hoàng trùng phát sinh ở Bắc Đạo.

Ở Bắc Đạo nhiều nơi phát sinh hoàng trùng. Thừa chính sứ là bọn Lê Văn Khác không biết đem việc ấy tâu bày, chỉ ngồi nhìn sự tai hại của dân, nên mỗi người đều bị giáng chức một cấp.

Nhà vua nhận thấy cái thành ở hoàng cung vừa thấp vừa nhỏ, hạ lệnh cho bọn Trịnh Công Lộ, hữu đô đốc phủ Đông quân, đốc thúc quân ngũ phủ đắp thành ấy; sau đó vì năm ấy dân bị đói, giá gạo cao, bèn thôi không đắp nữa.

Lời chua - Bắc Đạo: Xem Lê Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên XV, 5).

Tháng 12. Làm lễ tế hưởng về mùa đông, bắt đầu từ lễ này trong chúc từ xưng là "Hiếu tôn quốc hoàng".

Trước đây, tế ở thái miếu, trong chúc từ xưng là tự hoàng¹, đến nay tế về tiết mùa đông, xưng là hiếu tôn quốc hoàng². Danh hiệu "quốc hoàng" bắt đầu từ đây. Còn những tờ chế, tờ cáo ban cấp bày tâu đều xưng là "hoàng thượng chế cáo". Tờ chế, tờ cáo xưng là hoàng thượng cũng bắt đầu từ đây.

Lời phê - Hai chữ "quốc hoàng" rất trái nghĩa và què mùa. Như thế, sao lại gọi là người sùng thượng văn học được?

Khôi phục quan chức cho Lê Thiệt.

Trước đây, Thiệt giữ chức Tây quân tả đô đốc, can tội tham tang, bị bãi³. Đến nay, nhà vua xét thấy tài của Thiệt có thể dùng được, hạ lệnh cho trả lại chế mệnh phong cho Thiệt mà bị thu hồi từ trước.

Hạ chiếu cho các quan đề cử những viên huyện lệnh cương trực.

Nhà vua hạ lệnh cho các quan trong triều xét những viên huyện lệnh nào là người cương trực dám đấu chọi với kẻ gian tà, thì mỗi viên quan trong triều đều được đề cử một người. Lúc ấy, Nguyễn Như Đổ, thượng thư bộ Lại, đề cử bọn Nguyễn Thế Mỹ tám người để ứng tuyển. Nhà vua xét thấy những người ấy đều mới ra làm quan, tài cán tầm thường, nên lại hạ lệnh cho cử lấy mười người hiện làm quan trong kinh từ hàng ngũ phẩm trở xuống. Lúc ấy Thái bảo Lê Niệm cử Công khoa cấp sự trung Lương Thế Vinh; Đô đốc Trịnh Văn Sái cử Hội khoa cấp sự trung Đặng Thục Giáo; Thượng thư Trần Phong cử Thượng bảo tự khanh Dương [Tông] Hải⁴. Nhà vua xem tờ tâu của bọn Lê Niệm, thấy những người được đề cử nhiều người làm quan không xứng với chức vụ, bèn lựa bỏ họ tên bọn Lương Thế Vinh, chỉ để lại tên hai người ở trong hàng tuyển cử, là: giáo thụ Nguyễn Nhân Tuy và Tri huyện Đinh Bô Cương. Nhân đấy, nhà vua phê rằng: "Lục bộ, lục khoa và Ngự sử đài nếu ai đề cử không phải người tốt, sẽ luận vào tội giáng chức hoặc bãi chức, nếu cử được người xứng đáng, quyết nhiên sẽ được trọng thưởng". Rồi sai trung quan đem lời phê ấy bảo cho quần thần biết, thì không ai là không phục tài xét đoán sáng suốt của nhà vua.

Lời phê - Tình trạng lúc bấy giờ thế nào khó biết rõ được, mà chỉ thấy làm như thế, thì việc ấy ta cũng chưa thể tin được⁵.

Lời chua - Đinh Bô Cương: Người làng Cao Môn, huyện Thanh Chương¹.

¹ Ông vua thừa kế cơ nghiệp của tổ tiên.

² Người cháu hiếu thảo làm vua một nước.

³ Việc Lê Thiệt bị bãi, xem thêm Chính biên quyển XX, tờ 26.

⁴ Toàn thư chép: Dương Tông Hải, sách Cương mục tránh tên húy của nhà Nguyễn, nên chép là Dương Hải.

⁵ Nguyên văn lời phê bằng chữ Hán như thế này: "Đương thời tình trạng như hà, nan tri, nhi độ vân vân, ngô tư chi vị năng tín". Chúng tôi nhận thấy 10 chữ ở hai câu cuối, nghĩa rất lờ mờ, khó hiểu. Sách Cương mục nêu lời phê này ở đầu dòng chỗ xóa bỏ tên Lương Thế Vinh, chỉ đề tên Nguyễn Nhân Tuy và Đinh Bô Cương. Như thế có thể hiểu hai câu này nghĩa là: "mà chỉ xóa tên người này để tên người khác vân vân... thì ta chưa dám tin việc làm ấy đã là chính đáng", hay "chưa dám tin đã là sáng suốt".

Mở khoa thi hoành từ.

Quan viên từ tứ phẩm trở xuống đều được dự thi, số ứng thi gồm 30 người họp ở Phụng Nghi đường, nhà vua tự mình thân ra đầu bài thi. Khoa thi này, bọn Lang trung Nguyễn Tường và Lê Đình Tuấn, Tri huyện Nguyễn Nhân Thiếp và Đào Thuấn Cử, Viên ngoại lang Phạm Như Lam và Trần Quý Huyền đều dự trúng tuyển. Tất cả những người này đều được vào học tại Bí thư giám.

Lời chua - Phép thi khoa hoành từ: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì thí sinh dự khoa hoành từ phải làm các bài thơ, phú, tán, tụng, ca, châm, không có thể thức nhất định.

Nguyễn Tường: Người làng Cao Cương, huyện Tân Phong, đỗ Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận.

Đào Thuấn Cử: Người làng Thuần Khang, huyện Siêu Loại, đỗ đồng Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1466) năm Quang Thuận.

Hạ chiếu chọn các quan trong kinh thành ngoài các đạo lấy người nào có đức nhân từ, khoan hậu, sáng suốt, thành thực để bổ vào làm việc ở ty hình ngục.

Lúc ấy, Lang trung và Viên ngoại lang ở Bộ Hình là bọn Phạm Cấm và Đàm Văn Thông xét việc hình ngục phần nhiều oan uổng và quá đáng. Những người bị xử oan, thường thường kêu nài, cáo tố ở nơi triều đường. Nhà vua lấy làm chán ghét, nên hạ lệnh cho Nguyễn Như Đồ chọn các viên chức trong kinh thành, ngoài các đạo người nào có đức nhân từ, khoan hậu, sáng suốt, thành thực thì cất nhắc lên để thay thế bọn kia.

Lời chua - Phạm Cấm: Người làng Vân Nội, huyện Chương Đức, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận.

Bảo Tì² truyền quốc đã khắc xong.

Trước đây, bàn về việc khắc bảo tì truyền quốc, nhà vua bảo bọn tế thần nên dùng những chữ "Thiên nam hoàng đế chi bảo". Nguyễn Cư Đạo, quyền Thượng thư bộ hộ, cho rằng hai chữ "Thiên nam" hầu như chữ mới sáng tác, không bằng chữ "Thuận thiên thừa vận chi bảo" đối với nghĩa được xác đáng hơn. Nhà vua sai bày tội hội bàn. Bí thư giám học sĩ là bọn Lương Như Học tâu nói: "Tham khảo trong sách Văn hiến thông khảo (Trung Quốc) thì nên dùng những chữ "Hoàng đế thụ mệnh chi bảo". Việc khắc chữ vào bảo tì lúc ấy mới quyết định. Nhà vua mới làm lễ cáo nhà thái miếu để khắc chữ. Đến nay bảo tì đã khắc xong, lại ra lệnh cho thái sư Đinh Liệt đem lòng kính cẩn của nhà vua làm lễ cáo nhà thái miếu.

Lê Bá Tu, giám sát ngự sử Nam Đạo, phải giáng chức làm tri châu.

Lê Bá tu làm ngự sử dâng sớ cực lực nói về việc sai lầm về chính sự lúc bấy giờ, lời sớ trái ngược với ý nhà vua, nên Bá Tu bị xuất ra làm tri châu Lộng Nguyên, phủ Bắc Bình.

Lời chua - Châu Lộng Nguyên: Từ đời nhà Lý trở về trước gọi là châu Quảng Nguyên; nhà Lê, năm Quang Thuận đổi là châu Lộng Nguyên, năm Hồng Đức đổi làm châu Quảng Uyên; nay đổi làm huyện, thuộc tỉnh Cao Bằng³.

Khơi vét Liên Càng ở Thuận Hóa cùng các cảng ở Thanh Hóa và Nghệ An.

Lời chua - Liên cảng: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 2 (Chính biên XII, 5).

¹ Nay thuộc huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

² Cái ấn (con dấu) của vua gọi là bảo tì.

³ Nay huyện Quảng Uyên hợp nhất với huyện Phú Hòa thành huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Các cảng ở Thanh Hóa: Ngọc Giáp cảng ở huyện Quảng Xương; Lãm Cảng và Chiếu Bạch cảng đều ở huyện Tống Sơn; Vi cảng ở huyện Hoằng Hóa; Linh Trường cảng ở huyện Hậu Lộc; Thần Phù cảng ở huyện Nga Sơn; Hải Yến cảng ở huyện Đông Sơn; Đồng Hòa cảng và Trầm Mông cảng đều ở huyện Ngọc Sơn.

Các cảng ở Nghệ An: Xước cảng và Tang cảng đều ở huyện Quỳnh Lưu; My cảng ở huyện An Thành; Thiết cảng, Hương Cái cảng và Đích cảng đều ở huyện Hưng Nguyên; Na cảng ở huyện Cẩm Xuyên; Lạc cảng ở huyện Kỳ Anh.

Mậu Tí, năm thứ 9 (1468). (Minh, năm Thành Hóa thứ 4). Tháng giêng, mùa xuân. Định thể lệ thuyền chuyển cất nhắc những viên quan giữ chức nơi biên viễn.

Trước đây, có sắc lệnh cho viên quan nào giữ chức ở nơi biên viễn đủ 9 năm thì được điều động giữ chức ở nơi kinh huyện¹. Đến nay nhà vua ra sắc lệnh: phạm quan viên giữ việc ở nơi biên viễn lam chướng, người nào biết hết lòng vỗ về thương yêu nhân dân, không những nhiều về việc thúc giục tô thuế mà thuế khóa vẫn được đủ số, thì khi mãn hạn 6 năm chuẩn cho được đổi về chỗ thủy thổ lành; nếu người nào thác thốn, thì lại đổi đi nơi biên viễn, đợi đủ 6 năm sẽ lượng xét để cho thuyền chuyển.

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn. Định thể thức về thư khế.

Hồi đầu triều Lê, thư khế ở dân gian chưa có thể thức nhất định. Đến nay nhà vua hạ lệnh cho bộ Lễ bàn định thể thức văn khế² để ban hành ở dân gian.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh.

Nhà vua cùng Hoàng thái tử, Kỳ quận công Lê Niệm và bầy tôi tùy tùng là bọn Lê Hoảng Dục, Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo, vua tôi thay đổi nhau liên tục làm bài ca, sáng tác tập thơ Anh khoa hiếu trị.

Lời chầu - Lê Hoảng Dục: Người làng Hải Lịch, huyện Lô Dương, con một công thần khai quốc là Lê Văn Linh.

Đỗ Nhuận: Người Kim Hoa, đỗ đồng tiến sĩ khoa Bính Tuất (1466) năm Quang Thuận.

Tháng 10, mùa đông. Trần Phong phạm tội, giao xuống cho Hình quan xét nghị.

Lúc ấy, Lê Bô phạm tội tham tang, phải luận vào tội kinh³. Trần Phong xin cho Lê Bô được nộp tiền chuộc tội. Nhà vua bảo bầy tôi trong triều rằng: "Trần Phong xin cho người can tội tham tang được nộp tiền chuộc, như thế thì người giàu có nhiều của dứt lột mà khỏi tai vạ, người nghèo vì không có tiền mà chịu tội lỗi, thế là Trần Phong dám làm trái cả phép tắc của tổ tông, thiên tiện tác uy tác phúc, để làm hại cả nước. Vậy hạ lệnh cho pháp ti xét xử tội theo những luật định".

Trần Phong là người hay ton hót. Lúc ấy bố người vợ cả của vua là Nguyễn Đức Trung và cậu vua là Nguyễn Yên vừa có quyền thế vừa được vua yêu không ai sánh bằng. Phong dùng mảnh khoé siểm nịnh để phụng sự hai người này. Một hôm, vì dư luận áp bức, Phong phải đàn hặc sự trái phép của Đức Trung; chiều hôm ấy, Phong đến nhà Đức Trung để xin lỗi. Phong lại thường xin dâu gia với Nguyễn Yên, suốt ngày đứng lạy ở sân nhà Nguyễn Yên, Yên mới nhận lời. Nhà vua bảo với Nguyễn Như Đỗ rằng: "Trần Phong là người ngoài mặt làm ra nghiêm nghị, mà trong bụng thì nhu ác, phát ngôn một

¹ Chữ "kinh huyện" triều Hậu Lê, không thấy tài liệu nào giải nghĩa rõ. Chúng tôi tham khảo Hội Điển triều Nguyễn (quyển XI tờ 5, phần Lại bộ quan chế) thì thấy những huyện Hương Trà, Quảng Điền và Hương Thủy thuộc phủ Thừa Thiên gọi là "kinh huyện" nghĩa là huyện ở liền kinh kỳ. Viên quan Tri huyện ở kinh huyện phẩm trật cao hơn các viên huyện khác một bậc. Như vậy, ta có thể hiểu "kinh huyện" triều Hậu Lê tức là huyện Thọ Xương và Quảng Đức ở liền kinh thành Thăng Long.

² Lời giao ước viết thành văn, như sau này người bán ruộng đất hoặc vay nợ phải viết văn khế giao cho chủ mua, chủ nợ giữ.

³ Một tội trong ngũ hình (kình, tị, phi, cung và đại tích) đời cổ. Người bị luận vào tội này, phải chịu thích chữ vào trán rồi đổ mực lên trên.

cách sơ suất. Đến như hấn ton hót phụng sự bọn quyền quý: liếm mụn cho Đức Trung, mút ung thư cho Nguyễn Yên¹ đây là mách khoé sở trường của hấn dùng để tiến lên chức quan cao cả".

Bổ dụng Phạm Phổ, thái tử thị giảng², làm quan chỉ huy.

Phổ, trước đây đỗ tiến sĩ, từng giữ chức quan thái tử thị giảng. Đến nay 3 lần dâng tờ tâu xin bổ sung chức quan võ, nhà vua khen là người có chí, cho nên được đặt cách bạt bổ. Tiến sĩ được cất nhắc sang chức quan võ bắt đầu từ đây.

Phổ muốn cho quyền vị của mình được vững vàng, mới nịnh hót nường nhờ mẹ Đồng Đào là huy nhân trong bọn nữ quan, cầu xin với mẹ ấy đem con gái mình tiến nạp vào trong cung. Nhà vua dụ bảo bầy tôi trong triều rằng: "Phổ chỉ là một người bầy tôi hại nước mà thôi". Sau nhà vua bãi chức quan chỉ huy của Phổ.

Lời chua - Phạm Phổ: Người làng An Bài, huyện Bình Lục.

Huy nhân: Theo quan chế đời Hồng Đức, Huy nhân là quan hàm của nội mạng phụ³, phẩm trật vào hàng tòng tam phẩm.

Tháng 11. Người hoạn giả là Phan [Tông] Trinh⁴ phạm tội, giao xuống quan giữ hình ngục xét, luận vào tội chết.

Lúc ấy, hoạn giả là bọn Nguyễn Thư, Chu Đức Đại, Dương Minh Phong, Ngô Át và Phan Trinh can tội ăn của đút. Pháp ti luận Phan Trinh vào tội tử hình, còn bọn Nguyễn Thư đều được theo sự khoan hồng giảm nhẹ tội. Ngự sử là bọn Trần Thốc và Nguyễn Văn Chất nói: "Bọn Nguyễn Thư, Phan Trinh đều là thân phận là người gần vua mà ăn của đút, quan giữ việc pháp luật cầm cán cân công bằng, đáng phải luận bọn này vào tử hình, nay nghị bọn Nguyễn Thư được theo sự khoan hồng giảm nhẹ tội, mà một mình Phan Trinh bị tử hình, như thế thì pháp luật không làm cho thiên hạ tin là công bằng được". Nhà vua nói: "Bọn Nguyễn Thư ăn của đút, tội của chúng đáng phải chết, nay ta không giết, là còn mong một ngày kia chúng đổi lỗi, để phòng có khi sai khiến đến. Còn như Phan (Tông) Trinh làm con nuôi của hoạn quan tên là Hiền, sau khi tên Hiền chết, Trinh lấy cướp vợ của Hiền; năm trước Trinh lại giao hợp đùa bỡn với một cung nữ, hai tội ấy đều nặng cả, nay luận vào tội chết là đáng lắm".

Kỷ Sửu, năm thứ 10 (1469). (Minh, năm Thành Hóa thứ 5). Tháng 2 nhuận, mùa xuân. Cấm tiếm tàng đồ binh khí.

Nhà vua dụ bảo các quan văn, võ: "Trẫm nối ngôi vua, giữ cơ nghiệp lớn đến nay đã được lâu năm, trong nước bình yên, không phải dùng đến binh cách. Vậy hạ lệnh cho trong nước không ai được cất giấu đồ binh khí ở trong nhà".

Nhà vua ra sắc lệnh dụ bảo quân dân trong nước: "Những thứ áo giáp, mũ trụ, để làm cho dung nghi quân sĩ được hùng mạnh: như nón thủy ma, nón sơn đỏ, là thứ nón của thân quân được đội để túc trực bảo vệ kinh thành. Thế mà nay ở hàng chợ, ở dân gian phần nhiều mua bán thứ nón ấy, thì không lấy gì mà phân biệt được hình sắc quân sĩ, cần phải cấm chỉ việc mua bán ấy".

¹ Hai câu này do thành ngữ "doãn ung thị trí" (mút ung thư, liếm mụn máu), đời xưa dùng để chửi độc địa những hạng tìm mọi cách để hèn bần thìu, nịnh hót người quyền quý để cầu giàu sang.

² Chức quan có nhiệm vụ giảng giải mọi điều cho Thái tử hiểu. Thường lấy những người có văn học. Cũng gọi là Đông cung Thị giảng.

³ Xem chú thích số 3 Chính biên quyển XI, tờ 44 về chữ nội mạng phụ.

⁴ Nguyên văn chép "hoạn giả Phan Trinh", dưới đoạn văn này lại chép việc: "Phan Trinh lấy cướp vợ hoạn quan tên là Hiền". Đã là "hoạn giả" hoặc "hoạn quan", sao lại có vợ? Tham khảo Toàn thư chép thì Phan Tông Trinh là "nội thần", Hiền là "nội quan". Chữ "nội thần" hoặc "nội quan" theo nghĩa trong Từ thư: bầy tôi thân cận ở nơi cung cấm của vua chúa, nhưng cũng có triều gọi hoạn quan là nội thần hoặc nội quan. Vậy chữ hoạn giả và hoạn quan chép ở đoạn văn này tương nên hiểu nghĩa như chữ nội thần và nội quan mà Toàn thư đã chép.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các vệ, các ti, các sở: "Nếu khí giới có hao mòn, khuyết mẻ, đều đem đến kho khố để tu tạo lại theo như quy thức, không ai được tiện tiện đem đến các nơi nhà công, nhà lính ở ngoài thành để sửa chữa hoặc làm mới. Người nào trái lệnh sẽ bị luận vào tội lưu".

Định thể lệ về việc ban cấp chế, cáo và sắc.

Theo thể lệ cũ, những sắc chỉ, ân mệnh do triều đình ban cấp cho các quan: ban cấp cho quan văn hàng nhất phẩm, dùng chế; ban cấp cho quan võ hàng nhất, nhị phẩm, quan văn hàng nhị tam phẩm, dùng cáo; ban cấp cho quan võ hàng tam phẩm, quan văn hàng tứ, ngũ phẩm, dùng sắc. Ngoài ra đều ban cấp khám hợp. Đến nay, nhà vua ra sắc lệnh nghị định: Phàm tước công, tước hầu, tước bá cấp bằng chế mệnh; văn, võ trăm quan từ nhị phẩm trở lên cấp bằng cáo mệnh; tam, tứ và ngũ phẩm cấp bằng sắc mệnh giấy rồng (long tiên); lục và thất phẩm cấp bằng sắc mệnh hắc lạn; bát và cửu phẩm cấp khám hợp.

Lời chua - Long tiên: Giấy vàng, điểm vết bạc lư thưa và vẽ hình con rồng.

Hắc lạn: Giấy vàng, chung quanh bôi đen.

Khám hợp: Giấy trắng viết chữ đen. Cũng như bằng cấp sau này.

Tháng 3. Nhà vua tuần du Bình Than, bèn đi đánh Bôn Man.

Lời chua - Bình Than: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Bôn Man: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chính biên XVIII, 8).

Người Chiêm Thành sang lãn cướp Hóa Châu.

Định bản đồ trong nước.

Nhà vua định bản đồ 12 thừa tuyên như sau này:

I¹- Thanh Hóa quản lĩnh 4 phủ, 16 huyện, 4 châu;

II- Nghệ An quản lĩnh 8 phủ, 18 huyện, 2 châu;

III- Thuận Hóa quản lĩnh 2 phủ, 7 huyện, 4 châu;

IV- Nam Sách nay đổi làm Hải Dương, quản lĩnh 4 phủ, 18 huyện;

V- Thiên Trường nay đổi làm Sơn Nam, quản lĩnh 11 phủ, 42 huyện;

VI- Quốc Oai nay đổi làm Sơn Tây, quản lĩnh 6 phủ, 24 huyện;

VII- Bắc Giang nay đổi làm Kinh Bắc, quản lĩnh 4 phủ, 19 huyện;

VIII- An Bang quản lĩnh 1 phủ, 3 huyện, 4 châu;

IX- Tuyên Quang quản lĩnh 1 phủ, 2 huyện, 5 châu;

X- Hưng Hóa quản lĩnh 3 phủ, 4 huyện, 17 châu;

XI- Lạng Sơn quản lĩnh 1 phủ, 7 châu;

XII- Thái Nguyên nay đổi làm Ninh Sóc, quản lĩnh 3 phủ, 8 huyện, 7 châu;

Lại đổi Trung đô phủ làm Phụng Thiên, quản lĩnh 2 huyện.

Lời chua -

I- Thanh Hóa bốn phủ:

¹ Những chữ số La Mã chua ở trang này cũng như các trang sau, từ I đến XII nguyên văn không có, ở đây chúng tôi đánh số thêm vào để tiện việc khảo cứu, còn phủ Phụng Thiên, vì không liệt vào 12 thừa tuyên nên để riêng không đánh số.

- Phủ Thiệu Thiên quản lĩnh 8 huyện: Thụy Nguyên, Vĩnh Phúc, Đông Sơn, Lôi Dương, An Định, Cẩm Thủy, Thạch Thành và Quảng Bình;
- Phủ Hà Trung quản lĩnh 4 huyện: Hoảng Hóa, Thuần Khang, Nga Sơn và Tống Sơn;
- Phủ Tĩnh Gia quản lĩnh 3 huyện: Nông Cống, Ngọc Sơn và Quảng Xương;
- Phủ Thanh Đô quản lĩnh 1 huyện: Thọ Xuân, và 4 châu: Quan Da, Lang Chánh, Tàm Châu và Sầm Châu.

II- Nghệ An tám phủ:

- Phủ Đức Quang quản lĩnh 6 huyện: Thiên Lộc, La Sơn, Chân Phúc, Thanh Chương, Hương Sơn và Nghi Xuân;
- Phủ Diễn Châu quản lĩnh 2 huyện: Đông Thành và Quỳnh Lưu;
- Phủ Anh Đô quản lĩnh 2 huyện: Hưng Nguyên và Nam Đường;
- Phủ Hà Hoa quản lĩnh 2 huyện: Thạch Hà và Kỳ Hoa;
- Phủ Trà Lân quản lĩnh 4 huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Vĩnh Khang và Hội Ninh;
- Phủ Quỳnh Châu quản lĩnh 2 huyện: Trung Sơn và Thúy Vân;
- Phủ Ngọc Ma quản lĩnh 1 châu: Trịnh Cao;
- Phủ Lâm An quản lĩnh 1 châu: Quy Hợp.

III- Thuận Hóa hai phủ:

- Phủ Triệu Phong quản lĩnh 6 huyện: Đan Điền, Kim Trà, Tư Vinh, Hải Lăng, Vũ Xương, Điện Bàn và 2 châu: Thuận Bình, Sa Bôi;
- Phủ Tân Bình quản lĩnh 2 huyện: Khang Lộc, Lệ Thủy và 2 châu: Minh Linh, Bồ Chính.

IV- Hải Dương bốn phủ:

- Phủ Thượng Hồng quản lĩnh 3 huyện: Đường Hào, Đường An và Cẩm Giàng;
- Phủ Hạ Hồng quản lĩnh 4 huyện: Gia Phúc, Tứ Kỳ, Thanh Miện và Vĩnh Lại;
- Phủ Nam Sách quản lĩnh 4 huyện: Thanh Hà, Thanh Lâm, Tiên Ninh và Chí Linh;
- Phủ Kinh Môn quản lĩnh 7 huyện: Giáp Sơn, Đông Triều, An Lão, Nghi Dương, Kim Thành, Thủy Đường và An Dương.

V- Sơn Nam mười một phủ:

- Phủ Thường Tín quản lĩnh 3 huyện: Thanh Đàm, Thượng Phúc và Phú Xuyên;
- Phủ Ứng Thiên quản lĩnh 4 huyện: Thanh Oai, Chương Đức, Sơn Minh và Hoài An;
- Phủ Lý Nhân quản lĩnh 5 huyện: Nam Xang, Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm và Bình Lục;
- Phủ Khoái Châu quản lĩnh 5 huyện: Đông An, Kim Động, Tiên Lữ, Thiên Thi và Phù Dung;
- Phủ Thiên Trường quản lĩnh 4 huyện: Nam Chân, Giao Thủy, Mỹ Lộc và Thượng Nguyên;

- Phủ Nghĩa Hưng quản lĩnh 4 huyện: Đại An, Vọng Doanh, Thiên Bản và Ý Yên;
- Phủ Thái Bình quản lĩnh 4 huyện: Thụy Anh, Phụ Dực, Quỳnh Côi và Đông Quan;
- Phủ Tân Hưng quản lĩnh 4 huyện: Ngự Thiên, Duyên Hà, Thần Khê và Thanh Lan;
- Phủ Kiến Xương quản lĩnh 3 huyện: Thư Trì, Vũ Tiên và Chân Định;
- Phủ Trường An quản lĩnh 3 huyện: Gia Viễn, Yên Mô và Yên Khang;
- Phủ Thiên Quan quản lĩnh 3 huyện: Phụng Hóa, An Hóa và Lạc Thổ.

VI- Sơn Tây sáu phủ:

- Phủ Quốc Oai quản lĩnh 5 huyện: Từ Liêm, Phúc Lộc, Yên Sơn, Thạch Thất và Đan Phượng;
- Phủ Tam Đái quản lĩnh 6 huyện: An Lăng, An Lạc, Bạch Hạc, Tiên Phong, Lập Thạch và Phù Khang;
- Phủ Lâm Thao quản lĩnh 4 huyện: Sơn Vi, Thanh Ba, Hoa Khê và Hạ Hoa;
- Phủ Đoan Hùng quản lĩnh 5 huyện: Đông Lan, Tây Lan, Sơn Dương, Đường Đạo và Tam Dương;
- Phủ Đà Dương quản lĩnh 2 huyện: Tam Nông và Bất Bạt;
- Phủ Quảng Oai quản lĩnh 2 huyện: Mỹ Lương và Minh Nghĩa.

VII- Kinh Bắc bốn phủ:

- Phủ Từ Sơn quản lĩnh 5 huyện: Đông Ngàn, Yên Phong, Tiên Du, Võ Giàng và Quế Dương;
- Phủ Thuận An quản lĩnh 5 huyện: Gia Lâm, Siêu Loại, Văn Giang, Gia Định và Lang Tài;
- Phủ Bắc Hà quản lĩnh 3 huyện: Kim Hoa, Hiệp Hòa và Yên Việt;
- Phủ Lạng Giang quản lĩnh 6 huyện: Phượng Nhỡn, Hữu Lũng, Yên Dũng, Bảo Lộc, Yên Thế và Lục Ngạn.

VIII- An Bang một phủ:

- Phủ Hải Đông quản lĩnh 3 huyện: Hoa Phong, Yên Hưng, Hoàn Bồ và 4 châu: Tân Yên, Vạn Ninh, Vân Đồn, Vĩnh An.

IX- Tuyên Quang một phủ:

- Phủ Yên Bình quản lĩnh 1 huyện: Yên Phúc và 5 châu: Thu Vật, Lục Yên, Vị Xuyên, Đại Man và Bảo Lạc.

X- Hưng Hóa ba phủ:

- Phủ Quy Hóa quản lĩnh 3 huyện: Trấn Yên, Yên Lập, Văn Chấn và 2 châu: Văn Bàn, Thủy Vĩ;
- Phủ Gia Hưng quản lĩnh 1 huyện: Thanh Xuyên và 5 châu: Phù Hoa, Mộc Châu, Việt Châu, Mai Châu, Thuận Châu;
- Phủ Yên Tây quản lĩnh 10 châu: Lai Châu, Luân Châu, Quỳnh Nhai, Chiêu Tấn, Hợp Phì, Kiêm Châu, Tuy Phụ, Hoàng Nham, Lễ Toàn và Tung Lăng.

XI- Lạng Sơn một phủ:

- Phủ Trường Khánh quản lĩnh 7 châu: Lộc Bình, Văn Uyên, Thoát Lãng, Thất Tuyền, Văn Lan, Yên Bác và Ôn Châu.

XII- Ninh Sóc ba phủ:

- Phủ Phú Bình quản lĩnh 7 huyện: Bình Tuyền, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Tư Nông, Đại Từ, Phú Lương, Văn Lãng và 2 châu: Vũ Nhai, Định Hóa;

- Phủ Thông Hóa quản lĩnh 1 huyện: Cẩm Hóa và 1 châu: Bạch Thông;

- Phủ Cao Bằng quản lĩnh 4 châu: Thượng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm và Quảng Uyên.

Phụng Thiên một phủ:

- Quản lĩnh 2 huyện: Thọ Xương và Quảng Đức.

Xét¹:

I. Thanh Hóa: Đời Hùng Vương xưa Thanh Hóa thuộc bộ Cửu Chân; nhà Tần, thuộc Tượng Quận; nhà Hán, là quận Cửu Chân; Ngô, Tấn, và Tống cũng theo tên cũ của Hán; Lương Võ đế đổi Cửu Chân làm Ái Châu; nhà Tùy lại gọi là Cửu Chân quận; nhà Đường chia đặt làm 2 quận: Ái Châu và Cửu Chân.

Nhà Đinh và nhà Lê gọi Thanh Hóa là Ái Châu; nhà Lý đổi làm trại, năm Thiên Thành thứ hai đổi làm Thanh Hoa phủ; Nhà Trần năm Nguyên Phong thứ 6 gọi là Trại; khoảng năm Thiệu Phong lại đổi làm lộ, chia đặt 3 phủ là: Thanh Hoa, Cửu Chân và Ái Châu; năm Quang Thái thứ 10 đặt trấn Thanh Đô, đem 3 phủ này lệ-thuộc vào trấn ấy; nhuận Hồ đổi phủ Thanh Hóa làm phủ Thiên Xương, hợp với Cửu Chân, Ái Châu làm tam phủ, gọi là Tây Đô; thuộc Minh lại hợp lại làm phủ Thanh Hóa; nhà Lê năm Thuận Thiên nguyên niên đổi thuộc đạo Hải Tây; năm Thiệu Bình thứ 2, Thanh Hóa có 6 phủ lệ thuộc là: Thiệu Thiên, Hà Trung, Tĩnh Gia, Thanh Đô, Trường Yên và Thiên Quan; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Thanh Hóa thừa tuyên; đến đây trích 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan cho lệ thuộc vào Sơn Nam; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; khoảng giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn; sau khi Lê Trung Hưng đặt làm Thanh Hoa nội trấn, rồi lại trích lấy 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan ở Sơn Nam cho lệ thuộc vào, gọi là Thanh Hoa ngoại trấn; nhà Nguyễn Tây đem Thanh Hoa ngoại trấn lệ thuộc vào Bắc Thành; bản triều năm Gia Long

¹ Đoạn văn dưới đây, sử gia chép sự duyên cách của 12 thừa tuyên và phủ Phụng Thiên từ đời Hùng Vương đến đời Tự Đức, tức là đến thời gian biên soạn bộ **Cương mục** này. Về các triều nhà Hồ, nhà Mạc và nhà Tây Sơn, họ chép là nhuận Hồ, ngụy Mạc và ngụy Tây vì quan điểm của sử gia thời phong kiến họ cho các triều ấy là tiếm ngụy không phải chính thống. Ở đây chúng tôi cũng phải buộc lòng dịch theo nguyên văn, không hề thay đổi.

Những năm có sự thay đổi của từng địa phương từ đời Đinh đến đời Tự Đức, chúng tôi theo thứ tự từng triều đại trước sau mà chưa thêm năm dương lịch chung cả ở đây để tiện khảo cứu.

Đinh (968-980). Tiền Lê (980-1009).

Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên 14 (1023); năm Thiên Thành thứ 2 (1029); Lý Thái Tông (1028-1054); Lý Nhân Tông (1072-1127); Lý Anh Tông năm Đại Đinh thứ 10 (1149). Trần Thái Tông năm Thiên Ứng chính bình thứ 11 (1242), năm Nguyên Phong thứ 6 (1256); năm Thiên Bảo (1279-1284); năm Hưng Long thứ 15 (1307); khoảng năm Thiệu Phong (1341-1357); năm Long Khánh thứ 3 (1375); năm Quang Thái thứ 10 (1397).

Nhà Hồ (1400-1407); Thuộc Minh (1407-1427).

Nhà Lê, năm Thuận Thiên nguyên niên (1428); năm Thiệu Bình thứ 2 (1435); khoảng năm Diên Ninh (1454-1459); năm Quang Thuận thứ 7 (1466), năm Hồng Đức thứ 21 (1490); khoảng năm Hồng Thuận (1509-1516).

Nhà Mạc (1527-1593).

Lê Trung Hưng, năm Quang Hưng thứ 16 (1593); năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677); năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741), năm Cảnh Hưng thứ 47 (1786).

Nhà Tây Sơn (1790-1802).

Nhà Nguyễn Thái Tổ Gia Du (1558-1613) Hi Tông Hiếu văn (1614-1635); Gia Long nguyên niên (1802); Minh Mệnh năm thứ 2 (1821); Thiệu Trị năm thứ 3 (1843); Tự Đức năm thứ 6 (1853).

nguyên niên vẫn gọi là trấn và đem Thanh Hoa ngoại trấn lệ thuộc vào; năm thứ 5 đổi ngoại trấn làm Thanh Bình đạo; năm Minh Mệnh thứ 2 đổi làm Ninh Bình đạo; năm thứ 10 đứng riêng làm Ninh Bình trấn; năm thứ 12 chia thành hai quản hạt: nội trấn làm Thanh Hoa tỉnh; ngoại trấn là Ninh Bình tỉnh; năm Thiệu Trị thứ 3 đổi nội trấn làm Thanh Hóa tỉnh.

II. Nghệ An: Đời Hùng Vương xưa, Nghệ An thuộc đất Việt Thường; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, là huyện Hàm Hoan thuộc quận Cửu Chân; nhà Ngô chia Cửu Chân đặt làm quận Cửu Đức; nhà Tấn, nhà Tống vẫn theo như nhà Ngô; nhà Lương chia đặt làm Đức Châu, Lý Châu và Minh Châu; nhà Tùy năm Khai Hoàng thứ 8 đổi Đức Châu làm Hoan Châu, Lý Châu làm Trí Châu; năm Đại Nghiệp thứ 3 hợp cả Minh Châu, Trí Châu và Hoan Châu, đổi lệ thuộc quận Nhật Nam; nhà Đường, niên hiệu Vũ Đức chia quận Nhật Nam đặt làm Nam Đức châu, Lạc châu, Minh Châu và Hoan Châu, năm Trinh Quán nguyên niên đổi Đức Châu lại làm Hoan Châu, còn Hoan Châu cũ thì đổi làm Diễn Châu; năm thứ 16 bỏ Diễn Châu hợp vào Hoan Châu; hồi đầu năm Thiên Bảo lại đổi là Hoan Châu, lệ thuộc vào quận Nhật Nam; từ năm Kiền Nguyên trở về sau gọi là Hoan Châu, rồi bỏ Trí Châu mà cho lệ thuộc vào Hoan Châu; năm Quang Đức thứ hai chia Hoan Châu đặt quận Long Trì thuộc Diễn Châu, lại gọi là quận Diễn Thủy.

Nhà Đinh, nhà Lê gọi là Hoan Châu; nhà Lý đổi làm trại; năm Thiên Thành thứ 2 đổi tên là Nghệ An¹, mà Diễn Châu thì đứng riêng làm châu; nhà Trần, năm Nguyên Phong thứ 6 lại gọi là trại, năm Long Khánh thứ 3 đổi Diễn Châu làm Diễn Châu lộ, chia Hoan Châu làm 4 lộ: Nhật Nam và Nghệ An nam, Nghệ An bắc, Nghệ An trung, cũng gọi là Nghệ An phủ; năm Quang Thái thứ 10 đổi Nghệ An làm Lâm An trấn, Diễn Châu làm Vọng An trấn; đời nhuận Hồ đổi Diễn Châu làm Linh Nguyên phủ, cùng với Thanh Hóa, Cửu Chân, Ái Châu gọi là tứ phủ; thuộc Minh lại đổi làm 2 phủ Diễn Châu và Nghệ An; nhà Lê, năm Thuận Thiên nguyên niên thuộc đạo Hải Tây; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Nghệ An thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; khoảng giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn; ngụy Tây đổi làm Trung Đô, lại gọi là Nghĩa An trấn; bản triều năm Gia Long nguyên niên lại đặt làm Nghệ An trấn; năm Minh Mệnh thứ 12 chia đặt 2 tỉnh: Nghệ An và Hà Tĩnh; năm Tự Đức thứ 6 đổi tỉnh Hà Tĩnh làm đạo, hợp vào Nghệ An; năm thứ 29 lại đặt tỉnh Hà Tĩnh như cũ.

III. Thuận Hóa: Đời Hùng Vương xưa, Thuận Hóa là nước Việt Thường; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, là quận Nhật Nam; nhà Tấn, là nước Lâm Ấp; nhà Tùy năm Đại Nghiệp nguyên niên đổi đặt là quận Tị Anh; cuối đời nhà Tùy lại mất về Lâm Ấp; nhà Đường, khoảng niên hiệu Trinh Quán vỡ yên được Lâm Ấp, lại đặt làm Nam Ảnh châu; nhà Tống là Chiêm Thành, những đất Địa Lý, Ma Linh, Bồ Chính, Ô Châu và Lý Châu đều thuộc vào địa bàn này.

Lý Thái Tông thân đi đánh Chiêm Thành, chúa Chiêm Thành dâng 3 châu; Địa Lý, Ma Linh và Bồ Chính; Lý Nhân Tông đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Ma Linh làm châu Minh Linh, Bồ Chính làm châu Bồ chính; Trần Anh Tông năm Hưng Long thứ 15 đem 2 châu Ô và Lý đặt làm Thuận Châu và Hóa Châu; Duệ Tông năm Long Khánh thứ đổi Lâm Bình làm Tân Bình; thuộc Minh chia đặt làm 2 phủ: Tân Bình và Thuận Hóa; hồi đầu triều Lê đổi làm 2 lộ: Tân Bình và Thuận Hóa, thuộc đạo Hải Tây; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Thuận Hóa thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ quản lĩnh 2 phủ: Tân Bình và Thiệu Phong; khoảng giữa niên hiệu Hồng Thuận gọi là trấn; bản triều, Thái tổ Gia dụ hoàng đế trấn trị phương nam, dựng đô thành ở Thuận Châu, Hi Tông hiếu văn hoàng đế đem đất Nam Bồ Chính đặt Bồ Chính doanh, lấy sông Gianh làm giới mốc, còn Bắc Bồ Chính thuộc về Nghệ An; năm Cảnh Hưng thứ 47 quân nhà Trịnh vào xâm lấn, đặt làm xứ Thuận Hóa; năm Gia Long nguyên niên chia đặt 3 doanh "trực lệ"² là: Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Đức; năm Minh Mệnh thứ 2 đổi doanh Quảng Đức làm phủ Thừa Thiên; năm thứ 8 đổi doanh Quảng Trị làm trấn Quảng Trị, doanh Quảng Bình làm trấn Quảng Bình, đều bớt bỏ 2 chữ "trực lệ", năm thứ 12 đổi trấn Quảng Trị làm tỉnh Quảng Trị, trấn Quảng Bình làm

¹ Đại Nam nhất thống chí chép: Năm Thông Thụy thứ 3 (1036), đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu và chua rằng: Tên "Nghệ An" bắt đầu từ đây, Tham khảo Lý Nhân Tông kỷ trong sách Cương mục này cũng chép việc đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu trại nhằm năm Thông Thụy thứ 3 (Xem thêm Chính biên quyển II tờ 40). Cùng một bộ sách Cương mục chép về sự duyên cách của một địa phương, mà mỗi nơi chép một khác, xa cách nhau hàng 6 năm, không rõ thế nào là đúng, sẽ khảo cứu sau.

² Trực thuộc thẳng vào với kinh sư.

tỉnh Quảng Bình; năm Tự Đức thứ 6 đổi tỉnh Quảng Bình làm đạo, hợp vào phủ Thừa Thiên; năm thứ 29 lại đặt tỉnh Quảng Trị như cũ.

IV. Hải Dương: Đời Hùng Vương xưa, Hải Dương là bộ Dương Tuyền; nhà Tần, thuộc quận Nam Hải; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Đường đặt Hải Môn trấn, lại gọi là Hồng Châu.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý cũng theo như nhà Đinh; nhà Trần đổi làm các lộ: Hồng Châu thượng, Hồng Châu hạ và Nam Sách thượng, Nam Sách hạ; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm Hải Đông trấn; thuộc Minh, đổi thuộc 2 phủ Lạng Giang và Tân An; nhà Lê, năm Thuận Thiên thuộc Đông Đạo; khoảng niên hiệu Diên Ninh chia làm 2 lộ: Nam Sách thượng và Nam Sách hạ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Nam Sách thừa tuyên; đến đây đổi làm Hải Dương thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; khoảng giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn; ngụy Mạc lấy Nghi Dương¹ làm Dương Kinh, trích phủ Thuận An ở kinh Bắc và các phủ Khoái Châu, Tân Hưng², Kiến Xương, Thái Bình ở Sơn Nam cho lệ thuộc vào Dương Kinh; nhà Lê, khoảng niên hiệu Quang Hưng lại đổi làm trấn theo nguyên như cũ: năm Cảnh Hưng thứ 2 chia làm 4 đạo: Thượng Hồng, Hạ Hồng, Đông Triều và An Lão; ngụy Tây đem phủ Kinh Môn đổi thuộc vào Yên Quảng; bản triều năm Gia Long nguyên niên lại đem Kinh Môn thuộc về trấn cũ và lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi Thượng Hồng làm phủ Bình Giang, Hạ Hồng làm phủ Ninh Giang, còn hai đạo Đông Triều và An Lão thì đặt làm hai huyện; năm thứ 12 chia đứng riêng thành một hạt và đổi làm tỉnh Hải Dương.

V. Sơn Nam: Đời Hùng Vương xưa, Sơn Nam thuộc bộ Giao Chỉ; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, lại thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Tấn đặt huyện Nam Định; nhà Lương và nhà Tùy thuộc quận Ninh Hải; nhà Đường, niên hiệu Vũ Đức đổi đặt làm Long Châu và Tống Châu; niên hiệu Trinh Quán chia đặt hai huyện Tống Bình và Nam Định; niên hiệu Trinh Nguyên hợp vào huyện Nam Định.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê đổi làm lộ; nhà Lý theo như nhà [Tiền] Lê; nhà Trần hồi đầu năm Thiên ứng chính bình gọi là lộ Thiên Trường; sau lại chia thành 2 lộ: Kiến Xương và An Tiêm, rồi lại đổi làm các lộ Hoàng Giang, Sơn Nam, Long Hưng và Khoái Châu; năm Quang Thái thứ 10 đổi các lộ làm trấn; thuộc Minh, là các phủ Trấn Nam, Phụng Hóa, Kiến Xương và Giao Châu; nhà Lê, năm Thuận Thiên, lệ thuộc vào Nam đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Thiên Trường thừa tuyên; đến đây, là Sơn Nam thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn; ngụy Mạc đem các lộ Thái Bình, Kiến Xương, Long Hưng và Khoái Châu lệ thuộc vào Hải Dương; nhà Lê, năm Cảnh Hưng thứ 2 chia làm 2 lộ Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ, trích lấy 2 phủ Tràng An và Thiên Quan đặt làm Thanh Hoa ngoại trấn; ngụy Tây đổi làm 2 trấn Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ; bản triều, năm Gia Long nguyên niên đem 2 trấn thượng và hạ lệ thuộc vào Bắc thành; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi thượng trấn làm Sơn Nam trấn, hạ trấn làm Nam Định trấn; năm thứ 12 tách 3 huyện Hưng Nhân, Duyên Hà và Thần Khê thuộc phủ Tiên Hưng, trấn Nam Định và 5 huyện Đông An, Kim Động, Thiên Thi, Tiên Lữ và Phù Dung thuộc phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam, đặt làm tỉnh Hưng Yên; còn 3 phủ Ứng Hòa, Lý Nhân và Thường Tín thuộc trấn Sơn Nam và huyện Từ Liêm thuộc phủ Quốc Oai và trấn Sơn Tây đổi thuộc vào phủ Hoài Đức, đặt làm tỉnh Hà Nội; lại đem bốn phủ Thiên Trường, Nghĩa Hưng, Kiến Xương và Thái Bình thuộc trấn Nam Định và huyện Thanh Quan thuộc phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam đổi thuộc vào phủ Kiến Xương, đặt làm tỉnh Nam Định.

VI. Sơn Tây: Đời Hùng Vương xưa, Sơn Tây thuộc bộ Châu Diên; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô đặt làm quận Tân Hưng thuộc Giao Châu; nhà Tấn đổi làm quận

¹ Tham khảo Chính biên quyển XXVII tờ 15 và Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn đều chép Mạc Đăng Dung lấy Hải Dương làm Dương Kinh; ngay trong quyển này tờ 26 ở dưới cũng chép nhà Mạc đem các lộ Thái Bình, Kiến Xương, Long Hưng và Khoái Châu lệ thuộc vào Hải Dương. Ở đây chép "Nghi Dương" là chép lầm chữ Hải Dương ra Nghi Dương.

² Ở đây chép Tân Hưng, đến tờ 26 ở dưới trình bày về vị trí Sơn Nam lại chép là Long Hưng. Tuy chép khác nhau nhưng vẫn là một, vì tên đất này nguyên trước là làng Đa Cương, nhà Trần đổi làm phủ Long Hưng, nhà Hồ đổi làm Tân Hưng, đến nhà Lê đổi làm Tiên Hưng xem thêm Chính biên quyển VI tờ 28. Nay gồm các huyện Hưng Hà, Tiên Hưng cũ (nay thuộc Đông Hưng), Thái Ninh cũ (nay thuộc Thái Thụy).

Tân Xương; nhà Tống và nhà Tề cũng theo như nhà Tấn; nhà Trần (Trung Quốc) đặt làm Hưng Châu; nhà Tùy đổi làm Phong Châu; nhà Đường lại đặt làm Giao Châu thuộc đạo Lĩnh Nam.

Nhà Đinh, nhà [Tiền] Lê và nhà Lý gọi là đạo Đà Giang; nhà Trần chia đặt làm các lộ Tam Giang, Tam Đái, Quảng Oai và Quốc Oai; năm Quang Thái thứ 10 đổi các lộ làm trấn; hồi đầu triều Lê, là các lộ Quốc Oai thượng, Quốc Oai trung và Quốc Oai hạ, thuộc về Tây Đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đổi làm Quốc Oai thừa tuyên đạo; đến đây đặt làm Sơn Tây thừa tuyên đạo; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn; bản triều Gia Long nguyên niên lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi làm tỉnh Sơn Tây, nhưng trích lấy huyện Từ Liêm cho lệ thuộc vào tỉnh Hà Nội và huyện Tam Nông cho lệ thuộc vào tỉnh Hưng Hóa.

VII. Kinh Bắc: Đời Hùng Vương xưa, Kinh Bắc thuộc bộ Vũ Ninh; nhà Tần, thuộc đất Tượng quận; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Tấn, nhà Tùy và nhà Đường cũng theo như nhà Ngô.

Nhà Đinh đổi làm Bắc Giang đạo; nhà [Tiền] Lê đổi làm lộ; nhà Lý theo như nhà [Tiền] Lê; nhà Trần gọi là Bắc Giang lộ, lại gọi là Kinh Bắc lộ; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn; thuộc Minh đổi làm hai phủ Bắc Giang và Lạng Sơn; năm Thuận Thiên nguyên niên thuộc về Bắc đạo; khoảng năm Thiệu Bình gọi là hai lộ: Bắc Giang thượng và Bắc Giang hạ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Bắc Giang thừa tuyên; đến đây đổi làm Kinh Bắc thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn; ngụy Mạc đem phủ Thuận An đổi thuộc vào Hải Dương; nhà Lê [trung hưng], năm Quang Hưng thứ 16 lại theo là trấn như cũ; bản triều, năm Gia Long nguyên niên, vẫn là Kinh Bắc trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi làm Bắc Ninh trấn; năm thứ 12 đổi làm Bắc Ninh tỉnh.

VIII. An Bang: Đời Hùng Vương xưa, An Bang thuộc bộ Ninh Hải; nhà Tần, thuộc quận Nam Hải; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Lương, là quận Hải Ninh thuộc Hoàng Châu; nhà Tùy gọi là quận Ninh Việt, nhà Đường gọi là quận Ngọc Sơn thuộc Lục Châu. Nhà Đinh và nhà [Tiền] Lê trở về trước gọi là trấn Triều Dương; Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 14 đổi Triều Dương trấn làm Vĩnh An châu; Anh Tông năm Đại Định thứ 10 lập Vân Đồn trang; Trần Thái Tông năm Thiên ứng chính bình thứ 11, là Hải Đông lộ; Dụ Tông năm Thiệu Phong thứ 5 đặt Vân Đồn trấn; thuộc Minh là châu Tĩnh An thuộc phủ Tân An; nhà Lê năm Thuận Thiên nguyên niên gọi là An Bang thuộc về Đông Đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đặt An Bang thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn; ngụy Mạc đem hai châu Thạch Tích, Niêm Lăng và bốn động Cổ Sâm, Ti Lãm, Kim Lạc, Liễu Cát dâng cho nhà Minh; nhà Lê, sau khi trung hưng, vì tránh tên húy Lê Anh Tông, đổi làm An Quảng; ngụy Tây đem phủ Kinh Môn thuộc trấn Hải Dương cho lệ thuộc vào An Quảng; bản triều, năm Gia Long nguyên niên lại đem Kinh Môn lệ thuộc vào Hải Dương, nhưng lấy một phủ Hải Đông làm An Quảng trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi làm Quảng Yên trấn; năm thứ 12 chia quản hạt gọi là Quảng Yên tỉnh.

IX. Tuyên Quang: Đời Hùng Vương xưa, Tuyên Quang thuộc bộ Vũ Định; nhà Tần, thuộc quận Nam Hải; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Đường, là Dương Châu.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý theo như nhà Đinh; nhà Trần gọi là Tuyên Quang châu thuộc lộ Quốc Oai; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn; thuộc Minh, là Tuyên Quang phủ; hồi đầu triều Lê, thuộc Tây đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Tuyên Quang thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm Minh Thuận trấn; bản triều, năm Gia Long nguyên niên lại gọi là Tuyên Quang trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi làm Tuyên Quang tỉnh.

X. Hưng Hóa: Đời Hùng Vương xưa, Hưng Hóa thuộc bộ Tân Hưng; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Tùy và nhà Đường, là Chi Châu.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý chia làm hai châu: Lâm Tây và Đẳng Châu; nhà Trần thuộc đạo Đà Giang; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn Thiên Hưng; thuộc Minh đặt làm hai châu: Gia Hưng và Quy Hóa; nhà Lê, năm Thuận Thiên đặt hai lộ: Gia Hưng và Quy Hóa, thuộc Tây đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đổi làm Hưng Hóa thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn; giữa năm Cảnh Hưng, các châu Tung Lăng, Lễ Tuyền, Hoàng Nham, Hợp Phì,

Tuy Phụ và Khiêm Châu bị nhà Thanh chiếm đem sáp nhập vào tỉnh Vân Nam; bản triều, năm Gia Long nguyên niên vẫn là trấn, lệ thuộc về Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 12 đem huyện Tam Nông thuộc Sơn Tây lệ thuộc về Hưng Hóa và đổi làm Hưng Hóa tỉnh.

XI. Lạng Sơn: Đời Hùng Vương xưa, Lạng Sơn thuộc bộ Lục Hải; nhà Tần, là quận Nam Hải; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Tùy và nhà Đường vẫn theo như nhà Ngô.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý, là lộ; hồi đầu triều nhà Trần, là Lạng Giang lộ; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn; nhà nhuận Hồ cắt 59 thôn của châu Lộc Bình cho lệ thuộc vào châu Tư Minh nhà Minh; thuộc Minh, là Lạng Sơn phủ; hồi đầu triều Lê, thuộc Bắc đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Lạng Sơn thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn; bản triều, năm Gia Long nguyên niên vẫn là trấn, thuộc về Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi làm Lạng Sơn tỉnh.

XII. Ninh Sóc: Đời Hùng Vương xưa, Ninh Sóc thuộc bộ Vũ Định; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Đường, là châu Vũ Nga.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý, là Thái Nguyên châu; nhà Trần, năm Quang Thái thứ 10 đổi làm Thái Nguyên trấn; thuộc Minh, là phủ; hồi đầu triều Lê, thuộc về Bắc đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Thái Nguyên thừa tuyên; đến đây đổi làm Ninh Sóc thừa tuyên, đem phủ Bắc Bình lệ thuộc vào; giữa niên hiệu Hồng Đức đổi Bắc Bình phủ làm Cao Bằng phủ, vẫn lệ thuộc vào Ninh Sóc; năm Vĩnh Trị thứ 2 dẹp được nhà Mạc, bình định được cả bốn châu¹ thuộc Cao Bằng, mới đặt riêng làm Cao Bằng trấn, chỉ để hai phủ Phú Bình và Thông Hóa lệ thuộc vào trấn Thái Nguyên; bản triều, năm Gia Long nguyên niên vẫn là trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi Thái Nguyên trấn làm Thái Nguyên tỉnh, Cao Bằng trấn làm Cao Bằng tỉnh.

Phụng Thiên: Đời Hùng Vương xưa, Phụng Thiên thuộc bộ Giao Chỉ; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán đổi thuộc Long Biên; nhà Ngô, là lộ sở Giao Châu; nhà Đường đặt làm An Nam Đô hộ phủ.

Nhà Đinh và nhà [Tiền] Lê, thuộc đạo Giao Châu; nhà Lý, năm Thuận Thiên (1010) đóng kinh đô ở đây, gọi là thành Thăng Long, lại gọi là Nam Kinh; nhà Trần, năm Thiệu Bảo, là Trung Kinh, sau đổi làm Đông Đô; thuộc Minh, là phủ trị Giao Châu, gọi là thành Đông Quan; nhà Lê lại đóng kinh đô gọi là Thăng Long; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Trung Đô phủ, quản lĩnh hai huyện: Quảng Đức và Vĩnh Xương; đến đây đổi làm phủ Phụng Thiên; ngay Tây gọi là Bắc Thành; bản triều, năm Gia Long nguyên niên đặt Bắc Thành tổng trấn, đem Phụng Thiên lệ thuộc vào Bắc Thành; năm thứ 4 đổi Thăng Long _____ làm Thăng Long _____, phủ Phụng Thiên làm phủ Hoài Đức; năm Minh Mệnh thứ 12 trích lấy huyện Từ Liêm thuộc phủ Quốc Oai trấn Sơn Tây cho thuộc vào phủ Hoài Đức, lệ thuộc tỉnh Hà Nội.

*

Phủ Thiệu Thiên² nay là phủ Thiệu Hóa; huyện Vĩnh Phúc nay là huyện Vĩnh Lộc; huyện Quảng Bình nay là huyện Quảng Địa, lại đổi là Quảng Tế; huyện Thuận Lộc nay là huyện Hậu Lộc; phủ Thanh Đô nay chia làm hai phủ: Quảng Hóa và Thọ Xuân; còn các châu Quan Da, Tầm Châu và Sầm Châu nay đều lệ thuộc vào châu Quan Hóa. Những phủ, huyện và châu trên này đều thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Huyện Kỳ Hoa nay là huyện Kỳ Anh; phủ Hà Hoa nay là phủ Hà Thanh, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Phủ Trà Lân nay là phủ Tương Dương; Ngọc Ma nay là hai phủ: Trấn Biên và Trấn Định; Lâm An nay là phủ Trấn Tĩnh; huyện Chân Phúc nay là huyện Chân Lộc;

¹ Tức châu Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang.

² Từ đây trở xuống, sử gia chưa sự thay đổi của từng phủ huyện từ ngày Lê Thánh Tông đặt 12 thừa tuyên (Xem Cương mục XXI, 16-19 ở trên) đến đời Tự Đức, tức là thời kỳ biên soạn bộ Cương mục này. Tên và vị trí các phủ huyện ấy, hiện nay (1998) đã có một số đổi khác, nếu chỗ nào biết được rõ, chúng tôi cũng chú thích ở dưới.

huyện Hội Ninh nay là huyện Hội Nguyên; phủ Anh Đô nay là phủ Anh Sơn; huyện Vĩnh Khang nay là huyện Vĩnh Hòa. Đều thuộc tỉnh Nghệ An.

Thuận Hóa nay là đất Thừa Thiên, Quảng Trị và Quảng Bình; huyện Đan Điền nay là hai huyện: Quảng Điền và Phong Điền; huyện Kim Trà nay là hai huyện Hương Trà và Hương Thủy; huyện Tư Vinh nay là hai huyện: Phú Vinh và Phú Lộc. Đều thuộc phủ Thừa Thiên.

Huyện Vũ Xương nay là huyện Đăng Xương; châu Minh Linh nay là hai huyện: Minh Linh và Do Linh. Đều thuộc tỉnh Quảng Trị.

Huyện Khanh Lộc nay là hai huyện: Phong Lộc và Phong Đăng; châu Bắc Bố chính nay là hai huyện: Bình Chính và Minh Chính; châu Nam Bố chính nay là huyện Bồ Trạch. Đều thuộc tỉnh Quảng Bình.

Phủ Thượng Hồng nay là phủ Bình Giang; phủ Hạ Hồng nay là phủ Ninh Giang; huyện Gia Phúc nay là huyện Gia Lộc. Đều thuộc tỉnh Hải Dương.

Phủ Ứng Thiên nay là phủ Ứng Hòa; phủ Lý Nhân nay là phủ Lý Nhân. Đều thuộc tỉnh Hà Nội¹.

Huyện Phù Dung nay là huyện Phù Cừ; phủ Tân Hưng nay là phủ Tiên Hưng; huyện Ngự Thiên nay là huyện Hưng Nhân. Đều thuộc tỉnh Hưng Yên².

Huyện Vọng Doanh nay là huyện Phong Doanh; huyện Thanh Lan nay là huyện Thanh Quan. Đều thuộc tỉnh Nam Định³.

Phủ Trường Yên nay là phủ Yên Khánh; huyện Yên Khang nay là huyện Yên Khánh; huyện Lạc Thổ nay là huyện Lạc An. Đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

Phủ Tam Đái nay là phủ Vĩnh Tường; huyện Phù Khang nay là huyện Phù Ninh; huyện Hoa Khê nay là huyện Cẩm Khê; huyện Hạ Hoa nay là huyện Hạ Hòa; huyện Đông Lan nay là huyện Hùng Quan; huyện Tây Lan nay là huyện Tây Quan; huyện Minh Nghĩa nay là huyện Tùng Thiện. Đều thuộc tỉnh Sơn Tây⁴.

Kinh Bắc nay là tỉnh Bắc Ninh; Bắc Hà nay là phủ Đa Phúc; huyện Gia Định nay là huyện Gia Bình; huyện Kim Hoa nay là huyện Kim Anh. Đều thuộc tỉnh Bắc Ninh⁵.

An Bang nay là tỉnh Quảng Yên; huyện Hoa Phong nay là huyện Nghiêu Phong, thuộc tỉnh Quảng Yên.

Châu Bảo Lạc nay là hai huyện: Để Định và Vĩnh Điện, thuộc tỉnh Tuyên Quang.

Huyện Thanh Xuyên nay là huyện Thanh Sơn; châu Phù Hoa nay là châu Phù Yên. Đều thuộc tỉnh Hưng Hóa⁶.

Châu Thất Tuyền nay là huyện Thất Khê; châu Văn Lan nay là huyện Văn Quan; châu An Bắc nay là huyện An Bắc. Đều thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Ninh Sóc nay là tỉnh Thái Nguyên; huyện Bình Tuyền nay là huyện Bình Xuyên, thuộc tỉnh Thái Nguyên¹.

¹ Ứng Hòa, tục gọi phủ Đình, nay thuộc tỉnh Hà Tây; Lý Nhân nay là huyện, thuộc tỉnh Hà Nam.

² Tiên Hưng và Hưng Nhân nay thuộc tỉnh Thái Bình.

³ Phong Doanh nay thuộc tỉnh Nam Định. Thanh Quan thuộc tỉnh Thái Bình.

⁴ Vĩnh Tường nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Phù Ninh, Cẩm Khê, Hạ Hòa, Hùng Quan, Tây Quan nay thuộc tỉnh Phú Thọ. Tùng Thiện nay thuộc tỉnh Hà Tây.

⁵ Đa Phúc và Kim Anh. Nay thuộc Thành phố Hà Nội.

⁶ Huyện Thanh Sơn nay thuộc tỉnh Phú Thọ. Phù Yên nay thuộc tỉnh Sơn La.

Phủ Cao Bằng nay là tỉnh Cao Bằng; ba châu Thượng Lang, Hạ Lang và Quảng Uyên nay đều đổi làm huyện, thuộc tỉnh Cao Bằng.

Phủ Phụng Thiên nay đổi là phủ Hoài Đức; huyện Quảng Đức nay là huyện Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Xương nay là huyện Thọ Xương. Đều thuộc tỉnh Hà Nội².

Tháng 11, mùa đông. Đại xá.

Nhà vua hạ chiếu đại xá và đổi niên hiệu, lấy sang năm làm năm Hồng Đức nguyên niên.

Tháng 12. Hạ chiếu cho các phủ và huyện khuyến nử dân làm ruộng và trồng dâu.

Nhà vua chú ý về việc làm ruộng: trước đây đã hạ lệnh cho bộ Hộ tùy theo địa thế hoặc khơi hoặc lấp những đường nước ở ruộng nương, không để cho chỗ nào ngập lụt hoặc khô cạn; lại đưa công văn về thừa ti các xứ bắt phải khám xét kỹ đê điều ở các sông, nếu có chỗ nào lúa má bị ngập lụt hoặc ruộng đất bị bỏ hoang, thì tâu bày để nhà vua biết. Đến đây hạ chiếu cho phủ huyện phải xét ruộng nương đất cát, khuyến bảo đôn đốc dân làm ruộng trồng dâu.

Canh Dần, năm Hồng Đức nguyên niên (1470). (Minh, năm Thái Hòa thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhắc rõ lại lệnh cấm những người có việc tang và việc hôn nhân mà làm trái lễ phép.

Trước đây nhà vua ra sắc lệnh cho các hạng quan lại, nếu có người nào được cất nhắc thì trước hết bộ Lại phải xét hỏi xem người ấy quả có hạnh kiểm thực sự, việc hôn nhân giá thú theo đúng như nghi lễ đã định, mới chuẩn cho thực thụ thăng trật, nếu là người trái với nghi lễ, sẽ luận vào tội mặc³ và tội đồ⁴.

Đến đây lại ra sắc lệnh:

Tang ba năm, là lễ tang suốt mọi người phải theo, không ai được theo tình riêng làm trái lễ. Người con luôn để tang cha mẹ, mà vợ cả vợ lẽ có mang buồng tuồng đi xem nơi chèo hát vua đùa, không kiêng kỹ, đều phải luận vào tội lưu.

Vợ để tang chồng mà tư thông với trai, hoặc làm việc hôn giá, và người nào lấy người đàn bà ấy làm vợ, đều phải luận vào tử hình⁵.

Người lấy vợ hoặc con gái của bọn ác nghịch⁶; người Mán thông dâm với vợ cả vợ lẽ của anh em mình đã chết; nếu trong hạt nào có xảy ra những việc ấy, mà quan lại ăn của đút ấn dấu đi, thì những người ấy cùng bọn quan lại đều phải tội.

Nhà vua nhận thấy tập tục lúc bấy giờ, việc cưới gả phần nhiều không theo nghi lễ, có khi lễ xin cưới đã xong xuôi rồi mà còn để đến ba, bốn năm mới cho rước dâu. Vì thế mới hạ lệnh cho bộ Lễ bàn định: phạm việc cưới gả, trước hết do người mối liệu định việc thân gia của hai nhà, sau đó thì làm lễ

¹ Huyện Bình Xuyên nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

² Hoài Đức nay là huyện, thuộc tỉnh Hà Tây. Huyện Vĩnh Thuận nay thuộc quận Ba Đình và quận Đống Đa, Hà Nội.

³ Một tội trong ngũ hình đời cổ, cũng gọi là tội "kính", xem thêm chú thích số 3, Chính biên quyển XXI, tờ 12.

⁴ Một tội trong ngũ hình (xuy, trượng, đồ, lưu, tử), đặt từ đời Tùy Đường, người bị luận vào tội này phải đồ đi một nơi để làm việc lao dịch và phải giam giữ mất tự do.

⁵ Đoạn văn này, sử Cương mục chép không được rõ ràng, theo Toàn thư chép như thế này, có phần rõ hơn: "Vợ để tang chồng, mà buồng tuồng dâm loạn, hoặc chưa hết tang chồng mà bỏ khăn áo tang đi lấy chồng khác cùng người nào tin đi mối lại để gả chồng cho người đàn bà đương để tang chồng và người lấy người đàn bà ấy làm vợ, đều phải luận vào tử hình".

⁶ Những người lập mưu đánh đổ triều đình, bội bạn với vua chúa hoặc theo giặc... thời đại quân chủ chuyên chế đều liệt vào hạng ác nghịch.

nap tệt¹, lễ xin cưới; lễ nghi đã đầy đủ rồi, thì chọn ngày rước dâu, ngày hôm sau nàng dâu làm lễ yết kiến cha mẹ chồng, ngày thứ ba làm lễ bái yết từ đường. Không ai được làm trái với lễ nghi đã định.

Lúc ấy, nhà vua lại hạ sắc lệnh cho quan viên và bách tính: từ nay trong nhà không có yến tiệc phải mời khách, thì không được bày ra chèn chèn thù tạc, vợ không phải là người phạm tội, thì không bỏ được. Nếu người nào trái lệnh sẽ có tội.

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh, bèn đến bái yết từ đường Thuần Mậu.

Lúc nhà vua mới lên ngôi, dựng nhà Thuần Mậu ở xã Động Bàn để làm từ đường thờ tiên tổ bên ngoài là họ Ngô, bên cạnh từ đường lại dựng nhà Phúc Quang để làm cung điện cho hoàng hậu thay áo. Đến đây, nhà vua tuần du đến Lam Kinh, nhân tiện rước hoàng thái hậu đến bái yết từ đường Thuần Mậu.

Lời chua - Nhà Phúc Quang: Ở xã Động Bàn, huyện An Định, Lê Thánh Tông dựng lên vào quãng năm Quang Thuận, sau người xã ấy lấy ngay nhà ấy làm từ đường thờ Quang Thục hoàng thái hậu.

Tháng 8, mùa thu. Chiêm Thành sang lấn cướp Hóa Châu.

Trước đây, Bàn La Trà Duyệt, người ở Thi Nại thuộc Chiêm Thành, giết chúa Chiêm là Ma Ha Quý Do mà tự lập làm chúa, truyền đến em là Trà Toàn. Trà Toàn hung hãn, hoang dâm, bạo ngược, khinh thường mọi người, tự phụ là giỏi, không sửa lễ cống theo chức phận của mình, lại thường gây sự hoạn loạn ở nơi biên cảnh; rồi sai sứ thần sang cầu viện với nhà Minh, thân hành đem hơn mười vạn quân thủy, quân bộ cùng voi ngựa đến đánh úp Hóa Châu. Viên tướng giữ Hóa Châu là Phạm Văn Hiến đánh nhau với quân Chiêm, không địch nổi, phải đóng cửa thành chống giữ, cho người phi ngựa đem văn thư cáo cấp về triều đình.

Lời cần án - Theo Minh sử, truyện Ngoại quốc về mục Chiêm Thành, thì "năm Cảnh Thái thứ 3 (1452), Minh Cảnh đế sai sứ phong Ma Ha Quý Do làm chúa nước Chiêm Thành", thế mà Sử cũ lại chép "Trà Duyệt giết chúa nó là Bí Điền". Như thế là chép lầm chữ "Bí Do" ra chữ "Quý Điền", nay cải chính lại.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

Thi Nại: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chính biên X, 41).

Hóa Châu: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chính biên VIII, 44).

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Lúc ấy, nhà vua sai bọn Nguyễn Đình Mỹ và Quách Đình Bảo đem việc nước Chiêm Thành đánh úp biên giới sang báo cáo với nhà Minh.

Tháng 11. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành.

Nhà vua sắp đi đánh Chiêm Thành, bèn hạ lệnh tuyển hoàng nam từ 15 tuổi trở lên bổ sung vào quân ngũ, triệu tập lính tinh nhuệ 26 vạn người, một mặt ra sắc lệnh cho thừa chính sứ ở Sơn Nam thu thêm gạo của các hạng quân nhân, lại điển và sinh viên mỗi người 15 ống gạo, hạng hoàng đình và người già mỗi người 12 ống gạo, để làm lương cho quân ăn. Bây giờ nhà vua hạ chiếu thân hành đi đánh, ban 24 điều quân lệnh cho các doanh các vệ, ra lệnh cho thái sư Đinh Liệt và thái bảo Lê Niệm làm Chinh Lỗ tướng quân, thống lĩnh quân thủy trong các vệ thuộc ba phủ Đông, Nam và Bắc xuất phát đi trước; Hữu đô đốc Lê Cảnh Huy ở nhà trấn thủ kinh thành. Ngày Tân Tị, nhà vua làm lễ tấu cáo ở nhà thái miếu, rồi thân hành đem đại quân kế tiếp tiến đi. Ngày hôm ấy, mưa nhỏ, có gió từ phương bắc thổi đến, nhà vua nhân cảnh ấy làm thơ, có câu rằng: "Bạch vạn sư đồ viễn khai hành, khao bổng vũ tác

¹ Sau khi người mỗi mưu tính công việc, đã được nhà gái nhận lời, thì nhà trai đưa lễ vật như vàng, lụa, cau, rượu, gạo, thịt,... đến nhà gái gọi là lễ nạp tệt, từ đây việc hôn nhân của hai bên trai gái mới là bắt đầu định đoạt.

nhuận quân thanh" (ý nói: trăm vạn binh lính mở đường đi xa, giọt mưa lách tách đập vào buồng thuyền làm tăng thêm thanh thế của binh sĩ). Câu thơ này cũng ghi sự thực lúc bấy giờ.

Trong khi đi đường, nhà vua thường cùng Đỗ Nhuận đàm luận đến hai chữ "đạo, lý". Nhà vua nói: "Đạo là sự việc đương nhiên¹, rõ ràng dễ biết; lý là cái lý do sở dĩ nhiên², huyền vi mầu nhiệm khó mà thấy được; trăm thường làm hai bài thơ ấy³ phải suy nghĩ nhiều ngày mới xong". Đỗ Nhuận thưa rằng: "Về phần lý học, hoàng thượng vừa sáng suốt vừa rộng khắp, ở trong lý lẽ phức tạp, có sự phân biệt rõ ràng, nghĩa lý tinh vi sâu sắc thổ lộ ra lời thơ, không phải bọn học giả dòm ngó ngựa trông có thể tới kịp được".

Nhà vua đến Thiết Sơn, lúc ấy thủy quân của bọn Đinh Liệt và Lê Niệm xuất phát từ trước, trong quân bị hỏa tai, quân sĩ vừa chết vừa bị thương hơn 30 người. Án sát là bọn Đinh Thúc Thông và Nguyễn Tài phơ bày tấu biểu đàn hặc việc này. Nhà vua ban tờ sắc dụ bảo hai người rằng: Sự được thua của sáu quân hệ trọng ở viên tướng, cơ mưu lợi hại trong một doanh trách nhiệm ở viên án sát. Bọn Đinh Liệt cầm quân không có kỷ luật, hầu như trẻ con, các Khanh biết hặc tâu, thực đáng khen thưởng. Vậy đặc ân ban cho tiền, người nhiều người ít khác nhau.

Lời phê⁴ - Lúc bấy giờ cương vực chưa mở rộng, số binh lính có đâu được nhiều đến như thế?

Lời phê⁵ - Không hợp lý tức là không hợp đạo, quá phân tách với lý, e rằng chưa chắc đã là đúng.

Lời chua - Thiết Sơn: Ở phía bắc huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An có Thiết Càng, chân núi Thiết Sơn có mỏ sắt, người Thổ trước đào lấy sắt sống ở đấy.

Đinh Thúc Thông: Người xã Quan Vinh, huyện Gia Viễn⁶.

Nguyễn Tài: Người xã Hương Quất, huyện Tứ Kỳ⁷. Thông và Tài đều đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận thứ 4.

Sơn Nam: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 25, 27).

Tháng 12. Định phép xét công trạng các quan.

Phàm quan trong kinh sư và ngoài thừa tuyên, lúc bắt đầu bổ dụng hãy cho thí nghiệm về công việc làm, người nào trong 3 năm làm đầy đủ chức vụ không lầm lỗi mới được thực thụ; nếu người nào không làm đầy đủ chức vụ sẽ bị truất bãi.

Nhà vua hạ dụ rằng: phép xét công trạng là để phân biệt người hay người dở, chấn chỉnh công việc cai trị dân. Ngày trước, nhà Đường, nhà Ngu 3 năm một lần xét công, để thi hành việc truất bãi hay cất nhắc, nhà Thành Chu 3 năm tính công việc cai trị dân, để thi hành việc quở trách hay khen thưởng. Vậy từ nay các nha môn ở trong kinh sư và ngoài thừa tuyên người nào đã giữ chức được đủ 3 năm, đều xem sự trạng trình bày rõ để các viên quan cấp trên cứu xét, rồi tâu bày một cách đầy đủ, không được chậm trễ, nếu viên quan cấp trên mà theo tình riêng ẩn giấu sẽ bị tội.

¹ Công việc tiến hành theo trình tự nhất định.

² Lý do phát sinh ra sự vật.

³ Tức hai bài thơ suy diễn lý và đạo.

⁴ Chỉ việc triệu tập 26 vạn quân tinh nhuệ.

⁵ Chỉ việc Lê Thánh Tông phân tích hai chữ đạo và lý.

⁶ Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

⁷ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XXII

Từ Tân Mão, Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (1471) đến Giáp Ngọ, Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 5 (1474), gồm 4 năm.

Tân Mão, năm thứ 2 (1471). (Minh, năm Thánh Hòa thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tiến quân vây thành Chà Bàn¹, phá tan thành ấy, bắt được chúa Chiêm Thành là Trà Toàn, rồi chinh đốn quân sĩ trở về kinh sư.

Trước đây, đại quân tiến đến Thuận Hóa, nhà vua nhận thấy quân sĩ đã tiến vào đất giặc, càng cần phải luyện tập cho thành thuộc, mới hạ chiếu: vệ quân Thuận Hóa ra biển, thi đánh trận bằng thuyền; lại hạ lệnh: Nguyễn Vũ, người Thuận Hóa, vẽ và dâng nộp đồ bản về núi sông hiểm trở, nơi binh dị của nước Chiêm Thành. Nhà vua thân hành soạn "sách lược bình Chiêm"² ban phát cho tướng sĩ các doanh. Lấy thóc ở kho Thuận Hóa đem xôi cho chín, gọi là "gạo dơi xác"³ vận chở đến hành tại của vua để cung cấp cho quân sĩ. Đến đây, xa giá nhà vua đến hai cửa biển Tân Áp và Cựu Tọa. Trà Toàn sai em (không rõ tên) đem sáu viên tướng và 50000 quân kéo lên đến sát doanh trại nhà vua. Nhà vua bí mật sai Tả du kích tướng quân là bọn Lê Hi Cát đem châu sư⁴ đi 500 chiếc thuyền vượt ngay ra biển, lên vào cửa biển Sa Kỳ, lập dinh lũy, đặt đồn ải, để chặn đường về của quân Chiêm. Nhà vua thân hành đem châu sư đi hơn 1000 chiếc thuyền và hơn 70 vạn quân tinh nhuệ tiến ra biển, kéo lá cờ "thiên tử", vừa đánh trống vừa hò reo tiến thẳng về đặng trước mặt, rồi bí mật sai viên tướng giữ quân bộ là Nguyễn Đức Trung đem quân đi lên vào chân núi. Quân giặc trông thấy, sợ quá, phải tan vỡ, chúng tan chạy đến thành Chà Bàn. Khi đến núi Mạc Nô, gặp toán quân của Hi Cát đón đường ngăn lại, chúng sợ hãi chạy trốn. Bọn Lê Niệm và Ngô Hồng tung quân ra đánh, chém được một đại tướng, bọn quân còn lại sợ chạy tán loạn. Nhà vua đến cửa biển Thái Càn, tung quân ra đánh mạnh, chém được hơn 300 thủ cấp và bắt sống được hơn 60 người.

Trà Toàn sợ quá, dâng tờ biểu xin hàng. Nhà vua đem đại quân đánh phá thành Thi Nại, rồi tiến quân xông thẳng đến thành Chà Bàn, bao vây nhiều trùng, lại sai các doanh chế tạo phi thế⁵ chuẩn bị đánh thành. Tình thế Trà Toàn càng thêm cùng quẫn, hằng ngày đệ nộp tờ cam kết đầu hàng. Nhà vua triệu bọn Lê Viết Trung bảo rằng: "Chỉ khí chiến đấu của giặc đã rã rời, khí cụ đánh thành của ta đã đầy đủ, ngày nay quân sĩ trèo lên thành, chỉ thúc một hồi trống cũng có thể phá thành được". Rồi nhà vua bí mật hẹn cho các doanh phải tức tốc trèo thành mà vào; lại dụ bảo các tướng sĩ: "Trong lúc thành Chà Bàn đã bị hạ, các kho tàng đều phải niêm phong, canh giữ không được thiếu hủy, bắt sống chúa Chiêm là Trà Toàn giải đến hành doanh không được giết hại". Một lúc sau, đứng xa trông thấy toán quân đi trước đã trèo lên được chỗ tường thấp trên mặt thành, bèn bắn luôn ba tiếng pháo để tiếp ứng, lại hạ lệnh cho vệ quân thần võ phá cửa đông thành tiến vào. Thành Chà Bàn liền bị vỡ, bắt được hơn ba vạn

¹ Tây Sơn Nguyễn Huệ đổi gọi là Hoàng đế thành, khi Nguyễn Ánh phá được thành này, đổi tên là Bình Định. Tên thành Bình Định bắt đầu từ đây (Đại Nam nhất thống chí quyển IX, tờ 2-3).

² Nguyên văn chép "bình Chiêm sách". Theo toàn thư thì sách lược bình Chiêm, Lê Thánh Tông nói có người lý lẽ tất thắng và ba việc đáng sợ. Thánh Tông lại sai Nguyễn Thế Mỹ dịch sách lược ấy ra quốc ngữ (chữ Nôm) để cho tướng sĩ dễ hiểu.

³ Gạo còn đeo vỏ trấu.

⁴ Quân lính đi thuyền đánh nhau với địch ở trên mặt nước.

⁵ Một chiến cụ đánh thành, tức là cái thang dài 2,3 trượng, trên đầu có móc, khi đánh thành bên địch, thì móc cái móc vào mặt thành, quân sĩ trèo từng bậc thang để lên mặt thành.

tù binh và chém được hơn bốn vạn thủ cấp. Vệ quân Thuận Hóa bắt sống Trà Toàn dẫn đến trước mặt vua; nhà vua ban chỉ dụ hỏi han yên ủi, sai dẫn ra cho ở ngoài ti trấn điện. Bèn hạ chiếu đem quân về.

Lời phê¹-Trước nói 26 vạn quân² đã sai sự thật, ở đây nói 500 chiếc thuyền đã là quá đáng huống hồ lại nói những hơn 1000 chiếc thuyền và 70 vạn quân, làm sao mà lại nói khoác không nghĩ đến như thế?

Lời phê³-Chỉ hiệu thẳng mà thôi, không phải là quân nhân.

Lời phê⁴-Cũng chỉ nói hão.

Lời chua-Thành Chà Bàn: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chb. X, 41).

Thuận Hóa: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 23-24).

Vệ quân Thuận Hóa: Xem năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 34).

Tân Ấp: Cửa biển, nay ở huyện Hà Đông, tỉnh Quảng Nam, có một tên nữa là cửa biển Hợp Hòa. Ở đây là nơi chứa nước của sông Bản Giang và sông Tam Kỳ, tức là cửa biển Đại Ấp ngày nay.

Cựu Tọa: Cửa biển, cách xa cửa biển Tân Ấp chừng bảy dặm, tức là cửa biển Tiểu Ấp ngày nay.

Sa Kỳ: Cửa biển này ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Nghĩa.

Núi Mạc Nô: Nay ở phía tây cửa biển Sa Kỳ.

Thái Cầm: Cửa biển, nay ở phía Đông Bắc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Nghĩa.

Đem nước Chiêm Thành chia làm ba nước: Chiêm Thành, Hoa Anh, và Nam Bàn, phong vương cho mỗi người giữ một nước.

Sau khi Trà Toàn đã bị bắt, Bô Trì Trì, tướng nước Chiêm, chạy đến Phan Lung, chiếm giữ đất chiêm, xưng là chúa Chiêm Thành. Trì Trì chiếm giữ được hai phần năm đất đai trong nước, sai sứ sang xưng làm tôi và xin vào cống nạp. Nhà vua bèn phong cho Trì Trì làm vương, lại phong hai tước vương nữa ở Hoa Anh và Nam Bàn, gồm ba nước, để làm kế ràng buộc họ. Còn về phần đất Đại Chiêm và Cổ Lũy, thì dùng người đầu hàng là Ba Thái làm đồng tri phủ ở Đại Chiêm và dùng Đa Thủy làm thiêm tri châu. Nhà vua dụ bảo rằng: "Đại Chiêm và Cổ Lũy trước kia là đất của nước ta, ít lâu nay bị mất về nước chiêm, nay khôi phục lại được cả, nên đặc ân sai các người trấn giữ đất ấy; nếu có người không tuân lệnh, thì được phép trước giết chết rồi sau mới tâu về triều". Lại hạ lệnh Đổ Tử Quy làm đồng tri châu giữ việc quân và dân ở Đại Chiêm; Lê Ý Đà làm tri châu Cổ Lũy, giữ việc quân và dân ở Cổ Lũy, để đề phòng người Chiêm Thành bội bạn.

Cấm quan và dân không ai được riêng chứa chấp người Chiêm Thành.

Lời chua-Chiêm Thành-Tức Lâm Ấp, xem Thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

phan Lung: Đời cổ, Phan Lung là một nước ở ngoài cương vực Nhật Nam; qua các đời Đinh, [Tiền] Lê và Trần, nước này đều thuộc Chiêm Thành; nhà Lê, năm Hồng Đức thứ 2, Thánh Tông đem phong cho Bô Trì Trì. Phan Rang tức là chỗ đất Phan Lung này. Bản triều Hi Tông Hiếu Triết hoàng đế⁵ đánh phá Chiêm Thành, lấy đất Phan Rang trở về phía Bắc đến núi Thạch Bi đặt làm doanh Thái Khang, còn từ Phan Rang trở về

¹ Chỉ việc Lê Thánh Tông đem châu sư đi hơn ngàn chiếc thuyền và hơn 70 vạn quân tinh nhuệ tiến ra biển.

² Xem thêm chính biên quyển XX, tờ 35.

³ Chỉ việc Trà Toàn đã cam kết xin hàng, mà còn chuẩn bị chiến cự để đánh thành.

⁴ Chỉ việc bắt được hơn ba vạn tù binh và chém được hơn 4 vạn thủ cấp.

⁵ Tên là Phúc Tần, tức chúa Hiền (1649-1687).

phía nam giáp với Phan Rí vẫn là nước Chiêm Thành. Hiến tông hiếu minh hoàng đế¹ hạ tên nước Chiêm Thành xuống làm trấn Thuận Thành, đem dòng dõi chúa Chiêm Thành trước làm trấn thủ, lại đặt doanh Bình Thuận đem trấn Thuận Thành lệ thuộc vào doanh này. Thế Tông hiếu vũ hoàng đế² đổi doanh Thái Khang làm doanh Bình Khang. Năm Gia Long thứ 2 (1803) đổi doanh Bình Khang làm doanh Bình Hòa; năm thứ 7 (1808) lại đổi doanh Bình Hòa làm trấn Bình Hòa, doanh Bình Thuận làm trấn Bình Thuận, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) đổi trấn Bình Hòa làm tỉnh Khách Hòa, trấn Bình Thuận làm tỉnh Bình Thuận.

Nam Bàn: Từ triều Lê trở về trước, Nam Bàn thuộc Chiêm Thành, đến khi Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành, mở đất đai đến núi Thạch Bi³, phong dòng dõi chúa cũ Chiêm Thành là Nam Bàn quốc vương, và chia cho giữ đất đai từ núi Thạch Bi này trở về phía tây, từ phủ Hoài Nhân đi theo đường thượng đạo (?) thì phải đi 14 ngày mới đến được nước này, tức là đất của hai nước Thủy Xá và Hoài Xá bây giờ.

Đại Chiêm: Nay là tỉnh Quảng Nam.

Cổ Lũy: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chb. X, 5).

Hoa Anh: Theo sách Hậu Lê đã lục thì dòng dõi Hoa Anh về sau mòn mỏi suy yếu, nay không thể khảo cứu được.

Các tù trưởng ở phương Tây đều đến triều yết cống nạp.

Sau khi nhà vua đã bình định được Chiêm Thành, uy danh vang dội đến những địa vực xa xăm, các tù trưởng ở phương Tây không ai là không phục tùng: Ai Lao sai sứ thần là Lang Lê đem phẩm vật địa phương đến dâng; thổ quan phủ Trấn Ninh là Cầm Công, thổ quan châu Thuận Bình là Đạo Nhi, em Đạo Nhi là Đạo Đông và tri châu động Du Phác là Đạo Lự đều đem voi đực cùng phẩm vật địa phương đến cống hiến.

Lời phê-Theo sử cũ, thì các nước đến triều cống có nước đến trước, nước đến sau⁴, không phải vì việc đánh được Chiêm Thành này mà các nước mới đến triều cống. Đại để ở đây chép phần nhiều là lời khoa trương.

Lời chua-Ai Lao: Tên nước, xem Triệu Việt Vương, năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10).

Trấn Ninh: Tên phủ, xem năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30-31).

Thuận Bình: Theo phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn, thì châu Thuận Bình thuộc nguyên⁵ Cam Lộ, huyện Vũ Xương, phủ Triệu Phong nay là huyện Thành Hóa thuộc tỉnh Quảng Trị.

Cầm Đồng, Đạo Nhi, Đạo Đông, Đạo Lự: Đều là danh hiệu thổ tù.

Động Du Phác: Nay không khảo cứu được.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua về đến cung điện, dâng tù binh ở thái miếu.

Nhà vua thân sáng chế bức thư thẳng trận, sai quan đem về kinh sư báo cáo cho trong nước biết. Khi xa giá về đến sông Phi Lai, đổi đi bằng thuyền. Lúc ấy, chúa Chiêm Thành là Trà Toàn vì lo sợ,

¹ Tên là Phúc Chu, tức Tộ quận công (1692-1725). Năm 1693 Tộ quận công bắt giam chúa Chiêm Thành là Bà Tranh, đổi nước Chiêm Thành làm trấn Thuận Thành, phong cho kẻ Bà Tử (dòng dõi Bà Tranh) là Tả đô đốc để thống trị dân.

² Tên là Phúc Khoát, tức Hiến quận công (1739-1765).

³ Ở địa phận tỉnh Phú Yên, theo Địa dư chí của Lê Quang Định, khi Lê Thánh Tông đánh được Chiêm Thành mở đất đến núi Thạch Bi, có khắc chữ vào vách đá trên đỉnh núi, chữ ấy nay vẫn còn, nhưng nét chữ lở mờ sứt mẻ, không thể trông rõ được.

⁴ Theo Đại Việt sử ký thực lục, thì sứ thần nước Ai Lao đến triều cống giữa lúc Lê Thánh Tông đã xuất quân đi đánh Chiêm Thành, còn các thổ tù khác đều đến triều cống sau khi thẳng trận trở về.

⁵ Một đơn vị hành chính, cũng như tổng ở ngoài Bắc.

phát bệnh rồi chết. Nhà vua sai chém lấy thủ cấp, dựng một lá cờ trắng ở đầu thuyền, đề chữ rằng: "Chiêm Thành nguyên ác Trà Toàn chi thủ" (Thủ cấp của tên ác nghịch đầu sỏ ở Chiêm Thành là Trà Toàn). Khi về cung điện, dâng tù binh ở thái miếu. Bầy tôi dâng biểu chúc mừng.

Lời chúa-Sông Phi Lai: Ở xã Phi Lai, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 6. Đặt đạo Quảng Nam.

Nhà vua đem đất Chiêm Thành đặt làm Quảng Nam thừa tuyên, quản lãnh 3 phủ, 9 huyện, đặt ba ty: Đô ty, Thừa ty, và Hiến ty và đặt vệ quân Thanh Hoa gồm 5 sở.

Nhà vua lấy cố rằng ở Quảng Nam không có thuyền, mỗi khi quân và dân nộp thuế, thường có sự hao hụt mất mát, nên hạ lệnh: từ nay, mỗi khi đến kỳ nộp thuế, thì Thừa ty Quảng Nam tư dy công văn đến ba ty ở Thuận Hóa giao phó các hạng thuế, để Thuận Hóa sai người chuyển nộp về Kinh.

Nhà vua ra sắc lệnh dụ bảo Phạm Bá Tôn, tham chính Quảng Nam: dân sinh nào là con trai từ 15 tuổi trở lên, tư chất thông minh chăm học, thì đến ngày khảo, hai ty Thừa ty và Hiến ty bản đạo hội đồng kén chọn, tâu bày đầy đủ, sẽ cho sung vào sinh đồ bản phủ, để dạy bảo cho biết lễ nghĩa.

Lời chúa-Quảng Nam: Theo Hồng Đức thiên nam dư hạ tập, thì Quảng Nam thừa tuyên quản lãnh ba phủ, chín huyện:

Phủ Thăng Hoa quản lãnh ba huyện: Lê Giang, Hà Đông và Hi Giang.

Phủ Tư Nghĩa quản lãnh ba huyện: Bình Sơn, Mộ Hoa và Nghĩa Giang;

Phủ Hoài Nhân quản lãnh ba huyện: Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn;

Quảng Nam: Đất Việt thường xưa; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, thuộc Nhật Nam; nhà Đường, là Lâm Ấp; nhà Tống, là đất Lý Châu và Chiêm Động của Chiêm Thành; nhà Trần, thuộc đất Hóa Châu; nhuận Hồ lấy cả đất Đại Chiêm và Cổ Lũy của Chiêm Thành đặt làm bốn châu: Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa; thuộc Minh hợp lại làm phủ Thăng Hoa; hồi đầu triều Lê, là đất cơ mi¹ gọi tên là Nam giới, nhưng sổ sách chỉ chép tên sông, chứ thật ra thì đất đai chỗ ấy vẫn do người Chiêm Thành chiếm cứ. Đến năm Hồng Đức thứ 3 (1472) Thánh Tông thân đi đánh Chiêm Thành, lấy đất ấy đặt làm Quảng Nam thừa tuyên quản lãnh ba phủ, chín huyện.

Bản triều, Thái tổ Gia Dụ hoàng đế năm 45² đổi đặt làm Quảng Nam doanh, sắp đặt các phủ huyện thuộc Quảng Nam doanh như sau này:

Tách huyện Điện Bàn thuộc phủ Triệu Phong xứ Thuận Hóa đổi đặt làm phủ, rồi đổi huyện Hi Giang làm huyện Duy Xuyên và đặt thêm hai huyện Hòa Vinh và Diên Phúc cho thuộc vào phủ Điện Bàn;

Đổi huyện Lê Giang làm huyện Lễ Dương cùng với huyện Hà Đông vẫn để thuộc phủ Thăng Hoa;

Đổi phủ Tư Nghĩa làm phủ Quảng Nghĩa, phủ Hoài Nhân làm phủ Quy Nhơn.

Lấy đất từ núi Cù Mông trở về phía nam đặt thêm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa, đặt hai phủ Phú Yên. Các phủ huyện trên đều lệ thuộc vào Quảng Nam;

Năm Gia Long thứ 2, trích hai phủ Thăng Hoa, và Điện Bàn đặt làm Quảng Nam doanh, phủ Quảng Nghĩa đặt làm Quảng Nghĩa doanh, phủ Quy Nhơn đặt làm Bình Định doanh, phủ Phú Yên đặt làm Phú Yên doanh; năm thứ 7, lại đổi bốn doanh Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định và Phú Yên là trấn.

¹ Xem chú thích số 3 từ 25 Tiền biên quyển IV về chữ "cơ mi".

² Những năm thay đổi địa hạt trong tỉnh Quảng Nam, đem âm lịch đối chiếu với dương lịch, xem chú thích số 1, từ 34. Chính biên quyển XXI.

Năm Minh Mệnh thứ 12, đổi trấn làm tỉnh; năm thứ 16, tách lấy đất huyện Duy Xuyên thuộc phủ Điện Bàn tỉnh Quảng Nam đặt thêm huyện Quế Sơn cùng với hai huyện Lễ Dương và Hà Đông đều thuộc phủ Thăng Hoa; lại đổi phủ Quảng Nghĩa làm phủ Tư Nghĩa, đổi phủ Quy Nhơn thuộc Bình Định làm phủ Hoài Nhân, tách huyện Phù Ly đổi đặt làm hai huyện Phù Mỹ và Phù Cát cùng với huyện Bồng Sơn cho lệ thuộc vào phủ Hoài Nhân; Tách huyện Tuy Viễn đặt thêm huyện Tuy Phúc lập làm phủ Yên Nhân; phủ Phú Yên đổi đặt làm phủ Tuy Yên và đem hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa lệ thuộc vào phủ ấy. Năm Thiệu Trị nguyên niên đổi phủ Thăng Hoa thuộc Quảng Nam làm phủ Thăng Bình, huyện Mộ Hoa thuộc tỉnh Quảng Nghĩa làm huyện Mộ Đức. Năm Tự Đức thứ 5, bỏ bớt phủ Yên Nhân, đem hai huyện Tuy Viễn và Tuy Phúc cho đổi thuộc vào phủ Hoài Nhân; năm thứ 18, lại đặt phủ Yên Nhân như cũ; tỉnh Phú Yên đổi đặt làm đạo, lệ thuộc tỉnh Bình Định; năm thứ 29, lại đặt tỉnh Phú Yên như cũ.

Đô, Thừa, Hiến ba ti: Theo quan chế triều Lê, Đô tổng binh sứ ti, đặt chức tổng binh sứ, tổng binh đồng tri và tổng binh thêm sự. Tán trị thừa chính sứ ti, đặt chức thừa chính sứ, tham chính và tham nghị. Thanh hình hiến sát sứ ti, đặt chức hiến sát sứ, hiến sát phó sứ. Theo mục Chức quan chí trong lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, chức trách Đô tổng binh giữ về binh chính; chức trách thừa chính sứ ti giữ về sổ sách quân và dân chức trách hiến sát sứ giữ về việc tâu bày những lời nói phải, đàn hạch tội lỗi của quan lại và thẩm xét tra hỏi việc hình ngục.

Thăng Hoa vệ: Gồm 5 sở là: Trù Thăng, Hoàn Tì, Hiệp Sơn, Siêu Hải và Khổng Huyền. Vệ này thuộc Đô ti Quảng Nam.

Bắt đầu đặt chức hiến sát¹ ở 12 đạo.

Trước đây chia trong nước làm 12 đạo, đều đặt Đô tổng binh sứ và Thừa chính sứ ti², còn Hiến sát sứ ti vẫn chưa đặt đủ. Đến đây đã đặt ba ti: Đô, Thừa, Hiến, ở Quảng Nam, bèn đặt thêm ti Thanh Hình hiến sát ở 12 đạo. Chức Hiến sát bắt đầu đặt từ đây.

Lời chua-Mười hai đạo thừa tuyên: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15-53).

Lập con là Tân làm Kiến Vương.

Nhà vua sai Thái bảo Lê Cảnh Huy đem kinh sách³ phong cho con là Tân làm Kiến vương, con thứ năm của nhà vua, là người có phong thái vững vàng cao cả, chăm học, hay chữ, mỗi khi nhà vua sách tác bài thơ, bài ca phần nhiều sai vương họa lại.

Tháng 8, mùa thu. Ra sắc lệnh cho viên Đề hình ngự sử kiểm tra việc hình ngục.

Nhà vua ra sắc lệnh cho viên Đề hình ngự sử: phạm viên chức trong bộ Hình, trong Đại Lý tự và quan giữ việc hình ngục, có ai tha tội người này buộc tội người khác, trái phép luật làm điều thảm khốc, hoặc làm cho người phạm tội có điều oan uổng, thì viên Đề hình ngự sử phải thân hành kiểm tra xét hỏi, tâu bày đàn hạch, để tỏ rõ nỗi oan uổng cho phạm nhân.

Tháng 9. Xét định quan chế.

Quan chế ấn định như sau này:

Bắt đầu từ các tước những người trong hoàng tông⁴:

¹ Chức quan ở hàm lục phẩm gồm có Hiến sát sứ, Hiến sát phó sứ, Hiến sát phụ trách việc tâu trình việc phải trái, điều tra và đàn hạch những việc làm trái phép, tra cứu xét hỏi việc kiện tụng, xét thưởng công trạng của quan, quân trong một đạo.

² Xem thêm Chính biên quyển XX, tờ 38.

³ Sắc mệnh của vua khắc vào một thứ bằng chất loại kim như vàng, bạc, đồng, thau... để được lâu bền gọi là kim sách.

⁴ Tông phái trong họ nhà vua.

- Thân vương: Hoàng tử được phong là thân vương thì dùng tên một phủ làm tên hiệu.
- Tự thân vương: Thế tử của thân vương được phong là tự thân vương thì dùng tên một huyện làm tên hiệu.
- Tước công: Các con của hoàng thái tử và các con của thân vương đều được phong tước công.
- Tước hầu: Con trưởng của hoàng thái tử, của tự thân vương và của tước công đều được phong tước hầu.
- Tước bá: Các con của hoàng thái tử, của tự thân vương, của tước công và con trưởng của thân công chúa đều được phong tước bá.
- Tước tử: Các con của thân công chúa và con trưởng của tước hầu, tước bá đều được phong tước tử.
- Tước nam: Con trưởng của truy tặng thân công chúa¹ và các con² của tước hầu, tước bá đều được phong tước nam.

Những tước công, hầu, bá, tử, nam kể trên đều dùng những chữ để làm tên hiệu.

Con các người trong hoàng tông mà được cất nhắc để trao cho phẩm trật theo thể lệ có 8 bậc: từ Tá quốc đến Tự ân sứ.

Thứ hai đến các tước của bầy tôi có công:

- Tước quốc công và quận công lấy tên một phủ hoặc một huyện làm tên hiệu, nhưng chỉ dùng một chữ.
- Tước hầu và tước bá lấy tên một xã làm tên hiệu, dùng có hai chữ.

Về cấp bậc của bầy tôi có công:

- Văn huân có 5 bậc: từ Thượng trụ quốc đến Tu thận thiếu doãn.
- Võ huân có 5 bậc: Từ Thượng trụ quốc đến Thiết kỵ úy.

mỗi bậc đều có bậc chánh và bậc tòng.

- Văn giai có 9 bậc: từ chánh nhất phẩm đến tòng cửu phẩm.
- Võ giai có 6 bậc: Từ chánh nhất phẩm đến tòng lục phẩm.

Mỗi bậc đều có bậc chánh và bậc tòng.

- Nội quan và tản quan có bảy bậc: từ chánh tam phẩm đến tòng cửu phẩm, mỗi bậc cũng có chánh và phó.

Về thông tư³ của các tước và các cấp bậc: từ trật cao nhất đến thấp nhất cộng 24 tư.

Về những chữ để vinh phong cho công thần: từ chữ "suy trung" đến chữ "tuyên lực" cộng 24 chữ. Đại để các quan văn, quan võ có công được sơ phong hoặc gia phong từ 2 chữ đến 8 chữ, nên dùng chữ nào để phong cho người nào, đến lúc vinh phúc, nhà vua sẽ đặc cách gia ân cho.

Về chức trọng yếu: Thì thái sử, thái úy, thái phó, thái bảo và thiếu sử, thiếu úy, thiếu phó, thiếu bảo là đại thần trọng chức; lục bộ, lục khoa, lục tự và ngự sử mười ba đạo làm yếu chức.

Về hàng quan võ:

¹ Con gài của vua, sau khi đã chết mới được phong là thân công chúa nên gọi là truy tặng thân công chúa.

² Cương mục chép "Con trưởng của tước hầu, tước bá" là lầm vì ở chỗ tước tử đã có hạng người này rồi, ở đây chúng tôi dịch "các con của tước hầu tước bá" là theo trong Đại Việt sử ký thực lục cho được đúng hơn.

³ Xem chú thích số 1 Chính biên quyển VII tờ 5 và xem thêm lời chua của Cương mục chính biên quyển XIX tờ 6.

trong kinh thành: đặt Đô đốc phủ trong ngũ phủ quân và đặt hai vệ Kim Ngô và Cẩm Y, 4 vệ Hiệu lực, 4 vệ Thần Võ, 6 vệ Điền tiền.

Ở các trấn bên ngoài cũng đặt phủ vệ Đô ti.

Ở các xứ ven sông và ven biển đều đặt chức tuần kiểm.

Về việc cai trị các trấn, thì 2 ti Thừa chính, Hiến sát và các nha môn ở phủ, huyện, châu đều đặt quan để cai trị.

Lời chua-Quan chế: Theo Hồng Đức thiên nam dư hạ tập thì điển lệ về quan chế đời Hồng Đức như sau:

Các tước trong hoàng tông:

Người được phong là thân vương dùng tên một phủ làm tên hiệu, nhưng chỉ dùng một chữ. Ví dụ: "Kiến vương" tức là dùng chữ "Kiến" của phủ Kiến Hưng.

Người được phong thân vương dùng tên một huyện làm tên hiệu, mà dùng cả hai chữ. Ví dụ: "Hải lăng vương" tức là dùng tên gọi của huyện Hải Lăng.

Các con của hoàng thái tử và của thân vương được phong tước công; con trưởng của tự thân vương và của tước công được phong tước hầu; các con của hoàng thái tôn, của tự thân vương, của tước công và con trưởng của thân công chúa được phong tước bá, phò mã đô úy được ngang hàng với tước bá. Tước công, tước hầu, tước bá đều đứng trên hàng chánh nhất phẩm. Các con của thân công chúa và con trưởng của tước hầu, tước bá được phong tước tử, ngang hàng với chánh nhất phẩm; con trưởng của truy tặng thân công chúa và các con của tước hầu tước bá được phong tước nam, ngang hàng với tòng nhất phẩm. Năm bậc về tước công, tước hầu, tước bá, tước tử và tước nam, đều dùng chữ đẹp để làm tên hiệu. Ví dụ: Thiệu Khang Công, Vĩnh kiến hầu, Tĩnh Cung bá, Diên Xương tử và Quảng Trạch Nam v.v...

Những người trong hàng tông mà được cất nhắc để trao cho phẩm trật:

Con của tước tử và tước nam được phong là Tá quốc sứ, ngang hàng chánh nhị phẩm.

Con của Tá quốc sứ được phong là Phụng quốc sứ, ngang hàng tòng nhị phẩm.

Con của Phụng quốc sứ được phong là Dực quốc sứ, ngang hàng chánh tam phẩm.

Con của Dực quốc sứ được phong là Lượng quốc sứ, ngang hàng tòng tam phẩm.

Cháu của thân công chúa và các con của truy tặng thân công chúa được phong là Sùng ân sứ.

Tằng tôn (chắt) của thân công chúa, cháu của truy tặng thân công chúa và con của quận thượng chúa được phong là Dụ ân sứ. Sùng ân sứ và Dụ ân sứ đều ngang hàng với tòng tam phẩm.¹

Huyền tôn (chút) con của thân công chúa, tằng tôn (chắt) của truy tặng thân công chúa, cháu của quận thượng chúa và con của quận chúa được phong là Mậu ân sứ, ngang hàng tòng tứ phẩm.

Huyền tôn của truy tặng thân công chúa, cháu của quận chúa và con của quận công đều được phong là Tự ân sứ, ngang hàng tòng ngũ phẩm.

¹ Chữ "tòng tam phẩm" này có lẽ là "chánh tứ phẩm" mà sử Cương mục chép sai, vì Lượng quốc sứ ở trên đã ngang hàng tòng tam phẩm rồi, nếu Sùng ân sứ và Dụ ân sứ cũng ngang hàng như thế, thì sao không chép chung vào một chỗ?

Con rể của hoàng thái tử và của thân vương được phong là quận thượng chúa nghi tân, ngang hàng chánh tam phẩm.

Con rể của tự thân vương và của thân công chúa được phong là quận chúa nghi tân, ngang hàng tòng tam phẩm.

Các tước của bầy tôi có công: Tước quốc công dùng tên một phủ làm tên hiệu, nhưng chỉ dùng một chữ. Ví dụ: "Tuyên quốc công" tức là dùng chữ "Tuyên" của tên gọi phủ Tuyên Quang.

Tước quận công dùng tên một huyện làm tên hiệu, cũng chỉ dùng một chữ. Ví dụ: tước "Sùng quận công" tức ra dùng chữ "Sùng" của tên gọi huyện Sùng An.

Tước hầu và tước bá dùng tên một xã làm tên hiệu, dùng 2 chữ. Ví dụ: tước "Nam xang hầu" tức là dùng tên gọi của xã Nam Xang; "Duyên hà bá" tức là dùng tên gọi của xã Duyên Hà.

Người bầy tôi có công: về hàng văn huân thì thượng trụ quốc hàm chánh nhất phẩm; trụ quốc hàm tòng nhất phẩm; chánh trị thượng khanh hàm chánh nhị phẩm, chánh trị khanh hàm tòng nhị phẩm; tư chánh thượng khanh hàm chánh tam phẩm, tư chánh khanh hàm tòng tam phẩm; khuông mĩ doãn hàm chánh tứ phẩm, khuông mĩ thiếu doãn hàm tòng tứ phẩm, tu thận doãn hàm chánh ngũ phẩm, tu thận thiếu doãn hàm tòng ngũ phẩm.

Về hàng võ huân thì: thượng trụ quốc hàm chánh nhất phẩm, trụ quốc hàm tòng nhất phẩm; thượng hộ quân hàm chánh nhị phẩm, hộ quân hàm tòng nhị phẩm; thượng khinh xa úy hàm chánh tam phẩm, khinh xa úy hàm tòng tam phẩm; kiêu kỹ úy hàm chánh tứ phẩm, phi kỹ úy hàm tòng tứ phẩm; vân kỹ úy hàm chánh ngũ phẩm, thiết kỹ úy hàm tòng ngũ phẩm.

Quan tước về văn giai và võ giai:

Thái sư+Thái úy+Thái bảo đều hàm chánh nhất phẩm.

Những người giữ chức quan này về văn giai thì thăng thụ là đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, gia thụ là đặc tiến khai phủ kim tử vinh lộc đại phu; về võ giai thì thăng thụ là đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, gia thụ là khai quốc thượng tướng quân.

Thái tử thái sư+thái tử thái úy+thái tử thái phó+thái tử thái bảo+Tả đô đốc+Hữu đô đốc đều hàm tòng nhất phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì thăng thụ là sùng tiến tuyên lộc đại phu, gia thụ là ngân thanh tuyên lộc đại phu; về võ giai thì thăng thụ là sùng tiến phụ quốc đại tướng quân, gia thụ là sùng tiến trấn quốc thượng tướng quân.

Thiếu sư+Thiếu úy+Thiếu phó+Thiếu bảo+Đô điểm kiểm đề đốc+Đô đốc đồng tri+Đề lĩnh đều hàm chánh nhị phẩm.

Những người giữ chức quan này về văn giai thì sơ thụ là quang tiến đại phu, thăng thụ là quang lượng đại phu, gia thụ là quang kiêm đại phu; về võ giai thì sơ thụ là chiêu nghị tướng quân, thăng thụ là chiêu hùng tướng quân, gia thụ là chiêu dũng tướng quân.

Thái tử thiếu sư+Thái tử thiếu úy+Thái tử thiếu phó+Thái tử thiếu bảo+Thượng thư+Đô đốc+Thiên sự+Tả hữu điểm kiểm+Tham đốc+Phó đề lĩnh đều hàm tòng nhị phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì sơ thụ là phụng trực đại phu, thăng thụ là phụng công đại phu, gia thụ là phụng huấn đại phu; về võ giai thì sơ thụ là võ huân tướng quân, thăng thụ là võ lược tướng quân, gia thụ là võ nghị tướng quân.

Tông nhân phủ tông nhân lệnh+Lãng chánh+Đô đài ngự sử+Tả hữu thứ tử+Đô chỉ huy sứ+Đô tổng binh sứ+Tuyên úy đại sứ đều hàm chánh tam phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì sơ thụ là thông chương đại phu, thăng thụ là thông lễ đại phu, gia thụ là thông nghị đại phu; về võ giai, sơ thụ là anh liệt tướng quân, thăng thụ là anh túc tướng quân, gia thụ là anh vĩ tướng quân.

Tả hữu thị lang+Tông nhân phủ tả, hữu tông chính+Lãng phó+Tả hữu dụ đức+Thừa chính sứ+Đô chỉ huy đồng tri+Các viên chỉ huy sứ ở các vệ Thần Võ, Hiệu Lực, Điện Tiền+Các viên tổng tri, tổng binh đồng tri ở các vệ thuộc ngũ phủ và Tuyên úy sứ đều hàm tòng tam phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì sơ thụ là gia hạnh đại phu, thăng thụ là gia ích đại phu, gia thụ là gia thăng đại phu; về võ giai thì sơ thụ là minh dực tướng quân, thăng thụ là minh quyết tướng quân, gia thụ là minh ý tướng quân.

Hàn lâm viện thừa chỉ+phó đô ngự sử+lãng thừa+Tả, hữu trung doãn+Tả, hữu xuân phường+đô chỉ huy thiêm sự+Các chỉ huy sứ các ti Cẩm Y, Thiên Ngô, Thần Oai, Thần Tí, Du Nỗ+Các viên tướng đồng tổng tri, tổng binh thiêm sự ở các vệ thuộc ngũ phủ và tuyên úy đồng tri đều hàm chánh tứ phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì sơ thụ là trung trình đại phu, thăng thụ là trung huệ đại phu, gia thụ là trung thuận đại phu; về võ giai thì sơ thụ là hoài viễn tướng quân, thăng thụ là đình viễn tướng quân, gia thụ là an viễn tướng quân.

Đông các đại học sĩ+Quốc tử giám tế tửu+Thông chính sứ+Tham chính+các viên chỉ huy tả hữu tán thiên+các viên chỉ huy thiêm sự ở các vệ Hiệu Lực, Thần Võ, Điện Tiền+các viên thiêm tổng tri ở các vệ thuộc ngũ phủ và viên tuyên úy thiêm sự đều hàm tòng tứ phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là triều liệt đại phu, thăng thụ là triều đoan đại phu, gia thụ là triều tĩnh đại phu; về võ giai thì sơ thụ là trì oai tướng quân, thăng thụ là bình oai tướng quân, gia thụ là quảng oai tướng quân.

Hàn lâm viện thị độc+Thiêm đô ngự sử+Lục tự khanh+Chiêm sự viện chiêm sự+Thái y viện đại sứ+phủ doãn phủ Phụng Thiên+các viên chỉ huy thiêm sự ở các ti thuộc vệ Cẩm Y, Kim Ngô+Trấn điện tướng quân+Lực sĩ hiệu úy+các viên thiêm hộ ở các ti Thần Oai Du Nỗ+các viên phó đô tri ở các vệ Tuần Tượng, Mã Nhàn+các viên đô tri ở các vệ ngoại trấn+các viên thống chế ở các vệ Thần Võ, Điện Tiền+các viên chánh đô úy ở các ti Tượng Cứu, Mã Cứu+các viên quản lĩnh ngoại vệ thuộc ngũ phủ+viên cung chính ở cung Thiên Hòa và quân dân Chiêu Thảo sứ đều hàm chánh ngũ phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là hoẵng tín đại phu, thăng thụ là hoẵng tri đại phu, gia thụ là hoẵng nghĩa đại phu; về võ giai thì sơ thụ là kiện trung tướng quân, thăng thụ là quán trung tướng quân, gia thụ là bảo trung tướng quân.

Hàn lâm viện thị giảng+Đông các học sĩ+Quốc tử giám tư nghiệp+Thái y viện viện sứ+Tả hữu thuyết thư+Chính truyện¹ phó thông chính+Chiêm sự viện thiếu thiêm sự+các viên đoán sự, tham nghị ở hai ti Cẩm Y, Kim Ngô+viên phó lực sĩ hiệu úy+các viên phó thiên hộ ở các ti thần oai, Du Nỗ+các viên trung úy ở vệ Thần Võ, Điện Tiền+viên lang tướng ở ti Trung thành binh mã+viên phó quản lãnh ở ngoại vệ thuộc

¹ Hai chữ này nguyên văn Cương mục in là "Vương phó" tham khảo Lịch triều hiến chương chép là "chính truyện". Ở đây chúng tôi phiên âm theo như Lịch triều hiến chương cho được rõ nghĩa, bởi vì chức thông chính là giữ việc chuyển đạt công văn dụ chỉ của triều đình về dân gian và chuyển đệ đờ từ của dân gian về triều đình "Chính truyện" nghĩa là nhà trạm chính ở kinh thành thì mới hợp nghĩa.

ngũ phủ+viên cung phó ở cung Thiên Hòa và quân dân Chiêu Thảo đồng tri đều hàm tòng ngũ phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là hiển cung đại phu, thăng thụ là hiển lượng đại phu, gia thụ là hiển huệ đại phu; về võ giai thì sơ thụ là tráng tiết tướng quân, thăng thụ là tận tiết tướng quân, gia thụ là kính tiết tướng quân.

Lang trung các ti ở lục bộ+Hàn lâm viện thị thư+Đông các hiệu thư+Trung thư giám trung thư xá nhân+Thái y viện ngự y chính+Tư thiên giám tư thiên lệnh+lục tự thiếu khanh+Phụng thiên phủ thiếu doãn+hiển sát sứ+các viên chánh đề hạt, phó đoán sự, bá hộ ở các viện Tuần tượng, Mã nhàn+các viên phó trung úy ở các vệ Thần Võ, Điện Tiền+viên phó lang tướng ở ti Trung thành binh mã+viên đô úy ở vệ Tượng cứu, Mã Cứu+viên chánh võ úy ở ngoại vệ thuộc ngũ phủ+viên cung thừa ở cung Thiên Hòa và quân dân chiêu thảo thêm sự, kinh lược sứ đều hàm chánh lục phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là mật lâm lang, thăng thụ là tuần lâm lang, gia thụ là đức lâm lang; về võ giai thì sơ thụ là phẫn lực tướng quân, thăng thụ là quả lực tướng quân, gia thụ là chấn lực tướng quân.

Viên ngoại lang+Hàn lâm viện đãi chế+Trung thư giám điển thư+Thái y viện ngự y phó+tả, hữu tư giảng+các viên đề hạt các vệ Tuần Tượng, Mã Nhàn+viên thừa ti ở ti Thông Chính+viên tri phủ+các viên phó lang tướng ở các vệ Tả, Hữu, Tiền, Hậu+viên võ úy ở ngoại vệ thuộc ngũ phủ+các viên kinh lược sứ, đồng tri, phòng ngự sứ ở vệ Thành Môn+viên chính chương ở cung Thiên Hòa+viên sở sứ ở sáu sở thuộc bộ Công+các viên cục sứ ở Thượng Y Giám, Ngự dụng giám và viên thự chính ở Thái Quan thự đều hàm tòng lục phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là mật lâm tá lang, thăng thụ là tuần lâm tá lang, gia thụ là đức lâm tá lang; về võ giai thì sơ thụ là quả cảm tướng quân, thăng thụ là hùng cảm tướng quân, gia thụ là cường cảm tướng quân.

Hàn lâm viện hiệu lý, đãi chiếu+Đề hình giám sát ngự sử+Trung thư giám chính tự+tự thừa ở sáu tự+Thái y viện biện kiểm+tư thiên giám giám phó+huyện úy ở hai huyện Vĩnh Xương, Quảng Đức+Đô cấp sự trung ở sáu khoa+trưởng sử ở ti Kinh Cục, Tẩy mã sở và các phủ+hiển sát phó sứ+đồng tri phủ+phó đề hạt ở các vệ Tuần Tượng, Mã Nhàn+phó đô úy ở Tượng Cứu, Mã Cứu+phó võ úy, phó vệ úy ở ngoại vệ thuộc ngũ phủ+Kinh Lược+Chiêm sự+Phòng ngự đồng tri+phó chương cung Thiên Hòa+sở phó sứ ở sáu sở trong bộ Công và thự phó ở Thái quan thự, đều hàm chánh nhất phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là cần sự lang, thăng thụ là kính sự lang, gia thụ là thừa sự lang.

Hàn lâm viện kiêm thảo+thông phán hai huyện Vĩnh Xương, Quảng Đức+điên hàn cục Ti Kinh+giữ ngục ti Điện Tiền+tri huyện+tri châu+phòng ngự thêm sự+sở thừa sáu sở thuộc bộ Công và thự thừa ở thự Thái Quan, đều hàm tòng nhất phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là cần sự tá lang, thăng thụ là kính sự tá lang, gia thụ là thừa sự tá lang.

Sử quán tu soạn+tư huấn Chiêu văn quán, Tú lâm cục+ngũ kinh giáo thụ ở Quốc tử giám+giám thừa ở Tư thiên giám cấp sự trung ở sáu khoa+ngục thừa ở ti Điện Tiền+cục chính ở cục Thừa Dụ+phụ đạo chính ở ti Man Di phụ đạo+ti chính ở ti Giáo Phường+bào chính ở các thự Thần Trù, Thái Quan, Lam Kinh+cục chính ở các giám Tuyên Đạt, Thượng Y, Ngự Dụng và thự chính ở các thự, đều hàm chánh bát phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là tiến công lang, thăng thụ là hiệu công lang, gia thụ là địch công lang.

Lục bộ tư vụ, Sử quán biên lục, viên chiếu ma ở Ngự sử đài, viên điển nghĩa ở Sùng Văn Quán và Tú Lâm cục+viên sử ti ở Cáp Môn và ti Lam Kinh+viên giám bạ ở Ngũ Kinh Học chính+viên bình sử ở Đại Lý tự+Khố sử ở các kho Thiện Hội trung, Thiện Hội đông, Thiện Hội Tây, Thiện Hội nam, Thiện Hội bắc, và Trúc Mộc, Tang Phật, Thiên Oai, Trừ Phong+Thông Sự chính+ngũ quan chính ở Tư Thiên giám+viên đường sử ở Tế Sinh đường+viên trị trung ở phủ Phụng Thiên+viên điển sử ở ti Thông Chính sử+viên điển sử ở viện Chiêm Sự+viên bạn độc ở các phủ thân vương công+Phủ úy, Vệ úy+Lương y chính ở các vệ Cẩm Y, Kim Ngô, Hiệu Lực, Thần Võ và Điện Tiền+lục sự ở các vệ Thần Võ, Hiệu Lực và Điện Tiền+Đô sự ở các ti Thần Oai, Du Nỗ và Trung Thành+kinh lịch trong ngũ phủ+điển bạ ở các vệ trong ngũ phủ+tri bạ ở các vệ Thần Võ, Hiệu Lực, Điện Tiền, Tượng Cú, Mã Cú, Tuần Tượng, Mã Nhân+đô quan+chủ sự+suy quan+huyện thừa+đồng tri châu+cục phó trong cục thừa dụ+giữ ngục ở ngục sở Ngũ Hình+Phụ Đạo phó+Ti Phó trong ti giáo phường+Bào Phó ở các thự Thần Trù, Thái Quan, Lam Kinh+ti uẩn ở ti Lương Uẩn+Cục chính ở cục Ứng Sự+Sở sử ở các sở Đồn Điền+sở sử ở các sở Tàn Tang+Ti sử ở ti Tinh Mễ+cục phó ở các giám, Tuyên Đạt, Thượng Y, Ngự Dụng+Tượng phó ở sáu sở trong bộ Công+Ti chính ở ti Điển Cứu+cục chính ở các cục Chưởng Liễn, Điển Tàng, Trân Tu, Công Tác, đều hàm tòng bát phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là tiến công thứ lang, thăng thụ là hiệu công thứ lang, gia thụ là địch công thứ lang.

Phó Sử ở kho+Kiểm hiệu ở Tông Nhân phủ+Hồng Lô tự ban+Thông sự phó ở bộ phận Lão Qua, Bắc và Chiêm+khán chắn ở Tế Sinh đường+khố sử ở kho Sinh Dược+tư thần lang ở Tư Thiên Giám+huấn đạo chủ bạ, Tư nghị ở phủ Phụng Thiên và các phủ khác+Thiên y chính giảng dụ, khổng mục lương y ở sở Thiên Y+phó sứ cấp môn+Tri sự ở sơn lãng Lam Kinh++Ngục thừa ở ngục sở trong ti ngũ hình+ngục thừa ở sở án ngục trong Ngự Sử đài+Điển Thiện trong sở Điển Thiện+tuần kiểm sử+cục chính trong cục Thị Vệ+thự chính trong thự Đồng Văn nhã nhạc+cục phó ở cục Lương Uẩn+cục phó ở cục Ứng sự+phó sứ các sở đồn điền và tàn tang+sở sử ở sở trồng rau+sở chính ở sở Bách Hí tả, hữu+tăng thống ở ti Tăng Lục+đạo thống ở ti Đạo Lục+sở sử ở các sở Điền Mục+trưởng quan ở ti Man Di trưởng quan+cục phó ở các cục Chưởng Liễn, Điển Tàng, Trân Tu, Công Tác, đều hàm chánh cửu phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là tương sĩ lang, thăng thụ là đẳng sĩ lang, gia thụ là lập sĩ lang.

Điền thụ+phó sứ các sở+ti sử ở ti Thị Mãi+các viên thuê sử+trưởng dò ở các ti bến dò+trưởng thị ở các chợ+xiển giáo giác nghĩa trong ti Tăng lục+điển pháp huy nghĩa trong ty Đạo lục+dịch thừa và phổ chính ở quán sứ hội đồng+đàn sư ở các đàn+từ thừa ở các đền+huấn khoa ở y học+khuyến nông sứ ở các phủ+hà đê sứ các phủ+thự chính và tăng, đạo chính ở các chùa+quán sứ ở các quán+phó trưởng quan ở ti Man Di trưởng quan, đều hàm tòng cửu phẩm.

Các người giữ chức này, sơ thụ là tương sĩ thứ lang, thăng thụ là đẳng sĩ thứ lang, gia thụ là lập sĩ thứ lang.

Chế độ về quan chức ở Nội điện:

Nội quan và tãn quan:Thị trung lệnh hàm chánh tam phẩm, phó thị trung lệnh hàm tòng tam phẩm; bật trực lệnh hàm chánh tứ phẩm, phó bật trực lệnh hàm tòng tứ phẩm; hiệp vịnh lệnh hàm chánh ngũ phẩm, phó hiệp vịnh hàm tòng ngũ phẩm; sùng liêm chính hàm chánh lục phẩm, phó sùng liêm chính hàm tòng lục phẩm; thuần lương chính hàm chánh thất phẩm, phó thuần lương chính hàm tòng thất phẩm; sức tu chính hàm chánh bát phẩm, phó sức tu chính hàm tòng bát phẩm; lịch sử chính hàm chánh cửu phẩm, phó lịch sử chính hàm tòng cửu phẩm.

Về thông tư:

Các quan văn võ, người được dự phong quốc công là thượng trật 24 tước; quận công thượng giai 23 tước; hầu thượng liên 22 tước; bá thượng ban 21 tước; tử thượng tự 20 tước; nam thượng chế 19 tước; chánh nhất phẩm thượng tuyền 18 tước; tòng nhất phẩm thượng liệt 17 tước; chánh nhị phẩm trung trật 16 tước; tòng nhị phẩm trung giai 15 tước; chánh tam phẩm trung liên 14 tước; tòng tam phẩm trung ban 13 tước; chánh tứ phẩm trung tự 12 tước; tòng tứ phẩm trung chế 11 tước; chánh ngũ phẩm trung tuyền 10 tước; tòng ngũ phẩm trung liệt 9 tước; chánh lục phẩm hạ trật 8 tước; tòng lục phẩm hạ giai 7 tước; chánh thất phẩm hạ tự 4 tước; tòng bát phẩm hạ chế 3 tước; chánh cửu phẩm hạ tuyền 2 tước; tòng cửu phẩm hạ liệt 1 tước. Gồm 24 tước.

Bây tôi có công được vinh phong, đặc ân gia phong chữ đẹp để: Như những chữ: suy trung, dục vận, tá lý, cần lễ, tán trị, dương võ, kính thận, minh nghĩa, trinh ý, phụ quốc, hiệp mưu, đồng đức, khiêm cung, đoan nhã, kiệt tiết, tránh liệt, uy dũng, cương chính, bình văn, hiệu thuận, thuần tín, đôn hậu, tinh nạn, tuyền lực, gồm 24 bậc.

Lục Bộ, Lục Khoa: Điều xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chb. XIX, 30-31).

Mười ba đạo giám sát ngự sử: Xem năm Hồng Đức thứ 4 (Chb. XXII, 32-33).

Ngũ phủ, Lục tự: Điều xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chb. XX, 2, 6).

Hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô, bốn vệ Hiệu Lực, bốn vệ Thần Võ, sáu vệ Điện Tiền: Gọi là thủ vệ tam ti.

Các vệ quân ở Đô ti các trấn: Xem năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 33-36).

Xét-Quan chế đời Hồng Đức: chánh nhất phẩm, tòng nhất phẩm về văn giai, võ giai đều không có sơ thụ, còn từ chánh nhị phẩm đến tòng cửu phẩm về văn giai và từ chánh nhị phẩm đến tòng lục phẩm về võ giai đều có sơ thụ, lúc bấy giờ nghị định về quan chế như thế nào, nay không rõ được, vậy hãy ghi lại để đề phòng khi khảo cứu.

Sai sứ thần sang nhà Minh.

Nhà vua sai bọn Bùi Viết Lương, Nguyễn Lãm và Lê Nhân sang nhà Minh nộp lễ cống hàng năm; bọn Nguyễn Đức Trinh và Phạm Mục sang báo cáo về việc Chiêm Thành đánh úp biên giới nước ta.

Sách Bang giao bị lãm của Giáp Trưng¹ chép: Tháng 10, mùa đông, năm thứ 2, Tân Mão², Lê Thánh Tông sai bọn Nguyễn Đức Trinh và Phạm Mục sang báo cáo với nhà Minh, đại lược trong lời tâu nói: "Tháng 8 năm ngoái, vua nước Chiêm Thành đem quân đánh úp đất Hóa Châu nước tôi, tôi thân hành đem người trong nước đi cứu viện Hóa Châu. Tháng 5 năm nay, vua Chiêm Thành lại bắt hơn 10 vạn quân vây hãm tôi mấy trùng; trong lúc nguy cấp, tôi phải phá vòng vây để đón đánh lại. Người nước Chiêm vẫn oán giận họ, không còn có chí chiến đấu, cùng nhau người thì phản lại, người thì bỏ trốn. Quân tuần tiểu của tôi kéo đến quốc đô nước ấy, thì dân chúng nước ấy không giúp rập vua, nên người bỏ binh khí chạy trốn, người quay giáo đầu hàng, vua Chiêm Thành đem quân đi về phương nam, tôi thấy thế, liền đem quân về nước giữ vững cảnh thổ cũ nước mình. Tôi trộm nghĩ: Chiêm Thành xưa nay vẫn thù địch với nước tôi, nay lại đem quân đến đánh úp cướp bóc, tôi bất đắc dĩ phải mạn phép tập hợp binh sĩ để ứng phó, trong lúc vội vàng chỉ muốn gỡ mối lo nhiều nhưng ở nơi biên quận. Làm như thế, cũng e rằng trái với lời ân cần răn bảo của bậc thánh minh³, tôi rất lấy làm lo sợ. Bây giờ việc tiến lui của tôi chỉ xin theo mệnh lệnh thiên triều định đoạt".

Định phép đánh thuế.

Nhân đinh mỗi người nộp 8 tiền, về tiền thuế trồng dâu thì liệu lượng từng mẫu chia làm 3 bậc: bậc nhất, bậc nhì và bậc ba, mỗi bậc nộp tiền khác nhau.

¹ Tức Giáp Hải.

² Tức năm Hồng Đức thứ 2 (1471).

³ Chỉ vua nhà Minh lúc bấy giờ. Một danh từ tôn kính vua của đời phong kiến.

Đặt sào thước về ruộng đất. Nhà vua hạ lệnh: ruộng hoặc đất cứ mỗi mẫu là 10 sào 6 thước 5 tấc¹.

Lời chua-Tiền thuế bãi trồng dâu: Nay không khảo cứu được.

Tháng 11, mùa đông. Trà Toại nước Chiêm Thành, làm phản. Nhà vua sai Lê Niệm, bình chương tướng quân, đi đánh, dẹp yên được.

Trước đây, chúa Chiêm Thành là Trà Toàn đã bị bắt, em hắn là Bàn La Trà Toại trốn vào trong núi, sai sứ đem việc trong nước bị hoạn nạn báo cáo với nhà Minh và xin nhà Minh phong vương cho, thống lĩnh ba vạn quân đi đánh, bắt Trà Toại và bộ lạc đưa về kinh sư.

Lời phê-Họ phục tùng ở chỗ nào??

Lời cần án-Theo truyện An Nam chép trong Minh sử, thì "nhà Minh, năm Thành Hóa thứ 7³, Lê Vương đánh phá nước Chiêm Thành, bắt chúa nước ấy là Bàn La Trà Toàn; hơn ba năm sau, lại đến đánh phá bắt chúa nước ấy là Bàn La Trà Duyệt, rồi đổi nước ấy là Nam Châu, đặt quân đóng đồn thú thủ". Về truyện Chiêm Thành, sách ấy chép: "Năm Thành Hóa thứ 5⁴, An Nam đòi Chiêm Thành phải nộp tê, tượng và của báu, bắt Chiêm Thành phải phụng sự mình như lễ nghi phụng sự thiên triều. Chiêm Thành không theo, An Nam đem đại binh đánh dẹp, đến năm thứ 7⁵ phá được nước Chiêm Thành, bắt vua nước ấy là Bàn La Trà Toàn, rồi chiếm cứ đất đai. Em vua nước ấy là Bàn La Trà Duyệt chạy vào trong núi, sai sứ sang [Trung Quốc] báo cáo về họa nạn trong nước. Năm thứ 10⁶, An Nam lại sai quân bắt Bàn La Trà Duyệt, rồi lập người cháu của vua trước là Trai Á Phất Am làm vua, phong cho đất ở phía nam nước ấy". Việc chép ở hai truyện trên này cũng giống như việc chép ở đây. Duy về việc "Trà Duyệt chết bèn truyền ngôi cho em hắn là Trà Toàn", nay Minh sử lại chép "An Nam đã bắt Trà Toàn, hơn 3 năm sau lại bắt em nó là Trà Duyệt". Như thế thì chữ "Trà Duyệt" có lẽ là "Trà Toại" mà chép lầm đi. Vậy hãy phụ lục ở đây sẽ khảo cứu sau.

Bổ dụng thái bảo Lê Cảnh Huy giữ công việc ở lục khoa.

Nhà vua dụ bảo Lê Cảnh Huy rằng: "Nay nhận được tờ tấu của viên quan ở An Bang tâu: "Người nhà Minh sai nhiều binh lính từ Quảng Tây sang, nói phao là sang hội đồng khám địa giới". Việc này cần phải sai người dò thám ngay, nếu thấy có gì khác, phải lập tức đưa công văn đi các đạo tập hợp binh lính phòng giữ. Một thước núi, một tấc sông của ta có lẽ nào tự tiện vứt bỏ đi được? phải kiên quyết tranh luận, không để cho họ lấn dần. Nếu họ không theo, còn có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, biện bạch rõ lẽ phải trái. Nếu người nào dám đem một thước, một tấc đất đai của Thái Tổ để lại để làm môi cho giặc, người ấy sẽ bị trừng trị nặng".

Lời chua-An Bang: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 15).

Nhâm Thìn, năm thứ 3 (1472). (Minh, năm Thành Hóa thứ 8).

Tháng 3, mùa xuân. Tây môn các bị hỏa tai.

Định rõ lại phép thi hội.

Phép thi hội như thế này:

¹ Theo Đại Việt sử ký thực lục chép: "Ruộng đất, mỗi mẫu 10 sào, mỗi sào 16 thước 5 tấc" (quyển XII, tờ 74). Như vậy không rõ sách nào chép đúng, sẽ khảo cứu sau.

² Trên kia chép "tù trưởng các nước phương tây, không ai là không phục tùng" (quyển XXII, tờ 5) nên lời phê này nhắc lại câu ấy và có ý mỉa mai.

³ 1471 ngang với năm Hồng Đức thứ 2.

⁴ 1469, ngang với năm Quang Thuận thứ 10.

⁵ 1471, ngang với năm Hồng Đức thứ 2.

⁶ 1474, ngang với năm Hồng Đức thứ 5.

- Kỳ đệ nhất: về Tứ thư, ra tám điều lệ: bốn đầu đề lấy trong sách Luận ngữ, bốn đầu đề lấy trong sách Mạnh Tử, cử tử¹, tự chọn lấy bốn đầu đề mà làm bài; về Ngũ kinh, mỗi kinh ra ba đầu đề, cử tử², tự chọn lấy một đầu đề mà làm bài, duy kinh Xuân thu ra hai đầu đề gồm vào làm một, cử tử cùng làm chung vào một bài.
- Kỳ đệ nhị: chiếu, chế và biểu mỗi thể đều ba đầu đề.
- Kỳ đệ tam: thơ và phú mỗi thể đều hai đầu đề, bài phú dùng thể phú Lý Bạch.
- Kỳ đệ tứ: Một bài văn sách hỏi về ý nghĩa dị đồng trong các sách Ngũ Kinh, Tứ Thư và chính sự hay dở của các triều đại.

Tháng 4, mùa hạ. Bắt đầu định tư cách³ cho tiến sĩ.

Chế độ trước đây, tiến sĩ chia làm tam giáp, nhà vua đặc ân ban cho hạng cập đệ và hạng xuất thân, còn về tư cách thì chưa có định hạn. Đến đây thi hội⁴, các cử nhân trong nước, lấy 27 người vào hạng trúng cách: khi điện thí⁵, nhà vua cho bọn Vũ Kiệt, người đỗ vào hạng cập đệ, người đỗ vào hạng xuất thân có từng hạng khác nhau.

Bắt đầu từ khoa này mới nghị định về tư cách tiến sĩ: đệ nhất giáp, đệ nhất danh⁶ được hàm chánh lục phẩm, 8 tư, đệ nhị danh⁷ được hàm tòng lục phẩm, 7 tư, đệ tam danh⁸ được hàm chánh thất phẩm, 6 tư, đệ nhị giáp⁹ được hàm tòng thất phẩm, 5 tư, đệ tam giáp¹⁰ được hàm chánh bát phẩm, 4 tư. Những người này lúc đầu bỏ vào viện Hàn Lâm được gia một cấp, sau đó cứ lấy theo phẩm hàm của mình mà được để bạt làm các chức giám sát ngự sử hoặc Tri huyện. Tiến Sĩ có tư cách bắt đầu từ đây.

Lời chua-Vũ Kiệt: Người làng Yên Việt, huyện Siêu Loại.

Tháng 8, mùa thu. Định lễ tế đình ở các phủ.

Chế độ cũ, tế đình ở Văn Miếu, thuộc các lộ chưa có thời kỳ nhất định. Đến đây, chuẩn định hàng năm các phủ làm lễ vào ngày thượng đình trong 2 tháng trọng về mùa xuân và mùa thu¹¹.

Quý Ty, năm thứ 4 (1473). (Minh, năm Thanh Hóa thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua thân hành cày tịch điền¹².

Nhà vua thân hành đem quần thần cày tịch điền, để khuyến khích nhân dân trong nước.

Tháng 3. Nhà vua đi tuần di Tây Kinh, bèn vào bái yết từ đường Thuận Mậu.

¹ Tức những người dự thi, những người này đều đã đỗ ở trường thi hương tại các đạo, mới được vào thi hội, nên gọi là cử tử.

² Nt.

³ Xem chú thích số 1, Chb. VII, 5 và lời chua của cương mục quyển XIX, tờ 6.

⁴ Thi ở bộ Lễ, vua cử văn thần làm chủ khảo và các trường quan.

⁵ Người đã trúng tuyển đủ các kỳ thi ở bộ Lễ, mới được vào thi ở điện đình, gọi là điện thí hoặc đình thí, phần nhiều do chính vua thân hành ra đầu bài.

⁶ Trạng Nguyên.

⁷ Bảng Nhãn.

⁸ Thám Hoa.

⁹ Hoàng Giáp.

¹⁰ Tiến sĩ.

¹¹ Hàng tháng, từ mồng một đến mồng mười, gọi là thượng tuần, trong 10 ngày ấy ngày nào gặp hàng can có chữ đình tức ngày thượng đình; tháng 2 là trọng xuân, tháng 8 là trọng thu, vì hai tháng này là tháng 2 trong mỗi mùa. Văn Miếu tế Khổng Tử và các tiên hiền, tiên nho. Sở dĩ dùng ngày đình, lấy nghĩa đình thuộc hành hỏa, hỏa giữ về văn chương.

¹² Ruộng đứng riêng một thửa, để chính vua tự tay ra cày, hoa lợi dùng vào việc tế lễ ở nhà tông miếu, nhưng thực ra gặp vua chúa nào chú trọng về việc làm ruộng, thỉnh thoảng cũng đem quần thần đến cày một vài sá để cho đủ lệ. Còn thì phần nhiều là nhờ vào sức dân, nên tịch điền cũng có chỗ chép là tạ điền.

Nhà vua đi tuần du Tây Kinh, bái yết lăng miếu, bèn ngự thuyền nhỏ đến bái yết từ đường Thuần Mậu.

lời chua-Từ đường Thuần Mậu: Xem năm Hồng Đức thứ nhất (Chb. XXI, 37).

Tháng 3. Đại hạn, cầu đảo, ngày hôm sau mưa.

Lúc ấy trời đại hạn, nhà vua thân hành cầu đảo ở Thái Miếu, lại sai quan đi cầu đảo khắp các đền thờ thần. Ngày hôm sau mưa.

Tháng 4, mùa hạ. Mưa to luôn 3 ngày.

Xét định chức trách của Ngự sử đài và Hiến sát sứ ti.

Nhà vua xét định chức trách các ti Ngự sử đài trong kinh và Hiến sát sứ ngoài các đạo.

- Giám sát Ngự sử đạo Thanh Hóa-Nghệ An: giữ công việc lực sĩ các ti trong vệ Cẩm Y+ti canh ban Xá nhân+ti Ngũ Thành binh mã+ti Nghi Vệ+các quân vệ Cẩm Y+Trung quân phủ cùng việc quân và dân thuộc Thanh Hóa-Nghệ An.
- Giám sát Ngự sử đạo Hải Dương-An Bang: giữ công việc tráng sĩ ti Thần tí+các quân vệ Kim Ngô+bốn vệ Thần Sách+Đông Quân phủ cùng công việc quân và dân thuộc Hải Dương-An Bang.
- Giám sát Ngự sử đạo Sơn Nam-Thuận Hóa-Quảng Nam: giữ công việc sáu vệ ti Điện Tiền+Nam Quan phủ cùng công việc quân và dân thuộc Sơn Nam-Thuận Hóa-Quảng Nam.
- Giám sát Ngự sử đạo Sơn Tây-Hưng Hóa: giữ công việc bốn vệ Hiệu Lực+bốn vệ Tuần Tượng+bốn vệ Mã Nhân+Tây Quân phủ cùng công việc quân và dân thuộc Sơn Tây-Hưng Hóa.
- Giám sát Ngự sử đạo Kinh Bắc-Lạng Sơn: giữ công việc ở giám Thượng Y+giám Ngự Dụng+các thợ trong bộ Công+cục Tuyên Đạt+các ti sở Đồn Điền, Tầm Tang, Tinh Mễ, Thực Thái, Điển Mục+Bắc quân phủ cùng việc quân và dân thuộc Kinh Bắc-Lạng Sơn.
- Giám sát Ngự sử đạo Thái Nguyên-Tuyên Quang: giữ công việc Tuyên Đạt trừ+Thị vệ cục+Phụng Trục quân cùng việc quân và dân thuộc Thái Nguyên-Tuyên Quang.

Ngự sử đài trông coi cả công việc của Ngự sử 13 đạo.

Về chức trách Hiến sát sứ và Hiến sát phó sứ ở 13 đạo thì: chuyên giữ các việc trình bày lời nói phải trái+dò hỏi điều tra và đàn hạch những việc làm trái phép+thẩm cứu xét hỏi việc ngục tụng+xét duyệt công trạng của quan lại+đi tuần hành trong địa phương hạt mình.

Nhà vua dụ bao rằng: "Ai nấy đều phải kính cẩn công việc của mình"¹, đây là lời bàn canh² dạy bảo các quan tại chức: "Kính cẩn công việc mình hiện giữ"³, đây là lời Thành Vương⁴ khuyên nhủ trăm quan. Những viên quan giữ về phong hóa trong nước, hiến pháp triều đình, chức trách là phải tham hạch, phải điều tra xem xét. Vậy phạm các nha môn ở trong kinh có những việc tham tang, việc trái phép cùng tất cả sự lợi hại về việc công, đều do viên quan giữ trách nhiệm xét hỏi thi hành; quan lại ba ti⁵ ở ngoài các đạo, có việc tham ô, việc ngục tụng oan uổng và mọi việc công phát sinh ở phủ, huyện, châu, thì do các viên Hiến sát từng đạo chuẩn theo lý lẽ thi hành".

Tháng 9, mùa thu. Mưa to.

¹ Lấy điển ở thiên Bàn Canh trong kinh Thượng Thư, nguyên văn là "các cung nhĩ sự"

² Một ông vua hiền đời Ân Thương.

³ Lấy điển ở thiên Chu Quan trong kinh Thượng Thư, nguyên văn là "khâm nãi du tì" (Cương mục in chữ "khâm" là "thận").

⁴ Một ông vua hiền đời Thành Chu.

⁵ Đô tổng binh sứ ti, Thừa chính sứ ti và Hiến sát sứ ti.

Giáp Ngọ, năm thứ 5 (1474). (Minh, năm Thanh Hóa thứ 10).**Tháng 4, mùa hạ. Định thể lệ về người thừa tự của con cháu các bầy tôi tử tiết.**

Nhà vua hạ sắc lệnh: Những trung thần, nghĩa sĩ, như bọn Trần Khắc Chân triều trước và Đào Biểu triều này, đều do các quan thừa chính, hiến sát và phủ huyện tìm hỏi lấy con cháu họ mỗi hạng một người, tâu bày đủ chứng cứ xác đáng, triều đình sẽ ban cho chức nhàn tản; nếu người nào không có con cháu thì cho tìm lấy một người thân thuộc, triều đình sẽ miễn cho việc tuyển ra lính và phú dịch, để phụng sự hương hỏa.

Lời chua-Trần Khắc Chân: Người làng Khả Lãng, huyện Vĩnh Lộc, làm đại tướng quân thời Trần Thuận Tông, bị Hồ Quý Ly giết, xem Trần Thiếu đế, năm Kiến Tân thứ 2 (Chb. XI, 34).

Đào Biểu: Xem Lê Nhân Tông, năm Diên Ninh thứ 6 (Chb. XVIII, 34, 35).

Lại Bộ thị lang Hà Nghiễm bị giao xuống ngục. Hà Nghiễm bị chết.

Lại Bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiêm và bộ thị lang Hà Nghiễm, Trần Tuân, phần nhiều đem viên quan giữ chức nơi biên viễn chuyển bổ về nơi cận tiện, đem viên quan ở nơi lam chướng chuyển bổ đến nơi màu mỡ tốt. Nhà vua hạ lệnh cho hình quan xét hỏi. Hà Nghiễm vì lo sợ mà chết. Nhà vua dụ bảo thái bảo Lê Niệm rằng: "Hà Nghiễm chết, có ba điều không may: theo pháp luật tội chưa đáng chết, mà hãn vộ phải chết uống, đây là một điều không may; ta không có lòng muốn giết hãn, mà phải mang tiếng lạm phép giết người, đây là hai điều không may; việc này chưa kịp xét hỏi đến Nhân Thiêm mà Nghiễm đã chết ngay, đây là ba điều không may".

Lời chua-Hà Nghiễm: Người xã Kim Hoa, huyện Kim Hoa¹, đỗ đồng tiến sĩ khoa Bính Tuất, năm Quang Thuận thứ 7 (1466).

Tháng 9, mùa thu. Mộ quân đi đánh Sơn Nam.

Trước đây, Sơn Nam ở châu Bằng Tường nhà Minh lấn cướp dọc biên giới Lạng Sơn, nhà vua định mệnh "chinh man" gồm 10 điều, sai quân đi đánh, đuổi ra ngoài quan ải. Đến đây, Sơn Nam lại quấy rối nơi biên cảnh, nhà vua cho chiêu mộ quân và dân, người nào tình nguyện tòng chinh, thì tháng 10 sẽ xuất phát.

Lời chua-Bằng Tường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ II (Chb. VI, 24).

Tháng 10, mùa đông. Sửa đắp thành ở kinh đô.

Tường thành ở kinh đô, nhiều chỗ vỡ lở sút mẻ, cho nên sửa đắp lại.

Nước Ai Lao sang cống nạp.

Lời chua-Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9, 10).

¹ Nay thuộc xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XXIII

Từ Ất Mùi, năm Hồng Đức thứ 6 (1475) đến Giáp Thìn, năm Hồng Đức thứ 15 (1484) đời Lê Thánh Tông, gồm 10 năm.

Ất Mùi, năm Hồng Đức thứ 6 (1475) (Minh, năm Thành Hóa thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Quách Cảnh nhà Minh sang nước ta.

Tiền Năng, trấn thủ Vân Nam nhà Minh sai Quách Cảnh, Kim Ngô vệ chỉ huy sứ, theo đường sông Thao sang nước ta, nói phao là đuổi bắt người trốn tránh. Khi Quách Cảnh trở về, nhà vua sai bọn Lê Niệm, Hoàng Nhân Thiêm làm thơ, nhà vua tự mình làm bài tựa để tiễn hành. Bài tựa ấy nhà vua đứng tên tự xưng hiệu là "Thiên nam động chủ đạo am".

Lời cần án-Minh sử về truyện An Nam chép: "Năm Thành Hóa thứ 2 (1475), trung quan Tiền Năng, trấn thủ Vân Nam, là người tham lam càn rỡ, hãm sai chỉ huy Quách Cảnh đem sắc thư sang An Nam đòi lấy của báu. Lê Vương có ý muốn nhòm ngó Vân Nam, bèn mượn tiếng đưa giải những người phạm tội ở Long Châu thuộc Quảng Tây theo Quách Cảnh đi nhờ đường Vân Nam để vào kinh, đòi bắt hơn 600 phu, rồi lại cho quân kế tiếp đi theo sau, làm cho Vân Nam bị quấy rối nhiều quá. Quan chức bộ binh nói: "Vân Nam không phải là đường tiến cống, còn người Long Châu phạm tội thì phải giải giao cho Quảng Tây, không cần phải đưa vào kinh". Rồi bộ Binh bèn ra lệnh cho bày tội giữ biên cảnh, làm văn thư dụ bảo và phòng bị biên cảnh cho nghiêm ngặt. Việc chép trên này cùng với việc chép ở đây cũng ăn khớp với nhau, nhưng việc đưa giải người phạm tội và việc cho quân kế tiếp, thì Sử cũ bỏ sót không chép. Vậy hãy chép ra đây để phòng khi khảo cứu.

Lời chua-Vân Nam: Xem Bình Định Vương năm thứ 10.

Sông Thao: Xem Lý Nhân Tông, năm Hội Phong thứ 5 (Chb. IV, 2).

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn, vỡ đê Tô Lịch.

Lời chua-Đê Tô Lịch: Bây giờ ở huyện Vĩnh Thuận.

Đặt chức quan hà đê và quan khuyến nông.

Nhà vua ra sắc lệnh cho trong nước sửa đắp đê điều và đường sá, đặt chức quan hà đê trông coi công việc này; lại đặt chức quan khuyến nông để đôn đốc dân về việc cày cấy.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan thức chính, hiến sát và phủ huyện: phạm ruộng cấy lúa mùa nào có thể giữ được nước lại để cấy lúa chiêm, thì sau mùa nước đã rút, các viên ấy trách cứ các quan hà đê và quan khuyến nông phải đi xem xét địa thế, đốc sức nhân dân bồi đắp bờ ruộng giữ lấy nước, để nhân dân có thể cày cấy được kịp thời vụ, không được tráo mắt ngồi nhìn sự đau đớn của dân để dân lâm vào cảnh khổ sở đói rét.

Bính Thân, năm thứ 7 (1476). (Minh, năm Thành Hóa thứ 12).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua ra nhà Thái Học, làm lễ thích điện dâng tiên sư.

Nhà vua tự mình làm lễ thích điện dâng tiên điện sư và sai văn thần chia nhau làm lễ tế ở hai bên bàn thờ đông vũ và tây vũ¹.

¹ Bàn thờ tiên hiền, tiên nho theo đạo Khổng. Bàn thờ này đặt ở hai bên giải vũ, cũng có nơi gọi là tả vu, hữu vu.

Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh, tháng 3 trở về cung.

Đại xá cho trong nước.

Từ mùa đông năm trước đến tháng 4 mùa hạ năm nay, không mưa.

Nhà vua thấy qua mùa này đến mùa khác không mưa, thân hành cầu đảo đấng thượng đế.

Tháng 8, mùa thu. Cung vương Khắc Xương phải giao xuống hình ngục, Khắc Xương chết.

Cung vương, con thứ ba của Lê Thái Tông, và là thứ huynh nhà vua¹. Vương tính tình nhã nhặn, đạ m bạc, đồ mặc và đồ dùng đều sèn nhật, có tiết độ, giữ mình kính cẩn như học trò. Năm Đại Bảo thứ 2 (1441), bắt đầu được phong là Tân Bình vương, đến lúc Nghi Dân cướp ngôi, đổi phong là Cung vương. Cuối năm Diên Ninh (1454-1459), sau khi đã truất ngôi Nghi Dân, đại thần là bọn Lê Lăng muốn rước về lập làm vua, nhưng Cung vương cố ý từ chối, đại thần bèn rước lập nhà vua. Nhà vua nghe được việc này, có ý không bằng lòng². Sau khi Lê Lăng đã bị giết, nhà vua đối với Cung vương vẫn đem lòng ngờ ghét. Đến nay, có người tố cáo Cung vương mưu làm việc phản nghịch, nhà vua hạ chiếu bắt để trị tội, Cung vương vì lo sợ rồi chết.

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước đây, vua nhà Minh lập hoàng tử Hựu Xanh làm hoàng thái tử, sai Lê bộ lang trung Trương Đình Cương đem sắc thư khuyên báo cáo và ban cho lụa hoa, lại khuyên nhà vua trả lại đất đai cho Chiêm Thành. Đến đây, nhà vua sai: Bùi Sơn, Vương Khắc Thuật và Chử Phong sang mừng việc lập hoàng thái tử; Lê Tấn, Ông Nghĩa Đạt sang tạ ơn việc ban cho lụa hoa; Nguyễn Tế sang nói về việc đất đai Chiêm Thành.

Lời can án-Theo Minh Sử, Minh đế sai sứ sang khuyên Lê Vương trả lại đất đai cho Chiêm Thành. Lê Vương sai sứ thần sang tâu nói: "Chiêm Thành không phải là đất màu mỡ gì, lấy được đất nước ấy không thể ở được, bắt được dân nước ấy không thể sai khiến được. Nay vâng tờ mệnh chiếu bảo tôi trả lại đất đai cho nước ấy, vậy xin bệ hạ sai sứ thần của triều đình sang chia vạch rõ lại giới mốc đất đai, để cho dân ở biên cảnh hai nước được yên nghĩ, như thế tôi rất làm mãn nguyện". Việc chép trong Minh sử cùng việc chép về điều này có phần ăn khớp với nhau, cho nên phụ lục ở đây.

Lời chua-Ông Nghĩa Đạt: Người xã Phú Gia, huyện Từ Liêm, đỗ đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi năm Hồng Đức thứ 6 (1475).

Nguyễn Tế: Người xã Văn Thai, huyện Cẩm Giàng, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Dậu, Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 2 (1453).

Đinh Dậu, năm thứ 8 (1477). (Minh, năm Thành Hóa thứ 13).

Tháng 2 nhuận, mùa xuân. Đắp thành Đại La cho kiên cố thêm.

Lời chua-Thành Đại La: Xem Thuộc Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb. V, 10).

Tháng 3. Định rõ lại thể lệ tuyển dụng con cháu của quan viên.

Theo chế độ cũ.

- Con trưởng và các con của quan văn, quan võ hàm nhất, nhị phẩm+con trưởng của viên quan hàm tam phẩm+cháu của tước công, tước hầu và tước bá, nếu người nào không thể theo học đường, cho sung vào tuần sĩ vệ Cẩm Y, người nào có thể theo học được, cho sung vào nho sinh quán Chiêu Văn;

¹ Thái Tông là con thứ tư của Thái Tông, nên gọi Cung vương là thứ huynh.

² Xem thêm Chính biên quyển XIX, tờ 5, 20-21.

- Các con của viên quan văn, quan võ hàm tam phẩm+con trưởng và các con của viên quan hàm tứ, ngũ, lục, thất, bát phẩm+hai người con của viên quan hàm cửu phẩm+cháu của các viên quan hàm lục phẩm trở lên, nếu người nào không thể theo học được, cho sung vào quân vệ Vũ Lâm; người nào có thể theo học được, cho sung vào nho sinh cục Tú Lâm; người nào có tài làm lại điển, thì khảo hạch, rồi cho bổ sung lại điển các nha môn trong kinh và ngoài các đạo;
- Các con của viên quan hàm cửu phẩm+cháu của các viên quan hàm thất, bát phẩm, thì lựa chọn để bổ sung làm lính, cũng như con của bách tính.

Đến nay, vì có lời đề nghị của hàn lâm thừa chỉ là bọn Thân Nhân Trung, nên nhà vua chuẩn định: các con và cháu trưởng của tước công, tước hầu, tước bá¹ cùng con trưởng của viên quan văn, quan võ hàm nhị, tam phẩm trở xuống đến bát phẩm, người nào ít tuổi, chăm học, cho sung vào học sinh quán Chiêu Văn để học tập; bộ Lại lựa chọn làm chức tư huấn, điển nghĩa, để chuyên việc dạy dỗ; cứ ba năm một lần tâu bày một cách đầy đủ, đưa sang bộ Lễ thi khảo. Học sinh phải ám tả một bài kinh nghĩa, hai bài tứ thư nghĩa, ai trúng tuyển sẽ được bổ sung các chức về văn ban. Còn người nào tuổi đã lớn mà tư chất lỗ độn, muốn tập nghề võ thì do vệ Cẩm Y huấn luyện, mỗi ngày học sinh phải đến trường đua võ, tập các võ nghệ: bắn cung tên, phóng thủ tiễn² và đấu khiên³ v.v... mỗi năm cứ đến tháng quý đông (tháng chạp âm lịch) vệ Cẩm Y phái quan đi khảo sát việc ganh đua võ nghệ của học sinh, đến năm thứ ba đưa sang bộ Binh thi khảo, ai trúng tuyển sẽ bổ vào các chức võ úy.

Nhà vua ra sắc lệnh: con các quan viên sung vào nho sinh cục Tú Lâm, mỗi ngày một nhiều. Vệ bộ Lại chọn trong viện Hàn Lâm, lấy ba người có học hạnh kiêm giữ chức tư huấn cục Tú Lâm để dạy bảo nho sinh học tập.

Nhà vua ra sắc lệnh định phép thi khảo cháu các quan viên: thí sinh phải làm một bài biểu, một bài toán, ai trúng tuyển sẽ được ấm bổ.

Lời chua-Chiêu văn quán, Tú lâm cục: Điển lệ quan chế triều Lê: Chiêu văn quán và Tú Lâm cục đều thuộc viện Hàn Lâm, quan chức đều đặt một viên tư huấn và một viên điển nghĩa.

Định rõ lại chế độ cấp lộc cho các quan trong kinh và ngoài các đạo.

Trước đây, định thể lệ quan bổng và chế độ quan lộc của trăm quan đều tùy theo chức vị^{65c} phiên hay giản, chia ra từng hạng: giản, thái giản; nhàn tản. Bổng lộc từ cao đến thấp theo thể lệ bớt dần đều có nhiều ít khác nhau. Đến đây, nhà vua định rõ lại chế độ cấp lộc cho các quan trong kinh và ngoài các đạo.

Tờ chiếu nói: Lộc để khuyến người có công, tùy theo công việc nặng hay nhẹ, những hoàng tông và công thần tuy không có hạng định về phẩm tước, mà cấp lộc còn có từng bậc khác nhau, hưởng chi các quan văn, quan võ trong kinh và ngoài các đạo chức việc không giống nhau, thì việc cấp lộc nên làm cho tỏ rõ việc nặng nhọc, việc nhàn rỗi. Vậy hoặc có người nào kiêm giữ một chức quan ngang với phẩm trật của mình, thì được cấp lộc theo chức phiên kịch; người nào chức thấp mà kiêm giữ một chức cao; thì được tính theo chức sở kiêm, mà bớt dần đến phẩm trật chính của mình, rồi tùy theo chức việc phiên hay giản mà định số lộc cấp phát; người nào chức cao mà làm (nguyên văn chép chữ "hành") công việc chức thấp thì được tính theo chức sở hành, mà tiến dần đến phẩm trật của mình, rồi tùy theo chức phiên hay giản mà định số lộc cấp phát. Đại khái, quan trong kinh, nếu giữ chức phiên kịch thì cấp bổng lộc tiến lên hai bậc, chức phiên kịch vừa tiến lên một bậc; chức giản dị lùi xuống một bậc, chức giản dị lắm lùi xuống hai bậc. Quan ngoài các đạo, nếu giữ chức phiên kịch thì bổng lộc lùi xuống một bậc, chức phiên kịch

¹ Về tiêu chuẩn này, Việt Sử thực lục chép là cháu trưởng của các tước: công, hầu, bá, tử, nam, không chép các con (chúng tử) của các tước ấy.

² Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XV, tờ 14.

³ Một thứ binh khí thời cổ. Hán văn chép là "thuấn", ta thường gọi là khiên, mộc hoặc lá chắn. Cách chế: hoặc đan bằng tre, bằng mây hoặc làm bằng gỗ. Tác dụng: trong khi hai bên đánh nhau, bên nọ dùng để đỡ mũi tên hoặc giáo mác của bên kia.

vừa lùi xuống hai bậc; chức giản dị lắm lùi xuống ba bậc. Về phần thí quan¹ thì sau khi đã theo chức phiên hay giản để tính bổng lộc tiến hay lùi rồi, lại cấp lộc lùi xuống ba bậc nữa.

Lời cần án-Theo Chức quan chí trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì đời Hồng Đức định bổng lộc các quan có chế độ chức quan phiên hay giản, bổng lộc tiến hay lùi. Đại lược là bổng lộc bớt đi, phẩm trật thấp xuống, không để cho viên quan nào không có việc mà ăn không. Nhưng đây chỉ là cấp tiền bổng lộc trong một năm mà thôi, ngoài bổng lộc ra lại cấp cho ruộng đất, bãi và thực tiễn thay thế cho đầm nữa, chủ yếu cốt để cân nhắc người khó nhọc, người có tài năng, mà quyết định bổng lộc phẩm trật cho thích đáng. Phép tắc thể lệ thật là đầy đủ.

Lời chua-Chế độ quan lộc: Theo Hồng Đức Thiên nam dư hạ tập, thì chế độ cấp lộc cho các quan trong kinh và ngoài các đạo như thế này:

Hoàng thái tử riền 500 quan; thân vương tiền 200 quan, kém hoàng thái tử 300 quan; tự thân vương 140 quan, kém thân vương 60 quan; hoàng tôn được phong quốc công 127 quan, kém tự thân vương 13 quan.

Quận công 120 quan; tước hầu 13 quan, tước bá 106 quan, hoàng tăng tôn phong tước hầu 99 quan, phong tước bá cùng phò mã đô úy 92 quan (bớt dần mỗi bậc đều 7 quan).

Chánh nhất phẩm 80 quan; tòng nhất phẩm 74 quan; chánh nhị phẩm 68 quan; tòng nhị phẩm 62 quan; chánh tam phẩm 56 quan (bớt dần mỗi bậc đều 6 quan).

Tòng tam phẩm 52 quan; chánh tứ phẩm 48 quan; tòng tứ phẩm 44 quan; chánh ngũ phẩm 40 quan, tòng ngũ phẩm 36 quan (bớt dần mỗi bậc đều 4 quan).

Chánh lục phẩm 33 quan; tòng lục phẩm 30 quan; chánh thất phẩm 27 quan; tòng thất phẩm 24 quan; chánh bát phẩm 21 quan; tòng bát phẩm 18 quan (bớt dần mỗi bậc đều 3 quan).

Chánh cửu phẩm 16 quan; tòng cửu phẩm 14 quan; giản nha môn 12 quan; thái giản nha môn 10 quan, nhàn tản nha môn 8 quan; thái nhàn tản nha môn 6 quan (bớt dần mỗi bậc 2 quan).

Kiểm: Nghĩa là hiện làm chức này mà kiêm giữ một chức khác nữa: có người kiêm chức ngang với phẩm trật của mình; có người phẩm trật cao mà kiêm chức thấp; có người phẩm trật thấp mà kiêm chức cao.

Hành: Nghĩa là người phẩm hàm cao làm chức vụ thấp.

Thí: Nghĩa là người phẩm hàm thấp mà thí sai làm chức vụ cao.

Tiền cấp: Ví dụ: Người hàm chánh nhị phẩm được tiến lên một cấp tức là tòng nhất phẩm, được tiến lên hai cấp tức là chánh nhất phẩm.

Thoái cấp: Ví dụ: Người hàm chánh nhị phẩm thoái xuống một cấp tức là tòng nhị phẩm, thoái xuống hai cấp tức là chánh tam phẩm, thoái xuống ba cấp tức là tòng tam phẩm. Ngoài ra cứ theo thể lệ này mà suy ra.

Tháng 4, mùa hạ. Hạ sắc lệnh cho các quan thừa chính, hiến sát và phủ, huyện phải hết lòng về việc làm ruộng.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các quan thừa chính, hiến sát và phủ, huyện: nếu người nào khinh thường việc làm ruộng, như hạn hán mà không cầu đảo, nước lụt mà không khai thông, thấy việc có lợi cho việc nông mà không chấn hưng ngay, thấy việc có hại cho việc nông mà không trừ khử ngay, thấy tai biến mà không cầu cúng tống tiễn; những người ấy đều phải luận vào tội lưu.

¹ Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

Tháng 12, mùa đông. Cấm bày tội trong cung cùng các quan ở ngoài giao kết riêng với nhau.

Nhà vua ra sắc dụ: Bày tội trong cung và bày tội ở ngoài nếu giao kết riêng với nhau sẽ bị luận vào tội chết chém. Nếu viên quan cai quản không biết kiểm xét tâu hặc việc tư giao ấy sẽ bị luận vào tội lưu. Các ty vệ Cẩm Y, Kim Ngô, Thần Võ, Điện Tiền, Hiệu Lực, Tráng Sĩ cùng các quan văn quan võ, nếu không phải là người thân thuộc với nhau, mà mượn cố dùng lễ vật biếu xén để hai bên giao kết với nhau, đều phải giao xuống đình úy trị tội.

Định tư cách của lại sử¹.

Lại sử ở các nha môn trong kinh và ngoài các đạo, lấy giám sinh, nho sinh, sinh đồ và những người trúng tuyển kỳ thi viết chữ và tính toán để sung bổ.

Trong kinh: lại sử ở các nha môn bổ dụng những người có xuất thân, thì người lại ấy bắt đầu sung làm thư lại, làm việc ba năm sung làm đạt lại, lại một năm sung làm điển lại, sau làm việc một năm nữa, không phạm lỗi, được thăng lên đô lại.

Niên hạn các lại sử định như sau này:

- Làm án lại ở trực Kim Quang điện+hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô+Ty Đình úy, phải 8 năm.
- Làm triều đường lại, phải 9 năm.
- Làm lại ở: bốn bộ Lại, Hộ, Binh, Hình+Đông các học sĩ+Ngự sử đài+ba khoa Hộ, Binh, Hình, đều phải 10 năm.
- Làm lại ở các nha môn: ty Thần võ+Hiệu lực+Điện tiền+Ngũ phủ+Đề lãnh+hai bộ Lễ và Công+viện Hàn Lâm+Sử quán+ba khoa Lại, Lễ và Công+lục tự+Kim quang môn đãi chiếu+ty Thông chính sử+Nội vụ giám+Ngự dụng giám đều phải 11 năm.

Những người kể trên lại phải làm việc luôn ba năm trong một ban mà đều không phạm lỗi mới được sung vào hạng lại sử ở các nha môn bổ dụng người có xuất thân.

Còn như có người nào thi hội đã trúng được một, hai, ba kỳ thì viên quan có trách nhiệm liệu xét tài năng của họ mà tiến cử, sẽ chiếu theo thể lệ để cất nhắc, không câu nệ niên hạn.

Trong kinh: lại sử ở các nha môn bổ dụng người không có xuất thân, thì bắt đầu sung làm thông lại, làm việc 6 năm sung làm để lại, làm việc 3 năm nữa thăng sung đô lại ở nha môn bổ dụng người có xuất thân.

Lệnh sử ở phủ thân vương, phủ công chúa và nha môn hoàng tử+quốc công+quận công+tướng hầu+tướng bá+tướng tử+tướng nam, thì bắt đầu sung làm á lệnh sử, làm việc ba năm mà không phạm lỗi, thăng sung thừa lệnh sử ở bản phủ hoặc bản nha, lại làm việc ba năm nữa thăng sung đô lại ở nha môn bổ dụng người có xuất thân.

Những lại sử nói trên, đều chuẩn theo niên hạn đã định liệt vào hạng xuất thân.

Những người lại ở nha môn các đạo bên ngoài, cũng như những người lại tại nha môn bổ dụng người không có xuất thân ở trong kinh.

Đến kỳ tuyển bổ quan chức, thì bộ Lại đưa công văn cho viên quan thượng ty từng nha, để viên quan ấy đề cử người thanh liêm, cần mẫn, lão luyện, thông thạo đáng được bổ dụng, rồi cho bộ Lại tâu bày đầy đủ dẫn vào triều đường để lựa chọn, sẽ cất nhắc bổ vào chức quan tá nhị ở châu, ở huyện; nếu có người thi hội đã được trúng một, hai, ba kỳ sẽ bổ làm quan chính thức ở châu, ở huyện cùng các chức kinh lịch, khố sử, phó sử.

Lời chua-Tư cách: Theo điển lệ quan chế trong cuốn Hồng Đức Thiên nam dư hạ tập.

¹ Lại sử: Như nhân viên hành chính, văn phòng ngày nay.

Trong kinh: Nha môn bổ dụng người lại sử có xuất thân.

Hạng án lại: trực Kim quang điện 8 người-vệ Cẩm Y 23 người-vệ Kim Ngô 17 người-ty Đình úy 8 người-ty Hải Thanh lực sĩ 2 người+Trung thư giám hoa văn học sinh 100 người.

Hạng án lại: Trực Kim quang điện 8 người-vệ Cẩm Y 23 người-vệ Kim Ngô 17 người-ty Đình úy 8 người-ty Hải Thanh lực sĩ 2 người-Trung thư giám hoa văn học sinh 100 người.

Hạng lại "Triều đường 6 người+Đô đốc năm phủ đều 6 người-ty Điện tiền đô kiểm điểm 13 người-quân vụ thuộc bốn vệ Hiệu lực và bốn vệ Thần võ đều 8 người-Bộ đường ở ba bộ Lại và Binh đều 21 người-Bộ đường bộ Lễ 13 người. Bộ đường bộ Hình 17 người-Bộ đường bộ Công 15 người-Đề lãnh tứ thành quân vụ+Đông các học sĩ 8 người-Hàn lâm viện 9 người-Sử quan 8 người-ba khoa Lại, Lễ và Công đều 21 người-hai khoa Hộ và Binh đều 51 người-Hình khoa 32 người-ty Thuyên khảo thuộc bộ Lại 59 người-ty Bản tịch thuộc bộ Hộ 80 người-ty Độ chi 29 người-ty Nghi chế thuộc bộ Lễ 18 người-ty Võ khố 47 người-ty Quân vụ thuộc bộ Binh 100 người-ty Ngũ hình mỗi ty đều 30 người-thuộc bộ Công: ty Doanh thiện 19 người+ty công trình 11 người-Đề hình giám sát ngự sử 6 người-Thanh Hóa đạo giám sát ngự sử 7 người, 11 đạo giám sát ngự sử mỗi đạo 5 người, Quảng Nam đạo giám sát ngự sử 4 người-Đại lý tự 29 người-Thái thường tự 7 người-Quang lộc tự 8 người-Hồng lô tự 8 người-Thái bộc tự 12 người-Thượng bảo tự 18 người-Thông chính sứ ty 24 người-Kim quang môn đãi chiếu 3 người-Nội phủ giám 6 người-Ngự dụng giám 4 người-Thượng y giám 3 người-Tương tác giám 3 người-Huy văn điện 12 người.

Trong kinh: Nha môn bổ dụng người không có xuất thân:

Hạng lại: Ba ty Thần võ tráng sĩ, Du nỗ tráng sĩ và Thân tỳ tráng sĩ, mỗi ty 3 người-bốn vệ Thần võ+ty Điện tiền+ty Binh mã lang tướng ở bốn cửa hoàng thành và trung thành+kho Hàm thông đều 2 người-kho Thiên mộc, kho Trúc mộc, kho Tang phạt đều 11 người-kho Thiên Oai 2 người-kho Phong Trừ 6 người-Thái y đường và Tề sinh đường đều 11 người-Sở lương y 10 người-Tông nhân phủ 3 người-ty Thông sự 10 người+điện Trường quang 10 người+sáu sở: Bảo nguyên, Trúc mộc, Khí giới, Chung Thổ, Yên Bí và Doanh tạo thuộc bộ Công mỗi sở 2 người-phủ Phụng Thiên 13 người-tự thiên giám 23 người-Hội đồng quán 2 người, hai huyện Vinh Xương và Quảng Đức mỗi huyện 11 người-cục Thừa dụ 2 người-ty Thị mã 5 người-Sở Lương y ở trực Kim Quang điện và các vệ Cẩm Y, Kim Ngô, Điện Tiền, Thần Võ, Hiệu Lực mỗi sở đều 3 người.

Hạng lệnh sử: phủ Thân vương 33 người-phủ thân công chúa 29 người-Hoàng tông công nha 25 người-Quốc công nha 23 người-Quận công nha 21 người-Hoàng tông hầu nha 19 người-Hầu nha 17 người-Hoàng tông bá nha 15 người-Phò mã đô úy nha 13 người-Hoàng tông tử và hoàng tông nam nha 11 người.

Hạng lại ở nha môn các đạo ngoài kinh thành:

12 xứ: Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Tuyên Quang, An Bang, Thái Nguyên, Hưng Hóa và Lạng Sơn. Về ty Đô tổng binh sứ mỗi ty 2 người¹; ty Thừa chính sứ mỗi ty 52 người, ty Hiến sát sứ mỗi ty 17 người; xứ Quảng Nam: ty Thừa chính sứ 15 người, ty Hiến sát sứ 8 người. Sơn lăng giám 5 người; Lam sơn lăng 6 người. Sở thái bộc tự ở Thanh Hóa, Nghệ An và Thuận Hóa mỗi sở 2 người. Phủ, châu, huyện liệt vào hạng phiên kịch mỗi nha môn 8 người; phủ, châu, huyện liệt vào hạng giản việc mỗi nha môn 7 người; phủ, châu, huyện liệt vào hạng thái

¹ Đô tổng binh sứ là một ty trọng yếu trong một xứ, mà số lại sử chỉ có 2 người, kém xa với số lại sử ở ty Thừa chính sứ và Hiến sát sứ. Con số "2" này có lẽ nguyên văn chép sai.

giản mỗi nha môn 4 người. Các phủ: y học mỗi phủ 3 người; trường mật dịch mỗi trường 4 người.

Định thể lệ truy phong và ấm phong.

Con trai, con gái trong hoàng tông đều được ấm phong; hoàng thái hậu, hoàng hậu, tam phi, cửu tần, lục chức và nữ quan trong cung đều được truy phong cho ông, bà, cha mẹ; các quan văn, quan võ từ hàng tòng phẩm trở lên được truy phong cho ông bà, cha mẹ và phong ấm cho con đều có cấp bậc khác nhau. Người được truy phong chỉ một bản thân người ấy được gia phong quan tước, không được trao cho quan chức, không được bổng lộc và không được viện lệ xin phong ấm.

Lời chúa-Thể lệ truy phong và ấm phong: Theo mục Chức quan chí trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, hoàng trưởng tử tức là hoàng thái tử; hoàng tử đều phong là thân vương; hoàng nữ phong là công chúa.

Con trai trưởng của hoàng thái tử tức là hoàng thái tôn, con trưởng của thân vương tức là tự thân vương, các con trai thứ của hoàng thái tử và của thân vương đều phong tước công, con gái đều phong quận thượng chúa.

Con trai trưởng của hoàng thái tôn là hoàng tăng tôn, các con trai thứ đều phong tước bá, con gái phong quận chúa.

Con trai trưởng của tự thân vương và của công chúa đều phong tước hầu, các con trai thứ đều phong tước bá, con gái đều phong á quận chúa.

Con trai trưởng của tước hầu, tước bá đều phong tước tử, các con trai thứ đều phong tước nam, con gái phong quận quân.

Các con của tước tử, tước nam đều phong tá quốc sứ, con gái phong á quận quân.

Con trai của tá quốc sứ phong là phụng quốc sứ, con gái phong là huyện thượng quân.

Con trai của phụng quốc sứ phong là dục quốc sứ, con gái phong là huyện quân.

Con trai của dục quốc sứ phong là lượng quốc sứ, con gái phong là á huyện quân.

Hoàng thái hậu được truy phong tam đại: cha phong quốc công, mẹ phong quốc phu nhân, tổ phụ (ông) phong quận công, tổ mẫu (bà) phong quận phu nhân, tăng tổ phụ (cụ ông) phong tước hầu, tăng tổ mẫu (cụ bà) phong chính phu nhân.

Hoàng hậu được truy phong nhị đại: cha phong quận công, mẹ phong quận phu nhân, tổ phụ phong hầu, tổ mẫu phong chính phu nhân.

Tam phi tức là quý phi, minh phi và kính phi được truy phong nhị đại; cha phong tả đô đốc, mẹ phong đoan nhân, tổ phụ phong đô đốc đồng tri, tổ mẫu phong thuận nhân.

Cửu tần được truy phong nhất đại. Về hàng tam chiêu tức là chiêu nghi, chiêu dung, chiêu viên, cha phong đô đốc đồng tri, mẹ phong thuận nhân. Về hàng tam tu tức là tu nghi, tu dung và tu viên, cha phong đô đốc thêm sự, mẹ phong thực nhân. Về hàng tam sung tức là sung nghi, sung dung và sung viên, cha phong đô đốc chỉ huy sứ, mẹ phong là trinh nhân.

Sáu chức cung giai và sáu cấp nữ quan đều được truy phong nhất đại. Sáu chức là tiệp dư, dung hoa, tuyên vinh, tài nhân, lương nhân, mỹ nhân và nữ quan cấp nhất, cha phong tổng tri, mẹ phong huy nhân; cấp hai, cha phong đồng tổng tri, mẹ phong thực nhân; cấp ba, cha phong thêm tổng tri, mẹ phong lệnh nhân; cấp bốn, cha phong

quản lãnh, mẹ phong cung nhân; cấp năm, cha phong phó quản lãnh, mẹ phong nghi nhân; cấp sáu, cha phong chánh võ úy, mẹ phong an nhân.

Tước công, tước hầu và tước bá được truy phong nhị đại; vợ, con và cháu trai đều được ấm phong:

- Quốc công: cha và ông đều phong quân công, mẹ và bà phong quận phu nhân, vợ phong quốc phu nhân, con trai trưởng phong trung trình đại phu, các con thứ phong triều liệt đại phu, cháu trưởng phong hoǎng tín đại phu.
- Quận công: Cha và ông đều phong tước hầu, mẹ và bà phong chánh phu nhân, vợ phong quận phu nhân, con trai trưởng phong triều liệt đại phu, các con trai thứ phong hoǎng tín đại phu, cháu trưởng phong hiển cung đại phu.
- Tước hầu: cha và ông phong tước bá, mẹ và bà phong tự phu nhân, vợ phong chánh phu nhân, con trai trưởng phong hoǎng tín đại phu, các con trai thứ phong hiển cung đại phu, cháu trai trưởng phong mậu lâm lang.
- Tước bá: cha và ông phong thái bảo, mẹ và bà phong liệt phu nhân, vợ phong tự phu nhân, con trai trưởng phong hiển cung đại phu, các con trai thứ phong mậu lâm lang, cháu trai trưởng phong mậu lâm tá lang.

Các quan văn, quan võ hàm nhất phẩm, nhị phẩm được truy phong nhất đại, vợ và con trai đều được ấm phong:

Võ giai-Hàm chánh nhất phẩm; cha phong tả đô đốc, mẹ phong đoan nhân, vợ phong huy nhân, con trai trưởng phong mậu lâm lang.

- Tòng nhất phẩm: cha phong đô đốc đồng tri, mẹ phong thuận nhân, vợ phong thạc nhân, con trai trưởng phong mậu lâm tá lang.
- Chánh nhị phẩm: cha phong đô đốc thêm sự, mẹ phong thực nhân, vợ phong lệnh nhân, con trai trưởng phong cần sự lang.
- Tòng nhị phẩm: cha phong đô đốc chỉ huy sứ, mẹ phong trình nhân, vợ phong cung nhân, con trai trưởng phong cần sự tá lang.

Quan võ hàm tam phẩm, tứ phẩm được truy phong nhất đại, vợ được dự phong, con không được dự.

- Chánh tam phẩm: cha phong tổng tri, mẹ phong huy nhân, vợ phong nghi nhân.
- Tòng tam phẩm: cha phong thêm tổng tri, mẹ phong thạc nhân, vợ phong an nhân.
- Chánh tứ phẩm: cha phong đồng tổng tri, mẹ phong thạc nhân, vợ phong phụ nhân.
- Tòng tứ phẩm: cha phong quản lãnh, mẹ phong cung nhân, vợ phong tĩnh nhân.

Văn giai-Hàm chánh nhất phẩm: cha phong thiếu bảo, mẹ phong thuận nhân, vợ phong lệnh nhân, con trai trưởng phong mậu lâm tá lang.

- Tòng nhất phẩm: cha phong thái tử thiếu bảo, mẹ phong thực nhân, vợ phong cung nhân, con trai trưởng phong cần sự lang.
- Chánh nhị phẩm: cha phong đô ngự sử, mẹ phong trình nhân, vợ phong an nhân, con trai trưởng phong cần sự tá lang.
- Tòng nhị phẩm: cha phong tả dụ đức, mẹ phong huy nhân, vợ phong tĩnh nhân, con trai trưởng phong tiến công lang.
- Chánh tam phẩm: cha phong tả trung doãn, mẹ phong thạc nhân, vợ phong túc nhân.
- Tòng tam phẩm: cha phong tham chính, mẹ phong lệnh nhân, vợ phong thân nhân.

- Chánh tứ phẩm: cha phong tự khanh, mẹ phong cung nhân, vợ phong phu nhân.
- Tòng tứ phẩm: cha phong tham nghị, mẹ phong nghi nhân, vợ phong cẩn nhân.

Định thể lệ cấp điền lộc.

Phàm những người hoàng tông, các quan văn, quan võ và tông phụ nữ quan đều được nhà vua định thể lệ cấp ruộng, đất, bãi trồng dâu, tiền mặt thay thế cho đầm (hồ hoặc đầm) và thổ trạch vườn ao, đều có đẳng cấp khác nhau. Những người được ban cấp sau khi chết phải chiêu số đã cấp trả lại quan. Nếu người nào có tài đức công nghiệp được vua đặc ân ban cho ruộng đất thế nghiệp để truyền cho con cháu, thì lúc bấy giờ sẽ xin chỉ chuẩn của nhà vua, không phải là thể lệ thường hành.

Lại nghị định chế độ quân cấp ruộng: Phàm công điền của dân đình các xã, cứ 6 năm một lần, quan phủ, huyện hoặc châu phải kiểm điểm đo đạc, chia ruộng làm ba bậc: nhất đẳng, nhị đẳng và tam đẳng, rồi chiếu theo khoản thức kê khai số quan, quân, dân và số ruộng nhiều ít thế nào, chia từng hạng để quân cấp. Nếu ruộng nhiều thì lấy mẫu chia làm từng phần, ruộng ít thì lấy sào, thước chia làm từng phần. Quan viên từ nhị phẩm trở lên được cấp điền lộc ở nơi khác đã nhiều rồi thì không được cấp phần ruộng nữa; còn từ tam phẩm trở xuống người nào điền lộc ít, thì được quân cấp theo như thể lệ.

Lời chua-Điền lộc: Theo Hồng Đức, thiên nam dư hạ tập, thì:

Thân vương: thế nghiệp điền 600 mẫu, thế nghiệp thổ 40 mẫu, ruộng được vua ban cho 1.000 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 150 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 80 quan, ruộng tế tự 300 mẫu, thực phong 500 hộ.

Tự thân vương và thế tử của thân vương: thế nghiệp điền 450 mẫu, thế nghiệp thổ 36 mẫu, ruộng được vua ban cho 500 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 110 mẫu, đầm được trị giá thực tiền 70 quan, ruộng tế tự 250 mẫu, thực phong 200 hộ.

Quốc công trở xuống không được số hộ thực phong.

Quốc công: thế nghiệp điền 400 mẫu, thế nghiệp thổ 34 mẫu, ruộng được vua ban cho 400 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 100 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 60 quan, ruộng tế tự 200 mẫu.

Quận công: thế nghiệp điền 350 mẫu, thế nghiệp thổ 32 mẫu, ruộng được vua ban cho 300 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 90 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 50 quan, ruộng tế tự 180 mẫu.

Tước hầu: thế nghiệp điền 300 mẫu, thế nghiệp thổ 30 mẫu, ruộng được vua ban cho 260 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 80 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 40 quan, ruộng tế tự 160 mẫu.

Tước bá: thế nghiệp điền 200 mẫu, thế nghiệp thổ 28 mẫu, ruộng được vua ban cho 230 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 70 mẫu, đầm ban cho trị giá thực tiền 30 quan, ruộng tế tự 140 mẫu.

Quan văn, quan võ được phong tước công, tước hầu, tước bá: không có ban cho thế nghiệp thổ, còn ruộng thế nghiệp+ruộng được vua ban cho+bãi trồng dâu+đầm trị giá bằng tiền+ruộng tế tự cũng như hoàng tông.

Hoàng tông được phong tước tử, hàm chánh nhất phẩm trở xuống đều không có thế nghiệp điền, chỉ cấp cho thế nghiệp thổ 18 mẫu, ruộng được vua ban cho 100 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 70 mẫu.

Tước nam, hàm tòng nhất phẩm: thế nghiệp thổ 16 mẫu, ruộng được ban cho 80 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 60 mẫu.

Chánh nhị phẩm: thế nghiệp thổ được cấp 14 mẫu, ruộng được vua ban cho 60 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 50 mẫu.

Tòng nhị phẩm: thế nghiệp thổ được cấp 12 mẫu, ruộng được vua ban cho 50 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 10 mẫu, ruộng tế tự 40 mẫu.

Quan văn, quan võ hàm tòng nhị phẩm trở lên đều không có thế nghiệp thổ ra ngoài, về ruộng được vua ban cho+bãi trồng dâu+ruộng tế tự cũng như hoàng tông.

Hoàng tông hàm chanh tam phẩm trở xuống không có bãi trồng dâu, duy cấp cho thế nghiệp thổ 10 mẫu, ruộng được vua ban cho 40 mẫu, ruộng tế tự 35 mẫu.

Tòng tam phẩm: thế nghiệp thổ được cấp 8 mẫu, ruộng được vua ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 20 mẫu.

Chánh tứ phẩm: thế nghiệp thổ được cấp 6 mẫu, ruộng được vua ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 15 mẫu.

Tòng tứ phẩm: thế nghiệp thổ được cấp 4 mẫu, ruộng được vua ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 10 mẫu.

Quan văn, quan võ từ chánh tam phẩm đến tòng tứ phẩm đều không có thế nghiệp thổ, còn ruộng được vua ban cho và ruộng tế tự cũng theo như hoàng tông.

Bây tôi có công được phong tước ngũ đẳng cùng quan văn, quan võ từ nhất phẩm đến cửu phẩm, ở trong kinh đô, đều được cấp thổ trạch và vườn ao.

Quốc công: thổ trạch 4 mẫu, ao 3 mẫu; quận công: thổ trạch 3 mẫu, ao 2 mẫu; tước hầu: thổ trạch 2 mẫu 5 sào, ao 1 mẫu 5 sào; tước bá: thổ trạch 2 mẫu, ao 1 mẫu 2 sào; tước tử: thổ trạch 1 mẫu 5 sào, ao 9 sào; tước nam: thổ trạch 1 mẫu 2 sào, ao 7 sào; nhất phẩm: thổ trạch 1 mẫu; nhị phẩm thổ trạch 8 sào; tam phẩm: thổ trạch 7 sào; tứ phẩm và ngũ phẩm: thổ trạch 6 sào; lục phẩm và thất phẩm: thổ trạch 5 sào và cửu phẩm: thổ trạch 4 sào.

Phụ nữ trong hoàng tông:

Thân công chúa: thế nghiệp điền 450 mẫu, thế nghiệp thổ 36 mẫu, ruộng được vua ban cho 600 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 100 mẫu; đầm được ban cho trị giá thực tiền 70 quan, ruộng tế tự 200 mẫu, thực phong 300 hộ.

Quận thượng chúa: thế nghiệp thổ 18 mẫu, ruộng được vua ban cho 80 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 60 mẫu.

Quận chúa: thế nghiệp thổ 16 mẫu, ruộng được vua ban cho 50 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 16 mẫu, ruộng tế tự 50 mẫu.

Á quận chúa: thế nghiệp thổ 14 mẫu, ruộng được vua ban cho 40 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 12 mẫu, ruộng tế tự 40 mẫu.

Quận quân: thế nghiệp thổ 12 mẫu, ruộng được vua ban cho 35 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 8 mẫu, ruộng tế tự 35 mẫu.

Á quận quân: thế nghiệp thổ 10 mẫu, ruộng được vua ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 30 mẫu.

huyện thượng quân: thế nghiệp thổ 8 mẫu, ruộng được vua ban cho 25 mẫu, ruộng tế tự 25 mẫu.

Huyện quân: thế nghiệp thổ 6 mẫu, ruộng được vua ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 20 mẫu.

Á huyện quân: thế nghiệp thổ 4 mẫu, ruộng được vua ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 15 mẫu.

Phụ nữ trong hậu cung:

Những người về hàng tam phi: thế nghiệp thổ 30 mẫu, ruộng được vua ban cho 300 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 60 mẫu, ruộng tế tự 150 mẫu.

Về hàng tam chiêu cùng vợ hoàng thái tử: thế nghiệp thổ 24 mẫu, ruộng được vua ban cho 200 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 50 mẫu, ruộng tế tự 100 mẫu.

Về hàng tam tu: thế nghiệp thổ 21 mẫu, ruộng được vua ban cho 150 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 45 mẫu, ruộng tế tự 90 mẫu.

Về hàng tam sung: thế nghiệp thổ 20 mẫu, ruộng được vua ban cho 100 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 80 mẫu.

Sáu chức trong hàng nữ quan:

Cấp nhất: thế nghiệp thổ 18 mẫu, ruộng được vua ban cho 70 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 70 mẫu.

Cấp nhì: thế nghiệp thổ 14 mẫu, ruộng được vua ban cho 40 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 10 mẫu, ruộng tế tự 40 mẫu.

Cấp ba: thế nghiệp thổ 8 mẫu, ruộng được vua ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 30 mẫu.

Cấp bốn: thế nghiệp thổ 7 mẫu, ruộng được vua ban cho 25 mẫu, ruộng tế tự 25 mẫu.

Cấp năm: thế nghiệp thổ 6 mẫu, ruộng được vua ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 20 mẫu.

Cấp sáu: thế nghiệp thổ 5 mẫu, ruộng được vua ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 15 mẫu.

Về việc quân cấp ruộng công:

Người nào hàm tam phẩm được 11 phần, tứ phẩm được 10 phần, ngũ phẩm được 9 phần rưỡi, lục phẩm được 9 phần, thất phẩm được 8 phần rưỡi, bát phẩm được 8 phần, cửu phẩm được 7 phần rưỡi; từ cửu phẩm tạt lưu¹ trở xuống và sinh viên, lại dịch, binh lính, dân đinh, các hạng thợ, cùng người già, người có bệnh tật, người mồ côi cha, đàn bà góa, đều được cấp ruộng từ 7 phần đến 3 phần nhiều ít khác nhau.

Lời phê-Bấy giờ cương vực chưa được rộng lớn, mà ruộng đất ban cho nhiều đến như vậy, thì thuế công của quốc gia còn được bao nhiêu. Việc này e rằng chưa đủ tin được.

Mậu Tuất, năm thứ 9 (14778). (Minh, năm Thành Hóa thứ 14).

Tháng 2, mùa xuân. Hạ chiếu cho ba ty Đô, Thừa, Hiến² xét người hay, người dở trong bộ thuộc mình rồi kê tên từng người tâu bày lên để vua rõ.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho ba ty Đô, Thừa, Hiến³ các xứ phải xét kỹ các quan lại trong bộ thuộc của mình, hạng liêm khiết, hạng tham ô, hạng siêng năng, hạng lười biếng, và viên quan giữ việc học dạy bảo học trò, hàng năm có kén chọn để tiến cống hay không, tiến cống nhiều hay ít, đều phải kê tên những quan lại ấy tâu bày lên cho vua biết, để định sự truất bãi hoặc cất nhắc.

Nhà vua lại hạ lệnh cho trưởng quan các nha môn văn và võ trong kinh và các đạo ở ngoài phải xét bộ thuộc của mình, người nào hèn kém bỉ ổi không thể dùng được, thì đưa về bộ để xét thực, hoặc

¹ Những người làm quan không có xuất thân, chưa được liệt vào hạng chính ngạch cùng những người quyền tiền quyền thóc mà được phẩm hàm, gọi là cửu phẩm tạt lưu.

² Tức Đô Tổng binh sứ ty, Thừa chính sứ ty và Hiến sát sứ ty.

³ Tức Đô Tổng binh sứ ty, Thừa chính sứ ty và Hiến sát sứ ty.

đổi bổ sung vào chức quan giản việc hoặc bắt về nghỉ, sẽ lựa chọn người từng trải công việc và lão luyện, thông thái để thay thế. Nếu viên quan nào xét trái sự thật, thì các quan trong Lục khoa, Ngự sử và ty Hiến sát sứ được phép kiểm soát hoặc tâu để trị tội.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các quan trong Lục khoa tra cứu từ năm Quang Thuận thứ 2 (1461) đến nay, viên quan nào phạm tội tham tang đã từng bị biếm chức hoặc giáng chức và các viên tướng hiệu nào vụng trộm thu tiền của quân sĩ từ 10 quan trở lên, đều bắt đầu phải thôi việc.

Tháng 8, mùa thu. Có thủy tai lớn .

Tháng 11, mùa đông. Hạ chiếu: chọn người có văn học, tài trí, kiến thức cất nhắc làm việc trong ty hình ngục.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các ty trong bộ Hình: nếu viên chức trong bộ Hình có người nào tài cán kiến thức nông cạn quê mùa, không am hiểu danh lệ hình luật, thì viên quan thượng ty lựa chọn đưa sang bộ Lại để bổ giữ chức khác, sẽ chọn những tiến sĩ hoặc người dự thi hội đã trúng ba kỳ mà có tài cán kiến thức hoặc do lại viên xuất thân thông hiểu danh lệ hình luật, những người ấy đã làm việc ở trong kinh hoặc các đạo bên ngoài đủ 2 lần khảo công¹, để cất nhắc vào làm việc tại bộ Hình.

Nhà vua ra sắc lệnh: từ nay chức lang trung và viên ngoại trong bộ Hình có khuyết ngạch, thì Lục bộ, Ngự sử đài, Lục tự khanh và 2 ty Thừa chính, Hiến sát đều được đem viên chức trong nha môn mình đã từng 2 lần khảo công trở lên mà là người thanh liêm, lão luyện, thông thái am hiểu danh lệ hình luật thì đề cử, để bổ sung. Nếu đề cử không được người xứng đáng, thì Lục khoa và Ngự sử đài phải xét kỹ lưỡng rồi hặc tâu.

Tháng 12. Định thể lệ thưởng và phạt về kỳ thi "đô thí".

Phàm tước công, tước hầu, tước bá cùng các quan trong kinh, ngoài các đạo, viên quan nào có trách nhiệm quản lĩnh quân sĩ, thì hội hợp ở kinh sư để thi khảo về võ nghệ, gọi là "đô thí". Phép thi: mỗi lần thi bắn 5 phát tên bằng cung, 5 phát tên bằng tay² và đấu khiên³ một đường. Ai được trúng từ 8 đến 10 lần là thượng cấp, trúng 6, 7 lần là trung cấp, trúng 4, 5 lần là hạ cấp, sẽ được theo cấp đã trúng mà định việc ban thưởng; nếu trúng 2, 3 lần sẽ không thưởng, không phạt; còn người trúng một lần cùng người không trúng lần nào, sẽ bị phạt tiền nhiều ít khác nhau.

Kỷ Hợi, năm thứ 10 (1479). (Minh, năm Thành Hóa thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Duyệt võ.

Lời chúa-Duyệt võ: Theo sách Bắc kỳ tạp biên của Nhữ Bá Sỹ, Lê Thánh Tông thường duyệt võ ở núi Khán Sơn. Núi này ở phía tây nam thành Thăng Long.

Hạ lệnh cho Ngô Sĩ Liên biên chép sách Đại Việt sử ký.

Sách chép gồm 15 quyển: từ Hồng bàng thị đến Ngô sứ quân 5 quyển gọi là Ngoại kỷ; từ Đinh Tiên Hoàng đến Lê Thái Tổ 10 quyển gọi là Bản kỷ.

Lời phê-Lúc ấy gọi là văn minh, mà biên chép sách còn như thế. Như vậy có thật được như vậy không?⁴.

Tháng 2. Nhà vua đi xem đánh cá ở Tây Hồ.

Lời chúa-Tây Hồ: Xưa gọi là hồ Lang Bạc. Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 12).

¹ Mỗi lần khảo công là 3 năm. Xem thêm chính biên quyển XXIV, tờ 8.

² Nguyên văn chép "thủ tiễn" xem chú thích số 1. Chính biên quyển XV, tờ 14.

³ Xem chú thích số 2. Chính biên quyển XXIII, tờ 5.

⁴ Nguyên văn bằng chữ Hán. Câu cuối cùng lấy nguyên câu của Khổng Tử trả lời Công Tôn Giã: "Kỳ nhiên khởi kỳ hồ" Nghĩa là: "Vậy à? có thật như vậy không?" Lời phê này dùng 6 chữ ấy làm câu thúc kết, có lẽ muốn nói một cách nghi ngờ rằng: "như thế mà gọi là văn minh à? Có thật văn minh là như thế không?"

Tháng 8, mùa thu. Nước Lão Qua xâm phạm vào biên giới. Nhà vua hạ lệnh cho các tướng đem quân đi đánh, phá tan được quân Lão Qua.

Cầm công, tù trưởng Bồn Man, ngầm mang lòng phản bội. Lão Qua liên kết và viện trợ cho Cầm Công, đem quân lấn cướp biên cảnh phía tây nước ta. Nhà vua sai các tướng đi đánh, hạ lệnh cho thái úy Lê Thọ Vực làm Chinh tây tướng quân, đi theo đường chính phủ Trà Lân; đô đốc Đông quân phủ Trịnh Công Lộ làm Chinh di tướng quân, đi theo đường An Tây; Trấn lỗ tướng quân Lê Đình Ngạn đi theo đường Ngọc Ma; Du Kỳ phó tướng quân Lê Lộ đi theo đường Thuận Châu và Mỗi Châu; Thảo tặc phó tướng quân Lê Nhân Hiếu đi theo đường phủ Thanh đô. Các tướng hội đồng quân 5 đạo cộng 18 vạn, đánh phá tan được. Nhân thế thắng, kéo vào thành Lão Qua, lấy được của báu. Vua Lão Qua phải chạy trốn. Các tướng bắt dân nước ấy và chiếm đất đai nước ấy đến sông Kim Sa giáp giới phía nam nước Miến Điện, rồi cho người đem tếp thư về tâu nhà vua biết.

Lời phê-Thường hay khoa trường¹.

Lời chua-Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chb. XI, 13).

Trà Lân: Tức Trà Long: Xem Bình Định Vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 17).

Thanh Đô: Tên phủ xưa, nay đổi là Thọ Xuân, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

An Tây: Tên phủ xưa, nay phụ thuộc vào phủ Điện Biên, thuộc tỉnh Hưng Hóa².

Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ nhất (Chb. XIII, 10).

Thuận châu: Nay thuộc phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hóa³.

Mỗi Châu: Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (Chb. XVII, 1).

Sông Kim sa: Theo mục Vân Nam chí trong sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư thì, sông Kim Sa phát nguyên từ lưu vực phía tây nước Thổ Phồn, chảy đến nước Miến Điện rồi đổ ra biển nam.

Miến Điện: Theo Đại Thanh nhất thống chí, Miến Điện, tên mộ Man quốc, năm Hồng Vũ thứ 29 (1386) triều Minh, nước này mới quy phụ, triều Minh đặt Miến Điện quân dân tuyên úy sứ ty, phía đông đến Bát Bá tuyên sứ ty, phía nam đến biển, phía tây đến địa giới Mạnh Dưởng, phía bắc đến địa giới Mạnh Mật tuyên phủ ty.

Tháng 10, mùa đông. Cầm Công ở Bồn Man làm phản, nhà vua tự làm tướng đi đánh, đi đến Thâu Bò rồi trở về, tháng 12. Hạ lệnh cho tướng quân Lê Niệm đi đánh, dẹp yên được.

Họ Cầm nổi đời làm phụ đạo Bồn Man. Nhà vua thấy rằng, đất ấy tiếp giáp với biên cảnh ngoại di, khó có người trấn thủ được, bèn chia đất ấy ra lập thành 7 huyện thuộc phủ Trấn Ninh, đặt quan phủ, quan huyện để giám sát cai trị. Đến đây, Lão Qua xâm phạm biên giới. Cầm Công nương dựa Lão Qua làm viện trợ cho mình, đánh đuổi các viên lưu quan⁴, chiếm cứ riêng đất ấy để chống lại quan quân; đến lúc các tướng đánh phá được Lão Qua, cho người đưa thư báo tin thắng trận. Cầm Công lại ngăn chặn, làm cho tếp thư thông báo về kinh được. Bởi thế, nhà vua hạ chiếu thân hành đi đánh, quân nhà vua tiến đóng tại Phù Liệt, bèn sai Trần Bảo, phó đoàn sứ vệ Cẩm Y, và Phạm Nhân Kính, đô chỉ huy thiêm sự, điều động cung cấp quân lương, lại dụ bảo Lê Thọ Vực các tướng: "Công trạng đánh phá Lão Qua như thế nào thì giao cho Trần Bảo đệ về tâu nộp". Tháng 11, xa giá đến Thâu Bò đóng ngự doanh 4 ngày rồi trở về, sai tướng quân Kỳ quận công Lê Niệm thống lĩnh 30 vạn quân, tiến đánh, phá tan được. Cầm Công bỏ chạy, bị chết. Tướng sĩ đốt thành của Bồn Man và thiêu hủy kho tàng tích trữ. Bồn Man xin

¹ Chỉ việc 5 đạo quân cộng 18 vạn.

² Nay chỉ huyện thuận Châu, tỉnh Sơn La.

³ Nay chỉ huyện thuận Châu, tỉnh Sơn La.

⁴ Viên quan do triều đình bổ đi cai trị một địa phương nào đó, lúc cai trị địa phương này lúc cai trị địa phương khác, không có nhất định, khác với thổ quan. Xem thêm chú giải số 2 ở Chb, XVI, 23.

hàng. Nhà vua bèn phong người họ Cầm tên là Cầm Đông làm tuyên úy đại sứ, lại đặt các thổ quan để chia nhau cai trị.

Lời chua-Trần Ninh: Đất Bồn Man xưa, hồi đầu triều Lê, họ Cầm nối nhau làm phụ đạo; đến Lê Thánh Tông chia đất này lập ra làm phủ Trấn Ninh, quản lãnh 7 huyện: Kim Sơn, Thanh Vị, Cảnh Thuần, Quang Minh, Minh Quảng, Quang Lạng và Tư Thuận, cho họ Cầm nối đời làm tù trưởng. Cuối năm Vĩnh Hựu (niên hiệu Lê Ý Tông 1735-1739), Lê Duy Mật chiếm cứ, đến năm Cảnh Hưng thứ 31 (1770) mới dẹp yên được, lại cho họ Cầm được nối đời quản trị. Bản Triều, năm Gia Long thứ nhất (1802) đem đất ấy phong cho nước Vạn tượng; năm Minh Mệnh thứ 8 (1827), nước Vạn tượng bị Tiêm La đánh phá, tù trưởng Chiêu Nội đem đất ấy quy phục, mới chia đặt thành 8 huyện là: Khâm, Quảng, Liên, Cát, Khang, Xuy, Liêm, Mộc, phong cho Chiêu Nội làm Phòng Ngự sứ, quản trị công việc ở phủ, còn ở huyện thì đặt chức tri huyện người bản thổ để cai trị; đến năm Minh Mệnh thứ 9 (1826), Chiêu Nội phạm tội, bị giết, triều đình trao cho một viên tri huyện người bản thổ làm phòng ngự đồng trị, quản lý tất cả công việc trong phủ, năm thứ 15 (1838) mới đặt lưu quan làm tri phủ quản lĩnh 8 huyện.

Thâu Bỏ: Nay không khảo cứu được.

Canh Tý, năm thứ 11 (1480). (Minh, năm Thành Hóa thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân, mưa đá.

Tháng 5, mùa hạ. Sao sa.

Tháng 6. Đại hạn.

Nhà vua ra dụ chỉ nói: Ít lâu nay bộ Hình cùng Thừa ty, Hiến ty, phủ huyện các xứ khám xét kiện tụng, phần nhiều theo bịnh riêng của mình lấy tiền một cách nhảm nhí, hoặc văn án để đình trệ, hoặc kẻ trên người dưới suy ty lẫn nhau, gian trá trăm đường, không ai vì dân làm sáng tỏ lẽ phải trái; vì thế mà kẻ bị tội oan, người bị phạt lạm, để cho dân sầu khổ oán thán, đến nỗi trời làm hạn hán. Vậy từ nay đối với hình quan cùng các quan Thừa chính, Hiến sát, phủ, huyện, người nào nên tuyển dụng, người nào nên sa thải, các bầy tôi trong triều đều phải giữ lòng công bằng, cốt làm thế nào lựa chọn được người tốt để việc hình ngục đi đến chỗ công bằng thỏa đáng.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Trước đây có xảy ra mấy việc như thế này:

- Nhà vua lấy cố rằng tiếp giáp nơi biên cảnh thường bị bọn Sơn Man quấy rối, mới sai Hoàng Thế Cung sang châu Bằng Tường để do thám, bị viên tri châu ấy là Lý Quảng Ninh bắt giữ.
- Trần Ao, tổng binh đồng tri ở Bắc Bình, lấy cố rằng ruộng xứ Ban Động ở xen vào đất châu Tư Lăng, mới sai liệt hiệu¹ Đào Phu Hoán đem 600 quân, mở cửa ải Thông Quang, trồng tre gỗ làm giậu ngăn, để phân biệt giới hạn, bị La Truyền, thổ tù nhà Minh, đến đánh, đốt phá giậu tre gỗ đã trồng.
- Lưu Doãn Trực, trấn thủ Lạng Sơn, tâu nói: người châu Tư Lăng nhà Minh kéo tràn sang địa giới châu Lộc Bình, cướp lấy súc vật của cải; viên quan coi giữ đất đai là Lê Đình Hoán không sao chống cự được.

Vì có những việc xảy ra ở trên, Lê Niệm và Lê Thọ Vực bàn rằng: Bọn kia với cũ, lần cướp dân biên giới nước đưa sang Tư Lăng, trách họ về việc không biết ngăn cấm nhân dân để vượt biên cảnh sang cướp bóc; một mặt làm công văn kể hết mọi tình trạng về việc cướp phá từ trước, đến sau như thế nào, nhân tiện kỳ sứ thần nước ta sang sứ, sẽ đem công văn ấy trình quan tổng đốc Lương Quảng khám xét tra hỏi.

¹ Một danh từ để gọi các viên chức vào hàng võ tướng.

Gặp lúc ấy nhà Minh có sắc văn đưa sang nước ta nói, gần đây, được tin viên trấn thủ Vân Nam nói, quốc vương An Nam, không vì cơ gì mà tự tiện điều động binh mã đánh phá nước Lão Qua, rồi lại đánh nước Bát Bá tức phụ; nếu trước kia vương có trót lầm lỗi như thế, thì nên rút quân ngay.

Nhà vua đem sắc văn ấy bảo với bầy tôi trong triều. Bọn Lê Thọ Vực cho là bây giờ nên dùng lời quyền biến tâu lại rằng: Vì nay trong nước tôi có người ở Đông Quan chạy trốn sang Lão Qua, cho nên sự sai binh lính đến biên cảnh đuổi bắt, không có liên can gì đến việc Lão Qua và Bát Bá cả.

Nhà vua bèn sai Hàn lâm thị thư Lương Thế Vinh nghĩ soạn biểu văn phúc tấu và đem việc La Tuyền đốt phá giậu rào bằng tre gỗ; việc Lý Quảng Ninh bắt phái viên của triều đình nước ta nói hết vào trong tờ tấu, rồi sai bọn Nguyễn Văn Chật, Doãn Hoàn Tấn và Vũ Duy Giao sung làm chánh phó sứ đệ lễ cống nạp hàng năm; khi đi, đem theo cả biểu văn phúc tấu để tùy từng khoản mà ứng đối.

Lúc ấy, từ bàn về việc bang giao, trước hết vua sai viện Hàn lâm nghĩ soạn, thứ nhì giao xuống cho các cơ quan ở Đông Các và bầy tôi trong triều xét duyệt, nếu có chỗ nào không hợp thì sửa đổi lại ngay, vì thế người nhà Minh thường khen ngợi, cho là trong nước có nhân tài.

Truyện An Nam trong Minh sử chép: Nhà Minh, năm Thành Hóa thứ 15 (1479) mùa đông, Lê Vương sai hơn 800 binh lính vượt qua biên giới Mông Tự thuộc tỉnh Vân Nam, nói phao là bắt bọn trộm cướp, rồi thiện tiện lập dinh trại, dựng nhà cửa để ở. Viên quan giữ cảnh thổ ở đấy phải hết sức ngăn cản mới chịu rút lui. Sau khi Lê Vương đã phá được Chiêm Thành, chí tham vọng thêm to lớn, thân hành đốc suất chín vạn quân, mở hai đường núi; đánh phá Ai Lao; rồi xâm lấn Lão Qua lại phá tan được, giết chết ba bốn con viên tuyên úy Đèo Bản Nha Lan Chương, người con út của viên ấy là Phạ Nhã Trại phải chạy sang nước Bát Bá để thoát nạn. Lê vương lại chức lương thảo, luyện binh sĩ, ban sắc lệnh giả để lấy quân ở Xa Lý, bắt chúng đi đánh nước Bát Bá, tướng sĩ bị chết hại đến vài ba ngàn người, đều nói là bị sét đánh. Nước Bát Bá bèn ngăn cản đường về và đánh úp, giết chết được hơn vạn người, lúc ấy Lê vương mới dẫn quân về. Vua nhà Minh giao việc này xuống cho bầy tôi trong triều đình bàn luận, đình thần xin hạ lệnh cho ty Bối chính tỉnh Quảng Tây làm tờ hịch bảo Lê Vương thu quân về; còn về phần bầy tôi giữ đất đai ở tỉnh Vân Nam và hai tỉnh Quảng thì cứ việc giới nghiêm công việc phòng bị biên cảnh mà thôi. Sau đấy, Lê vương nói chưa từng xâm lấn nước Lão Qua bao giờ, và không biết bờ cõi nước Bát Bá ở chỗ nào. Lời nói của Lê vương rất trí trá, vua nhà Minh lại an ủi dụ bảo, Lê vương vẫn không chịu phụng mệnh.

Lời chừa-Băng Tường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 11 (Chb. VI, 24).

Châu Tư Lăng: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chb. II, 41).

Cửa Thông Quang: Ở xã Quang Lang, châu Ôn, nay đổi là đồn Quang Lang.

Châu Lộc Bình: Nay đổi là huyện Lộc Bình, Quang Lang và Lộc Bình đều thuộc tỉnh Lạng Sơn¹.

Bắc Bình: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 19).

Lạng Sơn: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19-20, 31).

Vân Nam: Xem Bình Định Vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 10).

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chb. XI, 13).

Bát Bá tức phụ: Theo sách thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư thì Bát Bá tức phụ là tên một bộ lạc man di. Tương truyền tù trưởng bộ lạc này có 800 vợ, mỗi vợ quản lãnh một trại, nhân đấy mới đặt tên là Bát Bá tức phụ. Hồi đầu triều Nguyên đặt Bát Bá Tuyên úy ty; nhà Minh, năm Hồng Vũ thứ 24 (1391), tù trưởng nước ấy sang tiến cống, bèn lập Bát Bá đại diện Tuyên úy sứ ty; Khoảng năm Gia Tĩnh (1522- 1566) nước này bị nước Miến Điện kiêm tính.

¹ Nay là huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Doãn Hoàn Tấn: Người xã An Duyên, huyện Thượng Phúc¹, đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Tuất năm Hồng Đức thứ 9 (1478).

Ban động: Nay không rõ ở đâu.

Tân Sửu, năm thứ 12 (1481). (Minh, năm Thành Hóa thứ 17).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua ra bài sách thi công sĩ, cho bọn Phạm Đôn Lễ đỗ cập đệ và xuất thân đều khác nhau.

Trước đây, các cử nhân trong nước thi hội, lấy bọn Phạm Đôn Lễ 40 người được trúng tuyển; đến nay nhà vua thân hành ra bài sách hỏi về lý số, cho bọn Phạm Đôn Lễ, Lưu Hưng Hiếu và Nguyễn Doãn Địch 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ²; bọn Ngô Văn Cảnh 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân³; bọn Nguyễn Minh Đạo 29 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Nhà vua ra ngự ở điện Kính Thiên, quan Hồng lô truyền chế chỉ xướng danh, bộ Lễ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa, ty Mã Cúu dùng ngựa tốt đưa người đỗ trạng nguyên về nhà riêng. Thể lệ này từ sau vẫn được thi hành vĩnh viễn.

Lời chua-Phạm Đôn Lễ: Người xã Hải Triều, huyện Ngự Thiên⁴.

Lưu Hưng Hiếu: Người xã Lương Hà, huyện Vĩnh Ninh.

Nguyễn Doãn Địch: Người xã Bạo Dương, huyện Thanh Oai.

Ngô Văn Cảnh: Người xã Yên Ninh, huyện Yên Dũng.

Nguyễn Minh Đạo: Người xã Xuân Canh, huyện Đông Ngàn.

Tháng 5. Lập đồn điền.

Nhà vua hạ chiếu nói: việc lập đồn điền là cốt để dồn hết sức vào việc làm ruộng, để cho sự tích trữ trong nước được dồi dào. Vậy hạ lệnh cho đồn điền các xứ định làm 3 bậc: thượng trung hạ.

Lời chua-Đồn điền: Theo Hồng Đức Thiên nam dư hạ tập, thì đồn điền có 43 sở.

Vĩnh Hưng, An Lộc, Thịnh Quang, Dịch Vọng, Quan La, Minh Tảo, Lạc Tràng, Bồng Hải, Phượng Vĩ, Liên Thụ, Đông Lạc, Thượng Liệt, Kim Quang, Hoa Mộc, Đan Nhiễm, Quy Mông, Lục (Liễu) Đàm, Đại Tảo, Phần Trì, Tư Mại, Nam Giản, Khám Lãng, An Trú, Phan Dương, Tây Tạ, Thiên Kiện, La Sơn, Vọng Doanh, Hoa Diệp, Cống Khê, Lương Sơn, Lôi Dương, Vĩnh Ninh, An Định, Tĩnh Ninh, Đức Quang, Anh Đô, Diễn Châu, Hà Hoa, Triệu Phong, Tân Bình, Thăng Hoa, Tư Nghĩa, mỗi sở đặt một viên chánh sứ và một viên phó sứ.

Tháng 6. Hạ chiếu: từ nay chức quan ở Đài, ở Hiến⁵ phải do mọi người công cử.

Tờ chiếu nói: Bầy tôi trong kinh sư, ngoài các đạo, bắt chước thói xấu của nhau ăn tiền nhảm nhí, việc này tin chắc là vì chưa tìm được người xứng đáng giữ chức trách ngôn luận⁶, hoặc người thì xoè xoa xong việc, cho thế là hay, hoặc người thì đả kích người khác, rước lấy sự ghen ghét vào mình. Lề lối người làm quan, thành ra tham ô những lạm, làm cho dân phải oán thán, vì thế mà can phạm đến khí hòa, sinh ra tai biến, tệ tục cần phải thay đổi. Vậy từ nay, đối với các chức trong Lục Khoa, Ngự sử đài và

¹ Nay là thôn An Duyên, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

² Xem chú thích ở Chb X, 36.

³ Xem chú thích ở Chb. X, 36.

⁴ Nay thuộc xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

⁵ Tức Ngự sử đài và Hiến sát sứ ty.

⁶ Chỉ quan chức trong Ngự sử đài và Hiến sát sứ ty. Quan chức ở Ngự sử đài giữ việc tâu hặc các quan trong kinh và ngoài các đạo làm sự trái phép: quan chức trong Hiến sát sứ ty giữ việc tâu bày lời nói trung thực, đàn hặc sự phi pháp và xét hỏi kiện tụng trong đạo của mình. Vì thế nên gọi những quan chức này là giữ chức trách ngôn luận (ngôn trách).

Hiển sát sứ, người nào đáng phải thải đi, người nào đáng được cất nhắc lên để thay thế, các bầy tôi trong triều nên theo lẽ công bằng bàn luận việc lựa chọn, rồi làm bản tâu đầy đủ, sẽ cho thi hành, để bỏ hết tệ tục trước.

Tháng 10, mùa đông. Đào hồ Hải Trì.

Hồ này đào ở góc tây nam thành Thăng Long, giữa hồ có điện Thúy Ngọc, bên cạnh hồ dựng điện Giảng Võ, để thời thường luyện tập điểm duyệt binh.

Nhâm Dần, năm thứ 13 (1482). (Minh, năm Thành Hóa thứ 18).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du đến Tây Kinh. Định thể lệ tuyển cử quan chức ở ty Thừa chính.

Trước đây, quan chức ở 3 ty: Đô, Thừa, Hiến các xứ có khuyết ngạch, nếu thuộc về quan chức ở Đô tổng binh sứ ty hoặc Hiến sát sứ ty, thì do bầy tôi trong triều đình công đồng tuyển cử, còn quan chức thuộc Thừa chính sứ ty thì do bộ Lại đề cử.

Nhà vua nhận thấy Thừa chính sứ ty chức trách cũng nặng, việc lựa chọn nên cẩn thận, bèn hạ sắc lệnh: từ nay, nếu viên chức ở Thừa chính sứ ty có khuyết, cũng giao cho bầy tôi trong triều đình tuyển cử theo như thể lệ tuyển cử quan chức ở Đô tổng binh sứ ty và Hiến sát sứ ty.

Nhà vua ra sắc dụ: Hai ty Thừa chính sứ ty và Hiến sát sứ ty, trách nhiệm trao cho đã cao cả, công việc và quyền hạn cũng nặng nề, trong lúc cất nhắc tuyển dụng cần phải được người xứng đáng. Vậy hễ quan chức trong hai ty ấy có khuyết: nếu là chức tham nghị thì bổ dụng viên quan hàm lục phẩm trở lên, mà là người có độ lượng, kiến thức, tài cán và đức vọng; nếu là viên quan hiến sát thì bổ dụng các thuộc quan ở Lục khoa, Ngự sử đài, Quốc tử giám và Lục tự, mà là những người vào hạng liêm khiết, sáng suốt, lịch duyệt, lão luyện. Những quan chức kể trên, đều là những người đã đủ bốn lần khảo công, mới được tuyển cử cất nhắc; nếu người nào đề cử càn bậy, thì Lại khoa hạch tâu để trị tội.

Nhà vua ra sắc dụ: Từ nay quan chức trong kinh sư và ngoài các đạo nếu có khuyết ngạch, thì do viên quan trưởng đều được đề cử người mà mình đã biết rõ là quả có tài cán, kiến thức, liêm khiết và khả năng, sẽ cất nhắc trao bổ cho quan chức. Về phần các quan ở Lục khoa và Ngự sử đài thì phải công đồng ghi rõ việc bổ dụng ấy. Nếu sau này xét thấy người ấy là người bỉ ổi tham nhũng, làm quan không có công trạng gì, thì Lục khoa và Ngự sử đài đều được chiếu theo tên người đứng bảo cử, tâu hạch, để trị tội.

Tháng 8. Hạ lệnh ân xá cho trong nước.

Quý Mão, năm thứ 14 (1483). (Minh, năm Thành Hóa thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Sửa nhà Thái Học.

Hồi đầu triều Lê, nhà Thái học vẫn theo nếp cũ của nhà Trần, quy chế phần nhiều còn thiếu thốn. Đến nay, nhà vua hạ lệnh cho sửa rộng thêm ra. Đứng trước nhà Thái học dựng Văn Miếu. Khu vũ của Văn Miếu có: Điện Đại Thành để thờ tiên thánh; đông vũ và tây vũ¹ chia ra thờ các tiên hiền và tiên nho; điện Canh phục để làm nơi túc yết²; một kho để chứa đồ tế khí và một phòng học để làm nhà bếp. Đứng sau nhà Thái học, dựng cửa Thái học, nhà Minh luân. Giảng đường phía đông và giảng đường phía tây thì để làm chỗ giảng dạy các học sinh. Lại đặt thêm kho bí thư để chức ván gỗ đã khắc thành sách; bên đông, bên tây nhà Thái học làm nhà cho học sinh trong ba xá, mỗi bên ba dãy, mỗi dãy 25 gian, để làm chỗ nghỉ ngơi của học sinh; bên đông, bên tây mỗi bên đều có một nhà bia, quy mô có phần rộng lớn khang trang lắm.

Theo chế độ cũ, con cháu các quan viên, người nào thi hương dự trúng 3 kỳ, được sung vào hiệu sinh trong phủ mình, dự trúng bốn kỳ được sung vào giám sinh ở Quốc tử giám, còn quân hoặc dân nếu

¹ Xem chú thích số 1. Chính biên quyển XXIII, tờ 3.

² Trước ngày chính tế một ngày, các quan chức được tham dự vào hành lễ, đều tề tựu văn miếu túc trực, để sáng sớm hôm sau hành lễ gọi là túc yết.

có người nào ứng thí mà trúng tuyển cũng không được dự. Đến nay, nhà vua ra sắc lệnh: quân hoặc dân, nếu thi hương dự trúng 3 kỳ, được sung vào sinh đồ trong phủ mình, dự trúng 3 kỳ được sung vào học sinh trong Tăng quảng đường ở Quốc tử giám.

Phó đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm dâng sớ nói: "Giám sinh ở Quốc tử giám, nếu thi hội dự trúng 3 kỳ, được sung vào thượng xá sinh, dự trúng 2 kỳ, sung vào trung xá sinh, dự trúng một kỳ, sung vào hạ xá sinh; mỗi xá 100 người, mỗi người đều được cấp 9 tiền làm lương ăn học. Đến khi bổ dụng, do Quốc tử giám bảo cử và bộ Lại lựa chọn cất nhắc; học sinh trong 3 xá đều nhất luật như nhau, không có gì phân biệt. Xin từ nay, lương ăn học hàng tháng của các xá sinh, liệu lượng cấp phát theo từng cấp bậc: Thượng xá sinh, cấp thêm cho đủ một quan; trung xá sinh cấp cho 9 tiền; hạ xá sinh cấp rút xuống 8 tiền. Đến khi cất nhắc trao cho quan chức, thì: thượng xá sinh 3 phần; trung xá sinh 2 phần; hạ xá sinh một phần. Làm như thế, để cho cấp bậc các xá sinh có phân biệt khác nhau, mà nhân tài đều biết khuyến khích". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Lời phê-Lương ăn học có ít, mà chia cấp bậc từng xá khác nhau, như thế cũng chưa chắc đã đúng.

Lời chua-Quách Hữu Nghiêm: Người xã Phúc Khê, huyện Thanh Lan, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1466) năm Quang Thuận.

Tháng 6, mùa hạ. Mưa to, gió lớn, nước sông dấy lên.

Tháng 11, mùa đông. Hạ lệnh cho bọn Thân Nhân Trung biên chép tập Thiên Nam dư hạ và Thân Chính ký sự.

Nhà vua hạ lệnh cho bọn đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, phó đô ngự sử Quách Đình Bảo, đông các hiệu thư Đỗ Nhuận và Đào Cử, Hàn lâm viện thị thư Đàm Văn Lễ biên tập chính sự Quốc triều (triều Lê) gồm 100 cuốn, khi biên tập xong, để nhan sách là Thiên Nam dư hạ tập, nhà vua thân đề tựa; lại ghi rõ sự thực khi nhà vua thân đi đánh các mán Chiêm Thành và Lão Qua¹, đặt tên sách là Thân chính ký sự.

Lời phê-Sách chép chính sự mà đặt tên là "Dư hạ"² không hợp thể.

Lời chua-Chiêm Thành; Tức Lâm Ấp, xem Thuộc tẫn, Mục để năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb, III, 20-21).

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chb. XI, 13).

Giáp Thìn, năm thứ 15 (1484). (Minh, năm Thành Hóa thứ 20).

Tháng 2, mùa xuân. Ân xá.

Truy lập bia tiến sĩ.

Nhà vua nhận thấy từ năm Đại Bảo thứ 3 (1442) triều Thái Tông đến nay, về việc lập bia đá ghi tên những người đỗ tiến sĩ các khoa, thể lệ vẫn còn thiếu sót, mới hạ lệnh cho Lễ bộ thượng thư Quách Đình Bảo truy tìm biên soạn họ tên, khoa thứ những người đã thi đỗ tiến sĩ trong 9 khoa³ để khắc vào trịnh thạch⁴, kể từ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo thứ 3 triều Thái Tông đến khoa Tân Sửu⁵ (1481) năm Hồng Đức thứ 12.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXI, 1-4, 28-29, XXIII, 28-30.

² Hàng ngày, ngoài thì giờ công tác nhất định, còn có thì giờ nhàn rỗi nghỉ ngơi, thì giờ ấy Hán văn gọi là "dư hạ".

³ Khoa Nhâm Tuất (1442), năm Đại Bảo thứ 2; khoa Mậu Thìn (1448) năm Thái Hòa thứ 6; khoa Quý Mùi (1463), năm Quang Thuận thứ 4; khoa Bính Tuất (1466); năm Quang Thuận thứ 7; khoa Kỷ Sửu (1469), năm Quang Thuận thứ 10; khoa Nhâm Thìn (1472), năm Hồng Đức thứ 9; khoa Ất Mùi (1475), năm Hồng Đức thứ 6; khoa Mậu Tuất (1478), năm Hồng Đức thứ 10; khoa Tân Sửu (1481), năm Hồng Đức thứ 12.

⁴ Một danh từ để gọi chung các bia đá, vì bia đá thường dùng thứ đá rắn hơn hết, có thể để lâu đời được.

⁵ Nguyên văn trong Cương mục in năm Tây Tỵ là sai, ở đây dịch là Tân Sửu cho đúng khoa thứ.

Nhân thể, Đình Bảo tâu xin đổi trạng nguyên, băng nhĩ, thám hoa làm tiến sĩ cập đệ; chính bản làm tiến sĩ xuất thân; phụ bản làm đồng tiến sĩ xuất thân, để cho hợp với thể chế ngày nay. Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy. Hạ lệnh cho từ thần¹ là bọn: đồng các đại học sĩ Thân Nhân Trung; đồng các học sĩ Đỗ Nhuận; đồng các hiệu thư Đào Cử; Đàm Văn Lễ, Ngô Luân, Lê Tuấn Nghiê; Hàn lâm viện thị thư Nguyễn Đôn Hậu, Lương Thế Vinh; Hàn lâm viện thị độc Nguyễn trùng Xác chia nhau biên soạn văn bia.

Lời chua-Đàm Văn Lễ: Người xã Lam Sơn, huyện Quế Dương, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1469) năm Quang Thuận.

Ngô Luân: Người xã Tam Sơn, huyện Đông Ngàn, đỗ đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi (1475) năm Hồng Đức.

Nguyễn Trùng Xác: Người xã Kim Đồi, huyện Vũ Ninh, đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1469) năm Quang Thuận.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua hạ chiếu lục dụng con cháu những bày tôi có công.

Thái phó Lê Niệm tâu xin: Khoảng niên hiệu Thuận Thiên (1428-1433), những công thần khai quốc, làm quan đến nhất nhĩ phẩm trở lên, nay con cháu của họ hoặc có người nào chìm đắm trong hàng quân ngũ, thì đều do hai ty Thừa chính và Hiến sát được phép tâu bày đây đủ, bộ Binh xét thức, nếu người nào có sức vóc khỏe mạnh cho sung vào ty Tuấn sĩ trong vệ Cẩm Y, người nào yếu đuối không thể dùng được thì cho miễn đao dịch bản thân người ấy. Lời tâu này được nhà vua chuẩn y.

Nhà vua hạ sắc lệnh: Những công thần khai quốc, từ chức đô đốc đồng tri trở lên, chẳng may bị chết trận, mà chưa được trao cho quan chức, cùng những người có họ tên đã được dự ghi trong sổ Lũng Nhai công thần mà quan chức chưa đến nhất nhĩ phẩm, thì con cháu những người ấy do bộ Lại được phép đề tâu, sẽ đều trao cho chức tẩn quan² về võ giai.

Lời chua-Lũng nhai: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 3, 4).

Bắt đầu dựng đàn Tiên Nông³ và đài Quan canh⁴.

Trước đây, lúc nào nhà vua thân đi cày ruộng tịch điền⁵, lúc ấy mới tạm thời dựng hành điện⁶, quy mô thể chế chưa được đầy đủ. Đến nay, ở trên chỗ cao về bên hữu ruộng tịch điền, dựng đàn Tiên Nông cao 7 thước, rộng 36 thước, ở giữa hành điện làm nhà Quan canh, cao 5 thước, rộng 40 thước, đằng sai đài Quan canh lại dựng 5 gian hành điện và một dãy 3 gian nhà bếp.

Lời chua-Tịch điền: Ở xã Hồng Mai⁷.

¹ Bày tôi vào hạng nho học, có sở trường về văn từ.

² Xem chú thích số 3, Chính biên quyển VI, tờ 3.

³ Đàn thờ Thần Nông, một ông vua truyền thuyết về thời thượng cổ Trung Quốc.

⁴ Một ngôi nhà để nhà vua ra ngự ở đấy xem nông dân làm ruộng.

⁵ Xem chú thích số 2, Chính biên quyển 1, tờ 23.

⁶ Những cung điện dựng ở ngoài kinh thành, để bắt thần vua chúa đi tuần hành đến địa phương nào, thì đã sẵn có chỗ để nghỉ, gọi là hành điện

⁷ Nay thuộc phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XXIV

Từ Ất Ty, Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 16 (1485) đến Kỷ Mùi, Lê Hiến Tông năm Cảnh Thống thứ 2 (1499) gồm 15.

Ất Ty, năm (Hồng Đức) thứ 16. (Minh, năm Thành Hòa thứ 21).

Tháng 3, mùa xuân. Thái phó Tĩnh quốc công Lê Niệm mất.

Niệm là cháu Lê Lai, con Lê Lâm, đầu niên hiệu Thiệu Bình (1434-1439) lấy danh nghĩa ẩm phong được trao giữ chức Cận thị cục chính chưởng, làm quan trải qua các chức lên đến thái phó, gia phong quốc công. Gia Đình Lê Niệm vào hàng bầy tôi hết đời này đến đời khác, có công đức lâu đời, Niệm làm tướng gần 30 năm, thường dựng được công lớn, uy danh đức vọng rất lừng lẫy, làm chỗ dựa vững chắc cho triều đình. Đến nay. Niệm mất, nhà vua tặng phong chức thái úy và đặt tên thụy là Trinh Ý.

Tháng 7, mùa thu. Định rõ lại sắc lệnh về việc thi khảo để miễn tuyển.

Nhà vua lấy cố rằng, năm trước, thi khảo học trò, người nào dự trúng sẽ được miễn tuyển, lúc ấy có nhiều người mang vụng trộm văn bài cũ hoặc nhờ người khác đi thi thay mình, thành ra số người dự trúng có đến hàng vạn, việc thi cử như thế rất là những lạm, bèn ra sắc lệnh cho hai ty Thừa chính và Hiến sát các xứ: từ nay thi khảo học trò cần phải được người văn hay chữ tốt, sau khi đã lấy cho dự trúng rồi, đến khi phúc hạch lại, nếu còn có người nào không làm được bài để quyển giấy trắng, hoặc người nào làm bài không thành văn lý, thì viên quan đề điều¹ và giám thí² niêm phong quyển lại tâu hạch về triều đình. Nếu xét thấy xứ nào có từ một người đến bốn, năm người phạm trường quy như thế, thì viên quan thừa chính và hiến sát xứ ấy sẽ phải luận vào tội biếm chức hoặc bãi chức, còn bản thân người phạm tội trường quy ấy sẽ phải tội đồ.

Nhà vua hạ chiếu: phạm sĩ tử nào có học lực phẩm hạnh, thi khảo dự trúng mà được miễn tuyển, đều được miễn cho một nửa phần về phú thuế và sai dịch.

Lời chua-Miễn Tuyển: Theo Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn, thế lệ đời Hồng Đức định cứ sáu năm có một kỳ xét duyệt dân đình để tuyển bổ vào quân ngũ. Trước kỳ xét duyệt dân đình, thì hai ty Thừa chính và Hiến sát các đạo phải dự bị thi khảo học trò, người nào dự trúng kỳ thi khảo sẽ được miễn việc tuyển bổ vào quân ngũ.

Tháng 10, mùa đông. Định rõ lại sắc lệnh về việc con vợ cả, con vợ thứ được đứng làm thừa tự.

Nhà vua ra chỉ dụ: phạm các quan viên và bách tính, người con cháu nào được đứng làm thừa tự, thì không kể người ấy tuổi nhiều hay ít, quan chức lớn hay nhỏ, đều nhất thiết dùng con trai trưởng do người vợ cả sinh ra; nếu người con trai trưởng của vợ cả mất sớm, thì dùng người cháu trưởng; hoặc không có cháu trưởng mới dùng đến con trai thứ do người vợ cả sinh ra; nếu người vợ cả lại không có con trai thứ, lúc ấy mới chọn đến con trai do người vợ thiếp sinh ra; nếu con trưởng, cháu trưởng là

¹ Tức chánh chủ khảo sau này.

² Tức phó chủ khảo sau này. Xem thêm chính biên quyển XXXIV, tờ 8.

người bất hiểu hoặc là người có bệnh tật không thể kham nổi việc thừa kế, thì được phép báo cáo với quan sở tại chọn lập người thừa tự.

Tháng 11. Hạ sắc lệnh cho các quan khuyên nhủ nhân dân làm ruộng, trồng dâu, giữ gìn phong tục cho được thuần hậu.

Nhà vua hạ sắc dụ các quan thừa chính, hiến sát và phủ, huyện phải thời thường phải xem xét ruộng đất nơi bằng phẳng, đất nào có lợi mà còn bỏ sót thì mở mang cho hết nguồn lợi của đất, người dân nào có sức mà còn để thừa thì đốc thúc họ làm cho hết sức. Hàng năm, phải thời thường đi tuần hành trong hạt mình, khi đến làng xóm nào cần phải đem những lời dạy bảo về lễ nhạc của thánh vương ngày trước cùng những tờ sắc dụ mở đường dẫn lối của triều đình, hiểu bảo căn kẽ kỹ càng cho dân hiểu rõ. Nếu thấy việc gì làm hại đến giáo hóa, làm nát cả phong tục, cần phải răn cấm ngay; nếu thấy người nào có lòng trung thành với vua, thành tín với người ngoài, hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em, cần phải khen thưởng họ. Các viên quan làm thế nào cho dân có của thừa, phong tục đều trở nên thuần hậu, để đời được thịnh trị theo như lòng mong muốn của ta. Trong hàng các quan, nếu có người nào biết hết lòng làm đầy đủ chức phận, thì hai ty Thừa chính, Hiến sát đều đem tên người ấy tâu bày, tâu sẽ khen thưởng; còn nếu có viên quan nào coi việc này như trò đùa mà khinh thường, sẽ phải bãi chức và bắt sung vào quân ngũ.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan phủ, huyện. Trong lúc nhân dân làm ruộng đã được nhàn rỗi, các viên phủ, huyện chiếu theo sổ điền xem chỗ nào hạng ruộng nọ giáp với hạng ruộng kia, thì bắt nhân dân họp tập chỉ dẫn đâu là ruộng công và đâu là ruộng thế nghiệp, rồi đắp giới mốc riêng ra, để làm tiêu chuẩn nhất định lâu dài.

Trần Nhĩ Vi, tri huyện Thư Trì, tâu nói: "Các xứ trong nước, hình thế ruộng đất chỗ cao chỗ thấp không đều nhau, công việc làm ruộng cũng có nơi sớm nơi muộn khác khác nhau, nơi có ruộng mùa thì cày cấy vào tháng 2, tháng 3, nơi có ruộng chiêm thì cày cấy tháng 11, tháng 12. Nay viên hữu ty¹ cứ nhất luật đến mùa đông bắt dân đi làm việc công, như thế có ngăn trở cho công việc làm ruộng. Xin từ nay, về công việc sửa đắp đường, hai ty Thừa chính và Hiến sát nên khám xét rõ ràng, chỗ nào có ruộng cấy lúa mùa thì cho dân làm công việc ấy vào cuối mùa đông, chỗ nào có ruộng cấy lúa chiêm thì cho dân làm công việc vào các tháng mùa xuân, đều nhân lúc nhân dân đã được nhàn rỗi về công việc làm ruộng, để hợp với sự tiện lợi của dân". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các viên phủ, huyện: phàm chỗ ven núi ven biển, còn có ruộng bỏ hoang chưa khai khẩn hết, thì các viên phủ, huyện đều phải đi khám thực, đôn đốc nhân dân khai khẩn cày trồng.

Lời chua-Huyện Thư Trì: Nay thuộc tỉnh Nam Định².

Thái tử thiếu bảo Trần Phong phạm tội, giao xuống ngục hình; Trần Phong chết.

Phong tước thờ Lê Nhân Tông, vào châu Kinh Diên³, sau a dua phụ họa với Nghi Dân, đối với nhà vua thường không giữ lễ độ. Kịp lúc nhà vua lên ngôi, Phong làm thượng thư bộ Hình, vì phạm tội phải biếm chức ra làm thừa chính sứ ở Sơn Tây, sau lại được triệu về triều bổ dụng, thăng dần đến thái tử thiếu bảo kiêm giữ chức đô ngự sử. Nhà vua thường ghét Phong là người gian tà xiểm nịnh⁴. Đến nay, có người cáo tố phong can tội phi báng, nhà vua bèn giao xuống ngục hình. Phong chết ở trong ngục. Nhà vua bảo với bọn Nguyễn Như Đỗ rằng: "Trần Phong lúc trước làm bày tôi cũ Lê Đức hầu⁵, nay hẳn thờ trầm, nhưng vẫn chứa đựng cái lòng không hết đạo làm tôi, hẳn thường phi báng trầm là sắp xếp quan

¹ Một danh từ để gọi chung các viên quan giữ một nhiệm vụ nhất định.

² Nay huyện Thư Trì hợp với huyện Vũ Tiên thành huyện Vũ Thư thuộc tỉnh Thái Bình.

³ Xem chú thích số 1. Chính biên quyển IV, tờ 19.

⁴ Xem thêm Chính biên quyển XXI, tờ 12 về việc Lê Thánh Tông kể tội lỗi và nết xấu của Trần Phong.

⁵ Túc Nghi Dân.

hiệu theo chế độ nhà Minh, mà không theo thông chế của quốc triều, hẳn thật là một bầy tôi bạn nghịch".

Lời chua-Sơn Tây: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 27-28).

Bính Ngọ, năm thứ 17 (1486). (Minh, năm Thành Hóa thứ 22).

Tháng 6, mùa hạ. Định rõ lệ thể lệ quan viên vào thi hội.

Theo chế độ cũ, quan viên người nào chưa trúng tuyển khoa thi hương, đều cho phép được vào thi hội. Nay Hàn lâm viện thị thư Lương Thế Vinh tâu xin: "Từ nay về sau, quan viên nào chưa trúng tuyển quan khoa thi hương mà tình nguyện vào thi hội, nếu viên quan ấy giữ chức ở trong kinh thì do phủ Thừa Thiên; ở ngoài các đạo thì do ty Thừa chính phúc hạch theo như thể lệ thi hương, người nào trúng tuyển mới cho vào thi hội". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Đinh mùi, năm thứ 18 (1487). (Minh, năm Thành Hóa thứ 23).

Tháng 2, mùa xuân. Cấm xưng hô tiếm lạm càn giỡ.

Danh từ dùng để xưng hô định như thế này:

Thân vương xưng hô là điện hạ; tự thân vương xưng là phủ hạ; tước công, tước hầu, tước bá, phò mã và viên quan hàm nhất phẩm xưng là các hạ; viên quan hàm nhị tam phẩm xưng là môn hạ; viên quan hàm tứ, ngũ và lục phẩm xưng là đại phu; viên quan hàm thất, bát và cửu phẩm xưng là quan trưởng. Nếu người nào dám xưng hô tiếm lạm càn giỡ cùng người nhận lời xưng hô không chính đáng ấy, đều sẽ phải phạt 50 roi và 10 quan tiền.

Hạ sắc lệnh: tuyển người có tài năng, đức vọng, thanh liêm, cần mẫn, để cất nhắc lên giữ chức tổng binh.

Nhà vua hạ sắc dụ: chức tổng binh, do triều đình ký thác cho chức vụ nặng nề ở một địa phương, không thể tin dùng hạng người không xứng đáng được. Vậy các quan ở Lục khoa và Ngự sử đài phải chọn vệ quan ở các nha môn, người nào có thao lược, tư cách, đức vọng, tài năng, mẫn cán, liêm khiết, cần cù, thì cất nhắc lên để giữ chức ấy. Nếu ai dám vì tình riêng mà đề cử bậy, sẽ phải tội.

Tháng 11, mùa đông, đại xá cho trong nước.

Lời phê-Không biết có việc gì mà cứ ân xá luôn¹.

Hạ chiếu: Các quan ở trong triều đường theo thứ tự bàn luận việc công.

Nhà vua hạ chiếu các quan bàn luận việc công ở triều đường: Khi nào có sắc chỉ nhà vua truyền hỏi việc gì, thì trước hết các quan ở Lục Khoa và Ngự sử đài, thứ đến các quan trong Lục bộ, Lục tự, lại thứ nữa đến các quan được phong tước công, tước hầu, tước bá và đô đốc trong ngũ phủ. Các viên chức kể trên cứ theo thứ tự mà bàn luận, cốt làm thế nào cho lời bàn luận được rõ ràng, không ai được phụ họa theo đuôi ý nghĩa câu nói của người khác, hoặc ngậm miệng không bàn luận gì. Nếu người nào dám trái lệnh, thì giám sát ngự sử sẽ tâu hạch tội.

Mậu thân, năm thứ 19 (1488). (Minh, Hiến Tông, năm Hằng Trị thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Lam Kinh.

Tháng 7, mùa thu. Đại hạn. Hạ chiếu xét xử việc ngục tụng cho được dứt khoát xong xuôi.

Nhà vua thấy đại hạn đã lâu ngày, hạ chiếu cho các nha môn trong kinh và ngoài các đạo phải xét xử việc ngục tụng cho được dứt khoát xong xuôi: việc kiện nhỏ xét xử trong hạn 5 ngày, việc kiện lớn trong hạn 10 ngày, không được để bê trễ.

Tháng 8. Thái bót những lại điển vào hạn thừa.

¹ Lời phê này có ý muốn nhắc đến việc ân xá tháng 8 năm Hồng Đức thứ 13, tháng 2 năm thứ 15 và lần này nữa.

Phàm lại điển ở các nha môn trong kinh và ngoài các đạo, người nào tuổi già mỗi mệt yếu đuối, đều bãi chức cho về.

Tháng 12, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Lúc ấy nước ta đối với nhà Minh có mấy việc như thế này:

- Trước đây, nước Chiêm Thành sau khi đã bị phá, dòng dõi vua nước ấy là Cổ Lai đem gia quyến sang nhà Minh báo cáo về nạn nước. Hiến Tông nhà Minh sai quân đưa Cổ Lai về nước lập làm quốc vương, rồi đưa tờ hịch sang dụ bảo vua nhà Lê.
- Hiến Tông nhà Minh mới lập làm vua, sai sứ sang báo cáo về việc lên ngôi vua và ban cho lụa hoa.

Đến nay, nhà vua sai Đàm Văn Lễ, Vương Khắc Thuật và Phạm Miễn Lân sang nhà Minh chúc mừng việc lên ngôi vua; Tống Phúc Lâm dâng hương; Hoàng Đức Lương tạ ơn việc ban cho lụa hoa; Hoàng Bá Dương báo cáo với nhà Minh về việc Chiêm Thành quấy nhiễu ngoài biên giới nước ta.

Theo Minh sử, mục Ngoại quốc, về truyện Chiêm Thành, thì năm Thành Hoá thứ 17 (1481), Cổ Lai sai sứ sang nhà Minh triều cống nói: "Nước tôi bị tai nạn vì nước An Nam đánh phá, tôi cùng anh tôi là Trai Á Ma Phất Yêm phải lẫn trốn trong hang núi. Sau nước An Nam sợ oai trời¹, sai người dò hỏi tìm được anh tôi, trả lại cho đất cũ. Anh tôi quyền giữ việc nước chưa được bao lâu đã bị chết sớm. Kể theo thứ tự, tôi đáng được lập làm vương, nhưng tôi không dám tự chuyên, xin bệ hạ ban cho tôi sách thư ấn tín. Còn về, đất đai thì quyền sở hữu của nước tôi gồm có hơn 3.500 dặm, xin bệ hạ đặc dụ cho người Giao Châu phải trả lại hết đất đai đã xâm lấn cho nước tôi". Năm thứ 20 (1484), vua nhà Minh sai cấp sự trung Lý Mạnh Dương và hành nhân² Diệp Ứng đem sách thư phong Cổ Lai làm Chiêm Thành quốc vương. Bọn Mạnh Dương nói: "Nước Chiêm Thành hiểm trở xa xăm, mà nước An Nam vẫn gây việc binh đao chưa chịu thôi, hiện nay Đê Bà Đài lại vụng trộm chiếm cứ đất đai. Nếu việc đi sách phong mà có chút nào không thuận lợi, thì lại tổn thương đến uy danh nước ta; tướng nên sai sứ thần đến dụ bảo Cổ Lai sang Quảng Đông nhận sách phong và ra sắc lệnh cho An Nam phải ăn năn tội lỗi". Vua nhà Minh theo lời tâu ấy. Cổ Lai bèn đem gia quyến sang sang Nhai Châu; Mạnh Dương làm xong công việc sách phong rồi trở về. Sau đó Cổ Lai lại muốn thân đến cửa khuyết để tâu bày về việc nước An Nam. Năm thứ 23 (1487), Tống Môn, tổng đốc Quảng Đông, đem việc này tâu bày. Đình thần bàn "nên sai một viên đại thần đến nơi an ủi Cổ Lai và hạ hịch văn dụ bảo nước An Nam nên theo nghĩa "tôn vong kế tuyệt"³ đón Cổ Lai trở về Chiêm Thành" vua nhà Minh chuẩn y lời bàn của đình thần, bèn sai Nam kinh đô ngự sử là Đồ Dung sang Quảng Đông, lại đưa luôn tờ hịch sang An Nam hiểu bảo về việc họa phúc, rồi mộ 2000 quân mạnh khỏe, đi 20 chiếc thuyền vượt biển hộ vệ Cổ Lai về nước. An Nam không dám chống cự, lúc ấy Cổ Lai mới được vào trong nước.

Lời phê-Phàm việc gì có can thiệp đến nước ngoài, Sử của nước ta và Sử của Trung Quốc, mỗi bên đều chủ trì một thuyết, bên nào cũng không tránh khỏi bênh vực chỗ sở đoản của nước mình. Chưa biết sử nước nào chép đúng?

Lời chua-Phạm Miễn Lân: Người xã Huê Cầu, huyện Thiên Tài, đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1478) năm Hồng Đức.

Tống Phúc Lâm: Người xã Nhất Trai, huyện Thiên Tài, đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1848) năm Hồng Đức.

Hoàng Đức Lương: Người xã Ngộ Cầu, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1478) năm Hồng Đức.

¹ Chỉ oai vua nhà Minh.

² Một chức quan giữ việc nghi lễ và đi sứ nước ngoài.

³ Một nước đã bị xâm lấn mất đất đai, nay cho nước ấy lại được bảo tồn lấy đất đai cũ của mình; mà dòng giống của vua chúa đã bị diệt vong, nay cho dòng giống ấy lại được kế tiếp giữ lấy cơ nghiệp của tổ tông mình. Chế độ này đặt ra từ đời nhà Thương, nhà Chu ở Trung Quốc.

Hoàng Bá Dương: Người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481) năm Hồng Đức.

Định rõ phép khảo xét công trạng.

Phép khảo xét công trạng các chức như thế này:

Làm việc quan được 3 năm thì sơ khảo¹; 6 năm, tái khảo²; 9 năm, thông khảo³.

- Người họ thân về bên nội bên ngoại của hoàng tông, con cháu của công thần khai quốc và quan văn, quan võ có quân công, những người này đã đủ ba lần khảo công được xứng chức đáng thăng làm nhất nhị phẩm, thì bộ Lại tâu xin cho thăng chuyển lên theo thể lệ đã định.
- Con của bách tính được bổ dụng làm quan, hoặc quân nhân vì có công đánh giặc mà được làm quan, người nào đã đủ ba lần khảo công được xứng đáng với chức phận, cũng chỉ cho thăng tiến đến tam phẩm mà thôi; nếu trong vòng 9 năm vì có công trạng đặc biệt đã được thăng lên cấp trên, đến khi thông khảo lại được xứng chức đáng thăng đến nhị phẩm trở lên, thì bộ Lại tâu rõ, sẽ có chỉ thị nhà vua chuẩn định.
- Thuộc viên ở các nha môn, người nào tại chức đã đủ ba lần khảo công thì đem hết sự trạng trong chức vụ của mình đã làm mà không lầm lỗi, trình bày đầy đủ, để viên trưởng quan xét kỹ lại cho dự vào thí quan⁴; làm việc đủ ba năm được thực thụ chính thức, bấy giờ mới là sơ khảo. Người nào trong khi làm chức vụ phạm phải lầm lỗi và người nào được đặc cách thăng chức, thì tính suốt từ sau khi phạm lầm lỗi và sau khi được đặc cách thăng chức đã đủ hạn định ba năm, lúc ấy lại định làm sơ khảo; sáu năm làm tái khảo; đợi đủ 9 năm làm thông khảo. Viên trưởng quan đem sự trạng mỗi lần khảo công từ trước đến sau khi người thuộc viên làm chức vụ, có đủ lời lẽ nhận xét làm chứng thực; lại tùy theo chức quân của người ấy giữ nhiệm vụ nặng hay nhẹ mà tâu rõ. Bộ Lại sẽ chiếu theo các lần khảo công mà thuộc viên ấy từ trước đến sau đã làm ở phiên nha⁵, giản nha⁶ như thế nào, tâu bày đầy đủ để thi hành theo như lệ định.
- Việc khảo công này, nếu có người nào gian trá, tiện tiện thêm thắt công lao, hoặc ẩn giấu tội phạm của mình, cùng viên trưởng quan nào che đậy lẫn cho người gian trá, thì bộ Lại kiểm xét rõ ràng để trị tội. Nếu người nào có tài năng đặc sắc khác với người thường, sẽ có lệnh chỉ nhà vua đặc cách cất nhắc, không câu nệ vào thể lệ này.

Nhà vua ra sắc lệnh: trưởng quan các nha môn ở ngũ phủ và các vệ kén chọn tướng hiệu thuộc quyền mình cai quản, người nào có sự trạng xác thật về quận công, am tường lão luyện về võ nghệ và tài năng, kiến thức, thanh liêm, mẫn cán, thì được để giữ chức vụ như cũ, còn người nào bỉ ổi, tham nhũng, làm việc một cách cầu may, thì hạch tâu để cách bãi đi. Nếu viên quan trưởng nào vì tình riêng mà lựa chọn không đúng xác, sẽ phải tội.

Kỷ Dậu, năm thứ 20 (1489). (Minh, năm Hồng Trị thứ 2).

Tháng 5, mùa hạ. Đại hạn, nhà vua hạ lệnh ân xá.

Canh Tuất, năm thứ 21 (1490). (Minh, năm Hồng Trị thứ 3).

¹ Xét công trạng lần thứ nhất.

² Xét công trạng lần thứ hai.

³ Xét suốt cả công trạng trong 9 năm.

⁴ Một viên quan chức dưới, được quyền giữ công việc chức trên, để thử thách về tài năng, vì chưa được chính thức bổ dụng, nên gọi là thí quan, cũng như danh từ "thí sai" sau này. Xem thêm lời chua của Cương Mục chính biên quyển XXIII, tờ 9.

⁵ Nha môn có nhiều việc phiền kịch.

⁶ Nha môn ít việc, công việc đơn giản.

Tháng 2, mùa xuân. Dân ở Đông đạo bị nạn đói, nhà vua sai sứ thần đi phát chẩn cho dân vay thóc.

Lúc ấy đại hạn đã lâu, các phủ huyện thuộc Đông đạo không thể cày cấy được, nhân dân phần nhiều bị chết đói. Nhà vua sai các quan ở Hàn lâm viện, Lục khoa, Ngự sử đài và hiệu úy vệ Cẩm Y chia nhau đến các phủ huyện, đem thóc trong kho phát chẩn cho dân vay.

Lời chúa-Đông đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 5).

Tháng 4, mùa hạ. Chia trong nước làm 13 xứ.

Trước đây định bản đồ, chia trong nước làm 12 đạo thừa tuyên. Đến nay nhà vua đem đất cũ Chiêm Thành đặt ba ty Đô, Thừa và Hiến ở Quảng Nam, định số hộ khẩu và cương vực mới tăng chia làm 13 xứ là: Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Lạng Sơn, An Bang, Thuận Hóa, Quảng Nam và Trung đô phủ¹.

Trong 13 xứ có: 52 phủ, 178 huyện, 50 châu, 20 hương, 36 phường, 6.851 xã, 322 thôn, 637 trang, 40 sách, 40 động, 30 nguyên, 30 trường. Ở Nghệ An, Thuận Hóa, An Bang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Quảng Nam đều đặt sở Thủ ngữ kinh lược sứ.

Nhà vua ra sắc lệnh định thể lệ chia xã: Phàm xã nào tính đủ 500 hộ rồi, mà ngoài ra lại còn thừa đến 100 hộ trở lên, thì do viên quan sở tại trích từng xã một tâu bày, để chia tách ra làm xã khác, cho bản đồ được rộng thêm..

Lời chúa-Thanh Hóa, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Lạng Sơn, An Bang, Thuận Hóa: Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16-35).

Quảng Nam: Xem Hồng Đức thứ 2 (Chb. XII, 7-10).

Nghệ An thủ ngữ: Gồm 7 sở: Luận Man, Trịnh Mãn, Trung Man, A bang động, Hoảng Lễ, Bính Phát và Trường Kịch.

Thuận Hóa thủ ngữ: Gồm 6 sở: Yêu Dũ, Minh Linh, Hải Vân, Tư Khách, Bồ Chính và Để Tích.

An Bang thủ ngữ: Gồm 9 sở: Kim Lạc, Vạn Ninh, Ty Lãm, Trì Thanh, Vĩnh Yên, Bình Lãng, Da Khê, An Bần và Khê Động.

Tuyên Quang thủ ngữ: Gồm 5 sở: Độ Ma, Huyền Lang, Thế Tuy, Hùng Quan và Vọng Bác.

Hưng Hóa thủ ngữ: Gồm 8 sở: Hoàng Hoàn, Hoa Quán, Thiên Bình, La Sá, Dũng Quát, Đà Lãng, Đăng Tỳ và Thạch Lũng.

Thái Nguyên thủ ngữ: Gồm 22 sở²: Lân Vĩ, Thanh Sơn, Na Man, Đả Hí, Cối Đà, Quả Thoát, Vũ Diên, Dương Châu, Bàng Ải, Nga Ổ, Na Động, Phiếu Khinh, Vĩnh Bông, Kim Đăng, Trạo Nhi, Na Thông, Giản Toái, Bác Nhắm, La Nạn, Lộng Ải, Bình Nê, Hóa Long, Hoa Can, Thắm Giáp, Sóc Hồng, Bà Hoan, Cao Đồn, Khư Động, Hồ Đàm, Bào Tuyền, Hoài Ninh và Ô Dực.

¹ Năm Quang Thuận thứ 10 đã đổi tên là phủ Phụng Thiên, quản lĩnh hai huyện: Thọ Xương và Quảng Đức. Vị trí phủ này ở liền kinh thành Thăng Long, nên lệ thuộc thẳng với kinh sư, không lệ thuộc vào một xứ nào trong 13 xứ cả.

² Nguyên văn chép 22 sở (nhị thập nhị sở), nhưng nếu cứ lấy hai chữ làm tên một sở như các sở ở Nghệ An, Thuận Hóa, An Bang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Lạng Sơn, và Quảng Nam, thì thủ ngữ của Thái Nguyên lại là 32 sở. Như vậy không biết có phải nguyên thư in nhầm chữ "tam" ra chữ "nhị" không? Hay là có tên sở nào ba chữ hoặc bốn chữ mà tách ra không được đúng chăng? Vì sách in đã không chấm ngắt ra, mà các sở ấy lại đều là những tên lạ, không biết tách ra từng sở thế nào cho chính xác được.

Lạng Sơn thủ ngữ: Gồm 18 sở: Gia Tĩnh, Lân Quan, Thôn Quan, Phạt Quan, Kết Quan, Nam Hiệu, Thất Nguyên, Chi Lăng, Luật Quan, Khiếu Vượng, Bình Lăng, Lạc Khư, Gia Bộc, Kiều Quan, Công Bình, Bác Lộc, Trí Hồ và Thiết Bình.

Quảng Nam thủ ngữ: Gồm 2 sở: Cổ Biên và Tiểu Áp.

Sở tại của các sở, nay không khảo cứu hết được.

Đại xá.

Năm bấy giờ, giá gạo cao, một tiền chỉ đong được 2 thăng gạo.

Tháng 11, mùa đông. Sửa đắp kinh thành thêm rộng ra.

Nhà vua răn sợ về việc loạn đời Diên Ninh¹, bắt sĩ tốt sửa đắp kinh thành dài rộng 8 dặm, đắp 8 tháng mới hoàn thành, bèn dựng điện Thạch Thất, lập vườn Thượng Lâm để nuôi bách thú.

Lời phê-Cần ở chỗ có đức chứ không cần ở chỗ hiểm trở, bắt dân phải khó nhọc làm gì?

Lời chua-Điện Thạch Thất, vườn Thượng Lâm: Nay không rõ ở chỗ nào.

Đặt thêm các quân ở các vệ thuộc ngũ phủ.

Trước đây đặt vệ Cẩm Y 22 ty, vệ Kim Ngô 14 ty, Hiệu Lực 4 vệ, Thần Võ 4 vệ, Điện Tiền 6 vệ, Tuần Tượng 4 vệ, Mã Nhân 4 vệ, các quân thuộc ngũ phủ: Trung Đông, Tây Nam, Bắc, mỗi vệ 5 sở hoặc 6 sở, mỗi sở 20 đội, mỗi đội 20 người. Đến nay, mỗi sở ở các vệ thuộc ngũ phủ đều đặt thêm một phó quân, đều không câu nệ đội ngũ, chỉ có từ ban thứ nhất đến ban thứ tám, mỗi sở chiếu theo số quân nhiều hay ít, liệu lượng định thứ tự từng ban.

Lời chua-Cẩm Y, Kim Ngô, Hiệu Lực, Thần Võ, Tuần Tượng, Mã Nhân và các quân trong ngũ phủ: Điều xem năm Quang Thuận thứ 8.

Tân Hợi, năm thứ 22 (1491). (Minh, năm Hồng Trị thứ 4). (Chb. XX, 2-5, 31-35).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Tháng 8, mùa thu. Mưa to.

Lúc ấy, mưa to suốt ngày đêm không ngớt. Nước dấy lên dữ dội, điện Kính Thiên nước sâu hai thước hai tấc, ruộng bằng phẳng ở các huyện Thanh Oai và Thanh Đàm nước sâu đến 4 thước. Nhà vua hạ lệnh cho chỉ huy, hiệu úy hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô chia nhau đi khơi tháo những chỗ nước mưa làm hại thóc lúa.

Nhà vua dụ bảo bày tội rằng: Chính sự thiếu sót lắm lỗi, nên trời gia tai vạ. Đây là do đức trạch của trẫm không thấm khắp đến dân, lòng thành chưa cảm động đến trời, cho nên đến nỗi tai vạ như thế, chứ trẫm họ có tội gì đâu! Không biết lúc ngày thường các khanh có thật bụng lo việc nước, giữ phép công, để sửa chữa những điều mà trẫm không nghĩ đến không? hay các khanh đi chơi bời cho thỏa thích, theo bụng riêng mưu điều lợi để giữ vững quyền vị dấy thôi? Trước kia, vì thời Thái Tông hoàng đế triều ta, vua tôi một lòng, vua sáng, tôi hiền, bày tôi hăng hái, lòng vua phấn khởi, vì có hòa khí mà đem lại điềm lành, thói tốt ấy đến nay có thể tưởng tượng được. Đến quãng năm Thái Hòa-Diên Ninh², bày tôi gian tà chuyên giữ quyền bính, gây ra tai biến ngay trong nhà³; lấy dấy làm gương mà răn sợ việc ấy rất là rõ ràng. Vậy từ nay về phần các khanh, nếu người nào còn chần chừ noi theo thói cũ, khi tiến khi thoái chỉ theo đuôi người, không để bụng nghĩ đến việc nước, quyết nhiên trẫm không dung tha. Nếu người nào biết tự giữ vững điều trung tín, hết sức hết lòng, trẫm không ngần ngại ban cho trọng thưởng. Các khanh nên nghĩ kỹ lấy, đừng để có sự ăn năn về sau.

¹ Chỉ việc Nghi Dân giết Lê Nhân Tông cướp ngôi vua. Xem thêm Chính biên quyển XVIII, tờ 34.

² Niên hiệu Lê Nhân Tông (1443-1453).

³ Chỉ việc Nghi Dân trèo thành vào cung điện giết mẹ con Lê Nhân Tông, xem thêm Chính biên quyển XVIII, tờ 34-35.

Lời chua-Điện Kính Thiên: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. XV, 13).

Thanh Oai: Xem Bình Định vương năm thứ 8 (Chb. XIII, 31).

Thanh Đàm: Túc Long Đàm. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 14 (Chb. VI, 26).

Tháng 10, mùa đông. Ruộng lúa được mùa lớn.

Dựng đình Quảng Văn.

Trước đây, khi nào có chiếu lệnh của nhà vua ban ra, lúc ấy mới do bộ đem treo bảng yết thị. Đến nay, dựng đình ở ngoài cửa Đại Hưng làm nơi treo những pháp lệnh về việc chính trị. Khi đình ấy đã lạc thành, nhà vua đặt tên cho là đình Quảng Văn.

Lời chua-Cửa Đại Hưng: Xem Lý Nhân Tông, năm Duệ Võ thứ hai (Chb. IV, 11).

Nhâm Tý, năm thứ 23 (1492). (Minh, năm Hồng Trị thứ 5).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua sai các quan trong Hàn lâm Lục khoa và Ngự sử đài chia nhau đi xét xử ngục tụng.

Lúc ấy, việc ngục tụng phần nhiều đình trệ, nhà vua hạ lệnh cho các quan trong Hàn lâm viện, Lục khoa và Ngự sử đài chia nhau đi 13 xứ thẩm xét phán đoán những hình ngục còn đọng lại.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho các quan trong viện hàn lâm giữ việc tuyển cử khoa thi hương.

Trước đây, viên quan giữ việc tuyển sĩ tử khoa thi hương, cứ đến lúc mở khoa thi, nhà vua mới hạ lệnh sai phái, không nhất định lấy viên quan ấy ở nha môn nào, cốt chọn người có khoa mục văn học giữ chức ấy. Đến nay, nhà vua hạ lệnh chuyên giao các quan trong viện Hàn lâm giữ việc sai phái này, mỗi trường thu 4 người. Viên Hàn lâm chuyên giữ chức khảo quan về khoa thi hương bắt đầu từ đây.

Tháng 12. Dân bị nạn đói lớn.

Quý Sửu, năm thứ 24 (1493). (Minh, năm Hồng Trị thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Định ban thứ trong triều.

Phàm ban thứ trong triều: văn ban và võ ban, người nào cùng ngang phẩm hàm với nhau, thì viên quan cũ cùng viên quan nhiều tuổi đứng hàng trên, viên quan mới cùng viên quan ít tuổi đứng hàng dưới; người nào phẩm trật thấp mà giữ chức cao, nếu là hàng tam phẩm thì đứng ở ban nhị phẩm, nếu hàm thất, bát phẩm thì đứng ở ban lục phẩm; người nào phẩm trật cao mà giữ chức thấp, nếu là hàm nhị phẩm thì đứng ở ban tam phẩm, nếu là hàm tứ, ngũ phẩm thì đứng ở ban lục phẩm; ngoài ra cứ theo thể lệ này mà suy. Còn như quan trong Lục khoa hàm thất bát phẩm thì đứng ở hàng trên trong ban lục phẩm. Về phần quan văn, quan võ người nào là quan phụng triệu yết¹, thì chiếu theo chức của mình mà đứng ở hàng cuối trong ban.

Giáp Dần, năm thứ 25 (1499). (Minh, năm Hồng Trị thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Định thể lệ và niên hạn lựa chọn cất nhắc Hoa văn học sinh.

Trước đây, thể lệ định những lại điển ở các nha môn đều theo niên hạn để tuyển bổ cất nhắc. Viên quan tá nhĩ² ở châu, ở huyện, nếu người nào thi hội trúng được một, hai, ba kỳ thì được cất nhắc lên quan chính chức ở châu, ở huyện và các chức kinh lịch, khố sứ, duy Hoa văn học sinh ở Trung thư giám là không câu nệ niên hạn nhất định, khi nào đến kỳ tuyển bổ, mới chọn lấy một người trong bốn

¹ Không phải tên một chức quan, mà là danh từ để gọi chung các quan văn võ được phụng mạng vua vào châu, vào yết kiến trong kinh đô.

² Một danh từ để gọi riêng những viên quan được giữ chính chức, còn thuộc quyền viên quan chính chức, giúp đỡ công việc trong một nha môn.

người, do viên trưởng quan bảo cử, bộ Lễ khảo xét lựa chọn làm danh sách tâu trình, đưa sang bộ Lại xét rồi tâu lên vua. người nào vào hạng thượng đẳng và trung đẳng sẽ được bổ vào chức chính tự trong giám ấy hoặc bổ làm thủ lĩnh ở các phủ tại kinh đô, thì đến lúc bấy giờ sẽ có chỉ dụ đặc biệt của vua ban ra. Đến nay nhà vua hạ chiếu: Hoa văn học sinh đủ niên hạn 8 năm trở lên, thì các trưởng quan chọn người liêm khiết, siêng năng, mẫn cán, thông thạo công việc, trong số ấy có người nào đã từng được sai phái đi công cán hoặc theo đi đánh giặc có công, thì bảo cử lên; những người ấy đều do bộ Lại lựa chọn cất nhắc, cũng như điển lại các nha môn.

Lời chua-Hoa văn học sinh: Theo điển lệ quan chế triều Lê, Hoa văn học sinh ở Trung thứ giám có 100 người.

Niên hạn các nha lại: Xem năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XIII, 10-11).

Ất Mão, năm thứ 26 (1495). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 8).

Tháng 11, mùa đông. Sáng tác chín bài hát quỳnh uyển.

Nhà vua lấy cố là: thời tiết thuận, năm được mùa, nên nhân lúc mọi việc được thư nhàn, bèn sáng tác thành chín bài thơ, là: phong niên¹, quân đạo², thần tiết³, minh lương⁴, anh hiền⁵, kỳ khí⁶, thư thảo⁷, văn nhân⁸, mai hoa⁹. Chín bài thơ này được phép vào khúc hát, gọi tên là "quỳnh uyển cứu ca"¹⁰. Nhà vua thân hành soạn bài tựa, tự xưng là Tao đàn nguyên soái¹¹. Hạ lệnh cho đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận làm phó nguyên soái; đông các hiệu thư Ngô Luân và Ngô Hoán, hàn lâm viện thị độc Nguyễn Trùng Xác và Lưu Hưng Hiếu, thị thư Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huân, Võ Dương và Ngô Thâm; thị chế Ngô Văn Cảnh, Phạm Trí Kiên, Lưu Thị Mậu; hiệu lý Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tôn Miệt, Ngô Quyền, Nguyễn Bảo Khuê, Bùi Phổ, Dương Trực Nguyên và Chu Hãn, kiểm thảo Phạm Cẩn Trực, Nguyễn Ích Tồn, Đỗ Thuần Thứ, Phạm Như Huệ, Lưu Dịch, Đàm Thận Huy, Phạm Đạo Phú và Chu Huân gồm 28 người theo vần trong chín bài ca ấy để họa lại, gọi là tao đàn nhị thập bát tú (28 ngôi sao của Tao đàn).

Lời phê-Luôn luôn có hạn hán, nước to, đói dữ¹², mà đã nói như thế như thế...¹³; lại còn xưng hô với nhau một cách khoe khoang¹⁴, thật đáng khinh bỉ. Ông vua này không phải chỉ những đạo đức chưa được thuần hậu, độ lượng chưa được rộng rãi mà thôi đâu!

¹ Năm được mùa.

² Đạo làm vua.

³ Tiết tháo người làm tôi.

⁴ Vua sáng, tôi hiền.

⁵ Tưởng nhớ người anh tuấn, hiền tài (chú thích theo Việt sử mục lục).

⁶ Khí vận tỏ vẻ đặc sắc.

⁷ Những thư thảo trong lúc vui đùa đã thành văn (chú thích theo Việt sử mục lục).

⁸ Người văn học.

⁹ Hoa mai.

¹⁰ Chữ "quỳnh" nghĩa đen là viên ngọc quý, người ta thường dùng chữ này để tượng trưng cho thứ gì tinh anh trong sáng. Chữ uyển có một nghĩa là tụ họp. Tống Thái Tổ thường ban yến cho các tiến sĩ ở quỳnh lâm uyển, vua tôi xướng họa thơ phú với nhau. Có lẽ Lê Thánh Tông cũng phỏng theo vận sự đời Tống, nên đặt tên chín khúc hát là "quỳnh uyển cứu ca".

¹¹ Tao đàn cũng như văn đàn, thi đàn. Chữ "tao" có nghĩa là văn chương thanh tao đến tuyệt diệu. Chữ "đàn" có nghĩa là một nơi quảng trường. Bốn chữ này có ý nói một viên tướng đứng đầu trong quảng trường của Thi Nhân, mặc khách.

¹² Lời phê này nhắc lại việc tai biến đã xảy ra đời Lê Thánh Tông: 11 lần hạn hán, 6 lần thủy tai và 4 lần dân bị kém đói.

¹³ Chỉ vào đầu đề của chín khúc hát, như: phong niên, minh lương, kỳ khí v.v...

¹⁴ Chỉ vào việc đặt tên khúc hát là "quỳnh uyển cứu ca" và vua tôi xưng hô là Tao đàn nguyên soái, phó nguyên soái và nhị thập bát tú.

Bính Thìn, năm thứ 27 (1496). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 9).**Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.**

Khi nhà vua đến Tây Kinh, tưởng nhớ công nghiệp của ông cha bọn Lê Chí và Lê Vĩnh, bèn ban cho Lê Chí 30 lạng bạc, Lê Vĩnh 25 lạng bạc.

Lời chua-Lê Chí: Người xã Dụng Tú, huyện Lương Sơn, ông của Chí là Lê Lâm, theo Lê Thái tổ đánh giặc Ngô có công, sau theo đi đánh Ai Lao, bị tử trận, được truy tặng thái úy. Cha của Lê Chí là Lê Niệm, từng trải thờ Lê Thái Tông, Nhân Tông và Thánh Tông, là công thần đời trung hưng¹, được gia phong thái phó, tước Tĩnh quốc công khi mất, được truy tặng thái úy.

Lê Vĩnh: Ông của Vĩnh là Lê Sao, khai quốc² công thần, làm quan đến thiếu bảo; bố của Vĩnh là Lê Thọ Vực từng trải thờ Nhân Tông và Thánh Tông, làm công thần đời trung hưng, được gia phong thái úy, tước Phú quốc công.

Lúc ấy, Chí làm tả đô đốc phủ Nam quân, Vĩnh làm tả đô đốc phủ Bắc quân.

Trời không mưa, nhà vua thân hành cầu đảo: tối hôm ấy mưa to.

Lúc ấy, đã lâu không mưa, nhà vua tự mình thành tâm cầu đảo và tự soạn bài thơ, sai Nguyễn Đôn đem treo vào tường đền thờ thần Hoằng Hựu. Tối hôm ấy mưa to.

Lời chua-Đền Hoằng Hựu: Xem năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 12).

Tháng 2 nhuận. Ban yến cho quần thần ở bãi Thúy Ái.

Nhà vua từ Tây Kinh trở về, thuyền ngự đóng ở Thúy Ái, bày tiệc văn võ đến lạy mừng, nhân đấy nhà vua ban cho ăn yến.

Lời chua-Bãi Thúy Ái: ở bờ phía nam sông Nhị Hà, nay thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội³.

Hoàng thái hậu mất.

Thái hậu bị bệnh, nhà vua cùng hoàng thái tử ngày đêm trông nom bệnh tật, không lúc nào rời một bên, phàm thuốc thang cùng đồ ăn, đồ uống đều thân hành nếm trước, hằng ngày cầu đảo với tôn miếu thần thánh. Đến nay, thái hậu mất ở điện Thừa Hoa, hưởng thọ 76 tuổi.

Lời chua-Điện Thừa Hoa: Nay không khảo cứu được.

Tháng 3. Nhà vua thân hành thi cống sĩ.

Theo chế độ cũ, cống sĩ thi hội đã được trúng cách, lúc vào thi đình đều không người nào bị đánh hỏng. Đến nay, cử nhân vào thi hội, quan trường lấy bọn Nguyễn Văn Huấn 43 người được trúng cách. Kịp khi nhà vua thân hành ra bài thi ở thềm rồng điện Kính thiên, hỏi về đạo cai trị, rồi triệu các cử nhân vào sân điện Kim Loan, nhà vua tự mình xét kỹ dung mạo từng người, chỉ lấy đỗ 30 người, cho Nghiêm Viên, Nguyễn Huân và Đinh Lưu ba tên đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Đinh Cường 8 tên đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Đạo Diễn 19 tên đỗ đồng tiến sĩ xuất thân, đánh hỏng 13 người.

Lời chua-Nghiêm Viên: Người làng Bồng Lai, huyện Quế Dương, sau khi đã đỗ, lấy công chúa, đến lúc về nhà, bị vợ đánh thuốc độc chết.

¹ Sử thần nhà Nguyễn cho việc Nghi Dân giết Nhân Tông cướp ngôi vua không phải là chính thống và coi như chính thống nhà Lê đến đây đã mất; đến khi thánh tông lên làm vua, họ cho là lại kế tiếp được chính thống, vì thế họ chép đời Lê Thánh Tông là trung hưng.

² Sử phong kiến lẫn lộn nước với vua là một, vì thế họ nhận Lê Thái Tổ sáng lập cơ nghiệp nhà Lê tức là mở nước, nên chép là khai quốc.

³ Nay thuộc thôn Thúy Lĩnh, xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Nguyễn Huân: Người làng Kim Đồi, huyện Võ Ninh¹.

Đinh Lưu: Người làng An Dật, huyện Thanh Lâm.

Đinh Cường: Người làng Tiên Tảo, huyện Bình Hà, được nhà vua đặt tên lại cho là Cường. Sau này, Cường đổi tiết tháo, thờ nhà Mạc làm quan đến Lại bộ thượng thư.

Nguyễn Đạo Diễn: Người làng Kim Đồi, huyện Võ Ninh.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ chiếu tuyển chức quan ở Hiến sát sứ ty và chức quan ở phủ, ở huyện, ở châu.

Nhà vua hạ tờ chiếu nói: Chức hiến sát phó sứ nếu có khuyết ngạch, thì lựa chọn trong hàng tiến sĩ cùng thuộc quan ở các nha môn lấy người nào đã thi hội trúng một, hai, ba kỳ mà là người siêng năng, mẫn cán, cứng rắn, thẳng thắn để bổ sung làm lại điển ở các nha môn, đã thi hội thường trúng được một, hai, ba kỳ mà là người làm việc lâu năm, siêng năng, mẫn cán và người có quân công, thì sơ thụ cho chức tri huyện hoặc tri châu, giữ chức đủ ba năm không có lầm lỗi, sẽ cất nhắc lên viên ngoại lang, đồng tri phủ, lại giữ chức đủ sáu lần khảo công mà được xứng chức, sẽ cho thăng chức tri phủ.

Lời chua-Giám sinh: Tức là những người thi hương trúng được bốn kỳ.

Nho Sinh: Tức là con các viên quan thi hương trúng được ba kỳ. Đều xem năm Quang Thuận thứ 3 (Chb. XIX, 21-22).

Tháng 8, mùa thu. Mưa to, gió lớn, nước dâng lên dữ dội.

Ruộng lúa ở dân gian phần nhiều bị thối nát.

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua không được khỏe.

Đinh Tỵ, năm thứ 28 (1497). (Minh, năm Hồng Trị thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua mất.

Nhà vua bị đau nặng, tự dựa lưng vào ghế ngọc, để lại tờ chiếu cho hoàng thái tử nối ngôi vua; ngày Nhâm Tý, nhà vua mất ở điện Bảo Quang.

Nhà vua ở ngôi 38 năm, hưởng thọ 56 tuổi, miếu hiệu Thánh Tông, có 14 người con.

Hoàng thái tử dụ bảo bầy tôi trong triều rằng: "Người con khi sinh ra được 3 năm, rồi sau cha mẹ mới khỏi phải bế ẵm. Cho nên phép đời cổ, con để tang cha mẹ ba năm. Văn đế nhà Hán không học theo phép đời cổ, khi mất, để lại mệnh lệnh cho đoàn tang, đem ngày thay cho tháng², rồi sau này cứ làm theo phép ấy, như vậy là bỏ hết điển lễ, khinh bạc luân thường, không thể làm phép tắc được. Nay vua cha ta vội bỏ trăm họ lên châu trời, lòng ta thương xót vô cùng, báo công đức không thể nào hết được. Vạy các khanh nên bàn định việc chịu tang ba năm, để xứng đáng với tâm linh ta thương yêu kính mến".

Đại thần và trăm quan đều lạy dập đầu xuống đất mà tâu rằng: "Điều hiếu là điều căn bản lớn để trị thiên hạ, nay điện hạ biết noi theo đạo hiếu, thì việc bàn định thi hành lễ cổ, chúng tôi đâu dám chẳng tuân theo mệnh lệnh". Bèn định làm lễ chịu tang ba năm: Phàm lễ tiểu liệm³, đại liệm⁴, lễ thẩn⁵ và lễ tế điện⁶, nhất thiết theo đúng lễ phép đời cổ. Trăm quan văn võ để tang ba năm: hạng lại, sĩ, quan và dân để tang một trăm ngày; tang phục đều dùng vải trắng, thường phục thì cũng cho phép mặc lẫn màu

¹ Nay là xã Kim Chân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

² Văn đế nhà Hán lúc sắp mất, để tờ chiếu lại cho chịu tang 36 ngày, như thế là đem 36 ngày thay thế cho 36 tháng (3 năm).

³ Mặc áo mới cho người chết, và bó thi thể lại.

⁴ Bó thi thể vào áo quan.

⁵ Chôn quan. Theo nghi lễ cổ, thiên tử chết, bảy ngày làm lễ quan, bảy tháng làm lễ táng; vua chư hầu chết, năm ngày làm lễ quan, năm tháng làm lễ táng; đại phu sĩ và thứ nhân chết, ba ngày làm lễ quan, ba tháng làm lễ táng.

⁶ Khi linh cửu còn để trong nhà, mỗi ngày hai buổi, con cháu đặt cỗ lên bàn thờ để cúng tế, gọi là triệu điện, tịch điện.

xanh, màu thâm; trong ba tháng đình chỉ việc cưới gả; trong khoảng ba năm đều cấm mặc màu hồng, màu tía.

Lời chua-14 người con của Thánh Tông: Thái tử Chanh, các con thứ là Lương Vương Tuyên, Tống Vương Tung, Đường Vương Cảo, Kiến Vương Tân, Phúc Vương Tranh, Diễn Vương Thông, Quảng Chiêu, Nghĩa Vương Cảnh, Trần Vương Hình, Triệu Vương Thoan, Kính Vương Kiện.

Tháng 2. Thái tử Chanh lên ngôi vua.

Ngày Mậu Dần, thái bảo Bình lương hầu Lê Chí. Binh bộ thượng thư Định công bá Trịnh Công Đán, Tây quân đô đốc phủ tả đô đốc Sùng Khê bá Lê Vĩnh dẫn bày tới đến điện Hoảng Văn rước thái tử Chanh lên ngôi vua (tức Lê Hiến Tông), lấy sang năm làm năm thứ nhất niên hiệu Cảnh Thống.

Hạ chiếu: Lục khoa và Ngự sử đài xét quan lại kẻ hay người dở.

Nhà vua dụ bảo: Trẫm mới lên ngôi, việc dùng người làm chính trị, nghĩ sao tìm được người hiền tài tuần kiệt để giúp công việc, còn e rằng người hay người dở lẫn lộn với nhau, người trung người nịnh không xác định được, nếu không phân biệt rõ ràng, thì lấy gì mà khuyên kẻ hay răn kẻ dở. Vậy từ nay, các nha môn trong kinh sư và ngoài các đạo, phạm có quan lại nào liêm khiết, tài năng, đáng nên khen thưởng cất nhắc, cùng quan lại nào tham lam những nhiều không xứng đáng với chức vụ, chuẩn cho phép Lục khoa và Ngự sử đài dò xét, tâu bày từng tên để trẫm biết.

Dân Nghệ An bị nạn kém đói, hạ chiếu phát thóc trong kho cho dân nghèo vay.

Lúc ấy. Nghệ An bị nạn kém đói, nhà vua ra sắc lệnh hai ty Thừa chính và Hiến sát phát thóc trong kho công cho dân nghèo vay, mỗi người được vay 100 thăng, đợi lúc lúa chín được mùa sẽ thu lại nộp trả vào kho công.

Lời chua-Nghệ An: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-22).

Tôn mẹ là quý phi Nguyễn thị làm hoàng thái hậu.

Hoàng thái hậu, người làng Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, là con gái thái úy Trinh Quốc công Nguyễn Đức Trung. Năm Quang Thuận thứ nhất (1460) được tuyển vào chầu trong cung, phong là sung nghi, ở cung Vĩnh Ninh, tháng 8, năm Quang Thuận thứ 2 (1461) sinh nhà vua; năm Hồng Đức thứ nhất (1470) sách lập làm quý phi. Đến nay tôn làm Hoàng thái hậu, ở cung Trường lạc.

Đại hạn.

Lúc ấy đại hạn, Đông các hiệu thư Dương Trực Nguyên dâng sớ nói nhà vua nên tu dưỡng đạo đức để tiêu án thiên tai.

Lời chua-Dương Trực Nguyên: Người làng Thượng Phúc, huyện Thượng Phúc¹, đỗ đồng tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức.

Hạ chiếu: Tuyển người tiến sĩ nào có thành tích về chính trị để bổ giữ chức ở Ngự sử đài.

Nhà vua ra sắc lệnh: Từ nay, cấp sự trung trong lục khoa và giám sát ngự sử, nếu có khuyết ngạch, thì bộ Lại chọn các quan trong kinh sư, ngoài các đạo người nào do tiến sĩ xuất thân mà là người liêm khiết, cần mẫn, cứng rắn, ngay thẳng, có thành tích về chính trị, thì cất nhắc lựa bổ. Người ấy giữ chức đủ một năm sẽ do Đô ngự sử đài xét nghiệm về sự trạng đã làm, rồi tâu bày đầy đủ. Nếu xét ra người nào có thể dùng được sẽ cho giữ chức như cũ, người nào không thể dùng được sẽ cho giữ chức như cũ, người nào không thể dùng được sẽ đổi sang giữ chức khác. Nếu Đô ngự sử đài xét nghiệm không công bằng, cho phép Lục khoa được đàn hạch để trị tội.

¹ Nay là thôn Thượng Phúc, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Nhà vua hạ chiếu: Từ nay, về quan chức tuần ty ở ven biên giới, thì bộ Lại chọn lấy người địa phương lân cận với biên giới đã quen thủy thổ, có công đánh giặc đáng được bổ dụng để cất nhắc lựa bổ; về quan thủ lĩnh các nha môn phủ, huyện, châu ngoài các đạo, có người nào đáng được thăng chức, thì bộ Lại đưa công văn cho viên quan cai quản khám xét kỹ càng, nếu quả là người liêm khiết, tài năng, chăm chỉ, mẫn cán, trong khi tại chức không để công việc bê trễ, mới được thăng chức.

Nhà vua hạ sắc lệnh: Nếu chức suy quan ở ty Thừa chính các xứ có khuyết ngạch, thì bộ Lại chọn quan viên ở các nha môn, người nào từng trải hai lần khảo công trở lên mà là người liêm khiết, tài năng, lão luyện, thông thạo và am hiểu danh lệ hình luật để cất nhắc bổ dụng.

Tháng 5, mùa hạ. Sửa điện Đãi Lậu.

Trước kia, Thái tổ dựng điện Đãi Lậu ở ngoài cửa Tây; Thánh Tông dựng thêm hai dãy nhà ở ngoài cửa Đại Hưng; đến nay nhà vua ra đặc lệnh cho quân ngũ phủ dựng hai dãy nhà ở ngoài cửa Đại Hưng làm viện Đãi Lậu, mỗi dãy ba gian, để làm chỗ các quan chờ đợi giờ khắc trước lúc sắp tiến vào triều đường.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Nhà vua sai Hộ khoa cấp sự trung Phạm Hưng Văn và Hàn lâm viện hiệu lý Nguyễn Đức Thận sang nhà Minh cáo phó; Hàn lâm viện hiệu lý Phan Tông, Phạm Khắc Thuận và Nguyễn Đình Tuấn sang xin phong tước.

Lời chua-Phạm Hưng Văn: Người làng Đông Hối, huyện Thanh Lan¹, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1475) năm Hồng Đức.

Nguyễn Đức Thận: Người làng Trang Liệt, huyện Đông Ngàn², đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức.

Nguyễn Đình Tuấn: Người làng Quảng Bối, huyện Thiên Tài³, đỗ đồng tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481) năm Hồng Đức.

Định số binh sĩ ở những nơi biên giới.

Phàm các quân sĩ đóng ở ven biên giới, nếu có những người là bố con anh em với nhau hoặc là người cùng thôn cùng xã với nhau, mà hiện bổ phân tán ở các sở các vệ, thì đều được chiếu theo ngạch lính của từng sở, từng vệ đổi bổ những người ấy vào chung một đội ngũ để tiện việc cai quản đốc suất.

Mậu Ngọ, Hiến Tông Duệ hoàng đế năm Cảnh Thống thứ nhất (1498). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ sắc lệnh: bảo vệ hành cung⁴ một cách nghiêm ngặt.

Nhà vua ra sắc dụ cho các ty hộ vệ: Lệnh cấm ở hành cung không thể không nghiêm ngặt được. Sách thượng thư nói: "Có phòng bị thì không sợ xảy ra họa nạn⁵; Sách Chu dịch nói: "Giữ hiệu canh từng trùng cửa để ngăn ngừa quân bạo nghịch"⁶. Đây đều là để đề phòng sự bất trắc có thể xảy ra. Từ nay, khi xa giá đi bái yết sơn lăng, thì ba ty hộ vệ phải giữ lệnh cảnh giới cho nghiêm ngặt, chớ cậy là lúc thái bình mà coi thường việc phòng bị. Nếu có lệnh tuyên triệu viên quan nào, ban ngày thì dùng bài ngà, cờ lệnh, ban đêm dùng hồ phù, cờ lệnh, lúc ấy quân hộ vệ mới được mở cửa thành. Nếu người nào làm trái lệnh sẽ phải xử theo quân luật.

¹ Nay thuộc xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

² Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh.

³ Nay thuộc xã Quảng Phú, huyện Gia Lương, Bắc Ninh.

⁴ Xem chú thích số 1, quyển VI, tờ 20.

⁵ Nguyên văn: "Hữu bị võ họa" (thiên Duyệt mệnh trung), Thư kinh đại toàn quyển V, tờ 28).

⁶ Nguyên văn: Trùng môn kích tích, dĩ đãi bạo khách". (Hê từ hạ, Dịch kinh đại toàn quyển XIX, tờ 9).

Lời chua-Ba ty hộ vệ: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, năm đầu niên hiệu Quang Thuận (1460) đặt vệ quân Thần Võ, Hiệu Lực và Điện Tiền gọi là ba ty hộ vệ.

Giảm bớt thuộc quan ở vệ Lạng Sơn.

Theo chế độ cũ, vệ và sở thuộc phiên trấn bên ngoài ở các xứ, mỗi vệ đặt hai viên tổng tri và đồng tổng tri, mỗi sở đều có một viên quản lãnh và một viên phó quản lãnh, một viên chánh võ úy và một viên phó võ úy. Lúc ấy, sáu sở thuộc vệ Lạng Sơn số quân ít mà số quan lại thì nhiều, nhà vua bèn ra sắc lệnh cho ba ty Đô, Thừa, Hiến bàn định, liệu lượng để lại: mỗi sở, chức quản lãnh võ úy đều một người, mỗi vệ, chức giáo tập bác sĩ sáu người, ngoài ra đều giảm bớt. Những viên chức bị tình giảm sẽ điều bổ đi vệ hoặc sở khác.

Lời chua-Sáu sở thuộc vệ Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 35).

Làm lễ táng Lê Thánh Tông ở Chiêu Lăng.

Nhà vua hạ lệnh cho bọn đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Lễ bộ thượng thư Đàm Văn Lễ và đông các học sĩ Lưu Hưng Hiếu soạn bài ký khắc vào bia.

Cho vài trăm người cung nữ ra khỏi cung cấm.

Sai sứ thần đi tuần hành các quận huyện.

Nhà vua sai sứ thần chia nhau đi đến các quận huyện trong nước. Khám xét: nếu thấy người nào nghèo túng, già yếu mà còn ở trong quân ngũ thì sa thải cho về; thuế khóa, tạp dịch việc gì quá nặng thì giảm nhẹ đi: buông tha cho người vì lầm lẫn vì vô ý mà phạm tội; làm tỏ rõ lý lẽ cho người gặp điều oan uổng; xá bỏ các thuế tích khiếm từ các năm trước; phát chẩn cho người cô cút, người cùng nghèo; thu dùng những người thất chức; khen thưởng người có công; biểu dương người tiết nghĩa; cất nhắc người liêm khiết; tiến cử người hiền tài. Thi hành chính sách trên, trong kinh sử, ngoài các đạo đều lấy làm vui vẻ.

Trộm cướp nổi lên ở Nghệ An và Thuận Hóa. Hạ lệnh chiêu an phủ dụ.

Lúc ấy, ở Nghệ An và Thuận Hóa bọn trộm cướp đều nổi dậy, quận huyện lân cận không thể yên được. Nhà vua ra sắc lệnh cho viên quan có trách nhiệm triệt bỏ hết toán lính đi tiểu bắt và chiêu an phủ dụ cho họ trở lại nghề nghiệp cũ.

Lời chua-Nghệ An, Thuận Hóa: đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-24).

Hạ sắc lệnh cho thừa chính, hiến sát và phủ, huyện khuyến bảo dân làm ruộng trồng dâu.

Nhà vua lưu ý về việc làm ruộng:

- Ra sắc lệnh cho quan thừa chính, hiến sát phủ, huyện đi tuần hành khuyến bảo nhân dân đắp đê ngăn nước, khơi thông những chỗ úng thủy, đắp bờ ruộng, để đề phòng hạn hán, thủy tai; mỗi xã đặt một chức xã trưởng, chuyên đôn đốc về việc làm ruộng, trồng dâu.
- Phàm quan chức ngoài các đạo có việc vào kinh sử hoặc quan trong triều từ ngoài các đạo trở về, tất nhiên nhà vua triệu đến hỏi han về việc lúa mạ năm ấy được mùa hay mất mùa, trăm họ vui vẻ hay sầu khổ.
- Hạng quân tượng¹ đến lượt phải lên làm việc công đều được chia phiên cho về làm ruộng.

Bọn Võ Hữu, thượng thư bộ Lễ, tâu nói: "Người làm việc bếp nước ở Thái quân thự, so với hàng quân tượng¹ công việc cũng giống nhau, nay các sắc quân tượng đến kỳ hạn đều được chia phiên nhau

¹ Những người thợ sung vào quân ngũ các vệ, giữ việc xây dựng kho tàng, đèn quán và dinh thự... (Việt sử thực lục quyển XIV, tờ 17).

về làm ruộng, thế mà người giữ bếp nước vẫn phải ở lại làm việc, như vậy tướng không được công bằng. Xin từ nay ty Thừa tuyên sứ ở bốn xứ Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc chọn lấy người phú nông trong hạt bổ thêm vào số người làm việc bếp nước, mỗi năm đến tháng 6, tháng 10, nhất luật chia ra từng ban cho về làm ruộng, để cho việc khó nhọc, việc nhàn rỗi được điều hòa". Nhà vua chuẩn y lời tâu này.

Nguyễn Quang Hiến, tả thị lang bộ Hình, tâu nói: "Tháng 5, tháng 11 năm nay, các sắc quân tượng² đều được phép chia phiên nhau về làm ruộng, mà người ngục tốt ở ngục sở trong ty Ngũ hình vẫn phải ở lại làm việc sai phái, như thế chưa được công bằng. Xin từ nay ngục tốt được chia nhau cho về làm ruộng theo như thể lệ quân tượng". Nhà vua chuẩn y lời tâu này.

Định thể lệ đánh thuế đất bãi, chia làm hai hạng: một nửa là hạng đất trồng dâu, một nửa là hạng đất trồng lạc, mỗi mẫu nộp thuế một quan hai tiền. Xã nào có trồng dâu, thì cho phép nộp một nửa bằng tơ sống: mỗi mẫu một cân tám lạng, mỗi cân giá tám tiền; xã nào không trồng dâu, thì nộp bằng tiền thay cho tơ sống.

Nhà vua hạ chiếu: Từ nay, năm nào thóc lúa được phong đăng, thì ty Thừa tuyên các xứ phải sức rõ cho phủ, huyện đốc thúc dân gian cố sức tích trữ cho nhiều để đi đến chỗ giàu đủ, không nên phung phí, tiêu dùng càn.

Lời chua-Võ Hữu: Người làng Mộ Trạch, huyện Đường An³, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận đời Lê Thánh Tông.

Nguyễn Quan Hiến: Người làng Vĩnh Kỳ, huyện Từ Liêm⁴, đỗ đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi (1475) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Tháng 8, mùa thu. Hạ sắc lệnh xét xử ngục tụng cho được trôi chảy xong xuôi.

Nhà vua hạ sắc dụ cho các nha môn xét xử hình ngục: Việc hình ngục quan hệ đến tính mạng của dân, cho nên "việc hình ngục không được để chậm trễ, đã có lời răn ở Chu Dịch⁵ hỏi hết những lời cốt yếu để xét đoán kiện tụng" đã chép ở Thượng thư⁶. Vậy từ nay, các việc ngục tụng nào tình lý còn nghi ngờ khó xét, đều phải y theo thời hạn xét xử cho xong. Nếu người nào còn dám để bê trễ, thì cứ đến cuối năm, viên quan cai quản, viên quan đề hình ở bộ Hình, quan giám sát ngục sử và Thanh hình hiển sát sứ ti phải kiểm tra hặc tâu để trị tội; nếu các quan viên nói trên không kiểm tra tâu hặc, thì viên thượng ty trong Ngục sử đài và viên xá nhân được giữ công việc thể sát hặc tâu. Các nha môn nào không xét xử đúng lẽ, thì người bị oan uổng được phép cứ sự thực tâu bày đầy đủ lên triều đình, viên quan ấy sẽ bị tội theo như luật định.

Lời chua-Xá nhân: Tức trung thư xá nhân, xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 19).

Đặt thêm vệ quân ở Đô ty đạo Quảng Nam.

Trước đây, Đô ty đạo Quảng Nam đặt vệ Thăng Hoa gồm 5 sở, đến nay đặt thêm sở Súng Nỏ, lại đặt vệ Tư Nghĩa và Hoài Nhân mỗi vệ sáu sở.

Lời chua-Vệ quân ở Đô ty Quảng Nam và năm sở thuộc vệ Thăng Oa: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7, 10).

¹ Những người thợ sung vào quân ngũ các vệ, giữ việc xây dựng kho tàng, đèn quán và dinh thự... (Việt sử thực lục quyển XIV, tờ 17).

² Những người thợ sung vào quân ngũ các vệ, giữ việc xây dựng kho tàng, đèn quán và dinh thự... (Việt sử thực lục quyển XIV, tờ 17).

³ Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương.

⁴ Nay thuộc xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Hà Tây.

⁵ Nguyên văn: "bất lưu ngục" (Tượng từ quẻ Lữ, Chu đình đại toàn quyển XV, tờ 32).

⁶ Nguyên văn: "phí tế yếu tù" (thiên khang cáo, Thượng thư đại toàn quyển VII, tờ 39).

Vệ Tư Nghĩa: Gồm sáu sở: Dương Nỏ, Siêu Ách, Phủ Giang, Trường Hải, Phi Duẩn, và Súng Nỏ.

Tháng 11, mùa đông. Hạ sắc lệnh cho Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc nộp thóc vào kinh sư.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho 4 xứ Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc sức cho phủ, huyện phái người đốc dân phu chuyên chở thóc công, mỗi xứ đều 12.500 hộ để nạp, chứa vào kho thóc ở kinh sư; còn thóc công ở Thừa chính ty các xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hóa và Tuyên Quang, vẫn thu về chứa ở kho sở tại để việc biên phòng được đầy đủ.

Lời chua-Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hóa, Tuyên Quang: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 35).

Tháng 12. Định rõ phép khảo công.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho thượng ty các nha môn ở trong kinh và ngoài các đạo đều phải xét thuộc quan dưới quyền mình cai quản, những người đã đủ ba lần khảo công, có người nào biết hết lòng võ về thương yêu, được quân và dân yêu mến, binh không trốn, thuế không thiếu, thì liệt vào hạng xứng chức, người nào tham lam những nhiều, kinh doanh lợi riêng, mà binh và thuế lại phần nhiều trốn thiếu, thì liệt vào hạng bất xứng chức, rồi đều kê tên từng người tâu lên triều đình, sẽ định việc cho thăng chức hoặc bãi truất bãi.

Nhà vua hạ chiếu: chức thủ lĩnh được ngang hàng với trưởng quan bàn luận việc phải trái, chứ không phải chỉ có việc tra xét kiểm duyệt sổ sách mà thôi, cần phải đem lòng công để giữ phép, tự mình ngay thẳng để dẫn đường cho người khác noi theo, như bọn Vũ Phục Long, Phạm Như Dự và Vũ Thế Hào triều đình đã cho biểu dương để khuyên những người sau này: thế mà xét ra người giữ chức ấy, có nhiều người vẫn nuôi lòng gian, làm việc xấu, không biết dùng lễ phải để tự khuyên mình. Vậy từ nay, lục khoa ở trong kinh, Hiến ty ở các đạo phải theo sự công bằng phân biệt cho rõ, ai là người liêm khiết, ai là người tham nhũng, đều phải kê tên tâu lên triều đình. Về phần viên giám sát ngự sử các đạo lại cứu xét kỹ lại, rồi tâu bày đầy đủ, sẽ có chỉ dụ định đoạt.

Nhà vua ra sắc dụ bọn Lại bộ thượng thư Trần Cận và Lại khoa cấp sự trung Lê Tung rằng: Bỏ kẻ xấu, dùng người hiền, vì thế mà Ngu Thuấn làm nên được mọi việc; xét về danh, khảo về sự việc, vì thế mà Hán Tuyên đế được nghiệp trung hưng. Quốc gia ta xét theo phép đời xưa mà đặt quan, dùng người hiền tài cùng giúp công việc, về phép tặc tuyển cử, khoa điều khảo công, đã rõ ràng lại đầy đủ, nhưng khốn nỗi, trăm quan coi việc ấy làm văn án chiếu lệ, không phân biệt kẻ dở người hay, vì thế mà con đường làm quan thành ra những lạm. Vậy từ nay quan viên văn võ trong kinh sư, ngoài các đạo, người nào đã làm quan đủ 9 năm, mà thật có tài năng mẫn cán, thì khi khảo công mới được liệt vào hạng xứng chức để thăng thưởng; nếu người nào không có tài năng, phải dựa vào người khác để làm nên công việc, thì không được viện vào lệ đã đủ niên hạn khảo công mà cho lạm thăng được.

Nhà vua lại hạ sắc lệnh cho bộ Lại: Trước đây, việc kén chọn bổ dụng không công bằng, bọn lại điển bổ thừa nhiều quá; hoặc người chỉ có một nghề, cũng được bổ dụng bằng cách cầu may; hoặc người tư túi đút lót, xuất thân vượt cả thứ tự. Đường lối tuyển dụng ấy chứa chất đã lâu, nên công việc cứ đi dần đến chỗ bê trệ. Như thế mà muốn cho chính lệnh được sáng tỏ, để bọn tiểu nhân mất đường len lỏi, thì làm thế nào được? Vậy từ nay, các nha môn trong kinh và ngoài các đạo phải kiểm xét bọn lại điển thuộc dưới quyền mình, người nào liêm khiết, ngay thẳng, công bằng, trong sạch thì được phép lưu dụng; người nào gian trá, những lăm và già yếu kém cỏi thì thải bớt cho về, rồi tuyển con em các lương gia đã từng dự thi để sung bổ.

Nhà vua hạ chiếu cho hai ty Thừa chính và Hiến sát các xứ xét kỹ các quan phủ, huyện trong hạt mình, cứ đến cuối năm, khảo công định làm ba hạng: thượng, trung và hạ: như người nào thanh kiêm, cần mẫn, có thành tích chính trị, là hạng thượng khảo; người nào việc quan không thiếu thốn, là hạng trung khảo; người nào không dựa vào hai hạng trên, là hạ khảo. Về phần thuộc viên, người lại điển nào thanh liêm, mẫn cán, là trung đẳng; bi ổi, lười biếng là hạ đẳng. Sau khi hai ty Thừa chính, Hiến sát đã xét rồi, thì do bộ Lại thẩm tra về công lao hoặc tội lỗi; nếu các quan phủ, huyện đã đủ ba lần khảo công;

lại điển đã đủ niên hạn làm việc, sẽ định thi hành việc thưởng phạt. Còn như công lao hoặc tội lỗi của các quan thừa chính và hiến sát thì do viên quan ở Ngự sử đài xét kỹ, cứ đến cuối năm, định làm ba hạng khảo công: thượng, trung và hạ, rồi tâu bày hoặc đàn hạch.

Lời chua-Thủ Lĩnh: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 6 (Chb. XIX, 32).

Trần Cận: Người làng Thái Bạt, huyện Bất Bạt, đỗ đồng tiến sĩ khoa Ất Sửu năm Quang Thuận đời Lê Thánh Tông¹.

Niên hạn những thuộc lại: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XXIII, 10-11).

Kỷ Mùi, năm thứ 2 (1499). (Minh, năm Hồng Trị thứ 12).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua cày tịch điền².

Tháng 4, mùa hạ. Định rõ thể lệ thi hội.

Nhà vua bảo với bọn Võ Hữu, thượng thư bộ lễ, rằng: "Nhân tài là tinh anh của quốc gia, khoa cử là đường rộng phẳng của sĩ tử. Phép chọn lấy sĩ tử của quốc gia ta làm theo phép đời cổ, đã đầy đủ lại rõ ràng; nhưng phép lập lâu ngày, sau sinh ra tệ: kẻ thường tài được lạm tuyển, người thực học còn bị bỏ rơi, việc thủ xả phần nhiều không làm hài lòng bọn sĩ tử. Nếu phép thi cử không nghiêm, thì không làm thế nào ngăn ngừa được thói cầu may mà tuyển lấy nhân tài chân chính được". Nhà vua bèn hạ lệnh định rõ lại cấm điều: Trường thi chia làm 4 vi, mỗi vi đều dựng một cái chòi cao; đến ngày sĩ tử vào trường thi, thì mỗi chòi đều có một viên hiệu úy đứng ở trên chòi, để tiện trông xa kiểm soát. Đầu bài thi, do bày tô thân cận viết cho thật đúng, rồi đều chiếu theo thứ tự từng phòng của sĩ tử mà phân phát; viên quan tuần xức thì hàng ngày luân chuyển đi tuần, các quan chấm thi nếu viên nào có bà con thân thích dự thi, đều được hồi tị³.

Tháng 5. Hạn hán. Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan có trách nhiệm hoãn việc hình ngục.

Vì hạn hán, nhà vua cầu đảo ở Thái Miếu, lại hạ sắc lệnh cho bộ Hình hoãn việc quyết đoán những người phạm tội phạt trượng và kê khai tội trạng những người ấy tâu trình.

Tháng 7, mùa thu. Ban huấn điều cho trong kinh sư và ngoài các đạo.

Hồi đầu năm Hồng Đức, vua Thánh Tông định ra 24 huấn điều, đến nay nhà vua làm cho huấn điều ấy được thêm sáng tỏ, dụ bảo bọn quan, quân và dân rằng: Thế đạo thịnh hay suy quan hệ phong tục, phong tục tốt hay xấu quan hệ ở khí vận. Kinh Dịch nói: "Người quân tử theo nghĩa quẻ Tiệm Lâm cho đạo đức ngày một tiến, phong tục ngày thêm hay"⁴. Kinh Thư nói: "Ban bố rộng năm đạo thường, kính cẩn để hòa hợp với tính trời sẵn có của dân chúng"⁵. Kinh thi nói: "Giữ khuôn phép, không trái lẽ thường, mới uốn nắn cho người bốn phương được ngay thẳng"⁶. Kinh lễ nói: "Chỉnh tề tám chính sách để ngăn ngừa sự thiên lệch, thống nhất đạo đức để phong tục được hòa đồng"⁷. Sách thánh hiền dạy bảo

¹ Niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông chỉ có năm kỷ Sửu (1469) không có năm Ất Sửu. Ất Sửu thuộc năm Thái Hòa thứ 3 (1445) đời Lê Thánh Tông. Ở đây, có lẽ Cương mục chép lầm, sẽ khảo cứu sau. Làng Thái Bạt nay thuộc xã Tòng Bạt, huyện Ba Vì, Hà Tây.

² Xem chú thích số 2. Chính biên, quyển 1, tờ 23.

³ Xin miễn dự vào việc chấm thi, để tránh tai tiếng.

⁴ Nguyên văn: "Quân tử dĩ cư hiền đức thiện tục" (Quẻ Tiệm sách Chu Dịch).

⁵ Nguyên văn: "Hoàng phu ngũ điển, thức hòa dân tắc" (Thiên Quân nha, sách Thượng thư). Năm đạo thường: vua, tôi, cha, con, vợ, chồng, anh em và bè bạn.

⁶ Nguyên văn: "kỳ nghi bất thắc, chính thị tứ quốc". (thơ XI-cưu, sách Mao thi).

⁷ Nguyên văn: "Tề bát chính dĩ phòng dâm, nhất đạo đức dĩ đồng tục (thiên vương chế, sách lễ kỷ). Tám chính sách; thức ăn+thức mặc+nghề nghiệp của từng người+đồ dùng của từng địa phương+trượng thước dùng để đo đạc+đầu học dùng để đóng lường+số nhiều, số ít của từng đơn vị+bề rộng, bề hẹp của từng đồ dùng (tờ 66, sách đã dẫn trên).

chứng cứ đã rõ ràng. Các đế vương đời cổ chịu mệnh trời, giữ ngôi báu, ngự trị trên đời, ứng phó mọi việc, không ai là không tuân theo sự cần kíp ấy. Vua Thái Tổ Cao hoàng đế triều ta vỗ yên nước nhà, gây dựng cương kỷ; vua Thái Tông Văn hoàng đế làm cho phép trời được sáng tỏ, đạo thường của dân được phơi bày; vua Thánh Tông Thuần hoàng đế mở rộng công đức của đời trước; giáo hóa thấm đến nhân dân. Quốc triều ta, thánh thần nổi dõi, khuôn thước noi theo, nhân đức chan chứa cả trong ngoài, chính giáo thấm nhuần khắp trên dưới, triệu dân mừng hưởng phúc lành, muôn năm kế thừa lộc vị. Nay trẫm ngự ngôi trời, kính theo phép cũ, làm điều hiếu kính để dựng căn bản đạo trung dung, giữ vững cương thường để mở rộng những điều dạy bảo; người trên làm, người dưới bắt chước, đã đi đến chỗ yên vui, nhưng muốn cho việc trị an được lâu dài, công nghiệp tiến lên mãi mãi. Vì thế hạ dụ chỉ này, đặc biệt nêu rõ từng điều, để lần lượt nghị vào sổ sách.

Lời chua-Ban hành huấn điều gồm 24 điều: Theo Hồng Đức Thiên Nam dư tập, 24 điều như thế này:

1. Cha mẹ dạy con, phải dùng khuôn phép hợp với lẽ phải; con trai, con gái đều dạy cho có nghề nghiệp, không được để buông tuồng vào cờ bạc rượu chè, tập nghề xướng hát, để hại đến phong tục.
2. Người gia trưởng tự mình giữ lễ phép tiết độ, để uốn nắn người trong nhà mình; nếu con em trong nhà làm việc trái, thì người gia trưởng sẽ bị tội.
3. Vợ chồng siêng năng, sèn nhạt, sửa sang công việc trong nhà; đối với nhau có ân có nghĩa không bao giờ thay đổi; chỉ lúc nào người vợ phạm vào tội "thất xuất"¹ bấy giờ phải dùng lý mà xử đoán, không được quá yêu quyến luyến dung túng xuê xoa, để hại đến phong hóa.
4. Con em trong nhà, nên thân yêu với anh em, hòa thuận với làng xóm, lấy lễ nghĩa tự giữ mình, nếu người nào làm trái thì tôn trưởng dạy bảo bằng cách roi vọt nhỏ để quả phạt, quá lắm thì cáo tố ở cửa công xét xử.
5. Ngoài làng xóm, trong họ hàng, người nào gặp hoạn nạn, thì nên chu cấp thương xót lẫn nhau. Nếu có người làm việc nghĩa nổi tiếng, thì các viên phủ huyện sở tại trình với hai ty Thừa chính và Hiến sát thực tâu bày đầy đủ, sẽ được triều đình biểu dương.
6. Người đàn bà có lỗi, nếu cha mẹ và chồng có trừng trị, thì phải bỏ hẳn lòng tà, sửa đổi tội lỗi, không được thiên tiện tự ý bỏ trốn, có điều trái với đạo người đàn bà.
7. Đàn bà góa chồng, không được tìm kiếm người trai trẻ, nói thác là con nuôi, làm việc gian dâm vụng trộm.
8. Đàn bà, sau khi chồng chết, hoặc chồng có các con của người vợ trước cũng như con vợ lẽ nàng hầu, thì mình phải mang lòng yêu thương, không được lập tâm tham chiếm tài sản, lo toan làm việc lợi riêng cho mình.
9. Đàn bà, khi chồng chết mà mình chưa có con, thì nên ở nhà chồng, theo việc tang việc tế đúng như nghi lễ; không được tư túi tài sản đem lén lút về nhà cha mẹ đẻ của mình.
10. Bốn phận chính của người đàn bà là phải thuận theo chồng, không được cậy là cha mẹ mình giàu sang, mà kêu ngạo với nhà chồng; người đàn bà nào trái lệnh, thì cả cha mẹ người ấy cũng phải tội.
11. Bọn sĩ phu phải đôn đốc học nghiệp, phẩm hạnh, giữ điển lễ chung; nếu có người nào thi thọt cửa quyền, dựa thế lực người trên, ra oai nạt nộ người khác, sẽ phải tước bỏ tên tuổi, suốt đời không được kể là hạng sĩ phu.

¹ Theo lễ giáo cổ, người đàn bà nào phạm bảy điều sau đây, sẽ bị chồng bỏ: - không có con;- dâm đảng;- không kính thờ cha mẹ chồng;-lắm lời nhiều điều; -ăn trộm, ăn cắp;-ghen tuông;-có chứng bệnh như hủi, điên, cảm điếc.v... Nhưng đối với vợ của bọn vua chúa thì đầu không có con cũng không phải bỏ, nên chỉ có "lục xuất".

12. Bồn phận người diển lại chỉ có việc giữ sổ sách văn thư, làm công việc theo chức phận của mình; nếu có người nào dùng trí thuật làm diên đảo giấy tờ, thì viên quan cai quản phải kiểm xét cho ra để trị tội.
13. Quân và dân nên hiếu với cha mẹ, thảo với anh em, hết sức làm ruộng; người ra ngoài, người ở nhà, phải giữ gìn lẫn cho nhau: đến kỳ thưởng phiên¹ thì vui vẻ đi làm công việc, không được lười biếng trốn tránh. Nếu có ai nổi tiếng là người lương thiện, thì các viên phủ, huyện sở tại trình lên hai ty Thừa Chính và Hiến sát xét thực, rồi tâu bày đầy đủ, sẽ được khen thưởng.
14. Người buôn bán nên theo thời mà lưu thông phẩm vật, không được lừa thưng tráo đấu, không được nhân cơ hội tụ tập đồ đảng, lén lút làm trộm cướp, người nào phạm pháp, sẽ bị trị tội nặng.
15. Việc cưới gả, việc tế tự, phải dựa theo lễ pháp, không được tiếm vượt quá phận định của mình.
16. Khi chèo hát, lúc hội hè, trai gái đến chơi xem, không được đứng ngồi lẫn lộn để ngăn ngừa thói dâm ô.
17. Nhà cửa, hàng quán ở dọc đường, nếu có phụ nữ đi xa vào ngũ trọ, thì cửa ngõ phải để phòng cẩn mật; nếu người nào dám lấy sức khỏe làm việc ô nhục, khi việc phát giác, thì người can phạm và chủ nhà đều phải trị tội.
18. Các viên phủ, huyện đều chiếu theo địa phận sở tại, cắm thẻ bài răn chặn trai gái không được tắm cùng một bến, để tỏ rõ sự phận biệt về lễ phép.
19. Xã thôn nên chọn một, hai người tuổi cao, đạo đức, học lực khá, phẩm hạnh tốt làm người đứng đầu, cứ những ngày nhàn rỗi, đưa nhân dân đến đình quán, công sở, hội họp giảng giải lời cáo dụ, để cùng nhau trông vào đấy mà làm điều lành, cùng tiến đến phong tục tốt đẹp.
20. Trong hạt các phủ huyện, nếu có kẻ nào cường xâm chiếm ruộng đất, ức hiếp người cô độc, xui nguyên giục bị kiện cáo lẫn nhau, thì cho phép xã thôn dò xét tố giác để nghị trị; nếu phủ huyện nào vì tình riêng mà ẩn giấu đi, sẽ bị luận vào tội giáng chức hoặc bãi chức.
21. Những nhà tước vương, tước công và đại thần chứa chấp người tư cách hèn hạ làm cò môi đưa đồ đứt lót, cùng nô tỳ những nhà ấy mua ức phẩm vật của dân, thì cho phép người đương sự đến cửa quan tố cáo, bọn can phạm sẽ bị trừng phạt nặng.
22. Viên quan giữ chức trách chặn dặt dân², nếu viên nào biết dạy bảo đốc sức nhân dân trong hạt hằng hái theo lễ nghĩa nhún nhường, thì ty hiến sát xét thực, ghi vào hạng nhất trong dịp khảo công; nếu viên nào không siêng năng dạy bảo nhân dân, khi khảo công, liệt vào hạng không làm đầy đủ chức phận.
23. Xã trưởng, thôn trưởng, và phường trưởng người nào biết siêng năng, năng dạy bảo đốc sức, làm cho phong tục làng xóm trở nên tốt lành, thì các viên phủ huyện trình bày rõ với hai ty Thừa chính và Hiến sát xét thực, tâu lên triều đình, sẽ ban thưởng.
24. Phàm những người Man, người Lạp ở ven biên giới, phải kính giữ luân lý, không được làm rối loạn đạo thường, như sau khi cha, anh, chú bác đã mất rồi, người nào là con cháu, anh em với người đã chết ấy không được nhận lấy vợ cả hoặc vợ lẽ của họ làm vợ mình; nếu ai trái lệnh, sẽ phải trừng trị một cách nghiêm ngặt.

¹ Chế độ triều Lê, quân và dân tuy ở nhà làm ruộng, nhưng mỗi xã vẫn có một số người cắt phiên nhau đi làm việc cũng trong một thời gian nhất định.

² Nguyên văn chép "mục dân chi quan", tức chỉ các viên phủ, huyện vì phủ, huyện là người gần gũi với dân hơn cả, phải làm cho dân được cơm no, áo ấm, nên quan niệm cổ cho phủ huyện có nhiệm vụ chặn dặt dân.

Cấm lấy đàn bà, con gái nước Chiêm Thành.

Nhà vua hạ chiếu: "Từ nay, trên từ thân vương, dưới đến trăm họ, nhất luật không ai được lấy đàn bà, con gái nước Chiêm Thành làm vợ cả hoặc vợ lẽ, để cho phong tục được thuần hậu". Việc này là theo lời của Hộ khoa cấp sự trung Vũ Lộc tâu bày.

Nhà vua hạ chiếu: Từ nay nhân dân đạo Quảng nam không được thiện tiện cướp bóc dân Man, mua bán nô tỳ riêng; nếu ai trái lệnh, sẽ phải tội.

Định rõ lệ lệnh nộp thóc sẽ trao cho quan chức.

Theo chế độ cũ, các sắc quân và dân, ai tình nguyện nộp thóc đều tùy theo số thóc nộp nhiều hay ít mà trao cho quan tước, không phân biệt gì người hay, kẻ dở. Đến nay, nhà vua hạ sắc lệnh: phàm ai là người lương thiện, mới chuẩn y cho nộp thóc và trao cho quan tước; nếu ai là những kẻ ác nghịch, trộm cướp, xui nguyên giặc bị, hào cường ngỗ ngược và phường chèo con hát, thì bản thân họ và con cháu họ đều không được dự.

Lời chúa-Thể lệ nộp thóc được trao quan chức: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ nhất (Chb. XIX, 9).

Sửa chùa Thiên Phúc¹.

Trước đây, vào năm Quang Thuận thứ nhất (1460), hoàng thái hậu Nguyễn Thị² được tuyển vào châu trong cung, phong làm sung nghi ở cung Vĩnh Ninh. Lúc ấy Thánh Tông chưa có con trai, Quang Thục hoàng thái hậu³ thường vì Nguyễn Thị cầu đảo, sai người cha Nguyễn Thị là Nguyễn Đức Trung cầu đảo ở am Từ Công trên núi Phật Tích, mới sinh ra nhà vua bây giờ. Đến nay, nhà vua hạ lệnh sửa lại chùa Thiên Phúc, ban hiệu cho am Từ Công là "Hiển Thụy", lập bia đá ghi lấy sự việc.

Lời chúa-Chùa Thiên Phúc: Theo mục "Địa lý chí" trong lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, núi Phật Tích ở xã Thụy Khê, huyện Yên Sơn, có một tên nữa là núi Thày. Tương truyền trên núi có động, thời nhà Lý, chỗ này là nơi Từ Đạo Hạnh trú ẩn. Viện Bồ đề và am Hương Hải ở trên núi đều do Đạo Hạnh dựng lên. Chùa Thiên Phúc ở núi Phật Tích, hiện nay vẫn còn.

Tháng 11, mùa đông. Đặt ty Đình úy.

Theo chế độ cũ, ty Đình úy thuộc vệ Cẩm Y. Quan chức ty này có chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri và chỉ huy thêm sự, mỗi chức một người, đều dùng quan võ sung bổ. Phàm việc ngục tụng nào còn nghi ngờ mà tình trạng nặng, thì các quan trong ty phụng mạng vua tra hỏi. Đến nay, đặt làm một ty riêng, về chức chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri và chỉ huy thêm sự đều chọn người văn thân có chức vị trọng đại để quản lãnh.

Tháng 12. Lập con là Thuần là thái tử.

Trước đây, bọn thái bảo Lê Vĩnh và đô kiểm điểm Lê Năng Nhượng tâu xin dự bị lập thái tử, để cho căn bản trong nước được vững vàng, nhà vua nói: "Các người lo xa đến việc lớn tông miếu xã tắc, thật là đáng khen".

Trẫm xét các hoàng tử, thì: Tuân, con cả, thích mặc áo phụ nữ, lại đầu độc cả mẹ; Tấn, con thứ hai, là người không có đức, e rằng không đương nổi ngôi báu; chỉ có Thuần, con thứ ba, rất ham thích Thi, Thư, dốc lòng hiếu kính, trẫm thân hành vỗ về dạy bảo, nay đã trưởng thành. Vậy quyết đoán từ lòng công bằng của trẫm, lập Thuần giữ ngôi hoàng tử⁴. Việc này không phải là bỏ con trưởng mà lập

¹ Còn gọi là chùa Thầy, nay thuộc xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

² Tên là Huyền, tức Trưởng lạc hoàng hậu, vợ Thánh Tông, mẹ Hiến Tông, khi Hiến Tông lên ngôi vua, tôn hoàng thái hậu. Theo lời của sử thần Võ Quỳnh khi Thánh Tông còn sống, Nguyễn Thị bị giam lỏng ở một cung riêng, lúc Thánh Tông bị bệnh, mới được vào thăm. Nguyễn Thị liền giấu thuốc độc trong tay, sờ vào mụn nhọt, vì thế mà bệnh Thánh Tông thêm kịch rồi chết.

³ Tên là Ngô Thị Dao, vợ Thái Tông, mẹ Thánh Tông.

⁴ Một danh từ để gọi riêng con vua được lập làm hoàng thái tử, để trừ bị nối ngôi sau này.

con thứ, mà chỉ là vì thiên hạ chọn vua hiền; nghĩ cho phép dựng cung mới ở bên cạnh điện đình và bàn luận về nghi lễ lập ngôi trừ nhị¹. Công việc này, giao các viên quan có trách nhiệm chọn ngày thi hành". Đến nay, nhà vua sai Lê Vĩnh và Điện tiền đô kiểm điểm Lê Lan phụng đệ sách thư, bảo ấn, lập con là Thuần làm hoàng thái tử.

Lời chua-Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, An Vương Tuân, con trưởng của Hiến Tông, là người thông minh học rộng, sức lực hơn người, nhưng tính ngang bướng, thích mặc áo phụ nữ; lúc bé thương vì sự không được như ý, đem thuốc đầu độc mẹ, vì thế Hiến Tông ghét bỏ, đổi lập hoàng tử Thuần. Kịp khi Túc Tông² lên ngôi, An Vương không đem lòng oán giận, đổi hết nết cũ, thờ mẹ rất hiếu; lại chịu khó tự giữ mình kín đáo, làm cho Uy mục đế³ không ngờ vực chút nào. Tháng 9, năm Hồng Thuận⁴ thứ 4, An Vương mất, tặng phong Yên đại vương.

¹ Cũng như hoàng trù, đã chú giải ở trên.

² Tức hoàng tử Thuần.

³ Tên là Tấn, con thứ hai của Hiến Tông.

⁴ Niên hiệu Tương Dực đế (1509-1516).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XXV

Từ Canh Thân, Lê Hiến Tông năm Cảnh Thống thứ 3 (1500) đến Kỷ Ty, Lê Uy Mục đế năm Đoan Khánh thứ 5 (1509) gồm 10 năm.

Canh Thân, năm [Cảnh Thống] thứ 3 (1500). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước đây, nhà vua sai sứ thần sang nhà Minh báo cáo việc tang Lê Thánh Tông và xin nhà Minh phong tước. Nhà Minh sai Từ Ngọc, hành nhân trong ti Hành Nhân sang dụ bảo ban cho tế phẩm; Lương Trừ, tầy mã trong cục Ti Kinh Kiềm Hàn lâm viện thị giảng và Vương Chấn, Binh khoa đô cấp sự trung sang sách phong. Bọn Trừ và Ngọc đến trạm Thị Cầu, nhà vua sai bọn Đàm Văn Lễ, Đông các đại học sĩ, bàn định với bọn Lương Trừ về việc nghi lễ. Bọn Trừ đến trạm Lữ Cô, nhà vua ngự thuyền nhỏ đến tiếp. Sau khi đã làm xong lễ dụ ban tế phẩm và lễ sách phong rồi, bọn Ngọc và Trừ từ biệt ra về, nhà vua đem vàng bạc lụa hoa tiễn chân, bọn Trừ đều không nhận; nhà vua làm thơ để tiễn.

Đến đây, nhà vua sai bọn Nguyễn Duy Trinh, Hình bộ tả thị lang, Lê Han Hinh, Lễ khoa đô cấp sự trung và Nguyễn Nho Tôn [Tông], Thượng bảo tự khanh, sang nhà Minh tạ ơn về việc ban cho tế phẩm; Lưu Hưng Hiếu, Đông các học sĩ, Đỗ Nhân, Hàn lâm viện thị thư, và Bùi Đoan Giáo, Thông sự ti thừa, sang tạ về việc sách phong, nhân thể xin ban cho mũ áo.

Lời Chua - Trạm Thị Cầu: Ở huyện Võ Giàng¹.

Trạm Lữ Cô: Ở huyện Gia Lâm². Cả hai đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Nguyễn Duy Trinh: Người xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm³, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Lê Han Hinh: Người xã Cổ Đô, huyện Tân Phong⁴, đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) năm Hồng Đức; nguyên trước họ Nguyễn, tên là Sư Mạnh, được vua cho đổi họ và tên.

Nguyễn Nho Tôn [Tông]: Người xã Vực Đường, huyện Thiên Thi⁵, đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức.

Đỗ Nhân: Người xã Lại Ốc, huyện Tế Giang sau đổi tên là Nhạc, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) năm Hồng Đức.

Bùi Đoan Giáo: Người xã Đại Điền, huyện Bình Hà, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức.

¹ Nay thuộc thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

² Nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

³ Nay thuộc xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

⁴ Nay thuộc xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, Hà Tây.

⁵ Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Tháng 2. Tuyển học sinh ở tam xá¹, người nào đã dự trúng kỳ thi hội mà có đức hạnh, sẽ cất nhắc giữ chức dạy học.

Nhà vua hạ chiếu: Nếu chức huấn đạo có khuyết ngạch, thì các quan ở Quốc Tử giám chọn học sinh ở tam xá, người nào thi hội đã vào tam trường và người nào thi nhiều khoa đã thường trúng một hia kỳ, mà có đức hạnh, đáng làm tiêu biểu để người khác bắt chước, thì đưa sang bộ Lại lựa chọn bổ dụng.

Nhà vua định thể lệ cất nhắc bổ dụng hạng nho và hạng lại: nho sinh, giám sinh, học sinh và đồ lại ở các nha môn, trước kia đã từng lựa chọn được, nay bộ Lại tra cứu xem hàng năm người nào thi hội trúng được nhiều kỳ thì cất nhắc trước, người nào trúng ít kỳ thi cất nhắc sau; nếu không có người trúng kỳ thi hội, thì người nào làm việc lâu năm được cất nhắc trước, người ít năm sẽ cất nhắc sau, không được theo như lệ trước chỉ căn cứ vào thân thể khỏe mạnh và thứ tự tuổi sinh.

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Dương Trực Nguyên làm chỉ huy sứ trong ti Đình úy.

Trực Nguyên làm quan doãn phủ Phụng Thiên, áp chế những người hào cường, làm cho bọn quyền quý phải chùn tay lại. Lê Quảng Độ tiến cử Trực Nguyên là người có phương pháp về chính trị và cứng rắn quả quyết, vì thế nhà vua hạ lệnh bổ dụng.

Truy lục dụng người tướng hiệu có quân công.

Trước đây, Đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm dâng nói: "Việc thưởng và phạt là quyền lớn của đế vương dùng để khuyên đời: thưởng xứng đáng với công lao từng người, phạt xứng đáng với tội lỗi từng người, thì người ta ai cũng biết khuyên răn. Khoảng niên hiệu Hồng Đức², khi đi đánh Chiêm Thành và Lão Qua, quân sĩ trong vệ Hiệu lực, những người có quân công, cất nhắc bổ dụng chưa hết, kịp lúc bị lựa chọn sa thải thì cho tất cả lui về để sung vào quân Ngũ phủ, cũng như hàng sĩ tốt khác, không có gì phân biệt. Vậy những người ấy, xin do bộ Binh làm danh sách tâu bày, đặt riêng làm 4 vệ Hiệu lực để khuyến khích những binh sĩ có công lao". Nhà vua y lời tâu ấy.

Đến nay Hộ Bộ tâu thị lang Nguyễn Đức Quảng dâng nói: "Lúc vua Thái Tổ bắt đầu mở nước, tướng sĩ cùng lòng hết sức, người việc lớn, người việc nhỏ khó nhọc đều nhau, thế mà những bầy tôi vào hàng tướng soái thì được chức tước cao, thụ hiệu tốt, con cháu của họ lại được tập ấm để cất nhắc bổ dụng. Còn về phần sĩ tốt, tuy có trao cho chức tướng quân ở các vệ, nhưng con cháu của họ, hoặc người thì không thoát khỏi hàng binh tốt, hoặc người thì bị co ro ở cảnh nghèo hèn; phép tấu khuyên người có công chưa thi hành được đầy đủ".

"Từ khi bệ hạ lên nối ngôi tới nay, phàm những người tòng quân xẻo được tai giặt³ tâu nộp, đều được cất nhắc bổ dụng; còn sĩ tốt trong thời khai quốc lao đao hàng trăm trận hơn mười năm trời thì con cháu của họ không được đếm xỉa tới, như thế thì lấy gì để cổ vũ khuyến khích những người sau này.

Tôi xin: những hạng tướng sĩ khai quốc, mà đã từng được nhận sắc mệnh, nay cho phép con cháu họ được đến cửa công tâu bày tỏ, rồi do bộ Binh xét thực rõ ràng, làm danh sách kê họ tên tâu nộp, để giao bộ Lại tặng thêm cho họ một bậc nữa, chuẩn cho con cháu họ thừa ấm theo như thể lệ bầy tôi có công, trước làm tỏ lời thề sông cạn đá mòn, sau là để gia ơn cho họ được cùng nước hưởng phúc".

Nhà vua chuẩn y lời tâu, bèn hạ sắc lệnh: Trong thời Thuận Thiên⁴ khai quốc, tướng sĩ nào đã từng được nhận sắc mệnh từ hàm tam phẩm trở lên, mà con cháu đã xung vào các hạng quân ngũ, đều được phép đến cửa công bày tỏ, bộ Binh xét thực sẽ bổ sung vào tướng sĩ vệ Cẩm Y; nếu là người thông hiểu nghĩa sách sẽ cho sung vào nho sinh quán Chiêu Văn; con cháu viên quan dưới hàm tam phẩm trở đi, thì sung vào các vệ Vũ Lâm và Thần Tí.

¹ Xem thêm chính biên quyển XXIII từ 39- 40 về tam xá sinh.

² Niên hiệu Lê Thánh Tông (1470- 1497).

³ Xem chú thích số 4, chính biên quyển VII, tờ 31.

⁴ Niên hiệu Lê Thái Tổ 1428- 1433.

Lời phê¹- Đều không biết đại thể, vì tình thế không bỏ dụng thể nào cho xiết được.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.III, 20- 21).

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3. (Chb. XI, 13).

Vệ Cẩm Y, Vũ Lâm và Thần Tí: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 4 (Chb. XXII, 32-33).

Quán Chiêu Văn: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8² (Chb.XXIII 6).

Lựa chọn hoàng đình người nào am hiểu nghề nghiệp để sung vào ngạch thợ.

Theo chế độ cũ, khi nào thiếu thợ, thì sai người chia nhau đi các sứ chọn người am hiểu các nghề để bổ sung. Đến nay, nhà vua hạ chiếu phàm ngạch thợ có khuyết, thì sức cho các xã dân chọn lấy hoàng đình người nào am hiểu các nghề để bổ sung vào.

Nhà vua ra sắc lệnh: Từ nay, các sắc quân và thợ phải họp tập đông đủ trong kỳ thượng phiên³, hoặc có người nào làm việc chưa đủ kỳ hạn mà bỏ trốn về trước, thì các quan châu, quan huyện tâu hoặc để trị tội. Còn ở ti và sở thuộc các vệ, có người nào bỏ trốn mà lại về làm việc và dân đình có người nào già ốm, thì mỗi khi đến kỳ thượng phiên, được phép sai phái họ làm việc nhẹ. Nếu là người mạnh khỏe, thì không được phép cho đội ngũ ấy nộp tiền thay thế và không được gian trá thoái thác là có bệnh.

Lời chua - Hoàng đình: Theo Hội điển triều Lê, dân đình 17 tuổi gọi là hoàng nam.

Tháng mười, mùa đông. Định chế độ mũ áo.

Nhà vua hạ chiếu: Tất cả quan lại, quân và dân đều phải tuân hành theo chế độ mũ áo mới định.

Lời chua - Chế độ mũ áo: Theo Hội điển triều Lê, các tướng công trong hoàng thân và quan văn, quan võ từ tam phẩm trở lên, khi vào triều, mũ dùng kiểu mũ phốc đầu⁴. Mũ: của hoàng thân trang sức bằng vàng, quan văn, quan võ trang sức bằng bạc; áo dùng màu tía; bổ tử: các tước công trong hoàng thân dùng hình con kỳ lân, quan nhất, nhị phẩm, về hàng văn dùng hình con tiên hạc, về hàng võ dùng hình con sư tử, tam phẩm về hàng văn dùng hình con cấm kê, về hàng võ dùng hình con bạch thạch; đai lưng: dùng sừng con tê hoa, đai của hoàng thân trang sức bằng vàng, quan văn, hoặc võ hàm nhất, nhị phẩm trang sức bằng bạc, quan tam phẩm dùng đồi mồi trang sức bằng bạc; bao lưng: dùng lụa đỏ.

Các quan từ tứ phẩm đến ngũ phẩm, mũ: về hàng võ dùng nón sơn trắng, về hàng văn dùng kiểu phốc đầu⁵, không có trang sức; áo: dùng màu lục; bổ tử: quan tứ phẩm, về hàng võ dùng hình con hổ, về hàng văn dùng hình con công, ngũ phẩm, về hàng võ dùng hình con báo, về hàng văn dùng hình con văn nhạn; đai lưng: quan văn, quan võ đều dùng đồi mồi, trang sức bằng thau; bao lưng: dùng lụa đỏ.

Lục phẩm trở xuống, mũ: về hàng võ dùng nón sơn đỏ, về hàng văn dùng kiểu phốc đầu⁶, không có trang sức; áo: dùng màu xanh; bổ tử: về hàng võ dùng hình con

¹ Lời phê này chỉ vào việc trước để cho con cháu các người đã được trao cho chức tướng quân các vệ phải chìm đắm, phải bần cùng, nay lại muốn bỏ dụng tất cả con cháu những người được dự có công đánh giặc.

² Nguyên văn chép lầm là năm thứ 2.

³ Xem chú thích số 1, chính biên quyển XXIV, tờ 38.

⁴ Xem chú thích 2, chính biên quyển III, tờ 23.

⁵ Xem chú thích 2, chính biên quyển III, tờ 23.

⁶ Xem chú thích 2, chính biên quyển III tờ 23.

voi, về hàng văn dùng hình con bạch nhàn; đai lưng: quan văn. quan võ đều dùng tấc hương, chung quanh viền thau; bao lưng: dùng đoạn thâm.

Áo mặc khi thượng triều: các quan hàm nhất, nhị phẩm trở lên dùng các hàng gấm vóc có dệt hoa lá sắc sỡ; tam phẩm đến ngũ phẩm dùng các hàng gấm vóc; lục phẩm trở xuống dùng các hàng tơ lĩnh.

Mệnh phụ¹, đều theo với phẩm trật của chồng.

Giám sinh, nho sinh, học sinh, sinh đồ, lại điển và quan viên tử, quan viên tôn đều dùng các hàng lĩnh, là. Thứ dân đều dùng các hàng lĩnh là hoặc vải, lụa.

Tân Dậu, năm thứ 4 (1501). (Minh, năm Hồng Trị thứ 14). Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Nhà vua đi tuần du Tây Kinh, cấm các quan theo hầu xa giá không được sai quân sĩ dùng hành trang chở vợ con hoặc nữ nhạc đi theo.

Tháng 5, mùa hạ. Định rõ thể lệ lựa chọn tráng đinh.

Theo chế độ cũ, nhân đinh, người nào mạnh khỏe, đều tuyển làm lính, không câu nệ người giàu, người nghèo. Đến đây, nhà vua hạ chiếu: Từ nay, gặp kỳ lựa chọn tráng đinh, dân xã nào có người nghèo thiếu, thì xã trưởng dự bị khai báo cam đoan ngay từ trước, quan phủ, quan huyện xét thực, đều cho những người ấy được miễn tuyển.

Nhà vua hạ chiếu: Đinh nam ở các xã, phường và sách từ 12 tuổi đến 16 tuổi và hoàng đinh số sổ, mà sức vóc khỏe mạnh cao lớn trên bốn thước ta, thì xã trưởng kê khai họ tên, để nộp ba ti Đô, Thừa, Hiến và phủ Phụng Thiên, để đến lúc việc làm ruộng nhàn rỗi sẽ xét duyệt lựa chọn.

Tháng 9, mùa thu. Mưa to.

Ở kinh thành nước lên đầy rẫy.

Định thuế sai dịch.

Nhà vua hạ sắc lệnh định thuế sai dịch của nhân đinh: Mỗi suất đinh đồng niên nộp cổ tiền² 1 quan 2 tiền; hạng sinh đồ, hoàng đinh và hạng lão thì cứ hai người chuẩn làm một suất; người tàn tật bất cụ³: người nào không thể làm nghề gì sinh sống được đều được miễn; người nào có thể làm nghề nghiệp sinh sống sẽ thu nửa phần thuế thân.

Tháng 12, mùa đông. Định rõ điều thi hương.

Nhà vua ra sắc lệnh: Từ nay gặp khoa thi hương, trừ số sinh đồ ở cục Tú Lâm ra, còn những quan và dân, người nào có học lực, có hạnh kiểm, có thể làm đủ thể văn 4 kỳ, về phần sĩ tử ở các xứ Hưng Hoá, An Bang, Tuyên Quang và Lạng Sơn, có thể làm đủ thể văn 3 kỳ, đều được phép vào thi. Số sĩ tử kể trên do xã trưởng kê khai cam kết, xã lớn 20 người, xã trung bình 15 người, xã nhỏ 10 người, xã nào số học trò ít ỏi, thì không bó buộc theo thể lệ này. Sau khi xã trưởng loại khai lấy danh sách họ tên sĩ tử rồi, thì phủ, huyện hoặc châu phúc hạch mộ kỳ ám tả, người nào được dự trúng thì do 2 ti Thừa Chính và Hiến Sất thi khảo kỹ lại. Nếu xã trưởng kê khai cam kết không đúng sự thật, các quan phủ, huyện hoặc châu khảo hạch không tinh tường, đến nỗi sĩ tử vào thi còn xảy ra trùng điệp hoặc văn bài không ra nghĩa lý gì, hoặc có người nào vì thân thích con em của mình mà gởi gắm quan chấm thi, thì Lục khoa, Ngự sử đài thân hành dò xét, hạch tấu để trị tội.

Khi sĩ tử vào trường thi, quan trường phải sức cho viên quan giữ việc thể sát lục soát kiểm điểm, nếu thấy có người nào mang giấu văn bài ở trong mình hoặc người nào đi thi thay cho người khác, sẽ bắt

¹ Xem chú thích 3 quyển XI, tờ 44 về nội mạng phục.

² Xem thêm lời chua chính biên quyển XXI, tờ 2 về cổ tiền.

³ Những người mù, què, câm, điếc...

tội sung quân ở bản phủ; nếu viên quan giữ việc thể sát khám xét không chu đáo, sẽ phải luận vào tội biếm chức hoặc giáng chức. Hai ti Thừa chính và Hiến sát hội đồng kiểm xét, nếu thấy có hình tích gian trá thì phải hặc tâu; nếu quan hai ti dám thông đồng làm bậy, thì các quan ở Lục khoa và Ngự sử đài thân hành dò hỏi, rồi hặc tâu để trị tội.

Về phần lại điển làm việc ở trong kinh hoặc ở ngoài, người nào tình nguyện ứng thi, thì đệ đơn trình bày, sẽ do viên quan bản quản xét thực, rồi cho phép về ứng thí ở nguyên quán của mình, không được nhân tiện nộp quyền thi ở phủ Phụng Thiên hoặc phủ thí ở xứ khác.

Người lại điển nào đi thi hương được trúng tuyển, sẽ được sung vào học ở Quốc Tử giám.

Giám sinh hoặc sinh đồ, người nào ở nhà để tang bố mẹ, gặp khi thi hương, những người ấy đều phải đến điểm mục tại phủ nha của mình; ai thiếu mặt sẽ phải tội sung quân ở bản phủ. Người nào dám tiện tiện vào ngoài cửa trường thi, sẽ phải luận vào tội đồ, suốt đời không được ứng thí và cất nhắc bổ dụng; nếu xã trưởng nhận diện mà đồng tình dung túng, khi có người tố cáo phát giác, thì người can phạm và xã trưởng đều phải sung quân.

Nhâm Tuất, năm thứ 5 (1502). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân, nhà vua ra bài sách thi cống sĩ; cho bọn Lê Ích Mộc 61 người được cập đề và xuất thân cao thấp khác nhau.

Bảng vàng đề tên người đỗ tiến sĩ trước kia treo yết ở cửa Đông Hoa. Đến nay, nhà vua sai bộ Lễ cho phường nhạc đi trước cử nhạc, rước bảng vàng yết ở cửa nhà Thái Học. Việc này từ đây về sau dùng làm thể lệ lâu dài.

Lời chua - Lê Ích Mộc: người xã Thanh Lăng, huyện Thủy Đường¹.

Tháng 4, mùa hạ. Định lệnh tuyển dụng quan trong kinh và ngoài các đạo.

Các quan: thượng thư, thị lang trong lục bộ+ Ngự sử đài+ Đông các+ Hàn lâm+ Lục tự+ Lục khoa+ Thừa tuyên sứ+ Hiến sát sứ cùng ti và sở ở các vệ thuộc Ngũ phủ như các đô đốc+ đô kiểm điểm+ chỉ huy sứ+ đô tổng binh, v.v... Những quan chức kể trên nếu có khuyết ngạch, thì bộ Lại tâu bày đầy đủ để xin chỉ thị của vua.

Ở vệ và sở: nếu khuyết một viên tổng tri, theo thể lệ, dự lấy hai người trong hàng quản lãnh; khuyết một viên quản lãnh, theo thể lệ, dự lấy ba người trong hàng võ úy. Bộ Lại làm danh sách kê quan chức và họ tên những viên quan được dự lấy tâu bày đầy đủ. Nếu chức quan khuyết ngạch thuộc vào quan trong kinh, sẽ do trưởng quan trong Ngũ phủ dẫn vào châu để lựa chọn; nếu thuộc vào quan ngoài các đạo, sẽ do Chỉ huy sứ và viện Hàn lâm hội đồng với 3 ti Đô, Thừa, Hiến lựa chọn, rồi tâu bày đầy đủ, sẽ có chỉ dụ cho thuyền chuyển cất nhắc.

Kiến vương là Tân mất.

Vương là con thứ năm của Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (1471) được tiến phong Kiến vương, mất năm 35 tuổi, nhà vua cho đặt tên thụy là Trinh Tĩnh.

Lại hạ lệnh cấm hoạn giả tiện tiện đến nhà người khác.

Năm Quang Thuận và Hồng Đức trước² định thể lệ: Nếu người hoạn quan nào tiện tiện đến nhà người khác sẽ bị xử trảm. Đến nay nhà vua nhắc lại lệnh cấm ấy.

Quý Hợi, năm thứ 6 (1503). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạng hán. Hạ sắc lệnh chuẩn bị xe lấy nước³ để bảo vệ việc làm ruộng.

¹ Làng Thanh Lăng tức làng Ráng, nay thuộc xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

² Đầu niên hiệu Lê Thánh Tông (1460- 1497).

³ Nguyên văn chép "thủy xa", một thứ nông cụ, dùng để tát nước vào ruộng.

Nhà vua hạ sắc lệnh dụ bảo bọn Dưỡng Tính, tham nghị trong ti Thừa Tuyên sứ ở Thanh Hóa: "Trẫm rất lưu tâm đến việc làm ruộng, bọn các người phải hết lòng về việc làm ruộng của dân, nghĩ thì hành chính sách tốt đẹp. Việc hạn hán, thủy潦 là những việc bất thường, cần phải dự bị đề phòng, để việc cày cấy được kịp thời vụ. Trẫm thường cho người đi dò thám, thấy nơi thì ruộng nương trũng thấp, nơi thì đường sá rậm rạp, trời nắng chưa mấy ngày mà dân đã kêu ca là khô cạn quá đỗi. Những việc ấy đều bởi viên chức ở châu, ở huyện không được người tốt đấy. Vậy các người nên sức cho trong hạt mình phải cần làm ngay việc sửa đắp. Các người lại phải chính mình tự đi kiểm xét cửa sông, xe nước, khe nhỏ, đường to. Nếu thấy viên quan nào thừa hành hoàn hảo thì khi khảo công liệt vào hạng nhất; viên quan nào thừa hành một cách dối trá để có chỗ thăm lậu, thì liệt vào hạng không làm đầy đủ chức phận; rồi đem hết sự thật tâu bày lên trẫm biết, để định việc truất bãi hoặc cho thăng chức".

Tháng 2. Đại hạn.

Tháng 4, mùa hạ. Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Đắp đê Tô Lịch, đào cừ Yên Phúc.

Dương Trục Nguyên, tả thị lang bộ Lễ, tâu xin: Đắp đê sông Tô Lịch trên từ cầu Trát xuống đến sông Cống để phòng bị thủy hoạn, lại xin khai cừ Yên Phúc xuống đến cừ Thượng Phúc để lấy nước tưới ruộng. Nhà vua chuẩn y.

Lời chua - Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trùng Khánh thứ 4 (Tb.IV, 31-32).

Cầu Trát: nay ở xã Trát Kiều.

Sông Cống: Nay ở xã Cống Xuyên.

Cừ Yên Phúc: Ở thôn Yên Phúc¹.

Cừ Thượng Phúc: Ở xã Thượng Phúc².

Đều thuộc huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội³.

Tháng 5, mùa hạ. Có thủy tai lớn.

Núi Tản Viên và núi Tam Đảo bị sạt lở.

Lời chua - Núi Tản Viên: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (chb.I,34).

Núi Tam Đảo: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 7 (Chb.XVIII,18).

Giáp Tý, năm thứ 7 (1504). (Từ tháng 6 trở về sau, thuộc Lê Túc Tông Khâm hoàng đế năm Thái Trinh thứ nhất- Minh, năm Hoảng Trị thứ 17).

Lời căn án - Theo phạm lệ chép Cương mục của Chu Tử: năm nào gặp năm Giáp Tí, thì chữ "Giáp Tí" chép ngang ở trên bằng màu đỏ để cho phân biệt⁴, ngoài ra các năm khác đều chép bằng màu đen.

Lại một lệ nữa:- Phạm thiên tử nối đời trước, lên ngôi vua, thì chỉ thụy hiệu, niên hiệu ở hàng dưới chép bằng màu đỏ, còn chữ "nguyên niên" chép bằng màu đen; từ năm thứ 2 trở đi, mới chép lớn niên thứ bằng màu đen ở hàng dưới.

Nếu chưa qua năm sau mà đổi niên hiệu thì chữ "nguyên niên" chưa ở hai bên dòng, mà bắt đầu chép chữ lớn từ năm thứ 2.

¹ Nay thuộc xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

² nay thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

³ Huyện Thượng Phúc nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây và một số xã của huyện Thanh Trì, Hà Nội.

⁴ Chữ "Giáp" đứng đầu 10 hàng can, "Tí" đứng đầu 12 hàng chi, Giáp Tí là năm đứng đầu lục thập hoa giáp. Vì thế nên trong bộ Cương mục này, gặp năm Giáp Tí, đều chép chữ màu đỏ.

Nay, tháng 6 mùa hạ, năm Cảnh Thống thứ 7, Túc Tông lên ngôi vua, chưa qua sang năm sau đã đổi niên hiệu, đến tháng 12 thì Túc Tông mất. Vậy thì năm Cảnh Thống thứ 7 này là năm cuối cùng đời Hiến Tông, đến năm sau lại là năm đầu đời Uy Mục đế, như thế thành ra thụy hiệu, niên hiệu của Túc Tông không có thể chép vào năm nào được.

Tra trong Đường Thư, thì thấy: "Thuận Tông lên ngôi nhằm tháng giêng mùa xuân năm Trinh Nguyên thứ 21 đời Đức Tông, đến tháng 8 truyền ngôi cho người khác". Về việc này, sách Cương mục chính biên của Chu tử chép phân biệt như thế này: ngay năm ấy chua nhỏ chữ "ất Dậu" bằng màu đen; chép lớn chữ "nhị thập nhất niên" bằng màu đen; chua nhỏ chữ "Thuận tông hoàng đế [niên hiệu] Vĩnh Trinh" bằng màu đỏ, chua nhỏ chữ "nguyên niên" bằng màu đen.

Nay phỏng theo lệ ấy, chua nhỏ chữ "giáp tí" bằng màu đỏ; chép lớn chữ "thất niên" bằng màu đen; chua nhỏ chữ "Túc tông Khâm hoàng đế [niên hiệu] Thái Trinh" bằng màu đỏ và chua nhỏ chữ "nguyên niên" bằng màu đen. Đây là thuộc về biên lệ.

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Tháng 5, mùa hạ. Nhà vua mất.

Trước đây, nhà vua từ Tây Kinh trở về cung, trong mình không được khỏe, lại vì sắc dục quá độ, nên mắc bệnh nặng. Lúc bệnh kịch quá, để mệnh lệnh lại cho Thái tử nối ngôi vua. Đến nay, mất ở điện Đờ Trì.

Nhà vua ở ngôi 7 năm; hưởng thọ 44 tuổi; miếu hiệu Hiến Tông, có 6 con trai.

Nhà vua là người thông minh, thánh trí, nhân từ, hoà nhã, ôn hậu, không làm ra dáng nghiêm khắc. Hằng ngày, mỗi khi lui chầu, thường tìm bọn sĩ đại phu vào cung hỏi han về những điều hay điều dở, trong khi hỏi, lời nói nét mặt tỏ ra dịu dàng, để khơi gợi cho người kia ứng đối lại; nếu có xếp đặt việc gì thì ung dung nhà nhả; lời nói nét mặt không bao giờ lộ ra vẻ khoe khoang. Nhà vua thường nói: Thánh Tổ ta¹ xây dựng khu vực rộng lớn; vua cha ta trong sửa chính sự, ngoài dẹp bọn xâm lăng, quy mô đã định sẵn ta không cần phải thay đổi việc gì, chỉ cốt noi theo phép tắc cũ, làm cho ngày một mở rộng mà tươi sáng hơn, để tỏ rõ công đức của ông cha ta mà thôi.

Lời chua- Sáu người con của Hiến Tông: Con trưởng: An Vương Tuân; con thứ hai: Uy Mục Đế; con thứ ba: Túc Tông; con thứ tư: Thông Vương Dong; con thứ năm: Minh Vương Trị; con thứ sáu: Tư Vương Dưỡng.

Tháng 6, thái tử Thuần lên ngôi vua.

Lê Quảng Độ, tả đô đốc phủ Trung Quân, Lê Đạt Chiêu, tả đô đốc phủ Nam Quân, cùng trăm quan văn võ, rước thái tử Thuần lên ngôi vua ở điện Hoàng Cực (tức là Túc Tông). Hạ lệnh đại xá, đổi niên hiệu lấy năm ấy là năm Thái Trinh thứ nhất (1504).

Tôn hoàng thái hậu làm thái hoàng thái hậu.

Sau khi nhà vua lên ngôi, tôn bà tổ mẫu Trường Lạc hoàng thái hậu Nguyễn Thị² làm thái hoàng thái hậu.

Sao Trường tinh³ xuất hiện ở phương tây bắc.

Tháng 9, mùa thu. Truy tôn mẹ là quý phi Nguyễn Thị làm hoàng thái hậu.

Hoàng thái hậu Nguyễn Thị người xã Bình Lăng, huyện Thiên Thi. Lúc Hiến Tông làm thái tử. Nguyễn Thị được tuyển vào hầu trong cung, ngày mồng một tháng 8 năm Hồng Đức thứ 19 (1488) sinh

¹ Chỉ Lê Thái Tổ.

² Vợ Lê Thánh Tông xem thêm chú thích số 1, chính biên quyển XXIV, tờ 24.

³ Thuộc loại sao Chổi. Theo quan niệm cổ, khi nào sao Trường Tinh xuất hiện, thì trong nước sẽ xảy ra việc can qua.

nhà vua; lúc Hiến Tông lên ngôi, gia phong là quý phi, hậu mất sớm. Đến nay tôn là Trang thuận minh ý hoàng thái hậu.

Lời chua- Thiên Thi: Tên huyện nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Đoàn Thế Nùng ở Cao Bằng nổi loạn, phải chịu tội giết chết.

Thế Nùng làm phản ở Cao Bằng, nhà vua sai quân sĩ bắt được. Thế Nùng cùng đồ đảng hơn 500 người đều phải giết chết.

Lời Chua- Cao Bằng: Tức Bắc Bình, thuộc xứ Ninh Sóc xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,20,32).

Tháng 11, mùa đông. Làm lễ táng Hiến Tông ở Dụ Lăng.

Nhà vua sai bọn Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh và Trình Chí Sâm biên soạn văn bia.

Lời Chua- Phạm Thịnh: Người xã Tam Nha (á), huyện Gia Định.

Trình Chí Sâm: Người xã Từ Hồ, huyện Đông Yên. Đầu đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Tháng 12 nhà vua mất.

Nhà vua mất ở điện Hoàng Cực, ở ngôi một năm, hưởng thọ 17 tuổi, miếu hiệu Túc Tông, để tờ chiếu lại cho trăm quan về việc tang phục nhất thiết theo lễ cổ.

Đại thần rước người anh thứ¹ của nhà vua tên là Tấn vào cung điện lên ngôi vua.

Trước kia, Túc Tông bị yếu, hạ sắc lệnh dụ bảo bầy tôi trong triều là bọn Lê Quảng Độ và Lê Năng Nhuận rằng: "Bệnh trầm không khỏi được, trẫm lo việc nước ký thác nặng nề, không thể gánh vác nổi. Người con thứ hai của tiên hoàng đế là Tấn, hiền hòa, sáng suốt, nhân từ, hiếu nghĩa, có thể nối giữ chính thống được, đại thần trăm quan đều phải hết lòng trung trinh, để giúp nên nghiệp lớn. Các thân vương, nếu có người nào sinh lòng càn dòm dòm ngôi báu, thì người trong nước đều có quyền giết chết". Đến nay Lê Quảng Độ, tả đô đốc phủ Trung Quân, Lê Năng Nhuận, Tông Nhân Lệnh, cùng văn võ trăm quan đều đến điện Hưng Minh rước Tấn vào cung lên ngôi vua (tức Uy mục đế). Hạ chiếu đại xá, đổi niên hiệu, lấy sang năm làm năm Đoan Khánh thứ nhất.

Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước kia, Túc Tông lên ngôi vua, sai sứ sang nhà Minh:

Bọn Đặng Tán, tả thị lang bộ Lại; Khuất Quỳnh Cử, Hàn Lâm viện kiểm thảo, và Lưu Quang Phụ, Hộ Khoa đô cấp sự trung, sang dâng cống phẩm hằng năm;

Bọn Nguyễn Bảo Khuê, hữu thị lang bộ Lễ, Trần Bá Lương, dâng các hiệu thư, và Vũ Châu, hiệu lý, sang xin phong tước.

Các viên quan kể trên ra đi chưa kịp sang qua quan ải. Đến nay nhà vua lại đổi làm tờ biểu khác rồi sai bọn Bảo Khuê mang đi.

Lời chua- Đặng Tán: Người xã Mạo Bồ, huyện Sơn Vi, đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Khuất Quỳnh Cử: Người xã Lợi Trạch, huyện Thạch Thất.

Trần Bá Lương: Người xã Lê Xá, huyện Nghi Dương, Quỳnh Cử và Bá Lương đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Nguyễn Bảo Khuê: Người xã Lý Hải, huyện An Lăng, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

¹ Xem thêm chính biên quyển XXIV, tờ 42 và quyển XXV, tờ 14 về thứ tự các con của Hiến Tông.

Vũ Châu: Người xã Dị Sử, huyện Đường Hòa, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống.

**Ất Sửu, Uy Mục đế năm Đoan Khánh thứ nhất (1505). (Minh, năm Hồng Trị thứ 18).
ngày mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.**

Tháng 2. Truy tôn mẹ là Nguyễn Thị làm hoàng thái hậu.

Hoàng thái hậu Nguyễn Thị, người xã Phù Chấn, huyện Đông Ngàn, lúc bé, mồ côi và nghèo đói, phải tự bán mình cho nhà một người ở Phụng Thiên. Sau nhà người ấy phạm tội, Nguyễn Thị phải tịch thu làm nô tì trong cung, vì cố ấy được vào hầu hoàng thái hậu ở cung Trường Lạc. Lúc Hiến Tông làm thái tử, vào cung chầu hoàng thái hậu, trông thấy Nguyễn Thị, lấy làm bằng lòng, mới lấy làm vợ; ngày mồng năm tháng năm năm Hồng Đức thứ 19 (1488) sinh nhà vua. Sau đó, Nguyễn Thị mất sớm. Nay nhà vua lên ngôi, truy tôn là Chiêu nhân hoàng ý hoàng thái hậu, rước bài vị lên thờ phụ ở nhà thái miếu.

Lời chua- Đông Ngàn, tên huyện, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh¹.

Phụng Thiên: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20, 35).

Tháng 3. Làm lễ táng Túc Tông ở Kinh Lăng.

Nhà vua sai bọn Đàm Văn Lễ, Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh và Trình Chí Sâm soạn văn bia.

Giết thái hoàng thái hậu ở điện Trường Lạc.

Trước kia, Túc Tông mất, hoạn giả là Nguyễn Nhĩ Vi muốn lập nhà vua, nhưng thái hoàng thái hậu lấy cớ rằng, nhà vua, do mẹ người hèn hạ sinh ra, không thể phụng thừa chính thống được, và cố ý đòi lập Lã Cô Vương (?). Nhĩ Vi liền khuyên thái hậu đi đón Lã Cô Vương (?), rồi bọn Nhĩ Vi đóng cửa thành lại mà lập nhà vua. Thái hậu không bằng lòng. Đến nay, nhà vua bèn sai người thân cận giết thái hậu một cách bí mật, rồi hạ lệnh nghỉ thiết triều 7 ngày.

Tháng 4, mùa hạ. Truy dâng tôn hiệu thái hoàng thái hậu.

Nhà vua truy dâng tôn hiệu bà tổ mẫu Nguyễn Thị là Huy gia tĩnh mục ôn cung nhu thuận thái hoàng thái hậu, lại dựng điện Quang Mĩ ở phường Lệ Viên, huyện Quảng Đức, để thờ tiên tổ thái hoàng thái hậu.

Lời phê- Giấu giếm thế nào được tội ác ? Bọn gian狡 lừa dối người ta thường thường như thế, đáng chê cười!

Lời chua- Quảng Đức: tên huyện, thuộc phủ Phụng Thiên, nay là huyện Vĩnh Thuận².

Dựng điện Chân Nguyên ở làng Phù Chấn.

Nhà vua tôn trọng yêu nông ngoại thích, dựng điện Chân Nguyên và nhà Bảo Thụy ở làng Phù Chấn để thờ tiên tổ nhà thái hậu Nguyễn Thị.

Lời chua- Làng Phù Chấn: nay ở huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh³.

Làm nhà Tuyên Dự ở Hoa Lăng.

Mẹ đẻ ra nhà vua là thái hậu Nguyễn Thị mất sớm, Kính phi Nguyễn Thị nuôi nhà vua làm con mình. Kịp khi Túc Tông mất, không có con, Kính phi cùng hoạn giả là Nguyễn Nhĩ Vi định mưu kế lập nhà vua, nhà vua rất lấy làm ơn. Đến nay làm nhà Tuyên Dự ở Hoa Lăng để thờ tiên tổ Kính phi.

¹ Đất huyện Đông Ngàn cũ, nay thuộc vào các huyện: Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Đông Anh, Sóc Sơn, Gia Lâm (Hà Nội).

² Đất huyện Quảng Đức cũ, nay là vùng đất phía Bắc nội thành Hà Nội, gồm phần lớn thuộc quận Ba Đình và quận Đống Đa.

³ Nay thuộc xã Phù Chấn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Lời chua- Nguyễn Kính Phi: Người xã Hoa Lăng, huyện Thủy Đường¹.

Truất chức Đàm Văn Lễ, thượng thư bộ Lễ và Nguyễn Quang Bật, đô ngự sử, làm thừa chính sứ ở thừa tuyên Quảng Nam², rồi giết đi.

Trước kia, lúc Hiến Tông nằm giường bệnh, Kính phi có ý muốn lập nhà vua, nhưng sợ quan đại thần không theo, bèn đem vàng đút lót Đàm Văn Lễ, Văn Lễ không nhận. Kịp khi Hiến Tông bệnh kịch. Văn Lễ cùng Quang Bật nhận tờ di chiếu giúp hoàng thái tử nối ngôi vua. Lúc ấy các vương tranh nhau để được lập làm vua, Văn Lễ sợ việc biến xảy ra trong chốc lát, bèn vào nhà tắm điện lấy quả ấn truyền quốc đem về nhà mình, rồi cùng các đại thần cùng lập Túc tông. Nhà vua rất lấy làm oán giận. Đến nay, nhà vua dùng mưu mô của Khương Trùng và Nguyễn Nhữ Vi, truất Văn Lễ và Quang Bật đi giữ chức thừa chính sứ đạo Quảng Nam; khi hai người đi đến sông Chân Phúc, nhà vua sai người đuổi kịp, bắt phải tự tử. Bầy tôi trong triều lấy cớ rằng hai người ấy không có tội mà bị chết, nên nhiều người can ngăn; nhà vua đổ lỗi ấy cho Nhữ Vi, rồi lại giết cả Nhữ Vi nữa.

Nhà vua tin dùng những người thân thích bên ngoài, bọn Khương Trùng cậy quyền, ngang ngược, không sợ hãi ai. Lúc ấy, Nguyễn Chí, lấy thân phận là người quê ngoại nhà vua, được cất nhắc làm thiếu doãn phủ Phụng Thiên sau được bổ làm tri phủ Phú Bình. Chí là người mạnh dạn cứng cổ, không chịu khuất phục ai. Nguyễn Trọng thân nhân của Khương Trùng, mang lòng oán Chí, bắt Chí đem đến ngục đình úy, đấm đá cho đến chết.

Lời chua- Quảng Nam: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7-9).

Nguyễn Quang Bật: Người xã Bình Ngô, huyện Gia Định, đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ nhị danh khoa Giáp Thìn (1484) năm Hồng Đức.

Khương Trùng: Người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn, một người trong đảng với họ hàng của Nguyễn thái hậu.

Nguyễn Chí: Chí bị Nguyễn Trọng đấm đá chết, vất bỏ ở ngoài thành, con cháu đem xác về để chôn, nhưng rồi lại sống lại, vợ con của Chí phải dùng hài cốt người khác chôn thay và làm lễ để tang 3 năm, làng xóm không ai biết rõ việc ấy. Đến năm Hồng Thuận thứ nhất (1509) đời Tương Dực đế, Chí đến khuyết đình tự tâu bày, lại được trao giữ chức Bí thư giám xá nhân. Sau, Chí làm quan với nhà Mạc.

Sông Chân Phúc: Nay ở huyện Châu Lộc, thuộc tỉnh Nghệ An.

Gia Định: Nay là huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 6. Khởi phục³ Ngô Hoán làm hiển sát sứ Thanh Hoá.

Hoán, đỗ tiến sĩ đời Hồng Đức, trải thờ Hiến Tông, làm quan Đông các hiệu thư, vì can tội đem việc trong triều nói cho người ngoài biết, nên phải bãi chức và phải sung làm quân ở bản phủ. Năm Cảnh Thống thứ 4 (1501), Hoán lại thi đỗ sinh đồ. Đến nay, lại được triệu ra bổ dụng.

Bính Dần năm thứ 2 (1506). (Minh Võ Tông, năm Chính Đức thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập Trần Thị làm Hoàng hậu.

Hậu, người xã Nhân Mục, tên là Tùng, con gái viên quản lãnh họ Trần (không rõ tên), là cháu ngoại một ông vua triều nhà Trần. Nhà vua nghe nói Trần Thị có sắc đẹp, cho tuyển vào cung, đến nay lập làm hoàng hậu. Sau, người em gái tên là Trúc cũng vào trong cung hầu vua.

¹ Nay là thôn Phương Lăng, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

² Ở phần này nguyên văn chép: "Vi Quảng Nam thừa tiên sứ", về phần mục ở dưới lại chép: "hành Quảng Nam thừa chính sứ". Chúng tôi nhận thấy thừa tuyên không phải là chức quan. Dưới triều Lê Thánh Tông mỗi thừa tuyên có các chức: đô tổng binh sứ, hiển sát sứ và thừa chính sứ. Vì thế dịch: "Làm thừa chính sứ ở thừa tuyên Quảng Nam" cho được rõ nghĩa.

³ Một danh từ của đời phong kiến dùng để nói về việc viên quan nào trước bị bãi chức, hoặc viên quan nào nghĩ việc về nhà, sau lại ra bổ dụng.

Lời chua - Xã Nhân Mục: Nay thuộc huyện Thanh Trì, Tỉnh Hà Nội¹.

Tháng 2. Tuyển hoàng đình.

Lời chua - Hoàng đình: Xem Lê Hiến Tông, năm Cảnh Thống thứ 3 (Chb. XXV, 5).

Tháng 12, mùa đông. Thi khảo quân và dân về môn viết chữ và tính toán

Nhà vua sai bọn Nguyễn Quang Mĩ, Binh bộ thượng thư, Nguyễn Tinh, Lại khoa đô cấp sự trung, và Nguyễn Trọng Đạt, giám sát ngự sử, thi khảo quân và dân về môn viết chữ và tính toán ở sân điện Giảng Võ. Người ứng thi hơn ba vạn, lấy bọn Nguyễn Tử Kỳ 1519 người trúng tuyển; trong số này trích lấy những người trội hơn được 144 người, thi khảo lại một lần nữa, lấy 25 người trúng tuyển cho sung vào Hoa Văn học sinh, ngoài ra đều cho sung làm lại dịch các nha môn trong kinh và ngoài các đạo.

Lời chua - Nguyễn Tinh: Người xã Văn Xá, huyện Lang Tài, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Đinh Mão, năm thứ 3 (1507). (Minh, năm Chính Đức thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặt ti Cường Lực.

Theo chế độ cũ, dũng lực võ sĩ ở các ti thuộc hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô đều đặt chức phó quân và đều không câu nệ đội ngũ, chỉ có từ ban thứ nhất đến ban thứ tám, chiếu theo số binh lính nhiều hay ít, để liệu lượng định thứ tự từng ban. Đến nay định lại hiệu quân, bãi bỏ chức phó quân, đổi đặt làm ti Cường Lực.

Lời chua - Các ti trong hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô: Xem năm Hồng Đức thứ 4 đời Lê Thánh Tông (Chb. XXII, 32)².

Phó quân: Xem năm Hồng Đức thứ 22 (Chb. XXIV, 13).

Ti Cường Lực: Quân số của ti này không khảo cứu được.

Tháng 3. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh; khi trở về, bèn vào thăm điện Chân Nguyên.

Lời chua - Điện Chân Nguyên: Xem năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb, XXV, 19).

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước đây, nhà Minh sai sứ thần sang nước ta.

Tăng Đạt, Hàn Lâm viện biên tu, và Trương Hoảng Chí, Lại khoa cấp sự trung, sang báo cáo việc Võ Tông [nhà Minh] lên ngôi và ban cho lụa hoa;

Hà Lộ, hành nhân trong ti Hành Nhân, sang dụ bảo việc ban lễ tế Hiến Tông [nhà Lê];

Thẩm Đào, Hàn Lâm viện biên tu, và Hứa Thiên Tích, Công Khoa cấp sự trung, sang sách phong nhà vua làm An nam quốc vương và ban cho mũ áo bì biển³.

Lúc Thiên Tích trông thấy nhà vua, nhân làm câu thơ rằng: "An nam tứ bách vạn vu trường, thiên ý như hà giáng quý vương ?" Ý nói: Vạn mệnh An nam bốn trăm năm rất dài lâu, không biết ý trời thế nào mà lại giáng sinh ông vua quý sứ ?

Đến đây, nhà vua sai sứ thần sang nhà Minh:

Bọn Dương Trực Nguyên, Hộ bộ tả thị lang, Chu Văn Đông các hiệu thư, và Đinh Thuận, Hàn Lâm viện kiểm thảo, sang chúc mừng Minh Võ Tông lên ngôi vua;

¹ Tức làng Mọc, gồm 6 thôn. Nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội.

² Xem thêm chính biên quyển XX, tờ 31, 32.

³ Mũ áo triều phục của vua chúa đời cổ: Mũ bì biển chế bằng da con hươu trắng. Những chỗ khâu giáp đều dát bằng ngọc; áo bì biển có nhiều thuyết khác nhau, nhưng tóm lại áo và xiêm đều làm bằng tơ màu trắng.

Nguyễn Thuyên, Hồng lô tự Thiếu khanh, sang dâng hương;

Bọn Nguyễn Thụy, Công Bộ hữu thị lang, Doãn Mậu khôi, Hàn Lâm viện kiểm thảo, và Lê Đình Chi, Hộ khoa cấp sự trung, sang tạ ân việc ban cho tế phẩm;

Bọn Lê Tung, thừa chính sứ Thanh Hóa, Đinh Trinh, Hàn Lâm viện kiểm thảo, và Lê Hiếu Trung, giám sát ngự sử, sang tạ việc sách phong;

Bọn Lê Uyên tham chính Nghệ An, Ngô Tuy, Hàn Lâm viện hiệu lý, và Hoàng Nhạc, giám sát ngự sử, sang dâng lễ cống hàng năm.

Lời chua - Chu Văn: Người xã Đa Sĩ, huyện Đường Hào đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Đình Thuận: Người xã An Dương, huyện Tây Lan.

Lê Đình Chi: Người xã Lạc Sơn, huyện Lập Thành.

Ngô Tuy: Người xã Tông Tranh, huyện Đường Yên. Những người kể trên đều đỗ đồng tiến sĩ khoa kỷ Mùi (1499) năm cảnh thống.

Doãn Mậu Khôi: Người xã An Duyên, huyện Thượng Phúc.

Đình Trinh: Người xã Vị Khê, huyện Thanh Lan. Khôi và Trinh đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống.

Lê Trung Hiếu: Người xã Chi Nê, huyện Chương Đức, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống, làm quan đến Quố Tử giám tư nghiệp. Khoảng năm Quang Thiệu, Trịnh Tuy bắt cóc Lê Chiêu Tông đem vào Thanh Hóa, Trung Hiếu không chịu khuất mà chết¹.

Hoàng Nhạc: Người xã Hoàng Xá, huyện Đông Thành, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống.

Mậu Thìn, năm thứ 4 (1508). (Minh, năm Chính Đức thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Bỏ dụng Mạc Đăng Dung làm đô chỉ huy sứ ở ti Đô chỉ huy sứ thuộc vệ Thiên Võ.

Đăng Dung, người xã Cổ Trai, huyện Nghi Dương; ông tổ bảy đời của Đăng Dung là Đĩnh Chi ở làng Đông Cao, huyện Bình Hà, đỗ trạng nguyên triều nhà Trần, làm quan đến tả bộc xạ. Đĩnh Chi sinh con là Dao, Dao sinh con là Túy, Túy sinh con là Tung, dời đến xã Lang Khê, huyện Thanh Hà, Tung sinh con là Bình, lại dời về ở xã Cổ Trai huyện Nghi Dương, Bình sinh con là Hịch, Hịch lấy con gái Đặng Xuân, sinh 3 con trai: con trưởng là Đăng Dung, con thứ 2 là Đốc Tín, con thứ 3 là Quyết. Đăng Dung, lúc bé có sức mạnh, nhà nghèo làm nghề đánh chài. Lúc ấy nhà vua muốn tìm kiếp dưỡng sĩ, Đăng Dung thi khảo, trúng đô lực sĩ, được sung vào túc trực bảo vệ trong cung cấm. Đến nay nhà vua bổ cho chức này

Lời chua - Vệ Tuyên Võ: Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 4).

Làng Đông Cao, huyện Bình Hà: Nay là xã Long Động, huyện Chí Linh.

Xã Lan Khê huyện Thanh Hà: Nay đều thuộc phủ Nam Sách.

Xã Cổ Trai huyện Nghi Dương: Nay thuộc phủ Kiến Thụy. Điều lệ thuộc tỉnh Hải Dương.

Tháng 10, mùa đông. Bắt đô ngự sử Đỗ Nhân giao xuống ngục hình, ít lâu, Nhân lại được tha.

¹ Xem thêm chính biên quyển XXVII, tờ 8.

Trước kia. Nhân gặp tang mẹ nghĩ [việc quan, về nhà riêng] khi đoạn tang, được khởi phục làm hữu thị lang bộ Lễ, sau được thăng làm phó đô ngự sử trong Ngự sử đài. Đến nay, vì nói việc gì đó trái với ý vua, bị bắt giao xuống hình ngục, sau Nhân lại được tha.

Nước Hắc La La xâm lấn cửa ải Chu Quan. Nhà vua sai bọn Lê Quýnh đem quân đi đánh, chia lập giới mốc ở nơi quan ải, rồi dẫn quân về.

Nước Hắc La La xâm lấn vào cửa ải Chu Quan. Nhà vua sai Trần Thúc Mại, đô đốc Bắc quân, làm phó tướng doanh Hữu du kính, Phạm Nhất Ngạc làm ký lục, dẫn quân đi trước; một mặt hạ lệnh cho Mỹ quận công Lê Quýnh làm Chinh man tướng quân, Đan Khê bá Trịnh Hựu làm phó, thống lĩnh các vệ Thần Võ. Hiệu Lực, Điện Tiền và quân trong Ngũ phủ, tất cả 6 vạn người đi đánh. Quân kéo đến cửa ải Chu Quan, chia lập giới mốc; lại hạ lệnh cho bọn Lê Quýnh chỉnh lý đất đai ở Chu Quan thuộc châu Thủy Vĩ xứ Hưng Hóa, sửa sang xếp đặt công việc ở quan ải, rồi dẫn quân về.

Lời cần án : - **Sử cũ chép "Nhà vua hạ lệnh cho bọn Lê Quýnh kinh lý Thuận Hóa ". Nay tra chữ "Thuận Hóa " chính là chữ "Hưng Hóa " mà sử cũ chép lầm, nên cải chính lại.**

Lời chua - Hắc La La: Theo sách thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư, thì nước Hắc La La là giống man di ở Vân Nam thuộc tỉnh Vân Nam.

Chu Quan: Theo điển lệ quan chế triều Lê, thì ti Tuần kiểm sứ thuộc Đô tổng binh sứ ti ở Hưng Hóa có cửa Chu Quan, thuộc châu Thủy Vĩ.

Thần Võ, Hiệu Lực và Điện Tiền: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 4 (Chb. XXII, 23).

Quân Ngũ Phủ và doanh du kính: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 7 (Chb. XX, 2-7).

Hưng Hóa: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XX 16, 19).

Châu Thủy Vĩ: Nay thuộc tỉnh Hưng Hóa¹.

Kỷ Ty, năm thứ 5 (1509). (Từ tháng 12 trở về sau, thuộc năm Hồng Thuận thứ nhất đời Tương Dực đế. (Minh, năm Chính Đức thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua cày ruộng tịch điền, cái cày bị gãy.

Quả chuông ở điện Kính Thiên tự nhiên rơi xuống.

Cái bồ lao treo hai quả chuông lớn ở điện Kính Thiên thành linh bị đứt đoạn, quả chuông tự rơi xuống.

Lời chua - Điện Kính Thiên: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. XV, 13).

Đặt ti Phi võ lực sĩ.

Theo chế độ cũ, lực sĩ điện Kim Quang 10 ti, mỗi ti lực sĩ 100 người, bác sĩ 2 người thay ban nhau phụng mệnh túc trực ở điện Kim Quang. Đến nay, mới đặt Phi Võ ti lực sĩ 100 người, phụng mệnh túc trực cung Đoan Khang, cũng như thể lệ lực sĩ túc trực điện Kim Quang. Bổ dụng Nguyễn Tông làm đô phi võ lực sĩ nội sứ trong ti Phi Võ, Nguyễn Công Luận làm Phi Võ lực sĩ nội sứ.

Lời chua - Lực sĩ 10 ti túc trực điện Kim Quang: Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 31).

Đặt hai giám ti Ngự tượng và Ngự mã.

¹ Nay thuộc tỉnh Lào Cai.

Tính nhà vua thích dũng lực, nhân đi tế yết giao đàn trở về, cỡi voi vào cửa Đông Hoa, sai quân các ti và quân các vệ trong Ngũ phủ, quân lãnh voi công dẫn đến trước mặt vua để ứng tuyền, đặt hai giám ti Ngự tượng và Ngự mã; quân sĩ ở ti Ngự tượng đội mũ màu thủy ngân, vẽ hoa kim quỳ, quân sĩ ti Ngự mã đội mũ màu thủy ngân, vẽ hoa hồng quy. Mỗi ngày, sai hai viên giám quân đấu sức với nhau; hai viên cầm gậy đánh nhau từ cửa Thanh Dương đến ngoài cửa Thái Miếu, nhà vua tới xem, lấy làm thích thưởng cho tiền và lụa.

Từ sau khi lên ngôi, nhà vua mỗi đêm cùng cung nhân vui đùa uống rượu quá độ. Khi rượu say, liền giết cung nhân đi. Lúc ấy quyền bính về tay ngoại thích: mặt đông thì ngoại thích ở Hoa Lăng, mặt nam thì ngoại thích ở Nhân Mục, mặt bắc thì ngoại thích ở Phù Chấn, đều cậy quyền thế ức hiếp trăm quan, mượn mách khéo để đòi của báu; lại còn giết hại sinh dân, của cải vật dụng ở dân gian cướp lấy đến hết. Muôn dân oán hờn mà nhà vua không biết. Nhà vua lại đem lòng nghi ngờ ghen ghét bầy tôi, người nào ngày trước không phụ họa với mình thì thường thường giết đi; mặt khác, lại bí mật sai người trong cung là Nguyễn Đình Khoa thân hành dò xét các chú và anh em: Kinh vương¹ sợ vạ lây, phải đi trốn tránh, không biết đi đâu; Giản tu công Oánh², là chỗ con chú con bác, cũng bị bắt giam vào ngục. Vì thế, ai cũng lo sẽ nguy hiểm đến tính mạng, càng nghĩ đến việc nổi loạn.

Lời chua - Hai giám ti Ngự tượng và Ngự mã: Số quân bao nhiêu, nay không khảo cứu được.

Hoa Lăng và Phù Chấn: Xem năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb. XXV. 20).

Nhân Mục: Xem năm Đoan Khánh thứ 2 (Chb. XXV. 22).

Giản tu công Oánh: Con thứ 2 Kiến vương Tân, tức Tương Dực để sau này.

Hạ lệnh cho bọn đô đốc Lê Tử Vân và Vũ Cảnh đi chinh lý xếp đặt công việc ở Quảng Nam.

Trước kia, Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, bắt được Trà Toại và vợ con hẳn³ mang về an trí ở ngoài cửa Bảo Khánh gần 30 năm; Trà Toại mất, đến khoảng niên hiệu Cảnh Thống⁴, con Trà Toại là Trà Phúc lấy trộm hài cốt mang trốn về. Đến nay, những người Chiêm Thành làm nô lệ ở điền trang các nhà công thần thế gia cũng bỏ trốn về nước. Gặp lúc ấy, bọn Ma Mạt, người Chiêm Thành đi biển bị trôi giạt, quan quân nước ta bắt được, Ma Mạt cung xưng: "Năm trước Trà Phúc trốn về, sai con là Mạ La sang cầu viện với nhà Minh và đóng nhiều thuyền chứa lương thảo ". Vì cố ấy, nhà vua hạ lệnh cho bọn Vũ Cảnh đi kinh lý xếp đặt công việc ở Quảng Nam. Nhà vua hạ chiếu bắt người Chiêm Thành nào còn bị giam giữ đem giết hết.

Lời chua - Quảng Nam: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7, 10).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb, III, 20,21).

Tháng 9, mùa thu. Định rõ lại niên hạn tư cách lựa chọn cất nhắc giám sinh và nho sinh.

Dương Đức Giản, Lại khoa đô cấp sự trung, dâng sớ nói: "Năm Hồng Đức thứ 7 (1476) có chiếu chỉ: Phàm Giám sinh ở Quốc Tử giám sung vào tam xá sinh mà tuổi từ 30 trở lên, mới được lựa chọn bổ dụng ". Đến năm Hồng Đức thứ 8 (1477) lại có sắc chỉ: "Nho sinh ở Chiêu văn quán, Tú Lâm cục đã lâu năm, mà có tài cán và thi hội trúng một, hai, ba kỳ, đều được cất nhắc bổ dụng, không câu nệ vào niên hạn ". Và xét giám sinh, nho sinh tuổi chưa đến 30, sung bổ chưa đầy 15 năm, mà chỉ dựa vào việc thi

¹ Tên là Kiện con út thánh Tông, em Hiến Tông và là chú Uy Mục đế.

² Con Kiến vương Tân, cháu Thánh Tông.

³ Xem thêm chính biên quyển XXII, tờ 28.

⁴ Niên hiệu Lê Hiến Tông (1498- 1504).

hội trúng một, hai, ba kỳ, thì thường có người cầu may để tiến thân, như thế, phần nhiều có điều không tiện. Xin từ nay, giám sinh, nho sinh tuổi từ 30 trở lên, mới được sung bổ, lại phải sung bổ đủ 15 năm trở lên, mới được lựa chọn cất nhắc

Đến nay, nhà vua hạ lệnh cho bọn Ninh quận công Lê Quảng Độ bàn định lại: giám sinh trong Quốc Tử giám, người nào thi hội nhiều lần trúng được ba kỳ, ở Giám được 15 năm trở lên mà sung vào thượng xá sinh, thì tiến dẫn lựa chọn, sẽ cất nhắc giữ các chức thủ lĩnh, ban độc, trưởng sử và huấn đạo; còn người nào nhiều lần thi hội trúng ba kỳ, đã ở Giám đủ 15 năm mà chưa được sung vào thượng xá sinh, và người nào một lần thi hội trúng ba kỳ mà ở Giám đã được 18 năm trở lên, thì lựa chọn cất nhắc giữa các chức cấp môn, tự ban và giảng dụ.

"Quan viên tử, quan viên tôn sung vào nho sinh ở Chiêu văn quán, Tú lâm cục, mà thi hội trúng ba kỳ đã ở quán hoặc cục đủ 15 năm trở lên và người trúng một kỳ mà ở quán hoặc cục đã đủ 18 năm trở lên, thì lựa chọn bổ dụng các chức chặn dân¹ hoặc thủ lĩnh; người nào lâu năm mà có tài cán, dầu không trúng ba kỳ thi hội mà ở quán hoặc cục đã đủ 25 năm trở lên, thì lựa chọn cất nhắc giữ chức tá nhị² ở châu hoặc huyện.

Thân thuộc dòng dõi của Hoàng hậu và con cháu của bầy tôi có công khai quốc, thì sung vào nho sinh quán Chiêu văn theo như thể lệ cũ".

Lời chua - Tam xá sinh: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 14 (Chb. XXIII, 39 - 40).

Chiêu văn quán, Tú Lâm cục: Xem năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XXIII, 6).

Tháng 10, mùa đông. Sao chổi xuất hiện ở phương tây.

Sao chổi xuất hiện 10 ngày mới lặn.

Tháng 11, mùa đông. Có sắc trắng xuất hiện ở phương tây - nam.

Sắc trắng hình như cái kiếm, dài hơn một trượng.

Tôn thất Giản Tu công là Oánh làm phản.

Lúc ấy nhà vua đuổi các người tôn thất và công thần về Thanh Hóa. Uy quyền của bọn ngoại thích là Khương Trùng và Nguyễn Bá Thằng làm nghiêng lệnh cả trong triều đình và ngoài các địa phương, chúng tự tiện làm oai làm phúc; dân gian không có kể gì xoay sở được tay chân, thiên hạ mất hết hi vọng. Nguyễn Văn Lang lấy thân phận là họ thân của Nguyễn Thái hậu cũng bị đuổi. Người đại thần trong họ tôn thất là Nghi quận công Lê Năng Cẩn không được hài lòng, bèn gởi cho Văn Lang bài thơ bảo đem quân giết hết bè đảng bạo nghịch. Văn Lang bèn đem nô bộc người Chiêm Thành là Chế Mạn cùng Vũ Bá, Vũ Tiếp hiệu triệu nhân dân ba phủ thuộc Thanh Hóa hội hợp ở thành Tây Đô, rồi đem quân chặn giữ cửa biển Thần Phù. Gặp lúc ấy, Giản Tu Công tên là Oánh trước bị giam trong ngục, Oánh đem nhiều lễ vật đút lót cho người canh ngục, được thoát ra, trốn về Tây Đô. Khi Oánh đi đến cửa biển Thần Phù, Văn Lang đón rước lập làm minh chủ³. Nhân đấy, Oánh đem đại thần là bọn Nguyễn Diễn, Ngô Khế, Nguyễn Bá Cao, Lê Trạm cùng những viên quan ở Thanh Hóa là tổng binh thiêm sự Nguyễn Bá Tuấn, thừa tuyên sứ Lê Tung, tham chính Nguyễn [Thì] Ung cùng nhau khởi binh, sai Lương Đặc Bằng làm tờ hịch dụ bảo đại thần trăm quan, rồi giả xưng là Cầm Giang vương, kéo lá cờ chiêu an, tiến quân đến sát Đông Kinh.

Lời chua - Nguyễn Văn Lang: Người xã Gia Miêu huyện Tống Sơn, là con Thái úy Nguyễn Đức Trung.

¹ Xem chú thích số 1 chính biên quyển XXIV, tờ 40.

² Xem chú thích số 2, chính biên quyển XXIV, tờ 16.

³ Ngày trước, những người cùng một chí hướng với nhau, hội hợp để khởi binh chống lại bọn vua chúa lúc bấy giờ, trước hết, họ lập đàn tế lễ uống máu ăn thề, trong số những người ấy, người nào được mọi người kính mến thì được suy tôn lên làm chủ việc tế lễ thề nguyện gọi là minh chủ.

Nguyễn Bá Tuấn: Người xã Đại Lạc, huyện Vũ Ninh, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông, sau đổi tên là Bá Thuyên.

Nguyễn [Thì] Ung: Người xã Đa Ngư, huyện Tế Giang, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Cầm Giang vương: Tên Sùng, con trưởng của Kiến vương Tân. Sùng bị Uy Mục đế giết, lúc Tương Dực đế lên ngôi vua, truy phong là Trang Định đại vương, kịp lúc Chiêu Tông lên ngôi, truy tôn là Minh tông triết hoàng đế.

Lương Đắc Bằng: Người xã Hội Triều, huyện Hoảng Hóa, đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh (tức bản nhàn) khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Ba phủ thuộc Thanh Hóa: Hà Trung, Thiệu Hóa và Tĩnh Gia.

Cửa biển Thần Phù: Nay ở xã Thần Phù, huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình.

Oánh, tiến quân đến núi Thiên Kiện. Nhà vua sai lũ Lê Võ, Đông nam bá và Dương Trực Nguyên, đô ngự sử, đi đánh. Võ và Nguyên đánh không thắng, bị chết.

Giản Tu công Oánh đem quân thủy, quân bộ các dinh cùng tiến: quân thủy kéo đến núi Thiên Kiện. Nhà vua dùng 2 chiếc thuyền nhỏ Hà Thanh và Hải Thanh đi vội đến Thiên Kiện, bắt được một viên tướng trong hàng ngũ quân thủy và chém được 20 thủ cấp đem về ngoài cửa Đông Hoa. Rồi hạ lệnh cho Đông nam bá Lê Võ sung làm tán lý, Ngự sử đài đô Ngự sử Dương Trực Nguyên sung làm ký lục, cùng bọn hữu thị lang Phạm Thịnh và Trần Năng thống lĩnh quân cấm binh cùng các vệ quân Thần Võ, Hiệu Lực, Điện Tiền đi chống cự, nhưng không đánh thắng được.

Lúc ấy thân thích của Oánh có: mẹ là Trịnh Thị, anh là Cầm Giang vương Sùng, em là bọn Tĩnh lượng công Doanh và Quyên đều ở Đông Đô, nhà vua hạ lệnh cho giết hết. Sau khi Sùng đã bị giết, Oánh còn đem cờ chiêu an của Cầm Giang vương chiêu dụ bọn tên Võ đầu hàng. Võ đem đầu của Cầm Giang vương bảo cho Oánh biết và nói rằng: "Nói dối nhau làm gì ? " Bọn Võ tiến đánh, bị chết trận. Bọn Dương Trực Nguyên, Phạm Thịnh và Trần Năng cũng bị chết ở Châu Cầu.

Lời chua - Núi Thiên Kiện: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb. X, 17).

Cửa Đông Hoa: Ở cửa Đông thành Thăng Long.

Châu Cầu: Nay là xã Châu Cầu, thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nội¹.

Trần Năng: Người xã Quan San, huyện Thanh Lâm, đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (tức thám hoa) khoa Quý Sửu (1493) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Mẹ của Oánh: Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, thì mẹ của Oánh là Đặng Thị, người xã Thủy Chú, huyện Lôi Dương, con gái của đô đốc thêm sự Trịnh Trọng Phong. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) được tuyển làm vợ Kiến vương Tân, sinh ra Tương Dực đế. Kịp lúc Tương Dực đế khởi binh. Trịnh Thị bị Uy Mục đế giết; sau Tương Dực đế lên ngôi, truy tôn là Từ Huy hoàng thái hậu.

Doanh và Quyên: Đều là con Kiến vương Tân và là em Tương Dực đế, đều bị Uy Mục đế giết.

Tháng 12, Giản Tu công Oánh giết nhà vua và hoàng hậu Trần Thị, tự lập làm vua.

Quân của Oánh tiến đến làng Bảo Đà và phường Hồng Mai. Nhà vua ra cửa Thanh Dương yên ủy tướng sĩ, lấy kiểm trao cho bọn Trịnh Chí Sâm và Lê Quảng Độ. Một mặt đem vàng bạc tiền lụa trong kho ban cho người phạm tội bị giam mỗi người ba quan và buông thả ra bắt phải đi đánh giặc. Các phạm nhân lạy tạ nhận xong thì họ đều về nhà. Một mặt khác hạ lệnh cho Trung sứ và Hoa văn học sinh đem

¹ Nay thuộc thị xã Phú Lý, tỉnh Hà Nam.

sắc văn và phù hiệu đến các xứ Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang và An Bang đều động lấy mỗi xứ 5000 lính bản thổ đem vào bảo vệ kinh thành. Bọn Trung sứ và Hoa văn học sinh chưa đi đến Bồ Đề, thì quân của Oánh đã tiến đến sát kinh thành, dân chúng đều bỏ trốn; hoàng hậu Trần Thị chạy ẩn núp ở nhà một người dân Hồng Mai, tự thắt cổ chết.

Lê Quảng Độ cùng Oánh, người trong thành, người ngoài thành, ứng tiếp lẫn nhau, bắn pháo để báo hiệu. Quân sĩ thì hoặc lấy ngọn tre hoặc dẫn cây đánh lẫn nhau để cho các quân sĩ sợ hãi. Nhân đấy, Quảng Độ bắt cóc nhà vua chạy sang mặt bắc.

Khi Oánh vào Đông Kinh, nghe tin mẹ cùng em là bọn Doanh và Quyên, anh là Sùng đều bị giết, sai quan làm lễ táng, tế.

Nhà vua chạy đến phường Nhật Chiêu, vệ sĩ đuổi theo bắt được, đem trói ở cửa Lệ Cảnh. Oánh cho tên vệ sĩ ấy là người bất nghĩa, sai đem chém đi. Nhà vua uống thuốc độc tự tử. Oánh căm giận về việc nhà vua giết mẹ cùng anh em của mình, bèn sai người dùng cổ đại bác đem thầy đặt ở hỏa khẩu, khi súng nổ, hài cốt bị tan tành, chỉ lấy tro tàn đem về táng ở An Lăng tại làng Phù Chẩn là nơi quê mẹ mà thôi. Oánh giáng tước nhà vua làm Mẫu Lệ Công, rồi lên ngôi hoàng đế, ân xá cho trong nước, đổi niên hiệu là Hồng Thuận.

Lời chua - Xã Bảo Đà: Nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Nội¹.

Phường Hồng Mai: Nay đổi Bạch Mai thuộc huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội².

Hoa văn học sinh: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 25³ (Chb. XXIV, 16, 17).

Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, An Bang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 29, 30, 31).

Bồ Đề: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb, XIV, 4).

Phường Nhật Chiêu: Ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Hà Nội⁴.

Phù Chẩn: Xem năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb. XXV, 19).

Truy tôn: cha là Kiến vương Tân làm Kiến hoàng đế, mẹ là Trịnh Thị làm hoàng thái hậu; tặng tước vương cho 3 người: anh và em.

Truy dâng: tôn thụy.

Kiến vương là Phối thiên dụ thánh ôn lương quang minh văn triết khoan hồng chương tín tụy hữu mục hiếu Kiến hoàng đế, tôn hiệu Trịnh Thị là Huy Từ trang huệ gia lượng nhu thánh hòa mục tín khiêm minh chính ý thuần phúc khánh hoàng thái hậu; tặng phong: anh trưởng là Cẩm Giang Vương Sùng làm Trang Định đại vương, em thứ là Tĩnh Lượng công Doanh làm Mục ý vương, và em út là Quyên làm Dực Cung vương.

¹ Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

² Xem chú thích số 6 chính biên quyển XXIII, tờ 43.

³ Cương mục chép lầm là năm thứ 8.

⁴ Nay là xã Nhật Tân, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục Chính Biên

Quyển thứ 26

Từ Canh Ngọ, Lê Tương Dực đế, Năm Hồng Thuận thứ 2 (1510) đến Kỳ Mão, Lê Chiêu Tông, Năm Quang Thiệu thứ 4 (1519) gồm 10 năm.

5). Canh Ngọ, Tương Dực đế, Năm Hồng Thuận thứ 2 (1510). (Minh, năm Chính Đức thứ 5).

Tháng Giêng, mùa xuân. Phong quan tước cho bọn Nguyễn Văn Lang cấp bậc cao thấp khác nhau.

Nhà vua đã lên ngôi, bàn luận công trạng, những người bình định họa loạn, phong cho Nguyễn Văn Lang làm Nghĩa quốc công.

- Lê Quảng Độ làm Thiệu quốc công.
- Lê Phụ làm Lượng quốc công.
- Lê Bá Lân làm Uy quốc công.
- Trịnh Duy Đại làm Lại quận công¹.
- Trịnh Hựu làm Thọ quận công.
- Lê Mậu Chiêu làm Diên quận công.
- Nguyễn Hoảng Dụ làm An Hòa hầu.
- Trịnh Duy Sản làm Mỹ Huệ hầu.
- Nguyễn Bá Tuấn làm Lễ bộ thượng thư, Do Lễ bá.
- Lê Tung làm Lại bộ thượng thư, Đôn thư bá.
- Nguyễn [Thì] Ung làm Đô ngự sử ở Ngự sử đài, Lương Văn bá.
- Đàm Thận Huy làm Hình bộ thượng thư, Lâm Xuyên bá.
- Lương Đắc Bằng làm tả thị lang bộ Lại

Lại hạ chiếu cho các huyện Yên Ninh, Yên Mô, Phụng Hóa và Gia Viễn thuộc trấn Sơn Nam, phàm người nào có quân công trong khi theo hầu xa giá ở xã Tiêu Viên và Bảo Đà đều được ban thưởng tùy theo công trạng khác nhau.

Lời chua- Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17- 18, 25-28).

Phụng Hóa: Tên huyện, thuộc phủ Thiên Quan, tỉnh Ninh Bình.

Gia Viễn: Tên huyện, thuộc phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bảo Đà: Tên xã. Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb. XXV, 36).

Yên Ninh: Nay thuộc huyện Yên Khánh.

¹ Việt sử thực lục chép Văn quận công.

Yên Mô: Nay là huyện Yên Mô. Cả hai đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

Tiêu Viên: Tên xã, thuộc huyện Hoài An, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Nội¹.

Trịnh Hựu: người xã Kim Bôi huyện Vĩnh Lộc.

Trịnh Duy Đại: Người xã Thủy Chú, huyện Lô Dương.

Trịnh Duy Sản: Em Duy Đại.

Nguyễn Hoảng Dụ: Con Nguyễn Văn Lang.

Nguyễn Bá Tuấn: Người xã Đại Lạc, huyện Vũ Ninh, Bá Tuấn, sau đổi tên là Bá Thuyên, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Lê Tung: Người xã Yên Cừ, huyện Thanh Liêm, nguyên họ Dương, tên là Bang Bản, sau được ban cho họ của vua, đổi tên là Tung, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Đàm Thận Huy: Người xã Ông Mặc, huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức..

Bắt đầu đặt chức đề lãnh ở 4 cửa thành.

Đặt chức chương đề lãnh, đồng đề lãnh và phó đề lãnh, đều dùng chức quan trong hàng võ hàm tòng nhất, nhị phẩm để quản lãnh việc quân ở 4 cửa thành: Phàm những việc tuần phòng nã bắt kẻ gian, tra hỏi kiện tụng và các việc ngăn cấm hỏa tai, việc cầu cống đường sá đều do viên đề lãnh chịu trách nhiệm.

Tháng 2. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Nhà vua sai bọn Đàm Thận Huy, Hình bộ thượng thư, Nguyễn Văn Thái, Đông các hiệu thư, và Lê Thừa Hưu, Binh khoa cấp sự trung, sang nhà Minh xin phong tước.

Lời chầu - Nguyễn Văn Thái: Người xã Tiền Liệt, huyện Vĩnh Lại, đỗ tiến sĩ khoa Nhân Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Lê Thừa Hưu: Người xã Đông Ninh, huyện Hưng Nhân, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống.

Tháng 4, mùa hạ. Bọn hoạn giả Nguyễn Khắc Hải nổi loạn, bị giết chết.

Nhà vua mới lên ngôi, lòng người chưa ổn định. Nguyễn Khắc Hải, thái giám trong cung, ngầm có chí bần nghịch. Một đêm, vào trống canh hai, nhà vua ra chơi cung Trùng Hoa, rồi lại đi chơi các điện Vạn Thọ, Kính Thiên và Cảnh Đức cùng bày tiệc theo hầu làm thơ xướng họa. Sau, Nguyễn Lĩnh, bày tiệc trong điện, lại rước nhà vua đến chơi ao sen. Lúc ấy bọn Khắc Hải ở trong cung lên ra, rước Hoa Khê vương tên là Tùng lập làm vua giả. Nhà vua được tin có biến động, bèn hạ lệnh cho bọn Thọ quận công Trịnh Hựu đem quân đánh dẹp, đuổi đến phường Đông Hà giết được Khắc Hải và quá nửa đồ đảng của hắn. những đồ đảng còn sót lại sang qua sông chạy lên núi Tam Đảo. Trịnh Hựu sai tì tướng đuổi đánh, giết hết bọn này.

Lời chầu - Vạn Thọ và Kính Thiên: Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb, XV, 14).

Cảnh Đức: Xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chb, XIX, 33).

Núi Tam Đảo: Xem Lê Nhân Tông năm Thái Hòa thứ 7 (Chb, XVIII, 18).

Đông Hà: Tên phường, thuộc huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội².

¹ Nay thuộc huyện Ứng Hòa tỉnh Hà Tây.

² Nay thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đại xá.**Đặt vệ quân Thiên Võ và Thánh Oai.**

Đặt hai vệ Thiên Võ và Thánh Oai, ban thứ ở trên vệ Cẩm Y và Kim Ngô. Đổi hiệu lệnh lực sĩ làm thể sát lực sĩ; các vệ quân này đều túc trực ở điện Kim Quang.

Đặt lại tu Thường Xuyên xá nhân. Hồi đầu năm Quang Thuận (1460- 1469) đặt ti Thường Xuyên xá nhân; Khoảng năm Cảnh Thống (1498- 1504) bãi bỏ; đến nay đặt lại ti này.

Lời chua - Vệ Thiên Võ: Có 8 ti sở thuộc là lực sĩ các ti., Thân tả, Khâm Võ, Hải giá, Khu điện, Thần Nhuê, Phụng Nhật, Minh Oai và Hùng Tài.

Vệ Thánh Oai: Có 8 ti sở thuộc là lực sĩ các ti: Quyền Hựu, Bảo Oai, Thừa Hà, Chiết Điện, Hiệu Dũng, Quang Dao, Sắc Thiên, và Chính Lực. Chia ra tả và hữu túc trực điện Kim Quang.

Cẩm Y, Kim Ngô, Hiệu Lệnh lực sĩ và Thường Xuyên xá nhân: Điều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb, XX, 31, 33).

Ai Lao xin phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua từ chối không nhận.

Cục Mông, người Ai Lao, sai sứ thần đến Nghệ An dâng thư xin nộp giấy cam kết để được phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua mới lên ngôi, e rằng họ có ý dòm ngó nước ta, nên hạ chiếu chỉ từ chối.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ hai (Tb. IV, 9, 10).

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 16, 21, 23).

Tháng 8, mùa thu. Sao Thái Bạch đi ngang trời.**Tháng 10, mùa đông. Khởi phục¹ Lương Đắc Bằng kiêm chức Đông các học sĩ vào châu Kinh Diên². Đắc Bằng từ chối không phụng mệnh.**

Trước kia, Đắc Bằng giữ chức Lại bộ tả thị lang, vì có tang xin cáo quan về. Đến nay cho khởi phục. Đắc Bằng lấy cớ chưa đoạn tang, cố ý từ chối; nhân dâng 14 kế hoạch về việc trị bình. Đại lược nói: "Tôi nghe các vua thánh đời xưa không vì thiên hạ đã thái bình mà xao nhãng lòng răn sợ; bầy tôi hiền đời xưa không vì cơ vua mình đã là bậc thánh triết mà quên nhãng lòng khuyên can. Vì thế, nên đời Ngu Thuấn đã là thời đại thịnh trị yên vui, mà Bá Ích trình bày lời khuyên can thì nói: "Chớ ưa thích nhàn rỗi, chớ đắm đuối vui chơi, trong bụng chớ lúc nào trễ biếng công việc, chớ việc gì để bê trễ"³. Lời nói của Bá Ích tỏ ý lo lắng như việc nguy vong sắp xảy đến nơi. Đế Thuấn thu nhận lời nói này mà ngăn ngừa những việc đáng ngăn ngừa; do đấy mà Đế Thuấn thành một bậc đại thánh. Đời Hán Văn Đế, nhân dân đã giàu có lại đông đúc, mà Giả Nghị dâng bài sách, quả quyết nói: "Tình thế hiện nay không khác gì đốt lửa ở dưới đồng củi (mà người nằm lên trên), thật đáng sa nước mắt, thật đáng đau lòng⁴. Lời nói của Giả Nghị sợ hãi như họa loạn đã nảy mầm ra. Văn Đế thu nhận lời nói ấy, mà lo lắng những việc đáng lo lắng; do đấy mà Văn Đế thành một ông vua hiền.

"Bởi vì, người bầy tôi dâng lời nói, nếu không ân cần, không thống thiết, thì không sao giúp được trí sáng suốt của ông vua thu dùng lời nói của mình, người làm vua nghe lời khuyên, nếu không vui nhận, không ôn hòa thì không sao mở được con đường dâng lời can ngăn của bầy tôi trung trực.

¹ Xem chú thích số 2, chính biên quyển XXV, tờ 21.

² Nơi vua chúa đọc sách.

³ Nguyên Văn: "Võng du du vật, võng dâm vu lạc, vô đại vô hoang: (Thiên "Đại vũ mô" sách Thượng thư quyển 2, tờ 4).

⁴ Nguyên văn: "Thổ hòa tích tân, khả vị lưu thể, khả vị thống khóc ".

Nay bệ hạ là bậc đức nhân rộng rãi, độ lượng cao cả, không ưa việc giết hại người, cho nên khôi phục được sự nghiệp đức Cao Tổ¹ cứu sống được tính mạng muôn dân. Nhân dân trong nước, như đương bị treo ngược mà có người cỡi dây cho mình, không ai là không vươn vổ lên kiểng chân lên, ngửa mặt để trông mong thành hiệu của chính thể mới, múa hát thịnh trị trong thời thái bình.

Nhưng, từ khi bệ hạ lên ngôi tới nay, khí hậu chưa được hòa thuận, can qua chưa được dẹp yên, kỷ cương trong triều chưa chấn chỉnh, chính lệnh về quân ngũ chưa sửa sang. Cứ xem ít lâu nay tai biến thường xảy ra, đá ở núi bị sụt lở, tôi e rằng như thế là khí hậu trời đất chưa được điều hòa; kẻ gian tà vụng trộm phát sinh, bọn phản nghịch ngấm ngấm trối dậy, tôi e rằng như thế thì dân sự chưa được an ninh. Thế mà bầy tôi trong triều biết mà không nói, họ tự cho kể của họ là hay lắm, nhưng đối với quốc kế thì sao ?

Là một bầy tôi cố cựu, tôi tự xét lấy làm hổ thẹn, vì đạo nghĩa người bầy tôi là phải cùng nước chung sự vui buồn. Nay dẫu tôi đương ở trong lúc xô gai, tang ba năm chưa đoạn, mà bệ hạ vì nghĩa công, bỏ tình riêng, đặt tôi vào hàng quan hầu chức bên cạnh. Ý bệ hạ là muốn cho tôi có những bàn luận, những mưu mô, để bổ ích cho thiên hạ, giúp rập đời thái bình. Nếu tôi không nói, chỉ trơ trơ theo đuôi người khác, thấy người ta tiến cũng tiến, lui cũng lui, cầu thả để dung thân, ăn phí hoài bổng lộc, thì tôi sẽ thiếu sót cả trung lẫn hiếu, còn lấy gì để báo đáp ơn huệ của bệ hạ mà hết chức phận người làm tôi được nữa ? Mỗi lần tôi nghĩ đến công việc trong lúc này, thì suốt đêm không ngủ, đến bữa không ăn, tấm lòng kẻ hèn hạ báo đáp ơn vua không thể nào nguôi đi được.

Tôi xin có 14 chính sách về việc trị bình, xin kính cẩn tâu bày dâng nộp:

- Hết lòng răn sợ, để dập tắt biến cố tai dị.
- Dốc làm điều hiếu thảo, để khuyến miễn lòng trung hậu.
- Xa bỏ hát hay sắc đẹp, để giữ vững căn bản lòng người.
- Trừ bỏ kẻ gian nịnh, để nguồn gốc phong hóa được trong sạch.
- Dè dặt ban quan tước, để kính cẩn về phép tể khuyển răn.
- Lựa chọn bổ dụng công bằng, để con đường làm quan được trong sạch.
- Dùng tiền tài có tiết độ, để khuyến miễn phong tục sên nhạt, mộc mạc.
- Khen thưởng người tiết nghĩa, để trọng đạo cương thường.
- Cấm ăn của dút, để trừ bỏ thói tham ô.
- Sửa sang vũ bị, để vững vàng hình thể thành hào.
- Lựa chọn người can ngăn ở Ngự sử đài, để cổ vũ chí khí người mạnh dạn dâng lời nói thẳng.
- Giảm nhẹ việc lực dịch, để hài lòng mong nuốn của dân.
- Hiệu lệnh đúng đắn, để thống nhất ý chí bốn phương.
- Cẩn thận phép tắc, để mở thịnh trị đời thái bình

"Bấy nhiêu chính sách tôi dâng tâu, dám mong bệ hạ soi xét.

Tôi lại nghe: cổ ngữ nói: "Sô nghiêu chi ngôn, thánh nhân trạch yên ", nghĩa là đầu lời nói của người tầm thường như người hái rau hái củi, nhưng người thánh trí cũng chọn lọc mà dùng; kinh Thư nói: "Tri chi phi gian, hành chi duy gian ", nghĩa là biết được điều phải không khó, thực hành được điều phải mới là khó. Xin bệ hạ chớ cho lời nói của tôi là viển vông, mà lựa chọn thi hành, răn những điều nên răn, lo những điều nên lo, như thế thì may ra có thể thuận hòa được trời đất, có thể yên vui được lòng người và có thể tiến lên đời thái bình được ".

¹ Chỉ Lê Thái Tổ.

Nhà vua nhận lời.

Gia phong Lê Quang Độ chức Bình chương quân quốc trọng sự, thái tử thái sư, giữ tất cả chính quyền trong nước.

Hồi đầu triều Lê, theo chế độ cũ nhà Trần, đặt chức tướng quốc, gia phong bình chương quân quốc trọng sự. Khoảng năm Hồng Đức (1470 - 1497) thánh Tông định lại tên quan, bãi bỏ chức ấy; đến nay lại đặt và gia phong thái tử thái sư.

lời cần án: - Theo mục "Chức quan chí" trong lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì chức tể tướng: về hồi triều nhà Đinh xếp đặt như thế nào không thể khảo cứu rõ được. Đến Lê Đại Hành mới đặt chức tổng quản giữ mọi công việc trong nước, có lẽ đây là chức tể tướng lúc bấy giờ. Triều Lý, Thái Tổ gọi là tướng công; Thái tông mới đặt chức phụ quốc thái úy nắm chính quyền trong nước, tức là tể tướng; Nhân Tông gia phong phẩm trật của tể tướng là bình chương quân quốc trọng sự, thì chức trách và danh phận càng thêm long trọng.

Triều nhà Trần, Thái Tông đổi làm tả hữu tướng quốc kiêm thụ kiểm hiệu đặc tiến khai phủ nghi đồng tam ti bình chương sự; từ năm Kiến Trung (1225 - 1231) trở đi, đều dùng thân vương trong họ tôn thất giữ chức này và gia phong quốc công; còn những người hiền tài ở họ khác, họ xa, đều được cất nhắc vào địa vị giữ chính quyền cũng chưa từng bao giờ được dự vào hàng bình chương cả. Như thế là có ý chú trọng về việc thân yêu người thân thích của mình; sau đó, họ ngoại chuyên quyền, đi dần đến chỗ thay đổi ngôi vua¹.

Lê Thái Tổ lúc đầu cũng đặt chức bình chương, sau khi bình định cả nước mới đặt chức tướng quốc và gia phong phẩm trật là kiểm hiệu bình chương quân quốc trọng sự, chức trách và danh phận cũng theo như triều nhà Trần; Lê Thánh Tông định tên quan, mới bỏ chức bình chương tướng quốc, không xếp đặt thành tên quan nữa. Đến nay đặt lại chức bình chương phụ tướng, lại có danh xưng là thái tử thái sư. So với trước kia thì chức trách và danh phận của quan bình chương có phần thêm long trọng; nhưng do đây mà kẻ cường thần chuyên giữ mệnh lệnh trong nước², con đường suy loạn bắt đầu từ đây.

Dựng điện Thiên Quang.

Tân Mùi, năm thứ 3 (1512). (Minh, năm Chính Đức thứ 6).

Ngày mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Nhà vua hạ lệnh cho Thụy quận công Ngô Bính và Kim nguyên bá Trịnh Bá Quát ở lại Kinh thành, trấn giữ Đông Kinh. Lúc ấy có Thân Duy Nhạc, trước giữ chức đoán sự trong vệ Cẩm Y, cùng bọn Ngô Văn Tổng dấy quân làm loạn ở các huyện Yên Phú, Đông Ngàn, và Gia Lâm thuộc Kinh Bắc, bọn Ngô Bính và Trịnh Bá Quát sai quân đi đánh, bắt được bọn Duy Nhạc, đóng cũi giải đến chỗ hành tại, giết chết.

Lời chua - Tây Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Kinh Bắc: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 18, 28).

Đông Ngàn: Tức Cổ Pháp, xem Lê đế Long Đinh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. VII, 6).

Gia Lâm: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 34).

Yên Phú: Huyện Yên Phong xưa, thuộc phủ Bắc Giang, khoảng niên hiệu Hồng Đức đổi làm Yên Phú, thuộc phủ Từ Sơn, đến đời Lê Chiêu Tông sau đây khoảng niên hiệu Quang Thiệu (1516 - 1522) lại đổi làm Yên Phong.

¹ Chỉ Hồ Quý Ly.

² Chỉ Mạc Đăng Dung.

Thân Duy Nhạc: Người xã Đại Liễu, huyện Vũ Ninh, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) năm Đoan Khánh đời Uy Mục đế.

Trong tháng ấy (tháng 2), nhà vua trở về cung.

Nhà vua về đến bến Thúy Ái, lúc ấy gió nổi lên mạnh quá, thuyền nhà vua bị tròng thành.

Tháng 4, mùa hạ. Sách Đại Việt thông giám đã biên soạn xong.

Trước đây, Vũ Quỳnh, Binh cộ thượng thư, Quốc Tử giám tư nghiệp kiêm sự quan đô tổng tài, phụng chiếu biên tập sách Đại Việt thông giám, chép từ Hồng Bàng thị đến mười hai sứ quân làm Ngoại kỷ, từ Đinh Tiên Hoàng đến năm thứ nhất Lê Thái Tổ bình định được cả nước làm Bản kỷ, trình bày rõ ràng theo sự biên niên các triều đại, gồm 26 quyển. Đến nay, biên tập xong, dâng nộp. Sau nhà vua hạ lệnh cho Lê Tung làm bài "Tổng luận".

Lời chua - Vũ Quỳnh: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn¹ năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Phong Mạc Đăng Dung tước Vũ Xuyên bá.

Lúc ấy, người giữ việc xem xét khí tượng phần nhiều nói là ở phương đông có khí sắc thiên tử. Nhà vua sai Nguyễn Văn Lang đi Đồ Sơn để trấn yểm. Đăng Dung cũng dự vào cuộc đi này mà chung quy không ai nhận biết cả.

Lời chua - Đồ Sơn: Tên xã, thuộc huyện Nghi Dương, phủ Kiến Thụy, tỉnh Hải Dương.

Ban phát Trị Bình bảo phạm (khuôn phép quý báu về việc trị bình) cho trong nước.

Sưu tầm điển lệ đời trước, trích lấy những điều gì có quan hệ đến chính trị, phong tục biên tập làm Trị bình bảo phạm:

- Người bầy tôi thờ vua nên giữ lòng trung thành lương thiện, không nên a dua để mong được vua dung nạp, cầu may tiến lên chức vị, ăn hại bổng lộc triều đình.
- Người trong hoàng tông và bầy tôi có công nên dạy bảo con cháu hiểu biết lễ phép, không nên cậy thế kiêu ngạo, lấn áp ngược đãi với dân thường, hoặc đón đường chặn lối, ăn cướp tài sản của dân.
- Các nha môn trong kinh và ngoài các đạo nên giữ mình đứng đắn để dẫn đầu cho liêu thuộc, kính cẩn chăm chỉ chức phận, không nên theo ý muốn của mình, buông thả tình riêng mà trễ bỏ việc công.
- Bộ Lại nên kính cẩn giữ lễ công bằng, phải cân nhắc từng người trong khi bổ dụng, phải cẩn thận dè dặt trong việc cấp phát danh vị hoặc đồ dùng² để cho con đường làm quan được trong sạch.
- Giám sinh, nho sinh, và sinh đồ³ phải noi theo khuôn phép nhà trường, luyện tập học hành, mong trở thành người tài giỏi, để bổ ích cho công việc trong nước.
- Các quan đề điều, giám thí và giám khảo⁴ nên thể theo ơn đức chí ý của triều đình, giữ lòng công bằng, cốt sao lấy được người có tài thực học, để nhà nước dùng.

Trị bình bảo phạm gồm 50 điều, ban hành trong cả nước.

¹ Vũ Quỳnh đỗ tiến sĩ năm Mậu Tuất (1478) Hồng Đức thứ 9. Cương mục chép lầm là Mậu Thìn.

² Tiêu chuẩn các viên quan được dùng xe, kiệu, võng lọng v.v...

³ Xem lời chua Cương mục, quyển XIX, tờ 21, 22.

⁴ Các viên chánh phó chủ khảo và các viên được cử đi chấm tuyển học trò trong các khoa thi. Xem thêm lời chua ở Cương mục quyển XXXIV tờ 8.

Tháng 5. Gia phong Lê Phụ chức tả bình chương quân quốc trọng sự, nhập nội kiểm hiệu thượng tướng¹; Nguyễn Văn Lang chức khai phủ nghi đồng tam ti bình chương quân quốc trọng sự thừa tướng thượng tể².

Tháng 11, mùa đông. Trần Tuân ở Sơn Tây nổi loạn, nhà vua sai Trịnh Duy Sản đi đánh, giết được Trần Tuân.

Tuân, người xã Quang Bị, huyện Bất Bạt, là cháu Trần Cẩn, một viên Thượng thư đã mất, Tuân là người hung hãn chiếm cứ các động ở ven núi vùng Hưng Hóa, tụ tập quân vô lại³ kể hàng vạn người, tung ra cướp bóc các nơi. Lúc ấy quân của Tuân di chuyển về mặt Sơn Tây, nhân dân ở kinh thành náo động, tranh nhau bỏ con bế cái chạy đi nơi khác lánh loạn. Nhà vua sai Mỹ Huệ hầu Trịnh Duy Sản đem quân tiến đánh, bị thua, Duy Sản rút quân về giữ ở xã Đông Ngạc và phường Nhật Chiêu. Quân của Tuân nhân khí thế đương mạnh, muốn tiến sát vào kinh thành. Nguyễn Văn Lang sai quân thân tín ở 6 Vệ Điện Tiền chuẩn bị thuyền của vua, muốn rước vua lánh vào Thanh Hoa; một mặt điều động những người làm thợ tại các sở, bày hàng trận ở Đông Hà, để tỏ cho bên địch biết có quân phòng bị giữ kinh thành. Đến đêm, toán quân này tự nhiên sợ hãi tan vỡ.

Duy Sản thu thập toán quân tan vỡ lại còn được hơn 30 người, họ xé áo làm dấu hiệu, thề đánh nhau với giặc. Hôm ấy, trời đã gần tối, quân của Duy Sản chợt kéo đến trại lũy Trần Tuân. Tuân, mình mặc áo bào đỏ, ngồi trên giường. Duy Sản xông thẳng vào đâm chết. Quân trong trại bèn tan vỡ. Các toán quân nơi khác không biết là Tuân đã chết, cứ tụ hợp như cũ. Nhà vua được tin báo, bèn sai Nguyễn Văn Lang đốc thúc tướng sĩ các dinh hội hợp với toán quân của Duy Sản, nổi trống hò reo tiến đánh, phá tan được bọn này, đuổi đến địa phận xã Thụy Hương và Quả Động, chém giết không biết bao nhiêu mà kể.

Lời chua - Sơn Tây, Hưng Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 18, 19, 27, 30).

Bất Bạt: Tên huyện, thuộc phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây.

Đông Ngạc⁴ Thụy Hương⁵ Quả Động⁶: Đều tên xã, nay thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội.

Ngày Chiêu: Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb. XXV, 37).

Phong Trịnh Duy Sản tước Nguyên quận công.

Nhà vua xét công những người đánh được Trần Tuân, tiến phong Trịnh Duy Sản tước Nguyên quận công; những binh sĩ nào theo Duy Sản đánh giặc chém giết được nhiều người, đều giao cho chức đô chỉ huy đồng tri. Việc xét quân công, cứ người nào cắt được nhiều tai giặc thì trao cho chức trọng, bắt đầu từ đây.

Trước kia, quân của Trần Tuân tiến sát đến kinh thành, dân chúng phần nhiều bỏ con bế cái chạy lánh nơi khác, duy có đại học sĩ là bọn Đỗ Nhạc 11 người vẫn ứng trực ở triều đường, nay nhà vua hạ sắc lệnh cho được dự vào việc nghị thường để biểu dương họ.

Lời chua - Đô chỉ huy đồng tri: Theo điển lệ quan chức triều Lê, thì đô chỉ huy đồng tri phẩm trật tòng tam phẩm về hàng quan võ.

Định thể lệ thuế vàng và bạc.

¹ Như tể tướng đứng đầu triều.

² Cũng như tể tướng đứng đầu triều.

³ Người bơ vợ không nương nhờ vào đâu được, không có kế gì sinh sống.

⁴ Tục gọi là làng Vẽ. Nay là xã Đông Ngạc

⁵ Tục gọi làng Chèm. Nay thuộc xã Thụy Phương.

⁶ Nay thuộc xã Xuân Đỉnh. Cả 3 xã đều thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Theo thể lệ cũ, đồng niên trong nước, thuế vàng: vàng mười hạng tốt (thập thành sắc Kiêm kim) 460 lạng; vàng nộp để thay thế voi công¹ 20 lạng, vàng 10 hạng thường (thập thành sắc kim) 2863 lạng; thuế bạc 4930 lạng. Đến nay định thể lệ; vàng mười hạng tốt 449 lạng 5 phân 4 hào 6 ly; vàng mười hạng thường 2901 lạng 6 đồng 9 phân 5 ly 1 ti; bạc mười (thập thành hoa ngân) 6125 lạng 9 đồng 8 phân 8 hào 4 ly.

Lời phê - Lúc ấy đất đai chưa mở rộng, làm gì có số vàng nhiều như thế ? chưa chắc đã đúng sự thật.

Lời chua - Kiêm kim: Thứ vàng tốt, giá vàng này cao gấp đôi giá vàng thường.

Nhâm Thân, năm thứ 4 (1512). (Minh, năm Chính Đức thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho bọn Đỗ Nhạc tuần hành địa phương Sơn Tây và Hưng Hóa đánh bọn Nguyễn Nghiêm, dư đảng của Trần Thuận, hết thấy đều bình định được.

Tháng 3. Truy lục dụng con cháu những bầy tôi có công khai quốc.

Tờ chiếu nói: Con cháu những bầy tôi có công khai quốc, người nào cần chìm đắm trong hàng quân ngũ thì được phép đem cáo mệnh hoặc sắc văn của ông cha đệ trình để xét thực. Nếu xét thấy là người biết chữ sẽ cho sung vào học sinh quán Chiêu văn; người không biết chữ cho sung vào tuần sĩ vệ Cẩm Y.

Người thân thích trong hoàng tộc, nhà vua còn phải để tang ti ma², nếu người nào chưa được thừa ả, sẽ chiếu theo thể lệ sung vào tuần sĩ vệ Cẩm Y, hoặc người nào trước đã sung vào các vệ, nay đều gọi về cho sung vào tuần sĩ để tỏ lòng ưu đãi quyền chú.

Lời chua - Học sinh, tuần sĩ: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XXIII, 5).

Bọn Lê Hi, Trịnh Hưng và Lê Minh Triệt ở Nghệ An nổi loạn. Nhà vua sai tướng đi đánh, giết được bọn này.

Bọn Hi và Hưng dấy quân ở Nghệ An. Nhà vua hạ lệnh cho bọn Khang quận công Trần Nghi và Đông các hiệu thư Trần Dực đi đánh. Binh thuyền của bọn Trần Nghi tiến vào Nghệ An, Hi và Hưng chia quân ra các đạo đặng trước đặng sau đánh khệp lại. Thế lực của bọn Trần Nghi không sao địch nổi, phải đi thuyền vượt ra biển, gặp sóng gió đổ thuyền, toàn quân bị chết, Trần Nghi và Trần Dực đều chết đuối ở biển. Bọn Lê Hi nhân thế thẳng, tiến quân đến sát huyện Lô Dương. Nhà vua lại hạ lệnh cho Nguyên quận công Trịnh Duy Sản thống lĩnh quan quân, Đỗ Nhạc tán lý việc quân, đem binh sĩ đi đánh, chém được Minh Triệt,, bắt được bọn Lê Hi và Trịnh Hưng đóng cũi đưa về Kinh sư, rồi giết chết.

Trước kia được tin bọn Lê Hi xâm phạm sát đến huyện Lô Dương, nhà vua vội vàng hạ lệnh cho trăm quan hội bàn, điều động hợp tập dân tứ chiếng phân phối phụ thuộc vào số binh lính các xứ để phòng bị việc đánh dẹp. Đến nay đã đánh tan được giặc, nên buông thả cho bọn này trở về làng cũ.

Lời chua - Lô Dương: Xem Bình Định vương năm thứ nhất (Chb. XIII, 2).

Trần Dực: Người xã Ngải Lăng, huyện La Sơn, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Tứ Chiếng: Xem Lê Thế Tông năm Quang Hưng thứ 20 (chb. XXX, 21).

Hạn hán; dân bị nạn đói to.

Khởi công dựng đại điện và cửu trùng đài.

¹ Nguyên văn "đại nạp công tượng có lễ lúc bấy giờ triều đình hạ lệnh cho địa phương nào đó phải nộp voi, nếu không có voi thì phải nộp vàng để thay thế.

² Tang 3 tháng, một thứ tang nhẹ nhất trong hàng ngũ phục.

Trước đây, Vũ Như Tô một người thợ ở Cẩm Giàng, xếp cây mía làm thành kiểu mẫu cung điện lớn trăm nóc, dâng lên nhà vua; nhà vua bằng lòng phong cho Như Tô làm đô đốc đứng trông nom việc dựng hơn trăm nóc cung điện lớn có gác, lại khởi công làm cửa trùng đài. Mặt trước điện đào hồ thông với sông Tô Lịch, vòng quanh khuất khúc, mở thông cửa cống. Nhà vua bắt thần ngự thuyền Thiên Quang đi chơi xem suốt ngày đêm. Quân sĩ trong Ngũ phủ làm việc xây đắp chưa được thành công, lại bắt quân sĩ các nha môn ở trong và ngoài kinh thành làm việc lấp hồ, san đất, khi nhà vua đi chơi, thấy người nào làm vừa ý thì thưởng cho thẻ bài vàng hoặc bạc. Có khi công việc đã làm xong rồi lại thay đổi làm lại; sửa sang xây dựng hết năm này sang năm khác. Quân và dân phải đi làm việc bị bệnh dịch, chết mất khá nhiều.

Lời chua - Vũ Như Tô: Người xã Minh Quyết, huyện Cẩm Giàng.

Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31).

Tháng 10, mùa đông. Truy trả lại quan chức Ngự sử đài đô ngự sử cho Dương Trực Nguyên.

Trước đây, nhà vua dấy quân từ Tây Đô tiến đến núi Thiên Kiện, Uy Mục để sai Ngự sử đài đô Ngự sử Dương Trực Nguyên giữ chức tán lý việc quân đem quân đi chống cự, vì đánh không được, Trực Nguyên phải tử trận¹. Đến nay, nhà vua khen Trực Nguyên là người trung, nên truy trả lại quan chức.

Lời chua - Núi Thiên Kiện: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 6 (Chb. X, 17).

Dương Trực Nguyên: Người xã Thượng Phúc, huyện Thượng Phúc, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Quý Dậu, năm thứ 5 (1513). (Minh, năm Chính Đức thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Thờ tướng thượng tể Nguyễn Văn Lang mất.

Nguyễn Văn Lang là em Trường Lạc hoàng thái hậu. Văn Lang thông hiểu thao lược, sành sỏi phép dụng binh, giỏi cả việc suy nghiệm thời trời, sức có thể đánh được hổ. Trước đây, nhà vua dấy quân ở Tây Kinh, Văn Lang sừng xuất việc nghĩa trước nhất, kéo quân về bình định được Đông Đô; vì có công lớn, được phong tước Nghĩa quốc công. Đến nay Văn Lang mất, được tặng phong tước Nghĩa Huân vương, việc táng, việc lễ đều được dùng lễ nghi của vua chúa và được đúc tượng bằng loại kim.

Sứ thần nhà Minh sang nước ta.

Nhà Minh sai Trạm Nhược Thủy, Hàn Lâm viện biên tu, làm chánh sứ và Phan Hi Tăng, Hình khoa cấp sự trung, làm phó sứ, mang sách thư phong nhà vua tước An Nam quốc vương và ban cho một cỗ mũ bì biên², một cặp áo thường phục. Sau khi Hi Tăng đã yết kiến nhà vua rồi, ra bảo với Nhược Thủy rằng: "Quốc vương dong mạo đẹp nhưng lệch mình, tính đa dâm, trông như tướng con lợn, chả bao lâu nữa sẽ bị loạn vong ". Khi sứ thần ra về, nhà vua tiễn đưa hành lý khá hậu, nhưng họ đều không nhận. Sau đó, nhà vua sai Nguyễn Trang, Lễ bộ hữu thị lang, Nguyễn Si, Hàn Lâm viện kiểm thảo, và Trương Phu Duyệt, Lễ khoa cấp sự trung, sang nhà Minh đáp lễ và tạ ơn.

Lời chua - Nguyễn Trang: Người làng Thượng Thanh Oai, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Nguyễn Si: Người làng Lý Hải, huyện Yên Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) năm Đoan Khánh đời Uy Mục đế.

Trương Phu Duyệt: Người làng Kim Đâu, huyện Thanh Miện, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) năm Đoan Khánh.

¹ Xem thêm chính biên quyển XXIV, tờ 34.

² Xem chú thích số 2, chính biên quyển XXIV, tờ 24 về mũ bì biên.

Tháng 2. Dựng điện Mục Thanh và làm hai nhà Giáp Đường ở phía đông và phía tây điện.

Trước kia, sắp đặt bài vị thờ tiên tổ như thế này:

Điện Phụng Tiên: ở giữa thờ Thái Tổ Cao Hoàng đế, bên tả thờ Tuyên Tổ hoàng đế, bên hữu thờ Hiến Tổ hoàng đế, phía đông bên tả chỗ đặt bài vị Tuyên Tổ thì thờ Thái Tông, Thánh Tông và Túc Tông, phía tây về bên hữu chỗ đặt bài vị Hiến Tổ thì thờ Nhân Tông, Hiến Tông và Đức Tông.

Nhà Hiếu Kính: về phía đông thờ Hiếu Chiêu đại vương và Quận Ai vương, về phía tây thờ Trung Dũng vương.

Đến nay, ở đằng trước điện Phụng Tiên dựng điện Mục Thanh và làm hai nhà Giáp Đường ở bên đông và bên tây điện ấy. Bên đông gọi là nhà Chương Đức, để thờ Phụ Chiêu Hiếu đại vương, Quận Ai Vương, Lương Vương, Đường Vương, Diễn Vương, Ứng Vương, và Triệu Vương; bên tây gọi là nhà Chiêu Huân, để thờ phụ Trung Dũng Vương, Cung Vương, Tống Vương, Phúc Vương, Quảng Vương, Trấn Vương, Nghĩa Vương và Kinh Vương.

Lời cần án - Thiên "Vương chế" trong sách Lễ Ký chép: "Thiên tử có bảy miếu thờ tiên tổ; ba miếu thờ hàng chiêu¹, ba miếu thờ hàng mục², cùng với miếu thờ ông thái tổ là bảy miếu".

Giải thích lễ nghi chép ở trên, Chu tử dẫn lời bàn của Hán Nho³ để giải nghĩa rằng: "Bảy miếu thờ tiên tổ của thiên tử: miếu ông thái tổ ở phương bắc, ông tổ nào là vị vua được phong trước nhất thì thờ ở miếu ấy; bên tả miếu ấy là miếu thờ hàng chiêu; bên hữu miếu ấy là miếu thờ hàng mục, theo thứ tự mà hướng mặt về phương nam. nói riêng về nhà Chu, họ lấy ông Hậu Tắc là vị vua được phong đầu tiên làm thái tổ. Bài vị của thái tổ dẫu trăm đời cũng không di dịch, còn về hàng chiêu, hàng mục nếu đã xa đời quá thì thay đổi bài vị đi. Về bên hàng chiêu, nếu bài vị ông vua đời thứ hai mà thay đổi đi, thì đem bài vị ông vua đời thứ sáu thờ phụ vào hàng ấy; về bên hàng mục, nếu bài vị ông vua đời thứ ba thay đổi đi, thì đem bài vị ông vua đời thứ bảy thờ phụ vào hàng ấy. Chỉ có Văn vương và Vũ vương bắt đầu chịu mệnh trời làm thiên tử, công lao đáng được tôn kính, thì dẫu xa đời nhưng vẫn không thay đổi bài vị, bởi thế, nên về sau nhà Chu lại dựng thêm hai miếu thờ Văn vương và Vũ vương làm "miếu bất diêu"⁴, mà những bài vị thờ ở miếu bên cạnh không được dự thờ ở miếu ấy. Từ đời nhà Hán, nhà Đường trở về sau, mỗi đời có một chế độ riêng, châm chước thêm bớt, theo thời để thay đổi cho thích hợp, nhưng ý nghĩa chính thì đều không vượt qua nghi lễ đã nói trên.

Nhà Lê, về miếu thờ tiên tổ không rõ ràng, thứ tự hàng chiêu, hàng mục không phân biệt. Trước kia dựng một điện Phụng Tiên, thờ Thái Tổ ở giữa; Tuyên Tổ ở phía tả, Hiến Tổ ở phía hữu; bên đông về phía tả chỗ thờ Tuyên Tổ thì thờ Thái Tông, Thánh Tông, và Túc Tông; bên tây về phía hữu chỗ thờ Hiến Tổ thì thờ Nhân Tông, Hiến Tông, và Đức Tông. Nay, người con cháu thánh trí đến đâu cũng không bao giờ lại hưởng lễ trước cha. Nay một điện Phụng Tiên, ở giữa dùng để thờ Thái Tổ, mà hai bên tả và hữu thì thờ hai ông tổ, như thế chẳng phải thờ tự một cách trái ngược à? Huống hồ Thánh Tông là con Thái Tông mà cũng đặt bài vị ở bàn thờ về phía đông; Hiến Tông đối với Nhân Tông là về hàng cháu⁵ mà cũng đặt bài vị ở bàn thờ về phía tây. Thế là nghi lễ gì? Miếu hiệu Đức Tông, mãi sau này mới được truy tôn, lúc còn sống chưa từng ở ngôi vua bao giờ, cũng đem thăng lên miếu điện, cùng tôn thờ ngang với các vua khác. như thế có hợp lễ không? Lại còn một việc này nữa: đằng trước điện Phụng Tiên có một nhà Hiếu Kính, chia ra bên đông bên tây để thờ các vị được phong tước vương, thì việc này lại rất là lầm lẫn càn rỡ. Còn như việc Tương Dực để dựng điện Mục Thanh ở đằng trước điện Phụng Tiên, làm nhà

¹ Hàng Chiêu thờ những vua đời thứ hai, thứ tư, và thứ sáu; hàng mục thờ những vua đời thứ ba, thứ năm và thứ bảy. Vì chia ra hàng chẵn hàng lẻ như thế, nên ở dưới đoạn văn này mới chép bài vị ông vua đời thứ hai thay đổi đi, thì đem bài vị vua đời thứ sáu thờ phụ vào nếu bài vị vua đời thứ ba thay đổi đi, thì đem bài vị vua đời thứ bảy thờ phụ vào.

² Nt.

³ Túc Lưu Hâm, người đời Tây Hán.

⁴ Ngôi miếu thờ bài vị không bao giờ di dịch. (Những chú thích trên, chúng tôi tham khảo sách Lễ Ký đại toàn quyển V, tờ 25, 26).

⁵ Hiến Tông là con Thánh Tông; Thánh Tông và Nhân Tông đều là con của Thái Tông, nên Hiến Tông gọi Nhân Tông bằng chú ruột.

giáp đường ở bên đông, bên tây điện ấy, rồi lại đem thờ phụ các tước vương về ngành thứ, để cùng tế tự chung trong lễ tiết hàng năm, thì việc thất lễ này là do thất lễ từ trước để lại, không cần phải biện luận làm gì nữa!

Lời chua - "Để hệ truyện " trong Thông Sử của Lê Quý Đôn chép:

Hiển Tổ tên húy là Thịnh, sinh ra Tuyên Tổ, Tuyên Tổ tên húy là Khoáng, sinh ra Thái Tổ. Chiêu Hiếu đại vương tên là Học, con trưởng của Tuyên Tổ và là anh của Thái Tổ. Quận Ai Vương tên là Tư Tề, con trưởng của Thái Tổ. Cung Vương tên là Khắc Xương, trước phong là Tân Bình vương, Nghi Dân đổi phong là Cung vương. Trung Dũng vương tên là Thạch, con của Chiêu Hiếu đại vương. Lương Vương tên là Thuyên, Đường vương tên là Cảo, Diễn vương tên là Thông, Ứng vương tên là Chiêu, Triệu vương tên là Thoan, Tống vương tên là Tung, Phúc vương tên là Tranh, Quảng vương tên là Táo, Trấn vương tên là Hình, Nghĩa vương tên là Cảnh, Kinh vương tên là Kiện; đều con của Thánh Tông. Đức Tông tức Kiến vương Tông, năm Quang Thiệu thứ 2 (1517) đời Chiêu Tông, truy tôn làm Kiến hoàng đế, miếu hiệu Đức Tông¹.

Tháng 6, mùa hạ. Có thủy tai lớn.

Nước phá vỡ đê ở phường Yên Hoa và thông sang Tây Hồ.

Lời chua - Phường Yên Hoa: Nay là phường Yên Tĩnh, ở huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội².

Tây Hồ: Tức Lăng Bạc. Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 11).

Bổ dụng Nguyễn Mậu làm hiến sát Sứ ở Thanh Hoa.

Hàn lâm viện kiểm thảo Nguyễn Mậu là người nghiêm thẳng. Nhà vua thường sai người hái lấy hoa gạo, Mậu dâng sớ can, làm trái ý nhà vua, vua sai viên trung sứ đánh đòn. Đến nay cho thăng chức hiến sát sứ ở Thanh Hoa.

Lời chua - Nguyễn Mậu: Người làng Du La, huyện Thanh Hà, đỗ tiến sĩ khoa Nhân Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Giáp Tuất, năm thứ 6 (1514). (Minh, năm Chính Đức thứ 9).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Nhà vua tự mình cày ruộng tịch điền, cái cày bị gãy.

Tháng 5, mùa hạ. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày.

Có thủy tai lớn.

Mực nước tràn lên quá cao, hồ ao trong kinh thành có thứ rắn lớn xuất hiện đến 20 ngày, nhà vua phải cho đốt pháo, mở cờ, đánh trống để khu trừ, sau thứ rắn ấy mới đi.

Đắp thành chặn ngang sông Tô Lịch.

Nhà vua thích mở mang việc thổ mộc; đắp thành rộng hàng mấy ngàn trượng bao bọc cả điện Tường Quang, quán Chân Vũ và chùa Kim Cổ Thiên Hoa; thành đắp từ phía đông nam đến phía tây bắc, chặn ngang sông Tô Lịch, bên trên đắp hoàng thành, bên dưới mở cửa cống, xây bằng gạch đá, dùng sắt chèn suốt bề ngang. Lại làm thuyền chiến để đi chơi hồ Tây, bắt phụ nữ cỡi trần bơi chèo để vui chơi thỏa thích.

Lời chua - Điện Tường Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ nhất (Chb. XIX, 5).

¹ Hiến Tông là con Thánh Tông; Thánh Tông và Nhân Tông đều là con của Thái Tông, nên Hiến Tông gọi Nhân Tông bằng chú ruột.

² Nay là phường Yên Phụ thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội.

Quán Chân Vũ: Thuộc phường Thụy Chương, huyện Vĩnh Thuận tỉnh Hà Nội¹.

Chùa Thiên Hoa: Nay không rõ ở đâu.

Giết hơn 10 người trong họ tôn thất.

Vì nghe lời tâu bịa đặt của hiệu úy là Hữu Vĩnh (không rõ họ), nhà vua giết 15 người vào hàng tước vương, tước công trong họ tôn thất. Lại triệu cung nhân của Mẫn Lệ² và cung nhân triều trước để tư thông.

Ất Hợi, năm thứ 7 (1515). (Minh, năm Chính Đức thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Phùng Chương ở Sơn Tây nổi loạn. Nhà vua sai Tướng đi đánh, dẹp yên được.

Phùng Chương chiếm cứ núi Tam Đảo nổi loạn. Nhà vua hạ lệnh cho Thụy quận công Ngô Bính và Nguyên quận công Trịnh Duy Sản làm đô tướng, đô ngự sử Phạm Khiêm Bính giữ chức tán lý quân vụ, đem quân đi đánh. Chương bị thua chạy trốn.

Lời chua - Phạm Khiêm Bính: Người làng Lãm Sơn, huyện Quế Dương, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Tháng 2. Nhà vua xem tập trận ở Định Công, rồi vào chơi nhà Lê thị là vợ Uy Mục đế.

Lời chua - Định Công: Tên xã, thuộc huyện Thanh trì, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội³.

Tháng 8, mùa thu. Có thủy tai lớn đến mãi tháng 9.

Đặng Hân và Lê Hât ở Thanh Hoa nổi loạn. Nhà vua sai quân đi đánh, dẹp yên được.

Bọn Hân và Hât nổi loạn ở huyện Ngọc Sơn thuộc Thanh Hoa. Nhà vua hạ lệnh cho tướng thống lĩnh quân sĩ và dùng Đỗ Nhạc giữ chức tán lý quân vụ, đi đánh, dẹp yên được.

Lời chua - Ngọc Sơn: Tên huyện, thuộc phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Bính Tý, năm thứ 8 (1516). (Từ tháng 4 trở đi thuộc Lê Chiêu Tông năm Quang Thiệu thứ nhất - Minh, năm Chính Đức thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Trần Công Ninh ở Yên Lãng nổi loạn. Nhà vua tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được.

Công Ninh, vọng trộm chiếm cứ Yên Lãng. Nhân lúc ấy quân các vệ hạp cả ở kinh thành, nhà vua bèn hạ lệnh cho Đỗ Nhạc ở lại giữ kinh thành, rồi thân hành đem văn võ đại thần và đô đốc trong năm phủ theo hầu, tiến quân đóng hành tại ở Nhị Hà, ra lệnh cho các tướng qua sông tiến đánh, quân giặc bị thua to. Sau, luận bàn công đánh giặc của tướng sĩ, đều trao cho quan chức cao thấp khác nhau.

Lời chua - Yên Lãng: Tên huyện, thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây⁴.

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb, II, 13).

Tháng 3. Có thủy tai lớn.

Trần Cao, người Thủy Đường, nổi loạn.

¹ Nay là đền Trấn Vũ ở cạnh hồ Tây.

² Tức Uy Mục đế, sau khi Tương Dực đế đã giết Uy Mục đế, giáng phong làm Mẫn Lệ công.

³ Nay là xã Định Công thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

⁴ Đất huyện Yên Lãng cũ, nay thuộc hai huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và Sóc Sơn (Hà Nội).

Cao làm Thuần Mĩ điện giám thấy lời sấm nói: "Phương đông có khí sắc thiên tử", bèn ngầm lập mưu làm việc trái phép, dụ dỗ họp tập những người bỏ làng trốn tránh, giả mạo xưng mình là cháu huyền tôn của vua Thái Tông nhà Trần và là ngoại thích của Quang Thục hoàng hậu. Hắn cùng với con là Cung và đồ đảng của bọn Phan Ất dấy quân ở chùa Quỳnh Lâm, chiếm cứ các huyện Thủy Đường và Đông Triều thuộc Hải Dương. Cao mặc áo màu đen, quân sĩ đều trọc đầu, tự xưng là "Đế Thích giáng sinh"; nhân dân nhiều người đi theo, quân sĩ có đến hàng vạn.

Lời chua - Chùa Quỳnh Lâm: Ở xã Hà Lôi, huyện Đông Triều.

Thủy Đường: Xem Đế Duy Phường, năm Vĩnh Khánh thứ 2 (Chb. XXXVII, 16).

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Thuần Mĩ điện giám: Không khảo cứu được. Minh sử thông giám kỷ sự chép; Cao giữ chức xã đường thiêu hương quan, không biết có đúng không ?

Trần Cao: Người làng Dưỡng Chân, huyện Thủy Đường.

Quang Thục hoàng hậu¹: Người làng Động Bàn, huyện An Định.

Phan Ất: Người Chiêm Thành, có một tên nữa là Đồng Lợi, nguyên là gia nô của Trịnh Duy Đại.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Trần Cao, Cao chạy đến Trâu Sơn. Nhà vua hạ lệnh cho bọn Phùng Trấn, Trịnh Khổng Chiêu và Trịnh Ngạc đem quân đi đánh; bọn này đánh không thắng được, bị tử trận.

Quân sĩ của Cao kéo từ các huyện Tiên Du, Quế Dương và Gia Lâm, xâm phạm đến bến Bồ Đề, vì mắc sông không qua sang được. Nhà vua thân ngự điện Tường Thọ chỉ huy các tướng là Lại Thúc Mậu Nguyễn Khắc Nhuận và Trịnh Hồng thống lĩnh quân, đi dò sang sông đánh ở làng Lâm Hạ. Trần Cao bị thua to, chạy đến Trâu Sơn. Nhà vua hạ lệnh cho Định quận công Phùng Trấn, Diên hưng bá Trịnh Khổng Chiêu và Phú Lộc bá Trịnh Ngạc đem quân đuổi đánh. Phùng Trấn và Khổng Chiêu mắc vào trong trận giặc đều chết. Trịnh Ngạc bị bắt, Trần Cao muốn đem quan chức trao cho Ngạc, nhưng Ngạc không chịu khuất phục, mắng chửi ầm ỹ, rồi bị chết. Nhà vua lại hạ lệnh cho An Hòa hầu Nguyễn Hoảng Dụ đi đánh, Hoảng Dụ đem quân đóng ở dinh Bồ Đề.

Lời chua - Điện Trường Thọ: Tức điện Quỳnh Vân, chưa rõ đích xác ở chỗ nào.

Tiên Du: Xem Thục An Dương Vương năm thứ 48 (Tb. I, 16).

Gia Lâm: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 34).

Huyện Quế Dương: Thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trâu Sơn: Sử cũ chép chữ "Trâu" là "Ngạc", thuộc xã Trâu Cầu, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Lâm Hạ: Tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên quận công Trịnh Duy Sản giết nhà vua ở hồ Chu Tước; thừa chi Nguyễn Vũ cũng bị Duy Sản giết.

Duy Sản vì thường can ngăn, làm trái ý vua nhà vua tức giận, sai đánh bằng trượng. Duy Sản bèn cùng Lê Quảng Độ, Trình Chí Sâm bàn mưu bỏ vua này lập vua khác. Họ chuẩn bị sửa soạn binh thuyền khí giới, hội họp ở bến Thái Cực, nói phao là đem đi đánh giặc; rồi nhân ban đêm họ đem quân Kim Ngô hộ vệ hơn ba ngàn người vào cửa Bắc Thần. Lúc lửa cháy, nhà vua ngỡ là giặc kéo đến, đi lên ra ngoài cửa Bảo Khánh; lúc tờ mờ sáng, đi qua cửa Thái Học đến hồ Chu Tước ở phường Bích Câu, gặp Duy Sản, nhà vua hỏi "giặc ở đâu". Duy Sản không trả lời, quay mặt đi đằng khác và cười ầm lên. Nhà vua quay ngựa chạy sang mặt tây, Duy Sản sai võ sĩ tên là Hạnh đâm nhà vua ngã ngựa rồi giết đi.

¹ Vợ Lê Thái Tông, mẹ Lê Thánh Tông.

Khâm Đức hoàng hậu cũng tự nhảy vào đồng lửa để chết. Quân sĩ đại hai thi thể về táng ở lăng Ngự Thiên. Duy Sản truất nhà vua làm Linh Ẩn vương. Nhà vua ở ngôi 8 năm, hưởng thọ 24 tuổi.

Vũ, người làng Thiên Mỗ, huyện Từ Liêm, bắt đầu đi theo quân khởi nghĩa¹ của nhà vua, sau làm quan Binh Bộ tả thị lang, rất được nhà vua yêu quý. Thi hội khoa Giáp Tuất (1514), văn của Vũ không trúng cách, nhà vua cho phép thi lại, bèn cất nhắc cho đỗ nhị giáp tiến sĩ. Làm quan, thăng dần đến Hình bộ thượng thư Kiêm Bảo Thiên điện đồng các đại học sĩ Hàn Lâm viện thừa chỉ vào châu Kinh Diên, ngày đêm Vũ ở trong nội điện uống rượu, đánh bạc, bị người đời khinh rẻ. Đến lúc nghe có binh biến, hấn bảo con hấn rằng: "Ăn lộc của vua, phải chết với hoạn nạn của vua", rồi vội vàng đi theo nhà vua, nên cũng bị Duy Sản giết.

Lời chua - Bến Thái Cực: Thuộc phường Thái Cực, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội².

Phường Bích Câu: Thuộc huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội³.

Hồ Chu Tước: Thuộc phường Bích Câu.

Ngự Thiên: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 17 (Chb. V, 8).

Khâm Đức hoàng hậu: Truyện Hậu Phi [trong thông sử] của Lê Quý Đôn chép. Hậu họ Nguyễn, con gái viên quản lãnh ở làng Văn Giang. Về sau đặt tên thụy là Đôn Tiết.

Trình Chí Sâm: Người làng Khúc Phố, huyện Vĩnh Xương, đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Hạnh: Sử cũ không chép rõ họ.

Trịnh Duy Sản rước tên Y, con trưởng của Cẩm Giang vương, vào triều đường lên ngôi vua, rồi đem đi Tây Kinh.

Duy Sản họp tôn thất và đại thần bàn định lập Quang Trị, con Mục Ý vương, nhưng Vũ Tá hầu Phùng Mại tranh luận, nên lập tên Y là tăng tôn (chắt) của Thánh Tông và là con của Cẩm Giang vương Sùng. Tường quận công Phùng Dĩnh sai lực sĩ giết Phùng Mại ở nhà nghị sự, bèn lập Quang Trị mới 8 tuổi, lập làm vua được 3 ngày, chưa kịp đổi niên hiệu, thì Trịnh Duy Đại rước vào Tây Kinh.

Nguyễn Hoảng Dụ đóng quân ở Bồ Đề, được tin Duy Sản bạo nghịch giết vua, liền đem quân qua sông, đốt hết phố xá trong kinh thành, chém Vũ Như Tô ở ngoài cửa thành. Lúc ấy Như Tô đương coi làm mầy nóc nhà đại điện chưa xong thì bị giết, mọi người đều chỉ trích chê cười, có người nhổ nước bọt vào thầy của hấn.

Bấy giờ Duy Sản lại cùng Lê Nghĩa Chiêu và tôn thất, đại thần những người vào hạng có công, hạng cố cựu rước tên Y lập làm vua. Y mới 14 tuổi. Bọn Duy Sản và Nghĩa Chiêu thấy kinh thành đã bị tàn phá, bèn cùng nhau rước vua về Tây Kinh. Quang Trị sau bị Duy Đại giết.

Lời chua - Mục Ý vương: Tên là Doanh, con của Kiến vương Tân, và là em của Cẩm Giang vương Sùng.

Trần Cao xâm phạm vào kinh thành. Đô lực sĩ Thiết Sơn bá Trần Chân dấy quân đánh Cao, nhưng không thắng được.

Nhà vua đã về Tây Kinh, Lê Quảng Độ bỏ chạy, đầu hàng Trần Cao. Nhân dân rối loạn, tranh nhau lấy vàng bạc của cải và đồ vật, vì thế cung điện kho tàng thành ra trống rỗng.

¹ Quân của Giản Tu Công Oánh (tức Tương Dực đế) nổi lên đánh giết Uy Mục đế.

² Nay là phố Hàng Đào, Hà Nội.

³ Nay thuộc quận Đống Đa Hà Nội.

Nhân đẩy Trần Cao sang qua sông, bèn vào chiếm cứ kinh thành, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Ứng, ngự triều xưng làm vua, dùng Lê Quảng Độ xếp đặt công việc trong nước. Trần Chân họp tập thống suất bọn dũng sĩ cũ cùng con em trong nhà, binh tráng trong làng được mấy ngàn người, đóng ở chợ Hoàng Hoa, để mưu tính công việc đánh giặc. Trần Cao được tin, sai đồ đảng là Phan Ất từ làng Bảo Đà huyện Thanh Oai tiến quân; Trần Chân từ làng Dư Dụ huyện Thanh Đàm đem quân đón đánh. Trần Chân tiến đến xạ đài (mô đất để tập bắn) cố sức đánh nhau với Phan Ất, khí giới đều hết phải lấy mảnh cong mảnh lọ để ném. Răng và miệng Trần Chân bị thương nặng, Chân lại thấy rằng toán quân của mình chơ vơ khó có thể đánh lâu được, bèn nhân đêm rút quân đến chợ Hoàng Hoa.

Lời chua - Chợ Hoàng Hoa: Thuộc trại Ngọc Hà, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội.

Thanh Oai: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Thanh Đàm: Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 14 (Chb. 6, 26).

Dư Dụ: Tên xã, thuộc huyện Thanh Đàm.

Xạ Đài: Ở trại Giảng Võ, huyện Thuận Xương, tỉnh Hà Nội¹.

Trần Chân: Người xã La Khê, huyện Từ Liêm, là con nuôi Trịnh Duy Sản.

Nhà vua tự làm tướng đánh Trần Cao. Cao thua chạy. Nhà vua về Đông Kinh, đổi niên hiệu và đại xá cho trong nước.

Nhà vua từ Tây Kinh thống suất quân ứng nghĩa ở 3 phủ Thiệu Thiên, Hà Trung và Tĩnh Gia, phân phối sai: Nguyên quận công Trịnh Duy Sản do đường Thiệu Quan và Ứng Thiên tiến quân; An Hòa hầu Nguyễn Hoảng Dụ do đường Trường Yên và Lý Nhân tiến quân; ở chính doanh thì Phú bình hầu Nguyễn Văn Lự và Vĩnh hưng hầu Trịnh Tuy thống lĩnh quân thủy, quân bộ đều tiến, kéo thẳng đến Đông Kinh, đưa tờ hịch đi các quận huyện. Nhà vua đến Tiêu Viên, trước hết có Trần Chân đến hành tại bãi yết; ở Sơn Nam thì có bọn phó tướng An Tín bá Trịnh Hi, đề sát Lê Sạn, tán lý Lê Dục và ký lục Trương Huyền Linh cũng nổi dậy, đem quân tiếp tục tiến đến, vây ngoài cửa Đại Hưng. Trần Cao đem quân lên cái lâu ở trước cửa vẫy cờ bản súng để chống cự quan quân. Một lúc thấy quân tam đóa² từ Mộng Kiều (cầu Muống) tiến vào cung Thụy Quang, Trịnh Hi lui dẫn quân đến xã Hồng Mai, gặp các quân thủy, quân bộ của bọn Hoảng Dụ và Duy Sản, Trịnh Hi lại cùng bọn này đều tiến, bốn mặt vây thành. Trần Cao đóng thành cố giữ, Duy Sản lại tiến đánh góc tây bắc thành. Lúc ấy Hà Công Chân, một đảng giặc ở Sơn Tây, cũng đem quân tiến sát đến chân thành, chợt gặp Duy Sản, Duy Sản ra sức cố đánh, Công Chân thua trận, bị chết, Lê Liễu tả kiểm điểm, đánh nhau với giặc bị chết ở Dịch Vọng. Trần Cao mở cửa thành chạy, qua sông Thiên Đức, lẩn lút ở Lạng Nguyên.

Lúc ấy, nhà vua đóng ở Thanh Đàm, bọn Nguyễn Ung và Đỗ Nhạc rước vua về Đông Kinh, hạ chiếu đại xá cho trong nước, đổi niên hiệu, lấy năm ấy là năm Quang Thiệu thứ nhất, quan quân lại bắt được đồ đảng Trần Cao là Phan Ất ở Đông Triều, đóng cũi đưa về Kinh sư, đem chém ở phường Đông Hà.

Lời chua - Thiệu Thiên, Hà Trung và Tĩnh Gia: Đều tên phủ thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Thiệu Quan: Tên phủ, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Ứng Thiên: Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 18).

Trường Yên: Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

¹ Ngày nay ở gần trại Giảng Võ và trại Ba Gò, có lẽ là gò tập bắn (xạ đài) xưa.

² Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

- Ly Nhân: Tên phủ, xem Lý Nhân Tông, năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 6 (Chb. IV, 14).
- Cửa Đại Hưng, sông Thiên Đức: Đều xem Lý thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 10, 11)
- Mộng Kiều: Thuộc phường Kim Liên, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội¹.
- Cung Thụy Quang: không rõ ở đâu.
- Hồng Mai: Tên xã, thuộc huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội².
- Dịch Vọng: Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội³.
- Lạng Nguyên: Không rõ ở đâu, có thuyết nói Lạng Sơn, có lẽ là ở đây.
- Nguyễn Văn Lự: Người Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, là em Nguyễn Văn Lang.
- Trịnh Tuy: Người xã Thủy Chú, huyện Lô Dương, em họ Trịnh Duy Sản.
- Lê Sạn: Người xã Vạn Phúc, huyện Thanh trì.
- Lê Dực: Người xã Đại Định, huyện Thanh Oai, Sạn và Dực đều đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.
- Quân Tam Đóa: Tức hạng quân cắt tóc, nhưng vẫn để lại ba chỏm ở trên đầu.

Nhà vua hạ lệnh cho bọn Trịnh Duy Sản, Phạm Khiêm Bính và Trịnh Tuy đi tuần hành bình định xứ Hải Dương và Kinh Bắc.

Nhà vua hạ lệnh cho Trịnh Duy Sản chỉ huy quân thủy, quân bộ các dinh, và Khiêm Bính giữ chức tán lý việc quân, đi tuần hành bình định xứ Hải Dương; Trịnh Tuy, Lại Thúc Mậu và lực sĩ Đàm Cử đi tuần hành bình định xứ Kinh Bắc.

Lời chua - Đàm Cử: Người xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương.

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua lại hạ lệnh cho bọn Trịnh Duy Sản, Nguyễn Hoảng Dụ, Trịnh Hồng và Nguyễn Khắc Nhượng đem quân đi đánh Trần Cao. Vì bại trận, Trịnh Duy Sản bị Trần Cao giết.

Bọn Duy Sản và Hoảng Dụ tiến quân đóng ở Chí Linh. Duy Sản cùng Trần Cao chống cự với nhau ở chỗ giáp giới xã Nam Giản. Thấy tên Hạnh, một tù tướng, bị chết ở mặt trận, Duy Sản nổi giận, tiến sát đến nơi, các tướng can ngăn, Duy Sản không nghe, bèn chia đường cùng tiến, tự mình dẫn đầu sĩ tốt. Bên giặc tung quân kỳ binh⁴ ra đánh cướp. Duy Sản bị Trần Cao bắt được, đem giết đi, Trần Cao tiến quân thẳng đến Bồ Đề. Nhà vua sai Thiết Sơn bá Trần Chân ra đón đánh, phá tan được. Cao lại lẩn lút ở Lạng Nguyên không dám ra, truyền ngôi cho con là Cung tiếm niên hiệu là Tuyên Hòa. Sau Trần Cao cạo đầu làm sư, trốn tránh được thoát.

Lời chua - Chí Linh: Tên huyện, xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Nam Giản: Tên xã, thuộc huyện Chí Linh.

¹ Tức cầu Muống nay thuộc quận Đống Đa , Hà Nội.

² Nay là phường Bạch Mai thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

³ Tục gọi làng Vòng, nay là phường Dịch Vọng, quận cầu giấy, Hà Nội.

⁴ Danh từ gọi một binh chủng có những động tác khác với chính binh. Hạng binh lính này có nhiều mưu chước kỳ diệu để đánh quân địch, khi ẩn khi hiện bên địch không dò biết được.

Đinh Sửu, Lê Chiêu Tông Thần hoàng đế năm Quang Thiệu thứ 2 (1517). (Minh, năm Chính Đức thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn đế hiệu cho ông và cha.

Nhà vua truy tôn: ông là Kiến vương Tân làm Đức Tông Kiến hoàng đế, cha là Trang định đại vương Sùng làm Minh Tông Triết hoàng đế; rồi hạ lệnh cho Đàm Thận Huy, thượng thư bộ Lễ, định những chữ húy thờ ở miếu. Lại truy tôn Mẫn Lệ công làm Uy Mục đế, Linh An vương làm Tương Dực đế.

Lời chua - Chữ húy thờ ở miếu: gồm 20 chữ.

Tháng 7, mùa thu. Nguyễn Hoảng Dụ và Trịnh Tuy hai người sửa soạn binh lính đánh lẫn nhau.

Trước đây, Hoảng Dụ và Trịnh Tuy đều phụng mệnh vua đánh giặc, kịp lúc về kinh sư, vì nghe lời con em gièm pha, hai người thành ra hiềm khích, Hoảng Dụ thác là có bệnh không vào chầu, đóng quân ở phường Đông Hà, Trịnh Tuy đóng quân ở ngoài thành Đại La, hai người cùng nhau chống cự. Nguyễn Quán Chi, một viên quan trong Lục Khoa¹, đem việc ấy tâu bày. Nhà vua dùng sự tích Giả, Khấu, Liêm, Lạn² để dụ bảo, nhưng không giải hòa được.

Nguyễn Văn Lự cùng Trịnh Duy Đại hẹn nhau cùng vào chầu để tâu vua xin đứng hòa giải. Khi đến trước điện. Văn Lự lấy tờ số bí mật trong tay áo đưa ra, nói Trịnh Tuy cùng Trịnh Duy Đại bàn mưu với nhau lập Nguyễn Tùng là con Nguyễn Trinh, làm ngụy chúa, định làm việc bạo nghịch lớn. Bấy giờ nhà vua sai bắt Duy Đại cùng đồ đảng của hắn là bọn Trịnh Bá Quát đều đem chém.

Ngày hôm ấy, Hoảng Dụ cất quân đánh Trịnh Tuy ở quãng phường Khúc Phố - Phục Cổ ba lần đánh đều không thắng được. Nguyễn Thế Phó, đồ đảng của Tuy, trúng mũi tên phải rút lui. Tuy bèn bỏ chạy.

Trần Chân là người có nghĩa cũ với Trịnh Tuy, cất quân đánh Hoảng Dụ, lại mật hạ trát cho con em các doanh³ ở Sơn Tây cùng đánh, Hoảng Dụ lánh chạy vào Thanh Hoa. Trước kia, khi Hoảng Dụ và Trần Chân đánh nhau đương hăng, gặp lúc trời đã xế chiều, trên không bỗng có đám mây năm sắc xuất hiện ở phương đông, mà mây vàng bay đầy trời, người ta đều lấy làm kỳ quái.

Lời chua - Phường Đông Hà: Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 4).

Thành Đại La: Xem thuộc Đường, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb. V, 10).

Vĩnh Xương: Tên huyện, nay đổi làm Thọ Xương, thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội⁴.

Khúc Phố, Phục Cổ: Đều tên phường, thuộc huyện Thọ Xương.

¹ Nguyên văn trong sử Cương mục này chép "khoa đài, Nguyễn Quán Chi ". Chúng tôi nhận thấy khoa là Lục Khoa; đài là Ngự Sử đài, nếu là khoa, đài thì ít nhất cũng phải có 2, 3 người, nay có một Nguyễn Quán Chi mà chép "khoa đài " thì cũng đáng ngờ, nên dịch "viên quan trong Lục Khoa " là theo Việt Sử thực lục chép "khoa quan Nguyễn Quán Chi ".

² Giả Phục - Khấu Tuân - Liêm Pha - Lạn Tương Như:

Giả Phục và Khấu Tuân đều là đại tướng của Quang Vũ nhà Đông Hán, vì Tuân giết một bộ tướng của Phục mà hai người sinh hiềm khích toan đánh chém lẫn nhau. Quang Vũ cho triệu hai người đến trước mặt dụ bảo rằng: "Nay thiên hạ chưa bình định, sao hai con hổ lại đấu chọi với nhau ". Từ đấy Phục và Tuân lại vui vẻ cùng nhau đi chung xe ra về, và kết bạn bè với nhau.

Liêm Pha và Lạn Tương Như người thời Chiến Quốc, đều làm quan nước Triệu; Liêm Pha làm tướng võ, Tương Như làm tướng Văn, chỉ vì ngôi thứ cao thấp mà Liêm Pha toan làm nhục Tương Như, người nhà Tương Như lấy làm hổ thẹn. Tương Như bảo người nhà rằng: "Sở dĩ nước Tần không dám đánh nước Triệu, là vì nước Triệu có hai chúng tôi. Nay nếu hai con hổ đánh nhau, tất nhiên không sống cả được, cho nên tôi cần phải trong việc nước mà bỏ thù riêng đi ". Khi Liêm Pha nghe được lời nói ấy, thân hành đến nhà Tương Như tạ lỗi và xin kết bạn chí thân.

³ Nguyên văn chép "các doanh tử đệ " tức là những tướng tá binh sĩ thân thiết của mình như ruột thịt, coi như con em trong nhà.

⁴ Ngày nay chỗ ngõ huyện và ngõ Thọ Xương gần nhà thờ lớn, Hà Nội, tức là huyện Ly, của huyện Vĩnh Xương xưa.

Nguyễn Trinh: Người xã Trịnh Mỹ, huyện Lô Dương là bố phò mã Diển quận công Nguyễn Mậu Tuyên.

Nhà vua sai các tướng đuổi đánh Hoảng Dụ.

Lúc ấy, tuổi vua thì thơ ấu, thế nước thì nguy ngập, các tướng nắm giữ binh quyền đánh chém lẫn nhau. Trần Chân đã đuổi được Nguyễn Hoảng Dụ, cầm quân bảo vệ kinh sư. Nhà vua sai viên tướng mới đầu hàng là bọn Nguyễn Công Độ đem quân bộ và Mạc Đăng Dung đem quân thủy đuổi Hoảng Dụ. Hoảng Dụ chạy vào Thuần Hựu. Quan quân bèn đào mã bố Hoảng Dụ là Nguyễn Văn Lang đem chém đầu. Hoảng Dụ đem quân chống lại và viết thư đưa cho Đăng Dung. Đăng Dung nhận được thư, đóng quân lại không đánh nữa, nhân đấy, Hoảng Dụ được toàn vẹn rút quân.

Lời chua - Thuần Hựu: Tên huyện. Theo Thanh Hoa sách, hồi đầu triều Lê, huyện này gọi là Thuần Hựu, sau đổi làm Thuần Lộc, rồi lại đổi làm Phong Lộc; bản triều, năm Minh mạng thứ 2 (1821) đổi làm Hậu Lộc, thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 12 nhuận, mùa đông. Lê Quảng Độ nhận tội, nhà vua sai đem giết đi.

Trước đây, Trần Cao đem quân xâm phạm vào cung khuyết, Quảng Độ lấy danh phận là thái sư Thiệu quốc công, đón Trần Cao, xin đầu hàng, được Cao ủy thác cho giữ công việc trong nước. Đến nay, bọn tướng trấn thủ là Hà Phi Chuẩn và Nguyễn Lễ bắt được Quảng Độ đưa về kinh sư; bày tội trong triều ở các khoa các đạo thay đổi nhau làm số hặc tâu. Vì thế, bèn đem giết đi.

Dân bị đói lớn.

Năm ấy, trong nước bị đói to, nhân dân chết đói, thầy năm chồng chất lên nhau. Các huyện Đông Triều Giáp Sơn thuộc Hải Dương và huyện Yên Phong, Tiên Du, Đông Ngàn thuộc Kinh Bắc, nạn đói càng dữ hơn.

Lời chua - Tiên Du: Xem Thực An Dương Vương năm thứ 48 (Tb, I, 16).

Đông Ngàn: Tức châu Cổ Pháp, xem {Tiền} Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 6).

Yên Phong: Tức Yên Phú, xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 3 (Chb. XXVI, 10).

Giáp Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 37).

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Mậu Dần, năm thứ 3 (1518). (Minh, năm Chính Đức thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Mạc Đăng Dung làm Vũ Xuyên hầu.

Tháng 7, mùa thu. Mưa to, gió lớn, sét đánh, nhiều người bị chết.

Giết Thiệt Sơn bá Trần Chân. Bọn Hoàng Duy Nhạc, đồ đảng của Trần Chân, nổi loạn, nhà vua đi Gia Lâm.

Trước đây, sau khi đã đuổi được Hoảng Dụ, Trần Chân nắm hết quyền binh trong tay, đến Mạc Đăng Dung cũng phải sợ, hỏi lấy con gái Trần Chân cho con trai mình là Đăng Doanh. Lúc ấy có người hiểu sự làm câu sấm rằng: "Trần hữu nhất nhân, vì thiên hạ quân, thỏ đầu hổ vĩ, tế thế an dân " (họ Trần có một người, làm vua thiên hạ, đầu thỏ đuôi hổ, giúp đời yên dân). Vì có ấy, quốc cữu¹ Chủ Khải, cùng bọn Thọ quốc công Trịnh Hựu. Thụy quận công Ngô Bính mưu tính với nhau rằng: "Trần hữu nhất nhân " tức là Trần Chân, "thỏ đầu hổ vĩ " tức là cuối năm Dần, đầu năm Mão². Bọn này sợ năm Mão sẽ có biến loạn, nên khuyên nhà vua toan tính sớm đi.

¹ Vua chúa đời cổ, gọi những người phụ huynh bên họ mẹ mình là quốc cữu.

² Theo sự suy tính của nhà thuật số: 12 hàng chi cầm tinh 12 con giống; năm Dần cầm tinh con hổ, năm Mão cầm tinh con thỏ.

Đến nay nhà vua cho triệu Trần Chân vào trong cung cấm, hạ lệnh đóng các cửa thành rồi sai lực sĩ bắt, Trần Chân chạy đến trên thành, người giữ cửa bắt được đem chém. Lúc ấy, bộ tướng của Chân là bọn Hoàng Duy Nhạc, Nguyễn Kính và Nguyễn Áng được tin Chân bị giết, liền đem quân xông vào cửa Đại Hưng, bị người giữ cửa chống cự, không vào được. Nhà vua thống suất quân sĩ tuần hành trong thành, sai đem đầu Trần Chân giơ lên cho mọi người biết, bọn Kính và Áng rút lui tụ hợp ở Yên Lãng, rồi lại xâm phạm sát vào kinh thành. Đương đêm nhà vua phải chạy đi Gia Lâm lánh nạn, sáng hôm sau đến Dương Quang, vào nhà đô lực sĩ Đàm Cử, quá trưa chưa có cơm ăn, dân chúng tranh nhau đem dâng bánh khoai.

Lúc ấy, Trịnh Tuy đóng ở Sơn Nam, có hơn vạn quân, được tin nhà vua chạy ra ngoài thành, quân sĩ đều giải tán bỏ đi. Do đó, bọn Duy Nhạc đem đồ đảng cướp bóc thả cửa, trong kinh sư thành ra trống rỗng. Nhà vua cho triệu Hoảng Dụ đem quân đánh giặc, nhưng Hoảng Dụ chần chừ, không đem quân đến.

Lời phê - Công việc lúc bấy giờ như thế, không giết Trần Chân, cũng không ngăn ngừa được loạn lạc.

Lời chua - Dương Quang: Tên xã, thuộc huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh.

Gia Lâm: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 34).

Nguyễn Kính: Người xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất.

Tháng 8, sao Thái Bạch đi ngang trên không.

Nhà vua hạ lệnh cho Phạm Khiêm Bính trưng thu, cấp phát lương thực tiếp tế cho quân ăn.

Lúc ấy, Phạm Khiêm Bính, thừa tuyên sứ ở Kinh Bắc đến hành tại báii yết; nhà vua hạ lệnh cho Khiêm Bính trưng thu cấp phát lương thực để tiếp tế cho quân ăn.

Mạc Đăng Dung, xin nhà vua dời đến Bồ Đề; giết bọn Chử Khải và Trịnh Hựu 3 người.

Nhà vua ở Dương Quang, hạ lệnh triệu Đăng Dung ở Hải Dương. Khi Đăng Dung đến, vào báii yết nhà vua, rồi đóng quân thủy ở sông Nhị. Đăng Dung lấy cớ rằng vua ở Dương Quang hơi xa, xin dời đến Bồ Đề để quân thủy hộ vệ châu chực cho được thuận tiện. Đăng Dung lại mật dụ Kính và Áng. Họ đều nói: "Việc giết chết Thiết Sơn bá¹, là do lời gièm pha của Chử Khải, Trịnh Hựu và Ngô Bính; nay nếu giết ba người ấy đi, thì vua tôi lại như cũ, không dám có mưu toan gì khác cả". Đàm Cử cũng tán thành việc này. Vì thế nhà vua bèn giết bọn Chử Khải 3 người, mong lại có thể ngăn ngừa được hoạn nạn, nhưng bọn Kính và Áng lại càng kiêu ngạo hoành hành, nắm lấy binh quyền không chịu giải tán.

Tháng 9. Đăng Dung giết đô ngự sử Đỗ Nhạc và Thiêm đô ngự sử Nguyễn Dự, rồi xin nhà vua dời đến Bảo Châu.

Đăng Dung lại lấy cớ rằng nhà vua ở Bồ Đề gần địa phận của giặc, xin dời đến Bảo Châu. Nhạc và Dự đều can. Đăng Dung sai đồ đảng của mình là Đinh Mông bắt Nhạc và Dự đem giết ở ngoài cửa bắc chỗ hành doanh xã Xuân Đổ, bày tội ai cũng run sợ. Đăng Dung bèn rước vua đi Bảo Châu. Từ đây quyền binh trong triều đình, ngoài biên trấn, về hết trong tay Đăng Dung.

Lời chua - Bảo Châu: Thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội².

Xuân Đổ: Tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyễn Dự: Người xã Hải Triều, huyện Ngự Thiên, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) năm Đoan Khánh đời Uy Mục đế.

Bọn Trịnh Tuy và Nguyễn Si làm phản. Nhà vua hạ chiếu với Nguyễn Hoảng Dụ đem quân về cứu viện.

¹ Tước phong của Trần Chân.

² Nay là Tứ Tổng thuộc ngoại thành Hà Nội.

Sau khi nhà vua đã dời đến Bảo Châu, Trịnh Tuy và Nguyễn Si giao thông với giặc là bọn Nguyễn Kính, cùng nhau lập tên Bảng là con của Tĩnh Tu công Lộc, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Đức, dựng hành điện ở xã Miêu Nha, huyện Từ Liêm, chia đặt quan thuộc. Lúc ấy, nhà vua ở Bảo Châu, chỉ có Trình Chí Sâm và Nguyễn [Thì] Ung đi theo. Nhà vua sai người dụ bảo Hoảng Dụ đem quân cứu viện. Hoảng Dụ đem quân Thanh Hoa ra cứu nạn nước. Nhà vua hạ lệnh cho Hoảng Dụ cùng với Đẳng Dung thống lĩnh quân các đạo Thanh Hoa và Sơn Nam tiến đánh bọn Kính và Áng ở Sơn Tây. Hoảng Dụ đem quân đánh trước, nhưng không thắng lợi, Hoảng Dụ suy tính rằng mình không thể đánh phá được bọn này, bèn dẫn quân về Thanh Hoa, ít lâu sau thì chết, chỉ còn một mình Đẳng Dung cầm cự nhau với bọn Kính và Áng.

Lời chua - Tĩnh Tu công Lộc: Con Cung vương Khắc Xương.

Bảng: Cháu Cung vương.

Do: Em tên Bảng.

Miêu Nha: Tên xã, ở huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội¹.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho Đẳng Dung thống lĩnh công việc các dinh quân thủy và quân bộ.

Nhà vua đi đến xã Xuân Đổ, ban dụ tế Đổ Nhạc, đô ngự sử đã bị chết.

Nhà vua từ Bảo Châu đi Gia Lâm, đến dinh Xuân Đổ, tưởng nhớ đến Đổ Nhạc và Nguyễn Dự dâng lời can trung thực, bị Mạc Đẳng Dung giết chết, bèn hạ lệnh cho Lê Sạn, thượng thư bộ Lại, đem tờ dụ đến ban tế phẩm cho Đổ Nhạc và cho 100 quan tiền để thăm viếng và an ủi; sau nhà vua tặng Đổ Nhạc hàm thiếu bảo thượng thư Ngự sử đài đô ngự sử, tước Văn Trinh bá, tên thụy là Văn Tiết. Nhà vua cũng truy tặng hàm phó đô ngự sử cho Nguyễn Dự.

Kỷ Mão, năm thứ 4 (1519). (Minh, năm Chính Đức thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đến Bồ Đề, sai tướng đánh đuổi được bọn Trịnh Tuy.

Nhà vua lại đến Bồ Đề, Trịnh Tuy làm cầu phao tiến quân sang nửa phần cầu để khiêu chiến, quan quân phá đứt cầu phao, đánh tan được quân của Tuy. Tuy và Do rút quân về Yên Lãng, nhà vua sai các tướng đuổi đánh, nhân đêm, bọn Tuy chạy trốn.

Lời chua - Yên Lãng: Tên huyện, xem Tương Dực để, năm Hồng Thuận thứ 8 (Chb. XXVI, 25).

Đại hạn từ tháng 3 đến tháng 4.

Tháng 5, mùa hạ. Mưa to.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua hạ lệnh cho Mạc Đẳng Dung đánh bọn Lê Do và Nguyễn Si, bắt được đem giết đi.

Đẳng Dung đốc suất các quân thủy, quân bộ vây Lê Do ở Từ Liêm, nhân gặp mưa to, Đẳng Dung cho khơi nước vào trại quân của Do. Do cùng bọn Nguyễn Si, Nguyễn Áng chạy đến Ninh Sơn, quan quân bắt được đem giết đi. Trịnh Tuy chạy vào Thanh Hoa; bọn Nguyễn Kính và Hoàng Duy Nhạc đầu hàng, Đẳng Dung xin tha tội cho bọn này và thu dùng họ làm người nanh vuốt cho mình.

Lời chua - Ninh Sơn: tức huyện Yên Sơn. Bây giờ, thuộc tỉnh Sơn Tây.

Từ Liêm: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 11. (Chb. XI, 31).

Tháng 9. Nhà vua trở về cung điện, đại xá cho trong nước, phong Mạc Đẳng Dung làm Minh quận công.

¹ Nay là thôn Miêu Nha thuộc xã Tây Mỗ huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 27

Từ Canh Thìn, Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 5 (1520) đến Mậu Thân, Lê Trang Tông, năm Nguyên Hòa thứ 16 (1548), gồm 29 năm.

Canh Thìn, năm [Quang Thiệu] thứ 5 (1520). (Minh, năm Chính Đức thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua sai Mạc Đăng Dung (Dong) tiết chế các doanh quân thủy, quân bộ¹, và Phạm Gia Mô làm tán lý quân vụ².

Đăng Dung cầu xin cầm nắm tất cả binh quyền để càn quét mọi đám giặc giã. Lễ bộ thượng thư Phạm Gia Mô cho rằng nếu để binh quyền phân tán ở năm phủ³ thì Đăng Dung không làm được hết điều mình cần phải làm. Gia Mô liền hiệp sức với các bạn đồng liêu, bảo cử Đăng Dung.

Nhà vua bèn dùng Đăng Dung tiết chế các quân doanh thủy và bộ trong mười ba đạo⁴ và dùng Gia Mô làm tán lý quân vụ. Thế là quân đội tinh nhuệ và khí giới sắc bén trong nước từ đó về cả trong tay Đăng Dung.

Lời Chua - Phạm Gia Mô: Người Lê Xá, huyện Nghi Dương⁵, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) niên hiệu Đoan Khánh đời Lê Uy Mục, Gia Mô là thông gia với Đăng Dung.

Vũ Nghiêm Uy ở Tuyên Quang làm loạn. Nhà vua sai Vũ Hộ đánh; Nghiêm Uy phải chạy.

Nghiêm Uy dấy quân khuấy nhiễu cướp bóc xã Trường Thân và xã Đại Đồng. Nhà vua sai Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ đi đánh. Quan quân tiến đến xã Đại Đồng thì Nghiêm Uy chạy trốn vào động núi.

Lời chua - Trường Thân, Đại Đồng: đều là tên xã, thuộc Thu Châu, phủ Yên Bình, Tuyên Quang.

Vũ Hộ: Người Thù Du, huyện Nghi Dương.

Tân Ty, năm thứ 6 (1521). (Minh, năm Chính Đức thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Mạc Đăng Dung tước Nhân quốc công.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đến chơi nhà Đăng Dung, gia phong Đăng Dung chức thái phó.

Nhà vua sai Đăng Dung đi đánh Trần Cung ở Lạng Nguyên: Trần Cung phải chạy.

Trước kia, Trần Cao⁶ trốn lên Lạng Nguyên, triều đình vì bận nhiều việc, nên chưa rời kinh lý đến nơi xa. Cao lén lút chiếm cứ các huyện thuộc Lạng Nguyên và Kinh Bắc, qua 5 năm, truyền cho con là Cung. Cung tiếm hiệu là Tuyên Hòa. Còn Cao thì cắt tóc làm sư, lẩn trốn đâu, không ai biết. Đến đây,

¹ Tức là Tổng chỉ huy quân đội trong toàn quốc.

² Một chức như trợ lý trong quân đội, có nhiệm vụ xem xét giúp đỡ việc quân, không đặt thường xuyên.

³ Xem Chb. XX, 2.

⁴ Tức là 12 đạo năm 1466 (xem Chb. XX, 7, 8) và đạo Quảng Nam đặt năm 1471 (xem Chb. XXII, 6 - 8).

⁵ Nay là thôn Lê Xá, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng.

⁶ Xem Chb. XXVI, 25 - 26.

nhà vua sai Đấng Dung thống suất các doanh quân thủy quân bộ đi đến các địa phương Kinh Bắc và Thái Nguyên, lòng bắt được vợ và con gái của Cung, giết chết, còn Cung trốn vào Thất Nguyên.

Sử cũ chua rằng: Có thuyết nói Cung chạy sang nhà Minh, sau bị đóng cũi giải về Kinh Đô, giết chết¹.

Lời chua - Thất Nguyên: Tên huyện, Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

Nhâm Ngọ, năm thứ 7 (1522). (Tháng 8 trở đi là Hoàng đế Xuân, năm Thống Nguyên thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Bọn Lê Khắc Cương và Lê Bá Hiếu ở Kinh Bắc nổi loạn. Nhà vua sai tướng đi đánh, bắt được giết chết Khắc Cương và Bá Hiếu.

Khắc Cương và Bá Hiếu dấy quân ở địa phương Đông Ngàn² và Gia Lâm. Đấng Dung thống suất các tướng đi đánh, không được; phó đề lãnh tứ thành quân vụ là Lê Thọ chết ở vòng quân. Sau đó, triều đình lại sai tướng khác đi đánh, bèn phá và bắt được bọn Khắc Cương và Bá Hiếu ở Lạng Nguyên, đóng cũi đưa về kinh đô, giết chết.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi Mộng Sơn.

Bấy giờ Đấng Dung chuyên quyền chinh phạt, uy thế ngày một to, lòng mọi người hướng về Đấng Dung.

Bè đảng của Đấng Dung là Phạm Gia Mô³ nắm giữ chính quyền trong triều; em rể⁴ Đấng Dung là Hữu đô đốc Vũ Hộ làm tổng trấn Sơn Tây, cùng nhau ngầm thông tin tức. Bà con và bè đảng Đấng Dung chẳng chịt khắp nơi, câu kết với nhau. Bọn thượng thư Trình Chí Sâm và Nguyễn Ung cũng đều hòa theo.

Đấng Dung tiến người con gái nuôi làm tần ngự trong cung để rình từng lúc động tĩnh của nhà vua. Đấng Dung lại sai em là Quyết giữ quân túc vệ và con trai là Đấng Doanh giữ điện Kim Quang. Chính Đấng Dung tiếm dùng thuyền rồng và lọng phượng, ra vào nơi cung cấm không hề kiêng nể chút nào.

Bọn thị vệ là Nguyễn Cấu, đô lực sĩ là Nguyễn Thọ và Đàm Cử đều là những người tâm phúc của nhà vua thì Đấng Dung giết chết cả.

Nhà vua bí mật bàn cùng bọn nội thần là Phạm Hiến và Phạm Thứ định vời binh sĩ (các địa phương) đến đánh.

Trước hết nhà vua sai người đến Tây Kinh⁵ mật dụ Trịnh Tuy tiếp đón cứu viện. Đêm đến, hồi canh hai, nhà vua bèn cùng bọn Hiến và Thứ chạy đi Mộng Sơn. Hoàng thái hậu và hoàng đế Xuân đều không kịp biết.

Ngày hôm sau, Đấng Dung biết chuyện, mới dùng binh lính đón chặn những đường xung yếu, sai bè đảng là Hoàng Duy Nhạc đem quân đuổi kịp đến Thạch Thất. Nhà vua dùng binh lính Thạch Thất bắt được Duy Nhạc, giết chết.

Đấng Dung bèn mưu bàn với thái sư Lạng Quốc công Lê Phụ, Mỹ quận công Lê Điều, Cẩm sơn hầu Lê Thúc Hựu cùng bọn Phạm Gia Mô và Dương Kim Biểu lập hoàng đế Xuân lên làm vua. Nhưng Đấng Dung lại sợ nhà vua ở ngoài hiệu triệu quân sĩ trong nước, nên không dám đóng giữ kinh thành,

¹ Xem Toàn Thư quyển XV, tờ 54a.

² Đất huyện Đông Ngàn cũ nay thuộc các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Đông Anh, Sóc Sơn, Gia Lâm,(Hà Nội).

³ Gia Mô thông gia với Đấng Dung.

⁴ Chồng của em gái.

⁵ Tức Thanh Hóa.

phải sai đồ đảng là Vũ Hộ đóng quân trấn giữ mạn Bắc Giang và dời Xuân đến huyện Gia Phúc thuộc Hải Dương, đắp lũy Cẩm Giàng để tự vệ.

Bọn Bắc Giang phó đô tướng là Hà Phi Chuẩn, Nghiêm Bá Ký, Nguyễn Xí và Phạm Tại cùng nhận lệnh lời mật dụ của nhà vua. Họ đem quân cần vương miền Bắc Giang đóng ở các huyện Đông Ngàn và Gia Lâm. Bọn văn thần là Đàm Thận Huy, Nguyễn Hữu Nghiêm đều ở trong quân, giúp việc bày mưu lập kế, cầm cự với Đăng Dung ở Tây Kiều Giang. Đăng Dung ngầm dụ Phạm Tại khiến Tại đưa đường kéo quân đến đánh: bọn Phi Chuẩn và Bá Ký đều thua chạy.

Lời chua - Mộng Sơn: Tên xã, thuộc huyện Minh Nghĩa, Sơn Tây.

Thạch Thất: Tên huyện, thuộc phủ Quốc Oai, Sơn Tây.

Gia Phúc: Tức huyện Gia Lộc ngày nay, thuộc tỉnh Hải Dương.

Bắc Giang: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 28 - 29).

Cẩm Giàng: Tên huyện, thuộc phủ Bình Giang, Hải Dương.

Hoàng thái hậu: Họ Trịnh, người Phi Quan, thuộc huyện Thanh Chương¹, là vợ Cẩm Giang vương,

Nghiêm Bá Ký: người Lương Cẩm thuộc huyện Yên Phong².

Nguyễn Hữu Nghiêm: Người Phúc Khê, thuộc huyện Đông Ngàn³, đỗ tiến sĩ cập đệ tam danh⁴ khoa Mậu Thìn (1508) niên hiệu Đoan Khánh đời Lê Uy Mục.

Tháng 8, Đăng Dung lập hoàng đệ Xuân làm vua.

Đăng Dung lập hoàng đệ Xuân làm vua.

Đăng Dung đem quần thần rước hoàng đệ Xuân lên ngôi, đổi niên hiệu là Thống Nguyên, làm hành điện ở Gia Phúc, tải vàng bạc, tiền của ở kho tàng trong thành đến chứa tại đó.

Nhà vua⁵ quay về đến hành điện Thụy Quang, chia sai các tướng đi đánh giặc: không thắng được. Nhà vua lại đi huyện Từ Liêm.

Nhà vua từ xã Mộng Sơn quay về, ngự ở hành điện Thụy Quang, cho trăm quan đến chầu. Bọn Đàm Thận Huy, Hà Phi Chuẩn, Lê Vĩnh, Lê Quảng và Lê Đình Tú đều đem quân đến hội. Nhà vua sai Đình Tú thúc đẩy đều động các quân doanh thuộc Sơn Nam chia ra đóng giữ các nơi xung yếu như Bộc Độ, Ninh Giang và Nghĩa Lễ, nhưng rồi đều bị Đăng Dung phá tan. Đăng Dung bắt được Đình Tú, đưa đến huyện Gia Phúc⁶, giết chết.

Nhà vua lại sai bọn Nguyễn Kính, Lê Vĩnh, Nghiêm Bá Ký, Kiều Bá Khiêm và Nguyễn Xí chia đường chen đánh ở các huyện Gia Lâm⁷, Văn Giang⁸, Đường Hào⁹, Cẩm Giàng¹ và Lang Tài², cầm cự với quân Đăng Dung đến hàng tháng.

¹ Thuộc tỉnh Nghệ An.

² Thuộc tỉnh Bắc Ninh.

³ Nt.

⁴ Tức thám hoa.

⁵ Từ đây đến lúc Chiêu Tông bị giết, phàm tiếng "nhà vua " đều chỉ Chiêu Tông.

⁶ Nay là huyện Gia Lộc thuộc tỉnh Hải Dương.

⁷ Nay thuộc Hà Nội.

⁸ Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

⁹ Nay là huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng yên.

Bấy giờ các xứ Tây, Nam, Bắc đều đã quay theo chính nghĩa, về với nhà vua. Nhưng nhà vua tin dùng bọn hoạn quan Phạm Điền, không nghe theo ý kiến của chư tướng. Nhà vua sai trung sứ đi triệu Trịnh Tuy ở Thanh Hoa; hết bọn này đến lũ khác đi lại hàng 3, 4 lần, Trịnh Tuy vẫn cứ trù trờn ngờ vực, không chịu đến vội. Đặng Dung chia quân thủy, quân bộ tiến phạm bến Đông Hà. Nhà vua sai bọn Lại Thúc Mậu, Nguyễn Dư Hoan, Nguyễn Định và Đàm Khắc Nhượng dàn thành doanh trại để đóng giữ, lại bị Đặng Dung đánh úp; quân của Thúc Mậu và Dư Hoan phải lùi. Đồ đảng của giặc là bọn Hưng Hiền bốn người, tay giữ lá chắn, tay cầm cây thương, từ phường Phục Cổ thẳng phạm vào hành điện là chỗ nhà vua đang ở. Các vệ sĩ chống cự lại. Trong khi gấp rút, trăm quan đều tan tác. Nhà vua bèn rút ra đóng ở Nhân Mục³. Dân sở tại đua nhau đem dâng cháo hoa.

Ngay ngày hôm ấy, nhà vua dời đi Từ Liêm⁴, đóng tại chùa Trùng Quang làng Thiên Mỗ. Trăm quan dẫn dân tập hợp lại.

Lời chua - Bộc Độ, Ninh Giang, Nghĩa Lễ: Đều là tên xã, thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.

Gia Lâm: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 34).

Đường Hào⁵: Xem Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 4 (Chb. VI, 8).

Văn Giang, Lang Tài: Tên hai huyện, đều thuộc phủ Thuận An, Bắc Ninh.

Hành điện Thụy Quang: Không rõ ở đâu.

Nhan Mục: Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 2 (Chb. XXV, 22).

Từ Liêm: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 31).

Thiên Mỗ⁶: Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm.

Tháng 9. Nhà vua quay về, đóng ở làng Thượng Yên Quyết⁷.

Nhà vua lại đốc thúc quân các đạo kéo về đến Thượng Yên Quyết ở phía tây kinh thành. Đặng Dung còn bị cản trở vì các tướng Bắc Giang, không dám ngấp nghé nom dòm trong đô thành. Nhà vua lập hành điện ở phía tây kinh đô để coi châu và dựng nhà thái miếu ở phía đông.

Lời chua - Thượng Yên Quyết: Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Tháng 10, mùa đông. Trời mưa ra hoàng trùng.

Phương đông có khí đỏ vàng che cả góc trời.

Trịnh Tuy cướp lấy nhà vua đem về Thanh Hoa. Quốc Tử Giám tư nghiệp Lê Hiếu Trung tử tiết.

Trịnh Tuy thống suất các tướng sĩ ở ba phủ⁸ và ở các xứ thuộc Thanh Hoa hàng hơn vạn người cùng với Trịnh Duy Thuần ta hộ giá. Thuộc tướng của Tuy là Nguyễn Bá Kỳ vào hầu bên vua. Nội thần là Phạm Điền sợ Bá Kỳ tranh giành quyền bính, bèn tâu vua đem chém, bêu đầu ở ngoài cửa quân doanh Trịnh Tuy. Trịnh Tuy vì thế sinh ra bất bình, bèn cùng bọn Duy Thuần nói phao lên rằng cần đi xem đất

¹ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

² Nay là một phần huyện Gia Lương.

³ Tức làng Mọc, nay là xã Nhân Chính thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội.

⁴ Nay là huyện Từ Liêm Hà Nội.

⁵ Đất huyện Đường Hào cũ, nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hưng yên.

⁶ Nay là xã Tây Mỗ và Đại Mỗ thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

⁷ Nay là phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

⁸ Xem "lời chua " ở sau của Cương mục.

để lập doanh trại. Tối đến, Trịnh Tuy dời quân đến mai phục ở Dịch Vọng¹; gần mờ sáng, đem quân hò la ầm ỹ, tiến sát đến chỗ nhà vua. Bấy giờ nhà vua bối rối, không biết xoay xử ra sao. Bọn Tuy bèn cướp lấy nhà vua đem về Thanh Hoa.

Tư nghiệp Lê Hiếu Trung tử tiết. Lại bộ thượng thư Đông các đạo học sĩ thị Kinh Diên² là Vũ Duệ và Lại bộ thượng thư là Ngô Hoán cùng với môn đồ là bọn Nguyễn Mẫn Đốc thống suất hương binh đi theo nhà vua, đến Thanh Hoa, đứt liên lạc, không biết nhà vua ở đâu. Họ đều hướng về Lăng Tẩm Lam Sơn, bái vọng, rồi tự vẫn cả. Đô ngự sử là Nguyễn Văn Vận đi theo ngự giá, bị Đăng Dung giết chết.

Lời cần án - về cái chết trung của bọn Vũ Duệ, Ngô Hoán, và Nguyễn Mẫn Đốc, Sử cũ không chép; nay khảo ở Trung Hưng tiết nghĩa lục và Đăng khoa lục bổ sung thêm.

Lời chua - Tam Phủ: Tức là ba phủ Hà Trung, Tĩnh Gia và Thiệu Hóa.

Lăng Tẩm Lam Sơn³: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. XV, 33).

Lê Hiếu Trung: Người Chi Nê⁴, huyện Chương Đức⁵ đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) niên hiệu Cảnh Thống.

Trịnh Duy Thuân: Người Thủy Chú, huyện Lô Dương⁶.

Vũ Duệ: Người Trình Xá, huyện Sơn Vi⁷, đỗ tiến sĩ cập đệ nhất danh⁸ khoa Canh Tuất⁹ (1490) niên hiệu Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Ngô Hoán: Người Thượng Đắp¹⁰ thuộc huyện Thanh Lâm, đỗ tiến sĩ cập đệ nhị danh¹¹ khoa Canh Tuất (1490), niên hiệu Hồng Đức.

Nguyễn Mẫn Đốc: Người Xuân Lũng thuộc huyện Sơn Vi, đỗ tiến sĩ cập đệ nhị danh khoa Mậu Dần (1518), niên hiệu Quang Thiệu.

Nguyễn Văn Vận: Người Ngọc Trục, thuộc huyện Cầm Giàng¹², đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505), niên hiệu Đoan Khánh đời Lê Uy Mục.

Tháng 11. Đinh Sơn Hâu Giang Văn Dụ dấy quân đánh Đăng Dung: không thắng được.

Văn Dụ dấy quân ở Thanh Oai¹³, các huyện Sơn Miêng, Hoài An, Chương Đức, Thanh Đàm, Thượng Phúc và Phú Nguyên đều hưởng ứng theo. Lê Văn Phúc vội báo tin gấp rút đến Đăng Dung.

Bấy giờ Đăng Dung đang đánh dẹp ở vùng Kinh Bắc, sai tì tướng là bọn Kiều Văn Côn, Lê Bá Ly và Mạc Quyết từ các lộ Phú Nguyên. Thanh Đàm và Thanh Oai đồng thời tiến quân, bốn mặt đánh khép lại: Văn Dụ tan vỡ chạy trốn.

¹ Tức làng Vòng nay là phường Dịch Vọng thuộc quận Cầu Giấy Hà Nội.

² Chức quan hầu nhà vua học tập ở tòa Kinh Diên.

³ Thuộc Thanh Hóa.

⁴ Nay là thôn Chi Nê thuộc xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

⁵ Nay là huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

⁶ Nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

⁷ Nay là huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.

⁸ Tức trạng nguyên.

⁹ Nguyên văn Cương mục in lầm là Canh Thìn nay tra trong Toàn thư XIII 64 chép khoa Canh Tuất (1490) có Vũ Duệ và Ngô Hoán... đỗ tiến sĩ cập đệ ... vậy xin cải chính.

¹⁰ Nay thuộc xã Nam Hồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

¹¹ Tức bảng nhãn.

¹² Nay thuộc huyện Cầm Giàng, tỉnh Hải Dương.

¹³ Nay là huyện Thanh Oai thuộc tỉnh Hà Tây.

Lời chua - Thanh Oai: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Thanh Đàm: Tức Long Đàm. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 14 (Chb. VI, 26).

Sơn Miêng, Hoài An, Chương Đức: Tên ba huyện, đều thuộc phủ Ứng Hòa, Hà Nội¹.

Thượng Phúc, Phú Nguyên: Tên hai huyện, đều thuộc phủ Thường Tín². Phú Nguyên nay là Phú Nguyên.

Tháng 12. Hoàng đế Xuân từ Gia Phúc³ quay về, đóng ở Bồ Đề.

Quý Mùi, năm thứ 8 (1523). (Hoàng đế Xuân, năm Thống Nguyên thứ 2). (Minh, năm Gia Tĩnh thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở Thanh Hoa.

Đặng Dung sai bè đảng là bọn Mạc Quyết, Vũ Hộ và Vũ Như Quế đánh Trịnh Tuy ở Thanh Hoa. Trịnh Tuy nhân đó, dời nhà vua đến châu Lang Chánh.

Lời Chua - Châu Lang Chánh: Thuộc phủ Thanh Đô, tỉnh Thanh Hoa.

Hoàng đế Xuân phong Nguyễn Ung làm Lương văn hầu.

Trước kia, nhà vua thấy Ung bám theo Đặng Dung, nên giam Ung ở điện Quỳnh Văn, nhưng chưa kịp giết. Khi nhà vua đi xã Mộng Sơn, Đặng Dung thả Ung ra. Đến đây Ung đem con gái dâng cho Xuân, lại đem con gái khác gả cho Đặng Dung, do đó Ung được phong tước hầu.

Tháng 8, mùa thu. Có sâu cắn lúa.

Mạc Đăng Dung phẫn nhà vua làm Đà Dương vương.

Bấy giờ nhà vua đang ở châu Lang Chánh. Đặng Dung giả mạo chiếu chỉ của Xuân, phẫn trất vắng mặt nhà vua.

Lời chua - Đà Dương: Tên xã, thuộc châu Lục Yên, phủ Yên Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Giáp Thân, năm thứ 9 (1524). (Hoàng đế Xuân, năm Thống Nguyên thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặng Dung tự làm bình chương quân quốc trọng sự, thái phó. Nhân quốc công.

Tháng 11, mùa đông. Xuân truy phong Trần Chân làm quận công, phong con Chân là Trần Thực làm Hồng hựu bá.

Trước kia, Trần Chân bị gian thần gièm pha⁴, nên cùng con em sáu người đều bị giết chết. Đến đây được truy phong.

Ất Dậu, năm thứ 10 (1525). (Hoàng đế Xuân, năm Thống Nguyên thứ 4 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 4).

Tháng 6, mùa hạ. Đại hạn.

¹ Nay là huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức và Chương Mỹ thuộc tỉnh Hà Tây.

² Nay là các huyện Thường Tín, Phú Xuyên thuộc tỉnh Hà Tây.

³ Nay là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

⁴ Trần Chân, người La Khê. (Nay thuộc thị xã Hà Đông), tước Thiết sơn bá, sau khi đánh đuổi được Nguyễn Hồng Dụ (định sử, 1517), nắm nhiều quyền bính trong tay. Về sau có kẻ đặt bài vè để vu oan giá họa cho Trần Chân, nên bị Lê Chiêu Tông giết chết (xem Toàn thư XV, 43; Cương mục, Chb. XXVI, 38).

Tháng 10, mùa đông. Đăng Dung đánh bại Trịnh Tuy, bèn cướp lấy nhà vua, đem về phường Đông Hà.

Đăng Dung tự làm đô tướng, thống suất các doanh quân thủy quân bộ vào đánh Trịnh Tuy ở châu Lang Chánh thuộc Thanh Hoa¹: đánh hãm được hết các quận huyện ở Tây Kinh². Sau đó, Trịnh Tuy chết. Đăng Dung bèn cướp lấy nhà vua ở Lang Chánh, đem về để ở tại phường Đông Hà.

Lời chua - Đông Hà: Tên phường, thuộc huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức³, Hà Nội.

Tháng 12. Đăng Dung giết Phúc lương hầu Hà Phi Chuẩn.

Phi Chuẩn đóng quân ở Bắc Giang. Nghe tin Đăng Dung đã bức hiếp đem nhà vua về rồi, quân của Phi Chuẩn đều giải tán. Phi Chuẩn bị môn đồ⁴ bắt, đem đến kinh đô. Đăng Dung sai thắt cổ giết chết Phi Chuẩn.

Bấy giờ hàn lâm hiệu lý Nguyễn Thái Bạt bị Đăng Dung cưỡng ép vờ đến, ông giả vờ thanh mạnh, được đến gần, nhân đó ông nhổ vào mặt Đăng Dung và mắng chửi ầm ĩ. Lễ bộ thượng thư Lê Tuấn Mậu bị Đăng Dung cưỡng ép vào chầu, ông xu xu hòn đá trong ống tay áo, ném Đăng Dung, không trúng. Cả hai đều bị Đăng Dung giết chết.

Lại bộ thượng thư Đàm Thận Huy, Kinh Bắc Tham chính sứ Nguyễn Duy Tường, Hiến sát sứ Nguyễn Tự Cường và Bình hồ bá Nghiêm Bá Ký đều thống suất hương binh⁵ chống đánh với Đăng Dung; không thắng được đều tự tử chết.

Đô ngự sử Lai Kim Bảng lánh về quê làng, sau bị Đăng Dung cưỡng ép vờ gọi. Khi qua giữa dòng sông Nhị, ông mũ áo chỉnh tề, bái vọng về Lam Sơn⁶, lớn tiếng mắng chửi Đăng Dung, rồi gieo mình xuống sông chết.

Phó đô ngự sử Nguyễn Hữu Nghiêm và Lễ Bộ tả thị lang Lê Vô Cương bị bắt, không chịu khuất phục, đều bị Đăng Dung giết chết.

Nguyễn Thiệu Tri, trước kia, làm Hộ Bộ thượng thư, đã trí sĩ. Nay được tin con là Nguyên Sùng nhận lãnh ngụy chức⁷ của Mạc Đăng Dung, ông bèn gọi em của Nguyên Sùng đến, trởi trắng mọi việc sau khi mình chết: không cho Nguyên Sùng được làm con. Đêm đến, ông hướng về Lam Sơn bái vọng, rồi tự vẫn chết.

Bây giờ có đến hơn mười người tử tiết. Riêng Lễ Bộ thượng thư Phạm Khiêm Bính trước tiên đi yết kiến, bị Đăng Dung truất xuống làm Hộ Bộ hữu thị lang. Thái bộc tự khanh Nguyễn Mậu theo nhà vua đi Thanh Hoa, kịp khi nhà vua bị Đăng Dung bức hiếp đem về. Nguyễn Mậu về trước để đợi tội, bị Đăng Dung truất xuống làm Tuyên Quang thừa chính sứ.

Lời chua - Lam Sơn: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

¹ Từ đây trở xuống cũng như từ đây ngược lên đầu triều Lê Thái Tông, Cương mục thường chép Thanh Hóa là Thanh Hoa là theo sự thay đổi từ năm Quang Thuận thứ 10 (1469). Đến triều Nguyễn, năm Thiệu Trị thứ 1 (1841), vì kiêng tên mẹ Thiệu Tri, lại đổi là Thanh Hóa.

² Tức Thanh Hóa.

³ Nay thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

⁴ Người môn đồ này không rõ tên là gì, chỉ thấy Toàn thư XV, 64 chép tước là Tử Nhạc bá.

⁵ Tức là dân quân.

⁶ Chỗ lẩn tránh các vua nhà Lê.

⁷ Vì nhà Mạc bị Cương mục liệt vào hạng triều đại tiếm nghịch, không được kể là chính thống, nên phạm quan chức nhà Mạc đều bị chép là "ngụy chức", hay "ngụy quan".

Đàm Thận Huy: Người Ông Mặc, thuộc huyện Đông Ngàn¹.

Lê Tuấn Mậu: Người Xuân Lôi, huyện Yên Phong². Đàm Thận Huy và Lê Tuấn Mậu đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) niên hiệu Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Nguyễn Tự Cường: Người Tam Sơn, thuộc huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1514) niên hiệu Hồng Thuận, đời Lê Tương Dực.

Nguyễn Thiệu Tri: Người Xuân Lôi, huyện Lập Thạch³, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất⁴, niên hiệu Hồng Đức.

Nguyễn Duy Tường: Người Lý Hải, thuộc huyện An Lãng⁵, đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511), niên hiệu Hồng Thuận.

Nguyễn Thái Bạt: Người Bình Lãng, thuộc huyện Cẩm Giàng⁶, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1520), niên hiệu Quang Thiệu.

Lại Kim Bảng: Người Kim Lan, thuộc huyện Cẩm Giàng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Dần (1518), niên hiệu Quang Thiệu.

Lê Vô Cương: Người Thiên Biểu, thuộc huyện An Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511), niên hiệu Hồng Thuận.

Bính Tuất, năm thứ 11 (1526). (Hoàng đế Xuân, năm Thống Nguyên thứ 5 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở phường Đông Hà.

Tháng 12, mùa đông. Đăng Dung giết nhà vua ở phường Đông Hà.

Đăng Dung mật sai đồ đảng là Lại Kim Bảng giết nhà vua ở phường Đông Hà, đem về táng tại lăng Vĩnh Hưng ở Thanh Đàm⁷. Nhà vua ở ngôi 11 năm, thọ 26 tuổi.

Đinh Hợi (1527). (Hoàng đế Xuân, năm Thống Nguyên thứ 6 - Từ tháng 6 trở đi, là Mạc Đăng Dung năm Minh Đức thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 6).

Tháng 4, mùa hạ. Đăng Dung tự làm An Hưng vương, tự cho mình được hưởng nghi lễ và đồ dùng "cửu tích"⁸.

Đăng Dung từ sau vụ Đông Hà⁹, giả vờ rút lui, sống cách nhàn tản, về ở Cổ Trai, nhưng vẫn từ xa cầm nắm quyền bính triều đình.

Xuân sai bọn Tùng Dương hầu Vũ Hữu và Lan Xuyên bá Phan Đình Tá cầm cờ tiết và đem kim sách đi Cổ Trai ban cho Đăng Dung: mũ áo thiêu rồng đen, đai ngọc, kiệu tía, quạt vẽ, tán tía; tiến phong Đăng Dung tước An Hưng Vương, và cho thêm "cửu tích".

¹ Nay là thôn Ông Mặc, xã Hương Mạc, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh.

² Nay là thôn Xuân Lôi, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, Bắc Ninh.

³ Nay là thôn Xuân Lôi, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, Vĩnh phúc.

⁴ Đây là lỗi in của Cương mục, thực ra suốt triều Hồng Đức (1470 - 1497) không có khoa nào là khoa "Mậu Tuất ". Vậy nếu là Mậu Thân thì là 1488; nếu là Canh Tuất thì là 1490.

⁵ Nay là thôn Lý Hải, xã Phú Xuân, huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

⁶ Nay thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

⁷ Nay là Thanh Trì, thuộc Hà Nội.

⁸ Theo chế độ phong kiến xưa, khi thiên tử muốn tỏ ý ưu đãi một đại thần nào thì ban cho đồ quý giá và cho hưởng nghi lễ đặc biệt để biểu dương khác với mọi người. Chính thứ ban cho ấy gọi là "cửu tích ". Muốn rõ từng thứ một, xin xem "lời chua " ở sau của Cương mục.

⁹ Tức là việc giết Lê Chiêu Tông ở phường Đông Hà.

Xuân lại ban cho Đăng Dung bài thơ nói về việc Chu Công giúp rập Thành Vương.

Lời chua - Cừu tích: Theo sách Lê Vĩ thì Cừu tích gồm có:

1. Xe, ngựa.
2. Áo mặc.
3. Nhạc khí.
4. Cửa son.
5. Nạp bệ¹.
6. Hồ bồn².
7. Cung, tên.
8. Phủ việt³.
9. Cự sường⁴.

Chính thứ ban cho trên đây là cốt để khuyến khích người thiện đã nâng đỡ được kẻ không đủ tài năng.

Sách Bạch hổ thông chép: Biết vỗ về cho dân được yên vui thì ban cho xe và ngựa. Làm được cho dân giàu dân giàu có thì ban cho áo mặc. Làm cho dân được hòa vui, thì ban cho nhạc khí, làm cho số dân tăng nhiều thì ban cho được dùng cửa son. Biết khuyên nhà vua làm điều thiện thì cho được "nạp bệ". Biết đẩy lùi được điều ác của nhà vua thì ban cho quân hồ bồn. Giết được kẻ có tội thì ban cho cây phủ việt. Đánh dẹp được kẻ phản nghịch thì ban cho cung và tên. Có lòng hiếu thảo đầy đủ thì ban cho rượu cúng tế.

Cổ Trai: Tên xã, xem Lê Uy Mục, năm Đoan Khánh thứ 4 (Chb. XXV, 26).

Vũ Hữu: Người làng Mộ Trạch⁵, huyện Đường An⁶, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463), niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông.

Phan Đình Tá: Người Phù Lưu, huyện Thiên Lộc⁷, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499), niên hiệu Cảnh Thống, đời Lê Hiến Tông.

Tháng 6. Đăng Dung tự xưng là vua.

Đăng Dung từ Cổ Trai vào kinh đô, ép Xuân nhường ngôi cho mình.

Bấy giờ ban thứ trăm quan để yên chỗ, nhưng chưa có tờ chiếu nhường ngôi. Đăng Dung hạ lệnh cho Lại bộ thượng thư Trương Phu Duyệt⁸ đứng thảo. Nhưng Phu Duyệt quắt mắt, mắng Đăng Dung: "Thế nghĩa là gì!".

¹ Được phép xây ngay thêm bậc lên xuống ở trong nền nhà, chứ không phải xây lộ thiên ở ngoài.

² Những tay dưng sĩ.

³ Phủ: cái búa, việt:: búa lớn.

⁴ "cự sường" một thứ rượu dùng về việc cúng tế.

⁵ Nay là thôn Mộ Trạch thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương.

⁶ Thời Lê thuộc phủ Thượng Hồng. Thời Nguyên do phủ Bình Giang kiêm lý. Phủ Bình Giang sau là huyện Bình Giang.

⁷ Sau đổi Can Lộc thuộc Hà Tĩnh (xem thêm Cương mục, Tb, IV, 23; Đại Nam nhất thống chí, XIII, 5, tỉnh Hà Tĩnh).

⁸ Người xã Kim Đâu, huyện Thanh Miện nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Đặng Dung bèn sai Đông Các đại học sĩ Nguyễn Văn Thái phải làm cho xong tờ chiếu. Đặng Dung bèn sai tuyên đọc lời chiếu rồi xưng hoàng đế, đổi năm này (Đinh Hợi, 1527) làm năm Minh Đức thứ 1.

Đặng Dung giết hoàng đế Xuân và hoàng thái hậu Trịnh Thị.

Đặng Dung phế truất Xuân xuống làm Cung Vương, giam luôn với hoàng thái hậu Trịnh Thị ở nội cung phía tây, vài tháng sau ép phải tự tử.

Đặng Dung vào đóng tại thành Thăng Long, lập miếu, dựng điện, truy tôn tổ khảo nhà mình.

Đặng Dung từ Cổ Trai vào ở thành Thăng Long, đặt Hải Dương làm Dương Kinh, lập miếu và cung điện ở xã Cổ Trai. Từ tổ là Mạc Đĩnh Chi đến cha là Hịch gồm 7 đời đều truy tôn làm đế và hậu. Lập con là Đặng Doanh làm thái tử, phong em trai là Quyết làm Tín vương, em trai là Đốc làm Từ vương, em gái là Ngọc Huệ làm công chúa... Lại phong em rể là Vũ Hộ làm Tĩnh quốc công, cho lấy theo họ Mạc; phong hoạn quan Nguyễn Thế Ân làm Ly quốc công.

Bấy giờ trong kinh đô và ngoài các lộ thấy đều hoang mang. Đặng Dung sợ lòng người tưởng nhớ nhà Lê cũ, sinh ra biến cố, nên phạm việc đều noi theo chế độ triều Lê, vỗ về một cách giả tạo để trấn áp lòng người; nào sửa chữa đền miếu nhà Lê cũ, cúng tế theo tuần tiết bốn mùa, nào truy phong thêm cho các bầy tôi tiết nghĩa nhà Lê như bọn Vũ Duệ và Đàm Thận Huy... Đặng Dung lại cầu tìm con cháu các công thần, bề ngoài tỏ ý lực dụng để vỗ về họ.

Nhưng con cháu các nhà công thần ấy hoặc trốn tránh vào rừng núi, hoặc giấu tên ẩn họ, không ra làm quan, hoặc tụ họp làm giặc cướp, hoặc trốn đi ngoại quốc để lánh nạn.

Lời chua - Nguyễn Thế Ân: Người Mộ Trạch huyện Đường An¹.

Mậu Tý (1528). (Mạc, năm Minh Đức thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặng Dung đúc thứ tiền khác.

Đặng Dung muốn thay đổi, lập chính sự mới, nhưng khi cho đúc tiền theo phép cũ thì phần nhiều hỏng cả, bèn đúc thứ tiền mới pha lẫn cả chì và sắt, ban hành trong nước khiến cho thông dụng.

Tháng 2, Đặng Dung phong tước và phẩm trật cho bè đảng mình có hơn kém khác nhau.

phong:

Nguyễn Quốc Hiến làm phò mã đô úy, thái bảo, lâm quốc công, cho đổi theo họ Mạc;

Mạc Quốc Trinh làm thái sư, Lâm quốc công;

Mạc Đình Khoa làm tả đô đốc, Khiêm quận công;

Nguyễn Ung làm thiếu bảo, Thông quốc công;

Trần Phi làm Lai quận công.

Ngoài ra, bọn Khuất Quỳnh Cừ, Nguyễn Bình Đức, Phạm Gia Mô, Phan Đình Tá, Nguyễn Văn Thái, Nguyễn Mậu, Hà Cảnh Đạo, Mạc Ích Trưng, Nguyễn Tuệ, Nguyễn Địch, Phạm Chính Nghị, Nguyễn Chuyên Mỹ, Nguyễn Độ, Lê Quang Bí và Nguyễn Điển Kính 56 người đều được thăng trật và phong tước có cao thấp khác nhau.

Lời chua - Trần Phi: Người Chi Nê², huyện Chương Đức, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) niên hiệu Đoan Khánh đời Lê Uy Mục.

¹ Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

² Nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

Khuất Quỳnh Cừ: Người Lô Trạch, huyện Thạch Thất¹ đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) niên hiệu Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Phạm Chính Nghị: Người làng Hoa Kiêu², huyện Lang Tài³.

Hà Cảnh Đạo: Người làng Đạo Tú thuộc huyện Siêu Loại⁴.

Nguyễn Chuyên Mỹ: Người làng Thạch Lựu, huyện An Lão⁵.

Nguyễn Bình Đức: Người Thịnh Quang, huyện Quảng Đức⁶. Từ Phạm Chính Nghị, Hà Cảnh Đạo đến Nguyễn Chuyên Mỹ và Nguyễn Bình Đức đều đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1514), niên hiệu Hồng Thuận đời Lê Tương Dực.

Nguyễn Tuệ: Người Kim Bài, huyện Thanh Oai⁷.

Nguyễn Dịch: Người Lai Xá, huyện Lang Tài, Nguyễn Tuệ và Nguyễn Dịch đều đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511), niên hiệu Hồng Thuận đời Lê Tương Dực.

Nguyễn Độ: Người Phù Vệ thuộc huyện Đường Hòa, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Dần (1518), niên hiệu Quang Thuận.

Lê Quang Bí: Người Mộ Trạch, huyện Đường An⁸, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1526), niên hiệu Thống Nguyên.

Bọn Lê Công Uyên, Nguyễn Ngã, Nguyễn Thọ Trường dấy quân đánh Đàng Dung: không thắng được.

Bấy giờ Đàng Dung sau khi làm việc thí nghịch và tiếm ngôi nhà Lê, mưu mô tìm kiếm con cháu các công thần để câu nhử bằng quan tước. Bích Khê hầu Lê Công Uyên là cháu nhà công thần, công phần vì chính nghĩa, không chịu khuất phục nhà Mạc, bèn mưu bàn với bọn Nguyễn Ngã và Nguyễn Thọ Trường cùng dấy quân. Họ tấn công vào cửa Chu Tước, nhưng không được; phải chạy vào Thanh Hóa, chiêu tập nhân dân, kéo cờ chur tướng. Đàng Dung sai quân đi đánh. Công Uyên bị Lê Thiệu, người châu Thúy Đà, giết chết, do đó các tướng đều tan vỡ.

Lời chua - Lê Công Uyên: Người huyện Lô Dương⁹, là cháu nội Lê Văn Linh, khai quốc công thần.

Thúy Đà: Tên châu, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10¹⁰ (Chb. XXI, 20 - 21).

Đàng Dung quy định binh chế, điền chế là lộc chế¹¹.

¹ Nay là thôn Trạch Lô, xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Tây.

² Tục gọi Huê kiêu (cầu hoa).

³ Nay là huyện Gia Lương, Bắc Ninh.

⁴ Nay là huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

⁵ Nay là thôn Thạch Lựu, xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng.

⁶ Nay thuộc phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.

⁷ Nay là thôn Kim Bài, xã Kim An, huyện Thanh Oai, Hà Tây.

⁸ Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương.

⁹ Nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

¹⁰ Nguyên văn Cương mục in lầm là Quang Thuận thứ 7.

¹¹ Tức là chế độ về quân đội, về ruộng đất và về bổng lộc.

Đặng Dung cho rằng bấy giờ sau lúc thừa hưởng thái bình, chế độ đã trở trảng lỏng lẻo, nên muốn sửa sang và chấn chỉnh lại. Đặng Dung bèn sai bọn Nguyễn Quốc Hiến khảo cứu sắp xếp lại chế độ về quân đội, về ruộng đất về bổng lộc. Lại kiểm điểm danh hiệu các vệ, các sở, các ti, tên chức quan, số nhân viên và số quân lính ở trong kinh đô và ngoài các lộ thuộc 5 phủ¹. Tất cả mọi quy chế trên đây đại khái đều phỏng theo điển lệ đời Hồng Đức (1470 - 1497). Đặng Dung lại đặt thêm vệ Hưng Quốc và vệ Chiêu Vũ, cộng với hai vệ Cẩm Y, Kim Ngô đã đặt từ trước, thành bốn vệ. Đặt quân Hải Dương thuộc vệ Hưng Quốc, quân Sơn Nam thuộc vệ Chiêu Vũ, quân Sơn Tây thuộc vệ Cẩm Y, quân kinh Bắc thuộc vệ Kim Ngô. Lại chia người bổ vào các ti ở trong các vệ. Mỗi ti đặt: một chỉ huy sứ, một chỉ huy đồng tri, một chỉ huy thiêm sự, mười trung hiệu, một thư ký, 1.100 trung sĩ, chia làm 22 ban. Ban chia làm 5 giáp. Mỗi giáp đặt một người làm giáp thủ, luân phiên nhau làm túc trực.

Lời chua - Binh chế, điển chế và lộc chế: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XXIII, 5 - 25). Những phủ, vệ và ti do Mạc Đăng Dung đặt thêm, không rõ số mục là bao nhiêu.

kỷ Sứ (1529). (Mạc, năm Minh Đức thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 8). Bày tội cũ nhà Lê là Trịnh Ngung, Trịnh Ngang chạy đi tố cáo với nhà Minh.

Hai anh em Trịnh Ngung Trịnh Ngang chạy sang tố cáo với nhà Minh về việc Đặng Dung tiếm ngôi, và xin nhà Minh dấy quân hỏi tội. Đặng Dung hối lộ bày tội nơi biên giới nhà Minh để im chuyện đi. Do đấy công việc không xong, hai người đều chết ở nhà Minh.

Triệu tổ Tĩnh hoàng đế² ta³ dấy quân ở Ai Lao.

trước kia làm Thanh Hoa hữu vệ Điện Tiền tướng quân, tước An Thanh hầu, bấy giờ đem con em sang Ai Lao, được quốc vương Ai Lao là Sạ Đầu dâng cho đất Sâm Châu, bèn do nhân dân dấy và đất đai đầy (tổ chức làm căn cứ địa); gây nuôi quân lính, thu dùng hào kiệt, ngầm tìm con cháu họ Lê để toan tính công cuộc khôi phục.

Lời chua - Sâm Châu: Thuộc Thanh Hoa, phía tây nam giáp với Ai Lao, có man Mang Hồ cư trú. Khoảng niên hiệu Gia Long (1802 - 1819) triều ta⁴, Sâm Châu là cố gắng man⁵ ở Thanh Hoa, lại chịu riêng phú thuế và sưu dịch với nước Vạn Tượng. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827), Vạn Tượng bị Tiêm La đánh phá. Sâm Châu cầu xin phụ thuộc về ta, liền đó ta đổi làm huyện Sâm Nứa, cho lệ thuộc vào phủ Trấn Biên, tỉnh Nghệ An, năm Minh Mạng thứ 9 (1828), ta thấy đất ấy gần tỉnh Thanh Hoa, nên theo sự thuận tiện của dân Man, lại đặt lệ thuộc phủ Trấn Man.

Đặng Dung mở khoa thi hội.

Từ phép thi đến cách thức ban ơn đều nhất nhất noi theo điển lệ của triều Lê, khoa này, bọn Đỗ Tổng, Nguyễn Hăng và Nguyễn Văn Huy 27 người trúng tuyển. Từ đó về sau, cứ ba năm một khoa thi, giữ làm lệ thường.

Lời chua - Đỗ Tổng: Người Lại Ốc, huyện Văn Giang⁶.

Nguyễn Hăng: Người Vũ Lăng, huyện Thượng Phúc¹.

¹ Xem Chb. XX, 2.

² Tức là Nguyễn Kim, người Bái Trang, huyện Tống Sơn, thuộc Thanh Hóa, tổ của Triều Nguyễn. Vì Cương mục do sử thần triều Nguyễn chép nên khi nói về Nguyễn kim, chỉ tôn xưng miếu hiệu, không chép thẳng tên. Và từ đây trở đi, phạm chỗ nào chép về tổ tiên và vua chúa triều Nguyễn đều kèm theo chữ "ta" (ngã) cả.

³ Nt.

⁴ Nguyên văn là "bản triều". Đó là do Quốc sử quán triều Nguyễn chép, nên gọi triều Nguyễn là "triều ta". Các chỗ khác trong sách này cũng đều chung một lệ ấy.

⁵ Dân thiểu số này, hằng năm, chỉ phải giữ lễ tiến cống, chứ không phải chịu phú thuế và sưu dịch với triều đình nhà Nguyễn.

⁶ Nay là thôn Lại Ốc, xã Long Hưng,, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Nguyễn Văn Huy: Người Vịnh Cầu, huyện Đông Ngàn².

Canh Dần (1530). (Mạc Đăng Doanh, năm Đại Chính thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Đăng Dung truyền ngôi tiếm ngụy cho con là Đăng Doanh.

Đăng Dung cướp ngôi được ba năm, bèn truyền ngôi tiếm ngụy cho con trưởng là Đăng Doanh, tự cho mình là già cả, xưng thái thượng hoàng, lui về ở tại Cổ Trai để trấn giữ củng cố chỗ căn bản, nhưng vẫn nắm giữ tất cả quyền bính và định đoạt mọi việc quốc gia. Đăng Doanh tiếm đặt niên hiệu là Đại Chính (1530 - 1540).

Lê Ý người Thanh Hoa, dấy quân ở Da Châu.

Tháng 4, mùa hạ. Lê Ý đánh bại Đăng Dung ở sông Mã.

Lê Ý, con công chúa Thái An nhà Lê, căm phẫn họ Mạc tiếm nghịch, bèn tụ hợp quân chúng, chiếm giữ Da Châu, lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, báo cáo với gần xa, chiêu tập những người nghĩa dũng. Trong khoảng mười lăm hôm đến một tháng, được đến vài vạn quân, Lê Ý dàn doanh trại, dựng rào lũy chia quân đặt thành từng bộ, từng ngũ đóng đồn ở vùng sông Mã.

Hào kiệt ở các quận huyện đều cho rằng họ Lê lại trung hưng, bèn kéo nhau đến quy phụ. Thanh thế quân đội của Lê Ý rất hùng hậu.

Nghe biết việc này, Đăng Dung chính mình đốc suất vài vạn quân thủy, quân bộ, đánh nhau với Lê Ý ở sông Mã, bị Lê Ý đánh bại. Đăng Dung bèn rút về, để đồ đảng là bọn Mạc Quốc Trinh ở lại đóng giữ Hoa Lâm. Lê Ý nhân đà thắng lợi, tiến đánh thành Tây Đô³, lập đại doanh ở Nghĩa Lộ.

Lời chua - Da Châu: Tức châu Quan Da thuộc tỉnh Thanh Hoa.

Sông Mã: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 18).

Tây Đô: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XXI, 16).

Hoa Lâm: Tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hoa.

Nghĩa Lộ: Không rõ ở đâu.

Tháng 8, mùa thu. Lê Ý đánh cho Đăng Doanh đại bại ở Động Bàn.

Khi Đăng Dung thua trận rút về thì Đăng Doanh kéo đại quân vào hội ở phận sông Hoảng Hóa. Hai đạo quân của Đăng Dung và Đăng Doanh đồng thời cùng tiến. Mạc Quốc Trinh được lệnh đem 200 chiến thuyền tiến lên trước. Họ hẹn nhau rằng, ngày hôm sau, tất cả cùng hội binh ở sông Đa Lộc thuộc huyện An Định⁴.

Nghe biết tin này, Lê Ý đặt nghi binh ở Đa Lộc, còn chính mình thì đem toán quân tinh nhuệ, đêm đến lén đi đường tắt, mờ sáng, đến An Sơn⁵.

Bấy giờ thuyền quân Quốc Trinh đang đi qua, Lê Ý nổi pháo hiệu ầm lên, rồi tự đốc suất quân lính đánh tiện ngang vào phía sau quân địch. Quốc Trinh kinh ngạc luống cuống, không biết xoay trở ra sao! Quân bên Mạc tranh nhau bỏ thuyền chạy. Lê Ý ruổi ngựa, dẫn đầu tướng sĩ, đuổi chém hơn 70 thủ cấp địch, quân Mạc đổ vỡ tan tành. Quân Lê Ý thừa thắng, đuổi kẻ thua chạy, chém và bắt được vô kể.

Buổi trưa hôm ấy. Đăng Doanh tiến đến Động Bàn, vì còn chưa biết Quốc Trinh đã bại trận.

¹ Nay thuộc xã Thăng Lợi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

² Nay thuộc xã Đồng Nguyên, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

³ Tức thành Thanh Hóa.

⁴ Thuộc Thanh Hóa.

⁵ Toàn thư XV, 75 chép là "An Sơn Giang" (cũng thuộc Thanh Hóa).

Lê Ý khẳng khái ra lệnh cho các tướng: "Bây giờ gặp quân địch to lớn như thế này, nếu ta không cố sức chiến đấu thì đến bao giờ cho khôi phục được ? " Các tướng đều hăng hái tiến lên trước, lại cả phá được địch: chém và bắt sống được hơn vạn người. Quân Mạc bị chết, chông gối lên nhau ! Đăng Doanh phải chạy về, để Quốc Trinh đóng quân ở lại, cố thủ Tống Giang.

Lời chua - Đa Lộc, An Giang¹, Động Bàn: Đều là tên xã, thuộc huyện An Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tống Giang: Sông này thuộc huyện Nga Sơn², tỉnh Thanh Hóa, chảy về phía đông đến bến Thanh Đán Quan thì đổ ra biển.

Tháng 12, mùa đông. Lê Ý đánh nhau với quân Mạc; không thắng được bị chết.

Lê Ý, vì lương thực không tiếp tế liên liền được, phải chuyển quân về Da Châu. Cậy mình đã thắng nhiều trận, Ý đâm kiêu căng, khinh địch, không phòng bị. Bấy giờ Ý sai tướng sĩ vào núi vận tải lương thực để doanh trại trống rỗng, sơ hở, đội ngũ không chỉnh tề.

Hay tin, Quốc Trinh lựa lấy toán quân nhanh nhẹn đem 50 chiếc thuyền chiến ngày đêm đi gập đường, tiến sát đến trại Da Châu. Lê Ý không kịp nghênh chiến, bị quân Mạc bắt được, đóng cũi đưa về Thăng Long, buộc chân tay vào xe mà xé xác³.

Tân Mão (1531). (Mạc, năm Đại Chính thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 10).

Nhâm Thìn (1532). (Mạc, năm Đại Chính thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 11).

Tháng 11, mùa đông. Đăng Doanh sai bọn hoạn quan Dương Chấp Nhất và Tây An bá Lê Phi Thừa chia nhau coi quản Thanh Hoa.

Đăng Doanh sai trung nhân⁴ Dương Chấp Nhất làm đại tướng lãnh binh thống quản Thanh Hoa tam phủ đồng tam ti, tổng trấn quân và dân một địa phương. Phi Thừa gièm pha rằng: "Ở Ái Châu⁵, núi sông hiểm trở, đất đai màu mỡ, quân lính và lương thực đều đầy đủ. Và lại, nên phân quyền chứ không nên dồn quyền vào cả một người. Nếu do một người chuyên nắm, một khi lỡ có sự biến thì Ái Châu e không phải là đất của triều đình nữa. Nguyện xin xét kỹ cho ". Đăng Doanh bèn đem bảy huyện thuộc Thanh Hoa là Thụy Nguyên, An Định, Vĩnh Lộc, Đông Sơn, Cẩm Thủy, Thạch Thành và Quảng Bình tách ra, giao cho Phi Thừa cai quản, cùng với Chấp Nhất cùng gìn giữ trông nom cho nhau.

Lời chua - Thụy Nguyên: Tức Lương Giang. Xem Bình Định vương năm thứ nhất (Chb. XIII, 2).

Vĩnh Lộc: Tên huyện, tên cũ là Vĩnh Phúc, thuộc Thanh Hóa.

Đông Sơn, An Định: Đều là tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hóa⁶.

Thạch Thành, Cẩm Thủy: Đều là tên huyện, nay thuộc phủ Quảng Hóa⁷.

Quảng Bình: Nay là huyện Quảng Địa, thuộc phủ Quảng Hóa.

Dương Chấp Nhất: Người huyện Hoảng Hóa⁸.

¹ Chấn là "An Sơn " mà Cương mục in lầm.

² Theo Đại Nam nhất thống chí XVI, 42 (Thanh Hóa tỉnh, thượng) thì sông Tống Giang ở địa phận huyện Tống Sơn.

³ Toàn thư XV, 76 chép sau khi Lê Ý bị bắt, quân gia tan rã, hoặc chạy sang Ai Lao, nhập vào dưới cờ Nguyễn Kim, hoặc tàn về thôn quê, làm ăn sinh sống.

⁴ Tức hoạn quan.

⁵ Tức Thanh Hóa.

⁶ Đều thuộc Thanh Hóa.

⁷ Nt.

⁸ Đều thuộc Thanh Hóa.

Lê Phi Thừa: Người Hương Thị, thuộc An Định¹.

Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Quý Tỵ. Lê Trang Tông Dụ hoàng đế, năm Nguyên Hòa thứ 1 (1533). (Mạc, năm Đại Chính thứ 4 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân, Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta² đón lập hoàng tử Ninh lên ngôi ở Ai Lao.

Trước kia, khi Đăng Dung thí nghịch và tiếm ngôi, Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta lánh nạn sang ở tại châu Sầm Nưa thuộc Ai Lao, chiêu tập những người trung dũng, đầu tiên dựng lá cờ nghĩa, quyết chí diệt Mạc để khôi phục nhà Lê, bèn tìm khắp mọi nơi kiếm lấy cho cháu họ Lê, thì được con nhỏ của Chiêu Tông là Ninh, lập làm vua, lên ngôi ở Ai Lao, đặt niên hiệu là Nguyên Hòa. Từ đó, hội gió mây lôi cuốn, tiếng chính nghĩa lẫy lừng, quân trẩy đến đâu chẳng ai là không hưởng ứng. Công nghiệp trung hưng nhà Lê thực bắt đầu từ đây.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9 - 10).

Châu Sầm Nưa: Xem Mạc, năm Minh Đức thứ 3 (Chb. XXVII, 20).

Bàn luận về công tôn phù giúp rập nhà vua³, phong tước và ban thưởng có tầng bậc khác nhau.

Phong Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta làm thượng phụ, thái sư tước Hưng quốc công, giữ công việc trong và ngoài; phong Đinh Công làm thiếu úy, tước Hùng quốc công. Ngoài ra, các tướng tá khác đều được phong thưởng có tầng bậc khác nhau.

Nhà vua thông hiếu với chúa Ai Lao là Sạ Đẩu, trưng mộ quân lính, điều bát lương thực để tính việc tiến thủ.

Lời chua - Đinh Công: Người huyện Quảng Bình thuộc Thanh Hoa.

Sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, nhiều lần sai người đem thư sang nhà Minh báo cáo về nạn nước, đều bị đồ đảng của giặc đón đường giết chết. Đến đây, sai bọn Trịnh Duy Liễu hơn mười người vượt biển từ Chiêm Thành đi ghé thuyền buôn Quảng Đông, hàng hai năm trời mới đến Yên Kinh, trình bày đầu đuôi về việc Đăng Dung thí nghịch, lén lút chiếm cứ quốc đô, do đó đường sá sang cống mới bị ngăn trở đoạn tuyệt. Vậy xin nhà Minh dấy quân hỏi tội họ Mạc.

Người Minh ngờ rằng có sự dối trá. Duy Liễu bèn viết bức thư hàng vài nghìn lời, tự cho mình là người có nghĩa khí có thể sánh với Thân Bao Tư⁴ và Trương Tử Phòng⁵, lời lẽ trong thư trung nghĩa mà đầy giọng căm hờn, hăng hái mà sục sôi tức bực, khiến người đọc phải xót xa.

Nghiêm Tung, Lễ bộ thượng thư nhà Minh, tâu nói: "Những lời điều trần của Duy Liễu chưa chắc đã có căn cứ đích xác. Vậy xin cho lưu Duy Liễu ở lại sứ quán, rồi sai quan sang khám xét sự thực ". Vua Minh bèn sai bọn thiên hộ Đào Phụng Nghi và Trần Tỉ ra đi, cùng với tuần phủ Vân Nam là U ông Văn Thịnh hội khám, xét xem kẻ nào là tên tội nhân chủ phạm.

Lời chua - Trịnh Duy Liễu: Người Thủy Chú, huyện Lô Dương¹.

¹ Nt.

² Xem chú giải số 1 và số 2 ở Chb XXVII, 19.

³ Chỉ việc lập Lê Trang Tông.

⁴ Người nước Sở đời Xuân Thu. Khi quân Ngô đánh phá nước Sở, Bao Tư sang Tần cầu cứu, khóc đến bảy ngày làm vua Tần cảm động, phải dấy quân cứu nước Sở.

⁵ Tên tự của Trương Lương, trung với nước Hàn, mưu sát Tần Thủy Hoàng ở Bắc Lăng Sa để báo thù cho nước. Sau giúp Hán Cao Tổ, thống nhất thiên hạ.

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục Để, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20 - 21).

Giáp Ngọ, năm thứ 2 (1534). (Mạc, năm Đại Chính thứ 5. Minh, năm Gia Tĩnh thứ 13).

Ất Mùi, năm thứ 3 (1535). (Mạc, năm Đại Chính thứ 6 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 14).

Bính Thân, năm thứ 4 (1536). (Mạc, năm Đại Chính thứ 7 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 15). Lại sai sứ sang nhà Minh (không rõ tháng nào).

Sau chuyến Trịnh Duy Liễu đã đi, nhà vua thấy lâu không có tin tức tằm hơi gì, lại sai Trịnh Viên sang Minh. Viên đi đến Vân Nam thì quan hội khám nhà Minh là bọn Đào Phượng Nghi cũng vừa tới nơi, Viên bèn trình bày tất cả sự việc họ Mạc thí nghịch và tình hình vua Lê bên ba long đong. Viên thỉnh cầu nhà Minh xuất quân đánh Mạc. Quan hội khám về triều báo cáo. Vua Minh giao việc này xuống để đình thần bàn xét. Mọi người trong bộ Lễ và bộ Binh đều nói: "Đặng Dung có mười tội to, không thể không đánh được ".

Đinh Dậu, năm thứ 5 (1537). (Mạc, năm Đại Chính thứ 8 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 16).

Tháng 2, mùa xuân. Minh dùng Cừ Loan làm tổng đốc, Mao Bá Ôn làm tán lý quân vụ, đi đánh Mạc Đăng Dung.

Vua Minh đã biết rõ tội trạng tiếm nghịch của Đặng Dung Tuần phủ Vân Nam là U ông Văn Thịnh lại tâu nói Đặng Dung ngầm sai bọn tri châu Nguyễn Cảnh đi sang rình dò hư thực, đến núi Nạp Canh bị thổ xá là Lý Mạnh Quang bắt được luôn với một bài Đại cáo do ngục Mạc soạn ra, rồi đem trình nộp. Vua Minh cả giận, bèn phong Hàm Ninh hầu Cừ Loan làm tổng đốc, thượng thư Mao Bá Ôn làm tán lý quân vụ, đem quân đi đánh U Ông Văn Thịnh truyền hịch mọi nơi, đem họa phúc dụ bảo.

Lời cần án: - Sử cũ, trong năm Nguyên Hòa thứ 1 (1533), chép vua Lê sai Trịnh Duy Liễu sang Minh xin quân [đánh Mạc]; đến năm thứ 2 (1534), chép vua Minh sai tướng sang đánh Đặng Dung. Nay tra trong Minh sử: tháng 2, mùa xuân, năm Gia Tĩnh thứ 16 (Đinh Dậu, 1537) chép vua Minh sai tướng sang đánh Đặng Dung thì chính đúng vào năm Nguyên Hòa thứ 5. Nay, Duy Liễu sang Minh hàng hai năm mới đến được quốc đô [Trung Quốc]; kịp khi được U Ông Văn Thịnh tâu trình lên thì (triều đình nhà Minh) mới bàn đến việc ra quân. Vậy xét theo sự thực thì Minh sử đúng. Nay xin cải chính.

Lời chua - Núi Nạp Canh: Theo thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư thì núi Nạp Canh ở phủ Lâm An thuộc Vân Nam.

Tháng 4, mùa hạ. Gió bão lớn. Nước biển tràn ngập.

Gió bão lớn, cây đổ, nhà sụp. Nước biển tràn ngập. người và súc vật phần nhiều chết đuối.

Tước Mạc, Lê Phi Thừa, đầu hàng.

Tây An hầu Lê Phi Thừa nhà Mạc được phân phối cai quản 7 huyện² thuộc Thanh Hoa. Khi nghe biết nghĩa quân³ trỗi dậy, bèn thu vén vợ vệt chỗ đình tam ti mà sang Ai Lao quy thuận nhà Lê. Nhà vua cho Phi Thừa vẫn giữ nguyên quan tước như cũ. Về sau, vì kêu ngạo, ngang ngược và hay oán trách, nên Phi Thừa bị giết chết.

Mậu Tuất, năm thứ 6 (1538). (Mạc, năm Đại Chính thứ 9 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 17).

Mùa xuân, Đặng Doanh tuyển mộ hoàng đinh⁴ làm lính.

¹ Nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

² Xem Chb. XXVII, 24.

³ Chỉ đám quân do Nguyễn Kim lãnh đạo, lập Lê Trang Tông ở Ai Lao để khôi phục nhà Lê.

⁴ Dân đinh 17 tuổi.

Lời chua - Hoàng đình: Xem Lê Hiến Tông, năm Cảnh Thống thứ 3 (Chb. XXV, 5).

Mạc Đăng Doanh sai bày tội là bọn Nguyễn Văn Thái sang nhà Minh, xin hàng.

Đăng Doanh được tin quân Minh sang đánh, cả sợ, liền sai đồ đảng là bọn Nguyễn Văn Thái đem tờ biểu đầu hàng sang Minh nói dối trá rằng:

"Tương Dực để bị nghịch tặc Trần Cao giết hại, Đăng Dung cùng người trong nước tôn lập vua Chiêu Tông. Không bao lâu, Chiêu Tông lại bị gian thần là bọn Đỗ Ôn Nhuận và Trịnh Tuy dụ dỗ dời vào Thanh Hoa, Đăng Dung lại tôn lập Cung đế làm vua. Liền đó Đăng Dung lại đón Chiêu Tông từ Thanh Hoa về. Rồi Chiêu Tông và Cung đế đều bị bệnh chết. Họ Lê không người kế tự. Cung đế, khi bệnh kịch, có bàn với quần thần, cho rằng cha con Đăng Dung có công với nước, bèn vờ vào, trao cho ấn chương để nối coi việc nước. Đăng Dung bèn được người nước suy tôn.

Còn lý do chưa được dâng biểu và sai sứ sang cống, là trước vì Trần Cung chiến giữ Lạng Sơn làm nghẽn đường, sau vì quan giữ biên cương đóng cửa ải không tiếp nhận. Đến như người nhận là dòng dõi họ Lê bây giờ chỉ là con của kẻ khác, chứ không phải là con của Chiêu Tông".

Vua Minh biết rõ những lời trong bài biểu đều là lừa dối bưng bít. Và lại, tuy xin hàng, nhưng lời lẽ vẫn không thành khẩn khuất phục, Đăng Dung lại không tự trói nộp mình để đợi tội. Vua Minh bèn quyết đánh, mới sai bọn Cừ Loan và Mao Bá Ôn mau đến Quảng Tây chiêu tập binh lính để tiến đánh nhà Mạc.

Kỷ Hợi, năm thứ 7 (1539). (Mạc, năm Đại Chính thứ 10 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 18). Nhà vua sai bọn đại tướng Trịnh Kiểm đi tuần Thanh Hoa, đánh cho quân Mạc đại bại ở Lôi Dương¹ (không rõ tháng nào).

Nhà vua dùng Trịnh Kiểm làm đại tướng quân, tước Dực quận công, lại phong bọn Trịnh Công Năng và Lại Thế Vinh làm quận công. Họ đều được ban ấn tướng quân, quản lĩnh quân bản bộ, đi lược định các địa phương thuộc Thanh Hoa, tiến đánh quân Mạc ở Lôi Dương: địch bị đại bại.

Lời chua - Lôi Dương: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 1).

Trịnh Kiểm: Người Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc². Thờ trẻ nghèo hèn, Kiểm đến nương nhờ dưới trướng Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta; được thương yêu và tín cẩn lắm. Rồi Triệu Tổ đề bạt phong Dực Nghĩa hầu và gả cho trưởng nữ là Ngọc Bảo. Cho cùng mưu tính công việc, Kiểm nhiều lần lập được chiến công.

Lại Thế Vinh: Người Quang Lăng, huyện Tống Sơn³.

Đại hạn.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Canh Tý, năm thứ 8 (1540). (Mạc, năm Đại Chính thứ 11 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Đăng Doanh chết.

Con trưởng là Phúc Hải nối ngôi nguy, tiếm xưng niên hiệu là Quảng Hòa.

Tháng 11, mùa đông. Mao Bá Ôn nhà Minh đóng quân ở ngoài cửa ải. Mạc Đăng Dung đến cửa quân tướng Minh, xin hàng, và đem đất năm động hồi lộ nhà Minh.

¹ Thuộc Thanh Hoa.

² Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

³ Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Trước kia, tướng Minh là bọn Cừ Loan và Mao Bá Ôn đã đến Quảng Tây, trưng tập các lang binh¹ của thổ quan ở các tỉnh Lưỡng Quảng², Phúc Kiến và Hồ Quảng³. Lại truyền hịch đi Vân Nam sai tập hợp binh lính để chờ đợi nhật kỳ xuất quân.

bọn Cừ Loan lại bàn:

Chia chính binh⁴ làm ba đội tiểu binh, từ Quảng Tây đi các xứ Bằng Tường, Long Châu và Tư Minh;

Chia kỳ binh⁵ làm hai toán tiểu binh; toán xuất phát từ châu Quy Thuận gọi là Sơn Tiểu, toán xuất phát từ núi Ô Lô gọi là hải tiểu.

Kể cả chính binh và kỳ binh trên đây cộng 22 vạn người.

Lại chia quân Vân Nam ở ghềnh Liên Hoa làm ba toán tiểu binh, mỗi toán gồm 21.000 người. Tất cả đều lên đường, đồng thời xuất phát.

Lại truyền hịch sang ta dụ bảo về nghĩa phục hưng nước đã mất, nối lại dòng họ đã tuyệt, sự đánh dẹp chỉ nhằm một mình cha con Đãng Dung là kẻ có tội. Còn ai biết đem quận huyện nào ra hàng thì liền được trao cho chức quan ở quận huyện ấy để cai quản. Ai bắt hay chém cha con Đãng Dung mà ra hàng thì cứ tính theo từng tên tội nhân một, mỗi tên là được thưởng hai vạn nén vàng và được cho làm quan đến phẩm trật cao sang.

Tướng Minh lại dụ bảo cha con Đãng Dung nếu biết tự trói nộp mình đợi tội, thành khẩn dâng hết các sổ sách về đất đai và nhân dân thì được tha cho tội chết.

Bọn Bá Ôn đóng quân dựng đồn ở gần nơi biên giới.

Bấy giờ Đãng Doanh đã chết rồi. Đãng Dung được tin, cả sợ, sai sứ giả đến cửa quân của tướng Minh, trần tình, nguyện xin ra khỏi bờ cõi, đầu hàng, và kính cẩn vâng theo lệnh trên phân xứ.

Lời lẽ của Đãng Dung rất là khiêm nhún thiết tha. Bọn Bá Ôn vâng theo lời chiếu của vua Minh, ưng thuận, hẹn đến mồng 3 tháng 11⁶ cho Đãng Dung sang làm lễ đầu hàng.

Bọn Bá Ôn thiết lập mạc phủ và tướng đài ở Nam Quang để chờ đợi. Đến kỳ đã định, Đãng Dung để Phúc Hải ở lại coi giữ việc nước, còn mình cùng với người cháu là Văn Minh và bè đảng là bọn Vũ Như Quế hơn 40 người do đường Nam Quang đi sang: ai nấy buộc dây thào vào cổ⁷, đi chân không, gieo mình vào nơi mạc phủ tướng Minh, khúm núm, phủ phục, khấu đầu lạy, dâng tờ biểu xin hàng, nộp trình sổ sách đất đai và nhân dân do mình cai quản.

Đãng Dung lại xin dâng đất các động Ti phù, Kim Lạc, Cổ Sâm, Liễu Cát, La Phù, An Lương thuộc châu Vĩnh An ở Yên Quảng để lệ thuộc vào Khâm Châu nhà Minh. Lại xin nhà Minh ban cho chính sóc⁸ và ấn chương đã ban từ trước để Đãng Dung coi giữ việc nước trong khi chờ đợi mệnh lệnh có thay đổi hoặc quyết định ra sao..

¹ Binh lính của thổ ti ở các địa phương thuộc vùng Quảng Tây... dưới triều Minh. Quân này rất hung tợn, hành quân đến đâu thường hay hiếp dân, và cướp bóc.

² Quảng Đông và Quảng Tây.

³ Tức là đất lưỡng Hồ gồm Hồ Nam và Hồ Bắc.

⁴ Xem chú giải số 2, ở Chb. XIII, 28.

⁵ Xem chú giải số 1 ở Chb. XIII, 28.

⁶ Năm Kỷ Hợi, 1539.

⁷ Tỏ ý tự trói cổ mình đem nộp để chịu tội.

⁸ Tức là mồng 1 tháng giêng. Ngày xưa, mỗi một triều đại lên vì đều có thay họ và đổi chính sóc, như: nhà Ân thì đặt tháng 12 của nhà Hạ làm tháng giêng, nhà Chu thì dùng tháng 11 của nhà Hạ làm tháng giêng. Vì thế, khi nói là phải theo chính sóc của một triều đại nào, tức là phải lệ thuộc vào triều đại ấy.

Bọn Bá Ôn vâng theo lời chiếu của vua Minh dụ bảo Đăng Dung hãy cho đá tội, về nước, đợi mệnh lệnh phân xử sau.

Đăng Dung lại sai Văn Minh và Nguyễn Văn Thái đem tờ hàng biểu sang Yên Kinh.

Lời cần án - Sử cũ chép Mạc Đăng Dung đầu hàng nhà Minh, xin nộp các động Ti Phù, Kim Lạc, Cổ Sâm, Liễu Cát, La phù và An Lương thuộc châu Vĩnh An ở Yên Quảng cho lệ thuộc vào Khâm Châu. Nay xét Khâm Châu chí của nhà Thanh, chỉ thấy chép đời Gia Tĩnh (1522 - 1566), Đăng Dung nộp trả năm động Ti Phù, La Phù, Cổ Sâm, Liễu Cát và Kim Lạc mà thôi, chứ không thấy nói đến động An Lương. Lại tra cứu đến Quảng Yên sách thì động An Lương hiện nay là phố An Lương thuộc châu Vạn Ninh nước ta. Có lẽ, về động An Lương, Đăng Dung chưa từng dâng nộp, mà chỉ là do sử cũ chép sai sự thực đó chăng?

Lại xét: Trong năm Mạc Minh Đức thứ 2, tức là năm Minh Gia Tĩnh thứ 7 (1528), Sử cũ chép Đăng Dung sợ nhà Minh hỏi tội, bèn tính chuyện cắt đất đem dâng hai châu Quy, Thuận; vua Minh thu nhận. Từ đó, Nam, Bắc lại cho sứ giả đi lại thông hiếu. Nhưng, nay tra cứu bản đồ nước ta thì có Quý Hóa châu và Thuận Châu. Hai châu này hiện nay thuộc tỉnh Hưng Hóa. Trong Đại Thanh nhất thống chí tuy có chép châu Quy Thuận nguyên thuộc phủ Trấn An tỉnh Quảng Tây nhà Thanh đấy thật, nhưng hai châu mà sử cũ gọi là Quy Thuận có lẽ tức là Quy Hóa và Thuận Châu đó thôi.

Lại xét Minh sử thông giám kỷ sự: hồi năm Mạc Đại Chính thứ 9 (1538), Mạc Đăng Dung được tin quân Minh sang đánh, cả sợ, sai sứ xin hàng, nói dối là họ Lê không có người kế tự, cha con Đăng Dung có công với nước, được mọi người suy tôn; còn Đăng Dung sợ dĩ không dâng được biểu chương, cho sứ sang tiến cống, là chỉ vì trước kia bị Trần Cung chiếm cứ Lạng Sơn làm nghẽn đường, đến sau lại bị quan giữ biên cương đóng cửa ải, không tiếp nhận.

Này, từ năm Gia Tĩnh thứ 7 (1528) đến năm thứ 17 (1538), trải hàng 10 năm chưa từng có sứ đi thông hiếu, thế mà sử cũ, ở năm Gia Tĩnh thứ 7, đã vội chép rằng "Đăng Dung tính chuyện cắt đất dâng nộp hai châu Quy, Thuận, từ đó Nam, Bắc lại cho sứ giả đi lại thông hiếu". Về việc này, những điểm sử cũ chép đó điều xa sự thực, nên nay rút bớt đi mà chép phụ vào đây để tham khảo.

Lời chua - Bằng Tường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 11 (Chb. VI, 24).

Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo phù thứ 4 (Chb. VII, 17).

Tự Minh: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 6 (Chb. VI, 40).

Núi Ô Lôi: Thuộc Khâm Châu, phủ Liêm Châu nhà Thanh.

Ghềnh Liên Hoa: Thuộc huyện Mông Tự, phủ Khai Hóa nhà Thanh.

Nam Quan¹: Ở về phía tây nam châu Bằng tường, phủ Thái Bình thuộc tỉnh Quảng Tây nhà Thanh.

Quảng Yên: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 35).

Châu Vĩnh An: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb. II, 23 - 24).

An Lương: Theo Quảng Yên sách thì An Lương thuộc châu Vạn Ninh, phủ Hải Ninh, tỉnh Quảng Yên.

Ti Phù: theo Khâm Châu chí thì Ti Phù còn tên nữa là Ti Lãm, ở thôn Ti Lãm thuộc Thiêm Lăng đô.

Liễu Cát: Còn tên nữa là Hà Châu, ở thôn Liễu Cát thuộc Như Tích đô.

Kim Lạc: Còn tên nữa là Tư Lạc, ở thôn Tư Lạc thuộc Như Tích đô.

La Phù: Ở thôn La Phù thuộc Như Tích đô.

Cổ Sâm: Ở thôn Cổ Sâm thuộc Như Tích đô.

¹ Nay gọi Mục Nam Quan.

Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta đi tuần đất Nghệ An.

Triệu Tổ thấy đến đâu, phần nhiều hào kiệt ở đấy đều theo, gần xa đều hàng phục.

Tân Sửu, năm thứ 9 (1541). (Mạc Phúc Hải, năm Quảng Hòa thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 20).

Tháng 8, mùa thu Đăng Dung chết.

Tháng 10, mùa đông. Nhà Minh đổi nước An Nam làm An Nam đô thống sứ ti, trao cho Đăng Dung chức đô thống sứ; đổi đặt toàn quốc làm mười ba tuyên phủ ti, cho lệ thuộc vào đất nhà Minh.

Mao Bá Ôn sai người gấp đem tờ tấu về nói với vua Minh rằng: "Đăng Dung phần sợ uy thế, phần mến đức độ, đã tự trối nộp mình đợi tội, dâng đất đai, theo chính sách¹. Còn Lê Ninh xưng là dòng dõi Lê kia, thế hệ trong gia phả không được rõ ràng, nay chưa thể bằng cứ vào đâu được. Nếu cho rằng Đăng Dung có tội, chưa nên khinh suất trao cho tước và phong đất đai, thì còn cháu nội hẳn là Phúc Hải kia hiện đang chờ đợi mệnh lệnh, không dám noi theo thói cũ, tự tiện coi giữ đất nước. Vậy nếu Phúc Hải được nhờ ơn trên thương xót tha thứ, bóc bỏ tước cũ, liệu ban cho phẩm trật mới, hay là ban cho những chức sắc khác như đô hộ hoặc tổng quản giống việc nhà Hán, nhà Đường ngày trước đã làm, khiến hẳn được coi quản vỗ về An Nam. Hẳng năm bảo hẳn lên tậm Nam Quan đón lãnh bản lịch Đại thống do triều đình ban cho. Lễ cống năm trước, hẳn còn thiếu, nay xin cứ kiểm tra, chiếu theo lệ ngạch, bắt năm sau phải bổ sung cho đầy đủ.

Còn Lê Ninh theo sự điều tra khám xét hiện nay của các ti, thì ngành ngọn thế nào khó biết được rõ ràng đích xác. Trịnh Duy Liễu, trong khi nhắm đường lén lút đi tới động châu Thạch Lâm giáp gần Quảng Tây, cũng không biết rõ mặt mũi Lê Ninh thế nào; cho nên có người gọi là Lê Ninh, có người gọi là Lê Hiến, có người gọi là Quang Chiếu, có người gọi Quang Hòa, có người lại cho là do họ Trịnh mạo xưng ra.

Còn Lê Ninh ở động Tất Mã Giang mà Trịnh Viên nói đó tuy có đấy thật, nhưng lai lịch của Lê Ninh này không được rõ lắm, mà từ sự trạng² đến tuổi và diện mạo như Trịnh Viên đã trình bày lại khác với người mà Trịnh Duy Liễu đã báo cáo trước. Những người và sự việc này thật đều khó phán đoán và quyết định.

Vậy đối với Trịnh Duy Liễu, nên tùy tiện an trí ngay ở một chỗ nào đó thuộc Quảng Đông, rồi liệu cấp cho ruộng đất và nhà ở, đừng để long đong đến nỗi không được yên chỗ.

Xử trí như thế ngõ hầu mới được hết lẽ và ổn thỏa".

Vua Minh giao việc này cho đình thần bàn xét. Mọi người đều đồng ý như lời Bá Ôn đã bàn.

Nhà Minh bèn đổi nước An Nam làm đô thống sứ ti, cho Đăng Dung làm đô thống sứ, phẩm trật và bậc tòng nhị³, ban cho ấn chương khác và cho đời được cha truyền con nối. Còn các nghi thức và chế độ mà Đăng Dung tiếm dùng đều bắt tước bỏ hoặc cải chính lại. Trong mười ba lộ như Hải Dương, Sơn Nam vân vân đều đặt tuyên phủ ti, mỗi tuyên đặt một tuyên phủ đồng tri, một tuyên phủ phó sứ và một tuyên phủ thêm sự, dưới quyền cai quản của đô thống sứ. Tất cả các ti trên đây đều lệ thuộc vào Quảng Tây phiên ti.

Hẳng năm nhà Minh sẽ ban cho chính sách, và đặt lệ là cứ ba năm một lần cống.

Còn về Lê Ninh thì cứ sai bày tô trần thủ điều tra khám xét; nếu quả là con cháu họ Lê, sẽ trao cho cai quản bốn phủ thuộc Thanh Hoa, nếu là giả dối không thực, sẽ không cho.

¹ Xem chú thích ở Chb. XXVII, 33.

² Tiểu sử hoặc lược truyện của một nhân vật.

³ Còn kém chánh nhị phẩm.

Lời chua - Châu Thạch Lâm: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 27).

Tất Mã Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 18)¹.

Bốn phủ thuộc Thanh Hoa: Tức là phủ Hà Trung, phủ Tĩnh Gia, phủ Thiệu Hóa và phủ Thọ Xuân.

Mười ba lộ: Không rõ là những lộ nào. Năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đời Lê Thánh Tông có đặt ra mười ba đạo thừa tuyên², có lẽ tức là mười ba lộ này chăng.

Nhâm Dần, năm thứ 10 (1542). (Mạc, năm Quảng Hòa thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng cầm quân đi tuần hành đất Thanh Hoa.

Bấy giờ nhà vua sửa soạn chính mình cầm quân đi trận, dùng Thụy quận công Hà Thọ Tường làm ngự doanh đề thống. Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta thân hành đôn đốc tướng sĩ các doanh đi trước, tấn công Thanh Hoa và Nghệ An. Quân trẩy đến đâu thì nhiều tướng cũ và hào kiệt ở đấy đều theo. Thanh thế quân đội rất hùng lấy.

Lời chua - Hà Thọ Tường: Người Cổ Lũng, huyện Cẩm Thủy³.

Tháng 8, mùa thu. Mạc Phúc Hải sai bày tội là Nguyễn Điển Kính sang nhà Minh.

Nhà Minh ban cho Đăng Dung sắc, ấn và lịch Đại Thống. Phúc Hải sai sứ đem sản vật địa phương sang đáp tạ.

Lời chua - Sản vật địa phương: Theo truyện Mạc Phúc Hải trong Thông sử của Lê Quý Đôn thì những sản vật địa phương mà nhà Mạc đem sang tạ ơn nhà Minh gồm có:

Đồ vật	Số lượng	Trọng lượng
Lư hương, bình hoa bằng vàng	4 bộ	190 lạng ⁴
Rùa vàng	1 con	90 -
Hạc ⁵ bạc	1 con	51 -
Đài ⁶ bạc	1 chiếc	51 -
Lư hương và bình hoa bằng bạc	2 bộ	150 -
Mâm bạc	12 chiếc	641 -
Trầm hương ⁷	60 cân	
Tốc hương ⁸	48 cân	
Giáng chân hương ¹	30 nén	

¹ Theo Chb. XX, 18 thì chỉ là "Mã Giang " chứ không chép là "Tất Mã Giang ".

² Theo Chb. XX, 7 - 8 thì đời Lê Thánh Tông có đặt 12 thừa tuyên, kể cả phủ Phụng Thiên thì là mười ba (xem thêm Chb. XXI, 16 - 21). Còn nếu là mười ba đạo thì xem chú giải số 2 ở Xhb. XXVII, 1.

³ Thuộc Thanh Hóa.

⁴ Lạng ta. mỗi lạng là một phần mười sáu trong một cân ta (mỗi cân ta bằng sáu lạng tây).

⁵ Hạc, dùng cắm nến để thờ cúng.

⁶ Đồ dùng để đựng chén rượu cúng.

⁷ Xem chú thích số 4 ở Chb. XIV, 24.

⁸ Xem chú thích số 4 ở Chb. XIV, 24.

Sùng tê 20 cái
Ngà voi 30 chiếc

Còn các sản vật trong lễ cống hàng năm cũng như vậy, đặt làm lệ thường.

Tháng 12, mùa đông. Nhà Minh cho Mạc Phúc Hải được nối chức An Nam đô thống sứ ti đô thống sứ.

Trước kia, nhà Minh trao cho Đăng Dung làm chức đô thống sứ. Mệnh lệnh vua Minh thoát ban xuống thì vừa gặp lúc Đăng Dung chết. Bọn Bá Ôn xin cho cháu nội Đăng Dung là Phúc Hải được nối chức, vua Minh ưng thuận.

Quý Mão, năm thứ 11 (1543). (Mạc, năm Quảng Hòa thứ 3. Minh, năm Gia Tĩnh thứ 22). Nhà vua tiến quân đến Tây Đô. Hoạn quan nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đầu hàng.

Nhà vua tiến quân đến thành Tây Đô, đóng quân doanh ở Nghĩa Lộ, Trung hậu hầu Dương Chấp Nhất, hoạn quan nhà Mạc, làm tổng trấn ở đó, đem các con em của mình đến bá kiến ở cửa quân. Ba quân nhà Lê cả mừng. Nhà vua cho Dương Chấp Nhất cầm giữ binh quyền.

Lời chua - Tây Đô: Xem Trần Đễ Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 16).

Nghĩa Lộ: Không rõ ở đâu.

Vua Lê gia phong cho Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta làm thái tử.

Thăng Triệu Tổ lên làm thái tử đô tướng, tiết chế² tướng sĩ các quân doanh.

lời cần án - Sử cũ chép bấy giờ Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta đang ở Ai Lao, vua Lê sai Trịnh Công Năng vờ đến. Triệu Tổ, ngay hôm ấy, lên đường, vào yết vua Lê ở hành tại. Nhà vua cả mừng, gia phong lên chức này. Nay xét Công nghiệp diễn chí và bản thảo Tiên biên của Quốc sử quán, đều không thấy nói đến việc này. Bây giờ cứ theo sự việc mà xét thì năm trước đã chép Triệu Tổ tổng đốc các quân, tấn công Thanh Hoa; đến năm này lại chép Triệu Tổ còn ở Ai Lao; thế là trước sau trái nhau. E rằng sử cũ chép lầm, nay xin rút bỏ.

Giáp Thìn, năm thứ 12 (1544). (Mạc, năm Quảng Hòa thứ 4 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 23).

Ất Tị, năm thứ 13 (1545). (Mạc, năm Quảng Hòa thứ 5 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 24).

Tháng 4, mùa hạ. Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta rước vua Lê đi trận, tiến đánh Sơn Nam.

Tháng 5. Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta mất ở quân doanh. Vua Lê phong Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta³ làm Hạ Khê hầu, quản lãnh quân đội đi đánh giặc.

Bấy giờ đại quân tiến đóng Yên Mô⁴, hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đón mời Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta đến chơi quân doanh của hắn. Nhân đương nắng nóng, Chấp Nhất mời Triệu Tổ ăn dưa; trúng độc, khi trở về quân doanh, Triệu Tổ thấy người bại hoại khó chịu, rồi mất.

Vua Lê xuống chiếu tặng phong là Chiêu Huân Tĩnh Công, đặt tên thụy là Trung Hiến, đem về táng tại núi Thiên Tôn ở Bái Trang thuộc huyện Tống Sơn⁵. Lại phong con trưởng là Uông làm Lãng quận công, con thứ là Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế làm Hạ Khê hầu, lãnh quân đi đánh giặc.

¹ Xem chú giải ở Chb. XV, 29.

² Cầm quyền chỉ huy và chỉ phối.

³ Tức chúa tiên, tên là Nguyễn Hoàng, con thứ của Triệu tổ (Nguyễn Kim), sau vào trấn trong thuận Hóa (1558), gây thành cục diện chia đôi đất nước và Bắc Nam phân tranh hàng mấy chục năm trời.

⁴ Nay thuộc Ninh Bình.

⁵ Thuộc Thanh Hóa.

Trước kia, Chấp Nhất theo Mạc Đăng Dung, làm quan đến chức chưởng bộ, rất được thân yêu. Kịp khi Chấp Nhất đi trấn thủ Thanh Hoa, được tin Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế dấy quân ở Ai Lao, tôn lập vua Lê, nhà Mạc bảo Chấp Nhất trá hàng, rình kẻ hở để làm hại. Vua Lê không ngờ rằng hãn trá hàng cứ giao cho cầm quân theo đi đánh dẹp; do đấy Triệu Tổ mới bị nó phản. Chấp Nhất lại trốn về nhà Mạc.

Lời chua - Tống Sơn: Tên huyện, thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hoa.

Núi Thiên Tôn: Chính Lăng Triệu Tổ ở nơi này. Đến năm Minh Mạng thứ 2 (1821) triều ta phong cho núi Thiên Tôn này là núi Triệu Tường.

Tháng 8, mùa thu. Dùng Trịnh Kiểm làm đô tướng, tiết chế các doanh quân thủy quân bộ, kiêm tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự, gia phong thái sư, tước Lạng quốc công.

Bấy giờ trong quân mới mất chủ tướng¹, mọi người tinh thần dao động, bèn cùng nhau bàn tính rút lui về Tây Kinh² để củng cố lấy chỗ căn bản. Nhà vua gia phong Trịnh Kiểm chức này, giao cho chính quyền, từ quyền quân sự ở ngoài đến sự vụ quốc gia, công việc đánh dẹp và phong tước bổ chức đều được tùy tiện quyết định rồi tâu lên nhà vua biết.

Bính Ngọ, năm thứ 4 (1546). (Mạc, năm Quảng Hòa thứ 6 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 25). Lập hành điện ở sách Vạn Lại.

Thái sư Trịnh Kiểm cho rằng lập quốc tất phải căn cứ vào nơi hiểm trở. Sách Vạn Lại, núi đứng sừng, nước uốn quanh, thực đáng gọi là nơi hình thế đẹp. Đó là do trời đất xếp đặt để làm chỗ dấy nghiệp đế vương. Trịnh Kiểm bèn sai đào hào, đắp lũy, xây dựng hành điện, mời nhà vua đến đóng tại đó.

Lời chua - Sách Vạn Lại: Thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoa.

Tháng 5, mùa hạ. Mạc Phúc Hải chết.

Con là Phúc Nguyên nối ngôi ngay tiếm đặt niên hiệu Vĩnh Định (1547)³.

Đinh mùi, năm thứ 15 (1547). (Mạc Phúc Nguyên, năm Vĩnh Định thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 26).

Mậu Thân, năm thứ 16 (1548). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 27).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua mất.

ngôi 16 năm, thọ 34 tuổi.

Thái tử Huyền lên ngôi (tức là Lê Trung Tông).

Đại xá, kể từ năm sau là niên hiệu Thuận Bình năm thứ 1.

Tháng 3. Táng [Lê Trang Tông] tại Cảnh Lăng.

Dâng tôn hiệu là Dụ hoàng đế, miếu hiệu là Trang Tông.

Lời chua - Cảnh Lăng: Ở phía nam Lam Sơn.

¹ Chỉ Nguyễn Kim.

² Tức Thanh Hóa.

³ Sau đổi làm Cảnh Lịch (1548 - 1553), lại đổi Quang Bảo (1554 - 1561).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 28

Từ Kỷ Dậu, Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 1 (1549) đến Nhâm Thân, Lê Anh Tông năm Hồng Phúc thứ 1 (1572), gồm 24 năm.

Kỷ Dậu, Lê Trung Tông Vũ hoàng đế, năm Thuận Bình thứ 1 (1549). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 28). Mạc Phúc Nguyên di cư ra ngoại thành Thăng Long (không rõ tháng nào).

Trước kia, khi Phúc Hải chết, tước Tư Dương hầu bên nguy¹ là Phạm Tử Nghi định lập Ngụy Hoảng vương chính Trung làm chúa, nhưng không thực hiện được. Tử Nghi bèn đến Chính Trung đến làng Hoa Dương thuộc huyện Ngự Thiên.

Tướng nguy là bọn Mạc Kính Điển và Nguyễn Kính xuất quân đi đánh. Tử Nghi xuất kỳ bất ý, đánh bại bọn Kính Điển rồi nói phao lên rằng sẽ tiến quân đánh lấy Đông Kinh. Người Mạc hoang mang sợ hãi. Phúc Nguyên bèn bỏ Thăng Long, di cư ra ngoại thành.

Về sau Tử Nghi đánh nhiều lần không được, bèn đem Chính Trung ra chiếm cứ Yên Quảng, lúc ẩn, lúc hiện, khuấy nhiễu cướp bóc miền Hải Dương: phần nhiều cư dân bị tai hại, số người phải xiêu giạt đến quá nửa. Quân gia Tử Nghi lại tràn sang cướp bóc ở bờ cõi nhà Minh. Người Minh trách móc chất vấn về việc này. Phúc Nguyên sợ, phải sai bọn Kính Điển đốc quân đi đánh: Tử Nghi bị chém. Chính Trung phải chạy rồi chết.

Lời chua - Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 9 - 10).

Ngự Thiên: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 17 (Chb. V, 8).

Hoa Dương: Nay là xã Trác Dương thuộc huyện Hưng Nhân, phủ Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên².

Yên Quảng, Hải Dương: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 24 - 25. 29 - 30).

Chính Trung: Con thứ Mạc Đăng Dung.

Phạm Tử Nghi: Người Trung Hành, huyện An Dương³.

Kính Điển: Em của Phúc Hải.

Canh Tuất, năm thứ 2 (1550). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 29). tướng Mạc là bọn Lê Bá Ly và Nguyễn Thiến đầu hàng.

Thái Tể Lê Bá Ly, tướng Nam Đạo nhà Mạc, tước Phụng quốc công, cầm giữ binh quyền, tham nghị triều chính. Con là Khắc Thận, tước Phổ quận công, tiết chế Sơn Nam thượng lộ kiêm giữ công việc

¹ Vì theo quan niệm sử gia phong kiến, phạm triều đại nào thoán đoạt như Hồ và Mạc chẳng hạn đều không được coi là chính thống, nên từ vua chúa đến quan chức... của triều đại ấy đều bị liệt là "ngụy", là "nghịch" hay là "nhuận" cả.

² Nay thuộc xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

³ Nay thuộc xã Đăng Lâm, huyện An Hải. TP, Hải Phòng.

trong phủ Đô đốc Nam quân. Com rể là Văn Phái hầu, Nguyễn Quyện, giữ quân vệ Phủ Nam. Thông gia là Thư quận công, Nguyễn Thiển, làm Lại bộ thượng thư. Thân thích và bè đảng của Bá Ly chẳng chịt khắp nơi, câu kết với nhau, uy thế thật là hách dịch.

Khắc Thận ở Sơn Nam lại làm cửa cao nhà rộng, tiến dùng kiệu sơn son và lọng vàng.

Hạng bầy tôi được cưng chiều của nhà Mạc là bọn Vinh quốc công Phạm Quỳnh và con là Tung Xuyên hầu Phạm Dao, nhân đó, nói với Phúc Nguyên rằng cha con Bá Ly có ý mưu phản. Phúc Nguyên bèn sai bọn Quỳnh xuất quân để vây bắt Bá Ly.

Phúc Nguyên lại ngờ Nguyễn Thiển đồng mưu, nên định vây bắt luôn cả một thế.

Bọn Bá Ly cưỡng ép quân lính phải chống lại và cố thủ; lại gửi thư cầu cứu nơi Khắc Thận và bè đảng là Thụy quốc công Nguyễn Khải Khang.

Phúc Nguyên sợ, bèn sai sứ giả đi dụ Bá Ly. Bá Ly yêu cầu rằng hãy bắt cả cha con Quỳnh và Dao đưa đến cho Bá Ly, thì tức khắc bãi binh và xin chịu tội.

Phúc Nguyên không nghe. Bấy giờ bọn Bá Ly, Nguyễn Thiển cùng với con là Khắc Thận, Quyện, Miễn và bè đảng là Khải Khang đều đem quân bản bộ vài trăm người, nhân ban đêm, trốn vào Thanh Hoa, đầu hàng.

Nhà vua ban thưởng và yên ủi, cho ai nấy vẫn cứ giữ nguyên quan tước cũ. Về sau, Nguyễn Thiển chết, con là Quyện và Miễn lại trốn về với nhà Mạc. Nhà Mạc lại dùng một cách cưng chiều. Khải Khang theo Trịnh Kiểm đi đánh Sơn Nam.. Nhà Mạc sai người đi chiêu dụ được Khải Khang quay về với Mạc, rồi giết chết.

Lời chua - Bá Ly: Người làng Cổ Phạm, huyện Đông Sơn, thuộc Thanh Hoa, nhà ở tại làng Thịnh Liệt.

Quỳnh, Dao: Người Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì¹.

Nguyễn Thiển: Người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai², đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1532), năm Đại Chính nhà Mạc³.

Tân Hợi, năm thứ 3 (1551). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 4. Minh, năm Gia Tĩnh thứ 30). Nhà vua sai quân ra đánh Đông Kinh. Mạc Phúc Nguyên chạy đi Kim Thành.

Thái sư Trịnh Kiểm sai bọn Lê Bá Ly, tướng Mạc đã hàng, và Vũ Văn Mật, tướng bản thổ Tuyên Quang, tấn công Đông Kinh. Phúc Nguyên chạy đi Kim Thành, để Kính Điển làm Đô tổng sứ, ở lại cầm quân chống giữ Kinh Đô.

Lời chua - Đông Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Kim Thành: Tên huyện, xưa là Trà Hương. Xem thuộc Tấn⁴, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Vũ Văn Mật: Người Ba Đông, huyện Gia Lộc⁵.

Nhâm Tý, năm thứ 4 (1552). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 5 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 31).

Quý Sửu, năm thứ 5 (1553). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 6 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 32). Dời hành tại¹ đến An Tràng (trường).

¹ Tục gọi làng Sét, nay thuộc xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

² Nay thuộc xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

³ Tức năm Đại Chính thứ 3 đời Mạc Đăng Doanh.

⁴ Đáng phải chép là "dương Tấn " (ngang với Tấn) mới đúng.

⁵ Thuộc tỉnh Hải Dương.

Lời chua - An Tràng: Tên xã, thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoa.

Giáp Dần, năm thứ 6 (1554). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 33). Thái sư Kiểm đời đôn đến đóng tại Biện Thượng.

Lời chua - Biện Thượng: Tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoa.

Bắt đầu mở chế khoa.

Ban cho bọn Đinh Bạt Tụy 5 người được đỗ đệ nhất giáp chế khoa xuất thân, bọn Chu Quang Trứ 8 người được đỗ đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân.

Lời chua - Chế khoa: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn thì thể lệ thi cử thời Lê quy định thể này: những năm tỵ, ngọ, mao, dậu, là khoa thi hương; những năm thìn, tuất, sửu, mùi, là khoa thi hội. Nhưng khi nào bất thần nhà vua có bài chế ban xuống đặc biệt cho mở khoa thi thì là chế khoa. Phép thi chế khoa cũng giống khoa thi hội (có kinh nghĩa, tứ lục², thơ, phú và văn sách).

Đinh Bạt Tụy: Người Bùi Khổng, huyện Hưng Nguyên³.

Chu Quang Trứ: Người Nam Hoa thượng, huyện Thanh Chương⁴.

Ất Mão, năm thứ 7 (1555). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 34).

Tháng 8, mùa thu. Mạc Kính Điển vào cướp Thanh Hoa. Thái sư Trịnh Kiểm đánh bại quân Mạc.

Phúc Nguyên sai Kính Điển đem quân vào cướp Thanh Hoa. Quận Thọ (không rõ tên) quản lãnh chu sư với hơn trăm chiếc thuyền chiến, làm tiên phong, tiến đóng ở cửa biển Thần Phù. Ngày hôm sau, Kính Điển đem quân đến hội ở Đại Lại giang, sai Quận Thọ tiến quân, đóng ở Kim Sơn.

Hay tin này, thái sư Kiểm bèn hội hợp các tướng để bàn mưu chước, rồi sau dụ bảo cư dân ở ven sông không được kinh hãi náo động. Đinh Công thì đốc xuất các hàng tướng là bọn Lê Bá Ly, Nguyễn Khải Khang, Nguyễn Thiến và Lê Khắc Thận ai nấy đem quân bản bộ mai phục ở phía nam sông; từ núi An Định đến núi Quân An. Còn Trịnh Kiểm thì chính mình đốc suất đại quân mai phục ở phía bắc sông; từ núi Bạch Thạch đến núi Kim Sơn.

Quận Quảng, Phạm Đốc, quản lãnh thủy quân, đốc suất bọn hàng tướng Nguyễn Quyện với hơn 10 chiếc chiến thuyền đóng giữ thượng lưu từ sông Hữu Chấp xuống đến sông Kim Bôi, đi đi lại lại để giúp thanh thế.

Ngày hôm sau, thuyền quân giặc trẩy qua chợ Ông Cung ở Kim Sơn: trong thuyền ca hát, thổi sáo nhộn nhịp tưng bừng, không tỏ ra có chút phòng bị gì cả. Trưa đến, quân địch tới núi Quân An, thì hỏa pháp hai bên bờ sông bắn ra liên liên. Trịnh Kiểm tung quân ra hăng hái đánh. Voi trận ở phía hạ lưu vượt được qua sông đánh chặn ở đằng sau. Binh thuyền của bọn Phạm Đốc và Nguyễn Quyện cũng đồng thời thuận dòng xuôi xuống. Quân và voi ở hai bên bờ hợp sức cùng đánh kẹp lại.

¹ Hành tại, chính nghĩa là chỗ ở của nhà vua khi đi tuần du. Đây Cương mục có ý cho rằng Thăng Long tuy chưa khôi phục được, nhưng vẫn có thể coi như của nhà Lê: cung điện ở Thăng Long vẫn là chỗ ở chính của vua Lê, còn những chỗ doanh trại hành quân như ở Vạn Lại hay ở An Tràng này chỉ là nơi ở tạm thời trong khi đi tuần hành hay du ngoạn của vua Lê đó thôi. Nhưng, thực ra, hành tại đây chỉ là chỗ nhà riêng để vua Lê và gia quyến nhà vua cư trú.

² tức thể văn biên ngẫu, hai vế đối nhau, mỗi vế thường thường là đặt từng cụm bốn chữ và sáu chữ, nên gọi là "tứ lục".

³ đều thuộc Nghệ An.

⁴ đều thuộc Nghệ An.

Quân thủy và quân bộ của giặc không đợi đánh đã tự tan vỡ. Bắt được tướng giặc là quận Thọ vài mươi người. Giặc bị sa xuống nước mà chết đến nghẽn cả sông. Khí giới bị tước mất vô kể. Vài vạn quân giặc chết đến gần hết. Kính Điển thu lượm quân tàn, chạy trốn.

Lời chua - Cửa biển Thần Phù: Tức cửa biển Thần Đầu. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Đại Lại¹ giang: Xem Trần Nghệ Tông, năm Thiệu Khánh thứ 1 (Chb. X, 26).

Kim Sơn: Còn tên nữa là Biện Lĩnh, cũng gọi Bông Sơn.

Núi An Định, núi Quân An: Đều ở huyện An Định².

Núi Bạch Thạch: Ở phía tây bắc huyện Đông Sơn³.

Sông Hữu Chấp: Ở xã Hữu Chấp.

Sông Kim Bôi: Ở xã Kim Bôi.

Chợ Ông Cung: Nay là chợ Ông, ở xã Biện Thượng. Mấy tên đất trên đây đều thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa⁴.

Bính Thìn, năm thứ 8 (1556). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 35).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua mất.

Ở ngôi 8 năm, thọ 22 tuổi.

Thái sư Kiểm và các đại thần đón lập Duy Bang, chút⁵ của Lam quốc công Trừ, lên nối ngôi.

Nhà vua mất, không con kế tự. Thái sư Trịnh Kiểm cùng các đại thần bàn kiểm con cháu họ Lê, thì được Duy Bang cháu bốn đời của Lam quốc công Lê Trừ, ở xã Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, đón lập làm vua.

Duy Bang vào [An Tràng] lên ngôi vua (tức là Lê Anh Tông) Đại xá. Kể từ năm sau là niên hiệu Thiên Hựu thứ 1 (1557).

Lời chua - Trừ: Anh của Lê Thái Tổ, Trừ sinh Khang, Khang sinh Thọ, Thọ sinh Duy Thiệu, Duy Thiệu sinh Duy Quang, Duy Quang sinh Duy Bang.

Đông Sơn: Tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoa.

Bồ Vệ: Tên xã, thuộc huyện Đông Sơn.

Tháng 3. Táng [Lê Trung Tông] ở Diên Lăng.

Dâng tôn hiệu là Vũ hoàng đế, miếu hiệu là Trung Tông.

Lời chua - Diên Lăng: Ở phía nam Lam Sơn.

Đinh Tỵ, Lê Anh Tông, Tuấn hoàng đế, năm Thiên Hựu thứ 1 (1557). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 4 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 36).

¹ Chữ "lại " đây là ý lại, có chỗ chép chữ "lại " là quan lại (lời chua của cương mục).

² thuộc Thanh Hóa.

³ thuộc Thanh Hóa.

⁴ thuộc Thanh Hóa.

⁵ Nguyên văn là "huyền tôn ", tức cháu bốn đời.

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Thái sư Kiểm đánh úp: phá được địch.

Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Quân Mạc kéo vào cửa Thần Phù, tràn đến Tống Sơn và Nga Sơn. Quận Thanh (không rõ tên họ) giữ Nga Sơn, quận Thụy Hà Thọ Tường giữ Tống Sơn. Quân Mạc không tiến lên được.

Trịnh Kiểm chính mình đốc suất quân và voi kéo đến mạn sơn cước Yên Mô, xuyên thẳng ra phía cửa biển, đánh úp đằng sau quân địch: hỏa pháo của quân Trịnh Kiểm bắn ra liên liên, phía trên và phía dưới đánh kẹp lại. Vũ Lăng hầu Phạm Đức Kỳ xông thuyền lên, xung kích, nhảy sang thuyền Kính Điển, chém người cầm lọng ngã lẳng xuống sông. Kính Điển vội nhào xuống nước lặn trốn. Quân Mạc đại bại, bỏ thuyền chạy vào rừng núi. Kính Điển trốn vào hang núi, ẩn đến ba ngày rồi ôm cây chuối, bơi ngược dòng sông Yên Mô, gặp ông chài xã Trà Tu cứu thoát¹.

Lời chua - Tống Sơn: Xem Lê Trang Tông, năm nguyên Hòa thứ 13 (Chb. XXVII, 41).

Nga Sơn: Tên huyện, thuộc phủ Hà Trung, Thanh Hoa.

Sông Yên Mô, xã Trà Tu: Đều ở huyện Yên Mô, thuộc phủ Yên Khánh, Ninh Bình.

Phạm Đức Kỳ: Người Tài Xuyên, huyện Hoảng Hóa².

Tháng 8. Thái phó Phạm Đốc đánh bại tướng Mạc là Phạm Quỳnh và Phạm Dao ở Nghệ An.

Trước kia, Phúc Nguyên sai Kính Điển vào cướp Thanh Hoa và bọn Phạm Quỳnh, Phạm Dao vào cướp Nghệ An. Đến đây, Trịnh Kiểm đã phá quân Kính Điển ở cửa Thần Phù, tước lấy chiến thuyền của địch rồi nguy trang bằng cách kéo cờ và hiệu quân giặc, cho Phạm Đốc thống suất đem đi, thẳng vượt cửa biển Đan Nai. Bọn Phạm Quỳnh tướng là quân hậu tiếp của bên Mạc, không phòng bị, nên bị Phạm Đốc đánh úp. Bọn Quỳnh đại bại, phải bỏ thuyền chạy.

Lời chua - Cửa biển Đan Nai: Ở xã Cổ Đan, chỗ giáp giới hai huyện Nghi Xuân³ và Chân Lộc⁴.

Tháng 9. Thái sư Trịnh Kiểm đi lược định Sơn Nam, đánh nhau với quân Mạc ở sông Giao Thủy: bị thua trận.

Kiểm thống suất các quân thủy, quân bộ tất cả đến 5 vạn ra lược định Sơn Nam trung lộ. Đến sông Phượng Xí (Cánh Phượng), làm cầu phao cho quân sang sông: cả phá quân Mạc, bắt làm tù binh rất nhiều. Thừa thắng tiến quân đến sông Giao Thủy, sai bọn Phạm Đốc quản đốc quân thủy, dùng Phạm Đức Kỳ làm tiền đội, tung quân đánh mạnh.

Tướng Mạc, Nguyễn Quyện, chống cự lại, Đức Kỳ nhân đà, liền nhảy sang thuyền Nguyễn Quyện. Quyện tốt gươm xông ra để chém thì Đức Kỳ nhảy lặn xuống nước. Quyện lại nhảy sang thuyền Đức Kỳ, chém người cầm lọng, xách thủ cấp giơ lên, la lớn: "đầu lâu Đức Kỳ đây rồi, chúng mày còn địch với tao thế nào được nữa?" Các quân bên Trịnh Kiểm nghe nói như vậy sợ quá, liền tan vỡ, bỏ thuyền chạy, Trịnh Kiểm vội vã rút quân tháo lui, bị quân Mạc đánh chặn lối về; quân lính Trịnh Kiểm phần nhiều bị chết và bị thương, số chiến tướng bị chết đến vài chục người; thuyền bè và khí giới phải bỏ lại gần hết. Trịnh Kiểm rút quân về Thanh Hoa.

Lời chua - Sơn Nam: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18).

¹ Khi về, Kính Điển nói với vua Mạc phong cho ông chài này tước Phù Nghĩa hầu (theo toàn thư XVI, 14).

² Thuộc Thanh Hóa.

³ Thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

⁴ Sau đổi Nghi Lộc, thuộc tỉnh Nghệ An.

Sông Giao Thủy: Thuộc huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Sông Phượng Xí: Nam Định có sông Phượng Tường, ở huyện Chân Ninh, phủ Thiên Trường, chẳng hay có phải là sông Phượng Xí này không.

Mưa dầm. Thanh, Nghệ đói to.

bảy giờ trời hay mưa dầm, liên miên hàng tuần¹ không tạnh. Lúa miền Thanh, Nghệ phần nhiều bị ngập và hư hại. Nhà vua ban chiếu đổi niên hiệu kể từ năm sau là năm Chính Trị thứ 1.

Mậu Ngọ, năm Chính Trị thứ 1 (1558). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 5 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 37). Thái sư Trịnh Kiểm lại đi tuần vùng Sơn Nam.

Trịnh Kiểm lại chính mình đốc suất đại quân kéo ra Sơn Nam trung lộ, đánh chỗ không phòng bị của Mạc; bắt được tướng Mạc là Anh Nhuệ hầu (không rõ tên), đưa về hành tại², giết chết.

Tháng 8, mùa thu. Thái phó Phạm Đốc chết.

Tặng phong làm đặt tiến khai phủ thái úy Tĩnh quốc công, đặt tên thụy là Trung Nghị. Phạm Đốc là con nuôi thái sư Trịnh Kiểm, tập quen quân sự, lại có văn học, dùng lễ độ đối đãi sĩ phu. Khi hành quân thì kỷ luật nghiêm minh, hiệu lệnh nhất trí, không giết một cách càn bậy. Đời bấy giờ gọi Đốc là một lương tướng.

Tháng 10, mùa đông. Sai Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta³ vào trấn đất Thuận Hóa.

Từ khi Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta mất đi, bỏ dở công to nghiệp lớn, quyền bính trọng yếu trong nước đều do Trịnh Kiểm chuyên chế cầm nắm. Lã quận công Uông⁴ làm tả tướng, Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta thì cầm quân đi đánh dẹp, lập được nhiều chiến công, được phong đến Đoan quận công. Cả hai đều bị Trịnh Kiểm nghi kỵ. Rồi Tả tướng⁵ bị Kiểm làm hại. Còn Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta thì tự lẳng xuông, kín đáo giữ mình.

Bấy giờ đang có cuộc dụng binh luôn luôn với người Mạc, Thuận Hóa tuy là đất cũ nhà Lê, nhưng bè đảng nhà Mạc phần nhiều ra vào ẩn hiện ở đó, nhà Lê chưa rồi kinh lý được. Gia Dụ bèn nhờ trưởng công chúa là Ngọc Bảo⁶ cầu xin cho vào trấn giữ đất đó. Trịnh Kiểm cho rằng đó là chỗ đất hiểm trở xa khơi, bèn muốn lợi dụng, nên cũng ưng thuận. Kiểm dâng biểu nói với vua Lê rằng: "Thuận Hóa là nơi có hình thế đẹp. Để làm nên sự nghiệp lớn, bản triều lúc mới khai quốc, phải nhờ vào sự đóng góp quân lính và tiền tài của Thuận Hóa. Có điều là Thuận Hóa bị giặc Mạc chiếm cứ đã lâu, lòng người hãy còn phản trắc; phần nhiều vượt biển đi theo Mạc, hoặc nhân dịp đưa giặc đến quấy ở phía sau chúng ta. Đó là điều rất đáng lo ngại. Vậy nếu không được tay lương tướng vào đây trấn giữ vỗ về thì không xong.

Đoan quận công⁷ là con nhà tướng, có tài năng và mưu lược, nay nên ra lệnh cho hẳn vào trấn áp đất ấy, gây thế ỷ dốc với Trấn quận công Bùi Tá Hán ở Quảng Nam, ngõ hầu không có cái lo phải đỏi đến miền Nam "

Nhà vua nghe theo, bèn trao cho Gia Dụ cờ tiết để đi trấn thủ, công việc trong cõi thày đều cho phép được tùy tiện xử trí, hằng năm chỉ thu lễ cống và phú thuế mà thôi.

Thế rồi nhiều người quê hương ở Tống Sơn¹ và nghĩa dũng ở Thanh Nghệ đều dắt díu gia quyến, vui vẻ đi theo Gia Dụ.

¹ Mỗi tuần mười ngày.

² Tức là hành tại An Tràng, xem thêm chú giải ở Chb. XXVIII, 4.

³ Tức Nguyễn Hoàng con thứ Nguyễn Kim.

⁴ Con trưởng Nguyễn Kim.

⁵ Tước của Nguyễn Uông.

⁶ Con gái cả của Nguyễn Kim (xem Chb. XXVII, 31), chị gái của Nguyễn Hoàng.

⁷ Tước của Nguyễn Hoàng.

Ban đầu, Gia Dụ lập bản doanh ở Á Tử, vỗ về chặn dặt quân và dân, thu dùng những người hào kiệt; giảm sưu, nhẹ thuế; lòng người mến phục. Thời bấy giờ gọi là chúa Tiên.

Lời chua - Thuận Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23, 24).

Quảng Nam: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7, 8).

Á Tử: Tên xã, nay là huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị.

Bùi Tá Hán: Người Thu Phố, huyện Chương Nghĩa.

Kỷ Mùi, năm thứ 2 (1559). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 6 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 38).

Tháng 3, mùa xuân. Quy định ngạch thuế ở Thanh, Nghệ.

Nhà vua sai Hộ Bộ độ chi là Lê Trọng Nguyên làm việc khám đạc ruộng đất công tư ở Thanh Hoa và Nghệ An để quy định số ngạch thuế khóa.

Tháng 8, mùa thu. Thanh Hoa và Nghệ An có thủy tai lớn.

Nước Trần ngập, làm trôi đến vài trăm nhà. Kho tàng trong thành Tây Đô phần nhiều bị nước thấm ướt. Nhân dân bị đói kém.

Lời chua - Tây Đô: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 16).

Tháng 9, sai Thái sư Trịnh Kiểm kéo đại quân ra Bắc đánh dẹp.

Trịnh Kiểm dâng biểu xin cho viên tướng trong họ là Trịnh Quang là đề thống ngự doanh, đóng giữ hành tại An Tràng (Trường), Lê Trọng làm tổng trấn Thanh Hoa, bọn Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh quản lãnh toán quân tinh nhuệ, phòng giữ cửa biển.

Trịnh Kiểm chính mình thống đốc 6 vạn đại quân, nói lên là 12 vạn, dùng Hoàng Đình Ái làm tiên phong, từ Thiên Quan trẩy ra Sơn Tây thượng lộ. Quân trẩy qua đâu không hề xâm phạm ở đó cái tơ cái tóc. Nhân dân đều mến phục, đua nhau đem rượu, gạo, trâu bò, lương thực, đến cung cấp cho quân.

Bọn tướng trấn thủ Hưng Hóa là Định quận công Đặng Định và thổ tướng Tuyên Quang là Gia quận công Vũ Văn Mật đều đem quân đến hội. Trịnh Kiểm bèn tiến quân vượt qua sông, lược định các xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn và Kinh Bắc. Lại sai Vũ Văn Mật trấn giữ Đại Đồng², Đặng Định trấn giữ An Tây³, mở mang sửa sang đường sá từ Thiên Quan thông suốt đến Hưng Hóa, Tuyên Quang và Kinh Bắc để tiện việc chuyên chở tiếp tế.

Lời chua - An Tràng (Trường): Xem Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Thiên Quan: Xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Kinh Bắc: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 28, 30, 31).

Vũ Sư Thước: Người Du Tràng huyện Hậu Lộc⁴.

Trịnh Quang: Người Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc⁵.

Lại Thế Khanh: Người Quang Lăng, huyện Tống Sơn¹.

¹ Huyện Tống Sơn thuộc Thanh Hóa là quê quán của Nguyễn Hoàng.

² Nay thuộc huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

³ Đất phủ An Tây cũ, nay thuộc các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu.

⁴ thuộc Thanh Hóa.

⁵ Thuộc Thanh Hóa.

Hoàng Đình Ái: Người Vân Lũng, huyện Thạch Thành².

Đặng Định: Trước kia, theo Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta lánh nạn sang Ai Lao; kịp khi Trang Tông trung hưng, sai Định đi trấn giữ An Tây mười châu thuộc Hưng Hóa. Đến đây, Đặng Định đem quân đến hội.

Canh Thân, năm thứ 3 (1560). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 7 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 39).

Tháng 2, mùa xuân. Mạc Phúc Nguyên chạy đi Thanh Đàm.

Mạc Phúc Nguyên sai các tướng đi phòng thủ ngoài thành Thăng Long, đóng đồn ven sông ở phía tây, trên từ Bạch Hạc, dưới đến Nam Xang, dinh trại thuyền bè san sát liên tiếp. Ban ngày thì bóng cờ phấp phới, tiếng trống thùng thùng, ban đêm thì đốt lửa làm hiệu, chúng cầm cự với quan quân.

Bấy giờ Trịnh Kiểm đang đánh dẹp các xứ Kinh Bắc, đóng quân doanh ở Thuận An, rồi lại dời đi đóng ở Tiên Du, chia sai các tướng đi đánh dẹp Khoái Châu, Hồng Châu, Nam Sách, Tiên Hưng, Siêu Loại và Văn Giang. Lại hướng về phía đông, đánh các huyện Đông Triều, Giáp³ Sơn, Chí Linh và An Dương; đều được cả.

Phúc Nguyên chạy đi Thanh Đàm. Trịnh Kiểm bèn sai quận Vinh Hoàng Đình Ái giữ Lạng Sơn, quận Vị Lê Khắc Thận giữ Thái Nguyên, quân Gia Vũ Văn Mật lại về Tuyên Quang; thanh thế liên tiếp nhau, cứu giúp lẫn cho nhau. Quận Định Đặng Định trở về Hưng Hóa, chiêu tập võ về nhân dân ở An Tây mười châu, cung cấp lương thực cho quân đội. Từ Thiên Quan đến Kinh Bắc bấy giờ liên lạc được với nhau, không cách đứt.

Lời chua - Thanh Đàm: Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 14 (Chb. VI, 26).

Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 10).

Bạch Hạc: Xem Trần Thánh Tông, năm Thiệu Long thứ 5 (Chb. VII, 4, 5).

Tiên Du, Siêu Loại: Đều xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 30).

Nam Sách (sách: sách lược): Tức Nam Sách (sách: sổ sách). Xem thuộc Tấn⁴, Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Khoái Châu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Hồng Châu: Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên Đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Nam Xang:⁵ Tên huyện, thuộc phủ Lý Nhân, Hà Nội⁶.

Thuận An: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb. X, 4).

Tiên Hưng: Tên phủ, thuộc tỉnh Hưng Yên⁷.

¹ Thuộc Thanh Hóa.

² Thuộc Thanh Hóa.

³ Giáp đây là theo tiếng nhân dân thường gọi, còn theo các tử thư thì âm là Hiệp.

⁴ Đáng phải chép là "dương Tấn " (ngang với Tấn) mới đúng.

⁵ Xang là theo tiếng Việt, còn Hán Văn là "Xương ".

⁶ Ngày nay, Lý Nhân, tức Phủ Lý, thuộc tỉnh Hà Nam.

⁷ Tiên Hưng này thuộc Thái Bình.

Văn Giang: Tên huyện, thuộc phủ Thuận An¹, tỉnh Bắc Ninh.

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 25).

An Dương: Tên huyện, thuộc phủ Kiến Thủy, Hải Dương.

Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30, 31, 32).

An tây mười châu: 1) Chiêu Tấn, 2) Quỳnh Nhai, 3) Lai Châu, 4) Tung Lăng, 5) Hoàng Nham, 6) Hợp Phì, 7) Lễ Tuyền, 8) Khiêm Châu, 9) Tuy Phụ, 10) Luân Châu.

Thiên Quan: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Giáp Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 37)².

Năm này được mùa to.

Hạ lệnh cho vùng Kinh Bắc gặt lúa để cung cấp cho quân đội.

Tân Dậu, năm thứ 4 (1561). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 8 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 40).

Tháng 3, mùa xuân. Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Bọn tổng trấn Lê Trọng cùng thủ tướng³ Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh đánh nhau với Kính Điển: không lợi.

Phúc Nguyên sai tướng khác sang Kinh Bắc để cầm cự với Trịnh Kiểm, lén vời Kính Điển quay về, cho vào lẩn cướp các cửa biển Thanh Hoa. Thủ tướng Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh cùng tổng trấn Lê Trọng đánh nhau với quân Mạc: không lợi, phải lui giữ An Tràng và sách Vạn Lại. Bấy giờ thế lực của giặc lại mạnh lên, phần đông nhân dân phải xiêu giạt tan tác. Hay tin này, Trịnh Kiểm bèn sai Đình Ái đem quân về trấn giữ Thanh Hoa.

Tháng 9, mùa thu. Kính Điển xâm phạm An Tràng, Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh đi đánh: Kính Điển phải chạy.

Quân Mạc xâm phạm đến sách Vạn Lại. Bọn Sư Thước và Thế Khanh họp sức lại, cùng chống cự. Quân phục (bên Lê) thỉnh linh đánh úp, dặc thẳng liền liền, chém hơn trăm thủ cấp. Quan quân nhân đà thẳng lợi, rượt đuổi quân địch. Kính Điển lại nghe nói viện binh của Đình Ái sắp đến, bèn rút về., Trịnh Kiểm cũng kéo quân về Thanh Hoa, dâng tin thẳng trện lên nhà vua ở hành tại An Tràng. Kiểm đóng quân doanh ở phía nam thành Tây Đô, thưởng to cho những người có chiến công.

Tháng 12, mùa đông. Mạc Phúc Nguyên chết.

Con trưởng là Mậu Hợp nối ngôi ngụy tiếm đặt niên hiệu là Thuần Phúc (1562 - 1565)⁴.

Nhâm Tuất, năm thứ 5 (1562). (Mạc Mậu Hợp, năm Thuần Phúc thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 41).

Tháng 8, mùa thu. Mở trường thi hương ở Tây Đô.

Tháng 9. Thái sư Trịnh Kiểm lại ra Sơn Nam.

Kiểm kéo quân ra dẹp Sơn Nam. Trẩy đến Thanh Trì⁵ và Thượng Phúc¹, lập đại doanh ở Sơn Miêng², Kiểm sai thu lượm tích trữ thóc lúa lương thực để làm chức cầm cự lâu dài.

¹ Đất huyện Văn Giang cũ, nay thuộc các huyện Mỹ Văn và Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

² Xem thêm Chb. XIII, 12, 13.

³ Viên tướng trấn giữ một địa điểm (chỗ khác trong Cương mục quyển 28 này cũng vậy).

⁴ Về sau, lại đổi niên hiệu mấy lần nữa: Sùng Khang (1566 - 1577), Diên Thành (1578 - 1585), Đoan Thái (1586 - 1587), Hưng Trị (1588 - 1590) và Hồng Ninh (1591 - 1592).

⁵ Nay thuộc Hà Nội.

Lời chua - Thượng Phúc, Sơn Miêng: Tên hai huyện, đều xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Quý Hợi, năm thứ 6 (1563). Mạc, năm Thuần Phúc thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 42).

Giáp Tý, năm thứ 7 (1564). (Mạc, năm Thuần Phúc thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 43). **Nước Ai Lao đến dâng lễ cống.**

Chúa Ai Lao, Sạ Đẩu, sai bày tôi đến cống bốn thớt voi đực. Nhà vua bảo Kiển đem con gái nuôi của Kiển gả cho chúa Ai Lao.

Tháng 10, mùa đông. Mở đường sơn cước ở Thanh Hoa cho thông suốt ra Sơn Nam.

Sai dân Trường Yên và dân Thiên Quan mở rộng đường sá: từ xã Trường Cát thẳng đến xã Bình Lương suốt tới huyện Hoài An và huyện Sơn Miêng, để tiện việc đài tải chuyên chở. Bấy giờ sông Nam từ sông lớn trở về phía tây, đều là đất ở trong vùng kiểm soát của triều đình cả.

Lời chua - Trường Cát: Tên xã, nay thuộc huyện Quảng Địa³, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hoa.

Bình Lương: Tên xã, nay thuộc huyện An Hóa, phủ Thiên Quan, tỉnh Ninh Bình.

Hoài An, Sơn Miêng: Tên hai huyện, đều xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Tháng 12. Thái sư Kiển rút quân về Thanh Hoa.

Ất Sửu, năm thứ 8 (1565). (Mạc, năm Thuần Phúc thứ 4 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 44).

Tháng 4, mùa hạ. Thái sư Kiển đánh Trường Yên; hạ được.

Kiểm sai bọn Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh trấn giữ các cửa biển Thanh Hoa, còn mình thì tự đốc suất đại quân, lại ra lược định Sơn Nam trung lộ. Quân trẩy đến Trường Yên, đánh dẹp các huyện Gia Viễn, Yên Mô, và Yên Khang; đều hạ được cả.

Lời chua - Gia Viễn: Xem Lê Tương Dực, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 2).

Yên Khang: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 8 (Chb. VIII, 18).

Yên Mô: Xem Lê Tương Dực, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 2).

Tháng 9, mùa thu. Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Thủ tướng là bọn Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh đánh nhau với Kính Điển: không lợi.

Bấy giờ quan quân tấn công và đánh úp rất gấp. Mậu Hợp bèn hỏi bọn Kính Điển về mưu chước để đẩy lùi quân Trịnh Kiểm. Kính Điển nói: "Bây giờ Kiểm đương dốc hết binh lực để đánh Sơn Nam, thì Thanh Hoa phải yếu và trống rỗng. Nếu ta sai vài viên đại tướng đến giao chiến với Kiểm để kéo co cho lực lượng địch phải phân tán, còn thần xin đem vài vạn quân tinh nhuệ thẳng xông vào Thanh Hoa, thì tất thế nào cũng thắng to và có thể đẩy lùi quân của Kiểm ở Sơn Nam được". Mậu Hợp nghe theo.

Kính Điển bèn đem chu sứ vượt biển vào cửa Linh Tràng, đánh phá các huyện Thuần Hựu, Hoảng Hóa.

¹ Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

² Nay là huyện Ứng Hòa tỉnh Hà Tây.

³ Nay thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Bọn Sư Thước cho người đi báo tin gấp rút với Kiểm. Kiểm sai quận Lộc về cứu. Quận Lộc cùng bọn Sư Thước và Thế Khanh hội binh, tiến đánh Du Tràng. Kính Diển chặn chỗ hiểm yếu, đặt quân phục, rồi khiêu chiến, giả vờ thua. Bọn Sư Thước và Thế Khanh dẫn quân và voi đuổi theo, đến chỗ hiểm yếu, quân phục bên địch đều nổi dậy, bốn mặt đánh khép lại, bao vây đến vài vòng. Sư Thước và Thế Khanh xông đột vòng vây, chạy thoát. Quận Lộc (không rõ tên) chiến đấu đến chết. Quan quân bị chết có đến vài ngàn người.

Giặc thừa thắng, tiến đánh. Khi hay tin quân của Trịnh Kiểm đã kéo về đến Thạch Thành, giặc bèn rút lui.

Quận Lộc được truy phong tước Nghiêm quốc công.

Lời chua - Cửa Linh Tràng: Nay là cửa biển Y Bích, thuộc huyện Hậu Lộc, phủ Hà Trung, Thanh Hóa.

Thuần Hựu: Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 2 (Chb. XXVI, 37).

Hoảng Hóa: Xưa là Cổ Đăng, nay là Hoảng Hóa thuộc phủ Hà Trung¹.

Du Tràng: Tên xã, thuộc huyện Hậu Lộc, phủ Hà Trung².

Thạch Thành: Tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hóa³.

Bính Dần, năm thứ 9 (1566). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 45).

Tháng 9, mùa thu. Thái sư Kiểm xuất quân ra Sơn Nam, đến Gia Viễn quay về.

Đinh Mão, năm thứ 10 (1567). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 2 - Minh, năm Long Khánh thứ 1).

Mậu Thìn, năm thứ 11 (1568). (Mạc, năm Sùng Khánh thứ 3 - Minh, năm Long Khánh thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Dùng Nguyễn Bá Quỳnh làm tổng binh Quảng Nam.

Thổ tướng⁴ Quảng Nam là Trần quận công Bùi Tá Hán mất. Nhà vua sai quận Nguyễn Nguyễn Bá Quỳnh thay thế.

Lời chua - Bá Quỳnh: Người Thượng Xá, huyện Chân Lộc (Chân phúc cũ)⁵.

Kỷ Ty, năm thứ 12 (1569). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 4 - Minh, năm Long Khánh thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Gia phong thái sư Kiểm làm thượng tướng, tước Thái quốc công, tấn tôn thượng phụ.

Tháng 4, mùa hạ, Hoàng đệ Duy Hàn có tội, bị phế làm thứ nhân.

Duy Hàn ngầm có ý khác, lén vào trong cung, lấu trộm quả ấn bảo tì, bị bắt, nhưng được tha. Rồi Duy Hàn lại tự tiện giết người. Nhà vua nói: "Nhiều lần khuyên bảo, Duy Hàn vẫn không nghe theo. Thế là "kẻ hạ ngu mình tự làm mình, không sao thay đổi được!" Nhà nước đã có pháp luật thường hành

¹ Đều thuộc Hà Trung.

² Thuộc Thanh Hóa.

³ Thuộc Thanh Hóa.

⁴ Viên tướng người bản thổ.

⁵ Chân Lộc là tên đặt từ đời Sơn Tây (1778 - 1801) đến năm 1889 đổi là Nghi Lộc, thuộc tỉnh Nghệ An (xem Đại Nam Nhất thống chí XIV, 5 - 6)T

trầm còn tây vị bao che cho thế nào được ? " Nhà vua bèn giao xuống cho đình thần bàn xét. Duy Hàn bị thích sáu chữ vào mặt, phế làm thứ nhân.

Tháng 9, mùa thu. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta đi ra Tây Kinh, yết kiến nhà vua ở hành tại An Tràng.

Bái yết nhà vua xong, Gia Dụ đến phủ thượng tướng¹, anh em² tình tự, rất là hòa thuận thân yêu.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Thượng tướng Kiểm bị bệnh, xin nghỉ, không giữ binh quyền. Nhà vua ưng thuận.

Kiểm đau nặng, dâng biểu xin thôi giữ quyền binh quân sự. Nhà vua sai người con trưởng của Kiểm là Tuấn Đức hầu Cối thống lĩnh các doanh quân thủy và quân bộ. Từ Phúc Lương Hầu Tùng con thứ của Kiểm, đến các tướng tá khác đều thuộc dưới quyền Cối.

Tháng 11. Sao sa.

Có lưu tinh dài hơn trăm trượng sa xuống đất: ầm to như tiếng sấm sét lớn.

Canh Ngọ, năm thứ 13 (1570). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 5 - Minh, năm Long Khánh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta từ Tây Kinh trở về, kiêm việc cai quản cả các xứ Thuận Hóa và Quảng Nam. Vua Lê vời tổng binh Quảng Nam là Nguyễn Bá Quỳnh³ về giữ Nghệ An.

Tháng 2. Thái sư Thượng Phụ Trịnh Kiểm chết. Nhà vua dùng Trịnh Cối, con của Kiểm, lên thay, quản lĩnh quân đội.

Truy phong Trịnh Kiểm là Minh Khang vương, đặt tên thụy là Trung Huân. Hạ chiếu cho con trưởng là Cối lên thay, quản lĩnh các quân doanh đánh giặc.

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Cối và Trịnh Tùng dấy quân đánh lẫn nhau.

Cối, sau khi lên thay Kiểm, cầm nắm quyền binh trong nước, tâm chí càng kiêu rông, ngày ngày chỉ buông mình trong tửu sắc, không lo thương gì đến quân sĩ ! Cối lại định tước đoạt quân sĩ của Tùng. Do đó, các tướng hiệu đều có lòng lìa bỏ Trịnh Cối.

Bọn Lê Cập Đệ, Trịnh Vĩnh Thiệu, Phan Công Tích và Trịnh Bách, đang đêm, đem đồ đảng tới chỗ Tùng để bàn mưu kế. Tùng cùng bọn Cập Đệ và Vĩnh Thiệu nèo cả viên hàng tướng là Đặng Huấn, cùng đi, đem luôn cả quân và voi, đang đêm, chạy đến bái yết nhà vua ở hành tại An Tràng. Tùng khóc lóc kể lể: "Anh của thần là Cối đam mê tửu sắc, làm nhiều việc mất lòng người, chẳng sớm thì chầy tất đến loạn mất ! Nay Cối lại định tước đoạt số quân của thần, nên bọn thần đang đêm phải chạy đến gieo mình ở cửa cung khuyết ".

Tùng và bọn Cập Đệ, nhân đó, lại mật tâu với nhà vua dời hành tại vào phía trong cửa ải Vạn Lại, chia người ra đóng giữ cửa lũy để phòng ngừa sự bất trắc.

Ngày hôm sau. Cối thân hành đem bọn Lại Thế Mỹ, Lại Thế Khanh, Nguyễn Sư Doãn, Vương Trân, Lê Khắc Thận, Nguyễn Hữu Liêu và Phạm Văn Khoái với hơn một vạn quân, đuổi theo bọn Tùng đến ngoài cửa ải.

Tùng sai đóng chặt cửa lũy, không ra. Cối sai đưa thư vào, nói nhiều lời không được từ tốn. Nhà vua cho người đi hòa giải, nhưng Cối không nghe, bèn sai tướng đi đánh Cối.

¹ Phủ của Trịnh Kiểm.

² Trịnh Kiểm là anh rể, Nguyễn Hoàng là em vợ, vì Trịnh Kiểm lấy Ngọc Bảo, con gái Nguyễn Kim (xem chb. XXVII, 31), sau Ngọc Bảo sinh ra Trịnh Tùng (theo Toàn thư XVI, 25).

³ Nguyễn Bá Quỳnh được dùng làm tổng binh Quảng Nam từ tháng 3, năm Mậu Thìn, 1568 (xem Chb XXVIII, 21).

Cối đánh nhiều lần không được. Khi hay tin quân Mạc kéo đến. Cối rút quân về Biện Doanh, bảo đồ đảng mình rằng: "Trong cửa ải thì có quân giữ, ngoài bờ cõi thì giặc vào. Ta ở giữa nếu có sự biến xảy ra thì tình thế khó lòng chống nổi ! " Cối bèn chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu:

Sư Thước giữ cửa Linh Tràng và cửa Hội Triều, Thế Khanh giữ cửa Chi Long và cửa Thần Phù, Sư Doãn giữ cửa Du Xuyên và cửa Ngọc Giáp để phòng ngừa quân Mạc;

Bọn Thế Mỹ, Khắc Thận, Hữu Liêu và Văn Khoái thì bố đồn đóng ở bờ sông để phòng ngừa quân trong ải.

Lời phê - Bấy giờ hai anh em Cối và Tùng lục đục đánh lẫn nhau, dường như trời kia có nâng đỡ nhà Lê đấy. Giá thử may mà có được người bày tôi nào có đủ tài năng, nhân dịp đứng lên rút bớt binh quyền của họ Trịnh thì đỡ được biết bao nhiêu việc rắc rối sau này, đâu đến nỗi đuôi to khó quấy, họ Trịnh với họ Lê cứ cùng nhau tồn tại từ trước tới sau mãi như thế ! Nhưng, đời xa, việc lâu, tình thế có thể sai khác, nay đem ý kiến của mình mà suy luận, e chưa chắc đã đúng thể chăng.

Lời chua - Trịnh¹ Vĩnh Thiệu: Người Biện Thượng, huyện Vĩnh Lộc².

Phan Công Tích: Người Thái Xá, huyện Đông Thành³.

Lại Thế Mỹ: Người Quang Lãng, huyện Tống Sơn⁴.

Nguyễn Hữu Liêu: Người Tây Tựu⁵, huyện Từ Liêm.

Phạm Văn Khoái: Người Tiểu Phấn, huyện Thượng Nguyên⁶.

Cửa biển Linh Tràng: Xem năm Chính Trị thứ 8 (Chb. XXVIII, 20).

Cửa biển Hội Triều: Ở xã Hội Triều, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoa.

Cửa biển Chi Long: Ở huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, Thanh Hoa.

Cửa biển Du Xuyên: Nay là cửa Bạng, ở xã Du Xuyên, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, Thanh Hoa.

Cửa biển Ngọc Giáp: Nay là cửa Hãn, ở xã Ngọc Giáp, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, Thanh Hoa.

Tháng 8, mùa thu. Kính Điển vào cướp Thanh Hoa. Trịnh Cối đem đồ đảng đầu hàng nhà Mạc.

Lập quận công là Lập Bạo, người Bồ Chính, được tin Trịnh Kiểm chết anh em dấy binh đánh lẫn nhau, bèn đem quân đầu hàng nhà Mạc.

Nhà Mạc cho Lập Bạo cầm quân, làm hướng đạo. Kính Điển chính mình đốc suất hơn mười vạn quân, 700 chiếc chiến thuyền, vào cướp Thanh Hoa. Nhà Mạc lại sai thân vương là Đôn Nhượng⁷ và tướng tá là bọn Mạc Đình Khoa đem quân chặn giữ cửa biển Thần Phù, bọn Nguyễn Quyện và Mạc Ngọc Liễn chia làm sáu đội, ấn định nhật kỳ, đồng thời cùng tiến. Quân Mạc vượt vào các cửa biển Linh Tràng, Chi Long và Hội Triều đóng quân ở Hà Trung. Hai bên bờ sông khói lửa liên tiếp nhau.

¹ Cương mục in lầm là "Đặng".

² Thuộc Thanh Hóa.

³ Nay thuộc hai huyện Yên Thành và Diễn Châu tỉnh Nghệ An.

⁴ Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

⁵ Tục gọi làng Đăm, nay là xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

⁶ Nay thuộc TP Nam Định.

⁷ Đôn Nhượng là con út của Đăng Doanh và là ông chú của Mậu Hợp (xem Chb. XXIX, 12).

Trịnh Cối liệu chừng không thể chống nổi, bèn đem bọn Lại Thế Mỹ, Nguyễn Sư Doãn, Trương Quốc Hoa, Vương Trân và Vũ Sư Thước đầu hàng nhà Mạc. Kính Điển cho ai nấy vẫn cứ giữ nguyên tước cũ.

Bọn Thế Khanh, Đình Ái, Khắc Thận, Hữu Liêu và Văn Khoái đều kéo quân lui vào An Tràng. Quận Hoàn (sử không chép tên) tự rút quân bản bộ về Nghệ An, chia ra đóng giữ trên mặt đất với Nguyễn Bá Quỳnh.

Lời chua - Lập Bạo: Một tên tướng nhà Mạc không rõ họ gì.

Dùng Trịnh Tùng làm tiết chế các quân doanh thủy và bộ, thống lĩnh quân đội để đánh Mạc.

Tùng, sau khi lãnh chức tiết chế, hội hợp các tướng Hoàng Đình Ái, Trịnh Mô, Lê Cập Đệ và Văn Thần là bọn Nguyễn Đĩnh¹, mở yến tiệc yên ủi nhau, chỉ trời mà thề: Chung lòng đấu cật, làm cho thành công. Rồi chia quân đóng giữ các cửa lũy, đào hào, dựng rào, đặt quân mai phục, giữ cổ hiểm yếu để phòng ngừa quân Mạc.

Lời chua - Nguyễn Đĩnh: Người Hoàng xá, huyện Từ Liêm².

Trịnh Mô: Người Nông Sơn, huyện Nam Đường³, trước là họ Nguyễn, tên gọi Cảnh Hoan sau nhà Trịnh cho lấy theo họ Trịnh, đổi tên là Mô.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Mạc Kính Điển: Kính Điển phải chạy.

Kính Điển chính mình thống suất quân sĩ các đạo, tiến đến Ứng Quan ở sông Mã và Bồng Luật ở sông Lam: khói lửa lan man không ngớt. Nhân dân Thanh Hoa dật dứ nhau chạy loạn, kêu khóc đầy đường. Tiên của, gia súc và phụ nữ đều sa trong vòng giặc. Giặc nhân đà sắc bén, có cái khí thể muốn san phẳng cả Hoan, Ái, Quan quân tùy tình thế, liệu chống đỡ. Da Châu và Tầm Châu ở phía tả sông luôn với các đầu nguồn huyện Lô Dương và huyện Nông Cống ở phía hữu sông đều là chiến trường cả.

Kính Điển tấn công lũy An Tràng, ngày đêm không ngớt.

Quan quân giao chiến với địch, không lợi, phải đóng chặt cửa lũy, dựa vào địa thế hiểm trở giữ thế thủ.

Bọn Đoàn Vũ hầu Lê Cập Đệ bèn lựa theo hình thế phía ngoài lũy làm cái thành giả che kín bằng phen nứa và vách tre của cư dân, rồi ngoài trát đất bùn, trên cắm chông tre. Thành giả này dài đến hơn mười dặm: công việc chỉ làm trong một đêm xong.

Ngày hôm sau, Kính Điển trông thấy, cả sợ, bảo các tướng tá rằng: "Đó chắc là những quân cảm tử còn nhiều, nên mới nô nức làm công việc được mau chóng như vậy. Nếu ta không đánh nhau thì sau tất khó trị". Kính Điển bèn chính mình đốc thúc quân sĩ đánh gấp, hẹn ngày phải thắng.

Quan quân theo sự lên xuống của thủy triều, cầm cự với quân Mạc ở khoảng Bảo Lạc và Long Sùng, gióng giả cố võ quân lính, treo giải hậu thưởng. Ban ngày thì cố thủ, đêm đến thì đổ ra cướp trại của quân Mạc để làm cho địch nao núng.

Quân Mạc luôn bị kinh động, có nhiều người đào ngũ, đi trốn. Kính Điển đánh nhiều lần không thắng được, bèn lui giữ Hà Trung.

¹ Bấy giờ Nguyễn Đĩnh làm Lại Bộ thượng thư, tước Từ quận công.

² Nay là thôn Hoàng Xá, xã Liên Mạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

³ Thuộc tỉnh Nghệ An, đến năm 1886 đổi làm Nam Đàn.

Vũ Sư Thước sai người lén vào trong lũy, dâng thư xin hàng, về triều dõ tội. Nhà vua nhóm họp các tướng, bàn việc tiến quân. Gia phong Trịnh Tùng làm tả thừa tướng tiết chế các quân doanh thủy và bộ, chia quân làm ba đạo, đồng thời xuất phát.

Nhà vua chính mình quản đốc đại quân, từ trung lộ tiến ra, nhằm các huyện Thụy Nguyên, An Định kéo thẳng đến đóng tại huyện Đông Sơn;

Bọn Lại Thế Khanh, Lê Cập Đệ, Trịnh Vĩnh Thiệu và Trịnh Mô từ tả lộ kéo ra, nhằm huyện Vĩnh Phúc và huyện Tống Sơn;

Bọn Hoàng Đình Ái, Đặng Huấn, Phan Công Tích và Trịnh Bách từ hữu lộ kéo ra, nhằm các huyện Lôi Dương, Nông Cống và Quảng Xương.

Bấy giờ nhà vua đóng quân doanh ở Đông Sơn, Vũ Sư Thước đem 500 quân bản bộ thân đến ngự doanh xin chịu tội. Nhà vua yên ủi và cho vẫn giữ tước cũ. Từ đó thanh thế quân đội [bên Lê] rất lừng lẫy.

Quân Mạc hể đánh là thua, phải lui giữ sông Bút Cương. Quan quân vượt sông An Liệt, qua Kim Bôi, Kim Tử, xuyên tắt ra Thuận Hựu.

Nhà sai Sư Thước chiêu tập cựu binh ở bản huyện¹ được bọn nghìn người, làm tiên phong, khiêu chiến với Mạc ở sông Lôi Tân. Bọn Lại Thế Khanh và Lê Cập Đệ đánh các huyện Tống Sơn và Nga Sơn, đều thẳng cả.

Vì lương thực trong quân không tiếp tế được đều, Kính Điển, tháng 12, phải rút quân về.

Lời chua - Sông Mã: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 18).

Ứng Quan: Ở tổng Cổ Lũng, huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa, Thanh Hóa.

Sông Lam: Ở huyện Thụy Nguyên².

Bồng Luật: Không rõ ở đâu.

Hoan: Châu Hoan, tức Nghệ An.

Ái: Châu Ái, tức Thanh Hóa. Nghệ An và Thanh Hóa đều xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20 - 23).

Da Châu: Xem Mạc, năm Đại Chính thứ 1 (Chb. XXVII, 22).

Tàm Châu: Thuộc châu Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Lôi Dương: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

Nông Cống, Quảng Xương: Tên hai huyện, thuộc phủ Tĩnh Gia³.

Bảo Lạc, Long Sùng: Đều là tên xã⁴, thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa⁵.

Hà Trung: Tên phủ, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

An Định, Đông Sơn, Vĩnh Phúc: Tên ba huyện, thuộc phủ Thiệu Hóa.

Tống Sơn, Nga Sơn: Tên hai huyện, thuộc phủ Hà Trung.

¹ Vũ Sư Thước người huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa (xem Chb. XXVIII, 14).

² Thuộc Thanh Hóa.

³ Thuộc Thanh Hóa.

⁴ Hể khúc sông chảy qua địa phận xã nào thì người ta đều gọi sông theo tên xã ấy. Thí dụ: xã Long Sùng, sông Long Sùng, xã Lôi Tân, sông Lôi Tân...

⁵ Thuộc Thanh Hóa.

Bút Cương, An Liệt, Kim Bôi, Kim Tử, Lôi Tân: Đều là tên xã thuộc huyện Vĩnh Phúc, phủ Thiệu Hóa.

Tân Mùi, năm thứ 14 (1571). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 6. Minh, năm Long Khánh thứ 5).

Tháng 12, mùa xuân. Xét công đẩy lùi được giặc. Cho thăng quan và lên tước có tầng bậc khác nhau.

Gia phong Trịnh Tùng làm thái úy, Trường Quốc công; Lê Cập Đệ làm Thái phó; Trịnh Bách, Trịnh Vĩnh Thiệu, Trịnh Mô, Lại Thế Khanh và Đặng Huấn đều làm Thiếu phó. Lại phong cho các em của Tùng: Trịnh Đồ làm Thiếu bảo, Trịnh Đồng làm Vĩnh Thọ hầu, Trịnh Ninh làm Quảng Diên hầu. Ai nấy đều cầm quân đánh giặc.

Sai Phùng Khắc Khoan chiêu tập những dân Thanh Hoa bị xiêu giạt.

Dân các huyện thuộc Thanh Hoa trước đây đã từng xiêu giạt tan tác; đến đây nhà vua sai Khắc Khoan đi chiêu an cho họ tụ tập lại.

Lời chua - Phùng Khắc Khoan: Người Phùng Xá¹, huyện Thạch Thất, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1580), năm Quang Hưng đời Lê Thánh Tông.

Bọn Mỹ Lương, người huyện Khang Lộc, nổi loạn, dẹp yên được.

Mỹ Lương cùng hai em là Văn Lan và Nghĩa Sơn đều vì dâng thóc cho họ Trịnh, được chuyên việc trưng thu tô thuế. Bởi có công lao, Mỹ Lương được làm tham đốc, Văn Lan và Nghĩa Sơn làm thự vệ. Kịp khi quân Mạc vào cướp Nghệ An, Thuận Hóa bị dao động, Mỹ Lương định mưu đánh úp Vũ Xương, thu lấy cả quân lính để đầu hàng nhà Mạc. Mỹ Lương bèn sai bọn Văn Lan và Nghĩa Sơn đem quân mai phục ở Minh Linh, còn mình thì đem quân lên do đường sơn cước đi đến Ngõa Kiêu² ở huyện Hải Lăng, ẩn định nhật kỳ để đánh kẹp lại.

Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta biết rõ mưu định của chúng, bèn sai phó tướng Trương Trà đi đánh Nghĩa Sơn, còn Gia Dụ thì chính mình thống đốc quân lính, lên đến Ngõa Kiêu, đánh úp Mỹ Lương, đốt trại của hắn. Mỹ Lương chạy trốn. Gia Dụ đuổi theo, bắt được, đem chém.

Trương Trà tiến đến Phúc Thị, đánh nhau với giặc, bị Nghĩa Sơn bắn chết. Vợ Trương Trà, Trần Thị, sôi sục căm thù, cải trang giả làm đàn ông, ra trận đốc chiến, bắn giết được Nghĩa Sơn. Văn Lan trốn về với họ Trịnh.

Gia Dụ bèn kéo quân về, phong Trần Thị làm quận phu nhân. Bấy giờ thổ hào Quảng Nam cũng đánh giết cướp bóc lẫn nhau. Gia Dụ đều dẹp yên được hết cả, nhân đó sai thuộc tướng là Mai Đình Dũng ở lại trấn thủ Quảng Nam, thu lượm vũ về những quân còn sót lại.

Lời chua - Khang Lộc: Tên huyện, thuộc phủ Tân Bình³.

Vũ Xương, Minh Linh, Hải Lăng: Tên ba huyện, thuộc tỉnh Quảng Trị. Vũ Xương nay là huyện Đăng Xương.

Phúc Thị⁴: Tên xã, thuộc huyện Minh Linh phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Mỹ Lương (không rõ họ): Người Phổ Hành, huyện Khang Lộc.

Trương Trà: Người Hoàn Vân, huyện Tống Sơn⁵.

¹ Tục gọi làng Bùn, nay thuộc xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.

² Nghĩa là cầu Ngói.

³ Đất phủ Tân Bình cũ, nay thuộc tỉnh Quảng Bình và hai huyện Vĩnh Linh, Do Linh (Quảng Trị).

⁴ Chữ "thị" ở đây in lầm là chữ "táp".

⁵ Thuộc Thanh Hóa.

Trần Thị: Người Diêm Tràng, huyện Phú Vinh.

Tháng 10, mùa đông. Sai Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ đi tuần vùng Thiên Quan: Dẹp yên được tất cả.

Thanh Hoa đói to.

Nhâm Thân, năm Hồng Phúc thứ 1 (1572). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 7 - Minh, năm Long Khánh thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Làm lễ tế giao.

Nhà vua đốt hương, quỳ khẩn; lư hương bồng ngào xuống đất biết là diêm chảnh lành, nhân đó mới ban chiếu đổi niên hiệu là Hồng Phúc thứ 1.

Lập Bạo, tướng Mạc vào cướp Thuận Hóa. Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta đánh úp, giết chết Lập Bạo.

Lập Bạo đem chu sư và hơn 60 chiếc thuyền vượt biển vào lấn cướp, theo đường Hồ Xá, đóng trại ở đường Thanh Tương, xã Lăng Uyển. Thế lực giặc rất lung lay.

Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta chính mình đem quân đi chống cự. Đón ở bờ sông Ái Tử, ngài đêm nằm, nghe nơi sông nước có tiếng kêu oe oe, lấy làm lạ, bồng mộng thấy một người đàn bà, mặc áo xanh, đứng trước mặt, thưa rằng: "Muốn trừ diệt giặc nên dùng đến kế mỹ nhân". Gia Dụ hiểu biết ý nói ấy, bèn sai Ngô Thị, một thị tì xinh đẹp, đem vàng lụa đến biểu Lập Bạo một cách phong hậu, thuyết phục Lập Bạo, hẹn ngày làm lễ hội minh. Lập Bạo hí hứng nghe theo. Gia Dụ liền sai dựng ngay tại chỗ có tiếng oe oe ấy ngôi đền và đàn thờ một cách lạo thảo để làm chỗ hội hợp ăn thề, nhưng dưới đó đào hầm, đặt quân mai phục. Đến kỳ đã hẹn, Lập Bạo, với mấy chiếc thuyền tùy tùng đi đến, trông lên trên bờ sông thấy bên phía Gia Dụ cũng chỉ có vài mươi người, bèn nhờn nhờn không ngờ vực gì cả. Lập Bạo cùng Ngô Thị đi chiếc thuyền nhỏ cũng chỉ có vài mươi người theo hầu. Lê bộ, đi thông thả. Lập Bạo đến chỗ hội minh thì phục binh đột nhiên nổi dậy. Lập Bạo sợ, chạy xuống thuyền thì thuyền đã lìa khỏi bờ rồi! Lao mình nhảy theo, Lập Bạo ngã xuống nước, bị quan quân bắn chết, quan quân thừa thắng, tiến đánh trại Thanh Tương: cả phá được địch. Còn các thuyền khác của địch ra khơi chạy trốn, gặp bão thành linh, bị đắm hết cả.

Gia Dụ bèn hậu thưởng cho Ngô Thị, vá phong thần sông Ái Tử làm Qua Qua linh thu phổ trách tướng hựu phu nhân, lập đền để thờ.

Bấy giờ Thái Tổ Gia Dụ ta cai trị trong trấn mười năm, chính sự thì khoan hòa, quân lệnh thì nghiêm túc. Dân vùng Thuận Hóa và Quảng Nam đều được nhuần thấm ân đức và tắm gội giáo hóa. Dân buôn thì lạc nghiệp, chợ búa không bán hai giá, trong xứ không có trộm cướp. Nhiều người các nước đều xum vầy làm ăn. Trong trấn ngày một đông đúc thịnh vượng.

Lời chua - Hồ Xá, Lăng Uyển: Đều là tên xã thuộc huyện Minh Linh, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Đền Thanh Tương: Ở địa phận xã Lăng Uyển.

Đền Qua Qua Linh Thu: Ở xã Ái Tử.

Ngô Thị: Tên là Ngọc Lâm, người Thế Lại, huyện Hương Trà¹.

Nghệ An đói và có bệnh dịch.

Nghệ An nhiều phen bị nạn binh lửa. Các huyện, đồng ruộng bỏ hoang nhân dân đói khổ. Dịch lệ lại phát sinh, người chết đến quá nửa. Nhân dân xiêu giạt, hoặc tan tác vào Nam, ra Bắc. Trong cõi Nghệ An điều hiu vắng tanh.

¹ Thuộc Thừa Thiên.

Trịnh Tùng giả lệnh nhà vua, giết chết Đuan Vũ hầu Lê Cập Đệ. Nhà vua chạy đi Nghệ An.

Theo Sử cũ thì Cập Đệ ngầm có ý khác, muốn làm hại Trịnh Tùng để giựt lấy quyền binh. Tùng, bề ngoài làm như không biết, thường đem nhiều vàng bạc biếu Cập Đệ. Cập Đệ đến tạ ơn thì Tùng sai tay đao thủ phục sẵn ở nơi màn trướng mà giết chết. Rồi Tùng nói phao lên rằng Cập Đệ mưu phản, nên nhà vua sai giết đi.

Bấy giờ Cảnh Hấp và Đình Ngạn nói với nhà vua rằng: "Quyền thế của tả tướng¹ to quá! bệ hạ khó chung sống được ". Nhà vua hoang mang ngờ vực, đang đêm, cùng với bốn hoàng tử chạy đi Nghệ An.

Theo Lê triều trung hưng lục của Hồ Sĩ Dương, Lê Cập Đệ mật bàn với nhà vua, bố trí đâu vào đấy, hẹn nhau rằng, hễ đêm đến, nghe thấy tiếng pháo nổ một cái thì nhà vua liền qua sông để cử sự. Tùng biết rõ chuyện ấy rồi, nhưng bề ngoài vẫn cứ biếu Cập Đệ nhiều vàng bạc. Khi Cập Đệ đến tạ thì Tùng cho tên đao phủ mai phục sẵn, xông ra giết chết.

Nhà vua từ đó vẫn thường băn khoăn, không yên tâm. Khi nghe bọn Cảnh Hấp nói, bèn cùng bốn hoàng tử chạy đi Nghệ An.

Lời Phê - Sử cũ soạn hồi cuối Lê, đều ra từ những tay khuyến ứng của họ Trịnh, cố nhiên là có nhiều điều kiêng kỵ đối với họ Trịnh. Đó thật là những trang sử như bản, không thể tin được. Nhưng vì nay không có bộ sử nào tốt hơn để có thể dựa vào mà sửa đổi lại, nên Cương mục cứ phải theo tài liệu đáng ngờ mà truyền lại đều đáng ngờ để đợi đời sau đính chính cho.

Lời cần án - Về việc Anh Tông phải chạy. Sử cũ cho rằng Cập Đệ ngầm có ý khác, định giết Trịnh Tùng, nên Tùng dụ Cập Đệ đến, nhân dịp giết đi rồi tuyên bố cho mọi người biết rằng: "Cập Đệ âm mưu làm phản, nhà vua sai giết chết ". Kịp khi nhà vua nghe bọn Cảnh Hấp nói lời gièm pha, bấy giờ mới đâm hoang mang ngờ vực, đang đêm chạy đi Nghệ An.

Nay, Cập Đệ nếu có ý khác, Trịnh Tùng vâng mạng nhà vua giết đi, thế là trị được tội nhân, nhà nước vững như núi Thái Sơn rồi, thì sao còn phải hoang mang ngờ vực mà chạy đi nữa.

Kịp khi khảo đến cuốn Trung Hưng lục của Hồ Sĩ Dương, thấy nói Cập Đệ mật mưu với nhà vua, hẹn đến ban đêm, hễ nghe tiếng pháo nổ thì nhà vua liền qua sông để cử sự. Tùng biết rõ cả rồi, nên mới bày mưu giết Cập Đệ. Nhà vua thấy bọn Cảnh Hấp nói, bấy giờ mới hoang mang ngờ vực, chạy đi, thế là, đã từ lâu, Anh Tông không sao chịu nổi những hành tích vô quân² của Tùng; còn về phần Cập Đệ cũng đã từ lâu không sao nén nổi cái khí căm phẫn trung nghĩa, nên đối với Tùng, chỉ muốn xé thịt mà ăn, lột da mà nằm thôi. Rủi thay, việc toan tính của Cập Đệ không được toại nguyện, làm liên lụy đến quân thân, nhưng tâm chí của Cập Đệ thực đáng đau xót!

Những kẻ quan tư đứng đây triều đình bấy giờ được họ Trịnh chăn nuôi, nào chạy vạy ở cửa ngõ, nào đón ý vâng dạ chỉ e không rồi, còn ai là người nét mặt dám tỏ chính nghĩa, không sợ kẻ có thế lực mạnh nữa ?

Đến người làm sử³ bấy giờ lại còn cầm bút chép quanh co, che đậy, nhằm buộc tội cho người trung thần! Hơn nữa họ còn đổ thừa cho nhà vua rằng đã nhờ bậc công thần⁴ tôn lập làm vua, lại thiên lệch nghe lời gièm pha, lật đật bỏn ba ra ngoài! Ôi, thế cũng quá lắm! Vậy không thể không có mấy lời này để biện luận lại.

Lời chua - Cảnh Hấp, Đình Ngạn: Tên hai người. Đình Ngạn không rõ họ là gì.

¹ Chức của Trịnh Tùng.

² Không đếm xỉa gì đến vua.

³ Nguyên văn là "Nam, Đồng ", chính nghĩa là Nam Sử thị nước Tề và Đồng Hồ nước Tấn đều là những sử gia trung trực cao quý ở đời Xuân Thu (770 - 403 trước Công nguyên); sau dùng rộng, chỉ chung những người làm sử hoặc viết phả ký và bút lục. Đây Cương mục dùng thành chữ "Nam, Đồng " ấy chỉ những người làm sử ở hồi Lê Trung Hưng.

⁴ Chỉ họ Trịnh.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 29

Từ Quý Dậu, Lê Anh Tông, năm Hồng Phúc thứ 2 (1573) đến Nhâm Thìn, Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 15 (1592), gồm hai mươi năm.

Quý Dậu, năm [Hồng Phúc] thứ 2 (1573). (Thế Tông, Lê Duy Đàm, năm Gia Thái thứ 1 - Mạc, năm Sùng Khang thứ 8 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở Nghệ An.

Trịnh Tùng đón lập Duy Đàm, con thứ nhà vua.

Trước kia, nhà vua chạy đi Nghệ An, Tùng bàn với các tướng rằng trước hãy lập trước hãy lập hoàng tử lên ngôi đã, rồi sau xuất quân đi đón nhà vua, cũng chưa muộn.

Bấy giờ ông hoàng năm, Duy Đàm mới lên bảy tuổi, đang được nuôi dưỡng ở xã Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên, Tùng sai người đón lập làm vua, đổi niên hiệu là Gia Thái (1573 - 1577)¹, ban chiếu đại xá gồm có sáu điều.

Lời phê - [Sở dĩ lập Lê Duy Đàm], là vì Trịnh Tùng chỉ cốt lợi rằng vua còn thơ ấu đó thôi. Trịnh Kiểm tuy chuyên quyền nhưng tội ác chưa có gì tỏ rõ cho lắm; đến Trịnh Tùng mới thật là gian thần như đồ Vương Mãng và Tào Tháo²!

Lời cần án - Theo thể lệ của Cương mục³ chép về việc đổi niên hiệu, hễ đổi vào giữa năm mà là bình thường, không có ý nghĩa gì quan trọng thì lấy niên hiệu đặt sau làm chính; nếu là lúc có việc phế lập⁴ quan hệ đến đạo nghĩa thì lấy niên hiệu trước làm chính, rồi chưa niên hiệu mới đổi đó [bằng chữ nhỏ] ở dưới⁵. Nay xét: bấy giờ Lê Anh Tông ra ở Nghệ An, Trịnh Tùng tự tiện lập con của Anh Tông lên thay, Sử cũ vội chép ngay năm đó niên hiệu Gia Thái bằng chữ lớn. Thế là đổi với đạo nghĩa vua tôi cha con, Sử cũ điều sau trái cả. Vậy, để đính chính lại, nay xin cứ theo niên hiệu cũ mà chép năm là Hồng Phúc, còn niên hiệu Gia Thái thì chưa lường trước ở dưới.

Lời chua - Quảng Thi: Tên xã, thuộc huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa.

Sáu điều:

- 1) Dân nào, trải sau binh lửa, không có hàng sản, đều khoan giảm lực dịch.
- 2) Dân nghèo xiêu giạt đều cho trở về bản quán, khoan giảm phú thuế và phu dịch.
- 3) Những tù phạm tội trộm cướp mà đang tại đào đều cho phép ra thú ở quan sở tại và sẽ được tha bổng.

¹ Về sau, lại đổi niên hiệu là Quang Hưng (1578 - 1599).

² Vương Mãng, tên tự là Cự Quân, người Đông Bình Lãng đời Hán, làm quan với Hán đến chức đại tư mã, sau giết Hán Bình đế, lập Nhụ Tử Anh, rồi cướp ngôi, tự lập làm vua, đổi quốc hiệu là Tân, được 15 năm thì bị diệt vong.

Tào Tháo, tên tự là Mạnh Đức, người đời Đông Hán, sau khi đón lập Hán Hiến đế, Tào Tháo tự làm thừa tướng, tước Ngụy công áp bức vua Hán, nắm hết quyền binh trong tay. Xem thêm chú giải số 5 ở Thb. 3 (tập 1 tr. 40).

³ Bộ sử của Chu Hi đời Tống (Trung Quốc).

⁴ Bỏ vua cũ, lập vua mới.

⁵ Xem thêm điều thứ 28 ở Phạm lệ của Cương mục.

4) Các nha môn ở trong kinh đô và ngoài các lộ có những tù nhân hiện đang bị giam cầm, nếu là tội nhẹ thì tha bổng.

5) Trong các quan văn quan võ ai có công lao thì cho thăng tước một lần¹.

6) Con cháu quan viên nào bị chèn ép chìm đọng thì cho làm giấy khai trình, sẽ được lục dụng tùy theo tài năng.

Tả tướng Trường quốc công Trịnh Tùng giết nhà vua² ở Lôi Dương.

Tùng sai bọn Nguyễn Hữu Liêu đem quân đến Nghệ An, nhà vua lánh ra ruộng mía. Bọn Hữu Liêu đến lạy mời: "Xin bệ hạ mau mau vào cung! để cho tôi con trong nước được thỏa ý mong muốn. Chúng tôi chẳng ai dám có ý gì khác ". Họ bèn đón nhà vua quay về. Tùng sai quận Bàng Tổng Đức Vị ngày đêm hầu ở bên nhà vua. Ngày 22 tháng giêng ấy, đi đến Lôi Dương. Đức Vị ngầm bức bách giết chết nhà vua, rồi giả vờ nói phao lên rằng nhà vua tự thắt cổ chết.

Bây tôi dâng tôn hiệu là Anh Tông Tuấn hoàng đế. Nhà vua ở ngôi 16 năm, thọ 42 tuổi, táng ở lăng Bồ Vệ.

Lời cần án - Theo thể lệ của Cương mục³, vua bị giết chết mà đương thời không trị tội tên giặc thì nghịch thì sử không chép đến việc an táng vua bị giết ấy. Cho nên xin chép phụ việc táng Lê Anh Tông vào cuối phần "Mục".

Lời chua - Tổng Đức Vị: Người Khoái Lạc, huyện An Định⁴.

Lôi Dương: Tên huyện, xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

Bồ Vệ: Tên xã, thuộc huyện Đông Sơn, Thanh Hóa.

Trịnh Tùng tự gia phong cho mình làm đô tướng, tiết chế các quân doanh thủy và bộ, kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự.

Trịnh Tùng tự phong thêm cho mình làm đô tướng tiết chế các doanh quân thủy quân bộ ở các xứ kiêm giữ việc quân việc nước quan trọng. Phàm các sự vụ cơ mật quốc gia đều tự Trịnh Tùng quyết định cả. Trịnh Tùng lại dùng Vũ Công Kỳ làm hữu tướng, bọn Hoàng Đình Ái, Vũ Sư Thước và Nguyễn Hữu Liêu làm thái phó, và phong tước quận công cho bọn Trịnh Đổ, Phạm Văn Khoái và Hà Thọ Lộc.

Lời chua - Vũ Công Kỳ: Là con Gia quốc công Vũ Văn Mật, Công Kỳ người Ba Đông, huyện Gia Lộc⁵.

Ra lệnh cho Thuận Hóa tích trữ thóc lúa để sự phòng thủ nơi biên giới được đầy đủ vững chắc.

Sai sứ giả đem sắc thư vào gia phong Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế⁶ ta làm thái phó và hạ lệnh cho Gia Dụ phải tích trữ thóc lúa để việc phòng thủ nơi biên giới được đầy đủ, vững chắc. Hằng năm phải nộp tiền tiền dư⁷ là 400 cân bạc và 500 tấm lụa.

Lời chua - Thuận Hóa: Xem năm Quảng Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 23 - 24).

Tháng 7, mùa thu. Quân Mạc vào xâm lấn An Tràng.

¹ Dịch theo nguyên văn là chữ "thứ" đáng phải chép là "tư" (xem chú giải số 2 ở Chb. X. 18) thì đúng hơn.

² Lê Anh Tông.

³ Tức bộ sử của Chu Hi đời Tống (Trung Quốc).

⁴ Nay thuộc huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

⁵ Thuộc Hải Dương.

⁶ Miếu hiệu của Nguyễn Hoàng.

⁷ Số thừa thãi do dự thu phú thuế còn lại.

Nhà Mạc sai quân vào xâm lấn An Tràng. Quan quân [bên Lê] đều rút vào trong lũy để giả vờ tỏ ra mình yếu. giặc lại đắp thêm lũy đất. Khi giặc sắp qua chằm Đoàn Trạch, Trịnh Tùng chia chu sứ ra đón đánh: cả phá được giặc. Quân Mạc chạy trốn.

Tháng 10, mùa đông. Cho Vũ Công Kỳ trở về trấn thủ Đại Đồng.

Trước kia, Công Kỳ từ Đại Đồng vào yết kiến, đi đánh Mạc, nhiều lần lập được chiến công. Đến đây, triều đình cho rằng dân ở địa phương chưa được yên tĩnh, nên lại sai Công Kỳ quản lãnh quân bản bộ trở về trấn thủ Đại Đồng.

Lời chua - Đại Đồng: Đồi Lê, Đại Đồng là trấn lỵ Tuyên Quang. Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 5 (Chb. XXVII, 2).

Mạc Mậu Hợp lại về Thăng Long.

Trước đây, quân Mạc thường thua, chúa Mạc là Mậu Hợp phát sợ, phải di cư sang Bồ Đề. Đến đây, bọn Mạc Kính Điển lại nâng đỡ cho Mậu Hợp về thành Thăng Long, đóng dinh ở phía ngoài cửa Nam thành Thăng Long.

Lời chua - Bồ Đề: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 4).

Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 10).

Giáp Tuất, Lê Thế Tông Nghị hoàng đế, năm Gia Thái thứ 2 (1574). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 9 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 2).

Tháng 6, mùa hạ. Tướng Mạc, Nguyễn Quyện, vào xâm Nghệ An. Triều đình sai bọn Trịnh Mô đem quân đi cứu.

Mạc sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện vào cướp Nghệ An. Các huyện Anh, Diễn¹ thuộc Nghệ An đều bị sa vào trong tay giặc. Trấn thủ Nguyễn Bá Quýnh sợ bóng gió, chạy trốn trước. Quận Hoàn (không rõ tên) giao chiến với địch, thường bắt lợi vì thấy quân lính hay đào ngũ, quận Hoàn mới xích chân họ lại. Khi giặc kéo đến, họ không chiến đấu thuyền lên cạn, chạy đến châu Bồ Chính, bị Quyện bắt được.

Trịnh Tùng, nhân đó sai Tãn quận công Trịnh Mô và Lai quận công Phan Công Tích đem quân đến cứu. Bọn Trịnh Mô cầm cự với Nguyễn Quyện đến vài tháng, thì Quyện rút lui, bọn Trịnh Mô cũng thu quân về Thanh Hoa.

Lời chua - Phan Công Tích: Người Thái Xá, huyện Đông Thành².

Bồ Chính: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Anh: Tức Anh Đô, nay đổi là phủ Anh Sơn.

Diễn: Tức phủ Diễn Châu. Anh và Diễn đều thuộc Nghệ An.

Ất Hợi, năm thứ 3 (1575). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 10 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Mạc Kính Điển và Nguyễn Quyện đến xâm lấn.

Nhà Mạc sai Kính Điển khuấy nhiễu Thanh Hoa, và Nguyễn Quyện khuấy nhiễu Nghệ An. Quân Mạc kéo đến đâu, mọi người ở đấy đều bị ngả lướt, trốn biệt vào rừng núi để tránh khí thế sắc bén của địch.

Kính Điển chính mình thống suất đại binh, thẳng tiến đến huyện Thụy Nguyên và huyện An Định. Kính Điển lại chia quân đi xâm lấn khuấy nhiễu các huyện Lôi Dương và Đông Sơn.

¹ Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

² Đất huyện Đông Thành cũ, nay thuộc hai huyện Yên Thành và Diễn Châu tỉnh Nghệ An.

Trịnh Tùng sai Hoàng Đình Ái đem quân cứu huyện Lô Dương và huyện Nông Cống, đóng ở xã Tiên Mộc. Còn chính Trịnh Tùng thì thống suất các tướng, chia làm năm đội, đi chống cự. Tùng đánh nhau với Kính Điển ở xã Đông Lý. Vũ Sư Thước và Nguyễn Hữu Liêu dùng kỳ binh¹ đánh cho Kính Điển phải chạy.

Trịnh Tùng lại sai bọn Thế Khanh, Trịnh Mô và Phan Công Tích đến cứu Nghệ An, đánh nhau với Nguyễn Quyện, nhưng không thắng. Nguyễn Quyện đặt quân mai phục, bắt sông Công Tích đem về.

Lời chua - Tiên Mộc: Tên xã, thuộc huyện Nông Cống.

Đông Lý: Tên xã, thuộc huyện An Định.

Lô Dương, Thụy Nguyên (tức Lương Giang): Tên hai huyện đều xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

Đông Sơn, An Định, Nông Cống: Đều xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 13 (Chb. XXVIII, 28).

Bính Tý, năm thứ 4 (1576). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 11 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 4). Nguyễn Quyện nhà Mạc lại vào cướp Nghệ An.

Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa, và chia quân cho Nguyễn Quyện vào cướp Nghệ An.

Cầm cự với Quyện hàng tháng, Trịnh Mô thường đánh không thắng nổi, phải rút lui. Khi đến Ngọc Sơn, Quyện bảo tướng hiệu dưới quyền mình rằng: "Trịnh Mô thua trận rút về, quân trầy không có hàng ngũ. Thế nào ta cũng phải bắt được nó". Quyện bèn chính mình đốc suất binh sĩ đuổi theo, bắt sống được Mô đem về.

Lời chua - Ngọc Sơn, tên huyện thuộc phủ Tĩnh Gia².

Đinh Sửu, năm thứ 5 (1577). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 12 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 5).

Tháng 8, mùa thu. Mạc Kính Điển xâm phạm sông Đồng Cổ. Trịnh Tùng đi đánh: Kính Điển phải chạy.

Trước đây, nhà Mạc thu nhật quân lính các trấn, hạ lệnh cho đem lương đủ ba tháng, kéo vào lẩn cướp.

Trịnh Tùng sai dân các huyện ở ven sông thuộc Thanh Hoa phải sửa soạn làm đồng không nhà trống để tránh sự cướp bóc của giặc. Những chỗ tuần phòng ở các cửa biển và các xứ ven đường đều đặt pháo hiệu. Hễ thấy giặc đến thì chỗ đầu tiên phải nổ một tiếng pháo, rồi suốt dọc đường cứ lần lượt nổ pháo truyền đi làm hiệu khiến cho dân chung biết tin để tản cư trước.

Đến đây, quân Kính Điển kéo đến sông Đồng Cổ, Trịnh Tùng đem chư tướng ra cửa lũy Khoái Lạc để chống cự. Quân Mạc đánh phá dinh Hội Thượng. Hoàng Đình Ái và Nguyễn Hữu Liêu đánh chẹn: phá được địch. Quân Mạc lại tiến đến ngoài lũy Khoái Lạc. Lại Thế Mỹ [bên Mạc] xung phong trèo lên lũy trước để khiêu chiến: bị quan quân bắn chết. Quân Mạc tan vỡ lung tung. Các quân [bên Lê] đem thủ cấp Thế Mỹ đến dâng ở cửa quân Trịnh Tùng. Kính Điển liền chạy về Thăng Long.

Lời chua - Các huyện ven sông: Tức là địa phận các huyện Hậu Lộc, Nga Sơn, Vĩnh Lộc, và An Định³.

Sông Đồng Cổ: Tức là sông Tắt Mã, từ huyện Cẩm Thủy qua xã Đan Nê huyện An Định (vì tại đó có miếu Đồng Cổ, nên mới gọi tên như vậy) rồi chảy xuống Lương Giang, đổ ra biển.

¹ Xem chú giải số 1 ở Chb. XIII, 28.

² Nay thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

³ Đều thuộc Thanh Hóa.

Lũy Khoái Lạc: Ở xã Khoái Lạc, huyện An Định, tỉnh Thanh Hóa.

Thanh Hoa có nạn thủy tai lớn. Dân bị đói.

Năm này, Thanh Hoa hay mưa dầm, nước lụt đến bảy lần. Lúa đồng bị hư hại. Dân đói to.

Tháng 11, mùa đông. Sao chổi xuất hiện.

Sao Chổi xuất hiện, thẳng chỉ về phía Đông Nam, ánh sáng đỏ rực, dài đến 40 trượng, từ tháng 11 đến mồng 1 tháng 12 mới lặn. Nhà vua xuống chiếu kể từ năm sau (Mậu Dần 1578) đổi niên hiệu là Quang Hưng năm thứ 1.

Mậu Dần, năm Quang Hưng thứ 1 (1578). (Mạc, năm Diên Thành thứ 1 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 6).

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Điển lại vào xâm lấn Thanh Hoa. Trịnh Tùng đón đánh ở xã Phụng Công: cả phá được địch.

Kính Điển lại xâm lấn các huyện ven sông thuộc Thanh Hoa, tiến đến xã Giang Biểu. Trịnh Tùng sai bọn Trịnh Bách kéo quân vượt qua sông, đặt mai phục ở núi Phụng Công, đánh mạnh và phá được địch. Quân Mạc bị chết không sao xiết kể. Kính Điển phải rút về.

Bấy giờ chúa Mạc là Mậu Hợp bị sét đánh trượt, thành ra bán thân bất toại, sau chữa thuốc được lành, bèn đổi năm này làm năm Diên Thành thứ 1 (1578).

Lời chua - Bách: Người cùng họ với Trịnh Tùng.

Giang Biểu, Phụng Công: Tên hai xã đều thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Lập đàn tế Nam Giao ở Vạn Lại.

Trước kia, dựng thành tại ở Vạn Lại; sau đó lập đàn tế Nam Giao ở phía ngoài cửa lũy.

Lời chua - Vạn Lại: Xem Lê Trang Tông, năm Nguyên Hòa thứ 14 (Chb. XXVII, 42)..

Tháng 10, mùa đông. Vũ Công Kỳ đánh cho Mạc Ngọc Liễn đại bại ở Thu Châu.

Ngọc Liễn, tướng tây đạo nhà Mạc, xâm lấn cướp bóc các châu huyện ở Tuyên Quang và Hưng Hóa, khi kéo quân đến châu Thu Vật, bị thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỳ tung quân đánh mạnh; quân Mạc thua to rút về.

Lời chua - Ngọc Liễn: Là con Nguyễn Kính, người Di Nậu, huyện Thạch Thất¹, Ngọc Liễn được nhà Mạc cho lấy theo họ Mạc.

Tuyên Quang, Hưng Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30, 31).

Châu Thu Vật: Xem Lê Thánh Tông, năm Đại Bảo thứ 1 (Chb. XVII, 20).

Kỷ Mão, năm thứ 2 (1579). (Mạc, năm Diên Thành thứ 2 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 7).

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Điển vào cướp huyện Hà Trung, bị thái phó Đặng Huân đánh phá tan.

Kính Điển lại vào lấn cướp các huyện ven sông² luôn với phủ Hà Trung và huyện Tống Sơn³. Trịnh Tùng sai Đặng Huân đốc suất binh sĩ chống cự ở xã Thái Đường. Tùng lại sai Trịnh Văn Hải làm

¹ Thuộc tỉnh Hà Tây.

² Tức là các huyện Hậu Lộc, Nga Sơn, Vĩnh Lộc và An Định thuộc Thanh Hóa.

³ Thuộc Thanh Hóa.

tiên phong, đại chiến với quân Mạc ở núi Kim Âu. Đặng Huấn lén kéo quân đến Tổng Sơn, vọt ra Mạc Sơn, đánh chẹn phía sau quân địch. Mạc Kính Điển bị đại bại, phải rút về; sau đó bị bệnh chết.

Lời chua - Đặng Huấn: Người Lương Xá, huyện Chương Đức¹.

Thái Đường, Kim Âu: Tên hai xã, thuộc huyện Vĩnh Lộc.

Mạc Sơn: Núi này ở xã Bình Hòa, huyện Tống Sơn, Vĩnh Lộc và Tống Sơn trên đây đều thuộc Thanh Hóa.

8). **Canh Thìn, năm thứ 3 (1580). (Mạc, năm Diên Thành thứ 3 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 8).**

Tháng 8, mùa thu. Lại mở khoa thi hội.

Từ niên hiệu Nguyên Hòa² trở đi, đã lâu không có khoa thi hội, đến đây mới lại mở. Nhà vua sai chia làm tam giáp³, ban cho bọn Nguyễn Văn Giai và Phùng Khắc Khoan sáu người được đỗ tiến sĩ xuất thân và tiến sĩ đồng xuất thân⁴ có khác nhau. Từ đó về sau, cứ ba năm một lần thi, đặt làm lệ thường; nhưng hãy còn chưa có thi đình.

Lời chua - Nguyễn Văn Giai: Người Phù Lưu Tràng, huyện Thiên Lộc⁵.

Tháng 9. Sao sa có tiếng như sấm. Sao Chổi xuất hiện.

Tân Ty, năm thứ 4 (1581). (Mạc, năm Diên Thành thứ 4 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 9).

Mùa thu. Mạc Đôn Nhượng vào xâm lấn. Bọn Hoàng Đình Ái đánh bại được địch.

Mạc Kính Điển bấy giờ đã chết. Chúa Mạc là Mậu Hợp lại sai ông chú⁶ là phụ chính Ứng Vương Đôn Nhượng làm tổng thống chư quân, trưng tập binh mã vào cướp Thanh Hoa.

Đôn Nhượng do đường biển tiến quân đến đóng tại núi Đường Nang huyện Quảng Xương. Nhà vua sai bọn Hoàng Đình Ái thống lĩnh đại quân đi chống quân Mạc. Đình Ái hội hợp chư tướng, chia làm ba đạo đồng thời cùng tiến. Đánh nhau kịch liệt với quân Mạc, quan quân chém được hơn 600 thủ cấp địch. Quân giặc thua vỡ tan tành. Đôn Nhượng thu nhặt quân tàn, trốn về Thăng Long.

Quan quân đại thắng kéo về. Triều đình tưởng lược chiến công: dùng Hoàng Đình Ái làm thái úy, Nguyễn Hữu Liêu làm Tây quân đô đốc, Trịnh Bách làm Nam quân đô đốc, Trịnh Đổ và Ngô Cảnh Hựu làm Nam Bắc quân tả hữu đô đốc. Còn thì phong thưởng có hơn kém khác nhau.

Những tù binh bắt được đến vài trăm người đều cấp cho cơm ăn áo mặc, thả về. Từ đó, uy thế quan quân rất lừng lẫy, quân Mạc không dám ngấp nghé nom dòm. Cư dân Thanh, Nghệ mới được yên nghiệp làm ăn một chút.

Lời chua - Đôn Nhượng: Là con út của Đăng Doanh và là ông chú của Mậu Hợp.

Trịnh Đổ: Con Trịnh Kiểm.

Ngô Cảnh Hựu: Người Trảo Nha, huyện Thạch Hà⁷.

Núi Đường Nang: Ở thôn Nang, xã Hưng Lễ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

¹ Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

² Niên hiệu Lê Trang Tông (1533- 1548) Cương mục in lầm là Vĩnh Hòa.

³ Ba giáp: đệ nhất giáp, đệ nhị giáp, và đệ tam giáp (xem thêm chb. VI, 12).

⁴ Xem chú giải số 5 ở Chb. VI, 30.

⁵ Sau đổi Can Lộc thuộc Hà Tĩnh.

⁶ Nguyên văn là tổ thúc.

⁷ Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

10). **Nhâm Ngọ, năm thứ 5 (1582). (Mạc, năm Diên Thành thứ 5 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 10).**

Tháng 5, mùa hạ. Ở Thanh Hoa mưa đá lớn.

Ở Vạn Lại thuộc Thanh Hoa, mưa đá lớn bằng quả dưa. Lúa đồng đều bị hư hại.

Trong biển Quỳnh Lưu có hòn đá lớn bắn vọt lên mặt đất.

Cửa biển Đông Hải có hòn đá trắng lớn từ trong nước vọt lên mặt đất cách chỗ nước 15 trượng mới sa xuống. Người bản thổ¹ cho là thiêng liêng kỳ dị, bèn lập đền thờ để thờ hòn đá ấy.

Lời chua - Đông Hải: Tên thôn thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Quý Mùi, năm thứ 6 (1583). (Mạc, năm Diên Thành thứ 6 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 11).

Tháng 7, mùa thu. Nước Ai Lao sai sứ đến dâng phẩm vật địa phương.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9 - 10).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tùng xuất quân đánh Sơn Nam.

Tiết chế Trịnh Tùng kéo đại quân ra Sơn Nam, đánh các huyện Yên Mô, Yên Khang, gặt lấy lúa, rồi rút về. Nguyễn Viết Kính, tướng đông đạo nhà Mạc, đầu hàng, lại được phong tước quận công.

Lời chua - Nguyễn Viết Kính: Người huyện Tứ Kỳ thuộc Hải Dương.

Yên Mô: Tên huyện, hồi đầu Lê, thuộc Sơn Nam, nay thuộc Ninh Bình.

Yên Khang: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 8 (Chb. VIII, 18).

12). **Giáp Thân, năm thứ 7 (1584). (Mạc, năm Diên Thành thứ 7 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 12).**

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Tùng xuất quân ra Trường Yên, rồi lại rút về.

Một lần nữa. Trịnh Tùng xuất quân ra đánh các huyện thuộc Trường Yên, rồi lại tiến quân đi tuần ở Thiên Quan. Vì Ngô Cảnh Hựu rút quân về trước, nên Trịnh Tùng liền đó rút quân quay về, dâng biểu xin giáng chức Cảnh Hựu xuống hai tước².

Lời chua - Trường Yên: Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 11).

Thiên Quan: Tên phủ, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Các huyện thuộc Trường Yên: Tức là các huyện Gia Viễn, Yên Mô và Yên Khánh đều thuộc phủ Trường Yên³.

Tháng 10, mùa đông. Thanh Hoa động đất.

Động đất đến hơn 50 dặm ở các địa phương thuộc huyện Thụy Nguyên và huyện An Định.

Lời chua - Thụy Nguyên: Tức huyện Lương Giang. Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

An Định: Xem năm Gia Thái thứ 3 (Chb. XXIX, 7).

Ất Dậu, năm thứ 8 (1585). (Mạc, năm Diên Thành thứ 8 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 13).

¹ Chữ "thổ" Cương mục in lầm là chữ "sĩ".

² Xem chú giải số 2 ở Chb, 18.

³ Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Tùng đánh các lộ Sơn Tây; thắng lợi. Rồi lại rút quân về.

Trịnh Tùng chính mình đốc suất đại quân, kéo ra Thiên Quan, đánh phá các huyện Mỹ Lương, Thạch Thất và An Sơn, lược định mặt Tây đạo. Đóng quân ở Sài Sơn¹, để tì tướng là quận Chiêu (không rõ tên họ) đóng đồn ở Hoàng Xá. Quân Mạc truy kích: quận Chiêu bị chết trận. Tùng thấy không lợi rút quân về.

Lời chua - Sài Sơn: Ở xã Thụy Khuê, huyện An Sơn².

Hoàng Xá: Tên xã, thuộc huyện An Sơn, tỉnh Sơn Tây.

Mỹ Lương, Thạch Thất, An Sơn: Ba huyện này đều thuộc Sơn Tây³.

Tháng 6, mùa hạ. Vùng Đông Bắc nhà Mạc, nhân dân đói to.

Bấy giờ, từ tháng 2 đến tháng 6 này, không mưa. Ở Đông đạo và Bắc đạo, lúa má chết khô, nhân dân bị đói kém.

Lại Mẫn dâng sớ cực lực nói về việc hình phạt ngục tụng thì oan uổng hà lạm, phú thuế sưu dịch thì phiền nhiễu nặng nề; vậy xin sửa đổi chính sự tệ hại để cứu chữa đau khổ cho dân được sống lại. Mạc Mậu Hợp dẫu cho rằng Lại Mẫn nói phải, nhưng không nghe theo.

Lời chua - Lại Mẫn: Người Ô Mễ, huyện Vũ Tiên⁴, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1565) niên hiệu Thuần Phúc (1562 - 1565) đời Mạc Mậu Hợp.

Nhà Mạc tu sửa thành Thăng Long.

Mậu Hợp muốn vào ở thành Thăng Long, bèn tăng cường về việc sửa sang xây đắp: rầm rộ khởi công làm việc, đóng gạch, nung ngói, vừa đây một năm mới xong. Mậu Hợp vào ở tòa Chính Điện, nhận lễ chào mừng, kể từ năm sau đổi niên hiệu là Đoan Thái thứ 1 (1586).

Bính Tuất, năm thứ 9 (1586). (Mạc, năm Đoan Khánh thứ 1 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 14).

Tháng 6, mùa hạ. Nước sông Mã tràn ngập.

Bấy giờ, Thanh Hoa không mưa gió, thế mà nước sông Mã thành lình lên⁵, tràn ngập cả vào thành Tây Đô. Dòng sông chảy ngược, xiết mạnh như tên bắn, cây và gỗ ngổ ngang nghẽn cả sông. Nhiều nhà cửa của cư dân ven sông bị trôi giạt ra biển.

Lời chua - Thành Tây Đô: Xem Trần Đễ Ngổ, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 16).

Sông Mã: Tức là sông Lẽ, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 17 (Chb. VI, 32).

Tháng 7, mùa thu. Mặt trăng có quầng đỏ.

Mặt trăng có quầng mông lung, màu đỏ như tiết.

Tháng 8. Quân doanh An Tràng bị hỏa tai.

¹ Tục gọi núi Thầy, nay thuộc xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai tỉnh Hà Tây.

² Nt.

³ Đất huyện Mỹ Lương cũ, nay thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).

⁴ Nay thuộc xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

⁵ Có thể rằng bấy giờ ở Thanh Hóa tuy không mưa gió, nhưng trên nguồn có mưa, nước lũ đổ xuống. Nên nước sông Mã mới thành lình lên to như vậy.

Bấy giờ, gió lộng, lửa bốc mạnh, cháy lem lém tất cả trại quân, phòng, dinh, công đường và phố xá đến vài nghìn nóc nhà, khói lửa mù mịt. Cháy từ giờ Ngọ đến giờ Thân¹ mới dập tắt được. Mẹ Trịnh Tùng là Nguyễn Ngọc Bảo² chết cháy, Tùng phải lánh ở chỗ khác để cư tang, truy tôn Ngọc Bảo làm thái phi của Minh Khang đại vương³.

Lời chua - An Tràng: Xem Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Tháng 9. Thanh Hoa có thủy tai lớn. Dân bị đói kém.

Trước đây, trong dinh trại An Tràng, gió bão dữ dội, nhà sụp, cây đổ. Từ tháng 9 này đến tháng 10 mưa dầm hàng tuần, nước lụt đến 7 lần. Suốt vùng Thanh Hoa, mùa mất. Nhân dân nhiều người bị chết đói.

Tháng 10, mùa đông. Núi ở Thanh Hoa sụt lở.

Núi ở các huyện [thuộc Thanh Hoa] đâu cũng có chỗ lở sụt.

Đình Hối, năm thứ 10 (1587). (Mạc, năm Đoan Khánh thứ 2 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Mạc đắp thêm lũy đất.

Nhà Mạc sửa sang đường xá ngoại thành Thăng Long. Lại hạ lệnh cho các xứ đắp lũy đất, trên từ sông Hát xuống đến sông Hoa Đình, kéo dài đến vài trăm dặm. Đâu đấy đều trồng tre và cây để phòng ngừa quan quân kéo ra.

Lời chua - Sông Hát: Xem Bình Định vương năm thứ 19 (Chb. XIII. 31).

Sông Hoa Đình: Ở huyện Sơn Miêng, Hà Nội⁴.

Tháng 3. Trên trời tự nhiên ầm ầm có tiếng kêu.

Ngày Canh Tý, tháng 3 này, trong khoảng không bỗng ầm ầm có tiếng kêu. Lại nữa, ở núi Trát Bút huyện Vĩnh Phúc⁵ có hòn đá lớn, cao một trượng⁶, vô cớ tự đổ xuống đời ra chỗ khác. Nước giếng xã Trùng Xá thuộc huyện An Định⁷ tự nhiên sôi lên, đục đến ba ngày.

Lời chua - Vĩnh Phúc: Tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Núi Trát Bút: Ở xã Đa Bút, huyện Vĩnh Lộc⁸.

Trùng Xá: Nay là xã Hà Xá, thuộc huyện An Định.

Tháng 5, mùa hạ, Trịnh Tùng giết thái phó Vệ Dương hầu Trịnh Bách.

Bách là người có họ với Trịnh Tùng [Trước kia] Bách ngấm mưu với Lê Cập Đệ, định giết Tùng, nhưng Tùng biết, nên giết Cập Đệ và giam Bách vào trong ngục. Vì có thái phi Nguyễn Thị⁹ hết sức cứu chữa, nên Bách thoát khỏi lao tù. Đến đây, vì Bách lại nuôi kẻ đồng cốt làm thuật phép yêu quái và định táng mả cha vào nơi cấm địa, nên Tùng mới sai thắt cổ giết chết Bách.

¹ Khoảng từ 11 đến 17 giờ.

² Con gái Nguyễn Kim.

³ Tức là Trịnh Kiểm.

⁴ Nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

⁵ Thuộc Thanh Hóa.

⁶ Độ 4 mét.

⁷ Cũng thuộc tỉnh Thanh Hóa.

⁸ Tên cũ là huyện Vĩnh Phúc, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

⁹ Tức Nguyễn Ngọc Bảo, mẹ Trịnh Tùng.

Mông một, tháng 9, mùa thu. Nhật thực.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tùng tiến quân ra huyện Mỹ Lương, cả phá quân Mạc ở sông Do Lễ.

Trịnh Tùng đem quân đánh phá các huyện Trường Yên, Thiên Quan, bèn tiến quân ra vùng tây nam, đến huyện Mỹ Lương¹.

Nhà Mạc sai tướng Tây đạo là Mạc Ngọc Liễn xuất quân ra huyện An Sơn² để đánh vào phía tả quân Tùng, lại sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện xuất quân đến huyện Chương Đức³, vượt qua sông Do Lễ, lại chia quân đặt mai phục ở miền sơn cước, chực cắt đứt đường vận tải lương thực của quân Tùng.

Do thám biết rõ, Tùng bèn trước sai đại tướng Hoàng Đình Ái cấp tốc đem đem tiến lên về để giữ Thanh Hoa, lưu bọn Hà Thọ Lộc và Ngô Cảnh Hựu ở lại canh giữ binh lương ở phía sau. Tùng lại sai bọn Nguyễn Hữu Liêu và Trịnh Đổ, từ đường phía tả, xuất quân đi cầm cự với Mạc Ngọc Liễn để phân tán thế lực của địch. Còn Tùng thì đốc quân do đường phía hữu kéo ra, tiến đánh Nguyễn Quyện: Quyện thua liểng xiểng. Quân của Nguyễn Quyện thua chạy, phục binh cũng tan vỡ chạy nốt: chúng tranh nhau qua sông, chết đuối vô kể. Quan quân chém và bắt sống hàng vài trăm địch, truy kích đến nửa ngày mới thôi. Ngọc Liễn cũng thu quân chạy trốn.

Từ đó. Quyện sợ oai, hễ gặp quan quân thì xa lánh, không dám tranh giành trước mũi nhọn sắc bén nữa.

Qua ngày hôm sau. Tùng đem đại quân tiến đóng Hoàng Sơn, lại tấn công các huyện An Sơn, Thạch Thất, đều phá được cả. Sau đó, vì bấy giờ đã là cuối năm, nên Tùng rút quân về Thanh Hóa.

Lời chua - Sông Do Lễ: Ở xã Do Lễ huyện Chương Đức.

Mậu Tý, năm thứ 11 (1588). (Mạc, năm Hưng Trị thứ 1 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Mạc đắp thêm lũy đất ở ngoài thành Đại La.

Nhà Mạc thấy quan quân ngày một mạnh, bèn ra lệnh cho quân và dân ở tứ trấn⁴ đắp thêm ba lần lũy đất ở ngoài thành Đại La: bắt đầu từ Nhật Chiêu qua Tây Hồ, suốt Cầu Dừa đến Thanh Trì tới sát phía tây bắc Nhị Hà; thân lũy cao hơn thành Thăng Long đến vài trượng, rộng 25 trượng⁵, đào ba lần hào. Lũy nào cũng trồng tre và cây, tất cả chiều dài của lũy có đến vài mươi dặm. Đó là mưu chước của nhà Mạc dùng để phòng thủ.

Lời chua - Nhật Chiêu: Xem Lê Tương Dực Đế, năm Hồng Thuận thứ 1⁶ (Chb. XXV, 37).

Tây Hồ: còn tên nữa là Lăng Bạc, xem Thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 8 (Tb. II, 11).

Cầu Dừa⁷: Ở phường Thịnh Quang, huyện Vĩnh Thuận thuộc Hà Nội.

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

¹ Đất huyện Mỹ Lương cũ, nay thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).

² Thuộc tỉnh Hà Tây.

³ Sau đổi Chương Mỹ, thuộc huyện Hà Tây.

⁴ Tứ trấn gồm có Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương và Sơn Tây.

⁵ Mỗi trượng bằng 4 mét. Bề rộng đây có lẽ là kể gộp cả ba lần lũy.

⁶ Cương mục chua là xem Lê Uy Mục, năm Đoan Khánh thứ 5.

⁷ Tức là chỗ Ô Chợ Dừa ở phố Hàng Bột, Hà Nội, ngày nay.

Tháng 5, mùa hạ. Núi Trát Bút đổ.

Lời chua - Núi Trát Bút: Xem lời chua ở trên (Chb. XXIX, 17).

Tháng 6. Sao Thái Bạch xuất hiện, ánh sáng suốt qua bầu trời. Mặt trời, mặt trăng có hai lần quầng. Sương mù tỏa xuống.

Ngày Quý Hợi tháng ấy, sao Thái Bạch xuất hiện, ánh sáng suốt trời. Mặt trời và mặt trăng có hai lần quầng kéo dài đến hàng tuần không thôi. Sương mù mờ mịt đầy trời. Lúa má chết khô. Nhân dân phần nhiều xiêu giạt tan tác.

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tùng đánh bại quân Mạc ở trại Dương Vũ.

Trịnh Tùng rầm rộ kéo quân ngoài cửa ải Trường Cát, đánh phá Trường Yên và Thiên Quan, qua đò sông Chính Đại. Đến trại Dương Vũ, Tùng đóng quân ở lại đến đến hơn một tuần. Quân Mạc cố thủ không ra đánh. Tùng đốt dinh trại, giả vờ rút quân về, nhưng đặt kỳ binh¹ và voi ngựa mai phục ở phía sau dinh trại. Giặc dốc hết quân ở trong lũy ra để chực giành lấy thắng lợi, quân phục của Tùng thành linh nổi dậy, đánh úp: chém được vài trăm thủ cấp. Tùng, nhân đó chuyển quân quay về, đến núi Tam Điệp², hạ lệnh cho các quân dẫn gỗ lim, chia nhau cắm kè ở cửa biển Linh Tràng để phòng ngừa thuyền giặc và chuẩn bị để khiêu chiến.

Lời chua - Cửa ải Trường Cát: Xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 7 (Chb. XXVIII, 18).

Sông Chính Đại: Ở trang Chính Đại, huyện Tống Sơn³.

Trại Dương Vũ: Ở xã Dương Vũ, huyện Yên Khánh⁴.

Cửa biển Linh Tràng: Xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 8.

Tháng 12. Nước sông Văn đỏ như tiết.

Nước sông Văn tự nhiên đỏ ngầu như máu đổ đến hàng một dặm.

Lời chua - Sông Văn: Ở xã Văn Hà, huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa.

Kỷ Sửu, năm thứ 12 (1589). (Mạc, năm Hưng Trị thứ 2 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 17).**Ngày Nhâm Tuất, tháng giêng, mùa xuân, sao Huỳnh Hoạch xâm phạm vào giới phận sao Cang; ngày Quý Hợi, mặt trăng xâm vào giới phận sao Thái Tuế. Đại Hạn.**

Bấy giờ những tai biến do tinh tú báo điềm đã nhiều lần xảy ra. Trời đại hạn. Gạo kém. Dân nhiều người xiêu giạt.

Lời chua - Trong Quán quy tập lãm, Thạch thì bàn rằng: Xuyên qua ngôi sao mà ánh sáng tỏa lẫn thì gọi là "phạm ". Sách Tấn chí chép: "Ngày Tân Mùi tháng 4, năm Hàm Khang thứ 5 (339) đời Thành đế⁵, mặt trăng xâm phạm vào giới phận sao Thái Tuế. Nhà chiêm tinh đoán rằng: Nước thì đói kém, nhân dân thì xiêu giạt ".

Tháng 7, mùa thu. Có hạn thủy tai lớn.**Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tùng đánh bại quân Mạc ở núi Tam Điệp⁶. Mạc Đôn Nhượng chạy trốn.**

¹ Xem chú giải số 1 ở Chb. XIII, 28.

² Tức đèo Ba Dội.

³ Thuộc Thanh Hóa.

⁴ Thuộc Ninh Bình.

⁵ Hàm Khang (335 - 342) là niên hiệu thứ 2 của Tấn Thành Đế (326 - 342) Cương mục in lầm là Minh đế.

⁶ Tức đèo Ba Dội.

Trước kia, Trịnh Tùng chính mình đốc suất đại quân đi đánh các huyện Trường Yên. Nhà Mạc sai Đôn Nhượng đem vệ sĩ và quân tứ trấn¹ ấn định nhật kỳ đồng thời cung tiến. Đôn Nhượng kéo đến Yên Mô², hẹn ngày hội chiến.

Trịnh Tùng bàn mưu với các tướng rằng: "Giặc Mạc đốc hết quân đến đây, định quyết một trận sống mái với ta đó.

Nay đã giữ một chỗ địa thế hiểm yếu rồi, quân giặc dẫu nhiều cũng không thể làm gì được. Binh pháp có nói: "Một người giữ được chỗ hiểm yếu thì hàng nghìn kẻ khác không địch nổi". Chính là thế đó. Bây giờ ta nên giả vờ rút lui, nhử giặc vào sâu hiểm địa; giặc coi khinh ta, chắc sẽ lừa hết quân sĩ đuổi theo. Bây giờ ta sẽ tung quân chủ lực ra đánh úp chúng thì tất thế nào cũng phá tan được giặc".

Đêm hôm ấy, hồi canh ba, Tùng sai Nguyễn Hữu Liêu quản lĩnh 15.000 quân tinh nhuệ, 200 quân khinh kỵ kéo đi trước, lén mai phục ở chân núi. Tùng cắt bọn Trịnh Đổ và Trịnh Đồng quản lĩnh quân lính ở lại đoạn hậu, nhử giặc vào chỗ mai phục; Ngô Cảnh Hựu thì thu lượm lương thực và quân lính rút lui trước để tỏ ý kéo quân về. Đại Doanh của trung quân cũng theo đó rút lui. Trịnh Tùng làm hậu đốc cũng rút vào núi Tam Điệp, đóng dinh trại.

Quân Mạc thấy thế, cho rằng quan quân khiếp sợ, tháo lui, trốn tránh, nên chúng đua nhau lên trước để đuổi theo đánh giết.

Bọn Đổ và Đồng vừa đánh vừa lùi, nhử giặc đến sơn cước. Phục binh nghe tiếng pháo nổ, hàng loạt nổi dậy. Trịnh Tùng tung đại quân ra, bốn mặt cùng hăng hái đánh; chém hơn nghìn thủ cấp địch, bắt sống hơn 600 người. Giặc tan vỡ xiềng liếng thua chạy. Đôn Nhượng thu lượm quân tàn trốn về.

Quan quân đại thắng, bèn rút về. Các tướng ai nấy đều đem đến dâng nộp những tù binh mà mình đã bắt được. Tùng đều sai cởi trói và vỗ về yên ủi, rồi cấp cho cơm áo, thả về.

Lời chua - Đổ, Đồng: Đều là con Trịnh Kiểm và là em Trịnh Tùng.

Núi Tam Điệp: Ở chỗ giáp giới hai tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình.

Canh Dần, năm thứ 13 (1590). (Mạc, năm Hưng Trị thứ 3 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 18).

Mông 1, tháng 7, mùa thu. Nhật thực. Sao Thái Bạch xâm phạm vào giới phận mặt trăng.

Tân Mão, năm thứ 14 (1591). (Mạc, năm Hồng Ninh thứ 1 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 19).

Tháng 3, mùa xuân. Sao Chối xuất hiện. Cầu vòng đỏ mọc xuống vòm trời. Mặt trời có quầng.

Sao Chối hướng về tây bắc mà chuyển vắn. Lại có cầu vòng đỏ mọc suốt vòm trời. Mặt trời có hai lần quầng, ngoài lần quầng ấy lại có vòng khí trắng bao xung quanh.

Ngày Nhâm Tý, tháng 12, mùa đông. Mặt trăng xâm phạm vào giới phận sao Thái Tuế.

Trịnh Tùng ra tuần hành vùng Sơn Tây cả phá quân Mạc ở xã Phấn Thượng, bèn sai quân tiến lên bức bách thành Thăng Long.

Trịnh Tùng lại bàn xuất quân, sai:

Quận Diển Trịnh Văn Hải và quận Thái Nguyễn Thất Lý, quản lĩnh quân thủy, quân bộ, trấn thủ những nơi hiểm yếu ở các cửa biển.

Quận Thọ Lê Hòa kiêm coi võ sĩ trong ngoài thuộc bốn vệ theo hầu nhà vua và hộ vệ ngự doanh.

¹ Xem chú giải ở Chb. XXIX, 19 và "lời chua" của Cương mục ở Chb. XL, 2.

² Thuộc tỉnh Ninh Bình.

Đến nhật kỳ đã định, Tùng đều động hơn 5 vạn quân, chia làm 5 đội sai bọn thái phó Nguyễn Hữu Liêu, thái úy Hoàng Đình Ái, quận Lân Hà Thọ Lộc, quận thể Ngô Cảnh Hựu chia nhau quản lãnh. Còn Tùng thì chính mình đốc suất 2 vạn binh mã của trung quân kéo ra Tây Đô, theo đường huyện Quảng Bình qua huyện Thiên Quan, phá núi mở đường, đêm ngày đi gấp, hơn mười hôm thì đến núi Mã Yên, rồi tiến ra huyện Ma Nghĩa. Quân Tùng kéo đi đến đâu thì ở đấy giặc đều đổ lướt. Trong khoảng không đầy mười hôm, đã lướt định các lộ An Sơn, Thạch Thất, Phúc Lộc và Tân Phong, Tùng đóng quân ở Tốt Lâm.

Nhà Mạc đều động hết binh mã ở bốn trấn¹, bốn vệ, và năm phủ được hơn mười vạn, sai bọn Mạc Ngọc Liên và Nguyễn Quyện chia ra quản lĩnh các đạo quân Tây, Nam, Đông, Bắc. Chúa Mạc là Mậu Hợp chính mình đốc suất binh mã ở chính doanh, đồng thời cùng tiến đến xã Phấn Thượng, đối trận với quan quân ở Tốt Lâm.

Tùng sai tướng Hữu doanh là Hoàng Đình Ái đi trước, khiêu chiến. Tùng lại tuyển 400 quân thiết kỵ xông lên trước giúp sức cho trận thế. Các quân đồng thời trở sức, đánh giáp lá cà, từ giờ Mão đến giờ Ty²: chém được quận Khuông³ và quận Tân (đều không rõ tên họ) là tướng trong quân bốn vệ của địch ở ngay vòng trận.

Giặc Mạc đóng quân ở yên một chỗ không nhúc nhích⁴. Tùng bèn chính mình đốc chiến, tướng sĩ phấn khởi đều thề quyết tâm diệt giặc để báo thù; ai nấy hăng hái đánh giặc, cả phá được địch. Quan quân thừa thắng ruổi dài, đuổi giặc đến Giang Cao chém được hơn vạn quắc⁵, tức được ngựa trận và khí giới không biết bao nhiêu mà kể.

Mậu Hợp cả sợ, phải sang sông để chạy. Quân tàn của Mạc tranh nhau xuống thuyền, ngã xuống nước chết đến quá nửa. Riêng có cánh quân Nguyễn Quyện, tướng nam đạo vì lánh xa, nên không bại trận.

Tùng tiến đến Hoàng Xá, đóng dinh trại, sai quân vượt sông Cù, phá tan và san phẳng đồn lũy của giặc. Tùng nhân đó bày mưu với các tướng rằng: "Quân giặc nhiều lần thất bại, ta nên nhân đà thắng này mau mau đánh lấy thì dễ dàng như cuội xuống nước lấy cái rác trôi". Tùng bèn sai Hữu Liêu quản lãnh quân và voi thẳng tiến đến cầu Cau⁶ ở góc tây nam⁷ thành Thăng Long, phóng hỏa, đốt nhà cửa, khói lửa mù trời. Trong thành kinh hãi rối loạn. Dân chúng ở quanh Kinh Đô tranh nhau qua đò sang sông để chạy loạn. , chết đuối rất nhiều.

Gặp bấy giờ lá tết nguyên đán. Trịnh Tùng cho quân nghỉ ngơi, ăn mừng để úy lạo họ, hẹn phải thu phục lấy kinh thành. Các quân ai nấy đều xin sẵn sàng trở sức. Giặc Mạc đều chưa bị bắt, nhưng thanh thế của quan quân từ đây đã lừng lẫy lắm rồi.

Lời chua - Trịnh Văn Hải: Người Ngàn Bôi, huyện Vĩnh Lộc⁸.

Nguyễn Thất Lý, Lê Hòa: Không rõ người đâu.

Bốn vệ quân Mạc: Vệ Hưng Quốc, vệ Chiêu Vũ, vệ Cẩm Y, và vệ Kim Ngô.

Năm phủ: Phủ Trung Quân, phủ Đông Quân, phủ Tây Quân, phủ Nam Quân, phủ Bắc Quân.

¹ Xem chú giải ở Chb. XXIX, 19.

² khoảng từ 6 giờ đến 10 giờ sáng.

³ Toàn thư XVII, 24 chép là Khuông Định Công.

⁴ Nguyên văn là án binh bất động (theo toàn thư XVII, 24). Cương mục in lầm là tiến binh bất động.

⁵ Cứ mỗi cái tai bên tà của một mạng địch mà kẻ chiến thắng đã cắt được là một "quắc". Xem thêm chú giải số 4 ở chb, XII, 31.

⁶ Hán văn viết là Cao Kiêu.

⁷ Đây theo Toàn thư XVII, 25; còn Cương mục in lầm là Nam Bắc.

⁸ Thuộc Thanh Hóa.

Huyện Quảng Bình: Thuộc phủ Thiệu Hóa; nay đổi làm huyện Quảng Địa¹ thuộc phủ Quảng Hóa².

Núi Mã Yên: (Yên Ngựa): Ở huyện An Sơn.

Tân Phong: Nay là huyện Tiên Phong.

Phúc Lộc: Nay là huyện Phúc Thọ.

Ma Nghĩa: Nay là huyện Tùng Thiện.

Phấn Thượng: Nay là xã Tảo Thượng. Từ Mã Yên đến Phấn Thượng trên đây đều thuộc tỉnh Sơn Tây.

Sông Cù: Cũng là Sông Hát, vì chảy qua xã Cù Sơn, nên gọi tên như vậy.

Tốt Lâm: Ở đâu không khảo được.

Nhâm Thìn, năm thứ 15 (1592). (Mạc, năm Hồng Ninh thứ 2 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 20).

Tháng giêng, mùa thu. Trịnh Tùng tấn công thành Thăng Long; Chúa Mạc là Mậu Hợp chạy sang Gia Lâm. Quan quân bắt được tướng Mạc là Nguyễn Quyện.

Trịnh Tùng lập đàn, tế cáo trời đất và các vua. Thái Tổ Thái Tông [nhà Lê], thề xin diệt giặc để phục thù. Khi đại quân kéo đến bờ phía tây Ninh Giang, Tùng ra ba điều buộc quân lính phải tuân giữ:

- 1/ Không được tự tiện vào nhà nhân dân mà hái rau, kiếm củi;
- 2/ Không được cướp của cải, đồ vật và đẵn cây cối;
- 3/ Không được hiếp phụ nữ và giết người vì thù riêng. Kẻ nào vi phạm những điều cấm trên đây, sẽ trị theo quân luật.

Ba quân nghe theo lệnh, nghiêm chỉnh đội ngũ trở đi. Quân trở đến đâu, nhân dân vẫn an cư ở đó. Họ tranh nhau đem rượu và trâu bò đến đón quan quân. Tùng đốc suất quân lính sang sông. Khi Tùng trở đến chùa Thiên Xuân, chúa Mạc là Mậu Hợp cả sợ, bỏ thành Thăng Long, qua sông Nhị, đóng ở xã Thổ Khối, để các đại tướng ở lại chia nhau đóng giữ các cửa thành Thăng Long.

Quan quân qua sông Tô Lịch, đến cổng Mộc³, đóng quân ở Xạ Đồi⁴. Tùng chia sai các tướng là Hoàng Đình Ái và Nguyễn Hữu Liêu quản lãnh quân và voi, hẹn định ngày phá các cửa thành, còn Tùng thì tự đốc suất quân và voi ở đại doanh tiến đến phường Hồng Mai.

Bấy giờ Mậu Hợp tuy đã qua đò sang Bắc, nhưng vẫn cậy có sông dài hiểm trở, sai Mạc Ngọc Liễn, Bùi Văn Khuê, Nguyễn Quyện và Trần Bách Niên cố thủ thành Đại La, còn mình thì thống suất thủy quân, dàn hơn trăm chiếc thuyền thành thế trận, giữ sông Nhị Hà để làm thanh thế cứu viện cho quân trong thành.

Nguyễn Quyện đặt quân mai phục ở ngoài cửa cầu Giẽn⁵, dàn súng bách tử đại pháo để phòng bị.

¹ Sau lại đổi làm huyện Quảng Tế, nay thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

² Thuộc Thanh Hóa.

³ Nguyên Văn là Nhân Mục kiều, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

⁴ Chỗ gò tập bản.

⁵ Nguyên văn là Trần Kiều môn ngoại. Tức là ô cầu Giẽn ở chỗ cuối phố Huế. đầu phố Bạch Mai, giáp đường Đại Cồ Việt, Hà Nội, ngày nay.

Các tướng chia đường tấn công từ giờ Tỵ đến giờ Mùi¹ chưa phân được thua. Tùng lại đốc suất quân sĩ cố sức chiến đấu. Quan quân xuyên qua lũy, trèo lên thành, đua nhau xông lên trước, đánh phá được ba lần cửa lũy ở ngoài thành.

Quân Văn Khuê và Bách Niên rối loạn, tan chạy. Ngọc Liễn sợ hãi cũng trốn.

Thừa thắng, quan quân đồng thời cùng tiến, đốt cung điện và nhà cửa ở ngoài thành: khói lửa mù mịt cả khoảng không. Quan quân lại rầm rộ lừa quân và voi xông vào giày đạp đánh phá cầu Giền. Phục binh của Nguyễn Quyện không kịp nổi dậy, đều bị quan quân giết sạch. Con của Nguyễn Quyện là Bảo Trung và Nghĩa Trạch đều chiến đấu mà chết cả. Quyện bị quan quân bắt sống. Trịnh Tùng thân hành cời trói cho Quyện, đối đãi bằng lễ tiếp khách và yên ủi cho đến điều. Quyện hổ thẹn, vội phục xuống đất.

Hôm đó, mây giặc ngổn ngang chông gổ lên nhau. Quan quân chém được hơn vài nghìn thủ cấp địch. Tướng giặc bị chết đến vài mươi người. Khí giới tước được chất cao như núi.

Mậu Hợp thu nhật tàn quân, giữ dọc sông dài để phòng thủ.

Tùng nhân dịp đó, hỏi Nguyễn Quyện về mưu chước để diệt Mạc, Quyện nói: "Viên tướng đã thua trận, không thể còn nói đến mạnh được nữa. Trời đã làm mất nhà Mạc, thì dù anh hùng cũng không thể thi thố tài lược được ". Rồi nhân dịp Quyện nói với Tùng nên sang phẳng lũy đất thành Đại La khiến cho nhà Mạc dù có quay về cũng không còn gì để làm căn cứ được nữa. Tùng không ngờ lời Quyện nói đó là kế hoãn binh, bèn sai các quân san suốt vài nghìn trượng hào lũy của nhà Mạc làm cho trở thành đất phẳng.

Bấy giờ uy thế binh lực của quan quân vang dậy lầy lừng. Nhân dân phía tây nam đều như làn cỏ lướt theo chiều gió. Hễ thấy đến đâu là đẩy hàng phục . Nhị Hà trở tây lại là đất của triều đình [nhà Lê].

Liền đó, Tùng bàn rút quân về, đến cửa cung khuyết tâu tin thắng trận. Nhà vua cả mừng, sai bàn định để thăng chức thưởng tước cho những người có công lao.

Về sau, Nguyễn Quyện và con là bọn Nguyễn Tín mưu phản, nên bị chết ở trong ngục.

Lời chua - Bùi Văn Khuê: Người Chi Phong, huyện Gia Viễn² , sau đầu hàng nhà Lê.

Chùa Thiên Xuân: Ở địa phận xã Thanh Xuân, huyện Thanh Oai³ .

Ninh Giang: Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 6).

Cống Mộc (Nhân mục kiều): Xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 28).

Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông , năm Tường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31 - 32).

Hồng Mai: Nay đổi là phường Bạch Mai.

Cầu Giền: Ở địa phận Bạch Mai, thuộc huyện Thọ Xương. Hồng Mai và cầu Giền đều thuộc Hà Nội.

Xã Thổ Khối: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb. XII, 3 - 4).

Tháng 7, mùa thu. Thủy tai lớn.

Bấy giờ nước lũ thành linh đổ đến, tràn ngập cả gò đồng. Lúa má ở Thanh Hoa bị mất mùa. Dân miền tây nam phần nhiều đói kém.

¹ Khoản từ 9 giờ đến 14 giờ.

² Thuộc tỉnh Ninh Bình.

³ Nay thuộc thôn Phùng Khoang, xã Trung Văn huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Mông 1, ngày Mậu Tý, tháng 8. Sao sa, có tiếng như sấm vang.

Sao sa, màu đỏ, ánh sáng dài đến 5 trượng, rơi xuống đất, nổ kêu như tiếng sấm lớn.

Tướng Mạc, Bùi Văn Khuê, đầu hàng. Tùng bèn tiếng đánh quân Mạc ở sông Thiên Phái: Mạc bị đại bại.

Chúa Mạc là Mậu Hợp ngày ngày say đắm tửu sắc. Nguyễn thị¹ là con gái của Nguyễn Quyện và là vợ Bùi Văn Khuê, nhân có em gái là vợ của Mạc Mậu Hợp, nên thường ra vào trong cấm cung. Mậu Hợp ưng ý Nguyễn thị vì nàng có nhan sắc, nên muốn giết Văn Khuê để chiếm lấy nàng. Văn Khuê biết chuyện, bèn đem quân bản bộ tự ý rút về Gia Viễn², đóng binh một chỗ, không chịu vào châu. Mậu Hợp sai quân đến bức bách để bắt Văn Khuê sai con trai là Văn Nguyên chạy vào Thanh Hoa, dâng lễ đầu hàng và xin cứu viện. Trịnh Tùng ưng nhận cho hàng và mừng rỡ nói: "Văn Khuê đầu hàng, thế là trời giúp cho ta được chóng thành công. Đất đai bản triều³ có thể hện ngày khôi phục được".

Tùng bèn sai Hoàng Đình Ái lãnh quân tiến lên trước, đến làng Bái và làng Đình thì Văn Khuê đem quân bản bộ ra đón tiếp. Đình Ái sai Văn Khuê tiến quân đóng giữ bến đò Đàm Giang. Quân Mạc bèn lui giữ sông Thiên Phái. Tùng quản đốc đại quân kéo ra Trường Yên⁴, Văn Khuê đến yết kiến, khóc lóc kể lễ nỗi niềm. Tùng khen thưởng để vỗ về yên ủi, lại phong tước quận công⁵, cho Văn Khuê quản lãnh binh mã và thuyền chiến của bản bộ, sung làm toán quân tiền đội cầm cự với quân Mạc.

Quan quân tiến lên, qua đò sông Hoàng Xá đến núi Kẽm Trống⁶ ở Yên Quyết thì đóng dinh trại. Nghĩa quốc công (không rõ tên họ), tướng Nam đạo bên Mạc, đóng quân ở sông Thiên Phái, giữ bến đò Đoan Vĩ, đắp lũy để chống giữ. Tùng sai Văn Khuê lén dời binh thuyền ra cửa sông, rồi trên và dưới cùng đánh kẹp lại: quân Mạc tan vỡ, chạy trốn. Quan quân tước được 70 chiếc thuyền và vô số khí giới. Tướng Mạc, Trần Bách Niên, đem quân bản bộ đầu hàng.

Lời chua - Đàm Giang: Xưa là bến đò Đàm Gia, ở xã Diềm Xá, huyện Gia Viễn thuộc huyện Ninh Bình.

Sông Thiên Phái: Ở chỗ giáp giới hai huyện Ý Yên và Phong Doanh thuộc Nam Định, chảy ra cửa Liêu.

Bến đò Đoan Vĩ: Thuộc xã Đoan Vĩ, huyện Thanh Liêm, Hà Nội⁷.

Kẽm Trống (Kiềm Cổ Sơn): Thuộc xã Nham Kênh, huyện Thanh Liêm⁸.

Bái, Đình: Tên hai xã đều thuộc huyện Gia Viễn.

Sông Hoàng Xá: Cũng thuộc huyện Gia Viễn, giáp huyện Kim Bảng⁹.

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tùng lại tiến quân ra Thăng Long. Chúa Mạc là Mậu Hợp chạy đi Kim Thành rồi trốn.

Trịnh Tùng đã phá quân Mạc, tiến đóng Bình Lục, rồi kéo đến bãi Tinh Thần thuộc Thanh Oai, đóng dinh trại. Tùng hiểu dụ nhân dân miền tây nam đầu gối nên cứ yên nghiệp làm ăn. Rồi Tùng tiến quân ra cửa sông Hát.

¹ Tên là Niên.

² Thuộc tỉnh Ninh Bình.

³ Tức triều Lê.

⁴ Nay thuộc Ninh Bình.

⁵ Khi ở Mạc, Bùi Văn Khuê tước Sơn quận công (Toàn thư XVII, 31).

⁶ Nguyên văn chép là Kiềm Cổ Sơn.

⁷ Nay thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

⁸ Nay thuộc Ninh Bình.

⁹ Thuộc tỉnh Hà Nam.

Tướng Mạc, Ngọc Liễn, dàn quân lính và thuyền chiến để chống cự. Quan quân tiến đánh: phá được địch. Ngọc Liễn bỏ thuyền chạy lên Tam Đảo. Quan quân thừa thắng, xuôi dài đến cửa Nam thành Thăng Long, đóng quân ở bến Cỏ¹, bắt được chiến thuyền của Mạc đến hàng nghìn chiếc. Mậu Hợp chạy đi Kim Thành thuộc Hải Dương.

Tùng hạ lệnh răn cấm tướng sĩ [không được vi phạm quân lệnh], đồng thời lại chiêu an vỗ về cư dân. Các cửa huyện ở vùng phía Bắc sông Nhị, như Thuận An, Tam Đái và Thượng Hồng, đều đầu hàng cả. Tên Liêm (không rõ họ), đầu sỏ giặc Thái Nguyên, cũng đem 5.000 đồ đảng ra hàng.

Tùng lại đem quân đi truy tiêu quân Mạc. Đến huyện Phù Dung, Tùng sai bọn Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên quản lãnh 300 chiếc chiến thuyền, đánh phá huyện Kim Thành. Mậu Hợp bỏ quân doanh, chạy trốn. Quan quân thu được vàng bạc, của cải, đồ vật và phụ nữ không sao kể xiết. Và bắt được mẹ chúa Mạc đem về.

Lời chua - Kim Thành: Tức là Trà Hương. Xem thuộc Tấn², Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Thanh Oai: Xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Bãi Tinh Thần: Nay đổi xã Thanh Thần, thuộc huyện Thanh Oai³.

Núi Tam Đảo: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 7 (Chb. XVIII, 18).

Phù Dung: Tên huyện, nay là huyện Phù Cừ thuộc Hưng Yên.

Phủ Thuận An: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12⁴ (Chb.X, 4).

Phủ Tam Đái: Ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb, V, 29).

Phủ Thượng Hồng: Xem Thuộc Đường, Chiêu Tuyên Đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb, V, 14).

Bồ Đề: Xem Bình Định Vương năm thứ 10 (Chb. XIX, 4).

Mạc Mậu Hợp cho con là Toàn coi giữ việc nước, tự mình đứng ra đốc suất quân đội.

Bấy giờ quân Mạc nhiều lần thua trận, Mậu Hợp bèn lập con là Toàn làm vua, coi quản việc nước, đổi năm này làm năm Vũ An thứ 1 (Nhâm Thìn, 1592). Mậu Hợp tự làm tướng, quản đốc binh mã để chống và giữ.

Tháng 12. Mặt trời có hai điểm đen như quạ.

Trịnh Tùng sai bọn Phạm Văn Khoái tấn công Kinh Bắc, bắt được Mạc Mậu Hợp, giết chết.

Tùng chia quân tấn công tướng Mạc, Kính Chỉ, ở Thanh Hà; cả phá được địch. Nhà cửa của nhân gian ở các phủ Thượng Hồng, Nam Sách và Kinh Môn đều bị thiêu hủy gần hết. Bầy tôi nhà Mạc là bọn Đỗ Uông, Đồng Hàng, Ngô Tháo và Đàm Văn Tiết 17 người đều đến cửa quân xin đầu hàng.

Sau đó Tùng tiến đóng quân doanh tại xã Tranh Giang thuộc Vĩnh Lại⁵. Lại sai bọn quận Lai Phạm Văn Khoái ai nấy quản lãnh quân và voi đánh dẹp các huyện Yên Dũng, Võ Ninh thuộc Kinh Bắc.

Mậu Hợp bỏ thuyền, lê bộ, lẩn trốn vào chùa thờ phật ở huyện Phượng Nhãn. Quan quân đuổi theo, được nhân dân thôn quê vùng đó chỉ dẫn, bắt sống được Mậu Hợp, cho chở lên voi đem về Thăng

¹ Nguyên văn là Sa Thảo tân.

² Đây dịch theo nguyên văn Cương mục. Đáng phải chép là "dương Tấn" (ngang với Tấn) mới đúng.

³ Thuộc tỉnh Hà Tây.

⁴ Cương mục in lầm năm Thiệu Phong thứ 11.

⁵ Nay thuộc huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Long; bêu sống ba ngày, rồi chém ở bến Bồ Đề, chặt đầu đem về hành tại Thanh Hoa, dâng tin thẳng trận. Thủ cấp Mạc Mậu Hợp bị đóng đinh vào hai mắt, bêu ở chợ.

Trịnh Tùng bèn ra lệnh cho các quân dõng đại doanh ở bến Cỏ (Thảo Tân) đến đóng tại cửa Nam thành Thăng Long.

Lời chua - Đỗ Uông: Người Đoàn Lâm, huyện Gia Lộc¹, đỗ bản nhãn khoa Bính Thìn² đời Mạc.

Đồng Hàng: Người Triều Dương, huyện Chí Linh³, đỗ hoàng giáp khoa Kỷ Mùi⁴ đời Mạc.

Ngô Tháo: Người xã Đan, huyện Thọ Xương⁵, đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi⁶ đời Mạc.

Đàm Văn Tiết:: Người Lãm Sơn, huyện Quế Dương⁷, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn⁸ đời Mạc.

Tranh Giang: Tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lại.

Thượng Hồng: Tên phủ, xem Thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb, V, 14).

Phủ Nam Sách (sách: sách lược): Tức Nam Sách (sách: sổ sách). Xem thuộc Tấn, Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb, V, 22).

Phủ Kinh Môn: Thuộc Hải Dương.

Vũ Ninh (nay là Võ Giàng), Yên Dũng, Phượng Nhãn: Ba huyện này đều thuộc Bắc Ninh.

Bến Cỏ (Thảo Tân): Chắc là ở bờ phía Nam sông Nhị, Hà Nội; nay ở đâu, không rõ⁹

¹ Thuộc Hải Dương.

² Tức là năm Quang Bảo thứ 3 (1556) đời Mạc Phúc Nguyên.

³ Thuộc Hải Dương.

⁴ Tức là năm Quang Bảo thứ 6 (1559) đời Mạc Phúc Nguyên.

⁵ Nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

⁶ Tức là năm Sùng Khang thứ 6 (1571) đời Mạc Mậu Hợp.

⁷ Nay thuộc xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

⁸ Tức là năm Diên Thành thứ 3 (1580) đời Mạc Mậu Hợp.

⁹ Thảo Tân (Chb. XXIX, 33), hoặc Sa Thảo Tân (Chb. XXIX, 31), dịch là bến Cỏ, có thể là ở vùng ga Hàng Cỏ (tức ga Hà Nội) và phố Hàng Cỏ (nay là đường Lê Duẩn) Hà Nội Ngày nay.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 30

Tứ Quý Ty, năm Quang Hưng thứ 16 (1593) đến Kỷ Hợi, năm Quang Hưng thứ 22 (1599) đời Lê Thế Tông, gồm bảy năm.

Quý Ty, năm [Quang Hưng] thứ 6 (1593). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 24 - Năm này nhà Mạc bị diệt).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Tùng tiến quân ra huyện Thanh Lâm, bắt được Mạc Kính Chi và họ hàng của Kính Chi, đều bị giết chết cả.

Trước kia, Kính Chi lẫn lút ở vùng Đông Triều, hay tin Mậu Hợp đã bị bắt làm tù binh, đóng giữ huyện Thanh Lâm, tiếm lên ngôi nguy ở xã Nam Giản huyện Chí Linh, đổi niên hiệu là Bảo Định, rồi lại đổi là Khang Hựu. Bọn Kính Phu, Kính Thành và Kính Thận vài trăm người là chỗ họ thân với chúa Mạc cùng các bày tôi văn võ cũ đều đem nhau về với Kính Chi. Nhà Mạc yết bản chiêu mộ, trong khoảng chốc lát, các huyện hưởng ứng được đến 6, 7 vạn quân.

Bấy giờ Mạc Toàn, con Mậu Hợp, thấy lòng người không phục mình, cũng theo về với Kính Chi. Về sau, Mạc Toàn lại trốn đi, bị quan quân bắt được.

Trịnh Tùng, nhân đó, sai bọn Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê và Ngô Đình Nga tiến đến huyện Thanh Lâm. Kính Chi tung quân đánh úp: Thất Lý chết trận, Đình Nga bị thương nặng, Văn Khuê và Bách Niên phải chạy, còn quân thì tan vỡ. Quân lương và khí giới của quan quân đều mất về tay giặc. Bấy giờ Hải Dương và Kinh Bắc nhiều phần quy phục về với Mạc.

Trịnh Tùng lại sai thái úy Hoàng Đình Ái đốc suất các quân doanh thủy và bộ tiến đến Cẩm Giàng, Kính Chi đốc hết quân ra giữ Thanh Lâm, lấy một dãy Hàm Giang làm chỗ phân chia Nam, Bắc. Hai bên luôn luôn huy động quân đội để chống và giữ. Ban ngày, cờ xí tung bay, ban đêm, hỏa pháo ran nổ, trong khoảng hàng tuần, hàng tháng, quân hai bên cầm cự nhau, không lúc nào dám cỡi bỏ áo giáp. Ở Thanh Lâm, Kính Chi lại đắp thêm hào lũy theo dọc ven sông để cho sự phòng thủ được bền vững.

Đến đây, Trịnh Tùng thân hành quân đốc đại quân qua sông Nhị, đêm ngày đi gấp đường, đến Cẩm Giàng, đại hội với các tướng, cả thủy lẫn bộ cùng tiến:

Hoàng Đình Ái thống lãnh tướng sĩ các dinh, tiến đến Thanh Lâm để đánh vào phía hạ lưu;

Trịnh Tùng thân đốc đại binh để đánh phía thượng lưu;

Nguyễn Hữu Liêu thống suất quân thủy để bao vây và đón chặn đường đi cửa của quân Mạc.

Quan quân bốn mặt đánh khép lại: quân Mạc đổ vỡ tan tành.

Kính Chi và thân thuộc của hắn đều lẫn trốn vào rừng núi. Quan quân đuổi đến Đông Triều, bắt được bọn An Sơn vương Mạc Kính Thành và Hoàng Lương công Mạc Lý Hựu, đều đem chém cả. Số giặc bị bắt làm tù binh và những thuyền bè khí giới của Mạc bị tước không sao xiết kể.

Khi đến Chí Linh, quan quân lại chia nhau đi càn quét, bắt được Kính Chi ở thôn Tân Manh luôn với bọn Kính Phu, Kính Thận, Kính Giản, Kính Tuân và quan liêu văn võ của Mạc đến hơn 60 người. Trịnh Tùng bèn quân về Thăng Long. Các tướng đưa đến những người trong họ hàng bè lũ nhà Mạc bị bắt làm tù binh, đều chém cả ở bến Cỏ. Riêng lấy đầu Kính Chi đem vào bêu ở Thanh Hoa. Họ Mạc bị diệt.

Lời phê - Dựa vào công lao trước của cha. Trịnh Tùng có công rất to, mà mang tội cũng nặng lắm. Không làm như vậy thì không đủ để diệt nhà Mạc mà phù Lê được. Mạc tuy bị diệt rồi, nhưng Trịnh lại lù lù ở đó thì cũng lại là một Mạc (thứ hai) nữa thôi!

Lời chua - Mạc Kính Chi: Con Mạc Kính Điển.

Kính Phu, Kính Thận, Kính Giản, Kính Tuân: Đều là em Kính Chi.

Nam Giản: Tên xã, thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 25).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Thanh Lâm, Cẩm Giàng: Đều là tên huyện, thuộc tỉnh Hải Dương.

Tân Mạnh: Tên thôn, thuộc huyện Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Yên.

Hàm Giang (sông): Ở địa phận xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng.

Tháng 4, mùa hạ. Xa giá vua Lê thấy ra Thăng Long, ngự ở tòa chính điện, nhận lễ triều hạ, đại xá cho cả nước.

Trịnh Tùng đã diệt nhà Mạc rồi, tu tạo cung điện [ở Thăng Long], một tháng hoàn thành, bèn sai các đại thần văn võ sắm sửa nghi trượng đi đón xa giá. Tháng 3, nhà vua khởi hành từ dinh Vạn Lại; đến tháng 4 này, thấy tới kinh đô. Ngày Canh Tý, nhà vua ngự ở tòa chính điện, nhận lễ bách quan châu mừng, đại xá cả nước.

Bản xét công lao các bày tôi trong cuộc trung hưng. Ban thưởng tước phong cho họ các tâng bậc khác nhau.

Gia phong:

Hoàng Đình Ái làm hữu tướng thái úy, Vinh quốc công;

Nguyễn Hữu Liêu làm thái úy, Dương quốc công;

Quận công Trịnh Đổ làm thái phó;

Trịnh Đồng và Trịnh Nành làm thái bảo;

Lê Bách và Hà Thọ Lộc làm thiếu úy;

Ngô Cảnh Hựu và Trịnh Văn Hải làm thiếu bảo;

Lại bộ thượng thư Nguyễn Mậu Tuyên làm thiếu phó tước Quỳnh quận công.

Còn mọi người khác cũng đều được ban thưởng thêm tước trật có cao thấp khác nhau.

Lời chua - Thái úy, thái phó, thái bảo: Đều chánh nhất phẩm.

Thiếu úy, thiếu phó, thiếu bảo: Đều chánh nhị phẩm. Cả hai đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 15 - 16).

Nguyễn Mậu Tuyên: Người Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương¹.

Tháng 5. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế tạ ở Thuận Hóa vào chầu được tấn phong thái úy Đoàn Quốc Công, cầm quân đi đánh giặc.

Trước kia, Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế tạ ở Thuận Hóa hơn 20 mươi năm, từ nhân dân đến các man di thầy đều mến phục. Bờ cõi và biên giới đều phẳng lặng yên ổn. Đến đây ngài đem tướng sĩ và binh thuyền vào chầu, dâng nộp sổ sách về quân, dân và kho tàng ở hai xứ Thuận, Quảng. Nhà vua xuống chiếu gia phong cho Gia Dụ làm tả đô đốc ở Trung quân đô đốc phủ, giữ công việc trong phủ, hàm thái

¹ Đất huyện Lôi Dương cũ, nay thuộc hai huyện Thọ Xuân và Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

úy, tước Đoan quốc công, tổng đốc tướng sĩ bản doanh, thống lĩnh quân thủy ở các xứ Nam đạo¹ và 300 chiếc thuyền cả lớn lẫn nhỏ, đi đánh bọn giặc ở vùng đông nam.

¹ Nay gồm các huyện Châu Giang, Kim Động, Ân Thi, Phù Tiên (Hưng Yên), Kim Bảng, Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân (Hà Nam), Hưng Hà, Tiên Hưng cũ (Thái Bình).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 31

Từ Canh Tý, Lê Kính Tông, năm Thận Đức thứ nhất (1600) đến Quý Mùi, Lê Thần Tông, năm Dương Hòa thứ 9 (1643), gồm bốn mươi tư năm.

Canh Tý, Kính Tông Huệ hoàng đế, năm Thận Đức thứ nhất (1600). (Từ tháng 11 trở về sau thuộc năm Hoàng Định thứ nhất - Minh, năm Vạn Lịch thứ 28).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Hàng năm, cứ đầu mùa xuân, làm lễ hợp tế trời đất ở điện Chiêu Sự đàn Nam giao, nhà vua thân hành đến làm lễ. Trịnh Tùng đem trăm quan theo hầu để dự lễ bồi tế. Việc này người ta cùng truyền tụng là một điển lễ long trọng.

Lời can án - Việc tế giao hàng năm, người chép nổi sử triều Lê đều không chép. Họ lấy cớ rằng việc này là theo thể lệ thường như thế. Nay, nhà Lê từ lúc trung hưng trở về sau, gươm Thái A đã để người khác nắm đằng đuôi¹, người dưới lấn quyền, người trên thất thế, lai lịch dẫn đến như thế kể đã từ lâu, nói về lễ nghĩa vua tôi đã đổ nát hết, chỉ còn việc nam giao tế trời là còn giữ được thân phận tôn ti mà thôi. Nếu cho việc ấy là theo lệ thường mà không chép thì lễ nghĩa vua tôi hầu như mất sạch sành sanh. Nay truy nguyên ra, thì nhà Lê mất quyền bính thực tế là bắt đầu từ lúc Trịnh Tùng xưng tước vương vào cuối đời Thế Tông vào đầu đời Kính Tông. Vì thế, nên ngay từ năm nay cũng như sau này khi các vua lúc bắt đầu lên ngôi nổi nghiệp, đều cẩn thận mà chép việc tế nam giao. Chép như thế, là để nghi sự biến trong đời mà giữ lấy danh phận vua tôi vậy.

Lời chua - Điện Chiêu Sự: Ở phía nam kinh thành, xem Huyền Tông năm Cảnh Trị thứ 2 (Chb. XXXIII, 14, 15).

Theo Hội điển triều cổ Lê, thì hàng năm, tháng giêng (hoặc mồng một, hoặc mồng hai) trước ngày lễ chính một ngày, bày đặt hương án lớn ở gian chính giữa điện Chiêu Sự. Đến ngày chính lễ, nhà vua mặc áo bào thâm, các viên chấp sự đem đủ cả cỗ bộ, pháp giá² và nhã nhạc, do cửa Đại Hưng (cửa nam kinh thành) đi ra. Khi đến điện Canh Y³ ở ngoài đàn, nhà vua đội mũ xung thiên, mặc áo bào vàng, thắt đai ngọc, rồi đến sân điện Chiêu Sự hành lễ, Chúa Trịnh và văn võ trăm quan theo hầu, dự lễ bồi tế theo như nghi thức.

Nghi lễ tế giao chép trong Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì hoàng đế tới sân điện Chiêu Sự, sau khi đã quán tẩy⁴ rồi mới tiến lên điện làm lễ thượng hương⁵; người chấp sự đọc chúc văn ở trên điện, lúc ấy chỉ làm lễ quỳ và khấu đầu⁶; còn lạy trước khi

¹ Nguyên văn chép "Thái A đào trì ". Ý nói giao quyền bính của mình cho người khác, do đây mà mình bị hại, cũng như trao chuôi gươm Thái A cho người khác nắm, mà mình nắm đằng lưỡi, tất bị nguy, Thái A tên một thanh kiếm rất sắc bén.

² Tức là thừa dư, xe của vua ngự.

³ Một ngôi nhà để vua vào thay mũ áo.

⁴ Đều là danh từ dùng trong khi làm lễ tế tự. Quán tẩy: Trước khi châm hương, người chủ tế đến nơi đã để sẵn thau nước rất thanh khiết để rửa tay. Thượng hương; chính tay người chủ tế châm hương rồi đưa cho người chấp sự dâng lễ cắm vào bát hương. Quy khấu: Trước khi đọc chúc văn, người chủ tế quỳ ở trước hương án, sau khi đọc chúc văn, người chủ tế cuối đầu làm lễ.

⁵ Nt.

⁶ Nt.

tuyên chúc và sau khi tuyên chúc thì đều lạy ở sân điện. Lễ này là một lễ rất tôn nghiêm, rất long trọng.

Tháng 5, mùa hạ. Có thủy tai lớn.

Bọn Kế quận công Phan Ngạn, Tráng quận công Ngô Đình Nga và Mỹ quận công Bùi Văn Khuê làm phản. Nhà vua đi Thanh Hoa.

Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta có công to, Trịnh Tùng thấy thế mang lòng ghen ghét, 8 năm không cho về trấn¹. Gặp lúc ấy, bọn Ngạn, Đình Nga và Văn Khuê làm phản ở cửa biển Đại An, Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta nhân đem quân tiến đánh, bèn đem tướng sĩ thuyền chiến trong bộ thuộc mình, phóng ra biển về Thuận Hóa, bởi thế lòng người xao xuyến. Tùng bèn rước nhà vua về Thanh Hoa, để cho nơi căn bản được vững vàng. Sau đó, bọn Ngạn, Đình Nga và Văn Khuê dẫn quân phụ thuộc về với nhà Mạc.

Lời phê - Lúc ấy, Trịnh Tùng rất lấn quyền làm bậy, người nào cũng có thể kể tội hãn mà giết đi được. Về việc bọn Phan Ngạn. Sử cũ chép là làm phản, chép như thế chưa chắc đã không phải là a dua, đáng lẽ Sử mới² chỉ nên cứ theo sự thực mà chép thẳng. Còn như ngàn năm sau này khen hay chê đã có lời bàn luận công bằng. Người chép sử cũng không cần gì phải kiêng kỵ³.

Lời chua - Thanh Hoa, Thuận Hóa: . Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 17, 20, 21, 23, 24, 33).

Đại An: Tức Đại Nha, Xem Lý hậu đế năm thứ nhất (Tb. IV, 13).

Phan Ngạn bắn chết Bùi Văn Khuê. Vợ Văn Khuê là Nguyễn Thị đánh giết được Ngạn. Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Cung vào chiếm cứ Đông Kinh, Ngô Đình Nga đem quân theo Kính Cung.

Được ít lâu, Phan Ngạn ngờ Văn Khuê có lòng phản bội, sai người bắn giết đi. Ngạn tự xưng tiết chế Sính quốc công, Đình Nga tự xưng là thái bảo Hoa quận công, ra bảng yết thị cấm chỉ dùng niên hiệu Kiền Thống nhà Mạc.

Nguyễn Thị, vợ Văn Khuê, muốn báo thù cho chồng, bèn khuyết khích sĩ tốt, rồi đóng quân ở Hoàng Giang, chiêu mộ người nào có thể lấy được đầu Phan Ngạn, sẽ trọng thưởng cho. Ngạn nghe tin giật mình, hãn tự đốc suất thuyền chở binh lính, rồi đi một chiếc thuyền lớn tiến lên trước, trúng phải viên đạn lạc, chết ở giữa dòng sông.

Lúc ấy, nhà vua vào Thanh Hoa, kinh thành Thăng Long bị hui quạnh, bỏ ngỏ. Dư đảng nhà Mạc thì: Nam quận công Nguyễn Dụng hô hào tụ hợp quần chúng ở Sơn Nam; Uy Vũ Hầu (không rõ họ tên) thúc giục nhiều người nhóm ngọn lửa binh đao ở Hải Dương. Nhân đấy, chúng cùng nhau rước Bùi Thị, mẹ thứ Mạc Mậu Hợp, vào chiếm cứ Đông Kinh, Bùi Thị ra coi châu ở triều đình, tiếm xưng là quốc mẫu, sai người đi rước Kính Cung ở Cao Bằng. Kính Cung là con Kính Điển. Khi Kính Cung đi đến Vũ Ninh, thì Đình Nga đem quân đi đón rước, Kính Cung cho Đình Nga cứ được giữ nguyên chức cũ.

Do đấy nhân dân ở vùng Đông Bắc, ngả theo để hưởng ứng họ cùng nhau ủng hộ Kính Cung về đến kinh sư, chỉ trong khoảng hàng tuần hàng ngày, quần chúng được đến hàng vạn người.

Lời chua - Nguyễn Thị: Tên tự là Niên, con gái thứ của Nguyễn Quyện, tướng nhà Mạc. Có một thuyết nói: Ngạn nghe biết Thị Niên sắc đẹp, sai người mời đi lại cùng thông tin tức ước hẹn kết duyên. Nguyễn Thị giả vờ nhận lời, bèn kén hơn mười người trẻ tuổi đẹp trai, ăn mặc giả làm con gái sung làm thị tỳ. Nguyễn Thị giao ước với bọn thị tỳ giả: Nếu ai giết được Phan Ngạn thì sẽ được trọng thưởng. Muốn để Ngạn khỏi nghi

¹ Tức Thuận Hóa, Nguyễn Hoảng ở Thuận Hóa ra yết kiến Lê Thế Tông từ năm Quang Hưng thứ 16 (1593).

² Chỉ bộ Sử Cương mục này.

³ Tham khảo Việt sử tục biên thì lúc ấy Nguyễn Hoảng (Tức Gia Dụ hoàng đế sau này) ngầm xui giục bọn Phan Ngạn làm phản, để lấy cơ hội xin đem quân đuổi đánh, rồi chuồn vào Thuận Hóa. Lời phê này có lẽ ám chỉ về việc ấy.

ngờ, Nguyễn Thị hẹn: Đêm hôm nào đó thị sẽ đi một chiếc thuyền lớn đến hội kiến. Ngạn hí hờn mừng. Đến kỳ hạn, Nguyễn Thị ăn mặc lộng lẫy, đi thuyền ngược dòng sông Hoàng Giang ra sông Nha Giang, Ngạn cho người thăm dò, thấy trong thuyền la liệt những gái đẹp, Ngạn yên tâm không nghi ngờ gì cả, bèn ra ám hiệu cho thuyền tuần tiểu nơi đi nhanh, khi thuyền tuần tiểu sắp đến gần chỗ thuyền Nguyễn Thị thì dùng chèo ở giữa dòng sông. Điều khiển đầu vào đẩy rồi. Ngạn mừng rỡ cuống quýt, cũng dùng một chiếc thuyền lớn đến để cùng Nguyễn Thị hội hợp. Sau khi Ngạn đã sang thuyền Nguyễn Thị, liền vẫy cho thuyền mình rút lui. Lúc ấy thị tỳ đứng hai hàng rót rượu. Khi cuộc rượu đang nồng nàn, thị tỳ rút dao ở trong tay áo ra chặt lấy đầu Phan Ngạn, rồi nhân đêm nước thủy trào xuống, gió thổi mạnh quay chèo trở về như bay, quân lính của Ngạn vẫn chưa biết có chuyện ấy. Khi về, Nguyễn Thị đem đầu của Ngạn làm lễ tế ở bàn thờ chồng, rồi dặn hai con đến hành tại An Trường quy thuận với vua Lê. Còn thị thì tự gieo mình xuống sông.

Kiến Thống: Niên hiệu tiếm xưng của Mạc Kính Cung.

Đông Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Hoàng Giang: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb, VI, 44).

Nguyễn Dụng: Người xã Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, là con Nguyễn Miến (chữ "Dụng " sử cũ chép là " Nhậm ").

Cao Bằng: Thuộc Ninh Sóc.

Vũ Ninh: Thuộc Kinh Bắc.

Cao Bằng, Vũ Ninh, Sơn Nam và Hải Dương: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18, 24, 28, 31, 32).

Nha Giang: Nay là Đại An, xem Lý Hậu Đế năm thứ nhất (Tb, IV, 13).

Tháng 8. Tùng thống lĩnh binh sĩ từ hành tại An Trường kéo ra, tiến đánh quân Mạc, lấy lại Đông Kinh. Mạc Kính Cung chạy sang Kim Thành.

Hay tin Kính Cung vào chiếm cứ Đông Kinh, Tùng hợp các tướng bàn định. Một mặt sai Lê Nghĩa Trạch đem thư yên ủi Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta ở lại trấn thủ Thuận Hóa; một mặt đem cả quân thủy, quân bộ xuất phát ra Tràng An; Nguyễn Khải đem quân bộ đi tiên đạo, đến cửa sông Gián¹, gặp quân canh giữ của giặc, Khải đánh hăng phá tan được, rồi nhân thế thẳng tiến thẳng lên; quân thủy thì đi theo sông Ninh Giang ra cửa sông Hát, thuận dòng nước mà xuôi xuống, xông thẳng vào Đông Kinh. Quân nhà Mạc tan vỡ bỏ chạy, quan quân bắt giết Bùi Thị là quốc mẫu của nguy Mạc. Kính Cung chạy sang Kim Thành. Em Phan Ngạn là Quỳnh quận công (Sử cũ chép sót tên) đầu hàng, được tha không trị tội. Do đây đồ đảng của nguy Mạc cùng nhau xin phụ thuộc về triều đình. Tùng sai tướng đi tuần hành mặt sông Thiên Đức, bắt Ngô Đình Nga giải về kinh sư xử trảm.

Lời chua - Kim Thành: Làng Trà Hương xưa, xem Thuộc Tấn Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (TB, V, 21).

An Trường: Xem Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Lê Nghĩa Trạch: Người xã Cổ Đồi huyện Nông Cống.

Nguyễn Khải: Người xã Ngọc Bôi, huyện Đông Sơn.

Cửa sông Gián: Nay ở chỗ giáp với Ninh Bình và Hà Nội².

Ninh Giang: Xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb, XIII, 26).

¹ Nay thường gọi là bến Gián, khúc sông hai tỉnh Hà Nam và Nam Định tiếp giáp nhau.

² NT.

Hát Môn: Tức cửa sông Hát, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Thiên Đức: Tên sông, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Tháng 10, mùa đông. Sai Nguyễn Đình Luân đánh Nguyễn Dụng ở Hoàng Giang. Luân bị bại trận.

Dụng là con Nguyễn Miễn, tức Phù quốc hầu nhà Mạc. Dụng mạnh hơn cả mọi người. Trước kia, Mậu Hợp bại trận, bị bắt, Dụng đem anh em đầu hàng triều đình, sau trốn về Sơn Nam, hô hào tụ hợp dân chúng, xưng là Nam quận công, cùng nhau rước Kính Cung vào chiếm cứ Đông Kinh¹, Trịnh Tùng tiến quân lâu lại được kinh thành. Dụng cùng đồ đảng là Uy Vũ hầu (Sử cũ chép sót họ tên) đem chu sứ xâm phạm vào Thanh Trì, bị quan quân đánh phá. Uy Vũ hầu chạy giữ ở cửa biển; Dụng lui quân giữ ở Hoàng Giang. Vì thế, mới sai quận công Đình Luân đem quân đi đánh, Luân bại trận, hơn 40 chiếc thuyền công đều bị giặc bắt được. Trịnh Tùng giận, bèn bãi chức quan của Đình Luân.

Lời chua - Nguyễn Đình Luân: Người xã Đa Lộc, huyện An Định.

Thanh Trì: Tức Thanh Đàm xưa, xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb, XIII, 30).

Tháng 11. Đổi niên hiệu. Đại xá cho trong nước.

Lấy năm ấy làm năm Hồng Định thứ nhất.

Lời cần án - Theo " Phàm Lệ " chép Cương mục của Chu Tử, về việc đổi niên hiệu: phàm ông vua nào đương giữa đời mà đổi niên hiệu khác, thì chỉ chép việc đổi niên hiệu lúc bắt đầu lên ngôi vua, ngoài ra đều nhân chép công việc gì đó mới lấy niên hiệu mới đổi ấy. Nay Kính Tông mới lên ngôi vua mà trong một năm hai lần đổi niên hiệu, thật là không kê cứu gì đến phép đời cổ, cho nên chép cả hai niên hiệu, để tỏ rõ sự sai lầm.

Tân Sửu, năm Hồng Định thứ 2 (1601). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 29).

Tháng giêng, mùa xuân. Tùng đánh bại quân Nguyễn Dụng ở Lãnh Giang và chém được Nguyễn Dụng.

Kính Cung đến Kim Thành, hay tin Nguyễn Dụng chiếm cứ Hoàng Giang, hấn cho người phi ngựa báo tin sai Dụng tiến quân giữ lấy Nam Xang để ngăn giữ một đường Sơn Nam. Dụng bèn thiết lập doanh trại, canh phòng ngăn chặn nơi hiểm yếu, Dụng lại giết Uy Vũ Hầu (Sử cũ chép thiếu họ tên), một viên tướng giữ ở đạo khác, mà cướp lấy lương thực. Tướng ở tây đạo là Nha quận công và Cao quận công (Sử cũ đều chép thiếu họ tên) đều phải chạy đến Đại Đồng. Bấy giờ Trịnh Tùng thân hành đem đại quân xuống mặt nam. Quân tiến đến Lãnh Giang, Dụng chống cự, tiền quân của Tùng bị thiệt hại. Tùng bèn khuyến khích tướng sĩ, quân lính đều hết sức liều chết tiến đánh, phá tan được quân giặc, chém được Dụng và Nga quận công (Sử cũ chép sót họ tên) ở mặt trận, thu được thuyền bè, phụ nữ, trâu bò và tài vật kể đến hàng ngàn. Lại bắt giết được em của Dụng là Tào và Vị, đưa thủ cấp về kinh sư, hạ lệnh chiêu an dân chúng, lòng người rất vui mừng.

Lời chua - Lãnh Giang: Thuộc địa phận xã Lãnh Trì, huyện Nam Xang, tỉnh Hà Nội².

Tây Đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb, XV, 5).

Tháng 3. Sai Hoàng Đình Ái đi tuần hành vùng Hải Dương. Mạc Kính Cung chạy lên Lạng Sơn.

Kính Cung chiếm cứ kinh thành, hay tin Nguyễn Dụng đã bị hại, đại binh của triều đình sắp đến, hấn bèn bỏ cả quân lính, chạy lên lên Lạng Sơn. Khi quan quân kéo đến, bèn phá hủy đường lũy, chiêu tập vỗ về nhân dân, rồi đem quân trở về. Vùng Hải Dương hết thầy đều bình định.

¹ Xem thêm tờ 3, 4 trong cuốn này.

² Nay thuộc huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam khúc sông này có một bến đò, nhân dân gọi là bến Lãnh.

Lời chua - Lạng Sơn: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 35).

Tháng 5, mùa hạ. Mưa ra đá (vũ thạch).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua trở về Đông Kinh.

Tháng 12, mùa đông. Sai Nguyễn Khải đi tuần hành vùng Sơn Tây và Kinh Bắc, hết thấy đều bình định được.

Lời chua - Sơn Tây, Kinh Bắc: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 27, 28, 35).

Nhâm Dần, năm thứ 3 (1602). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 30).

Tháng 3, mùa xuân. Mưa đá.

Quý Mão, năm thứ 4 (1603). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 31).

Mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực.

Đăng quận công Nguyễn Khải bị giao xuống hình ngục, sau lại được tha.

Tùng ngự Nguyễn Khải có lòng bội bạn, bắt giao xuống hình ngục, hạ lệnh cho chương cung giám Bùi Sĩ Lâm xét hỏi, không có tình trạng đáng ngờ, bèn thả ra.

Lời chua - Bùi Sĩ Lâm: Người xã Lưu Vệ, huyện Quảng Xương.

Giáp Thìn, năm thứ 5 (1604). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 32).

Ất Tỵ, năm thứ 6 (1605). Minh, năm Vạn Lịch thứ 33).

Bính Ngọ, năm thứ 7 (1606). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 34).

Đinh Mùi, năm thứ 8 (1607). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 35).

Mậu Thân, năm thứ 9 (1608). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 36).

Tháng 9, mùa thu. Đại hạn. Dân bị nạn đói to.

Kỷ Dậu, năm thứ 10 (1609). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 37).

Tháng 3, mùa xuân. Sai Trịnh Đổ đi kinh lý vùng Thái Nguyên. Mạc Kính Cung chạy trốn.

Trước kia, Kính Cung chạy, chiếm cứ vùng Lạng Sơn, dần dần tụ họp lại được quân lính, bèn xâm lấn quấy rối vùng Thái Nguyên, Tùng hạ lệnh cho thái tử Trịnh Đổ làm thống lĩnh, Nguyễn Danh Thế làm đốc thị, đem quân đi đánh. Giặc được tin chạy trốn tan vỡ, lẫn lút vào trong hang. Kinh lý vừa được một tháng. Trịnh Đổ dẫn quân về.

Lời chua - Trịnh Đổ: Em Trịnh Tùng.

Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 32, 33, 35).

Nguyễn Danh Thế: Người xã Vân Nội, huyện Chương Đức.

Canh Tuất, năm thứ 11 (1610). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 38).

Tháng 11, mùa đông. Lê Bật Tứ đề đạt kế sách với họ Trịnh.

Bật Tứ, tả thị lang Hộ Bộ, dâng tờ khai trình bày với Tùng: một là xin lập thế tử, dự bị giao phó cho binh quyền, để giữ vững lòng người; hai là xin xử trí đối với phiên trấn mạnh, để thống nhất chế độ. Bật Tứ lại trình bày rõ: " Nay, người làm vua lấy thiên hạ làm của một nhà mình, bên cạnh giường nằm,

có lẽ nào lại để người khác nghe biết tiếng ngáy¹. Nay Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Nam và Thuận Hóa hãy còn ở ngoài bản đồ, nếu không xử trí, tôi e rằng sẽ làm mối lo sau này. Ngày trước vua Hiến Tông nhà Đường nghe lời bàn của Hoàng Thường dùng phép xén bớt và hạn chế quyền của phiên trấn, sau thành được nghiệp trung hưng. Vậy những lời tôi trình bày, cúi xin xét đoán thi hành".

Lời phê - Chim mỗi chó săn của nhà Trịnh, tên này là tên tội ác đầu sỏ.

Lời chua - Lê Bất Tứ: Người xã Cổ Định, huyện Nông Cống đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1598) năm Quang Hưng.

Quảng Nam: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 2 - 10).

Tân Hợi, năm thứ 12 (1611). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 39).

Tháng 10, mùa đông. Núi Tản Viên bị sụt.

Lời chua - Núi Tản Viên: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chb. I, 34).

Ở Yên Việt Mưa ra máu (vũ huyết).

Mưa vừa vắn một ngày đêm.

Lời chua - Yên Việt: Tên huyện nay là Việt Yên, thuộc tỉnh Bắc Ninh².

Nhâm Tý, năm thứ 13 (1612). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 40).

Tháng 8, mùa thu. Thủy tai lớn.

Quý Sửu, năm thứ 14 (1613). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 41).

Tháng 6, mùa hạ. Hi Tông Hiếu Văn hoàng đế³ ta lên nối nghiệp.

Nhà vua hạ chiếu Gia Phong [cho Hi Tông] chức Thái Bảo và được lưu trấn Thuận Hóa.

Tháng 8, mùa thu. Sai Trịnh Tráng kinh lý vùng Yên Quảng.

Lúc ấy mới dẹp bình được đảng giặc, nên hạ lệnh cho Tráng đi kinh lý địa phương này, chiêu tập vỗ về nhân dân. Tráng đi đến đâu ai cũng vui mừng. Sau đó Tráng để viên tướng thuộc dưới quyền mình ở lại trấn giữ, rồi trở về kinh sư.

Lời chua - Tráng: Con của Tùng.

Yên Quảng: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 29).

Tháng 11, mùa đông. Sai xứ thần đi tuần hành các địa phương trong nước.

Hạ lệnh cho quan trong kinh sư chia nhau đi các xứ, thăm hỏi sự đau khổ của dân; người nào phiêu tán được miễn lực dịch ba năm.

Giáp Dần, năm thứ 15 (1644). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 42).

Tháng 11, mùa đông. Sấm động.

Ất Mão, năm thứ 16 (1615). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 43).

Mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Đầm xã Hoảng Liệt và Thịnh Liệt bị khô cạn.

Không vì cơ gò, mà nước ở đầm bị cạn, 5 khắc sau lại trở lại như cũ.

¹ Nguyên văn " Thiên hạ nhất gia, ngoại tháp chi trặc, khởi dung tha nhân hãn thụy " Lời nói của Thái Tổ nhà Tống khi đi đánh Giang Nam.

² Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

³ Tên là Phúc Nguyên, con thứ 6 Nguyễn Hoàng, cũng gọi là chúa Bụt.

Lời chua - Hoàng Liệt, Thịnh Liệt: Tên hai xã đều thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội.

Bính Thìn, năm thứ 17 (1616). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 44).

Tháng 8, mùa thu. Từ tháng 5 đến tháng này không mưa.

Tháng 9. Kén thêm quân ở Thanh Hoa.

Bọn thị lang Lê Bật Tứ và Lưu Đình Chất làm tờ khai trình bày với Tùng rằng: " Lòng trời thương yêu người làm vua, tất nhiên có lúc hiện ra điềm tai dị để mà cảnh cáo, nếu người làm vua không biết tự xét mình, thì lại xuất hiện tai dị để cho răn sợ. Tháng 5, tháng 6 năm nay đại hạn, người làm ruộng mất trông mong; tháng 8 vừa đây, lúa má đương xanh tốt thì lại gặp hạn hán dữ dội. Như thế chẳng phải là chính sự có thiếu thốn hay sao ? Nay không phải kỳ hạn xét duyệt dân đinh để tuyển lính, thế mà kén thêm ngoài ngạch lính đã định, thì dân chịu đựng thế nào nổi được ? Xin bỏ việc ấy đi, để tỏ lòng thành thực kính trời ".

Lời chua - Lưu Đình Chất: Người xã Quỳnh Chủ, huyện Hoằng Hóa, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1607) năm Hoằng Định.

Định Tỵ, năm thứ 18 (1617). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 45).

Tháng 7, mùa thu. Mưa to gió lớn.

Tháng 9. Gió lớn. Nước biển tràn ngập.

Lúc ấy, các giống lúa đương chín, gió bão nổi lên quá mạnh, nước mặn tràn ngập, dân ở gần biển, phần nhiều bị hại.

Xứ Sơn Tây, phát sinh nhiều sâu keo.

Mậu Ngọ, năm thứ 19 (1618). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 46).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai bọn Trịnh Tráng đi đánh Cao Bằng. Mạc Kính Khoan chạy trốn.

Kính Khoan, cháu Kính Cung, hô hào tụ hợp đồ đảng còn sót lại là bọn Trí Thủy, lấp ló ra vào ở quảng Vũ Nhai, Đại Từ, xưng ngụy tước là Khánh vương, tiếm niên hiệu là Long Thái. Trịnh Tùng sai thái phó thanh quận công Trịnh Tráng, thái bảo Trịnh Xuân đốc xuất tướng tá là bọn Nguyễn Cảnh Kiên, Nguyễn Văn Giai, Tạ Thế Phúc, Nguyễn Khải, Nguyễn Thực, Hoàng Đình Phùng, Trịnh Thúc, Trịnh Trăn và Nguyễn Duy Thời [Thì] chia đường đi đánh. Đảng ngụy trốn xa, quan quân kéo về. Tháng 3, lại hạ lệnh cho bọn Trăn quận công Trịnh Lâm và Trịnh Bàng đi đánh Vũ Nhai, giặc đều tan vỡ.

Lời chua - Vũ Nhai: Tức Vạn Nhai, xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb, II, 42, 43).

Đại Từ: Tên huyện, thuộc Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Trịnh Xuân: Con Trịnh Tùng.

Nguyễn Văn Giai: Người xã Phù Lưu, huyện Thiên Lộc, đỗ hội Nguyên Khoa Canh Thìn (1580) năm Quang Hưng, thi đình đỗ nhị giáp tiến sĩ.

Nguyễn Cảnh Kiên: Người xã Nam Đường thuộc Nghệ An, là con Nguyễn Cảnh Mô.

Nguyễn Thực: Người xã Vân Diêm, huyện Đông Ngàn, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Ất Mùi (1595) năm Quang Hưng.

Hoàng Đình Phùng: Người xã Vân Lung, huyện Thạch Thành.

Trịnh Trăn, Trịnh Thúc: Đều là cháu của Tùng.

Nguyễn Duy Thời [Thì]: Người xã An Lăng, huyện An Lăng, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1598) năm Quang Hưng.

Tháng 4, mùa hạ. Núi Đồng Cổ bị sụt.

Sai quan đến tế.

Lời chua - Núi Đồng Cổ: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 4 (Chb. I, 20).

Sao chổi xuất hiện ở phương tây nam.

Sao Chổi xuất hiện, hình như tấm lụa đỏ.

Tháng 8, mùa thu. Trời mưa cát vàng, lại mưa than đen.

Lời cần án - Sử cũ chép: " Trời mưa ra vàng, hình như gạo vàng; trời mưa ra gạo, hình như gạo đen ". Nhưng xét tờ khai của Lưu Đình Chất nói: " Trời mưa cát vàng mà bảo là mưa ra vàng, trời mưa ra than đen mà bảo trời mưa ra gạo ". Nên nay cải chính lại.

Tháng 9. Có sắc trắng xuất hiện ở phương đông nam.

Phương đông nam có sắc trắng, đứng thẳng như hình cái búa lớn, mỗi đêm, thường xuất hiện trống canh năm, đến hơn một tháng mới tắt. Bầy tôi tâu rằng: " Chỗ quan hệ giữa trời và người rất đáng sợ. Tháng 9, năm nay, mỗi đêm cứ trống canh năm, có sắc trắng xuất hiện ở phương đông nam, hình như mũi nhọn, đầu đuôi nhọn hoắt, ai trông thấy cũng phải kinh sợ. Lại còn điềm mưa vàng như đất, mưa gạo như than và sấm động trái thời nữa. Cái cơ sở dĩ phát sinh ra tai biến ấy có lẽ vì bên trong trái đạo đức, ở bên ngoài trái chính lệnh, giường mỗi suy tàn, pháp lệnh không chấn chỉnh, quan lại hà khắc những nhiều, ngôi sao tượng trưng cho lòng dân bị dao động, việc làm của người phần nhiều trái với khí hòa mà đến nổi như thế chẳng ? Chúng tôi kính xét trong sách Chu thư chép: " Vương tinh duy tuế, khanh sĩ duy nguyệt, thứ dân duy tinh "¹. Mấy câu này ý nói việc làm của người có việc hay việc dở, thì điềm lành điềm dữ hiện ra cũng đều theo từng loại mà ứng phó lại. Nay tai dị hiện ra luôn luôn, trời cao răn bảo, thì lúc này chính là lúc lo sợ siêng năng đấy. Xin bệ hạ nhân tai dị mà lo sợ, nghiêm khắc với bản thân mà sửa đức hạnh, lập đàn cầu trời, chay nghiêm răn sợ tha thiết cầu đảo, ngõ hầu lòng thành cảm động, hình tượng ở trời sẽ theo mà đáp ứng, ngôi sao tai dị lui theo độ số, khí hòa sẽ đưa đến điềm lành ". Nhà vua để tờ tâu ấy ở trong cung.

Lời phê - Việc cần kíp lúc bấy giờ, không việc gì cần hơn là làm cho danh phận vua tôi được đúng mức. Thế mà bầy tôi cứ trình bày viễn vông cho xong việc, thật đáng khinh bỉ, đáng chê cười !

Tháng 11, mùa đông. Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Kỷ Mùi, năm thứ 20 (1619). (Từ tháng 6 trở về sau là năm Vĩnh Tộ thứ nhất đời Thần Tông - Minh, năm Vạn Lịch thứ 47).

Tháng giêng, mùa xuân. Lầu Đao Môn bị hỏa tai.

Lửa bốc lên từ trong thành, nhà cửa bị cháy thành tro than, cháy lan đến lầu Đao Môn.

Lời chua - Lầu Đao Môn: Ở trong thành Thăng Long.

Tháng 5, mùa hạ. Tùng giết nhà vua ở nội điện.

Tùng chuyên quyền lấn át mỗi ngày một quá, nhà vua không sao chịu được. Vì nghe biết việc Xuân, con Tùng, ngầm có lòng cướp ngôi của người con trưởng, nhân đấy nhà vua bàn mưu với Xuân giết Tùng, rồi quyền bính sau này sẽ trao cho Xuân.

¹ Lời của Cơ Tử trình bày với Chu Vũ vương chép trong Thiên Hồng phạm sách Thượng thư. Nghĩa là: Chức phận của vua bao quát hết mọi việc trong nước, cũng như một năm bao gồm cả bốn mùa; chức phận của khanh sĩ thì chia nhau mỗi người một việc, cũng như 12 tháng trong một năm, mỗi tháng có từng việc khác nhau; thứ dân cũng ví như các vì sao, có vì sao thích mưa, có vì sao thích gió, lòng sợ thích của thứ dân cũng giống như thế.

Một hôm, Tùng đi đến bến Đông Tân xem bơi thuyền, Xuân mật sai đồ đảng của mình là Văn Đốc, mai phục súng ở ngã ba đường, khi Tùng trở về, súng nổ, trúng vào con voi mà Tùng đương cưỡi. Bắt được Văn Đốc, tra hỏi biết rõ mưu gian. Tùng bèn sai con là Tráng và trưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm vào nội điện tra hỏi tội phạm, rồi bắt ép vua phải tự thắt cổ. Còn Xuân đem giam ở nội phủ, sau lại thả ra.

Nhà vua ở ngôi 20 năm, hưởng thọ 32 tuổi. Bầy tôi bàn định: phàm lễ táng, lễ tế đều phải giảm bớt, bài vị phải thờ ở một nơi riêng, không được thờ phụ trong nhà thái miếu, bèn đặt tên thụy là Giản Huy đế, táng ở lăng Bồ Vệ.

Lời phê - Người bầy tôi ngỗ ngược, tất nhiên có người con ngỗ ngược; đạo trời hay trả miếng, bao giờ cũng thế.

Tháng 6. Tùng lập hoàng tử Duy Kỳ làm vua (tức là Thần Tông).

Đại xá.

Lấy năm ấy làm năm Vĩnh Tộ thứ nhất, đại xá cho trong nước.

Canh Thân. Thần Tông Uyên hoàng đế, năm Vĩnh Tộ thứ 2 (1620). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 48).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tân Dậu, năm thứ 3 (1621). (Minh Hi Tông, năm Thiên Khải thứ nhất).

Tháng 8, mùa thu. Câu vòng trắng xuất hiện ở phương đông.

Nhâm Tuất, năm thứ 4 (1622). (Minh, năm Thiên Khải thứ 2).

Tháng 8, mùa thu, mưa to.

Quý Hợi, năm thứ 5 (1623). (Minh, năm Thiên Khải thứ 3).

Mùa xuân (không rõ tháng). Thi đại tị.

Khoa ấy thi hội, bọn Phạm Phi Kiến 7 người được trúng cách. Kịp khi thi đình, Nguyễn Trật mượn người khác làm hộ bài, việc phát giác, nhà vua không bằng lòng, nên không bang cho bằng vàng.

Lời chua - Phạm Phi Kiến: Người xã Dương Liễu, huyện Đan Phượng.

Nguyễn Trật: Người xã Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hóa.

Tháng 6, mùa hạ. Xuân, con thứ của Tùng, nổi loạn. Tùng dụ Xuân đến, bắt giết đi.

Tùng mắc bệnh, họp trăm quan bàn chọn người lập làm thế tử, cho con trưởng là Thanh quận công Trịnh Tráng giữ binh quyền, Xuân giữ chức phó. Xuân ấm ức không hài lòng, định mưu nổi loạn, hãm bèn phóng lửa đốt phố xá trong kinh thành. Tùng hay tin có biến động, gượng bệnh lên xe ra khỏi kinh thành, đến làng Hoàng Mai huyện Thanh Trì, vào nhà riêng Trịnh Đổ, rồi sai người giả vờ bảo Xuân vào hầu sẽ trao cho giữ binh quyền. Bấy giờ Xuân, miệng căn cớ, phủ phục ở sân. Tùng kể tội lỗi của Xuân. Trịnh Đổ sai chưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm dùng gươm giết chết Xuân.

Lời chua - Thanh Trì: Trước là Thanh Đàm. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 30).

Hoàng Mai: Tên xã, thuộc huyện Thanh Trì.

Trịnh Tùng mất. Tráng rước nhà vua đi Thanh Hoa.

Vì cơ con là Xuân nổi loạn, Tùng phải chạy vạy ở bên ngoài, bệnh nặng, mất ở chùa Thanh Xuân. Con là Tráng kế tiếp nối binh quyền. Lúc ấy, đồ đảng của Xuân nhiều người trốn thoát, lòng người nôn nao. Nhân đấy, Tráng rước nhà vua đi Thanh Hoa, để lo toan việc yên ninh sum hợp. Nhà vua phong Tráng làm đô tướng tiết chế thủy bộ chư quân binh chương quân quốc trọng sự thái úy Thanh quốc công.

Lời phê - Có nhiều dịp tốt, mà chung quy không toan tính được việc gì, không biết lúc bấy giờ vì cố gì mà lại như thế ?

Lời chua - Thanh Hoa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 20, 21, 33).

Thanh Xuân: Tên chùa, thuộc huyện Thanh Trì.

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Khoan xâm phạm Gia Lâm. Nhà vua sai Trịnh Tráng thống lĩnh quân sĩ đi đánh.

Trước kia, Kính Khoan lẫn lút ở Cao Bằng, thấy mình thế lực nhỏ yếu, sợ không dám động binh. Đến nay, hay tin trong nước có biến loạn, hấn nhân lúc sơ hở, đem quân tiến thẳng đến Gia Lâm dàn quân đóng đồn trại, những bọn bất mãn ở xã Đông Dư và Thổ Khối hưởng ứng một cách ô hợp có đến vạn người. Nhà vua hạ lệnh cho Tráng thống lĩnh quân thủy, quân bộ cùng tiến đánh. Đặng Thế Tài làm tiên phong, Nguyễn Danh Thế đốc hậu quân, xông thẳng đến Gia Lâm đánh nhau với Kính Khoan. Quân phá tan quân địch, chém và bắt được rất nhiều. Kính Khoan chạy về Cao Bằng.

Lời chua - Gia Lâm: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 39).

Cao Bằng: Thuộc Ninh Sóc, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31, 32).

Đông Dư, Thổ Khối: Tên hai xã, đều thuộc huyện Gia Lâm.

Đặng Thế Tài: Người xã Vân Nội, huyện Chương Đức.

Tháng 8. Nhà vua trở về Đông Kinh.

Trịnh Tráng lấy cớ rằng trong kinh kỳ đã được dẹp yên, bèn sai bọn thị lang Lê Bật Tứ và chưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm vào Thanh Hoa rước xa giá. Nhà vua bèn trở về. Bàn xét những người có công theo hầu, gia phong cho chức tước có cao thấp khác nhau.

Lời chua - Đông Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tráng tự tiến làm nguyên soái tổng quốc chính, Thanh đô vương.

Giáp Tý, năm thứ 6 (1624). (Minh, năm Thiên Khải thứ 4).

Ất Sửu, năm thứ 7 (1625). (Minh, năm Thiên Khải thứ 5).

Tháng 5, mùa hạ. Hạ lệnh cho quận công Trịnh Kiêu đi đánh Cao Bằng, bắt được Mạc Kính Cung giải về kinh sư giết đi. Mạc Kính Khoan xin hàng.

Kính Cung tiếm xưng niên hiệu Kiền Thống, cùng với cháu là Kính Khoan chia nhau chiếm cứ Cao Bằng. Chúng lập ló ở quãng Thái Nguyên, Yên Quảng và Lạng Sơn hơn 30 năm, hể quan quân tiến đánh thì chạy, trốn, khi quân rút về, lại hô hào nhau tụ hợp như cũ. Đến nay, triều đình hạ lệnh cho Trịnh Kiền Thống lãnh các quân chia đường càn quét, bắt được Kính Cung và đồ đảng là bọn Sùng, Lễ, đóng cũi đưa về kinh sư giết đi, Kính Khoan thua chạy, sai người dâng tờ biểu đến kinh sư xin đầu hàng.

Triều đình y cho, phong cho Kính Khoan chức thái úy Thông quốc công, bắt bỏ hết ngục hiệu, tuân theo chính sóc¹ triều đình, lại cho hết đời này đến đời khác trấn giữ một phương làm một nơi phiên trấn giúp sức triều đình mãi mãi. Kính Khoan xin tuân lệnh, triều đình tỏ ý khen ngợi.

¹ Chính: Tháng giêng, Sóc : Ngày mồng một. Chính Sóc: Nghĩa là ngày mồng một tháng giêng. Thời cổ Trung Quốc, triều đại nọ thay thế triều đại kia, thì thay đổi cả chính sóc. Ví dụ nhà Hạ Kiến dân, lấy mồng một tháng giêng làm chính sóc; nhà Thương thay nhà Hạ kiến sùu, lấy mồng một tháng 12 của nhà Hạ làm chính sóc; nhà Chu thay nhà Thương kiến tí lấy mồng một tháng 11 của nhà Hạ làm chính sóc. Từ Hán Vũ đế trở đi theo kiến dân như nhà Hạ, lấy mồng một tháng giêng làm chính sóc (tức ngày nguyên đán nông lịch bây giờ).

Lời chua - Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc.

Yên Quảng: Tức Yên Bang.

Thái Nguyên, Yên Quảng và Lạng Sơn: Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 31, 35).

Trịnh Kiều: Con Trịnh Tráng.

Tháng 8, mùa thu. Bắt đầu đặt khoa sĩ vọng.

Triều đình nghĩ cất nhắc người có tài mà bị chìm đắm, nên ngoài khoa thi đại tị, lại đặt khoa sĩ vọng. Cống sĩ nào tài năng đức vọng được dự thi. Khoa này bọn Nguyễn Nghi 27 người trúng cách, được cất nhắc trao cho quan chức cao thấp khác nhau.

Lời chua - Khoa sĩ vọng: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn thì khoa sĩ vọng cũng gọi là khoa hoành tử, chỉ có cống sĩ mới được vào thi. Đầu bài thi: Hoặc thơ, phú, tụng, ca, châm không có thể lệ nhất định. Người được trúng cách, nếu là người bổ làm quan lần đầu thì được cất nhắc chức tri huyện, nếu là người trước đã làm quan rồi, thì đều được theo với thông tư¹ của mình hiện có mà trao cho chức tự thừa, tri phủ, hiển sát phó sứ hoặc tham nghị.

Theo " khoa mục trí " trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì khoa hoành tử mới đặt từ hồi đầu triều Lê, khoa thi sĩ vọng mới đặt từ sau hồi trung hưng. Sở dĩ mở khoa thi này là để đãi ngộ những sĩ tử có danh tiếng mà bị chìm đắm không được cất nhắc. Đầu bài thi thì hoặc thơ, phú, hoặc nhận sét sự việc, hoặc văn sách, không có thể văn nhất định. Vậy chép cả ra đây để phòng khi khảo cứu.

Nguyễn Nghi: Người xã Kim Thanh, huyện Vũ Tiên.

Bính Dần, năm thứ 8 (1626). (Minh, năm Thiên Khải thứ 6).

Đinh Mão, năm thứ 9 (1627). (Minh, năm Thiên Khải thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Trịnh Tráng kèm nhà vua đi Nhật Lệ.

Trước đây, Tráng sai Công Khoa cấp tư trung Nguyễn Hữu Bản phụng sắc chỉ nhà vua đi Thuận Hóa thu tô thuế từ năm Giáp Tý (1524) trở về trước, lại đón Hi Tông Hiếu văn hoàng đế ta đến Đông Kinh. Vương thượng (tức Hi Tông) cười bảo Hữu Bản rằng: " Việc này là phát xuất từ ý riêng họ Trịnh chứ hoàng đế là bậc nhân từ có lẽ nào lại ghét dòng dõi người công thần ? " Bèn khoản đãi Hữu Bản một cách trọng hậu rồi bảo trở về. Đến nay, Tráng muốn đem quân vào xâm lược Thuận Hóa, nhưng lại e rằng không lấy lý gì để kể tội được. Hẳn bèn lập mưu sai Lê Đại Dụng phụng sắc mệnh nhà vua dụ bảo về việc cho con vào châu, và đòi nộp 30 thớt voi, 30 chiếc thuyền đi biển, để cho đủ thể lệ cống nạp triều đình nhà Minh. Vương thượng lại cười nói: " Thế lệ cống nạp triều Minh chỉ có vàng tốt và kỳ nam mà thôi, nay họ Trịnh đòi hỏi ngoài lệ ngạch, nên tôi không dám nhận mệnh lệnh. Và lại, hiện nay tôi đương sửa sang đồ binh khí, tu bổ việc phòng bị ngoài biên cảnh, vậy để cho vài năm nữa tôi sẽ đến triều vua, cũng chưa lấy gì làm muộn ". Đại Dụng đem lời nói ấy trở về báo cáo. Tráng bèn hạ lệnh cho bọn Nguyễn Khải, Nguyễn Danh Thế làm tiên phong đem 5000 quân đóng ở Hà Trung. Tráng tự thân đem đại binh kế tiếp xuất phát. Nhân đấy Tráng kèm nhà vua cùng đi, lấy cơ là đi tuần du để xem xét phong tục ở các địa phương; quân thủy, quân bộ cùng nhau đều tiến.

Ở Việt Nam từ hồi Bắc thuộc cho đến triều nhà Nguyễn không thấy thay đổi chính sóc mà chỉ thay đổi niên hiệu. Có những lúc, có người không phục tùng triều đình đương thời, họ tự chiếm cứ một địa phương, để chống với triều đình, họ tự đặt ra niên hiệu để thông dụng ở địa bàn mà họ hoạt động, chứ không theo niên hiệu của triều đình đương thời. Ví dụ, niên hiệu Cảnh Thụy, Khải Lịch của Nùng Trí Cao hoặc những niên hiệu Kiến Thống, Long Thái ... của con cháu nhà Mạc.

Chính sóc chép ở đây chỉ có nghĩa là theo niên hiệu của triều đình nhà Lê đã đặt ra mà thôi.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXII tờ 12, 25 về thông tư.

Về bên ta, Vương thượng hạ lệnh cho Tôn Thất Vệ làm tiết chế, quan văn là Nguyễn Hữu Dật giữ nhiệm vụ xem xét tình hình chiến đấu, thống lĩnh quân bộ đi chống cự; lại hạ lệnh cho hoàng tử Trung chỉ huy quân thủy để tiếp ứng. Quân hai bên đóng dinh lũy đối diện với nhau.

Lê Khuê, tướng bên Trịnh, đem kỵ binh (quân cưỡi ngựa) vào cướp trận địa, quân ta dùng đại bác bắn lại, quân Trịnh sợ hãi rút lui. Lúc ấy, Nguyễn Khải dàn doanh trại ở phía Bắc sông Nhật Lệ. Nhân đêm, nước thủy triều lên, lính thủy của ta bắn súng để uy hiếp, quân Trịnh sợ hãi rối loạn. Chợt lúc quân của Trịnh Tráng tiếp đến thế quân rất mạnh, quân của ta dùng voi chặn đánh, quân Trịnh tan vỡ, bị chết rất nhiều. Hữu Dật cùng Trương Phúc Gia bàn mưu với nhau: cho gián điệp nói phao lên là Trịnh Gia và Trịnh Nhạc sắp nổi loạn. Tráng nghe tin ấy trong bụng nghi ngờ, lại vì cố bị thua luôn mấy trận, bèn dẫn quân về.

Lời chua - Cửa biển Nhật Lệ: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb. X, 39).

Thuận Hóa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23, 24, 33).

Hà Trung: Tên xã, thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Hữu Dật: Người xã Gia Miêu, ngoại trang, huyện Tống Sơn.

La Khuê: Người xã Nhân Lý, huyện Thanh Lâm.

Trương Phúc Gia: Người xã Hoàng Văn, huyện Tống Sơn.

Cũng tháng 2 ấy. Nhà vua trở về Đông Kinh.

Mậu Thìn, năm thứ 10 (1628). (Minh, Trang Liệt đế, năm Sùng Trinh thứ nhất).

Kỷ Ty, năm Đức Long thứ nhất (1629). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn, đại xá cho trong nước.

Vì hạn hán, đổi niên hiệu và đại xá.

Dân bị đói to.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tráng tự tiến phong là sư phụ Thanh Vương.

Canh Ngọ, năm thứ 2 (1630). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 3).

Tháng 5, mùa hạ. Đem Trịnh Thị, vợ người bác họ là Lê Trụ, vào trong cung, rồi sách lập làm hoàng hậu.

Trịnh Thị Ngọc Hành, con gái Trịnh Tráng, trước kia gả cho Cường quận công Lê Trụ là bác họ nhà vua, Trịnh Thị đã sinh được 4 con. Đến khi Trụ vì mưu làm việc bậy nghịch phải bắt giam trong ngục, Tráng bắt Ngọc Hành về, đem tiến vào cung, rồi lập làm hoàng hậu. Bọn Nguyễn Thực và Nguyễn Danh Thế thường dâng sớ can, nhà vua không nghe lời.

Tháng ấy. Mưa dầm.

Sau khi lập Trịnh Thị, trời mưa dầm, suốt ngày đêm không thôi.

Tháng 6. Thủy tai lớn, nước sông tràn lên làm vỡ đê.

Nước sông Nhị tràn ngập, cửa nam kinh thành nước chảy như trút, nhiều người chết đuối. Đê Thanh Trì vỡ, lúa thóc bị nước ngâm thối nát, nhân dân bị đói.

Lời chua - Nhị Hà: Tức sông Phú Lương, xem Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Tháng 9, mùa thu. Xây dựng nhiều cung điện.

Dựng 3 tòa cung điện và 16 gian hành lang.

Tân Mùi, năm thứ 3 (1631). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Gió Lớn.

Gió lớn nổi lên từ phương đông bắc, làm gãy cây, tốc mái nhà, thuyền ở sông phần nhiều bị đắm.

Tháng 3. Hải Dương mưa đá.

Hạt mưa rơi xuống to bằng viên đá lớn hoặc bằng đầu ngựa và súc vật phần nhiều bị thiệt hại.

Lời chua - Hải Dương: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 24, 25, 34).

Tháng 4, mùa hạ. Ở Tây Kinh đất nứt toạc ra.

Núi Mã Yên ở Tây Kinh bị sét đánh, đất nứt toạc đến 5 trượng.

Lời chua - Tây Kinh: Tức Lam Kinh, xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. XV, 33).

Núi Mã Yên: Ở phía tây nam Lam Kinh.

Giếng đá ở Thanh Trì có tiếng kêu.

Giếng đá làng Hoàng Mai, huyện Thanh Trì có tiếng kêu, nghe như tiếng trống.

Tháng 9, mùa thu. Mưa to gió lớn.

Gió lớn ba ngày, làm gãy gốc cây, tốc mái nhà, mưa như trút nước xuống, nước sông Nhị đầy ắp lên.

Ngày mồng một, tháng 10, mùa đông. Nhật Thực.

Nhâm Thân, năm thứ 4 (1632). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn hoàng khảo (bố vua) là Giản Huy đế làm Kính Tông.

Trước kia, Giản Huy đế vì việc lập mưu giết Trịnh Tùng, bị Tùng giết chết và truất đi không được phụ thờ ở thái miếu¹. Đến nay truy tôn là Hiển nhân dụ khánh tuy phúc Huệ hoàng đế, miếu hiệu Kính Tông, phụ thờ ở thái miếu.

Tháng 4, mùa hạ. Bọn Lại bộ tả thị lang² Nguyễn Tuấn và Hữu thị lang³ Nguyễn Lại, có tội bị bãi chức.

Tuấn và Lại giữ việc kén chọn cất nhắc quan lại, hai người này ăn của đút công khai, bổ trao quan chức phần nhiều quá lạm. Thiếu úy Nguyễn Thực và Thái phó Nguyễn Khải hặc tâu hai người này đều bị bãi.

Lời chua - Nguyễn Tuấn: Người xã Nhân Mục, huyện Thanh Trì, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Sửu (1613) năm Hoàng Định triều Lê Kính Tông.

Nguyễn Lại: Người xã Bột Thượng huyện Hoằng Hóa⁴, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619) năm Hoằng Định.

Tháng 6. Mưa to.

¹ Xem thêm Chính biên tờ 17 trong cuốn này.

² Tả hữu Thị lang phó của thượng thư hàm tam phẩm tương đương với thứ trưởng bây giờ.

³ Hữu Thị lang phó của thượng thư hàm tam phẩm tương đương với thứ trưởng bây giờ.

⁴ Nay là xã Hoàng Lộc, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa.

Mưa suốt ngày như trút nước xuống, nước sông nhị đầy dẫy. Trịnh Tráng đem bọn thái úy Trịnh Kiều đi hộ đê Thanh Trì.

Quý Dậu, năm thứ 5 (1633). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Núi Long Tuyên bị sụt.

Lời chua - Núi Long Tuyên: Ở huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tháng 3. Nước sông Nhị bị cạn.

Vùng nước ở xã Yên Duyên thuộc chi lưu sông Nhị đương đêm bị cạn khô đến hơn một khắc, những nhà dân ở vùng ven sông giồng đuốc bắt cá.

Lời chua - Yên Duyên: Tên xã, thuộc huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội¹.

Đầm Thịnh Liệt bị khô cạn.

Lời chua - Đầm Thịnh Liệt: Xem Kính Tông, năm Hoảng Định thứ 16 (Chb. XXXI, 12).

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tráng xâm lấn cửa biển Nhật Lệ, quân ta đánh cho quân Trịnh bị hại.

Lúa ấy, con thứ ba của Vương thượng là anh trấn giữ Quảng Nam , ngầm mang lòng bội bạn, viết mật thư hẹn Trịnh Tráng đem quân vào xâm lấn, hễ nghe tiếng súng nổ, Anh tức khắc làm người ứng viện ở bên trong. Trịnh Tráng tin lời, thân hành thống lĩnh đại binh tiến thẳng đến cửa biển Nhật Lệ. Hi Tông Hiếu văn hoàng đế ta hạ lệnh cho bọn Nguyễn Văn Thắng và Nguyễn Hữu Dật đem quân chống cự. Quân hai bên dàn doanh lũy đối diện để cầm cự với nhau. Quân Trịnh bắn súng ra hiệu, không thấy Anh đến, Tráng sinh nghi, lui quân đóng cách xa doanh lũy để đợi hơn một tuần, quân Trịnh sinh ra trễ biếng, quân ta xông ra đánh mạnh, quân Trịnh tan vỡ bỏ chạy, chết mất quá nửa. Tráng cho Nguyễn Khắc Loát giữ Bắc Bỗ chính, rồi tự mình dẫn quân về.

Lời chua - Quảng Nam: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2.

Bắc Bỗ Chính: Tên châu xưa, nay là hai huyện Minh Chính và Bình Chính, đều thuộc tỉnh Quảng Bình.

Cửa biển Nhật Lệ: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4.

Giáp Tuất, năm thứ 6 (1634). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 7).

Ngày mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Mùa hạ (không rõ tháng). Đại hạn.

Ất Hợi, năm Dương Hòa thứ nhất (1635). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 8).

Tháng 10, mùa đông. Thần Tông Hiếu chiêu hoàng đế ta nổi nghiệp².

Bính Tý, năm thứ 2 (1636). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 9).

Đinh Sửu, năm thứ 3 (1637). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 10).

Ngày mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Ngày 30, tháng 12, mùa đông. Nhật thực.

Mậu Dần, năm thứ 4 (1638). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 11).

¹ Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

² Tên là Phúc Lan cũng gọi là chúa thượng, con thứ hai Phúc Nguyên.

Tháng 3, mùa xuân. Mạc Kính Khoan ở Cao Bằng mất, con là Kính Hoàng làm phản, Trịnh Tráng thống lĩnh binh sĩ đi đánh.

Trước kia, Kính Khoan đầu hàng xin làm phiên trấn giúp sức triều đình, nhà vua y cho; đến nay Kính Khoan mất, con là Kính Hoàn (có bản chép là Kinh Vũ) không dâng lễ cống nạp theo như chức phận, lại dấy quân làm phản, tiếm xưng niên hiệu là Thuận Đức. Trịnh Tráng thống lĩnh binh sĩ đi đánh; tiên phong là Hạ quận công (Sử cũ chép thiếu tên họ) bị giặc bắt; ngoài mặt trận Lâm quận công (Sử cũ chép thiếu tên họ) tỏ vẻ sợ hãi rụt rè, Tráng chém quận lâm, rồi ra hiệu lệnh nghiêm ngặt, đốc suất các quân sĩ bốn mặt bao vây. Gặp lúc ấy nóng bức, nhiều khí làm chướng bèn dẫn quân về.

Kỷ Mão, năm thứ 5 (1639). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 12).

Canh Thìn, năm thứ 6 (1640). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 13).

Tân Ty, năm thứ 7 (1641). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 14).

Nhâm Ngọ, năm thứ 8 (1642). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 15).

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Tráng bổ dụng các con là bọn Tạc và Lực đi giữ quyền bính tiết chế ở tứ trấn.

Tráng lấy cố rằng giuờng mỗi trong nước là ở chỗ xét xử việc kiện tụng cho được trôi chảy, nã bắt ngăn ngừa được bọn trộm cướp, vì thế Tráng bèn bổ dụng các con là:

- Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc trấn thủ Sơn Nam;
- Thái bảo Phù quận công Trịnh Lịch trấn thủ Sơn Tây;
- Quỳnh nham quận công Trịnh Lệ trấn thủ Kinh Bắc;

- Thiếu úy Hoa quận công Trịnh Sầm trấn thủ Hải Dương. Lại ra lệnh cho Thái thường tự khanh¹ Phạm Công Trứ, Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Trừng, Công bộ hữu thị lang Nguyễn Bình, Hộ khoa cấp sự trung Nguyễn Nhân Trừ đều xung chức tán lý ở tứ trấn. Nhiệm vụ các viên quan kể trên là sửa chữa thay đổi chính lệnh thối nát, vỗ về yên ủi nhân dân địa phương.

Lời chua - Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10.

Phạm Công Trứ: Người xã Liêu Xuyên, huyện Đường Hào.

Nguyễn Bình: Người xã Bồng Lai, huyện Để Dương, cả hai đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1628) năm Vĩnh Tộ triều Lê Thần Tông.

Nguyễn Trừng: Người xã Cổ Diển, huyện Thanh Trì.

Nguyễn Nhân Trừ: Người xã Nguyệt Viên, huyện Hoảng Hóa. Cả hai đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1634) năm Đức Long triều Lê Thần Tông.

Quý Mùi, năm thứ 9 (1643). (Tháng 10 trở về sau thuộc Chân Tông, năm Phúc Thái thứ nhất. - Minh, năm Sùng Trinh thứ 16).

Tháng 3, mùa xuân. Tráng kèm nhà vua đi An Bài.

Trước đây, Tráng sai bọn Trịnh Tạc và Trịnh Lệ làm tiên phong thống lĩnh, Nguyễn Quang Minh, Phạm Công Trứ, và Nguyễn Danh Thọ giữ chức tham tán việc quân, kéo quân vào xâm lấn châu Nam bố chính. Viên tướng trấn thủ của ta là Bùi Công Thắng cố sức đánh lại, bị tử trận. Quân Trịnh bèn xâm phạm cửa biển Nhật Lệ. Đến nay, Tráng thống suất đại binh tiếp tục xuất phát, Tráng kèm nhà vua đến châu Bắc Bố chính, đóng tại An Bài, sai Trịnh Đào đánh vào doanh lũy Trung Hòa, Binh sĩ ta phòng bị rất kiên cố. Quân Trịnh đánh không thắng được gặp lúc nóng nực lắm, quân Trịnh phần nhiều bị chết, bèn dẫn quân về.

¹ Chức quan đứng đầu Thái thường tự, coi việc tế tự, Lễ nhạc hàm chánh ngũ phẩm.

Lời chua - Nguyễn Quang Minh: Người xã Văn Hà, huyện Thụy Nguyên, đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1628) năm Vĩnh Tộ.

Nguyễn Danh Thọ: Người xã Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì.

Nam Bỗ Chính: Tên Châu Xưa, nay là Bỗ Trạch, thuộc huyện Quảng Bình.

Bùi Công Thăng: Người huyện Vũ Tuyên, tỉnh Nam Định¹.

An Bài: Tên xã, thuộc huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình.

Trung Hòa: Tên xã, nay là Mỹ Hòa, thuộc tỉnh Quảng Bình.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua trở về kinh sư.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua truyền ngôi cho thái tử là Duy Hựu.

Thái tử lên ngôi (tức là Chân Tông), đổi niên hiệu, đại xá, tôn nhà vua làm thái thượng hoàng, hoàng hậu Trịnh Thị làm hoàng thái hậu.

Lấy năm ấy làm năm Phúc Thái thứ nhất (1643).

¹ Nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 32

Từ Canh Thân, Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 2 (1644), đến Nhâm Dần, Lê Thần Tông, năm Vạn Khánh thứ nhất (1662), gồm 19 năm.

Giáp Thân, Chân Tông Thuận hoàng đế năm Phúc Thái thứ 2 (1644). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 17 - Thanh, Thế tổ chương hoàng đế năm Thuận Trị thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tháng 4, mùa hạ. Sao Thái bạch đi ngang trời.

Tháng 12, mùa đông. Trịnh Tạc đi đánh Cao Bằng, được thắng trận.

Mạc Kính Hoàn lên lút chiếm cứ Cao Bằng. Triều đình cử Trịnh Tạc làm thống lĩnh, Dương Trí Trạch làm đốc thị, Phạm Công Trứ giữ chức tán lý việc quân, tiến quân đi đánh, được thắng trận, chém một tỳ tướng, bắt được đồ đảng giặc làm tù binh rồi dẫn quân về.

Lời chua - Cao Bằng: Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc đạo Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Dương Trí Trạch: Người xã Bạt Trạc, huyện Thiên Lộc, đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619) năm Hoảng Định thứ 20 triều Lê Kính Tông.

Ất Dậu, năm thứ 3 (1645). (Minh, Phúc vương Do Tung năm Hoảng Quang thứ nhất, từ tháng 6 mùa hạ trở về sau thuộc Đường vương Duật Kiện năm Long Vũ thứ nhất - Thanh, năm Thuận Trị thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Sao Huỳnh Hoạch phạm vào vị trí sao Dư Quý.

Trịnh Tráng phong cho con là Tạc làm thái úy Tây quốc công.

Tạc lấy danh nghĩa là phó đô tướng Thái bảo tây quận công tiến phong thái úy tả tướng tiết chế các doanh quân thủy, quân bộ các xứ, giữ quyền binh trong nước, tước Tây quận công, mở phủ đệ Khiêm Định. Công việc nhà nước hết thảy đều ủy thác cho Tạc quyết đoán.

Tháng 5. Trịnh Lịch và Trịnh Sâm nổi loạn, bị giết chết.

Trước đây, Tráng phân phối sai các con của hắn là: Trịnh Tạc trấn thủ Sơn Nam, Trịnh Lịch trấn thủ Sơn Tây, Trịnh Sâm trấn thủ Hải Dương¹, đều gia phong tước quận công. Đến nay, Trịnh Tạc được tiến phong làm thái úy, giữ chính quyền trong nước. Lịch và Sâm mất hết hi vọng, bèn cất quân nổi loạn. Tráng sai Tạc đem quân đi đánh, bắt được Trịnh Lịch; còn Trịnh Sâm trốn vào Ninh Giang, Tráng sai thái bảo Trịnh Trượng đuổi đến Chúc sơn, bắt được, giải về kinh sư, Lịch và Sâm đều bị giết.

Lời phê - Nhà người bày tôi bạn nghịch luôn luôn đẻ ra đứa con bạn nghịch. Họ Trịnh có thể nói là đời nợ thừa kế cái ác nghiệp của đời kia.

Lời chua - Ninh Giang, Chúc Sơn: Đều xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 26, 31).

Xá một nửa thuế năm nay cho nhân đinh trong nước.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXI, tờ 30.

Năm Vĩnh Tộ (1619 - 1628) Trước đây, định thể lệ thuế đinh; hạng tráng đinh, người nào không đi đánh dẹp mỗi người phải nộp 3 quan 5 tiền; hạng quân mỗi người phải nộp 1 quan 5 tiền; hạng dân mỗi người phải nộp 1 quan 2 tiền 30 đồng; sinh đồ, ti lại, xã trưởng, lão hạng, tăng đạo, giáo phường nộp 1 quan; người tàn tật nộp 8 tiền. Số tiền thuế kể trên chia ra 10 phần, hàng năm nhà nước thu 7 phần, lưu lại cho dân 3 phần để tỏ lòng khoan hồng thương xót. Đến nay đặc ân tha cho một nữa, chỉ thu năm phần mười (5/10).

Bính Tuất, năm thứ 4 (1646). (Minh, Đường vương Duật Kiện năm Long Vũ thứ 2; từ tháng 11 mùa đông trở về sau, thuộc Quế vương Do Lang năm Vĩnh Lịch thứ nhất - Thanh, năm Thuận Trị thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Mưa đá.

Chim muôn phần nhiều bị chết.

Tháng 2. Ở Kinh sư mưa đá.

Năm này lúa thóc được mùa.

Đinh Hợi, năm thứ 5 (1647). (Minh, Quế vương Do Lang năm Vĩnh Lịch thứ 2 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 4).

Tháng 5, mùa hạ. Sứ nhà Minh sang nước ta.

Trước đây, Đường vương Duật Kiện nhà Minh lên ngôi vua ở Phúc Châu, đổi niên hiệu là Long Vũ. Nhà vua sai bọn Nguyễn Nhân Chính đi đường biển đến Phúc Châu, chúc mừng việc lên ngôi vua và xin phong tước. Khi bọn Nhân Chính đến Phúc Châu, thì Đường vương đã bị người nhà Thanh bắt, bầy tôi nhà Thanh cùng nhau lập Quế vương Do Lang lên ngôi vua, lấy đất Triệu Khánh làm nơi hành tại, đổi niên hiệu là Vĩnh Lịch. Vì thế, bọn Nhân Chính nhân tiện đường đem tờ biểu trở về bái yết Quế vương ở Triệu Khánh. Đến nay, nhà Minh sai bọn Phan Kỳ đệ tử sắc cáo, cùng đi với bọn Nhân Chính do Trấn Nam Quan¹ sang nước ta, sách phong thái thượng hoàng làm An Nam quốc vương.

Triệu Hữu Đào, người Long Châu nhà Minh, giết em họ của nó là Triệu Hữu Kinh, thủ lĩnh Long Châu, rồi đem gia quyến sang lẫn lút ở Cao Bằng. Con Hữu Kinh là Khải xin nước ta cứu viện. Triều đình bèn hạ lệnh cho Trịnh Lệ tiến quân đến Cao Bằng, bắt được Hữu Đào, giải về kinh sư, dụ bảo hai bên hòa thuận với nhau, rồi cho về nước.

Lời chua - Nguyễn Nhân Chính: Người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì, đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1634) năm Đức Long triều Thần Tông.

Phúc Châu: Nay là tỉnh lỵ Phúc Kiến.

Triệu Khánh: Thuộc tỉnh Quảng Đông.

Trấn Nam Quan: Phía nam giáp tỉnh Lạng Sơn.

Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4.

Cao Bằng: Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ thần đi tuyển lính.

Trước đây sai quan tuyển lính, ghi lấy những người mạnh khỏe để cho sung ngạch, người già yếu thì thải bớt đi. Đến nay, sai sứ thần chia nhau đi các xứ xét duyệt hạng dân đinh khỏe mạnh để bổ sung vào ngạch lính. Lại hạ lệnh: dân gian không ai được mạo xưng là người có chức tước để trốn tránh việc binh lính.

Mậu Tý, năm thứ 6 (1648). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 3 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 5).

¹ Nay là Mục Nam Quan.

Tháng 2, mùa xuân. Người họ Trịnh xâm lấn Quảng Bình. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta phụng mệnh đi đánh, đánh bại được quân họ Trịnh. Tháng 5, mùa hạ, Trịnh Tráng sai tướng là Lê Văn Hiếu chia quân giữ Hà Trung.

Trịnh Tráng sai đô đốc tiến quận công Lê Văn Hiếu đem các quân thủy, quân bộ chia đường vào Nam xâm lấn, đóng đồn ở châu Nam Bố Chính. Trước hết cho quân thủy xâm phạm cửa biển Nhật Lệ, rồi tiến quân xâm phạm dinh Quảng Bình. Viên trấn thủ dinh Quảng Bình là Trương Phúc Phấn cùng với con là Hùng cố giữ lũy Trường Dục, quân Trịnh cố sức đánh, không sao phá được, Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta lúc ấy còn làm thế tử¹, tức phong Dũng Lễ hầu, được lệnh của Thần Tông Hiếu Chiêu hoàng đế ta giao cho đốc suất các tướng đem quân đi đánh. Tiền quân tiến đến xã An Đại, gặp quân Trịnh, liền cấp tốc đánh luôn, phá tan được, thế quân rất phấn chấn. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta đến Quảng Bình, hội hợp các tướng bảo rằng: "Quân họ Trịnh tuy nhiều nhưng người đánh giỏi có ít. Nếu ta nhân lúc ban đêm dùng voi xông vào, tất nhiên bên kia mất hết khí phách mà bỏ chạy tan vỡ, bấy giờ ta đem đại binh tiến đánh, thì đánh một trận cũng có thể bắt được". Bèn sai Triều Phương (không rõ họ) thống lĩnh quân thủy, phục sẵn ở sông Cẩm La: chường cơ Nguyễn Hữu Tiến đem hơn trăm thớt voi khỏe², nhân trống canh năm, xông thẳng vào doanh trại quân Trịnh, rồi các quân tiếp tục tiến theo đánh úp, phá được doanh trại của Trịnh, quân Trịnh thua to, tan vỡ bỏ chạy, gặp quân thủy của ta chặn ngang, quân Trịnh chết đuối không kể xiết được. Quân ta bắt được tướng bên Trịnh là Gia, Lý và Mỹ (đều không rõ họ) cùng 3000 quân chúng nữa làm tù binh. Đại binh ta nhân thế thắng, đuổi quân thua, Lê Văn Hiếu chạy trốn, quân ta đuổi đến bờ sông Gianh thì trở về.

Trịnh Tráng bèn sai Lê Văn Hiếu làm tướng Tả quân, Hồng lô tự khanh Trần Ngọc Hậu làm đốc đồng, thống lĩnh hơn một vạn quân đóng ở Hà Trung; Đông quận công Lê Hữu Đức làm tướng Hữu quân, Lễ khoa cấp sự trung Vũ Lương làm đốc đồng thống lĩnh một ngàn quân đóng ở Hoàn Sơn; thuộc tướng của Tả quân là Phạm Tất Toàn đóng ở châu Bắc Bố Chính. Các tướng kể trên chia quân phòng giữ.

Lời phê - Lúc bấy giờ vua nhà Lê chỉ ngồi ôm lấy cái ngại suông. Ở đây chép là "người họ Trịnh vào xâm lấn" (Trịnh nhân lai xâm), chép như thế đã được đúng sự thật đấy.

Lời chua - Dinh Quảng Bình: Lúc ấy ở xã Vũ Xá thuộc huyện Phong Lộc.

Sông Gianh: Nay ở chỗ tiếp giáp giới hai huyện Bình Chính và Bồ Trạch, thuộc tỉnh Quảng Bình.

Nam Bố Chính: Xem Trần Tông, năm Dương Hòa thứ 9 (Chb. XXXI, 31).

Nhật Lệ: Cửa biển, xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb. X, 39).

An Đại: Tên xã.

Lũy Trường Dục: Ở xã Trường Dục và Cẩm La nay đều thuộc huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình.

Bắc Bố Chính: Xem Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXI, 29).

Hà Trung: Xem Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb. XXXII, 7, Chb. XXI, 24).

Hoàn Sơn: Tên núi, ở huyện Kỳ Anh, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Phúc Phấn: Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyễn Hữu Tiến: Người xã Vân Trai, huyện Ngọc Sơn.

Trần Ngọc Hậu: Người xã Lạc đạo, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

¹ Xem chú thích số 1. Chính biên quyển XXXII, tờ 7 ở dưới.

² Nguyên văn chép "hùng tượng", còn có nghĩa nữa là voi đực.

Vũ Lương: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643) năm Phúc Thái triều Lê Chân Tông.

Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta¹ nổi nghiệp.

Kỷ Sửu, năm thứ 7 (1649). (Từ tháng 10 trở về sau thuộc năm Khánh Đức thứ nhất đời Lê Thần Tông - Minh, năm Vạn Lịch thứ 4 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 6).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua mất.

Nhà vua ở ngôi 7 năm, hưởng thọ 20 tuổi, miếu hiệu Chân Tông.

Tháng 10, mùa đông. Thái thượng hoàng lại lên ngôi vua.

Nhà vua mất, không có con nối ngôi. Trịnh Tráng sai con là Tạc đem các quan văn võ rước Thái Thượng hoàng lại lên ngôi vua, đổi niên hiệu, kể ngay năm ấy là năm Khánh Đức thứ nhất.

Làm lễ táng Chân Tông ở lăng Hoa Phố.

Canh Dần, Thần Tông Uyên hoàng đế năm Khánh Đức thứ 2 (1650). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 5 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tân Mão, năm thứ 3 (1651). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 6 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao chổi xuất hiện ở phương đông).

Tháng 10, mùa đông. Nhà Minh sai sứ sang phong Trịnh Tráng làm phó quốc vương.

Lúc ấy, Quế vương nhà Minh bị quân Thanh uy hiếp, chạy đến Nam Ninh, hạ sắc lệnh dụ bảo Trịnh Tráng cấp cho binh sĩ lương thực để giúp vào việc khôi phục. Đến nay, Quế vương sai quan đem sách thư phong Tráng làm An Nam phó Quốc vương.

Lời phê - Một nước không bao giờ có hai vua. Lúc ấy nhà Minh chỉ còn một tí tro tàn, giờ trò ăn xin để làm vui lòng người khác, tiện việc cho mình, mà không biết rằng như thế là hết sức giúp chúa Kiệt² làm điều dữ. Đáng khinh bỉ!

Lời chua - Nam Ninh: Đại Thanh nhất thống chỉ chép; phủ Nam Ninh thuộc tỉnh Quảng Tây.

Nhân Thìn, năm thứ 4 (1652). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 7. Thanh, năm Thuận Trị thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Hoạn quan Hoàng Nhân Dũng mưu nổi loạn, bị giết chết.

Vì thân phận là hoạn quan, Nhân Dũng được Trịnh Tráng tin yêu, làm quan giữ chức ti lễ giám, thiếu bảo, tước quận công, lại được Trịnh Tráng cho đổi là họ Trịnh, lấy tên là Trịnh Lãm. Nhân Dũng ngày càng kiêu ngạo càng rõ, ngầm cùng gia thuộc là Trần Nhân Liễn vụng trộm nuôi người có tà thuật, mưu nổi loạn. Việc ấy bị phát giác, bọn Nhân Dũng và Nhân Liễn đều bị giết.

Tháng 8, mùa thu. Trịnh Tráng gia phong cho con là Tạc làm nguyên soái, giữ chính quyền trong nước, tước Tây Định vương.

Việc này là theo lời xin của bầy tôi trong triều.

Lời phê - Lúc bấy giờ người làm tôi ai cũng chỉ biết có họ Trịnh, mà không biết có nhà Lê. Như thế, còn có thể coi họ là người làm tôi được nữa không?

¹ Tên là Phúc Tân, cũng gọi là chúa Hiền, con thứ hai của Phúc Lan.

² Tên một vua cuối cùng đời nhà Hạ ở Trung Quốc. Kiệt nổi tiếng là một ông vua bạo ngược trong các hàng vua bạo ngược. Nguyên văn chép "trợ Kiệt vì ngược" Ý nói Kiệt đã bạo ngược mà còn có người giúp hắn làm việc bạo ngược thêm.

Quý Ty, năm Thịnh Đức thứ nhất (1653). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 8 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 10).

Tháng 2, mùa xuân. Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Đại xá.

Đại xá cho trong nước và đổi niên hiệu, kể từ năm ấy là năm Thịnh Đức thứ nhất.

Giáp Ngọ, năm thứ 2 (1654). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 9 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 11).

Ất Mùi, năm thứ 3 (1655). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 10 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 12).

Tháng 2, mùa xuân. Quân của họ Trịnh xâm lấn châu Nam Bỗ Chính.

Tháng 4, mùa hạ. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta hạ lệnh cho bọn Thuận Nghĩa hầu Nguyễn Hữu Tiến và Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật đem quân đánh châu Bắc Bỗ Chính, đánh phá được quân họ Trịnh. Phạm Tất Toàn đem cả châu xin hàng. Bọn Tiến và Dật bèn tiến quân đánh doanh trại Hà Trung, tướng bên Trịnh là Lê Văn Hiếu và Lê Hữu Đức thua trận bỏ chạy.

Lê Văn Hiếu, tướng họ Trịnh, thường sai người tướng thuộc hạ là Phạm Tất Toàn cho quân sang qua sông Gianh, lấn cướp châu Nam Bỗ Chính. Nguyễn Hữu Dật đi tuần hành biên giới, đến dinh Bỗ Chính, đem sự trạng ấy trình bày. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta bèn hạ lệnh cho bọn Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật đem các quân qua sông Gianh đánh úp, phá tan được. Tất Toàn đem châu Bỗ Chính đầu hàng. Bọn Tiến và Dật bèn dẫn quân xông thẳng đến Hoàn Sơn, gặp cánh quân của Hữu Đức, lại đánh đuổi được; nhân thế thẳng, tiến quân đánh doanh trại Hà Trung. Văn Hiếu đốc quân sĩ cố đánh, nhưng không địch được, bèn cùng bọn Hữu Đức chạy về An Trường, Hữu Tiến tiến quân đánh Thạch Hà; Đặng Minh Tắc, tham đốc bên Trịnh, đến cửa quân đầu hàng. Bọn Văn Hiếu và Hữu Đức lại tiến quân đóng ở Đại Nại, chia quân ra chống cự phòng thủ.

Lời chua - Hà Trung: Xem Lê Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb. XXXI, 24).

Hoàn Sơn và sông Gianh: Đều xem Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXII, 6, 7).

Bắc Bỗ Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXXI, 29).

Nam Bỗ Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Dương Hòa thứ 9 (Chb. XXXI, 31, 32).

An Trường: Nay là tỉnh lỵ Nghệ An, ở địa phận huyện Chân Lộc¹.

Thạch Hà: Tên huyện, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Đại Nại: Tên xã, ở huyện Thạch Hà.

Tháng 6, mùa hạ. Trịnh Tráng sai Trịnh Tráng giữ chức thống lĩnh đi kinh lý xứ Nghệ An. Tháng 8, mùa thu. Quân của Trịnh Trượng đóng ở Lạc Xuyên, đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến, Trịnh Trượng bị thua đau, chạy về An Trường.

Vì việc bị thua ở Hà Trung, Tráng cho triệu Lê Văn Hiếu và Lê Hữu Đức về triều. Văn Hiếu bị đạn lạc trúng vào chân, nên chết ở dọc đường. Tráng cho truy thu lấy cáo sắc của Văn Hiếu, rồi giáng chức Hữu Đức làm đô đốc thêm sự, Trần Ngọc Hậu làm Thượng bảo tự khanh, Vũ Lương làm Công Khoa cấp tự trung, còn các tướng thuộc hạ là bọn Lê [Thì] Hiến, Trịnh Bính đều bị bãi chức.

Tráng bèn sai thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng giữ chức thống lĩnh, Lại bộ tả thị lang Nguyễn Văn Trạc làm đốc thị, Lại khoa cấp tự trung Nguyễn Tính làm phó đốc thị, thống suất 18 viên tướng, đốc suất các binh sĩ đi kinh lý xứ Nghệ An. Tháng 8, bọn Trịnh Trượng tiến đến Kỳ Hoa, chia quân

¹ Nay là huyện Nghi Lộc (Nghệ An).

ra đóng đồn phòng thủ. Lũng quận công Vũ Văn Thiêm thống suất 50 chiếc thuyền chiến đóng ở cửa biển Kỳ La để chống cự với quân ta. Bọn Nguyễn Hữu Tiến hay tin này, rút quân về sông Gianh. Trịnh Trạng đến Hà Trung, nghi ngờ không dám tiến quân, rồi triệu các tướng lại hỏi mưu kế. Nguyễn Văn Trạc nói: "Bọn Hữu Tiến, Hữu Dật từ khi qua sông sang mặt Bắc đến nay, nhân thế thắng, đánh rộng ra, khí thế sắc bén càng thêm mạnh mẽ; nay không vì cơ gì mà rút quân về, đây là họ dụ ta đấy. Bây giờ không có gì hơn là đem quân đóng ở Lạc Xuyên, quân thủy, quân bộ liên tiếp với nhau, rồi theo thời cơ mà thay đổi cách đối phó. Đây là binh pháp". Trạng theo kế của Trạc, lui quân đóng ở Lạc Xuyên, rồi sai 500 quân tuần tiễu đóng ở Hà Trung.

Hữu Tiến hạ lệnh cho các quân chia ra các đạo cùng tiến, khi gặp quân tuần tiễu bên Trịnh, đánh đuổi được bọn này, rồi tiến thẳng đến Lạc Xuyên. Quân bên Trịnh bị thua. Hữu Dật đem quân thủy đánh cửa biển Kỳ La. Vũ Văn Thiêm phải lui về cửa biển Đan Nhai. Hữu Dật bèn tiến vào cửa biển Nam Giới. Bọn Nguyễn Hữu Sắc và Lê Sĩ Hậu nghe biết phong thanh đều chạy trốn. Bọn Hữu Tiến nhân đà thế thắng, tiến đến Bân Xá. Do đấy, 7 huyện ở phía nam sông Lam (Hà Nam) đều phụ thuộc về với ta, cũng do đấy mà nhân dân ở phía bắc sông Lam (Hà Bắc) sợ hãi nôn nao. Trịnh Trạng cùng các tướng chạy về An Trường, chia quân ra phòng thủ. Bọn Hữu Tiến rút quân về đóng ở Lạc Xuyên.

Lời chua - Lê [Thì] Hiến: Người xã Phú Hào, huyện Lôì Dương.

Nguyễn Văn Trạc: Người xã Mai Dịch, huyện Từ Liêm, đỗ đồng tiến sĩ khoa Tân Mùi (1631) năm Đức Long thứ 3 triều Lê Thần Tông¹.

Nguyễn Tính: Người xã Huê Cầu, huyện Văn Giang, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa thứ 6 triều Lê Thần Tông.

Cửa biển Kỳ La: Nay thuộc huyện Kỳ Anh.

Cửa biển Đan Nhai: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ nhất² (Chb. XII, 20).

Cửa biển Nam Giới: Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 10 (Chb. I, 12).

Bân Xá: Tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc.

Hà Nam, Hà Bắc: Ở phía nam sông Lam thuộc Nghệ An, gọi là Hà Nam, ở phía bắc sông Lam gọi là Hà Bắc.

Bảy huyện: Kỳ Hoa, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Sơn, và Thanh Chương.

Tháng 9. Trịnh Tráng sai con là Tạc làm Thống lãnh, tiến quân vào Nghệ An, sau lại triệu về và sai bọn Đào Quang Nhiêu, Vũ Văn Thiêm đem quân trấn giữ.

Vì bị thua ở Lạc Xuyên, Trịnh Tráng giáng chức Trịnh Trạng làm đô đốc đồng tri, còn bọn Nguyễn Hữu Sắc đều bị bãi chức. Rồi sai Tạc giữ chức thống lãnh; tả đô đốc Dương quận công Đào Quang Nhiêu làm đốc suất; bồi tụng, Hộ khoa cấp sự trung Phan Hưng Tạo làm đốc thị, đem các quân tiến vào Nghệ An, đóng ở An Trường. Lại sai tả đô đốc Lũng quận công và Vũ Văn Thiêm giữ chức đốc suất quân thủy, Lại bộ hữu thị lang Dương Hổ làm đốc thị, tiến quân đến Kỳ Hoa, để chống cự với quân ta.

Bọn Nguyễn Hữu Tiến được tin, rút quân về đóng giữ ở Hà Trung.

Được ít lâu, vì trong nước xảy ra nhiều việc, Tráng cho triệu Trịnh Tạc về, để Đào Quang Nhiêu ở lại giữ Nghệ An, thống lãnh các tướng đóng ở An Trường; lại sai Thân Văn Quang và Mẫn Quang Liên đóng ở Tiếp Vũ, Lại Thế Thời [Thì] đóng ở Minh Lương, Hăng Khê đóng ở Bình Lăng, Vũ Văn Thiêm

¹ Lê Kính Tông làm vua từ Canh Tý đến Kỷ Mùi (1600-1619) không có năm Tân Mùi và cũng không có niên hiệu Long Đức. Nguyên văn chép "khoa Tân Mùi năm Long Đức thứ 3 đời Kính Tông" là lầm, năm này chính là năm Đức Long thứ 3 đời Lê Thần Tông.

² Địa danh này, ở đây chép "Đan Nhai" ở quyển XII, tờ 20 chép "Đan Nhai".

thống lĩnh quân thủy đóng ở sông Khu Độc. Các tướng đều phòng giữ chiếu theo cảnh giới mà mình đóng quân.

Lời chua - Tiếp Vũ, Minh Lương, Bình Lăng: Đều tân xã, thuộc huyện Thiên Lộc, tỉnh Nghệ An¹.

Sông Khu Độc: Thuộc xã Tam Đăng, huyện Nghi Xuân².

Đào Quang Nhiêu: Người xã Tuyền Cam, huyện Thanh Oai.

Phan Hưng Tạo: Người xã Bình Lăng, huyện Thiên Lộc, đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1650) năm Khánh Đức triều Lê Thần Tông.

Hằng Khê: Không rõ tiểu sử thế nào.

Bính Thân, năm thứ 4 (1656) (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 11 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 13).

Tháng 12, mùa xuân. Vũ Văn Thiêm, Đào Văn Nhiêu đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến ở Mẫn Tường và Bình Lăng. Quân bên Trịnh bị thua to. Trịnh Tráng sai con là Tuyền làm thống lĩnh, trấn giữ Nghệ An.

Bọn Hữu Tiến đem quân đánh úp Tiếp Vũ, bọn Thân Văn Quan và Mẫn Văn Liên bị thua, phải chạy, Hữu Tiến nhân thế thắng, tiến quân đến Tam Chế. Nguyễn Hữu Dật tiến quân đến Hồng Lĩnh, gặp quân tuần tiễu của bên Trịnh, bọn Hữu Tiến đánh phá được toán quân này, bèn tiến quân đến Mẫn Tường. Văn Thiêm đem quân thủy lên bờ sông³, Diên Lược (sót họ), quân tiên phong [của ta] đánh luôn, Văn Thiêm lui quân giữ ở Đăng Để. Hữu Dật thúc quân đánh xông vào, bắn chết được tướng của Văn Thiêm là Tường Trung (sót họ), Văn Thiêm thua chạy. Hữu Tiến đem quân chính đạo tiến đến Minh Lương, Tống Hữu Đại đem quân thượng đạo tiến đến núi Bình Lăng, Quang Nhiêu chia quân ra chống cự, bị thua to, Quang Nhiêu bỏ doanh trại, lui về An Trường. Nguyễn Hữu Tiến bèn thu quân đóng ở Vân Cát.

Quang Nhiêu dâng biểu về triều nhận tội và xin quân cứu viện, Trịnh Tráng họp các tướng lại hỏi rằng: "Nay muốn tìm người để phó thác cho việc giữ cửa ngõ nơi phiên trấn, ai có thể đương nổi việc ấy?". Các tướng đều nói: "Thiếu bảo Ninh quận công Trịnh Tuyền đủ cả trí mưu và dũng cảm, có thể giao phó giữ binh quyền. Nếu bằng người khác hay không phải là một viên tướng trong thân thuộc thì không thể dùng được". Tráng nghe theo, bèn sai Tuyền thống lĩnh các tướng, trấn giữ Nghệ An, Quang Nhiêu và Văn Thiêm đều thuộc dưới quyền của Tuyền.

Lời chua - Trịnh Tuyền: Con út Trịnh Tráng.

Tống Hữu Đại: Người xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Vân Cát: Tên xã, thuộc huyện Thạch Hà.⁴

Hồng Lĩnh: Tên núi, ở địa phận hai huyện Nghi Xuân và Thiên Lộc tiếp giáp nhau.

Mẫn Tường: Tên đất.

Đăng Đê: Tên xã, cả hai đều thuộc huyện Nghi Xuân.

Tháng 5, mùa hạ. Dương Trí đánh bại được quân họ Trịnh ở cửa biển Nam Giới. Trịnh Tuyền dẫn quân đánh nhau với Tống Phúc Khang ở Đại Nại. Nguyễn Hữu Tiến chia quân ra các đạo đón đánh, phá tan được quân họ Trịnh. Tuyền chạy về An Trường.

¹ Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

² Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

³ Lúc ấy quân của Văn Thiêm đóng ở sông Khu Độc.

⁴ Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi Trịnh Tuyền đã đến quân thứ, đốc suất các quân tiến đến Thạch Hà, phân phối sai bọn Đào Quang Nhiêu và Dương Hồ quản lĩnh quân bộ đóng ở Hương Bộc và Đại Nại, bọn Xuân quận công Lê Sĩ Hậu và Bùi Sĩ Lương quản lĩnh quân thủy đóng ở cửa biển Nam Giới, Vũ Văn Thiêm làm đốc suất đóng ở Đan Nhai.

Nguyễn Hữu Tiến họp các tướng ở Na Khố, sai Dương Trí và Nguyễn Văn Kiêu quản lĩnh quân thủy, bọn Tống Phúc Khang và Phù Dương (sót họ) quản lĩnh quân bộ, chia đường tiến đánh.

Dương Trí tiến đánh ở cửa biển Nam Giới, Hữu Dật đốc suất quân bộ đánh tiếp, bắt được Xuân quận công và 30 chiếc thuyền chiến. Bọn Sĩ Hậu và Sĩ Lương đều thua chạy. Dương Trí bèn tiến quân đến sông Lam, phó tướng Văn Kiêu đem quân thủy thẳng đến Đan Nhai, lại đánh phá tan được quân thủy của họ Trịnh. Văn Thiêm bỏ thuyền chạy. Trịnh Tuyền hay tin, cả sợ, lui quân đóng ở Hoạt Độ¹. Gặp lúc ấy bọn Phúc Khang và Phù Dương dẫn quân bộ bất thành lính kéo đến Hương Bộc bao vây toán quân của Đào Quang Nhiêu, Trịnh Tuyền đốc thúc các quân đến cứu viện, Dương Hồ chỉ huy quân tiến lên phía trước. Quang Nhiêu có được quân cứu viện, bèn mở cửa thành ra đón đánh, hai cánh quân đánh khé quân của Phúc Khang ở Đại Nại. Quân của bọn Phúc Khang bị thua, lui về Hà Trung, bọn Trịnh Tuyền và Quang Nhiêu đốc suất các quân đuổi đến Tam Lộng. Hữu Tiến hay tin, bèn phân phối sai quân thủy dàn trận ở các bến đò thuộc phố Phù Thạch và xã Triều Khẩu, xã Việt Yên, lại sai Hoảng Tín (sót họ) quản lĩnh chiến thuyền phục sẵn ở xã Nam Ngạn để ngăn đường về của quân Trịnh.

Trịnh Tuyền dẫn quân về, sai tướng là Tào Nham và Diễn Thọ (đều sót họ) tiến quân đến Nam Ngạn đánh nhau với bọn Hữu Dật, bị thua to, chết ở mặt trận. Khi quân của Tuyền đi quan Bình Hồ, Hoảng Tín đuổi đánh, quân họ Trịnh bị chết rất nhiều. Tuyền chạy về An Trường.

Lời chua - Hương Bộc, Đại Nại: Tên 2 xã, nay thuộc huyện Thạch Hà.

Na Khố: Nay là thôn Na Kênh, thuộc huyện Cẩm Xuyên².

Hoạt Độ: Tên là bến đò, nay không rõ ở đâu.

Sông Lam: Nay là tỉnh Nghệ An, nước sông này đổ ra cửa biển Đan Nhai.

Tam Lộng: Tên xã, nay thuộc huyện Cẩm Xuyên.

Triều Khẩu: Tên xã, nay thuộc huyện Hưng Nguyên³.

Phù Thạch: Tên phố.

Việt Yên, Nam Ngạn, Bình Hồ (Bình Hồ nay đổi là Yên Hồ): 3 xã này đều thuộc huyện La Sơn⁴.

Sông Minh Lương: Ở xã Minh Lương, thuộc huyện Thiên Lộc.

Tống Phúc Khang: Người xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đinh Dậu, năm thứ 5 (1657). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 12. Thanh, năm Thuận Trị thứ 14).

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Tráng mất.

Truy phong Nghị vương, đặt tên thụy là Long Tự, con là Tạc được lập phong tước.

Trịnh Tạc bắt em là Tuyên giam vào ngục, sai con của hắn là Căn giữ chức thống lãnh, để trấn thủ võ yên nhân dân Nghệ An.

¹ Đạn Nam thực lục tục biên chép: Diêm Độ.

² Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

³ Nay thuộc tỉnh Nghệ An.

⁴ Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Trước đây, thái úy Ninh quốc công Trịnh Tuyền ở Nghệ An vỗ về tướng sĩ một cách tử tế, nên đều được tướng sĩ vui lòng. Vì thế Trịnh Tạc đem lòng ngờ vực ghen ghét. Tạc bèn sai con mình là thái bảo Phú quốc công Trịnh Căn đem các tướng vào Nghệ An, hiệp đồng với Trịnh Tuyền trông nom việc quân, làm như thế là để chia xẻ bớt quyền của Tuyền. Tạc lại sai con thứ là Thái bảo Thọ quận công Trịnh Lệ, thiếu phó Vũ quận công Trịnh Đống làm đốc suất, Thái bộc tự khanh Phan Hưng Tạo, Lễ khoa cấp sự trung Trần Văn Tuyển, Hộ khoa cấp sự trung Phùng Viết Thu làm đốc thị, đều đem quân thuộc quyền mình để tiếp ứng. Các quân đều tiến qua phía nam sông Lam. Trịnh Tuyền đóng đồn ở Quảng Khuyển, Trịnh Căn đóng đồn ở Bạt Trạc đều bắt quân đào hào đắp lũy, chia nhau phòng giữ nơi hiểm yếu. Trịnh Tuyền trong bụng băn khoăn, bèn dẫn quân về An Trường. Trịnh Căn cũng đem quân về Phù Long để rình mò nghe ngóng sự động tĩnh của Tuyền.

Tạc sai người trách Tuyền về tội nghe tin bố chết không về chịu tang, rồi cho triệu về kinh. Bọn Trịnh Bàng, Trương Đắc Danh, những người dưới quyền chỉ huy của Tuyền, sợ vạ lây đến mình, đều đến cửa quân Hữu Tiến xin hàng. Tuyền sợ, bèn đem binh mã của bộ phận mình nộp cho Căn. Căn nói: "Việc đã đến thế, thì bây giờ nên về khuyết đình chầu chực mệnh lệnh". Tuyền về kinh, thì sau đó bị thêu dệt thành tội mưu làm việc bạn nghịch, rồi giam vào ngục, Tuyền bị chết. Tạc bèn cho Căn thay Tuyền thống lĩnh quân sĩ để trấn thủ vỗ về dân Nghệ An; lại cho Hoàng Nghĩa Giao làm đô đốc đồng tri, Phan Kiêm Toàn làm đốc thị.

Lời chua - Phùng Viết Tu: Người xã Đình Hàn, huyện Gia Lâm¹, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652) năm Khánh Đức thứ 4 triều Lê Thần Tông.

Phan Kiêm Toàn: Người xã Địa Linh², huyện Thụy Nguyên, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643) năm Phúc Thái thứ nhất triều Lê Chân Tông.

Hoàng Nghĩa Giao: Người xã Hoàng Văn³, huyện Kim Động.

Quảng Khuyển, Bạt Trạc: Tên 2 xã, nay đều thuộc huyện Thiên Lộc⁴.

Phù Long: Tên xã, nay thuộc huyện Hưng Yên.

Tháng 6. Trịnh Căn sai các tướng đánh nhau với quân của Tổng Hữu Đại ở Nam Hoa. Quân Trịnh thua chạy, đóng ở An Trường.

Trịnh Căn sai: Lê [Thì] Hiến làm tướng Trung quân, Hoàng Nghĩa Giao làm tướng Tả quân, Trịnh Thế Công làm tướng Hữu quân, chia làm 3 đạo, qua đò sông Lam, tiến đến xã Nam Hoa, đánh úp toán quân Tổng Hữu Đại. Gặp lúc ấy, Phan Lân (sót họ), người xã Phúc Châu, đầu hàng với Hữu Tiến, hẳn nói hết tình hình quân lính của bên Trịnh cho Hữu Tiến biết. Hữu Tiến bèn sai Hữu Đại dàn trận để đợi, lại sai Phù Dương (sót họ) dẫn quân phục sẵn ở núi đất phía tây xã Nam Hoa. Khi quân bên Trịnh qua sông Lam, lên bờ, chưa đi được vài dặm thì gặp toán quân của Hữu Đại, hai bên đánh nhau. Hữu Đại giả vờ thua chạy, bọn Lê [Thì] Hiến đuổi theo, lúc đuổi đến núi đất phía tây, thì quân mai phục của Phù Dương thành linh nổi dậy. Rồi Hữu Đại quay quân trở lại, hai toán quân hợp sức đánh mạnh, quân bên Trịnh phải chạy tan vỡ, quân ta đuổi đến trên sông. Trịnh Căn tự đem đại binh đến cứu viện: Đặng Thế Công đốc suất cánh hữu quân đón đánh, Lê Sĩ Hậu cũng đốc suất quân thủy tiếp ứng. Vì thế, quân của Hữu Đại phải hơi lui một chút. Quân bên Trịnh bèn lui về An Trường.

Lời chua - Nam Hoa: Tên xã, nay đổi là Nam Kim, thuộc huyện Thanh Chương⁵.

Phúc Châu: Tên xã, nay đổi là Lộc Châu, thuộc huyện Nghi Xuân⁶.

¹ Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

² Nay thuộc xã Thiệu Tâm, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

³ Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

⁴ Nay là Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

⁵ Nghệ An.

⁶ Hà Tĩnh.

Tháng 9, mùa thu. Mưa to. gió lớn.

Lúa ở các huyện Thanh Hoa và Sơn Nam bị đổ hết.

Lời chua - Thanh Hoa, Sơn Nam: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 18, 20, 21, 25, 27, 33, 34).

Tạc gia phong cho con là Căn làm thái phó.

Mậu Tuất, năm Vĩnh Thọ thứ nhất (1658). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 13 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Đại xá cho trong nước.

Đổi niên hiệu, kể từ năm ấy là Vĩnh Thọ thứ nhất. Đại xá cho trong nước.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ chiếu cho trong nước, ai được thóc sẽ được bổ làm quan.

Lúc ấy, dùng quân đánh dẹp lâu ngày, tiêu pha hao phí. Triều đình bèn hạ lệnh cho trong nước: ai nộp thóc, sẽ tùy theo số thóc nhiều hay ít mà cất nhắc làm quan cao hay thấp khác nhau.

Tháng 12, mùa đông. Bọn Đào Quang Nhiêu, tướng bên Trịnh đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến ở xã Tuần Lễ.

Trước đây. Hữu Tiến thống suất các quân chia ra đóng ở bờ phía nam sông Lam, đến chống nhau với quân Trịnh. Hữu Tiến sai quân qua sông, đánh vào Mỹ Dạ; Nguyễn Hữu Tá, viên tướng giữ đồn của họ Trịnh, bị thua chạy. Lê [Thì] Hiến tử An Trường dẫn quân đến cứu viện. Quân ta lui về đóng ở bờ phía nam, rồi lại qua sông tiến đến xã Bạch Đường, đánh nhau với Quang Nhiêu, nhưng không thắng lợi, phải dẫn quân về, chia quân ra để phòng thủ. Đến nay, Trịnh Căn sai bọn Đào Quang Nhiêu và Đặng Thế Công chia đường sang qua sông đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến ở Tuần Lễ, quân ta không thắng lợi.

[Sau trận này], Trịnh Tạc xét công lao người đánh thắng trận, bổ Quang Nhiêu làm phó tướng thiếu úy, mở doanh trại, lấy hiệu là Tả khuông quân, còn các tướng khác đều được thăng chức có người cao thấp khác nhau. Duy có đô đốc Thế công vì chần chừ ở lại sau, không biết cứu ứng đánh tiếp, nên phải giáng chức làm đô đốc thêm sự.

Lời chua - Mỹ Dạ: Tên xã, ở huyện Hưng Nguyên¹.

Bạch Đường: Tên xã, nay ở huyện Hương Sơn².

Các địa danh trên đều thuộc tỉnh Nghệ An.

Kỷ Hợi, năm thứ 2 (1659). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 14 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 16).

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Tạc tự tiến phong làm thượng sư Tây Vương.

Tạc giả thác mệnh lệnh nhà vua sai Công Bộ thượng thư Nguyễn Hậu cầm cờ tiết mao mang sách thư vàng đến phủ chúa tiến phong.

Tháng 10, mùa đông. Bắt đầu thi Đông Các.

Hồi đầu năm Hồng Đức, định phép thi Đông Các.

[Người được dự thi]: Bầy tôi trong triều từ thứ phẩm trở xuống đều được dự thi.

[Đầu bài thi]: Làm một bài thơ theo luật ngũ ngôn (mỗi câu 5 chữ) 30 vần hoặc 25 vần; bài ký, bài luận, mỗi thể đều một bài, hoặc bài ca, bài tụng, bài phú, bài châm mỗi thể đều một bài.

¹ Nghệ An.

² Nay là huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

[Quyền lợi người trúng tuyển]: Người trúng tuyển chia làm 3 bậc, về phần được vua thưởng, ban cho, gia âm và thông tư, cũng như người đỗ tam khôi, người đỗ bậc nhất được cất lên chức đại học sĩ, bậc nhì được cất lên chức học sĩ, bậc 3 được cất lên chức hiệu thư. Phép thi tuy đã định, nhưng chưa kịp cử hành.

Đến nay, nhà vua bèn triệu bầy tôi có văn học vào Đông các, thân hành ra bài thi, lấy Nguyễn Đăng Cảo đỗ bậc nhất, Hồ Sĩ Dương và Nguyễn Chiêm đỗ bậc nhì, Phạm Duy Chất và Bùi Đình Viên đỗ bậc ba. Những người trúng tuyển đều được cất nhắc giữ các chức: Đông các đại học sĩ, Đông các học sĩ và Đông các hiệu thư.

Lời chua - Nguyễn Đăng Cảo: Người xã Hoài Bảo, huyện Tiên Du, đỗ tiến sĩ cập đệ tam danh¹ khoa Bính Tuất (1646) năm Phúc Thái thứ 4 triều Lê Chân Tông.

Hồ Sĩ Dương: Người xã Hoàng Hậu, huyện Quỳnh Lưu, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652) năm Khánh Đức thứ 4 triều Lê Thần Tông.

Phạm Duy Chất: Người xã Ngọ Trạng, huyện Thiên Bản, đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ thứ 2 triều Lê Thần Tông.

Canh Tý, năm thứ 3 (1660). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 15 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 17).

Tháng 5, mùa hạ. Làm sổ hộ.

Hạ lệnh cho các xã trưởng khai hết các hạng dân đinh trong xã, từ 10 tuổi trở lên, tính từng hộ làm suất sổ.

Tháng 8, mùa thu. Trịnh sai tướng qua sông đánh nhau với quân Nguyễn Hữu Dật ở Lăng Khê. Tướng bên Trịnh bị thua, bỏ chạy.

Trước đây, tướng họ Trịnh là Văn Khả (sót họ) giữ lũy Đồng Hôn, bị quân Hữu Dật đánh bại. Trịnh Căn sai tướng khác là Miện (sót họ) thay Văn Khả cầm quân phòng thủ. Đến nay, Hữu Tiến đem đại binh qua sông Lam đánh tướng họ Trịnh là Lan (sót họ) ở Do Nha, Lan lui quân giữ lũy Hồng Hôn. Hữu Dật tiến quân đánh mạnh; Lan thua chạy, viên tướng phòng giữ là Miện dẫn quân quanh đặng sau núi đánh tiếp. Hữu Tiến đem đại binh tiếp đến, Miện không dám chống cự, chạy về An Trường. Hữu Tiến lui về bờ phía nam sông Lam, chia quân đóng đồn phòng giữ.

Đồn lũy Đồng Hôn bị thất thủ. Trịnh Căn lấy làm hổ thẹn muốn báo thù lại, bèn làm cầu phao để qua sông, sai đô đốc Diệu (sót họ) cầm quân, kéo qua sông Khu Độc và núi Hoàng Lĩnh, tham đốc Hăng (sót họ) quản lĩnh quân thủy, theo sông Lăng Khê đánh úp toán quân của Hữu Tiến. Hữu Dật biết được mưu ấy, bèn sai tì tướng Trương Văn Vân đem quân mai phục ở Hoàng Lĩnh, Tô Triều và Tú Minh (sót họ) đóng ở Hoàng Càng để rình đợi quân địch. Diệu dẫn quân đến Hoàng Lĩnh, quân mai phục bỗng nổi dậy, quân bên Trịnh sợ hãi tan vỡ, chết hại rất nhiều. Toán thủy quân của Hăng kéo ra Lăng Khê, bọn Tô Triều tung quân ra bắn lại, Hăng bị thua to, bỏ thuyền, chạy về An Trường.

Lời chua - Lăng Khê, Do Nha: Tên hai xã, đều thuộc huyện Nghi Xuân.

Đồng Hôn: Tên đất, thuộc huyện Hưng Nguyên.

Tháng 9. Nguyễn Hữu Tiến dẫn quân đóng ở Nghi Xuân.

Quân bên Trịnh và quân ta đóng đồn đối diện ở hai bên bờ sông cầm cự với nhau. Bọn Hữu Tiến tiến quân qua sông, lại đánh vào Mỹ Du, Trịnh Kiểm bị thua chạy, Trịnh Đường đánh nhau bị chết. Bọn Hoàng Nghĩa Giao dẫn quân đánh tiếp, quân ta phải hơi lui một chút, bèn lui quân giữ mặt nam sông Lam, đóng ở Hoa Viên.

Trịnh Căn họp các tướng hỏi mưu kế. Trần Công Bách nói: "Lận Sơn là chỗ tất phải tranh cho bằng được, trước hết chiếm được Lận Sơn, thì dễ giữ được phần thắng lợi". Căn nói: "Tôi thường lên núi

¹ Tức Thám Hoa.

Dũng Quyết, nhìn nhận kỹ hình thế, vẫn lưu tâm chỗ ấy; nay lời nói của ông, chính hợp ý tôi". Nhân đấy Bách xin làm tiên phong Căn y cho, bèn chia quân làm hai đạo: một đạo sai Hoàng Nghĩa Giao và Phan Kim Toàn do đường Âm Công, qua sông để tiến quân. một đạo sai Lê [Thì] Hiến qua cửa biển Hội Thống do đường làng Tả Ao để tiến quân, đều hẹn nửa đêm xuất phát. Tờ mờ sáng hôm sau, Căn tự đem đại binh lên núi Dũng Quyết xem xét việc chiến đấu. Bọn Nghĩa Giao qua sông, tiến thẳng đến núi An Lạc; Trần Công Bách đi sâu vào để chiếm cứ Lận Sơn, gặp quân mai phục của Hữu Dật đánh bất thành linh. Công Bách cùng Đình Đức Nhuận cố sức đánh đều bị chết. Bọn Lê Văn Hi và Lưu Thế Canh nghe được phong thanh, rút lui bỏ chạy. Quân ta bốn mặt bao vây, thanh thế rất lừng lẫy. Căn sai bọn Trần Tiến Triều và Ngô Đình Xuân đều đem quân của mình quản lĩnh đến cứu viện, lại sai quân thủy tiến đến bờ sông để bắn. Toán quân của Hữu Tiến phải hơi lụi một chút. Bọn Lê [Thì] Hiến và Mẫn Văn Liên dẫn quân đến Tả Ao bị quân ta đánh gấp, bọn này phải thua, Văn Liên chết tại trận. Lê [Thì] Hiến lại đốc thúc quân cố đánh, tiến nhanh đến Hoa Viên. Quân ta không được thắng lợi, bèn đóng ở Nghi Xuân.

Lời chua - Nghi Xuân: Tên huyện.

Hoa Viên: Tên xã, nay là Xuân Viên¹.

Lận Sơn: Ở huyện Nghi Xuân.

Núi Dũng Quyết: Ở xã Dũng Quyết, huyện Chân Lộc².

Âm Công: Tên xã, ở huyện Hưng Nguyên.

Cửa biển Hội Thống: Ở xã Hội Thống.

Tả Ao³: Tên xã.

Núi An Lạc: Ở xã An Lạc.

Hội Thống, Tả Aovà An Lạc đều thuộc huyện Nghi Xuân.

Trịnh Khiêm, Trịnh Đường: Đều con thứ Trịnh Tráng.

Trần Công Bách: Người xã Thiêm Lộc, huyện Ý Yên⁴.

Tháng 11, mùa đông. Nguyễn Hữu Tiến dẫn quân về Nhật Lệ.

Trước đây, quân ta nhân thế thắng, đánh phá quân họ Trịnh, Thái Tông Hiếu Triệt hoàng đế ta thân hành đem đại binh tiếp ứng, đóng hành doanh ở Phù Lộ. Nguyễn Hữu Dật từ nơi quân thứ đến yết kiến, Vương thượng hỏi về việc binh, Hữu Dật đem hết tình trạng trình bày, Vương thượng mừng lắm, đem vàng tốt và gươm quý ban cho Hữu Dật, rồi lại sai về nơi quân thứ. Hữu Tiến đem lòng ghen ghét Hữu Dật. Đến nay, đại binh của Hữu Tiến đóng ở Nghi Xuân, Hữu Dật chia quân ra đóng ở Khu Độc. Nhân lúc ấy quân sĩ đóng giữ đã lâu, nhớ nhà muốn trở về, mà những quân sĩ ở Nghệ An mới ra hàng cũng nhiều người bỏ trốn, Hữu Tiến họp các tướng hỏi mưu kế. Họ đều nói: "Nay sĩ tốt ra hàng đều hài lòng, mà thế lực của họ Trịnh đương vững vàng, không chi bằng rút quân về, đợi sau này sẽ lại toan tính công việc". Chỉ có một mình Hữu Dật háng hái muốn tiến quân, các tướng đều không đồng ý. Gặp lúc ấy, Trịnh Căn sai Lê [Thì] Hiến, Lê Sĩ Triệt, theo bờ biển, tiến quân qua xã Cương Giản, Hoàng Nghĩa Giao, Nguyễn Năng Thiệu, theo đường bộ tiến quân qua xã Lũng Trâu và Mạn Trường. Quân ta nhiều lần đánh nhau với quân Trịnh ở quãng hai xã An Điền và Phù Lưu, không được thắng lợi.

Bấy giờ Hữu Tiến bèn quả quyết đặt kế hoạch rút quân về. Bề ngoài thì hạ lệnh rõ cho các tướng đều đem quân thủy, quân bộ chia đường cùng tiến quân, lại báo cho Hữu Dật đem quân theo sau để tiếp ứng, hẹn đêm ngày 28, cùng một lúc tiến đến An Trường, xông thẳng vào doanh trại bên Trịnh trước hết chiếm lấy các huyện ở mặt bắc sông Lam rồi sau sẽ bàn việc tiến đánh; một mặt khác hẳn dặn riêng các

¹ Nay là xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

² Nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

³ Nay thuộc xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

⁴ Nam Định.

tướng ai nấy đều đem quân thuộc quyền cai quản của mình rút về Nam Bố Chính, chỉ không bảo cho Hữu Dật biết mà thôi. Bởi thế, các tướng nhân đêm lặng lẽ rút lui. Về phần Hữu Dật, hẳn chinh bị quân lính sẵn sàng ngồi đợi, không thấy có tin tức động tĩnh gì. Kịp lúc dò thám biết được binh tình, thì quân bên Trịnh đã qua sông, tiến sát gần doanh trại Khu Độc. Hữu Dật nhân lúc bên địch chưa rõ tin Hữu Tiến rút quân, cũng mật hạ lệnh cho các tướng rút lui. Hẳn chỉ để lại mấy chục quân nhanh nhẹn sắc bén theo hầu bên cạnh, rồi đem ra nơi rộng khoáng biểu diễn trò vui, tiếng trống nổi lên như sấm. Quân bên Trịnh nghi ngờ, không dám tiến. Bấy giờ Hữu Dật mới thư thả rút quân. Hữu Dật về thẳng Hoành Sơn mới hội hợp toán quân Hữu Tiến. Trịnh Căn đốc suất các quân đuổi kịp, quân hai bên giao chiến, chết hại rất nhiều. Trịnh Căn lui quân 20 mươi dặm, đóng doanh trại ở Kỳ Hoa. Còn về bên ta thì Hữu Tiến đem quân về đóng ở cửa biển Nhật Lệ, Hữu Dật đóng ở Đông Cao, chia nhau phòng giữ những nơi hiểm yếu để chống nhau với quân Trịnh. Từ đây 7 huyện ở mặt nam sông Lam thuộc Nghệ An lại phụ thuộc về Hà Bắc¹.

Trịnh Căn thống lĩnh các quân tiến đến châu Bắc Bố Chính, rồi hội hợp các tướng bàn việc kê khai từng hạng chiến công tâu về triều đình. Trịnh Tạc giả thác mệnh lệnh nhà vua sai Phạm Công Trứ, Thượng thư bộ lễ, cầm cờ tiết mao, đệ sách thư bằng vàng, đến giữa nơi quân thứ, phong Trịnh Căn làm khâm sai tiết chế các dinh quân thủy quân bộ, kiêm giữ chính quyền, chức thái úy tước Nghi quận công, được mở phủ Lý quốc và ban cho ấn bạc; Trịnh Đống làm thái phó, Trịnh Kiên làm thiếu phó, Lê [Thì] Hiến làm phó tướng thiếu úy, Hoàng Nghĩa Giao làm phó tướng tả đô đốc, Trần Văn Tuyển làm đô ngự sử, Phan Kiêm Toàn làm Lại bộ hữu thị lang, những viên tướng kể trên đều được gia phong tước quận công; Lê Sĩ Triệt làm Hộ bộ hữu thị lang, được gia phong tước hầu. Còn bọn Lê Văn Long 26 người được thăng chức hoặc cao hoặc thấp có khác nhau.

Lời chua - Phù Lộ: Tên xã, nay là xã Phù Yên, thuộc huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình.

Cửa biển Nhật Lệ: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb. X, 39).

Cương Giản: Tên xã, thuộc huyện Nghi Xuân.

Lũng Trâu, Mạn Trường, Yên Điem, Phù Lưu: Tên 4 xã đều thuộc huyện Thiên Lộc.

Bảy huyện mặt nam sông Lam: Xem năm Thịnh Đức thứ 3 (Chb.XXXII, 12).

Nam Bố Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Dương Hòa thứ 9 (Chb. XXXI, 31,32).

Bắc Bố Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXXI, 29).

Kỳ Hoa: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 7 (Chb. XXXVI, 27).

Nguyễn Năng Thiệu: Người phường Hà Khẩu², huyện Thọ Xương, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643), năm Phúc Thái thứ nhất triều Lê Chân Tông.

Lê Sĩ Triệt: Người xã Thổ Đồi, huyện Nông Cống, đỗ đồng tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa thứ 6 triều Lê Thần Tông³.

Tân Sửu, năm thứ 4 (1661). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 16 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 18).

Tháng 2, mùa xuân. Trịnh Căn dẫn quân về kinh đô, để Đào Quang Nhiêu ở lại làm trấn thủ Nghệ An.

Lúc ấy, bọn Nguyễn Hữu Tiến chia quân ra đóng giữ các nơi hiểm yếu, yên ủi vỗ về quân và dân, phòng bị nơi biên cảng càng thêm kiên cố. Trịnh Căn không dám hành động, bèn dẫn quân về, để Quang

¹ Vị trí ở phía bắc sông Lam, do chúa Trịnh cai trị.

² Nay là phố Hàng Buồm Hà Nội.

³ Nguyên văn chép lầm là Kính Tông, đây dịch Thần Tông cho đúng niên thứ.

Nhiều ở lại làm trấn thủ Nghệ An kiêm giữ công việc châu Bắc Bỗ Chính, Lê Sĩ Triệt, Hồ Sĩ Dương và Trịnh Tế làm đốc thị, quản lĩnh các tướng đóng ở Hà Trung.

Lời chua - Bắc Bỗ Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXX, 2).

Hà Trung: Xem Lê Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb. XXX, 2).

Trịnh Tế: Người xã Nhật Tảo, huyện Lô Dương, đỗ đồng tiến sĩ khoa Canh Thìn (1650) năm Khánh Đức thứ 2 triều Lê Thần Tông.

Tháng 6, mùa hạ. Định rõ lại nghi chế triều phục.

Đầu niên hiệu Cảnh Thống¹, định triều phục: Các tước công trong hoàng thân và các quan từ tam phẩm trở lên, mũ dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu tía; tử, ngũ phẩm: về hàng võ, dùng nón sơn trắng, về hàng văn, dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu lục; tử lục phẩm trở xuống; về hàng võ, dùng nón sơn son, về hàng văn, dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu xanh².

Từ hồi trung hưng trở về sau, Trịnh Tùng chuyên giữ chính quyền, văn võ trăm quan vào hầu phủ chúa đều dùng khăn sa mỏng và áo thâm, còn mũ áo từng cấp bậc chưa có quy chế nhất định.

Đến nay định rõ:

Mũ áo của hoàng hậu, vương tử, văn võ trăm quan dùng khi vào triều vua Lê.

Mũ ô sa, áo thanh các của hoàng thân, vương tử, văn võ, trăm quan khi vào hầu phủ chúa.

Thường phục và hành nghi đều có cấp bậc khác nhau.

Lời chua - Theo Lê triều thiên chính điển lệ thì:

Hoàng tử, vương tử được phong quốc công:

Khi vào triều, mũ dùng mũ dương đường³.

Áo dùng màu tía mùa xuân, mùa hạ dùng sa tàu, mùa thu, mùa đông dùng đoạn tàu, bổ tử dùng hình con kỳ lân, đai thắt dùng đá hoa bịt vàng;

Khi vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo.

Áo dùng thanh cát y⁴, thắt thao kép, đeo 3 viên ngọc trang sức bằng vàng.

Khi vào triều, được 5 người theo hầu, hành nghi có: một lọng tía, một quạt và, một cỗ kiệu vuông, yên ngựa sơn son bịt vàng;

Áo thường phục dùng gấm thêu hình con kỳ lân, con phượng và sa, đoạn.

Hoàng tử, vương tử được phong thái sư, thái phó, thái bảo, thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo lại được gia phong quận công:

Khi vào triều mũ dùng mũ phốc đầu⁵.

Áo dùng màu tía, đai thắt bịt vàng, bổ tử của thái sư, thái phó, thái bảo dùng hình con kỳ lân, của thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo dùng con bạch trạch;

¹ Niên hiệu Lê Hiến Tông (1498 - 1504).

² Xem thêm chính biên quyển XXV, tờ 6 về chế độ mũ áo.

³ Xem thêm "Lời chua" của Cương mục ở dưới.

⁴ Xem thêm "Lời chua" của Cương mục ở dưới.

⁵ Xem thêm chú thích số 2 Chính biên quyển III, tờ 23.

Mũ áo dùng khi vào hầu phủ chúa, người theo hầu khi đi vào triều, áo thường phục, cũng như quốc công;

Hành nghi: một quạt vả, một lọng xanh, còn các thứ khác cùng theo như quốc công.

Hoàng tử, vương tử được phong tả đô đốc, hữu đô đốc, lại được gia phong quận công;

Khi vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu¹,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con sư tử, đai dùng sừng tê bịt bạc;

Khi vào hầu phủ chúa, áo mặc thắt thao kép, đeo ngọc trang sức bằng bạc;

Khi vào triều được 4 người theo hầu;

Hành nghi: quạt, lọng, kiệu vuông, yên ngựa và thường phục cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong chức tam thái hoặc tam thiếu và gia phong quận công.

Hoàng tử, vương tử được phong đô đốc đồng tri, đô đốc thêm sự và gia phong quận công;

Mũ, áo, đai lưng dùng khi vào triều, áo, mũ, thao kép dùng khi vào triều hầu phủ chúa cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong tả, hữu đô đốc và gia phong quận công;

Khi đi vào triều, được ba người theo hầu;

Hành nghi: đi ở trong thành, được một quạt vả, không có lọng xanh, vồng 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía; đi ở ngoài thành, được thêm một lọng xanh;

Thường phục dùng gấm thêu hoặc sa, đoạn.

Hoàng tử, vương tử được phong đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, đề lãnh gia phong quận công:

Khi vào triều, mũ áo dùng nón sơn trắng cài lông đỏ.

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con sư tử, thắt thao kép đeo ngọc, đeo kiếm;

Khi vào hầu phủ chúa, mũ dùng mũ ô sa, áo dùng thanh cát y, tay nâng kiếm;

Khi đi vào triều được 2 người theo hầu².

Hành nghi: đi ở trong thành, được một quạt vả, màu đỏ nhạt, không có lọng xanh, vồng 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía; đi ở ngoài thành, được thêm một dù hoặc một lọng che mưa.

Khi vào triều hoặc vào hầu được 2 người theo hầu;

Thường phục cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong đô đốc thêm sự và gia phong quận công.

Hoàng tử, vương tử được gia phong quận công;

Vào triều, mũ dùng ô sa mạo,

¹ Xem chú thích số 2 Chính biên quyển III, tờ 23.

² Về tiêu chuẩn người theo hầu đối với quan chức khác, chỉ chép một lần, riêng đối với hiệu điểm, đề đốc... này lại chép hai lần: trên đã chép "nhập triều hậu nhị nhân" (khi vào triều được hai người theo hầu). Không biết có phải nguyên văn chép trùng hay có thể lệ thế nào, chưa khảo cứu được. Về chữ "triều" và chữ "thị", theo sự trình bày ở phần mục ở trên thì "triều" để nói vào triều Lê, "thị" để nói vào hầu phủ chúa Trịnh.

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con hổ, thắt thao kép đeo ngọc;
Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mào.

Áo dùng thanh cát y;

Khi vào triều được hai người theo hầu.

Hành nghi: Vững 3 đòn khiêng, ngoài ra như dù hoặc lọng che mưa, yên ngựa và thường phục cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong đô hiệu kiểm và gia phong quận công.

Hoàng tử, vương tử chưa được dự phong:

Vào hầu, dùng khăn lượt áo thâm, áo sa thâm;

Hành nghi: Vững 3 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía, đi ở ngoài thành, thêm một dù hoặc lọng che mưa, màu đỏ nhạt;

Thường phục dùng gấm thêu hoặc sa, đoạn;

Võ ban, chánh nhất phẩm, được gia phong quận công:

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo màu tía dùng đoạn tàu, bổ tử dùng hình con bạch trạch, đai lưng dùng sừng tê bịt bạc;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mào,

Áo dùng thanh cát y, thắt thao kép đeo ngọc trang sức bằng bạc;

Khi vào triều được 4 người theo hầu;

Hành nghi: một dù hoặc lọng che mưa, một quạt vả, đều dùng màu xanh, một cổ kiệu vuông, yên ngựa sơn tía;

Thường phục dung gấm thêu hoặc sa, đoạn.

Tùng nhất phẩm:

Vào triều, dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con sư tử;

Khi vào triều, được ba người theo hầu;

Hành nghi: đi ngoài thành, được một dù hoặc lọng che mưa, vững 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía; đi ngoài thành, thêm một quạt vả dùng màu xanh;

Áo mũ dùng khi vào hầu phủ chúa và thường phục cũng theo như chánh nhất phẩm.

Chánh nhị phẩm và tùng nhị phẩm được gia phong quận công:

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con sư tử, đai lưng dùng đồi mồi;

Khi vào triều, được hai người theo hầu.

Hành nghi: đi trong thành, được dùng một quạt vả màu xanh, vững 7 đòn khiêng, đi ngoài thành, được thêm một dù, hoặc lọng che mưa;

Áo mũ vào hầu phủ chúa và thường phục cũng theo như viên quan tùng nhất phẩm.

Chánh nhị phẩm và tùng nhị phẩm được gia phong tước hầu:

Vào triều, mũ dùng nón sơn màu trắng, cài lông đỏ,
 Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con voi, lưng thắt thao đơn, đeo kiếm;
 Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mào, áo dùng thanh cát y, tay nâng kiếm;
 Khi vào triều được một người theo hầu;

Hành nghi: Yên ngựa sơn màu tía, đi ngoài thành, được thêm một lọng hoặc dù che mưa, sắc hồng nhạt, vồng 3 đòn khiêng, thường phục cũng theo như viên quan nhị phẩm được gia phong quận công.

Tam phẩm và tứ phẩm được phong tước hầu:

Vào triều, mũ dùng nón sơn son cài lông đỏ,
 Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con voi, thắt thao đơn, đeo kiếm;
 Khi vào triều, được một người theo hầu;
 Hành nghi: Yên ngựa sơn màu đen;

Áo mũ dùng khi vào phủ chúa và thường phục, cũng theo như viên quan nhị phẩm được gia phong tước hầu.

Ngũ phẩm, lục phẩm và thất phẩm:

Vào triều, mũ dùng nón sơn son cài lông đỏ,
 Áo dùng màu hồng, lưng đeo thao đơn, tay nâng kiếm;
 Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mào, áo dùng thanh cát y;
 Hành nghi: đi ngoài thành, yên ngựa sơn màu đen;
 Thường phục, dùng các thứ là lụa trở xuống.

Văn ban, nhất phẩm:

Vào triều, dùng mũ phốc đầu,

Áo màu tía dùng đoạn tàu, bổ tử dùng hình con tiên hạc, đai thắt dùng sừng tênbịbạc;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mào,

Áo dùng thanh cát y, thắt thao kép, đeo ngọc, trang sức bằng bạc;

Khi vào triều, được 4 người theo hầu;

Hành nghi: Một dù hoặc lọng che mưa, một quạt vả, dùng màu xanh, một cỗ kiệu vuông, yên ngựa sơn màu tía;

Thường phục, dùng các thứ gấm thêu.

Nhị phẩm, và đô ngự sử hàm chánh tam phẩm:

Vào triều, mũ đều dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con tiên hạc, bổ tử của viên đô ngự sử đều dùng hình con giải trãi;

Khi vào triều được hai người theo hầu;

Hành nghi: một dù hoặc lọng che mưa, vồng 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía, đi ngoài thành, được thêm một quạt vả;

Áo, mũ khi vào hầu phủ chúa và thường triều phục cũng theo như viên quan nhất phẩm.

Tam phẩm:

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con cấm kê, đai lưng dùng đồi mồi, thắt thao kép đeo ngọc, không trang sức bằng bạc;

Áo mũ dùng khi vào hầu phủ chúa, người theo hầu khi vào triều hành nghi, thường phục cũng theo như viên quan hàm nhị phẩm.

Tứ phẩm, và các viên thị đốc, thêm đô ngự sử hàm ngũ phẩm:

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu đỏ, bổ tử dùng hình con khổng tước, bổ tử của thêm đô ngự sử dùng hình con giải trái;

Mũ áo dùng khi vào hầu phủ chúa, người theo hầu khi vào triều, vào hầu và thường phục cũng theo như viên quan hàm tam phẩm.

Ngũ phẩm và các viên thị thư, thị chế hàm lục phẩm, viên đề hình ngự sử hàm thất phẩm:

Vào triều, mũ, áo, bổ tử và đai lưng cũng theo như viên quan hàm tứ phẩm;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mào,

Áo dùng thanh cát y, thắt thao kép không đeo ngọc, mũ và bổ tử của viên đề hình ngự sử dùng hình con giải trái;

Hành nghi: vống 3 đờn khiêng, còn dù hoặc lọng che mưa và yên ngựa cũng như viên quan hàm tứ phẩm.

Lục phẩm và viên quan đô cấp sự trung ở Lục khoa hàm chánh thất phẩm;

Vào triều, mũ, áo cũng như viên quan hàm ngũ phẩm, mũ dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu xanh, bổ tử dùng hình con vân nhạn, đai lưng dùng gỗ kỳ lam hương, người theo hầu được một người, còn các thứ khác đều theo như viên quan hàm ngũ phẩm.

Thất phẩm:

Vào triều, mũ, áo cũng theo như viên quan hàm lục phẩm, bổ tử dùng hình con bạch hạc, đai lưng dùng gỗ tặc hương,

Hành nghi: yên ngựa sơn đen, một dù hoặc lọng che mưa, còn thứ khác đều theo như viên quan hàm lục phẩm.

Bát phẩm + đồng tri phủ hàm thất phẩm + tri huyện, tri châu hàm tòng thất phẩm + tự ban, huấn đạo hàm cửu phẩm:

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu xám, bổ tử dùng hình con tiêu liêu, đai lưng dùng sừng trâu bịt thau;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mào, áo dùng thanh cát y, thắt thao đơn;

Hành nghi: đi ngoài thành, dùng yên ngựa sơn đen, viên đồng tri phủ được dùng một dù hoặc lọng che mưa, màu xanh;

Thường phục dùng các hàng the lụa thường.

Cửu phẩm cũng theo như bát phẩm:

Vào hầu phủ chúa áo dùng thanh cát y; không thắt thao đơn

Nho sinh, giám sinh châu chực làm việc:

Mũ dùng ô sa mào, áo dùng thanh cát y;

Hành nghi: đi ngoài thành, được cưỡi ngựa, còn các thứ khác cũng theo như cửu phẩm.

Án lại, lệnh sử, đề lại, thông lại:

Khi châu chực làm việc, mũ dùng thanh cát mào, áo dùng thanh cát y, thường phục dùng các hàng lượt, là, vải, lụa.

Mục "Lễ nghi chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép:

Mũ dương đường: Hình dạng cũng như mũ phốc đầu, duy đằng sau hơi cao, hai cánh thếp vàng.

Thanh cát y: Tục xưa dùng vải nhuộm chàm, sau nhuộm nâu, đem hồ qua đi, lấy chày nện, vò kỹ rồi phơi khô, gọi là thanh cát y.

Thanh cát mào: Nay không khảo cứu được.

Tháng 10 nhuận, mùa đông. Trịnh Tạc kèm nhà vua đi Phù Lộ.

Vì thấy quân ta đã rút về, Trịnh Tạc bàn đem đại binh vào xâm lấn, bèn kèm nhà vua đi đến châu Bắc Bỗ Chính, đóng ở Phù Lộ. Trịnh Căn làm thống lĩnh, Đào Quang Nhiêu làm thống suất, Lê [Thì] Hiến và Hoàng Nghĩa Giao làm đốc suất, Lê Sĩ Triệt, Trịnh Tế và Thân Tấn làm đốc thị, đem các quân sang qua sông Gianh đóng ở thôn Phúc Tự.

Nguyễn Hữu Dật, trấn thủ châu Bỗ Chính, đóng ở xã Phúc Lộc, đắp lũy từ xã An Nèo đến phường Chu Thị. Hữu Dật sai tướng thuộc hạ là Trương Văn Văn và Văn Trạch (sót họ) chia quân ra để chống cự phòng thủ. Tướng của họ Trịnh là Hoan Trung (sót họ) dẫn quân đem đủ long đình, tàn, long quay mặt sang phía hàng trận của Văn Trạch, hô to: "Có sắc mệnh của thiên tử, mở ngay cửa thành để đón tiếp". Văn Trạch trả lời: "Năm trước, khi quân ta rút lui về Hoành Sơn, bọn bay đuổi đánh, lúc ấy có sắc mệnh thiên tử không? Bây giờ muốn đánh thì đánh, bọn chúng bây lừa dối người ta thế nào được?" Nhân đây Văn Trạch bắn chết được Hoan Trung, quân họ Trịnh sợ chạy. Bọn Đào Quang Nhiêu và Lê [Thì] Hiến, tướng của họ Trịnh, vội tung quân ra đánh, nhưng đánh không được, lại lui về thôn Phúc Tự.

Lời chua - Phù Lộ¹: Xem năm Vĩnh Thọ thứ 3 (Chb. XXXII, 28).

Bắc Bỗ Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXXI, 29).

Phúc Tự: Tên thôn.

Phúc Lộc, An Nèo: Tên 2 xã, nay đều thuộc huyện Bỗ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chu Thị: Tên phường, nay thuộc huyện Minh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Thân Tấn: Người Phương Đổ, huyện Yên Dũng, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652) năm Khánh Đức thứ 4 triều Lê Thần Tông.

Nhâm Dần, năm Vạn Khánh thứ nhất (1662). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 17 - Thanh, năm Khang Hi thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Đầm Thịnh Liệt cạn hết nước.

Lời chua - Thịnh Liệt: Xem Kính Tông, năm Hoảng Định thứ 16 (Chb. XXXI, 12).

Tháng 3. Nhà vua trở về kinh sư.

¹ Nay thuộc huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Lúc ấy, quân họ Trịnh đặt liên doanh ở các xã Trấn Ninh, Chính Thủy, hàng ngày khiêu chiến với quân ta. Trấn thủ Nguyễn Hữu Dật đốc suất dân Nam Bố Chính vào cả trong lũy, cố sức phòng thủ không động binh. Được hơn một tháng, quân của họ Trịnh thiếu lương ăn. Nhân đêm, Trương Văn Vân lên ra khe Động Giản, bắn giết hơn trăm người. Trịnh Căn bỏ doanh lũy chạy. Quân ta đuổi đến sông Gianh. Trịnh Tạc bèn kèm nhà vua trở về kinh sư.

Lời chua - Sông Gianh: Xem Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXIII, 6).

Trấn Ninh, Chính Thủy, Động Giản: Tên 3 xã, nay đều ở huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình.

Sai Trịnh Kiên và Phùng Viêt Tu quản lĩnh binh lính đi đánh Cao Bằng.

Bọn Kính Hoàn, mằm móm nhà Mạc còn sót lại, lại tụ tập quân ở Thất Tuyền. Triều đình bèn hạ lệnh cho thái úy Trịnh Kiên làm thống lĩnh, thêm đô ngự sử Phùng Viêt Tu làm đốc thị đem quân đi đánh. Đồ đảng giặc nghe tin chạy trốn.

Lời chua - Cao Bằng: Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Thất Tuyền: Tức Thất Nguyên, nay là huyện Thất Khê, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

Tháng 5, mùa hạ. Sửa nhà Thái học.

Lúc ấy, cung tường nhà Thái học, phần nhiều đổ nát, bèn hạ lệnh cho Lễ bộ thượng thư Phạm Công Trứ trông coi việc thờ tự ở Quốc Tử giám, gia công sửa chữa, quy mô rộng rãi khang trang; lại ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng hội hợp các học trò để tập văn bài. Từ đấy phong khí nhà nho có phần phấn khởi.

Tháng 9, mùa thu. Nhà vua có bệnh. Đại xá cho trong nước.

Nhà vua mắc bệnh ung thư, hạ chiếu đổi niên hiệu là năm Vạn Khánh thứ nhất, đại xá cho trong nước.

Lập con là Duy Củ làm Thái tử.

Lúc ấy bệnh ung thư nhà vua chưa khỏi, bèn dụ bảo Trịnh Tạc rằng : "Trước đây, trẫm thấy chưa có người thừa tự, nên đem Duy Tào, người họ khác, lập làm hoàng thái tử. Nay trẫm nghĩ đến tinh linh tổ tiên ở trên trời, nên không dám đem ngôi báu khinh thường phó thác cho người khác. Duy Củ con trưởng của trẫm, nay lên 9 tuổi, đã gần đến tuổi trưởng thành, đáng được nối nghiệp lớn". Trịnh Tạc bèn ra lệnh cho văn võ trăm quan đều vào đờn trì, đợi chờ mệnh lệnh; nhân đấy, ủy cho bọn Phạm Công Trứ, Lê Viêt Đăng, và Lê Công Tiến vào nơi nhà vua nằm, nhận cố mệnh¹. Nhà vua lại dặn bảo như trước hai ba lần nữa. Tạc bèn dẫn bày tôn Duy Củ làm hoàng thái tử, truất Duy Tào làm người dân thường.

Lời chua - Duy Tào người họ khác: Việc này không khảo cứu được.

Nhà vua mất.

Nhà vua ở ngôi lần trước 25 năm, sau lại ở ngôi 13 năm, hưởng thọ 56 tuổi, miếu hiệu Thần Tông.

Tháng 11, mùa đông. Thái tử Duy Củ lên ngôi vua (tức Lê Huyền Tông).

Kể từ năm sau là năm Cảnh Trị thứ nhất.

¹ Xem chú thích số 4, Chính biên quyển V, tờ 20.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 33

Từ Quý Mão, Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (1663) đến Ất Mão, Lê Gia Tông, năm Đức Nguyên thứ hai (1675), gồm 13 năm.

Quý Mão, Huyền Tông Mục hoàng đế năm Cảnh Trị thứ nhất (1663). (Thanh, năm Khang Hy thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế Nam Giao.

Sai bọn đô đốc Trịnh Khiêm vào kinh thành quản lãnh quân bốn vệ để châu chực bảo vệ nhà vua.

Bấy giờ nhà vua mới lên ngôi, còn nhỏ tuổi. Trịnh Tạc sai: Trịnh Khiêm tả đô đốc, Trạc quận công; Hoàng Sĩ Khoa, hữu đô đốc, Phổ quận công; Nguyễn Thụy, đô đốc đồng tri, Cường quận công; Trịnh Doanh đô đốc thêm sự, Giao quận công, bốn người này vào kinh thành quản lãnh quân bốn vệ, ngày đêm châu chực bảo vệ nhà vua.

Lời chua - Bốn vệ: Đều là vệ binh trong cung điện.

Theo "Bình chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì vệ binh trong cung điện là: ty Thị kiệu số quân 50 người, các đội trong Ty Thị cận hiệu lực, vệ Cẩm Y, ty Kim Ngô tả loan giá, ty Kim Ngô hữu loan giá, mỗi đội 40 người; các cung Cửu Tiên tả và Cửu Tiên hữu mỗi cung 36 người; các đội Tả trực và Hữu trực mỗi đội 40 người; đội Thiên Hùng số quân 30 người. Còn danh hiệu bốn vệ thế nào không rõ.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ sắc lệnh khuyên răn các quan trong Ngự sử đài; khảo xét các quan thú lệnh¹ siêng năng hoặc lười biếng.

Ra sắc lệnh cho Ngự sử đài và các viên giám sát ở 13 đạo; xét hỏi đơn từ kiện tụng, phải tuân theo luật lệnh, giữ được thanh liêm cần mẫn, không được để công việc ứ đọng, không được làm trái với pháp lệnh đã định.

Lại hạ lệnh cho hai ty Thừa chính, Hiến sát các xứ; khảo xét các viên phủ huyện thuộc dưới quyền mình, xem người nào biết hết lòng thương yêu nuôi dưỡng dân, thi hành chính sự được công bằng, xét xử kiện tụng được hợp lý; người nào hà khắc, tham ô, bỉ ổi, chính sự lười biếng bê trễ. Các quan hai ty đều kê tên các hạng phủ huyện ấy trình bày, để sẽ thi hành việc truất bãi hoặc cất nhắc.

Tháng 6. Bắt đầu sai sứ thần sang nhà Thanh.

Lúc ấy nhà Minh đã mất, nhà Thanh vào Yên Kinh xưng hoàng đế. Về phần nhà Lê chưa từng sai sứ thần sang thông hiếu với nhà Thanh. Năm trước, triều đình nhà Thanh cho người đem sắc thư dụ bảo và tặng cho bạc và lụa. Vì thế, mới bắt đầu sai chánh sứ Lê Hiệu, phó sứ Dương Hạo và Đồng Tôn Trạch sang nhà Thanh nộp lễ cống hàng năm, tạ ơn việc tặng bạc, lụa và cáo phó việc Lê Thần Tông mất.

Lời chua - Lê Hiệu: Người xã Quan Trung, huyện Đông Thành, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643) năm Phúc Thái triều Lê Chân Tông.

¹ Tức viên tri phủ tri huyện.

Tồn Trạch: Người xã Triều Dương, huyện Chí Linh, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1648) năm Phúc Thái.

Dương Hạo: Người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm¹, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640), năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

Thủy Tai.

Nước sông Nhị tràn ngập, ruộng lúa phần nhiều bị lụt, nhất là hai phủ Khoái Châu và Thường Tín càng bị nước phá hại nhiều hơn.

Lời chua - Sông Nhị: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb, II, 13).

Khoái Châu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Thường Tín: Tên phủ, thuộc Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Hà Nội².

Cấm thi hành luật chuộc tội.

Theo chế độ cũ, 5 luật hình³ đều được phép chuộc tội. Đến nay hạ lệnh cho các quan xét hình ngục ở trong kinh ngoài các đạo: những phạm nhân nào không được dự vào bát nghị⁴, đều phải theo hình luật đã luận tội nặng hay nhẹ mà thi hành, không được phép chuộc.

Lời chua - Thể lệ chuộc tội: Theo "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì danh lệ tiền luật triều Tiên Lê⁵ người phạm tội được nộp tiền chuộc như thế này:

Tội phạt đánh bằng trượng được phép nộp tiền chuộc: Nếu người phạm tội là quan tam phẩm thì cứ mỗi trượng nộp chuộc 5 tiền, tứ phẩm 4 tiền, ngũ và lục phẩm 3 tiền, thất và bát phẩm 2 tiền, cửu phẩm và thứ nhân 1 tiền.

Tội đồ được phép nộp tiền chuộc: Phải đồ làm lính chặn voi (tượng phượng binh) nộp chuộc 60 quan, phải đồ làm lính đồn điền nộp chuộc 100 quan.

Tội lưu được phép nộp tiền chuộc: Lưu đi cận châu⁶ nộp tiền chuộc 130 quan, Viễn Châu⁷ 320 quan.

Tội tử hình nộp tiền chuộc 330 quan.

Bát nghị (8 tiêu chuẩn được miễn dẫn ra trong khi nghị tội):

1. Nghị thân (phạm nhân là người họ thân của vua chúa).
2. Nghị cố (phạm nhân trước kia giúp vua chúa đã lâu, được vua chúa tin yêu).
3. Nghị hiền (phạm nhân là người có đức hạnh đáng làm khuôn thước).

¹ Nay thuộc xã Lạc Đạo, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

² Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

³ Xem lời chua của Cương mục ở dưới. Về ngũ hình, ở đây Cương mục chỉ nói tội phạt trượng, tội đồ, tội lưu và tội tử, còn tội phạt đánh bằng roi không thấy nói đến, có lẽ tội phạt đánh bằng roi không đặt thể lệ chuộc bằng tiền.

⁴ nt.

⁵ Sứ thần triều Nguyễn nhận từ Lê Thái Tổ đến Lê Chiêu Tông là Tiên Lê, từ Lê Trang Tông trở đi là Hậu Lê. Xem thêm lời chua của Cương mục chính biên quyển XXXIV, tờ 6.

⁶ Thời Lê Thái Tổ: cận châu là Nghệ An, Viễn Châu là Bố Chính (xem thêm Chb. XV, 10). Còn thời Lê Trung Hưng có thay đổi thể nào, chưa rõ.

⁷ NT.

4. Nghị năng (phạm nhân có tài năng về quân sự hoặc chính trị vượt hơn mọi người).
5. Nghị công (phạm nhân có công đánh giặc hoặc mở mang bờ cõi trong nước).
6. Nghị quý (phạm nhân có chức tước cao).
7. Nghị cần (phạm nhân đã từng cần mẫn khó nhọc khi làm việc ở trong nước hoặc đi sứ ở nước ngoài).
8. Nghị tân (Phạm nhân là dòng dõi con cháu của vua các triều trước, giữ việc tế tự ở miếu thờ các vua triều trước. Người này được vua chúa đương thời coi như người khách, không dám coi là bầy tôi, nên gọi là "Tân").

Tiêu chuẩn bát nghị kể ở trên, chép trong sách Chu Lễ.

Tháng 7, mùa thu. Ban bố rõ giáo điều cho trong nước.

Đại lược giáo điều nói: Làm bầy tôi phải hết lòng trung với vua; làm con phải giữ đạo hiếu; anh em hòa thuận với nhau; vợ chồng kính yêu lẫn nhau; bè bạn giữ lòng tin thực để giúp đỡ nhau làm điều hay; cha mẹ sửa mình để dạy bảo con; thầy trò dùng đạo nghĩa đối đãi với nhau; người gia trưởng trước hết tự mình giữ lễ nghĩa để dẫn đường cho người trong nhà; con em phải tôn kính cha anh; đàn bà không được trái đạo với chồng. Ở trong hương đảng thì người lớn người bé yêu kính nhau; cùng nhau mở mang việc lợi, trừ bỏ việc hại; không được cậy mình mạnh mà lấn áp người yếu, không được bầy ra kiện tụng để làm lợi riêng; chớ chiếm đường sá làm vườn tược, chớ lấn khe cừ làm hồ ao; cùng nhau hưởng chung mỗi lợi của núi, rừng, sông, chằm; chọn người đứng dẫn ra làm người đứng đầu ở phường, trang, thôn, xã; nghề nghiệp sinh sống cần phải chăm chỉ siêng năng; lệ lượt hương âm cần phải sên nhật, chớ dựa quyền thế người khác hoặc cậy quyền thế mình mà gởi gập việc kiện tụng; chớ cố ý đem người già người yếu mà sinh sự để gieo vạ cho người lương thiện; cầu cống đường sá, chỗ nào hư hỏng thì tùy tiện sửa chữa bồi đắp; người giữ việc lại điển¹ không được diên đảo sổ sách giấy tờ; không người nào được xâm phạm phá hủy lăng miếu, đền thờ, mộ địa; con trai, con gái, chớ làm đồng cốt theo dị đoan; nhà có việc tang chớ nhân ngày trung nguyên² bày ra cúng phật; chớ ngạo mạn với quan trường; chớ dụ dỗ người đem bán, việc dựng vợ gả chồng nên phân biệt nòi giống, chớ tính toán tiền tài; lễ tang mà tùy theo cảnh nhà giàu hay nghèo, chớ sách nhiễu về việc ăn uống.

Giáo điều này tất cả 47 điều, ty Thừa chính, Hiết sát các xứ và phủ, huyện, châu, mỗi nha môn phải sao một bản treo ở công đường làm việc. Ở các làng, thì xã trưởng chép vào một tấm biển treo ở trong đình, cứ ngày hương âm³ hội họp già trẻ, trai gái trong làng, rồi đem giáo điều giảng đọc hiệu bảo, khiến mọi người biết mà khuyên răn để tiến lên phong tục tốt đẹp.

Lời phê - Giáo điều không gì trước hơn là "làm bầy tôi phải hết lòng trung với vua". Khi mở sách ra đã thấy nghĩa câu ấy đứng hàng thứ nhất. Nhưng thử hỏi lúc bấy giờ đã thi hành điều ấy hay chưa⁴. Còn các điều khác không cần gì phải kể đến.

Tháng 8. Hạ lệnh: phân biệt đối xử với những người nhà Thanh đến trú ngụ.

Bấy giờ người nhà Thanh phần nhiều đến trú ngụ ở dân gian, làm cho phong tục hỗn loạn. Triều đình bèn hạ lệnh cho ty Thừa chính các xứ xét trong hạt mình, nếu có khách trú ngụ là người nhà Thanh thì phải tùy tiện đối xử, để phân biệt phong tục nước ngoài.

Tháng 10, mùa đông. Nhắc rõ lệnh cấm người theo tả đạo Gia tô.

¹ Người giữ sổ sách giấy tờ, nói chung, người giữ công việc ở văn phòng các nha môn, nói riêng. Ở đây, có lẽ chỉ những người giữ sổ sách giấy tờ trong thôn trong xã như thư ký, thủ bạ, lý trưởng sau này.

² Ngày rằm tháng 7 âm lịch, ta thường gọi là ngày vong nhân xá tội.

³ Tế thần theo tiết lễ hàng năm, rồi già trẻ cùng nhau ăn uống, vị thứ chỗ ngồi phần nhiều theo tuổi.

⁴ Chỉ việc Trịnh Tạc đối với vua Lê.

Trước đây, có người Tây Dương gọi là Hoa lang di, vào ở trong nước ta đem đạo dị đoan¹ của Gia tô lừa dối dụ dỗ làm ngu muội dân chúng, những người quê mùa nông nổi phần nhiều tin mộ đạo ấy, họ lập tòa giảng nghe giảng đạo, sự mê hoặc đắm đuối mỗi ngày càng sâu rộng. Trước đã hạ lệnh đuổi người truyền đạo ấy đi, nhưng còn bọn tiểu nhân thâm sâu vào tập tục ấy chưa thay đổi được, nên đến nay lại hạ lệnh cấm.

Lời chua - Tây Dương: Nhất thống chí nhà Thanh chép: Năm Vạn Lịch thứ 9 (1581) triều nhà Minh, Tây Dương có Lý Mã Đậ² mới vượt biển đến vùng Hương Sơn thuộc Quảng Châu; đến năm thứ 29 (1601) Lý Mã Đậ bèn vào Yên Kinh, đồ đệ của ông ta theo đến rất đông, đều tôn sùng đạo thiên chúa, họ rất có tài về việc chế tạo và sáng tác.

Hoa Lang: Theo "Truyện ngoại quốc" trong Minh sử. thì Hoa Lang tức là Hòa lan, cũng ở Tây Dương, tập tục đọc sai là Hoa lang. Sách kiên biểu bí lục của Chử học Giá nhà Thanh chép: cuối năm Gia Tĩnh (1522 - 1566) triều Minh, Mã Đậ họp tập người đồng bạn đi tàu vượt biển du lịch các nước gồm 6 năm, đến nước An Nam rồi vào địa giới Quảng Đông.

Gia - tô: Theo sách Dã Lục³, thì ngày tháng 3 năm Nguyên Hòa thứ nhất (1533) đời Lê Trang Tông, người Tây Dương tên là Y-nê-xu⁴ lén lút đến xã Ninh Cường, xã Quỳnh Anh huyện Nam Chân⁵ và xã Trà Lũ huyện Giao Thủy⁶, ngầm ngầm truyền giáo về tả đạo Gia tô.

Bổ dụng Đinh Văn Tả giữ công việc đô tổng binh sứ ở xứ Yên Quảng.

Địa phận xứ Yên Quảng ở ven biển, giáp với châu Khâm nhà Thanh, thường có giặc biển quấy nhiễu, triều đình bèn sai Văn Tả trấn giữ đất này.

Lời chua - Yên Quảng: Tức xã Yên Bang xưa, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 25, 35).

Tổng binh: Hồi đầu triều Lê đặt chức tổng binh, niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497) thêm vào là đô tổng binh sứ⁷. Chức này phẩm trật chánh tam, tức là trấn thủ trong một trấn.

Tháng 11. Miếu trừ hoặc giảm nhẹ tiền quý, tiền thuế cho dân, có chỗ nhiều chỗ ít khác nhau.

Vì cơ có nạn thủy tai.

Lời chua - Quý và thuế: Tính từng suất đinh mà đánh thuế gọi là "quý"; đo đạc ruộng công mà đánh thuế gọi là "thuế".

¹ Theo quan điểm của sử gia xưa, chỉ có đạo Khổng Mạnh là chính đạo, ngoài ra các đạo học khác đều là dị đoan, nên họ chép đạo Gia Tô là dị đạo.

² Matteo Ricci (1552 - 1610) một giáo sĩ truyền đạo Gia tô của Ý Đại Ly.

³ Cũng như Dã sử, sách của tư gia ở dân gian nghi chép, khác với sách của sử quan, nên gọi là Dã Lục.

⁴ Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim phiên âm "I nê khu", nhưng phải phiên là "I nê xu" mới đúng, vì chính tên là Ignatio.

⁵ Nam Chân và Gia Thủy nay đều thuộc tỉnh Nam Định.

⁶ Nt.

⁷ Cương mục chua lầm. Hồi đầu triều Lê. Thái Tổ chia trong nước làm 5 đạo, ở đạo đặt vệ quân, ở vệ đặt chức tổng quản (Chb. XV, 5). Năm Quang Thuận thứ 7, Thánh Tông chia trong nước làm 12 đạo, ở đạo đặt Đô ty cùng với Thừa ty, chức tổng binh đứng đầu đô ty (Chb. XX, 8). Trong sử Cương mục có chỗ chép tắt là "tổng binh", có chỗ chép đủ là "đô tổng binh sứ" (Chb. XX, 38). Còn chức đô tổng binh sứ đặt năm Hồng Đức thứ 2 là vì lúc ấy mới khai thác đạo Quảng Nam nên cũng theo như 12 đạo mà đặt đô tổng binh sứ ở Đô ty Quảng Nam, không phải đến năm Hồng Đức mới thêm vào là đô tổng binh sứ - chữ "sứ" trong câu đô tổng binh sứ chép ở đây Cương mục in lầm ra chữ "thuế".

Giáp Thìn, năm thứ 2 (1664). (Thanh, năm Khang Hy thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Định rõ lại điều lệ thi hội.

Từ năm Quang Hưng (1578 - 1579) trở về sau khôi phục lại chế độ cũ, cứ ba năm một lần thi đại ty, nhưng quy chế thể thức trường thi hãy còn sơ lược. Đến nay, mới sang định rõ lại từng điều, từng khoản. Việc ấn định này, từ đây trở về sau bèn giữ làm thể lệ trường hành.

Lời chua - Niên hiệu Quang Thuận thứ 4 (1463) đời Lê Thánh Tông bắt đầu định thể lệ 3 năm một lần thi đại ty, sau giữ làm lệ thường.

Niên hiệu Quang Hưng năm thứ 3 (1580) đời Lê Thế Tông khôi phục lại khoa thi hội.

Theo "Khoa mục chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, năm ấy định thể lệ thi hội như sau:

Trường thi hội đặt ở trước sân điện Giảng Võ, bốn chung quanh rào hai lần giậu kín, một lần giậu thưa, hào rãnh ở chung quanh trường đều bố trí một lượt chông chà.

Giữa trường thi làm 4 vị, có một ngôi nhà làm công đường của thí viện, còn viện Đồng Khảo. viện Giám khảo mỗi viện đều ở riêng một nơi.

Các cử nhân¹ chiếu theo tên mình đã viết vào thẻ cắm ở chỗ nào thì chia nhau ngồi ở chỗ ấy mà làm bài, mỗi chỗ ngồi đều che bằng lều tre.

Các viên quan tham dự công việc trong trường thi có: một viên Đề điệu, dùng bậc đại thần trong hàng quan võ; một viên Tri cống cử, dùng viên quan trong hàng Thượng thư hoặc Đô Ngự sử đài; hai viên Giám thí, dùng các viên quan trong hàng Thị lang hoặc phó Thiêm đô ngự sử; viên đóng ấn vào quyển thi dùng viên quan Thượng bảo tự khanh, viên quan này phụng lệnh ấn ngự bảo đóng vào quyển thi và niêm phong quyển.

Văn thể dùng giọng hồn hậu tao nhã, cấm dùng lời phù phiếm, đơn bạc, hiểm hóc, trúc trắc. Kỳ thi đối sách trình bày công việc hiện thời, cần phải châm chước cho đắc thể, thích ứng với sự thực, không được làm những lời quá khoe khoang.

Việc đăng lục², đối đọc³, thì các kỳ đệ nhất, đệ nhị, đệ tam dùng nho sinh và sinh đồ các phủ, chiếu theo từng kỳ một mà thay đổi nhau; đến kỳ đệ tứ thì điều đem lại điển ở nha môn thay thế cho nho sinh, sinh đồ các phủ.

Còn như những việc kiểm xét sĩ tử khi mới vào trường, đi tuần chung quanh trường để phòng gian trá, niêm phong quyển thi, soạn số hiệu quyển thi, đưa quyển thi từ viện này đến viện khác, viết tên các sĩ tử vào bảng để treo ở cửa trường và các vật dụng cung đốn, cũng đều có định thành điều khoản thứ mục.

Lời phê - Đối sách mà phải "châm chước cho đắc thể", thế là mở ra thói a dua, chỉ vì e rằng sĩ tử làm văn lại nói động đến họ Trịnh đấy thôi. Học giỏi như Lưu Phần⁴ mà thi khoa này tức nhiên cũng bị đánh hỏng. Còn đặt khoa cử cầu lấy nhân tài làm gì nữa?

¹ Tức những người đã đỗ kỳ thi hương nay được vào thi hội, đáng lẽ phải chép là "hương cống" mới đúng, ở đây Cương mục chép "cử nhân" là sai vì triều Lê, người đỗ thi hương gọi là hương cống, đến năm Minh Mạng thứ 6 (1825) mới đổi gọi là cử nhân.

² Sĩ tử làm bài xong, đem quyển đệ nộp, sau khi đó, giám sinh, sinh đồ, hoặc lại điển theo nguyên văn mà viết tinh tường lại, thành một quyển khác.

³ Sau khi đã viết lại rồi, lại phải đọc quyển nguyên văn để đối chiếu với quyển viết lại cho được đúng.

⁴ Một danh sĩ đời Đường, thời đại Văn Tông nhà Đường (127-840). Lưu Phần đi thi, cực lực vạch mặt bọn hoạn quan chuyên quyền hại nước, quan trường sợ bọn hoạn quan, không dám lấy đỗ. Một người trong bọn thi đỗ nói: "Lưu Phần hỏng mà chúng ta đỗ, chả đáng mặt dầy lăm sao?".

Tân Vương Tạc vào châu vua không phải lạ, tờ chương tấu không phải xưng tên, đặt chỗ ngồi ở bên tả chỗ ngồi của vua.

Tạc, vượt đẳng cấp bầy tôi, lấn uy quyền nhà vua, không kiên nhẫn gì. Muốn tự gia phong cho mình được điển lễ đặc biệt, trước hết Tạc yêu cầu nhà vua ban tờ chiếu cho được ưu đãi, để che tai mắt người ngoài. Từ đây trở đi, thanh kiếm thái a, họ Lê nắm đẳng lưởi, họ Trịnh nắm đẳng chuôi¹, mất hết lễ nghi đường bệ².

Lời phê - Không phải từ đây, mà đã nảy mầm từ lâu rồi. Cũng như bằng tuyết đã báo dấu hiệu ngay từ khi mới có sương.

Lời cảnh án - Theo lễ, thì bầy tôi không được vượt quá chế độ, người nào vượt chế độ là người ấy không còn biết đến người trên mình nữa, tội ấy không còn gì lớn hơn.

Nhà Lê suy yếu, chính quyền lọt vào tay Trịnh Tùng. Tùng tự gia phong cho mình lên tước vương, kể đã lấn quyền vượt phạm quá đỗi. Đến như Tạc lại giã thác mệnh lệnh của vua mà tự gia cho mình điển lễ đặc biệt: vào châu không lạ, chương tấu không xưng tên, đặt chỗ ngồi ở bên tả chỗ ngồi của vua. Những việc ấy, Đổng Trác, Tào Tháo nhà Hán³, Lưu Dụ nhà Tấn⁴ chưa từng làm mà Tạc dám làm, Đổng Trác, Tào Tháo, Lưu Dụ chẳng qua chỉ không xưng tên trong tờ chương tấu, không đi rảo bước lúc ở triều đường và được đeo kiếm, đi giày lên trên điện, thế mà sách Cương mục (của Chu Tử) còn chép đủ các tội ấy để tỏ rõ việc tiếm quyền của bọn này. Huống hồ Tạc là người hung hãn trái ngược quá chừng, tội của hắn không thể nào tha thứ được, cho nên chép ra đây để răn những kẻ không giữ đạo làm tôi.

Tháng 4, mùa hạ. Thi khảo lại sinh đồ ở giữa bãi sa bồi sông Nhị.

Trước đây, phép thi sơ lược rộng rãi, học trò phần nhiều mang theo bài cũ. Từ năm Canh Tý đến nay, đã nhiều lần có lệnh cấm ngăn, mà người được đỗ vẫn còn nhiều hạng người mượn tay người khác làm bài hộ, vì thế mà lời bàn tán của quần chúng xôn xao sôi nổi. Đến đây, triều đình sai quan thi khảo lại những sinh đồ đã lấy đỗ trong ba khoa: Đinh Dậu, Canh Tý và Quý Mão.

Đầu bài thi: Làm một bài thơ theo luật đường; ám tả một chương chính văn và đại chú trong tứ truyện. Người nào đỗ vẫn được giữ nguyên là sinh đồ; ngoài ra, những người không đỗ sẽ ở lại học tập ba năm và được miễn trừ tạp dịch; lại thi một lần nữa, nếu người nào không đỗ sẽ cho trở về hạng dân đinh để chịu tạp dịch. Lúc ấy, những người bị đánh hỏng đến quá một nửa.

Lời chua - Đinh Dậu: Tức năm Thịnh Đức⁵ thứ 5 (1657) đời Lê Thần Tông, Canh Tý: Tức năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) đời Lê Thần Tông. Quý Mão: Tức năm Cảnh Trị thứ nhất (1663) đời Lê Huyền Tông.

Sinh đồ: Học trò thi hương lọt được 3 kỳ gọi là sinh đồ, cũng như tú tài bây giờ.

Tháng 5. Được mùa to.

Bắt đầu ấn định phép ngũ lường⁶.

Đầu niên hiệu Thịnh Đức, triều đình ban cái thăng công bằng đồng cho hai tí¹ ở các xứ, cái thăng ấy theo khuôn thước cũ đời Hồng Đức, mỗi thăng là 6 cấp gạo. Nay Phạm Công Trứ bàn theo trong kinh

¹ Nguyên văn chép "thái a đảo trì". Thái a là tên một thanh kiếm sắc bén; câu này ý nói người làm vua không biết giữ lấy quyền binh mà giao cho người khác, thì cũng như người có thanh kiếm sắt mà để người khác giữ đẳng chuôi, mình giữ đẳng lưởi, tất nhiên bị hại.

² Đường: chỗ cao lớn tôn nghiêm, tượng trưng ngôi của vua chúa. Bệ: chỗ thấp bé, tượng trưng địa vị bầy tôi.

³ Đổng Trác, Tào Tháo đều người cuối thời Đông Hán. Dưới triều Hán Hiến đế. Trác tự xưng là Thái sư, sau khi Trác bị Vương Doãn giết, Tháo tự xưng là Thừa tướng, Trác và Tháo đã lần lượt thay đổi nhau uy hiếp Hán Hiến đế, nắm hết quyền binh trong nước.

⁴ Lưu Dụ một viên tướng quốc nhà Tấn, giết An Đế và truất Cung Đế nhà Tấn, cướp lấy ngôi vua, tức là Tống Vũ đế của Nam triều trong thời kỳ Trung Quốc chia ra Nam Bắc Triều.

⁵ Cương mục chép lầm là Khánh Đức.

⁶ Năm thứ dùng để đong lường.

sách, lấy trong ống hoàng chung chứa được 1.200 hạt thóc làm một thước, cứ 10 thước làm một cáp, 10 cáp làm một thăng, 10 thăng làm một đấu, 10 đấu làm 1 hộ. Còn như cái thăng công bằng đồng ban hành trước kia, không hợp với số lượng ấn định ấy, nghĩ xin dựa theo phép ngũ lượng cho đúc lại rồi ban hành.

Lời chua - Thịnh Đức (1653-1657): Niên hiệu Lê Thần Tông.

Ban hành thăng bằng đồng: Việc này sử cũ không chép.

Ngũ lượng: Tức thước, cáp, thăng, đấu, hộ.

Tháng 6. Định thể lệ tiền phạt, tiền bồi thường về những án nhân mạng.

Trong dân xã có người gian ác hung tợn gây ra án mạng, mà lúc ngày thường người cùng họ, cùng làng với hung thủ đã không biết răn bảo ngăn cấm, đến lúc xảy ra việc án mạng, lại không biết bắt hung thủ giải nộp lên quan, thì trong họ, trong xã đều phải phạt 50 quan tiền; còn tiền đền mạng thì thu ở người can phạm, nếu người can phạm không đủ sức nộp, thì lấy tiền phạt cấp cho bên có người bị hại làm tiền tống táng.

Lời chua - Tiền đền mạng: "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) đời Lê Thần Tông, lệ định: Người nào đánh chết người, thì gia tài người ấy đem niêm phong tịch ký để làm tiền đền mạng, còn người can phạm ấy thì chiếu luật luận vào tử hình.

Mông một, tháng 11, mùa đông. Nhật thực.

Ngày Kỷ Sửu, sao Chối xuất hiện ở phương đông nam vào vị trí sao Dực và sao Chẩn, đuôi sao chổi chỉ về phía sao Trương, dài đến 5 trượng.

Trịnh Tạc tâu nhà vua lánh ở điện khác, giảm bớt thức ăn, triệt bỏ âm nhạc; cho vời các quan văn quan võ thương lượng bàn bạc về chính trị điều hay, điều dở, triệt bỏ 13 sở tuần ti trái lệ ngạch ở đường thủy và đường bộ. Lòng người lấy làm vui mừng. Ít lâu sau, sao Chối lặn.

Lời chua - Mười ba sở tuần ti: "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: năm ấy triệt bỏ mười ba sở tuần ti trái lệ ngạch là:

1. Tuần ti Chính Đại huyện Tống Sơn.
2. Tuần ti Liên Hình huyện Quảng Xương.
3. Tuần ti Mộ Chu huyện Bạch Hạc.
4. Tuần ti Lục Đầu huyện Thanh Lâm.
5. Tuần ti Vạn Phái huyện Thanh Lâm.
6. Tuần ti Hoàng Giang huyện Thư Trì.
7. Tuần ti Thụ Mệnh huyện Thụy Nguyên.
8. Tuần ti Trù Hựu huyện Bảo Lộc.
9. Tuần ti Tứ Kỳ huyện Nga Sơn.
10. Tuần ti Vân Sàng huyện Yên Khang.
11. Tuần ti Am Sài huyện Đông Quan.
12. Tuần ti Lịch Giang phủ Gia Hưng.
13. Tuần ti Tam Kỳ huyện Phượng Nhãn.

¹ Tức Thừa Chính sứ ti và Hiến Sát sứ ti.

Hạ lệnh cho phạm nhân nào trước kia trốn tránh nay tự ra thú, sẽ được giảm nhẹ hoặc tha bổng.

Lúc ấy, những tù phạm tội phần nhiều đi trốn, nên cho phép đều được tự ra thú, sẽ xét người phạm tội nặng cho giảm nhẹ, người phạm tội nhẹ được tha bổng.

Bắt đầu đặt chức quan Chưởng Phủ sự¹ và Thự Phủ sự² trong ngũ phủ.

Trong ngũ phủ đều đặt chức Đô đốc phủ Chưởng Phủ sự và Đô đốc phủ Thự phủ sự. Bổ dụng những người sau đây:

- Thái phó Khê quận công Trịnh Trượng giữ chức Trung quân Đô đốc phủ tả Đô đốc chưởng phủ sự;
- Ly quận công Trịnh Đổng giữ chức Đông quân Đô đốc phủ tả Đô đốc Chưởng phủ sự;
- Thiếu úy Vân quận công Trịnh Kiên giữ chức Nam quân Đô đốc phủ tả Đô đốc thự phủ sự;
- Hào quận công Lê [Thì] Hiến giữ chức Tây quân Đô đốc phủ tả Đô đốc thự phủ sự;
- Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc giữ chức Bắc quân Đô đốc phủ tả Đô đốc thự phủ sự.

Lời chua -Ngũ phủ: "chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Đầu năm Quang Thuận (1460 -1469) đời Lê Thánh Tông, đặt chức tả đô đốc, hữu đô đốc trong ngũ phủ³, chuyên giữ về binh chính. Hồi Lê Trung Hưng mới đặt thêm chưởng phủ sự và thự phủ sự, dùng quan đại thần có vị vọng long trọng giữ chức này. Chức này sau cùng với các chức tham tụng, bồi tụng và quyền phủ làm "ngũ phủ phủ liêu".

Đặt đủ chức Thượng thư trong sáu bộ.

Hồi đầu trung hưng sắp xếp quan chức, có tên sáu bộ, nhưng chức quan thượng thư chưa được đủ số. Đến nay bổ dụng:

Tham tụng Phạm Công Trứ làm thượng thư bộ Lại.

Bồi tụng Trần Đăng Tuyển làm thượng thư bộ Hộ,

Nguyễn Năng Thiệu làm thượng thư bộ Lễ,

Vũ Duy Chí làm thượng thư bộ Binh,

Phan Kim Toàn làm thượng thư bộ Hình,

Lê Hiệu làm thượng thư bộ Công. Lại bổ dụng Lê Sĩ Triệt làm đô ngự sử trong Ngự sử đài.

Lời cần án -Triều Tiên Lê⁴ chưa đặt chức Tham tụng và Bồi tụng, sau khi trung hưng, chính quyền về tay họ Trịnh, mới đặt hai chức này để tham dự giúp đỡ chính phủ⁵. Thời đại Lê Thần Tông (1649 -1662), Trịnh Tạc bổ dụng Phạm Công Trứ, thượng thư bộ Lễ, và Dương Trí Trạch, thượng thư bộ Lại, đều giữ chức Tham tụng. Từ đấy, Tham tụng là chức đứng đầu giúp việc chính phủ mà bồi tụng là chức thứ hai.

Lời chua -Trần Đăng Tuyển: Người xã Hoàng Mai, huyện Yên Dũng, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

¹ Những chức quan trong ngũ phủ thời Lê -Trịnh có nhiệm vụ bàn định các công việc ở trong phủ, tra xét những tờ khai tâu lên.

² nt.

³ Xem thêm Chính biên quyển XX, tờ 2.

⁴ Xem chú thích số 3 Chb. XXXIII, 4.

⁵ Từ đây đến hết triều Lê, phàm nói "chính phủ" đều dùng nghĩa chính quyền trong phủ chúa Trịnh.

Phan Kiêm Toàn: Người xã Địa Linh, huyện Thụy Nguyên, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643) năm Phúc Thái, triều Lê Chân Tông.

Vũ Duy Chí: Người xã Một Trạch, huyện Đường An.

Định kỳ hạn sửa đắp đê điều.

Cứ tháng 10 hàng năm, ti Thừa Chính các xứ sức cho các huyện thuộc hạt đi khám đê đường, xem chỗ nào cần phải sửa đắp: nếu là công trình nhỏ, thì chiếu theo xã nào mà thể nước có thể đến được sức cho dân các xã ấy tự làm công việc sửa đắp, việc sửa đắp này là do huyện trông coi thúc giục; nếu là công trình lớn thì hạ lệnh cho quan đôn đốc. Hàng năm cứ sơ tuần¹ tháng giêng khởi công, đến trung tuần tháng ba công việc đã phải làm xong. Thể lệ này đặt làm thể lệ lâu dài.

Tháng 12. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Bọn chánh sứ Ngô Quang và phó sứ Chu Chí Viễn sang dụ bảo việc tế Lê Thần Tông.

Khánh thành điện Chiêu Sự ở đàn Nam Giao.

Điện vũ ở đàn Nam Giao, trước kia quy mô nhỏ hẹp, nay sai quan gia công xây dựng thêm, đến đây công việc đã hoàn thành, lại hạ lệnh cho từ thần² là bọn Hồ Sĩ Dương soạn văn bia để ghi công việc ấy.

Lời cẩn án -Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép: Đời Hồng Đức định quy chế về đàn Nam Giao; điện Chiêu sự ba gian hai chái, đông vũ và tây vũ đều bảy gian, lại có điện canh lý³, nhà trai cung⁴ và nhà bếp, mở ba tầng cửa, bốn chung quanh xây tường.

Tùy bút lục của Phạm Hồ chép: nước ta có đàn Nam Giao bắt đầu từ đời nhà Lý, đến đời Lê Trung Hưng lại sửa sang xây dựng thêm.

Nay xét "Lý Anh Tông kỷ" chép: "nhà vua ngự ra cửa nam thành Đại La xem đắp đàn Viên Khưu"⁵. Thế thì từ triều nhà Lý, nước ta đã có đàn Nam Giao, mà điện vũ trong đàn thì bắt đầu xây dựng từ năm Hồng Đức (1470-1497).

Lời chua -Điện Chiêu sự: ở phía nam thành Thăng Long về địa phận thôn Thịnh An, huyện Thọ Xương, nay nền cũ vẫn còn.

Ất Tỵ, năm thứ 3 (1665). (Thanh, năm Khang Hy thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Định phép khảo công.

Hạ lệnh cho Ngự sử đài khảo xét hành trạng quan lại trong kinh và ngoài các trấn, người có công, người có tội phân biệt xếp thành từng hạng từng bậc.

Về hạng quan chia ra ba bậc: người nào cần mẫn, cẩn thận, công bằng, liêm khiết, thương yêu dân chúng, chính trị bằng phẳng, kiện tụng trôi chảy, liệt vào bậc thượng khảo, người nào không những nhiều dân về việc đòi hỏi bắt bớ, về việc khoa điều án tử, không khiếm khuyết việc công, liệt vào bậc trung khảo; người nào tham ô bỉ ổi, kiện tụng để ứ đọng, liệt vào bậc hạ khảo.

Về hạng lại chia ra hai bậc: Người nào thanh liêm, tài cán, siêng năng, nhanh nhẹn, liệt vào bậc trung khảo; người nào bỉ ổi, tham ô, những nhiều, liệt vào bậc hạ khảo.

Hàng năm, cứ đến cuối năm, Ngự sử đài làm danh sách tâu trình để bàn định thi hành việc truất bãi hoặc cất nhắc.

¹ Cũng như thượng tuần, hằng tháng tứ mồng 1 đến mồng 10.

² Bày tôi sở trường về văn từ.

³ Ngôi nhà để vua thay áo.

⁴ Ngôi nhà để vua ở đây trai giới. Đời xưa, trong cung vua và ở đàn tế trời đất đều có trai cung, gặp năm nào làm lễ tế nam giao hoặc bắc giao, thì trước khi tế vua trai giới ở trai cung tại trong cung hai ngày và trai giới ở trai cung tại đàn một ngày.

⁵ Xem Lý Anh Tông năm Đại Định thứ 15, Chính biên quyển V, tờ 6.

Tháng 4, mùa hạ. Gia phong tước Hoằng quận công cho Nguyễn Đình Kế, phiên thần¹ ở Lạng Sơn.

Thổ tù Lạng Sơn là Bế Công Lượng và Bế Công Tế trái mệnh lệnh triều đình đã tứ lâu; Đình Kế đến trấn thủ Lạng Sơn dụ dỗ được bọn Công Lượng cam kết quy thuận, được triều đình ngợi khen. Vì thế nên có mệnh lệnh được gia phong này.

Lời chua -Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31).

Định rõ lại phép khám xét kiện tụng.

Hạ lệnh cho các ty khám xét kiện tụng ở trong kinh và ngoài các trấn, nếu có luận tội phạm nhân đều phải làm tờ khai trình bày. Tội nào luận vào tử hình phải đợi triều đình bàn định lại mới được thi hành; còn hình phạt luận vào tội cắt gót, tội phạt trượng thì các quan xét kiện được tự xử đoán, nhưng không được để ứ đọng.

Lại định: 1. Thể lệ phạt tiền viên quan xét đoán kiện tụng không đúng lý; 2. Nếu việc kiện đã xử đúng lý rồi mà người đương sự còn tự ý kiện đi kiện lại một cách càn rỡ, cũng đều tùy theo lý lẽ việc kiện lớn hay nhỏ, chức phẩm viên quan xử kiện cao hay thấp mà luận phạt người phúc khiếu càn dỡ ấy nặng nhẹ khác nhau.

Lời chua -Thể lệ phạt tiền: "Hình luật chi" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Năm ấy, định thể lệ phạt tiền viên quan xét đoán kiện tụng không đúng lý như thế này:

Phạm việc kiện lớn xét xử không đúng lý mà người đứng xét xử là viên quan nhất phẩm, thì viên quan ấy phải phạt 100 quan; nhị phẩm 75 quan; tam phẩm 50 quan; tứ phẩm 30 quan; ngũ phẩm 25 quan, lục phẩm và thất phẩm 20 quan; bát phẩm và cửu phẩm 15 quan.

Việc kiện nhỏ xét xử không đúng lý mà người đứng xét xử là xã trưởng hoặc quan phủ, quan huyện, về trách nhiệm người nào thì người ấy phải phạt 5 quan, nếu là thừa chính sứ, hiến sát sứ, đề lãnh, trấn thủ, về trách nhiệm người nào thì người ấy phải phạt 15 quan, ngự sử 20 quan.

Việc kiện đã xét xử được đúng lý mà người đương sự còn tự ý kiện đi kiện lại một cách càn dỡ, sẽ phải phạt tiền như thế này:

Việc kiện lớn, nếu người đứng xét xử là viên quan nhất phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 100 quan; là nhị phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 75 quan; là tam phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 50 quan; là tứ phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 30 quan; là ngũ phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 25 quan; là lục hoặc thất phẩm, thì người phúc khiếu bậy phải phạt 20 quan; là bát hoặc cửu phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 15 quan.

Việc kiện nhỏ, thì người phúc khiếu bậy phải nộp phạt giảm xuống bằng một nửa số tiền nộp về kiện lớn.

Việc kiện lớn: Như những việc lập mưu giết người, ăn trộm, ăn cướp, tranh nhau ruộng đất v.v...

Việc kiện nhỏ: Như những việc hộ², việc hôn¹, đánh nhau và các việc tạp tụng v.v...

¹ Một danh từ để gọi viên quan trấn giữ biên giới, vì biên giới cũng giống như cái phen cái giậu bảo vệ cho đất nước, nên gọi viên quan có bốn phận giữ biên giới là "phiên thần".

² Như những việc tranh nhau gia tài, tranh nhau đứng thừa tự, ẩn lậu dân đinh, trốn tránh phu đài tạp dịch, thuế khóa không công bằng v.v...

Tháng 8, mùa thu. Sách lập Trịnh Thị làm hoàng hậu.

Trịnh Thị tên là Ngọc Áng, con gái thứ của Tạc. Khi nhà vua lên ngôi đón vào trong cung, đến nay lập làm hoàng hậu.

Tôn mẹ là Phạm Thị làm hoàng thái hậu.

Lời chua -Thái hậu: Tên là Ngọc Hậu, người xã Quả Nhuệ, huyện Lô Dương².

Tháng 11, mùa đông. Giáng chức các viên sau này:

- Thượng thư bộ Hộ Trần Đăng Tuyển làm tả Thị lang bộ Hộ;
- Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Năng Thiệu làm tả Thị lang bộ Lễ;
- Tả thị lang bộ Lại Nguyễn [Tông] Thông làm hữu Thị lang bộ Lễ;
- Đô Ngự sử Lê Sĩ Triệt làm tả thị Lang bộ Hình;
- Phó đô Ngự sử Vũ Vinh Tiến làm Thái bộc tự khanh³;
- Thêm đô Ngự sử Trịnh [Thì] Tế làm Hồng lô tự khanh⁴;
- Thượng thư bộ Hình Phan Kiêm Toàn làm hữu Thị lang bộ Hộ.

Trước đây, Công Kiên con viên Thượng thư bộ Lại Phạm Công Trứ, do chức tham nghị được thăng thụ lên tham chính, bầy tâu trong triều cho là không xứng đáng, cùng nhau ra sức can ngăn. Tạc không bằng lòng, bèn hạ lệnh cho Phạm Công Trứ cùng Lê Hiệu hội đồng kiểm xét những sự trạng các tì đã làm từ trước. Khi kiểm xét, trích ra những việc đăng tuyển, Năng Thiệu, Nguyễn Phong, Sĩ Triệt, Vinh Tiến và Trịnh Tế trước kia thay nhau làm Ngự sử, khám xét ngục tụng để quá kỳ hạn; còn Kiên Toàn trước làm việc ở bộ Lại, cất nhắc viên tướng cấp dưới lên trên vượt cả thứ tự. Vì thế, những người này đều bị giáng chức.

Lời chua -Vinh Tiến: Người xã Phù Ủng, huyện Đường Hòa, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

Nguyễn Phong: Người xã Dương Trai, huyện Hương Sơn.

Trịnh Tế: Người xã Nhật Tảo, huyện Lô Dương.

Phong và Tế đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1650) năm Khánh Đức triều Lê Thần Tông.

Tham chính và tham nghị: Theo quan chế triều Lê trước, thì Tham chính hàm tòng tứ phẩm, tham nghị hàm tòng ngũ phẩm.

Đề cử người hiếu liêm.

Hạ chiếu cho tì Thừa chính các xứ, lựa chọn kỹ trong hạt mình, người nào có đức hiếu thảo và liêm khiết thì kê tên tâu trình, triều đình sai quan xét duyệt, sẽ tùy tài năng từng người trao cho quan chức.

Bính Ngọ, năm thứ 4 (1666). (Thanh, năm Khang Hi thứ 5).

¹Như những việc vợ chồng ly dị, đuổi người ở gửi rể để gả chồng cho con gái, vợ cả vợ lẽ tranh nhau ngôi thứ, đương có tang mà lấy vợ gã chồng, đã đi tu lại lấy vợ v.v...

² Thuộc Thanh Hóa, xã Quảng Nhuệ, Toàn thư in là Bạo Nhuệ. Đất huyện Lô Dương cũ, nay thuộc hai huyện Thọ Xuân và Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

³ Chức quan trông coi việc giữ xe ngựa, trông coi nuôi ngựa thời Lê -Trịnh.

⁴ Chức quan trông coi việc triều hội tân khách, cất hung nghi lễ ở thời Lê -Trịnh.

Tháng giêng, mùa xuân. Sai bọn Thái phó Trịnh Đổng và Thiều úy Lê [Thì] Hiến đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng.

Đồ đảng ác nghiệt nhà Mạc là Kính Vũ lén lút chiếm cứ Cao Bằng, làm cho dân địa phương phải cay đắng. Thông quận công Hà Sĩ Trí hiện giữ chức phiên thần ở Thái Nguyên đem quân bàn thảo đi đánh, Sĩ Trí bị Kính Vũ bắt. Tin báo về triều, triều đình sai Đổng giữ chức Thống lĩnh, Hiến giữ chức phó Thống lĩnh, Hồng lô tự khanh Trịnh[Thì] Tế và Cấp sự trung Đỗ Thiện Chính sung làm Đốc thị, đem quân tiến đánh. Kính Vũ giết Sĩ Trí để chạy trốn, quan quân bèn đốt chỗ ở của Kính Vũ, rồi dẫn quân về.

Lời chua - Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc.

Cao Bằng: Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc. Cả hai nơi đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XX, 19, 31, 32, 35).

Tháng hai. Bổ dụng Nguyễn Văn Thực làm Hồng lô tự khanh.

Văn Thực với Giám sát Ngự sử Lê Liêu cùng đỗ khoa sĩ vọng, hai người vốn chơi thân với nhau. Lúc ấy, Văn Thực giữ chức tham chính Thanh Hoa. Lê Liêu, vì có tang, cáo quan ở nhà, làm nhiều việc trái phép. Văn Thực theo đúng pháp luật, tra hỏi xét đoán không chút tư vị. Tạc khen Văn Thực là người vô tư, thường cho 100 quan tiền và cắt nhắc bổ dụng.

Lời chua -Văn Thực: Người xã Đại Bái, huyện Gia Định¹, đỗ thám hoa khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông.

Lê Liêu: Người xã Hữu Bộc, huyện Đông Sơn, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1661) năm Vĩnh Thọ.

Mồng một, tháng 6, mùa hạ. Nhật thực.

Ngày Đinh Tỵ, tháng 8, mùa thu. Sao sa như mưa.

Tháng 11, mùa đông. Tuyên dương 13 người bày tội tử tiết là bọn Vũ Duệ.

Trước kia, họ Mạc tiếm quyền giết vua, Chiêu Tông nhà Lê phải bỏ kinh thành chạy ra ngoài, bấy giờ bày tội nhiều người tử tiết. Nay tham tụng Phạm Công Trứ kiến nghị xin tuyên dương những người ấy và lựa chọn bổ dụng con cháu của họ.

Lúc ấy những người sau này được sắc phong:

Sắc phong thượng đẳng thần: Vũ Duệ, Ngô Hoán, Nguyễn Mẫn Đốc, Nguyễn Thiệu Tri, Đàm Thận Huy, Lê Tuấn Mậu, Nguyễn Duy Tường và Nguyễn Tự Cường;

Sắc phong trung đẳng thần: Lê Vô Cương, Nguyễn Hữu Nghiêm, Lại Kim Bàng, Nguyễn Thái Bạt và Nghiêm Bá Kỳ.

Những người được phong làm thần, đều cho dựng từ đường ở trong làng theo thời tiết tế tự như thể lệ tế bách thần. Con cháu của họ thì lựa chọn bổ dụng những người có đức hạnh tốt; còn những người khác thì điều trừ dao dịch cho nhà họ.

Lời chua - Sự trạng các bày tội tử tiết: Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 và thứ 10 (Chb. XXVII, 8, 11, 12).

Đinh Mùi, năm thứ 5 (1667). (Thanh, năm Khang Hi thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Nhà Thanh sai thị độc Trình Phương Triều và Lễ bộ lang trung Trương Dịch Bôn sang sách phong nhà vua tước An Nam Quốc vương.

Tháng 5, mùa hạ. Tuyển thêm quân lính ở tứ trấn.

¹ Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Lúc ấy, bàn định đi đánh Cao Bằng, bèn hạ lệnh tuyển duyệt dân đinh ở tứ trấn, chọn lấy người mạnh khỏe bổ làm lính, để thời thường luyện tập, phòng bị việc đánh dẹp, khi đánh dẹp xong, lại cho về làm ruộng.

Lời chua -Tứ Trấn: Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây.

Tháng 6. Vỡ đê Thanh Hoa.

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ thân sang nhà Thanh.

Chánh sứ Nguyễn Nhuận, phó sứ là bọn Trịnh [Thì] Tế và Lê Vinh sang nhà Thanh nộp lễ cống hàng năm. Lại sai chánh sứ Nguyễn Quốc Trinh, phó sứ Nguyễn Công Bích sang làm sứ bộ tạ ơn.

Lời chua -Nguyễn Nhuận: Người xã Chi Nê, huyện Chương Đức, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1637) năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

Quốc Trinh: Người xã Nguyệt Áng¹, huyện Thanh Trì, đỗ trạng nguyên khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông. Chữ "Trinh" sử cũ chép là "Khôi" Tham khảo đăng khoa lục chép "Quốc Trinh" . Nay chép theo Đăng khoa lục. Dưới đây cũng chép như thế.

Lê Vinh: Người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn², đỗ tiến sĩ khoa Bính Thân (1656) năm Thịnh Đức triều Lê Thần Tông.

Công Bích: Người xã Bất Quần, huyện Quảng Xương, đỗ bảng nhãn khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông. Đăng khoa lục chép Văn Bích.

Tháng 9. Trịnh Tạc thống lĩnh binh sĩ bình định Cao Bằng, Mạc Kính Vũ chạy sang nhà Thanh.

Lúc ấy, Mạc Kính Vũ lại lần lút chiếm cứ Cao Bằng. Tạc thân hành thống suất đại binh đi đường Lạng Sơn, hạ lệnh cho tiết chế Trịnh Căn đốc suất các tướng đi đường Thái Nguyên, bọn thái phó Trịnh Đổng, thiếu úy Trịnh Kiên, Lê [Thì] Hiến, thiếu phó Trịnh Ốc, đô đốc đồng tri Đinh Văn Tả và Lê Châu làm thống lĩnh, bọn thị lang Nguyễn Năng Thiệu, Lê Sĩ Triệt, Dương Hạo, Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Văn Thực và Trương Luận Đạo làm đốc thị, chia đường cùng tiến thẳng đến Cao Bằng.

Hay tin đại binh tiến đến, Kính Vũ trốn sang châu Tiểu trấn yên nhà Thanh. Quan quân đuổi theo tróc nã, bắt được họ hàng, đồ đảng, ngựa và khí giới không sao kể xiết. Những người xin hàng phục cùng người trước kia bị Mạc Kính Vũ bắt hiếp phải theo đều được khoan hồng tha bổng. Tạc yên ủi chiêu tập dân trong châu để họ đều trở lại làm ăn như cũ.

Lời chua -Tiểu trấn yên: Tên châu. Theo Nhất thống chí nhà Thanh, thì Tiểu trấn yên tức đông Trấn yên cũ, nhà Minh chia làm Tiểu trấn yên và đặt thổ (tri) châu, cho thuộc vào phủ Tư Minh; nhà Thanh cho đổi thuộc vào phủ Trấn Yên.

Luận Đạo: Người xã Kim Hoạch, huyện Thụy Nguyên, tên cũ là Quan Tiên, sau đổi Luận Đạo, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

Mậu Thân, năm thứ 6 (1668). (Thanh, năm Khang Hy thứ 7).

Ngày Kỷ Sửu, tháng giêng, mùa xuân. Sao Thiên Bôi xuất hiện.

Sao Thiên Bôi xuất hiện ở phương Tây Bắc, dài nửa trượng, hình dáng giống sao Chổi.

Lời chua -Thiên Bôi: Tên một vì sao. Sách Sử ký chính nghĩa chép: Thiên Bôi có một tên nữa là sao Giác, phần chính sao này giống như sao khác, nhưng phần cuối tua nó thì nhọn dài 4 trượng. Sao này xuất hiện thì thiên hạ có binh tranh. Theo sách Hán thư thì sao Thiên Thương, Thiên Sàm, Thiên Bôi và sao Chổi hình trạng khác nhau,

¹ Nay là thôn Nguyệt Áng, xã Đại Áng huyện Thanh Trì, Hà Nội.

² Thanh Hóa.

nhưng nếu xuất hiện thì tai họa cũng như nhau. Khảo yếu nói: Tuế tinh biến động mà thành yêu quái, thì có tên bốn vì sao kể trên. Còn như sao Thiên Bồi ở ngoài vị trí sao Tử Vi thì lại khác với sao Thiên Bồi nói ở đây.

Đại hạn.

Tháng 2. Trịnh Tạc dẫn quân về, tâu việc thắng trận ở thái miếu.

Quân của Tạc đánh thắng trận kéo về. Tạc để Đinh Văn Tả ở lại trấn thủ châu Thất Tuyền, bổ dụng Hồng lô tự khanh Nguyễn Văn Thực làm đốc đồng. Tạc về đến kinh thành, cáo yết thái miếu dâng công thắng trận. Phàm bọn đầu sỏ họ Mạc đều xử theo pháp luật, ngoài ra, các người khác đều được tha.

Lời chua -Thất Tuyền: Tên châu, trước là Thất Nguyên, nay là Thất Khê, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

Tháng 4, mùa hạ, Trịnh Tạc tự gia phong là đại nguyên soái thượng sư thái phụ Tây vương.

Nhân có công đánh được nhà Mạc, Trịnh Tạc giả thác sắc mệnh của vua tiến phong cho, nhưng thực là Tạc tự gia phong lấy.

Tháng 6. Bàn định công đánh dẹp Cao Bằng, gia phong quan tước cho bọn Đinh Văn Tả người tước cao tước thấp khác nhau.

Gia phong: Đinh Văn Tả làm tả đô đốc, Trịnh Sâm, Đặng Tiến Thự đều làm đô đốc đồng tri, Dương Hạo làm tả thị lang bộ Lại, Trương Luận Đạo làm Đông các hiệu thư, Lê Châu làm đô đốc thêm sự, Mai Thế Khang làm tham đốc, Đào Quang Quảng và Lưu Thế Canh đều phong tước quận công. Còn những người khác đều được thăng chức hoặc cao hoặc thấp khác nhau.

Lời chua -Tiến Thự: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức, dòng dõi Đặng Huấn, công thần trung hưng. Tiến Thự, sử cũ chép Trịnh Diễm, là theo họ tên mà chúa Trịnh ban cho. Nay cải chính, dưới đầu cũng chép như thế.

Quang Quảng: Người xã Thủy Cam, huyện Thanh Oai.

Tham đốc: Hàng võ giai, hàm tòng nhị phẩm.

Đông các hiệu thư: Hàng Văn Giai, hàm tòng lục phẩm.

Kỷ Dậu, năm thứ 7 (1669). (Thanh, năm Khang Hy thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta, dụ bảo vua nhà Lê đem bốn châu thuộc Cao Bằng cho Mạc Kính Vũ.

Trước đây, Mạc Kính Diệu sang đầu hàng nhà Thanh, chưa kịp nhận tước phong, Diệu đã mất, con Diệu là Kính Vũ nối nghiệp cha, tiếm xưng niên hiệu Thuận Đức, đặt tên giả cho Nguyễn Thanh. Nhà Thanh trao cho chức An Nam đô thống sứ, theo như hiệu cũ mà nhà Thanh đã phong cho Đăng Dung khi trước. Đến nay. Quan quân thu phục được Cao Bằng, sai Vũ Vinh Tiến làm đốc trấn để trấn trị. Kính Vũ chạy sang nhà Thanh kêu ca thảm thiết và xin cứu viện. Viên tổng đốc Lương Quảng¹ đem việc này tâu bày, vua nhà Thanh nhận cho Kính Vũ đầu hàng, hạ lệnh cho dời Kính Vũ đến ở tạm tại Nam Ninh, rồi ra đặc chỉ cho nội viện thị độc Lý Tiên Căn và Binh bộ chủ sự Dương Doãn Kiệt sang nước ta dụ bảo, bắt trả lại đất Cao Bằng cho họ Mạc.

Tháng giêng, năm ấy (tức năm Kỷ Dậu 1669), sứ nhà Thanh đến Thăng Long, triều đình nhà Lê dùng lý lẽ biện bác bắt bẻ, kéo dài đến hơn 10 ngày mới tuyên bố sắc văn, rồi lại bàn cho họ Mạc được giữ một châu Thạch Lâm, nhưng Lý Tiên Căn cũng cố giữ lẽ, không nghe, thành ra giằng co đến hơn 40 ngày. Sau Tạc lấy cớ rằng "thờ nước lớn cần phải cung kính theo mệnh lệnh", mới tâu với vua gượng gạo

¹ Tức Quảng Đông, Quảng Tây.

theo lời. Triều đình bèn bỏ đất bốn châu thuộc Cao Bằng cho Kinh Vũ, mà triệu Vinh Tiến về. Sau đó Vinh Tiến chết.

Lời chầu - Bốn châu: Tức Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang.

Tháng 2. Sứ thần là bọn Nguyễn Quốc Trinh từ nhà Thanh trở về nước, lại định thể lệ cứ 6 năm cùng dâng cả hai lễ cống.

Trước đây, lễ tế cống cứ 3 năm dâng một lần, phải đưa đón phiên phí. Khoảng niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619), nhà Minh chuẩn cho cứ 6 năm cùng dâng cả hai lễ cống. Đến nay, triều đình lại muốn theo như việc cũ triều Minh, sai bọn Quốc Trinh nhân dịp lễ tuế cống, vào châu tâu vua Thanh về việc này, vua Thanh chuẩn y, bèn làm thành thể lệ.

Sau bàn định công những người phụng mệnh đi sứ: Quốc Trinh thăng chức tả thị lang bộ Lễ, tước Ngọc Trì tử, Công Bích thăng hữu thị lang bộ Hình, tước Gia Xương nam; còn Nguyễn Nhuận và Trịnh (Thì) Tế đều chết ở dọc đường, triều đình tặng cho Nhuận hàm thượng thư bộ Công, tước bá, và tặng cho Tế hàm tả thị lang bộ Công, tước tử, cấp cho ruộng của dân để sung vào việc tế tự.

Mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực, đến hết.

Đại hạn.

Tháng 6. Bổ dụng Vũ Duy Chí làm thượng thư bộ Lễ, Trần Đăng Tuyển làm thượng thư bộ Binh, Lê Hiệu làm thượng thư bộ Hình. Ba người này đều được gia phong chức tham tụng.

Duy Chí là người cẩn thận kín đáo, làm việc có tính toán, thông hiểu về công việc cai trị dân, hơn nữa lại có văn học để tô điểm thêm vào. Trịnh Tạc từ khi làm thế tử, đã để bụng thân yêu tin cẩn, nên Duy Chí được thăng dần đến thượng thư, tước Phương quận công. Đến nay Duy Chí được cùng Đăng Tuyển, Duy Hiệu vào giữ công việc trong chính phủ. Có người nói về tư cách của Duy Chí. Muốn giải thích những mối nghi ngờ, Tạc bèn làm bài "luận giải nghi" bằng cách bày tỏ hết công việc của họ Tiêu, họ Tào, họ Phòng, họ Đỗ¹ ngày trước.

Sau khi Duy Chí đã vào giữ việc trong tướng phủ, gặp tiết nguyên đán², trăm quan vào châu mừng vua Lê rồi, sau đến châu mừng ở phủ chúa Trịnh. Theo lệ, thì khi vào phủ chúa, trước hết trăm quan thay triều phục rồi sau mới vào làm lễ lạy mừng. Trịnh Tạc bắt trăm quan cứ mặc nguyên áo triều bào. Duy Chí nói "Lễ mừng phủ chúa nên dùng áo thanh cát là đúng, không thể làm trái phép cũ được". Trịnh Tạc bèn thôi. Lúc bấy giờ người ta bảo Duy Chí có phong độ một người bày tôi biết can ngăn.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng Lê Đình Kiên làm đề đốc³.

Đình Kiên trấn thủ Sơn Nam, làm việc liêm khiết công bằng, dập tắt được mối trộm cướp, làm cho nhân dân yên ổn, nên được cất nhắc giữ chức này.

Lời chầu - Đình Kiên: Người Bát Trại huyện An Định.

Đề đốc: Quan chế triều Lê, đề đốc về hàng quan võ, hàm chánh nhị phẩm.

Bọn trộm giết thổ tù Tuyên Quang là Vũ Công Đắc, triều đình bổ dụng Công Tuấn, con Công Đắc, làm đề đốc thêm sự⁴, tước Khoan quận công.

Trước kia, Gia quốc công Vũ Văn Mật đóng doanh ở An Bắc (có chỗ chép An Tây) trấn Tuyên Quang, lúc bắt đầu trung hưng, Văn Mật có công đánh nhà Mạc, được cha truyền con nối giữ trấn Tuyên

¹ Tiêu Hà và Tào Tham danh thần đời nhà Hán, Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối danh thần đời nhà Đường. Bốn người đều không do khoa mục xuất thân. Trịnh Tạc viện dẫn ra để giải thích cho những người nghi ngờ về tư cách Duy Chí, vì Duy Chí do lại điển xuất thân.

² Tức ngày mồng một tháng giêng âm lịch hàng năm.

³ Chức quan võ ở hàm chánh nhị phẩm.

⁴ Chức quan võ ở hàng tòng nhị phẩm.

Quang, đóng ở Đại Đồng; con Văn Mật là thái phó Vũ Công Kỳ và cháu là thái bảo Vũ Đức Cung đời đời sửa lễ cống theo chức phận; đến cháu tăng tôn (chắt) là thiếu phó Vũ Công Đắc cậy Tuyên Quang là nơi hiểm trở xa xăm, bèn bề đảng với họ Mạc, tiếm xưng tước vương, lập triều đường, nha môn giả hiệu. Triều đình cũng bao dung nhẫn nại không hỏi gì đến. Đến nay Công Đắc cùng bộ thuộc của hắn là Ma Phúc Trường có sự bất bình với nhau. Công Đắc trong bụng nghi ngờ lo sợ, vào kinh sư nộp tờ cam kết xin quy thuận. Khi đến tuần ti Đông Lan, đêm đến. Công Đắc bị bọn trộm giết. Người ta đều ngờ Phúc Trường lập mưu chủ sự việc này.

Được tin việc xảy ra, triều đình nghĩ tổ tiên Công Đắc là người có công, không nỡ tuyệt tình, bèn bổ dụng con hắn là Công Tuấn được nổi phong tước Khoan quận công, để ở kinh sư, cấp cho dân lộc để phụng thờ tiên tổ, các con trai con gái của Công Đắc đều được triều đình vỗ về yên ủi. Triều đình lại nhận thấy Phúc Trường không trung thành với người mà hắn phải phụng sự, nên giam vào ngục.

Lời chua -Tuần ti Đông Lan: Ở huyện Đông Lan, hồi triều Lê, huyện Đông Lan thuộc trấn Sơn Tây, nay đổi tên là Hùng Quan¹. Địa hạt này trước có đặt cơ sở tuần ty, nên gọi là Tuần Ty Đông Lan.

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 30, 35).

Bắt đầu thi hành thể lệ quân bình suất đinh trong sổ bộ.

Từ khi trung hưng đến nay, theo chế độ cũ, cứ 6 năm một lần lựa chọn xét duyệt dân đinh, số dân đinh thường có khi tăng, khi giảm, thuế khóa nơi nặng nơi nhẹ, không quân bình. Năm Cảnh Trị thứ 2 (1664), Phạm Công Trứ giữ việc trong chính phủ, bàn định: "Việc lựa chọn xét duyệt phiên nhiều luôn luôn, số hộ khi tăng khi giảm, vì thế mà bọn lại diễn, bọn tổng lý nhân vịnh vào đây để làm sự gian xảo, xin thi hành thể lệ bình quân". Bèn sai quan chia nhau đi đến tứ trấn cùng hai phủ Thiên Quan và Trường Yên, xét theo hiện tại xem tài sản của dân nhiều hay ít, ruộng đất các nơi tốt hay xấu, rồi quân bình số thuế về đinh suất. Đến nay sổ hộ đã làm xong, gọi tên là "bình lệ". Trong sổ ghi rõ số đinh số thuế để làm phép tắc nhất định. Sau này sổ đinh sinh ra cũng không tính, chết đi cũng không trừ.

Lời cần án -Về điều này, sử cũ chép: "Thể lệ bình bổ quý thuế ở tứ trấn đã làm xong". Nhưng tham khảo các sách đều nói: "Bình lệ là sinh ra không tính, chết đi không trừ". Như thế là chỉ nói riêng về thuế thân dung của nhân đinh mà thôi. Lúc bấy giờ, nhân đinh ở Thanh và Nghệ đã phải chịu việc xung bổ vào quân ngũ, ngoài số bổ sung quân ngũ ra, số đinh còn lại không được bao nhiêu. Còn như nhân đinh ở bốn trấn và hai phủ Thiên Quan, Trường Yên chưa từng phải chịu sự bổ sung quân ngũ, thì nhân đinh hoặc có nơi tăng nơi giảm không nhất định, vì thế mà thể lệ bình quân thuế đinh chỉ thi hành ở tứ trấn và hai phủ, mà không thi hành đến Thanh Hoa và Nghệ An.

Lại tham khảo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép: "Khoảng năm Cảnh Trị (1663-1671) thi hành thể lệ bình quân thuế đinh suất, bãi bỏ phép 6 năm một lần làm sổ hộ và tuyên duyệt quân ngũ".

"Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: "Tính dân đinh mà đánh thuế gọi là quý, đo ruộng đất công mà đánh thuế gọi là thuế".

Hai chữ "bình lệ" ở điều này. Sử cũ gọi chung là "quý thuế" như thế chưa phân biệt được quý và thuế, nên nay cải chính.

Lời chua -Thiên Quan: Tên phủ, xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Trường Yên: Tên phủ, Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 11).

Canh Tuất, năm thứ 8 (1670). (Thanh, năm Khang HY thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Sao Hỏa Tinh đi vào vị trí sao Nam Đẩu; sao Kim Tinh đi vào vị trí sao Thái Vi.

Lời chua -Hỏa Tinh: Tức sao Huỳnh Hoạch.

¹ Bây giờ là huyện Đoan Hùng thuộc Phú Thọ.

Kim Tinh: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 16 (Chb. V, 7).

Tháng 4, mùa hạ. Sai Nguyễn Quốc Trinh, tả thị lang bộ Lễ, châu chức phụ ở Kinh Diên¹.

Tháng 5. Không mưa.

Tháng 6. Sai thiếu úy là bọn Lê [Thì] Hiến đi bình định Tuyên Quang.

Lúc ấy, con trai Ma Phúc Trường, thổ tù Tuyên Quang, là Phúc Lan và em Phúc Trường là Phúc Điện tụ hợp nhiều người đi cướp bóc, dân địa phương bị rối loạn. Triều đình bèn sai Lê [Thì] Hiến làm thống suất, Hồ Sĩ Dương làm đốc thị cùng bọn tham đốc Nguyễn Đức Triêm chia đường tiến đánh, bắt chém tên Phúc Lan, còn Phúc Điện chạy sang đất nhà Thanh. Bọn [Thì] Hiến yên ủi chiêu tập nhân dân trong châu, rồi kéo quân về.

Lời chua -Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30, 35).

Thống suất, đốc thị: Hai chức này chỉ đặc biệt đặc ra trong lúc hành quân đánh dẹp, khác với chức đốc suất và đốc thị đặt ở Nghệ An.

Thiếu úy: Theo quan chế triều Lê, thì thiếu úy về hàng quan võ, hàm tòng nhất phẩm.

Tân Hợi, năm thứ 9 (1671). (Thanh, năm Khang Hy thứ 10).

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho các quan trong triều đều đề cử người có thể làm nổi công việc thú, lệnh².

Phàm người nào có văn học, có đức hạnh, biết phương pháp về đường chính trị, có thể đảm đang được công việc thú, lệnh, thì quan nhất phẩm, nhị phẩm đề cử lấy bốn người; quan tam phẩm đến ngũ phẩm đề cử lấy ba người; quan lục phẩm đến bát phẩm đề cử lấy hai người; rồi đưa sang bộ Lại lựa chọn bổ dụng. Viên quan nào đề cử được người xứng đáng sẽ được ban thưởng; trong những người đã được đề cử ấy, hoặc có người nào tham ô trái phép, mà viên quan đứng đề cử biết tâu bày cáo tố ngay từ trước, thì được miễn tội, nếu che giấu không tâu bày, thì viên quan đứng đề cử sẽ cùng với người mình đề cử mà làm việc tham ô trái phép cùng phải tội.

Mồng một, tháng 8. Nhật thực.

Người nhà Thanh bắt tên Ma Phúc Điện giải giao sang nước ta, triều đình cho đem giết chết.

Tổng quản Vân Nam Bình Tây thân vương Ngô Tam Quế nhà Thanh giao cho trấn tiêu³ du kích ở Khai Hóa là họ Tào và tri phủ là họ Lưu (đều không rõ tên) giải tên Phúc Điện cùng đồ đảng của hắn đến biên giới giao trả cho nước ta. Triều đình đem bọn này cùng với Ma Phúc Trường đều giết chết.

Lời chua -Vân Nam: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (chb. XIV, 10).

Khai Hóa: Xem Lê Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 9 (Chb. XXXIV, 21).

Ma Phúc Trường: Về việc Ma Phúc Trường giết Vũ Công Đắc, thổ tù Tuyên Quang, xem năm Cảnh Trị thứ 7 (Chb. XXXIII, 28).

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua mất.

¹ Nơi vua chúa đọc sách.

² Thú: do chữ "thái thú" nói tắt, một danh từ để gọi chức tri phủ. Lệnh: do chữ "lệnh doãn" nói tắt, một danh từ để gọi chức tri huyện. Ở đây chép "thú lệnh" là nói chung cả tri phủ và tri huyện.

³ Chế độ nhà Thanh: Binh lính người Hán đều dùng cờ màu lục. Đơn vị của binh lính này ở các tỉnh gọi là trấn tiêu, do viên tổng binh quản lãnh.

Dâng tôn hiệu là Mục hoàng đế, miếu hiệu Huyền Tông. Nhà vua ở ngôi 9 năm, thọ 18 tuổi.

Tháng 11. Làm lễ táng ở lăng Quả Thịnh.

Lập điện Kiền Long, hằng năm theo thời tiết cúng tế.

Lời chua -Lăng Quả Thịnh: Ở xã Quả Nhuệ, huyện Lô Dương, tức là quê thái hậu Phạm Thị.

Tạc lập hoàng đế (em vua Huyền Tông) Duy Khoái lên ngôi vua, đại xá cho trong nước.

Trước kia, lúc Thần Tông mất, con thứ của Thần Tông là Duy Khoái mới 2 tuổi. Tạc nuôi dưỡng ở trong phủ. Nay Huyền Tông mất không có con nối ngôi. Tạc đem trăm quan tôn lập Duy Khoái (tức là Gia Tông). Kể từ năm sau là năm Dương Đức thứ nhất, hạ lệnh đại xá.

Nhâm Tý, Gia Tông Mỹ hoàng đế, năm Dương Đức thứ nhất (1672). (Thanh, năm Khang Hy thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Giảm bớt số lộc điền cấp cho các công thần, duy Lê Lai là người có công lớn, sô ruộng vẫn được cấp như cũ.

Trước kia, Lê Thái Tổ khởi nghĩa Lam Sơn, bị quân nhà Minh bức bách, Lê Lai khảng khái lặn lội vào nơi hoạn nạn. Sau khi dẹp được quân Minh, đã nhiều lần Lê Lai được tặng phong tước vương và ban cho ruộng tế tự. Đến nay, giảm bớt lộc điền của các công thần, triều đình lấy cớ rằng Lê Lai là người có công lớn, nên ruộng tế tự được cấp từ trước vẫn để nguyên như cũ, giao cho cháu chắt được đời đời phụng thờ để tế tự.

Lời chua -Việc Lê Lai chết vì nạn nước: Xem Bình Định Vương năm thứ nhất (Chb. XIII, 8).

Tháng 6, mùa hạ. Vũ Công Tuấn làm Phán.

Công Tuấn nhân lúc sơ hở, bỏ trốn về Tuyên Quang, quân lính trong kinh sư đuổi theo không kịp¹. Công Tuấn bèn cướp bóc dân trong châu, làm cho địa phương này bị rối loạn.

Lời cần án: - Sau này Công Tuấn chạy sang đất nhà Thanh, người nhà Thanh bắt trả về nước ta. Việc này chép ở năm Chính Hòa thứ 10 đời Lê Hy Tông (Chb. XXXIV, 22). Thế mà sử cũ lại chép lầm vào năm Cảnh Trị thứ 7 Trịnh Ốc đuổi giết được Công Tuấn².

Trịnh Tạc kèm nhà vua đi châu Bắc Bõ Chính. Tạc tiến quân xâm lấn đồn lũy Trấn Ninh, bị quân ta³ đánh lui. Tháng 12. Tạc dẫn quân về Bắc.

Lúc ấy, họ Trịnh đem đại binh vào xâm lấn: Trịnh Căn giữ chức nguyên soái quân thủy, Lê {thì} Hiến giữ chức thống suất quân bộ, hai tướng này thống lãnh vài ba vạn quân chia đường cùng tiến, còn Tạc thì đi kèm xa giá nhà vua đến châu Bắc Bõ Chính.

Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta hạ lệnh cho ông hoàng tư (hoàng tứ tử) tên là Hiệp làm nguyên soái; đem các tướng hiệu tiến đến Quảng Bình, bọn chưởng doanh Nguyễn Hữu Dật và trấn thủ Quảng Bình Nguyễn Mỹ Đức đóng hàng loạt đồn lũy chặn giữ ở nơi hiểm yếu. Quân họ Trịnh liền sang qua sông Gianh, lại bố trí một loạt thuyền chiến ở cửa biển Nhật Lệ. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta thân hành thống suất đại binh tiến đến tiếp ứng cho cánh quân thống soái Hiệp, thanh thế quân lính vang dội xa gần. Tháng 11, Lê {Thì} Hiến, tướng của họ Trịnh, dẫn quân tiến sát đến lũy Trấn Ninh, bọn Nguyễn Hữu Dật dựa vào nơi hiểm trở, chiến đấu rất hăng, luôn luôn thu được thắng lợi, quân họ Trịnh

¹ Xem thêm chính biên quyển XXXIII, tờ 28 trên.

² Việc Trịnh Ốc sai quân đuổi giết được Vũ Công Tuấn Sử cũ (tức Toàn thư) chép nhầm vào năm Dương Đức thứ nhất, chứ không phải chép nhầm vào năm Cảnh Trị thứ 7 như lời cần án của Cương mục.

³ Tức quân của Nguyễn Phúc Tần.

không thể chống chọi được, rút về đóng ở châu Bắc Bỗ Chính. Tháng 12, nhân mùa đông giá rét, Trịnh Tạc dẫn quân về, để Lê [Thì] Hiến ở lại giữ chức trấn thủ Nghệ An và Lê Sĩ Triệt giữ chức đốc đồng, đóng ở doanh Hà Trung, chia nhau đóng đồn ở các đường hiểm yếu, vạch đôi sông Gianh làm giới hạn. Từ đây trở đi, phương Nam phương Bắc ngừng việc binh đao.

Lời chua -Lũy Trấn Ninh: Ở tỉnh Quảng Bình, xem Lê Thần Tông, năm Vạn Khánh thứ nhất (Chb. XXXII, 39).

Bắc Bỗ Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXXI, 29).

Sông Gianh: Xem Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXII, 6).

Cửa biển Nhật Lệ: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb. X, 39).

Quý Sửu, năm thứ 2 (1673). (Thanh, năm Khang Hy thứ 12).

Tháng 3, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Nguyễn Mậu Tài và Hồ Sĩ Dương phó sứ Đào Công Chính, Vũ Công Đạo và Vũ Duy Hải. Hai sứ bộ này sang nhà Thanh nộp lễ tuế cống và cáo phó về việc tang Huyền Tông.

Lời chua -Mậu Tài: Người xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1646) năm Phúc Thái triều Lê Chân Tông.

Cống Chính: Người xã Hội Am, huyện Vĩnh Lại, đỗ bản nhãn khoa Tân Sửu (1661) năm Vĩnh thọ triều Lê Chân Tông.

Công Đạo và Duy Hải: Đều người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đều đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông.

Tháng 7, mùa thu. Khởi phục¹ Phạm Công Trứ giữ công việc lục bộ và tham tán việc cơ mật.

Công Trứ làm việc ở chính phủ đã lâu, là một bậc lão thành thông suốt công việc chính trị, trước kia Công Trứ viện lễ nhiều tuổi, cáo quan về nhà, nay triều đình nghĩ ông ta là người kỳ cựu, nên lại triệu ra làm quan, giao phó cho giữ công việc cơ mật. Công Trứ được triều đình ban ơn đãi ngộ hơn hẳn người khác.

Trịnh Tạc bắt đầu hạ lệnh cho văn thần vào ứng chức trong phủ để bàn luận công việc.

Văn thần vào hầu phủ chúa Trịnh gọi là "nhập cát" bắt đầu từ đây.

Giáp Dần, năm Đức Nguyên thứ nhất (1674). (Từ tháng 10 trở về sau đổi niên hiệu là Đức Nguyên -Thanh, năm Khang Hy thứ 13).

Tháng 5, mùa hạ. Quân lính nổi loạn, giết viên bồi tụng Nguyễn Quốc Trinh, cướp phá nhà viên tham tụng Phạm Công Trứ.

Bấy giờ ưu binh Thanh, Nghệ² cậy có công lao, sinh ra kiêu ngạo phóng túng. Quốc Trinh và Công Trứ bàn cách kềm hãm ức chế bớt đi, vì thế binh lính không bằng lòng. Lại gặp lúc ấy Phan Kiêm Toàn và Lê Hiệu vừa mới can tội phải giáng chức, có ý bất mãn. Hai người này nhân đà lại xúc xiểm thêm vào. Quân sĩ bèn rao hò ầm ĩ, đón đường giết Quốc Trinh, rồi đến cướp nhà Công Trứ. Công Trứ phải trốn ra ngoài mới được thoát nạn. Trịnh Tạc sợ quá, sai quan đi phủ dụ và cho tiền bạc, bấy giờ quân lính mới chịu yên tĩnh.

¹ Một viên quan đã về hưu trí, hoặc vì có gì đó mà phải về nghỉ nay lại triệu ra làm quan gọi là khởi phục.

² Binh chế và thời Lê trung hưng: quân lính lấy ở Thanh Nghệ gọi là ưu binh, lấy ở tứ trấn gọi là nhất binh ("binh chế chỉ" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú).

Tạc vờ Công Trứ vào trong phủ ban cho vàng bạc để an ủi, sau bắt giết ba người đứng đầu nổi loạn để tế Quốc Trinh, lại truy tặng Quốc Trinh chức thượng thư bộ Binh, tước Trì quận công, cho tên thụy là Cương trung và lục dụng con cháu.

Quốc Trinh khi làm quan ở triều, khảng khái dám nói đều phải đều trái, nay chết ở trong tay loạn quân, nên người ta đều thương tiếc. Kiêm Toàn và Lê Hiệu sau cũng phải tội vì dự mưu với loạn quân.

Lời cần án -Sử cũ chép: "Bồi tụng tả thị lang Nguyễn Quốc Khôi mất, (Trịnh) vương được tin cáo phó, rất lấy làm thương xót". Quốc Khôi tức là Quốc Trinh.

Nay tham khảo các sách:

Đăng Khoa bị khảo của Phan Huy Ôn chép: Quân tam phủ¹ giết Quốc Trinh đột và cướp nhà Phạm Công Trứ.

Lữ trung tạp thuyết của Bùi (Huy) Bích, tham tụng triều cổ Lê, chép: Ưu binh đuổi Phạm Công Trứ, giết Nguyễn Quốc Trinh.

Như thế, rõ ràng là Quốc Trinh bị loạn quân giết chết.

Này, nhà Lê từ lúc trung hưng về sau, chuyên nương nhờ vào ưu binh Thanh Nghệ, tình thế đã thành ra quá lệch lạc, để đến nỗi binh sĩ kiêu ngạo phóng túng như thế. Đã thế, mà lại còn không biết buộc họ vào kỷ luật, chỉ cứ chần chừ cầu thả, để cho tướng hiệu thì kiêu căng, binh lính thì hung hãn, rồi sau cũng phải đi đến diệt vong. Thế mà người cầm bút chép sử lại kiên kỳ việc xảy ra, mà chép là "Quốc Trinh mất"². Chép như thế, thật đáng cho là quái gở!

Ngày Kỷ Hợi, tháng 6. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày, tranh ánh sáng với mặt trời.

Tháng 7, mùa thu, Trịnh Tạc tự tiến phong cho con là Trịnh Căn làm nguyên soái, giữ chính quyền trong nước, tước Định Nam Vương. Trịnh Căn tiến xưng là phò vương.

Phàm văn thư ở phủ Trịnh Vương ban ra tiếm xưng là "lệnh dụ" thần dân dâng tờ khai lên phủ Trịnh vương thì nói "cẩn khai văn" (kính cẩn dâng tờ khai để vương soi xét). Văn thư ở phủ phó vương ban ra tiếm xưng là "lệnh chi"; thần dân dâng tờ khai thì nói: "cẩn khai" (kính cẩn dâng tờ khai).

Tôn mẹ là Lê Thị làm chiêu nghi.

Lê Thị, tên là Ngọc Hoàn, cung nhân của Thần Tông và là sinh mẫu của nhà vua.

Lời cần án -Từ đời cổ, vua chúa tôn xưng danh hiệu mẫu hậu, thì xưng là hoàng thái hậu hoặc hoàng thái phi. Còn như chiêu nghi là hiệu cung giai³, nay đem danh hiệu ấy tôn xưng mẫu hậu thì thật không ra lễ nghi gì cả. Lúc ấy chính quyền ở trong tay họ Trịnh, vua nhà Lê có cử động việc gì, cũng đều bị ngăn cản ức chế. Như thế thì việc này cũng không có gì đáng lấy làm quái lạ.

Lời chua -Ngọc Hoàn: Người xã Phúc Lộc, huyện Thụy Nguyên⁴.

Chiêu nghi: Cương mục tập lãm, về "truyện ngoại thích" trong Hán thư chép: Chiêu nghi, ngôi thứ ngang với thừa tướng, phẩm tước ví với vua chư hầu. Nhan Sư Cổ giải nghĩa hai chữ "chiêu nghi" rằng: "Làm sáng rõ uy nghi của mình, dùng danh từ này đặt tên hiệu để tỏ ra là bậc long trọng". Theo quan chế đời Hồng Đức chép về cung giai thì chiêu nghi là một cấp bậc trong hàng cửu tần.

Tháng 10, mùa đông. Đại xá.

Vì có tai biến sao Thái Bạch, nên đổi năm ấy làm năm Đức Nguyên thứ nhất. Đại xá cho trong nước.

Tháng 12. Bộ Lại bổ dụng viên chức trong kinh và ngoài các trấn 1.239 người.

¹ Ưu binh Thanh Nghệ, gọi chung là "tam phủ bình", xem thêm chính biên quyển XLV, tờ 32.

² Chữ "Trinh" này đáng lẽ phải chép là "Khôi", mới đúng với nguyên văn của Sử cũ.

³ Cấp bậc phi tần trong nội cung. Xem thêm Chính biên quyển XXIII, tờ 16, 17 về cấp bậc của tần.

⁴ Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Bấy giờ chức quan những lạm phức tạp, một lúc cất nhắc bổ dụng đến hơn ngàn người: làm quan cầu may, viên chức thừa thãi, không còn phân biệt gì cả.

Ất Mão, năm thứ 2 (1675). (Thanh, năm Khang Hy thứ 14).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua mất.

Dâng tôn hiệu là Mỹ hoàng đế, miếu hiệu Gia Tông. Nhà vua ở ngôi 4 năm, thọ 15 tuổi.

Tháng 6. Làm lễ táng ở lăng Phúc An.

Lập điện Thiên Ninh, hàng năm theo thời tiết cúng tế.

Lời chua -Lăng Phúc An: Ở xã Phúc Lộc, huyện Thụy Nguyên¹, quê của chiêu nghi Lê Thị. Phúc An có sách chép Phúc Lộc.

Tạc lập hoàng đế Duy Hiệp lên ngôi. Đại xá.

Duy Hiệp, con thứ tư của Thần Tông, do Trịnh Thị Ngọc Tấn sinh ra. Lúc Thần Tông sắp mất, trở lại Trịnh Tạc rằng: "Cung nhân là Ngọc Tấn có mang mới được 4 tháng, chưa rõ gái hay trai, xin vương hết lòng trông nom giúp đỡ". Kịp khi sinh, thân thể trạng mạo đẹp để khác người; Tạc nuôi dưỡng ở trong phủ. Nay Gia Tông mất không có con nối ngôi. Tạc bèn cùng các đại thần tôn lập Duy Hiệp làm vua (tức là Hy Tông), kể từ năm sau làm năm Vĩnh Trị thứ nhất, Đại xá cho trong nước.

Lời chua -Ngọc Tấn: Theo Ngọc phả triều Lê thì Trịnh Thị Ngọc Tấn có sách chép Ngọc Trúc, hiệu Từ Khánh, người xã Đông Khôi, huyện Gia Định, không phải tộc thuộc của họ Trịnh ở Sóc Sơn. Gia Định nay là huyện Gia Bình.

Định rõ lại chế độ về chức việc của sáu bộ.

- Bộ Lại giữ sự vụ về quan tước, phong chức, ân ban, thuyên chuyển, lựa chọn, xét công trạng, truất bãi hoặc thăng thưởng, và giữ công việc bổ sung quan lại cho khỏi khuyết ngạch, cung cấp sổ người làm việc ở các nha môn.

- Bộ Hộ giữ sự vụ về ruộng đất, nhân dân, kho tàng, thu phát, và giữ công việc bổng lộc, đồ cống nạp, thuế khóa, muối và sắt.

- Bộ Lễ giữ sự vụ về lễ nghi, tế tự, khánh tiết, yến tiệc, trường học, thi cử và giữ tiết mục về áo mũ, ấn tín, phù hiệu, chương tấu, biểu văn, việc sứ thần đi cống nạp, việc các quan vào chầu mừng, lại kiêm cai quản các ngành tư thiên giám, thuốc thang, bói toán, tăng lục, đạo lục, giáo phường và đồng văn nhã nhạc.

- Bộ Binh giữ sự vụ về việc binh nhung, quân cấm vệ, xe ngựa, đồ nghi trượng, khí giới, và giữ công việc biên giới, lính thú, nhà trạm, phố xá, nơi hiểm yếu và việc khẩn cấp.

- Bộ Hình giữ sự vụ về luật lệnh, hình phạt án tù, ngục tụng và xét xử người phạm tội ngũ hình.

- Bộ Công giữ sự vụ về thanh hào, cầu cống, đường sá, việc thổ mộc, việc thợ thuyền, và giữ việc tu sửa xây dựng, thi hành lệnh cấm về núi rừng, vườn tược và sông chằm.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng hữu đô đốc Đặng Tiến Thự trấn thủ Nghệ An kiêm giữ chức đốc suất châu Bố Chính.

Lúc ấy, đốc suất Lê [Thì] Hiến mất, nên bổ Tiến Thự đến thay. Tiến Thự ở trấn, chính sự chuyên giữ giản dị, thanh tĩnh, nên trong hạt được yên vui.

Dùng Nguyễn Công Bích và Đào Công Chính vào châu Kinh Diên.

Lúc ấy, nhà vua còn nhỏ tuổi lên nối ngôi, nên dùng Công Bích và Công Chính vào châu Kinh Diên để giúp đỡ nhà vua học tập.

¹ Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 12, mùa đông. Đại hạn.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 34

Từ Bính Thìn, Lê Hy Tông, năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676) đến Ất Dậu, Lê Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 26 (1705), gồm ba mươi năm.

Bính Thìn, Hy Tông Chương hoàng đế, năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676). (Thanh, năm Khang Hy thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Mồng một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho Hồ Sĩ Dương, thượng thư bộ Công, trông coi việc sửa Quốc sử.

Bọn Thân Toàn phạm tội, bị giáng chức.

Lúc ấy xét công trạng các quan trong kinh, ngoài trấn, triều đình nhận thấy đô ngự sử Thân Toàn khảo xét công trạng không đúng sự thật, nên giáng chức Thân Toàn làm tả thị lang bộ Hộ; còn phó đô ngự sử Vũ Duy Hải và thêm đô ngự sử Vũ Viết Thứ, triều đình nhận thấy hai người này giữ chức việc ở Ngự sử đài còn ít ngày¹, nên đều nghị phạt. Về việc này, các quan ngoài trấn vì khi khảo xét phải liệt vào hạng cuối cùng, nên hơn mười người bị giáng chức.

Lời chua -Theo quan chế triều cổ Lê thì đô ngự sử hàm tòng nhị phẩm, tả thị lang, hữu thị lang và phó đô ngự sử, thêm đô ngự sử đều hàm tòng nhị phẩm.

Nguyễn Viết Thứ: Người xã Sơn Đồng, huyện Đan Phượng², đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Nguyễn Sĩ Giáo và Trần Thế Vinh phạm tội, bị bãi chức.

Thêm đô ngự sử Sĩ Giáo là người a dua phụ họa, kết bè đảng bên vực riêng cho nhau, bị bày tội trong triều đàn hặc; giám sát ngự sử Thế Vinh do triều thần bảo cử (triều bảo) thăng chức đề hình ngự sử, Thế Vinh được tin người thân sinh (bố hoặc mẹ) mất, lại ẩn giấu đi không phát tang. Bọn hàn lâm hiệu thảo Nguyễn Đức Vọng thay đổi nhau làm số đàn hặc là Thế Vinh không phải người biết giữ đạo hiếu. Vì thế, Sĩ Giáo và Thế Vinh đều bị bãi chức.

Lời chua -Đề hình: Theo quan chế triều cổ Lê, thì đề hình ngự sử cùng giám sát ngự sử mười ba đạo đều hàm chánh thất phẩm, nhưng ban thứ thì đề hình đứng trên ngự sử mười ba đạo.

Hiệu thảo: Quan chức trong viện Hàn lâm. Chức trách viện Hàn lâm là: phạm tờ chiếu, tờ chế đều do viện này đứng khởi thảo. Về việc các quan trong triều đường bảo cử, mà còn có điều gì chưa được thỏa đáng, thì viện này đều được phép hặc tâu để xét lại.

Triều bảo: Tức là quan trong triều đường bảo cử.

¹ Duy Hải và Viết Thứ mới làm việc trong Ngự sử đài từ tháng 11 năm trước.

² Nay là xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Sĩ Giáo: Người xã Mi Sơn, huyện Thanh Chương¹, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Thế Vinh: Người xã Phong Xuyên, huyện Tiên Phong², đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị.

Đức Vọng: Người xã Vĩnh Cầu, huyện Đông Ngàn³, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1673) năm Dương Đức triều Lê Gia Tông.

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Binh bộ Thượng thư Nguyễn Mậu Tài và Công bộ Thượng thư Hồ Sĩ Dương đều giữ chức Tham tụng.

Trước đây, Mậu Tài từng làm quan phó Đô ngự sử, sau vì có công phụng mạng đi sứ, được thăng Thượng thư bộ Hình. Đến nay, tham tụng Vũ Duy Chí thôi làm quan, về nghỉ, nên Mậu Tài lại được thăng Thượng thư bộ Binh, rồi cùng Sĩ Dương đều vào phủ chúa Trịnh giữ chức Tham tụng.

Mồng một, tháng 12. Nhật thực.

Định rõ lại điều lệ khám xét kiện tụng.

Việc kiện về nhân mạng, trộm, cướp, và các việc tạp tụng như việc hộ, việc hôn⁴, việc ruộng đất v.v... đều tùy theo thứ tự xét xử; về án nhân mạng thì trước hết do viên phủ, viên huyện khám nghiệm xét đoán, rồi hai ty Thừa chính và Hiến sát hội đồng khám lại. Về án trộm, cướp; nếu ở trong kinh thì do viên đề lãnh xét xử, nếu ở ngoài các trấn thì do viên trấn thủ xét xử.

Các việc kiện lớn, kiện nhỏ⁵ đã qua các nha môn xét xử mà người đương sự chưa phục tình, nếu là việc xét xử ở huyện, ở phủ, ở ty Thừa chính hoặc ty Trấn thủ, thì việc kiện ấy phải phúc trình lên ty Hiến sát; nếu việc xét xử ở ty Hiến sát, thì phải phúc trình lên ty Giám sát; nếu việc xét xử ở viên đề lãnh hoặc viên Giám sát, thì phải phúc trình lên Ngự sử đài.

Thời hạn xét xử kiện: việc tạp tụng hạn trong 6 tháng, việc án nhân mạng hạn trong một năm.

Đinh Ty, năm thứ 2 (1677). (Thanh, năm Khang Hy thứ 16).

Mùa xuân. Sai Đinh Văn Tả đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng. Kính Vũ trốn sang đất nhà Thanh. Địa phương Cao Bằng hết thầy đều bình định được.

Trước đây, Kính Vũ dựa vào thanh thế triều đình nhà Thanh, lại chiếm cứ đất Cao Bằng⁶. Đến khi Ngô Tam Quế làm phản ở Vân Nam, Kính Vũ theo theo để hiệu tiếm ngụy của Tam Quế và giúp binh lương. Tam Quế chết, quân nhà Thanh kéo vào Quảng Tây. Vì thế, triều đình bàn nhân cơ hội này tiến quân tiêu trừ bọn Kính Vũ. Trước hết đưa thư cho Lại Thập Lị, tướng quân nhà Thanh, kể rõ tội trạng Kính Vũ; rồi sai Đinh Văn Tả, Nguyễn Hữu Đăng đem quân đi đánh, Thân Toàn giữ chức Thị sư, Đoàn Tuấn Hòa tham tán việc quân.

Tháng 8 năm này, bọn Đinh Văn Tả đánh phá được Kính Vũ ở Cao Bằng, Kính Vũ chạy sang Long Châu, đồ đảng con lại đều tan vỡ.

Dư đảng nhà Mạc chiếm cứ Cao Bằng, kể từ Kính Dụng đến Kính Vũ, trải 3 đời, 85 năm, đến nay mới dẹp tan, triều đình nhà Lê khôi phục được hết đất Cao Bằng. Sau triều đình cho triệu Văn Tả về, dùng Đặng Công Chất thay thế và để Tuấn Hòa ở lại giữ chức tham trấn.

¹ Nay là xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

² Nay thuộc xã Phú Châu, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

³ Nay thuộc xã Đồng Nguyên, huyện Tuyên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁴ Xem chú thích ở Chính biên quyển XXXIII tờ 17 về việc hộ, việc hôn và lời chua của Cương mục về việc kiện lớn, kiện nhỏ.

⁵ Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 25, 26.

⁶ Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 2, 26.

Văn Tả là người mạnh khỏe, có thao lược, thường theo lệnh đi đánh dẹp, đánh đâu được đấy, là viên tướng có tiếng một thời. Con cháu sau này đời đời giữ việc binh nhưng, người ta có câu ngạn ngữ: "Hàm giang thảo tặc"¹. Câu ấy có ý nói người ở Hàm Giang đánh giặc giỏi.

Lời chầu -Vân Nam, Quảng Tây: Đều xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 10).

Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chb. VII, 17).

Ngô Tam Quế: Truyện nghịch thần nhà Thanh chép: Tam Quế người Liêu Đông, làm quan tổng binh nhà MINH. Khi lưu tặc² là Lý Tự Thành đánh phá Yên Kinh, Tam Quế đầu hàng nhà Thanh, nhà Thanh trao cho tước Bình tây vương. Năm Khang Hy thứ 6 (1667) chuyển đi trấn thủ Vân Nam; năm thứ 12 (1673), Tam Quế cùng Ngô Ứng Lân, Ngô Quốc Quý làm phản, tự xưng là thiên hạ đại nguyên soái; năm thứ 17 (1678), xưng hoàng đế, tiếm quốc hiệu là Đại Chu, sau bị bệnh chết, đồ đảng của giặc lập người cháu Tam quế là Thế Phồn, nổi nghiệp; đến năm thứ 20 (1681) mới dẹp được.

Hữu Đăng: Người phường Đông Các huyện Thọ Xương, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1667) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông, phường Đông Các nay là thôn Dũng Thọ³.

Tuấn Hòa: Sau đổi là Tuấn Khoa, người xã Cự Đồng, huyện Siêu Loại, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hi Tông.

Tháng 7, mùa thu. Định rõ thể lệ phong thể ấm cho công thần văn võ và thể lệ miễn giao dịch cho lại điển hoặc dân đinh.

Đầu niên hiệu Vĩnh Tộ⁴, bầy tôi có quân công được dự phong "công thần", phần nhiều được đời đời phong ấm.

Đến nay, tham tụng Nguyễn Mậu Tài và Hồ Sĩ Dương xin giảm bớt đi, bèn định rõ lại như thể này:

Công thần khai quốc: hàng võ từ đô đốc, hàng văn từ thị lang trở lên; công thần trung hưng: hàng võ từ đô đốc đồng tri, đô đốc thêm sự, hàng văn từ thị lang, ngự sử trở lên, thì con cháu đều được đời đời phong ấm.

Ngoài ra, những người nào ở trong hai ban văn, võ mà chưa được dự phong "công thần", thì về hàng võ từ tam thái, tam thiếu⁵ đến đô đốc đồng tri, đô đốc thêm sự; về hàng văn từ tam thái, tam thiếu, thượng thư đến thị lang, con cháu được 5 đời phong ấm.

Các chức dưới thì theo thứ tự giảm dần: hàng văn, từ tứ phẩm trở xuống có quận công; hàng văn, những người trúng trường đã từng được giao cho giữ chức tá nhị, thì các con những người này đều là quan viên tử; nhưng nếu người nào mới được trao chức lần đầu, thì chỉ một con trai được miễn dao dịch.

Tạp lưu cùng lại⁶ thừa⁷ các nha môn, chỉ được miễn dao dịch cho bản thân mình.

¹ Câu ngạn ngữ: "Đánh giặc đất Hàm, làm quan họ Đặng". Hàm tức Đinh Văn Tả ở Hàm Giang. Có thuyết nói: "Đánh giặc họ Đinh làm quan họ Đặng". Vì Đinh Văn Tả và Đặng Đình Tướng cùng làm quan trong một thời. Đinh Văn Tả thì đời đời giữ việc binh nhưng. Đặng Đình Tướng thì bỏ là Yên quận công Đặng Tiến Thự và anh em 5 người đồng thời làm quan to.

² Toán người hợp nhau đi cướp phá, khi đóng ở vùng này, khi đóng ở vùng khác, gọi là "lưu tặc". Trong Minh sử có truyện lưu tặc.

³ Nay là phố Hàng Bạc, Hà Nội.

⁴ 1619-1628, niên hiệu Lê Thần Tông.

⁵ Thái sư, thái phó, thái bảo, thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo.

⁶ Người giữ văn thư giấy tờ trong một nha, như thông lại, đề lại, đạt lại v.v...

⁷ Người có chức phận nhỏ, như cung thừa trong một cung, dịch thừa trong một trạm, tượng thừa trong một xưởng thợ v.v...

Sinh đồ nộp nửa suất thuế dung.

Dân đinh 50 tuổi là lão hạng, 60 tuổi là lão nhiều, đều được miễn dao dịch.

Lời chua -Công thần: Triều Tiên Lê khi Thái Tổ dẹp được giặc Minh, phong 227 người công thần, đây là công thần khai quốc¹. Triều Hậu Lê từ Trang Tông đến Thế Tông diệt được nhà Mạc, những bầy tôi có công lao được phong là công thần, đây là công thần trung hưng. Năm Vĩnh Tộ thứ 5 (1623), Trịnh Xuân nổi loạn, xa giá Thần Tông phải chạy về Thanh Hóa, Trịnh Tráng đem tướng sĩ đánh phá Trịnh Xuân, tiến lấy lại Đông Đô, phàm bầy tôi có công theo hầu xa giá và người có công đánh dẹp cũng được dự phong là công thần được đời đời phong ấm.

Trúng trường: Hương cống thi hội lọt được ba kỳ gọi là trúng trường.

Tá nhị: Như tự thừa, trưởng sử, bình sự, lục sự v.v... Tà nhị đều là thuộc viên ở các nha môn.

Tạp lưu: Tức các chức tăng chánh, tăng phó, đạo chánh đạo phó.

Mậu ngọ, năm thứ 3 (1678). (Thanh, năm Khang Hy thứ 17).

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Ngày Nhâm Tý, tháng 5. Sao Thái Bạch xuất hiện giữa ban ngày.

Tháng 7, mùa thu. Định rõ điều lệ thi hương.

Thi hương, thi hội, cứ ba năm mở một khoa. Khoảng niên hiệu Cảnh Trị (1663-1671), chỉ định rõ phép thi hội, còn phép thi hương vẫn còn sơ lược. Đến nay, triều đình sai bộ Lễ định lại cho được rõ ràng.

Lời chua -Điều lệ: Cổ Lê thiện chính lục chép: Năm ấy bàn định điều lệ thi hương thế này:

Ngày học trò vào trường thi, đều bắt đầu từ ngày mồng 8 tháng 8. Số học trò ứng thi; xã lớn 20 người, xã vừa 15 người, xã nhỏ 10 người, xã nào ít học trò thì không bó buộc theo y số ấy.

Quan huyện, quan châu khảo xét học trò rồi chia ra hai hạng: toàn thông và thứ thông. Toàn thông là hạng học trò thi đủ được thể văn bốn kỳ, thứ thông là hạng học trò thi đủ được thể văn ba kỳ. Huyện lớn được 20 người, huyện vừa 15 người, huyện nhỏ 10 người².

Hiệu quan khảo hạch sinh đồ đã đỗ các khoa trước trong phủ mình, người nào thông hiểu văn lý là hạng hay chữ, người nào hơi kém là hạng thứ hai, người nào trể biếng bỏ học sẽ không được thi.

Thể thức văn bài: Bài làm cần phải dùng ý nghĩa hồn hậu đầy đủ, nếu bài nào ý nghĩa phù bạc hoặc rập theo sáo cũ sẽ bị nhất luật đánh hỏng.

Các quan được cử sung vào công việc trong trường thi:

Trường thi ở tứ trấn và Thanh, Nghệ, chức đề điệu, chức giám thí mỗi chức đều cử một viên quan đại thần trong hàng văn ban.

Trường thi ở Phụng Thiên, chức giám thí dùng viên đô cấp sự.

¹ Xem thêm chính biên quyển XV, tờ 2.

² Đoạn văn này chép không được rõ lắm. Tham khảo Chính biên quyển XXXIX, tờ 3 và "khoa mục chí" trong Lịch triều hiến chương, thì học trò vào hạng thi đủ được thể văn bốn kỳ, sẽ được cùng với sinh đồ đỗ các khoa trước cùng đi thi hương. Như vậy thì số học trò của huyện lớn 20 người, huyện vừa 15 người, huyện nhỏ 10 người, là chỉ kể học trò vào hạng toàn thông mà thôi.

Chức giám khảo và đồng khảo ở các trường kể trên: giám khảo dùng viên chức trong viện Hàn lâm hoặc các khoa, các đạo; đồng khảo dùng các chức lang trung, viên ngoại và các viên huấn, giáo ở phủ huyện đã từng thi hội trúng được ba kỳ mà là người có văn chương, có danh dự, đức vọng sung vào.

Các trường thi ở Thái Nguyên, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn và Yên Quảng, chức đề điều và giám thí dùng quan chức trong hai ty Thừa chính và Hiến sát.

Nhận diện và điểm mục: Ngày học trò vào trường thi, thì hiệu quan và xã trưởng phải đến cửa trường nhận diện học trò, đề phòng việc gian trá giả mạo. Ngày hôm ấy, phàm hương cống các khoa trước mà có quan chức phải hội họp điểm mục ở cửa điện đình, sinh viên phải hội họp điểm mục ở Quốc Tử giám, để ngăn mỗi tệ đội quyển làm gà. Người nào vắng mặt ngày hôm ấy thì người có trách nhiệm sẽ hặc tâu để trị tội.

Trong điều lệ này, có nói cả đến chức trách các viên giữ việc tuần xước¹, thể sát², di phong³, soạn hiệu⁴, và mọi thứ cần dùng ở trong trường thi.

Lại tham khảo về đời cổ Lê, bốn trấn Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây, hai xứ Thanh Hoa, Nghệ An, phủ Phụng Thiên phụ cận kinh kỳ, và Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Yên Quảng ở ngoài trấn, cứ đến khoa thi, mỗi xứ đều mở trường thi hương. Sau các xứ ở ngoài trấn thi phụ vào trường thi của bốn trấn.

Về việc cử các chức đề điều và giám thí: Trường Phụng Thiên vì số học trò có ít, nên ngoại trường⁵ chỉ đặt một viên giám thí; còn các trường khác đều đặt hai viên; đề điều và giám thí; riêng các trường ở ngoài trấn thì dùng quan Thừa chính và Hiến sát giữ chức đề điều và giám thí.

Hiệu quan: Một danh từ gọi các viên giáo dụ ở các phủ thời bấy giờ.

Đề điều: Tức chánh chủ khảo ngày nay.

Giám thí: Tức phó chủ khảo ngày nay.

Kỷ Mùi, năm thứ 4 (1679). (Thanh, năm Khang Hy thứ 18).

Tháng 2, mùa xuân. Bàn định công tướng sĩ thu phục được Cao Bằng, thăng thưởng có từng hạng khác nhau.

Thăng thưởng cho Hoàng Nghĩa Hy tước Lãng quận công; những người có công được theo thứ tự thăng thưởng 160 người; ngoài ra đều tính số tai giặc xẻo được⁶ nhiều hay ít mà ban thưởng bằng bạc.

Lời cần án - Sách Lê sử tục biên chép: "Bàn công đánh ở Giang Măng" (luận Giang Măng¹ công). Tạp kỷ của Cao Lãng² chép: "Bàn công đánh Mạc Nguyên Thanh" (luận thảo Mạc Nguyên Thanh công).

¹ Viên chức giữ việc tuần phòng chung quanh trường thi, để ngăn ngừa sự gian trá.

² Viên chức giữ việc khám xét lều chiếu, ống quyển, hộp tráp của học trò khi vào trường thi, để ngăn ngừa việc đem bài cũ hoặc sách vở vào trường; lại trông coi xem xét khi học trò làm bài để giữ trật tự.

³ Viên chức thu quyển của thí sinh khi làm bài xong, để nộp, rồi đóng vào hòm niêm phong lại.

⁴ Viên chức soạn số hiệu từng quyển văn của học trò, để khỏi xảy ra sự lầm lẫn tên người nọ dán vào quyển người kia.

⁵ Trong trường thi có chia ra ngoại trường và nội trường, ngoại trường là đề điều và giám thí, nội trường là giám khảo và đồng khảo.

⁶ Xem chú thích số 1 Chính biên quyển XXIX, tờ 25.

Nay xét: Năm trước quan quân đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng, Kính Vũ tức Nguyên Thanh. Cao Bằng có Mãng Giang ở các tỉnh thành hiện nay 13 dặm về phía Bắc. Thế thì Mãng Giang là địa điểm mà quan quân đã đánh Mạc Nguyên Thanh, vì thế mà về sau bàn định công đánh Mạc mới dùng tên đất mà gọi tên mặt trận. Đến như việc đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng, thì Đinh Văn Tả làm đốc tướng, thì khi thường công lại cho Hoàng Nghĩa Hy đứng đầu. Có lẽ trận chiến thắng ở Mãng Giang, Nghĩa Hy là người lập công đầu chăng? sách Lê Sử tục biên là một bản sao, chưa phải là sách đã biên soạn xong hẳn. E rằng chỗ này còn có điều thiếu sót.

Lời chua - Hoàng Nghĩa Hy: Người xã Hoàng Vân, huyện Kim Động³, là con Hoàng Nghĩa Giao.

Cao Bằng: Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Tháng 10, mùa đông. Thanh Hoa bị nạn đói.

Thanh Hoa bị nước tràn ngập, hoàng trùng phá hại lúa, nhân dân phần nhiều phiêu tán. Triều đình hạ lệnh xá thuế dân đinh và các thuế tuần ty, thuế bến đò, giảm bớt các sự lệ cúng tế. Lại hạ lệnh cho hai ty Thừa chính, Hiến sát và phủ huyện đều phải trai giới cầu đảo.

Lời chua - Thanh Hoa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 20, 21, 33).

Canh Thân, năm thứ 5 (1680). (Thanh, Khang Hy thứ 19).

Ngày Canh Ngọ, tháng 10, mùa đông. Sao Chổi xuất hiện ở phương Tây. Hạ lệnh; ân xá; đổi niên hiệu.

Tân Dậu, năm Chính Hòa thứ 2 (1681). (Thanh, năm Khang Hy thứ 20).

Ngày Giáp Dần, tháng 2, mùa xuân. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Chẩn.

Đại hạn, dân bị nạn đói.

Từ mùa xuân đến mùa hạ, không mưa, lúa mạ khô héo, nhân dân khô đói.

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1682). (Thanh, năm Khang Hy thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ thăng sang nhà Thanh.

Sai bọn Thân Toàn và Đặng Công Chất sang nhà Thanh dâng lễ tuế cống, nhân tiện cáo phó về việc Huyền Tông mất và xin phong tước.

Tháng 5, mùa hạ. Truy tôn Nguyễn Thị, quý phi của Thần Tông, làm Minh Thực hoàng thái hậu.

Lời chua - Hậu: Tên là Ngọc Bạch, người xã Hoàng Đan, huyện Gia Viễn⁴, là sinh mẫu Lê Chân Tông.

Ngày Mậu Dần, tháng 8, mùa thu. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Dực và sao Chẩn.

¹ Cùng một tên đất chép trong một đoạn văn mà trên chép "Giang Mãng", dưới chép "Mãng Giang", nên chưa hiểu địa danh này thế nào là đúng. Chúng tôi cứ dịch theo đúng với nguyên văn đã chép.

² Ở thư viện Sử học có một bộ bốn cuốn (sách chép tay) nhan đề (Lịch triều tạp ký) chép công việc từ Lê Gia Tông đến Lê Hiến Tông. Tác giả, Ái Châu, Cổ Đăng, Nổ Giang, Cao Tẩu, lược biên không rõ bộ sách này có đúng là Tạp ký của Cao Lãng mà Cương mục đã dẫn ra đây không? về việc đánh Mạc ở Cao Bằng, sách này (quyển thứ nhất) chép: "Luận Đinh Văn Tả, Nguyễn Hữu Tham (Sâm) dâng thảo phá Mạc Nguyên Thanh công" (bản công đánh phá Mạc Nguyên Thanh của bọn Đinh Văn Tả và Nguyễn Hữu Tham).

³ Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

⁴ Ninh Bình.

Tham Tụng Nguyễn Mậu Tài bị giáng chức. Nguyễn Văn Dương được thăng hữu thị lang bộ Binh và giữ chức bồi tụng trong phủ chúa.

Lúc ấy, Mậu Tài giữ chức tham tụng, Nguyễn Văn Dương tham chính Thanh Hoa, dâng tờ khai nói: "Chính lệnh trong một nước, phó thác ở tể tướng, chính lệnh bỏ bê trệ hay thi hành là quan hệ ở người thừa hành thiên tư hay ngay thẳng. Nay Mậu Tài ghen ghét người hiền tài, gây bè đảng riêng, kết cấu gia với viên tham tụng trước là Hồ Sĩ Dương, công việc trong triều kẻ xướng, người họa, lừa dối che lấp cả trí thông sách của bề trên, rất không xứng đáng với chức vụ. Mấy năm gần đây, nào động đất, nào thủy tai, nào sao Bội, sao Chối, nào hạn hán, hoàng trùng, những việc tai dị luôn luôn sinh ra, mà bầy tôi trong triều không ai dám vạch rõ tội lỗi của họ. Vậy xin rộng lựa chọn những người hiền tại chức xem người nào có đạo đức, độ lượng, tài năng, trí tuệ cho giữ chức tể tướng. Có như thế, thì chức quan được người xứng đáng, nhân dân được vui vẻ làm ăn, mà có thể dần dần đem lại khí hòa của đất trời được".

Tạc biết Mậu Tài là người thuần cần, không có lỗi gì to. Nhưng thấy Văn Dương dám nói thẳng, Tạc có ý muốn khuyến khích mọi người, bèn giáng chức Mậu Tài làm tả thị lang bộ Hộ, cất nhắc Văn Dương làm hữu thị lang bộ Binh cho vào hầu trong phủ giữ chức bồi tụng.

Văn Dương thẳng thắn không a dua, tính tình ít hòa hợp được với người khác; ở trong triều, dám nói thẳng, không kiêng nể, sợ hãi, nên người ta khen Văn Dương là người ngay thẳng.

Lời chúa - Văn Dương: Người xã Bồ Sao, huyện Bạch Hạc¹, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1661) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông.

Trịnh Tạc mất. Con là Căn nối giữ tước vương.

Tạc chuyên nắm chính quyền 25 năm. Khi mất, truy xưng Dương Vương, tiếm hiệu là Hoàng tổ. Thế tử Căn nối nghiệp, xưng Định Vương.

Căn là con trưởng của Tạc, lúc còn ít tuổi, vì có tội phải giam trong ngục, sau dùng kế quỷ quyệt được khỏi tội. Liên đó, lại được làm phó đô tướng, trấn thủ Nghệ An, rồi dần dần phong đến tiết chế, tiến phong làm nguyên soái, giữ chính quyền trong nước, tước Định nam vương. Đến nay Tạc mất, Căn bèn nối ngôi chúa.

Tháng 10, mùa đông. Lê Hải, trấn thủ Cao Bằng, dụ được đồ đảng họ Mạc là Nguyễn Công Hồi đầu hàng. Hải được thăng chức đề đốc.

Trước đây, Đặng Công Chất trấn thủ Cao Bằng, bị nha lại và dân chúng tố cáo, phải triệu về triều, triều đình bổ Lê Hải lên thay. Hải đến trấn thủ, dụ được đồ đảng họ Mạc là Nguyễn Công Hồi đem hơn một ngàn bộ thuộc đến trấn đầu hàng.

Triều đình phong cho Hồi tước hiệu quận công và thăng thưởng cho Hải chức đề đốc.

Lời chúa - Lê Hải: Có sách chép Lê Hối, người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương² là con Lê [Thì] Hiến.

Quý Hợi, năm thứ 4 (1683). (Thanh, năm Khang Hy thứ 22).

Mùa xuân. Người nhà Thanh giao trả tù binh họ Mạc cho nước ta, nhà vua ngự ở điện Kiên Nguyên để nhận.

Tháng 6 năm trước, vua nhà Thanh hạ lệnh cho quan chức Quảng Tây giao trả tù binh gồm những người nhà Mạc là bọn Kính Liêu. Thích Dục tuần phủ Quảng Tây, báo tin ấy cho nước ta biết. Triều đình sai phó đô ngự sử Vũ Duy Đoán và trấn thủ Lạng Sơn là hoạn quan Thân Đức Tài cùng nhau đến cửa ải nơi biên giới tiếp nhận tù binh. Lúc ấy công văn trao đổi, tên của Duy Đoán đứng dưới tên của Đức Tài. Đến nay triều đình sai Duy Đoán và Vũ Công Đạo lại đi tiếp nhận tù binh. Lúc này, Duy Đoán đã

¹ Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

² Đất huyện Lôi Dương cũ, nay thuộc hai huyện Thọ Xuân và Thường Xuân (Thanh Hóa).

thăng chức thượng thư và Công Đạo giữ chức đô ngự sử, nhưng Trịnh Căn muốn rằng trong công văn vẫn cứ đề tên theo thứ tự đã đề trước. Duy Đoán khẳng khái nói: "Tôi tự hổ là một người chỉ làm để cho đủ vị thượng thư thôi, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng vương thượng coi "nam nha"¹ là cao quý, không ngờ bây giờ "hoàng môn"² lại ở trên "nam nha". Việc này tôi không dám vâng theo mệnh lệnh". Vũ Công Đạo cũng cố tranh luận là không nên như thế. Căn giận lắm, bèn bãi chức hai người này, rồi hạ lệnh khác cho bồi tụng Nguyễn Quai và cấp sự trung Trần Thế Vinh, Đặng Đình Tướng cùng với Đức Tài cùng đi.

Wương Quốc Trinh, thông phán Nam Ninh, là viên quan do triều đình nhà Thanh phái ủy, muốn giao trả tù binh ở cửa ải Thủy Khẩu thuộc Cao Bằng, hẳn đã dựng nhà tù trước để đợi phái bộ nước ta, nhưng bọn Nguyễn Quai lấy lẽ rằng, Cao Bằng không phải là nơi giao nhận, không chịu theo. Quốc Trinh trong bụng căm giận, nhưng cũng gượng gạo đến trấn Nam Quan; khi đến nơi, hẳn buông lỏng cho lính bản thổ đánh đấm lẫn nhau, đâm thủng cả hai lần áo cừu của Đình Tướng, rồi lại đòi nộp 5.500 lạng bạc hành lý.

Số tù binh họ Mạc mà nhà Thanh giao trả, vừa lớn vừa nhỏ là 350 người, Đức Tài kiểm điểm xét duyệt, rồi phân phối đưa đi cho được yên phận ở xen vào với dân Lạng Sơn, còn bọn Kính Liêu cả thảy 124 người thì dẫn giải về triều dâng ở dưới cửa cung khuyết. Nhà vua ngự điện Kiến Nguyên nhận tù binh, sau lại dẫn đến sân phủ chúa để chịu tội, bọn này đều được tha. Bọn Kính Liêu ba người được triều đình trao cho quan chức, ngoài ra đều phân phối đi các nơi để được yên phận ở xen vào với dân bản xứ, hằng năm giúp đỡ cho vải và tiền.

Sau này, triều đình xét thấy Đình Tướng đưa số bạc cho Quốc Trinh nhà Thanh quá nhiều, nên Đình Tướng bị giáng chức một trật, còn Nguyễn Quai và Sĩ Vinh có bệnh không dự vào việc hội hợp giao bạc cho Quốc Trinh, nên phải phạt tiền nhiều ít khác nhau.

Triều đình lại đưa thư sang nhà Thanh nói về tình trạng Quốc Trinh yêu sách và không có lễ độ, viên tổng đốc Lương Quảng là Ngô Hưng Tộ sau khi xét hỏi Quốc Trinh, liền đem bản án dâng lên triều, cuối cùng Quốc Trinh bị khép vào tội trảm hậu³, còn số bạc mà Quốc Trinh đã tham tang thì thu lấy sung công.

Lời phê - Đã trái cả hình luật, lại quên cả sĩ nhục⁴.

Lời cần án - Bang giao là lễ trọng đại mà hoạn quan được tham dự, thượng thư và ngự sử là chức quan cao quý trong triều mà hoạn quan được vượt lên trên. Thế là đem bọn sống sót sau khi bị cắt thiếu đứng trên hàng quan vào bậc tấn thân⁵. Lời tranh luận của Duy Đoán và Công Đạo thật là hợp với lẽ phải, thế mà Trịnh Căn lại bênh vực Đức Tài mà bãi chức bọn Duy Đoán, thì Trịnh Căn tự ý làm càn, cũng đã quá lắm!

Lúc ấy, họ Trịnh lẩn loàn lẩn vượt, phạm công việc đã làm, thật khó đem lẽ phải mà đo dẫn được. Sở dĩ họ Trịnh còn có thể cai trị nước được, là nhờ các sĩ phu vui lòng giúp đỡ đẩy thôi. Thế mà lại khinh bỏ cả thể diện quốc gia, coi thường cả phẩm giá danh sĩ, để đến nỗi sau này bọn "điều đang"⁶ lộng quyền mà quan văn quan võ trong triều phải theo chúng sai khiến, rồi cuối cùng họ Trịnh cũng phải diệt vong. Thế thì việc này chẳng phải đáng làm gương răn một cách sâu sắc đó sau ?

Lời chua - Thủy khẩu quan: Theo sách Quảng Tây thông chí nhà Thanh, thì Thủy khẩu quan ở phía tây bắc Long Châu 95 dặm, giáp biên giới nước ta.

Trấn Nam quan: Có một tên nữa là Đại Nam quan, giáp với châu Văn Uyên tỉnh Lạng Sơn nước ta. Xem Lê Trang Tông, năm Nguyên Hòa thứ 8 (Chb. XXVII, 35).

¹ Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

² Nt.

³ Một thứ hình phạt của chế độ phong kiến. Người can phạm đã bị xử vào tội đem chém, nhưng còn được đợi ít lâu để xét lại.

⁴ Chỉ việc tha tội và trao quan chức cho bọn Kính Liêu.

⁵ Một danh từ để gọi chung các quan vào hàng khoa mục, giữ quyền cao chức trọng trong triều.

⁶ Một thứ mũ của hoạn quan đội. Mũ này đằng trước có hình con ve trang sức bằng vàng. Văn ngôn, thường dùng danh từ này, để nói riên về bọn hoạn quan.

Nam Ninh: Theo nhất thống chí nhà Thanh, thì về đời Tây Hán và Đông Hán, Nam Ninh là đất Uất Lâm; từ nhà Tấn về sau, là quận Tấn Hưng; nhà Đường, là quận Lăng Ninh thuộc châu Ung; nhà Tống, là quận Vĩnh Ninh thuộc châu Ung; nhà Nguyên gọi là lộ Nam Ninh; nhà Minh đổi là châu Nam Ninh, thuộc ty Bố chánh sứ tỉnh Quảng Tây; nhà Thanh cũng theo như nhà Minh.

Nam Nha: Cương mục tập lãm chép: Nhà Đường chia tế tướng làm nam ty, hoạn quan làm bắc ty, vì thế mới có danh từ "nam nha, bắc nha".

Hoàng môn: Theo "Bách quan chí" trong Hậu hán thư, thì chức hoàng môn lệnh một người, ăn lộc 600 thạch, giữ việc trông nom các hoạn quan trong sảnh. Sách ấy lại chua rằng: Cửa cung cấm gọi là cửa vàng (hoàng thất) dùng hoạn quan trông coi, nên viên quan coi giữ cung cấm gọi là hoàng môn lệnh.

Vũ Duy Đoán: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Nguyễn Quai: Người xã Vân Đầm, huyện Đông Ngàn.

Đặng Đình Tướng: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức, Nguyễn Quai và Đình Tướng đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Thích Dục: Người Định Châu nhà Thanh. Nhất thống chí nhà Thanh liệt Thích Dục vào hàng quan lại có danh tiếng.

Hạ lệnh: Đề cử người có tài cán, thao lược, trí mưu, dũng can.

Bây tôi về hàng quan võ đều được xét những thuộc hạ của mình xem người nào có thao lược, trí mưu, dũng can thì đề cử để triều đình biết. Về phần con em nhà tướng, người nào có tài năng đức độ thì tự mình được tiến cử lấy.

Tháng 9, mùa thu. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Vua nhà Thanh sai Thị độc Minh Đồ và Biên tu Tôn Trác Vinh sang sách phong và ban cho quốc ấn.

Trước đây, Ngô Tam Quế, bày tôi bạn nghịch nhà Thanh, chiếm cứ Vân Nam, xin nhà Lê cứu viện, triều đình nhà Lê cự tuyệt sứ thần của Tam Quế. Kịp khi nhà Thanh dẹp được Tam Quế, vua Thanh tự tay viết bốn chữ "trung hiếu thủ bang"¹ ban cho vua Lê, là có ý trọng vua Lê về việc không giúp Tam Quế. Rồi vua Thanh lại sai thị độc Ô Hắc² và lang trung Chu Xán sang dụ bảo việc ban lễ phẩm tế Huyền Tông và Gia Tông. Lúc ấy Trịnh Tạc đã mất rồi, nhưng chưa làm lễ táng. Trịnh Căn giả mạo quốc thư đưa đến mời sứ thần nhà Thanh viếng Trịnh Tạc, Minh Đồ bèn dùng lễ riêng phúng viếng.

Lời phê - Nước lớn cũng không có người giỏi³.

Lời chua - Theo Nhất thống chí nhà Thanh, thì năm Khang Hy thứ 22 (1683), nhà Thanh sai quan sang nước ta sách phong, ban cho cáo mạng và đổi cho quả ấn mới đúc, quả ấn này bằng bạc mạ vàng nóm ấn đúc hình con lạc đà. Lại ban cho bốn chữ "trung hiếu thủ bang" do chính tay vua Thanh viết.

Xét: Năm Quang Hưng thứ 21 (1598) triều Lê Thế Tông, nhà Minh hạ chiếu phong vua Lê chức An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ, và ban cho một quả ấn bằng bạc; năm Phúc Thái thứ 4 (1646) triều Lê Chân Tông, nhà Minh sai sứ sang phong Thần

¹ Bốn chữ này nghĩa là "có lòng trung thành hiếu kính để giữ nước".

² Chữ này nguyên văn chép và chua rằng: "đã tra tự điển cùng Bị khảo, Bồ di đều không có, không hiểu âm là gì". Ở đây chúng tôi thấy chữ này bên tả có chữ "hắc" nên tạm phiên là "Hắc" cho đủ tên một người để dễ đọc mà thôi. Tên này có sách chép là "Điều Sính".

³ Chỉ việc Minh Đồ dùng lễ riêng phúng viếng Trịnh Tạc.

Tông (lúc này Thần Tông đã xưng thái thượng hoàng) làm An Nam quốc vương và ban cho một quả ấn bằng bạc mạ vàng.

Giáp Tý, năm thứ 5 (1684). (Thanh, năm Khang Hy thứ 23).

Tháng 4, mùa hạ. Hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm thăm hỏi sự đau khổ ở dân gian.

Trịnh Căn hạ lệnh rằng: "Thương yêu nhân dân là công việc đứng đầu trong mọi việc chính trị. Nhân dân, có người vì quan sở tại hà khắc, bọn quyền quý ức hiếp, có người vì cố gì đó mà phải phiêu tán đi nơi khác, những hạng người ấy cần được vỗ về thương yêu mới phải". Bèn hạ lệnh cho ty Hiến sát các xứ đi tuần hành dò hỏi, đến cuối năm sẽ theo tình thật từng loại người làm tờ khai trình bày, để tìm phương pháp giúp đỡ cho họ. Lệnh này được ghi vào lệnh chỉ để thi hành.

Tháng 8, mùa thu. Gió lớn; vỡ đê sông Nhị.

Gió lớn, nước tràn dâng lên, đê sông Nhị bị vỡ, lúa ruộng ở các huyện vùng Tây Bắc phần nhiều tổn hại.

Lời chua - Nhị Hà: Có một tên nữa là sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Căn phong cho con thứ là Bách làm tiết chế.

Trước đây, con cả của Căn là Vĩnh đã chết, các con của Vĩnh còn bé, Bách là em Vĩnh, tuổi đã hơi lớn, nên Trịnh Căn tiến phong làm khâm sai tiết chế các doanh quân thủy, quân bộ, kiêm giữ quyền chính trong nước, chức thái úy, tước Kiên quận công, mở phủ Lý Chính. Tiến phong như thế, là có ý dùng Trịnh Bách làm người nối nghiệp.

Trịnh Căn tự tiến phong là đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng thánh phụ sự thịnh công nhân minh uy đức Định vương.

Trước đây, Căn đã xưng nguyên soái Định quốc vương. Bầy tôi bàn tẩn phong tước vương chỉ dùng một chữ¹. Căn bề ngoài, giả vờ nhúng nhường không nhận thấy đã hàng mấy năm, đến nay mới nhận mệnh lệnh.

Lời phê - Càng ngày càng quá! Mũ và giày đảo ngược, không còn phân biệt được trên dưới nữa. Bầy tôi đều đã là tôi tớ nhà họ Trịnh cả rồi không kể làm gì. Đến như người làm vua còn cứ nhận lấy danh tiếng hảo huyền ấy mà quên cả liêm sỉ, cũng đáng lấy làm quái gở! Như thế mà họ Trịnh vẫn không cướp ngôi vua, không hiểu vì lý do gì?

Ất Sửu, năm thứ 6 (1685). (Thanh, năm Khang Hy thứ 24).

Tháng 8, mùa thu. Định rõ lại phép khảo công.

Trước đây, các quan trong kinh ngoài trấn, mỗi năm một lần khảo công. Khi khảo xét xong, liền thi hành ngay việc truất bãi hoặc thăng trật, người ta khổ sở vì thời hạn quá ngặt. Nay bèn định mỗi năm một lần khảo công, nhưng để đủ ba lần khảo xét mới thi hành việc truất bãi hoặc thăng trật. Phép thưởng và phạt chia ra ba hạng thưởng, trung, hạ, khác nhau.

Lời chua - Phép khảo công: Theo Lê triều thiện chính thì điều lệ khảo công năm ấy như thế này:

Quan trong kinh, ngoài trấn, người nào ba lần khảo đều vào thượng hạng, được thăng chức một bậc và thưởng 50 quan tiền.

Người nào 2 lần vào thượng hạng, 1 lần vào trung hạng, được thăng chức một bậc và thưởng 20 quan tiền.

¹ Trước đây là Định quốc vương, sau là Định vương, có lẽ tước vương, dùng một chữ to hơn tước vương hai chữ.

Người nào 1 lần vào thượng hạng, 2 lần vào trung hạng, được thăng chức một bậc.

Người nào ba lần vào trung hạng, thì đợi khi đủ niên hạn giữ hiện chức, sẽ thuyên chuyển bổ dụng.

Người nào 3 lần khảo đều vào hạ hạng, phải giáng một bậc và phạt 50 quan tiền.

Người nào 2 lần vào hạ hạng, 1 lần vào trung hạng, phải giáng một bậc và phạt 20 quan tiền.

Người nào 1 lần vào hạ hạng, 2 lần vào trung hạng, phải giáng một bậc.

Tháng 12, mùa đông. Động đất.

Bính Dần, năm thứ 7 (1686). (Thanh, năm Khang Hy thứ 25).

Đinh Mão, năm thứ 8 (1687). (Thanh, năm Khang Hy thứ 26).

Tháng 3, mùa xuân. Anh Tông Hiếu Nghĩa hoàng đế¹ triều ta lên nối nghiệp.

Tháng 10, mùa đông. Không mưa.

Đã lâu không mưa, thóc lúa thu hoạch sút kém, giá gạo vọt cao, triều đình sai quan trong kinh đi đến các đạo xem xét hình thế ruộng đất, làm xe tát nước để tưới cho ruộng cấy lúa. Lại bàn thi hành việc ân xá.

Mậu Thìn, năm thứ 9 (1688), (Thanh, năm Khang Hy thứ 27).

Tháng 2, mùa xuân. Trịnh Căn bổ dụng cháu là Bính làm tiết chế².

Bính là con Trịnh Vĩnh, Vĩnh là con cả Trịnh Căn, Bính đã từng được tiến phong phó đô tướng, thái phó, Tấn quốc công. Trước đây, tiết chế Trịnh Bách mất, Căn muốn lập Bính làm người thừa tự, bèn tiến phong cho Bính tiết chế các doanh quân thủy, quân bộ các xứ, kiêm giữ cả chính quyền, chức thái úy, tước Tấn quốc công, mở phủ Dực quốc.

Tháng 3. Cấm cáo tố ruộng ẩn lậu.

Ở dân gian, những ruộng còn ẩn lậu chưa ghi vào thể lệ, nộp thuế, đều được gia ân miễn thuế. Dân xã không được tố cáo, quan tư không được nhận đơn khám xét, viên quan cai quản sở tại không được bớt việc để sách nhiễu. người nào trái lệnh sẽ bị tội.

Tháng 5, mùa hạ. Thổ ty Vân Nam nhà Thanh xâm chiếm đất biên giới ở ba châu thuộc Tuyên Quang và Hưng Hóa.

hai châu Vị Xuyên, Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang và châu Thủy Vĩ thuộc Hưng Hóa giáp liền với địa giới phủ Khai Hóa nhà Thanh. Lúc ấy, Vũ Công Tuấn chạy sang Vân Nam³, muốn nhờ Vân Nam giúp sức. Nhân đấy thổ ty Khai Hóa bèn ăn hiếp dân, chiếm lấy đất ba châu, đặt tuần ty ở các động ven biên giới, sách nhiễu thu thuế người buôn bán.

Lê Huyên, trấn thủ Hải Dương, được lệnh đi trấn thủ Tuyên Hưng, Huyên bèn cùng đốc đồng Đặng Đức Nhuận và Trần Thọ đưa thư sang Vân Nam biện luận rõ về việc này, một mặt Huyên lại hiệu dụ dân các động trở về với nước ta như cũ, nhưng thổ ty Vân Nam không chịu giao trả lại. Thành ra từ đây trở đi đất ở biên giới ba châu nhiều chỗ bị mất về nhà Thanh, suốt đời nhà Lê vẫn không sao lấy lại được.

¹ Tên là Phúc Trăn, cũng gọi chúa Nghĩa, con Phúc Tần.

² Tiết chế: Tức tổng chỉ huy quân đội trong toàn quốc.

³ Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 33, 34.

Lời chua - Vị Xuyên¹, Bảo Lạc: Tên 2 châu, đều thuộc phủ Tương An, tỉnh Tuyên Quang.

Thủy Vĩ: Tên châu, thuộc Hưng Hóa², xem Trần Đễ Hiện, năm Xương Phù thứ 8 (Chb. XI, 1).

Các động 3 châu: Xem năm Chính Hòa thứ 2 (tờ 27 trong cuốn này).

Khai Hóa: Tên phủ, thuộc tỉnh Vân Nam nhà Thanh.

Đức Nhuận: Người xã Hoa Lâm, huyện Đông Ngàn³, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

Trần Thọ: Người xã Điền (Trần) Trì, huyện Chí Linh⁴, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Kỷ Ty, năm thứ 10 (1689). (Thanh, năm Khang Hy thứ 28).

Tháng 6, mùa hạ. Người nhà Thanh bắt Vũ Công Tuấn trả lại, nước ta bắt đem giết đi.

Công Tuấn, sau khi đã lẫn lút sang Vân Nam, nương dựa vào thổ ty Nùng Tiên Lai, Công Tuấn tự xưng là tiểu Giao Cương vương, ngầm cùng dư đảng họ Mạc là bọn Kính Chử, Kính Thọ hô hào tụ tập binh lính bản thổ và người Nùng cướp bóc ở biên giới Tuyên Quang, Hưng Hóa. Trấn thủ Nguyễn Công Triều đem quân tiến đánh, không thắng được. Tiếp đó, triều đình sai đốc suất Lê Hải, đốc thị Đặng Đình Tường đem quân tiến lên, hội hợp với Công Triều để xếp đặt công việc ở địa phương này.

Bọn Lê Hải nhiều lần đưa văn thư sang viên tổng đốc Vân Nam, nhưng viên phủ Khai Hóa không để đạt giúp; sau phải dùng phải, lụa và bạc thổ giao kết một cách hậu tình với thổ ty Mộng tự là Lý Thế Bình, Thế Bình mới chuyển đạt giúp cho. Viên tổng đốc Vân Nam bèn hạ lệnh cho 3 phủ Khai Hóa, Lâm An và Quảng Nam tra xét rõ ràng, giao trả lại gái trai lớn bé hơn 120 người. Bọn Lê Hải bèn ước hẹn với phiên thần⁵ là Nông Văn Cương hội hợp ở trên biên cảnh, bắt Vũ Công Tuấn đem về giết đi, đồ đảng của hắc đều tan rã, bọn Lê Hải đều kéo quân về.

Lời chua - Mộng tự: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chb. XII, 14).

Lâm An: Tên phủ, thuộc tỉnh Vân Nam nhà Thanh, xem Lý Thần Tông, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. IV, 27).

Quảng Nam: Nhất thống chí nhà Thanh chép: Quảng Nam về triều nhà Hán, là đất quận Tường Kha; nhà Nguyên lập Quảng Nam tây lộ; nhà Minh đặt là phủ Quảng Nam, thuộc tỉnh Vân Nam; nhà Thanh theo như nhà Thanh.

Nông Văn Cương: Thổ tù châu Bảo Lạc.

Nguyễn Công Triều: Hoạn quan, người làng Đông Lao, huyện Từ Liêm⁶.

Giao Cương: Theo Nguyên sử thì địa thế ở phía tây bắc Giao Chỉ là từ Giao Cương kéo sang. Vì thế Công Tuấn lấy tên đất ấy làm vương hiệu của hắc.

¹ Tên châu này về phần mục chép "Vị Xuyên" đến lời chua lại chép lầm là Vị Châu, vì "Xuyên" và "châu" theo hán văn, 2 chữ này gần giống nhau. Vị Xuyên nay thuộc tỉnh Hà Giang, Bảo Lạc nay thuộc tỉnh Cao Bằng.

² Châu Thủy Vĩ nay thuộc tỉnh Lào Cai.

³ Nay là xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội.

⁴ Nay thuộc xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

⁵ Xem chú thích ở Chính biên quyển XXXIII, tờ 16.

⁶ Nay là xã Đông La, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho bọn Đoàn Tuấn Khoa, hữu Thị lang bộ hình, hội đồng với nhà Thanh khám xét địa giới châu Lộc Bình thuộc Lạng Sơn.

Thôn Na Oa châu Lộc Bình thuộc Lạng Sơn là nơi đất đai màu mỡ rộng rãi, tiếp giáp với đất châu Tư Lãng nhà Thanh. Thổ tù Vi Đức Thăng dời ở đất này. Gần đây, vì biên giới phương bắc có việc, nhiều đất bỏ hoang. Nhân cơ hội ấy, Đức Thăng bèn chiếm 7 thôn thuộc châu Tư Lãng, chiêu tập dân biên giới lập thành thôn trại. Thổ tù châu Tư Lãng là Vi Vinh Diệu đem việc này cáo tố với tổng đốc Quảng Tây Ngô Hưng Tộ. Và lại, Vinh Diệu tham đất Na Oa màu mỡ, muốn lấy luôn cả đất này. Việc này triều đình đưa công văn hội đồng khám xét, đã mấy mươi năm mà vẫn chưa giải quyết được.

Sau, triều đình sai Đoàn Tuấn Khoa cùng giám sát ngự sử Lê Chí Tuấn sang phủ Tứ Thành nhà Thanh hội khám. Viên quan trong quân phủ nhà Thanh là Lân Sần hỏi Đức Thăng: bên tả, bên hữu động núi gọi tên là gì? Đức Thăng không thể trả lời được, thành ra cuộc hội khám này không được việc gì. Triều đình bèn đình chỉ chức bồi tụng của Tuấn Khoa.

Đến nay, lại sai Tuấn Khoa đi hội đồng khám xét, về bên quan phái ủy của nhà Thanh, thì phủ Tư Minh có viên quan trong quân phủ nhà Thanh là họ Trần và doanh Quỳ Đạo có viên quan trong quân phủ nhà Thanh là họ Trương (Trần và Trương đều không rõ tên). Lúc ấy Tuấn Khoa giấu Đức Thăng một nơi không cho được hội kiến, mỗi khi người nhà Thanh có đòi hỏi việc gì, Đức Thăng giả vờ điếc, phải dùng người phiên dịch trả lời thay.

Khi nhận giới mốc, thì Vi Vinh Diệu chỉ một dãy núi cao có con sư tử đá trắng là giới mốc của hai nước. Viên quan phái ủy của nhà Thanh nói: "Giới mốc ở núi này, tại sao lại tranh xuống đến Na Oa? Nhà ngươi cậy là người của thiên triều¹ muốn xâm chiếm đất đai của An Nam hay sao"? Bèn quyết đoán đất Na Oa trả về châu Lộc Bình. Vinh Diệu tự nghĩ rằng, đã không chiếm được Na Oa thì bỏ luôn cả bảy châu một thể. Tuấn Khoa bèn cùng người nhà Thanh lập mốc đá rồi trở về triều.

Nói về chỗ đất bảy thôn mà nước ta được nhận, đều là đất bỏ hoang rậm, không thấy bóng người, bóng khói, chỉ có thôn Na Oa là nơi đất rộng, người nhiều, thu được mỗi lợi khá lớn. Trịnh Căn khen về việc này, lại cho Tuấn Khoa được làm bồi tụng.

Sau, thổ ty châu Tư Lãng tranh kiện mãi, triều đình lại sai bồi tụng Nguyễn Đình Hoàn cùng với Đinh Phụ Ích, đốc trấn Lạng Sơn, hội đồng khám xét. Sau đó, vì thổ tù châu Tư Lãng là Vi Thế Hoa đem 4.000 lạng bạc đến làm tin để ở đất Na Oa. Vi Phúc Kiêm tư tình ưng thuận; Thế Hoa bèn đào hào và dựng 3 bia đá ở xã An Khoái Châu Lộc Bình. Từ đấy đất Na Oa lại mất về nhà Thanh.

Lời chua - Lộc Bình: Tức Lộc Châu, xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 31).

Tư Lãng: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chb. II, 41)

Tư Minh: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 6 (Chb. VI, 40).

Tứ Thành: Tên phủ, thuộc tỉnh Quảng Tây.

Doanh Quỳ Đạo: Ở cách châu Ninh Minh thuộc tỉnh Quảng Tây 25 dặm về phía nam.

Bảy thôn: Na Hà, Na Đẩu, Na Cừ. v.v...

Nguyễn Đình Hoàn: Người xã Bái Ân, huyện Quảng Đức², đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1688) năm Chính Hòa.

Đinh Phụ Ích: Người xã Bình Trù, huyện Siêu Loại, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1712)³ năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

¹ Chỉ triều đình nhà Thanh.

² Nay thuộc thị trấn Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

³ Khoa Nhâm Thìn, Đinh Phụ Ích do chân sĩ vọng thi đỗ tiến sĩ.

Ngày Canh Dần. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Dực, sao Chấn.

Canh Ngọ, năm thứ 11 (1690). (Thanh, năm Khang Hy thứ 29).

Tháng 4, mùa hạ. Sai trấn thủ Tuyên Hưng là Lê Huyền đem quân hội đồng với người nhà Thanh đánh giặc biển ở Yên Quảng, dẹp tan được.

Giặc biển Yên Quảng là Phương Vân Long và Tân Ân Sùng chiếm cứ vùng biển Vạn Ninh, tụ tập nhiều người đi cướp bóc. Trấn tướng Long Môn nhà Thanh là Diệp Thăng đưa thư sang nước ta hẹn cùng hội quân tiêu trừ bọn này. Triều đình sai Lê Huyền đem quân đến hội, bắt được Ân Sùng và đồ đảng hơn 200 người giải giao cho Diệp Thăng ở Long Môn.

Sau khi Lê Huyền đã đem quân về, Diệp Thăng mượn tiếng là chia nhau đi bắt đảng giặc còn sót lại, rồi quân hấn vào Tiên Yên và Hoàn Bồ sách nhiễu cung đốn, nhân dân không sao chịu được sự khổ sở. Triều đình bèn làm văn thư nghiêm khắc bóc trần việc này đưa sang nói với viên tổng đốc Quảng Đông, Diệp Thăng bị tội xử trảm.

Lời chua - Tuyên Hưng: Tức Tuyên Quang và Hưng Hóa.

Yên Quảng: Tức Yên Bang. Đầu xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 29, 35).

Tiên Yên: Tên châu, hồi đầu triều Lê gọi là Tân Yên, sau đổi làm Tiên Yên, thuộc phủ Hải Đông, nay thuộc phủ Hải Ninh.

Hoàn Bồ: Tên huyện, nhà Lê gọi là Hoàn Phố, sau đổi Hoàn Bồ, thuộc phủ Hải Đông, nay đổi thuộc phủ Sơn Định.

Vạn Ninh: Tên châu, thuộc phủ Hải Ninh, xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 4 (Chb. XI, 16).

Vùng biển Vạn Ninh: Ở giáp giới châu Vạn Ninh.

Các châu huyện kể trên đều thuộc tỉnh Quảng Yên.

Long môn: Nhất thống chí nhà Thanh chép: Long Môn ở phía Nam Khâm châu 60 dặm, hai ngọn núi đứng sừng đối nhau như luồng cửa, ở giữa có cột đá nhẵn như đá mài, bên trong có chỗ chứa nhiều nước gọi là biển nhỏ, phía tây suốt đến châu Vĩnh Yên giới phận nước ta¹. Đây là một địa điểm sung yếu về đường biển.

Mưa đá.

Sai sứ thàng sang nhà Thanh.

Chánh sứ Nguyễn Danh Nho, Nguyễn Quý Đức, phó sứ Nguyễn Tiến Sách, Trần Thọ sang nhà Thanh nộp lễ tuế cống. Nhân tiện tâu: 1. Dư đảng họ Mạc lẫn lút ở Vân Nam, họp bè đảng cướp bóc đất biên giới thuộc Tuyên Quang, Hưng Hóa và Cao Bằng; 2. Thổ ty ở Khai Hóa và Mông Tự xâm chiếm những thôn động ở các châu Bảo Lạc, Vị Xuyên, Thụy Vĩ và Quỳnh Nhai, xin tra xét rõ ràng cho. Nhưng triều đình nhà Thanh im việc này đi, không trả lời.

Lời chua - Theo An Nam kỷ yếu, thì năm Khang Hy thứ 30 (1691) sứ thần nước ta là bọn Nguyễn Danh Nho, Nguyễn Quý Đức đem tờ tấu sang nhà Thanh nói: Bọn Mạc Kính Cửu, Mạc Kính Nghi xưng ngụy hiệu một cách càn rỡ, trước kia chúng cấu kết với Vũ Công Tuấn, người Tuyên Quang, cướp bóc các địa phương thuộc Cao Bằng, Tuyên Quang và Hưng Hóa. Lại nói về việc thổ ty nhà Thanh xâm chiếm đất nước ta là:

- Thổ ty thuộc phủ Khai Hóa thuộc Vân Nam xâm chiếm các xã thôn: Bách Đức, Mỹ (có sách chép: "chi") Phong, Túc Lắm, Hữu Sào, Ngọc Tỳ (có sách chép: "bôi") ở

¹ Xem thêm lời chua Cương mục về Triều Dương, Chính biên quyển II, tờ 23.

châu Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang; xã thôn các động: Đông Mông, Vô Cửu, Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Viên ở châu Vị Xuyên thuộc Tuyên Quang; 28 thôn các động: Cam Đường, Hương Sơn, Sơn Yêu, Trình Lạn và Hoa Quán ở châu Thủy Vĩ thuộc Hưng Hóa.

- Thổ ty Mông Tự xâm chiếm 25 thôn của động Trình Hàm (có sách chép "u") ở châu Thủy Vĩ thuộc Hưng Hóa.

- Hộ Nùng lẩn: bốn động châu Quỳnh Nhai, ba động châu Chiêu Tấn và các châu Quảng Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phi thuộc Hưng Hóa.

Nguyễn Danh Nho: Người xã Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng.

Nguyễn Tiến Sách: Người xã Văn Trưng, huyện Bạch Hạc. Danh Nho và Tiến Sách đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị, triều Lê Huyền Tông.

Tháng 5. Đê ở Sơn Nam bị vỡ.

Tha và giảm phú thuế cho dân có nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Lời chua - **Sơn Nam: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18, 26, 27, 34).**

Tân Mùi, năm thứ 12 (1691). (Thanh, năm Khang Hy thứ 30).

Tháng giêng, mùa xuân. Hiến Tông Hiếu Minh hoàng đế¹, triều ta nổi nghiệp.

Lại bổ dụng Vũ Công Đạo làm hữu thị lang bộ Hình.

Trước kia, Công Đạo làm đô ngự sử, vì có việc phải bãi chức về nhà². Đến nay, Trịnh Căn nghĩ Công Đạo là người thẳng, nên lại bổ dụng.

Mồng một, tháng 2. Nhật thực.

Tháng 6, mùa hạ. Hoàng thái hậu Phạm Thị mật (không rõ ngày táng và lăng mộ ở đâu).

Lời chua - Thái hậu là sinh mẫu Huyền Tông.

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh cho ty trấn thủ Tuyên Hưng chiêu tập dân phiêu lưu.

Vì có hai châu Văn Bàn và Thủy Vĩ trước bị Vũ Công Tuấn xâm chiếm quấy rối.

Lời chua - Văn Bàn: Tên châu, thuộc phủ Quý Hóa, tỉnh Hưng Hóa³.

Thủy Vĩ: Xem Trần Đễ Hiện, năm Xương Phù thứ 8 (Chb. XI,1).

Khảo xét công trạng quan trong kinh, ngoài trấn, biếm chức bọn Tống Nho và Nguyễn Đăng Tuân nặng nhẹ khác nhau.

Lúc ấy, việc khảo xét công trạng rất nghiêm ngặt, người nào có thành tích về chính trị, được thăng lên trật tự cao và điều bổ đến nha môn phiến khuyết⁴; người nào công trạng liệt vào hạng thấp, phải giáng truất. Tham chính Sơn Nam Tống Nho, tham chính Thái Nguyên Nguyễn Trí Trung, phủ doãn⁵ Nguyễn Đăng Tuân, giám sát Vũ Duy Dương và tư huấn Nguyễn Quang Thọ đều bị liệt vào hạng hạ khảo, nên những người này hoặc bị biếm truất, hoặc bị cách chức có khác nhau. Phạm Quang Trạch

¹ Tên Phúc Tu, hiệu Thiên Túng đạo nhân, con trưởng Phúc Trấn.

² Xem thêm tờ 13 trong cuốn này.

³ Nay thuộc tỉnh Lào Cai.

⁴ Nơi đất rộng người đông, việc binh việc lương gấp đôi nơi khác, phải bận rộn về việc bắt bớ đốc giục; thêm vào đấy việc kiện tụng nhiều, án tử phiến phức phải bận rộn về khám hỏi xét xử. Xem thêm chú thích ở tờ 19 Chính biên quyển XXXV.

⁵ Tri phủ Phụng Thiên.

tham chính Kinh Bắc, vì khảo xét công trạng của liêu thuộc trong ty không đúng sự thật, nên bị biếm làm đô cấp sự.

Lời chua - Tư huấn: Theo quan chế đời cổ Lê, tư huấn ở quán Chiêu Văn, tư huấn ở cục Tú Lâm, đều hàm bát phẩm, thuộc viện Hàn lâm.

Tổng Nho: Người xã Tiên Mộc, huyện Nông Cống¹.

Nguyễn Trí Trung: Người xã Lực Điền², huyện Đông An. Tổng Nho và Trí Trung đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Nguyễn Đăng Tuân: Người xã Hoài Bảo³, huyện Tiên Du, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1673) năm Dương Đức triều Lê Gia Tông.

Vũ Duy Dương: Người xã Thanh Thủy⁴, huyện Nam Đường, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Phạm Quang Trạch: Người xã Đông Ngạc⁵, huyện Từ Liêm, đỗ bảng nhãn khoa Quý Hợi (1683) năm Chính Hòa.

Nguyễn Quang Thọ: Người xã Quảng Bồ⁶, huyện Quảng Đức, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thân (1680) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông. Quảng Đức nay là Vĩnh Thuận.

Nhâm Thân, năm thứ 13 (1692). (Thanh, năm Khang Hy thứ 31).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 3. Ngô Sách Tuân, đốc trấn Cao Bằng, bắt được đảng giặc là bọn Mạc Kính Chư, giải về kinh, giết đi.

Trước đây, Sách Tuân, trấn thủ Cao Bằng, đánh giặc ở La thượng đàn, vì có công được thăng tham chính, sau triệu về triều, thăng thái thường tự khanh, rồi lại sai đi trấn Cao Bằng.

Lúc ấy, dư đảng họ Mạc chạy sang Long Châu, ngầm cấu kết với thổ ty nhà Thanh dòm dò biên giới. Sách Tuân sai thuộc hạ trong trấn là Bế Công Quỳnh giao kết thân mật với thổ quan Long Châu, bắt được Hán đường công của giặc là Mạc Kính Chư, đồ đốc của giặc là Đinh Công Đĩnh cùng đồ đảng đưa về kinh sư giết đi. Triều đình bàn công: Sách Tuân được thăng hữu thị lang bộ Công, giám hộ là Lê Bật Huân và Nguyễn Công Ban đều được thăng giám sát ngự sử, Bế Công Quỳnh được thăng tước quận công.

Lời chua - Cao Bằng: Thuộc tỉnh Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

La thượng đàn: Tên đất, thuộc tỉnh Cao Bằng.

Ngô Sách Tuân: Người xã Tam Sơn⁷, huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

Bế Công Quỳnh: Thổ ty ở Cao Bằng.

Quý Dậu, năm thứ 14 (1693). (Thanh, năm Khang Hy thứ 32).

¹ Thanh Hóa.

² Xã Lực Điền nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

³ Nay là xã Liên Bảo, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁴ Nay là xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

⁵ Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

⁶ Nay là phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội.

⁷ Nay là xã Tam Sơn, huyện Tiên Sơn Bắc Ninh.

Tháng 6, mùa hạ. Thi khảo các quan văn về từ lệnh.

Những người trúng cách về môn thi này là: Nguyễn Công Đồng, Vũ Thạnh, Hà Tông Mục và Nguyễn Hành.

Lời chua - Nguyễn Công Đồng: Người xã Đồng Khê¹, huyện Thanh Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Vũ Thạnh: Người phường Báo Thiên, huyện Thọ Xương, nguyên quán xã Đan Loan², huyện Đường An, đỗ thám hoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hòa.

Hà Tông Mục: Người xã Tinh Thạch³, huyện Thiên Lộc.

Nguyễn Hành: Người xã Huê Cầu (nay là Xuân Cầu)⁴ huyện Văn Giang. Tông Mục và Nguyễn Hành đều đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1688) năm Chính Hòa.

Chấn chỉnh lại thể văn thi các khoa trường.

Đời Hồng Đức (1470-1497) trước, thể văn cốt trang nhã đầy đủ, lời văn trung hậu, hơi văn hùng hồn. Sau khi trung hưng, học trò câu nệ về lẽ lối saõ cũ, thể văn ngày càng thấp kém. Đến nay mới gia công chấn chỉnh phép thi, nhất luật dùng theo thể văn đời Hồng Đức.

Lời chua - Thể Văn: Sử cũ chép: Nhà Lê từ trung hưng trở về sau, thể văn ngày càng què mùa:

Thể văn chế nghĩa, chỉ làm một câu khai giảng, ngoài ra chép toàn lời tập chú trong sách, không phát minh được ý kiến gì;

Thể văn thơ, phú và tứ lục, đều cóp nhặt theo văn cũ, không ngại trùng kiến.

Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép: Thể phú về đời Hồng Đức, cách luật, âm điệu tề chỉnh, theo như thể chế đời nhà Tống.

Ngô [Thì] Sĩ nói: Thể văn đời Hồng Đức.

Kinh Nghĩa, tùy ý dùng chữ, cốt phát huy được ý nghĩa trong sách;

Tứ lục, vừa dùng sử cổ vừa dùng thời sự triều Lê;

Phú, hoặc dùng thể Ly tao, hoặc dùng thể Văn Tuyển;

Thơ không câu nệ ngôn ngữ hoặc thất ngôn, đều dùng xen cả điển trong sử, trong truyện hoặc sách ngoài cùng các cảnh vật khác.

Thể văn kể trên, không phải người học hỏi rộng rãi không thể làm được.

bắt đầu đặt chức quan kiêm bản lãnh công việc ở Quốc Tử giám.

Tham tụng Nguyễn Văn Thục làm tờ khai nói: "Nhân tài do ở trường học mà ra. Các đời trước sở dĩ được nhiều nhân tài là vì đã sẵn có công giáo dục bồi dưỡng từ trước. Nay Quốc Tử giám nên đặt chức quan kiêm nhiệm, để cho chức vụ được long trọng. Rồi lại chọn kỹ các viên tế tửu, tư nghiệp và các viên giáo thụ, học chính đã từng chuyên nghiên cứu năm kinh, ngày thường giảng tập, khiến học trò có thể thành người tài giỏi, để giúp công việc quốc gia". Trịnh Căn nghe theo lời khai ấy.

Lời chua - Quốc Tử giám: Xây dựng từ năm Thần Vũ thứ 2 (1070) đời Lý Thánh Tông⁵, đến đời Hồng Đức nhà Lê sửa sang mở rộng ra¹. Nhà Giám ở địa phận thôn Minh

¹ Nay thuộc xã An Lâm, huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương.

² Nay thuộc xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

³ Nay là thôn Tinh Thạch, xã Tùng Lộc, huyện Hà Tĩnh.

⁴ Nay thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

⁵ Xem thêm Chính biên quyển III, tờ 30.

Giám, huyện Thọ Xương về phía tây nam phủ Phụng Thiên trong kinh thành. Nay là Văn Miếu Hà Nội.

Chức quan ở Quốc Tử giám: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì triều Tiền Lê đặt chức tế tửu, tư nghiệp, trực giảng, bác sĩ và giáo thụ. Chức tế tửu tất phải dùng viên đại thần kiêm lãnh, rồi lại đặt thêm chức bác sĩ năm kinh². Sau khi nhà Lê trung hưng, bãi bỏ các chức kể trên, chỉ đặt tế tửu và tư nghiệp.

Giáo thụ, học chính: Theo quan chế năm Bảo Thái (1720-1728), thì Quốc Tử giám có: giáo thụ, hàm chánh bát phẩm; học chính, hàm tòng bát phẩm.

Tháng 12, mùa đông. Định phép xét công trạng các lại điển.

Phép xét công trạng chia làm 4 hạng: 1. hạng liêm khiết, tài năng, 2. hạng lười biếng, 3. hạng bình thường, 4. hạng tham lam giảo quyết. Phạm thuộc lại các nha môn trong kinh ngoài trấn, cứ 3 năm một lần khảo xét công trạng, để định việc truất bãi hoặc thăng thưởng. Phép khảo công này định làm thể lệ lâu dài.

Giáp Tuất, năm thứ 15 (1694). (Thanh, năm Khang Hy thứ 33).

Tháng giêng, mùa xuân, mưa đá.

Tháng 5, mùa hạ. Bắt giết 52 người dân hung ác xã Đa giá thượng.

Xã Đa giá thượng, đường núi hiểm trở hẹp hòi, lại nhiều hang hóc. Dân xã ấy lập riêng khoán ước với nhau, đặt điểm canh, hễ có người đi lại hoặc ngũ trợ, chúng nhân ban đêm đón đường giết chết, vút xác vào trong hố mà cướp lấy của cải. Việc này đã trải hơn 20 năm, xương trắng chừa chất thành đồng. Đến nay việc phát giác, triều đình sai Thạch quận công Lê Hải đi khám xét, bắt được đồ đảng 290 người, đem chém và bêu đầu 52 người hung ác đầu sỏ, còn những người khác đều đem chặt ngón tay rồi lưu đi viễn châu, xóa bỏ tên làng của xã này.

Lời chua - Đa giá thượng: Tên xã, thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, xứ Thanh Hoa, nay thuộc phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tháng 7, mùa thu. Bọn Nguyễn Danh Nho, tả thị lang bộ Lại và Ngô Sách Tuân, hữu thị lang bộ Lại, can tội, đều bị giáng chức.

Tả thị lang bộ Lại là Nguyễn Danh Nho lựa chọn bổ dụng các quan chức, có người nói việc tuyển bổ ấy những lạm bừa bãi, phần nhiều không hợp thể lệ; hữu thị lang Ngô Sách Tuân tư túi tuyển bổ hai người học trò của mình. Việc này giao xuống cho người bày tội trong triều bàn định. Giáng chức Danh Nho làm hữu thị lang bộ Hình, Sách Tuân làm tham chính Lạng Sơn. Còn Lại khoa cấp sự là Nguyễn Đình Trụ không biết đàn hặc, biện bác việc tuyển bổ ấy, nên bị giáng làm hiệu thảo. Về việc này, 24 người bị truy tước mất giấy cáo thân³.

Ngô Sách Tuân lại tố cáo: "Lê Hy lúc làm việc ở bộ Lại, tư túi với con là Lê Thuyên và học trò là Tô Hình, lén lút làm việc cầu cạnh gửi gắm". Việc này cũng giao xuống bày tội trong triều xét bàn, nhưng lời nói của Sách Tuân đều không có gì là sự thật, nên Sách Tuân lại phải giáng làm đô cấp sự.

Nguyễn Đình Trụ sau khi bị giáng, nhân được rỗi việc, nên dạy bảo rèn luyện bọn hậu tiến, học trò có hàng ngàn người, nhiều người thành đạt, những người thi đỗ giáp bảng⁴ trước sau hơn 70 người.

Làm số tu tri.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXIII, tờ 38.

² Xem thêm Chính biên quyển XX, tờ 19.

³ Bản giấy do viên quan giữ quyền tuyển bổ cấp cho người được tuyển bổ giữ làm bằng chứng cũng như văn bằng sau này.

⁴ Nguyên văn chép "giáp đệ", tức những người thi đình đỗ tiến sĩ.

Bốn mặt địa phận ở các xã, phàm núi, sông, khe, cù, ruộng, đất, chùa, miếu, chợ, bến đò, và đường sá, hết thấy đều biên chép vào sổ gọi là sổ tu tri.

Dân ở Sơn Nam và Hải Dương bị đói.

Triều đình phân phối các quan đi khám xét, tha tô thuế dao dịch cho dân, nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Lời chua - Sơn Nam, Hải Dương: Xem Lê Thánh Tông, năm (Chb. XI, 17, 18, 25, 26, 34).

Ất Hợi, năm thứ 16 (1695). (Thanh, năm Khang Hy thứ 34).

Tháng giêng, mùa xuân. Thanh Hoa có hạn thủy tai, dân bị đói.

Thanh Hoa nước ngập, dân bị đói, triều đình cho trích một vạn quan tiền ở kho An Trường phát chẩn cho dân. Để cứu vớt dân, triều đình lại hạ lệnh cho các quan chăm chú, bàn định chính sách cứu đói: giảm nhẹ, thuế hộ, hoãn việc xây dựng sửa chữa.

Lời chua - Kho An Trường: Ở xã An Trường, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Thiên, nay thuộc phủ Thiệu Hóa, lúc bắt đầu trung hưng đặt hành tại ở đây¹ nên có kho công.

Tháng 6, mùa hạ. Không mưa.

Ngày Mậu Dần, tháng 7, mùa thu. Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Gia chức đô đốc cho viên trấn thủ Sơn Tây là Lê [Thì] Liêu.

Lê [Thì] Liêu ở trấn Sơn Tây, dẹp yên được trộm cướp, dập tắt được kiện tụng. Triều đình cho là xứng đáng với chức vụ, nên đặt cách gia phong chức đô đốc để biểu dương công trạng của Liêu.

Lời chua - Lê [Thì] Liêu: Người xã Phú Hào, huyện Lôì Dương, là con Lê [Thì] Hiễn.

Bính Tý, năm thứ 17 (1696). (Thanh, năm Khang Hy thứ 35).

Tháng 3, mùa xuân. Thi khảo bày tô vào hạng kỳ cựu có tài đức ở nhà Quốc học².

Bọn Trần Xuân Vũ 10 người được dự trúng cách.

Tháng 7, mùa thu. Lại hạ lệnh nghiêm cấm tà đạo Gia Tô.

Đầu năm Cảnh Trị³, đã nhiều lần ra lệnh cấm tà đạo Gia Tô, nhưng không sao cấm hẳn được. Đến nay, hạ lệnh dò la xét hỏi một cách nghiêm ngặt để trị tội, phàm nhà thờ đạo, kinh sách đạo, thầy đều phá hủy, để trừ hết đạo dị đoan.

Nghiêm sức cho người phương bắc sang trú ngụ, nhất luật phải tuân theo phong tục nước ta.

Từ khi người nhà Thanh vào làm vua Trung Quốc, gióc tóc, mặc áo vải, giữ y nguyên tập tục cũ Mãn Châu, lễ giáo phong tục về áo mũ đời tống, đời Minh bị bỏ hết. Lái buôn phương bắc đi lại nước ta lâu ngày, trong nước cũng có người bắt chước. Triều đình bèn nghiêm sức:

Các người phương bắc, người nào đã biên tên vào sổ sách nước ta, thì từ ngôn ngữ đến đồ mặc nhất luật phải theo phong tục nước ta.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXVIII, tờ 4.

² Đầu bài thi "Ngư thủy long vân luận".

³ Tức năm Cảnh Trị thứ nhất (1663) đời Lê Huyền Tông. Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 6.

Các lái buôn phương bắc đến trú ngụ nước ta, nếu không có người quen biết hướng dẫn, không được tự tiện vào kinh thành.

Nhân dân ở ven biên giới không được bắt chước tiếng nói và đồ vật của người phương bắc.

Người nào trái sắc lệnh trên sẽ bị trị tội.

Tháng 8. Giáng chức tham tụng Nguyễn Quán Nho làm tả thị lang bộ Binh, liên đó lại cho làm đô ngự sử¹.

Quán Nho là người giản dị. Lúc ấy sắp thi khảo các quan trong kinh, ngoài trấn. Trịnh Căn triệu Quán Nho và Lê Hy vào phủ để nghỉ sẵn đầu bài thi và dặn: "Chớ tiết lộ cho ngoài biết. Quán Nho ngồi chơi nói chuyện với Đặng Đình Tướng, vô tình làm hơi lộ đầu bài thi. Thái giám Ngô Phan Lân vẫn không bằng lòng với Quán Nho, đem việc này tố cáo. Trịnh Căn giận, bèn biếm chức Quán Nho. Hôm sau, bỗng đô ngự sử Nguyễn Quý Đức vì có việc giáng chức. Trịnh Căn lại cho Quán Nho làm đô ngự sử.

Lời phê - Việc làm của họ Trịnh, đều không đáng bàn luận làm gì. Việc này cũng như việc giáng chức Mậu Tài khi trước².

Nguyễn Quý Đức và Đoàn Tuấn Khoa có tội bị giáng chức.

Con em của đô ngự sử Nguyễn Quý Đức có người nhận lễ vật đút lót của người bị kiện. Quý Đức biết chuyện, đem tang vật giải nộp và tự trình bày. Bầy tôi triều đình bàn xét, lấy cố rằng Quý Đức xử kiện trái lẽ, mà số tang vật đem trình bày không đúng sự thật, nên Quý Đức bị giáng làm tả thị lang bộ Binh. Con của Bồi Tụng Đoàn Tuấn Khoa cũng nhận của đút lót, việc phát giác, Tuấn Khoa bị giáng làm đô cấp sự.

Tháng 9. Lập Triều Phúc làm vua nước Ai Lao.

Triều Phúc, con cháu vua nước Ai Lao, cha hãn gặp hoạn nạn, trốn vào động Sơn Vị mấy năm, nay vua Ai Lao mất, người trong nước dò hỏi, biết được chỗ ở của Triều Phúc, họ bèn cùng bọn thổ tù Cầm Đàng xin với triều đình rước Triều Phúc về lập làm vua. Đặng Tiến Thự trấn thủ Nghệ An, đem việc này tâu trình. Triều đình bèn hạ lệnh cho Tiến Thự đem quân hộ vệ đưa Triều Phúc về thành Mang Chan (Chăn) lập làm vua, bắt đời đời cống nạp theo với chức phận đã định.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 10). Nay ở Thượng Du phía tây, ven biên giới Thanh Nghệ, các phủ người thổ ở Lạc Biên, Trấn Ninh đều gọi là Lào³.

Động Sơn Vị: Ở huyện Hội Nguyên, thuộc Nghệ An.

Thành Mang Chan (Chăn): Tức đất trấn Ninh. Còn như thành Viên Chăn nước Vạn tượng thì là kinh đô của nước Vạn Tượng⁴. Ở đây chép "Triều Phúc về Mang Chan (Chăn)", dưới đây lại chép "Trần Ninh phụ thuộc làm tôi đã lâu"⁵ và chép "quân thành Mang Chan (Chăn)", thì địa danh "mang Chan (Chăn)", đều chỉ vào trấn Ninh, mà không phải Viên Chăn của Vạn Tượng. Thế thì Trấn Ninh lại có một tên nữa là Mang Chan (Chăn). Địa danh này vì nghi chép không rõ ràng, sẽ khảo cứu sao.

Bắt đầu sai quan văn, quan võ chia nhau khám xét kiện tụng.

¹ Chức quan đứng đầu ở ngự sử đài, hàm chánh tam phẩm.

² Xem thêm tờ 11 trong cuốn này.

³ Tiền biên quyển IV, tờ 10 chép: "Các man ở trấn Man, trấn Ninh và Lạc Biên, tục đều gọi là Lào. Ở đây chỉ chép Lạc Biên và trấn Ninh không có trấn Man. Lạc Biên trước thuộc Nghệ An, năm Vĩnh Mệnh thứ 21 (1840) thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Trấn Ninh đặt năm Minh Mệnh thứ 8 (1827) thuộc Nghệ An.

⁴ Tức thủ đô nước Lào bây giờ.

⁵ Xem thêm tờ 47 trong cuốn này.

Trước đây, các kiện tụng đã qua các nha môn xét xử, mà còn có người nào chưa phục tình, được phép khiếu tố lại ở Ngự sử đài. Lúc ấy triều đình mới sai quan khám kỹ xét lại. Sau khi việc kiện xong, chức quan ấy lại bãi bỏ đi. Đến nay, vì kiện tụng giấy tờ càng ngày càng phiền phức, nên sai quan văn, quan võ chia nhau khám xét. Sau này, trong phủ liêu¹ có chức thêm sai giữ việc khám xét kiện tụng bắt đầu từ đây.

Lời cần án - Việc kiện tụng mà không phân xử được xong xuôi, là do người xét kiện không công bằng chính trực. Nay vì kiện tụng nhiều, không biết tìm người công bằng chính trực để chuyên giao công việc xét xử, mà lại chia rộng trách nhiệm xét hỏi đến cả hạng vũ biên, như thế còn có thể gọi là biết thể thống cai trị được không?

Tháng mười mùa đông. Phúc hạch học trò thi hương.

Khoa thi hương năm ấy, các xứ khảo xét học trò phần nhiều bừa bãi. Triều đình bèn hạ lệnh cho các quan trong viện chấm thi, khi tiến trường rồi trước hết phúc hạch để loại bỏ bớt đi. Lúc ấy học trò ở Thanh Hoa, Nghệ An, Sơn Tây và phủ Phụng Thiên nhiều người bị loại. Các quan trong hai ty Thừa Chính, Hiến sát và viên phủ doãn Phụng Thiên cùng các huyện, các châu, người nào khảo hạch học trò không đúng sự thực đều bị truất bãi.

Tháng 12. Ngô Sách Tuân có tội, bị giết; Ngô Hải vì liên can, bị bãi chức; Phan Tự Cường được thăng chức thêm đô.

Lúc ấy Sách Tuân giữ chức giám thi² trường thi Thanh Hoa. Trước khi đi Thanh Hoa, Sách Tuân đến yết kiến tham tụng Lê Hy, Lê Hy đem hình dáng giấy đóng quyển thi³ của các con mình nói cho Sách Tuân biết. Sau đó quyển thi của con Lê Hy không được vào hạng trúng cách. Sách Tuân thấy trước kia có hiềm khích với Lê Hy⁴, muốn nhân dịp này gây tình nghĩa, bèn bí mật đưa quyển thi của con Lê Hy cho khảo quan⁵ phê lấy đỗ. Đề điều⁶ trường thi là phó đô ngự sử Ngô Hải biết chuyện, tâu với Sách Tuân sẽ giấu kín đi cho. Việc này, bị Phan Tự Cường, tham chính Thanh Hoa, phát giác ra. Triều đình giao xuống cho các quan văn, quan võ hội bàn. Sách Tuân phải luận tội giảo⁷, Ngô Hải vì không biết giữ lòng chính trực, bị bãi chức; các quan phúc khảo, giám khảo đều bị phạt, Tự Cường được thăng chức thêm đô ngự sử⁸.

Lời cần án - Lê Hy làm tế tướng trong nước, lại gửi gắm con với viên quan giữ việc chấm thi, Sách Tuân xu nịnh riêng với người đại thần mà nhận lời ký thác, buộc vào pháp luật, thì hai người này tội cũng như nhau. Thế mà chỉ một mình Sách Tuân phải chịu tội, còn bố con Lê Hy thì không xét hỏi gì đến, như thế, còn có thể gọi là hình pháp gì nữa? Phan Tự Cường biết hặc Sách Tuân mà không một lời nào đả động đến Lê Hy, thì cùng với người nịnh hót Lê Hy cũng chẳng hơn kém nhau mấy tý. Tự Cường cũng một loại như Sách Tuân mà thôi.

Lời chua - Ngô Hải: Người xã Đường Hào, huyện Đường Hào, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Tự Cường: Người xã La Võng⁹, huyện Yên Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị.

¹ Thời đại Lê - Trịnh, trong phủ chúa Trịnh có các chức: chương phủ sự, quyền phủ sự, thự phủ sự và tham tụng, bồi tụng gọi là "ngũ phủ phủ liêu". Xem thêm Chính biên quyển XLI, tờ 11.

² Tức phó chủ khảo.

³ Giấy đóng quyển thi của con Lê Hy Tông, dùng dạng giấy Thanh Hoa (Lịch triều tập ký quyển I).

⁴ Xem thêm tờ 33, 34 trong cuốn này.

⁵ Tức các viên phúc khảo, giám khảo.

⁶ Tức chánh chủ khảo.

⁷ Bất phạm nhân thất cổ chết. Một tội nặng trong ngũ hình thời cổ.

⁸ Một chức quan ở Ngự sử đài, hàm chánh ngũ phẩm.

⁹ Nay là thôn võng, xã võng La, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đinh Sửu, năm thứ 18 (1697). (Thanh, năm Khang Hy thứ 36).**Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Thanh.**

Chánh sứ Nguyễn Đăng Đạo, Nguyễn Thế Bá, phó sứ Đặng Đình Tường, Nhữ Tiến Hiến sung phái bộ nộp lễ tể cống, nhân tiện tâu bày cả việc biên giới Tuyên Quang, Hưng Hóa nữa.

Lời chua - Đăng Đạo: Người xã Hoài Bảo, huyện Tiên Du, đỗ trạng nguyên¹ khoa Quý Hợi (1683) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Tiến Hiến: Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường Yên, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thân (1680) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

Nguyễn Thế Bá: Tên cũ là Ngô Chung, sau đổi Nguyễn Thế Bá, người xã Cẩm Chương, huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị.

Việc biên giới Tuyên Quang, Hưng Hóa: Xem năm thứ 9 ở trên (từ 20, 21, 26, 27 trong cuốn này).

Mồng một, tháng 3. Nhật thực.**Tháng 11, mùa đông. Sách Quốc sử thực lục² đã biên soạn xong.**

Năm Cảnh Trị trước³, tham tụng Phạm Công Trứ chép nối theo quốc sử từ Trang Tông đến Thần Tông, nhưng việc khắc ván gỗ chưa xong. Năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676), Hồ Sĩ Dương trông coi việc Quốc sử, Sĩ Dương mất, triều đình lại sai Lê Hy và Nguyễn Quý Đức biên soạn sự thực trong 13 năm từ Huyền Tông đến Gia Tông, cũng gọi là Tục biên. Đến nay sách đã biên soạn xong, dâng nộp. Triều đình bèn cho khắc cả hai bộ sách này ban hành trong nước.

Mậu Dần, năm thứ 19 (1698). (Thanh, năm Khang Hy thứ 37).**Tháng giêng, mùa xuân. Mưa đá.****Tháng 2. Bổ dụng Lê Huyền làm trấn thủ Nghệ An.**

Trước kia, Yên quận công Đặng Tiến Thự trấn thủ Nghệ An 24 năm, nơi biển cảnh không xảy ra việc gì. Tiến Thự mất, nên bổ dụng Lê Huyền trấn thủ thay. Huyền, nguyên họ tôn thất nhà Lê, là người trầm tĩnh cương nghị, có mưu mô và dũng cảm, chỉ huy binh lính rất nghiêm chỉnh. Huyền từng giữ năm trấn, đều nổi tiếng là người có tài năng.

Lời chua - Năm Trấn: Huyền từng làm trấn thủ Hải Dương, Quảng Yên, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Nghệ An. Tên cũ là Hán Trọng, Trịnh Huyền, là lấy theo họ do nhà Trịnh đổi cho. Nay cải chính họ Lê.

Cấm đánh bạc.

Lúc ấy, trong nước không xảy ra việc gì, quan và nhiều phần nhiều đánh bạc bằng lối "ý tiền", ở nơi đô hộ thành thị lại càng thịnh hành lắm. Triều đình bèn hạ lệnh cho viên đề lãnh dò xét. Người chứa gá và người đánh bạc đều bị phạt nặng; số tiền phạt nhiều hay ít tùy theo thứ bậc phẩm trật của từng người.

Lời chua - Ý tiền: Theo Hậu hán thư thì Lương Kỳ hay chơi ý tiền. Cách chơi ý tiền: Con bạc đặt tiền kín, rồi kiểm điểm bằng cách cứ 4 đồng là 1 vị⁴.

¹ Tức trạng Bự, vì xã Hoài Bảo tục gọi là làng Bự, nay là thôn Hoài Bảo, xã Liên Bảo, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

² Tức bộ đại việt sử ký bản kỷ tục biên.

³ Tức năm Cảnh Trị thứ 3 (1665) triều Lê Huyền Tông.

⁴ Lời chua của nguyên văn không được rõ lắm. Tham khảo Tử thư (Tử Hải, trang 537, 598) thì ý tiền, tục gọi "than tiền". Nguyên tắc đánh than tiền như thế này: Trong bàn đánh bạc chia thành bốn cửa: 1,2,3,4 các người đương trường được tùy ý lấy một số hạt gì đó (không rõ số lượng) bỏ vào trong một cái hộp đã để sẵn ở giữa bàn. Trong 4 cửa, con bạc muốn đánh cửa nào thì đặt tiền vào cửa ấy. Xong rồi, người cầm cái đồ số tiền hoặc hạt đã đựng trong hộp ra kiểm điểm, cứ lấy số 4 làm một đơn vị mà trừ

Theo Thiên chính lục đời cổ Lê, thì năm ấy hạ lệnh nghiêm cấm đánh bạc. Các quan: tam thái, tam thiếu¹, tả hữu đô đốc, thượng thư, đô đài, ngự sử, ai chứa gá phải phạt 500 quan tiền, ai đánh bạc phải phạt 500 quan tiền; ngoài ra cứ theo thứ tự và phẩm trật mà giảm dần số tiền phạt. Các hạng quân và dân: ai chứa gá phải phạt 30 quan; ai đánh bạc phải phạt 20 quan.

Tháng 4, mùa hạ. Bọn sứ thần Nguyễn Đăng Đạo từ nhà Thanh trở về nước.

Trước kia, 3 động Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phổ Viên thuộc châu Vị Xuyên xứ Tuyên Quang, bị thổ ty phủ Khai Hóa nhà Thanh xâm chiếm. Trấn thủ Lê Huyền thường đem quân vào đất này, rồi đem hết tình trạng xâm chiếm tâu bày về triều đình. Trịnh Căn bàn tính việc tranh luận để lấy lại 3 động.

Tham tụng Nguyễn Văn Thực xin đợi kỳ tuế cống sẽ làm một tờ phụ tấu về việc này. Năm Chính Hòa thứ 11 (1690), Nguyễn Danh Nho đã sang tâu bày, nhưng công việc không xong. Sau Nguyễn Đăng Đạo lại đem quốc thư sang xin nhà Thanh trả lại đất 3 động. Vua Thanh toan sai viên quan đại thần đi khám xét. Vương Kế Văn, tổng đốc Văn Quý, dâng sớ nói: "3 động ấy là đất cũ của thổ mục Nùng Vạn Chung, khoảng năm Thuận Trị (1644-1661), niên hiệu Thế Tổ nhà Thanh), ở Mông Tự vẫn thu lương của ba động ấy; năm Khang Hy thứ 5 (1666) đổi thuộc phủ Khai Hóa, trong sổ lấy tên là Đông An Lý, từ bấy đến nay, trải 30 năm đã có định ngạch". Ngay lúc ấy Thạch Văn Thạnh, tuần phủ Vân Nam, vào yết kiến vua nhà Thanh, dâng địa đồ nói: "3 động ấy từ đời nhà Minh đã thuộc về đất Trung Quốc, không phải đất của An Nam". Vua nhà Thanh dụ bảo bày tâu nội các bàn luận xác đáng sẽ tâu bày. Lúc bàn luận, Đăng Đạo cố bẻ bác bàn cãi, nên việc này chưa giải quyết được. Vua nhà Thanh bèn theo lời tâu của bộ, sai làm tờ thư từ chối không nhận lời thỉnh cầu của nước ta".

Sau khi Đăng Đạo về nước, triều đình đã nhiều lần làm văn thư gửi sang biện luận đòi trả lại đất 3 động, nhưng viên tuần phủ tỉnh Quảng [Tây] không để đạt lên cho, thành ra phải bỏ việc bàn cãi đòi lại đất 3 động.

Lời can án - Năm ấy, Đăng Đạo phụng sự đi sứ, đem việc mất đất 3 động Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phổ Viên tâu bày biện luận, bị nội các nhà Thanh bác đi. Nay tham khảo sách An Nam kỷ yếu chép: "Năm Khang Hy thứ 30 (tức năm Chính Hòa thứ 12), (1691), Sứ thần nước ta tâu nói: Thổ ty phủ Khai Hóa xâm chiếm xã, thôn 60 động về đất biên giới thuộc 3 châu Vị Xuyên, Bảo Lạc, Thủy Vĩ, và xâm chiếm 3 châu Quảng Lăng, Hoàng Nham và Hợp Phì". Như vậy thì số đất bị mất không phải chỉ có 3 động ở Vị Xuyên mà thôi đâu.

Sau này, đến năm Bảo Thái thứ 9 (1728), người nhà Thanh trả lại đất nước ta cũng chỉ trả có: núi xường chỉ ở Vị Xuyên, núi xường đồng ở Tụ Long, cộng 120 dặm². Còn như những đất đã mất ở châu Bảo Lạc, châu Thủy Vĩ cùng 3 động Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Viên ở Vị Xuyên, vẫn không thấy trả lại. Xem như thế thì đất ở biên giới nước ta bị mất về nhà Thanh còn nhiều.

Đại để, nhà Lê từ trung hưng trở về sau, giường mỗi vua tôi không rõ rệt, thể nước ngày một suy yếu dần, một dải đất ở thượng du phó mặc cho bọn phiến thần³ nổi đời coi giữ, hoặc chúng đem đất công bán riêng cho người nước ngoài, hoặc chúng cùng người nước ngoài xâm cướp lẫn nhau, triều đình chỉ ràng buộc lỏng lẻo mà thôi. Tình thế này không phải mới xảy ra mà chứa chất đã từ lâu lắm. Đến lúc Vũ Công Tuấn bội bạn, chạy sang nhà Thanh⁴, thổ ty nhà Thanh bèn nhân đấy chiếm đoạt bằng cách ăn hiếp. Thế thì việc mất 3 động này có lẽ vào khoảng năm Dương Đức-Vinh Trị (1672-1680). Còn như Vương Kế Văn và Thạch Văn Thạnh nói: "3 động Ngưu Dương thuộc vào Trung Quốc đã lâu", chẳng qua bọn này chỉ bịa đặt lời nói vu vơ để thỏa mãn được sự chiếm đoạt hàm hồ mà thôi. Lúc ấy triều đình nhà

đi. Khi cuối cùng, sẽ xem số lễ còn lại bao nhiêu. Số lễ này này trúng vào cửa nào, thì người đặt tiền ở cửa ấy được. Lễ đánh bạc này có lẽ là đánh phán thán. Lễ đánh lú của nước ta trước kia cũng gần giống như thế. Bốn cửa trong bàn đánh lú, người ta thường gọi "yêu, lượng, tam, túc".

¹ Túc thái sư, thái phó, thái bảo và thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo.

² Xem thêm Chính biên quyển XXXVII, tờ 3, 45.

³ Xem chú thích ở Chính biên, quyển XXXIII, tờ 16.

⁴ Xem thêm Chính biên XXXIII, tờ 33, 34 và tờ 20, 21 trong cuốn này.

Lê chỉ một chiều vâng theo, không biết bày tỏ cương giới hai bên để biện bạch cho được chính xác, thành ra suốt đời nhà Lê, cương giới nước ta phải chìm đắm vào nước khác, không sao lấy lại được, đáng tiếc biết chừng nào!

Lời chua - Khai Hóa: Thuộc tỉnh Vân Nam, xem năm Chính Hòa thứ 9 (tờ 21 trong cuốn này).

Mông Tự: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chb. XII, 14).

Thạch Văn Thạnh: Người ở Phụng Thiên, nhà Thanh, năm Khang Hy thứ 33 (1694) Thạch giữ chức tuần phủ Vân Nam.

Quảng: Tức Quảng Tây, xem Bình Định Vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 10).

Tháng 7, mùa thu. Giáng chức Hoàng Công Chí làm hữu thị lang bộ Lễ, thăng chức cho Lê Hy làm thượng thư bộ Binh.

Công Chí làm việc ở bộ Lại. Lúc ấy có Hồ Lại, người Nghệ An, lấy tư cách là đã làm tự thừa mãn niên hạn, được thăng chuyển làm viên ngoại lang bộ Hình. Hồ Lại là con Hồ Sĩ Dương, nghiệp sư¹ của Công Chí. Có người nói Công Chí thiên tư với Hồ Lại, Lê Hy vẫn ghét Công Chí, liền đem việc ấy tâu bày. Công Chí bèn giáng chức mà thăng chức cho Lê Hy.

Lê Hy là người hay nghi ngờ và giáo quyết, nhiều người không ưa, lúc ấy có câu ngạn ngữ: "Tham tụng Lê Hy, thiên hạ sầu bi".

Lời chua - Viên ngoại lang và tự thừa: Theo quan chế triều cổ Lê, thì viên ngoại lang trong 6 bộ, hàm tòng lục phẩm; tự thừa trong 6 ty, hàm chánh thất phẩm.

Công Chí: Người xã Thổ Hoàng: huyện Thiên Thi², đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông).

Tháng 12, mùa đông. Vũ Thạnh, Hồng lô tự khanh, bị bãi chức.

Vũ Thạnh giữ chức nội tán (tư giảng)³ trong phủ tiết chế Trịnh Bính. Bính thường hỏi Thạnh về việc công ở bên ngoài. Thạnh là người chất phác, ngay thẳng, liền đem việc người trong nội phủ xin xử gửi gập về kiện tụng nói với Bính. Bính đem việc ấy nói với Căn. Căn giận, bày tội lại đưa đón cho hợp ý của Căn, rồi buộc Thạnh vào tội gièm pha nói xấu người trong nội phủ. Vũ Thạnh bị bãi chức.

Sau khi Vũ Thạnh đã về, dựng nhà học ở phường Hào Nam dạy học, suy tìm nghĩa lý trong kinh sách, học trò có người ở xa ngàn dặm cũng cấp tráp sách đến học tập. Đăng trước nhà học liền ngay với hồ Bảy Mẫu, mỗi khi đến ngày giảng tập, nhà học không đủ chỗ chứa hết, học trò thường mượn thuyền nan cập vào bên hồ nghe lời giảng dạy.

Vũ Thạnh, tính tình khoan hòa, khéo dạy dỗ những người hậu tiến, văn chương phong nhã đầy đủ, làm khuôn thước trong một thời. Học trò của ông nhiều người đỗ cao, làm bày tôi danh vọng. Khi ông mất, triều đình truy tặng hàm tham chính. Em là Vũ Huy, con là Vũ Huyền cùng đỗ tiến sĩ; Bá Sưởng, cháu đã xa, là một người tiết nghĩa.

Lời chua - Hào Nam: Tên phường.

Bảy Mẫu: Tên Hồ. Cả hai, nay đều thuộc huyện Vĩnh Thuận⁴.

Kỷ Mão, năm thứ 20 (1699). (Thanh, năm Khang Hy thứ 38).

Tháng 4, mùa hạ. Sai Hà Tôn Mục và Nguyễn Hành kinh lý đất biên giới Tuyên Quang.

¹ Một danh từ cũ dùng để gọi về thầy dạy học. Công Chí là học trò Hồ Sĩ Dương và Hồ Lại là thế huynh Công Chí.

² Nay là xã Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

³ Chức quan giữ việc giảng nghĩa sách.

⁴ Đất huyện Vĩnh Thuận cũ, nay thuộc quận Ba Đình và quận Đống Đa, Hà Nội.

Sầm Trì Phượng, ở châu Tiểu Trấn Yên nhà Thanh, thường đem quân xâm lấn quấy rối biên giới châu Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang, lính phòng thủ biên giới không sao ngăn cản được. Triều đình sai bọn Tôn Mục và Nguyễn Hành đi kinh lý địa phương này. Tôn Mục bèn đưa thư cho Trì Phượng dụ bảo về lý lẽ mọi việc. Trì Phượng đưa thư trả lời lấy làm hổ thẹn, xin tạ lỗi và xin triệt hết quân đi, do đấy, dân ở biên giới được yên ở như cũ. Khi trở về triều, Trịnh Căn khen Tôn Mục và Nguyễn Hành là người có tài, cho Tôn Mục thăng tự khanh, Nguyễn Hành thăng đô cấp sự.

Sau Trì Phượng cho bộ thuộc là Diệp Chi đem ngựa đến dâng. Trịnh Căn tặng cho khá hậu rồi cho về.

Lời chua - Tiểu Trấn Yên: Tên châu, xem Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 5 (Chb, XXXIII, 23).

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30, 35).

Bảo Lạc: Xem Lê Huyền Tông, năm Chính Hòa thứ 9 (Chb. XXXIV; 21).

Canh Thìn, năm thứ 21 (1700). (Thanh, năm Khang Hy thứ 39).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 6, mùa hạ. Người Man Lạc Hòn xin vào dâng lễ cống, triều đình không nhận lời.

Lạc Hòn, một bộ lạc riêng của Ai Lao, dấy quân đánh Triều Phúc ở Ai Lao, không thắng được. Triều Phúc thường dựa vào thanh thế họ Trịnh, Lạc Hòn bèn đưa thư cho đốc suất Nghệ An là Lê Huyền xin vào dâng lễ cống và xin bắt Triều Phúc đem về, để người Lào được đặt tù trưởng khác và thu tô thuế để nộp¹. Phủ Liêu² hội bàn, nhận rằng Trấn Ninh phụ thuộc làm tôi triều đình đã lâu, việc cống nạp và tô thuế không thiếu thốn. Và lại, danh vị chức phận các tù trưởng ngang nhau, triều đình không nên có lòng bênh người này bỏ người nọ. Vì thế, triều đình hạ lệnh cho Lê Huyền lấy ý nghĩa dụ bảo mà từ chối lời thỉnh cầu của Lạc Hòn.

Quân của Lạc Hòn ước hơn ba ngàn người, không có đội ngũ, phân tán ra ở các nơi để cày cấy làm ăn. Họ thấy thành Mang Chan (Chăn) có quân áo đen, ngỡ là Triều Phúc được quân viện trợ, sợ lắm, mùa thu năm ấy lại xin cùng Triều Phúc giải hòa và xin dâng thốt voi. Lê Huyền dịch bức thư của họ dâng về triều. Trịnh căn hạ lệnh an ủi. Sau Triều Phúc lại đánh Lạc Hòn, nhưng không thắng được, bèn rút về.

Lời chua - Lạc Hòn: Tức phủ Lạc Biên bây giờ. Vị trí ở thượng du phía tây nam tỉnh Nghệ An. Triều Lê trước, Lạc Hòn đời đời giữ lễ cống nạp theo như chức phận. Khi nhà Lê mất, Lạc Hòn phụ thuộc về nước Tiêm. Năm Gia Long (1802-1819) bản triều, Lạc Hòn đã mấy lần cống nạp; năm Minh Mệnh³ đặt làm phủ Lạc Biên, thuộc Nghệ An; sau đó lại bội bạn, trở về với nước Tiêm.

Lại tham khảo Lê sử tục biên chép: "Xin bắt xà bôn đem về". Bởi vì tục người Man gọi tù trưởng là "xà". Xà bôn chép đây, tức chỉ Triều Phúc.

Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 10).

Mang Chan (Chăn): Xem năm Chính Hòa thứ 17 (tờ 37 trong cuốn này).

Tân Ty, năm thứ 22 (1701). (Thanh, năm Khang Hy thứ 40).

¹ Câu này nguyên văn chép: "Chinh tô thuế", nếu dịch đúng là "đánh tô thuế" sợ không rõ nghĩa. Chúng tôi thấy ở liền đây có câu: "Việc cống nạp, việc tô thuế không thiếu thốn" là tham khảo Lịch triều tập ký chép: "Bổ quý thuế" nghĩa là bổ sung quý và thuế bỏ thiếu từ trước, vì thế dịch: "thu tô thuế để nộp" cho được rõ nghĩa.

² Xem chú thích ở tờ 38 trong cuốn này.

³ Xem chú thích ở tờ 38 trong cuốn này.

Tháng 4, mùa hạ. Vi Vinh Diệu, thổ tù phủ Tư Lăng nhà Thanh, xâm lấn ruộng của dân châu Lộc Bình. Triều đình sai thổ ty Vi Phúc Vĩnh phòng bị.

Lúc ấy, lúa chiêm ở châu Lạc Bình thuộc Lạng Sơn đã chín, Vinh Diệu đem dân dẫn lấn cướp. Được tin này, triều đình bèn sai Phúc Vĩnh đốc thúc dân chúng cày cấy ở ven biên giới, trong thời kỳ lúa chín phải phòng bị nghiêm cấm, cốt sao không để người nước ngoài vượt biên giới gặt tranh lúa của dân mà thôi. Không nên bạo động càn để gây hấn khích ở biên giới.

Lời chua - Lộc Bình¹: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 31).

Tư Lăng: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chb.II, 41).

Ngày Giáp Dần. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Dực, sao Chấn.

Nhâm Ngọ, năm thứ 23 (1702). (Thanh, năm Khang Hy thứ 41).

Tháng giêng, mùa xuân. Thanh Hoa có nạn thủy tai.

Nước sông lên cao, đê Thanh Hoa bị vỡ, dân đói. Triều đình cho trích một vạn quan tiền trong kho nội phủ, chia làm hai phần: một phần chẩn cấp cho nơi nào thóc lúa bị tổn hại; một phần chẩn cấp cho dân phu làm công việc hàn lấp khúc đê vỡ. Lại mở kho ở trấn lấy thóc phát chẩn cho dân bị đói. Miễn các ngạch thuế đinh và hộ.

Tháng 7, mùa thu. Lại bổ dụng Nguyễn Quán Nho làm thượng thư bộ Binh, vào giữ chức tham tụng trong phủ chúa.

Trước kia, Quán Nho ở ngôi tể tướng, bị Lê Hy ghen ghét, phải chuyển xuống làm quan ở Ngự sử đài 7 năm². Nay Lê Hy mất, Quán Nho lại được phục hồi chức cũ.

Lúc ấy, Thanh Hoa và Nghệ An mất mùa, dân đói, binh lính phần nhiều bỏ trốn và thiếu ngạch. Binh phiên³ bắt bớ phiên nhiều, làm cho dân phải khổ sở. Quán Nho kiến nghị nói: "Tránh việc nặng, tìm việc nhẹ, ăn hiếp người nghèo, che chở người giàu, nhân tình phần nhiều như thế. Nay nếu nhất luật giảm ngạch lính, chỉ làm lợi thêm cho chỗ khoan lương⁴, nếu nhất luật triển hoãn kỳ hạn, bổ sung lính, thì họ đều kêu nài là nghèo khổ. Vậy xin từ nay, xã nào có lính trốn, thì trách cứ hương mục cùng lính kinh thành đi bắt dẫn nộp; nếu lại bỏ trốn thiếu ngạch, thì giao cho quan bản trấn đòi bắt. Nếu làng nào tình trạng thật nghèo khổ thì quan bản trấn làm công văn mật tâu bày. Còn Binh phiên cho người bắt bớ đốc thúc như trước thì nay nhất thiết cấm chi". Trịnh Căn nghe theo.

Quán Nho ở trong chính phủ, biết giữ đại thể, làm việc theo chính sách khoan hậu. Lúc ấy có câu ngạn ngữ: "Tham tụng Văn Hà⁵, bách tính âu ca".

Lời phê - Chưa thấy có gì là khoan hậu.

Lời chua - Khoan hương: Tức dân trừ phú. "Thực hóa chí" trong Đường thư chép: làng nào ruộng nhiều có thể cấp đủ cho người làng gọi là khoan hương; làng nào ruộng ít gọi là hiệp hương. Dân ở hiệp hương được trao cho ruộng chỉ bằng một nửa số ruộng của dân ở khoan hương⁶.

Quý Mùi, năm thứ 24 (1703). (Thanh, năm Khang Hy thứ 42).

¹ Nay là huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

² Xem thêm tờ 34 trong cuốn này.

³ Trước đây chúa Trịnh có đặt Thủy sư phiên, Hộ Phiên và Binh phiên.

⁴ Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

⁵ Tên làng của Nguyễn Quán Nho.

⁶ Tham khảo Từ Nguyên (Dẫn tập tờ 44): Thời đại nhà Đường, nơi nào ruộng nhiều, người ít, gọi là khoan hương, nơi nào ruộng ít người nhiều, gọi là hiệp hương.

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Căn phong tăng tôn (chắt) là Cương làm tiết chế, An quốc công.

Trước kia, con cả của Trịnh Căn là Vĩnh chết sớm, Căn dùng con thứ ba là Bách thừa tự, Bách chết, dùng con của Vĩnh là Bính thừa tự. Bính sinh con là Cương, năm ấy 18 tuổi.

Nay Bính chết, Căn thấy mình tuổi già mà người thừa kế chưa ổn định, bèn triệu bồi tụng Nguyễn Quý Đức vào hỏi. Quý Đức thưa: "Trọng trách trông coi việc nước, vỗ về quân lính, phải thuộc về người chắt chường (thế đích tăng tôn), xin định ngay danh phận, để cắt đứt sự dòm ngó". Căn lại hỏi Đặng Đình Tướng, Đình Tướng cũng thưa như lời Quý Đức. Lúc ấy Trịnh Căn mới cả quyết, bèn dùng Cương kế tự, làm tờ biểu tiến phong Cương làm khâm sai tiết chế các dinh quân thủy quân bộ kiêm giữ hết cơ quan chính quyền, chức thái úy, tước An quốc công, mở phủ Lý quốc.

Đại hạn, dân bị đói.

Triều đình sai quan chia nhau đi khám xét, xá thuế dung năm nay cho Thanh Hoa; lại trích tiền kho nội phủ chẩn cấp cho dân đói ở Kinh Kỳ.

Bắt đầu sai đề lãnh Nguyễn Đức Uyển kiêm trấn thủ Lạng Sơn.

Bắt đầu từ đây, quan trong kinh quản lĩnh ngoại trấn bằng cách không nhậm chức tại chỗ.

Giáp Thân, năm thứ 25 (1704). (Thanh, năm Khang Hy thứ 43).

Tháng 3, mùa xuân. Trịnh Luân và Trịnh Phát định mưu giết tiết chế cương. Trịnh Căn giết Luân và Phát; thăng chức cho hiệu thảo Nguyễn Công Cơ làm hữu thị lang bộ Công.

Trước đây, Trịnh Bính mất, Luân và Phát tự lấy mình là con Trịnh Bách, tiết chế đã quá cố, đáng được tập phong nối nghiệp. Đến nay, Trịnh Cương do vai chắt của Căn lại được mở phủ đệ, nên Luân và Phát cấu kết với với bọn Đào Quang Giai làm bè đảng giúp sức định mưu cướp ngôi của Trịnh Cương. Dò biết hiện trạng việc này, hiệu thảo Nguyễn Công Cơ đem báo cáo cho Trịnh Căn biết. Căn giao bọn này xuống ngục Đình úy tra hỏi, họ đều nhận tội, nên đều bị tội theo pháp luật. Nguyễn Công Cơ được thăng chức thị lang.

Lời chua - Công Cơ: Người xã Minh Tào, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1697) năm Chính Hòa.

Đào Quang Giai: Người xã Thủy Cam, huyện Thanh Oai.

Ất Dậu, năm thứ 26 (1705). (Từ tháng 4 trở về sau thuộc năm Vĩnh Thịnh thứ nhất triều Dụ Tông - Thanh, năm Khang Hy thứ 44).

Tháng 3, nhuận, mùa xuân. Bổ dụng Đặng Đình Tướng làm đô đốc, lĩnh chức trấn thủ Sơn Nam.

Chức Trấn thủ Sơn Nam, khuyết đã lâu¹, triều đình khó tìm được người xứng đáng để bổ thay. Đình Tướng lấy tư cách là người công lao, thân thích², có mưu cơ, tài lược, hiểu biết việc quân, nên đương làm tả thị lang giữ chức bồi tụng, đổi sang làm đô đốc ra trấn thủ Sơn Nam, tước phong Ứng quận công.

Đình Tướng, giản dị, khoan hòa, nhân thứ; nhân dân trong trấn cũng được yên vui.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua hạ chiếu truyền ngôi cho thái tử Duy Đường.

Thái tử lên ngôi (tức Dụ Tông), đổi niên hiệu, đại xá.

¹ Trấn thủ Sơn Nam là Lê Đình Kiên chết từ tháng 2 năm Chính Hòa thứ 25 (1704).

² Đình Tướng gọi Trịnh Căn bằng cậu ruột.

Tha hai phần mười (2/10) thuế vụ hạ năm nay cho dân, những thuế bỏ thiếu từ năm Quý Mùi trở về trước đều được ân xá; những dân phiêu lưu ở Thanh Nghệ và tứ trấn được phép đến cửa khuyết tâu bày tình trạng, sẽ liệu lượng cho giảm phú thuế giao dịch.

Lời chua - Quý Mùi: Tức năm Chính Hòa thứ 24 (1703).

Tôn nhà vua làm thái thượng hoàng.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 35

Từ Bính Tuất, Lê Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706) đến Tân Sửu, Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 2 (1721) gồm 16 năm.

Bính Tuất, Dụ Tông Hòa hoàng đế, năm Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706). (Thanh, năm Khang Hy thứ 45).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tháng 5, mùa hạ. Ai Lao sang dâng lễ cống chúa Trịnh.

Trước kia, nhân dân Man Chan (Chăn) thuộc Ai Lao thường khổ sở vì bộ lạc Lạc Hòn xâm lấn ngược đãi, cứ phải chạy lánh không được thường trú ở một nơi nào: triều đình (nhà Lê) vẫn phải che chở cho. Khi tù trưởng Triều Phúc trở về nước, thì thành quách hào lũy đổ nát, binh lính thuộc dưới quyền chỉ có hơn 700, khí giới dự trữ không được đầy đủ, lễ cống nạp bỏ khiếm khuyết đã lâu. Trịnh Căn sai người trách hỏi, Triều Phúc tỏ bày tình trạng, xin dâng cống nạp về lễ diên thọ và xin 3 năm dâng một lần, bỏ cho lễ cống nạp hàng năm.

Sau, Triều Phúc sai sứ đến dâng phẩm vật địa phương, xin giúp cho binh khí và xin cho kết nghĩa hơn nhân để được nương nhờ ơn nước lớn mà trấn áp sự khinh rẻ của nước ngoài. Trịnh Căn làm giấy yên ủi. Từ đây, Triều Phúc cống hiến không bao giờ gián đoạn. Sau đem người tông nữ¹ họ Trịnh, lấy danh nghĩa là quận chúa họ Trịnh gả cho Triều Phúc.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 19).

Lê Thánh Tông lấy đất Lao Bồn² đặt phủ Trấn Ninh. Ở đây gọi là Ai Lao, có lễ cũng là đất Trấn Ninh.

Mang Chan (Chăn): Xem Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 17 (Chb, XXXIV, 37).

Lạc Hòn: Xem năm Chính Hòa thứ 21 (Chb, XXXIV, 47, 48).

Lễ diên thọ: Tức lễ về đầu mùa xuân để cầu được sống lâu, lễ này cử hành trong phủ chúa Trịnh.

Việc đem Tông nữ gả cho Triều Phúc: Xem năm Vĩnh Thịnh thứ 14³.

¹ Một danh từ để gọi chung con gái vua chúa.

² Nguyên văn chép: "Lao bồn địa", không rõ có phải tên đất Lao Bồn hay còn một nghĩa khác nữa. Theo sự nghiên cứu của chúng tôi, thì trong sử liệu chỉ có Bồn Man hoặc Tôn Bồn Man, không có chỗ nào là Lao Bồn cả. Bồn Man: Hồi đầu triều Lê, họ Chăm vẫn được nối dõi làm tù trưởng. Dưới triều Lê Thánh Tông, Chăm Công cầu kết với Lão Qua chống Công, lấy đất Bồn Man đặt phủ Trấn Ninh (xem thêm Chính biên quyển XXIII tờ 28, 31).

³ Từ đây cho hết niên kỷ Lê Dụ Tông, Sử Cương mục không chỗ nào chép việc này. Tham khảo Lịch triều tạp ký, thì năm Vĩnh Thịnh thứ 14, Trịnh Cương đem người con gái tôn thất gả cho triều phúc, thổ tù Ai Lao. Cương hạ lệnh cho bọn nội giám (hoạn quan) Kiều Hữu Luân đem quốc thư cùng đi với sứ thần Ai Lao hộ vệ đưa người con gái ấy đến nước Ai Lao. Khi đưa đến phủ Trấn Yên (tức Trấn Ninh) phải báo ngay Phì Xà (phong tục người Man gọi là tù trưởng Phì Xà), tức Triều Phúc đem dân phu đón rước. Khi đến đầu biên giới Ai Lao, phải đợi Triều Phúc thân đến đón tiếp, sẽ hộ vệ đưa đến kinh thành Ai Lao, rồi ban cho quốc thư và tuyên truyền dụ bảo ân tín của triều đình, để lễ hôn nhân được long trọng.

Quận chúa: Chế độ triều nhà Lê, con gái của hoàng tử gọi là quận chúa¹. Lúc bấy giờ con gái của chúa Trịnh cũng tiếm xưng là quận chúa.

Đinh Hợi, năm thứ 3 (1707). (Thanh, năm Khang Hy thứ 46).

Tháng 2, mùa xuân. Định rõ lại phép khảo công.

Theo chế độ cũ: Về việc khảo công, thông tính ba lần khảo trong cả ba năm, rồi mới thi hành việc truất bãi hoặc thăng thưởng. Đến nay định rõ lại: Trong ba năm, quan chức đều phải đủ ba lần khảo theo thể lệ thường, trung, hạ, rồi sẽ cân nhắc với nhau: người nào ba lần khảo đều liệt vào thượng hạng sẽ được thăng chức hai bậc, người nào hai lần thượng hạng, một lần trung hạng, được thăng chức một bậc, những người này đều được thưởng thêm 50 quan tiền; người nào năm đầu vào thượng hạng, năm thứ nhì vào trung hạng, năm thứ ba vào hạ hạng, là loại trung bình, sẽ chuyển làm việc ở địa phương giản khuyết²; người nào hai lần trung hạng, một lần hạ hạng, sẽ phải giáng chức một bậc; người nào hai lần hạ hạng, một lần trung hạng, phải giáng chức hai bậc.

Lời chúa - Chế độ cũ: Xem Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 6 (Chb, XXXIV, 19).

Định lệnh truy tặng và ân tuất cho tướng sĩ bị chết trận.

Từ lúc trung hưng đến nay, chưa định thể lệ truy tặng và ân tuất cho tướng sĩ bị chết trận. Đến nay bàn định: cai đội và đội trưởng chết trận. truy tặng cho hàm hiệu điểm và được cấp ruộng; binh đinh bị chết trận, chỉ được cấp ruộng và tha dao dịch cho con của họ.

Lời cần án - "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Lê Thần Tông, năm Thịnh Đức thứ 3 (1655), định lệnh truy tặng và ân tuất cho tướng sĩ trận vong như thế này:

Phàm chánh đội trưởng hoặc đội trưởng các doanh các cơ, đi đánh giặc bị chết trận, thì cai đội được gia tặng hàm tả hiệu điểm và cấp cho 20 mẫu ruộng công; chánh đội trưởng và đội trưởng được gia tặng hàm hữu hiệu điểm và cấp cho 15 mẫu ruộng công; binh đinh được cấp 5 mẫu và miễn dao dịch cho con họ; nếu người nào chưa có con thì cho một người cháu thân nhất được miễn dao dịch.

Nay xét quan chế đời Hồng Đức (1740-1497): tả hiệu điểm, hữu hiệu điểm hàm tòng nhị phẩm, cai đội hàm chánh tứ phẩm, đội trưởng hàm chánh ngũ phẩm. Bây giờ đem hàm tòng nhị phẩm mà tặng cho người tứ phẩm, ngũ phẩm, chẳng phải cũng là vượt bậc quý hay sao? Đại đế nhà Lê từ trung hưng về sau, thứ tự quan chức phần nhiều đổi khác. Lại tham khảo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn nói: Tả hiệu điểm, hữu hiệu điểm cấp bậc ở dưới thự vệ được phong tước hầu. Hai chức này chưa được dự vào triều ban. Như vậy, thì lúc bấy giờ phẩm trật hiệu điểm thuộc vào hạng thấp, cho nên thể lệ truy tặng ân tuất năm ấy, mới đem hàm hiệu điểm mà truy tặng cho cai đội trưởng. Nhưng việc này không có văn kiện rõ ràng chép trong Sử, nên tham khảo mà chép ra đây để phòng thi khảo cứu đến.

Tháng 7, mùa thu. Định rộng niên hạn ân tuất cho dân phiêu lưu.

Tai họa hạn hán và kém đói xảy ra từ năm Quý Mùi (năm Chính Hòa thứ 24-1703) nhân dân phần nhiều phiêu tán, triều đình đã nhiều lần thi hành lệnh ân xá rộng rãi, nhưng nhân dân các làng xóm vẫn chưa trở về đông đủ. Nay định niên hạn: người phiêu tán sẽ được xá phú thuế và dao dịch trong năm năm; người trở về mà tình cảnh nghèo khổ sẽ được miễn thuế hộ trong ba năm.

Lại sai quan văn, quan võ chia nhau đi khám xét kiện tụng.

¹ Cương mục chưa lầm. Theo thể lệ phong ấm triều Lê, thì con gái của hoàng tử phong quận thượng chúa, con gái của hoàng thái tôn mới phong là quận chúa.

² Nơi nào ruộng đất tốt, cây cối thuận tiện, phong tục thuần hậu, ít kiện tụng, trong hạt ít xảy ra trộm cướp, nhân dân không bị phiêu lưu. Nói tóm lại: Công việc nhẹ nhàng không vất vả bận rộn như những nơi tối yếu khuyết, yếu khuyết, trung khuyết, gọi là giản khuyết. Xem thêm chú thích số 1 từ 19 trong cuốn này.

Lúc ấy, Ngự sử đài xét hỏi kiện tụng, phần nhiều có những việc kiện còn kêu đi kêu lại. Triều đình bèn theo chế độ cũ năm Chính Hòa (năm thứ 17)¹, hạ lệnh cho quan văn, quan võ chia nhau đi xét hỏi. Việc này giao cho việc bồi tụng Hoàng Công Chí và đề đốc Đặng Đình Thuyên cả thảy tám người² chịu trách nhiệm.

Lời chua - Đình Thuyên: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Căn hạ lệnh: hai ty Thừa chính và Hiến sát chọn trong số huyện lệnh thuộc dưới quyền hai ty ấy, đề cử viên nào có thể làm nổi công việc tri phủ.

Trịnh Căn nhận thấy chức trách phủ huyện là chỗ thân cận với dân, thế mà bộ Lại cất nhắc thuyên chuyển chỉ theo vào tư cách, thành ra người có tài năng kiến thức không tỏ rõ ra được; hai ty Thừa chính và Hiến sát đối với viên huyện thuộc dưới quyền mình ngày thường đã am hiểu rõ ràng, thì sự nhận định phân tích có phần dễ. Bởi thế, mới hạ lệnh hai ty ở các xứ chọn trong số các viên huyện lệnh thuộc dưới quyền, đề cử người nào có thể giữ nổi chính chức hoặc chức ta nhị trong một phủ, thì người đứng đề cử cùng người được đề cử đều về kinh sư xét thực, sẽ cho được thuyên chuyển cất nhắc.

Lời cần án - Người bàn thuật về chính trị cần phải tìm đến nguồn gốc chính trị. Ông Chu Tử nhà Tống nói: "Giám ty² là đầu mối của các viên thú, lệnh³ mà triều đình là gốc rễ của giám ty". Mệnh lệnh này của Trịnh Căn hầu như biết tận trọng về việc lựa chọn chức thú, lệnh đấy. Nhưng không biết triều đình lúc bấy giờ có thật trong sạch sáng sủa không? Hai ty Thừa chính, Hiến sát có thật đều là người hiền tài lương thiện không? Lại còn việc bắt người đề cử cùng với người về kinh sư xét duyệt, như thế há chẳng phải phiền phức tế toái mà bỏ mất cả công việc à?

Mậu Tý, năm thứ 4 (1708). (Thanh, năm Khang Hy thứ 47).

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh sửa đắp đường đê sông Nhị.

Hàng năm, nước sông Nhị tràn ngập, đường đê nhiều chỗ khuyết liệt. Triều đình bèn hạ lệnh hai ty Trấn thủ và Thừa chính đốc sức dân phu, tùy theo địa thế bồi đắp sửa chữa, để lợi cho nông dân.

Lời cần án - Sông Nhị, tức sông Phú Lương, một con sông lớn ở Bắc Kỳ, ở phía đông bắc tỉnh thành Hà Nội. Con sông này phát nguyên từ sông Lô thuộc Tuyên Quang và sông Thao, sông Đà thuộc Hưng Hóa⁴, nước các ngành sông này tụ họp ở phía đông nam huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây⁵ chảy qua Hà Nội, Hưng Yên và Nam Định rồi đổ vào các cửa biển Ba Lạt⁶, Thái Bình và Diêm Hộ. Lại có một chi lưu là sông Hát, con sông này tự huyện Phúc Thọ tỉnh Sơn Tây đi qua huyện Đan Phượng, chảy vào địa phận phủ Lý Nhân thuộc Hà Nội⁷, qua địa phận tỉnh Ninh Bình, rồi đổ vào các cửa biển Đại Liêu và Chính Đại.

Nay tham khảo: "Địa lý chí" trong Minh Sử: "Phủ Lệ Giang thuộc Vân Nam có sông Lan Thương thông sang Giao Chỉ làm thành sông Phú Lương; phủ Lâm An có thác Liên Hoa tức hạ lưu sông Lan Thương và là thượng lưu sông Thao ở Giao Chỉ". Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, về "Tây Nhị Hà" chép: "Sông Diệp Du có một tên nữa là Tây Nhị Hà, phát nguyên từ núi Bãi Cốc huyện Lăng Khung, hạ lưu hợp với Dạng Thủy huyện Thái Hòa, lại hợp với dòng sông Lan Thương, rồi đổ vào biển Nam Hải. Nước ta gọi sông Phú

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXIV, tờ 38.

² Một danh từ để gọi quan chức có quyền trông coi các viên quan phủ huyện. Ở đây chỉ Hiến sát và Thừa chính.

³ Thú: tức thái thú, một danh từ để gọi viên tri phủ, lệnh: tức lệnh doãn, một danh từ để gọi viên tri huyện.

⁴ Nay sông theo thuộc địa phận tỉnh Phú Thọ, sông Đà thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình.

⁵ Huyện Bạch Hạc nay là huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc.

⁶ Ba Lạt: Viết theo Hán văn. Riêng về chữ "Lạt" nguyên văn trong cương mục chua như thế này: "Trong tự điển và Khảo dị, bỏ đi đều không có chữ này, ngờ là chữ "lạt" vì là cửa biển nên chấm thủy ở bên cạnh.

⁷ Địa phận phủ Lý Nhân nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Lương là Nhị Hà, có lẽ lấy có rằng nước sông ấy đầu bắt nguồn từ sông Lan Thương, nhưng vẫn là hạ lưu của Tây Nhị Hà".

Cứ các sách đã dẫn ở trên, thì sông Nhị bắt nguồn từ Tây Nhị Hà và sông Lan Thương thuộc Vân Nam chảy vào địa phận nước ta. Sông này nhiều ngọn nước giao nhau chảy vào, nên mỗi năm đến mùa hạ mùa thu thì đầy rẫy, nước chảy quá mạnh. Năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 17 (1248) dưới triều Thái Tông nhà Trần¹ đã có nạn vỡ đê. Đến thời nhà Lê, nạn vỡ đê lại càng nhiều hơn, triều đình chia cho dân phải nộp tiền thuế điệu để hàng năm sửa đắp, dân phải tốn của hao công, mà một khi xảy ra nạn nước xoáy vỡ đê, dân lại bị hại không sao kể xiết.

Tháng 9. Cấm thổ tù ở các phiên trấn không được giao thiệp riêng với người quyền quý trong triều đình.

Lúc ấy, phụ đạo các phiên trấn phần nhiều vào kinh sư chơi, giao thiệp liên kết với người có quyền lực hoặc người giữ địa vị trọng yếu, vì thế mới hạ lệnh cấm. Nếu triều đình có tiết lễ lớn, các phụ đạo vào kinh, không được đem quá 4 người đi theo, khi lưu ở kinh sư, không được quá 20 ngày. Từ đấy, sự phân biệt người Kinh, người Thổ mới nghiêm ngặt.

Kỷ Sửu, năm thứ 5 (1709). (Thanh, năm Khang Hy thứ 48).

Tháng 5, mùa hạ. Trịnh Căn mất. Tăng tôn (chất) của Căn là Cương lên nối ngôi.

Căn, chuyên giữ chính quyền 28 năm. Khi mất, truy xưng là Khang Vương tiếm hiệu là Chiêu Tổ.

Tháng 9, mùa thu. Tiết chế Cương tự gia phong làm nguyên soái tổng quốc chính, An đô vương.

Cương, giả thác mệnh lệnh của nhà vua, tiến phong tước vương. Tha cho dân một nửa thuế tô năm ấy và các thuế còn thiếu lại đã lâu; lại thăng chức cho các quan văn võ, người chức cao, người chức thấp khác nhau.

Canh Dần, năm thứ 6 (1710). (Thanh, năm Khang Hy thứ 49).

Tháng giêng, mùa xuân. Lại ban hành tỏ rõ giáo điều.

Đầu năm Vĩnh Trị (1676-1680), triều đình đặt 6 giáo điều để khuyên răn bầy tôi và nhân dân trong kinh thành, ngoài phiên trấn: 1. Người đại thần không được cậy quyền thế; 2. Bầy tôi về hàng võ phải siêng năng thao luyện, các viên phủ huyện không được hà khắc bạo ngược; 3. Bầy tôi về hàng văn phải thanh liêm cần mẫn; 4. Bầy tôi trong nội điện phải giữ lòng trung thành lương thiện; 5. Quân sĩ phải tuân theo pháp lệnh; 6. Nhân dân phải dốc lòng phân biệt điều liêm, điều sỉ. Đến nay, lại ban hành sách tỏ 6 giáo điều kể trên.

Tân Mão, năm thứ 7 (1711). (Thanh, năm Khang Hy thứ 50).

Tháng giêng, mùa xuân. Bắt đầu sai quan trong kinh đi đôn đốc việc đắp đê.

Trước đây, việc đốc thúc dân đắp đê, giao quyền cho viên quan ở trấn, phần nhiều chỉ làm cầu thả cho xong việc, nên mỗi năm đến mùa nước lũ, đê lại vỡ lở, dân vùng ven sông luôn luôn bị tai hại. Đến nay mới hạ lệnh cho quan trong kinh là bọn Lê Dị Tài và Trần Công Trụ chia nhau đi đôn đốc. Công việc sửa đắp đê sau đây thêm bận rộn hơn, nhưng cũng không sao ngăn ngừa được nạn nước lụt.

Lời chua - Dị Tài: Người xã An Hoạch huyện Đông An², đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

Định rõ lại thể lệ quân cấp ruộng công.

Trước đây, ruộng công do các quan châu hoặc huyện quân cấp cho dân, phần nhiều sơ lược, không được công bằng, nay Trịnh Cương bàn với phủ liêu định lại:

¹ Xem thêm Chính biên quyển VI, tờ 31.

² Nay là huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa.

Niên hạn quân cấp cứ sáu năm một lần, do viên quan trưng thu chịu trách nhiệm.

Thời hạn quân cấp; ruộng vụ mùa không được cấp sau tháng 3; ruộng vụ chiêm không được cấp sau tháng 9, để thích hợp với thời tiết làm ruộng của dân.

Cách thức chia khẩu phần: các xã có ruộng công, tính số người mà quân cấp, xã nào nhiều ruộng công thì phần cấp tính theo mẫu; xã nào ít ruộng công thì phần cấp tính theo sào, thước.

Người được hưởng phần ruộng: từ quan viên đến người quan, quả, cô, độc và phế tật¹ đều được tùy theo suất số mà liệu lượng cấp cho phần ruộng. Người nào đã có dân lộc, điền lộc hoặc ruộng của mình hoặc ruộng của vợ ngang với số khẩu phần quân cấp, thì không được dự phần cấp nữa.

Những ruộng ẩn lậu còn ở ngoài sổ điền vẫn được miễn thuế, cũng đem quân cấp cho dân. Ruộng công, đất bãi không được phép mua bán.

Lời chua - Quan trưng thu: Thế lệ đời cổ Lê, các phủ huyện đều đặt một viên quan trưng thu, trông coi việc thu thuế lệ và khuyên nhủ nhân dân làm ruộng, trồng dâu.

Cấm quan viên thiện tiện lập trang trại.

Ít lâu nay, những nhà quyền quý thế hào, phần nhiều nhận ruộng đất của mình ở đầu thiện tiện lập trang trại ở đấy, rồi chiêu tập người trốn tránh, cho họ nấp bóng để vợ vét mỗi lợi, vì thế mà dân xã nhiều người phiêu tán.

Đến nay nhiệm cấm, người nào trái lệnh sẽ phải luận vào tội nặng. Còn những người phiêu lưu trú ngụ ở xã khác, khai khẩn nhờ vào đất hoang xã ấy, hiện đã dựng thành cơ nghiệp, thì chỗ đất khai khẩn ấy xét định cho làm thổ, để họ được yên nghiệp sinh nhai.

Trịnh Cương tự tiên phong ông là Vĩnh tước Lương mục vương, cha là Bính tước Tân quang vương.

Cương lấy địa vị là tăng tôn (chắt) của Căn lên nối ngôi, nay Cương truy tôn tước vương cho ông và cha. Khi bàn đến điển lễ miếu thờ, có người nói nên lập miếu riêng, tham tụng, Nguyễn Quý Đức nói: "Hai tước vương đều là chính tông đích trưởng², thờ ở cung miếu, thì thuận lý hơn". Cương theo lời bàn của Quý Đức.

Lời chua - Cung miếu: Miếu thờ tiên tổ họ Trịnh.

Hạ lệnh triệu Trương Công Khải, tham trấn Thanh Hoa vào triều, giữ chức phó đô ngự sử. Bổ dụng hoạn quan Đoàn Hữu Toán làm lưu thủ thay. Tên quan tham trấn đổi ra lưu thủ bắt đầu từ đấy.

Lời chua - Tham Trấn: Túc trấn thủ ở các trấn. Không rõ chức này đặt từ năm nào.

Tháng 10, mùa đông. Chính đốn lại thể thức văn bài trong khoa thi hương.

Trước đây, các quan trường thi hương, nghĩ soạn đầu bài: và thể văn tứ lục chẳng qua chỉ soạn độ mười đầu bài; về thể phú chẳng qua độ bốn, năm đầu bài, không thay đổi gì, gọi là bản mẫu mực (sáo bản). Những người học giỏi phần nhiều làm sẵn thành văn, học trò đi thi đều đọc thuộc lòng từ trước, khi vào trường thi cứ chép theo nguyên văn ấy. Quan trường tùy ý phê duyệt lấy đỗ, không câu nệ gì về sự trùng kiến, cho nên những người trúng tuyển phần nhiều không phải người thực học. Vì thế khoa thi này mới hạ lệnh cho quan chấm thi tùy ý ra đầu đề, không được rập theo sáo cũ. Do đấy, tập tục hủ lậu về lối văn khoa cứ dần dần thay đổi.

Nhâm Thìn, năm thứ 8 (1712). (Thanh, năm Khang Hy thứ 51).

Tháng 3, mùa xuân. Lại hạ lệnh cấm tà đạo gia tô.

¹ Quan: đàn ông không có vợ. Quả: đàn bà không có chồng. Cô: trẻ con mồ côi. Độc: người già không có con, không thể nương tựa vào đâu được. Phế tật: một mắt bị mù, một chi thể bị hỏng.

² Trịnh Vĩnh, con cả Trịnh Căn. Trịnh Bính con cả Trịnh Vĩnh, đều mất sớm, xem thêm Chính biên quyển XXXIV, tờ 50.

Triều đình đã nhiều lần ra điều lệnh cấm tả đạo Gia tô, nhưng quan và dân sở tại tham của đút lót của họ, che giấu lẫn cho nhau, nên đạo ấy lan ra làm người ta mê hoặc mỗi ngày một sâu rộng. Vì thế, triều đình lại định điều lệ ngăn cấm: người nào biết có người theo đạo Gia tô được phép tố cáo; người theo đạo ấy sẽ phải cắt tóc trên đỉnh đầu, thích vào mặt bốn chữ "học Hoa lang đạo" và phạt 100 quan tiền để thưởng cho người tố cáo. Nhưng cũng không sao ngăn cấm được.

Lời chua - Hoa Lang: Xem Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb, XXXIII, 6).

Bắt đầu hạ lệnh cho các quan trấn thủ ở biên giới phải đến đóng tại trấn lỵ.

Tham tụng là bọn Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Thế Bá nói: "Chức quan trấn thủ bấy giờ, tức là chức quan trong Đô ty lúc đầu bản triều. Nơi các viên ấy đóng để làm việc cai trị đã có thành quách. Trước đây, các trấn Tuyên, Hưng, Thái, Lạng hoặc ủy thác cho viên quan ở trấn khác kiêm quản lĩnh, hoặc bổ dụng bầy tôi thân cận để quản lĩnh, nhưng viên quan kiêm lĩnh thì ở yên tại nơi trấn, viên quan châu chức thân cận thì quyền luyến ở kinh sư, chỉ theo tiện nghi mà không chế bằng cách vắng mặt, việc ấy từ trước đến nay vẫn làm theo thói quen. Tuy cũng có lúc thay đổi bổ dụng quan võ, thì viên quan võ thường lấy cố là nơi biên viễn núi rừng lam chướng, đối với binh lính không được tiện lợi. Các viên ấy không biết rằng địa thế nội trấn và ngoại trấn xa cách nhau, mà công việc ở biên giới không thể nào dự định trước được. Nếu không đóng ở trấn, ngộ chợt có biến cố xảy ra thì làm thế nào xem xét quản cố được. Lại còn việc kiện tụng: nào đòi hỏi, nào dẫn người đương sự về nha hầu xét, bọn lại dịch tính hành trình bắt dân cung đốn, làm cho dân càng phải phí tổn nặng nề. Vậy xin từ nay các quan trấn thủ ở biên giới đều phải đến lỵ sở cũng như các viên trấn thủ ở tứ trấn¹. Về phần trấn Yên Quảng nguyên trước thuộc viên trấn thủ Hải Dương kiêm quản lĩnh, nhưng xét đây là nơi bãi biển xa xăm, xin phải riêng viên quan có tài năng chuyên giữ trách nhiệm phòng ngự. Các trấn thủ Tuyên Quang, Lạng Sơn cũng nên nhất luật phải theo chế độ cũ². Trịnh Cương nghe theo lời trình bày ấy.

Lời chua - Đô ty³: Đầu niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông, đặt đô ty ở 12 thừa tuyên, trong đô ty có các chức tổng binh và phó tổng binh, tức là chức quan trấn thủ. Sau khi trung hưng, bãi bỏ đô ty đặt trấn thủ, lại có những tên quan: đốc trấn, lưu thủ, đốc thủ và tổng phủ, đều là chức quan giữ chức trách nhiệm ở trấn cả.

Tuyên: tức là Tuyên Quang-Hưng: tức Hưng Hóa-Thái: tức Thái Nguyên, xưa gọi là Ninh Sóc-Lạng: tức Lạng Sơn-Yên Quảng: xưa là Yên Bang-Hải Dương: xưa là Dương Tuyền. Các địa danh trên, đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,17,19,24,25,39,32,34,35).

Từ tháng 6 đến tháng 12, không mưa.

Dân bị đói to.

Hạ lệnh: Tha các tù tội nhẹ hiện đương bị giam; hoãn thu các thứ thuế bỏ thiếu đã lâu; giảm một nửa thuế tuần ty và bến dò, đình hoãn việc bắt phu làm việc; sửa lễ tế các nơi thờ tự mà ít lâu nay bỏ không tế.

Quý Ty, năm thứ 9 (1713). (Thanh, năm Khang Hy thứ 52).

Tháng giêng, mùa xuân. Bàn định thi hành việc phát chẩn và cấp đỡ cho dân.

Lúc ấy, đã lâu không mưa, giá thóc gạo cao vọt, dân gian có người phải ăn vỏ cây, rễ, cỏ, chết đói đầy đường, làng xóm các nơi tiêu điều hiu quạnh. Vì thế, triều đình bàn thi hành chẩn cấp: hạ lệnh cho quan hoặc dân nộp thóc, sẽ lượng theo số thóc mà trao cho chức tước, hoặc phẩm hàm, rồi đem số

¹ Xem lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXIII, tờ 21.

² Câu này Sử Cương mục chép không được rõ ràng, vì chỉ nói "theo chế độ cũ" thì không hiểu chế độ cũ thế nào. Tham khảo Lịch triều tạp ký chép: "Các quan hai ty Thừa chính, Hiến sát ở Tuyên Quang và Lạng Sơn cũng nên bắt phải đến lỵ sở làm việc, nhất luật theo chế độ cũ". Chép như thế có phần rõ hơn.

³ Tức đô tổng binh sứ ty, nói tắt.

thóc ấy phân phối phát chẩn cho dân nghèo. Lại trích tiền cho nội phủ phát chẩn cho dân kinh kỳ; trích một vạn quan tiền ở kho An Trường cấp đỡ cho dân Thanh Hoa; cân nhắc để xá tô thuế cho dân ở tứ trấn và ở Phụng Thiên, Trường Yên, nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Lời chua - An Trường: Xem Lê Trang Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb.XXVIII,4).

Trường Yên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb.II,11).

Phụng Thiên: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,20,32,33,35).

Tháng 7, mùa thu. Nước lớn, vỡ đê.

Lúc ấy mưa dầm không ngớt, nước các sông tràn ngập, vỡ đê các trấn Sơn Tây, Sơn Nam và Thanh Hoa, mấy vạn nhà bị nước cuốn đi mất, nhân dân bị đói. Triều đình hạ lệnh cho các xã dân đều chiếu theo mẫu ruộng và suất đinh trong hộ nộp tiền, để thuê người sửa đắp.

Lời chua - Theo Tập kỷ của Cao Lãng, thì năm ấy triều đình hạ lệnh cho các xã dân tùy theo các số mẫu ruộng công và tư nộp tiền để thuê người sửa đắp. Lại tính các xã dân nội vi tử và tạo lệ, tự sự, ân lộc, ngụ lộc, chế lộc, cộng 206.311 suất, liệu lượng thu mỗi suất một quan tiền, cấp phát cho dân phu, để làm việc đắp đê.

Nguyên văn trong Tập kỷ chua: các xã nội vi tử 64.267 suất rưỡi, các xã ân lộc và ngụ lộc 20.038 suất rưỡi, các xã chế lộc 86.851 suất, các xã tạo lệ 8.892 suất, các xã tự sự 26.262 suất.

Tạo lệ, tự sự, ân lộc, ngụ lộc, chế lộc: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì năm Hồng Đức, Thánh Tông ban cấp ân tứ và phong hộ cho bầy tôi: thân vương và các quan được phong tước công, hầu, bá, tử, nam đều có ruộng thế nghiệp và số người thế nghiệp và số người hầu hạ (tạo lệ); quan văn cấp cho hộ suất tùy hành làm ngụ lộc, quan võ cấp cho quan xã chế lộc, đều cho phép nộp tiền để làm lương bổng hàng năm của quan văn, quan võ. Các viên quan đã trí sĩ về nhà cấp cho huệ dưỡng dân lộc (ban ơn được hưởng lộc của dân để nuôi dưỡng) gọi là ân lộc. Lại theo "chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú: Ngự sử đài và hai ty Thừa chính, Hiến sát được cấp cho thủ lê dân, để làm ngụ lộc. Quan văn, quan võ được triều đình chiếu theo chức phẩm hiện có của từng người chuẩn cấp cho dân xã tự sự, người nhiều người ít, để cung phụng việc tế tự.

Nội vi tử: Tức dân nội tịch chính cung. Đại để, trừ những xã dân đã đem cấp làm lộc điền, lệ dịch đi rồi, còn những xã thuộc vào sổ hộ để phong vị việc kinh phí ở phủ tự công, gọi là nội vi tử.

Suất: Theo Khang Hy tự điển thì "suất" là danh từ để gọi con số đếm ra. Tự điển lại dẫn lời chua trong Chu lễ: suất là tính từng suất nhân khẩu mà nộp tiền.

Lại đặt chức lưu thủ ở Tuyên Quang.

Năm Quang Thuận, chia đặt thừa tuyên hai xứ Tuyên Quang và Hưng Hóa. Lúc bắt đầu trung hưng, Vũ Văn Mật được chuyên giữ quyền khống chế Tuyên Quang, cha truyền con nối, đến đời Vũ Công Đắc; sau con Công Đắc là Công Tuấn làm phản, triều đình dẹp yên được¹, mới sai quan đến giữ địa phương này mà thuộc quyền thống trị của trấn thủ Hưng Hóa.

Đến nay mới đặt chức lưu thủ riêng của từng trấn. Bổ dụng hoạn quan Trần Công Tôn trấn thủ Hưng Hóa, Phạm Gia Vương trấn thủ Tuyên Quang. Hưng Hóa và Tuyên Quang, lại chia ra hai trấn bắt đầu từ đây.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXX,9,10,28; XXXIII,28; XXXIV,21,22.

Lời chua - Tuyên Quang, Hưng Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 16, 19, 30, 32, 35).

Giáp Ngọ, năm thứ 10 (1714). (Thanh, năm Khang Hy thứ 53).

Tháng giêng, mùa xuân. Văn Đình Nhâm (Nhậm), lưu thủ Yên Quảng, đánh giặc biển, dẹp yên được.

Bọn giặc biển ở Yên Quảng nhiều lần cướp bóc dân ở biên giới một cách bạo ngược. Lưu thủ Văn Đình Nhâm và đốc đồng Đình Phụ Ích đem quân lùng bắt, chiêu dụ được đảng này 300 người ra hàng, bắt sống và giết chết hơn 70 người,, hết thầy toán giặc này đều dẹp yên được.

Lời chua - Đình Nhâm (Nhậm) người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn¹.

Bồn Man đến cống nạp.

Lời chua - Bồn Man: Ở thượng du phía tây Nghệ An, xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chb. XVIII, 8). Nay xét: Lê Thánh Tông đã lấy đất Bồn Man đặt làm Trấn Ninh rồi², thế mà nay lại chép: "Bồn Man đến cống nạp". Sử cũ chép thiếu sót sơ lược, như thế rất nhiều, hãy chép ở đây, sẽ khảo cứu sau.

Tháng 6, mùa hạ. Không mưa.

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Cương tự tiến phong đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng sư, An vương.

Trịnh Cương bái yết nhà thái miếu, rồi vào châu nhà vua ở điện Vạn Thọ.

Trước đây, những ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng chúa Trịnh và trăm quan châu vua ở điện Vạn Thọ. Nhưng sau họ Trịnh vượt quyền lấn át, nên mồng một, ngày rằm hàng tháng chỉ có trăm quan triều yết mà thôi. Đến nay, vì vừa mới tấn phong, nhân đây Cương đến bái yết nhà thái miếu, rồi vào châu vua một lần đầu. Sau đấy lại bỏ.

Ất Mùi, năm thứ 11 (1715). (Thanh, năm Khang Hy thứ 54).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ: Hộ bộ tả thị lang Nguyễn Công Cơ và thái bộc tự khanh Lê Anh Tuấn; phó sứ Thượng bảo tự khanh Đình Nho Hoàn và Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Mậu Áng sang nhà Thanh dâng lễ tế cống. Đến năm sau, bọn Công Cơ trở về nước, phụng chỉ dụ của vua nhà Thanh nói: Phẩm vật tế cống, lư hương và bình hoa bằng vàng, chậu bằng bạc, từ sau được theo số lượng đã định mà thay thế làm thành vàng đỉnh, bạc đỉnh rồi giao quan chức tỉnh Quảng Tây thu nhận lưu trữ, còn ngà voi và tên giác đều được miễn, người tùy hành cũng liệu lượng giảm bớt.

Lời chua - Phẩm vật cống nạp: Theo lời trình bày trong sách Việt thuật của Hoàng Sơn Mẫn nhà Thanh chép: "Năm Quý Mão niên hiệu Khang Hy (1663), nước An Nam sai sứ thần sang cống nạp. Lễ cống có: 4 bộ lư hương và bình hoa bằng vàng, tất cả nặng 209 lạng; 12 chiếc chậu bằng bạc tất cả nặng 691 lạng; 20 bộ tên giác và 20 chiếc ngà voi". Nay đem đối chiếu niên thứ của hai nước, thì năm Quý Mão niên hiệu Khang Hy, ngang với năm Cảnh Trị thứ nhất triều Lê Huyền Tông.

Theo tập Bang giao triều cổ Lê, thì năm Bính Thân, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 12, tức năm Khang Hy thứ 55 (1716) triều Thanh, quan chức tỉnh Quảng Tây tư sang nước ta nói: "Bộ Lễ tâu (vua nhà Thanh) rằng: Quốc vương An Nam sai bồi thần là bọn Nguyễn Công Cơ dâng lễ tế cống hai lần. Sau được chỉ dụ (vua Thanh) nói: An Nam dâng lễ cống như lư hương bằng vàng, bình hoa bằng vàng, chậu bằng bạc và tên giác, ngà voi, xét ra đường sá xa xăm, vận tải khó nhọc. Vậy từ sau được thay thế làm thành

¹ Đất huyện Hương Sơn cũ, nay thuộc hai huyện Hương Sơn và Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

² Xem Chb. XXIII, tờ 29, 31.

vàng đỉnh, bạc đỉnh, rồi giao cho ty Bồi chính tỉnh Quảng Tây lưu trữ vào kho. Lại vâng chỉ dụ cho miễn việc dâng tiến tê giác và ngà voi. Còn việc dâng biểu văn quan hệ về điển lễ lớn, nghĩ cho chằm chước liệu lượng rút bớt số quan viên và chức dịch phải tới kinh đô¹.

Lê Anh Tuấn: Người xã Thanh Mai², huyện Tiên Phong, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1694) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Nguyễn Mậu Áng: Tên cũ là Mậu Thịnh, người xã Kim Sơn³, huyện Gia Lâm đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1691) năm Chính Hòa.

Đình Nho Hoàn: Người An Ấp⁴, huyện Hương Sơn, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hòa.

Bổ dụng Nguyễn Mại làm trấn thủ Sơn Tây.

Lúc ấy, Đàng Đình Sở giữ trấn Sơn Tây, thi hành chính trị một cách lỏng lẻo trễ tràng, thành ra trộm giặc các nơi nổi dậy, dân bị tai hại. Đình Sở can tội, giáng chức. Triều đình mới bổ dụng phó đô ngự sử Nguyễn Mại lấy chức thấp làm nhiệm vụ trấn thủ Sơn Tây. Khi Mại đến trấn lý thi hành chánh lệnh nghiêm chỉnh, sách suốt, bèn được lãnh chức chánh trấn thủ.

Mại là người có sức mạnh, có trí lực, giỏi về việc cưỡi ngựa, bắn tên. Trước kia, Mại giữ công việc ở Lễ phiên, một hôm, đương bàn công việc ở phủ chúa, có con voi xông chạy vào, mọi người đều sợ hãi bỏ chạy, duy chỉ có Mại tinh thần khí sắc không thay đổi, vẫn trình bày công việc như thường. Trịnh Cương nhận xét cho là có thể dùng Mại giữ chức quan to được, sai giữ quân thủy, sau được cất nhắc làm đốc trấn Cao Bằng. Đến nay lại bổ đi trấn thủ Sơn Tây. Mại ở trấn, hiệu lệnh gì đã ban bố là bắt phải tuân hành, điều cấm gì đã ấn định là bắt phải thôi hẳn, vì thế mà bọn trộm giặc phải ẩn nấp một nơi không dám hành động. Mại nổi tiếng là người có tài về chính trị.

Lời chua - Sơn Tây: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 27, 34).

Nguyễn Mại: Người xã Ninh Xá, huyện Chí Linh⁵, đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1691) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Nghệ An phát sinh chứng dịch.

Triều đình hạ lệnh cho hai ty Thừa chính và Hiến sát lập đàn tràng ở nơi sạch sẽ, hội đồng bách thần trong hạt để cầu đảo.

Tháng 4, mùa hạ. Thái hậu Nguyễn Thị mật (không rõ lăng táng ở đâu).

Lời chua - Thái hậu: Tên húy là Ngọc Đệ, người xã Trùng (Xung) Quán⁶, huyện Đông Ngàn⁷ sinh ra Dụ Tông.

¹ Năm Cảnh Trị thứ nhất, triều đình nhà Lê mới bắt đầu sai sứ thần là bọn Lê Hiệu, Dương Hạo và Đồng Tôn Trạch sang giao hảo với triều đình nhà Thanh, việc này sử Cương mục và sách Việt thuật cũng chép như nhau. Còn lễ cống, thì ngoài phẩm vật đã chép trong sử Cương mục, sách Việt thuật còn cho ta biết những phẩm vật này: 60 cân trầm hương, 148 cân tốc hương, 30 cân giáng chân hương, 50 kiện bạch truyệt hương, 8000 nén hương đen và 200 tấm lụa thổ màu trắng. Nay trong chiếu chỉ của vua nhà Thanh chỉ nói miễn cho tê giác và ngà voi. Vậy thì còn những phẩm vật nói trên không rõ có được miễn hay không, mà trong chiếu chỉ không thấy nói đến. Sách Việt thuật lại còn cho ta biết; lúc ấy nhà Thanh vừa nhận lễ cống của vua Lê lại vừa nhận lễ cống của Mạc Kính Diệu ở Cao Bằng nữa.

² Nay thuộc xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

³ Nay thuộc xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

⁴ Nay thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

⁵ Tỉnh Hải Dương.

⁶ Trùng Quán: nay thuộc xã Vân Đức, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

⁷ Đất huyện Đông Ngàn cũ, nay thuộc các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh), Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, (Hà Nội).

Tháng 5. Định phép khảo công bằng việc trưng thu.

Dùng việc trưng thu các khoản đủ hay thiếu, nhiều hay ít, công việc đối với dân có thương yêu hay hà khắc, cả hai việc ấy tính lẫn với nhau, chia ra hạng hơn hạng kém để định việc thưởng phạt. Lê định cứ 3 năm một lần khảo công.

Tháng 12, mùa đông. Bổ dụng Nguyễn Công Hãng làm đốc trấn Cao Bằng.

Lúc ấy có tên Uyên Hợp, người ở một châu thuộc Cao Bằng, tự xưng là Mạc Trạch con cháu họ Mạc. Hãng buông lời để mê hoặc nhân dân trong châu, định mưu nổi loạn, nhưng việc bị lộ, không hành động được. Vì việc ấy, triều đình nhận ra rằng Lê Đốc Thuần, đốc trấn Cao Bằng, xử trí trái phượng pháp, nên triệu Khắc Thuần về kinh. Phủ liêu chọn mấy người có thể bổ thay, nhưng đều không được chúa Trịnh chấp y. Cao Bằng vốn là nơi yếu khuyết¹, Trịnh Cương muốn dành chỗ ấy để đãi Công Hãng. Công Hãng nói: Muốn được ở bên tả bên hữu nhà chúa. Công Hãng nhiều lần từ chối không được. Trịnh Cương ưng thuận bèn nhận mệnh lệnh. Cương cho phép Công Hãng được tùy tiện thi hành mọi việc ở Cao Bằng.

Lời phê - Lúc ấy chính quyền do họ Trịnh giữ, quan lại đã không biết có nhà Lê nữa, thì ở đây nói rõ "phủ liêu", như thế là đúng.

Lời chua - Lê Khắc Thuần: Người xã Phù Minh, huyện Hoảng Hóa² đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Nguyễn Công Hãng: Người xã Phù Chấn, huyện Đông Ngàn³, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Bính Thân, năm thứ 12 (1716). (Thanh, năm Khang Hy thứ 55).

Tháng 4, mùa hạ. Thái thượng hoàng mất.

Dâng tôn thụy là Chương hoàng đế, miếu hiệu Hy Tông. Thượng hoàng ở ngôi vua 30 năm, sau khi truyền ngôi, ở điện Kiên Thọ 12 năm, hưởng thọ 54 tuổi.

Làm lễ táng ở Phú Lăng.

Lời chua - Lăng: Ở xã Phú Lâm, huyện Đông Sơn, thuộc Thanh Hóa.

Tháng 6. Bắt đầu định phép chia đều thuế khóa và tạp dịch.

Từ lúc thi hành phép bình lệ¹, thuế khóa và tạp dịch chuyên trách cứ nhân đình phải chịu, phần nhiều đem việc gánh vác đổ dồn về một bên. Nên nay bàn định: Dùng khoa điều để phân phối cho đình

¹ Thời đại phong kiến chia địa phương nhiều việc hoặc ít việc để bổ quan, họ định 4 tiêu chuẩn là: xung, phiền, bì, nan.

a. Xung : Địa phương gần kinh kỳ, nhiều việc sai phải;- Thuyền bè, xe cộ tụ họp, nhân vật phức tạp, thường sinh sự đánh nhau và trộm cắp;- ven biển, ven rừng, nhiều chỗ hiểm trở, trộm giặc thường lẫn lút cướp bóc của dân;- Địa giới tiếp giáp trấn khác hoặc bộ lạc người Man, trộm cướp bất thần vượt qua biên cảnh để quấy rối;- Địa phận có đường cái, nhiều cầu cống, thường phải chuyển đê giấy tờ và tài sản công;- Địa phận có đê công, phải khẩn cầu để phòng trong khi mưa nhiều, nước lũ.

b. Phiền: Đất rộng người nhiều, việc binh lương nhiều hơn hạt khác; phải khó nhọc về việc bắt bớ thúc giục;- Kiện tụng nhiều, phải bận rộn về việc tra hỏi về án tử.

c. Bì: Đất nhiều sỏi đất hoặc chua mặn, cây cối tổn công, hoa lợi được ít;- Đất nhiều nơi khô rạn hoặc trũng thấp, động có mưa, nắng, hoa màu đã bị tổn hại, do đây mà thuế khóa khó thu được đầy đủ.

d. Nan: Dân nhiều người du thủ du thực, thường sinh trộm cướp;- Dân nhiều người điều toa, lại dịch nhiều người giào quyết, xui nguyên giục bị, chia thành bè đảng, làm hại lẫn nhau, để đến nổi sinh nhiều án mạng;- Bọn hào cường tạ sư đục khoét, để đến nổi binh trốn, thuế thiếu, phải bận rộn về sự bắt bớ mà vẫn không được đủ ngạch.

Địa phương nào có cả bốn tiêu chuẩn kể trên, gọi là tốt yếu khuyết: có ba trong bốn tiêu chuẩn ấy gọi là yếu khuyết; có hai trong bốn tiêu chuẩn ấy gọi là trung khuyết; có một hoặc không có tiêu chuẩn nào gọi là giản khuyết (Đại nam hội điển sự lệ quyển XIII, tờ 7, 8).

² Tỉnh Thanh Hóa.

³ Nay thuộc xã Phù Chấn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

và điền cùng chịu. Phàm có công việc hoặc đóng góp, thì nhân đình và điền mẫu mỗi bên đều phải chịu một phần, để cho việc thuế khóa và lực dịch được đều nhau.

Đinh Dậu, năm thứ 13 (1717). (Thanh, năm Khang Hy thứ 56).

Tháng 10, mùa đông. Biểu dương người đàn bà tiết nghĩa là Phan Thị.

Phan Thị, vợ bé Đinh Nho Hoàn. Nho Hoàn sang sứ Trung Quốc, bị chết ở dọc đường. Sau khi đem quan tài về chôn, Phan Thị tự thắt cổ để chết theo. Việc này tâu lên, triều đình sai quan cấp cho ruộng thờ tự, tặng phong á thận phu nhân, lập từ đường để thờ và ban cho biển vàng² đề hai chữ "tiết phụ" treo ở cửa nhà Phan Thị để biểu dương.

Lời chua - Phan Thị: Tên là Viên, người xã Do Lễ, huyện Hưng Nguyên³.

Tháng 12. Định thể lệ hạn chế số người làm ở trường khai mỏ tại các trấn.

Lúc ấy, các mỏ vàng, bạc, đồng, thiếc ở các trấn phần nhiều mộ người nhà Thanh khai quật để lấy, phu mỏ quần tụ mỗi ngày một nhiều. Triều đình e rằng sẽ sinh sự biến động, bèn định thể lệ: số phu mỗi mỏ, nhiều nhất 300 người, thứ đến 200 người và ít là 100 người, không mỏ nào được dùng quá số đã định. Từ đây, số phu làm ở trường xướng khai mỏ mới có hạn chế.

Lời chua - Trường xướng khai mỏ: "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Mỗi lợi trường xướng khai mỏ phần nhiều ở các hạt Tuyên, Hưng, Thái, Lạng.

Tuyên Quang: Xưởng đồng Tụ Long, xưởng bạc Nam Xương là Long Sinh.

Hưng Hóa: Xưởng đồng Trình Lạn và Ngọc Uyển.

Thái Nguyên: Xưởng đồng Sàng Mộc, Yên Hân, Liêm Tuyền, Tống Tinh và Vụ Nông, xưởng vàng Kim Mã và Tam Lộ, xưởng chì Côn Minh.

Lạng Sơn: Xưởng đồng Hoài Viễn.

Nay xét: Các xưởng, đều từ năm Cảnh Hưng (1740-1746) trở về sau, vì nhân có việc gì đó mới ghi chép thành văn, ngoài ra còn nhiều xưởng bỏ sót.

Vậy hãy chép ra đây, sẽ khảo cứu sau.

Mậu Tuất, năm thứ 14 (1718). (Thanh, năm Khang Hy thứ 57).

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Năm ấy, nhà vua mới xin nhà Thanh phong tước:

Sứ bộ có: chánh sách, Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Công Hãng; phó sứ, Phụng Thiên phủ doãn Nguyễn Bá Tôn (Tông). Các viên quan kể trên sang nhà Thanh báo cáo việc Hy Tông mất và xin phong tước. Khi các viên quan ấy trở về, vua nhà Thanh chuẩn định: Cứ 6 năm hai lễ cống cùng dâng một lúc theo như thể lệ; nhân viên đi sứ, được cử 3 sứ thần và 20 hành nhân. Việc này định làm thể lệ lâu dài.

Lời cần án - Cáo phó lễ để trọng việc lâm chung của ông vua trước; cầu phong là để trọng việc bắt đầu lên ngôi của ông vua sau. Nghi lễ ban giao không còn việc gì trọng đại hơn việc ấy. Hy Tông mất đã 3 năm mới cáo phó, Dụ Tông lên ngôi 14 năm mới xin phong. Sao lại khinh thường quá như thế?

Lúc ấy, chính quyền do họ Trịnh giữ. Dụ Tông đã lên ngôi vua hàng năm sai sứ sang Trung Quốc vẫn xưng tên húy là Hy Tông, thế thì Dụ Tông đầu được lập làm vua cũng như chưa lập. Đến nay, Hy Tông mất đã đoạn tang rồi, bấy giờ mới nhân việc tuế cống mà cáo phó, mà cầu phong. Việc lớn về

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 29.

² Xem chú thích ở Chính biên quyển XIX, tờ 12.

³ Tỉnh Nghệ An.

vua trước mất đi và vua sau lên ngôi còn làm lạ tạ như thế, thì các việc khác không cần nói đến làm gì.

Lời chua - Thể lệ 6 năm hai lễ cống cùng dâng một lúc: Xem Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 7 (Chb. XXXIII, 26).

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Cương tự tiện đặt lục phiên.

Nguyên trước, phủ chúa Trịnh đặt 3 phiên là: Binh phiên, Hộ phiên và Thủy sư phiên. Đến nay đặt thêm lại phiên, Lễ phiên, Hình phiên, Công phiên cùng với Binh phiên, Hộ phiên đã đặt từ trước gọi là Lục phiên. Lại xếp các hiệu trưng thu chia làm lục cung, phàm sổ sách về thuế tô, thuế dung thuộc cung nào, thì các quan trong lục phiên theo chức phận của mình chia nhau quản lĩnh; chính lệnh về tài sản, thuế khóa và binh lính, dân đinh ở các trấn đều thuộc về lục cung. Trịnh Cương hạ lệnh cho quan văn thuộc phủ Chúa quản trị từng phiên, nội giám về liêu thuộc về hàng văn sung làm chức phó thiêm, trong lục phiên có 60 người lại điển thuộc hạ. Từ đây, chính quyền trong nước về hết lục phiên, mà lục bộ¹ và lục tự² chỉ đặt cho đủ vị mà thôi.

Lời chua - Lục cung: Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718) đặt lục cung.

1. Tả trung cung: có các hiệu tả giáp, tả ất.
2. Hữu trung cung: có các hiệu hữu giáp, hữu ất.
3. Đông cung: có các hiệu đông giáp, đông ất.
4. Nam cung: có các hiệu nam giáp, nam ất.
5. Đoài cung: có các hiệu đoài giáp, đoài ất.
6. Bắc cung: có các hiệu bắc giáp, bắc ất.

Thuế khóa ở bốn phương nộp vào, tùy theo nhiệm vụ của từng hiệu mà trưng thu hoặc cấp phát, của cải và thuế khóa không có việc gì liên quan đến bộ Hộ như trước nữa. Tình thế này, đến lúc hết đời nhà Lê cũng không thể nào thay đổi được.

Định rõ lại thể lệ trình bày công việc của Hiến ty và Ngự sử đài.

Ty Hiến sát có trình bày việc gì hoặc đàn hạch tội lỗi người nào thì làm giấy niêm phong cẩn thận nộp lên quan ngự sử. Quan ngự sử có dâng phong sự³, thì đệ nộp cả văn thư mà Hiến ty đã nộp ở đài để triều đình biết. Việc đệ nộp văn thư này mỗi năm hai kỳ vào mùa đông và mùa hạ. Duy việc ác đảng, việc bạn nghịch đương phát giác, không bắt buộc theo kỳ hạn nào.

Lời phê - Trình bày công việc mà cũng có kỳ hạn, thật đáng khinh bỉ.

Tháng 10, mùa đông. Định rõ lệnh cấm uống rượu.

Lúc ấy phong tục ở dân gian đắm đuối về chè rượu, họ thường giả thác vào lệ làng, quần tụ nhau uống rượu thả cửa, liên miên không có hạn độ nào. Vì thế mới định điều lệ ngăn cấm: Ở nhà tư, nếu có việc tế tự, việc vui mừng, việc ma chay; ở dân xã, nếu có việc tế thần cầu phước, dùng rượu điều có hạn định. Ngoài ra, người nào không có duyên cớ gì mà tụ hợp, hoặc ở làng chợ hợp nhau uống rượu, sẽ bắt giải lên quan trị tội, người đứng cáo tố sẽ được thưởng. Quan địa phương nếu không xem xét cấm ngăn sẽ bị luận vào tội theo tình riêng dung túng.

Kỷ Hợi, năm thứ 15 (1719). (Thanh, năm Khang Hy thứ 58).

Tháng 3, mùa xuân. Bãi bỏ công việc sửa chùa Phúc Long.

¹ Lại bộ, Hộ bộ, Lễ bộ, Binh bộ, Hình bộ và Công bộ.

² Đại lý tự, Thái thường tự, Quan lộc tự, Thái bộc tự, Hồng lô tự và Thượng bảo tự.

³ Một danh từ để gọi những văn thư tấu sớ dâng lên triều đình, vì e có sự tiết lộ, nên khi dâng nộp, bỏ văn thư tấu sớ vào một cái bao rồi gói kín lại, gọi là phong sự.

Trịnh Cương bắt dân 3 huyện Gia Định, Lang Tài và Quế Dương sửa chùa Phúc Long từ năm Giáp Ngọ (1714) đến nay gồm 6 năm. Có người nói việc ấy làm nhọc công sức dân. Cương bèn bãi bỏ.

Lời chua - Chùa Phúc Long: Ở xã Lăng Ngâm, huyện Gia Định¹ do Trịnh Tráng làm từ năm Phúc Thái thứ 6 (1648) đời Lê Chân Tông. Khoảng năm Vĩnh Thịnh sửa lại. Nay chùa ấy đã bỏ, nhưng nền cũ vẫn còn. Chữ "Phúc" (phúc đức) long" có sách chép "Phúc" (bụng) long".

Gia Định: ² Nay là Gia Bình, xem Uy Mục để, năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb. XXV, 21).

Lang Tài³: Tên huyện, thuộc phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 6).

Quế Dương⁴: Tên huyện, đặt từ đời nhà Lê, nay thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Định phép khảo công đôi với viên quan ở trấn ty.

Trịnh Cương lấy cớ rằng, viên quan ở Trấn ty được giữ độc quyền khống chế địa điền trong một phương, khó có người làm xứng đáng được chức vụ. Cương muốn khảo xét tra cứu kỹ càng để thi hành việc giáng truất hoặc cất nhắc, bèn định ra 5 điều: 1. Cầm phòng chế ngự giặc cướp; 2. Khám xét tra hỏi bọn gian phi; 3. Sửa đắp đê điều đường sá; 4. Dò hỏi xem xét nơi quang ải; 5. Bắt lính. Mỗi năm cứ đến cuối năm thi hành việc khảo công. Ngự sử đài chia công trạng của Trấn ty ra 3 bậc: thượng trung và hạ, để tỏ rõ người hơn người kém.

Việc khảo công đối với các viên đề lãnh bốn cửa thành trong kinh kỳ cũng theo như thế.

Cương lại nhận thấy Cao Bằng là ngoại trấn, việc khảo công nên giản lược một chút, bèn định ra bốn điều: 1. Cầm phong; 2. Trạm đê công văn; 3. Khám xét tra hỏi bọn gian phi; 4. Trưng thu thuế khóa. Cứ cuối năm khảo công cũng theo thể lệ khảo công viên quan ở Trấn ty.

Lời chua - Trấn ty: Tức đô ty các xứ, xem năm Vĩnh Thịnh thứ 8, tờ 12 trong cuốn này.

Đề lãnh: Viên quản giữ chức tuần phòng cảnh sát trong kinh thành, nhiệm vụ cũng như Trấn ty.

Ngày Ất Ty, tháng 7, mùa thu. Mặt trăng phạm vào sao Thái Bạch.

Tháng 11, mùa đông. Đo đạc ruộng ở dân gian.

Trịnh Cương hạ lệnh nói: "Thương dân thì cần phải thi hành nhân chính, muốn thi hành nhân chính thì cần phải chia đều thuế khóa và dao dịch. Chế độ cũ làm phiền nhiễu dân đình về việc duyệt tuyển, triều trước rất chán ghét, nên mới lập ra phép "bình lệ": Số người đến tuổi ghi tên vào sổ cũng không tính, số người hao hụt đi cũng không miễn trừ. Phép ấy thi hành đến nay đã hơn 50 năm rồi. Trong thời gian ấy, số hộ khẩu ở dân hoặc thêm ra hoặc hụt đi không nhất định, mà nguyên ngạch vẫn theo như cũ, vì thế mà dân đình phải gánh vác quá nặng, rồi dần dà đi đến lưu tán.

"Nhân đấy, đã họp bày tôi trong triều bàn luận, tính kỹ phương pháp cứu vớt lấy dân. Mọi người đều nói: nay ruộng trong nước không kể ruộng công hay tư, đều thi hành việc khám xét đo đạc, rồi liệu lượng chia bổ ngạch thuế, để cho người giàu người nghèo giúp đỡ lẫn nhau, nặng nhẹ gánh vác đều với nhau, định làm phép tắc thường hành mãi mãi. Đấy đều là theo thời mà cứu chữa sự tệ hại, không phải là sinh ý thay đổi đâu".

¹ Nay là xã Lăng Ngâm, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

² Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

³ Nay là một phần của huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

⁴ Nay là một phần của huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Vì thế, Trịnh Cương hạ lệnh cho các viên phủ, huyện và hai ty Thừa chính, Hiến sát chia nhau đi đo đạc ruộng ở dân gian.

Lời chua - Chế độ cũ: Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), Lê Thái tổ hạ lệnh cho các phủ huyện làm sổ hộ và tuyển đinh tráng¹.

Năm Hồng Đức thứ nhất (1470), Thánh Tông định phép: 3 năm một lần làm sổ hộ, gọi là tiểu điền, 6 năm một lần gọi là đại điền, xã sở tại dựng trường duyệt tuyển, triều đình sai quan đến duyệt dân đinh, chia ra hạng tráng, hạng binh, hạng quân, hạng dân, hạng lão, hạng cố và hạng cùng, chọn lấy người mạnh khỏe sung vào quân ngũ².

Năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660). Thần Tông hạ chiếu làm sổ hộ: Dân đinh từ 10 tuổi trở lên, tính theo từng hộ ghi tên vào sổ³.

Năm Cảnh Trị thứ 2 (1664), triều Huyền Tông, tham tụng Phạm Công Trứ kiến nghị: Xin hạ lệnh làm sổ hộ, đến năm thứ 7, phép bình lệ hoàn thành⁴.

Tháng 12. Sứ thần sang nước ta,

Nhà Thanh sai Nội các điển bạ Đặng Đình Triết và Hàn lâm viện biên tu Thành Văn sang sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương, ban cho phẩm phục nhất phẩm và dụ bảo việc ban phẩm vật tế Hy Tông.

Lúc bọn Đình Triết mới đến, yêu cầu khi nhận sách phong nhà vua làm lễ 3 lần quỳ 9 lần vái (tam quỳ, cửu khấu lễ), nhưng triều đình lấy lễ rằng theo lễ nghi trong nước, làm lễ 5 lạy 3 vái (ngũ bái, tam khấu). Việc này tranh luận ba bốn lần. Đình Triết mới miễn cưỡng nghe theo. Triều đình lại tiễn chân trọng hậu bằng bạc lạng, sứ bộ đều không nhận. Khi Đình Triết về Trung Quốc, nói nước ta cảnh thổ bình yên, lễ độ đáng để cho người ngoài quan chiêm. Vua nhà Thanh lấy làm khen ngợi. Đến khi bọn tả thị lang Hồ Phi Tích sang tạ ơn, vua nhà Thanh ban cho có phần hậu hơn lần trước.

Canh Tý, năm Bảo Thái thứ nhất (1720). (Thanh, năm Khang Hy thứ 59).

Tháng 4, mùa hạ. Khảo xét công trạng 10 năm của các quan văn, quan võ.

Bọn Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn, Lê [Thì] Liêu và Đặng Đình Lân gồm 14 người dự hạng thượng khảo, được thăng thưởng cao thấp khác nhau.

Lời chua - Đình Lân: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức.

Tháng 5. Trịnh Cương tự gia phong là đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư thượng phụ, Uy nhân minh công thánh đức An vương.

Trịnh Cương phong cho con là Giang làm thế tử.

Lời chua - Chữ "Giang": Lê sử tục biên chép "Khương". Nay tham khảo Ngọc phả triều cổ Lê và các sách khác, đổi là "Giang". Từ đây trở xuống cũng chép là "Giang" cả.

Khôi phục quan chế đời Hồng Đức.

Quan chế đời Hồng Đức, cấp bậc rõ ràng, sau khi trung hưng phần nhiều có thay đổi. Đến nay, hạ lệnh: Phàm cất nhắc trao chức cho các quan, nhất luật theo quan chế đời Hồng Đức. Duy chức trọng yếu trong hàng đại thần được gia phong thì không câu nệ.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XV, tờ 13.

² Xem thêm Chính biên quyển XIX, tờ 29.

³ Xem thêm Chính biên quyển XXXII, tờ 23.

⁴ Xem thêm Chính biên quyển XXXII, tờ 29.

Lời căn án - Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép: "Quan chế đời Hồng Đức: Đặt thái sử, thái úy, thái phó, thái bảo, và thiếu sử, thiếu úy, thiếu bảo làm chức trọng yếu trong hàng đại thần. Còn văn ban từ chánh nhất phẩm đến cửu phẩm, võ ban từ chánh nhất phẩm đến tòng lục phẩm, thì cứ theo thứ tự mà thăng dần.

Sau khi trung hưng, đặt đại tư đồ, đại tư mã, đại tư không, và tam thái, tam thiếu¹, làm chức trọng yếu trong hàng đại thần được gia phong. Còn văn ban: thì phó đô (ngự sử) đứng dưới tả thị lang; thừa chỉ, Đông các đại học sĩ, tế tửu, thiêm đô (ngự sử) và thị độc đứng dưới hữu thị lang; võ ban, thì đô chỉ huy sứ, đồng tri và thiêm sự là phẩm trật thấp nhất. Đại khái quan chế đời trung hưng không giống với quan chế đã xếp đặt từ đời Hồng Đức. Đến năm Bảo Thái thứ nhất (1720), khôi phục quan chế cũ, về cấp bậc, phẩm trật, cất nhắc, trao chức nhất luật theo quan chế đời Hồng Đức. Duy các chức trọng yếu trong hàng đại thần được gia phong thì theo thể lệ đời trung hưng".

Nay xét quan chế đời Hồng Đức²: Chánh nhất phẩm: Thái sử, thái úy, thái phó, thái bảo, đây là các chức trọng yếu trong hàng đại thần, các chức ấy đều là hàng văn hay hàng võ cũng đều theo như thế. Các chức dưới sắp xếp như thế này:

Về hàng văn: Tòng nhất phẩm, thái tử tam thái³ và thái tử thái úy; Chánh nhị: tam thiếu và thiếu úy; tòng nhị: thượng thư sáu bộ; Chánh tam: đô ngự sử đài; Tòng tam: tả thị lang, hữu thị lang và thừa chính sứ; Chánh tứ: thừa chỉ và phó đô ngự sử; Tòng tứ: Đông các đại học sĩ, Quốc tử giám tế tửu; Chánh ngũ: thị độc, thiêm đô ngự sử, dưới nữa đến cửa phẩm; là các chức huấn đạo, chủ bạ và xiển giáo trong ty tăng lục hoặc đạo lục...

Về hàng võ: Tòng nhất phẩm: tả đô đốc, hữu đô đốc; chánh nhị: đô hiệu điểm, đô đốc đồng tri; Tòng nhị: tả hiệu điểm, hữu hiệu điểm và tham đốc; Chánh tam: đô chỉ huy sứ, đô tổng binh sứ; Tòng tam: chỉ huy đồng tri, chỉ huy sứ; dưới nữa đến nhất phẩm: là các chức phó đô úy, phó vệ úy...

Quan chế đời Hồng Đức như đã trình bày ở trên, phẩm trật cấp bậc rõ ràng, thuyên chuyển cất nhắc có thứ tự. Còn như quan chế đời Bảo Chử, đầu nói rằng nhất luật theo đời Hồng Đức, nhưng lúc ấy quyền bính về phủ chúa Trịnh, danh nghĩa chức phận đã không phân minh, thì cấp bậc trật tự còn làm thế nào mà nhất định được? ví dụ: Gia phong quan tước cho các chức trọng yếu đã không phù hợp với quan chế sắp xếp dưới đời Hồng Đức, trong quan chức đời Bảo Thái ấy, về văn giai có: tham tụng, bồi tụng và tri phiên, phó thiêm ở sáu phiên, về võ giai có: đô tướng, phó đô tướng, thự phủ, quyền phủ, quan ngoài các trấn có: đốc suất, đốc đồng, tổng phủ, lưu thủ, không thể nói hết được. Danh hiệu các chức đặt thêm ra hơn trước khá nhiều. Còn như nói rằng: "nhất luật theo quan chế đời Hồng Đức" chẳng qua chỉ nói đại khái về cấp bậc, phẩm trật thuyên chuyển cất nhắc mà thôi.

Bổ dụng: Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Công Cơ và Lê Anh Tuấn cùng giữ chức tham tụng.

Từ lúc trung hưng trở về sau, các công việc phần nhiều cầu thả đơn giản. Công Hãng giữ chính quyền, bàn định muốn thay đổi hết thảy. Trịnh Cương càng đem lòng ủy thác tin dùng.

¹ Trên chép: Thái sử, thái úy, thái phó, thái bảo, và thiếu sử, thiếu úy, thiếu phó, thiếu bảo, thế là bốn chức "thái" và 4 chức "thiếu", ở đây lại chép "tam thái, tam thiếu". Vậy còn một chức nào đó trong các chức kể trên không liệt vào danh từ "tam thái, tam thiếu". Theo sự nghiên cứu của chúng tôi, thì đời cổ Trung Quốc: Thái sử, thái phó, thái bảo gọi là "tam công", thiếu sử, thiếu phó, thiếu bảo gọi là "tam cô". Triều Lê không dùng danh từ "tam công, tam cô" mà gọi là "tam thái, tam thiếu". Lại phần dưới (từ 29) trong lời căn án này chép: "thái tử tam thái, và thái tử thái úy, tam thiếu và thiếu úy". Như vậy, đủ rõ thái úy không đúng trong "tam thái" và thiếu úy không đúng trong "tam thiếu".

² Xem thêm Chính biên quyển XXII, tờ 15, 24 về quan chế đời Hồng Đức.

³ Tức thái tử, thái sử thái phó, thái tử thái bảo.

Một đêm, giọt nước đồng hồ¹ mới bắt đầu trống canh năm², Cương sai nội giám³ triệu Công Hăng và Anh Tuấn vào trong phủ bàn định công việc. Lúc ấy hai người này còn ngủ chưa dậy, Cương ngồi để đợi. Khi bọn Công Hăng vào, Cương cười nói: "Vừa rồi ta cảnh giác trong giấc ngủ, từ đời xưa có bao giờ như thế không". Bọn Công Hăng tạ lỗi nói: "Chúa thương lo nghĩ siêng năng mọi việc, tài trí chúng tôi kém cỏi tầm thường không có thể theo kịp được. Đến như việc giục giả răn bảo bầy tôi, cảnh giác trong lúc đêm khuya, thì việc này từ đời trước đến nay chưa bao giờ có". Cương bèn bảo hai người ngồi, cho uống nước trà, ung dung hỏi han mọi việc, ngày đã muện hai người mới ra về.

Định nghi thức về áo mặc.

Trước đây, quan lại, quân và dân, đồ mặc thường thông dụng thanh cát y⁴, đội khăn chữ đinh⁵. Đến nay, tham tụng Nguyễn Công Hăng bàn thay đổi lại: Phàm ngày thường vào triều vua, vào hầu chúa và người chấp sự thừa hành lễ nghi, áo mặc đều có thể thức, không ai được dùng vượt quá cấp bậc.

Nhân đây, Công Hăng cùng chương phủ Trịnh Quán xin Cương khi tiếp kiến bầy tôi nên mặc áo sắc vàng. Cương bảo bọn này: "Ta nối giữ cơ nghiệp chúa, giúp rập nhà vua. Về sự tôn kính nhà vua, ta luôn luôn để trong bụng. Sắc vàng là đồ mặc của thiên tử, ta đâu dám dùng. Nay phủ liêu từ quan tứ phẩm trở lên dùng áo sa hoặc đoạn, thì về phần ta chỉ nên dùng sắc tía để phân biệt mà thôi.

Lời phê - Gọi Trịnh Cương bằng "chúa thượng", xin Trịnh Cương mặc áo sắc vàng, thì Công Hăng là tên phạm tội đầu sỏ. Còn như Cương cũng theo thói cũ xưng là "sư phụ" mà còn nhúng nhường không mặc áo sắc vàng. Cái cách giả trá khéo léo của Cương cũng giống hết như Tào Tháo nhường trả ba huyện⁶. Cương toan lừa dối ai?

Lời chua - Áo mặc: Lê sử tục biên chua: Hoàng thân và vương thân, áo mặc: mùa xuân, mùa hạ mặc sa tàu, mùa thu, mùa đông mặc đoạn tàu, đều màu trầm hương. Khăn, mùa xuân, mùa hạ dùng mã vĩ, mùa thu, mùa đông mặc đoạn huyền.

Quan văn, quan võ từ nhất phẩm đến tam phẩm, áo mặc: mùa xuân, mùa hạ dùng sa tàu, mùa thu, mùa đông dùng đoạn tàu, đều màu huyền. Khăn: quan viên dùng khăn nhiều trao (trùng điệp), quan võ dùng khăn một trao (đơn điệp). Áo và khăn của quan tứ phẩm cũng như thế, duy dùng sa và đoạn nam.

Nội giám, khăn: dùng bình đính, sau đổi làm lục lăng.

Các quan văn, võ và nội giám, phàm viên nào chấp sự thì khi hành lễ và khi làm việc đều dùng áo thanh cát, mũ sa đen. Vào hầu phủ chúa Trịnh cũng thế.

Ân xá.

Lúc ấy có tai biến về các vì sao, Tư thiên giám xin đổi niên hiệu. Triều đình bèn lấy tháng 8 năm ấy làm năm Bảo Thái thứ nhất, xá hai phần mười thuế vụ hạ năm nay; quan viên nếu có ai vô ý sai lầm phạm lỗi hoặc bị oan uống chìm đắm, đều được cất nhắc bổ dụng.

Mông một, tháng 7, mùa thu. Nhật thực.

¹ Đồi cổ chia một ngày một đêm ra 100 khắc. Muốn biết thì giờ, họ dùng một cái hồ bằng đồng, đáy hồ khoan một lỗ nhỏ, giữa hồ dựng một cái cây nhỏ có ghi 100 khắc để làm tiêu chí. Đem nước đổ đầy vào hồ, nước trong hồ sẽ theo lỗ nhỏ mà rò dần đi từng giọt, nước rò bớt dần đi, thì số ghi ở cái cây dựng giữa cái hồ cũng lộ dần ra. Trông vào số ghi đã lộ ra ấy sẽ biết lúc ấy là giờ gì (tý hay sửu...).

² Phóng vào quãng cuối 3 giờ.

³ Tức hoạn quan.

⁴ Xem lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXII, tờ 37.

⁵ Xem lời chua của Cương mục, Chính biên quyển VIII, tờ 38.

⁶ Một nhân vật nổi tiếng thời Tam quốc. Tháo làm thừa tướng nhà Hán, nhưng choán hết quyền bính và uy hiếp Hán đế. Tháo được ăn lộc bốn vạn hộ của bốn huyện. Tháo nói: "Tôi không có tài đức gì xứng đáng với bổng lộc đã được phong, xin trả lại ba huyện". (Thông giám tập lãm quyển XXVII, tờ 8).

Định ân lộc cho các quan văn, quan võ nghỉ việc quan về nhà.

Bản định: các quan văn, quan võ vào hạng triều ban và nội giám, người nào được nghỉ việc, quan về nhà, sẽ cấp cho dân lộc có người nhiều người ít khác nhau.

Lời chua - Ân lộc: Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép: "Thể lệ cấp ân lộc cho các quan nghỉ việc về nhà. Sử cũ không chép. Đầu năm Bảo Thái mới định thể lệ huê dưỡng: Nhất phẩm trở lên, dân lộc 4,5 xã, sử tiền 400 quan, nhị phẩm 2,3 xã, sử tiền 300 quan hoặc 250 quan; tam phẩm 1,2 xã, sử tiền 200 quan hoặc 150 quan; tứ phẩm 1 xã, sử tiền 150 quan, ngũ phẩm một xã, sử tiền 100 quan (quan văn quan võ cùng như nhau).

Sử tiền: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XXI,2).

Tháng 8. Ban bố giáo điều cho trong kinh và ngoài các trấn.

Đại lược giáo điều nói: "Học trò siêng năng về nghề nghiệp, học hành, trước hết giảng giải cho sáng tỏ những điều lễ, nghĩa, trung, tín. Làm người phải giữ vững luân thường, người đồng tông một họ hoặc người tình thân bên họ ngoại không được kết hôn lẫn lộn với nhau. Quan và dân lễ nghi cách biệt không được ngạo mạn khinh nhờn. Đồ mặc đồ dùng ở dân gian không nên lẫn vượt. Chớ quen với tập tục xấu mà đua nhau phao phí về cỗ bàn. Chớ mê hoặc dị đoan mà theo nhau chơi bời trể biếng. Việc lễ bái cầu đảo phải có tiết độ theo mức trung bình, để tỏ phong tục sền nhật. Gặp nhà có tang phải thương xót lẫn nhau, làm cho phong hoá của dân ngày một thuần hậu". Giáo điều ban bố gồm 10 điều.

Lời phê - Vẫn làm văn từ hảo huyện.

Tháng 10, mùa đông. Bắt đầu phát đầu bài thi hương cho bốn trấn. Thêm ngạch lấy đỗ cho trường thi Sơn Nam.

Theo chế độ cũ, trường thi hương ở các trấn đều do quan trường ra đầu bài. Nay Trịnh Cương lấy cớ rằng việc quyết định khoa danh của học trò là ở hai kỳ đệ tam và đệ tứ, bèn hạ lệnh cho bày tôi có văn học nghĩa soạn đầu bài thi ở trong phủ, rồi cho chạy trạm phân phát cho các trường. Còn hai trường thi Thanh, và Nghệ vì địa thế xa, nên vẫn theo chế độ cũ. Cương lại nhận thấy trường Sơn Nam số học trò đi thi so với khoa trước bội hơn, nên cho thêm ngạch lấy đỗ: Hương cống trước 60 người nay thêm 20 người nữa, sinh đồ trước 600 người, nay thêm 200 người nữa. Việc này định thành thể lệ.

Tháng 11. Bắt đầu đánh thuế đồng và vỏ quế.

Trước đây, các sản vật: vỏ quế, muối và đồng, dân gian không được phép bán riêng. Năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) đình hoãn lệnh cấm này, đến năm thứ 13 (1717) lại hạ lệnh: Đồng đỏ không được bán ra nước ngoài, nay bọn tham tụng Nguyễn Công Hãng kiến nghị: đồng và quế là sản vật của nhà nước, trước đây cho phép dân được mua bán riêng, như thế thì mỗi lợi về cả người buôn bán, mà không giúp ích cho việc tiêu dùng chung. Vì thế, mới định phép đánh thuế: Triều đình cử viên quan trông coi việc này, phàm người nào buôn đồng hoặc bóc vỏ quế, khi đi khi về đều phải có giấy tờ khám nghiệm để làm bằng chứng. Nếu trao đổi cho khách buôn nước ngoài, phải đợi lệnh chỉ của chúa mới được cấp phát giấy tờ; nếu mua bán ở trong nước, thì xin giấy viên giám đương¹ cấp phát để làm bằng chứng. Cấm vận chở lén lút hoặc làm sự vụng trộm.

Tân Sửu, năm thứ 2 (1721). (Thanh, năm Khang Hy thứ 60).

Tháng giêng, mùa xuân. Bãi bỏ hình luật chặt ngón tay.

Theo luật quốc triều (triều Lê), pháp luật thường hành có 5 hình danh. Gần đây hình phạt chặt ngón tay, dùng phép quá nặng. Bèn hạ lệnh: Những phạm nhân bị luận vào tội chặt ngón tay rồi đầy (lưu) đi một nơi, nay đều giảm xuống làm tội đồ cư tác², niên hạn định theo tội phạm nặng hay nhẹ: phạm nhân phải luận vào tội chặt hai tay và lưu đi Viễn Châu, nay đổi làm tội đồ cư tác chung thân;

¹ Một danh từ để gọi chức quan đặt tạm thời. Ở đây chỉ viên quan giữ việc trông coi, về đồng và quế (Xem thêm lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXVII, tờ 27).

² Phạm nhân bị giữ ở chỗ bị đầy theo thời hạn đã định trong án văn và phải làm mọi việc nặng nhọc.

phạm nhân phải luận vào tội chặt một tay và lưu đi ngoại châu, nay đổi làm tội đồ cư tác 12 năm; phạm nhân phải luận vào tội chặt 2 ngón tay và lưu đi cận châu, nay đổi làm tội đồ cư tác 6 năm. Những người phạm tội trộm, cướp không theo thể lệ này.

Lời chua - Năm hình danh (ngũ hình): "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép về danh lệ hình pháp triều cổ Lê:

- Tội đánh bằng roi có 5 bậc: từ 10 roi đến 50 roi.
- Tội đánh bằng trượng có 5 bậc: từ 60 trượng đến 100 trượng.
- Tội đồ có 3 bậc: đồ làm người phục dịch công việc nặng nhọc (đồ dịch đình), đồ làm lính chặn voi, đồ làm lính đồn điền.
- Tội lưu có 3 bậc: lưu đi cận châu, lưu đi ngoại châu, lưu đi viễn châu¹.
- Tội xử tử có 3 bậc: xử bằng thắt cổ hoặc chém đầu, xử bằng bêu đầu, xử bằng tùng xẻo (lăng, trì).

Năm hình danh đều dựa theo hình luật triều Minh, triều Thanh (Trung Quốc) rồi châm chước để thi hành.

Tháng 5, mùa hạ. Động đất.

Không mưa.

Đã lâu không mưa, giá gạo cao vọt, bèn hạ lệnh cho quan và dân: người nào nộp tiền hoặc thóc sẽ được thăng bổ quan chức, để lấy tiền thóc phát chẩn cho dân.

Lúc ấy dân trong kinh kỳ dùng lời đồn phao làm cho nhau ghi ngờ sợ hãi, họ tranh nhau vận chuyển của cải, dắt díu gia quyến về làng, người trước người sau lũ lượt kéo ra cửa thành. Triều đình phải hạ lệnh cho viên đề lãnh cấm trái nghiêm ngặt, mãi sau mới yên được.

Tháng 8, mùa thu. Định phép học võ và thi võ.

Lúc ấy, nhân thái bình đã lâu, việc binh bị có phần biếng nhác. Triều đình bèn sắp xếp nơi học tập việc võ, đặt chức giáo thụ để dạy bảo. Con cháu công thần và con cháu bầy tôi đều cho vào nhà võ học, để học tập chiến lược trong Võ Kinh và các môn võ nghệ. Hàng tháng thi tiểu tập, bốn tháng trọng², thi đại tập; mùa xuân mùa thu tập môn võ nghệ, mùa đông, mùa hạ giảng bàn Võ Kinh. Viên giáo thụ để cử người nào trúng tuyển sẽ được bổ dụng. Lại chuẩn định 3 năm một lần thi võ, phạm dân đình ai có tài trí hơn người cũng được dự thi. Phép thi: trước hết hỏi sơ lược về đại nghĩa trong sách Tôn tử³, người nào thông hiểu nghĩa sách sẽ được vào thi khảo về võ nghệ: 1. Cưỡi ngựa múa đầu mâu; 2. Đấu kiếm, lân khiên; 3. Múa siêu đao; kỳ trót thi về phương pháp mưu mẹo việc binh. Ai trúng cách sẽ được dẫn vào sân phủ chúa thi phúc hạch, rồi tùy tài cao thấp theo thứ tự bổ dụng.

Định rõ quy chế việc học và phép thi khảo.

Trường Quốc học: dùng tế tửu và tư nghiệp giữ chức quan giảng dạy. Con cháu các côn thần văn, võ đều được vào học cùng với các học trò khác. Mỗi tháng có một kỳ tiểu tập, thi khảo học trò đã được vào học, việc này do giáo thụ và học chính quản lĩnh; bốn tháng trọng có một kỳ đại tập, thi khảo có học sinh và hương cống, việc này do viên quan ở Quốc tử giám chịu trách nhiệm. Người nào thi bốn kỳ⁴ đều trúng tuyển, thì viên quan ở Quốc tử giám đứng bảo cử, bộ Lại sẽ theo thứ tự cất nhắc bổ dụng.

¹ Xem thêm lời chua cận châu, viễn châu và ngoại châu, Chính biên quyển XV, tờ 10.

² Tháng 2: trọng xuân; tháng 5: trọng hạ; tháng 8: trọng thu; tháng 11: trọng đông.

³ Một bộ sách gồm 13 thiên do Tôn Tử người thời Xuân Thu biên soạn.

⁴ Chữ này Cương mục in lầm: "nội khóa" đúng ra phải là "tứ khóa" nghĩa là bốn kỳ thi: trọng xuân, trọng hạ, trọng thu và trọng đông.

Trường hương học: Viên hiệu quan¹ chuyên giữ việc dạy bảo sinh đồ và đồng sinh² có tài trí trong phủ mình. Mỗi năm, hai kỳ thi khảo. Người nào trúng 8 kỳ thi khảo, nếu người ấy là sinh đồ sẽ được miễn các kỳ thi khảo hằng năm, nếu là đồng sinh sẽ được đi thi hương: huyện lớn 200 người, huyện vừa 150 người, huyện nhỏ 100 người, trước hết do viên huyện phúc khảo, chọn lấy người trội nhất gọi là "toát vu", sau do viên phủ và hai ty Thừa chính Hiến sát phúc khảo lại để định từng hạng: người nào nghĩa lý về văn bài có phần trội hơn gọi là hạng "sảo thông", người nào có phần kém một chút gọi là hạng "thứ thông". Sau khi đã chia từng hạng rồi, nếu có người nào chưa vừa ý, được phép tự mình khiêu tố so sánh, để ấn định người hơn, người kém.

Lời chua - Viên quan ở Quốc tử giám: Xem Lê Hi Tông năm Chính Hòa thứ 4 (Chb. XXXIV, 32).

Tháng 10, mùa đông. Bàn định phép thuế khóa và lực dịch.

Trịnh Cương hạ lệnh cho bọn chấp chính³ bàn định về thuế khóa và lực dịch. Cương nói: "Ta thấy chế độ các đời trước thu lấy của cải của ở dân thường không giống nhau, nhưng chỉ có ba thứ thuế: tô dung và điệu⁴ là đúng hơn cả. Nay về tô ruộng và sổ đinh hương bàn luận để định cách thay đổi, thì về phần thuế điệu dịch cũng nên thương lượng để thi hành một thể. Ngoài ba thứ thuế ấy ra, những dao dịch khác và thuế khóa vụng vặt, nhất luật đều ngừng lại hoặc bớt đi. Đời cổ, định sự chi dùng trong nước, thì cân nhắc số thu vào để trừ tính số chi ra, nhưng bây giờ nên trước hết tính số chi ra, rồi sau sẽ định số cho dân phải nộp. Các ông đều nên suy xét cho chín rồi trình bày từng điều mục, để theo thứ tự thi hành".

Lời phê - Chỉ nghe thấy nói, chưa thấy thực hành.

Giảm bớt các quan trong hai ty Thừa chính, Hiến sát và phủ huyện ở các trấn ngoài biên giới.

Trịnh Cương hạ lệnh nói: Nhà Đường, Nhà Ngu, ngoài số quan ở chín châu⁵, chỉ đặt 5 viên quan trưởng; nhà Thành Chu, viên quan giữ cương vực đều đặt một chức giám. Như vậy đủ biết, muốn cho công việc được chỉnh đốn, không phải ở chỗ đặt nhiều chức quan.

Nay dân ở biên giới bị phiêu tán, làng xóm tiêu điều, nếu không giảm bớt số viên chức đi, thì cung cấp về bổng lộc, sự phiền nhiễu về đưa đón làm thế nào cho đủ được? Vậy các quan trong hai ty Thừa chính, Hiến sát phủ huyện ở các trấn Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Lạng Sơn đều tạm bớt đi, công việc của các viên quan ấy giao cả cho ty Trấn thủ nhận giữ. Duy hai ty Thừa chính, Hiến sát và phủ Phú Bình cùng 7 huyện Tư Nông, Động Hỷ, Bình Tuyên, Phổ Yên, Phú Lương, Đại Từ, Văn Lãng thuộc Thái Nguyên, địa thế liền với trấn⁶ không thể ví như nơi biên viễn khác được, viên chức ở các nơi ấy vẫn phải đến lý sở giữ chức phận như cũ. Ngoài ra, châu Vũ Nhai, huyện Đình Hóa thuộc phủ Phú Bình, và phủ Thông Hóa, huyện Cẩm Hóa, châu Bạch Thông đều là những địa điểm ở xa, khí hậu phần nhiều lam chướng, đều theo lệnh đình bãi.

Lời chua - Năm viên quan trưởng: Thiên "Ích tắc" trong sách Thượng thư chép: "Chín châu, mỗi châu có 12 viên quan đứng đầu các nước chư hầu⁷, ngoài ra bốn mặt của chín châu liền với bốn biển, đều đặt 5 quan trưởng".

¹ Xem lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXIV, tờ 8.

² Người học trò nào được đi thi hương, mà chưa vào học ở trường hương học, gọi chung là đồng sinh.

³ Một danh từ để gọi các viên quan quyền cao chức trọng, đời phong kiến như tể tướng, thừa tướng... viên quan này có nhiệm vụ bàn định thi hành mọi việc chính trị trong nước, nên gọi là chấp chính. Ở đây chỉ phủ liêu trong phủ chúa Trịnh.

⁴ Xem thêm Chính biên quyển XXXVI, tờ 10, 11, về phần mục có giải nghĩa 3 thứ thuế tô, dung và điệu của Trịnh Cương.

⁵ Theo truyền thuyết: Đường Nghiêu (2357 tr. CN), Ngu Thuấn (2255-2208 tr. CN) hai ông vua đời thượng cổ Trung Quốc, lúc ấy chia trong nước làm chín châu là: Ký, Duyện, Thanh, Từ, Ứng, Dự, Lương, Kinh, Dương.

⁶ Tức bốn trấn giáp kinh kỳ Thăng Long. Lúc này vị trí Thái Nguyên giáp trấn Kinh Bắc và Sơn Tây.

⁷ Nguyên văn chép: "Châu thập hữu nhị sư". Câu này có 2 giải nghĩa:

Để làm sáng tỏ đoạn văn đã dẫn ở trên, "Tập truyện" họ Thái¹ giải nghĩa như thế này: "Bên ngoài chín châu liền với bốn biển, mỗi phương đều đặt năm người để làm chức quan trưởng".

Một chức giám: Sách Chu Lễ chép về chức phận quan đại tư mã: "Đặt quan mục, lập quan giám, để trông nom giữ gìn công việc trong nước".

Để làm sáng tỏ thể nào là chức quan giám, Lâm Thị Y² giải nghĩa: "Giám là viên quan trưởng trong một thuộc, hoặc viên quan sứ trong một liên".

Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc.

Cao Bằng: Nguyên trước thuộc Ninh Sóc.

Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Lạng Sơn: đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30-32, 35).

Phủ Phú Bình:³ đặt từ triều Lê.

Tư Nông, Đại Từ⁴: Nguyên đặt từ hồi thuộc Minh, triều Lê vẫn theo như thế.

Động Hỷ: ⁵ Hồi đầu triều Lê gọi là Đồng Hỷ, sau đổi là Động Hỷ.

Bình Tuyên: ⁶ Nhà Minh gọi Bình Nguyên; nhà Lê đổi Bình Tuyên; bây giờ là Bình Xuyên.

Phổ Yên:⁷ Xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 17 (Chb. XXX, 6).

Phủ Lương:⁸ Nhà Lý gọi là phủ Phú Lương; thuộc Minh gọi là huyện; nhà Lê vẫn theo như thế.

Văn Lãng⁹: Đặt từ triều Lê.

Vũ Nhai¹⁰: Tức Vạn Nhai, xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

- Theo Khổng Dĩnh Đạt, thì 2.500 người là một sư, mỗi châu 12 sư, tức 3 vạn người, số người này dùng vào việc trị thủy của vua Hạ Vũ.

- Theo Trịnh Huyền, thì cứ một năm nước có một chức sư. Sư là chức quan đứng đầu các nước chư hầu, để giúp vua Nghiêu cai trị thiên hạ.

Ở đây Trịnh Cương hạ lệnh giảm bớt quan chức, mà lời chua của Cương mục dẫn câu này để giải nghĩa, thì Cương mục cũng theo như thuyết của Trịnh Huyền. Vì thế chúng tôi dịch là "mỗi câu có 12 chức sư đứng đầu các nước chư hầu" cho hợp với nghĩa của Cương mục.

¹ Tức Thái Trùng cũng gọi là Thái Trầm, học trò Chu Hy, Thái là một nhà đạo học đời Tống làm "tập truyện" sách Thượng thư.

² Chưa khảo cứu được tiểu sử.

³ Nay gồm các huyện Phú Lương, Võ Nhai, Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, phổ Yên (Thái Nguyên) và một phần huyện Tam Đảo (Vĩnh Phúc).

⁴ Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

⁵ Nt.

⁶ Nay là một phần huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

⁷ Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

⁸ Nt.

⁹ Nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

¹⁰ Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Định Hóa:¹ Thuộc Minh là tỉnh Tuyên Hóa, hồi đầu triều Lê là châu Tuyên Hóa, sau đổi Đinh Hóa; bây giờ là Định Châu.

Phủ Thông Hóa:² đặt từ triều Lê.

Huyện Cảm Hóa:³ Nguyên đặt từ hồi thuộc Minh; nhà Lê vẫn theo như thế.

Châu Bạch Thông:⁴ tức Vĩnh Thông.

Định Hóa, Bạch Thông và Cảm Hóa: Đều xem Lý Thái Tông, năm Thiên cảm thánh vũ thứ nhất (Chb. III, 11).

Bắt đầu bổ dụng bồi tụng Đinh Phụ Ích giữ chức đốc trấn Lạng Sơn.

Trước đây, viên quan ở Trấn ty các xứ, chuyên bổ dụng quan võ. Đến nay bổ dụng Phu Ích làm đốc trấn. Quan văn giữ chức đốc trấn bắt đầu từ đây.

Tháng 12. Định rõ lại ngạch lính.

Trịnh Cương hạ lệnh nói: Triều ta lúc bắt đầu mở nước, sắp xếp ngạch lính, đặt từng vệ, từng sở, lựa chọn dân đinh để bổ sung vào quân ngũ. Từ lúc trung hưng, dùng binh lính Thanh Nghệ diệt hết giặc Mạc, khôi phục được đất nước, rồi giữ luôn binh lính ấy đóng ở kinh đô để đủ số lính chờ chực và bảo vệ hoàng thành; còn binh lính ở bốn trấn, chỉ giữ có ngạch không, lúc có việc mới bắt tụ hợp để phân phối, xong việc lại cho trở về làm ruộng. Mới đây, vì luôn mấy năm bị kém đói, số đinh giảm sút, quan trên phải hàng ngày truy tầm bắt lính, dân gian phải khổ sở về việc thay thế. Nay muốn khôi phục chế độ xưa, theo như quy chế đã sẵn có, châm chước thêm bớt cho được công bằng, cốt làm cho dân hai xứ được yên vui về việc đỡ phải gánh vác binh lính, mà dân bốn trấn cùng theo một sự điều khiển như thân người sai khiến cánh tay. Muốn như thế, thì ngay bây giờ phải định thể lệ, rồi theo thứ tự mà thi hành: ở hai xứ, nơi nào phải chịu lính quá nặng nay được giảm bớt đi; ở bốn trấn, nơi nào có ruộng công nay phải tuyển tráng đinh sung vào đội ngũ, cấp ruộng công cho họ để làm lương ăn, nơi nào không có ruộng công thì châm chước theo với ngạch cũ, mà liệu lượng cho về làm ruộng.

Trịnh Cương bèn hạ lệnh: Tuyển lính ở bốn trấn, cứ 5 suất đinh lấy một người, ghi tên lệ thuộc vào sổ quân. Cương lại nhận thấy trước kia tuyển lính ở Thanh Nghệ cứ 3 suất đinh lấy một tên lính, nay hạ lệnh cho quan địa phương tra xét số hộ, số khẩu nơi nào tăng lên, nơi nào sút kém, chia ra từng hạng, khi tuyển lính đều được theo điển lệ khoan hồng, định lệ 5 suất đinh lấy một người lính. Những lính được dẫn tuyển phải kén người mạnh khỏe và là nhà vật lực.

Lời căn án - Binh lính cần dùng để bảo vệ nước, trong nước, không thể một ngày mà không có binh lính được, chỉ cốt người trên xếp đặt cho có phương pháp, quản trị cho được đúng đường lối mà thôi. Chế độ "lương quân" triều nhà Hán⁵, chế độ "phủ vệ" triều nhà Đường⁶ đều là làm cho quân trong kinh sư, quân ngoài biên trấn liên hệ với nhau, người mạnh, người yếu chống đỡ lẫn cho nhau, mà không xảy ra mỗi lo nặng nhẹ thiên lệch. Triều Hậu Lê chuyên lấy lính ở Thanh Nghệ, nuôi dưỡng lính thì cấp cho ruộng công, ưu đãi lính thì thưởng cho chức sắc; lúc ấy tuy có kén lính ở bốn trấn, cũng chỉ có ngạch lính hảo huyền mà thôi. Vì thế mà làm cho lính Thanh Nghệ sinh kêu căng, không thể nào ngăn cấm được. Sự thế đến như vậy, đây là lẽ tất nhiên.

¹ Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

² Nay gồm các huyện Ngân Sơn, Ba Bể (Cao Bằng) và Na Rì, Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).

³ Nay gồm các huyện Ngân Sơn (Cao Bằng) và Na Rì (Bắc Cạn).

⁴ Nay gồm các huyện Ba Bể (Cao Bằng) và Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).

⁵ Hán Văn Đế theo kế của Triệu Thủ chia quân ngũ làm 5 hạng: một hạng chuyên đánh giữ ở đường rừng núi hiểm trở một hạng chuyên đánh giữ ở nơi đồng bằng, hai hạng quân lính này thường phối hợp với nhau để ngăn cản rợ hung nô xâm lấn.

⁶ Nhà Đường chia trong nước làm 634 phủ, quân lính ở phủ đều lệ thuộc vào các vệ: Tả vệ, và Hữu vệ, mỗi vệ quản lĩnh quân lính 60 phủ, còn các vệ khác quản lĩnh quân lính từ 50 đến 40 phủ.

Lời chua - Ngạch lính: "Bình chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Hồi đầu triều Lê, Thái Tổ chia quân Thiết đột làm trung, tiền, hậu, tả, hữu đều có chức hành quân tổng quản; lại đặt 14 vệ Thiết đột, số lính cộng 25 vạn. Sau khi bình định được cả nước, cho 15 vạn về làm ruộng¹ chỉ để lại 10 vạn, ghi tên lệ thuộc vào sổ binh lính. Lại đặt vệ quân ở 5 đạo là các đạo: Đông, Tây, Nam, Bắc và Hải Tây². Đến hồi trung hưng đánh nhà Mạc, số lính chỉ có hơn 5 vạn 6 ngàn người.

Bắt đầu thi hành phép đánh thuế muối.

Thể lệ đánh thuế định như sau:

Đặt chức giám đương³ trông coi. Phàm dân miền biển người nấu muối gọi là "táo đình", người buôn muối gọi là "diêm hộ", đều thuộc miễn thuế khóa và dao dịch. Số muối đã nấu ra sẽ liệu lượng đánh thuế hai phần mười làm muối công. Người diêm hộ phải có chứng chỉ của viên giám đương mới được vào trường xướng mua muối; trước mua muối công, sau mới đến muối của táo đình. Việc mua hoặc bán đều phải có giấy tờ làm bằng cứ.

Lời cần án - Muối là thứ ăn cần thiết của dân, cũng như rau, đậu, lúa, gạo, không thể một ngày nào thiếu được. Dân vùng ven biển, một nửa ở vào nơi đồng chua nước mặn, ruộng đất có thể cày cấy không được bao nhiêu, hàng ngày chờ để sinh sống chỉ trông vào mỗi lợi muối mắm mà thôi. Nay lại đặt phép đánh thuế, nào là phân biệt ra hạng diêm hộ và táo đình, nào là phiền nhiễu về chứng chỉ của giám đương và giấy tờ mua bán. Làm như thế, thì dân vùng ven biển còn trông nhờ vào đâu được nữa? Lúc ấy, đặt ra cửa ải bến đò, thuế đánh đã nặng, nay thi hành việc đánh thuế muối lại cướp mất mỗi lợi của dân. Chính sách này đều là theo trí thuật cũ rích của Tăng Hoảng Dương và Khổng Cận⁴.

Hạ lệnh cho bày tội nho học sung chức giảng dụ hoàng tử.

¹ Theo Chính biên quyển XV, tờ 19, thì số quân trong lúc đánh giặc Minh tất cả 35 vạn, sau khi trong nước đã bình định, cho 25 vạn về làm ruộng; số quân ấy so với số quân chép ở đây có phần chênh lệch. Ở trên (quyển XV) chép theo số quân trong Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên; ở đây, chép theo số quân ghi trong "Bình chế chí" (Lịch triều hiến chương) của Phan Huy Chú, không rõ sách nào chép đúng.

² Xem thêm Chính biên quyển XV, tờ 5.

³ Xem thêm chú thích số 1, tờ 34 trong cuốn này.

⁴ Hai người này đều giữ chức đại nông thừa, dưới triều Hán Vũ Đế (140-89Tr.C.N) đều trông coi việc muối và sắt ở trong nước.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 36

Từ Nhâm Dần, Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 3 (1722) đến Đinh Mùi, năm Bảo Thái thứ 8 (1727), gồm 6 năm.

Nhâm Dần, năm thứ 3 (1722). (Thanh, năm Khang Hy thứ 61).

Tháng giêng, mùa xuân. Định thể lệ phong ấm cho công thần và quan văn, quan võ.

Lúc ấy, việc phong thể ấm cho công thần đời khai quốc và đời trung hưng, phần nhiều người giả mạo hoặc lạm dụng; thể lệ phong ấm cho con cháu quan văn, quan võ, cấp bậc chưa rõ ràng. Tham tụng Nguyễn Công Hãng bàn xin chấn chỉnh lại. Triều đình bèn chuẩn định:

Công thần khai quốc, thế thứ quá xa, nay cho một người chi trưởng được đời đời thừa ấm.

Lúc trung hưng đánh nhà Mạc và khoảng năm Thận Đức, Hoằng Định (1600-1618) tiến quân khôi phục Đông Đô, các công thần được dự vào hạng có công lao xét theo đẳng đệ, thế thứ hơi gần, nay cho con cháu đời đời thừa thừa thừa ấm.

Đến như các bầy tôi văn võ không ở vào đời khai quốc và đời trung hưng, mà người nào vì có công trạng được dự vào hạng công thần, nay đều theo phẩm tước cao thấp mà chuẩn cho con cháu được thừa ấm hoặc 5 đời, hoặc bốn đời, hoặc ba đời, cho có phân biệt.

Ngoài ra, các quan từ nhị phẩm trở lên, nghị cho con và cháu được làm quan viên tử, quan viên tôn, và cho một người chắt trưởng (trưởng tăng tôn) là quan viên tôn nữa; quan tam phẩm, tứ phẩm, nghị cho con và cháu làm quan viên tử, quan viên tôn; quan ngũ phẩm, lục phẩm, nghị cho các con được làm quan viên tử và một người cháu trưởng làm quan viên tôn, còn các người cháu khác chỉ được miễn trừ sai dịch; quan thất phẩm, bát phẩm, nghị cho các con được làm quan viên tử; người mới được trao cho quan chức cùng cứu phẩm và tạp lưu¹ chỉ cho một con trai được miễn trừ.

Lời chua - Công thần đời khai quốc và đời trung hưng: Xem Lê Hy Tông, năm Vĩnh Trị thứ 2 (Chb. XXXIV, 6).

Công thần năm Thận Đức-Hoằng Định: Sử cũ chép, Lê Kính Tông, năm Thận Đức thứ nhất (1600), Phan Văn Ngạn làm phản, xa giá nhà vua chạy về Thanh Hoa; năm Hoằng Định thứ 2 (1601), quan quân đánh lấy lại Đông Đô. Trong thời gian ấy người bầy tôi nào có hai công trạng: theo loạn giá về Thanh Hoa và tiến quân đánh bọn phản nghịch, được ban cho danh hiệu "công thần", thì con cháu đều được phong tước và tập ấm.

Bắt đầu hạ lệnh cho các quân nhân người nào có học thức, được dự thi hương.

Hạ lệnh: Các hạng binh lính, người nào có học thức, khi gặp khoa thi hương được nộp đơn xin thi đợi xét, nếu xét quả là người thông hiểu nghĩa lý văn chương, sẽ được phép cùng với học trò ứng thí, nếu gặp khoa thi võ và kỳ thi viết chữ, tính toán, cũng được phép thi khảo ở ngay kinh đô.

Tháng 3. Sai bọn Nguyễn Thành Lý, lưu trú trấn Hưng Hóa, đi kinh lý châu Chiêu Tấn.

¹ Tức tăng chánh, tăng phó, đạo chánh, đạo phó.

Trước đây, Đèo Mỹ Lâm, thổ tù châu Chiêu Tấn thuộc Hưng Hóa, chiếm cứ Lai Châu, đánh phá châu Quỳnh Nhai, dân ở biên giới phần nhiều bị đốt phá cướp bóc. Triều đình sai Nguyễn Công Chính và Bùi Sĩ Tiêm đem quân tiến lên, được phép tùy tiện tiểu trừ hoặc yên ủi. Khi quân tiến đến Mai Châu, Công Chính mất, quân lính quay trở về. Đến đây, Đèo Mỹ Ngọc cùng bộ lạc của hắn đánh lẫn nhau. Triều đình sai Thành Lý tiến quân bình định bọn này. Người mẹ Mỹ Ngọc đem bạc và đoạn đến dâng xin cho Mỹ Ngọc đến trước cửa quân chịu tội; sau Mỹ Ngọc lại dựa vào sự viện trợ của huyện Kiến Thủy nhà Thanh, chần chừ không quả quyết. Quan quân tiến sát đến cảnh thổ. Mỹ Ngọc đem dân trong động trốn xa, quan quân đuổi theo không kịp. Thành Lý bèn dẫn quân về. Triều đình lấy cớ rằng Mỹ Ngọc là tù trưởng người Man ở ngoài cương vực, vì hiềm thù riêng¹ đánh lẫn nhau, nay sợ tội trốn tránh, bèn hạ lệnh chiêu tập vô về. Khi tập hợp được đảng này rồi, triều đình đều buông tha cho về.

Lời chua - Chiêu Tấn châu², Lai Châu³ và Quỳnh Nhai Châu⁴: thuộc phủ An Tây.

Mai Châu⁵: thuộc phủ Gia Hưng.

Các châu kể trên, nay đều thuộc tỉnh Hưng Hóa⁶.

Kiến Thủy: Tên huyện, thuộc tỉnh Vân Nam nhà Thanh.

Sĩ Tiêm: Người xã Kinh Lũ⁷, huyện Đông Quan, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Tháng 7, mùa thu. Định phép bảo cử các quan văn, quan võ.

Các quan: từ tam phẩm trở lên do lệnh chỉ đặc biệt bổ dụng; từ tứ phẩm trở xuống nếu có khuyết ngạch, thì mỗi năm một kỳ giao cho các quan trong đô đường bảo cử, rồi xin lệnh chỉ xác định. Quan võ từ nhất phẩm đến tòng ngũ phẩm 91 người, quan văn từ nhất phẩm đến tòng ngũ phẩm 52 người, từ lục phẩm trở xuống, số viên chức không bó buộc theo hạn định.

Lời phê - Quá rộng rãi.

Định thể lệ tặng phong và ban tiền tuất cho quan văn, quan võ.

Phàm tặng phong, ban tiền tuất và tiền về việc thờ tự cho các quan, đều chuẩn cấp theo chức phẩm hiện có.

Lời chua - Tặng phong: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú: Phàm tặng phong, chiếu theo với chức phẩm hiện có, đều được tặng phong lên một bậc. Ví dụ: hàm tòng phẩm được tặng hàm chánh phẩm v.v...

Tiền tuất: Chánh nhất phẩm, sử tiền⁸ 500 quan.

Tiền về việc thờ tự (tự sự tiền): Chánh nhất phẩm được 3 xã, sử tiền 200 quan. Các viên quan ở dưới, số tiền đều giảm dần, có nhiều ít khác nhau.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Cương hạ lệnh cho bọn Trịnh Quán giải tán binh quyền.

Lúc ấy các thân thuộc họ Trịnh nhiều người giữ binh quyền. Trịnh Cương ngại rằng giữ binh quyền trọng đại quá, e sẽ sinh biến cố khác chẳng. Cương bèn hạ lệnh rằng: "Đấng vương giả sáng tỏ

¹ Nguyên văn chép "lợi hám" Tham khảo Lịch triều tạp ký chép "tư hàm" có phần đúng hơn. Ở đây dịch theo Lịch triều tạp ký.

² Nay gồm 2 huyện Phong Thổ và Sìn Hồ (Lai Châu).

³ Nay tương đương với đất thị xã Lai Châu và huyện Mường Tè (Lai Châu).

⁴ Nay thuộc tỉnh Sơn La.

⁵ Nay thuộc tỉnh Hòa Bình.

⁶ Chiêu Tấn châu là Lai Châu: nay thuộc tỉnh Lai Châu, Quỳnh Nhai Châu: nay thuộc tỉnh Sơn La, Mai Châu: nay thuộc tỉnh Hòa Bình.

⁷ Nay thuộc xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

⁸ Mỗi tiền 36 đồng, xem thêm Chính biên quyển XXI, tờ 2.

đức mình, thân yêu người thân thuộc, là có ý muốn mở rộng lời giao ước của tông thống mà làm cho số sách tộc thuộc được nhiều người; nhưng nếu không nghĩ cách để vung trồng mà bảo toàn cho tộc thuộc cũng không phải là đạo thân yêu. Nhà ta tôn phò nhà hoàng đế, xây dựng cơ nghiệp tước vương, con cháu đều giữ binh quyền trọng đại, việc ấy đời sau noi theo đời trước, thành ra thói quen, cho nên thế lực ngang nhau, ngờ vực lẫn nhau mà sinh hấn khích, rồi đến nảy ra câu ca dao "đầu túc"¹, làm thành bài thơ "đậu ky"², duyên cớ này ta đã biết được sâu sắc³, nên chỉ nghĩ mưu kế làm cho được lâu dài. Vậy các ông nên thể theo ý ấy. đều giải tán binh quyền trọng đại, chơi bời thỏa thích ở nơi phủ đệ, giữ tước vị, hưởng bổng lộc, để cùng nhau vui sướng trong đời thái bình. Ta tưởng yêu đương thân thuộc, hòa thuận họ hàng không còn gì thu xếp khéo hơn thế cả!" Bọn Trịnh Quán lạy tạ, xin giải tán binh quyền.

Lời phê - Được đăng này thì hồng đăng kia, về sau tất nhiên phải mòn mỏi yếu đuối.

Trịnh Cương bắt đầu đặt sáu quân doanh.

Lúc ấy bắt đầu trung hưng, quân doanh đại lược dựa theo chế độ cũ, đặt chức đô đốc ở ngũ phủ, chuyên dùng binh lính Thanh Nghệ châu chức bảo vệ. Đến nay, lựa chọn đình tráng ở bốn trấn và binh lính mới chọn ở Thanh Nghệ, phân phối cho lệ thuộc ngạch quân, bèn đặt sáu quân doanh là: Trung Dục, Trung Oai, Trung Thăng, Trung Khuông, Trung Nhuệ và Trung Tiệp, mỗi doanh 800 người, bổ dụng bọn Gia quận công Đặng Đình Lân và Thiêm quận công Trương Nhưng, cả thảy 6 người chia nhau thống lĩnh.

Lời chua - Ngũ phủ quân: Theo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì năm Quang Thuận thứ 7 (1466) Thánh Tông đặt Ngũ phủ quân.

Trung quân phủ quản lĩnh Thanh Hoa và Nghệ An;

Đông quân phủ quản lĩnh Hải Dương và An Bang;

Nam quân phủ quản lĩnh Sơn Nam, Thuận Hóa và Quảng Nam⁴;

Tây quân phủ quản lĩnh Tam Giang và Hưng Hóa;

Bắc quân phủ quản lĩnh Kinh Bắc và Lạng Sơn;

Trong quân đặt chức đô đốc, mỗi phủ đều có tả đô đốc và hữu đô đốc, phân phối binh lính các xứ cho lệ thuộc vào các phủ, còn hai xứ Thái Nguyên và Tuyên Quang thì lệ thuộc vào quận Phụng Trực.

Từ năm Thận Đức-Hoảng Định (1600-1618) về sau, đặt binh chế: các hiệu quân đóng ở kinh thành giữ việc châu chức hộ vệ chuyên dùng quân ở ba phủ Thiệu Thiên, Hà Trung, Tĩnh Gia thuộc Thanh Hoa và quân bốn phủ Đức Quang, Diễn Châu, Anh Đô, Hà Hoa thuộc Nghệ An. Còn quân hai phủ Trường Yên, Thiên Quan và tứ trấn thì chỉ lấy người nào tình nguyện cùng người nào có thể đóng ở trại quân được mới cho lệ thuộc

¹ Hán Văn đế cùng Hoài Nam vương Trường đều là con Hán Cao Tổ, Văn Đế bắt tội Hoài Nam vương Trường đày đi nơi xa, Trường nhịn ăn rồi chết. Lúc ấy dân gian làm câu ca dao: "Nhất xích bố, thượng khả phùng, nhất đầu tuất, thượng khả thung, huynh đệ nhị nhân bất tương dung". Ý nói, một thước vải, một đầu thóc là số rất ít, còn có thể may thành áo, giã thành gạo để anh em cùng mặc, cùng ăn với nhau, thế mà người làm vua trong một nước, có hai anh em mà không bao dung được nhau.

² Tào Phi và Tào Thực đều là con Tào Tháo, khi Phi làm vua muốn giết Thực, bắt Thực đi bày bước làm xong bài thơ, nếu không xong sẽ xử theo pháp luật. Thực liền ứng khẩu đọc bốn câu: "Chữ đậu nhiên đậu ky, đậu tại phủ trung khắp, bản thị động căn sinh, tương tiên hà thái cấp!", nghĩa là: dùng dây đậu nấu hạt đậu, hạt đậu khóc ở trong nồi. Khóc rằng: vốn cùng một gốc sinh ra, sao lại nung nấu nhau cấp bách như thế?

³ Câu này có ý ám chỉ Trịnh Cối, Trịnh Tùng đem quân đánh lẫn nhau, việc Trịnh Xuân lập mưu giết Trịnh Tùng, việc Trịnh Lịch, Trịnh Sâm nổi loạn; việc Trịnh Tạc giết Trịnh Toàn và việc Trịnh Luân Trịnh Phát lập mưu giết Trịnh Cương v.v...

⁴ Ở đây Cương mục cũng như Lịch triều hiến chương đều chép lầm. Theo Chính biên quyển XX, tờ 2 chép: "Thiên Trường (tức Sơn Nam chép ở đây) và Thuận Hóa thuộc Nam quân phủ", không có Quảng Nam. Vì đến năm Hồng Đức thứ 2 (1471), Thánh Tông mới lấy đất Chiêm Thành đặt đạo Quảng Nam, thì năm Quang Thuận thứ 7 (1466) làm gì đã có đạo Quảng Nam mà bảo là thuộc Nam quân phủ.

vào đội ngũ. Ngoài ra chỉ để cho có ngạch lính, lúc có việc thì triệu tập, khi xong việc lại cho giải tán về làng.

Trương Nhưng: Người xã Như Kinh¹, huyện Gia Lâm.

Được mùa to.

Lúc ấy, lúa vụ mùa đã chín, Trịnh Cương đi ra phía tây kinh thành xem dân gặt lúa, rồi ban cho trâu và rượu, lại bàn một bài tử về "phong niên"² để nghỉ ngơi. Phủ liêu là bọn Trịnh Quán và Nguyễn Công Hãng chúc mừng về năm được mùa. Trong lúc chúc mừng bọn Quán và Hãng hết sức ca tụng công đức chúa Trịnh.

Lời phê - Chẳng khác gì bày tội nhà Hán tán tụng Vương Mãng³.

Miễn thuế tô cho ruộng tư của quan viên người nhiều người ít khác nhau.

Lúc ấy, ruộng tư của dân gian đã có lệnh khám đạc để đánh thuế tô, quan viên nào có ruộng, cũng phải tính mẫu nộp tô không khác gì dân thường. Triều đình bèn hạ lệnh, tùy theo phẩm trật hiện có của các quan cao hay thấp mà miễn cho thuế tô ruộng; viên quan nhất phẩm, nhị phẩm được miễn 50 mẫu, từ tam phẩm đến cửu phẩm, thì số ruộng được miễn tô cứ theo phẩm trật mà bớt dần mỗi trật 5 mẫu, để cho phân biệt⁴.

Bắt đầu cấp khẩu phần ruộng công cho binh lính tứ trấn.

Trước đây ruộng công ở tứ trấn chỉ cấp cho ưu binh Thanh Nghệ. Đến nay mới tuyển lính tứ trấn, nên dân xã nào có ruộng công, thì liệu lượng cấp khẩu phần cho lính có hạng nhiều hạng ít khác nhau.

Lời chua - Ruộng khẩu phần: Theo Tạng kỷ của Cao Lãng, năm ấy cấp khẩu phần ruộng công cho lính tứ trấn, liệu lượng cấp theo các cơ đội:

Lính theo châu chức (tùy thị binh) và lính chèo thuyền lảnh nghề (thiên trạo binh) được cấp: Ruộng một mùa mỗi người 7 mẫu, ruộng hai mùa và ruộng màu mỡ mỗi người 6 mẫu.

Lính sử dụng thuyền để chiến đấu (thuyền binh) ở cơ đội các doanh, được cấp: Ruộng một mùa mỗi người 6 mẫu, ruộng hai mùa và ruộng màu mỡ mỗi người 5 mẫu.

Lính Theo hầu (tùy hậu binh) ở cơ đội các doanh được cấp: Ruộng một mùa mỗi người 5 mẫu, ruộng hai mùa và ruộng màu mỡ mỗi người 4 mẫu.

Còn các ruộng khác đều phải nộp theo ngạch thuế tô bằng tiền hoặc bằng thóc. Việc này đặt làm phép tắc nhất định.

Quý Mão, năm thứ 4 (1723). (Thanh, Thế Tông, năm Ung Chính thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Định lại giới mốc châu, huyện.

¹ Nay là xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

² Theo Lịch triều tạp kỷ thì bài tử "phong niên", Trịnh Cương làm theo điệu "Kiều dương cách".

³ Là một viên thừa tướng cuối đời Tây Hán, Vương Mãng uy hiếp vua, choán hết quyền bính trong nước. Lúc ấy, thị tộc Việt thường đem dâng vua Hán một chim trĩ trắng, hai chim trĩ đen, bày tội nhà Hán là bọn thái sư Khổng Quang, tư đồ Mã Cung ca tụng công đức Vương Mãng có thể sánh được với Chu Công Đán nhà Chu.

⁴ Tham khảo Lịch triều tạp kỷ thì số ruộng tư của các quan được miễn tô, khác với số ruộng mà Cương mục đã chép ở trên:

Các quan nhất nhị phẩm được miễn 25 mẫu; tam, tứ phẩm 20 mẫu; ngũ, lục phẩm 15 mẫu; thất, bát phẩm 10 mẫu; cửu phẩm 5 mẫu. Viên quan nào số ruộng hiện có quá với số được miễn tô, thì số ruộng quá lệ định ấy phải nộp tô bằng tiền; viên quan nào số ruộng hiện có không kịp với số được miễn, thì được triều đình theo phẩm trật và số ruộng viên ấy hiện có mà miễn tô, còn lại bao nhiêu thì ban cho tiền; viên quan đã nghỉ việc về nhà và viên quan giữ công việc nhà tù, được miễn tô bằng nửa số ruộng đã trình bày ở trên.

Bản đồ cũ trong nước gồm 13 đạo, xét ra các xã dân thuộc về các phủ, huyện, cũng có nơi xa nơi gần không đều nhau. Năm ấy, làm sổ hộ, bèn hạ lệnh: tùy hình thế từng địa phương đổi lại cho lệ thuộc vào 13 thừa tuyên theo như chế độ cũ đời Hồng Đức.

Duy đổi lại: đem hai phủ Trường Yên và Thiên Quan trước thuộc Sơn Nam nay cho thuộc vào Thanh Hoa; về trấn Sơn Tây, thì đem phần huyện Bất Bạt trước thuộc phủ Đà Dương nay cho lệ thuộc vào phủ Quảng Oai; phần huyện Tam Nông nay cho lệ thuộc vào phủ Lâm Thao. Còn các xã, thôn khác phần nhiều thay đổi cho lệ thuộc vào các châu, huyện...

Lời chua-Mười ba thừa tuyên: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 21 (Chb. XXIV, 10, 11).

Thanh Hoa: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 21, 22, 23).

Trường Yên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Thiên Quang: Xem Bình Định Vương, năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Quảng Oai, Lâm Thao: Tên hai phủ, nay đều thuộc tỉnh Sơn Tây¹.

Tam Nông: Nay thuộc tỉnh Hưng Hóa².

Thiệu Thiên: Nay là Thiệu Hóa.

Thanh Đô: Nay là Thọ Xuân. Cả hai đều thuộc tỉnh Thanh Hoa.

Bắt đầu cấp ruộng cho các trường học.

Trước đây, đã đặt trường học, nhưng chưa cấp học điền. Nay bàn định: Trường quốc học, cấp cho 60 mẫu; trường hương học: phủ lớn, cấp cho 20 mẫu, phủ vừa 18 mẫu, phủ nhỏ, 16 mẫu, để lấy hoa lợi ruộng ấy chỉ dùng vào dầu đèn.

Tháng 5, mùa hạ. Bắt đầu thi hành phép đánh thuế: tô, dung và điệu.

Trịnh Cương hạ lệnh rằng: "Đời Tam Đại³ ngày trước, đặt chế độ thu lấy của cải của dân, hoặc theo phép cũ, hoặc đổi phép mới, không giống nhau, đây là theo tình thế mà cứu chữa những điều tệ hại, nên phải như thế.

"Quốc triều (triều Lê) mở nước dựng nghiệp, định lệ ba năm một lần làm sổ hộ⁴, ruộng công nộp tiền hoặc thóc có ruộng nhiều ruộng ít khác nhau, ruộng tư cũng có lúc đánh thuế. Đến lúc bắt đầu trưng hưng vẫn noi theo phép cũ, sau mới đổi làm phép "bình lệ"⁵. Phép đặt lâu ngày, sinh ra tệ hại: thuế ngoại ngạch linh tinh và khoa điều sai phái nặng gấp hai thuế chính cung, thành ra dân chúng mỗi ngày càng cùng quẫn, người bỏ trốn, người thiếu thuế mỗi ngày một nhiều. Xét ruộng đến điển lệ đời xưa, chỉ có phép tô, dung và điệu của nhà Đường là hay hơn cả. Việc này đem bàn luận đã được sự hợp ý của nhiều người. Vậy cho theo thứ tự thi hành. Đại để là theo thời đặt phép đúng, để thích hợp với phương pháp cai trị, mà cũng là kính mong học được tấm lòng của tổ tiên mà thôi".

Lúc ấy, Trịnh Cương đang hăng hái lo toan việc trị nước, tham tụng Nguyễn Công Hãng ngày đêm mưu tính, nên những chế độ về việc binh, việc dân, việc tài sản và thuế khóa, phần nhiều được xây dựng xếp đặt.

¹ Lâm Thao nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

² Tam Nông nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

³ Tức nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu đời thượng cổ Trung Quốc.

⁴ Xem thêm Chính biên quyển XV, tờ 13.

⁵ Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 29.

Phép tô: Theo chế độ cũ thì ruộng công mỗi mẫu đồng niên nộp tiền có nhiều ít khác nhau: từ hạng nộp một quan đến hạng nộp tám tiền, 6 tiền. Nay ấn định: các ruộng công mỗi mẫu nộp 8 tiền. Số tiền này chia làm 3 phần, hạng ruộng hai mùa (nhị thực điền) nộp hai phần ba bằng thóc; hạng ruộng một mùa (nhất thực điền) nộp một phần ba bằng thóc. Đất bãi công theo chỗ hiện cày cấy được chia làm hai bậc, mỗi mẫu nộp một quan hai tiền. Bãi nào có trồng dâu thì thuế tô bãi ấy một nửa nộp bằng tơ, bãi nào không trồng dâu thì nộp thay bằng tiền.

Ruộng tư, trước không đánh thuế, nay định ruộng tư chia ra hạng hai mùa và hạng một mùa nộp thuế khác nhau; ruộng hai mùa mỗi mẫu nộp 3 tiền, ruộng một mùa mỗi mẫu nộp hai tiền.

Phép dung: Theo chế cũ, thuế thân mỗi suất đinh đồng niên tùy theo từng hạng để nộp tiền, từ 1 quan đến 1 quan 8 tiền. Nay định: mỗi suất đinh nộp 1 quan 2 tiền, sinh đồ, lão hạng và hoàng đinh nộp một nửa số tiền thuế ấy.

Phép điệu: Theo chế độ cũ, hàng năm các việc bài, biểu, từ tự, điện, miếu, đê đường, cầu cống, kho tàng và trường thi v.v... đều tính theo suất đinh, để tùy tiện chia nhau đóng góp đê nộp, phần nhiều thu quá lệ ngạch, và lại thẳng thúc bắt bớ lung tung dân không sao chịu được sự phiền nhiễu. Nay định: Mỗi suất đinh mùa hạ và mùa đông nộp 6 tiền; quan trên dùng tiền ấy, đóng góp thay cho dân, gọi là tiền thuế điệu.

Lại định tiền thuế dung, thuế điệu ở cửa đình và giáo phường: tiền cửa đình lấy xã lớn, xã vừa và xã nhỏ làm định mức. Giáo phường ở tứ trấn chỉ nộp tiền thuế dung, giáo phường ở Thanh, Nghệ chỉ nộp tiền thuế điệu. Đem so sánh, thì thuế giáo phường ở Nghệ An bằng năm phần mười thuế giáo phường ở tứ trấn, Thanh Hoa lại càng nhẹ hơn.

Lời chua - Nhị thực: Hạng ruộng tốt, một năm cấy lúa được hai mùa.

Nhất thực: Hạng ruộng xấu, một năm cấy lúa được một mùa.

Nộp thóc một phần ba hoặc hai phần ba: Ý nói đem số 8 tiền thuế mà đồng niên mỗi mẫu ruộng công phải nộp chia làm ba phần đều nhau, ruộng hai mùa phải nộp hai phần bằng thóc, một phần bằng tiền, ruộng một mùa phải nộp một phần bằng thóc, hai phần bằng tiền.

Đất bãi công chia ra hai hạng: Ý nói bãi công nào có thể cày cấy được là bãi đã thành thổ, thì chia ra từng hạng để đánh thuế.

Bãi nào có trồng dâu thì một nửa nộp bằng tơ: Ý nói thuế tô đất bãi, mỗi mẫu một quan hai tiền, bãi nào có trồng dâu, thì 6 tiền nộp bằng tiền, còn 6 tiền nữa thì trị giá tơ mà nộp bằng tơ.

Lão hạng và hoàng đinh: Dân đinh đến 50 tuổi gọi là lão hạng, từ 17 đến 19 tuổi gọi là hoàng đinh.

Bài, biểu: Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì hàng năm, phàm gặp các lễ tiết chính đán¹, đoạn dương², vạn thọ³, khánh thọ, diên thọ⁴ v. v... Ở nhà môn các triều đều có bài, có biểu kính dâng lễ vật; ở các nha môn khác cũng có đặt yến tiệc, hát xướng.

Từ tự: Ý nói đàn tràng tế tự, như tế giao, tế xã tắc, tế đình, tế tiên nông, tế gió mưa v.v...

Điện, miếu: Ý nói các lễ tiết giỗ ở thái miếu nhà Lê và cung miếu họ Trịnh.

¹ Mông một tháng giêng âm lịch, hàng năm.

² Mông 5 tháng 5 hàng năm.

³ Sinh nhật của vua chúa.

⁴ Đều là những lễ chúc mừng vua chúa sống lâu.

Trước kia hàng năm phàm gặp các lễ tiết kể trên cùng các công việc như sửa đắp đê đường, cầu cống, sửa sang hoặc xây dựng kho tàng hoặc trường thi v.v... đều ra lệnh cho quan ở trấn và nha môn các phủ huyện, tùy theo số đinh ở các xã nhiều hay ít, chia nhau thu nộp, để cung ứng vào các lễ tiết và công việc ấy. Đến nay đổi làm phép điệu.

Tiền cửa đình: Xã lớn¹ đồng niên nộp 6 quan sử tiền², xã vừa³, nộp 4 quan, xã nhỏ⁴ nộp 2 quan, để đủ dùng vào việc chi phát cho các nhạc công trong giáo phường.

Đặt thêm sở tuần ty ở các trấn.

Nội trấn và ngoại trấn đều đặt thêm một sở tuần ty, phàm người buôn bán qua lại tùy theo thuyền bè lớn hay nhỏ, chở hàng nặng hay nhẹ, để liệu lượng đánh thuế một phần bốn mươi (1/40) so với hàng đã chở.

Lời chua - Tuần ty: Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì năm Bảo Thái thứ 4 triều Lê Dụ Tông, các sở tuần ty cũ và mới có: tuần ty Ngã Ngung ở Thanh Hoa, tuần ty Khả Lưu ở Nghệ An, tuần ty Trình Xá ở Sơn Tây, tuần ty Cân Dinh ở Kinh Bắc, tuần ty Quán Tuần ở Hưng Hóa, tuần ty Tam Kỳ ở Tuyên Quang, tuần ty Thành Tuần ở Lạng Sơn, tuần ty Suất Tuần ở Yên Quảng, và hai tuần ty ở Cao Bằng và Thái Nguyên. Còn tuần ty ở Sơn Nam và Hải Dương bỏ sót không chép. Tên xã và huyện ở chỗ đặt các tuần ty đều không được rõ. Vậy hãy ghi ra đây để phòng khi khảo cứu.

Tháng 8, mùa thu. Trịnh Cương hạ lệnh cho phủ liêu chia nhau khám xét kiện tụng.

Lúc ấy giấy tờ về việc kiện tụng mỗi ngày một nhiều, Trịnh Cương bèn sai phủ liêu chia nhau xét hỏi. Dựng nhà trạm lớn ở ngoài cửa phủ chúa để làm nơi hỏi kiện.

Ngày Giáp Ngọ, tháng 9. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Nữ.

Lời chua - Theo "Thiên văn chí" trong Tấn thư, thì sao Nữ có bốn chòm sao ở phía đông sao Thiên Kỳ.

Tháng 10, mùa đông. Phát sinh hoàng trùng.

Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ là Phạm Khiêm Ích sang mừng việc Thanh Thế Tông lên ngôi; phó sứ là bọn Nguyễn Huy Nhuận và Phạm Đình Kính sang dâng lễ tuế cống và tạ ơn việc nhà Thanh ban cho lụa hoa.

Lời chua - Phạm Khiêm Ích: Người xã Bảo Triện⁵, huyện Gia Định, đỗ thám hoa khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông. Khiêm Ích nguyên trước họ Nguyễn, cháu Nguyễn Mậu Tài, nay theo về họ bố nuôi là họ Phạm.

Nguyễn Huy Nhuận: Người xã Phú Thị⁶, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1703) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Phạm Đình Kính: Người xã Vĩnh Lại⁷, huyện Thiên Bản, đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

¹ Xã nào trên 300 suất đinh là xã lớn, trên 100 suất đinh là xã vừa, dưới 100 suất đinh là xã nhỏ.

² Mỗi tiền 36 đồng, xem thêm Chính biên quyển XXI, tờ 2.

³ Xã nào trên 300 suất đinh là xã lớn, trên 100 suất đinh là xã vừa, dưới 100 suất đinh là xã nhỏ.

⁴ Xã nào trên 300 suất đinh là xã lớn, trên 100 suất đinh là xã vừa, dưới 100 suất đinh là xã nhỏ.

⁵ Nay thuộc huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

⁶ Nay thuộc xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

⁷ Nay thuộc xã Vĩnh Hào, huyện Vũ Bản, tỉnh Nam Định.

Giáp Thìn, năm thứ 5 (1724). (Thanh, năm Ung Chính thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Cương tạm quyền thay nhà vua cử hành lễ tế nam giao.

Theo chế độ cũ, đầu mùa xuân tế trời, nhà vua thân hành đến đàn Nam Giao làm lễ; chúa Trịnh cùng trăm quan đều dự vào bồi tế. Năm này, vì nhà vua đau chân nên Trịnh Cương tạm quyền thay vua vào tế. Vì lòng mong muốn quá cao, phụ thần¹ xin Trịnh Cương theo như nghi lễ mà nhà vua thân vào tế, nhưng Cương không dám nhận, sai đặt vị đứng tế ở sân điện Chiêu Sư, rồi Cương thắp hương lạy thay nhà vua mà thôi.

Tháng 2. Lại sai binh lính Thái Nguyên đi thú thú Cao Bằng.

Trước đây, lính thổ ở Thái Nguyên hàng năm luân chuyển nhau đi thú thú Cao Bằng, đến năm Bảo Thái thứ 2 (1721) vì nơi biên cảnh không xảy ra việc gì, nên bãi bỏ việc lính thú. Đến nay theo lời xin của Nguyễn Trù, đốc trấn Cao Bằng, nên lại hạ lệnh cho phiên thần² Thái Nguyên đem quân bản thổ luân chuyển đi thú, định lệ cứ mỗi năm một lần thay đổi.

Lời chúa - Thái Nguyên: Túc Ninh Sóc.

Cao Bằng: Túc Bắc Bình, trước thuộc Ninh Sóc, Thái Nguyên và Cao Bằng, đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Nguyễn Trù: Người phường Đông Tác huyện Thọ Xương, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1697) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông. Trù là người học hỏi rộng rãi, thường sửa định, chú giải các sách Sách học đề cương và Quần hiền phú v.v... lưu hành ở đời.

Mở đường sông ở Thanh và Nghệ.

Hạ lệnh cho ty trấn thủ Thanh và Nghệ An đi khám xét các sông trong hạt, chỗ nào nông cạn, chỗ nào ứng tắc, thì tùy theo trượng thước nông hoặc sâu, trừ tính định ra công việc phải làm, rồi lấy dân xã tiếp cận sung vào làm việc, để cho đường thủy được lưu thông, dân những xã này sẽ được trừ tiền thuế điệu.

Giảm tô và thuế cho dân Thanh Hoa., Nghệ An và dân trong kinh kỳ có nơi nhiều, nơi ít khác nhau.

Thanh Hoa là nơi "thang mộc"³, Nghệ An là dân hưởng ứng theo việc nghĩa⁴, kinh kỳ liền sát dưới xa giá của vua chúa. Những nơi này phàm tô và thuế đều được rộng cho giảm nhẹ: ở Thanh và Nghệ duy tiền thuế điệu là theo thể lệ tứ trấn, tô ruộng được giảm một nửa. Thuế thân dung được miễn hết; ở kinh kỳ thuế tô, thuế dung và thuế điệu đều liệu lượng giảm bớt có khác với tứ trấn.

Lời chúa - Giảm tô và thuế: Theo Tạng kỷ của Cao Lãng, thì năm ấy, Trịnh Cương hạ lệnh: Hai xứ Thanh và Nghệ; về thân dung của đình suất, nhất luật rộng cho được miễn hết; tô ruộng công và tư đều được giảm một nửa so với tô ruộng ở tứ trấn, ruộng công miễn nộp thóc; tiền thuế điệu theo thể lệ ở tứ trấn. Phàm các việc khởi công làm điện phủ, cung miếu, cầu cống và đào sông ngòi v.v... trước vẫn dùng dân hai xứ ấy để cung ứng vào công việc hai xứ, nay trừ dân tạo lệ⁵ đã đem cấp cho các bầy tôi có công hoặc thân thích vua chúa, theo thể lệ được miễn đi rồi, ngoài ta thu mỗi suất đình 6 tiền, để cung ứng vào việc chi dùng phí tổn. Đến như ruộng công trong kinh kỳ, mỗi mẫu chuẩn định cho nộp thuế tô 6 tiền, miễn phải nộp thóc, ruộng tư, mỗi mẫu chuẩn định cho nộp thuế tô 2 tiền, thuế thân dung, mỗi suất đình 8 tiền; thuế điệu, mỗi suất đình 4 tiền. Người đình nào đã chịu thuế dung, thuế điệu, ở quê

¹ Một danh từ để gọi chung các viên quan to trong triều. Ở đây có ý chỉ bọn phụ liêu trong phủ chúa Trịnh.

² Bầy tôi ở phiên trấn, các viên quan này có trách nhiệm giữ biên giới để bảo vệ kinh kỳ.

³ Xem chú thích số 1 quyển V tờ 41. Chữ "thang mộc" ở đây có ý dùng nghĩa bóng là nơi phát tích của nhà Lê.

⁴ Lúc Lê Trang Tông khởi binh đánh Mạc Đăng Dung, dân đình ở Nghệ An hưởng ứng theo việc khởi nghĩa trước tiên.

⁵ Xem lời chúa của Cương mục quyển XXXV, tờ 14 về dân tạo lệ.

quán mình rồi, đều được miễn; các hạng thổ ở phố, mỗi năm mỗi thước phải nộp tiền 10 đồng. Việc này giữ làm thể lệ thường hành.

Tháng 4 nhuận, mùa hạ. Giáng chức: Trương Công Khải, thượng thư bộ Hình, làm tả thị lang bộ Lại; Hồ Phi Tích, tả thị lang bộ Lại, làm hữu thị lang bộ Lễ.

Lúc ấy, người huyện Đường Hào¹ vì việc kiện phải luận vào tội đồ, người ấy mổ bụng để kêu oan. Việc này giao xuống cho bầy tôi được tham dự xét hỏi, thì quả nhiên người ấy lý thẳng. Xét ra, Trương Công Khải, thượng thư bộ Hình, và Hồ Phi Tích, tả thị lang bộ Lại, trước kia giữ chức ở Ngự sử đài không biết làm cho tỏ lẽ phải, nên hai người này đều bị tội, phải giáng chức.

Lời chua - Trương Công Khải: Người xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Hồ Phi Tích: Người xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Đôi, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hòa.

Tháng 11, mùa đông. Bắt đầu thi bác cử, nhà vua đến xét duyệt.

Lúc ấy mới đặt khoa thi võ, lấy 4 năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thi ở bản trấn, gọi là "sở cử", 4 năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thi hội ở kinh đô gọi là "bác cử". Năm này. Trịnh Cương rước nhà vua thân đến xét duyệt. Lấy đỗ bọn Nguyễn Công Tự 11 người. Từ đây về sau cứ 3 năm một lần thi, chúa Trịnh tự chuyên quyền Xét duyệt.

Lời chua - Sở cử và bác cử: Theo Lê sử tục biên thì phép thi "Sở cử" như thế này:

Trước hết hỏi sơ lược về Võ kinh, sau đó, kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam, luôn 3 kỳ thi về võ nghệ. Người nào trúng cách, là viên sinh; quan viên tử, quan viên tôn trúng cách, là biên sinh. Lại thi về phương pháp mưu lược việc binh. Người nào trúng ngay được kỳ này, gọi là học sinh; quan viên tử, quan viên tôn trúng được, gọi là biên sinh hợp thức.

Phép thi "bác cử" như thế này:

Kỳ đệ nhất, hỏi sơ lược về ý nghĩa bảy bộ sách binh thư; kỳ đệ nhị, thi võ nghệ, kỳ đệ tam, hỏi sơ lược một bài văn sách. Người nào trúng tuyển được vào thi ở sân phủ Chúa, kỳ này người nào hợp cách được làm tạo sĩ. Nếu người nào trong hai kỳ đệ nhất, đệ nhị thi võ nghệ được tinh thông thành thạo, mà kỳ đệ tam bài văn sách không được hợp cách, thì chọn lấy người trội nhất gọi là tao toát, được cùng tạo sĩ bổ dụng như nhau.

Theo kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì năm Bảo Thái thứ 5 (1724) đặt trường thi bác cử ở sở Thịnh Quang. Kỳ đệ nhất, hỏi mười câu về ý nghĩa trong bảy bộ sách binh thư; kỳ đệ nhị, thi hai tao võ nghệ: trước hết thi cưỡi ngựa múa đầu mâu, sau thi đấu siêu đao, lãn lá chắn và múa gươm giáo, căn cứ vào sự so đo được hay thua để định người hơn người kém, sau đó lại xét duyệt người nào có khí sắc hùng dũng được thăng lên một bậc, người nào kém phải trượt xuống một bậc; kỳ đệ tam, thi văn sách hỏi cách thao luyện và phương lược về phép bày trận để đánh kẻ địch, giữ thành trì. Lấy 11 người đỗ tạo sĩ xuất thân, trong số ấy có Vân Đình Dận và Hoàng Nghĩa Bá, sau này đều là viên tướng nổi tiếng. Khoa này định thứ tự cho tạo sĩ mới được trao quan chức lần đầu như thế này: người đỗ vào hạng ưu phân, chu trung được chánh lục phẩm, người đỗ trung hạng và thứ trung được tòng lục phẩm, người thứ thủ được chánh thất phẩm. Về điển lệ ban ân cho tạo sĩ cũng như tiến sĩ.

¹ Nay thuộc huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên.

Theo Lữ trung tạp thuyết của Bùi (Huy) Bích thì khoa thi võ đặt ra, tệ hại lại càng quá. Đầu năm Hồng Đức triều Lê Thánh Tông thường xét duyệt võ nghệ, người trúng cách được bổ sung làm tuần sĩ. Sau khi trung hưng, định thời kỳ xét duyệt ở trong phủ chúa, chọn người có phương pháp mưu lược và người có quân công ở các cơ hiệu, rồi liệu lượng tài năng để bổ dụng. Đến giữa năm Bảo Thái mới đặt hai khoa sơ cử và bác cử, sau dần dà đi đến chỗ gian lận xảo trá, người ta nhân bám vào đấy mà làm thành cái "chợ buôn bán thi cử".

Viên sinh: Cũng như người đỗ sinh đồ khoa thi hương.

Biên sinh: Cũng như người đỗ nho sinh khoa thi hương.

Học sinh: Cũng như hương cống.

Biên sinh hợp thức: Cũng như nho sinh trúng thức khoa thi hội.

Bày bộ sách: Tức Lục thao tam lược của Thái Công¹, Binh pháp của Hoàng Thạch Công², Tôn Tử³, Ngô Tử⁴, Tư Mã⁵ và vấn đáp của Uất Liêu Tử⁶, Lý Vệ Công⁷.

Xét duyệt khí sắc hùng mạnh: Dùng một cái dùi đồng, ngoài bọc rạ, đánh vào đỉnh đầu 3 lần, nếu người nào mắt không chớp, thân không rung động, là người ấy được.

Nguyễn Công Tự: Có sách chép Phạm Công Tự, người xã Cự Khánh, huyện Đông Sơn.

Đình Dận: Người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn.

Nghĩa Bá: Người xã Hoàng Vân, huyện Kim Động.

Tiếp tục việc làm sổ hộ.

Trước đây, lệ định 3 năm một lần làm sổ hộ, lần trước đã làm từ năm Nhâm Dần (1722) đến năm sắp tới là Ất Tỵ (1725) nhằm đúng vào năm phải kể tiếp sửa lại sổ hộ, do đấy ấn định quy chế: Phàm các hạng nhân đinh, có người nào mới đến tuổi hoặc người nào chết đi, thì lần lượt kê khai họ tên những người ấy, để căn cứ vào đấy mà truy xét đối chiếu. Phép này đến năm Vĩnh Khánh (1729-1731) lại bỏ.

Tháng 12. Không mưa.

Lúc ấy, đã lâu không mưa, hạ lệnh đình chỉ công việc xây dựng, tha thuế bỏ thiếu cho các xứ: dân xã nào còn thiếu thuế vụ đông năm Tân Sửu (năm Bảo Thái thứ 2) và vụ hạ năm Nhâm Dần (năm Bảo Thái thứ 3), trước kia đã từng định kỳ hạn phải nộp mà chưa thể nộp được, nay nhất luật đều được tha.

Đo đất bãi ven sông, cấp cho dân sở tại.

¹ Tức Thái Công Vọng, tên chính là Khương Thượng, một viên tướng giúp Chu Vũ Vương đánh chúa Trụ nhà Thương Khương. Thượng làm 6 quyển binh thư nhan đề là Lục thao; văn thao, võ thao, long thao, hổ thao, báo thao và khuyến thao.

² Hoàng Thạch Công làm 3 quyển binh thư.

³ Tức Tôn Tử, người thời Xuân Thu, làm binh thư gồm 13 thiên nhan đề: Tôn tử thập tam thiên.

⁴ Tức Ngô Khởi, người thời Chiến quốc, làm binh thư nhan đề: Ngô tử gồm 6 thiên.

⁵ Tức Tư Mã Nương Thư, người thời Xuân Thu. Sách binh thư nhan đề Tư mã pháp trước kia chép là do Tư Mã Nương Thư biên soạn.

⁶ Người thời Chiến quốc, là học trò Quy cốt tử, Sách của Uất Liêu Tử nói về việc dụng binh gồm 5 quyển, 24 thiên.

⁷ Tức Lý Tĩnh, người thời nhà Đường, Lý Tĩnh cùng Đường Thái Tông bàn luận việc binh, sau người ta chép thành sách, gồm 3 quyển, nhan đề Lý Vệ Công vấn đối.

Đất bãi ven sông, khi bồi khi lở không nhất định. Chỗ nào được sa bồi thì dân chỗ ấy ăn may nhận làm của mình, chỗ nào bị sụt lở, thì dân chỗ ấy mất mỗi lợi, do đấy tranh nhau nhận đất, sinh ra khiêu khống liên miên. Bèn hạ lệnh cho quan sở tại theo sổ mẫu ruộng và đất bãi bị lở nhiều hay ít của từng dân xã, khám xét rõ ràng, rồi liệu lượng cấp đất cho.

Lời chua - Theo lời chua trong Tạp kỷ của Cao Lãng, thì lúc ấy hạ lệnh cho viên huyện theo thể lệ làm sổ hộ, cứ 3 năm một kỳ khám đo đất bãi. Phàm dân xã nào chỉ có đất bãi không có ruộng ở trong đê mà đất bãi bị sụt lở đến một phần ba, thì lấy đất phù sa ở đối ngạn bên kia sông, liệu lượng chiếu theo ngạch cũ và đình suất xã ấy mà cấp. Chỗ đất bị sụt lở được trừ cho ngạch thuế cũ, còn chỗ đất mới được cấp đợi khi cày cấy thành thổ sẽ bắt đầu đánh thuế.

Định thuế thổ sản.

Lúc ấy thuế tô và dung đã định xong, còn các thổ sản thì tùy theo thổ nghi của từng nơi, định giá để đánh thuế, sẽ chuẩn trừ cho thuế tô, thuế dung có thứ nhiều thứ ít khác nhau.

Lời chua-Thổ Sản: Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì thổ sản có các loại: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ và đồ ăn thức dùng, thập vật v.v... Sách ấy lại chua rằng: loài kim như bạc, đồng, sắt và chì; loài mộc như gỗ tứ thiết, gỗ hồng sắc; loài thủy như cá và nước mắm; loài hỏa như than gỗ, than đá; loài thổ như son và diêm tiêu. Đồ ăn thức dùng như rượu, mật, dầu và sơn. Thập vật như các hạng giấy và chiếu trôn v.v...

Ất Tỵ, năm thứ 6 (1725). (Thanh, năm Ung Chính thứ 3).

Tháng 4, mùa h5. Túc Tông Hiếu Ninh hoàng đế¹ ta nổi nghiệp.

Tháng 6. Xá các thuế còn bỏ thiếu.

Lúc ấy dân gian điều tàn xơ xác, thuế tô, dung và điệu phần nhiều bỏ thiếu. Bèn phân biệt ra các hạng nghèo khổ và lưu tán, liệu lượng thi hành lệnh hoãn thu hoặc ân xá. Lại lâu có rằng thóc lúa các huyện ở Hải Dương bị hao tổn vì nước mặn tràn ngập, nên lượng tha thuế nộp bằng tiền hay bằng thóc về vụ hạ năm nay có nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Tháng tám, mùa thu. Đổi tên sông Hát làm sông Vân Bảo: sông Tô Lịch làm sông Địa Bảo.

Hai con sông Hát và Tô Lịch là chi lưu của sông Nhị. Sở dĩ đổi tên làm Vân Bảo và Địa Bảo là lấy cơ rằng để cho đối với tên sông Thiên Đức và Nguyệt Đức.

Lời chua-Sông Hát: Tức cửa sông Hát, xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Sông Tô Lịch: Xem Thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb, IV, 31).

Sông Thiên Đức: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Sông Nguyệt Đức: Sông này có hai chi phái: một chi từ xã Ngọc Long, huyện Tư Nông thuộc Thái Nguyên, chảy qua hai huyện Hiệp Hòa và Đa Phúc; một chi từ xã Đam Xuyên, huyện Yên Lãng thuộc Sơn Tây², chảy qua hai huyện Kim Anh và Đa Phúc, rồi hợp dòng ở địa phận xã Hương La huyện Yên Phong làm thành ngã ba sông, chảy qua huyện Quế Dương, rồi đổ vào sông Lục Đầu.

Sông Nhị: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

¹ Túc Phúc Chú, con cả của Phúc Chu, tự xưng là Đĩnh quốc công, hiệu Vân Tuyền đạo nhân.

² Nay thuộc huyện Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc.

Tháng 10, mùa đông. Sai bọn tham tụng Nguyễn Công Hãng làm khuyến nông sứ¹.

Lúc ấy, mới sửa định sổ điền, dân sở tại phần nhiều tranh nhau địa giới, đã lâu không giải quyết được. Bèn sai phủ liêu là Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn, Trương Nhiêu, Đặng Đình Gián và nội giám là bọn Đỗ Bá Phẩm, Nguyễn Khuê làm khuyến nông sứ, chia nhau đi tuần hành 4 đạo, xem xét địa thế rộng hay hẹp, xa hay gần, nhân dân nhiều hay ít, rồi tùy theo sự tiện nghi mà phân xử, để nhân dân các xã đều được yên ổn với nhau. Lại xem xét rõ địa thế bắt dân đắp đê đắp đập, để theo thời tiết lấy nước vào ruộng hoặc tháo nước ra sông, phòng bị việc hạn hán hoặc ngập lụt; xét kỹ chỗ tốt chỗ xấu, chia ruộng ra làm ba bậc để định ngạch thuế. Lại thăm hỏi sự đau khổ ở dân gian, bàn định thi hành chính sách hợp thời để cứu vớt dân.

Lời chua-Bốn đạo: Theo Tọa kỳ của Cao Lãng, thì quan khuyến nông chia ra đi 4 đạo như sau: Một đạo về địa phận 6 phủ thuộc xứ Sơn Nam, một đạo về địa phận xứ Sơn Tây và kiêm cả địa phận phủ Ứng Thiên; một đạo về địa phận xứ Kinh Bắc và kiêm cả địa phận phủ Thường Tín; một đạo về địa phận xứ Hải Dương và kiêm cả địa phận phủ Khoái Châu.

Trương Nhiêu: Người xã Như Kinh, huyện Gia Lâm.

Đình Gián: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức.

Kiểm soát dân đinh bỏ làng trốn tránh.

Lúc ấy, làm lại sổ đinh nhiều người trốn tránh. Bọn Công Hãng xin chiếu theo sổ đinh truy nã, rồi xét xem người nào mạnh khỏe cho sung vào quân ngũ, người nào gầy yếu cho sung vào phu dịch. Ai biết được người trốn tránh mà cáo tố với quan sẽ được ban thưởng. Nhân dân phần nhiều bị khổ sở.

Tháng 11. Định rõ lại phẩm phục quan văn, quan võ.

Trước đây đã định kích thước hình dạng áo khăn thường phục. Đến nay định rõ lại phẩm phục trăm quan: Phàm mũ đai dùng trong lúc đại triều ở cung điện vua Lê và châu chực ở phủ chúa Trịnh, đến hành nghi, thường phục, đồ dùng đều có cấp bậc khác nhau.

Lời chua-Phẩm phục: Lê triều cổ điển chép:

Triều phục: Từ quan nhất phẩm đến tam phẩm dùng màu hồng; tứ phẩm, ngũ phẩm dùng màu lục, lục phẩm trở xuống dùng màu xanh.

Mũ: Hoàng thân và vương thân mũ trang sức bằng vàng; quan nhất phẩm đến tam phẩm đội mũ phước đầu² trang sức bằng bạc; tứ phẩm và ngũ phẩm, về hàng võ đội nón sơn trắng, về hàng văn, đội mũ phước đầu trang sức bằng thau; từ lục phẩm trở xuống về hàng võ, đội nón sơn son, về hàng văn, đội mũ phước đầu không trang sức; viên quan giữ việc hình pháp đội mũ giải trãi³.

Đai lưng: Hoàng thân và vương thân đai lưng trang sức bằng vàng; quan nhất phẩm, nhị phẩm dùng sừng con hoa tê, trang sức bằng bạc, bọc lụa đỏ, quan tam phẩm dùng đồi mồi, trang sức bằng bạc; đai lưng của đô ngự sử cũng như đai của viên quan hàm nhị phẩm; viên quan tứ phẩm, ngũ phẩm về hàng võ, đai thắt dùng màu tía; về hàng văn, dùng đồi mồi viền thau, bọc đoạn thâm; từ lục phẩm trở xuống, về hàng võ đai thắt dùng màu xanh, về hàng văn dùng gỗ tặc hương viền thau, bọc đoạn thâm.

¹ Chức quan trông coi về nông nghiệp có nhiệm vụ động viên khuyến khích dân chúng chú trọng về nghề nông. Chức này ở hàm tòng cửu phẩm, được đặt từ thời Thánh Tông nhà Lê. Nhưng ở đây dùng toàn quan đại thần cấp tham tụng (như Thủ tướng) để làm khuyến nông sứ chắc là đi kinh lý địa phương.

² Xem chú thích số 2 Chính biên quyển III, tờ 23.

³ Giải trãi. Tên một giống thú rừng, có một sừng thẳng ở giữa trán, theo truyền cổ thì giống thú này có đặc tính phân biệt được người tà người chính, đời cổ dùng giống thú này để húc đánh người gian tà, nham hiểm, nên đời Hán theo hình cái sừng giải trãi mà chế mũ của các viên quan giữ về hình pháp, gọi là mũ giải trãi. Có ý để tượng trưng cho sự ngay thẳng.

Bổ tử: Quan nhất phẩm, nhị phẩm, về hàng văn, dùng hình con tiên hạc; về hàng võ, dùng hình con bạch trạch; tam phẩm, về hàng võ, dùng hình con sư tử, về hàng văn, dùng hình con cẩm kê; tứ phẩm về hàng võ, dùng hình con hổ, về hàng văn, dùng hình con công; ngũ phẩm, về hàng võ, dùng hình con báo, về hàng văn, dùng hình con vân nhạn; tử lục phẩm trở xuống, về hàng võ, dùng hình con voi, về hàng văn, dùng hình con bạch nhàn; viên quan giữ việc hình pháp dùng hình con giải trãi.

Các quan vào hầu phủ chúa Trịnh: quan văn, quan võ dùng mũ sa màu thâm, mặc áo thanh cát¹, thắt thao kép râu hạt ngọc. Tùy theo phẩm trật cao hay thấp mà dùng phẩm phục khác nhau.

Thường phục: Quan nhất phẩm, nhị phẩm dùng các hàng gấm hoa; từ tam phẩm đến ngũ phẩm dùng các hàng gấm đoạn; tử lục phẩm trở xuống dùng các hàng là lượt; dân gian dùng the, là, vải, lụa hàng tre.

Võng và kiệu: Quan nhất phẩm, nhị phẩm kiệu bảy đòn khiêng, từ tam phẩm đến ngũ phẩm, kiệu ba đòn khiêng; tử lục phẩm trở xuống, võng ba đòn khiêng, đòn khiêng dài dùng hình thẳng; thứ dân, đòn khiêng võng dùng bằng tre.

Đồ dùng: Từ nhất phẩm đến tam phẩm, mâm sơn son, bát và chén dùng đồ Trung Quốc bịt bạc; tứ phẩm, ngũ phẩm, bát và chén bịt thau; tử lục phẩm trở xuống, mâm sơn màu tía, bát và chén dùng đồ Trung Quốc không bịt; dân gian, bát và chén dùng đồ của ta.

Trịnh Cương hạ lệnh cho nhân dân được phép ca tụng hoặc chê bai việc tốt việc xấu của viên quan giữ việc cai trị dân.

Tham tụng Nguyễn Công Hãng làm tờ khai nói: "Các quan giữ việc cai trị dân, nhân phẩm không giống nhau, họ tự xử trong mình có người liêm khiết, người tham ô, thi hành chính sự có điều tốt điều xấu, nếu không phải phân biệt người hay người dở, thì làm thế nào nêu được sự khuyên răn? Mà nếu không căn cứ vào lòng dân thì làm thế nào biết được người hay người dở? Vậy nên cho phép dân sở tại yết bảng ghi chép những lời ca tụng hoặc chê bai, để xem cho biết viên quan nào tốt, viên quan nào xấu. Làm như thế, khiến người ta biết kiêng kỵ răn sợ, mài giũa cho thành người liêm khiết siêng năng. Nhưng những điều yết lên bảng tất phải suât phát từ lẽ công bằng, cả hạt đều cùng một giọng. Nếu người nào yêu ghét theo ý riêng của mình, sinh ra khen chê càng bậy, thì người ấy sẽ có tội".

Lời phê-Chưa chắc đã được như thế², chỉ sinh nhiều việc mà thôi.

Trịnh Cương dùng Nguyễn Công Hãng giữ chức bảo phó cho con hãn là Giang, lại cho Công Hãng được mở doanh Trung Nhuệ.

Bính Ngọ, năm thứ 7 (1724). (Thanh, năm Ung Chính thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Phạm Khiêm Ích từ bên nhà Thanh trở về nước.

Trước đây, bọn Khiêm Ích sang sứ bộ sang nhà Thanh, khi đến Yên Kinh, vua nhà Thanh cho triệu vào yết kiến ở điện Kiến Thanh, yên ủi thăm hỏi, rồi chính tay vua viết bốn chữ "Nhật nam thể tộ"³ đặc ân ban cho. Năm ấy, viên quan thế sử⁴ tâu lên vua nhà Thanh là mặt trời mặt trăng hợp bích, năm vì sao liên châu. Nhân đấy, bọn Khiêm Ích dâng thơ chúc mừng; vua nhà Thanh ngợi khen và dụ bảo, lấy cố rằng quốc vương⁵ yêu chuộng văn học, tôn trọng đạo Nho, nên thưởng cho ba bộ sách.

¹ Xem lời chua của Cương mục chính biên quyển XXXII, tờ 37.

² Ý nói chưa chắc đã khiến người ta biết kiêng kỵ răn sợ, mài giũa thành người liêm khiết, siêng năng.

³ Bốn chữ này ý nói: hết đời này qua đời khác giữ ngôi báu ở phương nam.

⁴ Viên quan giữ việc suy tính thiên văn, làm lịch.

⁵ Chỉ vua nhà Lê lúc bấy giờ.

Sau này bàn luận công trạng phụng mạng đi sứ, thăng Khiêm Ích chức tả thị lang bộ Hộ, tước Thuật quận công; Nguyễn Huy Nhuận chức tả thị lang bộ Hình, tước Triệu quận công; Phạm Đình Kính chức hữu thị lang bộ Binh, tước Lại khê hầu.

Lời chua-Ba bộ sách: 1. Bội văn vận phủ, 2. Uyên giám loại hàm, 3. Cổ văn uyên giám.

Lại tham khảo "Lịch chí" trong Tân Đường thư chép: Căn bản làm lịch, phải suy tính năm thượng nguyên, vì năm nào nhằm đúng năm thượng nguyên thì mặt trời, mặt trăng hợp bích, năm vì sao như liên châu. Sách ngũ đại sử chép: viên quan giữ về thiên văn suy xét, nhằm tiết đông chí, lúc nửa đêm ngày mồng một thuộc năm Giáp Tý, hể thấy mặt trời, mặt trăng và năm vì sao đều hội hợp ở Tý, thì năm ấy là thượng nguyên.

Tháng 2. Cử hành lễ duyệt binh một cách trọng thể.

Trước đây, bọn Công Hăng bàn: Việc lựa chọn binh lính đã thành ngạch nhất định. Nên hạ lệnh cho các lính mới tuyển ở tứ trấn và phủ Trường Yên, định vào đầu tháng giêng năm nay đến kinh thành để luyện tập thao diễn. Đến nay cử hành lễ duyệt binh trọng thể, có tế cờ đạo, xong rồi lại cho về làm ruộng.

Lúc ấy, lính mới tuyển ở các trấn tập hợp đến hơn vạn người, chúa Trịnh thấy hàng ngũ binh lính tề chỉnh, nên ban thưởng cho có nhiều ít khác nhau. Từ đây về sau, mỗi năm cứ tháng trọng xuân cử hành lễ đại duyệt. Việc này đặt thành thể lệ nhất định.

Lời chua-Cờ đạo: Theo Hội điển nhà Minh, thì cờ đạo liệt vào hạng được thờ tự. Khi nào thiên tử thân hành đi đánh dẹp hoặc sai tướng đem quân đi đánh, thì trước tế cờ đạo rồi sau mới xuất hành.

Thể lệ triều cổ Lê: Hàng năm, chọn ngày tốt trong tháng 2, chúa Trịnh thống suất quan quân các doanh, trang bị đầy đủ nhung phục và khí giới, đặt đàn tràng cáo tế ở lầu Ngũ Long, chiếu theo phương hướng, mở cờ, bắn súng, làm chấn động dung nghi quân lính, gọi là tế cờ.

Nghệ An bị nạn đói.

Nghệ An, giá gạo thành lình cao vọt. Bèn hạ lệnh cho Trấn ty phát thóc trong kho Vĩnh khố chẩn cấp cho dân; những lính đã tuyển ở hai huyện Kỳ Hoa và Thạch Hà hiện đóng ở trấn đồn, mỗi người lính được cấp thóc 40 bát quan.

Lời chua- Vĩnh khố: Ở địa phận hai xã Vĩnh Yên và An Trường thuộc huyện Chân Lộc.

Kỳ Hoa: Nay là huyện Kỳ Anh. Kỳ Hoa và Thạch Hà đều thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Đời cổ Lê: ty trấn thủ xứ Nghệ An ở địa phận xã An Trường huyện Chân Lộc; hai ty Thừa chính và Hiến sát ở địa phận xã Triều Khẩu, huyện Hưng Nguyên; lưu đồn ở địa phận xã Hà Trung, huyện Hà Hoa.

Tháng 6, mùa hạ. Bổ dụng những người tiến triều¹ là bọn Nguyễn Công Đĩnh làm giám sát ngự sử.

Lúc đầu trung hưng, bổ dụng người làm quan, không theo tư cách, cũng không phân biệt môn phái và cấp bậc, như: Vũ Duy Chí lấy tư cách là duyệt lại xuất thân mà làm đến thượng thư², Trần Đăng Doanh và Vũ Phương Trượng chưa được vào hạng tiến triều đã tăng ngay đến thị lang, hoặc tự khanh. Khoảng năm Vĩnh Trị-Chính Hòa (1676-1704) bày tôi ở phủ đệ chúa Trịnh, trong đó cũng có người được vào hạng tiến triều, vì lúc ấy triều đình còn chưa căn cứ vào tư cách để phân biệt người làm quan đúng

¹ Điều xem lời chua của Cương mục ở dưới.

² Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 27.

đường hoặc làm quan tể, sự phân biệt cao thấp chỉ trông vào chức tước phẩm trật của người hiện được triều đình trao cho mà thôi. Đầu năm Bảo Thái, mới định thể lệ văn thuộc tước phẩm¹ Đến nay, cất nhắc những người vào hạng tiến triều là Nguyễn Công Đĩnh, Nguyễn Khắc Trung và Vũ Doanh Quán đều thăng làm ngự sử. Những người này tuy vào bậc được mặc áo màu hồng, đeo ngọc, nhưng bọn sĩ phu cũng không cho là bậc danh dự quan vinh.

Lời chua-Tiến triều: Theo quan chế triều cổ Lê, phạm người nào vào hạng giám sinh trúng thức, chỉ được bổ tri huyện, sau thăng chức hữu tham nghị là cùng; nếu có người nào vào hạng trúng thường² mà có công trạng rõ rệt, lại được bày tâu trong triều hiệp đồng bảo cử, thì cho được cất nhắc bổ dụng cũng như người đỗ tiến sĩ. Hạng người này được thăng đến chức tham chính hoặc thị lang trong 6 bộ trở lên. Những người ấy gọi là tiến triều.

Tước phẩm: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, đầu năm Bảo Thái định thể lệ: Những văn thuộc tiến triều, thì đặc chỉ bắt phải tước phẩm. Nghĩa là về việc phong ấn và cất nhắc đều kém người đỗ tiến sĩ hai bậc.

Văn thuộc: Một danh từ để gọi gia thần trong phủ chúa Trịnh.

Phương trượng: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, em Vũ Duy Chí.

Đặng Doanh: Người xã An Lạc, huyện Đông Thành.

Khắc Trung: Có sách chép. Khắc Dụng.

Tháng 8, mùa thu. Bắt đầu đặt chức tuần phủ ở các trấn.

Bổ dụng trung úy Nguyễn Khắc Xứng làm tuần phủ trấn Sơn Nam. Còn các trấn Sơn Tây, Kinh Bắc và Hải Dương thì đều chọn một viên quan võ, người nào có thể làm nổi công việc để bổ dụng. Chức tuần phủ lệ thuộc vào trấn ty, phân phối đi tuần địa điểm trọng yếu và kèm chế trộm cướp trong hạt. Chức tuần phủ được đặt ra bắt đầu từ đây.

Lời chua-Trung úy: Quan chế triều Lê, trung úy thuộc về võ giai, hàm chánh ngũ phẩm. Nguyên văn chép: "Diên xương".

Sai Vũ Đình Ân. Đông các hiệu thư hội đồng với người nhà Thanh lập giới mốc ở núi Xưởng Chì³.

Trước đây, đất biên giới hai châu Vị Xuyên và Thủy Vĩ bị thổ ty phủ Khai Hóa nhà Thanh xâm chiếm gồm 120 dặm. Năm Ung Chính thứ 3 (1725), Cao Kỳ Trác, tổng đốc Vân Nam nhà Thanh, lại tâu với vua Thanh là cương giới An Nam có chỗ xâm lấn vào biên cảnh cũ của nội địa⁴, xin thi hành việc tra xét rõ ràng. Việc này triều đình nhà Lê đưa thư sang biện bạch; Khổng Dục Tuân, tổng đốc Quảng Tây, tâu bày để đạt giúp, được vua nhà Thanh y cho. Triều đình bèn hạ lệnh cho bọn Hồ Phi Tích và Vũ Công Tế hội đồng với viên quan phái ủy nhà Thanh là Phan Doãn Mẫn đi đến nơi khám xét, hai bên vẫn giằng co nhau không giải quyết được. Đến nay có tờ dụ của vua nhà Thanh đưa sang, triều đình bèn sai Đình Ân đi hội đồng lập giới mốc ở dưới núi Xưởng Chì. Đất nước ta được nhà Thanh trả lại 80 dặm, còn 40 dặm là chỗ có xương đồng⁵, vẫn còn bị chìm đắm vào phủ Khai Hóa.

Lời chua-Việc phủ Khai Hóa xâm chiếm đất: Xem Lê Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 9 (Chb. XXXIV, 20-21).

¹ Xem thêm lời chua Chính Biên quyển XXXIV, tờ 6.

² Xem thêm lời chua Chính biên quyển XXXIV, tờ 6.

³ Nguyên văn chép: "Diên xương".

⁴ Vị trí cương giới của nhà Thanh lúc bấy giờ.

⁵ Nguyên văn chép: "Đồng xương". Có lẽ lúc bấy giờ những địa điểm này có trường xương khai mỏ chì, mỏ đồng.

Đình Ân: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1712) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Công tế: Người xã Hải Bối, huyện Yên Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1718) năm Vĩnh Thịnh.

Định rõ lại thể lệ phong tặng và phong ẩm.

Phàm quan văn, quan võ, viên quan nào được triều đình phong tặng hoặc phong ẩm cho cha mẹ, vợ con, nếu viên quan ấy có tước thì theo tước để phong, nếu không có tước thì theo chức quan. Việc này là theo lời xin của Trịnh Quán và Nguyễn Công Hãng.

Tháng 10, mùa đông. Thêm ngạch lấy đỗ ở trường thi Phụng Thiên.

Theo ngạch cũ, số lấy đỗ ở trường thi hương phủ Phụng Thiên, về hạng đỗ tam trường¹ trước lấy hơn một trăm người, nay tăng lên trong 150 người, về hạng đỗ tứ trường² trước lấy hơn 10 người, nay tăng lên trong 20 người. Số này định làm thể lệ lâu dài.

Giảm nhẹ phú thuế cho trấn Cao Bằng.

Đầu năm Vĩnh Thịnh, định thêm phép đánh thuế ở Cao Bằng, thuế khóa và dao dịch phiền phức nặng nề, đã nhiều lần bày tỏ phiến trấn về kinh bày tỏ sự đau khổ chông chất của dân. Do đấy, triều đình hạ lệnh, giảm bớt các sở tuần ty và các thuế phụ như các thuế đánh vào đầu trâu, thuế nộp hồng quả³ và vải thô v.v... Từ đấy, dân ở bốn châu⁴, mới dần dần được yên nghĩ.

Lời chua-Thuế ở trấn Cao Bằng: Theo tạp kỷ của Cao Lãng, thì các tuần ty ở Cao Bằng như Na Lữ, Án Lại, Khê Lực và Thẩm Toán 4 sở, nay đều triệt bỏ.

Thể lệ cũ, các thuế phụ như thể này:

Thuế đánh vào đầu trâu, phàm người nào giết thịt trâu bò, thì tính từng đầu con vật mà nộp thuế.

Thuế hồng quả, trước kia hàng năm phải dâng nộp 65 gánh. Hai thứ thuế này, nay đều được miễn.

Thuế vải hoa của người thổ, trước kia hàng năm phải dâng nộp 57 tấm, nay cũng giảm bớt, chỉ phải nộp ở trấn 20 tấm, còn thì chuẩn cho nộp bằng sử tiền, mỗi tấm 8 quan.

Tháng 11. Thi lại những người đã đỗ hương cống ở lâu Ngũ Long. Nguyễn Công Cơ được thăng chức thiếu bảo.

Lúc ấy, việc thi cử phần nhiều những lạm, con em nhà quyền thế được đỗ hương cống, ít người có tài thực học. Nguyễn Công Cơ nói về việc này, nên có lệnh phải thi lại, kết quả đánh hỏng 28 người, trong số ấy có: con trai tham tụng Lê Anh Tuấn, con trai Huân quận công Đặng Đình Giám, con nuôi Nội giám thiếu bảo Đỗ Bá Phẩm cùng cống sĩ ở các xứ. Những người này phải giao xuống pháp đình xét hỏi để trị tội nặng. Triều đình nhận thấy Công Cơ là người nói thẳng, nên cho thăng chức thiếu bảo.

Thanh Hoa bị nạn đói.

Triều đình bỏ ra 4 vạn quan tiền ở trong kho, giao cho bồi tụng Nguyễn Hiệu đi phát chẩn cho dân.

¹ Tức sinh đồ.

² Tức hương cống. Đến triều nhà Nguyễn, năm Minh Mạng thứ 6 (1825) đổi sinh đồ làm tú tài, hương cống làm cử nhân.

³ Không rõ thứ quả gì, trong Hậu Lê tạp kỷ chỉ chép là quả, không có chữ "hồng". Có thuyết nói "tức quả hồng". Họ viện chứng là vùng Cao Lạng sản giống hồng rất ngon. Nhưng vì nguyên văn không chép "thị tử", mà chép "hồng quả", nên chúng tôi không dám dịch là "quả hồng", xin tồn nghi.

⁴ Tức các châu Thượng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm và Quảng Yên, nay đều thuộc tỉnh Cao Bằng.

Lời chua-Nguyễn Hiệu: Người xã Lan Khê, huyện Nông Cống, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Đinh Mùi, năm thứ 8 (1727). (Thanh, năm Ung Chính thứ 5).

Tháng 5, mùa hạ. Bỏ dụng thiếu bảo Nguyễn Công Cơ giữ chức thự phủ sự.

Công Cơ là người thẳng thắn, sáng suốt, nói năng quả cảm. Công Hãng có ý ghét, ở trong chính phủ, Công Cơ thường bị đè nén, xin đổi sang Võ Giai, bèn đều bổ giữ chức thự phủ sự.

Tháng 7, mùa thu. Trịnh Cương lập Duy Phường, con thứ nhà vua (hoàng thứ tử) làm thái tử.

Trước kia, con trưởng nhà vua là Duy Tường 28 tuổi, ra ở ngôi Đông Cung¹ đã hơn 10 năm, Duy Phường là em 19 tuổi, do Trịnh Thị sinh ra. Trịnh Cương có ý muốn bỏ người này lập người khác nhưng khó tìm được lời lẽ gì để nói; Cương cùng bọn tham tụng Nguyễn Công Hãng bàn luận về việc phong chức ban tước cho các hoàng thân một cách phân biệt hơn, bèn trao cho Duy Tường tước quận công, hàm chức tứ phẩm, và lập Duy Phường làm thái tử.

Lời cần án-Duy Tường con trưởng của Dụ Tông, ra ở ngôi Đông Cung hơn 10 năm, danh vị thái tử đã ấn định rồi, thì nước là nước của thái tử Duy Tường, sao Trịnh Cương lại được phép bỏ Duy Tường mà lập Duy Phường? Về việc này, Sử cũ chép: "Duy Phường do chính cung sinh ra". Chính cung tức là con gái chúa Trịnh. Như thế chẳng qua họ Trịnh lập người con của con gái mình để cho người mẹ được quý hiển, lại mượn tiếng danh vị để thỏa mãn bụng riêng đấy thôi.

Trịnh Cương muốn chuyên quyền bỏ người này lập người khác, mới quanh co làm ra lời bàn phong quan, ban tước. Chưa bao lâu nữa Cương ép nhà vua truyền ngôi cho Duy Phường, bề ngoài giả thác ta tiếng truyền ngôi, mà bề trong thì làm kế kế ăn cướp ngôi vua cho cháu ngoại. Cương coi việc xếp đặt ngôi vua như người đánh cờ, cả đến bày tôi bấy giờ cũng phụ họa với hắn, thế mà người làm sử lại chép quanh co để che tội lỗi cho hắn. Lòng người đăm đũa, nghĩa lớn diệt vong, đến thế là cùng cực, đáng than thở biết chừng nào!

Tháng 10, mùa đông. Bỏ thứ thuế ngoài lệ ngạch.

Lúc ấy tô, dung và điệu đã có ngạch thuế nhất định, mà người thừa hành vẫn sách nhiễu theo thói cũ, tệ hại không thể kể xiết! Bèn hạ lệnh: các hạng thuế ngoài lệ ngạch và các thổ sản đã đánh giá chuẩn cho nộp vào tiền thuế dung rồi, nay nhất luật tha cho; duy thuế tô, dung và điệu vẫn phải nộp tiền theo như thể lệ.

Lập phép chọn lựa và mộ lính nhất định.

Phép lựa chọn lính: Chiếu theo sổ đinh hiện tại, cứ mười người giữ lại một người làm việc, còn thì thải cho về làng, định rõ lệnh cấm về việc bắt bớ đòi hỏi phiền nhiễu. Phép mộ lính: phạm người nào thân thể sức vóc khỏe mạnh, tình nguyện đi lính, thì được phép nộp đơn, đợi lệnh xét duyệt, sẽ sung bổ vào đội ngũ, cấp cho ruộng công để làm lương ăn.

Lời chua-Nhất bình: Một danh hiệu để gọi lính tứ trấn lúc bấy giờ.

Trịnh Cương phong cho con là Giang làm tiết chế, tước Uy quận công, mở phủ Điện quốc.

Sai khi tiến phong cho con là tiết chế, Cương tự soạn bài văn, tiếm xưng là "bảo huấn" để ban cho Giang.

tháng 11. Trịnh Cương tự ý dựng phủ đệ mới ở Cổ Bi.

¹ Xem chú thích số 1. Chính biên quyển III, tờ 21.

Khi tuổi đã về già, Trịnh Cương đi tuần du không có tiết độ. Nhiều lần sai bọn hoạn quan chia nhau đi sửa dựng các chùa ở núi Độc Tôn và Tây Thiên để phòng bị khi đi du ngoạn. Cổ Bi là một địa điểm nổi tiếng ở vùng Kinh Bắc, tiếp giáp với xã Như Kinh, mà Như Kinh là quê hương Trương thái phi, mẹ đẻ Trịnh Cương, nên Cương thường tuần du đến xã ấy. Vì mê hoặc về thuyết phong thủy, Cương muốn dời phủ đệ đến ở đất này, bầy tôi hãm lại nhiều người a dua phụ họa. Hãm bèn sai xây dựng phủ đệ mới, công việc làm một tháng đã hoàn thành, đặt tên là phủ Kim Thành. Nhân đấy, bọn đại tư đồ Trịnh Quán và thiếu phó Nguyễn Công Hãng được thăng thưởng chức tước có người cao có người thấp khác nhau.

Lời chua-Phong thủy: Sách Táng Kinh của Quách Phát chép:

Chỗ đất nào được thủy khí là đất tốt nhất, chỗ nào giữ được phong khí là đất tốt thứ 2.

Cổ Bi và Như Kinh¹: Tên 2 xã, đều thuộc huyện Gia Lâm, trấn Kinh Bắc.

Núi Độc Tôn: Ở địa phận xã Cát Nê, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Chùa Tây Thiên: Ở xã Sơn Đình, huyện Tam Dương. Cả hai nơi đều thuộc sơn phận Tam Đảo.

¹ Cổ Bi nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. Như Kinh nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hưng Yên.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 37

Từ Mậu Thân, Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (1728) đến Ất Mão, Lê Thuần Tông, năm Long Đức thứ 4 (1735), gồm 8 năm.

Mậu Thân, năm [Bảo Thái] thứ 9 (1728). (Thanh, năm Ung Chính thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Dân bị nạn đói.

Thanh, Nghệ và tứ trấn nhiều lần trải qua lụt lớn và gió bão, nhân dân bị đói. Triều đình bỏ ra 6 vạn quan tiền trong kho nội phủ, sai các quan trong tam ti chia nhau đi phát chẩn cho dân.

Lời chua-Tam ti: Tức ti trấn thủ, ti thừa chính sứ và ti Hiến sát sứ.

Bổ dụng: Tạ Đăng Huân, tả thị lang bộ Lễ, kiêm giữ chức tế tửu ở Quốc Tử giám, Nguyễn Trụ, hữu thị lang bộ Hình, kiêm giữ chức Tư nghiệp.

Lúc ấy, đặt viên quan kiêm giữ công việc ở Quốc Tử giám¹ để cho chức trách được long trọng. Triều đình hạ lệnh các viên ấy giữ việc: mùa xuân, mùa hạ khảo xét phương pháp mưu lược về việc binh của quan võ; mùa thu, mùa đông khảo xét việc thảo thiện từ chương, mệnh lệnh của quan văn. Việc này dùng làm việc thường hành trong hàng năm.

Tham tụng Nguyễn Công Hãng nhận thấy thể văn kinh nghĩa chỉ rập theo khuôn sáo cũ, không có chút nào tinh túy anh hoa. Còn thể văn bát cổ của nhà Thanh, để suy nghĩ để ra nghĩa mới, nếu dùng để thi học trò có thể thu hút được người có tài lỗi lạc. Công Hãng muốn biến đổi thể văn, nên thường dẫn quan văn vào Quốc Tử giám luyện tập thể văn ấy, để mài giũa lấy nhiều sĩ tử, học trò có ý oán trách. Sau bàn định kỳ thi kinh nghĩa trong khoa thi hương, thị hội sẽ đổi dùng thể văn bát cổ. Nhưng vì công Hãng bị mất ngôi tham tụng², nên việc này chưa kịp thi hành đã bãi bỏ.

Lời chua-Đăng Huân: Người xã Đại Bằng (Phùng) huyện Đan Phượng, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hòa triều Lê Hi Tông.

Tế tửu và Tư Nghiệp: Quan chế đời Bảo Thái, Quốc Tử giám tế tửu, hàm tòng tứ phẩm, Quốc Tử giám tư nghiệp, hàm tòng ngũ phẩm.

Tháng 4, mùa hạ. Ai Lao sai sứ thần sang thông hiếu với chúa Trịnh.

Họ Trịnh, cứ đến đầu mùa xuân làm lễ cầu đảo tuổi thọ, lễ ấy chúa Trịnh tiếm xưng là tiết diên thọ³, sứ thần Ai Lao không đến chúc mừng. Trịnh Cương làm thư yên ủi dụ bảo, nay Ai Lao sai sứ thần đến dân lễ cống, ngoài thể lệ thường số voi và thổ nghi đều cống nộp gấp đôi lần trước. Khi sứ thần đến cống và khi trở về nước, việc cung đốn và thức ăn thức mặc đều ban cấp theo cách thức hậu đãi, để họ được vui lòng.

Lời chua-Ai lao: Xem Triệu Việt Vương, năm thứ 2 (Tb.IV, 9, 10). Nhận xét: Ai Lao chép ở đây, có lẽ là Bồn Man, nhưng vì biên chép không rõ, nên nay hãy nghi lại.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXIV, tờ 31.

² Sau đây 5 năm, Công Hãng bị truất ra làm Thừa chính sứ ở Tuyên Quang, rồi bị Trịnh Giang giết.

³ Xem thêm Chính biên quyển XXXV, tờ 12.

Định rõ lại phép thu tô ruộng.

Trước đây, phép tô: về ruộng công nhất luật chuẩn cho thu mỗi mẫu 8 tiền, rồi căn cứ vào ruộng một mùa hoặc hai mùa mà định mấy phần nộp bằng thóc khác nhau; về ruộng tư và đất bãi thì chia ra hai bậc mà cho nộp bằng tiền. Đến nay sai quan thân hành đi khám, xét xem ruộng nào tốt, ruộng nào xấu, chia làm ba bậc để định bậc cao hạ về việc đánh thuế tô. Đại khái phép đánh thuế này nặng hơn phép cũ.

Lời phê-Sáng đổi tối thay, rất không hợp với chính thể. Pháp lệnh lúc bấy giờ phần nhiều giống như thế cả.

Lời chua-Phép tô: Xem năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 9, 10).

Ba bậc tô ruộng: Theo Tạng kỷ của Cao Lãng thì về phần ruộng công: hạng ruộng nhất đẳng mỗi mẫu thuế tô một quan cổ tiền¹, trong số này hai phần ba nộp bằng thóc; hạng ruộng nhị đẳng mỗi mẫu thuế tô 8 tiền cổ tiền, trong số này nộp một nửa bằng thóc; hạng ruộng tam đẳng mỗi mẫu nộp tô 6 tiền cổ tiền, trong số này một phần ba nộp bằng thóc. Về phần ruộng tư: hạng ruộng nhất đẳng mỗi mẫu thuế tô 3 tiền cổ tiền, hạng ruộng nhị đẳng và tam đẳng mỗi mẫu thuế tô 2 tiền cổ tiền.

Quân cấp ruộng và đất cho binh lính đã tuyển được.

Trước đây, binh lính tuyển ở tứ trấn, đã cấp cho khẩu phần ruộng công. Đến nay định rõ đẳng hạng về tô ruộng, nên lại hạ lệnh đem ruộng và đất bãi cùng cân nhắc để quân cấp cho binh lính tuyển được: đất bãi cùng ruộng vào hạng nhất đẳng thì mỗi người lính được 5 mẫu, nếu là ruộng vào hạng nhị đẳng, hoặc tam đẳng thì mỗi người được 6 mẫu hoặc 7 mẫu.

Nhà Thanh trả lại xương đồng Tụ Long.

Trước đây, nước ta cùng nhà Thanh lập giới mốc hai bên ở núi Xương Chi (Diên Xương), còn núi Tụ Long ở nước ta vẫn bị mất về nhà Thanh², thổ ti nhà Thanh đặt quan ải để đánh thuế. Đất ở biên giới nước ta bị mất 40 dặm, triều đình đã nhiều lần làm văn thư tâu bày biện bạch việc này, vua nhà Thanh hạ sắc văn dụ bảo quan địa phương bàn luận riêng về việc lập giới mốc, một mặt hạ lệnh cho Ngạc Nhĩ Thái, tổng đốc Vân-Quý (Vân Nam, Quý Châu), khám xét lại. Nhĩ Thái lại nghe theo lời viên quan phái ủy của nhà Thanh là Phan Doãn Mẫn, rồi hấn tâu với vua nhà Thanh là nước ta xâm chiếm đất của phủ Khai Hóa, không chịu giao trả, vua nhà Thanh hạ sắc văn dụ bảo nước ta phải theo lời trả lại. Nhĩ Thái làm tờ tư cho chạy trạm đến địa đầu biên giới Tuyên Quang, nhưng Hoàng Văn Phác (có sách chép: Văn Lâu), thổ mục giữ quan ải, dùng lời lẽ kháng cự, không chịu tiếp nhận tờ tư, kéo dài đến 5, 6 ngày. Nhĩ Thái ngờ nước ta có mưu kế gì khác chẳng, hấn lập tức tư sang tỉnh Quảng Tây chia địa điểm phòng bị nơi biên giới. Một mặt hấn lại đem việc này tâu về triều đình nhà Thanh và xin điều động binh mã ba tỉnh để phòng bị biên giới, nhưng vua nhà Thanh không y cho. Liền đó, vua nhà Thanh sai bọn Hàng Dịch Lộc³, tả đô ngự sử, và Nhậm Lan Chi, nội các học sĩ, đi thẳng sang nước ta tuyên bố chiếu chỉ để hiểu dụ, nhân đây xem xét sự động tĩnh. Khi bọn Dịch Lộc ra đi chưa đến nước ta, thì ngay lúc ấy, quốc thư nước ta đưa sang nhà Thanh từ trước chợt đến Yên Kinh, trong quốc thư giải bày "lòng thành thờ nước lớn, sợ mệnh trời", vua nhà Thanh xem quốc thư, rất lấy làm vui lòng và khen ngợi, lập tức sai viết sắc văn khác, lại giao cho bọn Dịch Lộc đưa sang nước ta tuyên bố dụ bảo, trong sắc văn nói về việc tra ra đất xương đồng 40 dặm, nay giao trả lại.

Lúc ấy, biên giới phương bắc cảnh giới nghiêm ngặt, nên bên nước ta trong kinh ngoài trấn có ý nghi ngờ sợ hãi, nhưng Trịnh Cương quyết đoán, cho rằng, có lý nào không hấn khích gì mà lại sinh sự được, bèn nghiêm sức cho quan lại giữ biên giới, không được hành động càn rỡ.

¹ Mỗi tiền 60 đồng, xem lời chua của Cương mục chính biên quyển XXI, tờ 2.

² Xem thêm Chính biên quyển XXXV, tờ 29, 30.

³ Nguyên văn chép Hàng Dịch Lộc. Tham khảo chú thích số 1 và 6 ở Chính biên tờ 5 và 6 sau đây.

Tháng 6, Dịch Lộc đến Đông Đô, quả nhiên giao trả lại đất cũ nước ta, lại lập giới mốc ở sông Đổ Chú.

Về nghi lễ tiếp nhận sắc văn của vua nhà Thanh, Dịch Lộc lại yêu cầu cử hành nghi lễ ba lần quỳ chín lần vái¹, triều đình cũng miễn cưỡng nghe theo.

Sau đó, sai tả thị lang bộ Binh Nguyễn Huy Nhuận và tể tửu Nguyễn Công Thái đi lên Tuyên Quang nhận đất và lập giới mốc. Thổ ti phủ Khai Hóa muốn ăn chặn lấy các sách ở Bảo Sơn, nên chỉ láo chỗ khác là sông Đổ Chú. Công Thái biết là gian trá, liền xông pha lẫn lộn những nơi lam chướng hiểm trở, đi trải qua các xưởng bạc, xưởng đồng, nhận ra đúng chỗ sông Đổ Chú, bèn dựng bia ở nơi giáp giới. Từ đây việc cương giới hai bên mới được ấn định.

Lời phê-Đạo làm bầy tôi phải như thế².

Lời chua-Núi Tụ Long: Ở địa phận xã Tụ Long, châu Vị Xuyên³, nay chia đặt lại, nên núi ấy thuộc huyện Vĩnh Tuy. Khoáng sản trong núi có đá nam châm và đồng đỏ, lại có chỗ lẫn ngân sa nữa, nên cũng gọi là xưởng bạc.

Sách Nhất thống chí của nhà Thanh chép: "Năm Ung Chính thứ 6 (1728), tổng đốc Vân Nam xin tra xét rõ địa giới nước An Nam, phụng chỉ dụ đặc ân cho nước An Nam 40 dặm đất. Bèn lấy sông Đổ Chú ở vịnh Bạch Mã làm giới mốc".

Sách Đông hoa lục của Tường Lương Kỳ⁴ chép: "Tháng 4, năm Ung Chính thứ 3 (1725), tổng đốc Cao Kỳ Trác tâu: Cương giới nước An Nam có 120 dặm thuộc cảnh thổ cũ của nội địa⁵, nước ấy dâng số biện bạch, bèn hạ lệnh cho Ngạc Nhĩ Thái, là đốc thần tiếp nhiệm⁶ khám xét lại cho được chính xác, rồi giao trả lại 80 dặm ở dưới núi Xưởng Chi (Diên Xưởng). Quốc vương nước ấy lại dâng số biện bạch, nên tháng 9, năm thứ 5 (1727), triều đình sai Nhậm Lan Chi, nội các học sĩ, cùng với bọn Hàng Dịch Lộc⁷, tả đô ngự sử, đi dụ bảo. Khi chưa đến nơi, thì quốc vương dâng tờ biểu tạ ơn, triều đình lại đem 40 dặm đất mà Nhĩ Thái tra ra được trả lại cho quốc vương, và làm sắc dụ giao bọn Hàng Dịch Lộc⁸ đem sang tuyên đọc. Đại lược sắc văn nói: Trẫm thống trị thiên hạ, phạm những nước đã liệt vào phiên phong⁹ thì dầu một thước đất không chỗ nào là không phải đất đai do trẫm chủ tể, can chi phải so đo 40 dặm đất nhỏ bé ấy làm gì? Mới đây, Ngạc Nhĩ Thái đem bản tâu của quốc vương¹⁰ tiến trình, lời lẽ ý tưởng trong bản tâu tỏ lòng cung kính, trẫm rất vui lòng khen ngợi. Và lại, 40 dặm đất ấy nếu thuộc vào Vân Nam thì là nội địa của trẫm, nếu thuộc vào An Nam thì vẫn là ngoại phiên của trẫm, không có một chút gì phân biệt cả. Vậy chuẩn cho đem đất ấy ban thưởng quốc vương được đời giữ lấy".

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXV, tờ 27.

² Lời phê này có ý khen Nguyễn Công Thái chịu khó lẫn lộn tìm được đúng chỗ sông Đổ Chú.

³ Thuộc tỉnh Hà Giang.

⁴ Tác giả sách Đông Hoa lục, chính tên là Tường Lương Kỳ (Từ Hải trang 678). Ở đây Cương mục chép lầm là Kỳ.

⁵ Tấc đất của nhà Thanh lúc bấy giờ.

⁶ Danh từ gọi viên quan tổng đốc mới kế tiếp đến nhậm chức thay viên quan trước.

⁷ Nguyên văn chép: Hàng Dịch Lục, tham khảo với chú thích số 1.

⁸ Nguyên văn chép: Khàng Dịch Lộc, Chính biên tờ 5 ở trên.

Cùng một tên người chép trong một đoạn văn, mà 3 chỗ chép khác nhau, không rõ họ và tên viên này thế nào là đúng. Ở đây chúng tôi đều phiên "Hàng Dịch Lộc", theo như họ và tên chép trước tiên trong đoạn văn này cho được thống nhất.

⁹ Một danh từ gọi chung các nước chư hầu do triều đình Trung Quốc lúc bấy giờ phong cho. Ý nói vua chư hầu có nhiệm vụ giữ đất đai do thiên tử Trung Quốc phong cho, để làm như phen giậu bảo vệ nước của thiên tử.

¹⁰ Những chữ "quốc vương" chép ở đoạn này đều chỉ vua Lê lúc bấy giờ.

Bia đá: Nay ở địa phận xã Tụ Long, huyện Vĩnh Tuy. Hai bờ phía nam phía bắc sông Đổ Chú đều có bia đá:

Văn bia ở bờ phía nam [do bọn Nguyễn Huy Nhuận dựng, lời văn như thế này]:

"Giới mốc châu Vị Xuyên, trấn Tuyên Quang, nước An Nam, lấy sông Đổ Chú làm căn cứ.

"Ngày 18 tháng 9, năm Ung Chính thứ 6 (1728). Chúng ta là: Nguyễn Huy Nhuận, tả thị lang bộ binh, và Nguyễn Công Thái, tể tửu Quốc tử giám, được triều đình ủy sai, vâng theo chỉ dụ, lập bia đá này".

Văn bia ở bờ phía bắc [do bọn Ngô Sĩ Côn dựng, lời văn như thế này]:

"Khai Dương¹ ở xa tận một góc trời, tiếp giáp với đất đai Giao Chỉ. Tra trong sách vở ghi chép lại, thì giới mốc chỗ đất này phải ở vào sông Đổ Chú cách phủ trị Khai Hóa 240 dặm về phía nam. Chỉ vì về sau giới mốc lẫn lộn, viên quan do triều đình phái ủy khám xét tâu xin lập giới mốc ở núi Xưởng Chì (Diên Xưởng sơn). Hoàng thượng ta² ân uy rộng khắp phương xa, nghĩ giao chỉ đời đời giữ đạo cung kính thuận theo, cả ban cho dụ chỉ, lại đem 40 dặm đất tra xét ra được, để trả lại cho.

"Bọn Sĩ Côn chúng tôi, tuân theo tờ hịch của bộ viện quan tổng đốc Vân Quý (Vân Nam, Quý Châu) ủy thác, nên ngày mồng 7 tháng 9, chúng tôi hội đồng với bọn Nguyễn Huy Nhuận, viên quan phái ủy của nước Giao Chỉ, công đồng bàn định, lấy con sông nhỏ ở phía nam vịnh Bạch Mã làm giới mốc. Chỗ này tức chỗ mà trong tờ tâu của quốc vương gọi là sông Đổ Chú đấy.

"Vậy chúng tôi tuân theo dụ chỉ, lập nhà bia giới mốc ở phía bắc sông. Từ đây biên cương bền vững lâu dài, ức muôn năm được đời ơn không bao giờ mai một.

"Ngày 18 tháng 9, năm Ung Chính thứ 6.

"Chúng tôi là: Ngô Sĩ Côn, giữ chức tri phủ Khai Hóa và Vương Vô Đàng, giữ chức du kích trung doanh trấn Khai Hóa, kính dựng bia đá này".

Khai Dương: Vị xưởng đồng ở phía nam phủ Khai Hóa, nên gọi là Khai Dương.

Công Thái: Người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Thanh Hoa và Nghệ An không mưa.

Sai quan chia nhau đi tuần hành xem xét, rộng ra tiền thuế điệu cho dân.

Tháng 10, mùa đông. Được mùa lớn.

Lời phê-Vừa mới chép "không mưa", liền đẩy lại chép "được mùa". Có lý nào như thế không?

Kỷ Dậu, năm thứ 10 (1729). (Từ tháng 4 trở về sau là năm Vĩnh Khánh thứ nhất đời Đế Duy Phường-Thanh, năm Ung Chính thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Cương bắt ép nhà vua truyền ngôi cho thái tử Duy Phường.

Duy Phường, cháu ngoại Trịnh Cương, lập làm thái tử³, muốn để nối ngôi. Lúc ấy nhà vua lui ra ở điện Kiền Thọ, để truyền ngôi cho Duy Phường. Đây là sợ chúa Trịnh bức bách.

Thái tử lên ngôi vua (tức Đế Duy Phường), đổi niên hiệu ân xá cho trong nước.

¹ Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

² Tức vua Thế Tông (Ung Chính) nhà Thanh.

³ Xem thêm Chính biên quyển XXXVI, tờ 32.

Xá những thuế còn bỏ thiếu từ năm Đinh Mùi (1727) trở về trước và xá hai phần mười thuế vụ hạ năm này.

Tôn nhà vua làm thái thượng hoàng.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Nước sông Nhị tràn ngập, đường đê nhiều chỗ bị vỡ. Triều đình sai bọn Hồ Phi Tích đào sông Nghĩa Trụ để cho thủy thể lưu thông. Một mặt mở kho thóc Vĩ Hoàng chẩn cấp cho dân bị thủy tai. Những ruộng cấy lúa mùa, bị ngập lụt được cấp cho thóc giống. Lại sai quan khuyến nông chia ra từng đạo đi khám xét, chia dân lưu vong làm 4 hạng, bàn định thi hành việc cứu vớt.

Lời chua-Bốn hạng dân: Theo Lê sử tục biên, thì lúc ấy chia dân lưu vong làm 4 hạng: hạng thứ nhất: những dân phiêu lưu mất tích; hạng thứ hai: những dân nhiều người phiêu tán, chỉ còn một hai suất; hạng thứ ba: những dân nghèo khổ sắp phải phiêu tán; hạng thứ tư: những dân chưa phải phiêu tán, chưa phải nghèo khổ, nhưng đã có khe kẽ khác xảy ra tệ hại.

Nhị hà: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Sông Nghĩa Trụ: Ở địa phận các xã Lê Xá, Phú Thị, Nông Vụ và Cổ Bi thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, nước ở ruộng bốn xã trên đổ ra, khi chảy đến địa phận xã Xuân Cầu thì hợp làm một dòng, rồi chia thành ba chi: một chi chảy qua địa giới huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương làm thành sông Đạo Khê chảy suốt ra cửa biển Thái Bình; một chi từ sông Đạo Khê chảy qua địa phận huyện Cẩm Giàng làm thành sông Vân Đậu chảy vào sông Hàm Giang rồi đổ vào biển; một chi về phía nam chảy vào địa giới huyện Đông An làm thành con sông nhỏ Đông Xá hợp vào với sông Nhị.

Vĩ Hoàng: Tên xã, thuộc huyện Mỹ Lộc. Lúc ấy đặt kho thóc ở đây, nay là tỉnh lỵ Nam Định.

Trịnh Cương lại sửa phủ đệ mới ở Cổ Bi.

Lúc ấy nước sông lên to, đê Cự Linh bị vỡ, nước tràn vào Cổ Bi, nhà cửa bị nước cuốn đi và đổ nát. Cương sai hoạn quan đốc suất quân và dân sửa chữa đường sá, để phòng bị lúc đi di ngoạ. Nông dân bị thủy tai, không sao kể xiết sự đau khổ.

Lời chua-Đê Cự Linh: Ở địa phận xã Cự Linh, huyện Gia Lâm.

Tháng 10, mùa đông. Tôn mẹ là Trịnh Thị làm hoàng thái hậu, sách phong chính phi Trịnh Thị làm hoàng hậu.

Mưa dầm từ tháng 9 đến tháng này không ngưng.

Trịnh Cương mất, con là Giang nối ngôi.

Sau khi ở Phật Tích trở về, Trịnh Cương lại đi Như Kinh, khi đi giữa đường, mắc bệnh rồi chết ngay, phải bí mật đưa về phủ, mới phát táng.

Cương chuyên quyền gồm 22 năm, khi mất, truy xưng Nhân Vương, tiếm hiệu là Hi Tổ.

Trịnh Giang, con cả của Cương. Trước kia, Giang làm thế tử, viên bảo phó của Giang là Nguyễn Công Hãng¹, mật khai với Cương rằng: Giang là người ngu tối ươn hèn, không thể gánh vác được công việc. Cương chần chừ chưa quyết định. Gặp lúc Cương mất. Giang bèn nối ngôi. Sau Công Hãng cũng vì việc ấy mà bị tai vạ².

Lời chua-Phật Tích: Tên núi ở địa phận huyện Tiên Du, trên núi có ngôi chùa.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXVI, tờ 25.

² Xem thêm tờ 27 trong cuốn này.

Tháng 11. Đình chỉ việc xây dựng cung điện.

Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Đình Phụ Ích, phó sứ là bọn Đoàn Bá Dong và Quản Danh Dương sang dâng lễ tế cống và tạ ơn vua nhà Thanh ban cho bức ngự thư¹ cùng việc trả lại xương đồng Tụ Long. Lại phụ tâu vua nhà Thanh chuẩn định nghi lễ tiếp nhận tờ chiếu chỉ, tờ sách phong và thể thức hai nước trao đổi văn thư với nhau.

Lời chầu-Bá Dong: Người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm.

Danh Dương: Người xã Huê Cầu, huyện Văn Giang-Cả hai đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Canh Tuất. Đế Duy Phường năm Vĩnh Khánh thứ 2 (1730). (Thanh, năm Ung Chính thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế Nam giao.

Tháng 2. Bỏ bớt tuần ti ở cửa ải và bến đò.

Trước đây, trong kinh kỳ và tứ trấn đều đặt sở tuần sát để đề phòng bọn gian trá, nhưng việc tra hỏi sách nhiễu của sở tuần sát lại làm tai hại cho dân. Vì thế mới bàn định bỏ bớt hai sở tuần sát ở trong kinh kỳ và huyện Thanh Trì; ở tứ trấn chỉ đặt hai sở tuần sát, còn sở tuần sát ở Lãnh Trì thuộc Sơn Nam và sở tuần sát Thuần Mỹ thuộc Hải Dương cùng các sở mới đặt đều triệt bỏ đi.

Lời chầu-Lãnh Trì: Tức ngã ba sông ở huyện Nam Xang, thuộc Sơn Nam, nay thuộc Hà Nội².

Tuần ti Thuần Mỹ: Ở xã Mi Động, huyện Thanh Miện, thuộc Hải Dương.

Giảm bớt thuế tô, thuế điền ở tứ trấn và Thanh, Nghệ, có nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Từ lúc trung hưng đến nay, ruộng công phải nộp thuế, ruộng tư được miễn trừ. Khoảng năm Bảo Thái (1720-1728), Nguyễn Công Hãng thay đổi chế độ, mới bắt ruộng phải theo từng hạng để nộp tô, lại thi hành phép đánh thuế điền, nào làm sổ dân đinh, nào định ngạch thuế tô, kỳ cho không một hộ nào được thoát, không thước đất nào bỏ rơi, tìm bắt đinh trốn tránh, tra xét ruộng ẩn lậu, khắc nghiệt quá chừng, nhân dân phần nhiều cho là không tiện. Đến nay, Công Hãng bàn sửa đổi lại. Hãng nói: Thi hành phép điền, chú ý muốn cho dân được tiện lợi, nhưng vì sự chi ra thu vào phiền phức, bọn lại điển nhân đây làm gian. Vậy xin hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm ở tứ trấn và phủ Trường Yên chiếu theo đường đê cũ, liệu lượng tùy tiện bắt dân các hộ sửa đắp, sẽ miễn cho tiền thuế điền. Lại giảm bớt thuế tô cho ruộng tư: hạng ruộng nhất đẳng và nhị đẳng nộp theo ngạch cũ, còn hạng tam đẳng được giảm nhẹ, chỉ thu mỗi mẫu một tiền. Thanh Hoa và Nghệ An không có đường đê cũng miễn cho tiền thuế điền, hạng chính đình được giảm bớt một nửa, hạng hoàng đình và hạng lão thì nhất luật miễn trừ. Trịnh Giang y theo. Từ đây, phép thuế tô, thuế điền đặt ra từ năm Bảo Thái mới thay đổi lại.

Lời chầu-Ngạch cũ thuế điền: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (tờ 3 trong cuốn này).

Tiền thuế điền: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 9-11).

Thanh Hoa: Tức Thanh Hóa bây giờ.

Nghệ An: Tức Hoan Châu xưa-Cả hai đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15, 16, 20-23, 33).

Tháng 4, mùa hạ, Giang tự tiến phong là nguyên soái, thống quốc chính, Uy nam vương.

¹ Bức thư chính tay vua viết ra. Xem thêm chính biên quyển XXXVI, tờ 25.

² Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Sau khi đã tiến phong rồi, Giang tôn bà tổ mẫu của hãn là Trương Thị làm thái tôn thái phi, mẹ đẻ là Vũ Thị làm thái phi.

Lời chua-Trương Thị: Người xã Như Kinh¹, huyện Gia Lâm, là vợ Trịnh Bính, sinh ra Trịnh Cương.

Vũ Thị: Người xã Mi Thử, huyện Đường Yên², là vợ Trịnh Cương.

Nước lớn. Vỡ đê Mạn Trù.

Về việc sửa đắp đê, trước đây ủy thác cho viên quan ở trấn, công việc làm phần nhiều không chu đáo, nên từ năm Bảo Thái thứ 7 (1726), triều đình tự xuất tiền công trong kho để làm, và giao cho quan võ và nội giám chia nhau đôn đốc công việc sửa đắp, nhưng bọn này lại đều làm những việc: phần thì đục khoét thợ thổ đầu làm thuê, phần thì mưu toan để lấy số tiền công còn thừa lại, thành ra công việc làm không được vững bền chắc chắn. Năm nay nước sông Nhị tràn ngập, đê ở Mạn Trù châu bị vỡ, lúa mạ của 8, 9 huyện đều bị tai hại.

Lời chua-Mạn Trù: Tên xã, có cái bãi ở phần sông Thiên Mạc, tức hạ lưu sông Nhị, địa phận xã này thuộc Sơn Nam, nay thuộc tổng Đông Kết, huyện Đông An³, tỉnh Hưng Yên.

Định lại niên hạn làm sổ đình.

Trước kia, Nguyễn Công Hãng bàn cứ ba năm một lần kế tiếp sửa lại sổ đình. Đến nay định lại: Cứ 12 năm là một hạn, kể bắt đầu sửa lại sổ từ năm Giáp Thìn (1724), cấm hết việc hàm hồ tố cáo ần lậu. Thể thức làm sổ, nhất luật dựa theo thể thức làm sổ năm Canh Tí, chỉ cốt để phòng bị việc tra cứu sổ dân đình tăng hay giảm mà thôi. Bỏ phép ba năm một lần kế tiếp sửa lại.

Lời chua-Thể thức sổ đình: Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì năm Canh Tý niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) triều Lê Thần Tông làm sổ hộ, các xã lần lượt kê khai dân đinh từ 10 tuổi trở lên, rồi chép thành 6 bản sổ: lưu ở xã một bản, nộp ở nha môn huyện một bản, nộp ở Thừa Ti, Hộ Bộ, Hộ Khoa và Khải Bản⁴ đều một bản. Còn thuế thân dung vẫn theo như lệ ngạch cũ, không thêm, không bớt.

Kế tiếp làm sổ đình: Xem năm Giáp Thìn, niên hiệu Bảo Thái thứ 5 triều Lê Dụ Tông (Chb. XXXVI, 19).

Mồng một, tháng 6. Nhật thực.

Bổ dụng Nguyễn Minh Châu trấn thủ Nghệ An, Đặng Đình Lân trấn thủ Sơn Nam.

Giang là người hay nghi kỵ, hãn lấy cớ rằng các viên trấn thủ trị nhậm ở trấn lâu ngày, được lòng quân và dân, e sẽ sinh ra việc biến động, bèn đổi Nguyễn Minh Châu, hiện trấn thủ Kinh Bắc, đi trấn thủ Nghệ An, đại tư mã Đặng Đình Lân đi trấn thủ Sơn Nam. Những viên trấn thủ khác ở các xứ, phần nhiều thay đổi.

Tặng tiền thuế dung, thuế điệu những hộ bỏ làng đi trú ngụ (khách hộ) và bọn tạp lưu.

Trịnh Giang muốn biết số tài chính, thuế khóa thu chi thừa thiếu thế nào, bèn sai Nguyễn Hiệu và Phạm Khiêm Ích hội đồng viên chức trong lục phiên để kiểm điểm tra xét việc chi dùng của lục cung. Phủ liêu nói: "Dân nghèo phiêu lưu, ngày càng khốn khổ tiêu tụy. Vậy những thuế bỏ thiếu chông chất từ các năm trước, nay nên liệu lượng cho giảm bớt. Và lại, hiện nay: 1. Những hộ thực người trong làng thì

¹ Nay thuộc xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

² Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

³ Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

⁴ Tức quyển sổ có dính tờ khai dâng lên phủ chúa.

khốn đốn không có cách gì chống đỡ, mà những hộ trú ngụ thì nhà cửa vững vàng, họ lại được lấy cố là người trú ngụ mà trốn tránh đao dịch; 2. Những hộ thực người trong làng số đình rất ít, mà bọn tạp lưu thì của cải đầy đủ, họ lại được lấy của ấy quyên nộp cho nhà nước để được miễn trừ. Vậy xin nay không kể hộ nào là thực người trong làng, hộ nào là người trú ngụ, cứ tính từng hộ để thu thuế dung, về hạng tạp lưu thì cứ hai tên gánh chịu một hộ. Đợi khi dân phiêu lưu trở về, sẽ y theo ngạch thuế cũ mà miễn xá cho hai hạng kể trên". Trịnh Giang y theo, bèn hạ lệnh tăng thuế dung, thuế điều hạng tạp lưu và hạng trú ngụ.

Lời chua-Lục phiên, lục cung: Xem Lê Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb. XXXV, 22, 23).

Tạp lưu: Xem Lê Hi Tông, năm Vĩnh Trị thứ 2 (Chb. XXXIV, 7).

Sai bọn Nguyễn Công Hãng đi chiêu tập dân phiêu tán.

Từ khi Nguyễn Công Hãng thay đổi phép tắc, chỉ chăm làm những việc phiền phức tê toái, nhân dân phần nhiều phiêu tán, có đến 527 làng. Phủ Liêu lại bàn luận cách chiêu tập, dùng bọn Nguyễn Công Hãng và Lê Anh Tuấn 12 người làm chiêu tập sứ, đi tuần hành các quận ấp, xem xét sự lợi hại của dân và nghĩ cách xử trí giúp dân. Lại ấn định niên hạn: làng nào dân lưu tán y kỳ hạn trở về được đông đủ, sẽ được hậu thưởng, làng nào đã hết kỳ hạn mà dân lưu tán chưa trở về yên nghiệp làm ăn, sẽ bị phạt nặng.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Giang sửa chữa xây dựng hai ngôi chùa Quỳnh Lâm và Sùng Nghiêm.

Sửa chữa xây dựng hai ngôi chùa này, công việc phiền phức nặng nề, phải dỡ lấy gỗ ở phủ Cổ Bi thả xuống sông chở xuôi để cung cấp vào việc xây dựng. Lại hạ lệnh cho dân ba huyện Đông Triều, Thủy Đường và Chí Linh phải gánh vác công việc này, sẽ miễn cho một năm số tiền góp về đê đường và buđình.

Về sau, lại bắt dân khơi đường sông để việc vận tải được lưu thông, dân phải kéo gỗ, xe đá, thường có hàng vạn người làm, ngày đêm không được nghỉ ngơi.

Lời chua-Chùa Quỳnh Lâm: Ở dưới chân núi Quỳnh Lâm thuộc xã Hà Lô, huyện Đông Triều¹, Hải Dương, do thầy chùa Minh Không thời nhà Lý dựng lên. Ở đây có viện Quỳnh Lâm, am Bích Động.

Chùa Sùng Nghiêm: Ở xã Nam Giản, huyện Chí Linh², Hải Dương.

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 28).

Huyện Thủy Đường: Nay thuộc Hải Dương³.

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Buđình: Tức nhà trạm. Nhan Sư Cổ nói: "Đó là chỗ nghỉ đỗ của người giữ việc chuyển đệ văn thư". Tức nhà trạm bây giờ. Thời cổ Lê, về tiền nhà trạm, thì liệu lượng bổ cho dân các xã góp, để mượn phu làm việc chuyển đệ văn thư.

Tân Hợi, năm thứ 3 (1731). (Thanh, năm Ung Chính thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Thái thượng hoàng mất.

Dâng tôn hiệu là Hòa hoàng đế, miếu hiệu Dụ Tông.

¹ Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

² Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

³ Nay là huyện Thụy Nguyên, T.P Hải Phòng.

Từ khi lui ra ở điện Kiền Thọ, thượng hoàng thường uất ức không vui. Đến nay mất. Thượng hoàng ở ngôi 25 năm, nhường ngôi 2 năm, hưởng thọ 52 tuổi.

Làm lễ táng ở lăng Cổ Đô.

Lời chua-Lăng: Ở xã Cổ Đô, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, sau dời đi táng ở lăng Kim Thạch, huyện Lô Dương¹.

Tháng 2. Triệt bỏ các trường xương mới đặt ở Thanh Hoa.

Lấy cớ rằng Thanh Hoa là đất sáng lập cơ nghiệp đế vương, không nên đào xẻ núi đồi, e hại đại mạch. Vì thế, phàm trường xương mới đặt đều triệt bỏ hết.

Mông một, tháng 6, mùa hạ. Nhật thực.

Bùi Sĩ Tiêm, Thái thường tự khanh, bị bãi chức.

Vì có tai biến nhật thực. Trịnh Giang hạ lệnh cho bày tội bày tỏ những điều thiết thực cốt yếu. Sĩ Tiêm trình bày 10 điều: Đầu tiên nói về việc truyền ngôi vua, lời lẽ rất thống thiết chu chí.

Đại lược nói: "Nhà nước từ trung hưng đến nay, trong khoảng hai trăm năm, các chúa trước tôn phò nhà vua, sở dĩ làm cho anh hùng hào kiệt vui vẻ tới lui mà thống trị được đất đai trong nước, là chỉ nhờ ở truyền thống trung hiếu có thể giữ vững căn bản không thể nào lay chuyển được mà thôi. Vì thế nên nhà vua nhà chúa không khác gì bánh xe và thân xe nương dựa lẫn nhau, cột nhà và kèo nhà cùng nhau chống đỡ, chỉ có thể một lòng một dạ giúp đỡ nhau, mà không thể đứng đưng, mặc ai béo mặc ai gầy như người Tần người Việt coi nhau được.

"Gần đây, về việc truyền nhường ngôi báu, mặc dầu cũng noi theo khuôn phép cũ, nhưng không rõ có quả thật xuất phát từ tiên đế mỗi một về công việc mà thật lòng phó thác hay không? Tôi thường thấy lúc tiên đế trị vì, khí sắc bức tức bất bình thổ lộ ra trong câu văn hoặc lời nói. Những điều ấy tai mắt thần dân trong nước, có thể nào giấu giếm mãi được. Vì thế, mà từ đầu mùa hè năm Kỷ Dậu² đến nay, trời ra tay, đất biến động, nào nước lớn, nào nắng lâu, luôn luôn hiện ra điềm xấu, điềm dữ. Có lẽ anh linh trời đất tổ tông răn bảo một cách rõ ràng đấy.

"Tôi cúi xin vương thượng công cũ của tiền vương đã vun đắp, nối theo chí cũ của tiền vương vẫn tôn phò nhà vua, gặp việc phải cần quả quyết thi hành, chớ mê hoặc lời bọn tiểu nhân bảo thủ nghi kỵ, biết điều nghĩa, nên mạnh dạn quyết đoán, đừng câu nệ vào câu văn "ba năm không thay đổi việc làm của cha³, làm việc lớn không đạt được quyền nghi, chấn chỉnh đạo thường muôn đời không thay đổi, để mà chặn được ngọn sóng muốn làm vỡ đê, để mà kéo lại mặt trời khi sắp lặn. Tóm lại, đấy là dốc lòng tôn phò nhà vua để làm cho tiêu tan tai biến".

Sĩ Tiêm lại nói: "Văn chương là một món để thu hút sĩ phu, là một thứ để tô điểm nhà nước. Văn thể triều ta, bắt đầu chấn chỉnh từ thời Thiệu Bình⁴, phát huy đầy đủ từ thời Hồng Đức⁵; đến trung gian, một lần thay đổi mà thành ra thể văn rập theo các sách cũ, lại một lần thay đổi nữa mà thành ra thể văn tầm chương trích cú; hơn nữa, coi khinh sách của thánh nhân là dấu vết cũ rích, sử sách về cổ đại là cỏ rác vãi rơi. Sĩ tử trong một thời, bỏ sách kinh⁶, sách truyện⁷ mà nghiên cứu sách ngoài để cầu được đỗ

¹ Đất huyện Lô Dương nay thuộc Thọ Xuân và huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

² Sĩ Tiêm nhắc lại năm tháng mà Trịnh Giang đã bắt ép Dụ Tông truyền ngôi cho thái tử Duy Phường.

³ Lời nói của Khổng Tử, chép trong thiên Học Nhi sách Luận ngữ. Ý nói: Sau khi cha mất, mà trong 3 năm người con không thay đổi công việc của cha thì người ấy có thể gọi là người con có hiếu.

⁴ Thiệu Bình (1434-1439) một niên hiệu của Lê Thái Tông.

⁵ Hồng Đức (1470-1497), một niên hiệu của Lê Thánh Tông.

⁶ Tứ Thư kinh: Mao thi, Thượng thư, Chu dịch, Lễ ký và Xuân thu.

⁷ Tứ Tử thư: Luận ngữ, Mạnh tử, Đại học và Trung dung.

cao, đến như những lời nói về việc cứu thời thế nguy nan, sửa chữa việc tệ hại, thì không một câu nào có thể dùng được cả.

"Tôi xin vương thượng dốc lòng tôn sùng đạo học chính thống, chấn hưng phong thái nhà nho. Phàm những tập văn do hậu nho viết ra như: các sách Ngốc trai, Đề cương và Trường sách, nhất thiết cấm chỉ. Đầu bài thi về kỳ văn sách, nên bỏ bớt điều mục, mà cần những điều thiết thực cốt yếu, văn cổ thì hỏi đại lược việc phải việc trái để biết sức học của học trò; văn kim thì hỏi những sự việc về chính trị, để xét trí mưu sáng tạo của học trò. Như thế thì không thể văn nào là không xuất phát từ lễ chính đáng. Tóm lại, đây là chấn chỉnh văn thể để mài giũa hiền tài".

Còn tám điều nữa, Sĩ Tiêm điều thiết tha chỉ trích những sự tệ hại lúc bấy giờ, vì thế bị bọn quyền quý trong triều ghét bỏ. Khi bức thư ấy đệ vào phủ, Trịnh Giang giận lắm, tước hết quan chức của Sĩ Tiêm và đuổi về quê hương.

Sĩ Tiêm là người khảng khái, trọng nghĩa khí, hay nói thẳng, vì việc trình bày mười điều xúc phạm vào những điều kiêng kị, nên bị tước mất quan chức. Về nhà một thời gian lâu thì mất. Đầu năm Cảnh Hưng, triều đình nghĩ Sĩ Tiêm trung trực, nên truy tặng hàm tham chính, tước Trung tiết hầu, cấp cho ruộng cúng tế để biểu dương.

Lời phê¹-Chim phượng hoàng hót lục mặt trời mới mọc.

Lời phê²-Đoạn văn này không rõ Bùi Sĩ Tiêm muốn nói gì. Phải chăng vì bó buộc về lời văn mà làm tối nghĩa sự việc định nói?

Lời chua-Ngốc trai thập khoa sách lược: Do Lưu Định Chi nhà Minh biên soạn.

Sách học đề cương: Do Chúc Nghê nhà Nguyên biên soạn.

Tứ đạo trường sách: Không rõ họ tên tác giả.

Mông một, tháng 12, mùa đông. Nhật thực.

Định lại phép thi bác cử.

Các viên giữ chính quyền trong phủ chúa bàn luận, nhận thấy việc lựa chọn tài can thành³, trước hết phải căn cứ vào kỹ năng và sức mạnh. Khoa thi trước đây, kỳ đầu hỏi về nghĩa sách võ kinh để thải bớt người kém, thì người có kỹ năng và sức mạnh có khi bị bỏ rơi. Bèn định: kỳ đệ nhất thi bắn cung, múa siêu đao; kỳ đệ nhị thi múa siêu đao, múa kiếm, cưỡi ngựa bắn tên và chạy bộ bắn tên, mỗi người đều thi một tao; kỳ đệ tam thi văn sách, hỏi sơ lược về ý nghĩa 7 bộ sách binh thư, để xem sức học, rồi hỏi kỹ về phương pháp mưu lược việc binh, để xem tài cán. Điều lệ khảo thí đều ấn định rõ ràng. Sau đó lại nhận thấy rằng khoa thi bác cử lấy đỗ có hạn định, có khi còn bỏ sót nhân tài, bèn phỏng theo thể lệ khoa thi hoành tử về bên văn, đặt thêm khoa hoành tuyển, để khảo thí võ nghệ, người nào có tài năng sẽ được biểu dương và cắt nhắc bổ dụng.

Lời chua-Phép thi: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì năm Vĩnh Khánh thứ 3 (1731). định lại phép thi võ:

Kỳ đệ nhất, thi giương cung, múa siêu đao, đều chia ra ba bậc.

kỳ đệ nhị, thi múa siêu đao, múa kiếm, cưỡi ngựa múa đầu mâu, và thi bắn cung, môn bắn cung lại chia ra cưỡi ngựa bắn tên và chạy bộ bắn tên. Các môn kể trên mỗi người đều thi một tao. Lần lượt thi như thế này: Về cưỡi ngựa bắn tên, thì dựng ba cái đích, mỗi cái đích cách nhau một trăm bộ, người ứng thí cưỡi ngựa buông cương cho ngựa phi, bắn ba phát tên, người nào được hai mũi tên trúng đích là hạng ưu, được một

¹ Chỉ câu Sĩ Tiêm nói: Có quả Dụ Tông bị mỗi mặt mà thực lòng phò thác ngôi vua cho Duy Phường hay không-Lời phê có ý nói trong thời vua Lê chúa Trịnh mà dám nói câu này thật hiếm có, không khác gì chim phượng hoàng hót lúc mặt trời mới mọc.

² Chỉ đoạn cuối của lời điều trần thứ nhất, từ câu tôi cuối xin vương thượng... đến câu kéo lại mặt trời sắp lặn.

³ Can có nghĩa là chắn. Thành là một bức thành. Cổ nhân thường dùng danh từ "can thành" để tượng trưng người võ thần có sức mạnh, ví như lá chắn để ngăn lại mũi tên, như bức thành để bảo vệ đất nước.

mũi tên trúng đích là hạng thứ. Thể lệ chạy bộ bắn tên đại lược cũng giống như thế. Thi bắn cung rồi, thứ nhì thi múa siêu đao, lãn khiên, thứ ba thi múa kiếm, múa giáo, thứ tư đi bộ múa đầu mâu, sau cùng cưỡi ngựa múa đầu mâu. Người nào võ nghệ tinh thông lão luyện là hạng hơn nhất.

Kỳ đệ tam thi một bài văn sách.

Khoa hoành tuyển: Không rõ phép thi thế nào.

Nhâm Tý, năm thứ 4 (17332). (Từ tháng 8 trở về sau, thuộc niên hiệu Long Đức thứ nhất triều Lê Thuần Tông-Thanh, năm Ung Chính thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Mua và tìm kiếm sách cũ còn sót lại.

Phàm sách vỡ cổ, thơ văn cổ cùng văn bài về việc thi cử của nước ta, không câu nệ văn chương nông cạn, quê mùa, đều được phép đem dâng nộp, sẽ liệu giá mà thưởng cấp cho.

Đình bãi việc thu các thuế thổ sản.

Thuế thổ sản, lúc bấy giờ nhân dân phần nhiều bỏ thiếu. Trịnh Giang hạ lệnh trưng thu, giao cho phủ liêu bàn định; phủ liêu nhận thấy: Từ trước các loại có giúp ích vào đồ dùng nhà binh như diêm tiêu, thanh sắt, ván đóng thuyền và bơi chèo chưa đẽo thành khí (trạo phác), mới gọi là thổ sản. Ngoài ra cũng có một vài thứ như cá, muối là những vật nhỏ mọn sản sinh ở núi chằm, dân có thể dễ tìm kiếm để nộp được. Mới từ năm Giáp Thìn (1724) có lệnh xét khắp dân gian, hễ thấy ai có nghề nghiệp gì cũng căn cứ vào đấy mà đánh thuế, bèn đi đến chỗ: có người vì phải nộp thuế sơn sống mà đẵn cả cây sơn; vì phải nộp thuế vãi lụa mà hủy bỏ khung cửi; thu thuế gỗ, thuế nửa mà người ta vứt bỏ cả búa rùa; thu thuế cá, thuế tôm mà người ta cất giấu cả võ lưới, đánh thuế mật đỏ mà không ai trồng mía; đánh thuế bông, thuế chè mà vườn tược bỏ hoang. Thành ra làng xóm tiêu điều, thuế hàng năm bỏ thiếu chông chắt, do đấy mà tài dụng trong nước phải thiếu thốn. Nay nên chỉnh đốn thay đổi tệ trước, phàm các thuế thổ sản đều hạ lệnh đình bãi, duy người nào tình nguyện mới cho phép mà thôi. Trịnh Giang y theo. Từ đây, nhân dân cho là có phần tiện lợi.

Lời chua-Trạo Phác: Túc bơi chèo chưa đẽo thành khí.

Giáp Thìn: Dự Tông năm Bảo Thái thứ 5 (1724) định thuế thổ sản.

Bàn định tôn sùng kinh học.

Phủ liêu bàn định rằng: Sách vỡ thánh hiền là ông tổ văn chương. Gần đây theo lối học thuộc lòng: Người đọc sách Kinh, sách Truyện chương sớ tâm tiểu chú mà phần nhiều bỏ sót chính văn; người đọc sách Sử thì thiết liệt sách ngoài mà quên mất Cương mục. Học thuật thô sơ mỗ mãng. Cần phải gia công chấn chỉnh để thay đổi tập tục của sĩ phu. Bèn sức rõ cho các học trò: hết thầy phải học thuộc chính văn sách Kinh, sách truyện, ngoài ra, về phần tập chú, tiểu chú, thì chọn bài nào tinh túy sẽ đọc. Đến như sách Tả truyện và Thông giám Cương mục, cần phải thuộc kỹ. Chấn chỉnh lại như thế, để học trò biết phương hướng mà theo. Nhưng tập tục đã lâu, chung quy vẫn không thể thay đổi được.

Tháng 3. Giang tự ý sách chế lễ nhạc dùng trong phủ đường.

Lúc ấy nhân lâu ngày được bình yên, nên Trịnh Giang muốn làm cho lễ nhạc được sáng tỏ để tô điểm đời thái bình. Bèn hạ lệnh cho bày tôi giữ chính quyền trong phủ bàn định lễ nhạc: Xem xét trong sách Hội điển, tham khảo rộng đến sách Tam tài đồ hội và Lễ nhạc chí của triều nhà Minh, nhà Thanh, rồi châm chước để thi hành. Khi bàn định xong. Ngày chúa Trịnh ra coi châu, phường nhạc sắp hàng ở phủ đường, cửa phủ đường bên tả và bên hữu đã mở, thì bắt đầu cử nhạc, các quan văn quan võ lạy xong, lúc ấy tiếng nhạc sẽ ngừng. Phàm khi chúa đi tuần du hoặc xuất phát quân lính, thì bắn ba tiếng súng, buổi trưa lúc đi nghỉ, ban đêm lúc đi nằm cũng theo quy tắc như thế; khi ra đi thì có cờ lệnh, phường nhạc chia nhau đi trước dẫn đường.

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Phạm Công Dong, phó sứ Ngô Đình Thạc sang để báo cáo việc Dự Tông mất và xin nhà Thanh phong tước cho vua mới lên ngôi.

Lời chua-Công Dong: Người xã Đông Ngạc¹, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1706) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Tháng 5. Biếm chức Tô Thế Huy, tả thị lang bộ Lễ, làm thừa chính sứ ở Yên Quảng.

Giang cùng các đại thần ngầm bàn định bỏ vua này lập vua khác. Lúc ấy, Thế Huy giữ việc ở Kinh Diên, họ bèn vu cho Thế Huy là làm bầy tôi giảng dụ vua mà chỉ dựa dẫm phụ họa, không biết giúp đỡ vua về mặt đạo đức, nên biếm chức Thế Huy.

Tháng 8, mùa thu. Sao Hỏa Tinh phạm vào vị trí sao Nam Đẩu; sao Thái Bạch xuất hiện ở giữa ban ngày.

Lời chua-Hỏa tinh: Tức sao Huỳnh Hoặc ở phương nam.

Nam Đẩu: Theo "Thiên văn chí" trong Tấn Thư, thì 6 chòm sao Nam Đẩu, gọi là sao Thiên Miếu. Sao này tượng trưng ngôi của thừa tướng và thái tử, giữ việc khen thưởng người hiền tài, tiến dùng người sĩ phu, trao cho tước lộc. Lại giữ về việc binh nhung-Ánh sáng của hai vì sao tiếp giáp với nhau gọi là phạm.

Thái Bạch: Tức sao Kim Tinh ở phương tây. Tấn Chúc nhận rằng sao Thái Bạch là hình tượng thượng công và tướng quân. Theo lẽ thường, hể mặt trời mọc thì sao Thái Bạch lặn. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày là đi dọc bầu trời. "Thiên văn chí" trong Tiền Hán thư nói: Nếu trái thời tiết mùa hạ hại đến hỏa khí, thì sao Huỳnh Hoặc xuất hiện để tỏ việc trừng phạt. Sao Huỳnh Hoặc xuất hiện thì có việc binh nhung lớn; trái thời tiết mùa thu hại đến kim khí, thì sao Thái Bạch xuất hiện để tỏ việc trừng phạt. Sao Thái Bạch đi dọc bầu trời là giường mối rối loạn.

Trịnh Giang truất thái hậu Trịnh Thị làm quận quân.

Thái hậu tên là Ngọc Trang, sinh mẫu của nhà vua.

Trịnh Giang truất nhà vua làm Hôn Đức công; lập Duy Tường, con trưởng của Dụ Tông lên ngôi vua, đổi niên hiệu, đại xá cho trong nước.

Trước đây, Giang muốn thi hành việc bỏ vua này lập vua khác, để ra oai với thần hạ, bèn mượn việc khác vu cho nhà vua, rồi bắt ép nhà vua ra ở cung riêng. Những thứ cung đốn cho vua dùng thảy đều xén bớt đi; lại truất thái hậu là quận quân. Đến nay, Giang truất nhà vua làm Hôn Đức công, dời đến ở một ngôi nhà ở bên ngoài.

Lúc ấy, Giang bắt dẫn 12 người con của Dụ Tông vào phủ đường để xem mặt, Duy Tường là con trưởng, đáng được lập làm vua. Giang sai viên quan có trách nhiệm hộ vệ Duy Tường đến ở cung Thọ Phúc. Ngày Bính Tý, làm lễ cáo Thái Miếu, ngày Canh Thìn, lên ngôi vua (Tức Thuận Tông). Đổi niên hiệu là Long Đức, đại xá cho trong nước: tha những thuế bỏ thiếu; tha những tiền nộp để chuộc tội còn bỏ thiếu chôn cất; viên quan nào vì lầm lỡ mà bị truất bãi đã lâu, đều cho xét lại rồi bổ dụng.

Lời cần án-Trịnh Giang bạo nghịch giết vua, cũng như Vương Mãng, Đổng Trác nhà Hán². Có người nói "Đế Duy Phường là con của người khác". Câu nói ấy chẳng qua kẻ bè đảng với họ Trịnh bịa ra để gỡ tội cho Giang mà thôi. Tra trong Ngọc Phả nhà Lê nói: "Duy Phường là con của Dụ Tông". Thế hệ nhà Lê nói: "Giang vu cho nhà vua thông gian với vợ Trịnh Cương mà phế truất đi". Ngọc Phả và Thế Hệ đều chép rành rành như thế, có thể dùng làm chứng cứ. Thế mà người tục biên Lê Sử lại nói rằng: "Nhà vua hoang dâm cần rở không kiêng kỵ gì", nhưng họ không nêu rõ được sự việc. Chép như thế là hồ đồ, họ theo ý riêng mình mà múa mép câu văn, toan đem việc ấy để buộc tội Duy Phường. Tội Trịnh Giang phải trừng trị không tha thứ được mà người tục biên Lê Sử chép như thế, thì còn có thể gọi được là bộ sử đáng tin không?

¹ Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

² Xem chú thích số 1. Chính biên quyển XXXIII, tờ 9.

Lại còn việc này nữa: Duy Tường là con trưởng, Cương phể truất đi mà lập Duy Phường; Duy Phường đã lên ngôi vua rồi, Giang lại phể truất đi mà lập Duy Tường. Sử cũ chép về việc truất bỏ Duy Phường thì nói: "Lễ số gia ân đều xén bớt"; về việc lập Duy Tường thì nói: "Dẫn hoàng tử vào trong phủ để xem mặt". Vua tôi là nghĩa lớn, bỏ vua này lập vua kia là việc lớn. Lúc ấy, mũ và giày lộn ngược như thế, cũng có phải tội lỗi chỉ tại một mình họ Trịnh đâu!

Lời chua-Cổ Lê thế hệ chép: Vĩnh Khánh đế¹ ở ngôi được ba năm, chúa Trịnh Giang vu cho là tư thông với vợ Trịnh Nhân vương², bèn truất ngôi vua mà giáng phong làm Hôn Đức công.

Giang tự tiến phong làm đại nguyên soái, thượng sư, Uy vương.

Bổ dụng Nguyễn Hiệu làm thượng thư bộ Lễ, gia phong hàm thiếu phó, vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trước đây, Hiệu giữ chức Tả tư giảng của Trịnh Giang, từng thăng đến thị lang và được cho tước Nông quận công, rồi được thăng chức Đô ngự sử. Đến lúc Giang nổi giữ ngôi chúa, Hiệu lại được Giang tin dùng hơn trước, thăng chức thượng thư bộ Binh, gia phong hàm thiếu bảo, dựng doanh Trung tiếp. Sau đó, đổi sang bộ Lễ, gia phong hàm thiếu phó, vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Tháng 10, mùa đông. Giáng chức: tham tụng Lê Anh Tuấn làm đốc trấn Lạng Sơn. Nguyễn Công Hãng làm thừa chính sứ Tuyên Quang.

Tháng 11, Giang giết Nguyễn Công Hãng.

Công Hãng dùng tài biện bác, vào giữ công việc trong phủ chúa, quả quyết tự thi thố tài năng của mình, rất được Trịnh Cương tin yêu ủy nhiệm, nhưng bị nhiều người oán ghét.

Từ lúc Giang làm thế tử, Giang đã giận Công Hãng không muốn lập mình³, người ở bên cạnh Giang lại thêm dặt thêm những điều sớ đoán của Công Hãng. Họ nói với Giang là: "Công Hãng và bọn Lê Anh Tuấn, Trương Nhưng, Đỗ Bá Phẩm cùng kết thành bè đảng. Và lại, Công Hãng mưu tính việc chôn cất hài cốt tiên tổ ở một kiểu đất to, có ý hi vọng toan làm việc quá phận định". Giang bèn cho Công Hãng ra giữ chức ở Tuyên Quang. Sau đó bắt ép phải tự tử.

Lời phê-Tự mình làm điều ác nghiệt, thì không thể nào tránh khỏi tai vạ.

Lời chua-Trước đây, Công Hãng chôn cất mồ mã tiên tổ ở núi Mộc Hoàn. Vì thế, người nói với Trịnh Giang đem việc này vu vạ cho Công Hãng.

Mộc Hoàn: Tên núi, ở địa giới huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Bãi bỏ phép đánh thuế muối.

Trước kia. Nguyễn Công Hãng đặt phép, mỗi khi người diêm hộ nhận chứng chỉ để buôn muối, đều phải có lễ vật trọng hậu để nộp cho viên giám đương và tiến dâng phủ chúa, mà giá muối công lại cao. Muốn đền bồi vào sự phí tổn, người diêm hộ đều phải trông vào chợ búa, vì thế mà những hàng bán muối đều tăng giá muối lên, có khi một đấu muối trị giá đến một tiền. Việc muối ăn ở dân gian ngày thêm khó khăn. Đến nay bãi bỏ phép ấy.

Lời chua-Giám đương: Tên viên quan đặt tạm thời, để trông nom ở trường xưởng muối. Phàm diêm hộ buôn bán muối, đều phải lĩnh chứng chỉ ở viên giám đương, sau mới được đem muối đi bán, việc lĩnh chứng chỉ tất phải có tiền hoặc lễ vật nộp viên giám đương và tiến dâng phủ chúa Trịnh.

Lửa ở dưới đất bốc cháy tại bến Bát Tràng.

¹ Tức Duy Phường.

² Tức Trịnh Cương, bỏ Trịnh Giang.

³ Xem thêm tờ 10 trong cuốn này.

Quán chứa khách trọ tại Bát Tràng có người khách chột vớt cái que có lửa vào cái lỗ hồng ở dưới đất, lúc bắt đầu bốc lên ngọn lửa sắc xanh, rồi sau bốc lên lửa đỏ sáng rực, đến hơn một tháng mới tắt. Người kiến thức đoán là diêm binh lửa.

Lời chua-Bát Tràng¹: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 2 (Chb. X, 3, 4).

Quý Sửu, Thuần Tông Giản hoàng đế năm Long Đức thứ 2 (1733). (Thanh, năm Ung Chính thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tháng 2. Miễn việc bắt lính trốn ở tứ trấn, bãi bỏ việc mộ lính.

Trước đây, vì cơ đình tráng bị hao hụt, nên số lính ở tứ trấn được giảm bớt. Đến nay lại bàn tuyển bổ. Tham tụng Nguyễn Hiệu nói: "Bình lính, cốt ở chỗ giá ngự được đúng đường, không ở chỗ nhiều người, nếu chỉ tăng thêm số hảo, thì việc nuôi lính phải phí tổn nhiều, chỉ làm cho dân đau khổ. Nay số ngạch nhất binh² đã gấp đôi ngày trước, trừ số giảm đi chỉ độ mấy ngàn người, trong số binh lính cũng không có gì là kém thiếu. Và lại, số lính đã giảm, thì tô ruộng thu vào sẽ giúp ích việc chi dùng trong nước, mà dân nghèo nhờ đấy để sinh nhai. Vậy xin những nơi nào trước kia đã được giảm trừ nay vẫn cho xá miễn". Trịnh Giang theo lời. Giang lại lấy cơ việc mộ lính trong khoảng năm Bảo Thái (1720-1728) toàn là người bơ vơ nơi đầu đường quán chợ, mà số ruộng cấp cho lại nhiều, nên hết thầy bãi bỏ.

Lời chua-Tứ trấn: Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 5 (Chb. XXXIII, 21).

Tháng 3. Xá hai tháng thuế về quan ải và bến sông cho Thanh Hoa.

Lúc ấy, Thanh Hoa giá gạo lên cao. Trấn thủ Nguyễn Thọ Trường làm tờ khai xin: Phàm người vận chở thóc gạo được cho miễn hai tháng thuế, để việc buôn bán được lưu thông, đồ dùng của dân được tiện lợi. Trịnh Giang y theo.

Lời chua-Thanh Hoa: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15, 16, 20, 21, 23).

Tháng 8, mùa thu. Bãi chức tri Công điền Vũ Công Trấn.

Công Trấn vốn là người cứng rắn, ngay thẳng; làm quan giữ đúng phép, không a dua bọn quyền quý. Nay vì khám xét kiện trái ý chúa Trịnh, bị bãi chức về nhà.

Bãi bỏ chức quan Hà đạo.

Trước kia đặt chức quan Hà Đạo, hội đồng đi khám xét đất bãi bồi ở các loại, để tăng hoặc giảm thuế tô. Nay lấy cớ rằng đất bãi ở sông khi bồi khi lở còn phải một thời gian lâu, mà người giữ việc khám xét hàng năm đi bắt bớ đốc thúc, lại thêm nhiễu dân, bèn bàn bỏ bớt đi. Phàm đất bãi ở hạt nào, giao cho viên phủ, viên huyện hạt ấy thân đi khám xét, rồi đem đủ sự thật dâng lên phủ chúa.

Giáp Dần, năm thứ 3 (1734). (Thanh, năm Ung Chính thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Ban phát Ngũ kinh đại toàn³ cho học quan các xứ.

Trước đây, sai quan hiệu đính kiểm duyệt năm kinh theo bản khắc văn của Trung Quốc, rồi khắc thành sách; nay sách đã in xong, ban bố cho trong nước, để theo đấy mà dạy bảo học trò, cấm mua sách của Trung Quốc. Lại sai bọn Nguyễn Hiệu và Phạm Khiêm Ích chia nhau khắc các bản Tứ thư, Chư sử, Thi lâm và Tự vị ban hành trong nước.

Lời chua-Việc quan sai hiệu đính kiểm duyệt: Chép ở năm Vĩnh Khánh thứ 3 (?).

¹ Nay thuộc xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

² Danh hiệu gọi lính tứ trấn, khác với "ưu binh", danh hiệu gọi lính Thanh Nghệ.

³ Sách in toàn văn đã chép trong năm Kinh (Thi, Thư, Dịch, Lễ và Xuân Thu) gọi chung là "Ngũ kinh đại toàn". Khác với sách do Bùi Huy Bích chép rút đi, mà học trò sau này đây gọi là sách "Quan hành".

Quách Công Thi, thổ tù ở Thanh Hoa, làm phản. Hạ lệnh cho lưu thủ Nguyễn Thọ Trường nã bắt.

Quách Công Thi ở Lạc Thổ, hô hào tụ hợp nhiều người đi cướp bóc. Thọ Trường không thể khống chế được, bèn làm tờ khai bày tỏ việc này. Triều đình bàn định, lấy lễ rằng chức phận của Thọ Trường là ở chỗ cầm phòng khống chế kẻ trái phép, nên hạ lệnh cho Thọ Trường nã bắt Công Thi.

Lời chua-Lạc Thổ¹: Tên huyện, thuộc phủ Thiên Quan, thời nhà Lê, Lạc Thổ thuộc trấn Thanh Hoa; nay đổi tên Lạc Yên, thuộc tỉnh Ninh Bình.

Công Thi: Một phiên thần, được đời đời giữ chức tù trưởng ở Lạc Thổ.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ lệnh cấm dùng đồ vật hoa mỹ.

Lấy cớ rằng tập tục ở dân gian, mỗi ngày đi dần đến xa xỉ, bàn hạ lệnh: quan viên, quân lính và dân thứ, đồ đạc thường dùng không được chạm khắc hình chữ, trang sức hoa mỹ; người thợ không được đua nhau chế tạo thứ lạ, thứ khéo.

Tháng 7, mùa thu. Giáng chức tham tụng Nguyễn Hiệu làm thượng thư bộ Hình. Liên đó, lại cho phục chức.

Lúc ấy, phát sinh việc bè đảng. Trịnh Giang quả quyết trừng trị buộc tội. Giang ghét người hoạn quan là Vân quận công Đỗ Bá Phẩm, đã truất chức Bá Phẩm xuống làm tuần thủ ở Yên Quảng, lại muốn giết đi. Việc này Giang riêng cho Nguyễn Hiệu được định bàn. Hiệu để hoãn lại, Giang không nghe, bắt ép Bá Phẩm phải tự tử. Vì thế, Nguyễn Hiệu đương giữ chức thượng thư bộ Lễ, phải giáng chức làm thượng thư bộ Hình. Nhưng không bao lâu, Nguyễn Hiệu được thăng làm thượng thư bộ Lại và được vào phủ chúa giữ chức tham tụng như cũ.

Biên soạn sách Quốc triều hội điển.

Diễn lễ cũ đời trung hưng chỉ chép ở tập Thiện chính, từ trước đến nay chưa làm thành sách. Bèn hạ lệnh biên soạn sách Quốc triều hội điển, nhưng cũng vẫn không làm xong.

Tháng 10, mùa đông. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Xuân Sơn, Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, và Lý Học Dụ. Binh khoa cấp sự trung, sang sách phong và dụ bảo việc ban lễ tế Dụ Tông.

Giang tự tiến phong làm đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư thái phụ, thông đức anh nghị thánh công Uy vương.

Giang giết Lê Anh Tuấn, đốc trấn Lạng Sơn.

Anh Tuấn là người nổi tiếng về văn học, tính trầm tiêm cẩn mật, cùng Nguyễn Công Hãng đều giữ việc trong phủ chúa. Đến tuổi già, Anh Tuấn có ý lộng quyền, Giang không bằng lòng đã lâu, giáng chức đi trấn thủ Lạng Sơn. Gặp lúc ấy có người nói, trước kia, Anh Tuấn giữ việc trong phủ, cùng Nguyễn Công Hãng định mưu bỏ người lập người khác. Giang bèn giết đi.

Ất Mão, năm thứ 4 (1735). (Từ tháng 5 trở về sau là năm Vĩnh Hựu thứ nhất triều Ý Tông-Thanh, năm Ung Chính thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Nguyễn Hiệu đi khám dân lưu tán ở Sơn Nam.

Sơn Nam từ khi trải qua nạn thủy tai, nhân dân nhiều người phiêu tán. Bèn sai Nguyễn Hiệu đi khám điểm sổ dân đình từng nhà, tùy theo số dân nhiều hay ít, giảm bớt số hộ khẩu.

Tháng 4, mùa hạ. Sao Thái Bạch phạm vào vị trí sao Hòa.

Nhà vua mất.

¹ Nay là huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Dâng tôn hiệu là Giản hoàng đế, miếu hiệu Thuần Tông. Nhà vua ở ngôi 4 năm hưởng thọ 37 tuổi.

Táng ở lăng Bình Ngô.

Lời chua-Lăng: Ở thôn Bình Ngô, huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hoá.

Giang lập Duy Thận, em nhà vua (hoàng đệ), lên ngôi, đổi niên hiệu, đại xá.

Duy Thận, con thứ mười một của Dụ Tông và là em Thuần Tông. Lúc ấy Duy Thận 17 tuổi, kém Duy Diêu, con cả nhà vua (hoàng trưởng tử) 2 tuổi. Nhưng Trịnh Giang e rằng Duy Diêu tuổi đã trưởng thành, và nhận thấy Duy Thận là cháu ngoại bà thái phi Vũ Thị¹, trước kia vẫn nuôi nấng ở trong phủ, thân cận yêu đương có phần dễ kiểm chế. Giang mới nói thác ra rằng diện mạo Duy Thận giống như tiên đế, nên quyết ý lập làm vua. Bầy tôi không ai dám nói gì cả. Ngày Giáp Ngọ, làm lễ cáo Thái miếu, ngày Bính Thân, lên ngôi vua (tức Ý Tông), đổi niên hiệu là Vĩnh Hựu, tha hai phần mười về thuế tô, thuế dung năm này cho dân.

Lời chua-Duy Thận: Ngọc phả nhà Lê chép là Duy Chấn.

Mông mọt, tháng 9, mùa thu. Nhật thực.

Đại nguyên soái Uy vương là Giang giết Đế Duy Phường.

Giang đã truất ngôi Duy Phường, nay bắt thắt cổ chết đi, đến năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) mới làm lễ chiêu hồn, táng ở xã Kim Lũ², huyện Thanh Trì.

Lời căn án-Bạo nghịch giết vua là tội đại ác. Thế mà người tặc biên Lê sử chép: "Hôn Đức công sau bị hại". Có lẽ họ chép lời văn nhẹ nhàng như thế, để ẩn giấu tội cho Trịnh Giang. Nay theo Ngọc phả nhà Lê, cải chính lại.

¹ Vợ Trịnh Cương và là bà của Trịnh Giang.

² Tục gọi là làng Lũ, nay thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 38

Từ Bính Thìn, Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) đến Canh Thân, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740), gồm 5 năm.

Bính Thìn, Ý Tông Huy hoàng đế năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736). (Thanh, Cao Tông, năm Càn Long thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Giang dựng chùa Hồ Thiên và Hương Hải.

Trịnh Giang thích chơi bời, cung quán chùa chiền xây dựng kế tiếp. Hấn dựng chùa Hồ Thiên, bắt dân các huyện Giáp Sơn, Thủy Đường, Đông Triều, Kim Thành và dân xứ Thanh Hoa làm công việc này. Từ đường, phủ đệ ở các làng ngoại thích như Tử Dương và Mi Thữ xây dựng cực kỳ nguy nga đẹp đẽ. Những người xưng là nội sử (bầy tôi hầu hạ trong cung cấm) tỏa ra bốn phương bắt lấy vật liệu, vì bọn này ức hiếp hà khắc, nên người làm ruộng, người đi buôn mất hết nghề nghiệp. Nhân dân đi dần đến chỗ không thể chịu nổi.

Lời chua-Chùa Hồ Thiên: Ở huyện Bảo Lộc¹, trấn Kinh Bắc, đỉnh núi có am Hồ Thiên.

Chùa Hương Hải: Ở xã Phủ Vệ, huyện Chí Linh².

Giáp Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 27).

Kim Thành³: Tên huyện, xem Thuộc Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Thủy Đường⁴: Xem Đế Duy Phường, năm Vĩnh Khánh thứ 2 (Chb. XXXVII, 16).

Đông Triều⁵: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb, XXII, 25).

Thanh Hoa: Vì xứ Thanh Hoa có rừng lim và đá xanh, nên bắt cả xứ này phải phục dịch công việc xây dựng.

Tử Dương: Tên xã, thuộc huyện Đông Yên⁶, tỉnh Hưng Yên.

Mi Thữ: Tên xã, thuộc huyện Đường Hào⁷, tỉnh Hải Dương.

Làng ngoại thích (Thích lý): vợ Trịnh Cương là Vũ Thị, người xã Mi Thữ, nguyên quán xã Tử Dương.

¹ Nay là huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

² Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

³ nt.

⁴ Nay là huyện Thủy Nguyên, T,P. Hải Phòng.

⁵ Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

⁶ Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

⁷ Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Giang tự tiên phong cho em là Doanh tiết chế quân thủy, quân bộ các xứ, chức thái úy, tước ân quốc công, mở phủ Lượng quốc.

Doanh, con thứ Trịnh Cương, 17 tuổi. Giang tiên phong chức tước cho Doanh để tạm giữ chính quyền. Mỗi tháng 3 lần, Doanh tiếp kiến trăm quan ở trạch các, để nghe trình bày công việc.

Tháng 5, mùa hạ. Giang giết Trương Nhưng, đốc suất Nghệ An; bổ Nguyễn Minh Châu thay giữ công việc ở trấn.

Trương Nhưng, em ruột Trương thái phi¹. Nhưng dẫu là người có công và ngoại thích, mà lúc nào cũng ôn hòa và giản dị, giao du với ai không làm cho người ta trái ý. Trịnh Giang có tính hay nghi kỵ, Giang ngờ Trương Nhưng phụ họa bè đảng với đại thần, hoạn quan Hoàng Công Phụ lại gièm pha vào. Vì thế, Giang mật sai Dật trung hầu (hoạn quan, không rõ tên) giả nói là có lệnh chỉ bí mật, bắt Trương Nhưng thắt cổ chết đi, dùng Minh Châu thay giữ công việc trấn Nghệ An. Sau đó, Giang lại toan dùng kế để giết Minh Châu, nhưng Minh Châu biết chuyện, nên việc ấy mới thôi.

Giang tự thi tiến sĩ ở phủ đường, lấy Trịnh Tuệ đỗ trạng nguyên.

Theo chế độ cũ, cử nhân² thi hội ở bộ Lễ được trúng cách, lại vào thi đình. Thể lệ thi đình: Chính thiên tử thân hành ra bài văn sách, rồi lấy đồ và cho truyền lô xướng danh từng người được đỗ, cứ 3 năm mở một khoa. Thi đình là điển lễ long trọng trong việc tân hưng³.

Nhưng một hồi lâu, chiếu nhất của khoa thi nam cung vẫn còn trống chỗ⁴. Khoa này Trịnh Giang nghe lời nội giám Hoàng Công Phụ cho triệu sĩ tử vào thi ở phủ đường, cất nhắc Trịnh Tuệ đỗ cập đệ đệ nhất danh, còn các sĩ tử khác đỗ cập đệ và xuất thân có người cao người thấp khác nhau.

Tuệ, người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc, thuộc Thanh Hoa, là tộc thuộc họ Trịnh, Tuệ vẫn có tiếng hay chữ, nhưng vì việc thi này, nên người ta bàn tán chê bai.

Bãi bỏ binh lính mới tuyển.

Khoảng giữa năm Bảo Thái, kén thêm binh lính, lương thực cấp phát mỗi ngày một nhiều, Trịnh Giang bèn sai các quan tham khảo sổ sách binh lính, nếu ngạch cũ có lính, thì được lưu lại cho lệ thuộc vào vào các vệ; ngoài ra, đều cho trở về hàng ngũ của dân.

Tháng 6. Định bổng lộc hàng năm cho quan văn, quan võ.

Quan văn được cấp cho tùy hành dân hộ, quan võ được cấp cho chế lộc dân xã. Quan văn thì tùy theo khoa bảng đỗ cao hay thấp, quan võ thì tùy theo quản lãnh binh lính nhiều hay ít, để cấp phát. Các viên quan ấy được hàng năm thu tiền làm bổng lộc có người nhiều ít khác nhau.

Lời chua-Bổng lộc hàng năm: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì chế độ ban cho bổng lộc như thế này:

Đầu năm Hồng Đức, lấy phẩm trật cấp bậc cao hay thấp để định bổng lộc hàng năm nhiều hay ít.

Sau khi trung hưng, về phần quan văn thì trông vào khoa thi bảng đỗ cao hay thấp mà cấp cho tùy hành dân hộ; về phần quan võ thì trông vào quản lãnh binh lính nhiều hay ít mà cấp cho chế lộc dân xã:

¹ Vợ Trịnh Bính, mẹ Trịnh Cương và là bà Trịnh Giang. Giang gọi Trương Nhưng bằng ông cậu.

² Chữ "cử nhân" này Cương mục chép không đúng, đáng lẽ phải chép là hương cống. Vì học trò đỗ khoa thi hương, triều nhà Lê gọi là hương cống, đến triều nhà Nguyễn mới đổi gọi là cử nhân.

³ Đời cổ, học trò tập ở trường hương học 3 năm thành tài, quan địa phương sẽ xét về đức hạnh và văn nghệ, chọn lấy người hiền tài tiến lên triều đình. Trước khi sĩ tử vào triều, quan địa phương tiếp đãi như người khách quý. Vì thế gọi là "tân hưng". Sau người ta dùng danh từ "tân hưng" nói về khoa thi để chọn lấy nhân tài.

⁴ Nguyên văn chép "nam cung đệ nhất danh hư tịch cửu hĩ". Đời cổ thi hội thi đình cũng gọi là "nam cung thí". Câu trên, ý nói. Lâu nay thi đình không có ai đỗ trạng.

Quan văn: Nếu xuất thân là tiến sĩ, được cấp tùy hành dân xã 35 người; hoàng giáp 40 người; thám hoa 45 người; bảng nhãn 50 người; trạng nguyên 55 người. Cho phép nộp tiền, mỗi người một năm nộp 3 quan, để làm ngụ lộc cho các quan văn; những người đã nộp tiền được miễn tiền thuế dung.

Quan võ: Nếu quản lĩnh nội binh, như các đội thi hậu, nội nhưng, thì tiền chế lộc mỗi người nộp 3 quan 6 tiền; quản lĩnh ngoại binh như cơ đội các doanh, thì mỗi người hoặc nộp 2 quan hoặc nộp 1 quan không giống nhau, cũng trông vào số binh lính mà các viên ấy quản lĩnh nhiều hay ít để định số tiền nộp nhiều hay ít khác nhau.

Sử cũ lại chép: Khoa thi đông các, viên quan nào trúng cách thứ nhất được cấp 30 người; trúng cách thứ 2 được cấp 25 người; trúng cách thứ 3 được cấp 20 người.

"Bình chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Sau khi trung hưng, trong sổ binh lính có các đội thi hậu, thủy binh, bộ binh và đội nội nhưng, đều là Thanh Nghệ ưu binh.

Phát sinh dịch tễ lớn.

Liều lượng giảm bớt ngạch cũ về binh và hộ.

Giang hạ lệnh: Quan và dân ai nộp tiền sẽ được thăng chức hoặc bổ làm quan.

Quan và dân đều cho phép nộp tiền, sẽ được cất nhắc trao cho chức phẩm: Các viên quan trong triều ban từ lục phẩm trở xuống, ai nộp 600 quan tiền sẽ được thăng chức một bậc; nhân dân, ai nộp 2.800 quan được bổ thụ tri phủ, nộp 1.800 quan được bổ thụ tri huyện.

Lúc ấy, Giang chơi cờ, xa xỉ phóng túng, của cải ngày một hao mòn, bán quan mua tước, không việc gì hãn không làm. Vì thế mà sau này sinh ra họa loạn.

Đinh Tỵ, năm thứ 3 (1737). (Thanh, năm Càn Long thứ 2).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2. Giang bổ dụng chỉ huy sứ Nguyễn Minh Kiên và Nguyễn Đình Lý làm thị lang.

Giang ngày càng tối tăm mê hoặc, xếp đặt công việc lẫn lộn sai lầm. Hãn bổ hai viên quan ở võ ban là: Minh Kiên làm tả thị lang bộ Hình; Đình Lý làm hữu thị lang bộ Lễ. Minh Kiên và Đình Lý đều không có học thức, lấy tư cách quan võ, nhảy vọt lên phẩm trật cao quý trong hàng văn giai, người ta ai cũng chê cười. Sau đó, Minh Kiên lại trở về võ ban.

Lời chua-Chỉ huy sứ: Theo quan chế triều cổ Lê, thì chỉ huy sứ hàm tòng tam phẩm về võ ban.

Giang đúc tượng Phật lớn ở chùa Quỳnh Lâm, hạ lệnh cho trăm quan tính theo phẩm trật để nộp đồng.

Tháng 9, mùa thu. Ở Sơn Tây và Thái Nguyên trộm cướp nổi dậy. Sai bọn Nguyễn Bá Lân, đốc đồng Sơn Nam, đi đánh, phá tan được.

Nguyễn Đương Hưng, người thầy chùa, tụ họp đồ đảng trong núi Tam Đảo, lừa dối dụ dỗ những người ngu tối, quê mùa, xưng nguy hiệu, đặt quan thuộc, bọn bất đắc chí nơi đồng nội phần nhiều núp bóng hãn, quân chúng của hãn có đến vài ngàn người. Bèn sai Bá Lân giữ chức giám quân cùng bọn Nguyễn Lịch, Nguyễn Trọng Côn chia đường tiến đánh, dẹp yên được.

Lúc ấy, nhân trong nước thái bình, dân không hiểu biết việc binh, chợt nghe có tin báo nguy cấp, thì người xa người gần đều nghi ngờ lo sợ, người trong kinh đô dắt díu nhau ra ngoài thành, dân sở tại thì đào hố chôn giấu của cải, sắp sẵn lương khô làm thức ăn. Nếu sớm tối mà giặc kéo đến, thì dân không có chí khí gì bền vững cả.

Vì bọn trộm cướp ở các xứ nổi lên như ong, trạm báo tin không được nhanh chóng, bèn hạ lệnh cho các lộ Sơn Tây và Thanh Hoa đều đặt đồn hỏa hiệu ở trên đỉnh núi, bắt dân sở tại ngày đêm canh giữ, nếu có nguy cấp thì đốt lửa để thông báo về triều.

Lời chua-Núi Tam Đảo: Ở địa giới huyện Tam Dương¹, thuộc Sơn Tây, xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 7 (Chb. XVIII, 18).

Bá Lân: Người xã Cổ Đô², huyện Tiên Phong, đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Mậu Ngọ, năm thứ 4 (1738). (Thanh, năm Càn Long thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Thế tông Hiếu vũ hoàng đế³ ta nổi nghiệp.

Tháng 12, mùa đông. Họ tôn thất là bọn Duy Mật và Duy Chúc dấy quân ở Thanh Hoa.

Bọn Duy Mật, Duy Chúc và Duy Quy bực về nỗi họ Lê mất quyền bính, Trịnh Giang bạo nghịch giết vua, họ bèn cùng quan trong triều là bọn Phạm Công Thế, Vũ Thước và thuộc hiệu là Lại Thế Tế bàn mưu đốt kinh thành, nhưng không xong. Vì sợ công việc bị lộ, nên Duy Quy chạy đi Cẩm Thủy, Duy Mật và Duy Chúc chạy đi Nghi Dương, được thổ hào là bọn Ngô Hưng Tạo hộ tống vượt biển vào Thanh Hoa. Giang sai binh lính đuổi theo không kịp. Bọn Vũ Thước bị bắt, đem giam trong ngục rồi giết đi. Duy Chúc và Duy Quy sau bị bệnh chết, Duy Mật bèn chiếm cứ mặt thượng du vùng tây nam.

Lúc ấy Phạm Công Thế đương giữ chức Đông các hiệu thư, theo Duy Mật dấy quân, đánh nhau bị bại trận và bị bắt. Bầy tôi trong triều trách Công Thế rằng: "Nhà ngươi là người trong khoa giáp làm sao lại đi theo bọn phản nghịch?". Công Thế cười nói: "Danh phận không sáng tỏ đã lâu rồi, còn phân biệt thế nào là thuận với nghịch nữa?". Rồi, vờn cổ chịu chém, không một chút nào khuất phục nao núng.

Lời cần án-Nhà Lê không giữ được giường mỗi, họ Trịnh bạo nghịch giết vua, trong lúc ấy há không xuất hiện người trung thần nghĩa sĩ hiểu tỏ danh phận thuận nghịch hay sao? Chỉ vì chợt mới nổi lên lại bị dập tắt ngay, chung quy không làm nên việc gì cả. Thế mà người cầm bút chép sử đem ẩn giấu sự thực đi, chép ngay là "làm phản", bèn làm cho cái nghĩa đánh giặc bị lu mờ. Duy Mật là người chí thân của vua Lê, đau xót về nỗi nhà Lê không ngóc dậy được, nên đem thân ở xa mãi nơi núi rừng quyết chí đánh giặc. Việc Duy Mật làm có thể gọi là danh chánh ngôn thuận, không thể ví như bọn giặc cỏ được. Dầu rằng, lòng trời không giúp nhà Lê, việc của Duy Mật không được thành công, nhưng nói về nghĩa lớn vua tôi thì không bao giờ có thể mai một. Vì vậy, xin kính cần bắt chước lối chép Cương mục [của Chu Tử] mà chép đúng sự lên là "dấy quân" (khởi binh) để đính chính lại.

Lời chua-Duy Mật, Duy Quy: Đều là con Dụ Tông.

Duy Chúc: Con Hi Tông.

Cẩm Thủy⁴: Tên huyện, nguyên trước là Cử Long man, xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb. I, 34, 35).

Nghi Dương⁵: Tên huyện, đặt từ năm Hồng Đức nhà Lê, thuộc phủ Kinh Môn, Hải Dương, nay thuộc phủ Kiến Thụy.

¹ Nay thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

² Nay là xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

³ Tên là Phúc Khoát, con cả Phúc Chú.

⁴ Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

⁵ Nay là huyện Kiến Thụy. T,P. Hải Phòng.

Lại Thế Tế: Người xã Quang Lăng, huyện Tống Sơn¹, là dòng dõi công thần Thế Vinh.

Công Thế: Người xã Hoàng Xá, huyện Đông Quan², đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Kỷ Mùi, năm thứ 5 (1739). (Thanh, năm Càn Long thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Bắt đầu đặt đồn lũy ở châu Bạch Thông.

Lê Đình Tánh, lưu thủ Thái Nguyên, làm tờ khai nói: "Châu Bạch Thông và huyện Cảm Hóa tiếp giáp với địa giới Lạng Sơn, Cao Bằng và bảo Lạc³, trước kia không có đồn ải, những dân ngoài giáo hóa triều đình thường tự do đi lại. Tôi trộm e rằng, nếu việc phòng bị nơi biên cảnh không nghiêm, thì không thể khống chế được bọn giặc cướp táo bạo, rồi sẽ đi đến chỗ giặc cướp lann tràn. Vậy xin đặt đồn ải ở những đường hiểm yếu, bắt phiến thần phái lính canh giữ, để biên cảnh được vững vàng". Trịnh Giang theo lời.

Lời chua-Châu Bạch Thông, huyện Cảm Hóa⁴: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Cảm thánh vũ thứ nhất (Chb. III, 11).

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Giang bắt đầu đặt giám ban.

Theo chế độ cũ, các quan chỉ có hai ban văn và võ. Đến nay bọn hoạn quan lộng quyền, Giang mới đặt thêm giám ban. Hạ lệnh: ai thi khảo trúng cách sẽ được trao cho quan chức. Các quan lấy thể làm hổ thẹn, nhưng không ai dám nói. Đến đầu năm Cảnh Hưng mới bãi bỏ việc đặt giám ban.

Giang sai quan tính toán tài sản tiêu dùng.

Lúc ấy, điều động binh lính, việc chi dùng không được kể tiếp. Phủ Liêu làm tờ khai nói: "Của cải là việc cần kíp của nhà nước. Đời cổ cần nhắc số thu vào mà tính số chi ra. Gần đây, chi thu vào không cân nhắc cho có tiết độ, đến hết năm cũng không kê cứu khám xét gì cả. Nay nên chọn kỹ lấy người bày tỏ tin cẩn⁵, cùng với Hộ phiên tính toán số thu vào và chi ra, để xét xem thiếu đủ thể nào sẽ tùy tiện châm chước ứng cấp". Trịnh Giang theo lời.

Bàn luận thi hành 6 điều để xử trí phiến trấn ngoài biên giới.

Phủ Liêu bàn luận: Các trấn Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Hưng Hóa, cũng như cái phen cái giậu của nhà nước, nên tùy tình thế mà xử trí, để nơi biên cảnh được yên.

1. Phụ đạo trong hàng phiến thần phần nhiều cầu cạnh để quản lãnh quân và dân. Nay nên giao cho viên quan ở trấn xét chọn, nếu người nào xứng đáng sẽ trao cho chức trách ấy.

2. Các trường mỏ, nên theo chế độ cũ, hạ lệnh cho phụ đạo quản cố trông coi, để lính mỏ⁶ có thống thuộc.

3. Người Nùng áo xanh đều nên có phương pháp khu xử.

4. Gỗ lạt ở thượng lưu, có hạng người thường mua bằng lối đặt tiền trước, hoặc lối cho vay tiền, như thế có hại cho dân, tệ tục ấy nên trừ bỏ đi.

5. Các sở tuần ti thiện tiện đặt chi nhánh để thu thuế người buôn bán một cách ngang trái, cần phải nghiêm cấm để tỏ rõ lòng khoan hồng đối với lái buôn.

¹ Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

² Nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

³ Châu Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang, xem thêm lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXI, tờ 35.

⁴ Nay là huyện Ngân Sơn (Cao Bằng) và Na Rì (Bắc Cạn).

⁵ Nguyên văn chép: "Tín thần", tức bọn hoạn quan. Xem thêm lời chua của Cương mục chính biên quyển XXXIX, tờ 14.

⁶ Nguyên văn chép là "khoáng binh".

6. Các trấn bị điều tàn, nên tha cho những thuế còn thiếu, để yên ủi dân ngoài biên giới.

Giang cho thi hành 4 điều, còn 2 điều phiên thần (điều 1) và trường mở (điều 2) vẫn để như cũ.

Lời chúa-Thái Nguyên: Túc Ninh Sóc.

Cao Bằng: Trước thuộc Ninh Sóc.

Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Hưng Hóa: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 19, 30, 31, 32, 35).

Người Nùng áo xanh: Có 7 họ, đều mặc áo chàm, nên gọi là người Nùng áo xanh, xem Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 13 (Chb. XLI, 16).

Tháng 6. Lại kén lính ở tứ trấn mà trước kia đã thải về.

Giang hạ lệnh kén thêm lính ở tứ trấn mà trước đã thải về cùng lính nhất binh ở Trường Yên, phân phối cho lệ thuộc vào đội ngũ, để sung vào việc canh phòng và nã bắt. Phủ Liêu bàn luận: Núi rừng ở nơi biên viễn, đảng trộm tụ họp; tứ trấn ở trong nội địa cũng nhiều nơi phát sinh trộm cắp. Nhân dân sở tại tự giữ lấy làng xóm cũng không xong, hơi có biến động một chút, tất sinh ra sợ hãi rối loạn. Từ năm Nhân Dân tuyển lính, số quân tuy tăng lên, nhưng cũng chẳng giúp ích gì cho công việc thiết thực, hơn nữa đem ruộng công cấp cho lính, thành ra nông dân không có gì để sinh nhai. Năm Bính Thìn, xá miễn binh lính, dân đã dần dà được yên ổn làm ăn. Nay nếu lại cứ chiếu theo số ruộng để tuyển lính, thì ruộng công đã đem quân cấp rồi, do đấy khẩu phần các quân lính sẽ giảm bớt đi, mà không khỏi sự phiền nhiễu về thay đổi phần ruộng. Vậy không gì bằng cứ theo như cũ cho thải về là tiện hơn cả. Giang không nghe, thành ra sau này tệ hại không sao kể xiết.

Lời chúa-Nhân Dân: Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 3 (1722) kén thêm lính ở tứ trấn và Thanh, Nghệ (Chb. XXXVI, 5).

Bính Thìn: Năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) thải lính mới tuyển cho về làm ruộng (tờ 3 trong cuốn này).

Bắt đầu đổi tên chức "trấn thủ" và "lưu thủ" ở trấn gọi là "đốc phủ".

Danh hiệu "đốc phủ" bắt đầu từ đây. Duy ở Lạng Sơn gọi là "tổng phủ", ở Nghệ An gọi là "đốc suất".

Tha tô thuế.

Lúc ấy, trộm cướp nổi lên một ngày một nhiều, dân gian náo động, mới bàn định thi hành ân xá ruộng rẫy để phủ dụ dân. Bèn hạ lệnh: Khấp trong nước, thuế vụ hạ năm nay, về phần thuế tô và dung đều được xá cho hai phần mười; Thanh và Nghệ về tiền nhà trạm và tiền cửa đình; tứ trấn và ngoại trấn về tiền nộp để chuộc tội còn bỏ thiếu chưa nộp; đều được miễn xá.

Mộ lính ở tứ trấn.

Hạ lệnh: dân đinh ở Thanh, Nghệ và tứ trấn, có người nào am tường lão luyện về nghề thủy thủ và người thân thể sức vóc khỏe mạnh, tình nguyện làm lính, đều được phép ứng tuyển để bổ sung vào đội ngũ. Lại hạ lệnh cho 5 huyện Thụy Nguyên, Vĩnh Phúc, An Định, Lô Dương và Nông Cống thuộc Thanh Hoa, theo ngạch cũ, cứ 5 suất đinh lấy một người làm lính, nay đều kén thêm một người lính nữa.

Lời chúa-Thanh Hoa: Túc Thanh Hóa, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15, 16, 20, 21, 33).

Bổ Trịnh Tuệ làm thượng thư bộ Hình, vào phủ đường giữ chức tham tụng.

Tuệ nóng sốt về đường làm quan, nhờ được Công Phụ tiến cử, thi đỗ không đầy vài năm, lấy địa vị thượng thư vào đứng các quan trong phủ chúa. Sau khi đã được giữ chính quyền, Tuệ cùng bọn hoạn quan, kẻ trong, người ngoài, xướng họa với nhau. Một lũ tiểu nhân không còn kiêng kỵ sợ hãi gì cả: chính lệnh phiền nhiễu tế toái, thưởng phạt lầm lẫn rối ren. Từ đấy trong nước mới sinh ra nhiều việc.

Tháng 8, mùa thu. Giáng chức: Phạm Khiêm Ích, thượng thư bộ Lại, hiện giữ chức tham tụng, làm đốc phủ Thanh Hoa; Cao Huy Trạc, thượng thư bộ Hộ, hiện giữ chức bồi tụng, làm đốc đồng.

Sau khi trung hưng, ở các trấn, dùng một viên quan võ làm trấn thủ để kiềm chế trộm cướp, và dùng một viên quan văn làm đốc đồng để khám hỏi các việc kiện về trộm cướp; hai chức quan này cũng thuộc về Trấn ti, đều dùng viên quan từ ngũ phẩm, lục phẩm trở xuống cùng quan trong triều mới được cất nhắc để bổ dụng.

Giữa niên hiệu Long Đức (1732-1735) các con chúa Trịnh ra giữ công việc ở trấn, cũng có khi dùng viên đại thần để bàn tán giúp công việc nơi biên khốn, nhưng sau lại bãi bỏ; duy Nghệ An là nơi biên trấn trọng yếu, nên về quan văn thì dùng chức tả thị lang hoặc hữu thị lang làm đốc thị, quyền ngang với đốc suất. Chức đốc thị và phó đốc thị, lúc nào cần đặt mới chọn người để bổ nhiệm, không câu nệ về quân chức phẩm trật. Đến nay dùng thượng thư giữ chức đốc phủ, đốc đồng, nên trong kinh, ngoài trấn, không ai không lấy làm hải hùng kỳ dị.

Lời chua-Đốc đồng, đốc thị: Hai chức này bắt đầu đặt từ lúc nhà Lê trung hưng. Nghệ An là phiên trấn trọng yếu, nên đặc biệt đặt chức đốc thị.

Tháng 9. Giang giả thác mệnh lệnh xưng là AN Nam thượng vương.

Giang vượt phận tiếm quyền, không kiên kỵ sợ hãi gì, tự tiến xưng là Bắc Đạc mậu hòa tuy du dụ nghĩa Trịnh vương.

Lúc ấy Giang đương chơi ở xã Quế Trạo¹ vùng Kinh Bắc, là quê hương hoạn quan Hoàng Công Phụ. Giang xây dựng phủ đệ để hảnh ở, hảnh bí mật sai Nguyễn Trác Luân và Trần Văn Hoán từ kinh sư chạy trạm lên, phụng đệ sắc văn và ấn tì, nói giả thác ra rừng sứ thần nhà Thanh sang nước ta, phong cho Giang làm An Nam thượng vương.

Lời phê-Không cướp ngôi vua thì thôi, còn muốn làm gì chả được, cần gì mà phải nói giả dối. Diên cường! Đáng chê cười!

Lời chua-Trịnh Giang: Sau đổi hiệu: Toàn vương, lại đổi: Thuận Vương.

Trác Luân: Người xã Bình Lao, huyện Cẩm Giàng, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Văn Hoán: Người xã Từ Ô², huyện Thanh Miện, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Quế Trạo: Tên xã, thuộc huyện Quế Dương, trấn Kinh Bắc.

Tháng 12, mùa đông. Lập phép đoàn kết.

Phép đoàn kết như thế này:

Mỗi xã, cứ 10 dân đinh thì lấy 2 người, bắt tự sắm lấy đồ binh khí, đặt điểm canh để canh giữ; cứ 4, 5 xã hoặc 6, 7 xã địa thế tiếp giáp nhau kết hợp làm một đoàn; chọn một người chức dịch ở trấn hoặc lại điển ở huyện làm trưởng đoàn. Gặp có sự nguy cấp thì người trưởng đoàn đốc suất dân đinh theo tình thế mà chống chọi đánh dẹp; nếu không đủ sức, thì cấp tốc báo ngay đoàn khác tiếp viện đối phó.

Vì lập phép này, nên ở dân gian đâu đâu cũng có binh khí. Bọn gian nhân sự sơ hở, tụ họp nhau đi cướp bóc ngày càng quá tệ. Sau thay đổi lại, chọn người có địa vị danh vọng sung vào việc quản lãnh trông coi, lại dùng quan chức trong triều đi phủ dụ. Nhưng không bao lâu, phép này lại bãi bỏ, những đồ binh khí đã chế ra đem nộp lên quan.

Xã Ninh Xá thuộc Hải Dương nghĩa binh nổi dậy¹.

¹ Nay thuộc huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

² Nay là thôn Từ Ô, xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Từ ngày làm việc bạo nghịch giết vua, Trịnh Giang lấn quyền càn giỡ mỗi ngày một quá, dâm dục chơi bời không còn có mức độ nào cả, sau mắc chứng bệnh kinh quý², sợ sấm sét. Bọn hoạn quan Hoàng Công Phụ đánh lừa, chúng đào đất làm cung thưởng trì dưới hầm cho Giang ở, từ đây Giang không bước chân ra ngoài, Công Phụ cùng đồ đảng của hắn chuyên chính lộng quyền, các quan đại thần kế tiếp nhau người bị giết, người bị phạt, người nào cũng nơm nớp lo sợ không tự bảo toàn được thân mình, chính sự trái ngược, thuế khóa nặng nề, lòng dân mong sao cho chóng nổi lên loạn lạc.

Lúc ấy, về mặt Hải Dương, có bọn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá, Vũ Trác Oánh ở Mộ Trạch; về mặt Sơn Nam, có Hoàng Công Chất; đảng lớn phe nhỏ, hết chỗ này đến chỗ khác, thúc giục nhau phiến động, chỗ nào cũng tự dấy quân, tự xưng danh hiệu: Nguyễn Tuyển xưng Minh Chủ, Trác Oánh xưng hiệu Minh Công, họ hội họp nhau ở xã Ninh Xá, đều mượn tiếng "phò Lê". Dân ở vùng đông vùng nam, người đeo bừa, người vác gậy đi theo, chỗ nhiều có đến hơn vạn, chỗ nhỏ cũng hàng ngàn hàng trăm, họ quấy rối cướp bóc làng xóm, vây đánh các ấp các thành, triều đình không thể nào ngăn cấm được.

Lời cần án-Theo "phàm lệ" chép sách Cương mục (của Chu Tử).

- Người nào vì việc nghĩa mà dấy quân thì chép "khởi binh" như các nước chư hầu thời nhà Tần và Lưu Sùng³ thời nhà Hán v.v...

- Người nào dấy quân tuy không phải vì việc nghĩa, nhưng người mà cùng họ đối địch, lại không có phép được gọi là giặc cướp, thì chép là "binh khởi", như các châu huyện và Phàn Sùng⁴ cuối thời Vương Mãng v.v...

Cuối thời nhà Lê, Trịnh Giang tự làm việc bạo nghịch giết vua, bọn Nguyễn Tuyển và Trác Oánh nhân lòng dân oán giận, mượn danh nghĩa, nhân kẻ hở mà nổi lên, tuy việc họ làm không thoát khỏi hành vi của giặc cướp, nhưng đều là để đối địch với Trịnh Giang. Thế mà người tục biên Lê sử lại chép họ là "giặc". Người ấy không biết rằng họa loạn do Giang gây ra, Giang chính là giặc nhà Lê, thì người đối địch với Giang có thể nào bị coi là "giặc" được? Tại sao người tục biên Lê sử lại đem chữ "giặc" mà Chu Tử không gán ghép cho bọn Lưu Sùng, Phàn Sùng để gán ghép cho bọn Tuyển, Cừ, Trác Oánh? Vì thế, nay đổi lại, chép là "binh khởi". Chép như thế, ngõ hầu hợp được nghĩa lệ chép Cương mục của Chu Tử.

Lời chua-Ninh Xá: Tên xã, sau đổi là Ngô Đồng, thuộc huyện Chí Linh⁵, phủ Nam Sách, Hải Dương.

Mộ Trạch⁶: Tên xã, thuộc huyện Đường An, phủ Bình Giang.

Cung Thường Trì: Có sách chép: Tiên cung, ở xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, tức chỗ nền cũ cung Thường Xuân triều nhà Lý.

Theo Vũ trung tùy bút lục của Phạm [Đình] Hồ, thì Giang là người loạn dâm, thông gian với vợ lẽ của bố là Kỳ viên phi Đặng Thị, Vũ thái pho biết chuyện, bắt ép Đặng Thị phải tự tử.

Một hôm, bất thành linh Giang bị sét đánh, gần chết, nhân đấy mắc chứng bệnh kinh quý, hễ nghe có tiếng sấm là sợ hãi mất cả hồn vía. Bọn hoạn quan nói dối rằng:

¹ Nguyên văn chép: "Hải Dương, Ninh Xá binh khởi". Chữ "binh" chép ở đây, không phải binh lính, mà là nhân dân, nên chúng tôi dịch là "nghĩa binh" cho phân biệt với binh lính của vua chúa lúc bấy giờ, và hợp với lời cần án của Cương mục ở dưới.

² Chứng bệnh tâm thần bất định, hoảng hốt không thường, hay sinh sợ hãi.

³ Cuối thời Tây Hán, Vương Mãng làm thừa tướng uy hiếp vua nhà Hán, choán hết quyền bính, bỏ vua này lập vua khác, lập mưu để cướp ngôi vua. Lưu Sùng, họ tôn thất nhà Hán, dấy quân đánh Vương Mãng, nhưng không thắng được.

⁴ Sau khi Vương Mãng đã cướp ngôi vua nhà Hán, Phàn Sùng người đất Lang Da, họp dân chúng hơn vạn người, đánh Vương Mãng. Phàn Sùng sợ quân của mình lẫn lộn với quân của Mãng, bèn cho quân bôi lông mi bằng màu đỏ để dễ phân biệt. Lúc ấy người ta gọi là "quân xích mi".

⁵ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

⁶ Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

đấy là vì dâm dục nên bị ác báo, bây giờ chỉ có cách đào lỗ xuống đất làm nhà mà ở để tránh sấm sét, họa ra có thể thoát khỏi tai nạn. Giang bèn dựng cung Thượng Trì để ở, không dám ra ngoài nữa.

Đặng Thị: Người xã Trà Đồng, huyện Tiên Du, vợ lẽ yêu của Trịnh Cương, hiệu là Kỳ viên phi.

Canh Thân, năm thứ 6 (1740). (Từ tháng 5 trở về sau thuộc năm Cảnh Hưng thứ nhất đời Lê Hiển Tông-Thanh, năm Càn Long thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Doanh tự tiến phong nguyên soái, tổng quốc chính, Minh Đô vương. Tôn Giang làm thái thượng vương.

Doanh là người sáng suốt, quả quyết, có tài văn võ, từ khi mở phủ Lượng Quốc, tạm giữ chính quyền, được lòng người gần bó đã lâu, nhưng bị Hoàng Công Phụ ghét, xén bớt mất quyền, nên mọi việc, Doanh không dám một mình tự quyết đoán.

Trịnh thái phi là Vũ Thị¹ cho triệu Nguyễn Quý Cảnh, bồi tụng giữ chức hữu tư giảng, vào phủ, bảo Quý Cảnh khuyên Trịnh Doanh đứng ra thay Trịnh Giang để trừ hoạn nạn trong cung phủ. Lúc ấy Quý Cảnh đương có trọng tang ở nhà, bèn ngậm biên tiên hương binh², dự chia thành từng bộ phận, rồi nhân lúc nhàn rỗi nói với Doanh, Doanh khóc và ngăn cản đi. Quý Cảnh đem việc ấy nói với bồi tụng Nguyễn Công Thái và thân thần là bọn Trịnh Đạc, Vũ Tất Thận, Nguyễn Đình Hoàn, cùng tán thành cả.

Trước đây, Nguyễn Tuyển vùng vẫy ở mặt đông nam, tin nguy cấp hàng ngày đưa về, Thực quận công (sót họ tên), đảng của Công Phụ, trước đã đem quân đóng ở Thanh Lâm để đánh phá tiểu trừ nhưng không sao thắng được. Công Phụ nhận thấy ngày trước Nguyễn Tuyển đã ở trong nhà hãn, nên hãn muốn thân hành đi phủ dụ, dẹp yên Nguyễn Tuyển, lập lấy công to, để hiếp chế triều đình. Nhân đấy Quý Cảnh hết sức khuyên. Công Phụ bèn đem binh lính trong bản bộ của mình sang dò qua sông, lúc ấy trong hoàng thành bỏ trống rỗng.

Bọn Quý Cảnh phân phối hương binh sung vào việc bảo vệ kinh thành, rồi bàn định dùng ngày khai bảo³, hội hợp trăm quan, phò lập Trịnh Doanh lên nối ngôi giữ quốc chính. Doanh nhún nhường tứ chối không dám đương. Quý Cảnh e rằng nếu để chậm sẽ sinh biến cố khác, bèn đem việc này tâu lên nhà vua. Nhà vua sai người dụ bảo hai ba lần, Trịnh Doanh không từ chối nữa.

Chiều hôm ấy, Quý Cảnh cùng Công Thái, Trương Khuông vào chầu nhà vua, nhưng hôm ấy chưa làm lễ mở bảo tì, bọn Quý Cảnh nhân mật hẹn với Tào Thái hầu (sót họ tên) giữ chức Tư Lễ giám rằng, sáng mai, xin chỉ dụ của vua để in bảo tì vào sắc văn.

Sáng hôm sau, Doanh đến phủ đường, bọn Quý Cảnh và Trương Khuông theo sau hộ vệ. Lúc ấy, chỉ có tướng sĩ thân quân ở trong vệ Tứ Nghiêm và Tứ Kính đều đeo gươm, cắp súng. Một lúc sau, Tào Thái hầu đưa sắc văn và dụ chỉ đến. Công Thái xướng lên rằng "có sắc mạng [của thiên tử]". Doanh quỳ xuống, tiếp nhận. Phan Lai hầu (sót họ tên), một tên nội giám, đứng bên cạnh, tức giận trách móc, bị Trương Khuông lôi ra giam vào ngục.

Công Thái lại khuyên, nhưng Trịnh Doanh còn chần chừ chưa quả quyết. Trương Khuông và Đình Hoàn liền phò Trịnh Doanh lên bảo tọa, bọn Quý Cảnh đứng hầu chung quanh, nội giám Giáp Nguyễn Khoa lên lầu nối trống, tuyên triệu trăm quan. Các hoạn quan bảo vệ ở cung Thượng Trì nghe tin biến động, đem binh lính đến. Hương binh của Quý Cảnh đánh nhau với bọn này đều giết hết. Trăm quan cùng đem nhau đến lạy mừng.

¹ Vợ Trịnh Cương và là mẹ Trịnh Giang và Trịnh Doanh.

² Trước đây, chúa Trịnh đặt phép hương binh đoàn kết, sau bãi bỏ đi, rồi hạ lệnh cho đốc phủ các trấn lựa chọn luyện tập hương binh, để phòng khi có dùng vào việc đánh dẹp. Hương binh được cấp cho lương ăn và khí giới.

³ Chế độ đời phong kiến, hàng năm cứ đến hạ tuần tháng chạp dùng một ngày nào đó làm lễ hạ tì của vua chúa, hoặc hạ ấn của các quan, nghĩa là bỏ ấn tín vào một cái hộp khóa lại và niêm phong cẩn thận, bắt đầu từ ngày ấy, mọi công việc quan đều nghỉ cả. Đến đầu tháng giêng năm sau sẽ dùng một ngày nào đó làm lễ khai bảo tì của vua chúa và ấn tín của các quan, lúc ấy mới bắt đầu làm việc.

Sau khi Doanh đã lên nối ngôi rồi, tôn Giang làm thái thượng vương. Sai tụng quan tuyên bố lời dụ ở phủ đường:

1. Khôi phục hai ban văn vũ theo chế độ cũ, để triều đình được nghiêm trọng;
2. Ba năm xét công trạng các quan một lần, để phân biệt người tốt, người xấu;
3. Lược dụng người không mắc tội mà phải giáng truất, để cất nhắc người có tài mà bị chìm đắm;
4. Nghiêm ngặt đối với những đơn xin chức tước hoặc bảo toàn tính mệnh, để con đường làm quan được trong sạch;
5. Tăng thêm khẩu phần ruộng, để binh lính đủ lương ăn;
6. Rộng xá thuế tô, thuế dung, để cứu chữa sự đau khổ cho dân;
7. Đình chỉ tất cả công việc xây dựng, để sức lực của dân được thư thả;
8. Triệt bỏ các sở tuần ti, bến dò đặt trái phép, để tỏ rõ chính thể khoan hồng;
9. Cấm chỉ sự ức hiếp và lỗi đặt tiền trước để mua hàng;
10. Định lệnh thưởng và phạt tướng sĩ có công hoặc có tội, ra ân rộng rãi cho quân sĩ đã chết vẫn được hưởng miễn trừ;
11. Định rõ việc khiếu tố các viên quan cai quản làm việc hà khắc những lạm;
12. Đê đường, giao cho viên quan ở trấn đốc thúc sửa đắp, để việc làm ruộng được thuận tiện;
13. Tiền của cải giao về bộ Hộ giữ gìn quản trị, để việc chi dùng trong nước được đầy đủ;
14. Các việc kiện tụng, cấm dâng tờ khai khiếu tố càn rỡ;
15. Miễn tô ruộng cho hai xứ Thanh và Nghệ.

Lời dụ gồm 15 điều, trong kinh ngoài trấn rất lấy làm vui vẻ.

Bàn luận công bầy tôi giúp rập: cho Vũ Tất Thận được chữ hiệu "công thần", mũ và đai lưng được trang sức bằng vàng, theo thể lệ mũ và đai của vương thân; phong Nguyễn Công Thái, Nguyễn Quý Cảnh làm công thần suy trung và dục vận¹ còn những người khác đều được thăng thưởng người cao người thấp khác nhau.

Sau đó, hạ lệnh cho Nguyễn Đình Hoàn đem quân bảo vệ cung Thượng Trì bắt giết đồ đảng thân tín của Hoàng Công Phụ. Công Phụ còn đóng quân ở Vân Giang, hay tin, hấn cùng hơn mười người thủ hạ bỏ trốn. Do đấy, cung cấm trong phủ đường được nghiêm chỉnh, yên tĩnh.

Lúc ấy, Trịnh Giang hoang dâm càn giỡ, bọn hoạn quan chuyên quyền, mọi việc đều ngang trái rối loạn, trộm giặc nổi dậy khắp nơi, trong kinh ngoài trấn nôn nao lo sợ, họ ngờ rằng sớm tối sẽ xảy ra sự bất trắc. Thế mà bọn Quý Cảnh, trong nhờ có Vũ Thị, trên giả thác sắc mệnh vua Lê, bên phò Trịnh Doanh nắm lấy chính quyền, xoay sở xếp đặt trong khoảng chốc lát, mà lòng người được yên ổn. Sau khi công việc đã xong xuôi, Trịnh Doanh hạ lệnh cho Quý Cảnh vào túc trực trong phủ đường, sớm tối bàn định công việc. Lúc bấy giờ, sở dĩ cớ được mỗi rối loạn một cách thư nhàn, trấn áp họa loạn được yên ổn, Quý Cảnh thật là người có công.

Trịnh Doanh lại bàn định thi hành chính sách khoan hồng:

- Phạm quan hoặc quân để mất đồ vật công chưa đền, nếu là do sự bảo quản không cẩn thận (thất quản) thì nay được miễn tội; nếu nhân việc ấy mà luận tội phạt phải bồi thường thì nay cho được khất lại.

- Trả lại chức tước cho bầy tôi đã mất, là Lê Anh Tuấn,, Đỗ Bá Phẩm, và Nguyễn Thọ Trường.

¹ Quan chế triều Lê có 24 bậc để đặc ân vinh phong cho bầy tôi có công "Suy trung", và "dục vận" là hai bậc đứng đầu trong 24 bậc. Xem thêm lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXII, tờ 26.

- Bầy tôi can tội lây mà phải giáng truất, nay đều được tẩy rửa tội lỗi và lại được vào châu chức, như bọn Đào Hoàng Thực, Vũ Công Trấn, Lê Trọng Thứ, Lê Ví, Trần Lê Lân, Đỗ Huy Kỳ và Trần Hiền.

- Con cháu bầy tôi có công đời trước, nay bị chìm đắm trong dân gian và hàng ngũ quân lính đều xét theo tài năng rồi bổ dụng. Do đấy, người có tài mà bị chìm đắm không ai là không có lòng phấn khởi.

Lời chua-Tứ Nghiêm, Tứ Kính: Theo "Bình chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì các đội tả, hữu, tiền, hậu trong vệ Tứ Nghiêm mỗi đội 100 người; các đội tả, hữu, tiền, hậu trong vệ Tứ Kính mỗi đội 52 người, đều là binh lính trong Lương Quốc phủ¹ họ Trịnh.

Quý Cảnh: Người xã Thiên Mỗ², huyện Từ Liêm, là cháu Quý Đức, con Quý Ân, do thân tiến triều³ giữ chức hữu tư giáng, Quý Cảnh và Công Thái cùng giữ chức bồi tụng trong phủ chúa Trịnh.

Trương Khuông: Người xã Như Kinh⁴, huyện Gia Lâm, là ngoại thích của chúa Trịnh.

Đình Hoàn: Người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Hoa⁵, nối đời làm tướng võ.

Giáp Nguyễn Khoa: Nội giám (hoạn quan), người xã Thiết Thượng⁶, huyện Yên Dũng.

Thực quận công: Gia phả họ Đặng chép "Thực trung hầu", tước hiệu hoạn quan.

Thất quản: Ý nói người có bốn phận bảo quản mà lơ là về việc coi giữ.

Đào Hoàng Thực: Người xã Thượng Trì⁷, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1697) năm Chính Hòa triều Lê Hi Tông.

Vũ Công Trấn: Người xã Đôn Thư⁸, huyện Thanh Oai.

Lê Trọng Thứ: Người xã Diên Hà⁹, tỉnh Hưng Yên-Công Trấn và Trọng Thứ đều đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Lê Ví: Người xã Hòa Bình, huyện Văn Giang¹⁰, đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Lê Lân: Người xã Tam Lộng, huyện Lô Dương.

Huy Kỳ: Người xã Thử Cốc, huyện Thụy Nguyên¹¹-Lê Lân và Huy Kỳ đều đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Trần Hiền: Người xã Vân Canh¹ huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông.

¹ Tên phủ đệ của Trịnh Doanh khi làm tiết chế.

² Nay là xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

³ Xem lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXXVI, tờ 28.

⁴ Nay thuộc xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

⁵ Nay là huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh.

⁶ Nay là thôn Thiết Thượng, thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

⁷ Nay thuộc xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.

⁸ Nay thuộc xã Kim Thư, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

⁹ Nay là xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

¹⁰ Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

¹¹ Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Chế thẻ bài "hỏa tốc"².

Lúc ấy dùng binh lính đi đánh dẹp, vũ hịch³ phát ra tứ tung, bèn chế cái thẻ bài để phòng bị dùng trong khi khẩn cấp.

Tuyển thêm ưu binh.

Từ lúc trung hưng trở về sau, huyện lấy lính ở Thanh, Nghệ sung vào việc bảo vệ, gọi là "ưu binh". Về ngạch lính: cứ 3 suất đinh lấy một lính. Năm Bảo Thái thứ 2 (1721) định lại chế độ binh lính, cứ 5 suất đinh lấy một lính. Đến nay tuyển thêm lính, lại theo ngạch cũ 3 suất đinh lấy một lính. Người nào đã tuyển được thì phân phối đưa đi luyện tập, sau dẫn vào phủ đường thi khảo, rồi bổ thuộc vào các đội ngũ.

Lại hạ lệnh: cấm các quan ở trấn nã bắt quân lính trốn và sách nhiễu; cấm thu tiền vọng của binh lính ở trong kinh ngoài trấn vượt quá thể lệ; binh lính theo đi đánh giặc ở các đạo, người nào biết đem hết sức ra giết giặc, sẽ được ban thưởng. Việc này, cho ghi chép lại để làm mệnh lệnh nhất định.

Lời chua-Tiền vọng: Túc tiền khao vọng. Theo "Bình chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) triều Ý Tông, định thể lệ tiền vọng như thế này:

Phàm binh lính ở Thanh, Nghệ mới tuyển được, phải nộp ở đội ngũ của mình mỗi tên lính cổ tiền⁴ một quan năm tiền.

Binh lính ở ngoài các trấn tuyển vào đội thị hậu, phải nộp binh tiền⁵ ở xã mình ba quan (nạp tại bản xã binh tiền tam quán). Ngoài ra các khoản khác đều đình bãi.

Hạ lệnh: Người nào dâng vật liệu dùng về việc binh, sẽ được ban thưởng.

Lúc ấy các đạo đánh dẹp, binh khí phần nhiều dùng thứ thuốc bắt lửa. Vì thế, mới hạ lệnh cho các phiên mục ở ngoài trấn⁶, dâng nộp o diên, diêm tiêu, lưu hoàng, sẽ miễn cho việc đánh thuế mỏ và miễn tiền thuế dung, thuế điệu của dân đinh trong khi vực mà người phiên mục ấy cai quản. Nếu phiên mục nào muốn làm quan, sẽ cân nhắc số vật liệu đã dâng nhiều hay ít để trao cho quan chức. Những khách buôn ở các cửa hàng trong kinh kỳ và phố Lai Triều, nếu người nào tình nguyện dâng nộp để xin thưởng chức sắc, sẽ thưởng cho theo như thể lệ người nộp thóc hoặc nộp tiền; nếu người nào không muốn lấy chức sắc thì trả lại bằng tiền; người nào ẩn giấu sẽ phải tội.

Lời chua-Lai Triều: Tên phố, tức Phố Hiến, thuộc trấn Sơn Nam thời nhà Lê. Nay là tỉnh Lý Hưng Yên.

Sai bọn Trịnh Kính đi kinh lý vùng Sơn Nam.

Sơn Nam địa thế rộng rãi, bọn Hoàng Công Chất thường cướp phá luôn, chúng ra vào không nhất định, một mình đốc lãnh Hoàng Kim Trảo không thể chống cự được. Triều đình bèn sai quan quân chia làm ba đạo tiến đi càn quét: Cao quận công Trịnh Kính tiến theo thượng đạo ven núi; Trình quận

¹ Nay là xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

² Đời cổ khi có việc chinh chiến, giấy tờ về việc bắt nộp lương, nộp lính bắt đi khắp nơi. Vì thế, họ mới dùng một phiến gỗ nhỏ hình chữ nhật, chiều ngang, chiều dọc đã có kích thước nhất định, trên mặt phiến gỗ ấy sơn bằng phấn trắng, gọi là "thẻ bài". Thẻ bài nha môn nào có dấu hiệu riêng của nha môn ấy. Gặp việc cần cấp, thì viết công việc phải làm vào mặt thẻ bài (việc xong rồi, người có trách nhiệm thu lấy thẻ bài lau sạch chữ đi). Khi giao thẻ bài cho người nào đó nhận đi làm công việc thì trên đầu thẻ bài lại cắm thêm một cái lông cánh chim, để tỏ ra rằng, phải thi hành một cách nhanh như bay, nên gọi là "vũ hịch". Thẻ bài "hỏa tốc" chép ở đây, chắc cũng chế theo thể thức ấy. Đầu thế kỷ thứ XX, một số nha môn vẫn còn dùng thẻ bài ấy, nhưng không phải là "vũ hịch" hoặc "vũ thư".

³ nt.

⁴ Mỗi tiền 60 đồng, xem thêm lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXI, tờ 2.

⁵ Tham khảo mục tiền vọng ở "binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương (sách chép tay) chép: "cổ tiền".

⁶ Túc các trấn Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Hưng Hóa.

công Hoàng Công Kỳ tiến theo tả đạo ven sông; Nhạc Thọ hầu Phạm Trần Tông tiến theo hữu đạo ven sông, cho phép các tướng đều được tùy tiện thi hành mọi việc. Sau đó, triệu Trịnh Kính về, dùng Trần Tông quản lĩnh thay quân của Trịnh Kính; ít lâu sau lại cho Khoản Trung hầu Nguyễn Trọng Cảnh thay Trần Tông, đóng đồn chống cự về mặt các huyện Thượng Nguyên; lại sai đốc trấn Vũ Tá Liễu và viên quan giữ việc phủ dụ là Đỗ Doãn Thành hội hợp quân lính đón đánh ở Đông An, nhưng không thắng được.

Lời chua-Thượng Nguyên: Tên huyện. Xưa gọi Thượng Hiên; sau khi nhà Lê trung hưng đổi là Thượng Nguyên, thuộc trấn Sơn Nam; nay thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Đông An: Tên huyện. Hồi thuộc Minh gọi là Đông Kết; nhà Lê đổi là Đông An, thuộc trấn Sơn Nam, nay thuộc phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Công Kỳ: Hoạn quan, người xã Trình Xá, huyện Thần Khê¹.

Tá Liễu: Tạo sĩ, người xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà².

Sai bộn Trần Đình Miên và Nguyễn Bá Lân đi kinh lý trấn Sơn Tây.

Lúc ấy, quân của Duy Mật tràn ra Sơn Tây, các huyện Phúc Lộc, Tiên Phong đều bị cướp phá những nhiều. Bèn bổ dụng Đình Miên giữ chức đốc lĩnh Sơn Tây, đem quân đi đánh. Sau đó, lại sai bồi tụng Nguyễn Bá Lân đem quân và voi tiến lên, vừa đánh dẹp vừa phủ dụ. Bá Lân chiêu tập hương binh ba huyện thượng du đi bình định, bắt được nhiều người. Quân của Duy Mật lui về thượng đạo.

Lời chua-Phúc Lộc: Tên huyện, nhà Lê gọi Phúc Lộc, nay đổi Phúc Thọ³.

Tiên Phong: Tên huyện, hồi đầu triều Lê gọi Tân Phong; sau khi trung hưng đổi Tiên Phong-Hai huyện này nay đều thuộc phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây.

Biểu dương những người tiết nghĩa là bộn Hoàng Sĩ Châu và Nguyễn Hưng Vượng.

Lưu tặc⁴ đánh phá châu Thu Vật. Hoàng Sĩ Châu, tường sinh xã Đại Đồng, bị bắt; giặc khảo đả, Sĩ Châu không khuất phục, dùng dao tự xử. Viên lưu thủ Văn Đình Dận đem sự trạng này tâu bày, bèn truy tặng cho hàm tri huyện và tha dao dịch cho nhà Sĩ Châu. Ở huyện Hoa Khê, tri huyện Nguyễn Hưng Vượng và huyện thừa Phạm Danh Linh đều chết về tay giặc. Ở Sơn Dương, một người dân là Dư Khắc Cung đánh nhau với giặc ở nơi đường ngõ, bị chết. Những người kể trên đều được tặng phong và ban cho tiền tuất. Vợ (sót họ tên) viên quan tiền triều Nguyễn Đình Kính bị khảo đả, không chịu khuất phục, cùng với con trai đều chết. Ban cho tấm biển đề ba chữ "trung tiết môn".

Lời chua-Thu Vật⁵: Nay đổi là Thu Châu. Xem Lê Thái Tông, năm Đại Bảo thứ nhất (Chb. XVII, 20).

Hoa Khê⁶: Tên huyện, nay đổi Cẩm Khê, thuộc phủ Lâm Thao.

Sơn Dương¹: Tên huyện. Đời nhà Lê, huyện này thuộc phủ Đoan Hùng, sau bỏ; năm Gia Long thứ 6 (1807) bản triều mới đặt chức tri huyện-Hoa Khê và Sơn Dương nay đều thuộc tỉnh Sơn Tây.

¹ Nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

² Tỉnh Hà Tĩnh.

³ Nay là huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.

⁴ Những người tụ tập nhau đi đánh phá các nơi, nay đánh nơi này, mai đánh nơi khác, không nhất định chỗ nào, quan niệm phong kiến gọi là "lưu tặc".

⁵ Nay là huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

⁶ Nay là huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.

Đại Đồng: Tên xã, thuộc Thu Châu, tỉnh Tuyên Quang².

Đình Dận: Người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn³, đỗ tạo sĩ.

Tường sinh: Chế độ nhà Lê trước kia, người thi hương trúng ba kỳ, gọi là tường sinh.

Bọn Vũ Đình Dung, giặc Ngân Già, uy hiếp Chân Ninh. Bọn đốc lĩnh Hoàng Kim Trảo đánh nhau với giặc, thua trận, bị chết.

Bọn Vũ Đình Dung, Đoàn Danh Chấn và Tú Cao ở Ngân Già thuộc Sơn Nam, liên kết binh sĩ, uy hiếp phủ Chân Ninh, thanh thế rất lừng lẫy. Đốc lĩnh Hoàng Kim Trảo chống cự lại. Kim Trảo cùng tướng hiệu thuộc dưới quyền hẳn là bọn Nguyễn Thế Siêu, Trần Danh Quán bại trận, đều bị giết.

Lời chua-Ngân Già: Tên xã, thuộc huyện Nam Chân⁴, trấn Sơn Nam.

Chân Ninh: Tên phố, ở huyện Nam Chân, nay chia đặt lại, thuộc huyện Chân Ninh⁵.

Kim Trảo: Người xã Đan Dương Hạ, huyện Bạch Hạc⁶, đỗ tạo sĩ.

Tú Cao: Tên một người giặc, sót họ.

Tháng 2. Toàn Cơ, thổ tù ở phiên trấn Lạng Sơn, làm phản, đánh phá Đoàn Thành. Tổng phủ Ngô Đình Thạc bị chết.

Đình Thạc lấy tư cách thượng thư bộ Hộ, tham tụng, ra trấn thủ Lạng Sơn mới được vài tháng. Toàn Cơ làm phản, vây Đoàn thành, trong thành không có binh lính. Có người khuyên Đình Thạc bỏ chạy, may ra được thoát. Đình Thạc nói: "Chức phận của ta là ở chỗ giữ lấy đất của triều đình, ta phải sống chết với thành này, toan chạy đi đâu?". Rồi bị sa vào tay giặc. Đình Thạc giữ tiết tháo, không khuất phục, để chết. Sau được truy tặng hàm thiếu bảo.

Lời chua-Toàn Cơ (sót họ): Tên một thổ tù ở phiên trấn.

Đoàn Thành: Thành trấn Lạng Sơn.

Bổ dụng Vũ Công Tế, Nguyễn Quý Cảnh và Nguyễn Công Thái là tham tụng.

Công Tế từng làm quan bồi tụng, ra trấn thủ Cao Bằng, sau lại triệu về. Vì là người văn học, nên Công Tế được trọng đãi. Lúc ấy, Trịnh Doanh mới lập, mọi việc chính sự đổi mới nên hạ lệnh cho Công Tế cùng Quý Cảnh, Công Thái cùng vào phủ đường giữ công việc chính trị.

Nguyễn Trọng Uông, thống lĩnh Bắc đạo, đánh nhau với Nguyễn Tuyển ở xã Bình Ngô, thua trận bị chết. Triều đình bổ dụng con hẳn là Đức Thân lên thay cầm quân.

Trọng Uông là người khỏe mạnh, quả cảm, chiến đấu giỏi, thường một mình một ngựa xông pha trong trận giặc. Đến nay gặp Nguyễn Tuyển, Trọng Uông đem hết sức lực chiến đấu gay go. Nguyễn Hữu Nhuận, thuộc tướng của Uông, bỏ chạy trước, cả một đội quân phải kinh sợ, tan vỡ; hiệu quân theo sau của bọn Đặng Đình Sắt, Phạm Hữu Tá đều bỏ chạy. Giặc đem hết quân bao vây, Trọng Uông kiệt sức, bèn bị hại. Trịnh Doanh rất thương, truy tặng hàm thái bảo, tước quận công. Doanh nhận thấy Đức Thân, con Trọng Uông, là người có tài làm tướng, bèn hạ lệnh cho cầm quân thay. Lại giết bọn Hữu Nhuận và Đặng Đình Sắt, đày (tội lưu) Phạm Hữu Tá đi viễn châu.

¹ Nay là huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

² Nay thuộc tỉnh Yên Bái.

³ Thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

⁴ Nay là huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

⁵ Nt.

⁶ Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Lời chua-Trọng Uông: Người xã Quế Ổ, huyện Quế Dương, đỗ tạo sĩ.

Hữu Tá: Người xã An Thường, huyện Đông Ngàn, đỗ tạo sĩ.

Bình Ngô: Tên xã, thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 3. Bãi bỏ mọi việc xây dựng.

Việc xây dựng các chùa quán Quỳnh Lâm, Hồ Thiên, Hoa Long, Tử Trầm và Tây Phương đều bãi bỏ hết, những ruộng đất trước kia chiếm làm chùa quán, nay trả lại dân.

Lời chua-Chùa Quỳnh Lâm: Xem Tương Dực để năm Hồng Thuận thứ 8 (Chb.XXVI, 26).

Chùa Hồ Thiên: Xem năm Vĩnh Hựu thứ 2 (Chb. XXXVIII, 1).

Chùa Hoa Long: Ở thôn Việt Trì, huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây¹.

Chùa Tử Trầm: Ở huyện Yên Sơn tỉnh Sơn Tây², có hang đá.

Chùa Tây Phương: Ở huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây³.

Hạ lệnh: Đề cử người có tài cán mưu lược và lựa xét bổ dụng con cháu bầy tôi có công.

Phàm người nào có phương pháp, mưu lược, biết võ, khoẻ mạnh, có thể dùng vào việc cầm quân, cùng người nào có thuật đặc biệt, có mưu kỳ lạ, đều không phải câu nệ về tư cách phẩm trật, hết thấy được đề cử tên từng người để triều đình biết, sẽ tùy theo tài năng bổ dụng. Sau lại hạ lệnh: con cháu bầy tôi có công được vào kinh đô để lựa chọn, người nào có sức mạnh, chiến đấu khỏe, sẽ cấp cho lương bổng, rồi cho theo đi quân thứ chịu sự điều khiển.

Vũ Tá Lý, chinh tây đại tướng quân, đánh nhau với giặc Tể và Bồng ở An Lạc. Bắt được bọn giặc này.

Tên Tể, giặc ở Sơn Tây, và tên Bồng ở Bình Ngô, đều nổi tiếng là giặc tinh quái hung tợn. Thế quận công Tá Lý đón đánh ở An Lạc, bắt được bọn này. Trịnh Doanh ban cho Tá Lý cờ, kiếm và ấn, để tuyên dương công trạng.

Nguyễn Danh Phương, dư đảng của tên Tể, chiếm cứ núi Tam Đảo, nhân địa thế hiểm trở làm thành lũy, chiêu mộ binh lính, vợ vét lương ăn, chứa khí giới, hạp đồ đảng, ẩn náu nơi núi rừng. Nhiều lần Danh Phương xin hàng để hoãn binh, Trịnh Doanh biết mưu giả trá, đem việc ấy bàn với bầy tôi. Doanh cho rằng "sự thế đánh dẹp cần phải biết việc hòa hoãn, việc khẩn cấp mà định kế đánh trước, đánh sau. Danh Phương chẳng qua chỉ là tên giặc tự giữ một xóm một thôn. Còn như vùng đông nam là nơi đê ra của cái thuế khóa của quốc gia; nay vùng này bị Hữu Cầu và Công Chất liên kết với nhau, hàng ngày đốt phá cướp bóc thả cửa, vậy bây giờ trước hết phải quét sạch vùng đông nam, để gỡ mối lo nguy cấp cho dân. Sau khi đã bình định được hai tên giặc này rồi, lúc ấy sẽ quay cờ kéo lên mặt tây, thì Danh Phương đầu giảo quyệt đến đâu cũng không thể lọt lưới của ta được". Bèn hạ lệnh cho trấn thủ Sơn Tây nhận lời cho Phương hàng, liệu lượng lưu quan quân ở lại đóng đồn phòng ngự. Còn bao nhiêu binh sĩ đều đổ dồn hết về đạo đông nam, để góp sức đánh dẹp càn quét.

Lời chua-Tể, Bồng, Cầu, Chất: Tên bốn người giặc.

An Lạc⁴: Tên huyện, nay thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây.

Danh Phương: Túc Danh Ngũ, người huyện An Lạc.

¹ Nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

² Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

³ Nt.

⁴ Nay là huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tá Lý: Người xã Hòa Hoàng, huyện Thạch Hà.

Bổ dụng hoạn quan Hoàng Công Kỳ làm Thống lãnh chinh tây đại tướng quân.

Lời phê-Trịnh Doanh cũng không phải là người có trí thức.

Tháng 4, mùa hạ. Thái bốt lính đã ứng mộ.

Trước đây các đạo đánh dẹp, số binh lính ít ỏi, bèn hạ lệnh chiêu mộ người mạnh khỏe, gọi là "chí nguyện binh". Sau đó, số ứng mộ khá nhiều, ở lẫn lộn cả trong kinh kỳ, rồi theo nhau làm việc gian tham, trộm cắp. Vì thế mới hạ lệnh sa thải, chọn lấy người có tên trong sổ cũ, sẽ do quan cấp lương cho; tướng hiệu không được dẫn họ vào trong thành trú ngụ lẫn ở nhà cửa của quân và dân, ai trái lệnh sẽ phải tội.

Hạ lệnh: Người nào nộp tiền hoặc thóc, sẽ được trao cho quan chức.

Bắt đầu bàn định quân cấp ruộng, sau chưa kịp thi hành đã bãi bỏ.

Trịnh Doanh say sưa phép tình điền¹ đời cổ, muốn cho người nghèo người giàu đều nhau, để thuế khóa và lực dịch được quân bình. Các quan chấp chính trong phủ đường bàn rằng: "từ đời Tam Đại² trở về sau, chế độ ruộng đất bỏ đổ nát, không sổ sách nào có thể làm bằng chứng được. Các đời vua quốc triều [triều Lê] cũng chưa có đời nào thi hành. Và lại, hiện nay sổ đình, sổ điền ở các trấn cũng có chỗ tăng lên, chỗ hụt đi, trộm giặc ở quận huyện chưa dẹp yên được. Nếu phân phối người đo khám xét đo đạc, chỉ thêm phiền nhiễu cho dân, người nghèo chưa chắc đã trở về sum hợp, mà người giàu sẽ sinh lòng nghi ngờ trở ngại. Vậy muốn thi hành phép này phải đợi khi thái bình rồi sẽ bàn định". Vì thế nên việc này nửa chừng lại thôi.

Tháng 5. Nguyễn Đăng Hiến, viên tướng chỉ huy đạo quân thủy, đón đánh bại được Nguyễn Tuyển ở huyện Phú Xuyên và Thượng Phúc.

Nguyễn Tuyển đem quân qua sông, xâm phạm các huyện Phú Xuyên và Thượng Phúc. Đăng Hiến đem quân tiến đánh, Tuyển bị thua, bỏ chạy. Bọn đốc lãnh Trương Khuông và Lê Công Chiêm đem quân đi đón đánh, nhưng không kịp.

Lời chua-Phú Xuyên: Tên huyện, năm Hồng Đức nhà Lê gọi Phù Vân; năm Quang Thiệu gọi Phú Nguyên; nhà Mạc đổi Phú Xuyên; Lê trung hưng vẫn theo như nhà Mạc, thuộc phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam; nay thuộc tỉnh Hà Nội³.

Thượng Phúc: Tên huyện, xem Lê Chiêu Tông năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Kén thêm lính thủy.

Hạ lưu vùng đông nam, có nhiều giặc ở sông biển. Bèn hạ lệnh chọn thêm lính ở các huyện ven sông thuộc Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc, cứ 5 suất đình lấy một người, phân phối cho lệ thuộc vào đội ngũ lính thủy và cấp cho thuyền công, mỗi thuyền 10 người, lại cho ưu binh Thanh, Nghệ xen lẫn vào, để thao diễn luyện tập, phòng bị khi điều khiển đến.

Doanh ép nhà vua truyền ngôi cho Duy Diêu (tức Hiến Tông), con trưởng của Thuần Tông. Tôn nhà vua làm thái thượng hoàng.

Duy Diêu, râu rồng, mắt phượng, là con trưởng Thuần Tông và là cháu nhà vua [Ý Tông Duy Thận]¹. Duy Diêu lấy địa vị người con trưởng, đáng được lập làm vua từ trước. Nhưng vì chú ruột là Duy

¹ Chế độ ruộng đất nhà Chu (1121-250 tr.c.n), lấy thửa đất 900 mẫu làm một dặm, vạch ra thành 9 khu, mỗi khu 100 mẫu. Khu giữa là ruộng công của vua, còn 8 khu chung quanh chỉ chia cho mỗi gia đình một khu làm ruộng tư, 8 gia đình được chia ruộng này phải góp sức lại để cấy cây ruộng công cho vua, mà ruộng tư của mình không phải nộp thuế. Cách chia ruộng ấy theo hình chữ "tinh" (), nên gọi "tinh điền".

² Tức nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu, đời thượng cổ Trung Quốc.

³ Bây giờ thuộc tỉnh Hà Tây.

Mật² dấy quân, nên Trịnh Giang truất đi, đã lâu vẫn bị giam cầm. Trịnh Doanh mật sai người dời Duy Diêu đến ở nhà Bính quận công Vũ Tất Thận. Trước đây, Tất Thận chưa biết việc này. Một đêm, nằm mộng thấy một người "kẻ cả" đến nhà, cờ quạt âm nhạc, hết như nghi trượng thái bình thiên tử. Sáng hôm sau, thấy Duy Diêu đến. Tất Thận bèn đem việc này nói với Doanh. Doanh muốn nhờ vào phúc đức Duy Diêu, mới cùng các đại thần bàn định tôn lập làm vua và xin nhà vua nhường ngôi cho Duy Diêu. Trong tờ chiếu nhường ngôi của Ý Tông có câu nói: "Nghĩ bọn ngoan ngu có quấy rối chốn biên cương, nên muốn cho kinh kỳ được yên, bốn biển được tĩnh; theo lẽ chính đáng nên suy tôn người đích trưởng, cốt là để kính trọng tông thống, thuận theo lòng dân". Tờ chiếu ban ra, lòng người rất vui vẻ.

Thượng hoàng sau khi nhường ngôi, ở điện Kiền Thọ, số dân xã cung phụng³ chuẩn cho được lấy một phần ba trong số chính phần.

Lúc ấy, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ và Nguyễn Diên dấy quân lâu ngày, thanh thế trở nên lừng lẫy, cho thúc giục dân chúng quạt mạnh ngọn lửa chiến tranh ở quăng các phủ Từ, Thuận, Hồng, Sách, đi đến đâu dân ở đấy hưởng ứng theo. Cừ chiếm cứ Đổ Lâm thuộc Gia Phúc, Tuyển chiếm cứ Phao Sơn thuộc Chí Linh, đồn lũy liên tiếp nhau, mỗi người đều có hàng vài vạn quân. Nhiều lần các tướng đánh phá càn quét, nhưng không thắng được.

Trịnh Doanh muốn mở cuộc hiếu dụ để chia rẽ đảng của họ. Doanh bèn hạ lệnh rằng: "Nhà nước dùng lễ độ đối đãi sĩ phu, dùng nhân nghĩa nuôi dưỡng dân chúng; mở rộng sự vui lòng giáo dục như lời ca tụng trong thơ Thanh nga⁴, làm yên dịu sự kêu ca thảm thương như lời thổ lộ trong thơ Hồng nhạn⁵.

Thế mà trước đây bọn giặc ở Chí Linh can phạm danh phận, thành ra dân một góc vùng đông bắc, riêng bị chúng ức hiếp đổ dành. Là học trò, được triều đình giáo dục thành tài mà vì chúng phơi gan, dâng sức; là người dân, được triều đình cho vui chơi yên nghỉ mà vì chúng xông vào giáo mác, nước sôi. Trong những người ấy, cũng có người mong thoát được sự liên lụy đến gia đình; cũng có người muốn đỡ được sự xâm lăng ngay trước mắt. Tuy rằng cuối đầu mà theo gượng, nhưng há có phải trong bụng mê muội mà quên mất đường trở lại đâu? Vậy nay nếu biết bỏ đường nghịch, theo đường thuận, rút kinh khí, về đầu hàng, sẽ nhất luật đều cho cùng nhau đổi mới, hoặc người nào có thể đại tội lập công cũng sẽ được tha tội lỗi, ban ân thưởng. Khuyên mọi người đều nên tính toán cho kỹ, nhận rõ cái lẽ hướng chỗ sáng, bỏ chỗ tối".

Lời căn án-Nói về nhà Lê, từ khi Trịnh Tùng bạo nghịch giết vua⁶ đến nay đã sáu đời⁷, chúng rập theo hành động cũ, bắt chước thói xấu của nhau, đối với vua Lê, việc gì chúng cũng lấn vượt. Đem đại nghĩa kinh Xuân Thu (Khổng Tử) mà xét, tất nhiên phải choảng cho chúng những nhát búa rìu. Trịnh Doanh biết rước lập Hiến Tông, muốn nương nhờ vào phúc đức, thế mà lại tác phúc tác oai. Tự nắm lấy quyền bính trong nước, rồi một lần truyền ngôi nữa, con là Trịnh Sâm bắt chước, lăng loàn áp bức vua Lê ngày càng tệ hơn. Câu sấm ngữ "Lê bại Trịnh vong"⁸ chung quy không thuốc nào cứu chữa

¹ Duy Tường (Thuần Tông), Duy Thận (Ý Tông) và Duy Mật đều con Dụ Tông, Duy Diêu (Hiển Tông), con trưởng của Thuần Tông, nên gọi Duy Thận và Duy Mật bằng chú ruột.

² Xem chú thích số 2 trang 1728.

³ Xem thêm Chính biên quyển XXX, tờ 27.

⁴ Nguyên văn chép: "Hoảng lạc đục ư thanh nga; thiệp ai minh ư hồng nhạn". Thanh nga và Hồng nhạn, hai thi tập chép trong thiên Tiểu nhã sách Mao thi. Đại ý thơ Thanh nga được sinh ở nơi có nước (theo nghĩa trong đại tự của lời tựa sách Mao thi). Thơ Hồng nhạn nói: dân phải phiêu tán không khác gì tiếng kêu thảm thương của chim Hồng nhạn lạc đàn, nay được trở về yên nghiệp làm ăn, cũng như chim về tổ.

⁵ Nt.

⁶ Xem thêm Chính biên quyển XXXI, tờ 17.

⁷ Bình An Vương Trịnh Tùng, Thanh Đô vương Trịnh Tráng, Tây Vương Trịnh Tạc, Định Nam vương Trịnh Căn, An Đô vương Trịnh Cương, Uy Nam vương Trịnh Giang.

⁸ Tương truyền cuối đời Lê-Trịnh có câu sấm: "Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong". Nghĩa là nhà Lê còn thì nhà Trịnh còn, nhà Lê bại thì Trịnh cũng mất.

được. Thế thì những kẻ giả thác danh nghĩa chả đáng nên lấy đấy làm gương răn đó sau?

Lời chua-Điện Kiên Thọ: Theo Ngọc phả triều cổ Lê thì điện Kiên Thọ ở phía tả hồ sen, đông cung.

Từ, Thuận: Tên hai phủ Từ Sơn và Thuận An, thuộc Kinh Bắc.

Sách: Túc Nam Sách. Xem ngang với Tấn, Tế vương, năm khai vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Hồng: Túc Hồng Châu. Xem thuộc Đường. Chiêu Tuyên Đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb, V, 14).

Sao Thái Bạch đi ngang trời.

Tháng 6 (sốt ngày). Mặt trăng xuất hiện ban ngày, lộ ánh sáng (lộ minh).

Lời chua-Chữ "lộ" nghĩa là lộ rõ ra. Chữ "lộ minh" chép ở đây có lẽ nói mặt trăng xuất hiện ban ngày mà lộ rõ ánh sáng, tranh sức sáng với mặt trời.

Kén hương binh¹.

Lúc ấy, dùng quân đánh dẹp, không đủ lính để điều khiển. Bèn hạ lệnh kén hương binh, cứ năm đình lấy một người, chia thành đội ngũ luyện tập, để sau này sẽ trưng dụng điều khiển.

Định thể lệ thờ tự ở Võ Miếu.

Vị chính giữa: thờ Võ Thành vương Thái công Vọng, còn từ Tôn Võ Tử, Quán Tử trở xuống 18 người phân phối thờ ở hai bên đông vũ và tây vũ. Trần Hưng Đạo đại vương Quốc Tuấn được thờ theo vào Võ Miếu. Lại dựng miếu riêng thờ Quan Công nhà Hán. Hàng năm, mùa xuân, mùa thu 2 kỳ tế, đều dùng ngày mậu vào thượng tuần. Cấp cho mỗi miếu một ấp dân hộ, để cung phụng việc thờ tự.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu cấm quân lính bắt bớ cướp bóc; nếu có bắt được sổ sách thư từ đều đem đốt hết.

Hạ lệnh cho các tướng: khi hành quân qua quận ấp, phải sẵn lòng vỗ về yên ủi trăm họ. Cấm hết: quân sĩ hà khắc, những nhiễu dân địa phương; bọn hào cường ức hiếp người nghèo yếu.

Lúc ấy, bọn trộm cướp hoành hành, nhân dân nhiều người bị uy hiếp phải theo, chúng đem biên tên thành sổ sách. Bèn hạ lệnh các đạo đi dẹp giặc, nếu có bắt được giấy tờ sổ sách của giặc đều đốt đi hết, rồi tuyên truyền hiểu bảo cho mọi người biết, để người giáo giở được yên tâm.

Hạ lệnh thu nhặt hết chuông khánh ở các chùa thờ Phật.

Lúc ấy, dùng quân đánh dẹp, chi phí mất nhiều. Có người nói nên quyền nghi xếp đặt để giúp việc cần dùng trong quân. Bèn hạ lệnh: biên thu lấy chuông khánh các chùa thờ Phật, đem nộp. Lại hạ lệnh cho phiên thần và thổ dân ở ngoại trấn nộp đồng hoặc chì, sẽ điều tùy theo số nộp được nhiều hay ít mà cất nhắc trao cho quan chức.

Định phép thông dụng tiền và bạc.

Khoảng năm Long Đức-Vĩnh Hựu (1732-1740), sự chi tiêu trong nước chuyên dùng bằng tiền, giá bạc hơi hạ. Đến lúc dùng quân đánh dẹp, phần nhiều đem bạc cấp lương cho lính, bọn nhà buôn lại càng giảm giá bạc xuống, thành ra sự ăn tiêu của binh lính gặp khó khăn. Bèn hạ lệnh viên quan giữ chức trách định giá chợ, cho phép tiền và bạc đều được thông dụng. Ở chợ đặt chức thị trưởng, phân biệt bạc thực bạc giả để mua bán. Do đấy giá cao hạ được bằng bằng, mà bọn phú thương không thể vơ vét mỗi lợi được.

¹ Xem thêm Chú thích số 2, tờ 17 trong cuốn này.

Nguyễn Tuyển đánh phá huyện Đường Yên, bọn Vũ Tất Thận chống cự lại, nhưng không thắng được.

Hai đại tướng Bính quận công Vũ Tất Thận và Trình quận công Hoàng Công Kỳ đem quân đến xã Yên Nhân, ngần ngại không dám tiến. Nguyễn Tuyển bèn đốt phủ đệ và từ đường Mi Thứ, rồi tung quân ra cướp phá ồ ạt, thành ra dân ở vùng này làng xóm bị tiêu điều, biến dần ra rừng rậm.

Lời chua-Đường Yên: Tên huyện, đời nhà Lê, huyện này thuộc phủ Thượng Hồng, Hải Dương; nay phủ Bình Giang kiêm lý.

Yên Nhân:¹ Tên xã, thuộc huyện Đường Hào.

Phủ đệ từ đường Mi Thứ: Xem Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 2 (tờ 1 và 2 trong cuốn này).

Tháng 7 nhuận, mùa thu. Bọn thống lĩnh Hoàng Nghĩa Bá đánh bại được Nguyễn Tuyển ở Phao Sơn.

Ban thưởng cho Nghĩa Bá thẻ bài bằng vàng, để tuyên dương công trạng. Còn bọn tán lý Nguyễn Thế Khải, hiệp đồng Trần Cảnh và thuộc tướng Trịnh Khải đều được ban thưởng cao thấp khác nhau.

Lời chua-Phao Sơn: Tên núi, ở xã Phao Sơn, huyện Chí Linh, thuộc Hải Dương. Trước mặt xã này là sông Lục Đầu.

Nghĩa Bá: Người xã Hoàng Vân², huyện Kim Động, đỗ tạo sĩ.

Thế Khải: Người xã Nhân Lý, huyện Thanh Lâm³, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) năm Vĩnh Hựu.

Trần Cảnh: Người xã Điền Trì, huyện Chí Linh, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1718) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Doanh đem đại quân đánh giặc Ngân Già, bình định được.

Quân ở vùng đông nam nổi dậy, đốt phá cướp bóc châu huyện, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá thế lực đương hăng, mà bọn giặc Ngân Già Vũ Đình Dung lại càng tinh quái hung tợn: Chỗ ở của bọn này không có tường lũy gì, chỉ dựa vào nơi bùn lầy làm hiểm trở, đồ đảng thì nanh ác mạnh tợn, không sợ chết. Gặp quan quân, chúng liền vác dao xông vào chém bừa bãi, các tướng nhiều lần bị thua.

Bấy giờ Trịnh Doanh hạ lệnh: Bình định xong mặt nam, liền tiếp tục chuyển quân hướng về mặt đông. Bèn sai quan đi ngựa loan báo cho các huyện ấp biết trước: Quân trẩy đến đâu, nhân dân hãy cứ việc ở yên không phải sợ hãi; người bị giặc bắt hiếp phải theo nay nếu về đâu hàng sẽ không phải tội; quan lại vẫn được trở về giữ chức việc như cũ; nhân dân được phép chiếu nhận điền sản của mình. Lại đặt chức hành quân phòng sát⁴, cấm chỉ việc bắt người, cướp của. Vì thế, quan quân đến đâu, phụ lão ở đấy đón đường vui mừng nghinh tiếp, có người tình nguyện nộp của cải để giúp cho quân; có người xin hội họp quân theo đi đánh giặc. Trịnh Doanh đóng quân ở bến Mộc Hoàn, sắm sửa khí giới, tập trận thủy chiến, oai phong binh sĩ rất hăng hái, thanh thế lẫy lừng.

Trịnh Doanh bàn rằng: "Ninh Xá⁵ chưa thể phá ngay được, bây giờ không gì bằng trước hết đánh tan được giặc Ngân Già để cắt đứt sự cứu viện của đảng giặc". Doanh bèn dẫn quân xuống mặt nam. Tháng 11, quân tiến đến đóng tại xã Vũ Điện, sau kéo đến Hiến Doanh, chia các tướng thành từng bộ phận, hẹn ngày đều tiến quân: Sáng sớm xuất phát từ Hiến Doanh, chiều đến sông Vị Hoàng sáng sớm

¹ Tục gọi làng Bần, nay thuộc thị trấn Bần Yên, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

² Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

³ Nay thuộc huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

⁴ Chức quan có nhiệm vụ dò la xem xét trong khi hành quân.

⁵ Tức Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ.

hôm sau đến Lục Đạo. Bọn Đình Dung đem hết quân ra đánh để kháng cự. Doanh sai các tướng là bọn Đình Văn Giai, Nguyễn Đình Hoàn, Vũ Tất Thận và Trương Khuông đốc suất quân các doanh ra đánh. Trương Khuông đem quân cánh tả tiến sát đến chỗ đồi cỏ rậm rạp, phục binh của giặc thành linh nổi dậy, giết một tì tướng của Khuông. Trịnh Doanh nổi giận, thúc voi tiến lên, chỉ huy các quân góp sức lại đánh một trận lớn. Địa điểm này, bốn mặt bùn lầy, ai cũng cho rằng đại binh không thể vào được. Ngày hôm ấy, ruộng bùn lầy tự nhiên khô ráo, chỉ hơi ướt chân ngựa, quân chúng đều lấy làm kinh dị, họ chạy nhảy tranh nhau phần đầu. Đình Hoàn đem quân đánh tập hậu vào quân của giặc, nhân đấy buông lửa đốt ấp trại, khói bốc đầy trời, quân giặc bèn tan vỡ tứ tung, quan quân nhân đà thắng, cùng nhau đánh kẹp lại: thân giặc chết nằm chồng chất nhau. Bắt chém tướng sụy cầm đầu của giặc, bình định được giặc Ngân Già, xóa bỏ xã hiệu cũ đổi gọi là Lai Cách. Trịnh Doanh ban cho bọn Đình Hoàn thẻ bài bằng vàng và 200 lạng bạc; sai Trịnh Tự Thành săn bắt đảng giặc còn sót lại; yên ủi vỗ về nhân dân, để cho họ đều trở về yên nghiệp làm ăn.

Trước kia, khi đại quân trẩy xuống mặt nam, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá cùng đồ đảng là Trần Diệu, nhân lúc sơ hở, tiến thẳng quân sát bến Bồ Đề, trong kinh thành không có quân, lòng người rất lo sợ. Lúc ấy, thái phi Vũ Thị ở trong cung điều khiển bọn Trịnh Đạc chiếu theo địa giới giữ bốn cửa thành; lại phân phối sai quan văn là bọn Phạm Kinh Vĩ, Nguyễn Bá Quýnh đem hết dân cư ngoài thành ra bến sông bố trí hàng ngũ, để làm nghi binh, đề lãnh Đặng Đình Mật đem quân trong cơ của mình sang qua sông, đánh Nguyễn Tuyển, Đình Mật bị bại, quay về.

Trước đây, Diệu quận công Trần Cảnh cùng thống lĩnh Bằng Thọ hầu (sót họ tên) đóng quân ở Lang Tài, được tin nguy cấp, liền đem quân đi vội đến làng Phù Lưu và Đình Bảng, theo đánh mặt sau của giặc. Dận quận công Đặng Đình Miên, trấn thủ Sơn Tây, đem quân đi đêm vào hộ vệ kinh thành, trước hết hấn sai con là Đình Trí do đường xã Thụy Hương huyện Từ Liêm sang dò tắt ở bờ phía bắc Gia Lâm, tung quân đánh úp. Vì thế, giặc bèn mất hết nhuệ khí, phải dẫn quân đi.

Lúc Trịnh Doanh mới dẹp được giặc Ngân Già, chợt được tin báo ở kinh thành đưa đến, Doanh hạ lệnh cho các đạo quân phải tinh sương đi mau trở về để cứu nơi căn bản. Khi đạo quân kéo về đến xã Kim Lan, thì giặc đã trốn chạy xa rồi, kinh sư vẫn được yên ổn.

Lời phê-Vũ Thị cũng là một người anh kiệt trong phái phụ nữ, cho nên mới có thể mấy lần định được kế mưu lớn¹.

Lời chua-Bến Mộc Hoàn: Tức hạ lưu sông Nhị, thuộc địa phận xã Mộc Hoàn, huyện Phú Xuyên, trấn Sơn Nam, vì thế nên gọi tên bến Mộc Hoàn...

Vũ Điện: Tên xã, thuộc huyện Nam Xang, trấn Sơn Nam-cả hai, nay đều thuộc tỉnh Hà Nội².

Hiển Doanh: Vì là lý sở của ty Hiến Sát sứ Trấn Nam hồi cố Lê, nên gọi tên như vậy, nay thuộc xã Nễ Châu, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên³.

Sông Vị Hoàng: Ở xã Vị Hoàng, tỉnh Nam Định.

Lạc Đạo: Tên xã, thuộc huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Phù Lưu và Đình Bảng⁴: Tên 2 xã, đều thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Gia Lâm: Tên huyện, ở phía bắc sông Nhị, thuộc phủ Thuận An.

Kim Lan: Tên xã, nay đổi Kim Quan, thuộc huyện Gia Lâm.

¹ Vũ Thị: Vợ Trịnh Cương. mẹ Trịnh Giang và Trịnh Doanh. Lời phê này có ý khen Vũ Thị lần trước chủ trương việc lập Trịnh Doanh thay Trịnh Giang và lần này điều khiển các tướng bảo vệ kinh thành.

² Mộc Hoàn nay thuộc huyện Duy Tiên, Mộc Hoàn và Vũ Điện nay đều thuộc tỉnh Hà Nam.

³ Tức phố Hiến.

⁴ Nay đều thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Văn Giai: Người xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng.

Trần Diệu: Người xã Vân Canh¹, huyện Từ Liêm.

Kinh Ví: Người xã Thượng Hào, huyện Thanh Chương, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Bá Quỳnh: Người xã Hoa Lâm (nay đổi Xuân Lâm) huyện Nam Đường, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông.

Bổ dụng Trương Nghiêm giữ chức trung úy².

Trước kia, Trương Nghiêm thuộc cơ Hữu Nhuệ, lệ thuộc vào Tây Đạo, vì có công đánh giặc, nên từ hàng tiểu tốt được cất nhắc bổ dụng chức này.

Lúc này, cần dùng lấy nhân tài, nên Đinh Văn Thản, Đinh Văn Phục chiêu tập được ở trong hàng ngũ của giặc, Hoàng Phùng Cơ thu nhận được ở trong hàng ngũ kẻ cướp, đều được tẩy rửa tội lỗi, phân biệt bổ dụng; Trương Nghiêm và Nguyễn Phan đều xuất thân từ hàng ngũ tiểu tốt. Sau này, Nguyễn Phan và Hoàng Phùng Cơ đều thành viên tướng có danh tiếng.

Lời chua-Trương Nghiêm: Người xã Đồng Môn, huyện Thạch Hà.

Văn Thản và Văn Phục: Đều người xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng, dòng dõi Đinh Văn Tả.

Phùng Cơ: Người xã Vân Cốc, huyện Bạch Hạc.

Nguyễn Phan: Người xã Hà Dương, huyện Hoảng Hóa.

Sao Thái Bạch đi vào khu vực sao Thái Vi.

Mặt trăng đi vào khu vực sao Thái Vi, gần Đế tinh.

Lời chua-Thái Vi: Bầu trời có ba khu vực, một là khu vực Thái Vi, trong khu vực này có sao Ngũ Đế. Cương mục tập lãm chép: Khu vực cung Thái Vi, có mười ngôi sao, ở địa phận sao Dực, sao Chẩn. Khu vực này là cung thiên tử, tòa ngũ đế.

Năm ấy, mặt trăng đi vào khu vực Thái Vi, cho nên gần với Đế Tinh. Sách Tục biên chép lãm là đi vào khi vực sao Thái Tuế. Nay đổi lại.

Mặt trăng xuất hiện ban ngày, lộ rõ ánh sáng.

Tháng 12. Trần Viêm, đốc đồng trấn Sơn Tây, đánh quân của Nguyễn Tuyển ở Khoái Châu, không thắng được, Viêm bị chết trận.

Lúc ấy, quân của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ cướp phá các lộ Hồng Châu, Khoái Châu. Viêm lấy chức phận là đốc đồng đi phủ dụ Khoái Châu, bèn đem hương binh đi tiểu bắt, chợt gặp giặc ở địa phận xã Đồng Lạc và Canh Hoạch, vì bên nhiều bên ít không địch nổi, Viêm bị chết tại trận. Đoàn Vinh Kiêm giám sinh, người đồng quận với Viêm cùng vài chục người làng đều bị chết theo. Triều đình biết việc này, bèn truy tặng Trần Viêm hàm Đông các đại học sĩ, tước Hải Thọ bá, cấp cho 15 mẫu ruộng để thờ tự.

Lời chua-Trần Viêm: Người xã Hải Thiên³, huyện Tiên Lữ, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Đồng Lạc, Canh Hoạch: Tên 2 xã, thuộc huyện Tiên Lữ.

¹ Nay là xã Vân Canh, huyện Từ Liêm Hà Nội.

² Một chức quan võ nằm trong tam ty 12 vệ, hàm tòng ngũ phẩm.

³ Bây giờ là Hải Yến, tục gọi là Hới, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Làng này nổi tiếng về nghề làm quạt và dệt chiếu.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 39

Từ Tân Dậu, Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741) đến Quý Hợi, năm Cảnh Hưng thứ 4 (1743), gồm 3 năm.

Tân Dậu, Hiến Tông Vĩnh hoàng đế, năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741). (Thanh, năm Càn Long thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Lời chua-Nghĩ lễ tế nam giao: Xem Kính Tông, năm Thận Đức thứ nhất (Chb. XXXI, 2).

Bắt đầu chia Sơn Nam làm thượng lộ và hạ lộ. Sơn Nam cùng Sơn Tây và Kinh Bắc đều đặt chức chương đốc.

Trịnh Doanh nhận thấy trộm cướp vấy vùng ở Hải Dương, lòng người lo sợ; muốn giữ vững phiên trấn bảo vệ kinh kỳ, lấy uy quyền để trấn áp giặc cướp, bèn chia Sơn Nam làm thượng lộ và hạ lộ, hạ lệnh cho Trịnh Trụ, Ngô Đình Oánh, Trương Nhiêu và Nguyễn Đức Huy chia nhau làm chương đốc; lại sai Nguyễn Quý Cảnh và Phạm Nguyễn Bảng chương đốc Sơn Tây; Nguyễn Huy Nhuận và Trần Đình Cẩm (có sách chép: Miên) chương đốc Kinh Bắc. Các viên quan kể trên đều giữ công việc quân và dân thuộc hạt mình. Nhân đấy, Doanh hạ lệnh cho các viên quan kể trên làm công việc:

- Tính theo số hộ, cứ 3 suất đình lấy một người sung làm hương binh;
- Xem xét nơi hiểm trở đặt đồn lũy canh phòng, để ngăn ngừa trộm cướp;
- Cấm quan lại hà khắc, bạo hoạnh, tướng sĩ cướp bóc của dân;
- Dân chúng có người nào biết tập hợp nhau, đốc suất nhau để hết sức đánh giặc theo với chính nghĩa, thì các quan kê tên người ấy tâu bày.

Lời chua-Ngô Đình Oánh: tên cũ là Đình Chất, người xã Tả Thanh Oai¹, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Trương Nhiêu: Người xã Như Kinh², huyện Gia Lâm, là em Trương Thị, tổ mẫu (bà) Trịnh Doanh.

Nguyễn Đức Huy: Tên cũ là Hoàn, người xã Nguyên Xá, huyện Thụy Nguyên³, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái.

Chương Đốc: Tên quan, nhân có việc mới đặt, không phải tên quan nhất định.

Sơn Nam thượng lộ, Sơn Nam hạ lộ, Sơn Tây, Kinh Bắc: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18, 25, 28, 34, 35).

Khôi phục chế độ cũ về khoa thi hương.

¹ Nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

² Nay là thôn Như Kinh, xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

³ Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Lúc nhà Lê mới trung hưng, thể lệ thi hương thể này: Ở xã khảo hạch học trò, lấy số người trúng tuyển đệ lên huyện, xã lớn 20 người, xã vừa 15 người, xã nhỏ 10 người, căn cứ vào xã lớn, xã nhỏ làm định hạn. Ở huyện thi khảo lại, chọn lấy người nào thông hiểu nghĩa lý văn chương liệt vào hạng học trò thi đủ thể văn bốn kỳ, thứ hai là hạng thi đủ thể văn ba kỳ. Đến khi vào thi hương, thi kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam, chỉ cốt lấy những người làm được đủ quyển, không ai bị đánh hỏng; đến kỳ đệ tứ mới có sự lấy người giỏi, bỏ người kém. Vì thế, người có văn học ít khi bị bỏ rơi. Đến quãng giữa đời trung hưng, đổi làm hạng sảo thông, quyển văn thi ba kỳ trước¹, không kỳ hạng sảo thông hoặc thứ thông đều một loạt đưa quan trường xét duyệt, thành ra người có văn học phần nhiều bị sàng sẩy, đến kỳ đệ tứ không mấy người được dự thi. Đến nay bàn khôi phục lại chế độ cũ, tuy về phần con em nhà quyền thế, không khỏi không có sự lấy đỗ quá lạm, nhưng sĩ tử có thực học, người nào cũng được dự thi kỳ đối sách cả.

Lời cần án-Nhà Lê từ sau khi trung hưng, dưới triều Hi Tông năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677), định thể lệ thi hương: Hễ năm nào đến khoa thi, thì các xã trưởng (do người có văn học hoặc sinh đồ đứng làm) ở phủ, ở châu và huyện khảo hạch học trò trong xã mình, lấy số người có thông hiểu nghĩa lý văn chương đệ lên huyện, số học trò đều theo hạn định xã lớn, xã nhỏ xã vừa. Huyện khảo hạch lấy người nào thông hiểu nghĩa lý văn chương liệt vào hạng học trò thi đủ thể văn bốn kỳ, huyện lớn 20 người, huyện vừa 15 người, huyện nhỏ 10 người, còn người thông hiểu vừa thì liệt vào hạng học trò làm đủ thể văn ba kỳ. Đến ngày vào trường thi, thì hạng học trò làm đủ thể văn bốn được vào thi chung với nho sinh và sinh đồ đã đỗ các khoa trước (quan viên tử thi trúng được ba kỳ gọi là nho sinh, thường dân thi trúng được ba kỳ gọi là sinh đồ), những quyển thi xếp riêng để đưa quan trường xét duyệt; Vì thế, người có văn học ít bị bỏ rơi.

Đến năm Bảo Thái thứ 2 (1721) dưới triều Dụ Tông, bỏ thể lệ khảo hạch ở xã, hạ lệnh thay đổi, cho huyện khảo hạch hai lần: lần khảo thứ nhất, làm bài thơ và một vài câu văn sách, hoặc làm bài thơ, bài phú; lần sau, làm một bài văn sách. Thể lệ lấy người trúng tuyển: huyện lớn 200 người, huyện vừa 150 người, huyện nhỏ 100 người. Người nào thông hiểu luật làm thơ đều được sung tuyển, nhưng lọc lấy những người trội hơn, kê riêng ra một sổ, nộp ti Thừa chính ở trấn.

Ti Thừa chính cùng ti Hiến sát hội đồng thi khảo: Trước hết thi một bài thơ², hoặc bài phú "Tuyệt cú"³, ba bốn câu về thể phú⁴ cùng một hai câu văn sách; sau thi một bài văn sách. Người nào trúng luôn được gọi là sảo thông, người nào chỉ trúng kỳ khảo ở huyện gọi là thứ thông. Số trúng tuyển có chia ra hạng sảo thông và thứ thông. Nếu người thứ thông nào chưa phục tình, được phép vạch rõ đích danh người sảo thông, và tình nguyện cùng người ấy so độ, để định người hơn, người kém.

Đến khoa thi, thi ba kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam, không kể bài thi của sảo thông hay thứ thông, đều một loạt đưa quan trường xét duyệt. Người vào hạng sảo thông mà được dự trúng ba kỳ, gọi là "sảo thông sinh đồ", chỉ có "sảo thông sinh đồ" mới được vào thi kỳ đệ tứ. Nếu người "sảo thông" nào khi thi không trúng được ba kỳ, sẽ mất cả "sảo thông". Còn người vào hạng "thứ thông" mà dự trúng ba kỳ chỉ được là "sinh đồ", mà không được vào thi kỳ đệ tứ. Đến khoa sau, những sinh đồ này lại do hiệu quan ở phủ (tức viên quan giữ chức giáo dụ ở phủ). Khảo lại một lần nữa, đầu đề thi dùng một bài văn sách, gọi là "thi khảo người hay chữ". Người nào dự trúng mới được cùng hạng "sảo thông sinh đồ" vào thi đối sách kỳ đệ tứ. Vì thế, học trò tranh nhau nhận "sảo thông" là hạng hơn.

Đến nay, bàn định khôi phục chế độ "tứ trường" đời Vĩnh Trị mà bãi bỏ chế độ "sảo thông". Do đây, con em nhà quyền thế nào cậy thế lực, nào dùng tiền tài, thành ra

¹ Tức kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam.

² Thông thường mỗi bài thơ 8 câu, bài nào chỉ có 4 câu gọi là tuyệt cú.

³ Nt.

⁴ Nguyên văn chép: "Phú tam tứ liên". Hai vế đối với nhau gọi là một "liên". Thông thường thể phú đầu đặt câu dài hay vắn, nhưng phải đối nhau.

số trúng tuyển những lạm có đến một nửa. Triều đình biết tai hại ấy, nên không bao lâu lại bãi bỏ chế độ "tứ trường", mà khôi phục chế độ "sào thông" đời Bảo Thái. Đến năm thứ 11 (1750)¹, theo lời bàn của tể thần² Đổ Thế Giai, thay đổi phép thi, ở huyện khảo hạch hai lần, lấy số người trúng tuyển, huyện lớn 70 người, huyện vừa 60 người, huyện nhỏ 30 người. Người nào được trúng tuyển gọi là "cử tri". Ngoài ra, con trai từ 10 tuổi trở lên, được phép nộp tiền "thông kinh" mỗi người 3 quan, rồi nộp đơn ứng thí, được miễn khảo hạch. Thi hành việc này, chỉ cốt thu được nhiều tiền, mà không điểm xĩa đến người có học hay không có học. Dầu bọn đồ tể, lái buôn cùng trẻ con 3, 4 tuổi, khi đi thi, không câu nệ mượn người làm gà hoặc đem sách vở vào trường, hễ ai có tên ở kỳ đệ tam tức là hạng "sinh đồ", chỉ có một điều là không được vào thi kỳ đệ tứ. Đến khoa sau, trong số người này, nếu người nào thực có học lực, cũng chiếu theo thể lệ "khảo thi người hay chữ" ở phủ, được vào trường thi đối sách. Tệ hại thi cử đến thế là cùng. Chép cả ra đây, để nghị lại sự thay đổi phép thi cử trong một thời đại.

Bọn Đặng Đình Luận, đốc lãnh trấn Hải Dương, đánh Nguyễn Tuyển ở Đông Triều, bọn này bị Nguyễn Tuyển bắt.

Thanh thế Nguyễn Tuyển rất lừng lẫy. Triều đình sai Đặng Đình Luận làm đốc lãnh thượng đạo Hải Dương, Trần Trọng Liêu và Nhữ Trọng Thai giữ chức hiệp đồng, đem quân đi đánh. Bọn này tiến quân đóng ở Đông Triều. Tuyển sai người xin hàng, Đình Luận tin lời, không phòng bị. Đêm đến, Tuyển đánh úp doanh trại. Đình Luận, Trọng Liêu và Trọng Thai đều bị bắt, Tuyển cho ở riêng một chỗ. Sau này Tuyển bị thua, bọn Đình Luận trốn về, đều bị lột hết quan chức và tước phẩm.

Lời chua-Đặng Đình Luận: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức³, là con Gia quận công Đặng Đình Lân.

Trần Trọng Liêu: Người xã Văn Giáp, huyện Thượng Phúc⁴, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông.

Nhữ Trọng Thai: Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An⁵, đỗ thám hoa khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức.

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Đong thóc ở Sơn Nam và Nghệ An.

Từ lúc dùng quân đánh dẹp đến nay, dân phải khổ sở về đói kém, chỉ có Sơn Nam và Nghệ An hàng năm được mùa, nhà giàu phần nhiều chứa thóc. Triều đình bèn hạ lệnh đong thóc ở Sơn Nam 150 vạn bát quan, ở Nghệ An 200 vạn bát quan, cứ 50 bát quan thóc trị giá một quan tiền, nhà giàu lấy làm đau đớn.

Lời chua-Bát quan: Bầy cấp là một bát, mỗi bát đếm được 84.000 hạt thóc.

Tháng 12. Hoàng Nghĩa Bá, thống lãnh trấn Hải Dương, đánh phá tan được Vũ Trác Oánh và Nguyễn Cừ. Nguyễn Tuyển chạy, rồi chết.

Hoàng Nghĩa Bá đem quân tiến đánh, phá tan được các đồn giặc ở Phao Sơn và Ninh Xá. Nguyễn Tuyển chạy, rồi chết. Nhân đây, Nghĩa Bá tiến đánh bọn Vũ Trác Oánh và Nguyễn Cừ ở Gia Phúc, được thắng trận. Lại tập hợp quân thủy đuổi theo càn quét ở sông Bạch Đằng, đảng giặc bị tan tác. Trác Oánh không biết chết ở đâu, còn Nguyễn Cừ lẫn lút đến Lạng Sơn. Nhân đây Nghĩa Bá xin kéo quân về.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XLI, tờ 2.

² Một danh từ đời phong kiến, dùng để gọi chung các viên quan quyền cao chức trọng. Ở đây chỉ phủ liêu trong phủ chúa Trịnh.

³ Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

⁴ Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

⁵ Nay thuộc Hải Dương.

Trương Khuông, đốc trấn Hải Dương, đánh nhau với giặc tên là Kinh: Khuông bị bại trận; Nhữ Đình Toàn, hiệp mưu, bị Kinh bắt được. Nhân đây, Đình Toàn dụ Kinh đầu hàng.

Trước kia Kinh (sót họ) theo anh em Nguyễn Tuyển. Tuyển dùng làm tướng bộ thuộc. Đến khi Tuyển bị thua, Kinh bèn tập tập hợp đồ đảng còn sót lại cướp bóc ở quãng Cẩm Giàng, Chí Linh, quân chúng có vài trăm người. Đốc trấn Trương Khuông cùng Đình Toàn đem quân đuổi theo tróc nã. Bọn Khuông đánh nhau với Kinh ở xã La Mát, bị bại trận. Nhữ Đình Toàn, hiệp mưu, bị Kinh bắt được. Kinh vẫn kính trọng thanh danh Đình Toàn, dùng lễ tân khách để đổi dãi. Nhân gặp cơ hội, Đình Toàn đem sự họa phúc dụ dỗ. Kinh bèn đến cửa quân đầu hàng.

Lời chua-Nhữ Đình Toàn: Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông.

Cẩm Giàng: Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 5).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

La Mát: Tên xã, thuộc huyện Đường Hào¹.

Ưu binh nổi loạn, phá hủy nhà tham tụng Nguyễn Quý Cảnh.

Là một bầy tôi cũ ở tiếm đế² Trịnh Doanh, Quý Cảnh rất được Trịnh Doanh thân yêu tin dùng. Lúc ấy, trong nước nhiều việc nguy cấp, ưu binh phải đi đánh dẹp luôn; triều đình dùng quan tước để thưởng công, tử chức thập trưởng trở lên đều ban cho sắc mệnh. Vì thế, ưu binh càng kêu ngạo, những người không được dự vào hạng quân công, lại xin tính xã để liệu lượng trao cho chức phẩm. Quý Cảnh lấy cố là trái thể lệ, bác bỏ lời xin của ưu binh. Bọn này, nổi giận, sỉ nhục Quý Cảnh rằng: "Hương cống lên đến địa vị thượng thư, thì thể lệ nào?". Rồi họ bèn cùng đem nhau đến phá nhà, lùng tìm Quý Cảnh để giết, nhưng Quý Cảnh đã đi vội vào hầu trong phủ từ trước, nên được thoát nạn. Trịnh Doanh giữ Quý Cảnh ở trong phủ, rồi tra hỏi bắt giết người cầm đầu việc nổi loạn. Còn những người khác, đều bắt buộc vào khuôn phép cấm đoán nghiêm ngặt. Nhưng ưu binh kêu ngạo, hung hãn đã thành thói quen, chung quy không thể nào kiềm chế được.

Lời chua-Ưu binh: Lính tuyển ở Thanh, Nghệ gọi là ưu binh.

Tính xã để liệu lượng trao cho chức phẩm: Ý nói lương bổng của ưu binh, có lệ ban cấp cho xã dân, hoặc một xã, hoặc hai xã không đều nhau; nay xin chiếu theo số xã dân đã được cấp nhiều hay ít mà liệu lượng trao cho quan chức phẩm trật cao thấp khác nhau.

Tháng 3. Dân Hải Dương bị đói, trích thóc ra để phát chẩn.

Năm ấy, dân Hải Dương bị nạn đói. Triều đình hạ lệnh trích số thóc đong ở Sơn Nam lấy 10 vạn bát quan phát chẩn cho dân nghèo. Sau lại hạ lệnh ban bố 4 điều răn bảo trong kinh và ngoài các trấn.

Lời chua-Bốn điều: 1. Các thuyền buôn thóc gạo được thông hành mua bán, miễn cho việc nộp thuế; 2. Miễn tiền lễ tạ, tiền khám xét cho dân nghèo bị kiện; 3. Tội tử những nhà quyền quý không được thiện tiện đến nhà dân; 4. Không có chỉ bài cấp phát không được trái phép bắt dân làm việc chuyển đệ văn thư.

Đặt chức Tuần thủ ở bốn đạo thuộc Hải Dương.

Vì Hải Dương đã được bình định, nên chia làm bốn đạo: Thượng Hồng, Hạ Hồng, An Lão, và Đông Triều, mỗi đạo đặt một chức tuần thủ để chiếu theo địa phận vỗ về dân chúng. Bổ dụng Nhữ Đình Toàn, Vũ Khâm Lâm, Phạm Đình Trọng và Vũ Phương Đề đều giữ chức hiệp đồng.

Lời chua-Vũ Khâm Lâm: Người xã Ngọc Lặc, huyện Tứ Kỳ, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

¹ Sau đổi là Mỹ Hào. Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

² Một danh từ để gọi chung phủ đệ của hoàng tử, vương tử, trong khi những người này chưa vào cung điện lên ngôi vua chúa.

Phạm Đình Trọng: Người xã Kinh Dao, huyện Giáp Sơn¹, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông.

Vũ Phương Đề: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) năm Vĩnh Hựu.

An Lão: Tên huyện, thuộc Hải Dương².

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Tháng 5, mùa hạ. Lê Lệ, đốc lãnh Sơn Tây, và Nguyễn Quai, hiệp đồng Tuyên Quang, đánh phá được Nguyễn Diên.

Trước kia, Diên cùng với chú hần là bọn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ nổi loạn. Khi Tuyển và Cừ bị hại. Diên tập hợp đồ đảng, quấy nhiễu cướp bóc vùng Sơn Tây. Trịnh Doanh hạ lệnh cho Lê Lệ đốc lãnh các đạo quân đi đánh, cả phá được Diên ở An Lạc. Diên lại sai đồ đảng đem binh thuyền theo thuận dòng sông xuôi xuống, hẹn đến ngày 13 tháng 6 qua bến đò Cốc. Nguyễn Quai. Hiệp đồng đạo Tuyên Quang, đánh úp, thuyền của Diên bị đắm hết.

Trước đây, Quai hỏi tù binh, biết được mưu kế của Diên, nhân đấy, Quai tuyển quân lính nhanh nhẹn, mang cờ đen, đội nón nan, giống như quân trang của Diên, rồi sai bọn này dùng thuyền đi trước. Quả nhiên Diên dẫn quân đến, trông thấy toán quân giả hiệu của Quai tưởng là quân mình kéo đến, thành ra không phòng bị gì cả. Lúc ấy, Quai thành lĩnh đến đánh, Diên hoang mang sợ hãi bỏ chạy, quân nhu và khí giới vứt bỏ đi hầu hết.

Lời chua-Lê Lệ: Người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương, dòng dõi Lê [Thì] Hiến.

Nguyễn Quai: Người xã Phúc Khê, huyện Hưng Nhân, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

An Lạc: Tên huyện, thuộc tỉnh Sơn Tây³.

Bến Cốc: Bến sông thuộc xã Vân Cốc, huyện Bạch Hạc, Sơn Tây⁴.

Bắt đầu cấp liêm điền cho các quan về hàng văn.

Từ sau khi trung hưng, về phần quan văn, triều đình chiếu theo phẩm trật cấp cho tùy binh có người nhiều người ít khác nhau: viên quan nhất phẩm được cấp 24 người, từ viên quan nhị phẩm đến ngũ phẩm, cứ mỗi phẩm trật rút dần đi 4 người, các viên quan ấy được thu tiền cố dịch⁵ để làm bổng lộc. Đến nay, vì số hộ khẩu hao hụt, nên đều cấp thay bằng lộc điền: viên quan nhất phẩm được cấp 50 mẫu, từ viên quan nhị phẩm đến bát phẩm mỗi phẩm trật rút dần đi 5 mẫu. Việc này giao cho Hộ phiên tùy theo sự thuận tiện của từng người mà cấp ruộng, gọi là "liêm điền".

Kén thêm binh lính ở Thanh Hoa.

Lấy thêm lính ở Thanh Hoa, đặt làm bốn đội trấn tiền, trấn hậu, trấn tả và trấn hữu, mỗi đội 300 người, để canh giữ phủ An Trường.

Lúc bắt đầu trung hưng, thể lệ lấy lính ở Thanh Hoa và Nghệ An, cứ 3 suất đình lấy một người. Năm Nhâm Dần (1722). (năm Bảo Thái thứ 3 triều Dụ Tông), định lại, cứ 5 suất đình lấy một người. Đến nay lại chọn 6 suất đình lấy một người, mà không kể số lính đương tại ngũ. Như vậy, thực ra là 3 suất đình lấy một người.

¹ Sau thuộc huyện Kinh Môn, Hải Dương.

² Nay thuộc T.P Hải Phòng.

³ Nay là huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

⁴ Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

⁵ Nguyên văn chép "cố tiền", có lẽ người tùy binh nộp tiền cho viên quan được phần cấp để thay thế công việc mà tùy binh phải phục dịch cho viên quan ấy.

Lời chua-An Trường: Tên xã, xem Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Hạ lệnh: Nhân dân, người nào chuyển vận thóc đi bán hoặc nộp thóc, sẽ được bổ làm quan.

Lúc ấy, dân vùng đông bắc hàng năm bị đói, triều đình hạ lệnh trích gạo công nấu cơm, cháo để phát chẩn cho dân. Lại mộ dân ở xứ khác, người nào có thể chuyển vận thóc đến bán hoặc nộp thuế ở nơi sở tại của mình, những người ấy đều được triều đình cân nhắc để ban cho quan chức.

Tháng 6. Bọn (phụ) đạo là Thoan ở sách Đông Quang làm phản. Văn Đình Dận, lưu thủ trấn Tuyên Quang, tiến đánh, dẹp yên được.

Mùa xuân năm trước, bọn đạo Thoan và đạo Thiều ở sách Đông Quang nổi loạn, cướp bóc những nhiều, châu huyện không thể kháng cự được, giặc bèn đánh, phá xã Đại Đồng. Đến nay, lưu thủ là Văn Đình Dận tiến đánh, phá tan được, đồ đảng của giặc tan vỡ, đất nơi biên giới hết thảy đều được bình định.

Lời chua-Đông Quang: Tên sách, thuộc huyện Trấn Yên, Hưng Hóa.

Thoan và Thiều: Tên hai người.

Đạo: Tức phụ đạo, tên quan của thổ tù.

Đại Đồng: Trấn lý, Tuyên Quang, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 5 (Chb. XXVII, 2).

Tháng 7, mùa thu. Định điều lệ về quân chính.

Lúc ấy, binh lính phần nhiều bỏ trốn, thiếu ngạch, viên quan ở trấn thúc giục bắt bớ, làm phiền nhiễu dân. Triều đình bàn định: Cho phép chọn mỗi xã một người làm thủ dịch, xã nào hàng năm không khuyết ngạch lính, sẽ được thưởng; xã nào trong 10 năm hoàn toàn không có lính trốn, không thiếu ngạch lính, thì đều được tùy theo hạng định xã lớn hoặc nhỏ mà ban thưởng cho: xã lớn trao cho chức thiên hộ, xã vừa chức phó thiên hộ, xã nhỏ chức bá hộ.

Các binh lính đã đem phân phối vào đội ngũ rồi, mà bỏ trốn, thì do viên quan cai quản trách cứ tróc nã, người lính trốn sẽ phải phạt 60 trượng, nếu trốn lần thứ 2 sẽ phải luận vào tội đồ; nếu lại cố ý trốn mới giao viên quan ở trấn tróc nã đích thân và bắt cả những người chứa chấp lính trốn đều đem trị tội. Đến như khi theo đi đánh dẹp mà mướn người đi thay, hoặc bỏ trốn, hoặc khi ra trận mà ẩn núp trốn tránh ở một nơi, đều phải theo luật luận tội.

Bổ dụng tham tụng Nguyễn Quý Cảnh làm công việc bộ Lại.

Từ khi ưu binh nổi loạn¹, Quý Cảnh giả thác có bệnh, xin từ chức, về ở nhà riêng, nhưng trên văn thư của chính phủ, Quý Cảnh vẫn ký tên như cũ. Đến nay lại có sắc mệnh này.

Tha tội cho Trịnh Tuệ và dùng làm tế tửu ở Quốc Tử giám.

Trước kia, Tuệ giữ chức thượng thư và tham tụng. Khi Trịnh Doanh nổi ngôi, nhận thấy Tuệ vào bè đảng với Công Phụ, nên bắt giam vào ngục. Đến nay triều đình bàn luận, cho rằng Tuệ ở trong số tộc thuộc họ Trịnh, có lẽ không dự biết mưu phản nghịch, nên phân biệt xét rõ để lục dụng. Vì thế, Tuệ lại được bổ dùng.

Lại hạ lệnh cho bộ Hộ trông nom tài chính và thuế khóa. Nhưng chưa được bao lâu lại bãi bỏ.

Khoảng niên hiệu Hồng Đức, chia đặt 6 bộ¹, việc chi thu về tài chính và thuế khóa đều quan hệ ở bộ Hộ. Sau khi trung hưng, phủ chúa Trịnh đặt 6 phiên, thu hết quyền binh của sáu bộ. Riêng về Hộ

¹ Xem thêm việc ưu binh nổi loạn, tờ 8 trong cuốn này.

phiên chuyên năm giữ tài chính và thuế khóa. Kỳ hạn tính toán sổ sách, hoặc 10 năm, hoặc 50 năm, vì để lâu ngày, nên bọn lại diễn giao hoạt, nhân vin vào đấy để làm việc gian trá. Đến nay. Đến nay, bầy tôi bàn luận xin khôi phục chế độ cũ. Trịnh Doanh theo lời, bèn bổ dụng Lê Hữu Kiều giữ công việc bộ Hộ. Từ đấy tài chính mới có thống thuộc. Nhưng quyền lớn lọt vào tay bọn tín thần đã lâu, bộ Hộ cũng chỉ biết được con số hao mà thôi. Vì thế không bao lâu lại bãi bỏ.

Lời phê-Họ Trịnh gian ngoan lấn quyền, sợ người ngoài toan tính đến thân, cho nên phần nhiều dùng hoạn quan làm tai mắt, mà quên bằng đi rằng cái tệ hoạn quan, cuối cùng sẽ đi đến chỗ nhiều việc, không thể ngăn cản được. Như thế là vì lòng riêng thì sinh ra mù quáng.

Lời chua-Lê Hữu Kiều: Người xã Liêu Xá, huyện Đường Hào, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1718) năm Vĩnh Thịnh triều Dụ Tông.

Sáu phiên: Quan thuộc trong phủ chúa Trịnh, xem Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb. XXXV, 22, 23).

Tín thân: Tức nội giám (hoạn quan).

Trịnh Doanh phong cho chú là Trịnh Đạc tước Doãn Trung công.

Trước kia, Trịnh Doanh đi đánh giặc Ngân Già, người chú của Doanh là đại tư đồ quận công Trịnh Đạc ở nhà giữ kinh thành, đến nay bàn việc phong thưởng, bèn gia phong cho Đạc tước Doãn Trung công.

Đặt chức nông quan ở tứ trấn.

Mỗi trấn đặt một viên đại sứ và một viên phó sứ, chuyên giữ công việc đồng ruộng, thân hành đi khuyên bảo nông dân. Lại đặt khuyến nông lại, để khuyên dân hết sức làm ruộng, tùy theo sự tiện nghi mà giúp đỡ dân. Hàng năm, cứ tháng trọng đông², sai người đi xem xét dò hỏi, xem nơi nào ruộng nương bỏ hoang hoặc khai khẩn, thức ăn của dân đầy đủ hay thiếu thốn, để định việc cất nhắc hoặc truất bãi các quan chức địa phương. Lại bàn định việc đồn điền, có 3 sở đồn điền dùng lính kinh kỳ cày cấy, 7 sở dùng lính tứ trấn, 9 sở dùng lính binh trấn; ngoài ra, tùy theo sở tại nơi đồn ải chia làm 14 sở nữa, gồm 33 sở đồn điền. Những lính trước đóng ở đồn nào, nay đều giữ lại ở đồn ấy để tiện việc cày cấy. Từ đấy, binh lính đều biết làm ruộng, lương thực của quân không đến nỗi quá cùng quẫn.

Hoàng Nghĩa Bá mất.

Nghĩa Bá vốn là người mạnh bạo, quả cảm, nhiều lần lập được chiến công, là một viên tướng nổi tiếng thời bấy giờ. Đến nay mất, đặt tên thụy là Trung Liệt, gia phong công thần.

Phạm Đình Trọng, hiệp đồng đạo Đông Triều, bắt được Nguyễn Cừ ở núi Ngọa Vân, đóng cũi đưa về kinh sư giết chết.

Trước đây, Cừ cùng Tuyển đứng đầu làm việc bạn nghịch, đồ đảng vây cánh rất nhiều. Cừ chiếm cứ Gia Phúc, Tuyển chiếm cứ Phao Sơn, hai bên làm thanh thế viện trợ lẫn nhau. Đến khi Tuyển bị bại, thế lực của Cừ mỗi ngày một cô đơn, từ lúc bị thua trận ở Gia Phúc và Bạch Đằng³, bè đảng tan tác bỏ đi. Vì đến bước đường cùng, Cừ trốn lên Lạng Sơn, nương nhờ thổ phi là Toàn Cơ (sót họ). Đến nay, lại định mưu trở về vùng Đông, khi đi đến Đông Triều, hết lương ăn, quân chúng tan tác. Cừ cùng con lên đến núp ở nhà dân dưới núi Ngọa Vân. Hiệp đồng Phạm Đình Trọng và tuần thủ Nguyễn Thự bí mật dò la biết được, đóng cũi đưa về kinh sư giết đi. Vì có công Đình Trọng đương thăng chức tả thị lang bộ Công. Nguyễn Thự thăng chức tổng binh đồng tri.

¹ Thánh Tông chia đặt 6 bộ từ năm Quang Thuận thứ 7 (Chính biên quyển XX, tờ 6) không phải đặt vào năm Hồng Đức như lời dẫn của Cương Mục.

² Tức tháng 11 âm lịch.

³ Xem thêm tờ 7 trong cuốn này.

Lời chua-Sông Bạch Đằng: Xem Thuộc Tấn, Cao Tổ, năm Thiên Phúc thứ 2 (Tb. V, 19).

Gia Phúc: Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 4).

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngồi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Lạng Sơn: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 35).

Núi Ngọa Vân: Có một tên nữa là núi Yên Tử, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 6 (Chb. VI, 18).

Hạ lệnh: Từ quan tam phẩm trở lên đều đề cử một người có thể làm nổi công việc ở phủ, ở châu và ở huyện.

Tháng 8. Dân bị đói to. Triều đình bỏ thóc ra để phát chẩn.

Lúc ấy, luôn luôn xảy ra kém đói, nhân dân phần nhiều phiêu tán. Triều đình bèn hạ lệnh lấy thóc trong kho chia ra phát chẩn cho dân phiêu tán ở tứ trấn; trong kinh kỳ cũng cứ 10 ngày phát chẩn một lần.

Từ cuối năm Vĩnh Hựu, trộm giặc các nơi nổi dậy, vùng Hải Dương càng nhiều hơn, dân gian bỏ cả cấy cày, các thứ tích trữ ở làng xóm hầu như hết sạch; chỉ có vùng Sơn Nam còn hơi khá một chút. Dân phiêu tán dạt díu nhau đi kiếm ăn đầy đường. Giá gạo cao vọt, một trăm đồng tiền không được một bữa no, Nhân dân phần nhiều phải ăn rau, ăn củ, đến nỗi ăn cả thịt rắn, thịt chuột, chết đói chồng chất lên nhau; số dân còn lại mười phần không được một. Làng nào vốn có tiếng trù mật cũng chỉ còn lại độ năm ba hộ mà thôi.

Tháng 9. Trịnh Doanh sai Đặng Đình Mật đánh úp và phá được Lê Duy Mật ở Sơn Tây. Duy Mật rút quân giữ ở Ngọc Lâu.

Trước kia, Duy Mật bỏ trốn ra ngoài, cùng với chú là Duy Chú ở đầu nguồn thuộc Thanh Hoa, quân chúng suy tôn Duy Chúc làm minh chủ¹. Chưa bao lâu, Duy Chúc mất, Duy Mật bèn thống lĩnh quân chúng, rồi do đường An Hóa, Phụng Hóa thuộc Thiên Quan, vượt qua Mĩ Lương và Minh Nghĩa, kéo ra quãng sông Đà, sông Thao. Trịnh Doanh sai Đặng Đình Mật thống lĩnh đạo Thanh Hoa, đốc suất cả quân các đạo An Sơn, Mĩ Lương và Chương Đức tiến đánh. Đình Mật nhân lúc không ngờ, đương đêm tiến quân sát đến đồn lũy của Duy Mật, phá vỡ được ba trùng lũy cùng vài chục sở đóng quân. Duy Mật rút quân giữ huyện Văn Lãng thuộc Thái Nguyên, sau lại trở về Thanh Hoa dựng doanh lũy ở xã Ngọc Lâu, xưng hiệu là Thiên Nam đế tử.

Việc sai tướng đi đánh trận này, Trịnh Doanh thấy Đình Mật là con nhà thế trần, vừa thân thích, vừa có công. Muốn đãi ngộ Đình Mật hơn các tướng khác, bèn cho triệu đến trao cho thanh kiếm vàng và ban cho cờ tiết mao cùng phủ việt² của tướng quân. Một mặt khác, chọn ngày làm lễ bái yết cung miếu³, rồi mới sai đi đánh. Từ trước đến nay, triều đình sai tướng đem quân đi đánh dẹp, chưa bao giờ cử hành lễ này, Đình Mật cũng lấy làm cảm động phấn khởi, tự hết sức cố gắng, nên mỗi lần đi đánh đều lập được chiến công.

Lời chua-Đặng Đình Mật: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức, con Huân quận công Đình Gián và là cháu Ứng quận công Đình Tướng.

Thiên Quan: Xem Bình Định Vương, năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

An Hóa: Tên huyện, thuộc Ninh Bình.

¹ Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XXV, tờ 33.

² Xem chú thích số 1, quyển XXX, tờ 27.

³ Xem lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXVI, tờ 11.

Phụng Hóa: Tên huyện xem Tương Dực Đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 1, 2).

An Sơn: Tức Ninh Sơn, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 4 (Chb. XXVI, 43).

Mĩ Lương: Xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 8 (Chb. XXIX, 14).

Minh Nghĩa: Tên huyện, thuộc Sơn Tây.

Văn Lăng: Tên huyện, thuộc Thái Nguyên.

Xã Ngọc Lâu: Thuộc huyện Thạch Thành, Thanh Hoa.

Đà và Thao: Hai con sông này ở địa phận hai tỉnh Hưng Hóa và Sơn Tây.

Tháng 10, mùa đông. Sai tham tụng Nguyễn Quý Cảnh và Vũ Công Tế làm chiêu phủ sứ các lộ.

Bọn Quý Cảnh chia nhau đi các lộ, khuyên dân làm ruộng trồng dâu, chiêu tập dân phiêu tán, mộ người làm ruộng, khai khẩn đất bỏ hoang, tìm bắt trộm cướp.

Lúc ấy, làng xóm tiêu điều tan tác, tính theo số xã thì nhân dân phiêu tán nhiều nhất có đến 1.730 làng, phiêu tán vừa có đến 1.961 làng.

Biểu dương dân trung nghĩa huyện Đại An và Nam Chân.

Trước kia, giặc Ngâm Già nổi lên, đi đến đâu là ở đấy đổ vỡ, chỉ có các tổng An Giang, Hải Liêu thuộc huyện Đại An và Phương Đế, Thần Lộ thuộc huyện Nam Chân hết sức đánh nhau và chống cự với địch, lại có công theo quan quân đi đánh giặc. Đến nay giặc đã dẹp yên, triều đình hạ lệnh ban cho biển ngạch "trung nghĩa" để biểu dương.

Lời chúa-Đại An và Nam Chân: Tên hai huyện, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18).

Tháng 11. Khởi phục¹ Trần Danh Ninh làm công việc Lễ phiên, vào phủ chúa giữ chức bồi tụng.

Trước đây, Danh Ninh xuất thân khoa bảng, giữ chức Hàn Lâm thị độc. Lúc ấy, gặp có tang mẹ, về ở nhà, Trương Khuông tiến cử là có thể dùng Danh Ninh giữ công việc trọng đại, vì thế, Trịnh Doanh hạ lệnh cho bỏ tình riêng để ra làm quan.

Lời chúa-Trần Danh Ninh: Người xã Bảo Triện, huyện Gia Bình, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu, năm Vĩnh Khánh².

Ân xá.

Lúc ấy, vì tai dị và mất mùa, kém đói, triều đình bèn hạ chiếu tha thuế tô, thuế dung cho các lộ; triệt bỏ những sở tuần ty trái lệ ngạch; cấm tố cáo xằng, bắt bớ bậy những người trước theo giặc mà nay đã theo lệnh trở về. Tờ chiếu ân xá gồm 5 điều.

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1724). (Thanh, năm Càn Long thứ 7). Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho chương phủ Vũ Tất Thận và tham tụng Nguyễn Quý Cảnh chia nhau quản lĩnh hương binh ở các huyện gần kinh kỳ.

Vì chưa dẹp yên được bọn giặc cướp, các quân lính phải phân phối đi đánh phá càn quét, trong kinh vắng bóng binh lính. Các quan giữ chính quyền trong phủ xin tạm kén dân các huyện gần kinh kỳ, cứ 5 suất đình kén lấy một người làm hương binh, tha dao dịch cho họ, duyệt tập theo như phép lính

¹ Người đương làm quan, nhưng vì lí do gì đó về ở nhà, sau lại triệu ra cho làm quan, gọi là khởi phục.

² Vĩnh Khánh là niên hiệu Đế Duy Phường (1729-1731) chỉ có năm Tân Hợi, không có Tân Sửu, Tân Sửu thuộc niên hiệu Bảo Thái (1721) triều Dụ Tông. Vì Cương mục chép sai, nên không rõ Danh Ninh đỗ năm nào.

chính thức. Bèn hạ lệnh cho Tất Thận và Quý Cảnh chia nhau quản lãnh, phân phối lương binh đóng ở ngoài kinh thành, để phòng bị việc bắt trặc xảy ra.

Nguyễn Đăng Hiến, tướng thủy đạo, đuổi bắt và giết được Toàn Cơ ở Hoàn Bồ.

Cuối năm Vĩnh Hựu, thổ tù Toàn Cơ (sót họ) nổi loạn, đánh phá đoàn thành, đốc trấn Ngô Đình Thạc bị giết. Khi Trịnh Doanh nổi ngôi, hạ lệnh cho Nguyễn Đăng Hiến, tướng thủy đạo, tiến quân đánh phá; Toàn Cơ thua chạy ra Yên Quảng. Đến nay, đuổi bắt được ở Hoàn Bồ, chém chết.

Lời chua-Hoàn Bồ: Xem Hi Tông, năm Chính Hòa thứ 11 (Chb. XXXIV, 25).

Đoàn Thành: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 26).

Dân Thanh Hoa bị nạn đói. Triều đình bỏ thóc ra để phát chẩn.

Năm ấy, dân Thanh Hoa bị nạn đói, một yến gạo trị giá một tiền. Triều đình hạ lệnh cho các quan trong tam ti¹ ở bản trấn, trích lấy 15 vạn bát quan thóc, chia nhau đi phát chẩn cho dân.

Tháng 3. Bổ dụng Nguyễn Ngọc Huyền làm hữu thị lang bộ Hộ giữ chức bồi tụng.

Trước kia, Ngọc Huyền làm đốc trấn Cao Bằng 7 năm, có tài về việc vỗ về dân chúng, chống cự giặc cướp, nên dân nơi biên giới được yên ổn làm ăn,, Trịnh Doanh rất trọng, phong cho tước hầu. Đến nay triệu về triều, bèn vào làm quan trong chính phủ.

Lời chua-Nguyễn Ngọc Huyền: Người xã Bột Thái, huyện Hoảng Hóa², đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Sai bộn Lê Hữu Kiêu, bồi tụng, dò la tìm hỏi tình hình ở các đạo thuộc Thanh Hoa và Nghệ An.

Trịnh Doanh bổ dụng Hữu Kiêu giữ chức lưu thủ ở Thanh Hoa. Sau hạ lệnh cho Hữu Kiêu cùng Hà Luân xét hỏi công việc và tình trạng trong hạt: Quan lại người hay, kẻ dở; dân gian đau đớn khổ sở; quan quân các đạo đánh dẹp, chống cự; tuần ti ở đường thủy và đường bộ. Lại hạ lệnh cho Đỗ Huy Kỳ đi dò la tìm hỏi tình hình ở Nghệ An.

Lời chua-Hà Luân: Người xã Kim Vực, huyện An Định, đỗ bảng nhãn khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Tháng 3. Trịnh Doanh tự tiến phong đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư, Minh vương. Đặt cái ống để nhận đơn bí mật tố cáo, sau lại bãi bỏ.

Lúc mới được lập làm chúa. Trịnh Doanh phong là nguyên soái, Minh Đô vương. Đến nay giả thác mệnh lệnh nhà vua, tự tiến phong đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư, Minh vương.

Doanh hăng hái lưu ý xét hỏi công việc, đặt cái ống bằng đồng ở cửa phủ, hạ lệnh cho người có việc hoặc người bị oan ức làm tờ tố cáo bỏ vào trong ống, cứ 5 ngày người có trách nhiệm đem ống ấy tiến trình.

Lúc ấy, sĩ phu, dân chúng bí mật trình bày việc tham tòng và những nhiễu của quan lại; nhưng khi xét nghiệm ra, phần nhiều không đúng sự thật.

Doanh dần dần sinh ra chán nản. Lê Trọng Thứ, tả chính ngôn, làm tờ khai nói: "Bây giờ lòng người không được như đời cổ, sự yêu ghét chưa chắc đã hết thảy được công bằng. Nếu muốn phân biệt rõ người hay kẻ dở thì nên cho các quan trình bày đầy đủ bằng lời nói, rồi thử thách công việc xem có đúng với lời nói không, xét sự thật, tìm công trạng, chứ không nên mở cửa cáo tố bí mật, chỉ làm thêm lòng gian trá về việc bới móc lẫn nhau, bè đảng với nhau mà thôi". Trịnh Doanh khen ngợi lời khai của Trọng Thứ, lập tức bãi bỏ cái ống đồng.

¹ Tức ti Trấn thủ, ti Thừa chính và ti Hiến sát.

² Nay là xã Hoảng Lộc, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 4, mùa hạ. bỏ bớt ti Hiến sát sứ ở các lộ Tuyên Quang, Hưng Hóa và Yên Quảng.

Lúc ấy lấy cớ rằng dân ở ngoại trấn xơ xác, ít kiện tụng, nên bỏ bớt ti Hiến sát đi. Dem quan chức và công việc ở ti ấy lệ thuộc vào ti trấn thủ.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho quan tam phẩm trở xuống lần lượt theo thứ tự vào phủ trình bày công việc.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho quan tam phẩm trở xuống, mỗi người lần lượt theo thứ tự triệu hai người vào phủ, để hỏi về chính sự và cơ nghi về việc quân, việc nước. Lại hạ lệnh khảo xét quan văn quan võ về thành hiệu của công việc đã làm, để phòng bị sự lựa chọn bổ dụng.

Tháng 5. Mặt trời có quầng.

Người xem thiên văn đoán là tượng trưng bày tôi lấn quyền, được trăm họ thân yêu quy phục. Trịnh Doanh kính lễ để tạ.

Định rõ thể lệ cất nhắc quan trong kinh, ngoài trấn.

Phàm cất nhắc trao chức cho quan trong kinh, ngoài trấn, căn cứ vào những điều lệ sau nay đã phân biệt khác nhau: Trúng trường khoa thi hội; Khảo trúng đầu bài do vua nghĩ soạn; -Tư cách về lâu năm và khó nhọc; -Nơi làm quan là nơi nhiều việc (phiên) hay ít việc (giản). Vì thế, những người cầu may mà được quân công, không được cất nhắc trao cho quan chức thực thụ.

Lời chua-Trúng trường: Ý nói người dự thi hội được trúng kỳ đệ tam đến ba, bốn, năm, sáu khoa.

Trúng khảo: Ý nói người được trúng cách trong các khoa thi sĩ vọng, hoành từ và ứng chế.

Phiên giản: Ý nói phủ hoặc huyện có nơi thái phiên, nơi giản khuyết¹.

Tháng 6. Sai Nhữ Đình Toàn xét hỏi sự trạng ở Sơn Nam hạ lộ.

Trước đây, ở Sơn Nam hạ lộ, mỗi huyện đều đặt một chức phủ dụ, bổ dụng bọn Phạm Hữu Du nhận lĩnh chức này, để hiệp đồng với viên đồn ngự sứ võ về chiêu tập dân địa phương, phòng bị ngăn cấm giặc cướp. Đến nay, triều đình được tin bọn này hà khắc, những nhiễu nhân dân, nhân đấy, sai Đình Toàn đi dò xét.

Lời chua-Phạm Hữu Du: Người xã Quán Các, huyện Giao Thủy, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Tháng 7, mùa thu. Đặt chức quan xét rõ hình ngục còn nghi ngờ.

Hạ lệnh cho tham tụng Nguyễn Ngọc Huyền, đô ngự sử Ngô Đình Oánh, mỗi năm cứ bốn tháng quý² phân xử những hình ngục oan uổng cho được hợp lý.

Dân bị đói. Giảm bớt lễ cúng tế thường, đình hoãn việc xét hỏi tạp tụng.

Vì năm mất mùa, dân bị đói, sự chi dùng trong nước không đủ, nên hạ lệnh giảm bớt năm phần mười về các lễ tế ở điện và miếu tại Thanh Hoa. Lại lấy cớ rằng viên quan giữ trách nhiệm bắt bớ khám xét làm phiền nhiễu dân, bèn ra sắc lệnh: Các việc kiện, chỉ có án nhân mạng, án trộm cướp, hoặc ngang ngược ức hiếp về ruộng đất và đánh nhau, mới được nhận đơn khám xét, ngoài ra hết thầy các việc kiện khác đều đình hoãn.

Tháng 8. Sai Đỗ Huy Kỳ và Phạm Doãn Vĩ chia nhau kén lính Thanh và Nghệ.

¹ Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XXXV, tờ 19.

² Quý xuân: tháng 3 âm lịch; quý hạ: tháng 6; quý thu: tháng 7; quý đông: tháng 12.

Lê Hữu Kiều, lưu thủ Thanh Hoa, dâng tờ khai nói: "Thanh Hoa và Nghệ An mất mùa dân bị đói, số binh lính bỏ trốn và khuyết ngạch nhiều đến hơn vạn người, bọn quản suất bắt bớ thúc giục rất là phiền nhiễu cho dân; nếu có tìm bắt được, không phải người gian dối cũng là người nghèo khổ, vì thế mà vừa đến doanh trại lại bỏ trốn ngay. Nay không gì bằng chọn lấy viên quan thổ trước, ủy thác cho thân đi thăm hỏi tình trạng dân, rồi tùy tiện nghi mà đốc thúc lựa chọn, như thế là tiện hơn cả". Trịnh Doanh theo lời. Vì thế, hạ lệnh cho Huy Kỳ đi Thanh Hoa, Doãn Ví đi Nghệ An, chia nhau tuyển lính.

Lời chúa-Thanh và Nghệ: Tên hai trấn, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 17, 20-23, 33).

Đỗ Huy Kỳ: Người Thanh Hoa.

Phạm Doãn Ví: Người xã Thổ Hào, huyện Thanh Chương, Nghệ An, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Vũ Công Tế mất.

Công Tế sở trường về văn học, có mưu mô, tài trí, gặp lúc việc quân việc nước bề bộn, biết tùy theo đường lối điều khiển xếp đặt. Trịnh Doanh rất làm trọng, bèn cất nhắc lên làm quan ở chính phủ, giao phó cho giữ việc then chốt trong nước. Công Tế lại hay tiến cử người, dầu người có một tài nghệ, cũng khen ngợi cất nhắc không bao giờ bỏ sót. Vì thế, người ta cũng vui lòng làm việc.

Trước kia, giặc Sơn Tây là Nguyễn Danh Phương, thanh thế ngày càng lừng lẫy, triều đình bàn muốn chiêu an, chỉ một Công Tế cho là không được, nhất quyết chủ trương đánh phá tiêu trừ. Về sau, quả như lời dự liệu của Công Tế. Đến nay mất, truy tặng hàm thiếu bảo.

Tháng 10, mùa đông. Đặt vệ binh ở tứ trấn.

Hồi đầu triều Lê, binh lính ở tứ trấn đều đặt các vệ, các sở. Đến lúc trung hưng, chuyên dùng lính Thanh, Nghệ làm ưu binh, còn lính ở tứ trấn chỉ giữ có ngạch hảo mà thôi. Khoảng năm Bảo Thái (1720-1728), Nguyễn Công Hãng làm tướng lại tuyển lính tứ trấn, phân phối bỏ vào đội ngũ, chưa bao lâu Công Hãng mất chức, phép ấy bèn bãi bỏ, đến nay, vì phải dùng lính đi đánh dẹp, không đủ lính để điều động sai phái, bèn tuyển dân tứ trấn, cứ 5 suất đình lấy một người, được số lính 11.465 người, phỏng theo phép phủ vệ nhà Đường¹, chia làm 20 vệ, ở vệ đặt chức tuần phủ và tuần thủ, chọn viên quan có tài cán mưu mô về hàng văn và hàng võ mỗi hàng một người để giữ các chức ấy, còn thuộc viên về hàng văn, hàng võ thì giữ chức phó nhị. Mỗi vệ đều chia thành hai phiên, hàng tháng thay đổi nhau để thường trực. Bình thường cứ cho một nửa số lính về nhà làm ruộng, người nào ở trong quân ngũ, quan sẽ cấp cho lương ăn hàng tháng. Lúc có việc phải tập hợp để điều động, thì sự sai phái đều tùy theo viên quan mà binh lính thuộc quyền (các tùy sở lệ sai bát), xong việc lại trả về vệ cũ.

Trước đây, bọn Đào Hoàng Thực giữ chính quyền trong phủ chúa bàn thi hành 3 điều: 1. phép phủ binh; 2. thu thêm tô ruộng; 3. lại thu tiền thuế điệu. Trịnh Doanh lấy cớ rằng việc binh là cần cấp hơn cả, cho nên thi hành trước.

Lời chúa-Sở lệ sai bát: Ý nói lúc có việc mà binh lính phải ra trận đánh dẹp, hoặc thuộc quyền viên thống lĩnh, hoặc thuộc quyền viên đốc lĩnh, tùy theo công việc mà viên quan ấy sai phái.

Đặng Đình Mật đánh bại được Lê Duy Mật ở xã Thịnh Mỹ.

Trước kia, Duy Mật nhiều lần bị Đình Mật đánh bại, phải chạy đến Nghệ An, chiếm cứ động Cổ Nam, sau lại vội vàng đi Thanh Hoa, ra huyện Lôi Dương, phá đồn Bái Thượng, định mưu qua đò Lương Giang để về An Trường. Đình Mật cùng bọn Hà Huân, Nguyễn Nghiễm tiến quân, gặp ở xã Thịnh Mỹ, đánh bại được Duy Mật, Duy Mật chạy đến châu Lang Chánh.

Sau này bàn thưởng công, Đình Mật được tăng làm tham đốc, vẫn giữ chức thống lĩnh, mà sai Nguyễn Ngọc Huyền hiệp lực, để cùng toan tính việc đánh Duy Mật.

¹ Xem chú thích số 2. Chính biên quyển XXXV, tờ 41.

Lời chua-Nguyễn Nghiêm: Người xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Thịnh Mỹ và Bái Thượng: Tên hai xã, đều thuộc huyện Lô Dương.

Lạng Chánh: Tên châu: Xem năm thứ 28 (Chb. XLIII, 14).

Động Cổ Nam: Thuộc châu Quang Hóa, ở chỗ giáp giới hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An.

Lương Giang: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 2 (Chb. XI, 9).

Tháng 12. Bắt đầu thu thêm tiền tô ruộng.

Từ năm Bảo Thái trở về trước, duy ruộng công phải chịu tô, còn ruộng tư không phải chịu. Đến lúc Nguyễn Công Hãng giữ chính quyền, mới bàn đánh thuế theo từng hạng ruộng, chia ra ba hạng: nhất đẳng, nhị đẳng và tam đẳng. Đến nay vì việc chi dùng trong nước không đủ, bầy tâu trong phủ chúa xin tạm thời bổ thêm "tiền gia tô", mỗi mẫu đều nộp 30 đồng, thu vào hai mùa đông và hạ. Về sau, việc này bèn thành thể lệ nhất định.

Lời chua-Đánh thuế theo từng hạng ruộng: Ruộng nhất đẳng, mỗi mẫu 3 tiền, ruộng nhị đẳng mỗi mẫu 2 tiền, ruộng tam đẳng mỗi mẫu 1 tiền.

Quý Hợi, năm thứ 4 (1743). (Thanh, năm Càn Long thứ 8). Tháng Giêng, mùa xuân, khôi phục phép đánh thuế điệu đời Bảo Thái (1720-1729).

Theo chế độ cũ, các việc chi phí về bài, biểu, tế, khoán, đều chiếu theo từng hộ thu tiền¹.

Bài là ngày sinh của vua chúa, ngày mồng một tháng giêng (âm lịch) hàng năm, các nha môn làm lễ bái vọng;

Biểu là phẩm vật nghi lễ dâng tâu biểu chúc mừng vua chúa. Phàm gặp những tiết lễ kể trên, các nha môn đều có hát xướng, yến tiệc.

Tế là tế ở cung miếu² vào các tiết tứ quý³; tế đình⁴ ở quốc học và quận học; tế bách thần vào tiết mùa xuân; tế ma quỷ không có người cúng tế⁵.

Khoán là các việc đê, đường, cầu, cống, kho tàng, trường thi v.v...

Những lễ tiết và công việc về bài, biểu, tế, khoán đều chia bổ về đình suất, mỗi năm hoặc 2 quan, hoặc 3 quan, không có ngạch nhất định, gọi là "tiền hộ phân".

Tiền bài và biểu thuộc về hai ty Thừa chính và Hiến sát; tiền tế thuộc về phủ huyện; tiền khoán thuộc về ti Trấn thủ. Còn việc thu nộp thì giao cho nha lại các huyện. Đến khoảng năm Bảo Thái, triều đình chán ghét về sự phiền phức vụn vặt, bèn đổi lại mà định làm phép điệu. Theo phép này, mỗi suất định hàng năm nộp 6 tiền, phỏng theo ý nghĩa "mướn người làm việc" của đời cổ. Khi gặp việc chi tiêu về bài, biểu, tế, khoán, đều lấy tiền ở người có trách nhiệm giữ tiền. Nhưng sau vì kho tàng không đủ tiền, thành ra cầu cống, đường sá phần nhiều bỏ hũy hoại, vì thế lại bàn thu "tiền hộ phân". Rồi sau đó, nào bắt bớ, thúc giục, nào thu tiền, nộp tiền, tệ hại này ra hàng trăm mảnh khoe. Trịnh Doanh biết tình tệ

¹ Xem thêm lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXVI, tờ 11.

² Theo lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXV, tờ 9 và quyển XXXVI tờ 11, thì cung miếu là miếu thờ tiên tổ họ Trịnh, Nhưng theo chú thích của cuốn Lê sử bổ (sách chép tay, không có tên tác giả, cuốn sách này chỉ chép công việc đời Lê Cảnh Hưng), thì cung miếu là miếu thờ Lê Thái Tổ, và đem các vị tiên tổ họ Trịnh cùng mấy người công thần nữa dự vào phối hưởng.

³ Xem chú thích số 2 tờ 33 trong cuốn này.

⁴ Tế khổng tử và tiên hiền, tiên nho. Vì tế vào ngày "đình" trong tháng trọng xuân và trọng thu, nên gọi "tế đình".

⁵ Nguyên văn chép "lệ tế". Chữ "lệ" có nhiều nghĩa: Tật dịch ma quỷ, điềm dữ v.v... Ở đây chúng tôi dịch theo chú thích trong cuốn Lê sử bổ đã dẫn ở trên.

ấy, nên năm trước, hạ lệnh cho bày tôi đem việc thu số tiền này cùng bàn luận chung với chính sách binh lính và phép đánh tô ruộng, đến nay mới thi hành.

Tháng 2. Bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc, hoạn quan, giữ chức đốc lãnh lính kỳ đạo.

Ngũ Phúc do hoạn quan xuất thân, là người có mưu kế. Trước kia hắn do chức tả thiếu giám, sung giữ chức nội sai trong Hình phiên. Vì thấy triều đình đương dùng quân đánh dẹp, bèn dâng 12 điều về binh pháp. Trịnh Doanh cho đem thi hành. Nhân đấy, sai thống lĩnh kỳ binh đạo Hải Dương, cùng với viên thống tướng chánh đạo là Hoàng Công Kỳ hội đồng tiểu trừ Nguyễn Hữu Cầu ở Đồ Sơn.

Lúc Ngũ Phúc mới được nghe mệnh lệnh, rất lấy làm lo, vì từ trước chưa từng đi chiến trận bao giờ. Có người khách khuyên: "Nên vay một vạn quan tiền công, để mộ lấy những tay tráng sĩ". Ngũ Phúc nói: "Nay vay tiền công, một ngày kia bắt phải nộp trả, thì lấy tiền đâu mà trả được". Khách nói: "Tục ngữ có câu "Tướng vô tài, sĩ bất lai", nghĩa là người làm tướng mà không có của, thì không bao giờ dũng sĩ tìm đến. Nếu ông thật lòng theo kế của tôi, thì những tráng sĩ đều hết sức với ông, quyết chiến thắng được địch, từ đấy sẽ được vừa sang vừa giàu, có lo gì cái món tiền vạn quan? Nếu nhỡ ra vấp vấp đến chỗ không thể nói được, thì còn ai trách cứ món nợ ấy vào đâu được nữa?". Ngũ Phúc cho là phải, bèn theo lời. Do đấy về sau, Ngũ Phúc nhờ vào sức sĩ tốt, lập được chiến công, là viên tướng nổi tiếng trong một đời.

Lời chua-Ngũ Phúc: Người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng.

Thổ phi ở Cần Dinh đánh phá Đoàn Thành, đốc trấn Vũ Tá Vĩnh và đốc đông Trần Công Hân đánh nhau với thổ phi, bị chết. Phiên mục là Nguyễn Đình Sính khôi phục được Đoàn Thành.

Lạng Sơn giáp với Kinh Bắc, núi non thung lũng hiểm trở, thổ phi (sót họ tên) Cần Dinh hô hào nhau tụ tập trong hang núi, rồi đem đồ đảng bao vây Đoàn Thành. Tá Vĩnh đem sự nguy cấp báo cáo về triều. Triều đình hạ lệnh cho Trần Đình Cẩm, trấn thủ Kinh Bắc, đến cứu viện. Đình Cẩm không chịu tiến quân, lấy cớ rằng còn phải hội hợp quân để tiểu trừ giặc biển. Vì thế, bọn Tá Vĩnh kiệt sức, Đoàn Thành vỡ, bọn này đều bị hại. Phiên mục là Nguyễn Đình Sính đem thổ binh đánh giặc, giặc thua chạy, bèn khôi phục được Đoàn Thành.

Lời chua-Trần Công Hân: Người xã Cổ Am, huyện Vĩnh Lại¹, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông.

Nguyễn Đình Sính: Phiên mục Lạng Sơn.

Xã Cần Dinh: Thuộc huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh².

Đoàn Thành: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 26).

Giặc biển: Hữu Cầu hô hào dân chúng tụ hợp ở Đồ Sơn, cướp phá miền ven biển, nên gọi "giặc biển".

Tháng 3. Tha thuế tuần ti ở các lộ.

Lúc ấy, các sở tuần ti đánh thuế phiên nhiều nặng nề, việc buôn bán phải sút kém dần đi. Trịnh Doanh muốn bỏ việc đánh thuế, Các quan trong chính phủ nói: "Thuế tuần ti đã có ngạch nhất định, nay chỉ nên ngăn cấm việc hà lạm sách nhiễu mà thôi". Trịnh Doanh nói: "Chính sách của vương giả ngày trước, chỗ họp chợ ở nơi quan ải chỉ xét hỏi người lạ mặt mà không đánh thuế. Nay, sau khi binh lửa, đồ ăn thức dùng của dân thiếu thốn, muốn được đủ dùng, chỉ nhờ vào sự buôn bán vận chuyển nơi có đến nơi không mà thôi, nên thực sự gia ơn, không nên chỉ làm việc hạ lệnh răn bảo". Bèn bãi bỏ thuế tuần ti năm ấy cho các lộ.

Lời chua-Tuần ti các lộ: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 12).

¹ Nay là huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng) và huyện Ninh Giang (Hải Dương) xã Cổ Am thuộc huyện Vĩnh Bảo.

² Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Hạ lệnh cho quan trong kinh, ngoài trấn đều dâng tờ thực phong¹ trình bày công việc.

Hạ lệnh quan võ từ tam phẩm trở lên đều đề cử một người có tài trí, mưu mô, mạnh dạn, quả cảm.

Tháng 5, mùa hạ. Bãi bỏ chế độ bổ quan văn giữ chức tuần phủ ở các vệ.

Trước kia, tuyển lính tứ trấn, chia ra các vệ, mỗi vệ đặt quan văn giữ chức tuần phủ, quan võ giữ chức tuần thủ, mỗi chức một người, để thống suất binh lính. Đến nay, tham tụng Lê Hữu Kiều nói: "Vệ binh mới đặt, kỷ luật còn thô lỗ, xin chỉ đặt một quan võ giữ chức tuần thủ, để thời thường thao luyện diễn tập binh lính, mà bỏ việc bổ quan văn giữ chức tuần phủ đi". Trịnh Doanh theo lời.

Ánh sáng. Sao Hỏa phạm vào vị trí sao Thái Vi.

Bãi chức tham tụng của Nguyễn Công Thái, cho ra trấn thủ Sơn Nam.

Trước đây, Công Thái trấn thủ ở Thanh Hoa, được triệu về giữ chức trong chính phủ. Công Thái cùng bọn Đỗ Thế Giai, Đàm Xuân Vực không hợp ý nhau. Gặp lúc ấy bọn Hoàng Văn Chất, giặc cỏ ở Sơn Nam, thanh thế đương mạnh tựa, bọn Thế Giai muốn hãm hại Công Thái, bèn nói với Trịnh Doanh là Công Thái có thể đương nổi sứ mạng trấn thủ Sơn Nam. Vì thế, mới có lệnh này.

Lời chua-Đỗ Thế Giai: Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, đỗ hương cống, vào hạng quan tiến triều².

Đàm Xuân Vực: Hoạn quan, người xã Tương Trúc, huyện Thanh Trì.

Hoàng Văn Chất: Có một tên nữa là Công Thư, người huyện Thư Trì, tỉnh Nam Định³, có thuyết nói: người xã Vân Hoàng, huyện Phú Xuyên.

Tháng 6. Nguyễn Hữu Cầu, giặc vùng Hải Dương, cướp huyện Thanh Hà. Hoàng Công Kỳ cùng Hoàng Ngũ Phúc đánh phá được.

Trước đây, Nguyễn Cừ đã bị bại, đồ đảng của hắn là Nguyễn Hữu Cầu lại hô hào tụ hợp nhau lên lụt chiếm cứ Đồ Sơn, rồi sai đồ đảng cướp bóc xã Lão Phong. Trịnh Bảng, đốc lãnh thủy đạo, đem quân và thuyền tiến đánh. Bên giặc đem ra hơn mười chiếc thuyền, khi thấy quan quân, giả vờ chạy trốn, Bảng đuổi theo đến cửa biển Giai Môn, giặc rút lui vào bến Cát Bạc. Gặp lúc ấy thủy triều cuộn cuộn giầy lên, gió thổi mạnh, thuyền của quan quân cao lớn, chèo chở không thuận lợi, bèn đỗ ở bờ biển phía đông. Giặc nhân cơ hội ấy, đem hơn trăm chiếc thuyền nhanh nhẹn tiến ra đánh phá; quan quân tan vỡ. Trịnh Bảng trong mình trúng hơn mười vết thương, bị giặc bắt, Bảng chửi mắng không ngớt mồm, rồi chết.

Từ đấy, thanh thế Hữu Cầu ngày càng hùng lẫy, tự xưng là Đông Đạo tổng quốc bảo dân đại tướng quân, chiếm cứ ven biển Đồ Sơn và Vân Đồn làm nơi kiên cố.

Trịnh Doanh sai Hoàng Công Kỳ thống lãnh đạo bộ binh ở Hải Dương, Trần Cảnh thống lãnh đạo thủy binh, lúc ra đi, Trịnh Doanh thân hành trao cho mưu kế phương pháp. Sau đó, sai Công Kỳ thống suất số quân thuộc dưới quyền Trần Cảnh và các đạo quân của đốc lãnh Vũ Tá Liễu, gồm binh thuyền của 29 cơ, nghiêm hạn nhật kỳ tiến quân càn quét. Công Kỳ dâng tờ khai nói: "Giặc nương vào núi, dựa vào biển làm nơi kiên cố; và lại nước biển khi lên khi xuống không nhất định, muốn phá Đồ Sơn, không tranh chiếm địa lợi trước là không được, mà muốn tranh chiếm địa lợi, cần phải dùng thủy binh. Vậy xin giữ quân thủy của đội Tứ Trạch lại để phòng bị việc điều khiển". Trịnh Doanh y cho. Công Kỳ cùng tướng thủy đạo là Nguyễn Công Hiến, góp sức nhau cùng càn quét, Hữu Cầu đánh nhau, bị bại trận, chạy trốn ra bãi biển, nhưng bọn Công Kỳ không lập tức đuổi bắt, Đăng Hiến lại tự dẫn đại binh về kinh sư.

¹ Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XXXV, tờ 23.

² Xem lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXXVI, tờ 28.

³ Nay huyện Thư Trì hợp với huyện Vũ Tiên thành huyện Vũ Thư thuộc tỉnh Thái Bình.

Hữu Cầu biết Yên Quảng sơ hở yếu ớt, lại trở về chiếm cứ Đồ Sơn, thường ra cướp phá vùng đông nam, thế lực mạnh dần, không ai có thể chống cự được. Đến nay đem quân cướp huyện Thanh Hà. Công Kỳ bị vây đã hàng tuần, bèn sai người vượt ra ngoài vòng vây, về triều cáo cấp. Quân cứu viện chưa kịp đến, thì Hoàng Ngũ Phúc, đốc lĩnh lính kỳ đạo thúc quân đến cứu. Khi quân của Ngũ Phúc đến huyện Vĩnh Lại, bị giặc chẹn lại, không tiến lên được.

Về phía Công Kỳ thì tán lý Vũ Khâm Lân bày mưu rằng: "Quân ở kinh sư chưa thể đến ngay, nếu cứ ngồi để đợi viện binh, thì làm thế nào có thể kịp được? Nay giặc đánh nhau với binh lính kỳ đạo, chúng tất dồn quân về mặt trước, nếu ta tranh cướp lấy mặt sau mà đem quân ra, hai đạo quân hợp sức lại để đánh, thì thế nào cũng phá được quân địch". Công Kỳ nghe theo kế ấy, bèn nhân đêm kéo ra cửa sông Ngự Đại, gặp quân giặc có ít, đánh thắng được, rồi hợp sức phá nhỏ kè, tiến ra sông Ngự Đại, kéo về đóng ở sông Tranh, hội hợp với Hoàng Ngũ Phúc tiến đánh, phá tan được địch.

Lời chua-Bảng: Người trong tộc thuốc họ Trịnh.

Đồ Sơn: Tên xã, xem Tương Dực Đế, năm Hồng Thuận thứ 3 (Chb, XXVI, 11).

Lão Phong: Tên xã.

Giai Môn: Tên cửa biển.

Cát Bạc: Tên bến. Cả ba đều thuộc huyện Nghi Dương¹, tỉnh Hải Dương.

Sông Ngự Đại: Ở xã Ngự Đại, huyện Thanh Hà².

Sông Tranh: Ở địa phận xã Tranh Xuyên, huyện Vĩnh Lại³.

Vân Đồn: Tên châu.

Thanh Hà và Vĩnh Lại: Tên hai huyện, đều xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19 (Chb, XXX, 14).

Tháng 8, mùa thu. Thêm ngạch lấy đỗ ở trường thi hương.

Từ đầu năm Cảnh Hưng, luôn mấy năm binh lửa và mất mùa, khoa thi hương phải hoãn, đến nay lại cử hành. Triều đình hạ lệnh thêm ngạch lấy đỗ cống sĩ.

Lúc ấy, sĩ tử vào thi trường Nghệ An, đến kỳ đệ tam, người bất đắc chí đốt phá vi trong trường thi. Sau tra ra người cầm đầu đem giết, rồi cho thi lại kỳ đệ tứ.

Tháng 11, mùa đông. Sao Chổi xuất hiện.

Sao Chổi xuất hiện, hình dài hơn một trượng, 2 tuần mới lặn.

Sai Đinh Văn Giai và Nguyễn Đình Hoàn hội quân tiêu trừ giặc cỏ.

Từ khi Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển nổi loạn, các huyện bị tàn phá luôn, bọn cường bạo tập hợp nhau đi theo giặc cướp bóc tứ tung. Một dãy phía bắc sông, làng xóm tan tác phiêu lưu, cỏ mọc ngập mắt. Đến khi Cừ và Tuyển bị bại, đồ đảng còn sót lại đều hô hào nhau tụ tập thành từng toán một, toán lớn vài ngàn người, toán nhỏ cũng không kém năm, sáu trăm người, đến đâu cướp bóc đấy, lấp ló ở nơi đồng nội sông chằm, không sao biết được tung tích. Lúc ấy người ta gọi là "giặc cỏ". Hoàng Văn Chất, một tay kiệt hiệt nhất.

Bọn thống lĩnh là Trương Nhiêu và Lê Đuan Khải chia quân ra đuổi bắt, nhưng quân giặc chợt tan, chợt lại tụ họp, không thể dập tắt được. Vì nhiều lần bị quan quân đánh phá, chúng dâng thư xin hàng. Theo lời bàn luận của bầy tôi, thì đều không muốn chiêu an, chỉ có Nguyễn Đình Hoàn và Trần Huy Mật cố sức chủ trương cho chúng đầu hàng. Trịnh Doanh cũng chán nản việc dùng quân đánh dẹp, nhân

¹ Nay là huyện Kiến Thụy, T.P Hải Phòng.

² Nay là huyện Thanh Hà, thuộc tỉnh Hải Dương.

³ Huyện Vĩnh Lại, nay là huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng) và huyện Ninh Giang (Hải Dương).

đẩy trao cho chúng được quan tước và cho chiếu theo từng địa điểm mà cai quản lấy. Nhưng bọn Văn Chất nắm lấy quân chúng, không chịu giải tán. Bầy tôi trong chính phủ xin nghiêm hạn bắt chúng phải đến cửa khuyế đình. Bọn Văn Chất lại làm phản, chiếm cứ Khoái Châu, đến đâu đốt phá, cướp bóc đấy. Trịnh Doanh hạ lệnh giao trách nhiệm cho Đình Hoàn thống lĩnh quân đạo đông nam, Trần Huy Mật làm tán lý, cùng trấn thủ Đình Văn Giai, nghiêm hạn nhật kỳ hội đồng càn quét, sau đó, Văn Giai cùng Đình Hoàn phá tan được bọn Văn Chất ở Đổ Xá. Gặp lúc ấy nước sông Nhị lên cao, Đình Hoàn xin khơi nước sông cho đổ gòi vào quân của Văn Chất. Trịnh Doanh không y cho, vì lấy cố rằng làm như thế sẽ hại lây đến huyện lân cận.

Đình Hoàn tự nhận mình có chuyện trách khổng chế mặt nam, thiện tiện tự ý càn bắt dân phu theo đi đánh giặc, làm náo động cả dân địa phương. Nghe được tin này, Trịnh Doanh giận lắm, nghiêm ngặt trách phạt Đình Hoàn và bãi đi ngay. Sau cho triệu Văn Giai về trình bày công việc quân cơ ngay trước mặt, rồi lại sai đến quân thứ. Nhưng giặc cỏ tung hoành bạo ngược càng ngày càng dữ, dân vùng Hải Dương, Kinh Bắc không ngày nào được yên.

Lời chua-Nguyễn Đình Hoàn: Người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Anh, tỉnh Nghệ An.

Lê Đoan Khải: không rõ tiểu sử.

Khoái Châu: Tên phủ, xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Đổ Xá: Tên xã, thuộc huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 40

Từ Giáp Tý, Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 5 (1744) đến Kỷ Ty, năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749) gồm 6 năm.

Giáp Tý, năm (Cảnh Hưng) thứ 5 (1744). (Thanh, năm Càn Long thứ 9).

Tháng 2, mùa xuân. Có con cá lớn vào sông Cái.

Con cá, đầu như đầu voi, mình dài hơn 4 trượng, từ cửa biển Thần Phù vào cửa sông, rồi theo sông Châu Kiều ngược dòng bơi lên, đến miếu thờ tại khúc sông Thuần Lương, ở đấy 3 ngày, rồi lại bơi ra biển.

Lời chua-Cửa biển Thần Phù: Tức cửa biển Thần Đầu, xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Sông Châu Kiều: Ở địa phận xã Châu Cầu, huyện Kim Bảng.

Miếu Thuần Lương: Ở xã Hương Lâm, huyện Phú Xuyên. Cả hai đều thuộc Hà Nội¹.

Tháng 3. Bổ dụng hoạn quan Hoàng Công Kỳ giữ chức trấn thủ Sơn Nam, kiêm thống lãnh mặt đông nam; triệu Nguyễn Công Thái về, lại vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trước đây Công Thái ra trấn thủ Sơn Nam, có tài về việc vỗ về dân, chống giặc cướp, vì thế mà bọn giặc cỏ Hoàng Công Chất không dám quá hung ngược, dân địa phương tạm được yên ổn. Trịnh Doanh nghĩ công lao của Công Thái, cho triệu về kinh, bổ dụng Công Kỳ đến thay.

Bắt đầu cấp thái ấp cho bầy tôi trong chính phủ.

Cấp thái ấp cho tham tụng Đào Hoàng Thực và Nguyễn Công Thái, mỗi người 2 xã, gọi là ngụ lộc. Việc này sau thành thể lệ.

Lời chua-Ngụ lộc: Theo "Chức quan chí" trong lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì tham tụng được 2 xã, tiền 200 quan.

Sổ thuế tô, thuế dung ở lục cung đã làm xong.

Hồi đầu triều Lê, tài chính thuế khoá đều do bộ Hộ giữ, khoảng năm Vĩnh Thịnh (1705-1719) mới đặt chức quan lục cung, chia nhau thu các thuế lệ nội trấn và ngoại trấn. Sau vì lâu năm, sổ sách mục nát, Trịnh Doanh lại hạ lệnh cho sửa lại. Đến nay sổ ấy đã làm xong, dâng nộp. Phàm tiền tài, thóc gạo và thổ sản về thuế tô, thuế dung ở tứ trấn và phủ Trường Yên đều có sổ ngạch nhất định.

Lời chua-Lục cung: Xem Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb, XXXV, 22, 23).

Phủ Trường Yên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Nội trấn, ngoại trấn: Nội trấn là bốn trấn Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương và Sơn Tây. Ngoại trấn là Yên Quảng, Cao Bằng, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn.

¹ Xã Châu Cầu nay thuộc tỉnh Hà Nam, huyện Kim Bảng, nay thuộc tỉnh Hà Nam; huyện Phú Xuyên nay thuộc tỉnh Hà Tây.

Tháng 5, mùa hạ. Bồ dụng Mai Thế Chuẩn làm đốc trấn Cao Bằng.

Trước kia, họ Mạc bị quan quân tiến đánh, dắt díu gia quyến chạy sang trú ngụ ở Quảng Tây. Đến nay, mầm móng còn sót lại, nhân thấy trong nước có việc nguy cấp, bèn tụ hợp quân chúng xâm phạm vào biên giới. Triều đình đã mấy lần sai quân đi đánh dẹp, bọn Đặng Công Diễn và Nguyễn Đình Bá cũng có phen đánh được, nhưng vì làm trái phương pháp vỗ yên dân, chống cự giặc, nên dân man sau lại hưởng ứng với giặc, thế giặc lại mạnh to lên. Chúng đi lại vùng Hưng Hóa, Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang làm lòng người náo động. Lê Hữu Kiều xin chọn bầy tôi nho học đi yên ủi vỗ về dân chúng. Vì thế, bèn cho Thế Chuẩn đi giữ chức này.

Lời chua-Mai Thế Chuẩn: Người xã Thạch Giản, huyện Nga Sơn¹, đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường. Sau đổi sang chức quan võ làm hữu hiệu điểm quyền phủ sự.

Đặng Công Diễn: Người xã Phù Đồng², huyện Tiên Du.

Nguyễn Đình Bá: Người xã Bình Dân³, huyện Đông An. Cả hai đều đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Mầm móng sót của họ Mạc: Gọi là "Giặc răng vàng" (sót tên). Năm ấy cướp phá Cao Bằng, đốc trấn Nguyễn Đình Bá đem quân tiến đánh, cả phá được giặc.

Cao Bằng: Tức Bắc Bình, trước thuộc Ninh Sóc, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Hoàng Ngũ Phúc vây Nguyễn Hữu Cầu ở Đồ Sơn. Hữu Cầu đi gấp đến Kinh Bắc, đánh chiếm được trấn thành.

Trước kia, Ngũ Phúc đánh Hữu Cầu ở Đồ Sơn, không thắng nổi, tì tướng là Trịnh Bá Khâm bị chết tại trận. Đến nay Ngũ Phúc lại tiến quân bao vây, Hữu Cầu phá vòng vây để ra, đi gấp đường đến Kinh Bắc, chiếm cứ sông Thọ Xương, đắp lũy ở hai bên bờ sông để giữ, từ Quế Nam đến Khê Kiều đều cắm kè bằng gỗ, bày la liệt hơn vài trăm thuyền chiến, đồn lũy liên lạc. Trấn thủ Trần Đình Cẩm tiến quân từ Thiết Sơn đến Trai Thủy, bị giặc đánh bại, tất cả quân lính đều tan vỡ. Đình Cẩm lưu giữ Thị Cầu, giặc nhân thế thẳng đuối đánh, Đình Cẩm lại bị thua, giặc đuổi theo, bèn chiếm được trấn thành Kinh Bắc, tung lửa đốt doanh trại, Đình Cẩm cùng đốc đồng Vũ Phương Đề bỏ ẩn trốn chạy. Nửa đêm tin báo đến kinh, trong kinh thành nhốn nháo kinh sợ. Triều đình sai vệ binh chia nhau đóng ở trường tập bắn (xạ trường) và xã Vân Canh, xã Nhân Mục, cầu Yên Quyết (Cầu Giấy cũ) để phòng bị). Ngũ Phúc được tin Kinh Bắc thất thủ, bèn dẫn quân tiến đến đóng ở Vũ Giàng.

Lời chua-Sông Thọ Xương: Ở xã Thọ Xương, huyện Bảo Lộc⁴, hạ lưu thông với sông Lục Đầu.

Xã Quế Nam: Thuộc huyện Yên Thế⁵.

Xã Thiết Sơn: Thuộc huyện Yên Dũng⁶.

Trai Thị: Ở xã An Ninh, huyện Yên Dũng.

Xã Thị Cầu: Thuộc huyện Vũ Giàng¹.

¹ Nay là xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

² Nay là thôn Phù Đồng, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

³ Nay là thôn Bình Dân, xã Tân Dân, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

⁴ Tên huyện xuất hiện từ thời Trần, thuộc lộ Bắc Giang. Thời Thành Thái huyện đổi thành Phất Lộc. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

⁵ Tên huyện xuất hiện từ thời Lê, thuộc phủ Lạng Giang. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

⁶ Tên huyện xuất hiện từ thời Lê (thời Trần là Cổ Dũng), thuộc phủ Lạng Giang. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Những địa điểm trên, nay đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Xã Vân Canh: Thuộc huyện Từ Liêm.

Xã Nhân Mục: Thuộc huyện Thanh Trì.

Trường tập bản (xạ trường): Ở trại Giảng Võ, huyện Thọ Xương².

Câu Yên Quyết: Ở địa phận xã Yên Quyết³, huyện Từ Liêm. Các địa điểm trên, nay đều thuộc Hà Nội.

Tháng 7, mùa thu. Hoàng Ngũ Phúc và Trương Khuông thu phục được thành Kinh Bắc.

Ngũ Phúc tiến quân đến Võ Giàng, Trịnh Doanh sai người quả trách rằng: "Bọn người đi đánh dẹp hơn một năm, tiến sát đến Đồ Sơn đã năm sáu tháng mà phòng bị sơ hở, để đưa giặc hung hãn dờn khỏi được sào huyệt; rồi lại đến 7, 8 ngày sau mới đuổi theo, để cho đồ đảng của giặc xâm phạm một cách đột ngột, làm kinh sợ náo động cả lòng người. Như thế có xứng đáng với phận sự người tướng giữ ngoài biên trấn không? Nhà người phải cố nghĩ tự mình hết sức để chuộc tội lỗi trước". Ngũ Phúc dâng tờ khai nói: "Hữu Cầu sau khi bị thua, phải trốn tránh, quân đã ít mà lại phân tán, thì cái thế đánh phá được chúng tưởng cùng dễ dàng. Nếu được quân sử dụng bằng voi giúp uy thế, tôi sẽ ngấm lừa voi xông ra đánh trận, làm cho chúng mặt trước mặt sau không cứu ứng lẫn được nhau, thì có thể bảo đảm được tất thắng. Và lại, ý định của chúng chẳng qua chỉ muốn liên kết với bọn giặc cỏ, tiến quân quấy rối sông Nhị mà thôi. Nay tôi đóng ở Võ Giàng, nếu chúng muốn đem hết quân tiến lên mặt trước, lại sợ tôi đánh chặn ở mặt sau, cho nên chẳng qua chỉ liều chết cố thủ, không làm gì được".

Trịnh Doanh nhận được báo cáo của Ngũ Phúc, mừng lắm, bấy giờ lòng người mới được yên. Doanh lập tức sai Cồn quận công Trương Khuông cùng Ngũ Phúc họp quân tiến đánh, Hữu Cầu thua chạy, bèn thu phục được trấn thành. Nhân đây, hạ lệnh cho các tướng chia làm 5 đạo đuổi đánh; Trương Khuông theo đường Yên Dũng đánh mặt trước, Nguyễn Trọng Thân đánh phía tả mặt trước, mà sau Vũ Tá Liễu đánh phía hữu mặt sau, Lê Lệ đánh phía tả mặt sau, Hoàng Ngũ Phúc chặn ngang dòng sông để phòng bị giặc chạy trốn. Những người giám quân thì đều dùng bọn đại thần thân tín của họ Trịnh.

Trận này, cả thảy năm đạo quân, có 10 đại tướng, 64 liệt hiệu, binh lính hơn 12.700 người. Trong số này chỉ có đạo quân của Lê Lệ đi đến đâu không đụng chạm tư hào của dân. Dân Yên Thế xin dâng gạo một vạn⁴ để làm lương cho lính. Trịnh Doanh đặc biệt khen ngợi, đem số gạo dâng ấy thưởng cho quân sĩ.

Lời chua-Nguyễn Trọng Thân: Sau đổi Trọng Điển, người xã Quế Ổ⁵, là con Nguyễn Trọng Ung.

Tháng 8. Dân chúng ở Hải Dương đến cửa khuyết xin triều đình xuất quân tiêu trừ giặc. Nhưng không được trả lời.

Lúc ấy giặc cỏ ở Hải Dương thấy triều đình dương bận việc đánh dẹp mặt bắc, nhân cơ hội sơ hở, bèn quấy rối cướp bóc các lộ Hồng Châu, Khoái Châu, đi đến đâu vợ vét nhẵn nhụi đến đấy. Bắt được nhân dân, chúng đặt ra từng đẳng hạng để sách nhiễu phải chuộc, chúng treo người lên cần tre, đổ nước vào mũi, làm đủ mọi sự ác ngược, hoặc bỏ hạt thóc vào trong mắt rồi khâu lại, hoặc trong nhà giam có rắn, rết và đĩa để làm cho người ta phải khổ sở, thậm chí lấy giáo xiên trẻ con, dùng lửa thiêu phụ nữ, rất là thảm khốc. Dân sở tại kéo đến cửa khuyết kêu về việc nguy cấp, xin triều đình sai tướng đem quân đến để cứu vớt lấy dân. Các quan trong chính phủ lấy cớ rằng giặc ở mặt bắc đương kịch liệt, chưa có thì giờ ngó tới mặt đông được, rồi bỏ im tờ số ấy đi, không trả lời cho dân biết.

¹Nguyên là đất Vũ Ninh. Từ Lê trung hưng gọi là Vũ Giàng. Nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

² Nay thuộc quận Ba Đình, Hà Nội.

³ Xã Yên Quyết nay là phường Yên Hòa thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội. Câu Yên Quyết sau gọi là Cầu Giấy.

⁴ Nguyên văn chép "hiển mẽ nhất vạn", không rõ là một vạn bát hay hộ, chưa khảo cứu được.

⁵ Nay thuộc xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Lời phê-N hư thế, sao gọi là cha mẹ dân được?

Tháng 10, mùa đông. Nước sông Bồ Đề trở màu đỏ; nước sông Lễ chảy ngược dòng ba ngày.

Sông Bồ Đề và sông Ninh Giang, nước đỏ như son; nước sông Lễ chảy ngược dòng 3 ngày.

Lời chua-Sông Bồ Đề: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Sông Lễ: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 17 (Chb. VI, 32).

Tên Tương, tướng giặc, cướp huyện Yên Sơn. Thống lĩnh Đặng Đình Quỳnh bỏ binh lính, chạy trốn. Triều đình sai Trịnh Đạc tiến đánh, phá được giặc Tương.

Trước đây, tên Tương chiếm cứ xã Vĩnh Đồng, huyện Mĩ Lương, thường lấp ló ở quãng huyện Yên Sơn và Thạch Thất, triều đình không để ý đến. Đến nay Trịnh Doanh sai tổng binh đồng tri Đặng Đình Quỳnh làm thống lĩnh, hiệu thư Phạm Gia Ninh làm tán lý, đem quân đi đánh. Đình Quỳnh xuất thân là con nhà chỉ biết ăn trắng mặt trơn, không biết mưu mô làm tướng, vì lấy quận chúa (con gái chúa Trịnh gọi là quận chúa), bổng trở nên sang. Khi phụng mạng đi đánh giặc, Quỳnh dắt cả quận chúa và tì thiếp cùng đi, đóng ở xã Sơn Lộ huyện Yên Sơn, dùng chợ làm đồn đóng quân, không xếp đặt điểm canh phòng gì cả. Gia Ninh cũng vào trú ở nhà dân. Khi giặc kéo đến xã Tiên Lữ, Gia Ninh được tin, đến chỗ Đình Quỳnh, thì Quỳnh đã dắt quận chúa và tì thiếp trốn đi từ trước rồi. Giặc ập đến bao vây, Gia Ninh sa vào tay giặc, bị chết. Trịnh Doanh lại sai đại tư đồ Doãn trung công Trịnh Đạc làm thống lĩnh đi đánh. Tương bỏ trốn.

Vì có lấy quận chúa, nên Đình Quỳnh chỉ phải luận vào tội bãi chức. Việc này tướng sĩ không ai không bức tức.

Lời chua-Đặng Đình Quỳnh: Người xã Lương Xá¹, huyện Chương Đức.

Phạm Gia Ninh: Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm², đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Xã Vĩnh Đồng: Thuộc huyện Mĩ Lương³, tỉnh Sơn Tây.

Tiên Lữ và Sơn Lộ: Tên 2 xã, thuộc huyện Yên Sơn⁴, tỉnh Sơn Tây.

Thạch Thất: Tên huyện, thuộc Sơn Tây.

Tháng 11. Trương Khuông đánh nhau với Nguyễn Hữu Cầu ở Ngọc Lâm, bị bại trận. Đinh Văn Giai lại bị bại trận ở Xương Giang, đều cho triệu về; bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc làm thống lĩnh Bắc Đạo, trấn thủ Kinh Bắc, kiêm trấn thủ Hải Dương.

Trương Khuông cùng Ngũ Phúc, Vũ Tá Liên hẹn nhau cùng đánh khếp Hữu Cầu lại. Khuông tự đem quân bản bộ đánh mặt trước, dùng tướng bộ thuộc là Trịnh Phương, làm tiên phong. Hữu Cầu giữ nơi hiểm trở, đặt quân mai phục, bề ngoài phô trương quân gầy còm để làm ra sức yếu. Trương Khuông nhân thế sắc bén liều lĩnh tiến quân. Hữu Cầu giả vờ thua, bỏ đồn chạy, dẫn quân Trương Khuông vào trong chỗ hiểm trở. Tướng sĩ của Khuông bám nhau như râu cá để tiến quân. Thành lĩnh quân mai phục nổi dậy, Hữu Cầu thống suất hạng sĩ tốt liều chết ủa ra đánh, quân của Khuông thua to. Quan quân ở bốn đạo không phải đánh mà tự vỡ, thế giặc lại lớn lên, đài phong hỏa⁵ báo thông về đến sông Nhị. Trịnh Doanh viết thư nghiêm khắc quở trách Trương Khuông và triệu về, bèn bổ dụng Đinh Văn Giai làm

¹ Nay là Chi Lăng, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

² Thuộc Hà Nội.

³ Nay thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và Lương Sơn (Hòa Bình).

⁴ Đất huyện Yên Sơn, nay thuộc huyện Phúc Thọ và huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

⁵ Trước đây, chúa Trịnh cho đặt đài phong hỏa ở trên các đỉnh núi, để báo tin nguy cấp. Xem thêm Chính biên quyển XXXVIII, tờ 6.

thống lĩnh thượng tướng quân, kiêm đốc suất quân bốn đạo, bồi tụng Ngô Đình Oánh làm tán lý, đem quân đi đánh.

Lúc ấy thế lực Hữu Cầu lừng lẫy, những giặc cướp khác nhân lúc sơ hở đều nổi dậy, bọn Hòa Dưỡng, Đàm Kiệt, Đoàn Nhật (sót họ) tụ tập ở xã Bình Ngô, giao ước cùng dấy quân để đón Hữu Cầu, làm náo động cả nhân dân ở mặt bắc sông Cái.

Khi Văn Gia đã đến nơi, đóng quân lại, không tiến lên, nhiều người lấy làm nghi ngờ. Nhân đây Hữu Cầu đặt mưu kế, đem đến sai người khiêng một cái kiệu không về, một lát lại đi ra, Hữu Cầu bèn giả vờ mừng rỡ, nói dối bọn thủ hạ rằng: "Văn Gia đã ước hẹn xin hàng, nhưng nếu đến đâu hàng một cách rõ ràng, sợ liên lụy đến gia quyến, nên bí mật hẹn khi ra trận bị bắt, để che lấp miệng người ngoài. Nay mai giao chiến, các người cứ theo hướng chỉ huy của ta mà bắt lấy hắn, thì lo gì không bình định được thiên hạ". Đồ đảng của Hữu Cầu tin lời. Kịp khi giao chiến, binh lính đã sắp thành hàng, quân của giặc tranh nhau nhằm chỗ voi có hiệu cờ của Văn Gia mà xông pha tiến vào không ai là không một mình địch nổi trăm người. Toán quân của Văn Gia đổ ngã linh tinh. Giặc xúm quanh chân voi leo lên như đàn kiến. Văn Gia khí sắc không thay đổi, dùng phi thương chém bên tả, chém bên hữu, giết được giặc rất nhiều. Hai con hãn ở mặt trận sau la hét to mà tiến lên, quân giặc hơi lùi, bèn thu thập sĩ tốt còn sót lại kéo về doanh trại. Được tin báo, Trịnh Doanh giận lắm, nghiêm khắc quở trách.

Sau đó, giặc vây doanh trại Thi Cầu. Ngũ Phúc chia ra ba cách để tiến quân: Ngũ Phúc tự mình đem quân bản bộ đánh mặt trước, Đàm Xuân Vực đánh mặt tả, Nguyễn Danh Lệ đánh mặt hữu. Hữu Cầu bị thua, qua sông để chạy, bèn giải được vây. Trịnh Doanh lại triệu Văn Gia về, bổ dụng Ngũ Phúc làm thống lĩnh đạo Kinh Bắc, sau lại kiêm trấn thủ Hải Dương và cho Phạm Đình Trọng làm hiệp trấn Hải Dương. Còn Đình Văn Gia và Ngô Đình Oánh khi về đến triều, đều bị giáng chức ba trật.

Lời chua-Ngọc Lâm: Tên xã, thuộc huyện Yên Dũng¹.

Bình Ngô: Tên xã, thuộc huyện Gia Bình². Cả hai đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Xương Giang: Thuộc huyện Bảo Lộc³, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyễn Danh Phương, giặc vùng Sơn Tây, cướp phá Bạch Hạc. Văn Đình Ưc đem quân bao vây, sau ra đóng ở xã Nghĩa Yên. Danh Phương vượt vòng vây ra, chạy về xã Thanh Lãnh.

Trước kia, Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển xướng xuất việc nổi loạn, Danh Phương cũng thúc giục dân chúng nổi bùng lên, số quân có hơn vạn, lên lút chiếm cứ Việt Trì, đến nay lấn cướp Bạch Hạc. Văn Đình Ưc, đốc suất Sơn Tây, đem vệ binh ở kinh đến bao vây, bọn hào mục bản thổ đem quân đến họp hàng vài vạn người, thanh thế quân lính rất hùng mạnh. Sau đó, Đình Ưc lại ra đóng ở xã Nghĩa Yên, Danh Phương bèn nhân ban đêm vượt vòng vây ra, lui về xã Thanh Lãnh.

Lúc ấy, các huyện vùng Sơn Tây phần nhiều khổ sở vì Danh Phương quấy nhiễu cướp bóc, đều muốn góp sức tiền trừ, mà Đình Ưc không chịu đánh gấp, để cho tên giặc Phương được vượt vây thoát thân. Từ đây hãn bố trí đồn lũy, chiếm cứ nơi hiểm yếu, để kháng cự triều đình. Đó, đều do sự làm lẫn ở trận này cả.

Lời chua-Văn Đình Ưc: Người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn, đỗ tạo sĩ.

Nghĩa Yên: Tên xã, thuộc huyện Bạch Hạc⁴, tỉnh Sơn Tây.

Thanh Lãnh: Tên xã, thuộc huyện Bình Xuyên⁵, tỉnh Thái Nguyên.

¹ Nay đều thuộc tỉnh Bắc Giang.

² Tên huyện xuất hiện từ năm 1820 (thời Lê là Gia Định), nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

³ Nay đều thuộc tỉnh Bắc Giang.

⁴ Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

⁵ Nay thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Việt Trì: Tên thôn, thuộc xã Bạch Hạc, huyện Bạch Hạc.

Nguyễn Danh Phương: Người xã Tiên Sơn¹, huyện An Lạc.

Ất Sửu, năm thứ 6 (1745). (Thanh, năm Càn Long thứ 10). Tháng giêng, mùa xuân. Giặc họ Mạc đánh chiếm Thái Nguyên. Lưu thủ Văn Đình Úc cùng thống lãnh Hoàng Ngũ Phúc đem quân tiến đánh, phá được giặc, thu phục lại trấn thành.

Trước kia, mầm móng họ Mạc (sốt tên) nhân trong nước xảy ra việc nguy cấp, chúng tự Long Châu lên về, họp tập bè đảng, quấy rối cướp bóc. Lê Hữu Kiều trấn thủ Vũ Nhai, vì có bệnh, xin về, Thái Nguyên bèn bị giặc Mạc đánh chiếm.

Trịnh Doanh bổ Đình Úc làm trấn thủ để thay Hữu Kiều. Đình Úc sang dò Dã Giang hội hợp với quân của Hoàng Ngũ Phúc, rồi theo đường xã Úc Kỳ đến thẳng Thái Nguyên, đánh phá, mầm móng họ Mạc bỏ trốn, bèn khôi phục được trấn thành.

Đình Úc là con Đình Dận, một người trẻ tuổi nhất trong các hàng tướng tá, đã có sức mạnh, lại nhiều trí mưu, cho nên đi đánh giặc nhiều lần lập được chiến công, danh tiếng ngang với Nguyễn Phan.

Lời phê-Cũng chỉ có danh tiếng hão².

Lời chua-Vũ Nhai: Châu Vạn Nhai xưa, xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 42, 43).

Úc Kỳ: Tên xã, thuộc huyện Tư Nông³, tỉnh Thái Nguyên.

Dã Giang: Ở xã Trung Dã, huyện Thiên Phúc.

Giặc Mạc vây Cao Bằng. Đốc đồng Trần Danh Lâm dẹp yên được. Phong cho Danh Lâm tước Tự nhạch hầu.

Trước đây, mầm móng họ Mạc vây Cao Bằng hơn hai tháng. Trong thành hết lương, đốc đồng Trần Danh Lâm vỗ về sĩ tốt, hết sức chống giữ, lại tùy tiện trích bạc công mộ người đưa thư đến các thổ quan ở phủ Trấn Yên, Long Châu và Bằng Tường nhà Thanh, dùng đồ thưởng trọng hậu đút cho bọn này, hẹn ứng phó giúp về mặt ngoài. Vì thế, ai cũng vui vẻ giúp sức: Họ bắt giữ vợ con giặc, chặn đường hái củi, lấy nước và tải lương. Giặc thấy thế, sợ hãi, phải rút lui. Danh Lâm lại đuổi đánh, phá tan được. Bốn châu thảy đều bình định. Lại chiêu tập an ủi dân phiêu tán, cho họ trở về yên nghiệp làm ăn. Tin thắng trận tâu về triều, Danh Lâm được thăng chức hai bậc, phong tước hầu.

Lời chua-Trần Danh Lâm: Người xã Bảo Triệu, huyện Gia Định⁴, đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Trấn Yên: Xem Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 21).

Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chb. VII, 17).

Bằng Tường: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chb. XII, 14).

Bốn châu: Tức Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang.

Tháng 2. Phong cho Ma Thế Lộc, bày tôi phiên trấn Thái Nguyên, được tước quận công.

Từ khi nơi biên giới bùng nổ việc binh hung, bày tôi ở phiên trấn nhiều người hết sức đánh dẹp. Thế Lộc là người có công lao nhất. Lưu thủ Văn Đình Úc xin gia ân khen thưởng để khuyến khích, cho nên có mệnh lệnh này.

¹ Nay thuộc xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

² Chỉ Văn Đình Úc.

³ Nay thuộc huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

⁴ Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Khởi phục Hà Huân và Nhữ Đình Toàn cùng vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trước kia, Hà Huân làm đốc đồng trấn Sơn Nam, vì tội uống rượu, bị bãi chức; Nhữ Đình Toàn giữ chức tán lý việc quân, không có công trạng gì, khi thua trận. Toàn bị giặc bắt¹. Hai người này bị truất bỏ đã lâu. Đến nay, Trịnh Doanh muốn cất nhắc những người bị chìm đắm, lấy cớ rằng hai người này vốn có danh vọng được nhiều người mến phục, nhân đây mới cất nhắc bổ dụng, cho cùng Trịnh Ngô Dụng, tả thị lang bộ Lại, cùng được tham dự công việc chính phủ. Trịnh Doanh thường triệu hai người vào phủ hỏi chính sách lớn về việc quân việc nước, họ trình bày phần nhiều hợp ý Trịnh Doanh.

Lời chua-Trịnh Ngô Dụng: Người xã Vân Trùy, huyện Hiệp Hòa², đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Doanh bổ dụng Dương Công Chú và Nguyễn Hoàn giữ chức tả hữu tư giáng cho con là Trịnh Sâm.

Năm ấy, Trịnh Doanh cho con trưởng là Sâm ra ở ngôi thế tử, bèn bổ dụng phủ doãn Dương Công Chú và cấp sự trung Nguyễn Hoàn giữ chức tả hữu tư giáng.

Lời chua-Dương Công Chú: Người xã Lạc Đạo³, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Nguyễn Hoàn: Người xã Hương Khê, huyện Nông Cống⁴, đỗ tiến sĩ khoa Quý Hợi (1743) năm Cảnh Hưng.

Ban hiệu quốc lão cho Đào Hoàng Thực.

Hoàng Thực thi đỗ từ khoảng năm Chính Hòa (1681-1704), trước vì có lỗi bị khiển trách sau lại được khởi phục. Hoàng Thực nhiều lần giúp công việc nơi biên giới, bèn được tham dự chính sự lớn, những lời đã trình bày góp lại có đến vài trăm, đều là thiết thực và hợp ý chúa. Trịnh Doanh thường khen Hoàng Thực là hạng Ngụy Trưng, Lý Giáng⁵. Đến nay vì tuổi già xin từ chức, chỉ lấy địa vị quốc lão giữ việc châu chực. Doanh y cho.

Lời cần án-Hoàng Thực ra làm quan từ năm Chính Hòa, trải thờ bốn đời vua, lúc ấy họ Trịnh chuyên quyền, vua Lê như người phụ thuộc, mà không thấy có bức thư nào khuyên can, không có kế sách nào để sửa chữa cho được đúng đắn, chỉ sau khi vào giữ việc trong chính phủ, những lời kiến nghị tâu bày của Hoàng Thực đại để đều là việc bắt thêm lính, tăng thêm thuế, chẳng những không ích lợi, mà hại cũng theo sau. Sách cũ nói: "Những lời trình bày góp lại có đến vài trăm". Chẳng qua cũng giống như thế cả. Còn như tìm ở Hoàng Thực lấy tờ sớ "xin tôn phò nhà vua" như Bùi Sĩ Tiêm⁶, lời nói "mặc triều phục trái lệ" như Vũ Duy Chí⁷, thì e rằng hai người kia mười phần, Hoàng Thực không được lấy một, Ngụy Trưng, Lý Giáng có phải hạng người như thế đâu? Trịnh Doanh khen Hoàng Thực là hạng Ngụy Trưng, Lý Giáng cũng không khác gì Tào Tháo khen Tuân Úc là Tử Phòng⁸.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 7.

² Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

³ Nay là xã Lạc Đạo, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

⁴ Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

⁵ Ngụy Trưng, một tể tướng triều Đường Thế Tông; Lý Giáng, một tể tướng triều Đường Hiến Tông. Hai người này đều hay can ngăn thẳng thắn, nổi tiếng là danh tướng đời nhà Đường.

⁶ Xem thêm Chính biên quyển XXXVII, tờ 18, 19.

⁷ Xem thêm Chính biên quyển XXXII, tờ 27.

⁸ Tuân Úc là người có tài, khi mới đến yết kiến Tào Tháo, Úc cùng Tháo bàn luận, Tháo thích lắm, nói "người này là Tử Phòng của ta". Ở chỗ này. Cương mục có in hai chữ "ngự điểm".

Lời chua-Vũ Duy Chí: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, làm thượng thư bộ Lại, gặp tiết nguyên đán, Trịnh Tạc sai trăm quan mặc triều phục vào phủ lay mừng. Duy Chí can là làm như thế không hợp lệ.

Tháng 7, mùa thu. Trịnh Doanh gia phong cho cậu là Vũ Tất Thận làm đại tư đồ, cho đổi họ tên là Trịnh Áo.

Doanh nhận thấy Tất Thận, một người cậu ruột rất thân¹, nên ban cho họ và tên, để tỏ ra yêu quý khác thường. Sau lại sai quản lĩnh chức hữu tông chánh trong Tông Nhân Phủ, để xét duyệt con cháu công thần trong các chi phái họ Trịnh, xem người nào đáng dùng được thì xin lệnh chỉ của chúa Trịnh rồi phân biệt cất nhắc.

Tháng 8. Hoàng Ngũ Phúc và phạm Đình Trọng đánh phá được Nguyễn Hữu Cầu ở thành Xương Giang. Bỏ dụng Phạm Đình Trọng làm hiệp thống lãnh đạo đông bắc.

Hữu Cầu bị bọn Ngũ Phúc đánh bại, nhân đêm chạy trốn, sai đồ đảng là tên Thông (sót họ) đem hạng thuyền nhanh nhẹ chở các đồ quý trọng, thuận theo dòng nước để về vùng đông. Quan quân lại đón đánh, bắt được rất nhiều. Tên Thông bỏ thuyền chạy. Hữu Cầu lại ra Yên Quảng, chiếm cứ Hạc Động, nhờ vào biển để làm kiên cố, thường dùng hạng thuyền nhanh nhẹ cướp bóc vùng đông nam. Đình Trọng cùng Ngũ Phúc đem các tướng đi đánh, chém được bọn tên Thông hơn 10 người, quân nhu và ngựa chiến hết thảy đều bị quan quân bắt được.

Thông là người nhanh nhẹn, mạnh khỏe, có trí mưu, Hữu Cầu dựa vào Thông là người ruột thịt, nay Thông bị chết, thế lực Hữu Cầu thành ra cô đơn, chạy trốn lẫn lút, chỗ ở không nhất định, những người phục tòng cũng tan tác dần, sau cùng đều bị bắt. Như thế là phần nhiều nhờ ở công của Đình Trọng và Ngũ Phúc.

Lời chua-Hạc Động: Ở huyện Nghiêu Phong, tỉnh Quảng Yên.

Thành Xương Giang: Xem Bình Định Vương, năm thứ 2 (Chb. XIII, 12).

Tháng 12, mùa đông. Khôi phục lại chế độ phong tặng và phong ấm đời Hồng Đức.

Hồi đầu niên hiệu Hồng Đức, các quan về văn giai và võ giai, người nào được tước công, tước hầu, tước bá thì được triều đình phong cho ông bà, cha mẹ và con cháu; người nào chưa có tước thì theo phẩm trật để phong, từ nhất phẩm đến tứ phẩm, có đẳng cấp khác nhau. Sau khi trung hưng, bầy tôi về hàng võ cùng nội giám (hoạn quan), người nào làm quan đến nhất phẩm, nhị phẩm đều được dự phong tước, nên mới định lại: nhất phẩm, nhị phẩm thì theo tước để phong; tam phẩm, tứ phẩm thì theo chức để phong. Đến nay, bầy tôi trong chính phủ bàn luận xin: tước công, tước hầu, tước bá, người nào do đặc ân trao cho, sẽ được phép theo tước để phong tặng và phong ấm, ngoài ra điều theo như chế độ cũ. Trịnh Doanh theo lời.

Lời chua-Thể lệ tặng ấm: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8² (Chb. XXII, 17, 19).

Nhất phẩm, nhị phẩm theo tước: Như bản thân viên quan là tước công hoặc tước hầu, tước bá thì phong tặng và phong ấm cho ông bà, cha mẹ, vợ con, và cháu đích tôn của viên quan ấy, vẫn theo thể lệ dùng tước như đời Hồng Đức.

Tam phẩm, tứ phẩm theo chức: Như bản thân viên quan là tam phẩm hoặc tứ phẩm thì phong tặng cho cha mẹ, nếu viên quan ấy về hàng võ thì phẩm trật của cha mẹ kém phẩm trật của viên quan ấy một bậc, về hàng văn thì kém hai bậc, còn như con cháu, thì chỉ cho làm hạng quan viên tử, quan viên tôn.

Hoàng Công Kỳ, trấn thủ Sơn Nam, bị giặc bắt.

¹ Vũ Tất Thận, em ruột Vũ Thị, vợ Trịnh Cương.

² Nguyên văn chép lầm: "Hồng Đức nhị niên" (năm Hồng Đức thứ 2).

Công Kỳ do hoạn quan xuất thân, nhưng cũng có chút tài cán mưu mô, đã mấy lần lập được chiến công, các quân sĩ đều nương dựa làm vững chắc. Khi trấn thủ Sơn Nam, Công Kỳ tiểu trừ được giặc cỏ, nên dân nhờ đấy được yên ổn. Nhưng Kỳ vốn có tính khinh địch. Lúc ấy vì doanh lũy mới xây đắp, Kỳ cưỡi voi đi xem xét, trừ tính, lính theo hầu có độ vài mươi người. Quân mai phục của bọn Hoàng Công Chất, giặc ở Khoái Châu kéo đến đánh úp, bắt được. Công Kỳ không chịu khuất phục, bị chết.

Bính Dần, năm thứ 7 (1746). (Thanh, năm Càn Long thứ 11).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân, nhật thực.

Tháng 3. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày.

Định rõ thể lệ tra hỏi khám xét kiện tụng.

Lúc ấy, người làm quan không có lương bổng thường xuyên, bổng lộc phải trông vào việc kiện tụng. Những việc tra khám, luận tội, hoặc giam giữ người can phạm, hoặc quan dưới đệ án văn lên quan trên, quan trên bác bỏ lời xét án của quan dưới, phần nhiều làm không hợp lý. Văn thư trong triều đường chính phủ, việc kiện tụng chiếm đến một nửa. Viên quan có trách nhiệm phải ứng phó luôn ngày không lúc nào rỗi, rất là đáng chán. Đến nay, hạ rõ cấm lệnh, việc gì cấp bách không tổn hại thì không được tố cáo, phát giác. Lệnh cấm này cốt mong để ngăn bớt kiện tụng, nhưng tập tục đã thành thói quen, chung quy không thể thay đổi được. Rồi thậm chí có việc giết người, làm hại người, nếu sự chủ không phát giác, thì quan dầu có biết cũng không bắt tội vào đâu được.

Vũ Khâm Lân, hữu thị lang bộ Lại, giữ chấm thi, nhân đấy, ra đầu bài hỏi: "Người làm quan, thấy có kẻ giết người giữa ban ngày, nhưng khổ chủ được của đứt rồi, im đi không tố cáo, nếu xét theo luật để trị tội hung thủ thì trái thể lệ, nếu ngồi nhìn không tra xét thì bỏ phép luật. Như vậy thì nên làm thể nào cho hợp lệ?". Câu hỏi này có ý chỉ trích lúc bấy giờ uốn nắn công việc sai lầm có phần thái quá. Nhưng sau đấy. Khâm Lân được giữ công việc trong chính phủ cũng không thể nào thay đổi được.

Phong Nguyễn Hữu Cầu tước Hương Nghĩa hầu, rồi cho triệu về triều, nhưng Hữu Cầu không đến.

Hữu Cầu bị Đình Trọng đánh đồn, vì thua luôn, nên thế lực mòn mỏi. Nhân sai đồ đảng tên là Hựu đem nhiều bạc đứt lót cho người quyền thần là Đổ Thế Giai và nội giám Nguyễn Phương Đĩnh, để xin đầu hàng. Trịnh Doanh y cho, hạ lệnh cho Hữu Cầu cùng đảng giặc là bọn Hoàng Phùng Cơ đều được phép rửa hết tội trước, ban cho hiệu là Ninh Đông tướng quân và phong tước Hương Nghĩa hầu, còn tướng hiệu của Cầu đều được thăng làm quan, lại ban thưởng rất hậu, rồi hạ lệnh triệu về kinh sư. Nhưng thực ra Hữu Cầu không có ý đầu hàng, hẳn thường lấy cớ bị Đình Trọng ngăn đón để tố cáo về triều. Trịnh Doanh sai thêm tri Nguyễn Phi Sảng đem lệnh chỉ đến phủ dụ và triệu về, mặt khác dụ bảo Đình Trọng hoãn lại đừng đánh Hữu Cầu vội.

Trước kia, Hữu Cầu nhiều lần bị Đình Trọng đánh bại, bèn đào mã mẹ Đình Trọng quẳng xuống sông, Đình Trọng khốc lóc tố cáo với Trịnh Doanh, thề quyết chí giết Hữu Cầu, Doanh rất khen chí khí Đình Trọng. Nay Phi Sảng đem dụ chỉ đến, Đình Trọng nói: "Người làm tướng ở ngoài chiến trường, có khi không chịu nhận mệnh lệnh của vua. Tôi với Hữu Cầu không cùng đội trời chung, tôi đã từng nói ở trước chúa thượng. Nay ông tự nhận mệnh lệnh đi chiêu hàng, tôi tự nhận mệnh lệnh đi giết giặc, nếu gặp thế có thể đánh được giặc, thì tôi cũng không vì cớ ông đến chiêu hàng mà ngần ngại". Phi Sảng cùng bạn bè nghe câu nói ấy đều sợ thất sắc, nhân từ giả ra đi. Phi Sảng đến quân doanh Hữu Cầu, bày tỏ dụ chỉ của chúa Trịnh, lại đem câu nói của Đình Trọng bảo cho Hữu Cầu biết. Câu chuyện chưa nói dứt lời thì Đình Trọng ập đến đánh úp. Hữu Cầu sai người dẫn Phi Sảng theo đường tắt trở về, rồi ra đánh nhau, Đình Trọng đánh cho Hữu Cầu đại bại, Cầu phải bỏ trốn.

Trước kia, Đình Trọng nhận mệnh lệnh đi đánh giặc, chiêu mộ các người mạnh khỏe ở Thanh Hà, Tứ Kỳ, Vĩnh Lại và Thượng Hồng làm nghĩa binh, đặt hiệu riêng là bốn cơ Thanh, Kỳ, Hồng, Vĩnh, mà dùng hai người thủ hạ để quản lãnh. Đến nay, Thế Giai gièm pha nói: "Đình Trọng cầm quân ở ngoài, đặt bộ ngũ riêng, chẳng khỏi không có ý khác", Trịnh Doanh biết Đình Trọng là người tự nguyện một lòng trung thành, nên bỏ lời Thế Giai đi, không hỏi, lại đặc chỉ ban cho bài thơ để yên ủi Đình Trọng.

Lời chua-Hoàng Phùng Cơ: Người xã Vân Cốc, huyện Bạch Hạc¹.

Thanh Hà, Vĩnh Lại và Tứ Kỳ: Đều xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19 (Chb. XXX, 14).

Thượng Hồng: Tức Hồng Châu xưa, xem Thuộc Đường, Chiêu Tuyên Đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Tháng 6, mùa hạ. Định thuế muối, đặt quan Giám tri diêm đạo.

Phép đánh thuế muối như thế này:

Mỗi bể nộp thuế 40 hộ muối, mỗi hộ nộp tiền 180 đồng (tức 3 tiền bây giờ), thu về mùa đông và mùa hạ, trữ vào kho công sở tại. Lại đặt chức quan Giám tri diêm đạo, dùng bọn Phạm Doãn Vĩ và Vũ Khâm Lân chia nhau trông nom các đạo Thanh Hoa và Nghệ An, duy Sơn Nam thuộc về Hộ phiên trông nom. Sau đó, Lê Trọng Thứ, tả chính ngôn nói: "Đã có thuế ruộng, lại bổ thuế gia tô, nay lại đánh thuế cả bể nấu muối, một hạng ruộng chịu ba thứ thuế, thì dân sẽ gánh vác thế nào nổi được?" Trịnh Doanh theo lời, hạ lệnh miễn thuế ruộng muối.

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh cho các quan trong chính phủ bảo cử người giữ chức Thừa chính ti ở các trấn.

Trịnh Doanh bảo các quan trong chính phủ rằng: "Thừa chính sứ ti là giường mỗi của phủ huyện, quan hệ đến sự vui mừng đau khổ của dân. Vậy từ nay nếu chức quan trong ti Thừa chính sứ có khuyết ngạch, thì cho phép các người bảo cử, cần chọn người xứng đáng".

Tháng 10, mùa đông. Định lại thuế điền trang ở Thanh Hoa.

Từ khi dụng binh đánh dẹp đến nay, đồng ruộng ở Thanh Hoa bỏ hoang rậm, thuế tô nộp vào kho phần nhiều kém ngạch cũ. Bèn hạ lệnh cho viên quan cai trị ở An Trường, khám xét sự thực, bổ thuế có từng hạng khác nhau.

Bổ dụng Vũ Khâm Lân làm công việc tham tụng.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho các quan trong chính phủ rằng: "Điều tìn là của quý trong nước, ta ngày đêm kính cẩn lo sợ, mong sao được đến trị an, thế mà chưa quét sạch bụi cát nơi tiền cảnh, chưa chữa khỏi bệnh đau khổ của dân, chỉ vì không giữ được điều tìn mà thôi. Vậy từ nay, phạm những việc thăng quan, phong tước, thưởng công, phạt tội các việc quân cơ, dân chính, đều cho phép bày tỏ tham dự cơ mật bàn luận xác đáng, kỹ lưỡng chính chắn, rồi sẽ thi hành. Nếu người nào còn dám quen thói cũ giữ lòng riêng, thì dẫu là người thân hay người quý, hết thầy đều luận tội theo như pháp luật. Lại đem bày điều sức rõ cho viên quan đề lãnh thi hành, để trong kinh kỳ được trang nghiêm sáng sủa".

Lời chua-Bày điều: Cấm trong nhà dung túng cho bọn gian tế trú ngụ; cấm lính tuần hành trong thành làm sự cản bậy nhốn nháo; khánh buồn bán không được ngủ đêm ở trong thành; tám cửa thành khi mở khi đóng phải có giờ giấc. Còn các điều khác không khảo cứu được.

Đề lãnh: Tên quan.

Thi người tinh thông thuật số, bổ làm quan.

Phạm người nào có thể tinh thạo thuật số về thiên văn, tin gió, lục nhâm, thái âm, bói toán, bấm độn, nếu thi khảo được trúng sẽ bổ làm quan.

Đinh Mão, năm thứ 8 (1747). (Thanh, năm Càn Long thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Cấm dùng thú đoạ ngang ngược bắt dân phu theo đi đánh giặc.

¹ Huyện Bạch Hạc, nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Lúc ấy, tướng sĩ đi đánh giặc, có nhiều người tạ sự, dùng thủ đoạn ngang ngược, để bắt dân phu, gọi là đánh giặc theo nghĩa vụ (nghĩa chiến), sự những nhiều không kể xiết, cho nên hạ lệnh cấm.

Tháng 6, mùa hạ. Lạc Hòn lại đến cống nạp.

Năm trước, Lạc Hòn cùng Cao Châu đến cống, nay lại sai sứ thần đến cống, và xin định 3 năm một lần cống voi khỏe¹ theo thể lệ trấn ninh và Cao Châu. Ngoài ra, thổ sản như sừng tê, vải hoa, chiêng đồng, sáp đồng, tùy theo có thứ gì cống thứ ấy, không phải lễ cống thường xuyên. Sau đó, lại dâng voi trắng, nhưng triều đình không nhận.

Lời chúa-Trấn Ninh: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30, 31).

Lạc Hòn: Xem Hi Tông, năm Chính Hòa thứ 21 (Chb. XXXIV, 48).

Cao Châu: Tức Trịnh Cao, xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 9).

Tháng 7, mùa thu. Ánh sáng sao Thái Bạch phạm vào sao Nam Đẩu.

Tháng 9. Định phép khảo công bằng việc trưng thu.

Viên quan có trách nhiệm trông nom việc thu thuế tuần ti, thuế bến đò, thuế muối, thuế quế và thuế tô của dân, triều đình hạ lệnh cứ cuối năm thi hành việc khảo công. Thể lệ khảo công nhằm vào sự thể khó hay dễ, tài lực đầy đủ hay hao hụt định ra 3 bậc: Trong mười phần người nào đạt được chín phần là thượng khóa, được sáu phần trở lên là trung khóa, năm phần trở xuống là hạ khóa. Thượng khóa được thăng một trật, hạ khóa phải giáng một trật, còn trung khóa thì miễn xét.

Trịnh Doanh cho đặt chuông và mõ ở cái điếm cửa phủ đường.

Trịnh Doanh đương hăng hái về công việc chính trị, hạ lệnh đặt chuông và mõ ở cái điếm về cửa phía tả phủ đường. Có người nào trình bày công việc hiện thời và người nào có tài nghệ mà tự mình tiến cử, thì đánh chuông; người nào bị bọn quyền quý ức hiếp và người nào có sự oan uổng chưa được bày tỏ, thì đánh mõ. Những người này đều phải làm đủ giấy tờ niêm phong kín. Lại phiên lập tức dâng lên để chúa biết.

Tháng 10, mùa đông. Khôi phục phép thi hương đời Bảo Thái (1720-1728).

Từ năm Tân Dậu (năm Cảnh Hưng thứ 2) (1741), khôi phục lại phép thi "tứ trường, thành ra người cậy thần thế, người dùng tiền tài, số người trúng tuyển những lạm đến một nửa. Đến nay, bày tỏ trong chính phủ bàn luận, cho rằng từ khi mở ra lối thi "tứ trường" nhà quyền thế lẫn át, áp bức học trò nghèo. Đem so sánh các phép thi, thì phép thi "sảo thông" còn tốt hơn phép thi "tứ trường" này. Xin bỏ phép thi "tứ trường", phục lại phép thi "sảo thông". Bèn hạ lệnh theo phép thi đời Bảo Thái².

Thi phúc khảo cống sĩ.

Lúc ấy phép thi buông lỏng, trễ tràng, người ít học mà là họ ngoại của nhà quyền thế, phần nhiều trúng tuyển những lạm. Trịnh Doanh biết chuyện, hạ lệnh cho thi khảo lại ở Trung Sa. Các quan bàn luận, lấy cố rằng, gặp lúc binh lửa, học trò bị thất học, nên lựa chọn một cách khoan hồng. Trịnh Doanh theo lời, mười phần chỉ thải đi hai ba phần thôi. Nguyễn Kỳ được đỗ đầu.

Lời chúa-Nguyễn Kỳ: Người xã An Lão³, huyện Bình Lục, đến khoa Mậu Thìn năm Cảnh Hưng thứ 9 (1748) sau đây, Kỳ đỗ tiến sĩ.

Trung Sa: Ở bờ phía nam sông Nhị, Hà Nội.

Mậu Thìn, năm thứ 9 (1748). (Thanh, năm Càn Long thứ 13).

¹ Nguyên văn chép: hùng tượng, còn nghĩa nữa là voi đực.

² Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 3, 4 về thể lệ thi hương, triều Lê trung hưng và lối thi "sảo thông".

³ Nay thuộc xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Mông một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Xếp đặt lại vệ binh đổi làm cơ, đội.

Trước đây, phân phối vệ binh lệ thuộc vào các vệ, người đứng cai quản phần nhiều đem binh lính sung làm việc riêng, hoặc tha cho về mà bắt nộp tiền cỏ ngựa; về phần binh lính thì thường mượn người nghèo yếu đi thay. Kỷ luật lỏng lẻo, nói về thực dụng không có ích gì. Triều đình bèn hạ lệnh cho vệ binh đều lệ thuộc vào trấn, chia đặt từng cơ, từng đội, cứ 200 người làm một cơ, cho phép một nửa ở quân ngũ, một nửa về làm ruộng, thay đổi lẫn nhau. Người nào ở quân ngũ thì hàng tháng cấp cho 6 tiền làm lương ăn, chọn lấy người khỏe cho thao luyện diễn tập; sau lại cấp bội cho số lương, lúc có việc phải đi đánh dẹp thì cấp thêm cho cùng một hạng với ưu binh. Do đấy phép vệ binh bèn bãi bỏ.

Hạ lệnh: Trảm quan quyền nộp tiền thóc, sẽ trao cho chức phẩm cao thấp khác nhau.

Trịnh Doanh lấy cớ rằng, dùng quân đánh dẹp phải tiêu phí nhiều, bèn hạ lệnh quan văn, quan võ và những nội giám, tạp lưu, ai nộp tiền hoặc thóc sẽ trao cho chức phẩm cao thấp khác nhau.

Tháng 8, mùa thu. Sai đại thần là bọn Lê Hữu Kiêu chia nhau giữ nơi xung yếu ở kinh thành.

Lúc ấy, giặc cỏ Sơn Nam chưa dẹp yên, mà bắt thần giặc ở Sơn Tây tràn xuống. Nhân đấy, hạ lệnh cho bọn Lê Hữu Kiêu, Hà Huân, Vũ Khâm Lân và Ngô Đình Oánh chia nhau giữ nơi xung yếu, ngày đêm tuần hành xem xét, dự định mưu kế ngăn ngừa chống chọi. Bầy tôi trong chính phủ lại dâng kế phòng thủ, đại lược xin trồng tre, trồng cây để hàng rào doanh trại được vững bền; đặt tám cửa thành để xét hỏi người ra vào; chọn đình tráng ở phường, ở trại và vệ binh gần kinh kỳ để sung vào việc tuần cảnh; thượng lưu và hạ lưu phường Nhật Chiêu đều đặt đồn canh giữ; trong thành thì chia đặt các phòng cho quân sĩ. Trịnh Doanh theo lời, vì thế chia trong kinh kỳ làm 36 khu, gồm làm 9 điện, mỗi điện 4 khu, đặt một người làm điện chánh. Sau đó, sai bọn nội giám Nguyễn Phương Đĩnh và Nguyễn Đình Huấn, chia nhau đi các huyện chung quanh kinh kỳ chọn đình tráng, đặt đồn lũy, để phòng bị giặc cướp bao vây.

Lời chua-Nguyễn Đình Huấn: Người xã Yên Thường¹, huyện Đông Ngàn.

Nguyệt Chiêu: Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb. XXV, 36).

Đặt tả pháp ti và hữu pháp ti.

Bắt đầu đặt tả pháp ti và hữu pháp ti, bổ dụng tham tụng Hà Huân và phó đô ngự sử Vũ Công Trấn nhận giữ, để được tùy việc chống cãi, đàn hạch tội lỗi, phát hiện sai lầm, uốn nắn việc lệch lạc cho được ngay thẳng.

Trần Cảnh xin nghỉ việc quan. Trịnh Doanh y cho.

Cảnh giữ chức tham tụng, vì tuổi già, xin thôi làm quan, được thăng chức thượng thư bộ Hình. Con cả của Trần Cảnh là tiến mới thi đỗ, cũng vinh quy ngày hôm ấy. Đời bấy giờ khen là vinh hiển.

Tháng 9, mưa to, nước sông tràn ngập, thóc lúa bị thổi nát.

Tháng 9 nhuận. Nguyễn Cầu xâm phạm Sơn Nam. Sai Phạm Đình Trọng đi đánh.

Hữu Cầu đã xin hàng, nhưng vẫn cướp bóc không thôi. Trịnh Doanh sai hiệu lý Nguyễn Thế Khải vào trại quân Hữu Cầu dụ bảo triệt bỏ quân lính đi, Hữu Cầu không nhận mệnh lệnh. Sau đó, Hữu Cầu giao thông với giặc là tên Lân (sót họ), lên lút đến Duyên Hà đánh úp Sơn Nam, nhưng không thắng được. Đến nay, lại hợp sức với bọn giặc cỏ, tiến quân sát đến Sơn Nam. Trấn tướng Vũ Tá Sắt đánh nhau với bọn Hữu Cầu, không được thắng lợi. Trịnh Doanh nhận thấy Hữu Cầu vốn sợ Đình Trọng, nên sai Đình Trọng đi đánh.

¹ Nay là thôn Yên Thường, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Doanh lại dụ bảo Ngũ Phúc rằng: Hạ lộ Sơn Nam, nhân dân đông đúc, sản vật phong phú, tức là đất Quan Trung¹ Hà Nội² của nước nhà đấy. Nay đang giặc đóng đây ở cả đấy, thế đương nguy cấp. Nếu Sơn Đông tạm được bình định, thì nhà ngươi nên cùng Đình Trọng hợp sức tiến quân càn quét, để giữ lấy đất Quan Trung, Hà Nội ấy.

Lời chua-Vũ Tá Sát: Người xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà³.

Duyên Hà: Xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 6 (Chb. XXX, 6).

Nguyễn Hữu Cầu xâm phạm sông Bồ Đề. Phạm Đình Trọng đuổi đánh, Hữu Cầu thua chạy.

Hữu Cầu bị Đình Trọng đánh bại ở Cẩm Giàng, nhân đấy, hăn bàn với đồ đảng rằng: "Ta mới bị thua, tin thắng trận đưa về, tất nhiên ở kinh sư không phòng bị, ta đem quân đánh úp thế nào cũng thắng được". Hăn bèn nhân ban đêm đi gấp đường, hẹn trống canh năm đến bến Bồ Đề, lén cho quân sang sông, nhưng khi đến bến, thì trời đã sáng rồi. Trịnh Doanh tự làm tướng, chống cự ở bến sông phía Nam. Đình Trọng được tin, đem hết quân lính đuổi theo, lại đánh thắng được, Hữu Cầu bỏ trốn.

Trước kia, năm Canh Thân và Tân Dậu (1740-1741) liên hai năm mất mùa, kém đói, vùng Hải Dương lại kém đói hơn cả. Hữu Cầu cướp thuyền buôn lấy được thóc gạo, bèn đem chia cho dân; nhờ đấy nhiều người được cứu sống. Hữu Cầu lại đưa đẩy bằng mưu mô xảo quyệt, sai khiến bằng uy quyền võ lực, nhân dân người bị uy hiếp, người bị dụ dỗ, thành ra lâu ngày tự nhiên tín phục, cho nên Hữu Cầu tuy thường bị thua đau, chỉ một thân thoát nạn, những hễ giơ tay hô một tiếng, thì chốc lát lại sum họp như mây, vì thế mà có thể tung hoành ở mặt đông bắc, làm tên giặc kiệt kiệt trong một đời.

Sai hoạn quan Đàm Xuân Vực trấn thủ Kinh Bắc.

Trấn Kinh Bắc thế giặc lan tràn, phó tướng Nguyễn Trọng Thân xin cho thêm quân. Các quan trong chính phủ lấy cớ rằng Kinh Bắc là thành lũy của Kinh Sư, thế mà mặt đông có giặc Hoàng Công Chất, mặt tây có giặc Nguyễn Danh Phương, hơn nữa ở Phương Nhãn và Bảo Lộc dân tình nhốn nháo nổi dậy, ba mặt có giặc xông pha như thế, cần phải phòng bị ngay. Nay vùng đông nam sự thế đã được tạm thư, nên chuyên giao cho Đình Trọng liệu lý vùng này, mà rút Ngũ Phúc và Xuân Vực về, để chuyên lên đánh vùng bắc. Trịnh Doanh bèn sai Xuân Vực trấn thủ Kinh Bắc, để làm thanh thế rộng ra đến Tây Bắc. Lại hạ lệnh cho Xuân Vực cùng bọn đồ đốc Bùi Thế Đạt ứng tiếp lẫn nhau.

Lời chua-Bùi Thế Đạt: Người xã Tiên Lý, huyện Đông Thành⁴.

Phương Nhãn: Tức Long Nhãn, xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 32, 33).

Bảo Lộc⁵: Tên huyện thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Sai Đình Văn Giai trấn thủ Sơn Tây.

Trước đây, giặc ở Sơn Tây, đánh cướp Sơn Đông, Trịnh Doanh sai Hoàng Ngũ Phúc đem quân tuần hành Sơn Tây. Đến nay triệu về, bổ dụng Văn Giai thay làm trấn thủ. Dụ bảo rằng: "Sơn Tây là phen giậu của nước nhà, thế mà mặt bắc gần Danh Phương, mặt nam liền với Tương và Mật, thế giặc tràn lan, lòng người lo sợ. Vậy cho phép nhà ngươi ở đấy được tùy tiện làm việc, để ta đỡ lo nghĩ về mặt tây". Tuy thế, nhưng Văn Giai tự giữ uy danh vọng của mình, gặp giặc nhiều khi cứ chệnh mảng không đánh. Vì thế, Danh Phương càng quấy rối cướp bóc dữ dội, dân vùng Sơn Tây phần nhiều bị cay đắng.

¹ Đất tỉnh Thiểm Tây bây giờ, có tên riêng gọi là Quan Trung.

² Những đất ở phía bắc sông Hoàng Hà trước kia gọi chung là Hà Nội. Quan Trung và Hà Nội của Trung Quốc là hai nơi đất rộng, người nhiều, sản vật phong phú, nên Trịnh Doanh đem ví với Sơn Nam hạ nước ta.

³ Nay thuộc xã Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

⁴ Đất huyện Đông Thành, nay thuộc huyện Yên Thành và huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

⁵ Nay là huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Hoãn tô ruộng tư cho Thanh Hoa và Nghệ An.

Kỷ Ty, năm thứ 10 (1749). (Thanh, năm Càn Long thứ 14).

Tháng giêng, mùa xuân. Miễn tiền thuế điệu và thuế thiếu các năm trước cho dân ở gần kinh kỳ.

Lúc ấy, triều đình thu lương, bắt lính làm phiên nhiều luôn, các lộ Thường Tín, Ứng Thiên, Quốc Oai và Thuận An ở gần kinh kỳ, dân rất khổ về sự cung đốn, nên đặc ân miễn xá cho.

Lời chúa-Thường Tín: Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb. XXXIII, 3).

Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb. X, 16).

Ứng Thiên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chb. II, 18).

Thuận An: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb. X, 4).

Tháng 3. Có thủy tai lớn.

Nước tràn ngập, đê bị vỡ. Triều đình hạ lệnh tạm bắt dân phu bồi đắp, hoãn thu tiền gia tô.

Lê Duy Mật đem quân ra Sơn Nam, triều đình sai Văn Đình Úc và Mai Thế Chuẩn chống cự.

Duy Mật đem quân ra xã Kính Lão, đến huyện Hoài An, giặc Tương (sót họ) cũng đem hết quân tụ họp ở Kiệt Sơn, làm thanh thế xa rộng. Trịnh Doanh thấy Sơn Nam gần với khu vực kinh kỳ, bèn sai bọn đô đốc Văn Đình Úc và hiệu điểm Mai Thế Chuẩn chia quân chiêu theo địa thế phòng ngự, mà sai Lân trung hầu (tên là Lân sót họ), nhân đồn lũy của Duy Mật để sơ hở, đem quân xông lên đánh phá làm cho Ngọc Lân bị rối loạn.

Lời chúa-Kính Lão và Kiệt Sơn: Đều tên xã, thuộc huyện Mĩ Lương¹, tỉnh Sơn Tây.

Hoài An: Tên huyện, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Ngọc Lâu: Tên xã, xem năm Cảnh Hưng thứ 2 (Chb. XXXIX, 18).

Tháng 5, mùa hạ. Định rõ cách thức thưởng công.

Theo chế độ cũ về việc thưởng công: người có công nhỏ thưởng cho vàng lụa, công lớn phong cho tước hoặc ruộng đất. Gần đây, chuyên dùng quan tước thưởng công, rồi đi dần đến chỗ quá lạm. Lại theo chế độ cũ: hai ban văn và võ từ tam phẩm đến nhất phẩm, thứ tự xếp đặt cho thăng chức, đều gần giống nhau. Đến quãng năm Bảo Thái triều Dụ Tông, mới đem thứ tự về cấp bậc của ban võ rút bớt đi, thành ra so với ban văn (văn ban 27 bậc, võ ban 17 bậc) thì bên thăng chậm, bên thăng chóng khác nhau, cho nên bầy tôi về võ ban đều nhay vọt lên phẩm trật cao, những viên quan quản lãnh binh lính phần nhiều được phong tước hầu, tước bá. Đến nay bàn định cách thức thưởng công, dùng kim bài hoặc ngân bài làm hạn định thăng chức. Về võ giai từ quan tam phẩm trở lên, thứ tự về cấp bậc cũng như văn ban, còn việc trao tước thì do đặc ân của chúa ban cho. Từ đây, đổi dần được tộ cũ.

Lời chúa-Kim bài và ngân bài: Điều lệ định cách thức thưởng công triều Cảnh Hưng đời cố Lê, mỗi một chiếc kim bài chuẩn cho thăng chức ba bậc; ngân bài hạng lớn và hạng trung đều chuẩn cho thăng chức một bậc.

Tháng 6. Tuyển đình tráng Sơn Nam.

Lúc ấy, vì có việc đánh dẹp, nên các quan trong chính phủ bàn định bắt thêm lính để tăng thêm thế lực quân đội. Bèn hạ lệnh cho bọn Vũ Tá Quán tuyển lấy tráng đinh ở các huyện Nam Xang, Phú

¹ Đất huyện Mĩ Lương, nay thuộc huyện Chương Mĩ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).

Xuyên và Thượng Phúc sung vào quân ngũ, miễn cho thuế đinh suất, bắt phải tự sắm lấy khí giới để thao luyện diễn tập, hẹn khi nào dẹp yên được giặc sẽ tha cho về.

Lời chua-Vũ Tá Quán: Người xã Hà Hoàng¹, huyện Thạch Hà, đồ tạc sĩ.

Nam Xang: Xem Anh Tông, năm Chính Trị thứ 3 (Chb. XXVIII, 15).

Phú Xuyên: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 30).

Thượng Phúc: Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Tháng 7, mùa thu. Sửa đắp, thành bằng đất ở thành Đại Độ.

Lúc ấy, trong nước nhiều nơi nguy cấp, Trịnh Doanh có chí luôn luôn mặc áo giáp, sẵn sàng ra mặt trận. Nhân bảo với tả hữu rằng: "Kinh sư là cõi gốc cả nước, cung miếu của triều đình, dinh thự của trăm quan đều ở đây, thế mà đường ngõ bốn mặt đi lại thông đồng, thành lũy không thể trông cậy được. Nay nơi biên cảnh có giặc, nếu một ngày kia lục sư² xuất phát, thì không thể không liệu lượng để lại một số binh lính để chống giặc và giữ kinh thành, mà nếu số quân giữ thành chống giặc để lại nhiều thì số quân đánh dẹp ở mặt trận ít đi, cho nên việc xếp đặt nơi hiểm để giữ quốc đô, từ đờicổ đến nay, bao giờ cũng thế. Nước Việt ta từ triều nhà Lý dựng kinh đô ở đây, đã từng đắp thành Đại La, nay có thể nhân vào thành ấy mà sửa đắp lại, để sau này, nếu có việc ở mặt ngoài, thì không phải lo nghĩ đến mặt trong nữa, như thế chả phải là kế mưu rất tốt: chỉ khó nhọc một lần mà được yên nghĩ mãi mãi đó ru?". Doanh bèn hạ lệnh: Xem xét địa thế trong kinh kỳ, liệu lượng công trình đắp đất, số dân phu phải làm; rồi bắt dân các huyện chung quanh kinh kỳ góp sức sửa đắp. Khi đắp xong, mở tám cửa, mỗi cửa đặt hai ô tả và hữu, phân phối binh lính canh giữ để phòng bị lúc yên ổn, lúc nguy cấp.

Lời chua-Đại Độ: Tức thành Đại La, nay ngoài tỉnh thành Hà Nội, bốn chung quanh vẫn còn lũy đất.

Khởi phục Trần Cảnh vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trần Cảnh nói: "Nay bắt đình trảng đắp thành đất, dùng sức dân đã nặng, mà người thừa hành lại làm phiền nhiễu thêm mất lòng dân, triều đình tuy có lòng thương yêu, nhưng đối với dân như thế, tôi e rằng không giữ được điều tín nghĩa. Vậy xin sức rõ cho viên quan có trách nhiệm nghiêm cấm bọn sai dịch và thời thường xét hỏi, để thi hành việc thưởng phạt". Trịnh Doanh theo lời.

Tháng 10, mùa đông. Hội hợp các đạo quân ở Bồ Đề.

Lúc ấy bọn Nguyễn Hữu Cầu, giặc vùng đông nam, cướp bóc không thôi, các đạo quân cầm cự với giặc đã lâu ngày mà chưa sao dẹp yên ngay được. Trịnh Doanh muốn tự đi thân chinh, bầy tôi đều có can ngăn. Doanh bèn hội hợp quan quân ba đạo ở bờ phía bắc sông Bồ Đề, hạ lệnh cho Hoàng Ngũ Phúc vẫn kiêm chức thống lĩnh, Phạm Đình Trọng vẫn giữ chức hiệp thống lĩnh đem quân đi đánh. Bọn Ngũ Phúc đã từng nhiều năm đi đánh dẹp, biết rõ được địa thế, địch tình, đến nay họ xem xét thời cơ chận đánh, nhiều lần thắng trận, đồ đảng của giặc phần nhiều đến cửa quân đầu hàng, nên dần dần có cái thể làm cỏ được giặc.

Nguyễn Danh Phương cướp huyện Tiên Phong. Triều đình sai Nguyễn Phan đem quân đi đánh.

Danh Phương từ Bạch Hạc đến cướp xã Cổ Đô huyện Tiên Phong, thanh thế rất lừng lẫy. Hiệp trấn Sơn Tây và Hà Huân dâng thư cáo cấp. Trịnh Doanh hạ lệnh cho cai cơ Nguyễn Phan và phó đốc thị Bùi Trọng Huyền đi đánh, trấn thủ Đinh Văn Giai thì xem xét thời cơ, tìm phương pháp ứng tiếp.

¹ Nay thuộc xã Thạch Hạ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

² Lục sư cũng như lục quân. Binh chế đời cổ mỗi quân là 12.500 người, thiên tử có lục quân, vua chư hầu thì có tam quân hoặc nhị quân. Ở đây, Trịnh Doanh dùng chữ "lục sư" để tỏ ra mình cũng là thiên tử, nên có số quân như vậy.

Lời chua-Bùi Trọng Huyền: Người xã Tiên Mộc, huyện Nông Cống¹, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông.

Cổ Đô²: Tên xã, thuộc huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây.

¹ Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

² Nay là thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 41

Từ Canh Ngọ, Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750) đến Bính Tý, năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756), gồm 7 năm.

Canh Ngọ, năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750). (Thanh, năm Càn Long thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh: Ban bố 12 điều hiếu thị trong kinh, ngoài trấn.

Trình Doanh hạ lệnh, đại lược nói: Thường người làm linh, phạt người làm dữ, là quyền lớn của vua chúa ngự trị trên đời. Ít lâu nay, vì chốn biên cương xảy ra nhiều việc, phải đánh dẹp mấy năm liền, nên dùng quan chức để thưởng người có công, dùng tài năng mà tha cho tội lỗi, thành ra chức tước và đồ khí dụng dần đến tiếm lạm, tệ tục ấy mỗi ngày một tăng lên. Nay cần phải chấn chỉnh lại, để cùng với sự việc đổi mới. Vậy ban bố 12 điều hiếu thị trong kinh, ngoài trấn.

Lời chúa-12 điều:

1. Viên đại thần vào hạng thân thích, hạng có công, tâu bày công việc, làm tờ niêm phong kín dâng nộp.
2. Viên chưởng phủ và tham tụng tùy từng việc mà dâng điều hay, ngăn điều dở.
3. Viên thống lĩnh các đạo quân phải xếp đặt công việc kỹ càng cho hợp lẽ phải.
4. Viên ngự sử khi đàn hạch đứng đối diện với hàng nghi trượng.
5. Cấm nhà quyền thế ức hiếp người khác.
6. Viên thêm sai khám xét kiện tụng phải theo lẽ công bằng.
7. Viên nội sai chỉ ra thu vào¹ phải rõ ràng cẩn thận.
8. Trăm quan phải kính cẩn làm đầy đủ chức phận.
9. Binh lính phải có kỷ luật, không được sinh lòng kiêu căng, lười biếng.
10. Dân phải theo lệnh trên, các hào mục trong làng không được quấy nhiễu dân.
11. Cấm sở tuần ti đánh thuế trái pháp.
12. Răn cấm lại dịch tiết lậu việc quan hoặc lười biếng bỏ việc.

Tháng 8, mùa thu. Lại thi hành phép ấm từ đời Bảo Thái.

Hồi đầu niên hiệu Bảo Thái², chuẩn định: Con quan văn, quan võ vào học Quốc Tử Giám, nếu là con quan nhị phẩm, sẽ trao cho chức tự thừa, nếu là con quan tam phẩm sẽ trao cho chức tư vụ; khi mãn niên hạn sẽ được thăng chức viên ngoại hoặc tri phủ, nhưng sau, người được trao cho chức tư vụ đã mãn niên hạn, chỉ được thăng chức tự thừa. Đến nay lại thi hành phép cũ.

¹ Nguyên văn chép: "xuất nạp tường thận". Riêng hai chữ "xuất nạp" còn có nghĩa là ban bố mệnh lệnh của vua ra ngoài hoặc đệ tấu sớ ở ngoài dâng nộp lên vua.

² Tức năm Bảo Thái thứ 3 (1722), một niên hiệu triều Dụ Tông, xem thêm Chính biên quyển XLI, tờ 23.

Tháng 11, mùa đông. Bắt đầu thu "tiền thông kinh".

Lúc bắt đầu trung hưng, số tiền do sinh đồ nộp đều cấp làm món tiền chi phí của hiệu quan trong huyện. Năm Bảo Thái thi hành việc đánh thuế điệu, khoản trường khoán trông vào tiền công, nên tiền minh kinh cũng nộp vào quan, để chi cấp cho sự cung đốn, sự cần dùng về công việc trường thi. Đến nay, vì dùng quân đánh dẹp, chi phí mất nhiều, tài dụng trong nước không đủ. Năm nào gặp khoa thi hương, thì hạ lệnh cho mỗi người nộp ba quan tiền, sẽ miễn phải khảo hạch và đều cho đi thi, gọi là "tiền thông kinh" (đổi chữ "minh" làm chữ "thông", có lẽ tránh hiệu Minh Vương của Trịnh Doanh). Đây là theo lời bàn của Đổ Thế Giai, một viên quan giữ chính quyền trong phủ chúa Trịnh.

Do đấy, người làm ruộng, người buôn bán, người đồ tể đều hờn hờ nộp quyền đi thi. Ngày vào trường thi, học trò giày xéo lẫn nhau đến nỗi có người chết. Trong trường thi thì kẻ mang sách, kẻ mướn người làm gà, hành động thả cửa, quan trường cùng người gian trá làm như họp chợ. Phép thi như thế, thối nát quá chừng.

Lời phê-Chính sự đồ nát không còn gì hơn nữa.

Lời chua-Hiệu quan: Viên giáo dụ ở phủ hoặc huyện.

Tháng 12. Trịnh Doanh tự đốc suất đại quân đi đánh Nguyễn Danh Phương.

Danh Phương hiệu là Canh Ngọ, lại một niên hiệu nữa là Ngũ Thập, làm giặc ở vùng Sơn Tây. Khoảng đầu năm Vĩnh Hựu, giặc ở Sơn Tây là Tế và Bồng nổi loạn, khi Tế và Bồng bị bại, Danh Phương tập hợp quân chúng còn sót lại được vài vạn người, chiếm cứ xã Thanh Lãnh và thôn Việt Trì, lại chiếm cứ núi Độc Tôn thuộc huyện Tam Dương. Sau khi thua trận ở Bạch Hạc, Danh Phương chỉ dựa vào nơi hiểm trở để cướp bóc vật, không dám khinh thường đem quân ra. Đến lúc Hoàng Phùng Cơ đầu hàng, được triều đình sẵn lòng vỗ về yên ủi, Danh Phương thấy thế, cũng có ý muốn xin hàng. Hẳn bèn dùng lễ vật rất hậu bí mật đút lót cho vợ chúa Trịnh là Nguyễn Thị (người xã Thịnh Mĩ huyện Lô Dương) và hoạn quan Đàm Xuân Vực, Xuân Vực giúp hẳn dâng tờ hiếu đầu hàng, Trịnh Doanh y cho. Nhưng khi triều vào triều thì Danh Phương không nhận mệnh lệnh, lại làm phản, chiếm cứ núi Ngọc Bội làm sào huyệt, tự xưng là Thuận Thiên Khải Văn đại nhân, lập cung điện, đặt quan thuộc, cờ quạt, xe cộ và đồ dùng, tiếm lạm sánh với nghi vệ thiên tử. Nơi hẳn ở gọi là đại đồn, sau đến đồn Hương Canh gọi là trung đồn, Úc Kỳ gọi là ngoại đồn, còn các đồn lẻ, lũy riêng lại nhiều gấp hai. Quân đóng ở đâu đều làm ruộng, chứa thóc, làm kế cố giữ. Lại tự tiện giữ mỗi lợi về chè, sơn, tre, gỗ ở miền thượng du và xưởng mỏ ở Tuyên Quang, do đó mà thóc gạo của bấu chứa cao như núi. Hẳn chia quân chặn giữ nơi hiểm yếu, để kháng cự với quan quân. Triều đình nhiều lần sai quân đi đánh, thì hẳn chớ của để đút lót cho quan quân. Các tướng của hám lợi, cứ dung túng cho giặc để bảo toàn lấy thân. Vì thế nên thế giặc ngày càng vững vàng, hơn 10 năm trời, Danh Phương nghiêm nhên là một nước đối địch với triều đình.

Lúc ấy, quan quân các đạo hội họp càn quét, bắt được em hẳn là Văn Bì và Văn Quảng, thỉnh lĩnh hẳn đem quân ập đến bao vây xã Thanh Lãnh, quan quân hầu bị nguy khốn, liền thả Văn Bì và Văn Quảng để trả lại, hẳn mới giải vây kéo quân đi. Ấy hẳn kiệt kiệt đến như thế. Các huyện thuộc phủ Tam Đái, Lâm Thao và Đà Dương đều bị Danh Phương chiếm cứ, đi đến đâu cướp bóc, chém giết nhẵn nhụi, dân vùng phía tây bị kiệt hại rất tàn khốc.

Đến nay Trịnh Doanh tự đốc suất đại binh đi đánh, bèn hạ lệnh cho Hoàng Ngũ Phúc và Đổ Thế Giai định 37 điều quân lệnh, chia binh sĩ làm bốn đạo quân, bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc tạm trông coi việc quân. Nguyễn Nghiễm làm tán lý, Đoàn Chú làm hiệp đồng, hẹn ngày xuất phát.

Lời chua-Đoàn Chú: Người xã Phù Lỗ, huyện Kim Anh, đỗ hoàng giáp khoa Bính Thìn¹, năm Cảnh Hưng.

Núi Ngọc Bội: Ở địa giới hai huyện Tam Dương thuộc Sơn Tây và Bình Xuyên thuộc Thái Nguyên¹.

¹ Về niên kỷ Lê Hiến Tông, Cương mục chép đến đây mới là Canh Ngọ năm thứ 11. Thế mà lại chia Đoàn Chú đỗ hoàng giáp khoa Bính Thìn, tính từ Canh Thân năm Cảnh Hưng thứ nhất (1740) đến năm Canh Ngọ (1750) trong vòng 11 năm ấy chỉ có năm Mậu Thìn (1748), còn Bính Thìn là năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736). Tham khảo Lê sử bổ (sách chép tay không có tên tác giả), thì Đoàn Chú đỗ khoa Bính Dần năm Cảnh Hưng thứ 7 (1746). Vì sự sai nhau như thế, nên chưa rõ Đoàn Chú đỗ khoa nào.

Thanh Lãnh: Tên xã.

Việt Trì: Tên thôn. Đều xem năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb. XL. 11).

Núi Độc Tôn: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 8 (Chb. XXXVI, 34).

Úc Kỳ: Tên xã, năm Cảnh Hưng thứ 6 (Chb. XL, 12).

Hương Canh: Tên xã, thuộc huyện Yên Lãng.² Tỉnh Sơn Tây.

Tam Đái: Xem ngang với Tống Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Lâm Thao: Xem An Dương Vương, năm thứ 37 (Tb. I, 13)³.

Phủ Đà Dương: Tức Đà Giang, thuộc Sơn Tây, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18).

Tân Mùi, năm thứ 12 (1751). (Thanh, năm Càn Long thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Phạm Đình Trọng bắt được Nguyễn Hữu Cầu ở Nghệ An.

Hữu Cầu lúc còn nhỏ là hạng đầu trộm, sau theo Nguyễn Cừ, tướng giặc Ninh Xá, Cừ gã con gái cho. Khi Cừ bị bại, Hữu Cầu lại hô hào tụ họp đồ đảng cướp bóc. Lúc ấy, Nguyễn Danh Phương chiếm cứ Sơn Tây, Nguyễn Diên chiếm cứ Nghệ An, Hoàng Công Chất chiếm cứ Khoái Châu, Lê Duy Mật chiếm cứ Ngọc Lâu, người nào cũng nắm trong tay vài ba vạn quân, riêng Hữu Cầu là kiệt kiệt hơn cả. Hữu Cầu lại là người mạnh khỏe, nhanh nhẹn, chiến đấu hăng, trí mưu quý quyết trăm đường, nhiều lần bị mấy vòng vây, chỉ một mình một ngựa vượt vây xông ra, rồi vài hôm sau lại có quân chúng hàng vạn. Khi ra trận, một mình cưỡi ngựa, cầm siêu đao, đi lại như bay, quân sĩ không ai là không sợ hãi chạy giạt, đến các tướng cũng phải tránh uy phong của hắn, chỉ một mình Đình Trọng thề quyết chí giết cho bằng được, nên triều đình vững lòng dựa vào Đình Trọng. Đình Trọng cầm quân có kỷ luật, hễ trận nào Hữu Cầu gặp Đình Trọng liền bị thua. Các tướng lúc bấy giờ, Hữu Cầu chỉ sợ có Đình Trọng mà thôi.

Từ khi bị thua trận Bồ Đề, Hữu Cầu hợp lực với Hoàng Công Chất, đánh phá cướp bóc các huyện Thần Khê, Thanh Quan. Đình Trọng cùng Ngũ Phúc đốc suất binh sĩ đi đánh, sang đò Hoàng Giang qua huyện Nam Xang, đến huyện Bình Lục, đánh nhau với Hữu Cầu ở các sông Mã Nảo và Hương Nhi, quân giặc bị thua. Lại đuổi đến xã Quang Dực và Lộng Khê, đánh luôn mấy trận đều phá tan được, đảng giặc bị tan tác. Công Chất chạy vào Thanh Hoa, Hữu Cầu cũng trốn vào Nghệ An nương nhờ Nguyễn Diên. Diên giúp cho binh lính, lương thực, Hữu Cầu nương thân ở Nguyễn Lãm.

Ít lâu sau, Đình Trọng đem đại binh đuổi theo đến nơi, quân của Hữu Cầu bèn tan vỡ. Hữu Cầu bị khốn quẫn bức bách, liền vượt ra biển, toan quay về vùng đồng. Vì gặp gió bão thành lình nổi lên, Hữu Cầu bèn cùng mấy chục thủ hạ lên bộ, tranh cướp lấy đường mà chạy, ẩn trốn trong núi Hoàng Mai, bị Phạm Đình Sĩ, thuộc tướng của Đình Trọng, bắt được, liền đóng cũi đưa về quân thứ Trịnh Doanh.

Lời chua-Phạm Đình Sĩ: Người xã Bắc Trạch huyện Chân Định⁴.

Hoàng Giang: Ở địa phận xã Vị Hoàng, huyện Mĩ Lộc, tỉnh Nam Định.

Nam Xang: Xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 3 (Chb. XXVIII, 15).

Bình Lục: Tên huyện, thuộc Hà Nội⁵.

Mã Nảo và Hương Nhi: Tên hai xã, thuộc huyện Bình Lục.

¹ Hai huyện Tam Dương và Bình Xuyên nay hợp nhất thành huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

² Huyện Yên Lãng nay thuộc Vĩnh Phúc.

³ Cương mục chua lầm. Phủ Lâm Thao mà cương mục chua ở Tiền biên quyển I tờ 13 là Lâm Thao thuộc tỉnh Thiểm Tây. Trung Quốc. Còn Lâm Thao chép ở đây là Lâm Thao nước ta, hiện nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

⁴ Nay là xã Vân Trường, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

⁵ Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Quang Dục: Tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương.

Lộng Khê: Tên xã, thuộc huyện Phụ Dực tỉnh Nam Định¹.

Hương Lãm: Tên xã, thuộc huyện Nam Đường, tỉnh Nghệ An².

Hoàng Mai: Tên xã, thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Tháng 2, Nguyễn Phan đánh Nguyễn Danh Phương ở núi Ngọc Bội, Danh Phương bị thua to và bị bắt. Bình định được vùng Sơn Tây.

Trước đây, Danh Phương dựa vào hiểm trở, cố giữ để ngăn trở quan quân, lại coi thường các tướng, tướng đại binh không thể nào đến được. Trịnh Doanh đi đường Thái Nguyên, lừa lúc không ngờ, đương đêm, đánh úp đồn Úc Kỳ, phá vỡ được, lại tiến quân sát đến đồn Hương Canh. Giặc đem hết quân ra chống cự, đạn bay như mưa. Quan quân không sao tiến lên được. Lúc ấy trong hàng các tướng, chỉ có Nguyễn Phan, vốn gọi là một viên tướng vô địch. Trịnh Doanh đem thanh kiếm trao cho Phan nói: "Nếu không phá được đồn này, lập tức phải xử theo quân pháp". Phan đem quân tiến lên, cỡi chiến bào, nhay xuống ngựa, đánh nhau dưới đất. Phan ngoảnh lại bảo thủ hạ rằng: "Các quân sĩ đã nghi tên trong sổ quân lệnh, tự phải giữ phép quân. Bọn người đều là tôi tớ của ta, nay chính là lúc ta bỏ mình đền ơn nước, mà cũng chính là ngày các người đền ơn ta. Vậy những ai có cha mẹ già, con bé, không nỡ dứt mối tình riêng, thì đều cho lui ra, còn thì đều nên cùng ta quyết liều chết để báo ơn nước, không nên sống uống cái thân mà râu!". Mọi người nghe lời Phan nói, không ai chịu lùi. Phan tự xông lên trước quân sĩ, cố sức đánh, phá tan được. Danh Phương thu nhặt số quân còn sót lại giữ đại đồn Ngọc Bội. Đồn Ngọc Bội là sào huyệt của giặc, thế núi cao vót hiểm trở, giặc đã lấp cửa ngõ các đường tắt từ trước, bố trí một loạt súng ở trên núi để cố thủ. Trịnh Doanh lại sai Phan tiến đánh. Phan sai mọi người đều cầm gươm mác, người nào cũng được phép tự ý đánh chiếm, lại hẹn, hễ nghe tiếng súng thì nắm phục xuống, bằng không thì trèo đá mà vượt lên. Phan đem mọi người tiến lên trước, tam quân kế tiếp theo sau, quân sĩ tiến lên núi trông như đàn kiến. Quân giặc đổ vỡ tan tành, Danh Phương lùi vào núi Độc Tôn. Quan quân lại đuổi theo đánh phá tan vỡ. Danh Phương cùng đồ đảng đốt doanh lũy, rồi nhân đêm chạy trốn. Quan quân đuổi theo, bắt được Danh Phương ở xã Tĩnh Luyện, huyện Lập Thạch.

Sau khi Danh Phương bị bắt, thì cái cũ nhất Nguyễn Hữu Cầu chợt giải đến quân thứ. Trịnh Doanh bèn mở tiệc lớn ở quân thứ Xuân Hi để khao tướng sĩ. Trong khi yến ẩm, Trịnh Doanh sai Hữu Cầu thổi sáo, Danh Phương rót rượu, tam quân xúm quanh lại xem, tiếng vui mừng nổi lên như sấm, bèn kéo quân về kinh sư.

Trận này, từ lúc đem quân sang qua sông đến lúc thắng trận kéo về, chỉ có 43 ngày. Khi về kinh sư, đến cửa khuyết dâng công thắng trận, bèn làm lễ dâng tù binh ở Thái Miếu. Hữu Cầu lập mưu vượt ngục, bị lộ chuyện, liền đem giết cả với Danh Phương.

Lời phê³-Lời nói đáng kính đáng sợ như lúc còn sống, ngàn đời sau này còn có thể làm cho người ta cảm động phấn khởi. Thế mà trong sử bảo Nguyễn Phan cùng Văn Đình Úc danh tiếng ngang nhau⁴, nói như thế khác nào đem viên ngọc giả trộn lẫn với viên ngọc thật.

Lời phê⁵-Một việc vui sướng ngàn đời. Nếu không có Trịnh Doanh, thì việc này cũng rất khó khăn.

Lời chua-Núi Độc Tôn: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 8 (Chb. XXXVI, 34).

¹ Nay thuộc xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

² Đất huyện Nam Đường, nay thuộc huyện Anh Sơn và huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

³ Chỉ lời Nguyễn Phan bảo thủ hạ.

⁴ Xem thêm chính biên quyển XL, tờ 12.

⁵ Chỉ việc Trịnh Doanh sai Hữu Cầu thổi sáo, Danh Phương rót rượu trong bữa tiệc khao quân.

Xuân Hi: Tên xã, thuộc huyện Kim Anh¹, tỉnh Bắc Ninh.

Tĩnh Luyện: Tên xã, thuộc huyện Lập Thạch², tỉnh Sơn Tây.

Sai Nguyễn Quai và Dương Công Chú đi dụ bảo, yên ủi dân các lộ Tây Bắc và Thái Nguyên.

Bọn Nguyễn Quai bái từ ra đi, Trịnh Doanh bảo: "Dân gặp giặc cướp làm cay đắng đã lâu, nay nên để ý hỏi han yên ủi, các người đi đến đâu cần tuyên truyền đức ý triều đình và đề đạt tình hình người dưới; những việc ăn uống đưa đón, nhất thiết chớ làm phiền đến dân". Bèn ban cho 300 quan tiền hành lý.

Lời chua-Tây: Tức Sơn Tây, Bắc: Tức Bắc Ninh, Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc. Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 27, 28, 31, 32, 34, 35).

Hạ lệnh cho Trịnh Tuệ và Lê Sĩ Bàng khám hỏi kiện tụng.

Lúc ấy, Trịnh Tuệ giữ chức thừa chính trấn Sơn Nam, Sĩ Bàng giữ chức tham chính trấn Kinh Bắc. Trịnh Doanh hạ đặc chỉ triệu về kinh, rồi sai châu chực ở điểm cửa tả, khám xét mọi việc kiện tụng.

Lời chua-Lê Sĩ Bàng: Người xã Nội Thiên Lộc, huyện Thiên Lộc³, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) năm Vĩnh Hựu triều Lê Ý Tông.

Tháng 3. Thi lại công sĩ mới đỗ ở lâu Ngũ Long.

Từ lúc có thể nộp tiền để đi thi, học trò quen thói đua nhau chạy chọt, quan trường lại coi thường kỷ luật, làm sự gửi gắm công khai, người thi đỗ phần nhiều không phải thực học, vì thế lời bàn tán bên ngoài rất là xô xao. Trịnh Doanh nổi giận, bèn bắt thi lại, đánh hỏng hơn 200 người; quan trường đều bị biếm chức hoặc bãi chức, duy Vũ Công Trấn, giữ chức đề điệu trường thi Kinh Bắc, được miễn nghị.

Lúc thi lại, Trần Danh Ninh giữ chức chủ khảo, Ngô Đình Oánh và Trần Huy Mật vào hầu chúa Trịnh để ra đầu bài.

Nói về thi cử thời đầu triều Lê, văn chương quý mạnh mẽ, hồn hậu, đầu bài cũng cần những điều đại thể và cốt yếu. Đến khoảng năm Thiệu Bình (1434-1439), Hồng Đức (1470-1497), về đầu bài kinh nghĩa không bó buộc phải ra ở chương nào, thiên nào; về đầu bài tứ lục và thơ, phú không cần hết thầy phải ra ở sách Kinh hoặc sách Sử; về đầu bài văn sách không dùng những điển hiểm bí lờ mờ. Ví dụ như những đầu bài sau đây:

Bài kinh nghĩa "doanh doanh thanh dăng chỉ vu phàn"⁴;

Bài chế "mệnh Lê Niệm vi bình chương"⁵;

Bài biểu "Chiêm Thành cống tự".

Thơ phú thì có khi dùng điển sách ngoài để ra đầu bài như: bài "độ nghĩ kiêu"¹, bài "nghiễn trì ngư"², bài "ngư phủ nhập đào nguyên"³, v.v... Những bài này không phải người có sức học dồi dào phong phú, sâu rộng, thông hoạt, không thể làm được; văn sách cũng thế.

¹ Trước là huyện Kim Hoa, sau đổi là Kim Anh, nay là huyện Sóc Sơn (Hà Nội) và một số xã thuộc huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc).

² Nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

³ Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

⁴ Một câu trong thơ "thanh dăng", thiên tiểu nhã, sách Mao Thi. Nghĩa đen câu này là "con nhặng xanh kêu vo ve đỗ ở cái phen". Ý nói giống nhặng xanh thường làm cho thứ trình sạch thành bẩn thỉu, để ví với bọn tiểu nhân hay gièm pha người, làm cho người tốt hóa ra xấu.

⁵ Lê Niệm là một viên quan triều nhà Lê, từng làm quan triều Thái Tông, Nhân Tông và Thánh Tông, Thánh Tông phong Lê Niệm giữ chức bình chương quân quốc trọng sự.

Từ lúc trung hưng trở về sau, thay đổi thể văn, một lần thay đổi thì dùng lối rập theo sáo cũ là quý, lại một lần thay đổi nữa thì dùng lối lựa từng lời, gọt từng câu là hay, thành ra thể văn ngày đi đến bạc nhược. Khoảng năm Chính Hòa (1680-1704) bàn khôi phục lại thể văn đời Hồng Đức, Vũ Thạnh và Ngô Vi Thực kế tiếp nhau đứng ra chấn chỉnh, nhưng chung quy cũng không sao bỏ được lối văn trước.

Đến nay, thi lại, bọn Ngô Đình Oánh ra đầu bài văn sách, lại chia ra hỏi về nhiều mục, Nhữ Đình Toàn không ưa, bèn xin chỉ chuẩn ấn định: Văn sách về cổ văn thì hỏi đại lược việc phải việc trái; về kim văn thì hỏi công việc hiện thời. Thi hương, thi hội và thi đình đều theo thể văn đời Hồng Đức. Trịnh Doanh y theo.

Lời chua-Ngô Vi Thực: Người xã Tả Thanh Oai⁴, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1691) năm Chính Hòa triều Hi Tông.

Mông một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 6. Chấn chỉnh chức trách các quan giữ việc chính trị.

Trịnh Doanh lấy cớ rằng trong nước gần được được bình định, cần phải chấn chỉnh chức trách các viên quan giữ việc chính trị bèn hạ lệnh cho tham tụng Nhữ Đình Toàn châm chước điển lệ các triều, xếp đặt quan chức phẩm trật thành từng loại, gọi là "Tấn thân thực lục". Lại ban hành 9 điều nói rõ chức trách công việc các quan trong kinh, ngoài trấn:

1. Giúp đỡ vua làm cho bụng nghĩ của vua được ngay thẳng.
2. Phân biệt, kèn chọn quan lại.
3. Bàn định chính sách đối với dân.
4. Định kỷ luật quân ngũ.
5. Xếp đặt việc chi dùng trong nước.
6. Sách tỏ về thể lệ kiện tụng.
7. Bàn định việc tính toán chi thu.
8. Việc thưởng, việc phạt phải cho đúng lẽ.
9. Hiệu lệnh phải tin thật.

Chín điều trên này răn bảo các quan giữ việc trong chính phủ, để tùy tài từng người mà trao cho chức việc, phân biệt bổ dụng các chức quan.

Nói về quan chế triều nhà Lê, từ lúc trung hưng thay đổi phép tắc:

Các quan đại thần trong chính phủ, thì xếp đặc chức chương phủ và thự phủ đứng đầu về võ giai, gọi là "ngũ phủ" tham tụng đứng đầu về văn giai, gọi là "phủ liêu". Các chức này đều là chức vị tể tướng, dưới đến bồi tụng và quyền phủ cùng được dự bàn chính sự. Còn liêu thuộc là thêm sai, tùy sai theo làm công việc thăm hỏi, thì bổ dụng cả quan văn lẫn quan võ, duy quan văn giữ chức trong lục phiên, phụng lệnh làm việc văn thư;

¹ "Bắc cầu cho kiến bò qua". Đầu đề này dùng điển trong Tống sử. Nhà Tống Giao có tổ kiến, một hôm mưa to, kiến trong tổ bò ra, bị nước ngập, không có lối đi, Tống Giao dùng cành tra bắc cầu cho kiến bò qua.

² "Hình con trâu trong cái nghiên mài mực". Đầu đề này chưa rõ dùng điển ở sách nào. Tham khảo Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi, có bài "nghiên trung ngư", không rõ có phải đầu đề này dùng điển ấy hay điển nào?

³ "Ông thuyền chài vào nguồn đào". Đầu đề này dùng điển của Đào Tiềm đời Tấn. Đào Tiềm có làm bài "đào hoa nguyên ký", nói về việc người thuyền chài ở Vũ Lăng vào rừng hoa đào, được gặp người đi lánh loạn từ đời nhà Tần. Lần sau người thuyền chài ấy lại tìm vào, thì không nhận được đường nữa.

⁴ Nay là xã Tả Thanh Oai, thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bầy tôi thân cận là nội sai tiểu ti, giữ công việc truyền đạt mệnh lệnh vua ra ngoài và nhận tờ số biểu của bên ngoài dâng nộp lên vua;

Các quan trong lục bộ nắm giữ đại cương của lục phiên;

Các quan trong lục khoa đàn hạch sự sai trái của lục bộ;

Các quan khanh trong lục tự đều giữ chức vụ của mình.

Ngự sử đài làm giường mỗi cho 13 đạo và các ti Đề Lãnh, Phủ Doãn trong kinh kỳ. Chức đề hành giám sát thuộc vào Ngự sử đài.

Quan ngoài các trấn thì đặt ba ti trấn thủ, Thừa chính và Hiến sát: ti Trấn thủ giữ việc cầm phòng trộm cướp; ti thừa chính làm tiêu biểu cho các quan phủ, châu và huyện noi theo; ti Hiến sát giữ việc đàn hạch quan lại trái phép từ Trấn Ti trở xuống và bọn quyền quý, cường hào, lại giữ việc xét hỏi các kiện tụng. Ba ti này đều thống thuộc vào Ngự sử đài.

Lại có Tông nhân phủ, Quốc Tử Giám, Kinh Diên, Sử Quán, Hàn Lâm, Đông Các, Tư Lễ, Tư Thiên Giám và Lệnh Sử, các nha môn đều có quan giữ từng công việc.

Từ lúc dùng quân đánh dẹp trở đi, phép tắc kỷ cương dần dần buông lỏng, trăm quan phần nhiều trễ tràng, đến nay đều chấn chỉnh lại, làm cho chế độ cũ được sáng tỏ, để các quan trong kinh ngoài trấn đều răm rắp tuân theo giữ chức phận của mình. Tuy thế, nhưng tham tụng bồi tụng là gia thần của phủ chúa, thượng thư, thị lang là vị hã của triều đình; lục phiên nắm hết quyền của lục bộ, lục khoa không có trách nhiệm phong bác¹. Còn lục tự, thông chính, dụ đức và thứ tử thì đều là chức quan nhàn tản, không giữ công việc theo với chức phận. Tên quan và sự thực làm lẫn rối loạn, người có kiến thức lấy làm chê cười.

Lời chua-Ngũ phủ và phủ liêu: Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 2 (Chb. XXXIII, 13).

Lục bộ và lục khoa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 6 và thứ 7 (Chb. XIX, 31; XX, 6)².

Lục tự: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 7³ đặt lục tự, là Thượng Bảo, Quang Lộc, Hồng Lô, Thái Thường, Thái Bộc và Đại Lý, mỗi tự có đặt quan khanh (trật chánh ngũ phẩm) và thiếu khanh (trật chánh lục phẩm), là chức cơ vụ về hàng quan trong kinh (giữ chức việc gì nay không khảo cứu được).

Ty thông chính sứ (trật tòng tứ phẩm): Giữ việc tuyên truyền ơn đức của người trên mà để đạt tình hình của người dưới.

Dụ đức: Chức quan ở đông cung, có Tả Dụ đức và Hữu Dụ đức (trật tòng tam phẩm) giữ việc hầu thái tử để bàn tán dẫn dụ nghĩa sách.

Thứ tử: Cũng là chức quan ở đông cung (trật tòng tam phẩm). Chức này mới đặt thêm từ năm Bảo Thái thứ 2 (1721) triều Dụ Tông, để giữ các việc tán lý và lễ nghi. Lúc ấy chính quyền thuộc về phủ chúa Trịnh, công việc then chốt trong triều đình đều về tay gia thần ở lục phiên, mà danh vị quan ở đông cung thường dùng "các thần"⁴ để kiêm lãnh, còn chức quan đều đặt có ngạch sông cho đủ vị mà thôi.

¹ Theo chế độ xưa, chiếu chỉ của vua ban ra, có điều gì không hợp lý, thì viên quan có trách nhiệm được niêm phong đệ hoàn mà xin cải chính lại.

² Nguyên văn chép lầm là "Hồng Đức nhị niên".

³ Xem Chính biên quyển XX, tờ 6, ở đây chép lầm là "Hồng Đức nhị niên".

⁴ Danh từ "các thần", triều nhà Nguyễn thường dùng để chỉ những viên quan trong nội các. Thời đại Lê Trịnh chưa đặt nội các, chữ "các thần" chép ở đây là chỉ những viên quan trong phủ liêu. Các thần kiêm giữ chức quan ở đông cung, như tham tụng Nguyễn Công Hãng làm sư phó Trịnh Giang, tham tụng Nguyễn Công Thái là phó sư Trịnh Sâm, v.v...

Mười ba đạo: Thanh Hoa, Nghệ An, Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Yên Quảng và Cao Bằng.

Bắt đầu đặt hiệu Bình Đông và Bình Tây.

Theo chế độ cũ, việc tô thuế giao cho viên quan có trách nhiệm đốc thu, phần nhiều sách nhiễu thu quá lệ ngạch, dân có phần bị khổ sở. Đến nay, vì các lộ Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam nhiều năm bị binh lửa, dân phiêu tán mới trở về, nên chưa đặt quan thu thuế ở các lộ ấy, bèn đặt hai hiệu Bình Đông và Bình Tây ở kinh sư, sai quan thu thuế, mà dân được tự đem thuế đến nộp. Sau lại lấy cớ rằng dân lưu tán ở Thái Nguyên mới trở về tụ tập, viên quan có trách nhiệm đốc thu một cách hà khắc những nhiễu, nên cũng hạ lệnh đặt hiệu theo thể lệ chung. Cho phép dân được tự đem thuế đến nộp. Các viên quan thuộc về lục cung, phải chiếu theo hàng ngày mà biên thu, ai để chậm trễ sẽ phải tội.

Lời chua-Hiệu Bình Đông: Sơn Nam và Hải Dương thuộc về hiệu này.

Hiệu Bình Tây: Sơn Tây và Kinh Bắc thuộc về hiệu này.

Quan chức trong lục cung: Xem Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb. XXXV, 22, 23).

Lại ban bố rõ giáo điều đời Cảnh Trị¹.

Năm Cảnh Trị thứ nhất (1663), Phạm Công Trứ giữ công việc trong chính phủ, phụng mệnh làm giáo điều gồm 47 mục, mỗi xã đặt một viên quan, cứ ngày đầu năm và ngày xã điền đem giáo điều đọc cho dân nghe. Từ khi trong nước nhiều việc, bỏ trễ nãi không nhắc đến. Đến nay hạ lệnh cho súc rõ lại, nhưng nhân dân có ý lơ là, coi như việc không đáng để ý đến.

Lời chua-Ngày xã điền: Tiết lập xuân, ngày "mậu" thứ năm là ngày xuân xã; tiết lập thu, ngày "mậu" thứ năm là ngày thu xã. Ngày xã, tế ông tổ sinh ra việc làm ruộng.

Nhâm Thân, năm thứ 13 (1752). (Thanh, năm Càn Long thứ 17).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Doanh triệu tham tụng đại thần hàng ngày vào phủ bàn luận công việc.

Sai bọn Vũ Công Trấn và Đỗ Duy Kỳ chiêu tập phủ dụ dân các lộ Tây và Nam.

Lúc nổi ra binh lửa, dân ở các nơi bị điêu tàn, các huyện Chương Đức, Mĩ Lương, Yên Sơn và Thạch Thất bị phiêu tán nhiều hơn cả. Triều đình bèn sai sứ thần chia nhau đi yên ủi chiêu tập nhân dân.

Lời chua-Chương Đức và Thạch Thất: Tên hai huyện, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 4, 9).

Yên Sơn: Tức Ninh Sóc, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 4 (Chb. XXVI, 43).

Mĩ Lương: Tên huyện, xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 8 (Chb. XXIX, 14).

Bọn Đàm Xuân Vực đánh giặc là tên Tương ở Sơn Tây, phá tan được.

Trước đây, Tương cùng Lê Duy Mật chiếm cứ xã Ngọc Lâu và Vĩnh Đồng, khi nào quan quân kéo đến thì chúng tan tác chạy ngay, khi quan quân đi rồi, chúng lại cướp bóc tứ tung. Đến nay, bọn Xuân Vực và Nguyễn Nghiễm đánh phá được. Tương thua trận, rồi chết, Duy Mật trốn biệt. Trịnh Doanh rất khen ngợi bọn Xuân Vực, sai Nguyễn Hoàn đến quân thứ, tuyên dương yên ủi tướng sĩ, thưởng cho 20 lạng bạc và 2000 quan tiền.

Lời chua-Ngọc Lâu: Tên xã, xem năm Cảnh Hưng thứ 2 (Chb. XXXIX, 18).

Vĩnh Đồng: Tên xã, xem năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb. XL, 8).

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 4, 5.

Tháng 5, mùa hạ. Núi Tản Viên sụt.

Núi sụt, chiều dài hơn 300 trượng.

Lời chua-Núi Tản Viên: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chb. I, 34).

Tháng 7, mùa thu. Định thể lệ đánh thuế bầy tộc người Nùng ở Tuyên Quang.

Người Nùng đồng niên mỗi suất nộp 6 tiền, bầy tộc, mỗi nhà 7 quan. Lại bầy tộc có lệ đánh thuế nóc nhà hiện tại (kiến ốc chính thuế) cứ 3 năm nộp một kỳ, mỗi nhà hai lạng bạc.

Lời chua-Bầy tộc người Nùng: Sơn Trang bạch tộc, Sơn Trang hắc tộc, Sơn Tử bạch tộc, Sơn Tử hắc tộc, Đại Tiểu bản tộc, Bát Tiên tộc và Cao Lan tộc.

Mông một, tháng 10, mùa đông. Nhật thực.**Quý Dậu, năm thứ 14 (1753). (Thanh, năm Càn Long thứ 18).****Tháng giêng, mùa xuân. Giảm số đinh cho phủ Kinh Môn và Nam Sách thuộc Hải Dương.**

Số đinh ở hai phủ Kinh Môn và Nam Sách cứ 5 phần được giảm một phần. Sau đấy, vì Xuân Vực về kinh nói dân ở Thanh Hoa đau khổ, lại hạ lệnh cho ti Thừa chính khám xét số hộ, sẽ tùy nghi cho giảm.

Lời chua-Kinh môn: Tên phủ, thuộc Hải Dương.

Nam Sách (chính sách): Tức Nam Sách (số sách), xem ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (T.b, V, 21).

Tháng 3, địa phận huyện Gia Viễn và Yên Mô trời mưa nước đen.

Lời chua-Gia Viễn và Yên Mô: Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 2).

Bản định về việc đồn điền.

Các lộ vùng Đông, Nam từng bị binh lửa, ruộng đất phần nhiều bỏ hoang. Trước đây, đã hạ lệnh cho quan sở tại đặt thêm lính đồn điền để khai khẩn¹. Đến nay bản định lấy quân lính đi đánh giặc đã được rút về, phân phối đi cày cấy ở các lộ, tích trữ thóc lúa, để việc phòng bị nơi biên giới được đầy đủ.

Bổ dụng Mai Thế Chuẩn làm đốc trấn Lạng Sơn.

Thế Chuẩn đắp ruộng thêm thành Lạng Sơn, chu vi 577 trượng.

Khởi phục Nguyễn Công Thái giữ chức tham tụng.

Trước đây, Công Thái lại về kinh giữ chức trong chính phủ², bọn Đỗ Thế Giai lại càng ghét. Công Thái nhân lấy cơ tuổi già xin thôi việc. Đến nay Trần Cảnh bị bãi, Trịnh Doanh lại khởi phục Công Thái để bổ dụng. Công Thái xin bỏ thể lệ nộp "tiền thông kinh" khoa thi hương, Trịnh Doanh y theo. Sau lại hạ lệnh kiêm giữ công việc ở Quốc Tử giám.

Tháng 4, mùa hạ. Mưa đá ở địa phận huyện Yên Sơn và Thạch Thất.

Mưa đá dữ dội ở địa phận huyện Yên Sơn và Thạch Thất thuộc Sơn Tây, thóc lúa bị tổn hại mất nhiều. Triều đình hạ lệnh liệu lượng giảm thuế điền.

Lời chua-Yên Sơn: Tên huyện, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 4 (Chb. XXVI, 43).

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 14, 15.

² Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 31, và XL tờ 1.

4). Thạch Thất: Tên huyện, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII,

Tháng 6, hạn hán. Hạ lệnh bày tội văn võ đều dâng tờ khai niêm phong trình bày mọi việc.

Cho lính tứ trấn về nhà làm ruộng.

Trước đây, dùng quân đánh dẹp, triều đình chọn lấy dân tứ trấn sung làm vệ binh, sau lại phân phối cho lệ thuộc về bản trấn¹. Đến nay, triều đình lấy cớ rằng trong nước đã gần được bình định, nên đều cho về làm ruộng, duy hàng năm làm lễ tế cờ, thì các binh lính ấy đến trấn để thao luyện diễn tập trong hạn 5 ngày, rồi lại cho về. Sau lại vì mấy năm bị mất mùa luôn, nên cũng bãi bỏ cả.

Miễn thuế thủy sản ở các đạo.

Thuế thủy sản ở các đạo phần nhiều không phải ngạch cũ, hoặc có hạng thuế chỉ đặt lạm trong nhất thời, sau bèn thành lệ, hoặc có nơi sản vật không phải là hạng có thường xuyên, mà quan sở tại nhất khái đốc thúc thu thuế, làm cho dân đau khổ không sao kể xiết! Triều đình biết tình thế ấy, nên hạ lệnh tha cho.

Tháng 7, mùa thu. Trấn Ninh đến dâng sản vật địa phương.

Lời chua-Trấn Ninh: Xưa gọi là Bồn Man, xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30, 31).

Định phép đánh thuế võ quế.

Hạ lệnh cho Đô ti² hai trấn Thanh Hoa và Nghệ An trông coi, lấy tiền công chia cấp cho thổ tù, thuê người đi tìm bóc quế, số võ quế bóc được, đem nộp viên giám đương³ cân và thu nhận.

Bãi bỏ trường đúc tiền ở các trấn.

Triều đình lấy cớ rằng các trấn đúc tiền phần nhiều quá lạm, lại mỏng mảnh, nên hạ lệnh bãi bỏ, duy trong kinh kỳ vẫn để hai trường đúc ở Nhật Chiêu và Cầu Giễn, giao cho viên đại thần trông coi việc này.

Lời chua-Cầu Giễn: Ở địa phận phường Bạch Mai, huyện Thọ Xương⁴.

Ngày Chiêu: Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb. XXV, 37).

Tháng 10, mùa đông. Gió to, nước dấy lên.

Ba xứ Đông, Nam và Bắc gió thổi mạnh, nước dấy lên, thóc lúa bị mất, nhân dân bị đói. Triều đình hạ lệnh miễn tiền gia tô, còn đồn điền do lính các cơ các đội cày cấy, bàn định rộng ơn miễn cho.

Lời chua-Tiền gia tô: Xem năm Cảnh Hưng thứ 3 (Chb. XXXIX, 27).

Ba xứ: Tức Hải Dương, Sơn Nam và Kinh Bắc.

Hạ lệnh cho Ngự sử đài và ti Hiến sát các đạo làm tờ khai niêm phong trình bày công việc.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho Ngự sử đài và ti Hiến sát các đạo rằng: "Gần đây những người trình bày công việc phần nhiều chỉ trích ra những việc nhỏ nhặt, còn đến việc quan lại tham nhũng, chính sự thiếu

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 25, 26 và XL, tờ 25.

² Tức Đô tổng binh sứ ti, nói tắt, trong Đô ti có các chức tổng binh và phó tổng binh đặt từ năm Quang Thuận triều Lê Thánh Tông. Đến đời Lê trung hưng đã bỏ đi mà đặt là trấn thủ, lưu thủ v.v... (Xem lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXXV, tờ 12). Vậy Đô ti chép ở đây có những chức quan gì và giữ nhiệm vụ gì, chưa khảo cứu được.

³ Xem lời chua của Cương mục. Chính biên quyển XXXVII, tờ 27.

⁴ Nay thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (ở cuối phố Huế đầu phố Bạch Mai).

sót cùng tình trạng u ẩn ở dân gian thì đều bỏ qua không nói đến. Như thế sao gọi là xứng chức được? Nay trong nước mới bình yên, dân lưu tán mới họp tập lại, ở dân gian tất có nhiều nỗi oan uổng uất ức, các viên quan đều nên dâng phong thư cần mật, trong thư cần phải nói thiết thực đúng lẽ, để có thể thi hành". Doanh lại hạ lệnh cho Phạm Đình Trọng, đốc suất Nghệ An, trình bày việc cốt yếu về thay đổi điều tệ hại, để cứu dân ở trong hạt. Nhân đấy, Đình Trọng trình bày bốn việc, Doanh đều y theo.

Lời chúa-Bốn việc: 1. Đốc thúc bắt lính trốn làm phiên phí cho dân; 2. Thu tiền phạt chuộc tội thêm làm nhiều dân; 3. Con cháu công thần đã được miễn cả mọi khoản mà dân vẫn phải chịu khống; 4. Thợ đóng thuyền ở các xã, để cho ở lại doanh lũy bản trấn, miễn cho việc về kinh sư hoặc phải đi trấn khác.

Miễn cả các khoản, dân phải chịu khống: Nhà Lê từ năm Cảnh Trị (1663-1671) trở về sau, định lại phép tuyển duyệt dân đinh, người sinh ra không tính, chết đi không trừ, cho nên con cháu nhà công thần đều được trừ cả các khoản, mà sổ hộ thì dân vẫn phải khống thụ.

Tháng 12. Trịnh Doanh phong cho con là Sâm làm thái tử.

Các viên quan giữ chính quyền trong phủ nhiều lần xin dự bị lập thế tử, Trịnh Doanh theo lời, bèn tâu nhà vua xin làm đủ nghi lễ sách lập, bổ dụng Nguyễn Công Thái giữ chức sư phó để dạy Trịnh Sâm.

Giáp Tuất, năm thứ 15 (1754). (Thanh, năm Càn Long thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Ân tuất những tù bị giam.

Hạ lệnh cho bọn Vũ Công Trấn và Nguyễn Quai xem xét trong nhà ngục, phát chẩn cho tù bị đói, bị thiếu, người nào can tội nhẹ thì xét xử ngay và phân phối đi các nơi.

Phạm Đình Trọng, thượng thư bộ Binh, thái tử thái bảo, tước Hải quận công, giữ chức đốc suất xứ Nghệ An, mất.

Đình Trọng có tài cán trí mưu, sau khi thi đỗ, liền tham dự vào cơ mưu việc binh, vì có công đánh dẹp, nên từ chức hiệu thảo (chánh thất phẩm) thăng lên chức thị lang (chánh tam phẩm). Đến nay, lấy địa vị là thượng thư bộ Binh. Hải quân công, sung là đốc suất xứ Nghệ An. Khi mất, thọ 40 tuổi, truy tặng hàm thái bảo.

Đình Trọng cầm quân đánh giặc, từng thống lĩnh quân các đạo, đi đến đâu giặc đều tan vỡ. Nói về công đánh dẹp, Đình Trọng là người chiếm giải nhất. Trịnh Doanh viết lối "phi bạch"¹ bốn chữ "văn võ toàn tài" ban cho, lại cho biển ngạch khắc chữ "đồng hưu công thần"², phong cho thái ấp vài ngàn hộ.

Đình Trọng là một viên tướng có nho học, giữ vị vọng quan trọng, đầu ở nơi biên trấn mà sĩ phu không ai là không tưởng mến nghi phong thái độ.

Khảo xét công trạng các quan.

Hạ lệnh cho bọn Hoàng Ngũ Phúc, Trịnh Tân và Nguyễn Đình Thạch khảo xét hàng quan võ; bọn Nguyễn Huy Nhuận, Nguyễn Vĩ và Vũ Công Trấn khảo xét hàng quan văn: phân biệt rõ ràng theo thứ tự đẳng cấp, thay đổi nhau xét đi xét lại, bàn luận cho hợp lý, rồi sẽ xin chúa quyết định.

Lời chúa-Nguyễn Đình Thạch: Con Nguyễn Đình Đống, em Nguyễn Đình Hoàn, người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Anh, đỗ tạo sĩ.

Đặt quan khuyến nông ở các lộ.

Trước đây, triều đình lấy cơ rằng ruộng ở các lộ phần nhiều bỏ hoang, nên hạ lệnh quan sở tại cùng người đầu hàng chia nhau cày cấy. Có nhiều người lính canh khai khẩn, về sau, nào nhận tranh,

¹ Một lối viết khác lối viết thường, lấy bút kẻ từng đường nhỏ ở cạnh các nét chữ, còn trong nên từng nét thì vẫn để trắng.

² Bốn chữ này ý nói: người công thần được cùng nước cùng hưởng phúc lành.

nào xâm chiếm, không thể nào xét rõ được. Đến nay trong nước gần được bình định, dân phiêu tán lần lượt trở về, bèn đem hết ruộng ấy trả lại cho dân, hạ lệnh cho quan đại thần giữ chức khuyến nông, chia nhau đi đốc suất, định lại cỗi mốc, xét xử kiện tụng, quân bình mua bán. Duy ruộng công cùng ruộng người phạm tội, ruộng thừa đã tịch thu sung công thì tự quan cày cấy; những người đầu hàng cũng chuẩn cho trở về quê quán, giao trả lại điền sản. Lại tô thuế ở các đạo còn bỏ thiếu chông chất từ năm Nhâm Tuất (1742) đến năm nay gồm 13 năm, đều được miễn.

Dân Cao Bằng bị đói. Triều đình xuất bạc trong kho để phát chẩn.

Dân Cao Bằng bị đói, hạ lệnh xuất 300 lượng bạc trong kho nội phủ phát chẩn cho dân. Nhân đấy, hạ lệnh cho ti Trấn thủ xét đúng sự thật về số dân trong hạt mà thổ tù hiện cai quản và sổ hộ khẩu bị lưu tán.

Tháng 3. Định phép tuyển bổ cất nhắc ở bộ Lại.

Các quan trong bộ Lại là bọn Nguyễn Vĩ và Dương Công Chú nói: "Từ trước đến nay phép tuyển bổ quan lại, khi theo cũ, khi đổi mới, không giống nhau. Vậy xin từ nay, những ấ tử của quan văn quan võ vào hạng nhất, nhị phẩm, lúc mới trao cho quan chức và lúc được thăng, nhất luật theo lệ định năm Nhâm Dần (1722) đời Bảo Thái. Các chức chánh hoặc tòng, đều xét thực chiếu theo tư cách và quân công, rồi trao cho giữ chức quan văn ở nội điện nhà vua hoặc phủ chúa; người nào thi hội dự trúng ba kỳ thì chuẩn thực trao cho chức tri huyện. Việc khảo xét công trạng các quan trong kinh, ngoài trấn đều định hạn 6 năm". Trịnh Doanh y theo.

Lời chúa-Lệ định năm Bảo Thái: Con quan văn, quan võ vào học ở Quốc Tử Giám, người nào được viên quan trong giám bảo cử, nếu là con viên quan nhị phẩm sẽ được trao cho chức tự thừa (chánh thất phẩm), nếu là con viên quan tam phẩm sẽ được trao cho chức tư vụ (tòng thất phẩm), làm việc đủ niên hạn, sẽ được thăng chức viên ngoại hoặc tri phủ.

Tháng 6, mùa hạ. Nhà vua ra sông Nhị duyệt binh.

Trịnh Doanh lấy cớ rằng trong nước mới bình yên, bắt các quân lính phô trương sức mạnh, mời nhà vua ngự ra xét duyệt, trăm quan làm lễ chào mừng. Bèn hạ lệnh cho thủy binh bày hàng chiến thuyền ở giữa sông, dung nghi quân sĩ rất tề chỉnh, bơi chèo ngược dòng nước, thuyền phóng đi như bay. Nhà vua rất bằng lòng, gần tối, xa giá trở về cung.

Lời chúa-Nhị Hà: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Nước sông dấy lên, đê xã Bộ Đầu và Võng Xuyên bị vỡ.

Đê xã Bộ Đầu và Võng Xuyên bị vỡ, dân cư và ruộng lúa phần nhiều bị ngập lụt. Triều đình hạ lệnh cho ti Hiến sát khám xét thực trạng dâng tâu, bàn định thi hành phát chẩn cứu đói.

Lời chúa-Bộ Đầu¹: Tên xã, thuộc huyện Thượng Phúc, Hà Nội.

Võng Xuyên: Tên xã, thuộc huyện Phúc Thọ, Sơn Tây.

Tháng 9, mùa thu. Lại cấm tà đạo Hòa Lan.

Trước kia, vào khoảng năm Nguyên Hòa (1633-1548) đời Lê Trang Tông, Y-Nê-Xu, người Tây Dương, mới đem đạo ấy vào vùng ven biển, thuộc huyện Giao Thủy, huyện Nam Chân, lén lút truyền giáo, gọi là "đạo thiên chúa" cũng gọi là "Thập tự giáo". Giáo lý này dùng thiên đường địa ngục để phân biệt báo ứng về điều thiện, điều ác, cũng gần giống đạo Phật, có thêm vào thuyết xưng tội, rửa tội nữa. Họ ngày đêm dụ dỗ, lừa dối, những người ngu xuẩn quê mùa bị họ làm mê hoặc đắm đuối, dầu có lệnh cấm, chết cũng không bỏ. Khoảng năm Cảnh Trị (1663-1671) và Chính Hòa (1680-1704), triều đình đã

¹ Nay là thôn Bộ Đầu, xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

hiều lần ra cấm lệnh rõ ràng, nhưng vì lòng dân bị che lấp đã lâu, rút cuộc không thay đổi được. Đến nay lại bàn cấm đoán nghiêm ngặt hơn, nhưng cũng không thể nào ngăn cấm được.

Lời chua-Tả đạo Hòa Lan: Tức tả đạo Hoa Lang, xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb. XXXIII, 5, 6).

Tháng 12, mùa đông. Lại thu thuế tô, dung và điệu ở các trấn vùng biên giới.

Trước đây các trấn vùng biên giới, vì dân bị điều tàn, nên được miễn đánh thuế. Đến nay, lại bàn định trưng thu, thuế lệ kém một nửa phần thuế ở tứ trấn.

Lời chua-Phép đánh thuế tô, dung và điệu: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 9, 12).

Tứ Trấn: Xem năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb. XL, 2).

Ất Hợi, năm thứ 15 (1755). (Thanh, năm Càn Long thứ 20).

Tháng 3, mùa xuân. Trịnh Doanh tự gia phong là thượng sư thượng phụ Anh Đán văn trị võ công Minh Vương.

Trước đây, Doanh phong là đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư Minh Vương, nay vì công danh ngày càng lừng lẫy, muốn nhà vua gia phong vương hiệu đặc biệt. Bề ngoài Doanh làm ra nhún nhường, những bày tỏ vẫn cố xin mãi. Đến nay, nhà vua sai tham tụng Nguyễn Công Thái đem bảo sách phong Doanh làm thượng sư thượng phụ anh đán văn trị võ công Minh Vương.

Tháng 4, mùa hạ. Hạng hán. Hạ chiếu cho trăm quan nói thẳng những điều thiếu sót làm lỗi.

Lúc ấy, đã lâu không mưa, Trịnh Doanh xin nhà vua đặt đàn tràng cầu đảo ở trong cung. Nhân đấy, cho hoãn: Tiền thuế còn bỏ thiếu do hiệu Bình Đông, Bình Tây nhận thu; việc kiện tụng ở các nha môn thuộc trong kinh, ngoài trấn; lính trốn ở hai xứ Thanh và Nghệ. Lại hạ lệnh giảm thuế tô ruộng công, ruộng tư cho Nghệ An; ở tứ trấn, nơi nào còn thiếu tiền gia tô đều được miễn. Sau đó, hạ lệnh cho trăm quan nói thẳng những điều thiếu sót lầm lẫn.

Lời chua-Hiệu Bình Đông và Bình Tây: Xem năm Cảnh Hưng thứ 12 (tờ 14 trong cuốn này).

Tháng 5. Trấn Ninh dâng dâng lễ cống.

Bức thư dâng lễ cống của man Trấn Ninh không xưng họ tên gì cả. Trong thư xin cho 6 năm một lần dâng lễ cống, và xin cấm chỉ sứ thần Ai Lao không được đi qua cảnh thổ của Trấn Ninh. Triều thần bàn luận, cho rằng phong tục người Man như thế, không nên quở trách quá, vì thế chỉ hỏi vặn sứ thần Trấn Ninh ngay trước mặt, dặn về bảo cho Bồn Xà biết: Từ sau cứ ba năm một lần dâng lễ cống, trong thư dâng lễ cống phải viết đủ họ tên người tù trưởng của Man; còn đường sứ thần đi nhất định y theo việc cũ.

Lời chua-Ai Lao: Tên nước, xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb, IV, 9, 10).

Bồn Xà: Danh hiệu của tù trưởng người Man.

Tháng 10, mùa đông. Lại định rõ lệnh đắp đê.

Phàm việc đắp đê: nếu là công trình nhỏ thì bắt dân bồi đắp khi việc làm ruộng đã được thu nhàn; nếu là công trình lớn thì trừ cho dân tiền thuế điệu.

Tháng 11. Đặt ti thưởng công, sau lại bãi bỏ.

Từ năm Vĩnh Hựu (niên hiệu Lê Ý Tông) (1735-1739), giặc cướp nổi lên như ong, những người theo đi đánh dẹp phần nhiều trao cho quân công một cách quá lạm, và ban thưởng một cách cầu may, danh phận và khí dụng rồi ren lẫn lộn, bèn đặt ti thưởng công để tra xét lại. Sau vì Hoàng Ngũ Phúc và Đỗ Thế Giai cố sức ngăn trở, nên việc này lại bãi bỏ.

Tháng 12. Trịnh Doanh tự dựng cung miếu ở Cổ Bi.

Trịnh Doanh có ý muốn thiên đô, bèn hạ lệnh sửa sang xây dựng cung miếu ở Cổ Bi, nhân đấy Doanh đến xem.

Lời chua-Cổ Bi¹: Tên xã, xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 8 (Chb. XXXVI, 34).

Bắt đầu chế áo cổn, mũ miện thờ ở Văn Miếu.

Nguyễn Huy Nhuận, viên quan giữ việc trong chính phủ, dâng lời nói: "Đấng thánh nhân là ông thầy của đế vương muôn đời, thế mà từ trước đến nay phẩm phục thờ ở Văn Miếu vẫn dùng mũ áo quan tư khấu², như thế không phải tỏ lòng tôn sùng". Bèn hạ lệnh đổi dùng phẩm phục áo cổn, mũ miện. Dùng phẩm phục đế vương thờ ở Văn Miếu, bắt đầu từ đây.

Bính Tý, năm thứ 17 (1756). (Thanh, năm Càn Long thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Ai Lao đến cống nạp.

Trước kia, đường đi cống của Ai Lao, do đường Trấn Ninh đi suốt đến Nghệ An, dân Trấn Ninh thường bị xứ thần Ai Lao hà hiếp quấy nhiễu, bọn Bồn Xà lấy làm khổ sở. Đến nay, Bồn Xà sai người cáo tố với triều đình, xin phái quan quân hộ tống, kiểm chế xứ thần Ai Lao, để khỏi bị họ làm khổ. Trịnh Doanh chuẩn y, cho rút bớt số phu trạm đê, và sức răn bảo sứ thần Ai Lao không được quấy rối Trấn Ninh.

Tháng 3. Hạ lệnh cho Giáp Nguyễn Khoa, hoạn quan, trông nom việc thu tô của dân.

Trước đây, tiền gia tô, tiền thuế điệu ở các trấn, giao cho quan trong lục phiên trông coi thu nhận. Sau phần nhiều theo nhau ăn xén, ăn bớt, kịp lúc tính toán sổ sách, lại che giấu cho nhau để làm gian. Về phần dân, cũng lợi được tự mình đem thuế đến nộp, không bị người nào đốc thúc, nên bỏ thiếu rất nhiều. Trịnh Doanh lấy làm chán ghét, bèn thay đổi lại, sai hoạn quan Giáp Nguyễn Khoa đứng trông nom việc thu thuế.

Tháng 4, mùa hạ. Sai bọn Lê Quý Đôn đi dò la xét hỏi quan lại các lộ miền tây-nam.

Quý Đôn dâng nói: các quan ở phủ huyện, có bọn Nguyễn Duy Thuần thanh liêm, cần mẫn, bọn Trịnh Thụ tham nhũng, thói nát, gồm 13 người, hoặc thăng hoặc truất khác nhau.

Lời chua-Lê Quý Đôn: Người xã Duyên Hà³, huyện Duyên Hà, là con Lê Trọng Thứ. Quý Đôn lúc còn bé có tiếng là thần đồng, đỗ bảng nhãn khoa Nhâm Thân (1752) năm Cảnh Hưng.

Bãi chức tham tụng Nguyễn Công Thái.

Công Thái tính tình thẳng thắn, chân phương, đối với đồng liêu thường có điều hợp ý, có điều trái ý nhau, nhưng không bao giờ chịu uốn mình theo bạn. Sau khi lại vào phủ chúa giữ chức tham tụng, Trịnh Doanh đả ngộ Công Thái bằng lễ độ đối với bậc cổ lão, nên bị Đỗ Thế Giai không ưa. Công Thái để công việc chính trị đọng lại bề bộn, thường bị Trịnh Doanh vặn hỏi quở trách, bèn tự tỏ bày là già yếu, cố xin từ chức. Trịnh Doanh miễn cưỡng theo lời.

Trịnh Doanh bắt đầu hạ lệnh dẫn người được tuyển bổ vào yết kiến trong phủ.

Hạ lệnh cho bộ Lại, khi tuyển bổ cất nhắc người nào phải dẫn người được tuyển ấy vào phủ đường yết kiến, để đương đường hỏi về công việc chính trị, người nào có tài năng mới trao cho quan chức. Việc này định làm pháp thường hành. Doanh lại thân hành thi cống sĩ ở phủ đình, lấy đỗ bọn Ngô

¹ Nay là xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

² Quan chế nhà Chu, tư khấu là một chức quan trong hàng lục khanh, giữ việc hình ngục. Thời Xuân Thu, nhiều nước có đặt chức quan này. Khổng tử từng giữ chức tư khấu dưới triều Công Đông nước Lỗ.

³ Nay thuộc xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[Thì] Sĩ 48 người. Trong số ấy, sau này có 12 người đỗ tiến sĩ và 3 người đỗ khoa thi hoành từ. Người ta khen khoa ấy tuyển được nhân tài xứng đáng.

Lời chua-Ngô [Thì] Sĩ: Người làng Tả Thanh Oai¹, huyện Thanh Oai, khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng thứ 27 sau đây Thì Sĩ đỗ tiến sĩ.

Tháng 5. Bổ dụng tham tụng Nguyễn Huy Nhuận kiêm trông coi công việc Quốc Tử Giám.

Thăng chức cho Nguyễn Bá Lân làm thêm đô ngự sử, vào châu phủ chúa, giữ chức bồi tụng, kiêm giữ chức tế tửu ở Quốc Tử Giám.

Bá Lân là người có văn học, chất phát, thẳng thắn, mạnh dạn dám nói. Trịnh Doanh thường hỏi về chính sách dẹp giặc yên dân, lời nói của Bá Lân phần nhiều hợp ý, bèn thăng làm thêm đô, vào châu giữ chức bồi tụng. Doanh bảo Bá Lân rằng: "Nhà người nên cố hết lòng hết sức, không điều gì biết mà không nói, cho xứng đáng với chức trách". Rồi lại cho cùng Nhữ Đình Toàn kiêm giữ chức tế tửu ở Quốc Tử Giám.

Tháng 7, mùa thu. Định kỳ hạn thu tiền gia tô và tiền thuế điệu.

Tiền gia tô và thuế điệu ở các trấn, do viên quan ở lục cung đứng thu. Thuế mùa xuân nộp vào tháng hai, thuế mùa thu nộp vào tháng bảy, đều theo thể lệ đã chuẩn định của hiệu Bình Đông và Bình Tây, nếu để quá hạn sẽ giao viên quan ở trấn trách cứ trưng thu.

Tháng 10, mùa đông. Ở Nghệ An mưa to, nước dấy lên.

Nghệ An nước ngập, lúa bị mất. Viên quan trong ti Hiến sát không đem việc này tâu bày, Trịnh Doanh ra lệnh vặn hỏi quở trách. Nhân đấy hạ lệnh: từ nay phàm trong hạt có tai biến hoặc giặc cướp, đều phải tâu bày để triều đình biết, không được giấu giếm.

Tháng 12 nhuận. Ai Lao xin hội binh đánh Trấn Ninh. Hạ chiếu dụ bảo hòa giải.

Ai Lao dâng tờ biểu nói: Trấn Ninh ngăn trở đường đi dâng lễ cống, nếu triều đình cho quân đến, thì họ sẽ xin đem quân hội đồng đánh phá. Và lại, trong nước có hai thớt voi trắng, xin phái quan đến chọn lấy một và xin đem đồ quý báu trong nước dâng nộp một thể. Trịnh Doanh cùng bày tâu bàn luận, cho rằng, tính tình người Man tráo trở, không thể tin được, trong bụng họ chỉ muốn làm cho hạ giận với Trấn Ninh đấy thôi, có lẽ nào ta lại nhân mỗi lợi mà động lòng tham, bèn làm văn thư dụ bảo hòa giải. Lại dụ bảo thêm rằng: "Lễ cống hàng năm đã có lệ thường; còn như đồ quý báu xin dâng thì cho phép giữ lấy làm của báu trong nước; voi trắng thì được tự chọn để dâng nộp, không cần phái người đến làm gì". Một mặt khác, triều đình lại sai người đến dụ bảo Trấn Ninh nên hòa hiệp với Ai Lao, không nên gây hấn khích.

Cho phép bày tâu về hàng võ người nào có quân công vẫn được cấp dân lộc.

Trịnh Doanh bảo thị thần rằng: Trước đây trong nước có việc nguy cấp, bày tâu nhiều người phải khó nhọc, nhân đấy mà được thái ấp về quân công; nay đâu được thái bình, những người có quân công cũng nên được lưu ý nghĩ đến. Gần đây, nghe nói bộ Lại bổ dụng, phần nhiều lựa lọc bỏ đi, rồi lại bàn xen bớt cả dân lộc. Như thế không phải đạo đối đãi bày tâu có công. Vậy từ nay bổ dụng, cất nhắc, không được hạn chế và bỏ đi, bày tâu về hàng võ người nào có quân công vẫn cấp cho dân lộc.

¹ Nay là xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 42

Từ Đinh Sửu, Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757) đến Bính Tuất, năm Cảnh Hưng thứ 27 (1766), gồm mười năm.

Đinh Sửu, năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757). (Thanh, năm Càn Long thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Cấm chơi cờ và cờ bạc.

Trịnh Doanh hạ lệnh rằng: Dân có nghề nghiệp nhất định, thì sự vật lạ không thể cấm dỡ thay đổi được ý chí; trong nước không có người dân phóng túng chơi cờ, thì phong tục tự nhiên thuần hậu. Vậy nếu xét thấy có người nào không theo về nghề nghiệp tứ dân¹, tính tình hung hãn, chơi cờ bạc, thì quan sở tại trình bày đàn hạch để trị tội.

Tháng 2. Thi hội các cống sĩ, cho bọn Bùi Đình Dự đỗ tiến sĩ xuất thân và đồng tiến sĩ xuất thân, cao thấp khác nhau.

Từ khoa Quý Hợi (1623) năm Vĩnh Tộ (niên hiệu Lê Kính Tông) trở về sau, cống sĩ vào thi đình không ai bị đánh hỏng. Khoa này thi hội, có Nguyễn Khiêm Hanh, người thôn Nhân Nội, được dự hạng trúng cách, đến khi thi đình, can tội mang sách vào trường thi nên bị đánh hỏng.

Lời chua-Bùi Đình Dự: Người xã Nãi Sơn, huyện Nghi Dương².

Nhân Nội: Tên thôn, thuộc huyện Thọ Xương³, Hà Nội.

Tháng 3. Bãi bỏ việc binh lính làm đồn điền.

Hạ lệnh cho quan trong kinh chia châu đi khám đồn điền, tùy theo ruộng tốt, ruộng xấu địch ngạch thuế, rồi giao cho sở tại cày cấy nộp thuế, còn binh lính trước kia làm đồn điền nay đều cho rút về.

Tháng 6, mùa hạ. Hạ lệnh đề cử người có văn học, đức hạnh và thành tích chính trị mà hiện bị chìm đắm, thì các quan kể trên tâu lên để triều đình biết.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Tháng 8. Lại mở khoa Hoàn từ.

Lấy bọn Ngô Tường Đạo 8 người trúng cách, đều được cất nhắc giữ chức quan trong kinh, ngoài trấn.

Lời chua-Ngô Tường Đạo: Người Tả Thanh Oai⁴, huyện Thanh Oai, là em Ngô Thì Sĩ.

Khoa Hoàn từ: Phép thi khoa này, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XXI, 8, 9).

¹ Túc sĩ, nông, công, thương.

² Nay là huyện Kiến Thụy, T.P. Hải Phòng.

³ Đất huyện Thọ Xương cũ, nay thuộc các quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa (Hà Nội).

⁴ Nay là thôn Tả Thanh Oai, thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tháng 10, mùa đông. Vùng Sơn Tây bị đói to, phát sinh chứng dịch.

Các huyện thuộc Sơn Tây bị đói to, phát sinh chứng dịch, dân cư mười phần chỉ còn một hai phần.

Lời chua-Sơn Tây: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 27, 34).

Tháng 12. Quả núi ở Thái Nguyên bị lở, nước mưa dấy lên.

Quả núi ở châu Bạch Thông thuộc Thái Nguyên bị lở hơn 20 chỗ, nước dấy lên làm ngập lụt, người, súc vật, và thóc lúa phần nhiều tổn hại.

Lời chua-Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Bạch Thông: Tên châu, nay thuộc Thái Nguyên¹.

Mậu Dần, năm thứ 19 (1758). (Thanh, năm Càn Long thứ 23).**Tháng 2, mùa xuân. Nghiêm định rõ thể lệ phúc khiếu về việc kiện tụng.**

Theo thể lệ cũ, các việc kiện tụng lên đến lục bộ và Ngự sử đài xét xử là kết liễu, nếu người nào còn có sự oan uổng, mới được làm tờ khai trình bày đầy đủ kêu xin xét lại, nhưng sau nhiều người trái thể lệ, tố cáo vượt cả thứ tự, nên nay hạ lệnh cấm rõ. Tuy thế, nhưng nhân dân quen thói khinh thường khinh thường lệ luật, mà bồng lộc quan văn lại trông nhờ vào kiện tụng, nên chung quy không thể nào cấm chỉ được.

Cấm sở tuần ti hà khắc những người buôn bán.

Trước kia, thuế sở tuần ti đã có ngạch nhất định, gần đây, các tuần ti đặt thêm chi nhánh, thu lạm trái thể lệ. Đến nay hạ sức lệnh: mỗi tuần ti chỉ được một chi chính và một chi nhánh, không được đặt chi sở bữa bãi sách nhiễu thuyền buôn. Về phần sở tuần sát ở từng trấn, cũng chỉ được phép đặt ở bốn phía giáp giới của trấn mình mỗi nơi một sở, để xét hỏi những thứ đã có lệnh cấm và người nói tiếng nước khác mặc y phục nước khác; không được mượn cớ để quấy nhiễu người buôn bán qua lại.

Tháng 6, mùa hạ. Trịnh Doanh phong cho người ngoại thích là Vũ Tất Thận làm đại tư đồ, Bính trung công; Nguyễn Mậu Du làm đại tư đồ, Luân trung công.

Lời chua-Nguyễn Mậu Du: Người xã Thịnh Mỹ, huyện Lô Dương², là bố của Trịnh Phi Nguyễn Thị.

Hạ lệnh cho viên quan khám xét hình ngục, không được để động việc ngục tụng.

Hạ lệnh: việc xét lại người tù phạm trọng tội, viên quan giữ việc khám xét không được để chậm trễ.

Tháng 8, mùa thu. Từ mùa hạ đến tháng này không mưa. Triều đình hạ lệnh miễn tiền gia tô.

Năm ấy, từ mùa hạ đến mùa thu không mưa, lúa mạ khô héo, giá gạo vượt cao. Triều đình hạ lệnh: miễn tiền gia tô và tiền chuộc tội còn bỏ thiếu từ lâu; triệt bỏ sở tuần ti nhánh ở các lộ, bắt tuần ti thu thuế chiếu theo thể lệ, ti Hiến sát thời thường xét hỏi. Lệnh này thi hành chưa được bao lâu, thì Đỗ Thế Giai lấy cớ rằng số thuế thu vào thiếu đi mất nhiều, xin vẫn theo như cũ, do đấy chi nhánh tuần ti nhất luật lại theo cũ.

Tháng 10, mùa đông, Trịnh Doanh phong cho con là Sâm làm tiết chế thủy bộ chư quân, chức thái úy, tước Tĩnh quốc công.

¹ Nay thuộc Bắc Cạn.

² Đất huyện Lô Dương, nay thuộc huyện Thọ Xuân và huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi Sâm được tiến phong, mở phủ Lượng Quốc, hết thầy công việc nhà nước đều giao cho Sâm quyết định. Nguyễn Hoàn, viên quan giữ việc giảng nghĩa sách cho Sâm, làm 10 bài châm dăng lên, Sâm đều thu nạp: 1. Bụng nghĩ phải ngay thẳng; 2. Học hỏi phải rộng khắp; 3. Tề chỉnh việc chính trị trong nước; 4. Phòng ngừa việc đối với người thân cận; 5. Thống nhất căn bản chính sự; 6. Cẩn thận việc sai phái, cất nhắc; 7. Mở rộng việc thu nhận những lời khuyên can; 8. Giữ phép tắc đã sẵn có; 9. Hiệu lệnh phải cho tin thực; 10. Việc nào đáng rộng rãi hay đáng nghiêm ngặt, nên suy xét kỹ càng.

Bãi bỏ vệ binh ở Trường An.

Hồi đầu quốc triều (triều Lê), ở Trường An cứ 5 suất đình kén lấy một người làm lính, đến cuối năm Vĩnh Hựu (niên hiệu Lê Ý Tông) kén thêm, cứ ba suất đình lấy một người, theo như thể lệ lấy lính ở Thanh, Nghệ; sau lại lấy riêng vệ binh đặt làm các đội Trung và Hùng¹. Đến nay nhận thấy có phần quá nặng, nên hạ lệnh hết thầy đều cho về.

Lời chúa-Trường An²: Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Kỷ Mão, năm thứ 20 (1759). (Thanh, năm Càn Long thứ 24).

Tháng 2, mùa xuân. Thanh Hoa và Nghệ An bị nạn đói.

Thanh Hoa và huyện Đông Thành, huyện Quỳnh Lưu thuộc Nghệ An bị đói to. Hạ lệnh cho Hà Huân đi ngay đến nơi thăm hỏi xem xét, hiệp đồng với viên quan ở trấn, tạm lấy tiền thông kinh và mộ nhà giàu nộp của, sẽ tùy phương tiện phát chẩn cho dân. Còn dân phiêu lưu ở hai xứ này nếu có người nào đến kiếm ăn ở tứ trấn, sẽ đem tiền gạo chẩn cấp cho.

Lời chúa-Thanh Hoa và Nghệ An: Điều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 17, 20, 23, 33).

Đông Thành và Quỳnh Lưu: Tên hai huyện, thuộc tỉnh Nghệ An.

Tháng 5, mùa hạ. Sao đổi ngôi, đường đi từ phía tây bắc, ở khoảng không trung có tiếng vang.

Tháng 6. Hạn hán.

Ban bố cách thức chế xe nước, bắt dân y theo cách thức ấy chế tạo để lấy nước tưới vào ruộng. Lại phát thóc công chẩn cấp cho dân. Hạ lệnh cho nội trấn và ngoại trấn đều đình hoãn khám xét ngục tụng.

Tháng 6 nhuận. Thượng hoàng mất, táng ở lăng Phù Lê.

Sau khi đã truyền ngôi, thượng hoàng ở điện Kiền Thọ, đến nay mất, dâng tôn thụy là Huy hoàng đế, miếu hiệu Ý Tông. Thượng hoàng ở ngôi 6 năm, nhường ngôi 20 năm, hưởng thọ 41 tuổi. Bầy tôi giữ việc bàn nghị lễ tâu xin nhà vua, cử hành lễ tang 3 năm, nhà vua nói: "Trẫm là con trưởng của tiên đế lên nối ngôi, không phải làm con người khác, khi nào trẫm dám nhận hai tông thống (nhị bản)?" Sau bèn cử hành lễ để tang một năm.

Lời chúa-Lăng Phù Lê: Ở xã Phù Lê, huyện Thụy Nguyên, Thanh Hóa. Xã Phù Lê nay đổi Phù Nguyên³.

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh hoàng trùng.

Các lộ có hoàng trùng. Triều đình hạ lệnh cho quan trong ba tỉ⁴ lập đàn lễ bái để tống tiễn.

¹ Tham khảo "Bình chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú: "Các doanh đội Trung Hùng và Hùng Trung" (Trung Hùng, Hùng Trung đẳng doanh đội). Ở đây có lẽ Cương mục chép tắt: Trung, tức Trung Hùng; Hùng, tức Hùng Trung.

² Nay là huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

³ Nay là thôn Phù Nguyên, xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

⁴ Tức Trấn tỉ, Thừa tỉ và Hiến tỉ.

Canh Thìn, năm thứ 21 (1760). (Thanh, năm Càn Long thứ 25).

Tháng hai, mùa xuân. Miễn thuế diêm tiêu cho hai trấn Tuyên và Hưng.

Lời chua-Tuyên: Tức trấn Tuyên Quang. Hưng: Tức trấn Hưng Hóa. Cả hai đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30, 31).

Tháng 3. Khởi phục Lê Trọng Thứ giữ chức tả chính ngôn.

Trọng Thứ là người chất phát, bộc trực, dám nói thẳng thắn, là một chỗ dựa vững chắc trong triều đình. Mùa thu năm trước, Trọng Thứ lấy cớ là tuổi già xin nghỉ. Triều đình hạ chiếu cho thăng chức tả thị lang bộ Hộ, về hưu trí, nhưng Trịnh Doanh vẫn chú ý quyến luyến mãi, nên lại có lệnh triệu vào châu giữ chức bồi tụng kiêm tả chính ngôn. Nhữ Đình Toàn nói: "Phủ liêu giữ việc chính trị, Ngự sử đài giữ việc can ngăn, mỗi người đều có nhiệm vụ phải làm, nếu nay đem Trọng Thứ đặt vào công việc chính phủ, thì sự lầm lỗi ở triều đình lấy ai sửa chữa cho đúng đắn được?". Vì thế mới không bỏ vào giữ việc ở phủ liêu mà phong cho chức này.

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Doanh đi Sơn Nam, tế vọng thần núi sông, khảo xét quan lại.

Trịnh Doanh muốn khảo xét quan lại, để cho chính trị đổi mới. Nhân đi đến trấn Sơn Nam, tế vọng thần núi sông, sai dẫn các quan trong hai ti Thừa chính và Hiến sát vào yết kiến, xét hặc phủ huyện và hiệu quan¹ trong hạt, xem người hay người dở để định việc truất bãi hoặc cất nhắc. Lại hạ lệnh cho phủ huyện xét hỏi trong hạt mình: người nào có văn học, đức hạnh, tài năng, nghệ thuật đáng nơi bổ dụng; người nào là hạng kỳ cựu, lão thành, hiểu hạnh, tiết nghĩa, đáng được tuyên dương, cùng những việc mở mang mỗi lợi, trừ bỏ mỗi hại cho dân, đều cho phép phủ huyện được trình bày sự thực. Trịnh Doanh thấy Hoàng Ngũ Phúc ở trấn Sơn Nam, biết cách yên dân, dẹp giặc, bèn cho 4 chữ "phiên tuyên lương hàn"² để khen thưởng một cách đặc biệt.

Lời chua-Sơn Nam: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18,25, 27, 34).

Mồng một, tháng 5. Nhật thực.

Bổ dụng Đình Văn Thản giữ chức lưu thủ trấn Hưng Hóa.

Lúc ấy, tên thành (sốt họ), giặc rừng núi ở Hưng Hóa, tụ họp quần chúng cướp bóc, tràn vào biên cảnh phương bắc, thổ quan nhà Thanh không thể khống chế nổi. Viên tổng đốc. Vân Nam đưa công văn sang ta hội quân để săn bắt. Triều đình bèn hạ lệnh cho Văn Thản đi trấn thủ Hưng Hóa, hẹn ngày hội đồng với quân nhà Thanh đi tiêu diệt.

Lời chua-Vân Nam: Xem Bình Định Vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 10).

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho dân nộp thóc sẽ trao cho quan chức.

Năm ấy hơi được mùa, triều đình hạ lệnh: người nào có thể nộp thóc được 6 vạn bát quan, sẽ trao cho chức tri phủ ở phủ thái phiên³, người nào nộp được 4 vạn bát quan, sẽ trao cho chức tri huyện ở huyện trái phiên, ngoài ra đều trao chức cao thấp khác nhau.

Lời phê-Phủ huyện là người tiêu biểu của dân, triều đình giao phó cho cai trị hàng trăm dặm đất, trách nhiệm không nhỏ. Thế mà lại cho người nộp của để làm quan ở phủ huyện, vậy thì coi việc vui mừng việc đau khổ của dân, chẳng phải cũng quá khinh thường lắm ru?.

Tháng 8 mưa dầm.

Tháng 9. Thanh Hoa bị thủy tai.

¹ Viên quan giữ việc dạy học ở phủ huyện. Xem thêm lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXIV, tờ 8.

² Bốn chữ này dùng diễn ở thơ "Tung cao" thiên Đại Nhã trong sách Mao Thi. Ý nói: một viên quan đại thần rất tốt: về võ công thì là cột trụ của nhà nước; về chính trị thì tuyên dương ơn đức của triều đình.

³ Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XXXV, tờ 19.

Vì dân Thanh Hoa phải khổ sở vì nước lụt, triều đình hạ lệnh cho tam ti: để ý thăm hỏi vỗ về nhân dân; hoãn việc nã bắt, đốc thúc, đưa đón. Nguyễn Phương Đĩnh, lưu thủ, dâng tờ biểu giãi bày công việc cứu đói. Trịnh Doanh đều chuẩn y.

Lời chúa-Thanh Hoa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 20, 21, 33).

Tân Ty, năm thứ 22 (1761). (Thanh, năm Càn Long thứ 26).

Tháng 2, mùa xuân. Đặt sở Tuy Viễn.

Lúc ấy, dân Man (không rõ tên người Man) xin phụ thuộc vào nước ta, triều đình hạ lệnh đặt sở Tuy Viễn ở Sơn Nam, lấy đất bãi xã Yên Lệnh và Nễ Độ trích cấp cho người Man cày cấy, cư trú; giao viên quan ở trấn thu nhận và vỗ về họ.

Lời chúa-Yên Lệnh: Tên xã, thuộc huyện Phú Xuyên¹.

Nễ Độ: Tên xã, thuộc huyện Nam Xang².

Tháng 3. Không mưa.

Hạ lệnh các nha môn giữ việc khám kiện, phải theo đúng kỳ hạn xét xử kết án. Người tù bị tội lưu hiện giam ở nhà ngục cửa Đông, nay cho giảm nhẹ và phát vắng đến chỗ bị đày (đồ), để việc ngục tụng không ứ đọng.

Lời chúa-Nhà ngục cửa Đông: Ý nói người bị tù đồ hiện giam cầm ở nhà ngục cửa Đông.

Phong thêm thái ấp cho bày tôi có công.

Trịnh Doanh nghĩ đến công lao bày tôi giúp đỡ phò lập lên ngôi chúa, bèn phong thêm thái ấp cho họ, có người nhiều người ít khác nhau. Những người được phong là bọn Trịnh Đạc, Vũ Tất Thân, Nguyễn Quý Cảnh, Nguyễn Đình Hoàn, Giáp Nguyễn Khoa, Vũ Đình Trác, Trương Khuông, Trịnh Trụ, Đinh Văn Giai và Nguyễn Công Thái, gồm 10 người.

Lời chúa-Đạc và Trụ: Đều là thân thuộc họ Trịnh.

Giáp Nguyễn Khoa: Hoạn quan, người xã Thiết Thượng³, huyện Yên Dũng.

Vũ Đình Trác: Hoạn quan, người xã Tiên Cầu⁴, huyện Kim Động.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ lệnh cho Lê Đình Châu, hoạn quan, hội đồng đánh Hoàng Công Chặt ở Hưng Hóa, được thắng trận.

Trước đây, giặc cỏ là Hoàng Công Chặt chạy vào Thanh Hoa, sau lẩn lút ở Thanh Hóa, liên kết với giặc núi là tên Thành. Trấn thủ Đinh Văn Thản đem quân tiến đánh, nhưng Thản nuông giặc không đánh, lại giam hãm quân sĩ ở nơi nước độc, nhiều người nhiễm chướng khí, sốt rét rồi chết. Thản bị triều đình vạ hỏi quở trách nhiều lần, vì thế hăn lo sợ mà chết. Để làm cho nhục nhã sau khi đã chết, triều đình hạ chiếu truy lột hết quan tước và đánh vào áo quan. Rồi hạ lệnh cho đốc chiến Lê Đình Châu và tham mưu Nguyễn Quốc Khê hội đồng với Phan Cảnh, đốc đồng Tuyên Quang, đi đánh phá. Nhân lúc ấy nước to, tên Thành xông ra vòng vây để chạy, bị bắt đưa về kinh sư chém chết. Còn Văn Chặt chạy đến động Mãnh Thiên. Từ đấy trấn Hưng Hóa được bình định. Sau Phan Cảnh mắc bệnh chết, triều đình truy tặng hàm hữu thị lang bộ Hình, tước bá.

¹ Tỉnh Hà Tây.

² Nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

³ Nay là thôn Thiết Thượng, xã Nghĩa Trang, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

⁴ Nay là thôn Tiên Cầu, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Lời chầu-Nguyễn Quốc Khê: Người xã Hoảng Liệt¹, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748) năm Cảnh Hưng.

Phan Cảnh: Người xã Lai Thạch, huyện La Sơn², đỗ thám hoa khoa Quý Hợi (1743) năm Cảnh Hưng.

Lê Đình Châu: Người xã Liên Hồ, huyện Ngọc Sơn³.

Động Mãnh Thiên: Ở giáp giới phía bắc châu Ninh Biên, Hưng Hóa.

Tháng 7, mùa thu. Hạng Hán.

Hạ lệnh cho ti Thừa chính và ti Hiến sát các nơi xét hỏi công việc nên làm để mở mang điều lợi, trừ bỏ điều hại ở dân, rồi làm tờ tâu niêm phong dâng lên để triều đình biết.

Cho Lê Lai, công thần khai quốc, được thờ theo ở miếu Quan Công.

Trước kia, Lê Lai theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, đem thân để chết theo vua. Sau khi bình định được đất nước, Thái Tổ truy tặng Lê Lai là khai quốc công thần⁴. Năm Dương Đức thứ nhất (1672) triều Gia Tông, ban cho 100 mẫu tự điền và cho người cháu lâu đời giữ việc thờ tự⁵. Đến nay bàn định, cho thờ theo ở miếu Quan Công, để biểu dương tấm lòng trinh trung.

Tháng 10, mùa đông. Khí trời ấm áp.

Sau tiết lập đông, mà khí trời nóng ấm khác thường. Triều đình hạ lệnh cho bọn Nhữ Đình Toàn giữ việc trong chính phủ khảo xét quan lại, việc thưởng việc phạt phải nghiêm minh, để được lòng trời nghĩ lại.

Tháng 11. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Trước kia, nhà vua sai bọn Trần Huy Mật và Lê Quý Đôn sang nhà Thanh dâng lễ tuế cống và báo cáo việc Ý Tông mất. Đến nay nhà Thanh sai bọn Đức Bảo, hàn lâm thị độc, và Cố Nhữ Tu, đại lý thiếu khanh, đệ sách văn sang phong nhà vua làm An Nam quốc vương và dụ bảo việc ban lễ tế Ý Tông.

Lúc ấy, nhân trong nước thái bình, Trịnh Doanh muốn phô trương nhân tài nước ta đông đúc, phần nhiều sai bày tô văn học như bọn Ngô Thì Sĩ giao thiệp ứng đối về việc giấy tờ. Bọn Thì Sĩ là người học hỏi sâu rộng, nên sứ thần nhà Thanh rất ngợi khen kính trọng.

Tháng 12. Trịnh Giang mất.

Giang (trước tên là Khương) nhường chính quyền cho Doanh. Đến nay mất, hưởng thọ 51 tuổi, truy tôn là Thuận Vương, tiếm xưng hiệu là Dụ Tổ.

Nhâm Ngọ, năm thứ 23 (1762). (Thanh, năm Càn Long thứ 27).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặt chức giám đốc trường đúc tiền.

Bắt đầu đặt quan trông coi đôn đốc trường đúc tiền ở Nhật Chiêu, Cầu Giền và các trường đúc ở Sơn Tây, Thái Nguyên, bắt các trường đúc đều có ghi dấu khác nhau, để đề phòng việc đúc tiền quá lạm hoặc mỏng mảnh.

Tháng 4, mùa hạ. Nhữ Đình Toàn, thượng thư bộ Hộ, đổi sang giữ chức hữu hiệu điểm.

¹ Nay là xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

² Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

³ Nay là huyện Tĩnh gia, tỉnh Thanh Hóa.

⁴ Xem thêm Chính biên quyển XV, tờ 25, 26.

⁵ Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 33.

Đình Toàn nhiều lần xin đổi sang võ ban. Đến nay, đổi bổ giữ chức hiệu điểm, hạ lệnh cho cai quản đội Nghiêm Hữu trong Nội Hầu.

Lời chua-Hữu hiệu điểm: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, hồi đầu triều Lê đặt chức điện tiền đô kiểm điểm, trật chánh nhị phẩm; khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470-1497) dưới triều Thánh Tông, đặt thêm chức tả, hữu hiệu kiểm; sau khi trung hưng, vì tránh tên húy Trịnh Kiểm, nên đổi làm tả, hữu hiệu điểm. Chức này cùng các chức thượng thư ở lục bộ, đều trật tòng nhị phẩm, giữ việc quản lãnh quân cấm vệ.

Đội Nghiêm Hữu: Là thân quân châu chực.

Phát sinh nhiều bệnh dịch.

Năm ấy, khí trời nóng nực dữ dội, nhân dân nhiều người bị bệnh dịch. Triều đình hạ lệnh cho quan các lộ lập đàn cầu đảo.

Tháng 5. Thi viết chữ và tính toán.

Chế độ cũ, khoa viết chữ và tính toán không quyết định, hoặc 10 năm hoặc 15 năm một lần mở khoa thi. Ai viết chữ tốt thì thi 3 lối chữ: lối viết chữ lớn, lối viết chữ nhỏ và lối viết chữ lệch (ý nói lối chữ viết từ chiều, từ sắc); người ứng thí phải viết một bài thơ Đường luật. Ai tính toán thạo thì hỏi các phép bình thân và sai phân. Khoảng niên hiệu Chính Hòa¹, bàn định 12 năm một lần thi; khoảng niên hiệu Long Đức² định lại 6 năm một lần thi, nhưng sau vì nhiều việc, nên chưa mở khoa thi lần nào. Đến nay bàn định cứ 12 năm thi một lần, việc này giữ làm thể thức thường hành.

Khoa thi này, về thi viết chữ, lấy 978 người trúng cách, về thi tính toán lấy 120 người trúng cách. Lại hạ lệnh thái bót hạng lại điển thừa ở các nha môn trong kinh, ngoài trấn, để nha môn nhiều việc và nha môn ít việc được quân bình.

Tháng 6. Liệt lượng kén lính Thanh Hoa và Nghệ An.

Binh lính hai xứ Thanh, Nghệ phần nhiều bỏ trốn và thiếu ngạch lính. Trịnh Doanh lấy cớ rằng số dân nơi nhiều nơi ít không đều nhau, bèn hạ lệnh tùy theo số suất đinh mà kén chọn lấy lính, sai quan khám xét lựa chọn; người nào thân thể sức vóc cao lớn thì tuyển vào làm lính thị hậu, ngoài ra điển sung vào các cơ, các đội. Lại hạ lệnh cho lính ở kinh thành chọn trong hàng ngũ bày ra mỗi tổng một người cán đượng, nếu có lính tổng nào khuyết, thì người cán đượng tổng ấy nhận giấy tờ quan trên cấp cho đem về dân chọn người sung bổ. Còn việc viên quan bản trấn thúc giục nã bắt và việc viên quan cai quản sai người bắt bố thì nay đều nhất thiết cấm chỉ.

Định rõ thuế muối ở Sơn Nam.

Hạ lệnh cho ti Trấn thủ xét thực số ruộng muối ở bãi biển để đánh thuế, cứ 50 mẫu làm một bếp, thuế đồng niên mỗi bếp 30 quan tiền.

Khởi phục Hà Huân giữ công việc ở Quốc Tử Giám.

Hà Huân là người học hỏi rộng khắp, mùa xuân năm trước, lấy tư cách là thượng thư bộ binh, viện thể lệ, thôi làm việc, về nhà. Đến nay, vì chấn chỉnh thể văn, nên khởi phục bổ dụng. Triều đình hạ lệnh cho Hà Huân sức rõ mẫu mực thể văn cho học quan dạy bảo học trò, để đào tạo lấy nhân tài.

Tháng 7, mùa thu. Khai mở đồng, mỏ bạc, mỏ gang và diêm tiêu ở các lộ.

Hạ lệnh cho các trấn Sơn Tây, Thái Nguyên và Hưng Hóa khai lấy các mỏ bạc, mỏ đồng, mỏ gang và mỏ diêm tiêu ở xã Thượng Dã, xã Tiên Nông và động Trình Lạn, đều định hạn ba năm sẽ đánh thuế.

¹ 1680-1704. Một niên hiệu triều Lê Y Tông.

² 1732-1734. Một niên hiệu triều Đế Duy Phường.

Lời chua-Trình Lạn: Tên động, thuộc châu Thủy Vĩ¹, trấn Hưng Hóa.

Thượng Dã: Tên xã, trấn lỵ Thái Nguyên.

Tiên Nông: Tên xã, thuộc huyện Tam Nông, Sơn Tây².

Tháng 8. Định rõ lại điều lệ khám xét kiện tụng.

Hạ lệnh cho Ngự sử đài chuyển sức các nha môn khám xét kiện tụng ở trong kinh, ngoài trấn, đại ý cốt để cấm kiện giang, cấm kiện việc này dặt dây đến việc khác, răn thói kéo dài để việc hình ngục ứ đọng, tiền tạ và tiền phạt phải được công bằng. Ngự sử đài tham khảo châm chước thể lệ cũ để thi hành.

Lời chua-Tiền tạ, tiền phạt: Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 2 (Chb. XXXII, 11).

Tháng 9. Sửa nhà Quốc Tử Giám.

Tháng 10, mùa đông. Đặt bí thư các.

Bổ dụng Nguyễn Bá Lân và Lê Quý Đôn sung làm học sĩ trong Bí thư các, để duyệt kỹ sách vở, chọn người có văn học là bọn Ngô Thì Sĩ sung giữ chức chính tự trong các.

Quý Mùi, năm thứ 24 (1763). (Thanh, năm Càn Long thứ 28).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Doanh về trấn Thanh Hoa.

Trịnh Doanh từ kinh thành về Thanh Hoa, để sửa sang tô điểm các thắng cảnh non nước ở núi Dục Thúy và động Bích Đào. Dân phải phục dịch phiền phí khó nhọc. Hạ lệnh tha một năm thuế cho 6 huyện sở tại là Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang, Tống Sơn, Nga Sơn và Thuần Lộc.

Lời chua-Gia Viễn: Xem Tương Dực Đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 2)³.

Yên Mô: Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb, XXVI, 2).

Yên Khang⁴: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 8 (Chb. VIII, 2).

Tống Sơn⁵ và Nga Sơn: Tên hai huyện, xem Anh Tông, năm Chính Trị thứ 14 (Chb. XXVII, 28).

Thuần Lộc: Tức Hậu Lộc, tên huyện, thuộc Thanh Hóa.

Núi Dục Thúy: Ở phía tây bắc tỉnh thành Ninh Bình, nay đổi tên là núi Hộ Thành.

Động Bích Đào: Ở xã Đạm Khê, huyện Yên Mô, trong núi có động, nên gọi tên là động Bích Đào. Có một tên nữa là hang Từ Thức.

Tháng 5, mùa hạ. Văn Đình Úc, độc sát trấn Nghệ An, can tội, bị bãi chức. Bổ dụng Bùi Thế Đạt tạm giữ công việc trấn Nghệ An.

Đình Úc ở trong trấn, bòn rút của dân, chính lệnh hà khắc, những nhiễu, bị dân thuộc hạ cáo tố. Lúc Lê Duy Mật đánh úp phủ Trấn Ninh và Cao Châu, Lư Cầm (tù trưởng Trấn Ninh) cho người báo cáo tình hình nguy cấp, Đình Úc bắt giữ sứ giả của Lư Cầm, mà không đem việc ấy tâu ngay cho triều đình biết. Đến lúc Duy Mật chia đường cướp phủ Quy và phủ Trà, lòng dân xôn xao lo sợ. Viện án trấn là Vũ Tá Đoan nhiều lần xin triều đình chọn viên tướng khác giữ nơi biên khốn. Vì thế, Đình Úc phạm tội dôi

¹ Thủy Vĩ nay thuộc Lào Cai.

² Huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

³ Nguyên văn in lầm là Thánh Tông "Hồng Đức nhị niên".

⁴ Nay là huyện Yên Khánh. Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khánh, đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

⁵ Nay là huyện Hà Trung, Nga Sơn, Hậu Lộc, Hà Trung đều thuộc tỉnh Thanh Hóa.

trên lửa dưới, phải luận vào tử hình, nhưng Trịnh Doanh lấy cớ rằng Đình Ưc là người có công, nên chỉ lột hết quan chức, cho về làm dân. Rồi bổ dụng Bùi Thế Đạt tạm giữ công việc trong trấn, sau hạ lệnh cho kiêm giữ chức đốc suất, được tùy tiện xếp đặt công việc. Thế Đạt giải bày 5 điều về công việc mấu chốt, Trịnh Doanh đều chuẩn y cho thi hành. Doanh lại lấy cớ rằng đất Nghệ An là nơi xa xăm, bèn hạ lệnh cho Thế Đạt dò xét quan lại trong hạt, người nào những nhiều tàn tệ thì hặc tâu, sẽ thi hành cách trừng phạt, làm cho trong sạch chính trị trong hàng quan lại.

Lời chua-Năm điều: 1. Xin phái thêm binh lính kinh thành để tiện việc điều khiển; 2. Xin chọn kỹ viên quan cai quản binh lính; 3. Xin định kế hoạch của triều đình, rồi trao cho phương pháp mưu mô đánh và giữ; 4. Xin tải thóc công chứa sẵn ở kho, để lương thực ở biên giới được đầy đủ; 5. Đúc súng.

Vũ Tá Đoan: Người xã Hà Hoàng¹, huyện Thạch Hà, đỗ tạo sĩ.

Trần Ninh: Tên phủ, xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30, 31).

Cao Châu: Tức Trịnh Cao, xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 9).

Quy: Tức Quy Châu. Trà: Tức Trà Long. Đều xem Bình Định Vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 20).

Tháng 6. Khởi phục Đỗ Thế Giai giữ chức thụ phủ sự.

Thế Giai do hương cống xuất thân, thờ Trịnh Doanh từ khi ở Lượng Phủ, rất thân với bọn nội giám Hoàng Ngũ Phúc và Đàm Xuân Vực, nên Nguyễn Công Thái ghét lắm. Thế Giai nhiều lần xin nghỉ việc để giữ vững lòng yêu đương của chúa. Hãn ở nhà riêng tại làng Đông Ngạc, nếu trong triều có việc gì, Trịnh Doanh liền cho sứ thần đến thăm hỏi. Đến nay, Ngũ Phúc xin lại dùng Thế Giai, nên Trịnh Doanh cho khởi phục.

Thế Giai xin: Lấp hãn con đường xin xỏ cầu may, để căn bản chính trị được trong sạch; việc thường việc phạt phải nghiêm minh, để kỷ cương trong triều được chỉnh đốn; nghiêm sức cho trăm quan, để mọi người làm hết chức trách; cẩn thận lựa chọn trăm quan, để phép tể quan lại được ngay thẳng; cân nhắc việc ban phát, để tài dụng trong nước được đầy đủ. Phàm những việc Thế Giai tâu bày, bọn Hoàng Ngũ Phúc lại cùng tán thành, nên không việc gì Trịnh Doanh không tin theo.

Lúc ấy, nội giám Lê Đình Viên và Nguyễn Đình Xuân đều là con nuôi Xuân Vực, rất được Trịnh Doanh thân yêu, phàm có ai nhờ cậy gởi gắm không việc gì không được như ý. Thế Giai muốn ức chế bọn quyền thần để lập lấy uy thế, bèn tra ra việc ghi chép và truyền lệnh trái lệ², xử bọn Đình Viên vào tử hình, nhưng Trịnh Doanh tha cho và bắt trở về làm dân. Nguyễn Phan, Nguyễn Đình Khoan tư túi thiếu hơn một vạn quan tiền công, rồi thậm thụt cầu cạnh bọn Đình Viên nũng nịu cầu xin cho được tha, nay đều bị giáng chức. Từ đây, quyền bính lớn trong nước lại lọt vào tay Thế Giai.

Lời chua-Nguyễn Đình Khoan: Người huyện Văn Giang, đỗ tạo sĩ.

Đông Ngạc:³ Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Hạ lệnh cho trăm quan đều được đề cử người mà mình biết là xứng đáng.

¹ Nay là thôn Hạ Hoàng, xã Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

² Nguyên văn chép "biên truyền phi lệ". Theo chế độ phong kiến, bốn phận bọn nội giám, ngoài việc hầu hạ vua chúa hàng ngày, còn có mấy việc nữa: một là ghi chép ngày giờ mà vua chúa đến với phi tần, để phòng khi có phi tần nào sinh đẻ, thì đối chiếu vào sổ nội giám đã ghi chép mà kê cứu; hai là theo lệnh vua chúa truyền cho phi tần đến hầu. Theo Lê sử bổ, trong phủ Trịnh Sâm (con trưởng Trịnh Doanh) bấy giờ có hai người phi tần tên giống nhau; một là Ngọc Khoan và một là Ngọc Hoan. Một hôm, Sâm sai nội giám truyền lệnh triệu Ngọc Khoan, nhưng nội giám cố ý làm sai lạc đi mà truyền lệnh cho Ngọc Hoan. Khi Sâm thấy Ngọc Hoan, có ý không bằng lòng, nhưng đã triệu đến cũng gượng chung chăn gối, sau Ngọc Hoan sinh con là Trịnh Tông, tức Đoan Nam Vương sau này. Có lẽ bọn nội giám Lê Đình Viên đã ghi chép và truyền lệnh về việc trong cung cấm trái thể lệ như thế, nên Thế Giai mới tra ra mà luận vào tội tử hình.

³ Tục gọi làng Vẽ, nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Hạ lệnh: quan nhị phẩm trở lên đề cử 2 người, quan tam phẩm trở xuống đề cử một người, rồi kê đệ tên những người được đề cử để triều đình biết. Những người ấy phải là người có thể giữ được chức việc trong kinh, ngoài trấn và người có thể cai quản được binh lính.

Tháng 7, mùa thu. Bùi Trọng Huyền, hàn lâm thừa chỉ, vì phạm tội, bị bãi chức.

Trọng Huyền giữ chức đề điều trường thi Nghệ An, ẩn giấu hơn một ngàn quan tiền thông kinh do học trò tọc nạp. Bị viên quan củ sát phát giác, Trọng Huyền phải bãi bỏ chức và thu gấp đôi số tiền mà hắn đã tham tang nộp vào kho công.

Tháng 9. Bỏ bớt số viên thuộc trong sáu bộ.

Lúc ấy, thuộc viên ở các bộ thừa nhiều người. Triều đình bèn chuẩn định: các chức lang trung, viên ngoại, tư vụ trong mỗi bộ và chức chiếu khám trong. Ngự sử đài đều đặt một người, còn ra, đổi bổ giữ chức khác. Lại hạ lệnh cho bộ Lại chiếu theo thể lệ cũ: Lang trung và viên ngoại thì dùng văn thuộc, tư vụ thì dùng âm tử, người nào không hợp thể lệ này đều bổ sang chức khác.

Lời chua-Văn Thuộc: Quan chế triều cổ Lê, văn thuộc là chức quan văn thuộc phủ chúa Trịnh, chức này có phẩm trật từ chánh lục phẩm đến tòng cửu phẩm.

Tháng 10, mùa đông. Giảm bớt ti Thừa chính và số quan phủ huyện ở trấn Yên Quảng.

Bây tôi trong triều đình bàn luận cho rằng trấn Yên Quảng số đình ít, công việc ít, nên bỏ bớt ti Thừa chính và số quan ở phủ huyện, việc binh việc dân và kiện tụng cho lệ thuộc vào ti trấn thủ.

Lời chua-Yên Quảng: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI 19, 29, 35).

Giáp Thân, năm thứ 25 (1764). (Thanh, năm Càn Long thứ 29).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Duy Vĩ làm hoàng thái tử.

Duy Vĩ, con trưởng của nhà vua, sáng suốt, chăm học, Trịnh Doanh rất kính trọng. Đến nay lập làm thái tử.

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán, cầu đảo, mưa.

Hạ lệnh cho ba ti ở các trấn hết lòng cầu đảo, qua ngày hôm sau, mưa to.

Cấm những người gièm pha bới xấu người khác.

Lúc ấy, bọn Hoàng Ngũ Phúc và Đàm Xuân Vực bè đảng nâng đỡ lẫn nhau, vì thế, người ngoài bàn tán xôn xao. Ngũ Phúc xin Trịnh Doanh đặt lệnh cấm nghiêm ngặt để khóa miệng mọi người, nhưng cũng không sao cấm chỉ được.

Lời phê-Dùng nhiều hoạn quan, không thể không suy yếu. Tài của Doanh không đến bồi được lỗi của Doanh.

Tháng 7, mùa thu. Sơn Tây và Hưng Hóa đánh giặc tên là Thai, bắt được, giết chết.

Giặc tên là Thai (sót họ) tụ họp nhiều người nổi loạn. Triều đình sai các quan trấn Sơn Tây và Hưng Hóa hội đồng tiểu nã, bắt được tên Thai và đồ đảng 159 người, đều luận tội tử hình. Trịnh Doanh thương tình, sai xét lại, nhiều người được khoan hồng tha cho.

Lại hạ lệnh cấm khách buôn phương Bắc không được ở lẫn với dân.

Trước đây, khách buôn phương Bắc đến buôn bán, chỉ cho trú ngụ ở châu Vân Đồn, châu Vạn Ninh thuộc Yên Quảng và xã Cần Hải, Hội Thống, Triều Khẩu thuộc Nghệ An, không được ở lẫn với dân. Lúc ấy, dân ở châu Vạn Ninh nhiều người phiêu tán, nên cũng có khách buôn nhân tiện chiếm ở trú ngụ ngay chỗ đất bỏ không, lại có nhiều người mở phố xá ở Vĩnh Đại và Triều Khẩu. Vì thế, mới hạ lệnh cho quan ở trấn sức sở tại dẫn đưa ra ngoài cảnh thổ, xếp đặt cho họ ở riêng ra như trước.

43). **Lời chua**-Châu Vân Đồn¹: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

Châu Vạn Ninh²: Xem Trần Thuận Tông năm Quang Thái thứ 4 (Chb. XI, 16).

Xã Cần Hải: Thuộc huyện Quỳnh Lưu³.

Hội Thống: Tên xã, thuộc huyện Nghi Xuân⁴.

Vĩnh Đại: Tên xã, thuộc huyện La Sơn⁵.

Triều Khẩu: Tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên. Đều thuộc Nghệ An.

Đặt chức quan trưng phủ ở các phủ.

Trịnh Doanh lấy cơ rằng tiền thuế điều, tiền vệ suất, tiền đất bãi, tiền cửa đình, tiền giáo phường và tiền nộp chuộc tội còn thiếu lại, chia nhau thu nhận làm phiền nhiễu dân, bèn hạ lệnh mỗi phủ đều đặt chức quan trưng phủ, dùng quan trong kinh và người hào mục ở trấn sung bổ vào chức này, giữ cả các việc trưng thu và chiêu tập yên ủi dân; lại sai viên quan trong ti Hiến sát thời thường xét hỏi.

Lời chua-Tiền thuế điều, đất bãi, cửa đình và giáo phường: Đều xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 10-12).

Tiền vệ suất: Nghĩa là lính các vệ lúc không có việc về nhà làm ruộng, theo thể lệ nộp một quan hai tiền thuế dung, lúc có việc gọi ra lính mới được miễn.

Bổ dụng hoạn quan Đàm Xuân Vực giữ chức thống suất Thanh và Nghệ.

Trước đây, Duy Mật chạy trốn ra ngoài, mạo xưng mệnh lệnh vua Ý Tông, chế tạo riêng bảo tì và cờ, kiếm, dụ dỗ khắp các tù mục ở Thanh Hoa giúp cho lính thổ, lún lút chiếm cứ miền thượng du, làm tờ hịch kể tội ác họ Trịnh. Trịnh Doanh sai quân đi đánh, mấy năm chưa dẹp yên được. Đến nay, Duy Mật đánh úp Trấn Ninh, bắt giam Bồn Xà là Lư Cầm Hương, rồi ngay ở động Trình Quang, Duy Mật đặt làm nội phủ và ngoại phủ, bốn mặt ngoài phủ chia ra đặt 16 đồn ải, có lũy vững, hào sâu, có nơi đứng cao để nhòm ngó, có điểm canh ở đường xa, phòng bị cẩn thận, chặt chẽ. Duy Mật đem quân đánh chiếm những kẻ không thần phục, khống chế các người Lào, cả đến các động ven biên giới Hưng Hóa, phía đông từ Lạc Hòn, Cao Châu, phía bắc đến 7 tổng phủ Quý, phủ Trà, đều bị Duy Mật thống thuộc sai khiến. Nhân đấy, Duy Mật chia quân tràn xuống địa đầu Thanh Hoa, vì thế, dân nơi biên giới náo động. Triều đình bèn hạ lệnh cho Đàm Xuân Vực làm thống suất hai xứ, phàm cơ mưu đánh dẹp, tiểu nã, và việc thưởng công, phạt tội, phong quan, bãi chức. Xuân Vực đều được tùy tiện xử trí.

Lời chua-Động Trình Quang: Thuộc phủ Trấn Ninh.

Lạc Hòn: Tên đất của người Man, Xem Hi Tông, năm Chính Hòa thứ 21 (Chb. XXXIV, 48).

Cao Châu: Tức Trịnh Cao, xem Bình Định Vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 9).

Quý và Trà: Xem Bình Định Vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 20).

Định rõ thể lệ tuyên chuyển, cất nhắc và bảo cử.

Chuẩn định thể lệ tuyên chuyển cất nhắc và bảo cử những ăm tử của quan tam phẩm trở lên: Con quan nhất phẩm ngang với người thi hội bốn khoa đều lọt được kỳ đệ tam (hội thí tam trường tứ trường); con quan nhị phẩm ngang với người lọt được ba kỳ đệ tam; con quan tam phẩm ngang với

¹ Nay là huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

² Nay là huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh.

³ Tỉnh Nghệ An.

⁴ Tỉnh Hà Tĩnh.

⁵ Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

người lọt được hai kỳ đệ tam; người trúng cách khoa thi hoành từ ngang với người lọt ba kỳ; người được thượng khảo ngang với người lọt hai kỳ; người trúng cách về ngự đề ngang với người trúng cách một kỳ. Nếu có những người lý lịch và sự trạng giống nhau, thì phải trông vào khoa trường đỗ trước hay đỗ sau và giữ chức quan nơi nhiều việc hay ít việc, rồi châm chước hiệu lượng xét cho thỏa đáng. Còn về lý Lịch, thường phạt và công tội, đều phải theo sự thật khai rõ; người nào ẩn giấu, khi việc phát giác sẽ phải luận tội nặng. Ngoài ra đều tham khảo châm chước với thể lệ cũ để thi hành.

Lời chua-Hội thi tam trường tứ trúng: Nghĩa là Hương cống đi thi hội đến bốn khoa, đều lọt được kỳ đệ tam, nên gọi là "tam trường tứ trúng".

Tam trúng, nhị trúng: Cũng phỏng theo ý nghĩa trên đây. Những hương cống thi hội được tứ trúng, tam trúng hoặc nhị trúng, nếu khi nào có khuyết chức quan ở phủ, ở huyện ở châu và chức quan dạy học ở phủ, thì xét xem người nào đã thi lọt được kỳ đệ tam nhiều hay ít mà cất nhắc trao chức khác nhau. Còn như thể lệ về ẩm tử của quan nhất phẩm, nếu có tuyển bổ thì ngang hàng với hương cống thi hội bốn khoa đều lọt được kỳ đệ tam, ngoài ra cứ theo thể lệ ấy mà suy ra.

Hoành từ: Nghĩa là người thi khoa hoành từ được trúng cách.

Thượng khảo: Người được dự hạng nhất trong khi xét công trạng.

Ngự đề: Người được trúng cách trong khi thi bài chế do vua ra đầu đề.

Tháng 12, mùa đông. Lại thu nửa tiền thuế gia tô.

Lúc ấy vì Duy Mật chiếm cứ Trấn Ninh lâu ngày, có việc dùng quân đánh dẹp, bèn hạ lệnh thu một nửa thuế gia tô theo ngạch cũ. Lệnh chỉ nói: "có ruộng thì có tô, là lẽ thường xưa nay. Nhà nước thu lấy của dân, đều có ngạch thuế nhất định. Trước kia, nơi biên giới, nên ngoài số thuế chính ngạch, quyền tạm bổ riêng thuế gia tô¹, để giúp chi dùng vào việc binh. Từ khi việc binh tạm thư, đã nhiều lần rộng tha cho²; nay có việc điều khiển lính đi đánh dẹp, chi dùng khá nhiều, cần phải liệu lượng thu một nửa và nộp cả vào mùa xuân để tiện cho việc thu nộp".

Ất Dậu, năm thứ 26 (1765). (Thanh, năm Càn Long thứ 30).

Ngày Ất Ty, tháng giêng, mùa xuân. Sét đánh cột cửa tà.

Tháng 2. Thay đổi phép thi hương, lại thu tiền thông kinh.

Trước đây, Thế Giai giữ công việc trong chính phủ, lấy cứ rằng dùng quân đánh dẹp, chi phí mất nhiều, phàm gặp khoa thi hương, hạ lệnh cho nộp tiền thông kinh, sẽ được miễn khảo hạch; kịp lúc Công Thái giữ việc trong chính phủ xin bãi bỏ thể lệ này. Đến nay, Thế Giai lại được khởi phục bổ dụng, bèn thay đổi phép thi: huyện lớn lấy 70 người, huyện vừa 50 người, huyện nhỏ 40 người, người nào khảo hạch không trúng, theo thể lệ nộp tiền thông kinh, cũng được vào thi.

Tháng 3. Hạn hán, phát sinh chứng dịch.

Lại hạ lệnh cấm binh đinh không được thay thế riêng cho nhau.

Theo chế độ cũ, binh đinh ở Thanh, Nghệ và tứ trấn, khi đến tuổi thành đinh (18 tuổi là thành đinh) thì tòng quân, 60 tuổi được miễn. Ít lâu nay, ở dân gian hoặc người bốn, năm mươi tuổi, hoặc người năm, sáu mươi tuổi, thường thay thế riêng cho nhau, viên cai quản binh lính và cơ đội phần nhiều cầu thả theo tình riêng, thành ra quá nửa số quân không am hiểu kỹ luật. Đàm Xuân Vực, đốc suất Thanh Hoa, dâng tờ khai nói xin theo thể lệ cũ, Trịnh Doanh chuẩn y, bèn lại hạ lệnh cấm rõ: từ nay người binh đinh nào chưa đến 60 tuổi, không được thay thế riêng.

Trịnh Doanh tự ý dâng hữu miếu.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 27.

² Xem thêm Chính biên XLII, tờ 4.

Trước kia, Trịnh Doanh giữ chính quyền trong nước, lấy cớ rằng tiên tổ và tiên khảo truy xưng Lương Mục vương là Vĩnh và Tấn Quang vương là Bính, đều chưa từng chính thức nối ngôi chúa, có ý muốn lập hữu miếu để thờ, sau vì Nguyễn Quý Đức nói mà thôi đi¹, đến nay lại lập hữu miếu, công việc xây dựng suốt 8 tháng chưa xong. Tham tụng Nguyễn Nghiễm và bồi tụng Trần Danh Lâm cho rằng lễ nghi là theo lẽ phải, trước kia, chúa Nhân Vương (tức Trịnh Cương) là thế đích thừa trọng, cho nên không lẽ lại suy tôn người sinh ra mình một cách long trọng, mà tạm thời thờ riêng. Sau bấy tôi trong triều bàn luận, lấy cớ rằng ông cháu cha con một huyết mạch nối tiếp nhau, cùng thờ cả ở miếu ông thủy tổ, là hợp lẽ phải. Và lại, việc thờ tự này, đến nay đã trải qua vài mươi năm, tinh thần tiên tổ tự hợp cả trong một nhà không bao giờ gián cách, nay một lúc lại lập miếu riêng, thì không những mắt thấy tai nghe có phần nghi ngại, mà đối với tình và lễ đều chưa được thỏa đáng, xin bãi bỏ công việc xây dựng hữu miếu. Trịnh Doanh không theo lời.

Lời chua-Lương Mục Vương là Vĩnh: Con trưởng của Trịnh Căn.

Tấn Quang Vương là Bính: Con trưởng của Lương Mục Vương Vĩnh và là cha Trịnh Cương-Vĩnh và Bính đều mất sớm chưa chính thức nối ngôi chúa.

Tháng 6, mùa hạ. Lê Quý Đôn, tham chính Hải Dương bị bãi.

Từ khi sang sứ nhà Thanh trở về nước, rồi bổ làm tham chính Hải Dương, Quý Đôn tự giải bày chín tội, nhưng thực ra là tự kể công lao của mình. Trong lời giải bày lại nói: "Tôi đem cái thân sống sót ở muôn dặm trở về nước, mà nay xiêu giạt nơi giang hồ, xin cho tôi được về quê quán". Trịnh Doanh không bằng lòng, nhưng vẫn y cho.

Quý Đôn nổi tiếng về văn học, vì phải bỏ ra làm quan ở ngoài, nên bất đắc chí, lời nói có giọng oán hờn, đại để cũng như tờ biểu tự trách mình của Bộc Cổ Hoài Ân, nên người có kiến thức lấy làm chê cười.

Lời phê-Học rộng thì có làm gì, chỉ đủ để giúp cho lòng tư của mình, như hạng Vương An Thạch². Sở dĩ đến như thế, cũng do kiến thức lệch lạc mà ra.

Lời chua-Quý Đôn tự giải bày chín tội: Như nói, tôi không đoái thương đến mẹ già, đem thân theo tiên vương ở nơi hành tại để mộ quân đánh giặc. Đây là tôi phạm một tội không trung với nước. Dẫn mình vào nơi hàng trận, là vì trong chí muốn cho nước nhà được yên. Đây là tôi phạm hai tội không trung với nước. Còn ra không khảo cứu được.

Bài biểu tự trách mình của Bộc Cổ Hoài Ân: Đời vua Đại Tông nhà Đường, Hoài Ân tự nghĩ mình có công to, mà bị người ta gây sự hãm hại, có ý bức tức oán hờn, bèn dâng tờ biểu tự trách mình có sáu tội: 1. Trước kia, bộ lạc Đổng La làm phản loạn, tôi vì tiên đế mà quét sạch giặc giã ở Hà Khúc; 2. Con trai tôi là Phân sa vào tay giặc, khi trốn ra trở về, tôi bắt đem chém, để hiệu lệnh quân sĩ; 3. Con gái tôi vì trong nước hòa thân với Hồi Hột mà đem gả ở nơi xa; 4. Tôi cùng con trai là Dương đốc hết tính mạng vào việc nước; 5. Đất Hà Bắc mới quy thuận triều đình, tôi vỗ về yên ủi để cho người giáo giở được yên lòng; 6. Tôi dụ dỗ Hồi Hột, để chúng đem quân đến cứu nạn nước. Tôi chịu sáu tội kể trên, thật đáng muôn vàn tội chết.

Tháng 7, mùa thu. Duệ Tông Hiếu Định hoàng đế³ ta nổi nghiệp.

Tháng 7. Bổ dụng Nguyễn Đình Huân, hoạn quan, giữ chức tham đốc.

¹ Đoạn văn này có lẽ Cương mục chép lầm, chữ "Trịnh Doanh" chép ở câu đầu đoạn này, phải chép là "Trịnh Cương" mới đúng. Vì việc này Nguyễn Quý Đức trình bày với Trịnh Cương (Chb. XXXV, 9). Còn Trịnh Doanh mới lên ngôi chúa năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) mà Nguyễn Quý Đức đã chết từ năm Vĩnh Thịnh thứ 16 (1720) rồi, còn đâu mà nói với Trịnh Doanh nữa.

² Một viên tể tướng dưới triều Tống Thần Tông.

³ Tên là Phúc Thuần, hiệu là Khánh Húc đạo nhân, con thứ 16 của Phúc Khoát.

Đình Huấn làm đề lãnh bốn cửa thành, trong kinh kỳ được nghiêm chỉnh yên tĩnh. Trịnh Doanh nhận thấy là người có tài, nên trao cho giữ chức này.

Lời chua-Tham đốc: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì tham đốc thuộc về hàng võ, trật chánh nhị phẩm.

Tháng 10, mùa đông. Cấm người quý thích ngang ngược nhiễu dân.

Lúc ấy, bọn quý thích phần nhiều trái thể lệ, thiện tiện đánh thuế tuần ti, thuế xưởng mỏ và thuế thổ sản ở ngoại trấn, đi đến đâu cũng nhiễu, làm khổ cho dân. Triều đình nghe biết việc này, hạ lệnh cho ti Trấn thủ tra xét bắt giải, người nào không có giấy tờ quan cấp sẽ trị tội.

Tháng 12. Phạm Huy Cơ phạm tội, bắt giam vào ngục.

Huy Cơ giữ chức Hiến sát sứ trấn Sơn Nam, vì ăn hối lộ, việc phát giác, triều đình hạ lệnh bắt giam vào ngục.

Bính Tuất, năm thứ 27 (1766). (Thanh, năm Càn Long thứ 31).

Tháng 5, mùa hạ. Sao Thái Bạch đi ngang bầu trời.

Đêm, sao đối ngôi suốt bầu trời.

Tháng 6. Mưa dầm. Hạt Kinh Bắc nước sông dấy lên, vỡ đê.

Các huyện hạt Kinh Bắc vỡ đê, ruộng nương nhà cửa bị ngập lụt. Triều đình hạ lệnh cho quan trong kinh thành đi hộ đê. Lại đình hoãn khám xét kiện tụng. Nơi bị đê vỡ làm tổn hại đều được liệu lượng phát chẩn.

Lúc ấy. Trịnh Doanh giữ chính quyền trong nước đã lâu, bầy tôi xin gia phong tôn hiệu. Doanh nhún nhường không nhận, và bảo bọn này rằng: "Mới đây trời mưa quá nhiều, làm cho dân tai hại, như thế, phải chăng chính lệnh triều đình có điểm khiếm khuyết? Ta chưa nghe thấy các người có lời dâng điều hay, bỏ điều dở, mà chỉ vội vàng xin tiến tôn hiệu. Việc ấy bây giờ có hợp thời đâu? Các người không nên nói lại nữa".

Tháng 9, mùa thu. Ánh sáng mặt trăng phạm vào sao Tâm.

Lời chua-Theo "Thiên văn chí" trong Tấn thư, thì sao Tâm có ba chòm sao, là chính vị sao Thiên Vương: chòm sao giữa gọi là minh đường, tượng trưng vị thiên tử, chòm sao đằng trước là thái tử, chòm sao đằng sau là thứ tử-bóng sang hai vì sao giao nhau hoặc lẫn vào nhau gọi là Phạm. Tiền Hán thư chép: Năm Dương sóc¹ thứ nhất, ánh sáng mặt trăng phạm vào sao Tâm. Người xem thiên văn đoán rằng: "Trong nước có sự lo buồn như có đại tang".

Bãi bỏ việc cấp thêm ruộng khấu phần cho lính tứ trấn.

Lúc ấy, triều đình bàn định, lấy cớ rằng, thái bình lâu ngày, nhất binh ở tứ trấn không phải sai phái tạp dịch, không nên rộng cho cấp ruộng vượt qua ngoài lệ ngạch. Vì thế hết thấy khấu phần của lính đều hạ lệnh cho viên trưng phủ thu thuế.

Tháng 10, mùa đông. Có vì sao lớn hình như cái đầu, bay ngang suốt trời.

Tháng 12. Phạm Gia Huệ phạm tội, bị bãi chức.

Gia Huệ là người bẻm mép, a dua phụ học với bọn quyền thế, được dắt díu nhau lên làm quan, thăng đến chức tri Công Phiên, phụng mạng đi thu thuế phủ Bắc Hà, thu lạm của dân hơn hai ngàn quan tiền. Viên quan thái phòng là Nguyễn Phùng Thời đem việc này tâu bày, gặp lúc ấy dân phủ Bắc Hà họp nhau ở cửa khuyết để tố cáo. Triều đình lập tức hạ lệnh lấy tiền trong kho công trả lại cho dân và giao

¹ Một niên hiệu của Hán Thành Đế (24-20 Tr.C.Ng).

việc này cho viên quan có trách nhiệm bàn định, Gia Huệ phải luận tội đồ. Nhưng Trịnh Doanh còn có lòng thương, chỉ bắt phải bãi chức.

Lời chua-Nguyễn Phùng thời: Người xã Hoa Lâm, huyện Nam Đường¹, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Phạm Gia Huệ: Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm.

Bắc Hà: Tên phủ, thuộc Kinh Bắc.

Ở Kinh Bắc động đất.

Giặc nổi lên ở Sơn Tây, Hưng Hóa. Bọn trấn tướng Nguyễn Địch Bàn đi đánh, dẹp yên được.

Giặc (sót họ tên) ở thượng du vùng Sơn Tây tự xưng hiệu là Thuận Nghĩa, tụ hợp quân chúng đi cướp bóc. Triều đình hạ lệnh cho bọn trấn tướng là Nguyễn Địch Bàn và Hoàng Phùng Cơ hội đồng với nhau đi tiêu nã, phá tan được bọn giặc này.

Lời chua-Nguyễn Địch Bàn: Người xã Vụ Cầu, huyện Thanh Ba², đỗ tạo sĩ.

Sơn Tây và Hưng Hóa: Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 27, 30, 34, 35).

¹ Nay thuộc tỉnh Nghệ An.

² Tỉnh Phú Thọ.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 43

Từ Đinh Hợi, Lê Hiến Tông năm Cảnh Hưng thứ 28 (1767) đến Tân Mão, năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771), gồm 5 năm.

Đinh Hợi, năm [Cảnh Hưng] thứ 28 (1767). (Thanh, năm Càn Long thứ 32).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Núi ở Thanh Hoa bị lở. Huyện Đông Thành và Quỳnh Lưu động đất.

Lời chua-Thanh Hoa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 20, 21, 33).

Đông Thành và Quỳnh Lưu¹: Tên hai huyện, xem năm Cảnh Hưng thứ 20 (Chb. XLII, 5).

Sai bọn Nguyễn Đình Huân và Ngô [Thì] Sĩ đi xếp đặt công việc ở Thái Nguyên. Bọn này chưa đi đến nơi, mà trở về.

Trước đây, các xưởng mỏ ở thượng du và vỏ quế ở núi rừng đều giao cho người Nùng ở Hóa Vi nước ta khai khẩn và bóc lấy. Từ khi trường xưởng mở ra nhiều, viên quan giám đưng phần nhiều tập hợp người nhà Thanh khai lấy. Do đấy, người làm thuê trong mỗi xưởng kể đến hàng vạn, phu mỏ, nhà lò tụ tập thành từng đàn, trong số ấy phần nhiều là người Triều Châu và Thiều Châu, tính tình hung hãn, hay đánh nhau; mỗi khi tranh nhau cửa lò, liền nổi quân để đánh lẫn nhau, người nào chết thì vút xuống hố. Triều đình coi họ là hạng người ngoài giáo hóa, nên chỉ cốt thu đủ thuế mà thôi, ngoài ra không hỏi gì đến cả.

Lúc ấy, [Thì] Sĩ giữ chức đốc đồng ở Thái Nguyên, bèn viện dẫn lời trình bày của Bùi Sĩ Tiêm, và nói: "Thổ sản ở núi rừng, để giúp cho việc cần dùng trong nước, thế mà nộp vào thuế khóa nhà nước, mười phần không được một phần. Và lại, những nơi hiểm yếu ở hang động, núi khe trong nước, hết thảy bị người nước ngoài thông tỏ và nương náu. Đây là một điều không nên. Địa mạch nước ta, Thái Nguyên ở về mạn thượng du, bọn kia cứ thấy chỗ nào có khí sắc loài kim là họ khai quật, chõ đất ra ngoài cửa lò, chứa thành trăm ngàn đồng ở nơi đất bằng, trong lò có thể chứa được hàng trăm người, như thế thì thương tổn địa mạch biết là chừng nào! Đây là hai điều không nên. Người nhà Thanh lấy được bạc, liền đem về nước họ, thì của ấy không phải là của nước ta nữa. Đây là ba điều không nên.

"Tôi thấy nhà Thanh có định thể lệ: "Nhân dân ở nội địa Trung Quốc, nếu người nào không có giấy "thân chiếu" do quan cấp, không được đi ra nước ngoài". Vậy xin đưa công văn sang cho quan chức hai tỉnh Quảng, tra xét xem người nào không có giấy cấp "thân chiếu" thì nhất luật bắt phải về nước. Còn những hộ chịu thuế ở trường xưởng thì vẫn lấy người Nùng Hóa Vi nước ta sung vào. Nếu người nhà Thanh người nào không có giấy cấp "thân chiếu" mà tình nguyện ở lại, thì cho phép để tóc và thay đổi y phục, biên tên vào sổ hộ nước ta, để cắt đứt mối tranh giành". Trịnh Doanh theo lời.

Sau tiếp được công văn của hai tỉnh Quảng trả lời, cũng không nhận là có cấp giấy cho người nào cả. Vì thế, triều đình hạ lệnh cho [Thì] Sĩ và Đình Huân đem binh lính 17 cơ đội đến ngay xưởng

¹ Đông Thành và Quỳnh Lưu, nay đều thuộc Nghệ An.

Tống Tinh, tùy tiện yên ủi hoặc tiểu nã. Bọn [Thì} Sĩ đi đến Dã Giang, gặp lúc Trịnh Doanh mất, nên trở về, thành ra việc này bèn thôi.

Lời chua-Xưởng Tống Tinh: Ở châu Bạch Thông, tỉnh Thái Nguyên.

Dã Giang: Ở địa phận các xã Thượng Dã, Trung Dã và Hạ Dã thuộc phủ Thiên Phúc, tỉnh Bắc Ninh.

Triều Châu và Thiều Châu: Đều thuộc tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc).

Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Hóa Vi (có sách chép là Hóa Thường): Nay không khảo cứu được.

Trịnh Doanh mất, con là Sâm tự lập làm nguyên soái Tĩnh Đô Vương.

Lúc mất Doanh 48 tuổi, truy tôn là Ân vương, tiếm hiệu là Nghị Tổ. Sau khi Sâm đã nối ngôi, giả xưng mệnh lệnh của nhà vua, tiến phong làm nguyên soái, tổng quốc chính, Tĩnh Đô vương. Lại phong mẹ đẻ là Hoa Dung Nguyễn thị làm thái phi.

Lời chua-Nguyễn Thị: Người xã Linh Đường¹, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội là con gái Nguyễn Đình Tư và là vợ Trịnh Doanh.

Tháng 2. Ở kinh sư động đất.

Giặc cướp nổi dậy ở Kinh Bắc. Dẹp yên được.

Bọn giặc cướp ở Kinh Bắc đều nổi dậy. Nguyễn Gia Kiên, trấn thủ, tâu về triều. Triều đình sai Diển Vũ hầu Nguyễn Trọng Diển đem quân đi đánh, dẹp yên được. Bèn để Trọng Diển ở lại đóng đồn phòng thủ, ngăn chặn đường hiểm yếu mặt đông bắc.

Lời chua-Nguyễn Gia Kiên: Người xã Liễu Ngạn, huyện Siêu Loại².

Kinh Bắc: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 28, 35).

Tháng 4, mùa hạ. Ánh sáng sao Thái Bạch và sao Huỳnh Hoặc giao tiếp với nhau ở dã phận sao Tinh.

Hai vì sao Thái Bạch và Huỳnh Hoặc ánh sáng giao tiếp với nhau ở dã phận sao Tinh.

Quân của Lê Duy Mật tràn ra Hương Sơn. Trịnh Sâm sai bọn Bùi Thế Đạt đi đánh, Duy Mật rút quân chạy.

Duy Mật chiếm cứ Trấn Ninh, hay tin Trịnh Doanh mất, nhân đấy bèn sai đồ đảng đem lính và voi tràn xuống địa phận huyện Hương Sơn và Thanh Chương; dân ở biên giới nôn nao rối loạn. Viên đồn thủ là Hà Lãm đem quân đi đánh, bị thua chạy. Tin báo về triều, Trịnh Sâm sai Nguyễn Nghiễm làm hiệp đốc suất cùng Bùi Thế Đạt đem quân đi đánh. Duy Mật rút quân chạy. Sau Trịnh Sâm sai bọn Nguyễn Nghiễm về triều.

Trịnh Sâm nhận thấy rằng, nếu không diệt trừ được Duy Mật, chung quy vẫn làm ngăn trở cho vùng Hoan, Ái³, bèn dụ hỏi Thế Đạt về hình thế đóng quân của Duy Mật và kế hoạch tiến quân, tải lương. Thế Đạt đem hết tình trạng Duy Mật bày tỏ ở triều đường, và nói: "Có 2 con đường có thể tiến quân vào Trấn Ninh được; đường chính là con đường Trà Lân, có đường thủy, có thể vận lương, quân đi được yên ổn thuận tiện". Trịnh Sâm bèn hạ lệnh bắt lấy thuyền đi biển của Thanh và Nghệ, dự tải thóc công chứa ở kho Vĩnh Doanh và Sa Nam, để phòng bị cấp phát cho quân. Một mặt, sai thêm Lê Đình

¹ Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

² Nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

³ Tức Thanh và Nghệ.

Châu thống suất bọn Trịnh Phương. Nguyễn Trọng Diển và Nguyễn Đình Đống đem 5 ngàn quân, lệ thuộc sự chỉ huy của Thế Đạt, theo đi đánh giặc. Trịnh Sâm lại lấy cố là xứ Thanh Hoa gần liền phủ Trấn Ninh, bèn hạ lệnh cho lưu thủ Nguyễn Đình Diển chia quân đóng đồn phòng ngự, chặn giữ nơi xung yếu.

Lời chúa-Nguyễn Đình Diển: Hoạn quan, người xã Nội Duệ¹, huyện Tiên Du.

Nguyễn Đình Thống: Người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Anh².

Vinh Doanh: Trấn Ly, Nghệ An.

Sa Nam³: Tên xã, thuộc huyện Nam Đường.

Hương Sơn: Tức Đổ Gia, xem Bình Định Vương, năm thứ 7 (Chb, XIII, 21).

Thanh Chương: Tức Thổ Du, xem Bình Định Vương năm thứ 8 (Chb, XIII, 22).

Trịnh Sâm phong chức tước cho bày tôi văn, võ, có từng cấp bậc cao thấp khác nhau.

Phong cho Hoàng Ngũ Phúc tước nhất tự công⁴, gia phong dực vận đồng đức công thần; Nguyễn Nghiễm làm thiếu phó, phong tước quận công; Nguyễn Hoàn làm tả thị lang bộ Công, phong tước hầu; ngoài ra, trăm quan đều được thăng một bậc. Lại nhận thấy tư giảng Dương Công Chú có công hầu giảng nghĩa sách, nên tặng chức thiếu bảo, gia phong tước quận công.

Ân xá.

Trịnh Sâm mới nối ngôi, muốn ra ơn cho trong nước để nhân dân vui lòng. Lúc ấy, mưa dầm mãi không tạnh, bèn hạ lệnh; miễn thuế tô, thuế dung năm nay cho hai xứ Thanh và Nghệ; miễn năm phần mười (5/10) thuế tô, dung và điệu cho ngoại trấn; lại tha tiền thuế thiếu từ các năm trước và tiền chuộc tội.

Sâm tặng phong tước Triệu Khánh Công cho ông ngoại là Nguyễn Đình Tư.

Đình Tư, người xã Linh Đường⁵, huyện Thanh Trì, trước đây, giữ chức thị giảng trong phủ Trịnh Doanh. Đình Tư là bố Nguyễn Thái Phi, mẹ đẻ Trịnh Sâm. Đến nay truy tặng. Sâm hạ lệnh lập từ đường để thờ ở kinh sư.

Lời chúa-Thanh Trì: Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiển Ứng chính bình thứ 14 (Chb, VI, 26).

Ngày Quý Mùi, tháng 6. Sao Thái Bạch xuất hiện giữa ban ngày.

Định lại ngạch thuế 4 châu ở Cao Bằng.

Trước đây, Mai Danh Tông, giữ chức đốc đồng ở trấn Cao Bằng, thuế dung tăng lên nhiều hơn ngạch cũ, dân không thể nộp được. Đến nay thu những thuế còn thiếu lại, nhân dân đem nhau đến trấn khiếu tố. Đốc trấn Nguyễn Trọng Hoành đem việc này tâu về triều đình. Triều đình bèn hạ lệnh theo sổ thuế năm Nhâm Dần (1722) đời Bảo Thái cải chính lại.

Lời chúa-Mai Danh Tông: Người xã Cao Lãm, huyện Sơn Minh⁶, đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

¹ Nay là xã nội Duệ, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

² Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

³ Nay là thị trấn Nam Đàn, thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

⁴ Quan chế triều Lê, phong tước công cho bày tôi có công, dùng tên phủ hoặc tên huyện làm hiệu để phong, nhưng chỉ dùng một chữ. Ví dụ: Tuyên quốc công, tức là dùng chữ "Tuyên", tên gọi của phủ Tuyên Quang; Sùng quận công, tức là dùng chữ "Sùng", tên gọi của huyện Sùng An (Chính biên quyển XXII, tờ 14).

⁵ Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

⁶ Nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

Nguyễn Trọng Hoàn: Người xã Bột Thái¹, huyện Hoảng Hóa, con Nguyễn Ngọc Huyền, đỗ hương cống, là hạng tiến triều².

Cao Bằng: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 20, 32, 35).

Phong tước trật cho bọn Hà Công Ứng, thổ tù trấn Hưng Hóa.

Giặc cỏ Hoàng Công Chất lén lút chiếm cứ động Mãnh Thiên thường những nhiễu cướp bóc vùng thượng du trấn Hưng Hóa, nhiều người phụ theo, chỉ có bọn Công Ứng, nhiều người phụ theo, chỉ có bọn Công Ứng họp tập thống suất dân chúng chống giặc, bảo toàn được các sách³ trong châu. Hoàng Phùng Cơ, lưu thủ Sơn Tây, tâu bày công của họ về triều. Triều đình bàn định ban thưởng để biểu dương công trạng, bèn phong cho Công Ứng tước Mai ngân hầu, Đình Công Hồ tước Sùng nham bá, lại sai quan đến tuyên dương và yên ủi, các người phiên mục đều được thăng trật.

Lời chúa-Động Mãnh Thiên: Xem năm Cảnh Hưng thứ 22 (Chb. XLII, 11).

Hưng Hóa và Sơn Tây: Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 27, 30, 31, 34, 35).

Định rõ thể lệ kiện tụng, về việc người đương sự kêu xin xét lại.

Phàm các việc kiện, nếu lần trước xét xử mà người đương sự chưa phục tình, cho phép đến ngày chúa ra coi châu được đệ đơn kêu lại. Nếu tình trạng quả tai hại, thì cho phép xét lại; nếu xét lại còn vẫn chưa tỏ rõ được lý lẽ, thì cho phép người đương sự đánh mõ⁴ tâu bày. Đơn kiện nào khiếu tố vượt thứ tự, sẽ bị bác bỏ.

Tháng 7, mùa thu. Không mưa.

Tháng này, mấy tuần không có mưa, Trịnh Sâm thân hành cầu đảo ở lầu Kính Thiên, hạ lệnh các quan trong kinh ngoài trấn dâng tờ khai niệm phong trình bày công việc. Nguyễn Bá Lân dâng tờ khai nói: "Chính sự vua chúa, thông cảm với trời. Nay vương thượng mới cầm quyền, nên chuộng đều khoan hậu, vậy xin: Lục dụng Lê Quý Đôn và Phan Cẩn để nâng đỡ người bị oan ức lâu ngày; rộng gia ơn về việc, chuộc tội, cứu vớt dân xiêu lưu, để dân khỏi đau khổ. Như thế, may ra có thể thu phục được lòng người, và báo đáp được tội lỗi mà trời quả trách". Trịnh Sâm cho là phải, bèn khởi phục Lê Quý Đôn giữ chức Thị thư (Chánh lục phẩm, Phan Cẩn giữ chức Cấp sự trung (Tòng bát phẩm). Sau lại hạ lệnh: Viên trưng phủ ở các phủ đều tâu bày tình trạng nghèo đói phiêu tán và đau khổ của dân trong hạt; viên quan trong Ty Hiến sát sứ đi khám xét ruộng bỏ hoang không cày cấy ở dân gian và dò hỏi sự tệ hại uất ức của dân sở tại, rồi tâu bày để triều đình biết. Một mặt liệu lượng tha thuế tô cho những nơi bị thiệt hại từ bốn phần trở lên. Lúc ấy, về chính tô và gia tô được tha tiền hơn một vạn bốn ngàn quan, thóc hơn ba ngàn sọt. Những thuế bỏ thiếu từ năm Kỷ Mão (1759) trở về trước, đều được tha cả.

Tháng 8. Mưa.

Có sao đổi ngôi dài hơn một trượng, ánh sáng mặt trời, tiếng vang như sấm.

Tháng 9. Định lại thể lệ khám đê điều.

Đường đê và cửa cống ở các lộ, mỗi năm cứ đến tháng trọng thu (tháng 8 âm lịch) viên quan ở huyện đi khám lần đầu, rồi đem tình hình trình lên ti Thừa chính ở trấn; tháng quý thu (tháng 9 âm lịch)

¹ Nay là xã Hoảng Lộc, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

² Viên quan không do tiền sĩ xuất thân, nhưng được bày tâu trong triều bảo cử, cũng được bổ dụng như hàng tiền sĩ, gọi là tiền triều. Xem thêm chính biên, quyển XXXVI, tờ 28.

³ Một đơn vị hành chánh nhỏ ở miền thượng du, cũng như trại, xóm ở miền xuôi.

⁴ Năm Cảnh Hưng thứ 8 (1747), Trịnh Doanh đặt cái chuông và cái mõ ở ngoài cửa phủ đường, để cho ai muốn bày tỏ công việc hiện thời thì đánh chuông; ai có điều oan ức chưa được xét rõ lý lẽ thì đánh mõ tâu bày.

ti Thừa chính ở trấn đi khám, trình lên quan chính đường; tháng trọng đông (tháng 11 âm lịch) các quan chia nhau đi khám lại, rồi sẽ khởi công.

Ánh sáng mặt trăng lặn vào chòm trung tinh ở sao tâm.

Viên quan trong Tư Thiên giám nói: Trung tinh là đế tinh, ánh sáng mặt trăng lặn vào chòm trung tinh là triệu chứng người bầy tôi lằng loàn lẩn quyền.

Tháng 9 nhuận. Em của Sâm là Lệ định mưu giết Sâm. Việc bại lộ, Lệ bị bắt giam vào ngục. Giết đồ đảng của hắn là Phạm Huy Cơ.

Lệ là người sáng suốt, có cơ mưu và trí khôn. Lúc Trịnh Doanh còn sống. Lệ thường có chí ăn cướp ngôi con trưởng. Trước kia hắn theo học Huy Cơ. Huy Cơ vì có tội phải giam mang lòng oán hận, bèn ngầm xui Lệ làm sự trái phép, dựng bè đảng vây cánh, dắt Dương Trọng Khiêm và Nguyễn Huy Bá làm gia khách, bí mật hẹn nhau, định đến ngày 24 tháng này sẽ khởi sự. Nhưng bọn Trọng Khiêm lại sợ rằng việc không thành, sẽ bị vạ lây, bèn lén lút đem công việc đến cáo tố với nội giám Phạm Huy Đĩnh, Huy Đĩnh đem báo cáo với Sâm. Sâm lập tức hạ lệnh cho bầy tôi hội hợp tra tấn. Huy Cơ tự biết không thể nào thoát nạn, tự ra nhận tội, phải luận vào tội xử trảm, còn Lệ thì bị bắt giam vào ngục.

Trọng Khiêm, trước kia, bị khiển trách và bãi chức, đến nay khen thưởng là người có công, nên trả lại cho chức cũ và được thăng hai bậc; Huy Bá được thăng năm bậc. Đoàn Nguyễn Thục, thiêm đồ ngự sử dâng nói: "Bọn Huy Cơ âm mưu làm sự trái phép, may mà việc ấy bại lộ, làm cho kẻ có tội mất hết mưu gian và phải phục tội, đây thật là phúc của nước nhà. Nhưng Trọng Khiêm bị truất bãi đã lâu, nếu biết đóng cửa nghỉ tội lỗi mình đừng giao du với tân khách, thì mưu làm việc không lành từ đâu mà đến tai hắn được? Thế mà lại giao thông với Huy Cơ là người bị giam cầm, ra vào nhà Trịnh Lệ là nơi đáng phải nghi ngờ; hắn quanh quẩn ở giữa hai người này, giúp mưu mô của Huy Cơ, làm thêm tội ác của Trịnh Lệ, rồi bấy giờ mới phát giác, để lập lấy công mình. Nếu đứng về mặt tư tưởng mà nghiêm khắc buộc tội, thì Trọng Khiêm cũng dính líu vào tội cùng giúp đỡ kẻ ác nghịch. Và lại, Huy Bá vốn là bọn hào hiệp, mới dự biết được việc này, liền theo đấy mà tố cáo phát giác, thì Huy Bá được nhận phần thưởng là hợp lý. Còn như Trọng Khiêm là người có tội phải bãi truất, thế mà lại tham giàu sang trước mắt, coi Trịnh Lệ như của quý để buôn bán, coi Huy Cơ như đồ vật để đánh bạc, làm lan thêm cái ác nghịch của chúng để may ra mình vớ lấy một chức quan, dụng tâm của Trọng Khiêm kể ra cũng quá nham hiểm! Đem công và tội mà nhân trừ lẫn với nhau, thì Trọng Khiêm không đáng thưởng cho thăng cấp". Trịnh Sâm khen và nhận tờ khai của Nguyễn Thục, bèn hạ lệnh tước bỏ cấp bậc đã cho Trọng Khiêm được thăng, chỉ cho được khôi phục chức cũ; thưởng cho Nguyễn Thục 30 lượng bạc.

Lời phê-Họ Trịnh không giữ đạo làm tôi, cho nên trong nhà, bố con anh em thông thường mưu hại lẫn nhau như thế. Bản thân mình không ngay thẳng, mà muốn bắt người khác phải ngay thẳng, có lẽ cũng khó khăn đấy.

Lời chua-Dương Trọng Khiêm: Có một tên nữa là Trọng Tê, người xã Lạc Đạo¹, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1754) năm Cảnh Hưng.

Nguyễn Huy Bá: Người xã Phú Thị², huyện Gia Lâm, đỗ hương cống.

Phạm Huy Đĩnh: Người xã Cao Mỗ³, huyện Thần Khê.

Trịnh Sâm định phép xét dùng người trong họ tôn thất.

Hạ lệnh cho viên quan giữ công việc phủ tôn nhân, xét kỹ xem người nào có thể cai trị nhân dân, xử trí công việc, thì đưa sang bộ Lại cất nhắc, nhưng mỗi năm không được quá năm người. Bầy tôi có công hiện được trao cho thực chức, nếu người nào trái thể lệ đều cách bỏ đi hết. Từ đấy, tề tập cầu may mà được làm quan và mạo nhận công trạng, dần dần được thay đổi.

¹ Nay là xã Lạc Đạo, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

² Nay là xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội

³ Nay là thôn Cao Mỗ, xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Hợp lại hoặc bỏ bớt một số phủ huyện.

Trịnh Sâm lấy cớ rằng nhân dân trong nước điêu tàn hao hụt, nếu đặt nhiều quan chức chỉ phiền nhiễu cho dân, nghĩ thay đổi tề tập ấy, bèn bàn định thi hành việc hợp lại hoặc bỏ bớt gồm 4 phủ, 29 châu huyện. Những phủ và châu huyện này đều cho phủ huyện tiếp cận tùy tiện kiêm lý.

Lời chua-Số phủ huyện hợp lại hoặc bỏ bớt.

- Thanh Hoá 2 phủ, 4 huyện: Phủ Tĩnh Gia kiêm lý phủ Thanh Đô (nay đổi Thọ Xuân); phủ Hà Trung kiêm lý phủ Thiên Quan (nay đổi nho quan, thuộc tỉnh Ninh Bình); huyện Vĩnh Phúc (nay đổi Vĩnh Lộc) kiêm lý huyện Thạch Thành; huyện Cẩm Thủy kiêm lý huyện Quảng Bình (nay đổi Quảng Tễ); huyện Phụng Hóa kiêm lý huyện Lạc Thổ (nay đổi Lạc Hóa) và An Hóa.

- Nghệ An một phủ, một huyện: Phủ Anh Đô (nay đổi Anh Sơn) kiêm lý phủ Diễn Châu; huyện Nghi Xuân kiêm lý huyện Châu Phúc, (nay đổi Chân Lộc).

- Sơn Tây một phủ 6 huyện: Phủ Lâm Thao kiêm lý phủ Đoan Hùng; huyện Đông Lan (nay đổi Hùng Quan) kiêm lý huyện Tây Lan (nay đổi Tây Quan)¹, huyện Bất Bạt kiêm lý huyện Minh Nghĩa (nay đổi Tùng Thiên); huyện Thạch Thất kiêm lý huyện Mỹ Lương²; huyện Hạ Hoa (nay đổi Hạ Hòa) kiêm lý huyện Hoa Khê (nay đổi Cẩm Khê³, huyện Tam Dương⁴ kiêm lý huyện Sơn Dương⁵ và Đường Đạo (nay đổi Đăng Đạo).

- Sơn Nam 7 huyện: Huyện Sơn Minh kiêm lý huyện Hoài An; huyện Kim Động kiêm lý huyện Thiên Thi⁶; huyện Phù Dung (nay đổi Phù Cừ) kiêm lý huyện Tiên Lữ⁷; huyện Thanh Liêm kiêm lý huyện Kim Bảng, huyện Duy Tiên kiêm lý huyện Bình Lục⁸; huyện Vọng Doanh (nay đổi Phong Doanh) kiêm lý huyện Ý Yên; huyện Mỹ Lộc kiêm lý huyện Thượng Nguyên.

- Kinh Bắc 4 huyện: Huyện Hữu Lũng kiêm lý huyện Yên Thế⁹, huyện Gia Định (nay đổi Gia Bình) kiêm lý huyện Lang Tài, huyện Bảo Lộc kiêm lý huyện Lục Ngạn¹⁰; huyện Võ Giàng kiêm lý huyện Quế Dương.

- Hải Dương 3 huyện: Huyện Gia Phúc (nay đổi Gia Lộc) kiêm lý huyện Thanh Miện; huyện Thanh Lâm kiêm lý huyện Chí Linh; huyện Thủy Đường kiêm lý huyện An Lão.

- Thái Nguyên 4 huyện, châu: Huyện Đại Từ kiêm lý huyện Phú Lương; huyện Phổ Yên kiêm lý huyện Bình Xuyên (nay đổi Bình Xuyên)¹¹; huyện Đồng Hỷ kiêm lý châu Vũ Nhai (Lê gọi là châu, nay đổi làm huyện); châu Định Bắc (nay đổi Định Châu) kiêm lý châu Văn Lãng (Lê gọi là châu, nay đổi là huyện).

¹ Các huyện Lâm Thao, Đoan Hùng, Hạ Hòa, Cẩm Khê, nay đều thuộc tỉnh Phú Thọ.

² Nay gồm huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).

³ Nt (1).

⁴ Huyện Tam Dương nay hợp với huyện Bình Xuyên thành huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

⁵ Huyện Sơn Dương nay thuộc tỉnh Tuyên Quang.

⁶ Thiên Thi nay Ân Thi. Các huyện Kim Động, Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ, nay đều thuộc tỉnh Hưng Yên.

⁷ Nt.

⁸ Các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng, Duy Tiên, Bình Lục, nay đều thuộc tỉnh Hà Nam.

⁹ Hữu Lũng, Yên Thế và Lục Ngạn, nay đều thuộc tỉnh Bắc Giang.

¹⁰ Nt.

¹¹ Bình Xuyên nay hợp nhất với huyện Tam Dương thành huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hạ lệnh cho Nguyễn Nghiễm giữ công việc ở Quốc Tử giám, Vũ Miên kiêm giữ chức Tế tửu. Lê Quý Đôn và Phan Lê Phiên giữ chức tư nghiệp.

Trịnh Sâm bảo bày tôi rằng: "Trường học là nơi giáo dục nhân tài. Đế vương đời xưa không ai không cho việc học là việc trước nhất. Nước nhà ta, các bậc thánh vương nối tiếp trị vì, phép giáo dục rất đầy đủ, chọn người hiền, dùng người đức hạnh, thu được khá nhiều nhân tài. Ít lâu nay, thể văn dần dần biến đổi, học trò đực gọt tô điểm câu văn đã thành thói quen. Nay cần nghĩ cách thay đổi tệ cũ, khen thưởng bồi dưỡng cho học trò trở thành người giỏi, để thu lấy công hiệu được nhiều người có tài". Sâm bèn hạ lệnh cho tế tửu và tư nghiệp, hàng ngày đến nhà Thái Học, hội hợp học trò giảng bàn sách Kinh, sách Sử; mỗi tháng cứ ngày mồng một và ngày rằm tập văn; mỗi năm cứ 4 tháng trọng¹ thi khảo xét duyệt, nhất thiết theo như phép thi. Trong số học trò có người nào học hỏi trội hơn, văn chương sâu rộng quán xuyên, thì kê tên tâu lên triều đình biết để cất nhắc trao cho quan chức. Ở ngoài các trấn thì do viên đề đốc học chính trong ti Thừa chính và hiệu quan (viên quan giữ chức dạy học ở phủ) cứ 4 tháng trọng, thi khảo học trò, theo như phép thi khảo ở trường Quốc Học. Về phần hiệu quan, thì xét theo sự chăm chỉ hoặc trễ biếng để cho thăng chức hoặc truất bãi. Do đấy phong thái học trò được phần chấn dãn.

Lời chua-Vũ Miên: Người xã Xuân Quan, huyện Lang Tài², đỗ tiến sĩ khoa Mậu thìn (1748) năm Cảnh Hưng.

Phan Lê Phiên: Người xã Đông Ngạc³, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1757) năm Cảnh Hưng.

Tháng 10, mùa đông. Hoàng Văn Chất cướp Hưng Hóa, sau lại cướp Thanh Hoa. Triều đình sai bọn Trịnh Phương, Nguyễn Trọng Điển hội đồng với Nguyễn Đình Diễn đem quân ra đánh.

Hoàng Văn Chất quấy nhiễu cướp bóc các châu Mai, Châu Mộc thuộc Hưng Hóa; sau đấy chia quân đi cướp các động, các sách Quan Gia, Cổ Lũng, Thiết Úng, Ái Chử và Bất Mộc thuộc Thanh Hoa; rồi lại lập mưu đánh úp huyện Phụng Hóa, định nhân đấy chiếm cứ châu Lang Chính để nhòm ngó An Trường. Quân chúng của hắn gồm hai vạn người. Văn thư cáo cấp ở hai trấn cùng một lúc về đến triều đình. Trịnh Sâm bèn hạ lệnh cho thiếu phó Phương Nghĩa hầu Trịnh Phương đem binh lính bản bộ đến Hưng Hóa, Điển Vũ hầu Nguyễn Trọng Điển đem binh lính bản bộ đến Thanh Hoa, theo quyền viên trấn thủ Nguyễn Đình Diễn, hội hợp quân sĩ tiến hành. Văn Chất liền chạy trốn.

Lời chua-Trịnh Phương: Tộc thuộc của họ Trịnh.

Hưng Hóa và Thanh Hoa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 20, 21, 30, 31, 33, 35).

Mai Châu: xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 3 (Chb. XXXVI, 3).

Mộc Châu: Xem Bình Định Vương, năm thứ 10 (Chb. XIV, 15).

Quan Gia: Tên châu, thuộc phủ Thọ Xuân.

Cổ Lũng và Thiết Úng: Đều tên sách, thuộc huyện Cẩm Thủy,

Ái Chử: Tên động, thuộc châu Quan Gia.

Bất Mộc: Tên động, thuộc châu Lang Chánh.

Phụng Hóa: Tên huyện, xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 1, 2).

¹ Tức là trọng xuân (tháng 2) trọng hạ (tháng 5), trọng thu (tháng 8) và trọng đông (tháng 11).

² Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

³ Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Lang Chánh: Tên châu, thuộc phủ Thọ Xuân, Thanh Hóa.

An Trường: Tên xã, xem Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVI, 1, 2).

Trịnh Sâm đổi bổ Nguyễn Gia Dung làm tả thị lang bộ công.

Vợ Gia Dung, là Nguyễn Thị, làm nhũ mẫu Trịnh Sâm, vì Nguyễn Thị có công nuôi nấng, nên lúc Trịnh Sâm mới nối ngôi, Gia Dung đương giữ chức trông coi hình phiên được thăng ngay lên thái tử thiếu bảo, tước quận công. Đến nay, Gia Dung xin nhận chức kém xuống hai trật mà cho đổi sung văn ban. Trịnh Sâm chuẩn y.

Lời chua-Thái tử thiếu bảo: Theo quan chức chí triều cổ Lê, thái tử thái bảo hàm tòng nhị phẩm, thị lang hàm tòng tam phẩm.

Mấy Tý, năm thứ 29 (1768). (Thanh, năm Càn Long thứ 33).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai hoạn quan Nguyễn Đình Huân làm thống lãnh các đạo Thanh Hoa, Sơn Tây và Hưng Hóa, đem quân đi đánh Thanh Châu.

Hoàng Văn Chất lén lút chiếm cứ động Mãnh Thiên, nhân địa thế hiểm trở để cướp bóc, chiếm lấy đất 10 châu. Lúc ấy triều đình cũng chán về việc dụng binh, không để ý đến. Văn Chất bèn cướp Hưng Hóa, sau lại cướp Thanh Hoa. Quan quân chia đường tiến đánh, không sao thắng được. Đến nay, Hoàng Phùng Cơ, lưu thủ Sơn Tây, xin cùng với quân các đạo hội đồng càn quét, Trịnh Sâm chuyển y, bèn bổ dụng Phạm Ngô Cầu, trấn thủ Hải Dương, sung làm hiệp thống lãnh, Phan Lê Phiên làm tán lý, Nguyễn Xuân Huyền làm hiệp đồng, cùng với chánh thống lãnh Nguyễn Đình Huân hội hợp quân các đạo để tiến đánh.

Lời chua-Thanh Châu: Xưa gọi Mường Thanh, nay là đất châu Ninh Biên, thuộc Hưng Hóa¹.

Mười Châu: Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai, Lai Châu, Ninh Biên, Quảng Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phì, Lễ Tuyền, Khiêm Châu và Tuy Phụ. Nay 4 châu Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai, Lai Châu và Ninh Biên thuộc Hưng Hóa; 2 châu Quảng Lăng và Hoàng Nham thuộc Vân Nam [Trung Quốc]; còn 4 châu Hợp Phì, Lễ Tuyền, Tuy Phụ và Khiêm Châu không khảo cứu được.

Tháng 3. Sâm phong hiệu quốc sư cho thầy học là Nguyễn Hoàn.

Trước kia, Trịnh Sâm ở Lượng Phủ, Hoàn châu chức giảng nghĩa sách, vẫn được Sâm tri ngộ. Đến nay, Hoàn dâng bộ sách Tiềm long thực lục², Sâm càng có lòng kính yêu. Theo chế độ cũ, viên quan giảng nghĩa sách trong phủ chúa, chưa có hiệu là quốc sư, nay Sâm hạ lệnh dùng hiệu quốc sư để gọi Nguyễn Hoàn.

Hạ chiếu tìm bộ Thiên Nam dư hạ lục.

Trước kia, về niên hiệu Hồng Đức³ Thánh Tông hạ lệnh cho bày tội nho học là bọn Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận soạn định tập sách Chúc quan chế bản triều (triều Lê) và điều lệ và điển chương, gồm 100 quyển, đặt tên sách là Thiên Nam dư hạ lục⁴. Đến nay, sách ấy tan tác mất nhiều, nên hạ chiếu tìm kiếm. Lúc ấy Ngô [Thì] Sĩ, hiến sát sứ Thanh Hoa, đem dâng sách ấy, triều đình hạ lệnh thưởng cho 30 lạng bạc.

Tháng 5, mùa hạ. Cấm thiện tiện bắt dân sở tại chạy trạm chuyển đệ văn thư.

¹ Nay thuộc tỉnh Lai Châu.

² Sách chép sự việc khi Trịnh Sâm chưa lên ngôi.

³ Sách Thiên nam dư hạ lục biên soạn năm Hồng Đức thứ 14. Xem thêm Chính biên quyển XXIII, tờ 40.

⁴ NT.

Lúc ấy, những nơi trạm đê văn thư, phần nhiều có sự thiện tiện bắt dân phu phải phục dịch, làm náo động cả nhân dân ở ven đường. Bèn hạ lệnh từ sau phải theo phép trạm đê. Nếu văn thư trong kinh phát ra thì dùng lính trong kinh chuyển đê, văn thư ngoài trấn phát ra thì dùng lính ở trấn chuyển đê, không được bắt dân sở tại một cách ngang trái.

Lời chúa-Phép trạm đê: Mỗi trạm có 10 lính trạm, một phó hiệu và hai đội ngựa, phàm công văn đi lại chuyển đê, từ Nghệ An qua Thanh Hoa, Sơn Nam đến kinh sư, từ kinh sư chuyển sang Kinh Bắc đến Lạng Sơn.

Hạn hán. Dân bị đói to.

Nghệ An và các trấn Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam giá gạo cao vọt, nhân dân đói khổ, một trăm đồng tiền không đủ một bữa ăn no. Trịnh Sâm lấy làm lo, triệu bầy tôi bàn định chính sách cứu đói: hạ lệnh cho quan trấn Nghệ An hiểu bảo dân trong hạt, ai nộp thóc sẽ được trao cho quan chức, để lấy số thóc ấy phát chẩn cho dân nghèo; ti Hiến sát các trấn dò hỏi sự đau khổ ở dân gian, cấm các tuần ti và bến dò đánh thuế ngang trái. Do đấy, việc buôn bán trao đổi không đình trệ, giá gạo dần dần giảm xuống. Lại hạ lệnh cho nhà giàu Thanh Hoa nộp thóc, đem chứa ở kho Nghệ An, sẽ liệu lượng phong cho quan chức có từng cấp bậc.

Tháng 6. Đem ruộng bỏ hoang ở Hương Sơn cấp cho dân Cao Châu bị phiêu tán.

Các động ở Cao Châu bị Duy Mật khống chế, dân bản thổ phiêu tán đi nơi khác, cùng đem nhau quy phụ với triều đình.

Bèn hạ chiếu đem ruộng bỏ hoang ở Hương Sơn cấp cho họ cày cấy.

Lời chúa-Hương Sơn: Tức Đổ Gia, xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 21).

Cao Châu: Tức Trịnh Cao, xem Bình Định Vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 9).

Tháng 7, mùa thu. Bên mặt trời có quầng như hình mặt trời.

Bổ dụng Phan Lê Phiên làm đốc trấn Cao Bằng.

Trước đây, bàn hội hợp quân sĩ đi đánh mặt tây¹, dùng Lê Phiên làm tán lý. Gặp lúc ấy, Nguyễn Trọng Hoàn, đốc trấn Cao Bằng, vì bòn rút của dân làm của riêng mình, bị dân trong châu cáo tố, bèn hạ lệnh bổ Lê Phiên làm đốc trấn. Trọng Hoàn không được yên tâm, việc cố có bệnh, xin từ chức. Nhân đấy, bổ Trọng Hoàn giữ chức tán lý mà dùng Lê Phiên thay làm đốc trấn Cao Bằng.

Đặt vệ binh ở Cao Bằng.

Mỗi châu đặt một vệ binh, mỗi vệ hai hiệu, châm chức theo phép vệ sở đặt ở ngoại trấn² từ năm Quang Thuận trước. Việc này là theo lời nói của Phan Lê Phiên.

Lời chúa-Phép vệ sở: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 2).

Sửa quán Trấn Võ.

Lời chúa-Quán Trấn Võ³: Nay ở xã Thụy Chương, huyện Vĩnh Thuận ngoài cửa Tây Bắc tỉnh Thành Hà Nội.

Tháng 8. Ánh sáng mặt trăng giao tiếp với ánh sáng Tuế Tinh.

Khởi phục Đoàn Nguyễn Thục giữ chức giám quân các đạo Thanh Hoa, Sơn Tây và Hưng Hóa.

¹ Tức Hoàng Công Chất, xem thêm tờ 15 trong cuốn này.

² Tức Yên Quảng, Cao Bằng, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn.

³ Ở góc phố Quan Thánh và đường Thanh Niên, nhìn ra Hồ Tây, thuộc quận Ba Đình, Hà Nội.

Nguyễn Thục vì có tang mẹ về nhà, triều đình đã hai lần khởi phục làm thêm đô ngự sử, đều cố từ chối. Gặp lúc ấy triều đình sai quân đi đánh Thanh Châu, nhân đấy, Nguyễn Thục xin tòng quân, vì thế mới có lệnh khởi phục ấy.

Tháng 10, mùa đông. Khôi phục lại số lấy đỗ ở Trường Thi Sơn Nam.

Theo thể lệ cũ, số lấy đỗ ở trường thi Sơn Nam: kỳ đệ tam lấy đỗ 1.000 người kỳ đệ tứ lấy 100 người. Khoảng niên hiệu Chính Hòa¹, vì học trò làm náo động trong trường thi, nên số lấy đỗ theo ngạch cũ bị rút bớt đi. Đến nay, học trò, trong trấn lại nhờ nội giám Phạm Huy Đĩnh trình bày xin giúp, Trịnh Sâm chuẩn y, hạ lệnh cho khôi phục lại ngạch cũ.

Lời chua-Rút bớt ngạch cũ: Số lấy đỗ kỳ đệ tam, kém ngạch cũ 200 người, kỳ đệ tứ kém ngạch cũ 20 người.

Bọn Dương Sử, quan chăm trường thi Nghệ An, vì có tội bị giáng chức.

Khoa thi Hương năm ấy, vì có người nói trường thi Nghệ An lấy tên Nguyễn Kỳ đỗ là quá lạm. Triều đình hạ lệnh thi lại, quả nhiên tên Kỳ không làm nổi bài, bỏ quyển giấy trắng. Bọn Dương Sử và Nguyễn Duy Thức giữ chức chăm thi tring thi viện, đều vì có lấy đỗ hoặc đánh hỏng không tinh tường, phải tội giáng chức.

Lời chua-Dương Sử: Người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1754) năm Cảnh Hưng.

Nguyễn Duy Thức: Người xã Vọng Nguyệt, huyện Yên Phong, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1763) năm Cảnh Hưng.

Kỷ Sửu, năm thứ 30 (1769). (Thanh, năm Càn Long thứ 34).

Tháng giêng, mùa xuân. Thống lĩnh đoàn Nguyễn Thục kéo quân vào Thanh Châu, bình định được động Mãnh Thiên.

Trước đây, Nguyễn Đình Huấn vâng lệnh đi đánh giặc Hoàng Công Chất, khi kéo quân đến Cổ Pháp, chần chừ không tiến quân, nhiều lần Trịnh Sâm sai người thúc giục, Đình Huấn bèn tiến quân đóng ở Việt Sơn, bắt dân cung cấp lương thực, dân đều trốn tránh, lòng bắt không được người nào, ngờ có quân mai phục, trong bụng càng sợ hãi, bèn bàn kế rút quân về. Bọn Phạm Ngô Cầu cũng phụ họa với lời bàn của Đình Huấn, tán lý Vũ Huy Đĩnh không sao quyết đoán được, chỉ có giám quân Đoàn Nguyễn Thục cố tranh cãi, cho là không nên rút quân.

Bọn Đình Huấn liền cho người phi ngựa đệ tờ khai nói: "Trong quân lương ăn không được kế tiếp, tiến thoái đều khó. Và lại quân sĩ nhiều người mắc bệnh, xin cho thuốc thang cứu chữa". Lúc ấy, Nguyễn Thục cũng làm tờ khai trình bày theo, nói rõ là Đình Huấn hiệu lệnh không thống nhất; khinh rẽ lẫn át tướng hiệu: buông lỏng cho quân lính đi cướp bóc; chần chừ không chịu tiến quân; tất cả mười việc.

Đương đêm, Trịnh Sâm nhận được tờ khai của Đình Huấn, đã có ý không bằng lòng, cho trệu các quan trong chính phủ vào bàn định, nghiêm khắc quở trách Đình Huấn. Tiếp đó lại thấy tờ khai của Nguyễn Thục, Trịnh Sâm nổi giận nói: "Ta vẫn biết Đình Huấn không thể dùng được, nay quả nhiên như thế". Lập tức hạ lệnh triệu Đình Huấn về, mà bổ Nguyễn Thục kiêm giữ chức thống lĩnh các đạo Sơn Tây, cầm quân thay Đình Huấn, lại đổi bổ Vũ Huy Đĩnh giữ chức giám quân, Nguyễn Trọng Hoành giữ chức tán lý.

Lúc ấy, nghịch Chắt đã mất, con là Công Toàn tự xưng là quốc công, thống suất đồ đảng vẫn chiếm cứ khu đất này. Nguyễn Thục sau khi đã thay làm tướng, quyết kế tiến đánh, cầm gươm ra lệnh cho tướng sĩ rằng: "Nếu người nào không theo mệnh lệnh, sẽ trông vào thanh kiếm này". Tướng sĩ không ai là không run sợ. Nguyễn Thục bèn tiến quân vào Thanh Châu, quân trẩy đến đâu không xâm phạm tơ hào gì của dân cả. Công Toàn giữ ở Thẩm Cô để kháng cự lại, các nơi xung yếu đều có đặt quân mai

¹ Chính Hòa (1680-1704) một niên hiệu triều Lê Hi Tông.

phục. Nguyễn Phục sai toán quân nhanh nhẹn sắc bén tiến lên trước đánh úp, tiếp đó sai toán quân mạnh khỏe theo đường tắt hợp sức cùng đánh, phá tan được quân địch. Công Toàn lòn chạy sang Vân Nam. Nguyễn Thục vào chiếm lấy thành, sai quan quân chia đường truy nã, bắt được quân nhu, khí giới và thóc lúa tích trữ không sao kể xiết, bèn sang phẳng cả thành, rồi kéo quân trở về.

Sau bàn công đánh dẹp: Nguyễn Thục tuy có công tiến đánh, nhưng sau khi hạ được thành, không lập tức đuổi theo, để nghịch Toàn chạy thoát được, nên chỉ được thăng hai bậc, trao cho chức tự khanh; Đình Huấn vì nhút nhát rút lui nên phải giáng chức và tước mất lộc binh dân. Còn các người khác đều căn cứ vào công hoặc tội, mà cho thăng chức hoặc truất giáng có từng bậc khác nhau.

Định thuế đất bãi.

Hạ lệnh cho quan trong ba ty ở các trấn đi khám thực, xem đất bãi nào hiện trồng được lúa, dâu, khoai, đậu, để định ngạch thuế.

Tháng 2. Miễn tô thuế năm nay cho trấn Hưng Hóa..

Nguyễn Thục lấy cớ rằng động Mãnh Thiên mới được bình định, nhân tình bày cách khu xử hơn mười việc. Đại lược nói: "Dân trong châu sau khi qua loạn lạc, số người xơ xác hao hụt, thị tộc người Man, người Nùng áo xanh phần nhiều nay đây mai đó theo tục di cư của họ, tù trưởng ở phiên trấn buông lỏng kỷ luật, lúc phụ thuộc vào nhà Thanh, lúc theo về nước Lào, không nhất định thuộc về nước nào cả. Vậy xin bàn luận rộng ơn thương dân, định lại điều lệ, để cho dân mười châu được biên tên vào sổ hộ khẩu nước ta mãi mãi". Trịnh Sâm hạ lệnh hết thảy các việc đều cho thi hành. Vì thế, hạ chiếu tha thuế tô năm nay cho các châu thuộc Hưng Hóa cùng người Nùng, các người Man ở Sơn Trang; lại tha những thuế còn thiếu; cấm hẳn việc thiên tiện mua phẩm vật, tha tội cho các tù trưởng và vẫn được làm thổ tù; binh lính bản thổ ở các châu thì liệu lượng suất số chia thành từng hiệu để điều tự giữ lấy đất đai. Một mặt, hạ lệnh cho viên quan ở trấn nghiêm cấm thổ tù không được theo thói cũ đánh cướp lẫn nhau, không được theo ý riêng nổi ngôi tù trưởng, không được thiên tiện giết hại thổ dân trong hạt. Lại cấm dân các châu châu Lai Châu, Luân Châu, Chiêu Tấn và Quỳnh Nhai không được bắt chước mặc kiêu áo người nhà Thanh và nộp tô thuế riêng biệt.

Tháng 3. Sâm truất ngôi hoàng thái tử Duy Vĩ, rồi bắt giam vào ngục.

Thái tử lúc còn nhỏ, thông minh, nhanh nhẹn, xem rộng sách Kinh, sách Sử, đối với sĩ phu rất lễ độ; thần dân không ai là không mến yêu thái độ, dung nghi. Trịnh Doanh rất trọng tài của thái tử, nên đem con gái trưởng là Tiên Dung quận chúa gả cho. Thái tử vẫn bức tức về nỗi nhà Lê mất quyền bính, khẳng khái có chí thu năm lấy quyền cương. Trịnh Sâm lúc lớn lên làm thế tử, đối với thái tử, hẳn vẫn ghen ghét về địa vị tài năng. Một hôm, thái tử và Sâm cùng ở phủ đường được chúa Trịnh ban cho ăn cơm và bảo cùng ngôi một mâm, lúc ấy vợ Trịnh Doanh là Nguyễn Thị ngăn đi và nói: "Thế tử, với thái tử có danh phận vua tôi, lẽ nào được ngồi cùng mâm? Nên phân biệt ngôi làm hai chiếu". Sâm đổi nét mặt, bước ra về, nói với người ngoài rằng: "Ta với Duy Vĩ hai người, phải một chết một sống, quyết không song song cùng đứng với nhau được".

Kịp khi Sâm nổi ngôi, bàn vụng với hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đĩnh định mưu truất bãi thái tử, nhưng không có lẽ gì buộc tội, bèn vu cho thái tử tư thông với người phủ thiếp của Trịnh Doanh, rồi đem tội trạng ấy tâu bày với nhà vua bắt thái tử giam vào ngục.

Trước đây, trong giếng Tam Sơn ở sau cung điện, bỗng nhiên có tiếng như sấm, thái tử e rằng tất xảy ra tai nạn, nói để nhà vua biết; nhà vua thường cầu đảo cho thái tử được thoát nạn. Đến nay, thái tử biết tin tai nạn phát sinh, vào ở tiếm điện của nhà vua. Huy Đĩnh trước hết vào tìm khắp trong đông cung, nhưng không thấy, bèn vào thẳng điện đình kể tội trạng thái tử và nói với nhà vua rằng: "Tôi nghe biết thái tử ẩn nấp trong tiếm điện của bệ hạ, xin bắt giao cho tôi". Nhà vua ôm mãi lấy thái tử, không nỡ ly biệt. Huy Đĩnh cứ quỳ mãi ở dưới sân. Thái tử tự nghĩ không thể nào thoát nạn được, vừa khóc vừa lạy trước mặt nhà vua, rồi rảo chân bước ra chịu trói. Khi đưa về phủ chúa Trịnh, Huy Đĩnh bắt thái tử trút mũ ra để nhận tội, thái tử không chịu, nói: "Bỏ vua này, lập vua khác, bạo nghịch giết vua, là việc làm đã quen của nhà bay, chứ ta có tội gì đâu? Việc này đã có sử xanh chép để ngàn đời!" Trịnh Sâm giả thác mệnh lệnh của nhà vua, truất thái tử làm thứ nhân, rồi giam vào ngục.

Lời phê-Một việc vô cùng thê thảm, đau đớn đến ngàn đời. Đọc Sử đến đây làm cho lỗ mũi người ta phải chua xót! Việc này cùng với việc phá tường để bắt Phục Hậu¹ cùng một cảnh đáng đau lòng. Lại đáng giận lúc ấy khanh tướng đây triều đình, mà không một người nào dám nói, chỉ có Nguyễn Lệ vì liên can mới phải tự tiết² mà thôi, như thế có thể trong triều lúc bấy giờ không có người nào ra gì cả. Đến cả Nguyễn Thị là mẹ Trịnh Sâm cũng không nói một lời để giải cứu, thế thì bụng dạ Nguyễn Thị ra thế nào? Thà rằng trước kia đừng phân biệt chỗ ngồi lại còn hơn³. Đem so sánh với Vũ Thị⁴ thì Nguyễn Thị còn kém nhiều lắm.

Lời chua-Giếng Tam Sơn: Nay ở sau điện Long Thiên thuộc tỉnh thành Hà Nội.

Nguyễn Thị, vợ Trịnh Doanh: Người xã Thịnh Mỹ, huyện Lô Dương, mẹ đẻ của Tiên Dung quận chúa.

Tháng 4, mùa hạ. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày.

Tháng 5. Sao Thiên Cầu xuất hiện, ánh sáng suốt bầu trời, có tiếng như sấm.

Lời chua-Mục "Thiên văn chí" trong Tiền Hán thư chép rằng: Sao Thiên Cầu hình dáng giống sao lớn đối ngôi. Mạnh Khanh nói: Sao Thiên Cầu có đuôi, bên cạnh có hình cái chổi, bên dưới có hình con chó, sao này cũng là tinh khí của sao Thái Bạch. Người xem thiên văn nói là triệu chứng phá quân, giết tướng. Chó là giống vật biết giữ nhà và chống kẻ gian.

Kén vệ binh ở bốn trấn.

Vì sắp dụng binh đánh Trấn Ninh, bèn hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm chiêu theo số ngạch lính năm Canh Thân (năm Cảnh Hưng thứ nhất, 1740) kén chọn lính để bổ sung, sẽ phân phối cho lệ thuộc vào đội ngũ, để phòng bị khi trưng dụng xuất quân).

Tháng 7, mùa thu. Sao Chổi xuất hiện.

Sao Chổi xuất hiện dài suốt bầu trời, đường đi chỉ về phương tây nam, 42 ngày mới lặn.

Tháng 8. Trịnh Sâm tự tiến phong làm thượng sư Tĩnh vương.

Sâm giả thác mệnh lệnh nhà vua, tự tiến phong làm đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng sư Tĩnh vương.

Lập Duy Cận làm hoàng thái tử.

Duy Cận là con thứ tư của nhà vua. Sau khi Duy Vĩ đã bị truất, Duy Cận ra vào phủ chúa Trịnh, tôn thờ mẹ Trịnh Sâm là thái phi Nguyễn Thị rất kính cẩn, Sâm tàu nhà vua xin lập làm hoàng thái tử.

Thanh Hoa có thủy tai lớn, đê Tây Hồ ở Lam Kinh bị vỡ.

Sâm sai tướng là bọn Bùi Thế Đạt đi đánh Trấn Ninh.

Trước kia, Duy Mật thì thọt ra vào vùng Sơn Tây và Thanh Hoa, sau vào Trấn Ninh, chiếm cứ thành Trình Quang, dần dần số người đông, của cải nhiều, kiêm tính các người Lào ở châu Quy, châu Trà, châu Cao, châu Hợp bắt họ phải phục dịch lệ thuộc vào mình, thế lực có phần cường thịnh. Trịnh Doanh nhiều lần sai quân đi đánh, nhưng vì chỗ ấy vừa hiểm trở vừa xa xăm, không thể nào đánh được. Lúc Trịnh Sâm mới lên ngôi, sai Nguyễn Mậu Dĩnh, tham nghị Nghệ An, đem sắc thư đi, nhưng không

¹ Cuối đời Tây Hán, Tào Tháo làm thừa tướng, uy quyền át cả vua. Phục hoàng hậu, vợ Hán Hiến đế, lập mưu giết Tháo, việc bại lộ, Tháo sai Hoa Hâm đem quân vào cung để bắt. Phục hậu đóng cửa lại rồi núp ở bức tường trong cung, Hoa Hâm phá cửa, đập đổ tường lòi ra. Phục hậu bảo Hiến Đế rằng: "Chà thế sống được để trông thấy nhau đâu!". Hiến Đế nói: "Tính mạng của tôi cũng chưa biết sống chết lúc nào đây!" (Tư trị thông giám quyển LXVII, tờ 2134).

² Xem thêm tờ 37 trong cuốn này.

³ Chỉ việc Nguyễn Thị không cho Trịnh Sâm được ngồi chung chiếu với Duy Vĩ.

⁴ Xem thêm chú thích số 1, Chính biên quyển XXXVIII, tờ 38.

được vào thành, phải trở về. Đến nay quyết kế dùng mưu đánh dẹp. Trước hết đem việc ấy bảo rõ cho binh lính biết, rồi sai Bùi Thế Đạt làm thống lĩnh Nghệ An, Nguyễn Phan làm chánh đốc lãnh Thanh Hoa, Hoàng Đình Thế làm đốc lãnh Hưng Hóa, điều động binh mã ba đạo đi đánh Trấn Ninh.

Lời chúa-Hoàng Đình Thế: Người xã Hà Thượng, huyện Hậu Lộc¹, đỗ tạo sĩ.

Sơn Tây, Thanh Hoa, Nghệ An, Hưng Hóa: Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 16, 18, 19 20-23, 27, 28, 30, 33, 35).

Quỳ Châu và Trà Châu: Đều xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 17, 20, 21).

Cao Châu: Túc Trịnh Cao, xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 9).

Quy Hợp: Xem Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chb. XVIII, 8).

Phủ Trấn Ninh: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30, 31).

Thành Trình Quang: Thuộc phủ Trấn Ninh.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Sâm bổ dụng Nguyễn Lệ và Lý Trần Thản giữ chức tả, hữu tư giảng, để dạy con là Khải (có một tên nữa là Tông).

Lời chúa-Lý Trần Thản: Người xã Lê Xá, huyện Duy Tiên², đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1769) năm Cảnh Hưng.

Tháng 12. Xã An Lệnh mưa ra máu.

Lời chúa-An Lệnh: Tên xã, xem năm thứ 22 ở trên (Chb. XLII,9).

Sét đánh núi Bia đá thuộc Phú Yên, sắc đá thay đổi hết.

Quãng núi Bia đá thuộc Phú Yên bị sét đánh, đá sắc đen đổi hết thành sắc trắng, đứng xa trông bia đá đứng sừng hình như vôi trắng. Duệ Tông Hiếu Định hoàng đế ta sai quan cầu đảo.

Lời chúa-Núi Bia đá: Ở phía đông huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Thế núi tròn và nhọn, đá đỉnh núi đứng sừng, sắc đen. Tương truyền Thánh Tông nhà Lê vào Nam đánh Chiêm Thành, mở đất đến đây. Trên vách đá cheo leo ở đỉnh núi, nhà vua sai mài sườn núi khắc chữ vào đá để làm chỗ chia giới mốc với Chiêm Thành, cho nên gọi tên là núi Bia đá.

Canh Dần, năm thứ 31 (1770). (Thanh, năm Càn Long thứ 35).

Tháng giêng, mùa xuân. Bùi Thế Đạt và Nguyễn Phan tiến quân đánh phá được Lê Duy Mật ở gò cao thành Trình Quang. Duy Mật tự gieo mình vào đồng lửa chết. Hạng Trấn Ninh được bình định.

Duy Mật giữ lấy chỗ gò cao thành Trình Quang, dựa vào hang hốc núi non làm kiên cố. Được tin quân ba đạo kéo vào, hẳn muốn cố chết giữ vững lấy thành, rồi cho toán quân lưu động lên ra đón đường chặn đánh làm cho quan quân mỏi mệt. Thế Đạt và Nguyễn Phan đốc suất quân hai đạo Thanh, Nghệ, bám sát sườn núi tiến vào, đánh phá ở các xứ Trình Ban và Bạ Xung, nhiều lần được thắng trận, nhân đấy tiến sát đến ngoài gò cao thành Trình Quang, chia ra đặt doanh trại. Duy Mật cho quân đóng yên một nơi không hành động, hai viên tướng chưa biết thực hư thế nào không dám cho quân tiến thẳng vào. Gặp lúc ấy, Hoàng Ngũ Phúc chiêu dụ được mẹ tên Lại Thế Thiệu là viên tướng của Duy Mật, Ngũ Phúc sai mẹ này viết thư dụ dỗ Thế Thiệu để làm nội ứng. Thế Thiệu là con rể Duy Mật, khi nhận được thư của mẹ, bèn nhị tâm với Duy Mật, hẳn ngầm khuyên đồ đảng là Lê Văn Bản mở cửa thành ngoài cho quan quân tiến vào. Khi quan quân đã vào, bèn bắc thang trèo lên bản vào trong thành, tiếng súng suốt

¹ Tỉnh Thanh Hóa.

² Tỉnh Hà Nam.

ngày đêm không ngớt. Duy Mật tự biết rằng đã vỡ lở ngay từ trong nhà rồi, liền tự tập vợ con, rồi tung lửa đốt để tự chết cháy.

Bọn Thế Đạt vào thành, thu thập được khí giới, ngựa, voi, và vàng lụa kể cả hàng vạn. Dùng thổ tù là Lư Cầm Uẩn, Lư Cầm Khâm làm chánh xà và phó xà¹ để giữ đất ấy. Trấn Ninh hết thầy đều bình được.

Sau bàn luận công đánh dẹp, gia phong Bùi Thế Đạt làm đại tư đồ, Nguyễn Phan làm thái tử, Hoàng Đình Thế làm thiếu bảo; còn tán lý, tham mưu, giám quân và tướng hiệu đều thăng thưởng có từng cấp bậc khác nhau.

Trước đây bàn định việc dùng quân đánh Trấn Ninh, các quan trong ngoài đều cho là khó, vì chỗ ấy vừa hiểm trở vừa xa xăm, chỉ một mình Trịnh Sâm đoán trước là tất thắng, cho nên mưu mô đánh dẹp đều do Sâm vạch ra, thành thử cuối cùng mới có thể thu được toàn thắng. Nhưng cũng về việc thắng trận này mà mới sinh ra lòng thích đánh dẹp, khinh thường việc dùng binh lính.

Lời chua-Lại Thế Thiều: Người xã Quang Lãng, huyện Tống Sơn, con cháu công thần Lại Thế Cường.

Lê Văn Bản: Người xã Xuân Dương, huyện Yên Khánh.

Động Trình Ban: Thuộc châu Mai Sơn, Hưng Hóa.

Động Bàn Xung: Thuộc phủ Trấn Ninh, Nghệ An.

Tháng 3. Bãi binh lính tứ trấn về làm ruộng.

Vì có đã bình định được Trấn Ninh.

Mồng một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Kén lính Thanh, Nghệ.

Lúc bắt đầu trung hưng, ngạch lính hai xứ Thanh, Nghệ, cứ ba suất đình lấy một người, khoảng năm Bảo Thái giảm nhẹ đi, cứ năm suất đình lấy một người², sau lại cứ ba suất đình lấy một³. Tiếp đó hàng năm số hộ khẩu nơi tăng nơi giảm không nhất định, viên quan có trách nhiệm cứ theo định ngạch để bắt lính sung bổ, nặng nhẹ không đều, rồi sinh ra sự đòi lính bỏ trốn, bắt lính còn thiếu số, không ngày nào yên. Dân gia bị điêu tàn, không có người để điền thế, số quân trong sổ mỗi ngày mỗi hao hụt. Các quan giữ công việc trong chính phủ xin phái quan đi khám xét tình thực để lấy lính sung bổ một cách công bình. Triều đình bèn sai Bùi Thế Đạt, trấn thủ Nghệ An, khám xét bổ sung binh lính trong hạt mình cai quản; quan trong kinh là Lê Quý Đôn, Đoàn Nguyễn Thục đi khám xét để bổ sung lính Thanh Hoa.

Tháng 10, mùa đông, Trịnh Sâm tự gia phong làm thượng sư thượng phụ, duệ đoán văn công võ đức Tĩnh vương.

Sâm tự nhận là công đức ngày càng lừng lẫy, bèn giả thác mệnh lệnh nhà vua tự tiến phong là đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng sư thượng phụ, duệ đoán văn công võ đức Tĩnh vương.

Tháng 12. Định phép đánh thuế tơ và muối.

Theo chế độ cũ, hiệu tả giáp, tả ất (thuộc tả trung cung) giữ về việc tơ, thu thuế tơ để cung cấp vào việc may nhung phục, mà không đánh thuế đất bãi; thuế muối thì không căn cứ vào số ruộng, chỉ thu thuế những bếp hiệu nấu muối. Sau, tơ sống để tích lũy lâu ngày, mục nát không sao dùng được, mà dân gian bỏ thiếu cũng nhiều; về các hộ nấu muối thì nhà giàu nhà nghèo không đều, họ đem tình tệ riêng tố khổ lẫn nhau; lại có khi một thửa ruộng mà hai lần thu thuế muối, tảo đình không sao chịu nổi

¹ Xà tức xà bồn xà nói tắt, tục dân Man gọi người tù trưởng là xà. Xem thêm lời chua của Cương Mục Chính biên quyển XXXIV, tờ 48.

² Thi hành năm Bảo Thái thứ 2 (1721) xem thêm Chính biên quyển XXXV, tờ 40.

³ Thi hành năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) xem thêm Chính biên quyển XXXVIII, tờ 22.

sự nặng nề, viên trưng phủ (tên quan) sớm tối thúc giục mà mười phần không thu được một phần. Đến nay, bàn xá hết số còn bỏ thiếu lâu ngày của hai hạng thuế ấy. Từ nay, về thuế tơ thì cho thì cho chiết nạp theo số dật, diêm hộ thì căn cứ vào số ruộng hiện làm muối để thu thuế. Hộ phiên không đánh thuế thổ sản nữa.

Lời chúa-Số dật: Sách Mạnh Tử tập chú chép mỗi dật 24 lạng. Trinh Khang Thành nói mỗi dật 30 lạng. Lại Sử ký chép từ nhà Hán trở về trước dùng dật để định bản vị loài kim. từ nhà Hán trở về sau dùng cân để định bản vị loài kim, mỗi dật 24 lạng, mỗi cân 16 lạng.

Thuế tơ: Tơ trắng mỗi dật nộp thuế 5 tiền; tơ vàng mỗi dật nộp thuế 3 tiền 20 đồng.

Thuế muối: Ruộng muối công mỗi mẫu nộp thuế 8 tiền; ruộng muối ở ngoại đê mỗi mẫu nộp kém đi 2 tiền; ruộng muối tư mỗi mẫu nộp 3 tiền.

Tân Mão, năm thứ 32 (1771). (Thanh, năm Càn Long thứ 36).

Tháng giêng, mùa xuân. Định Phép thay đổi cho các viên phủ, huyện đã mãn hạn khảo công.

Định phép: Các viên phủ, huyện tại chức đủ 6 năm là một kỳ hạn.

Lại hạ lệnh: Những phủ hoặc huyện trước kia cho kiêm lý, nay lại chia ra cai trị như cũ.

Trước đây, các phủ, huyện hoặc hợp lại hoặc giảm bớt đi, mà cho các phủ huyện tiếp cận kiêm lý¹. Dân gian cho đó là việc mới đặt ra có ý không thích. Các quan trong chính phủ bàn định, lấy cơ rằng gần đến khoa thi hương, nên chiếu theo vị trí các phủ huyện đã chia đặt từ trước để tiện việc khảo hạch học trò. Trịnh Sâm y cho; duy các châu, huyện ven núi thuộc ngoại trấn vẫn cho kiêm lý.

Tháng 3. Thổ quan châu Tư Lăng nhà Thanh trả lại đất châu Lộc Bình.

Lúc ấy, dân thổ châu Tư Lăng, tranh chiếm địa giới xã Tĩnh Gia thuộc châu Lộc Bình. Triều đình hạ lệnh cho Phạm Đồng Viện, đốc đồng Lạng Sơn, sai người đi phân giải. Quan châu Lộc Bình bèn trả lại đất ấy, sau đó lại đem dâng ngựa để tạ lỗi.

Lời chúa-Phạm Đồng Viện: Người xã La Đồi, huyện Thanh Lâm², đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Tĩnh Gia: Tên xã, thuộc châu Lộc Bình, Lạng Sơn.

Châu Tư Lăng: Thuộc tỉnh Quảng Tây, nhà Thanh.

Trịnh Sâm cho dời trấn lỵ Thanh Hoa đến xã An Lãng.

Sâm lấy cơ rằng phủ An Trường là nơi cội gốc, mà địa phận An Lãng tiếp giáp với An Trường, nên hạ lệnh dựng lỵ sở của trấn Thanh Hoa ở đây để cai trị.

Lời chúa-Phủ An Trường: Xem Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

An Lãng: Tên xã, thuộc huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hoa.

Các huyện Kim Động, Nam Xang và Hoài An mưa ra đất.

Lời chúa-Kim Động: Tên huyện, thuộc tỉnh Hưng Yên.

Nam Xang: Xem Anh Tông, năm Chính trị thứ 3 (Chb. XXVIII, 15).

¹ Xem thêm tờ 11, 12 trong cuốn này.

² Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Hoài An: Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Tháng 4, mùa hạ. Nước Nam Chường sang cống nạp.

Nam Chường là một bộ lạc của Nam Chiếu xưa, từ nhà Minh trở về trước gọi là Đại Man, đến nhà Thanh mới phong làm một nước. Đất nước này phía đông nam giáp Hưng Hóa, phía tây qua tây qua Nam Giang đến Tiêm La, phía bắc qua Mường Lự thông sang Vân Nam. Từ trước, nước này chưa cống nạp nước ta, đến nay mới thông hiểu.

Lời chua-Nam Chường: Theo Thông giám tập lãm thì Nam Chường tức Man Lão Qua xưa, phía đông nam tiếp giáp địa giới nước ta.

Khảo duyệt các quan phủ và huyện.

Bọn Nguyễn Nghiễm, giữ chính quyền trong phủ chúa Trịnh, dâng tờ khai nói: "Chức trách thú lệnh rất là gần dân, nếu không dùng được người tốt, thì dân sẽ bị tai hại. Ít lâu nay bộ Lại cất nhắc bổ dụng, chỉ dựa vào tư cách, vào năm tháng làm việc và công lao, không xem xét người ấy tốt hay xấu; đến việc trao chức cho các viên tá nhị nhị lại càng bừa bãi rồi ren, do đấy mà quan lại làm việc chưa được trong sạch. Vậy từ nay xin khảo duyệt kỹ lưỡng hơn, chỉ cốt chọn lấy người nào tư cách và đường xuất thân cùng xứng đáng, lời nói và việc làm đều có thể thu dụng được, rồi định rõ kỳ hạn nhất tề hợp tập để xét thực, bấy giờ sẽ cho đi nhận chức". Trịnh Sâm y cho. Từ đấy phàm có cất nhắc bổ dụng các viên phủ, huyện, trước hết bộ Lại sát hạch, rồi đệ lên quan chính đường xét duyệt lại, mới cho đi nhận chức. Việc cất nhắc bổ dụng có phần cẩn thận được đôi chút.

Tháng 6. Dựng chùa Tiên Tích ở ngoài cửa Đại Hưng.

Lời chua-Chùa Tiên Tích: Nay ở thôn Nam Ngự, tổng Vĩnh Xương, huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội¹.

Mông một, tháng 9, mùa thu. Nhật thực.

Bổ dụng. Lê Quý Đôn làm tả thị lang bộ Công, quyền giữ chức đô ngự sử.

Trước kia, Quý Đôn làm phó đô ngự sử, thường dùng số bạc đúc lót trong khi xét kiện để dâng chúa Trịnh, bèn được thăng chức Hữu thị lang bộ Hộ. Đến nay, nhân khi khám xét hạt Thanh Hoa trở về, lại dâng hơn một ngàn lạng bạc đã ăn của đúc, nên do chức Hữu thị lang bộ Hộ thăng lên chức này.

Quý Đôn lại trình bày bốn việc: 1. Cống sĩ thi hội trúng được kỳ đệ tam phần nhiều xin lạm sắc nội hoàng gia ơn, nhày qua tư cách trao chức vượt bậc. Xin xét thực, bắt trở về bậc cũ; 2. Hiến sát phó sứ và tham nghị là người có chuyên trách ở một địa phương, thế mà ít lâu nay những bọn cầu may để làm quan phần nhiều không do các quan trong triều đường bảo cử, chỉ lén lút cầu cạnh để được dự vào sự bổ dụng. Xin thu hồi lệnh trước, mà cho các quan trong triều đường bảo cử theo như lệ cũ; 3. Đất bãi ở các lộ xin phái các quan chia nhau đi khám lại; 4. Những dân xã ở các lộ, trước đây phụng mệnh được miễn trừ, gần đây vì chép lại sổ sách, rồi sinh ra sự thay đổi thêm bớt gian trá. Xin sai tín thần² xét thực để chỉnh đốn lại cho được đúng". Trịnh Sâm cho là phải lẽ cả, lập tức hạ lệnh thi hành.

Lời phê-Chỉ có tiếng mà không có thực, thì trước kia tự trình bày tội lỗi của mình, chẳng qua cũng chỉ vì nóng ruột muốn nhày lên quan to mà thôi³.

Lời chua-Nội hoàng: Ý nói sắc mệnh của trăm quan, nếu do nội điện vua Lê cấp phát thì giấy viết sắc dùng giấy màu vàng, nếu do phủ chúa Trịnh cấp phát thì dùng giấy lệnh trắng, cho nên sắc ở nội điện gọi là nội hoàng.

Thể lệ triều đường bảo cử: Trước đây các chức Hiến sát phó sứ và tham nghị có thể lệ phải do các quan triều đường bảo cử. Từ khi Phạm Bá Ứng, Hiến sát sứ Nghệ An,

¹ Hiện nay chùa Tiên Tích hầy còn, ở gần ga Hàng Cỏ, đường Lê Duẩn Hà Nội.

² Tức hoạn quan.

³ Chỉ việc Lê Quý Đôn có tiếng là người thông minh, đỗ đến bảng nhãn, mà lấy bạc đúc lót của dân dâng chúa Trịnh. Xem thêm Chính biên quyển XLII, tờ 27.

vì hà khắc những nhiều bị bãi chức. Trịnh Sâm bèn hạ lệnh từ đày các quan triều đường không được bảo cử.

Dân xã được miễn trừ: Dân ở các xã, hoặc có người vì trung nghĩa, hoặc có người am hiểu công việc làm thợ ở các cục, được miễn trừ đi lính và đao dịch.

Tháng 11, mùa đông. Ngô [Thì] Sĩ, tham chính Nghệ An, vì có tội, bị bãi chức.

Trước đây, Trịnh Sâm nổi ngôi, người ta phao truyền câu sấm, nói Hoàng Ngũ Phúc có ý mưu toan làm sự trái phép. Sâm lấy làm ngờ.

Lúc ấy, Nguyễn Lệnh Tân nhà ở Tây Hồ, một hôm, triều sĩ hội hợp rồi bơi thuyền cùng vịnh thơ với nhau. Bài thơ của Ngô [Thì] Sĩ có câu "Tình vũ cánh nghi chu"¹, câu này ý nói về phong cảnh trong hồ, sau có người đổi ra là "Thảo mộc khùng phi Chu"², rồi đề đạt bài thơ ấy lên Trịnh Sâm. Trong phủ Trịnh Sâm lại thường nhận được thư nặc danh, xưng là triều sĩ dâng biểu, nói cần phải đề phòng Ngũ Phúc, bên ngoài người ta nói sai đi rằng "triều sĩ" tức là "Ngô Sĩ". Do đấy, Ngũ Phúc để tâm căm giận. Gặp lúc ấy, học trò trường Nghệ An khiếu tố về việc hai ti [Thừa chính và Hiến sát] khảo hạch không công bằng, vì thế triều đình bàn luận bãi chức Ngô Sĩ. Nhân đấy Ngũ Phúc luận tội thêm vào bốn chữ "hoàn dân thụ dịch"³. Từ trước đến nay, hạng văn thần phạm tội công, chưa có ai đến phải bãi chức [nay Thì Sĩ phải bãi chức], nên người ta đều ghét Ngũ Phúc là người nham hiểm độc ác.

Lời chua-Nguyễn Lệnh Tân: Người xã Phù Nguyên⁴, huyện Thụy Nguyên, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1763) năm Cảnh Hưng.

Tây Hồ: Có một tên nữa là Lăng Bạc. Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 11).

Tháng 12. Sâm giết thái tử cũ là Duy Vĩ và điện tiên hiệu điểm Nguyễn Lệ.

Sau khi thái tử đã bị giam, Sâm muốn giết đi, nhưng chưa tìm được chỗ sơ hở. Đến nay, Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đĩnh nhờ người khác tố cáo vu ra rằng "bọn Trần Trọng Lâm và Nguyễn Hữu Kỳ cùng với bọn gia khách của thái tử là cống sĩ Vũ Bá Xưởng và tự thừa Lương Giản định mưu dấy quân, để cướp lấy thái tử ra khỏi ngục". Rồi Huy Đĩnh đem việc ấy nói cho Sâm biết. Sâm hạ lệnh bắt đem trị tội. Lương Giản trốn. Bá Xưởng bị bắt, tra tấn nghiêm ngặt, lời cung của Bá Xưởng liên can cả đến Nguyễn Lệ. Lệ nói: "Thái tử là người sẽ nối ngôi vua sau này của một nước, nay không có tội gì mà bị giam cầm nhục nhã, thì định mưu cướp lấy thái tử đem ra là một việc nghĩa, nhưng thực tình tôi không được dự biết việc ấy. Nay nếu bức bách về sự khảo tả mà thú phục xằng, thì không phải là người có dũng khí, việc không mà nói có, thì không phải là người có nghĩa. Và lại, việc này bảo là Lệ này tự định mưu, họa chẳng còn có lý, chứ thái tử ở trong nhà giam, đến vợ con cũng không được ra vào, thì Lệ này từ đâu để yết kiến thái tử mà cùng nhau mưu tính được? Bây giờ chỉ có việc chết mà thôi, chứ Lệ này chả biết nói gì cả!" Nguyễn Lệ bị khảo đả, nát hết da thịt mà vẫn không thay đổi lời khai. Huy Đĩnh tự dựng thành bản án dâng lên. Sâm sai Huy Đĩnh thắt cổ giết thái tử, lại giết cả bọn Nguyễn Lệ và Bá Xưởng nữa. Sau hạ lệnh thu lấy sắc mệnh của Trần thụ là hoàng hậu đã mất và là mẹ đẻ thái tử; các con thái tử là Khiêm, Trù và Chi đều bắt đem giam cầm ở ngục Đê Lãnh.

Lời chua-Duy Khiêm: Sau đổi là Duy Kỳ, tức Mẫn đế [Chiêu Tông].

Duy Trù và Duy Chi: Sau đều bị giặc Tây Sơn giết.

Nguyễn Lệ: Người xã Thận Vi¹, huyện Thượng Nguyên.

¹ Câu này ý nói phong cảnh Hồ Tây, dù trời nắng hay mưa, lúc nào cũng đáng bơi thuyền để thưởng ngoạn.

² Câu này nghĩa đen: e rằng cỏ cây không phải của nhà Chu nữa. Chữ "thảo mộc" dùng nghĩa rộng là giang sơn đất nước, là nhân dân. Chữ Chu câu trên là "cái thuyền", cùng một âm với chữ Chu câu dưới là "nhà Chu" (một triều đại cổ Trung Quốc). Vì trong câu thơ có chữ "Chu", nên người hiểu sự mới xuyên tạc ra chữ "chu" là "nhà Chu" để nói bóng về nhà Trịnh.

³ Trở về dân chịu đao dịch.

⁴ Nay thuộc tỉnh Thanh Hoa.

Vũ Bá Xưởng: Người ở Đan Luân, huyện Đường An².

Lương Giản: Người xã Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn³.

Điện tiền hiệu điểm: Giữ việc quản lãnh cấm quân trong cung Thái tử.

¹ Thận Vi: nay là xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

² Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

³ Nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 44

Từ Nhâm Thìn, Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 33 (1772) đến Bính Thân, năm Cảnh Hưng thứ 37 (1776), gồm 5 năm.

Nhâm Thìn, năm [Cảnh Hưng] thứ 33 (1772). (Thanh, năm Càn Long thứ 37.

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Ai Lao đến cống nạp.

Lời chúa-Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9, 10).

Mồng một, tháng 3. Nhật thực.

Khởi phục Nguyễn Nghiễm lại vào châu giữ chức tham tụng.

Mùa đông năm trước, Nguyễn Nghiễm lấy địa vị thượng thư bộ Hộ, giữ chức tham tụng, viện lệ thôi làm quan. Triều đình hạ chiếu cho thăng chức đại tư đồ, sai quan hộ vệ đưa về tận làng. Nay Trịnh Sâm nhận thấy Nghiễm là người có tài, bèn khởi phục bổ dụng.

Sai Lê Quý Đôn đi dò hỏi tình trạng dân Lạng Sơn.

Vũ Trần Thiệu đến cửa Nam Quan chờ nhận mệnh lệnh [nhà Thanh], khi trở về triều, nói hạt Lạng Sơn dân gian bị đau khổ. Triều đình bèn hạ lệnh cho Lê Quý Đôn đi xét hỏi. Nhân đấy, Quý Đôn trình bày tình trạng hà khắc những nhiễu của viên đốc trấn Lê Doãn Thân. Doãn Thân phạm tội, bị bãi chức.

Lời chúa-Trần Thiệu: Nguyên tên là Trần Tự, người phường Đại Lợi, huyện Thọ Xương¹, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông.

Doãn Thân: Người xã Đại Mão, huyện Siêu Loại², đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748) năm Cảnh Hưng.

Lạng Sơn: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 35).

Tháng 5, mùa hạ. Bãi bỏ lệnh cấm nhân dân biên trấn tàng trữ binh khí.

Chế độ cũ, cấm dân gian tàng trữ binh khí riêng. Đến nay, Hoàng Đình Thế, lưu thủ trấn Hưng Hóa dâng nói: "Đất nơi biên viễn, binh lính do ở nông dân mà ra. Và lại, binh khí do dân chế tạo, họ đều tự dùng để chống giữ, nay nhất luật cấm chỉ, e rằng bọn giặc cướp sẽ nhân chỗ sơ hở mà cướp bóc, thì không có gì phòng bị được". Vì thế, các ngoại trấn nơi biên viễn, đều bãi bỏ lệnh cấm trước. Duy trấn Yên Quảng vẫn theo lệnh cấm như các nội trấn.

Lời chúa-Lệnh cấm tàng trữ binh khí: Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10, cấm nhân dân trong nước tàng trữ binh khí (Chb. XXI, 14).

Tháng 6. Trần Huy Mật, thượng thư bộ Lại, bị giáng chức làm thượng thư bộ Công.

Huy Mật châu chức ở Kinh Diên, được nhà vua quý trọng, đem công chúa gả cho hắn tên là Hựu, nhưng Trịnh Sâm có ý ghét.

¹ Tỉnh Thanh Hóa.

² Nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Trước đây sắc mệnh nội hoàng ban ơn nhiều đến hơn ngàn người. Lê Quý Đôn nhân nói về việc này. Sâm bèn sai Quý Đôn cùng Nguyễn Đình Huấn tra xét, rồi lấy cớ là Huy Mật không biết sửa chữa công việc cho đúng đắn, nên Huy Mật can tội bị giáng chức.

Lời cần án-Quan chế triều cổ Lê, các quan trong kinh, về hàng đô ngự sử và tả thị lang, nếu người nào tại chức lâu năm mà có tư cách, đức vọng và chính trị, thì được thăng chức thượng thư trong ba bộ: bộ Binh, bộ Hình hoặc bộ Công, rồi chuyển lên thượng thư ba bộ: bộ Lại, Bộ Hộ hoặc bộ Lễ. Phẩm trật thượng thư trong sáu bộ đều tòng nhị phẩm, nhưng về chế độ bổng lộc thì thượng thư bộ Công lại kém một bậc, bổng lộc được cấp theo trật chánh tam phẩm (tòng nhị phẩm bổng lộc cả năm 62 quan, chánh tam phẩm bổng lộc cả năm 56 quan). Vì thế, từ bộ Lại chuyển sang bộ Công gọi là giáng chức.

Lời chua-Nội Hoàng: Xem năm thứ 32 ở trên (Chb. XLIII, 35).

Tháng 7, mùa thu. Mặt trời có quầng hiện ra ba vòng, sắc xanh, trắng và đỏ.

Tháng 9. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày.

Quý Ty, năm thứ 34 (1773). (Thanh, năm Càn Long thứ 38).

Tháng 3, mùa xuân. Bỏ dụng Nguyễn Lê, phó đô ngự sử, sung làm đồn điền sứ ở phủ Trường An.

Phủ Trường An, ruộng biển mỗi ngày một mở mang, chất đất màu mỡ ưa cấy lúa. Triều đình hạ lệnh cho Nguyễn Lê xem xét địa thế, đắp đê ngăn nước mặn, mộ dân làm đồn điền nộp thóc. Nhân đấy, dựng kho ở Dục Thúy để chứa.

Lời chua-Trường An: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Núi Dục Thúy: Xem năm thứ 24 ở trên (Chb. XLII, 16).

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán, có người bị chết nắng.

Tháng này hạn hán dữ dội, đầm hồ điều khô cạn, người đi đường có người bị chết nắng. Sâm hạ lệnh cho bày tội bàn luận tìm xét những chính trị thiếu sót; miễn cho dân tiền thuế gia tô, xá những thuế còn để thiếu lâu ngày, bãi việc xây dựng, xét hình ngục; lại hạ lệnh cho các trấn ti trình bày sự đau khổ của dân. Qua ngày hôm sau mưa to như dội nước xuống. Sau đó ban bố bảy điều nghiêm cấm trong kinh và ngoài trấn: 1. Lính đồn không được đánh thuế người buôn bán; 2. Nhân dân không được tố cáo ruộng ẩn lậu; 3. Người cai quản không được đòi hỏi khám xét kiện tụng; 4. Nhà quyền thế không được chiếm bậy ruộng của dân; 5. Án nhân mạng không được hòa giải riêng với nhau; 6. Đê đường không khuyết liệt, đất bãi không bồi ra hoặc lở đi thì không được nhất luật khám xét đo đạc; 7. Chợ và bến đò, nếu chỗ nào trước kia không có thể lệ thu thuế, không được đánh thuế trái phép. Bảy điều trên này là theo lời tâu bày của các trấn ti.

Bỏ dụng hoạn quan Phạm Huy Đĩnh giữ chức thự phủ sự, Lê Quý Đôn vào châu giữa chức bồi tụng.

Trước kia, Trịnh Sâm ở Lượng Phủ, Huy Đĩnh rất được Sâm yêu, Quý Đôn lén lút giao kết chặt chẽ, Huy Đĩnh dắt díu Quý Đôn cùng làm việc, Quý Đôn lại càng thân mật với Huy Đĩnh. Phàm những việc dùng để xén bớt ức chế nội điện¹, không việc gì không làm, nên người ta đều sợ khí thế quyền lực của Quý Đôn.

Chế độ hồi đầu triều Lê: hàng tháng, ngày mồng một và ngày rằm, cử hành lễ thường triều, trăm quan chiếu theo ban thứ vào châu bá yết. Từ khi Trịnh Sâm chuyển giữ quyền chính trong nước, hạ lệnh cho phủ liêu và Ngự sử đài, cứ ngày mồng một hàng tháng vào phủ chúa bàn định công việc, gọi là "nhập các". Đến lúc Quý Đôn được vào giữ chính quyền trong phủ chúa, hễ đến ngày mồng một, ngày

¹ Chỉ triều đình Vua Lê lúc bấy giờ.

rằm, các quan văn, võ thường thoái thác có bệnh cáo nghỉ, nên lễ thường triều chỉ có hoàng tử cùng bày tôi nội điện vào châu bát yết mà thôi, còn các quan không ai đến cả.

Hạ lệnh xét những người giả mạo nhận lạm quân công.

Từ năm Vĩnh Hựu (1735-1739) dùng quân đánh dẹp đến nay, nhân dân nhiều người mạo nhận quân công, được vượt bậc trao cho chức quan cao quý, thành ra ở dân gian số chức sắc ngang với số bạch đình, người thật người giả rối loạn không phân biệt được, tệ tập gian trá dần dần lan rộng. Triều đình nhiều lần bàn định hạn chế bớt đi, nhưng chưa thể thi hành được. Đến nay, hạ lệnh tra xét kỹ càng để chỉnh lý lại, những người có quân công thì căn cứ vào quan tịch cấp trả lại văn bằng, ngoài ra, người nhân sự cầu may mạo nhận cáo sắc đều thu lại tiêu hủy. Trong số người được cấp văn bằng, mười phần chỉ còn lại hai ba phần.

Tháng 5. Khởi phục Nguyễn Bá Lân giữ công việc bộ Lễ.

Trước kia, Bá Lân vì già yếu, xin từ chức, Trịnh Sâm nhận thấy Bá Lân là bày tôi cũ triều trước, am hiểu tình tường về điển lệ cũ, nên cho vẫn ở nhà tận kinh thành để phòng khi hỏi han đến. Nay lại khởi phục bổ dụng.

Định rõ lệnh cấm đúc tiền vụng trộm.

Người nào tố cáo người đúc tiền trộm, mà xét ra là sự thực sẽ được thưởng chức hai tư.

Làm lại sổ hộ tịch.

Trịnh Sâm nhận thấy trong nước đã đi đến thái bình, sổ hộ khẩu ngày thêm nảy nở, muốn xét thực số đình để sửa đổi lại ngạch đình trong sổ, Quý Đôn lại ra sức tán thành. Sâm bèn hạ lệnh các đại thần bàn định phép làm sổ. Sâm nói: "Nhà nước lúc bắt đầu trung hưng, chiếu theo phép cũ, ba năm một lần làm sổ hộ; năm Cảnh Trị, mới lập ra phép bình lệ¹ không tính số đình tăng lên hay sút đi, phép ấy thi hành hơn 50 năm, phần nhiều sai suyễn; năm Bảo Thái tiếp tục làm sổ² cũng chỉ dựa theo ngạch cũ, rồi sau không kể tiếp sửa lại, đến nay lại đã hơn 50 năm rồi. Bây giờ nên cân nhắc phép đời trước, chăm chú việc ngày nay, tham khảo mọi mặt định thành điều lệ, xét thực số nhân đình, sửa đổi lại sổ hộ, cho phép dân được tự liệu lượng nhân khẩu mà chịu số hộ, để cho đủ ngạch trong sổ". Vì thế hạ lệnh cho Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Phương Đĩnh và Lê Quý Đôn giữ công việc này. Nhưng Nguyễn Nghiễm và Phương Đĩnh chỉ làm cho đủ chức vị mà thôi, mọi công việc đều do Quý Đôn chủ trương hết. Quý Đôn kê cứu tra xét quá nghiêm khắc, nhân dân đều nghiến răng căm hờn, họ làm thư nặc danh dán ở cửa phủ chúa Trịnh xin bãi bỏ Quý Đôn đi mà dùng Ngũ Phúc, lời lẽ trong thư rất là khích thiết. Nhân dân, Trịnh Sâm thay đổi mệnh lệnh, cho Ngũ Phúc cùng Quý Đôn đều giữ công việc đôn đốc làm sổ. Ngũ Phúc xin thi hành theo điều lệ đời Cảnh Trị, đại để có nơi tăng, có nơi giảm, có nơi bình bổ vẫn như cũ. Số dân đình hơi kém với ngạch đình năm Bảo Thái, dân cũng cho là thuận tiện.

Quý Đôn lại cùng Phạm Huy Đĩnh tra xét vùng ven biển thuộc lộ Sơn Nam hạ, trích ra được hơn chín ngàn mẫu ruộng lậu thuế, đều đăng ký vào ngạch thuế bắt phải chịu tô. Nhân dân phần nhiều ta oán.

Lời chua-Sổ hộ: Phép tuyển duyệt đời cổ Lê, từ khoảng năm Hồng Đức (Lê Thánh Tông) đến Vĩnh Thọ (Lê Thần Tông) kế tiếp làm sổ hộ, ba năm một lần tiểu tạo, sáu năm một lần đại tu, triều đình phải quan đi duyệt tuyển dân đình, hạ lệnh cho các xã thôn kê khai hộ chính đình và hộ trú ngụ, chia ra các hạng tráng, hạng quân, hạng lão, hạng cố (người không có sản nghiệp, phải đi làm thuê), hạng cùng (đàn ông không có vợ, đàn bà góa chồng, trẻ mồ côi, người trợ trợ một mình, những người này không nương tựa vào đâu được); còn hạng lão nhiều, đốc tặc, biệt tinh (người được miễn trừ đao dịch) và phiêu lưu thì để ngoài sổ; dân đình đến tuổi trưởng thành thì biên tên vào sổ; người ngụ cư thì biên vào sổ phụ. Mỗi xã làm bốn bản sổ; một bản dâng lên triều đình, một bản nộp bộ Hộ, một bản đệ ti Thừa chính ở trấn và một bản để nộp ở huyện. Phàm những việc đánh thuế, tuyển lính đều kê cứu vào sổ này. Đến

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 29.

² Xem thêm Chính biên quyển XXXVI, tờ 19.

khoảng năm Cảnh Trị (Lê Huyền Tông) triều đình thấy việc duyệt tuyển phiền phức, có ý chán nản, mới sai các quan chia nhau đi khám thực, thông tính nhân đinh điền sản các xã rồi liệu lượng quân bổ suất số, lập làm phép "bình lệ", từ sau người sinh ra không tính, người chết đi không trừ.

Nghiêm định rõ điều luật lính trốn.

Binh lính hai xứ Thanh Nghệ phần nhiều bỏ trốn, thiếu ngạch, bèn sai quan đi tra xét nã bắt. Trịnh Sâm hạ lệnh cho quân và dân hai xứ, đại lược nói: "Triều trước rộng tha dao dịch thuế khóa cho hai xứ, để nộp lính sung vào việc binh nhưng, làm nanh vuốt của nước. Thế mà ít lâu nay, những người đã có tên thuộc vào sổ lính phần nhiều bỏ trốn, những xã còn thiếu ngạch lính trong sổ ít có xã chịu bổ sung, dân ngang ngạch trốn tránh cầu thả, tập thành thói quen! Nay ủy cho viên đại thần giữ việc đốc thúc các quan ở trấn tra xét nã bắt, xã nào có lính trốn thiếu ngạch, đều phải chọn dân đinh để ứng tuyển. Nếu người nào dám gian trá, quyết không dung tha". Vì thế hạ lệnh cho viên quan giữ việc binh khai rõ thực số lính trong bộ thuộc của mình, nghiêm định rõ điều luật lính trốn, người nào che giấu sẽ xử theo tội nặng.

Tháng 7, mùa thu. Thủy tai lớn, vỡ đê Đông Trạch.

Nước lớn, vỡ đê Đông Trạch, các lộ Thường Tín, Ứng Thiên và Lý Nhân, hơn một ngàn nhà bị nước cuốn tan nát, thóc lúa bị ngập lụt.

Lời chua-Đông Trạch¹: Tên xã, thuộc huyện Thanh Trì.

Ứng Thiên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chb. II, 18).

Thường Tín: Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb. XXXIII, 3).

Lý Nhân: Tức Lợi Nhân, xem Lý Nhân Tông, năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 6 (Chb. IV, 14).

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh cho dân nộp của sẽ trao cho quan chức.

Lúc ấy, đê điều vỡ lở, việc sửa đắp đều khó nhọc, vừa phí tổn. Bầy tôi bàn định, cho rằng: "Công việc phiền phức trọng đại, tất phải lấy của lấy sức ở dân, nhưng muốn lấy, cần phải có đạo lý. Vậy nay nên dùng chức tước để chiêu mộ lấy của ở người giàu thì người giàu không tiếc của, dùng tiền của để chiêu mộ lấy sức ở người nghèo, thì người nghèo không tiếc sức, của cải sức lực đều đầy đủ, mới có thể hoàn thành công việc được". Trịnh Sâm theo lời, bèn hạ lệnh lấy của nhà giàu nộp vào để mộ dân đắp đê.

Tháng 9. Miễn một nửa thuế gia tô sang năm cho các lộ vùng Tây, vùng Nam và vùng Bắc.

Lời chua-Thuế gia tô: Xem năm Cảnh Hưng thứ 3 (Chb. XXXIX, 27).

Tháng 10, mùa đông. Lại hạ lệnh cấm tà đạo Hòa Lan.

Hạn định trong hai tháng người theo đạo Hòa Lan phải thay đổi hết tập tục cũ, người nào trái lệnh sẽ có tội. Về phần xã dân, nếu người nào cố ý dung túng sẽ bị tội lây, người nào cáo tố được sự thực sẽ tha dao dịch cho con cháu.

Lời chua-Tà đạo Hòa Lan: Tức Hoa Lang. Xem Huyền Tông năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb. XXXIII, 5, 6).

Giáp Ngọ, năm thứ 35 (1774). (Thanh, năm Càn Long thứ 39).

Tháng giêng, mùa xuân. Ở kinh sư động đất.

Tháng 2. Nghệ An bị đói to.

¹ Nay là thôn Đông Trạch, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Dân Nghệ An nhiều người chết đói. Triều đình hạ lệnh cho các quan giữ chính quyền bàn định thi hành việc phát chẩn, việc cứu giúp; giữ lại số tiền do nhà giàu trong trấn ấy để nộp để phát chẩn cho dân; tha các thuế tuần ti trong hạt để việc buôn bán được lưu thông; khoan dung việc đốc thúc lính bắt trốn; đình hoãn việc bắt xét các kiện tụng. Lại hạ lệnh cho ti Hiến sát dò hỏi tỉ mỉ về sự đau khổ của dân, rồi trình bày để triều đình rõ. Nhưng những việc ấy cũng chỉ là giấy má hão mà thôi.

Tháng 5, mùa hạ. Trịnh Sâm sai tướng là Hoàng Ngũ Phúc làm thống tướng, đem quân các đạo vào xâm lấn trong Nam.

Từ khi đã bình định được Hưng Hóa¹ và Trấn Ninh², Trịnh Sâm quen mùi thắng trận, thích lập chiến công, mong làm việc trái với bốn phận. Hẳn được tin Thuận Hóa ta có quyền thần là Trương Phúa Loan chuyên quyền, càn rỡ, hà khắc, bạo ngược, bị dân oán ghét; lại có bọn Nguyễn Văn Nhạc ở Tây Sơn nổi loạn tại Quy Nhơn, hẳn muốn nhân sự sơ hở để thu lấy lợi lớn. Gặp lúc ấy. Bùi Thế Đạt, trấn thủ Nghệ An, cho trạm chạy văn thư về triều nói hiện trạng Thuận Hóa có thể đánh lấy được. Hoàng Ngũ Phúc và Nguyễn Nghiễm đều tán thành việc này. Trịnh Sâm bèn quyết chí đánh.

Bấy giờ Hoàng Ngũ Phúc vì tuổi già nghĩ việc về nhà, Sâm liền khởi phục ra làm đại tướng, mà bổ dụng Phan Lê Phiên và Ưông Sĩ Điển giữ chức tùy quân tham biện, Đoàn Nguyễn Thục giữ chức đốc thị Nghệ An, thống lãnh tướng sĩ 33 doanh cùng quân thủy, quân bộ các đạo Thanh, Nghệ, vùng đông nam, số quân gồm ba vạn, tiến thẳng vào Nghệ An. Bọn Hoàng Phùng Cơ và Hoàng Đình Thế đều thuộc quyền chỉ huy của Ngũ Phúc. Một mặt hạ lệnh cho Nguyễn Lệ và Hoàng Đình Bảo lệ thuộc theo sự điều khiển. Sâm lại nhận thấy vùng Thuận Hóa luôn mấy năm mất mùa đói kém, lương ăn của lính không thể dựa vào dân được, bèn trừ tính phải tải lương, chia đặt ba trường sở lương thực: Trường sở Sơn Nam đặt ở Mỹ Lộc, dùng bọn Nguyễn Đình Diễn quản lãnh việc chi tiền, bắt tứ trấn đóng thóc trong hạt giã thành gạo, hợp với số lương chứa trong kho, rồi do đường thủy tải vào Nghệ An; trường sở Nghệ An đặt ở Hà Trung, dùng bọn Đoàn Nguyễn Thục quản lãnh, bắt mua thóc gạo nhà giàu trong hạt, hợp với số lương của trường sở Sơn Nam, rồi tùy tiện hoặc theo đường thủy hoặc theo đường bộ tải vào Quảng Bình; trường sở Quảng Bình đặt ở Động Hải, sai bọn Ngô Dao giữ việc vận tải tất cả số lương, dự bị xếp đặt điều khiển để cung cấp lương thực cho binh lính.

Khi Ngũ Phúc đã hành quân, Sâm lại tự tay viết thư đưa cho, trong thư nói: "Ông đến Nghệ An, nên tùy cơ mà trừ tính định liệu, trước hết đưa thư cho các tướng giữ biên giới, nói thác ra rằng: "Việc hành quân này chỉ cốt phòng bị giặc Tây Sơn chạy trốn". Nói như thế để thăm dò tình hình của họ. Nếu họ đã bình định được giặc Tây Sơn, thì lại đưa thư để đạt ý chí rồi dẫn quân về, đừng làm cho họ sinh nghi, lại gây hấn khích ở nơi biên giới".

Lời chua-Sĩ Điển: Có một tên nữa là Sĩ Lãng, người xã Vũ Nghị, huyện Thanh Quan³, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Đình Bảo: Có một tên nữa là Tố Lý, cháu Hoàng Ngũ Phúc, người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh⁴.

Ba mươi ba doanh: Nay không khảo cứu được.

Thuận Hóa, Sơn Nam, Mỹ Lộc, Nghệ An và Hà Trung: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17-18, 21-24, 33).

Quảng Bình: Xem Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXII, 6).

Động Hải: Xem năm thứ 39 ở dưới (Chb. XLV, 10).

Tháng 6. Định thuế mỏ đồng Tụ Long.

¹ Địa bàn hoạt động của Hoàng Văn Chất.

² Địa bàn hoạt động của Lê Duy Mật.

³ Nay là một phần của huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

⁴ Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Trước đây, mỏ đồn Tụ Long bị người phủ Khai Hóa xâm chiếm, khoảng năm Bảo Thái (1720-1728) người nhà Thanh mới trả lại đất ấy. Đến nay định ngạch thuế, mỗi năm thu một đồng đỏ một vạn cân.

Lời chua-Việc người nhà Thanh trả đất: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (chb. XXXVII, 3, 4).

Tụ Long (Thịnh): Tức Tụ Long (rồng), xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (Chb. XXXVII, 5).

Phủ Khai Hóa: Thuộc địa giới tỉnh Vân Nam nhà Thanh, tiếp giáp với châu Vị Xuyên nước ta.

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho bọn Nguyễn Đình Huấn châm chước định thể lệ cấp tiền thóc cho các quân trong kinh, ngoài trấn.

Binh chế lúc bắt đầu trung hưng, vì lính thị hậu, thì nhưng nhất, kiêu nhất là hơn cả; thứ đến nội nhưng, nội kiêu; lại thứ nữa đến tứ nhưng, tứ kiện, tứ nội bộ, tứ nội thủy, các đội: Khuông, dục, chấn, thẳng và các thuyền siêu, tuyền, ưu trạch, đều là thân quân.

Vì chế độ nuôi quân, thì nhưng nhất và kiêu nhất hàng năm mỗi người được tiền khẩu phần 15 quan; từ nội nhưng trở xuống sẽ bớt dần từ một quan đến tám quan là cùng. Ngoài ra, thuyền đội các doanh các cơ và lính tứ trấn là ngoại binh, mỗi người được 7 quan, cấp bằng thóc thì lấy tiền làm tiêu chuẩn. Cứ sáu tiền lấy một sọt thóc, mỗi sọt thóc định lệ là 70 bát quan đồng, đều chuẩn theo số phải chịu mà liệu lượng cấp cho lính lấy ở dân.

Về việc chia cấp, thì khẩu phần của thân binh được cấp đều là dân xã trù phú, họ bắt ức dân đong nặng, mỗi sọt thường đến hơn 100 bát, còn ngoại binh thì lệ định cấp tiền đã ít, lại phần nhiều được cấp vào dân xơ xác bần cùng, hoặc có xã không thể nào nộp được. Vì thế nên thân binh thường thừa ăn, mà ngoại binh thì khổ sở thiếu thốn.

Đến nay, hạ lệnh cho Nguyễn Đình Huấn và Phạm Huy Đĩnh chiếu theo ngạch lính và số đình, bớt chỗ nhiều, thêm cho chỗ ít, châm chước cân nhắc, san sẻ lại, cốt làm cho được quân bình, nhưng cũng không thể nào thay đổi hết tệ cũ.

Lời cần án-Binh chế đời cố Lê như thế này:

- Vệ sĩ binh ở nội điện (có ti thị kiêu, vệ cấm y, các đội kim ngô và tả hữu loan giá ti, các đội tả hữu trực và đội thiên hùng).

- Các đội bộ binh thị hậu (có đội nhưng nhất, đội nội nhưng, các đội tứ nhưng, các đội tứ nội bộ, các đội tứ nội khuông, tứ nội dục, tứ chấn và tứ thẳng, các cơ tứ thị trung, tứ thị nội, cơ thiên hùng, cơ trung hùng, đội thiện bảo, các đội tứ trung mã, tứ nội mã).

- Các đội thuyền thủy binh thị hậu (có thuyền kiêu nhất, thuyền nội kiêu, các thuyền tứ kiêu, các thuyền tứ nội thủy, các thuyền siêu nhất, tuyền nhất ưu nhất, trạch nhất, các thuyền tứ siêu, tứ tuyền, tứ ưu, tứ trạch, tuyền trung hậu, thuyền cận hậu, các cơ vệ tả và vệ hữu).

Trên đây đều là thân quân thị hậu.

- Các doanh cơ, đội, ngoại binh (có các cơ tả tượng, hữu tượng, tiền tượng, hậu tượng, các đội tứ trung tượng, tứ nội tượng, các doanh trung khuông, trung tiếp, trung thẳng, trung dũng, trung hùng, trung nhuệ và trung dục, các cơ tả khuông, hữu khuông, tiền khuông và hậu khuông, các cơ tả dục, hữu dục, tiền dục và hậu dục, các cơ tả nhuệ hữu nhuệ, tiền nhuệ, hậu nhuệ, tả thẳng, hữu thẳng, tiền thẳng, hậu thẳng, tả tiếp, hữu tiếp, tiền tiếp, hậu tiếp, tả hùng, hữu hùng, tiền hùng, hậu hùng, các đội khuông tả, thẳng tả, hữu tả, dũng tả, khuông hậu, các đội nhuệ tả, nhuệ hữu, các cơ thiên tả, thiên hữu và tiền hòa quân doanh, tả hòa quân doanh).

- Thuyền đội ngoại binh (có các đội tiền nhất, hậu nhất, tiền trung, hậu trung, tiền nội, hậu nội thủy, các đội phần trung, thiện trung, tương trung, đẳng trung, các đội

phần tiểu, thiên tiểu, tương tiểu, đẳng tiểu, các thuyền tả, hữu tiền, hậu và thập hàng, các đội tả dũng, hữu dũng, tiền dũng, hậu dũng).

Các cơ đội Thanh Hoa (có cơ nội trấn, cơ trấn nội, cơ nhất hùng, các đội tả trấn, hữu trấn, tiền trấn, hậu trấn các đội tứ hùng, cơ hùng trung).

- Các đội phủ An Trường (có các đội kiên nhất, kiên nhì, kiên tam, kiên tứ và kiên ngũ).

- Các cơ đội xứ Nghệ An (có quân doanh ninh trấn, các cơ tả trấn, hữu trấn, tả ninh, hữu ninh, tiền ninh, hậu ninh, các đội ninh tả, ninh hữu, ninh tiền, ninh hậu, các đội tứ hãn, các đội nhuệ tả, nhuệ hữu).

- Các cơ đội châu Bồ Chính (có cơ trung kiên, cơ trung chính, cơ trung bổ, các đội tả chính, hữu chính, tiền kiên, hậu kiên, tả bổ, hữu bổ, đội tuần hải, các đội ninh nhất, ninh nhì, các đội nội tả, nội hữu, cơ trung trấn, cơ nhất tượng).

Trên đây đều là ngoại binh.

Tổng cộng 413 doanh, cơ, đội, thuyền.

Chế lộc nuôi lính. Nhưng nhất, kiêu nhất, hàng năm khẩu phần tiền mỗi người 15 quan, thêm 6 tiền; nội nhưng, nội kiêu mỗi người 14 quan, thêm 6 tiền; tứ kiêu, tứ nội thủy, tứ nội bộ mỗi người 13 quan, thêm 6 tiền. Còn về khuông, dực, chấn, thẳng, siêu, tuyển, ưu, trạch thì đều theo thứ tự bớt dần đến 8 quan là cùng. Ngoài ra, các doanh cơ, đội ngoại binh cùng các cơ đội châu Bồ Chính hàng năm mỗi người được khẩu phần tiền 7 quan¹. Số tiền này do Hộ phiên thống kê, rồi chia về dân xã cấp khẩu phần cho lính. Đội nhưng nhất và thuyền kiêu nhất được 5 xã, đội tứ nhưng được 4 xã, đội tứ nội bộ được 3 xã, khuông và dực được 6 xã, chấn và thẳng được 4 xã, cơ thiên hùng được 9 xã, cơ trung hùng được 10 xã, thuyền tứ kiêu được 4 xã, thuyền tứ nội thủy được 4 xã, các thuyền siêu, tuyển, trạch, ưu đều được 4 xã, thuyền trung hậu được một xã, thuyền cận hậu được 4 xã, vệ tả và vệ hữu được 10 xã. Ngoài ra các đội thuộc các doanh, cơ ngoại binh được từ 10 xã, 9 xã đến 2 xã, 1 xã không đều nhau.

Trên đây là binh chế sau khi trung hưng, chép ở Lịch triều hiến chương đại lược như thế, còn mỗi dân xã phải chịu tiền hoặc thóc bao nhiêu, chia cấp cho thực số binh đình bao nhiêu và lần này sửa định lại để châm chước cấp phát thế nào, không khảo cứu được, vậy hãy chép ở đây để phòng lúc tham khảo đến.

Mông một, tháng 8. Nhật thực.

Định thể lệ thuế phủ Trà Lân.

Ngạch thuế cũ của bốn huyện thuộc phủ Trà Lân mỗi năm phải nộp 190 lạng vàng và 500 cân diêm tiêu. Từ lúc Lê Duy Mật chiếm cứ Trấn Ninh, thuế khóa đã lâu không nộp; khi dẹp được Duy Mật rồi, chiêu tập được nhân dân trở về, đến nay liệu lượng ấn định thể lệ thuế khóa, mười phần chỉ thu hai phần.

Lời chua-Trà Lân: Tức Trà Long, xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 17).

Bốn huyện: Tức Kỳ Sơn, Hội Ninh (nay đổi Hội Nguyên), Vĩnh Khang (nay đổi Vĩnh Hòa) và Tương Dương.

Trong sông Kỳ Hoa có hòn đá lớn tự nhiên dời đi nơi khác.

Hòn đá lớn từ trong sông dời lên núi Cáp Dẫn, đi qua đến đâu đều có dấu vết đến đấy.

Lời chua-Kỳ Hoa: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 7 (Chb. XXXVI, 27).

¹ Nguyên văn chép (tiên thất đẳng). Chữ "đẳng" có lẽ in lầm, vì chữ này không có nghĩa dùng làm đơn vị về tiền được. Chúng tôi thấy ở trên số tiền cấp cho thân binh nhiều nhất là 15 quan, rồi rút dần đến 8 quan là cùng, thì số tiền cấp cho ngoại binh phải là 7 quan, nên dịch là "tiền 7 quan".

Cấp Dẫn: Tên xã, thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Nghệ An¹.

Nay xét trên núi Cấp Dẫn, có một hòn đá trắng lớn, nằm đè lên trên đá đen, có thể chứa được vài mươi người ngồi. Tương truyền hòn đá này từ trong sông dờ lên. Lúc bấy giờ có viên tự thừa (sót họ tên) người trong xã làm ký rằng: "Cấp Dẫn chi thạch, chúng hắc độc bạch, tự ti đặng cao, thư từ bất bách, thụ gia? dị gia? ký chi vi tích (Đá trên núi Cấp Dẫn, các hòn khác đều sắc đen, chỉ có một hòn sắc trắng, hòn đá trắng này từ chỗ thấp dờ lên cao, dờ đi thư thả không cấp bách, thế là điềm lành hay điềm dữ? vậy chép lại để làm ghi tích).

Tháng 10, mùa đông. Quân lính Hoàng Ngũ Phúc qua sông Gianh, tiến sát đến doanh lũy Trấn Ninh.

Quân lính của Ngũ Phúc đóng ở xã Hà Trung, bề ngoài mượn tiếng là đem quân giúp [Đường Trong], giết giặc, mà bề trong thì sai người lên lút liên kết với người biên lại² giữ biên giới của ta, rồi nhân đêm đem quân lên qua đò sông Gianh, sáng sớm hôm sau quân sĩ đều lên bờ, đóng ở xã Cao Lao, Tôn Thất Tiệp, trấn thủ doanh Bồ Chính, sai cai đội là Quý Lộc (sót họ) và câu kê là Kiêm Long (sót họ) đến khao quân để làm cách hoãn binh. Ngũ Phúc sai người bí mật giao thiệp với hai người này. Kiêm Long nói: "Đường không đi thì không đến, chuông không đánh thì không kêu". Ngũ Phúc hiểu ý, bèn tiến quân, sai bọn Hoàng Đình Thế, tướng cầm quân ở một đạo khác, lên đem quân tiến sát đến doanh lũy Trấn Ninh. Do đây cai đội mã quân là bọn Hoàng Văn Bật và Lê Thập Thái, tự làm người ứng tiếp bên trong, mở cửa đồn ra hàng. Quân sĩ của Ngũ Phúc vừa đánh trống vừa reo hò tiến vào. Tướng giữ đồn là Tống Hữu Trường bỏ chạy. Đồn lũy Trấn Ninh có tiếng là hiểm trở thiên nhiên, sau khi Ngũ Phúc đã kéo quân vào, bèn sang phẳng lũy ấy.

Trịnh Sâm thấy Ngũ Phúc đem đạo quân trợ trợ một mình đi vào quá sâu, e sẽ xảy ra sự bất trắc, bèn quyết kế thân đi tuần hành nơi biên giới để làm thanh thế viện trợ cho Ngũ Phúc; dùng bọn Nguyễn Đình Thạch, Nguyễn Hoàn, Nguyễn Đình Huân và Lê Quý Đôn ở lại trấn thủ kinh thành, rồi chia binh sĩ làm bốn đạo quân: bổ dụng Phạm Huy Đĩnh làm tiền tướng quân, Trương Khuông làm hậu tướng quân, Nguyễn Nghiễm và Lê Đình Châu làm tả tướng quân và hữu tướng quân, còn Trịnh Sâm tự thống suất đại binh ở giữa để tiếp ứng. Tháng 11, Sâm tiến quân đến Nghệ An, đóng ở Hà Trung.

Tháng 12, sau khi đã vào Trấn Ninh, nhân đây Ngũ Phúc tiến quân đóng ở xã Hồ Xá, làm tờ hịch kể tội trạng Phúc Loan lấn quyền, bưng bít người trên, và nói: việc hành quân này chỉ cốt trừ hết trừ khử một Phúc Loan, sau nữa tiểu trừ bọn giặc kiệt kiệt, thực không có ý gì khác cả. Các tướng [Đường Trong] là bọn Nguyễn Cửu Pháp cùng nhau lập mưu bắt Phúc Loan đưa nộp quân doanh Ngũ Phúc. Ngũ Phúc bắt được Phúc Loan, mừng lắm, bèn hạ lệnh cho quân cuốn cờ, im trống, kéo lên đến huyện Đăng Xương, lại đưa thư nói: Giặc Tây Sơn chưa tiểu trừ xong, xin hội quân ở Phú Xuân để ứng tiếp.

[Đường Trong] lúc ấy Tôn Thất Tiệp làm thống binh, quản lãnh thuộc hạ là bọn cai đội Đặng (sót họ) đem quân chống cự, chưởng cơ Nguyễn Văn Chính đem các quân thủy, quân bộ hội ở sông Bái Đáp. Ngũ Phúc mật sai bọn Hoàng Đình Thế và Hoàng Nghĩa Phát do đường núi sang qua ghềnh Trầm và ghềnh Ma, rồi mặt trước mặt sau đánh khép lại. Văn Chính cố sức đánh, bị chết trận, các quân đều tan vỡ.

Lời phê³-Bên trong, nếu không có bày tội lộng quyền, quan lại gian trá, thì bên địch đầu hiểm giảo ngàn phần cũng không làm gì được. Việc này đáng đau đớn tức giận đến ngàn đời!

Lời chua-Cửu Pháp: Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là con Công Thần Nguyễn Cửu Thế.

¹ Nay Kỳ Anh thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

² Một danh từ thời phong kiến dùng để gọi quan lại bậc thấp về hàng võ.

³ Chỉ việc Kiêm Long bí mật giao thiệp với người của Ngũ Phúc và ngỏ ý bảo hộ tiến quân.

Văn Chính: Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nhập tịch ở Thừa Thiên, là con quận công Nguyễn Công Phú. Đầu năm Gia Long, truy tặng tả quân Đô đốc quận công, được xếp vào hàng thờ ở miếu Hiến trung trung tiết công thần.

Nghĩa Phác: Người xã Hoàng Vân¹, huyện Kim Động.

Trần Ninh: Nay là Trường Thành Nhật Lệ, ở huyện Phong Lộc², trên từ núi Đâu Mâu, dưới đến cửa biển Nhật Lệ.

Sông Gianh (Linh Giang): Xem Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXII, 6).

Xã Cao Lao: Thuộc huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Hà Trung: Xem Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb. XXXI, 24).

Xã Hồ Xá: Thuộc huyện Minh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Huyện Đăng Xương: Thuộc tỉnh Quảng Trị.

Hai ghềnh Trầm và Ma: Ở địa phận xã Cổ Bi, huyện Quảng Điền.

Sông Bái Đáp: Nay là sông Phú Lễ, ở địa phận xã Phú Lễ, huyện Quảng Điền.

Ất Mùi, năm thứ 36 (1775). (Thanh, năm Càn Long thứ 40).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho bồi tụng Nguyễn Hoàn quyền tạm làm lễ tế nam giao.

Hàng năm tế nam giao, nhà vua thân hành đến lễ. Đến nay, vì Trịnh Sâm đi quân thứ chưa về, nên hạ lệnh cho Nguyễn Hoàn quyền tạm tế thay.

Sâm bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc lãnh chức Đại Trấn phủ.

Sâm ở Hà Trung, sai Nguyễn Quỳnh đem cho Ngũ Phúc 100 lạng vàng và viết thư dặn bảo rằng: "Nay đã bình được Thuận Hóa rồi, còn Quảng Nam cũng nên lần lượt bình định nốt. Việc này, nếu không phải tay nguyên lão, không ai có thể đương nổi trách nhiệm. Vậy phàm điều khiển các việc, vỗ về hay đánh dẹp, đều cho phép được tùy tiện thi hành". Lại ban cho tướng sĩ 5 ngàn lạng bạc. Bèn để Ngũ Phúc ở lại giữ chức Đại Trấn phủ. Sâm dẫn quân về.

Lời chua-Nguyễn Quỳnh: Người xã Lai Thạch, huyện La Sơn³, đỗ tiến sĩ khoa Nhân Thìn (1772) năm Cảnh Hưng.

Thuận Hóa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23, 24, 33, 34).

Tha tô thuế cho trấn Thuận Hóa.

Trịnh Sâm sai sứ thần dụ bảo nhân dân Thuận Hóa; Tha cho tô thuế; đình hoãn việc bắt phu tráng vào nộp quân phu; cho phép kỳ lão hào mục ở dân gian đều được giải bày đều lợi hại về tình trạng của dân cùng đem cơ mưu về quân sự nên đánh nên giữ thế nào tâu lên để triều đình rõ.

Bổ dụng Nguyễn Lệ giữ chức tham lãnh chức Nghệ An.

Lệ là người có văn học, thêm vào đấy lại biết mảnh khóe khôn khéo. Lúc Trịnh Sâm ở Lượng phủ, Lệ rất được Sâm yêu, lúc Sâm đã được lên nối ngôi, cất nhắc Lệ cùng với cha là Nghiễm cũng giữ công việc trong chính phủ. Lệ thường sắp xếp cảnh giả ở vườn, ở sân của họ Trịnh, lại trang điểm cho

¹ Nay là thôn Hoàng Vân, xã Đồng Tiến, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

² Nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

³ Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

hầu gái vào châu để chúa Trịnh vui thích. Đến nay giữ chức Tham lãnh, bèn hạ lệnh cho mua vét hết thóc nhà giàu để cung cấp lương quân lính. Theo chế độ cũ, người đã giữ chức Tham lãnh, thì không bao lâu sẽ thăng lên giữ chức Đốc suất. Sau khi Lê đã được mệnh lên giữ chức, thủ hạ của hắn cậy thế làm càn, nhân dân nhiều người ta oán. Trịnh Sâm nghe biết tình tệ ấy, cho triệu về triều, giáng chức ba bậc.

Tháng 2. Nguyễn Văn Nhạc, giặc Tây Sơn, cướp xứ Quảng Nam.

Tiên tổ Văn Nhạc, người huyện Hưng Nguyên, xứ Nghệ An, khoảng năm Thịnh Đức (niên hiệu Lê Thần Tông) (1653-1657) bị quân ta¹ bắt được đem về, cho ở tại huyện Tuy Viễn thuộc phủ Hoài Nhân, kể tiếp vài đời, đến Nguyễn Nhạc được giữ chức Biện lại ở tuần Vân Đồn. Vì đánh bạc tiêu mất tiền công. Nhạc bèn trốn vào Tây Sơn làm trộm cướp, những người vô lại và người nghèo đói phần nhiều phụ theo, vì thế thủ hạ có đến vài ngàn người. Nhạc cùng em là Văn Huệ, Văn Lữ chia nhau quản lãnh, rồi đi đánh cướp đồn ấp, viên tướng giữ trấn không sao kiểm chế được.

Văn Nhạc là người nhiều cơ mưu trí tuệ. Một hôm, tự ngồi vào trong cối, rồi sai đồ đảng luân chuyển báo đi rằng: "Bắt được Văn Nhạc đem giải nộp trấn doanh". Viên tướng giữ trấn không ngờ là sự trí trá, bèn mở cửa doanh thu nhận. Đến hôm ấy, đồ đảng của Nhạc lén đến ngoài thành, Nhạc liền phá cối mà ra, mở toang cửa thành, đốt doanh trại, giết tướng giữ trấn, bèn chiếm cứ thành Quy Nhơn. Hào mục bản thổ đua nhau nổi dậy hưởng ứng với Nhạc, thế giặc càng ngày càng bùng lên. Đến nay, Nhạc sai đồ đảng là Tập Đình (tên người nhà Thanh) đem quân theo đường biển vào cửa biển Đại Chiêm, Nhạc đem quân đi tắt ra nguồn² Thu Bồn, đến cướp Quảng Nam. Bọn Nguyễn Cửu Du, tướng giữ Quảng Nam, bị thua trận. Lúc ấy, xa giá Huệ Tông Hiếu Định hoàng đế ta chạy vào Gia Định, lập Mục Vương làm thái tử xưng là đông cung³ ở lại trấn phủ Quảng Nam, đóng ở xã Câu Đê, để chống cự lại. Văn Nhạc định mưu dựa vào danh nghĩa để lừa dối dân chúng, bèn sai bọn Lý Tài (người nhà Thanh) rước đông cung về Hội An.

Hoàng Ngũ Phúc bèn vượt núi Hải Vân, từ đồn Trung Sơn và xã Câu Đê tiến quân. Văn Nhạc phân phối sai Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm trung quân, đón đánh quân của Ngũ Phúc ở Cẩm Sa. Quân của Tập Đình đều người Quảng Đông, đầu đội vải đỏ, cổ đeo giấy vàng, giấy bạc, tay cầm lá chắn bằng mây và siêu đao lớn, cỡi trần xông pha đánh chém, thế rất mạnh tợn. Đội tiền quân của Ngũ Phúc không thể địch được, tước Quế Vũ bá (sót họ tên), nha hiệu của Ngũ Phúc, bị chết tại trận. Bấy giờ thuộc tướng là Hoàng Đình Thế, Hoàng Phùng Cơ đem kỵ binh nhanh nhẹn vào phá trận, Ngũ Phúc lừa quân ồ ạt tiến đánh. Tập Đình thua chạy. Văn Nhạc và Lý Tài lui quân giữ ở Bản Tân.

Lời chua-Cửu Du: Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là con Nguyễn Cửu Phá. Khoảng năm Minh Mệnh (1820-1840) truy tặng: Kiệt tiết công thần tả quân đô thống chưởng phủ sự, Thăng Bình (trước là Thăng Hoa) quận công, được liệt vào hàng thờ ở miếu Trung Tiết.

Đồn Trung Sơn, xã Câu Đê, xã Cẩm Sa: Đều thuộc huyện Hoà Vinh.

Nguồn Thu Bồn: Nay thuộc huyện Quế Sơn⁴.

Cửa biển Đại Chiêm, Phố Hội An: Thuộc huyện Diên Phước⁵. Các huyện kể trên, đều thuộc tỉnh Quảng Nam.

Núi Hải Vân: Ở chỗ giáp giới hai huyện Phú Lộc và Hòa Vinh, phía nam gọi là Hải Vân quan, lại gọi là "thiên hạ đệ nhất hùng quan", phía bắc gọi là Hải Sơn quan, đây là chỗ giáp giới Thừa Thiên và Quảng Nam.

¹ Tức chúa Nguyễn, Đường Trong.

² Nguyên văn chép là "Nguyên". Theo phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn thì trên thượng du gọi "nguyên" cũng như hạ nguyên gọi "tổng".

³ Tên là Dương, cháu Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần.

⁴ Nay thuộc tỉnh Quảng Nam.

⁵ Huyện này sau sát nhập vào phủ Điện Bàn. Nay là huyện Điện Bàn thuộc tỉnh Quảng Nam.

Bản Tân: Ở chỗ giáp giới hai huyện Hà Đông thuộc tỉnh Quảng Nam và Bình Sơn thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Thành Quy Nhơn: Tức thành Đổ Bàn xưa, ở huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định, nên cũ vẫn còn.

Tháng 5, mùa hạ. Hoàng thái hậu Đào thị mất.

Thái hậu người xã Bảo Vực, huyện Văn Giang, tên thụy là Nhu Thận.

Đặt hiệu quân tứ trấn.

Từ lúc Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển đứng đầu nổi loạn, rồi bọn Hữu Cầu, Danh Phương kế tiếp nổi lên, triều đình bắt kén lính ở tứ trấn, cứ năm suất đình lấy một lính đặt làm vệ binh. Sau khi đã dẹp được bọn giặc cướp, đều bãi đi, cho về làm ruộng; lúc đi đánh Trấn Ninh lại bắt ra lính, đánh dẹp xong lại cho về. Đến lúc Trịnh Sâm đem quân vào Hà Trung, lại chiếu theo ngạch cũ bắt lính để bảo vệ kinh thành. Đến nay, vì ít công việc, nên bãi cho về, rồi bàn định thi hành phép kén chọn, chiếu theo trong sổ hộ, cứ mười suất đình lấy một người, phân phối đặt thành hiệu quân: Sơn Nam hiệu thấp phần, Kinh Bắc hiệu ngũ uy, Sơn Tây hiệu Ngũ Chấn, Hải Dương hiệu nhất dũng và nhị kiên, tất cả 23 cơ. Lúc trong nước có việc sẽ bắt ra lính, miễn cho tiền thuế dung, lúc không có việc sẽ cho về, lại thu tiền dao dịch theo từng hạng. Phép này, có lẽ phỏng theo phép phủ binh đời nhà Đường¹.

Sâm phong cho Nguyễn Hoàn tước Hoàn quận công.

Lúc Trịnh Sâm làm thế tử, Nguyễn Hoàn sung chức Tư giảng. Sâm thường viết bốn mấy chữ "Thượng thư, quốc sử, Hoàn quận công" đưa cho Hoàn. Đến nay Hoàn đem những chữ ấy dâng lên, Sâm bèn ban cho tước này.

Khởi phục Ngô [Thì] Sĩ giữ chức hiệu lý trong² viện Hàn Lâm.

Sĩ nổi tiếng về văn học. Lúc Trịnh Sâm ở Lượng Phủ, tư giảng Nguyễn Hoàn tiến cử Sĩ giữ công việc tùy giảng. Một hôm, Sâm sai làm bài phú lấy đầu đề là "Phượng hoàng danh", rồi Sâm thân hành phê duyệt. Sâm yêu văn từ rộng rãi. Khi Sâm đã nổi ngôi, Sĩ được bổ giữ chức Hiến sát sứ Thanh Hoa, sau lại thăng chức Tham chính Nghệ An. Vì thiên tư về việc khảo hạch học trò, nên bị bãi chức³. Lúc Sĩ làm quan ở Thanh Nghệ, đi đến đâu đâu có thơ đề vịnh. Khi hành quân vào Nam. Sâm thấy thơ, rất trọng tài của Sĩ. Cho nên nay từ chỗ bị bãi về nhà được khởi phục ra làm quan.

Lời chua-Phượng hoàng danh: Chép ở "Hán tuyên đế kỷ" trong sách Thiếu Vĩ.

Hạ lệnh cho bọn Nguyễn Hoàn trông coi việc biên soạn Quốc sử.

Quốc sử, từ Hi Tông năm Vĩnh Trị trở về sau chưa biên chép thành sách. Đến nay, triều đình hạ lệnh cho bọn Ngô [Thì] Sĩ, Phạm Nguyễn Du, Ninh Tồn và Nguyễn Sá cùng biên soạn, mà bổ dụng bọn bồi tụng Nguyễn Hoàn, Lê Quý Đôn và phó đô ngự sử Vũ Miên quản lãnh công việc.

Lời chua-Phạm Nguyễn Du: Còn một tên nữa là Vi Khiêm, người xã Đăng Điền, huyện Chân Lộc, sau đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1779) năm Cảnh Hưng thứ 40.

Ninh Tồn: Người xã Côi Trì, huyện Yên Mô, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) năm Cảnh Hưng thứ 39. Sau này, Ninh Tồn thờ nhà Tây Sơn, làm quan Thị trung đãi chiếu, Binh bộ thượng thư.

Nguyễn Sá: Con Nguyễn Hoàn, người xã Hương Khê, huyện Nông Cống.

Nguyễn Văn Nhạc xin hàng, Hoàng Ngũ Phúc dâng biểu xin cho Văn Nhạc làm tiên phong tướng quân, giữ chức hiệu trưởng Tây Sơn.

¹ Xem chú thích số 2, Chính biên quyển XXXV, tờ 41.

² Một chức quan nhỏ ở Hàn Lâm viện, hàm chánh thất phẩm. Có nhiệm vụ kiểm soát chỉnh lý lại những văn từ trong chiếu chỉ.

³ Xem thêm Chính biên quyển XLIII, tờ 36.

Từ sau khi thua trận ở Cẩm Sa, đồ đảng của Văn Nhạc phần nhiều ly tán. Lại được tin Kinh quận công Tống Phúc Hợp, lưu thủ doanh Long Hồ, từ trong Nam thống lĩnh binh sĩ tiến ra càn quét Phú Yên, Nhạc sợ lắm. Lúc ấy, quân của Ngũ Phúc tiến đến đóng ở Châu Ổ. Nhạc bèn sai thuộc hạ là bọn Phan Văn Tuế đem vàng lụa đến xin hàng và xin làm tiên khu. Ngũ Phúc tin lời, nhân dâng biểu xin cho Văn Nhạc làm tiên phong tướng quân, giữ chức hiệu trưởng Tây Sơn. Rồi sai người gia khách giữ công việc thư ký là Nguyễn Hữu Chính đem sắc, ấn, cờ và kiếm ban cho Văn Nhạc.

Lời chua-Phúc Hợp: Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá, là dòng dõi công thần Tống Phúc Trị. Đầu năm Gia Long, được liệt vào hàng thờ ở miếu Trung tiết công thần; năm Minh Mệnh truy phong trung đẳng thần, thờ ở miếu Hội Đồng.

Hữu Chính: Người xã Đông Hải, huyện Chân Lộc¹.

Châu Ổ²: Ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi...

Tháng 8, mùa thu. Gió lớn, nước sông dấy lên.

Sâm tự tôn phong mẹ là Nguyễn thị làm quốc mẫu.

Từ khi ở Hà Trung về kinh, Trịnh Sâm lằng loàn áp bức vua Lê càng quá. Đến nay yêu cầu nhà vua sách phong cho mẹ hắn là Nguyễn thị làm quốc mẫu.

Tháng 10, mùa đông. Mở khoa thi hội các cống sĩ. Cho bọn Ngô Thế Trị và Phan Huy Ích 18 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân; xử tội Đinh [Thì] Trung đày đi Viễn Châu; giam Lê Quý Kiệt vào ngục.

Quý Kiệt con Quý Đôn. Kỳ đệ tứ khoa thi này, Quý Kiệt cùng Đinh [Thì] Trung đối quyển cho nhau để làm bài. Việc bị lộ, Đinh [Thì] Trung phải tội lưu đi Yên Quảng, Quý Kiệt phải trở về làm dân. Đinh [Thì] Trung nhân phát giác bức thư riêng của Quý Kiệt và cáo tố là do Quý Đôn chủ sự. Trịnh Sâm lấy có Quý Đôn là bậc đại thần, bỏ đi không xét, mà luận thêm tội Quý Kiệt, bắt giam cầm ở ngục ở cửa Đông.

Lời phê-Hai người cùng một tội mà xử phạt khác nhau, sao gọi là công bằng thỏa đáng được? Xét hành trạng của Quý Đôn, không có một điều gì đáng khen.

Lời chua-Thế Trị: Người xã Hội Phụ, huyện Đông Ngàn.

Phan Huy Ích: Con Phan Cận, người xã Thu Hoạch³, huyện Thiên Lộc, sau thờ Tây Sơn, làm quan đến Thượng thư bộ Lễ.

Đinh [Thì] Trung: Người xã Ngọc Bôi, huyện Đông Sơn⁴.

Tháng 12. Trịnh Sâm triệu Hoàng Ngũ Phúc về Kinh, bổ dụng bọn Bùi Thế Đạt vào thay.

Ngũ Phúc đóng quân ở Châu Ổ lâu ngày, lúc ấy phát sinh bệnh dịch, quân sĩ nhiều người chết, bèn bí mật trừ tính rút quân về. Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Lệnh Tân đều muốn lui quân ở Quảng Nam, đặt quan trấn giữ. Ngũ Phúc không theo lời cho người chạy thư về triều xin về Thuận Hóa, để Quảng Nam đây rồi sẽ tính sau. Trịnh Sâm y cho. Do đấy, hai phủ Thăng Bình và Điện Bàn lại bị Văn Nhạc chiếm cứ. Sau, vì Ngũ Phúc có bệnh phải triệu về triều, bèn sai Bùi Thế Đạt và Nguyễn Đình Đống trấn giữ thay, mà dùng bọn Phan Lê Phiên, Uông Sĩ Điển và Nguyễn Lệnh Tân giúp việc. Sau đó, bổ dụng Lê Quý Đôn và Nguyễn Mậu Dĩnh giữ chức Hiệp đồng, xếp đặt công việc trong quân, cho phép cứ 10 ngày một lần đề đạt tình hình về triều. Lại bổ dụng Ngô Phúc Oánh giữ chức lưu thủ đồn Động Hải, Phan Cận giữ chức Hiệp đồng.

¹ Nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

² Nay là thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

³ Nay là xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

⁴ Tỉnh Thanh Hóa.

Lời chua-Ngô Phúc Oánh:: Người xã Trảo Nha¹, huyện Thạch Hà.

Phan Cận: Có một tên nữa là Huy Áng.

Châu Ổ²: Xem trên (tờ số 27 ở trên).

Thăng Bình và Điện Bàn: Tên hai phủ, thuộc tỉnh Quảng Nam.

Bính Thân, năm thứ 37 (1776). (Thanh, năm Càn Long thứ 41).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Sâm quyền tạm cử hành lễ tế nam giao.

Vì nhà vua chưa hết tang thái hậu, nên Trịnh Sâm thay nhà vua cử hành lễ tế nam giao. Ngày hôm ấy, các quan văn võ lạy mừng ở phủ đường, Sâm ban cho 300 quan tiền.

Xá tô cho ruộng ở ven biển.

Vì mùa thu năm trước, gió bão quá mạnh, nước biển lên cao, các ven biển về vùng Sơn Nam, Hải Dương và Yên Quảng, ruộng lúa bị ngập nát. Ty Hiến sát đem tình trạng ấy tâu bày, bèn hạ lệnh xá tô ruộng năm nay có nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Mở trường đúc tiền ở Thuận Hóa.

Triều đình hạ lệnh mở trường ở phía hữu trấn doanh, đem súng đồng, khí dụng và tiền tệ đã bắt được mà không thể dùng được đúc hơn ba vạn quan tiền "Cảnh Hưng thuận bảo". Lại mộ người khai mỏ vàng ở núi đất xã Nam Khố, công việc làm vài tháng, không lấy được vàng bèn thôi.

Lời chua-Xã Nam Phố: Thuộc huyện Phú Vinh phủ Thừa Thiên.

Thuận Hóa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23, 24, 33, 34).

Rút bớt điền lộc.

Hồi đầu quốc triều (triều Lê), thể nghiệp điền lộc đều có quy chế nhất định. Sau khi trung hưng, bổng lộc hoặc thưởng cấp đều lấy ở kho công, ít khi dùng ruộng công để cấp. Từ năm Bảo Thái (niên hiệu Dụ Tông), Long Đức (niên hiệu Thần Tông) đến nay, việc ban cho mỗi ngày một nhiều, còn như tự sự, huệ lộc, sứ lộc, ngụ lộc và bách công ngụ lộc đều cấp bằng ruộng, có khi cấp phát quá lạm, cho nên một nửa thuế ruộng thuộc về tư gia, mà kho công không có của thừa để tích trữ. Bầy tôi trong triều bàn định, cho rằng việc điều động quân lính chi phí khá nhiều, cần nên giảm bớt việc cấp phát. Bởi thế, những điền lộc nào không hợp với quy chế đều bớt hết đi, còn điền lộc nào vẫn được cấp thì cấp thay bằng tiền công, mỗi mẫu mỗi năm cấp cho hai quan.

Lời chua-Thế nghiệp điền lộc: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XXIII, 20-25).

Tự sự: Phàm bầy tôi trong họ tôn thất và quan văn quan võ từ tam phẩm trở lên, có công tham dự vào việc bàn định mưu kế, giữ yên biên giới, và các chức thị giảng, thị nhữ³, phụng sứ, trấn thủ, thống lãnh cùng người chằng may bị chết khi chiến trận, những người này được đặc ân ban cho tự điền: nhất phẩm ba xã, tiền 120 quan; tòng nhất phẩm 3 xã, tiền 108 quan; chánh và tòng nhị phẩm 2 xã; chánh và tòng tam phẩm 1 xã, mỗi trật đều bớt dần đi 12 quan. Các quan văn quan võ và nội giám từ ngũ phẩm trở lên, không có công lao như đã kể trên, mà được dự vào ngũ phẩm phủ phủ liêu cùng nội sai phủ liêu, tri phiên và phó thiêm cũng ban cho tự điền có từng bậc khác nhau; nhất phẩm 60 quan; nhị phẩm 50 quan; xuống đến ngũ phẩm, mỗi trật đều bớt dần đi 10 quan.

¹ Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

² Nay là thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

³ Hầu hạ và cho con vua chúa bú.

Huệ Lộc: Các hoàng thân và hàng nhất, nhị phẩm đều được cấp một xã, tiền 60 quan, gạo 150 bát; tam phẩm một xã, tiền 40 quan, gạo 100 bát. Quan viên thôi việc về, từ nhất phẩm trở lên (chánh và tòng nhất phẩm cũng thế) được cấp dân lộc 4, 5 xã, sử tiền 400 quan (mỗi quan 6 tiền, gọi là sử tiền, 400 quan sử tiền, tức 2400 quan thực tiền bây giờ, dưới đây cũng thế); nhị phẩm, dân lộc 2, 3 xã, sử tiền 300 quan hoặc 250 quan; tam phẩm, dân lộc 1, 2 xã, sử tiền 200 quan hoặc 150 quan; tứ phẩm 1 xã, sử tiền 150 quan; ngũ phẩm 1 xã, sử tiền 100 quan. Còn gạo không có số nhất định.

Sứ Lộc: Chánh sứ một xã, tiền 120 quan, gạo 300 bát; phó sứ một xã, tiền 100 quan, gạo 250 bát.

Ngự Lộc: Tham tụng 2 xã, tiền 200 quan, gạo 350 bát; bồi tụng 1 xã, tiền 100 quan, gạo 300 bát; tả tư giảng một xã, tiền 60 quan, gạo 300 bát; hữu tư giảng một xã, tiền 40 quan, gạo 250 bát.

Việc cấp phát kể trên đều chuẩn theo số tiền, số gạo mà cấp thay cho điền lộc như thế nào cùng bách công ngự lộc, chưa khảo cứu được.

Lời phê-Cấp phát rất rối ren những lạm, mà chung quy thực số bổng lộc rất ít, cho nên lấy tiền kiện tụng rất nhiều. Xếp đặt chính trị, không hợp thể thống.

Lạc Hòn đến cống nạp.

Man Lạc Hòn đã lâu bỏ việc cống nạp. Đến nay sai bày tôi là bọn Thiêu (Thiếu) Mang Khoa đem voi đực và sản vật địa phương nhờ viên quan châu Quy Hợp xin cho vào châu ở kinh sư. Triều đình y cho.

Lời chua-Lạc Hòn: Tên Man, xem Hi Tông, năm Chính Hòa thứ 21 (Chb. XXXIV, 48).

Châu Quy Hợp: Xem Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chb. XVIII, 8).

Hạ lệnh cho lục bộ tiếp tục biên soạn Hội điển.

Đầu niên hiệu Long Đức¹, hạ lệnh chia cho các bộ thuộc tập hợp các tài liệu về chính sự lịch triều, rồi chia ra từng môn loại, biên soạn thành sách, nhan đề là Quốc triều hội điển². Đến nay lại hạ lệnh chiếu theo niên thứ tiếp tục biên soạn.

Tháng 3. Mộng dân khai khẩn ruộng bỏ hoang.

Hạ lệnh cho các trấn mộ dân khai khẩn ruộng bỏ hoang, mỗi người được nhận 5 mẫu ruộng, nhà nước cấp cho ngư canh, điền khí và 15 quan tiền³, mỗi năm thu thóc 250...⁴, dựng kho ở sở tại để chứa số thóc ấy.

Tháng 6, mùa hạ. Bãi bỏ thể lệ ti Hiến sát các lộ hàng năm đi dò hỏi tình trạng ở dân gian.

Theo thể lệ cũ, ti Hiến sát các trấn cứ đến cuối năm, đi khắp trong hạt, xét hỏi tình trạng đau khổ của dân, rồi đem sự thực mật tâu để triều đình biết. Nhưng, về sau, quan không thân hành đi, chỉ phái nha lại đến từng làng, sinh sự hạch sách làm phiền nhiễu dân, mà những lời tâu bày đều là việc tầm thường cả, thành ra chưa hề đạt được tình trạng của dân mà lại tăng thêm cái tệ nha lại những nhiễu. Đến nay, hạ lệnh: ty Hiến sát vẫn ở lý sở, cho phép dân đem tình trạng giải bày, không được phái lại dịch về làng như trước nữa.

¹ Niên hiệu Lê Thuần Tông (1732-1734).

² Xem thêm Chính biên quyển XXXVII, tờ 31.

³ Nguyên văn chép "cấp canh ngư, điền khí tiền thập ngũ quan" cũng có nghĩa nữa là ngư canh, điền khí trị giá tiền 15 quan.

⁴ Nguyên văn chép: "Nhị bách ngũ thập thiên", nếu dịch đúng là hai trăm năm mươi ngàn thì không có nghĩa gì cả. Chữ "thiên" chắc là chữ "đầu" hoặc chữ "lộc" mà in lầm, chưa khảo cứu được.

Tháng 7, mùa thu. Hạn hán. Dân bị nạn đói.

Lúc ấy, mất mùa, dân bị đói, giá gạo cao, mà ruộng chiêm thì khô nẻ, công việc làm ruộng không được tiện lợi. Người sang trọng phải nhòm từng cửa để xin làm thuê hoặc vay mượn mà cũng không đắt, họ hợp nhau ăn cắp, ăn trộm¹, nhân dân không được yên nghiệp làm ăn.

Tháng 8. Sâm bổ dụng Phạm Ngô Cầu giữ chức trấn phủ.

Trịnh Sâm lấy cớ rằng Quảng Nam chưa bình định được, mà lòng dân Thuận Hóa lại chưa thỏa thuận phục tùng, hơn nữa Bùi Thế Đạt ở trấn không thi thố được việc gì cả, bèn triệu bọn Thế Đạt, Quý Đôn và Lê Phiên về, còn các cơ, các đội trong 13 quân hiệu hiện đóng ở đây cũng nhất luật triệu về, mà sai Tào quận công Phạm Ngô Cầu, trấn thủ Sơn Nam, lãnh chức trấn phủ Thuận Hóa thay Bùi Thế Đạt, cho phép Ngô Cầu được tùy tiện thi hành mọi công việc, để bọn Nguyễn Mậu Dĩnh và Nguyễn Lệnh Tân ở lại giúp việc, đổi sai binh lính 10 doanh, cơ, đội đến thú thú. Lại sai Vũ Trần Thiệu, tả thị lang bộ Lại, đi dụ bảo và ban tiền bạc cho tướng sĩ có từng đẳng hạng khác nhau.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh: nếu ai có giấy tờ niêm phong tâu bày việc mật, viên quan có trách nhiệm phải lập tức đề đạt, theo như thể lệ cũ.

Thể lệ cũ ở công đường chính phủ treo một quả chuông, phàm người nào có tình trạng u ẩn hoặc có điều oan ức mà muốn giải bày, thì được phép làm giấy tờ niêm phong cẩn mật, rồi đánh chuông dâng nộp, viên quan trong Lại phiên nhận phong thư ấy lập tức dâng nộp để chúa rõ. Gần đây, công việc trình bày phần nhiều phủ phiểm càn rỡ, không thiết thực, mà viên quan có trách nhiệm cũng để chậm trễ hoặc nhãng quên đi, nên dầu có người bị oan uổng uất ức cũng ít khi được tự đề đạt lên trên được. Vì thế, nay bàn định đổi hẳn tình tệ ấy, nếu người nào để chậm trễ sẽ có tội.

Bỏ bớt ti Thừa chính sứ và quan châu, quan huyện ở trấn Thái Nguyên.

Trước kia, các trấn đều đặt ba ti (ti Trấn thủ), ti Thừa chính, và ti Hiến sát), chia nhau làm các công việc. Nay Trịnh Sâm nhận thấy trấn Thái Nguyên nhân dân ít, công việc đơn giản, và lại đất ấy ở nơi biên viễn, nhiều rừng núi, bèn hạ lệnh bỏ bớt ti Thừa chính, công việc ti này giao về ti trấn thủ nhận giữ. Sau đó, đô ngự sử Lê Quý Đôn lại xin đem sáu huyện châu thuộc trấn này là Thông Hóa, Cảm Hóa, Bạch Thông, Văn Lãng, Vũ Nhai và Đại Từ cũng bỏ bớt đi. Trịnh Sâm theo lời.

Lời chua-Thông Hóa: Tên phủ, thuộc trấn Thái Nguyên².

Cảm Hóa³: Tên huyện, xem Lý Thái Tông, năm Thiên Cảm Thánh Võ thứ nhất (Chb. III, 11).

Văn Lãng: Xem năm Cảnh Hưng thứ 2 (Chb. XXXIX, 18).

Vũ Nhai và Đại Từ: Đều xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 17 (Chb. XXX, 7).

Châu Bạch Thông⁴: Xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 22 (Chb. XXX, 29).

Tháng 11. Không mưa. Hạ chiếu trưng cầu lời nói trung trực.

Tháng 12. Vì hạn hán, hạ chiếu tha các tiền thuế còn bỏ thiếu và tiền thuế điệu; đình hoãn mọi công việc thổ mộc.

¹ Nguyên văn chép: "Quý giả vọng môn dung tá vô sở thụ, tương tư thất thiết". Chúng tôi ngờ chữ "quý" là chữ "bần" mà in sai đi, vì theo Hán văn, thì chữ "quý" và chữ "bần" tự dạng gần giống nhau, nếu là chữ "bần" thì nghĩa cả đoạn văn này có phần xuôi hơn. Nhưng vì không có tài liệu khác để tham khảo, nên vẫn dịch theo nguyên văn.

² Đất phủ Thông Hóa, nay gồm các huyện Ngân Sơn, Ba Bể (Cao Bằng và Na Rì, Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).

³ Đất huyện Cảm Hóa, nay gồm các huyện Ngân Sơn (Cao Bằng) và Na Rì (Bắc Cạn).

⁴ Thuộc phủ Thông Hóa. Nay gồm huyện Ba Bể (Cao Bằng) và huyện Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).

Lúc ấy, đã lâu không mưa. Sầm cầu đảo ở chùa Báo Thiên, nhân đấy tha cho các lộ những tiền thuế còn bỏ thiếu từ năm Mậu Tý (1767) đến năm Nhâm Thìn (1771); lại tha tiền thuế điệu sang năm cho dân ở ven đường, đình hoãn mọi công việc đắp đê và đào sông.

Lời chua-Chùa Báo Thiên: Xem Lý Thần Tông, năm Thiên chương bảo tự thứ 5 (Chb. IV, 32).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 45

Từ Đinh Dậu, Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 38 (1771) đến Nhâm Dần, năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782) gồm 6 năm.

Đinh Dậu, năm [Cảnh Hưng] thứ 38 (1777). (Thanh, năm Càn Long thứ 42).

Tháng giêng, mùa xuân. hạ lệnh cho bọn Lê Quý Đôn xét định ngạch tô thuế của binh và dân ở Thuận Hóa.

Các quan trong chính phủ nói: "Triều đình lấy được Thuận Hóa đã ba năm nay rồi, nay nên liệu lượng bổ tô thuế cho binh và dân, chép thành sổ sách ngạch thuế". Trịnh Sâm nhận thấy bọn Lê Quý Đôn, Phan Lê Phiên và Uông Sĩ Điển đều ở Thuận Hóa về kinh, biết rõ được tình thế đất đai và tình trạng dân gian ở đây, bèn hạ lệnh cho bọn này chiếu theo ngạch ruộng đất và binh, dân mà tra cứu, rồi xét định chia bổ. Đại lược việc xét định này, về số tô giảm hai phần mười, về số binh giảm một phần ba. Nhân đây, giao cho trấn phủ Phạm Ngô Cầu chăm chú thi hành.

Lời chúa-Thuận Hóa: Có hai phủ, tám huyện và một châu, chia ra lệ thuộc như sau: 5 huyện Hương Trà, Phú Vinh, Quảng Điền, Hải Lăng và Đăng Xương thuộc phủ Triệu Phong; 3 huyện Phong Lộc (trước là Khang Lộc), Lệ Thủy Minh Linh và châu Nam Bố Chính thuộc phủ Quảng Bình; nhân số các hạng có 126.857 người, ruộng đất công và tư có 265.507 mẫu, trong số này có trừ rừng núi, tha ma, vườn tược, nhà ở, đầm ao, đất công, đất chùa và những đất khô rạn phải bỏ hoang, còn thực số cày cấy 153. 181 mẫu.

Trịnh Sâm bổ dụng Nguyễn Văn Nhạc giữ chức trấn thủ tuyên úy đại sứ ở Quảng Nam.

Sau khi đã chiếm cứ Quảng Nam, Văn Nhạc sai bộ thuộc là Đỗ Phú Tuấn xin với Trịnh Sâm để được trấn thủ địa phương này. Lúc ấy, Trịnh Sâm ngại về việc dụng binh, nhân đây, chuẩn y cho. Văn Nhạc bèn sắm sửa binh khí, tích trữ lương thực, chặn lấp nơi hiểm yếu, phòng giữ nơi quan ải, tiến dần lên thế thịnh vượng hùng cường. Nguyễn Lệnh Tân, phó đốc thị, muốn trừ diệt sớm đi, nhưng bị Phạm Ngô Cầu ngăn cản. Lệnh Tân bèn làm tờ khai trình bày với Sâm rằng: "Ngô Cầu là người nhút nhát, không có kế mưu, nếu giao phó trong tay Ngô Cầu, tất nhiên Thuận Quảng sẽ bị mất. Xin bái Ngô Cầu đi mà phái ủy viên tướng khác, ngõ hầu mới có thể giữ được Thuận Quảng". Trịnh Sâm cho Ngô Cầu là người trầm tĩnh cẩn trọng, không cho lời Lệnh Tân nói là đúng. Sau đó, Sâm cho triệu Lệnh Tân về, bổ đi quyền chức tham chính trấn Sơn Tây. Từ đây, Văn Nhạc được thế vùng vẫy, cướp phá các địa phương Phú Yên và Bình Thuận, thế lực của Văn Nhạc không ai có thể kìm chế được.

Lời chúa-Quảng Nam¹: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7-10).

Phú Yên²: Địa vực của thị tộc Việt Thường xưa; đời nhà Tần là huyện Lâm Ấp; đời nhà Hán, thuộc đất huyện Tượng Lâm; nhà Tùy đổi làm quận; nhà Đường đổi làm châu; sau là đất Chiêm Thành; nhà Lê đặt là huyện Tuy Viễn; khoảng năm Gia Long đổi là trấn; nay là tỉnh Phú Yên.

¹ Nay là tỉnh Quảng Nam.

² Nay là tỉnh Phú Yên.

Bình Thuận¹: Xưa là một nước ở ngoài biên giới về phía nam; sau là đất Chiêm Thành; đời nhà Lê vẫn là nước Chiêm Thành; khoảng năm Gia Long đặt làm trấn; nay là tỉnh Bình Thuận.

Tháng 4, mùa hạ. Nghệ An bị nạn đói; triều đình phát chẩn cho dân.

Luôn mấy năm, trấn Nghệ An mất mùa đói kém, thầy chết đói nối liền với nhau. Ti Hiến sát đem tình trạng ấy tâu bày. Triều đình bèn hạ lệnh cho bọn Nguyễn Đình Diễn và Ngô Phúc Lâm trích 15.000 quan tiền và 15 vạn bát quan thóc trong kho, chia ra phát chẩn. Nguyễn Lê lại trình bày bốn điều về chính sách cứu đói: 1. Dời dân đói đến Thanh Hoa khai khẩn ruộng đất; 2. Mở cửa biển cho các thuyền buôn vận tải; 3. Mở đường châu Quy Hợp cho phép dân được thông hành buôn bán; 4. Cho phép thuyền buôn chở gạo đến trao đổi và được miễn thuế. Trịnh Sâm đều thu nhận.

Lời chua-Ngô Phúc Lâm: Người xã Trảo Nha², huyện Thạch Hà, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Châu Quy Hợp³: Xem Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chb. XVIII, 8).

Hợp hai châu Nam Bố Chính và Bắc Bố Chính làm một, cho lệ thuộc vào Nghệ An.

Trước kia, Bắc Bố Chính thuộc Nghệ An, Nam Bố Chính thuộc Thuận Hóa. Đến nay bày tâu bàn hợp lại làm một, đều cho lệ thuộc vào Hà Hoa, trấn Nghệ An. Trịnh Sâm y cho.

Lời chua-Nam Bố Chính⁴: Xem Thần Tông, năm Dương Hòa thứ 9 (Chb. XXXI, 31).

Bắc Bố Chính⁵: Xem Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXXI, 29).

Phủ Hà Hoa⁶: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 3 (Chb. X, 37).

Tháng 5. Tha thuế còn thiếu và tiền thuế điệu năm nay cho các lộ.

Trịnh Sâm nhận thấy Thuận Hóa đã được yên, Quảng Nam lại quy thuận, bèn hạ lệnh miễn các thuế thổ sản còn bỏ thiếu từ năm Ất Mùi (1775) trở về trước cho Thanh Hoa và Nghệ An; miễn tiền thuế điệu năm nay cho tứ trấn. Nếu người nào đã nộp rồi, sẽ được phép tính trừ vào thuế vụ xuân sang năm. Lại thưởng tiền cho các quân lính trong kinh, ngoài trấn có nhiều ít khác nhau.

Lời chua-Thưởng tiền cho các quân lính: Thân binh, mỗi người được thưởng một quan hai tiền; ngoài ra, phạm binh lính nào có cầm binh khí được thưởng một quan, binh lính không cầm binh khí đều được thưởng sáu tiền.

Tiền thuế điệu: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 10).

Tháng 6. Bổ dụng Hoàng Đình Bảo giữ chức trấn thủ Nghệ An, Bùi Huy Bích giữ chức đốc đồng.

Đình Bảo là cháu Hoàng Ngũ Phúc, đỗ hương tiến⁷, lại đỗ tạo sĩ, Trịnh Doanh gả con gái cho, uy quyền ngày càng to lớn. Người hiếu sự lúc bấy giờ làm con dao, có chữ "thảo nhất điền bát"⁸. Lại một

¹ Nay là tỉnh Bình Thuận.

² Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

³ Nay là huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

⁴ Nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

⁵ Nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

⁶ Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

⁷ Tức hương cống triều Lê và sau này triều Nguyễn đổi là cử nhân.

⁸ Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

việc nữa: Tên cũ của Đình Bảo là Đẳng Bảo, người ta phần nhiều bàn tán về chữ đặt tên này¹, vì thế, đổi là Tố Lý, sau mới đổi là Đình Bảo.

Lúc Hoàng Ngũ Phúc vào xâm lấn trong Nam, xin cho Đình Bảo được lệ thuộc quyền mình để đi theo. Đình Bảo thông hiểu chút ít binh pháp, đánh trận nhiều lần lập được chiến công, nên được các tướng sợ phục. Sau khi Ngũ Phúc mất, Trịnh Sâm bổ dụng Đình Bảo giữ chức quyền phủ sự, thay Ngũ Phúc quản lĩnh binh lính bản bộ. Đến nay, vì Nghệ An hàng năm bị đói, giặc cướp có nơi hô hào tụ hợp, Trịnh Sâm toan thử dùng tài Đình Bảo. Gặp lũ ấy Phạm Ngô Cầu, trấn thủ Thuận Hóa, cho trạm chạy thư về triều nói: "Nguyễn Văn Nhạc, giặc Tây Sơn, cướp bóc quấy rối mặt Nam, cần phải phòng bị". Sâm bèn hạ lệnh cho Đình Bảo thay Hoàng Đình Thế làm trấn thủ và Bùi Huy Bích giúp việc, mà sai Đình Thế đốc suất binh lính 5 cơ, đội đóng ở Bồ Chính, để làm thanh thế viện trợ cho Ngô Cầu.

Lời chua-Bùi Huy Bích: Người xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769) năm Cảnh Hưng.

Thảo nhất điền bát: Lúc ấy có thư nặc danh nói "Thảo nhất điền bát² giả sấm thuyết dĩ nhiễm nguyên³; thi nhất dương quần⁴, phiến đồng dao nhi lộng xuân⁵". Thảo nhất điền bát là chữ "hoàng". Thi nhất: ý nói Đình Bảo tuổi Hợi; dương quần; ý nói Sâm và con là Khải đều tuổi Mùi.

Mở trường thi hương ở Thuận Hóa.

Trước đây, triều đình hạ lệnh dò tìm những người hiền tài ẩn dật còn sót lại ở Thuận Hóa, để cân nhắc tài năng bổ dụng. Đến nay hạ lệnh cho viên quan trấn phủ chiếu theo điều lệ thi hương, trước hết khảo hạch học trò, kê thành sổ sách dâng nộp, triều đình lại chọn quan trong kinh phụng mệnh sung vào giữ công việc trường thi. Sau đó, Ngô Cầu dâng nói: "Thuận Quảng trải qua binh lửa lâu ngày, việc học tập của học trò bỏ qua gián đoạn, nên chưa thấy có người nào xin thi hạch. Vậy xin làm phép quyền nghi, đều tùy theo sức học của học trò, hễ ai có thể thông được bài thơ, bài phú và hiểu biết công việc hiện thời, thì được tham dự tập hợp để thi khảo, sẽ cân nhắc lấy người trúng cách, để cổ vũ chí khí của sĩ phu". Trịnh Sâm theo lời, bèn hạ lệnh cho Trấn ti thi khảo một lần, đầu đề dùng thơ phú và văn sách, rồi chọn lấy người trội hơn làm hương cống, người thứ nhì là sinh đồ, để thu dùng những sĩ tử văn học.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng Hoàng Đình Thế giữ chức đốc lãnh ở Thuận Hóa.

Trước đây, Đình Thế đóng đồn ở Bồ Chính, gặp lúc ấy giặc cướp ở huyện Khang Lộc và Lệ Thủy nổi dậy, đường sá đi lại bị ngăn trở. Ngô Phúc Oánh, lưu thủ ở Động Hải, đem việc nguy cấp ấy báo về triều. Triều đình hạ lệnh cho Đình Thế đi đánh, hai huyện này được bình định. Vì thế nên bổ dụng Đình Thế giữ chức này, rồi sai Hoàng Thúc Nhị đem cờ tiết, sắc văn và ấn tín đến quân thứ ban cho Đình Thế.

Lời chua-Hoàng Thúc Nhị: Người xã An Đồng, huyện La Sơn⁶, đỗ hương cống.

Khang Lộc⁷: Xem Anh Tông, năm Chính Trị thứ 14 (Chb. XXVIII, 30).

Lệ Thủy¹: Tên huyện, thuộc huyện Quảng Bình.

¹ Có lẽ họ cho rằng tên "Đẳng Bảo" tức là đẳng bảo vị (lên ngôi báu), nên họ mới bàn tán.

² Bốn chữ "Thảo nhất điền bát" đem chấp liền với nhau, thành một chữ "hoàng" tức là họ của Đình Bảo.

³ Ý nói: mượn lời sấm để mong làm việc trái với bốn phận. Trong câu này có hai chữ "nhiễm nguyên", tác giả dùng điển trong sách Tả truyện. Thời Xuân Thu, Trịnh Lịnh Công sai nhà bếp nấu thịt ba ba, cho triệu đại phu là Tử Công vào, nhưng không cho ăn. Tử Công giận lắm, thò tay vào vạc lấy thịt ba ba ăn rồi hăm hăm đi ra, sau Trịnh Lịnh Công bị Tử Công giết. Vì thế người ta dùng danh từ "nhiễm chi" hoặc "nhiễm nguyên", để nói về người muốn chấm dứt thứ gì mà bốn phận mình không được hưởng thụ.

⁴ Câu này có chữ "thi" là con lợn và "dương" là con dê. Theo thuyết nhà thuật số thì 12 hàng chi đều có cầm tinh một con vật, ví dụ người đẻ năm tý tức cầm tinh con chuột, đẻ năm sửu tức cầm tinh con trâu v.v... Ở đây vì Đình Bảo tuổi Hợi nên tác giả dùng chữ "thi nhất"; hai bố con Sâm và Khải đều tuổi Mùi nên dùng chữ "dương quần".

⁵ Ý nói: Thổi phồng lời đồng dao mà làm việc xuẩn động.

⁶ Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

⁷ Nay là huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Tháng 12, mùa đông. Sai bọn Vũ Trần Thiệu, tả thị lang bộ Lại, sang nhà Thanh.

Trịnh Sâm có chí toan cướp ngôi vua. Năm ấy nhân gặp kỳ tuế cống, Sâm làm tờ biểu mật tâu với triều đình nhà Thanh nói: "Nhà Lê không có người con cháu nào hiền tài", rồi căn dặn Trần Thiệu đem việc ấy vào tâu với vua nhà Thanh. Lại sai nội giám (sót họ tên) cùng đi để dâng của dút và xin phong tước. Khi đi đến hồ Động Đình, Trần Thiệu giả vờ có bệnh, đương đêm đem tờ biểu đốt trước mặt sứ bộ, rồi uống thuốc tự tử. Sau đây, truy tặng cho Trần Thiệu hàm tượng thư.

Lời phê-Chim hạc đứng giữa đàn gà, thực là hiếm có².

Mậu Tuất, năm thứ 39 (1778). (Thanh, năm Càn Long thứ 43).

Tháng 2, mùa xuân. Phong cho Hoàng Đình Bảo tước Huy quận công.

Trước đây, Hoàng Đình Bảo vâng lệnh đến trấn thủ Nghệ An, gặp lúc ấy giặc cướp (sót họ tên) ở hai huyện Đông Thành và Quỳnh Lưu nổi dậy, quấy nhiễu cướp bóc huyện bên cạnh. Ngô Đình Hoàn, trấn thủ Thanh Hoa, muốn hội hợp binh lính hai xứ để đánh phá tiêu trừ. Đình Bảo sai người ngăn lại và bảo chớ có động binh. Nhân đấy, Đình Bảo lập mưu săn bắt được, đồ đảng của giặc còn sót lại bị tan tác, vì thế trong hạt được yên. Đến nay bàn định thưởng cho tước quận công. Đình Bảo lại xin quyền tạm lấy thóc công, tính hạ giá để bán cho dân nghèo, đợi đến mùa lúa chín, sẽ nộp trả lại. Trịnh Sâm y cho.

Lời chua-Đông Thành và Quỳnh Lưu³: Tên hai huyện, xem năm Cảnh Hưng thứ 20 (Chb. XLII, 5).

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Hạ chiếu cầu người trình bày lời trung thực.

Lúc ấy, luôn mấy năm hạn hán, kém đói, Trịnh Sâm hạ lệnh cho bầy tôi và sĩ thứ nói thẳng những điều thiếu sót, sai lầm. Lê Thế Toại, tham nghị cũ ở xứ Thanh Hoa dâng tờ khai, đại lược nói: "Dĩnh Thành hầu Lê Quý Đôn dụng tâm quanh co, bỉ ổi, mong muốn càn rỡ những điều quá hạn định của mình: nào lập mưu cho con ăn cắp bài văn thi ở trong trường, nào vụng trộm chiếm nơi cấm địa. Ông Mạnh Tử nói: "Quan sát con người của từng người, thì người gian người ngay, không thể nào giấu giếm được". Con người của Lê Quý Đôn lúc nào cũng đưa đũa lia lịa, nếu dùng người này giữ chức cao cả tất nhiên làm tai hại cho nhân dân. Kiều Nhạc Hầu Nguyễn Lệ từ khi được dự vào chính phủ đến nay, chưa nghe mở mang được điều gì có lợi, trừ bỏ được việc gì có hại, chỉ chuyên dùng mảnh khoé khéo léo để mê hoặc lòng vua chúa; vừa mới bỏ ra giữ chức tham đốc xứ Nghệ, mà quá nửa số nhân dân bị phiêu lưu⁴. Vậy xin: Nghiêm ngặt trị tội Quý Đôn và Nguyễn Lệ, để tạ tội với mọi người trong nước, thì tự nhiên được trời mưa". Tờ khảo này không được Trịnh Sâm trả lời.

Lời chua-Lập mưu cho con ăn cắp văn thi ở trong trường: Kỳ đệ tứ khoa thi Hội năm Ất Mùi (1775), Quý Đôn nhờ Đình [Thì] Trung làm bài cho con mình là Quý Kiệt⁵.

Vụng trộm chiếm nơi cấm địa: Quý Đôn táng trộm mả tổ ở cấm địa tại sơn phận Tân Viên.

Làm lễ an táng Nhu thận hoàng thái hậu.

Trước kia, thái hậu mất⁶, vì Trịnh Sâm đang mắc bận về việc dụng binh, nên việc an táng bị ngăn trở; lúc đoạn tang cũng chưa táng được. Đến nay, mới làm lễ an táng ở xã Dịch Vọng gần kinh kỳ.

Lời chua-Xã Dịch Vọng: Thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội¹.

¹ Nay là huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

² Ý nói, lúc ấy bầy tôi nhà Lê đều là hạng tầm thường, không khác gì đàn gà, chỉ Vũ Trần Thiệu là người có khí tiết khác thường. Ví như chim hạc.

³ Nay đều thuộc tỉnh Nghệ An.

⁴ Xem thêm Chính biên cuốn XLIV, tờ 21.

⁵ Xem thêm Chính biên cuốn XLIV, tờ 27, 28.

⁶ Xem Thêm Chính biên quyển XLIV, tờ 24.

Tháng 6 nhuận. Dân bị đói to.

Từ lúc dùng quân đánh dẹp trở đi, triều đình mua vét thóc gạo ở tứ trấn và Thanh Nghệ, vận tải vào đồn Động Hải. Thóc gạo khô ứt không đều, thành ra mục nát không thể ăn được, vứt bỏ đi đến quá nửa. Những thứ tích trữ ở dân gian hầu như nhẵn nhụi. Thêm vào đấy luôn mấy năm hạn hán mất mùa, giá gạo cao vọt, một chén nhỏ gạo trị giá một tiền, đầy đường những cây chết đói. Triều đình bèn lập đàn tràng cầu đảo ở kinh thành; dựng quán tế sinh ở thôn Ái Mộ: nấu cơm cháo chia ra phát chẩn; người có bệnh thì cấp cho thuốc thang. Lại hạ lệnh cho các trấn khuyến nhủ dân sở tại người giàu, người nghèo giúp đỡ lẫn nhau; cấm nhân dân đóng cửa không bán thóc gạo. Tuy thế, những kẻ trên người dưới che đậy lẫn nhau, mệnh lệnh của triều đình cũng chỉ thi hành một cách cầu thả trên giấy tờ suông thôi. Chỉ có Hoàng Đình Bảo, trấn thủ Nghệ An, hạ lệnh kê tên những người nghèo trong hạt thành một danh sách, bắt người có quyền thế vật lực nhận lĩnh về, ủy thác sự chu cấp cho họ, hoặc chiếu theo nhân khẩu để cấp phát thực tiễn. Nhờ thế mà nhiều người được toàn hoạt.

Lời chua-Đồn Động Hải: Thuộc huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Thôn Ái Mộ²: Thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 7, mùa thu. Giặc biển vùng đông nam nổi dậy. Triều đình sai bọn Nguyễn Phan, Hoàng Phùng Cơ và Hoàng Đình Bảo chia quân ra từng đạo đi tiêu bắt.

Lúc ấy, luôn mấy năm bị mất mùa kém đói, nhân dân hợp nhau làm giặc cướp: bọn Thục Toại (sót họ), người Yên Quảng, Nguyễn Kim Phẩm và Trần Xuân Trạch, người Sơn Nam, hô hào tụ hợp có hàng vạn người, đánh phá Yên Quảng, viên án trấn là Đặng Đình Viện bị giặc bắt. Nguyễn Dịch Bàn, trấn thủ Hải Dương, chần chừ không dám tiến quân. Trịnh Sâm bổ dụng Nguyễn Đăng Đàn giữ chức án trấn Yên Quảng thay cho Đình Viện. Đăng Đàn đóng quân cố sức giữ thành, giặc không thể nào cướp phá được, chúng bèn vượt ra biển cướp vùng Sơn Nam, do cửa Lác đến Giao Thủy. Trấn thủ Ngô Đình Hoàn đánh bại được bọn này, chúng bèn lui quân đóng ở sông Ngô Đồng. Đình Hoàn đem hết quân ra đuổi theo, khi quân sĩ mới đến được một nữa, giặc bèn quay lại đánh, Đình Hoàn bị thua to, chỉ chạy thoát được một mình. Giặc nhân thế thẳng, kéo đến xã Thận Vi, chia quân cướp phá. Vì thế dân sở tại bị rối loạn.

Trịnh Sâm hỏi bầy tôi, ai có thể làm tướng đi đánh giặc được. Nội giám Thân Xuân Thự xin đi. Sâm bèn bổ Xuân Thự giữ chức đốc lãnh quân thủy đạo, cho tri Lại phiên Mai Thế Uông làm giám quân kiêm chức tán lý; lại hạ lệnh thái tử Nguyễn Phan và đại tư không Hoàng Phùng Cơ giữ chức đốc lãnh tả hữu bộ quân, được phép tùy cơ hội hoặc càn quét hoặc chiêu dụ.

Trước đây, Xuân Thự bắt được tên quân của giặc đầu hàng, nói giặc có thể chiêu hàng được, vì thế Xuân Thự mới hăng hái xin đi. Khi đến quân thứ, thấy giặc không có chí xin hàng, mà lại cướp phá hơn trước, Xuân Thự bèn thu quân lại, không dám tiến. Giặc đánh úp Hiến doanh. Trịnh Sâm được tin, liền hạ lệnh cho Trịnh Tự Quyền làm hiệp đốc lãnh thủy đạo, đem quân đốc sức đánh giặc. Tự Quyền cùng bọn Nguyễn Phan tiến quân đến xã Thận Vi, đánh giặc phá tan được. Giặc lui ra ngoài biển, đóng đồn liên kết với nhau, đón cướp các nơi, khi ẩn khi hiện không nhất định.

Lúc ấy, tuy đầu sở trong đám giặc có nhiều người là thuộc tướng của Hoàng Ngũ Phúc, chúng cho rằng Hoàng Đình Bảo cùng Nguyễn Khắc Tuân ở Kinh Bắc và Nguyễn Lệ ở Sơn Tây đều chia bè phái, chúng ngờ Đình Bảo ở Nghệ An tất có mưu toan làm việc trái phép, bèn sai người lén lút tới nơi, suy tôn Đình Bảo làm minh chủ³. Đình Bảo viết thư trả lời chúng, rồi liền đem bức thư của giặc kèm với thư của mình làm tờ khai trình bày đầy đủ về triều. Trịnh Sâm cho là người trung thành, bèn bổ Đình Bảo làm thống lãnh, đem châu sư⁴ trấn Nghệ An tiến ra càn quét. Giặc nghe tin Đình Bảo kéo quân, đều tự chạy

¹ Tục gọi làng Vòng. Nay là phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

² Nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

³ Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XXXV, tờ 33.

⁴ Binh lính sử dụng thuyền, đánh nhau ở sông biển.

trốn. Lê Quý Đôn lại sai người chiêu dụ, đảng giặc là Thục Toại xin hàng. Giặc biến hết thảy đều bình định được.

Sau trị tội, những người thua trận nhút nhát rút lui: Ngô Đình Hoàn phải tội lưu đi viễn châu, Nguyễn Đình Bàn phải lột chức tước, Thân Xuân Thự phải giáng xuống năm bậc. Còn bọn Nguyễn Phan, Phùng Cơ và tướng tá khác đều được thăng thưởng có đẳng hạng khác nhau.

Lời chua-Mai Thế Ưông: Do chân hương cống được tiến triều, là con Thế Chuẩn, người xã Thạch Giản, huyện Nga Sơn¹.

Đặng Đình Viên: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức².

Trịnh Tự Quyên: Người xã Phù Lỗ³, huyện Kim Anh.

Nguyễn Kim Phẩm: Người huyện Thượng Nguyên.

Trần Xuân Trạch: Người huyện Nam Chân. Kim Phẩm và Xuân Trạch sau này đều vào Gia Định, theo việc nghĩa, được trao chức tả chi chưởng cơ và hữu chi chưởng cơ, bị chết tại trận, khoảng năm Gia Long đều truy tặng chưởng doanh quận công, liệt vào hàng thờ ở miếu Công thần.

Hiển Doanh: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 39).

Cửa biển Lác Hải: Ở giáp giới địa phận hai huyện Giao Thủy và Chân Định⁴.

Thận Vi⁵: Tên xã, thuộc huyện Thượng Nguyên.

Sông Ngô Đồng: Ở địa giới huyện Giao Thủy. Các địa điểm trên đều thuộc tỉnh Nam Định.

Trịnh Sâm tự ý thi những người đã được đề cử.

Sâm tự cậy tài cán, cho rằng trong thiên hạ không việc gì không thể làm được, trăm quan không người nào không thể giá ngự được. Trước kia, Sâm định điều lệ văn tuyển, võ tuyển: Ở ngoài các trấn thì do Thừa chính và Hiến sát dò hỏi những người có đức hạnh, học thuật, không câu nệ người ấy đã làm quan hay chưa, đều được đề cử những người mà mình biết là xứng đáng, mỗi năm cứ tháng trọng thu⁶ dâng danh sách lên chính phủ; ở trong kinh thì các quan về văn ban đều có quyền bảo cử. Triều đình hạ lệnh cho các quan trong chính phủ xét duyệt, chọn lấy người trội hơn vào phủ đường yết kiến, nếu người nào ở trước mặt chúa mà ứng đối được hợp ý, lập tức thăng bổ giữ chức phó thiêm ở lục phiên và các chức tham nghị, hiến phó, không bó buộc về tư cách. Còn người trội vừa sẽ đưa sang bộ Lại kén chọn, bổ giữ các chức ở lục bộ, lục tự hoặc phủ, huyện, gọi là văn tuyển.

Các quan về võ ban đề cử người có phương pháp, mưu mô, tài năng, nghệ thuật đã từng theo đi đánh trận. Những người này cũng do các quan trong chính phủ xét tài năng, phẩm hạnh, xếp thành thứ tự, rồi dẫn vào phủ đường để so đo, võ nghệ người nào trội hơn thì được thăng chức bổ dụng, người trội vừa sẽ bổ dụng sau, gọi là võ tuyển.

Đến nay, Sâm hạ lệnh triệu những người được đề cử về văn tuyển là bọn Nguyễn Danh Hiến 14 người vào phủ đường thi khảo ngay trước mặt, rồi bổ giữ chức ngoài các trấn.

¹ Nay là xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

² Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

³ Nay là xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

⁴ Nay Giao Thủy thuộc Nam Định. Chân Định thuộc Thái Bình.

⁵ Nay là xã Bách Thuận thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

⁶ Tháng 8 âm lịch.

Lời chua-Nguyễn Danh Hiến: Người xã Xuân Cầu¹, huyện Văn Giang.

Tháng 11, mùa đông. Bồ dụng Hoàng Đình Bảo làm thự phủ sự, lãnh chức trấn thủ Sơn Nam bằng cách vắng mặt.

Trước kia, Đình Bảo trấn thủ Nghệ An, dẹp giặc cướp, ngăn kiên tụng, rất được lòng dân. Liều thuộc ở dưới trưởng hãn có các hạng tả, hữu tham quân và tòng sự. Vì thế, trong kinh ngoài trấn phao đồn âm lên rằng "Đình Bảo có ý mưu toan làm việc trái phép". Trịnh Sâm bí mật bàn mưu với tín thần² là Nguyễn Phương Đĩnh và Nguyễn Lê để giết Đình Bảo. Vợ Đình Bảo là quận chúa³, vẫn a dua Đặng Thị, vợ Trịnh Sâm, ngày đêm ra vào trong phủ, Đặng Thị đem việc ấy nói cho biết. Đình Bảo không được yên tâm, bèn làm tờ khải xin về triều, Sâm y cho.

Đình Bảo cho rằng Đặng Thị tuy được chúa cưng yêu, nhưng Cán (Con Đặng Thị) còn bé, mà Khải đã trưởng thành, nếu phụ họa Đặng Thị e rằng không phải kể vừng vàng lâu dài. Sau khi đã vào phủ yết kiến rồi, Đình Bảo sắm đủ 100 lạng vàng, 10 cây đoạn gấm, làm lễ trình diện, đến yết kiến Trịnh Khải. Khải từ chối, không cho vào yết kiến, lại nói riêng với người hầu hạ rằng: "Thằng giặc ấy sao không ở trấn Nghệ An để làm phản, lại vội vàng về triều? Một ngày kia ta sẽ tịch thu gia sản nó, ta thêm dùng lễ chí kiến của nó làm gì?". Đình Bảo nghe được câu ấy, sợ lắm, tự suy nghĩ là mình không được Trịnh Khải bao dung, bèn quả quyết phụ họa với Đặng Thị, ngầm chủ trương mưu kế bỏ người này lập người khác, Đặng Thị cũng hết sức giúp đỡ Đình Bảo, và biện bạch là Đình Bảo bị vi oan, lại cho Đình Bảo có thể dùng giữ việc trọng đại được. Trịnh Sâm tin lời. Do đấy, Đình Bảo được vào giữ chức trong chính phủ, mở quân doanh Trung Nhuệ, lãnh chức trấn thủ Sơn Nam bằng cách vắng mặt. Quyền thế Đình Bảo làm nghiêng lệch cả trong kinh, ngoài trấn. Bọn quân binh và trấn thủ đều là môn hạ, chỉ có Nguyễn Lê ở Sơn Tây và Nguyễn Khắc Tuấn ở Kinh Bắc cùng Đình Bảo vẫn ngầm có ý đánh đổ nhau, đê bẹp nhau, gây ra tình thế bè đảng.

Lời phê-Họ Trịnh dùng nhiều quan thị, hơn cả nhà Hán, nhà Đường; bầy tôi lại đều giữ lòng riêng, gây bè đảng, thế mà Trịnh Sâm tin dùng. Như thế, không bại vong sao được?

Lời chua-Sơn Nam, Nghệ An, Sơn Tây, Kinh Bắc: Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16-18, 21-23, 26-28).

Kỷ Hợi, năm thứ 40 (1779). (Thanh, năm Càn Long thứ 44).

Tháng 3, mùa xuân. Trịnh Sâm hạ lệnh cho Phủ doãn và Hiến sát sứ đi tuần hành xét hỏi các nha môn và những người quyền thế về việc ức hiếp những nhân dân.

Sâm lấy cớ rằng, trong nước được thái bình lâu ngày, lệnh cấm có phần lỏng lẻo các nha môn hoặc có người trái phép làm càn, bèn hạ lệnh cho viên Phủ doãn ở Phụng Thiên đi tuần hành trong kinh kỳ, viên quan trong ti Hiến sát các trấn đi tuần hành trong địa hạt mình, để tra xét xem có việc giả lệnh, sai phái, dùng mạo ấn tín và các tình hình về việc sai bắt, những nhiễu, lằng loàn ức hiếp hay không. Nếu có, thì không đợi người cáo tố, lập tức bắt để trị tội. Nếu viên quan nào vì sợ hãi, vì tránh tiếng mà yếm lưu đi, khi việc phát giác, sẽ đều tùy theo tội nặng hay nhẹ mà giáng chức hoặc bãi chức. Tuy thế, nhưng bên trong thì Đặng Thị, bên ngoài thì Hoàng Đình Bảo, trong ngoài cấu kết với nhau. Phàm nhà quyền thế phần nhiều dính dáng là môn hạ của hai nhà kia, nếu họ có việc gì đến cửa quan, thì viên quan giữ trách nhiệm chỉ nhìn nhau rồi ngậm miệng đùn đẩy lẫn cho nhau mà thôi.

Lời chua-Đặng Thị Huệ: Người xã Phù Đồng⁴, huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

Tháng 6, mùa hạ. Định rõ lại quy chế việc dạy học.

¹ Nay thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

² Tức hoạn quan.

³ Con gái Trịnh Doanh.

⁴ Nay là thôn Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Hạ lệnh cho Quốc Tử giám và Đề đốc Học chính các xứ dạy bảo học trò, trước hết cần có sự thật về việc làm rồi sau mới đến văn chương. Chia học trò ra làm hai hạng ghi vào sổ nhà trường, hàng ngày đến trường nghe giảng dạy. Viên quan giữ việc dạy học lại bất thần hỏi han, để khuyến khích sự siêng năng của họ. Các học trò đã ghi tên trong sổ, mà thật là người có học lực, đức hạnh, tài năng, phẩm giá, thì các quan đệ danh sách lên triều đình biết, để phòng sự phân biệt bổ dụng.

Lời chua-Đề đốc Học chính: Viên quan tham chính ở các xứ kiêm giữ chức Đề đốc Học chính.

Chia học trò làm hai hạng: Nho sinh trung thức và giám sinh là một hạng; nho sinh và sinh đồ là một hạng.

Tháng 7, mùa thu. Thổ tù Hoàng Văn Đồng lại làm phản, xưng hiệu là Tân vương. Triều đình sai bọn Nguyễn Lệ và Nguyễn Phan đi đánh, Văn Đồng lại xin hàng.

Văn Đồng lấy danh nghĩa là thổ tù được cha truyền con nối quản thụ mỏ Tụ Long, thu nộp thuế đồng. Lúc ấy, viên quan coi Hộ phiên là Lê Quý Đôn và viên xuất nạp là Chu Xuân Hán xét Văn Đồng về tội thiếu thuế, tổng giam khổ sở không cho về, bắt phải nộp bạc hồi lộ đến 3.000 lạng. Văn Đồng đút lót cho người giữ ngục được thoát ra; về nhà, dấy quân làm phản, nhân lúc sơ hở, kéo quân xông thẳng vào phố Tam Kỳ. Trấn thủ là Nghi Trung hầu (sót họ tên) đóng cửa thành, chống giữ. Triều đình hạ lệnh cho Nguyễn Lệ đem quân cứu viện Tuyên Quang. Khi quân Nguyễn Lệ kéo đến, Văn Đồng rút lui, chạy trốn. Lại sai người dụ bảo Văn Đồng đầu hàng. Nhân đây, Văn Đồng cáo tố rõ tình trạng sách nhiễu của Quý Đôn và Xuân Hán. Lệ đem việc này tâu về triều, bọn Quý Đôn đều can tội, phải giáng chức.

Văn Đồng lại trở về chiếm cứ Tụ Long, lên lút tụ tập đồ đảng còn sót lại làm kế cố thủ. Gặp lúc giặc biển vùng Đông Nam nhao nhao nổi dậy, Văn Đồng lại càng vùng vẫy mạnh hơn, tự xưng hiệu là Tân Vương. Đến nay, triều đình hạ lệnh cho Nguyễn Lệ, trấn thủ Sơn Tây, giữ chức thống lĩnh các đạo quân Tuyên-Cao-Lạng và thái tử Nguyễn Phan giữ chức hiệp thống lĩnh, chia đường tiến đánh. Văn Đồng đem hết quân giữ nơi hiểm yếu. Lệ sai em là Điền Nhạc hầu Nguyễn Điều đi nhờ đường phủ Khai Hóa, xông thẳng đến sào huyệt Văn Đồng, đánh phá tan được. Văn Đồng trốn biệt, quan quân đuổi theo không kịp, san phẳng hết thành lũy rồi kéo quân về. Sau này, Văn Đồng lại xin đầu hàng, được triều đình tha tội cho.

Lời chua-Chu Xuân Hán: Hoạn quan, người huyện Chương Đức¹, Hà Nội.

Phố Tam Kỳ: Ở huyện Hàm Yên, Tuyên Quang.

Xã Tụ Long: Thuộc huyện Vị Xuyên², Tuyên Quang, xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (Chb. XXXVII, 5).

Phủ Khai Hóa: Thuộc tỉnh Vân Nam, xem năm Cảnh Hưng thứ 35 (Chb. XLIV, 11).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Sâm tự ý mở thịnh khoa³ thi hương, thi hội.

Sâm tự nhận công đức ngày càng lừng lẫy, hạ lệnh mở thịnh khoa thi hương, thi hội; thi hương vào tháng 10, thi hội vào tháng 11.

Theo chế độ cũ, về việc thi đình, nhà vua thân hành ra sách văn thi cống sĩ ở sân rồng, người nào trúng cách thì cho truyền lỏ và yết tên vào bảng vàng. Khoa này, Trịnh Sâm cho người trúng cách cũng theo chế độ cũ, trước hết vào thi đình, nhưng văn bài không đưa nhà vua phê duyệt. Đến hôm sau,

¹ Nay là Chương Mỹ, thuộc tỉnh Hà Tây.

² Nay thuộc tỉnh Hà Giang.

³ Tham khảo Lê sử bổ (sách chép tay, không có tên tác giả) thì thịnh khoa tức là ân khoa (chế độ thi cử thời phong kiến, khoa thi hương, thi hội đã có từng năm nhất định, nhưng năm nào vua chúa có sự vui mừng gì đó, thì gia ân mở thêm một khoa gọi là ân khoa). Trước kia chúa Trịnh định mở ân khoa, nhưng chưa quả quyết cử hành, nay Trịnh Sâm tự ý mở khoa thi gọi là thịnh khoa; như thế là Trịnh Sâm có ý xâm lấn cả ân điển và thi cử của vua nhà Lê.

lại hạ lệnh đến thi ở phủ đường, rồi căn cứ vào bài đối sách tại phủ đường để định sự đỗ cao, đỗ thấp. Ban cho Lê Huy Trâm và Phạm Nguyễn Du hai người đỗ đồng xuất thân, bọn Phạm Quý Thích 13 người đỗ đồng xuất thân, cao thấp khác nhau. Rồi tâu xin nhà vua ra sắc lệnh cho đem bảng vàng treo ở ngoài cửa nhà Thái Học. Việc này sau thành thể lệ thường hành.

Lời chúa-Lê Huy Trâm: Người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai¹.

Phạm Quý Thích: Người xã Lương Đường, huyện Đường An², làm quan đến chức thiêm tri Công phiên. Đến khoảng năm Gia Long, được trao cho hàm thị trung học sĩ lãnh chức Đốc học phủ Hoài Đức.

Canh Tý, năm thứ 41 (1780). (Thanh, năm Càn Long thứ 45).

Tháng giêng, mùa xuân. Bắt đầu đánh thuế tô ruộng tư ở Thanh Nghệ.

Trước kia, hai xứ Thanh Nghệ không có thuế ruộng tư. Đến nay bàn định: ruộng hai mùa mỗi mẫu nộp 1 tiền, ruộng một mùa mỗi mẫu nộp 36 đồng, giao xã trưởng sở tại chiếu theo từng hạng ruộng thu tiền tô, cấp làm lương ăn cho binh đình trong xã. Còn ruộng tư của binh đình vẫn được miễn thuế.

Tháng 4, mùa hạ. Định lại phép thi võ cử.

Khoa thi võ cử mới đặt từ năm Bảo Thái (1720-1728), lấy bốn năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu làm khoa thi sở cử, bốn năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi làm khoa thi bát cử. Cứ ba năm mở một khoa, đại lược dựa theo thể lệ thi hương, thi hội về bên văn. Đến năm Vĩnh Khánh (1729-1731) đổi ra thi ba kỳ: trước hết thi giương cung, múa siêu đao, sau thi bắn cung, múa kiếm và cưỡi ngựa múa đầu mâu, sau nữa thi văn sách hỏi bảy bộ sách trong Võ Kinh và một bài về phương pháp mưu mẹo việc binh. Người nào ba kỳ đều trúng cách, là tạo sĩ. Nếu có người nào kỳ đệ tam không trúng cách, mà kỹ thuật và sức lực được liệt vào hạng trội hơn, thì mỗi khoa chọn lấy hơn mười người, cho được bổ dụng cũng như tạo sĩ. Về phép thi sở cử cũng giống như bác cử³.

Đến nay, định lại, phép thi chia làm bốn kỳ: kỳ đệ nhất, thi giương cung, múa siêu đao; kỳ đệ nhị, khảo xét việc so đo về môn đi bộ bắn cung, bắn súng; kỳ đệ tam, trước hết thi vừa phi ngựa vừa bắn, sau khảo các môn đi bộ đấu siêu đao, lăn khiên, cưỡi ngựa múa đầu mâu và kiếm trường. Viên quan giữ việc khảo sát phải xét kỹ về các phép đánh, đâm, tiến, lui, che đỡ cùng khí sắc và sức vóc hăng hái hay suy kém, mạnh hay yếu, để định người hơn, người kém; kỳ đệ tứ, làm một bài văn sách. Phép thi võ sửa lại như thế, lại càng kỹ lưỡng hơn trước.

Lời chúa-Phép thi sở cử và bác cử: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 5 (Chb. XXXVI, 18).

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Sâm truất bỏ ngôi của con trưởng là Khải và bắt giam giữ.

Khải, là con Dương thị, một phi tần trong phủ chúa. Theo thể lệ cũ, con chúa cứ đến 7 tuổi, cho ra ở nhà riêng để học, nếu là con trưởng thì đến 13 tuổi cho mở phủ đệ và được phong làm thế tử. Nhưng Sâm cho rằng Khải (tên cũ là Tông) không phải do vợ cả sinh ra, nên không yêu quý, dùng Nguyễn Phương Đĩnh, hoạn quan, làm bảo phó của Khải. Lúc Khải đã 9 tuổi mới cho đi học, dùng Nguyễn Lệ và Lý Trần Thản làm tả tư giảng và hữu tư giảng. Chưa được bao lâu, Trần Thản mất, Nguyễn Lệ cũng ra trấn thủ Sơn Tây, chỉ sai Khải đến ở nhà riêng Nguyễn Phương Đĩnh, theo thời tiết vào phủ đường triều yết mà thôi. Viên quan trong Ngự sử là Nguyễn Thượng và Vũ Huy Đĩnh trước sau nhiều lần xin với Sâm về việc lập thế tử, đều bị giáng chức. Sau vì Đặng Thị Huệ, một thị nữ được yêu nuông, sinh con là Cán, Sâm rất yêu quý, sách phong Đặng Thị là Tuyên Phi. Đặng Thị tự gây dựng lấy bè đảng cho vây cách được đầy đặn, bên ngoài nương nhờ Hoàng Đình Bảo làm viện trợ, ngầm có ý cướp ngôi thế tử

¹ Tỉnh Hà Tây.

² Nay là thôn Lương Ngọc, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

³ Xem thêm Chính biên, quyển XXVII, tờ 20, 21.

cho Cán. Khải không được yên tâm. Lúc Sâm có bệnh, nhiều lần Khải đến cửa thăm thất để vào châu thăm hỏi, thường bị quân giữ cửa ngăn cản, không được vào.

Ngoài phủ đường có lời phao đồn là Sâm bị bệnh nặng. Khải bàn mưu với gia thần là Đàm Xuân Thụ và bọn đầy tớ nhỏ là Thế và Thẩm (hai người đều sót họ) rằng: "Vương thượng mắc mệnh mà ta không được vào châu, nếu xảy ra biến cố như việc tên Cao, tên Tư đã làm ngày trước¹, thì toan tính thế nào?". Bọn Xuân Thụ xin bí mật chứa sẵn binh khí, chiêu mộ dũng sĩ, nếu một ngày kia trong phủ đường có sự không lành, thì đóng cửa thành lại, giết Đình Bảo, bắt giam Đặng Thị, rồi phi báo cho quan hai trấn², đem quân vào hộ vệ, thì ngôi chúa có thể vững vàng được. Khải cho lời bàn ấy là đúng, bèn vay ngầm của nội thị Chu Xuân Hán 1.000 lạng bạc, để nuôi dũng sĩ và sắm khí giới. Nguyễn Lê trấn thủ Sơn Tây, từng giữ chức tư giảng cho Khải, Nguyễn Khắc Tuân trấn thủ Kinh Bắc, là con nuôi Nguyễn Phương Đĩnh, cùng Khải vốn có tình thân mật, nay đều cho mật báo, để họ sẵn sàng dự bị.

Ngô [Thì] Nhậm³, đốc đồng Kinh Bắc, trước kia, giữ việc hàng ngày giảng nghĩa sách cho Khải, rất được Khải thân yêu kính trọng. Hà Như Sơn, một tên đầy tớ nhỏ, là học trò [Thì] Nhậm, hiện làm người giữ sách cho Khải. Như Sơn biết được việc này, đem nói với Nhậm, Nguyễn Huy Bá, cấp sự trung là người giao hoạt thâm hiểm, vì tội tham tang, bị bãi chức. Bá cho con dâu vào làm thị tỳ hầu hạ Đặng Thị, lại sai người thân tín cầu cạnh làm hầu hạ Nguyễn Khắc Tuân, nên dò biết việc này, bèn vào phủ tố cáo với Đặng Thị. [Thì] Nhậm định tự mình phụ họa với Đặng Thị, bèn cùng Huy Bá hợp mưu cáo tố là Khải lén lút cấu kết với hai viên trấn thủ, mưu toan làm việc trái phép. Sâm giận lắm, cho triệu Đình Bảo vào phủ bảo về việc này, ý Sâm muốn phê phó giao xuống để trị tội ngay. Đình Bảo can rằng: "Khải dám làm việc to lớn này, chính do viên quan hai trấn ở Tây và Bắc chủ mưu, nay họ đều cầm quân ở ngoài nếu trị tội một cách vội vàng, e sẽ xảy ra biến cố khác. Vậy chi bằng trước hết triệu hai viên trấn thủ ấy về triều, rồi sau sẽ dần dà phát giác sự trạng để trị tội". Sâm nhận là phải, bèn hạ lệnh triệu Nguyễn Lê trấn thủ Sơn Tây. Khi Lê về đến nơi, Sâm yên ủi có phần hơn trước. Cách mấy hôm sau, mật bắt được bè đảng của Lê; nhân đấy lại cho triệu Nguyễn Khắc Tuân, trấn thủ Kinh Bắc. Khi Tuân đã về, bắt giam lại cùng với Nguyễn Lê và Nguyễn Phương Đĩnh, rồi sai Ngô [Thì] Nhậm cùng với hoạn quan là Phạm Huy Thúc tham dự việc tra hỏi. Gặp lúc ấy, [Thì] Nhậm vì cha mất, từ chức về, nên đổi sai Lê Quý Đôn tra hỏi lại, bọn Xuân Thụ, Thế và Thẩm nhận hết tội lỗi. Sâm bèn truất Khải xuống làm con út (quý tử), giam ở nội phủ. Bọn Xuân Thụ đều bị giết. Nguyễn Lê và Nguyễn Khắc Tuân bị giam vào ngục. Phương Đĩnh vì nuôi dưỡng Trịnh Khải không thành công trạng gì, nên bị lột hết chức tước đuổi về làng. Khắc Tuân và Chu Xuân Hán đều uống thuốc độc chết.

Trịnh Khải đã bị phế, ở ngôi nhà ba gian, ăn uống ra vào không được tự do, người ta đều lo ngại cho Khải, nhưng không người nào dám nói. Lúc ấy có viên tri châu cũ là Lê Vĩ, dâng thư biện bạch cho Khải là bị tội oan, nhưng không được Trịnh Sâm xét đến.

Trước kia, Ngô [Thì] Nhậm sắp phát giác tội của Khải, đem việc ấy bàn với cha Ngô [Thì] Sĩ, Sĩ cố sức can ngăn, đến nỗi phải đem cái chết để thề bồi với con, nhưng chung quy Nhậm vẫn không theo. Kịp khi nghe tin Nhậm đã phát giác việc ấy, Sĩ buồn bực, bèn uống thuốc độc tự tử. Về phần Nhậm, vì có công phát giác, được thăng hữu thị lang bộ Công. Lúc ấy người ta có công rằng: "Sát tứ phụ nhi nhị lang", nghĩa là giết 4 người cha để mà làm thị lang. Câu ấy là có ý khinh bỉ Thì Nhậm đó.

Lời chua-Ngô [Thì] Nhậm: người làng Tả Thanh Oai⁴, huyện Thanh Oai, là con Ngô [Thì] Sĩ, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) năm Cảnh Hưng. Sau thờ nhà Tây Sơn, làm quan thượng thư bộ Binh; đến năm Gia Long thứ nhất, bị đánh bằng tượng cho đến chết.

¹ Thời đại Tần Thủy Hoàng, Triệu Cao giữ chức lang trung lệnh, Lý Tư giữ chức tả thừa tướng. Khi Thủy Hoàng đi tuần du, đem người con nhỏ được cưng chiều là Hồ Hợi đi theo, rồi Thủy Hoàng bị bệnh mất ở Sa Khâu, Triệu Cao bàn với Lý Tư lập Hồ Hợi làm vua mà phế truất thế tử là Phù Tô (Tăng Bình lịch sử cương mục bổ, quyển IV, tờ 5).

² Tức trấn Sơn Tây và Kinh Bắc.

³ Nguyên văn chép là "Ngô Nhâm" vì sử thần triều Nguyễn tránh tên húy Tự Đức, nên bỏ chữ "Thì" đi và đổi chữ "Nhậm" làm chữ "Nhâm". Ở đây chúng tôi dịch đúng tên là "Ngô Thì Nhậm".

⁴ Nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tứ Phụ: Ý nói Ngô [Thì] Sĩ là thân phụ, thế tử Khải là quân phụ; Khắc Tuân và Xuân Hán là phụ chấp (bạn của bố). (Xuất xứ ở sách cổ Lê nhất thống chí). Có thuyết nói: Nguyễn Lệ, Phương Đĩnh và Khắc Tuân đều là phụ chấp của Nhậm, nên gọi là tứ phụ.

Lê Ví: Người xã Nhân Mục¹, huyện Thanh Trì, đỗ hương cống.

Tháng 11, mùa đông. Người thổ nhà Thanh chiếm đất sáu châu ở phủ An Tây.

Mười châu ở phủ An Tây thuộc Hưng Hóa, tiếp giáp với đất đai Vân Nam. Từ khi Hoàng Văn Chất lên lút chiếm cứ Thanh Châu, thổ tù sợ khí thế ác ngược của Chất, nên có khi họ xin phụ thuộc ngang tắt sang phương bắc. Không những thế, mà thổ dân nhà Thanh cũng phần nhiều vượt tràn sang chiếm đất ở các châu ấy để ở, thành ra Quảng Lăng và Khiêm Châu bị huyện Kiến Thủy thuộc phủ Khai Hóa chiếm cứ. Triều đình nhiều lần tư giấy biên bạch, chưa được nhà Thanh trả lời. Đến nay, bầy tôi giữ trấn Hưng Hóa lại báo cáo về triều là "Bốn châu Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì và Lễ Tuyền đều bị huyện Kiến Thủy xâm chiếm. Họ cứ thu thuế theo nóc nhà hiện có". Sâm hợp bầy tôi trong triều làm văn thư gửi sang viên quan ở Vân Quý (Vân Nam-Quý Châu) biên bạch để cương giới hai bên được đúng. Nhưng sau đó, vì Sâm bị bệnh mắt, việc ấy bèn thôi. Từ đây, đất đai sáu châu, suốt thời nhà Lê không sao khôi phục lại được.

Lời chua-Phủ An Tây²: Thuộc Hưng Hóa.

Thanh Châu³: Nay là châu Ninh Biên.

Mười châu: Đều xem năm Cảnh Hưng thứ 29 (Chb. XLIII, 16).

Phủ Khai Hóa: Thuộc tỉnh Vân Nam, xem năm Cảnh Hưng thứ 35 (Chb. XLIV, 11).

Sáu châu: Tức Quảng Lăng, Khiêm Châu, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì và Lễ Tuyền.

Tân Sửu, năm thứ 42 (1781). (Thanh, năm Càn Long thứ 46).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Sâm lập người con bé là Cán làm thế tử.

Cán mắc bệnh từ khi còn phải bế ẵm, chân tay và thân thể gầy mòn, thuốc thang đều trị mãi năm vẫn không khỏi. Từ khi Khải bị tội, bệnh của Cán ngày một bớt dần, chẩn đậu lại thuận, Sâm lấy làm vui vẻ. Bầy tôi trong kinh, ngoài trấn chúa mừng, đều khuyên Sâm nên sớm lập làm người nối nghiệp, để thống nhất lòng người, Sâm theo lời. Mẹ Sâm là Trịnh Thái Phi Nguyễn Thị nói với Sâm rằng: "Khải với Cán đều là cháu của già này, nhưng già nghĩ cháu Khải đã trưởng thành, mà cháu Cán còn nhỏ tuổi lại quặt quẹo luôn, già mong vương thượng coi tôn miếu xã tắc làm trọng hơn, hãy để trống ngôi kế tự, ngõ hầu Khải có lòng răn chữa; nếu không thế thì đợi khi Cán đến tuổi trưởng thành cũng chưa có gì là muộn". Sâm nói: "Việc lớn nhà nước, chỉ cốt phó thác được người xứng đáng, nếu bệnh của Cán vẫn không khỏi, thì thà rằng lập Bồng, để trả lại cơ nghiệp cho ngành cà của nhà bác, chứ không đành lòng phó thác cho đứa con bất hiếu làm gì!". Vì thế thái phi không nói lại nữa. Sâm bèn tâu nhà vua xin lập Cán làm thế tử, lúc ấy Cán mới 5 tuổi. Sâm dùng Huy quận công Hoàng Đình Bảo làm a bảo để nuôi dưỡng giúp đỡ Cán. Sâm mắc bệnh trĩ, ở nhà kín không ra ngoài. Đặng Thị ở trong cung xếp đặt công việc, bề đảng đều giữ địa vị trọng yếu, mà Cán lại là người thơ ấu nối nghiệp, nên người ta đều có lòng lo ngại.

Lời chua-Ngành cà của nhà bác: Xét Trịnh Giang là con trưởng Trịnh Cương, khoảng năm Vĩnh Hựu (1735-1739) Giang có bệnh, em là Trịnh Doanh tạm giữ chính

¹ Tức làng Mọc, nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội.

² Nay thuộc tỉnh Lai Châu.

³ Nay là huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu.

quyền, rồi Trịnh Doanh tự lập làm chúa¹, nhân đấy truyền ngôi cho con là Sâm. Trịnh Bồng, con Trịnh Giang, tức là người anh con nhà bác của Trịnh Sâm, nên gọi là ngành cả nhà bác (bá thị chính hệ).

Nhâm Dần, năm thứ 43 (1782). (Thanh, năm Càn Long thứ 47).

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Lúc ấy, động đất ở kinh sư vùng Tây Nam. Trịnh Sâm hạ lệnh cho phủ liêu nói thẳng những điều thiếu sót lầm lỗi. Bồi tụng Bùi Huy Bích dâng tờ khai có đoạn nói: "Tôi cuối mong vương thượng đem lòng sáng suốt tự xét trong mình, tìm rộng đến lời dạy bảo của đời cổ, như trong sách Luận ngữ đã dạy" quan quân, thần thần, phụ phụ, tử tử²". Vương thượng nên thung dung bồi dưỡng trong lòng rộng xa mà thân mật, để đón rước lấy khí trung hòa của đất trời, làm cho trời đất có triệu chứng hiện ra mà không có tai biến phản ứng lại, thì hay lắm". Sâm đọc đi đọc lại hai, ba lần, rồi tùm tùm cười, nói: "câu nói"quan thần phụ tử" của Huy Bích là có ý khuyên can ta đây". Sâm trừ trừ suy nghĩ hồi lâu, nhưng cũng không thể thay thay đổi được.

Tháng 6. Vũ Miên mất.

Miên bị bệnh nặng, Trịnh Sâm sai trung sứ đến nhà riêng, hỏi những điều mà Miên muốn nói. Miên tự tay viết tờ khai nói: "Quý tử³ vì huyết khí chưa vững vàng, bị bọn tiểu nhân làm mê hoặc, đến nỗi phạm tội nặng nề; thể tử⁴ khi trưởng thành lên nối ngôi trị vì, đấy là phúc muôn năm của tôn miếu xã tắc; vạn nhất mà biến cố xảy ra bất thường, thì họa hoạn sẽ không thể lường được. Việc này tôi vẫn ái náy lo thăm, đến chết cũng không nhắm mắt được. Lại xin vương thượng cắt đứt tình yêu nơi chần gối, mà định thứ tự con lớn con trẻ cho được đúng đắn, thì may mắn cho thiên hạ lắm". Đến đây, Vũ Miên đương làm tả thị lang bộ Binh giữ chức bồi tụng thì mất, được truy tặng hàm thượng thư, đặt tên thụy là Ôn Cẩn.

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Sâm mất.

Từ mấy năm trở lại đây, bệnh cũ của Sâm luôn luôn phát sinh, rất sợ nắng gió, thường ở trong cung sâu kín, ban ngày cũng phải đốt nển, nếu không phải ngày đại triều hội, không bao giờ ra ngoài. Đến nay bệnh thêm nguy kịch, Đặng Thị ngày đêm ở bên cạnh; về hàng đại thần, chỉ có Đình Bảo, Danh Thùy và Đình Châu mấy người được ra vào mà thôi. Đặng Thị nói với Sâm rằng: "Thiếp nhờ ơn vương thượng yêu đương quyến luyến bội phần, nay trăm tội đổ lên đầu thiếp, không biết một ngày kia mẹ con thiếp sẽ gửi thân vào nơi nào?". Sâm an ủi nói: "Danh vị thái tử đã ấn định rồi, sau này nước là nước của thế tử, còn phải lo lắng gì nữa?". Sâm lại quay bảo Đình Bảo rằng: "Nhà người cố sức bảo hộ thế tử để yên lòng ta". Đình Bảo thưa rằng: "Tôi đâu dám chẳng hết lòng, cùng lắm thì đem cái chết để báo ơn chúa. Nhưng xin ngay bây giờ cho thế tử nối ngôi và sách phong chính cung Tuyên Phi cùng tham dự xét đoán công việc chính trị, để có mệnh lệnh sẵn sàng". Sâm nói: "Nhà người nói đúng, nhà người cần phải giúp sức". Đình Bảo nói rằng: "Nhận lời trời trần lại để giúp việc chính trị, tôi không dám đảm đương một mình, Trịnh Kiều, người rất thân trong họ nhà chúa; Nguyễn Hoàn, bậc sư bảo đại thần; Lê Đình Châu và Phan Lê Phiên đều ở trong chính phủ vẫn có danh dự đức vọng; Trần Xuân Huy và Tạ Danh Thùy đều là a bảo tín thần. Xin cho các viên ấy cùng tôi vâng chịu cố mệnh"⁵. Sâm y cho, bèn sai Lê Phiên viết tờ cố mệnh, Nhữ Công Điền viết chế sách về Tuyên Phi Đặng Thị. Khi viết xong, Đình Bảo để trong tay áo, vào phủ đường, xin Sâm phê chữ. Lúc ấy bệnh Sâm đã gần tắt thở, bèn cho triệu bọn

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXXVIII, tờ 17-19.

² Ý nói: ông vua giữ hết đạo làm vua, bầy tôi giữ hết đạo làm tôi, cha giữ hết đạo làm cha, con giữ hết đạo làm con. Câu của Khổng Tử trả lời Tề Cảnh Công, chép trong thiên "nhan nguyên" sách Luận ngữ.

³ Chỉ Trịnh Khải bị truất làm con út (quý tử).

⁴ Chỉ Trịnh Cán-Đoạn văn này Cương mục chép không rõ, tham khảo Lê sử bổ chép: "Thế tử tuổi thơ ấu, lại mắc bệnh. Vậy xin vương thượng giữ gìn tôn thể. Khi trăm tuổi về già, trưởng tử đã trưởng thành lên nối nghiệp, đấy là một sự may mắn cho xã tắc tôn miếu". Chép như thế có phần rõ hơn.

⁵ Xem chú thích số 4. Chính biên quyển V, tờ 20.

Trịnh Kiều và Nguyễn Hoàn vào nhận cố mệnh. Khi bọn Kiều vào, Sâm vừa khóc vừa nói: "Tiểu tử này mắc bệnh không sống được nữa. Nay thế tử Cán nổi ngôi, rất mong thúc phụ và sư thần¹ cùng lòng giúp rập, vượt qua trong buổi khó khăn". Đình Bảo nhân lấy tờ thư trong tay áo ra dâng trình, Sâm xua tay gạt đi. Đình Bảo nói: "Thư cố mệnh còn chưa ghi tên (tức tên của thế tử), xin cho vương thân là Trịnh Kiều ghi tên thay". Sâm gật đầu. Kiều nghi tên [thế tử] xong, liền dâng trình, thì Sâm đã nhắm mắt rồi, không biết gì nữa. Lúc mất, Sâm 41 tuổi.

Đình Bảo đem thư cố mệnh và chế sách của Tuyên Phi giao cho Danh Thùy truyền đi các nơi và đệ ra chính phủ, rồi tâu xin nhà vua: lập Cán làm Điện Đô vương; Tuyên Phi Đặng Thị cùng tham dự xét đoán công việc^{5c} chính trị; truy tôn Sâm làm Thịnh vương. Lúc ấy, Cán còn nhỏ, tuổi lại có bệnh, lòng người nôn nao lo sợ, trong triều đình, nơi thôn dã ai cũng biết họa loạn xảy ra chỉ trong khoảng sớm tối. Đình Bảo một mình chuyên nắm chính quyền trong nước, hẳn vẫn giữ thái độ thản nhiên không để ý gì cả. Còn bọn Trịnh Kiều và Nguyễn Hoàn sáu người chỉ làm cho đủ ngạch viên chức mà thôi.

Lời phê-Sở dĩ đến nỗi thế, đều do ác báo!

Lời chua-Trịnh Kiều: Con thứ năm Trịnh Cương, tức là chú ruột Trịnh Sâm.

Nhữ Công Diên: Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường Yên², con Nhữ Đình Toàn, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772) năm Cảnh Hưng.

Trần Xuân Huy: Hoạn quan, người xã Khoái Lạc, huyện Thiên Bản³.

Tạ Danh Thùy: Hoạn quan, người xã Khương Thượng, huyện Yên Mô⁴.

Tháng 10, mùa đông. Binh lính tam phủ nổi loạn, truất Trịnh Cán, lập Trịnh Khải.

Sau khi Cán đã lập làm chúa, Đặng Thị bắt Khải ra ở nhà tả xuyên, giam giữ cấm đoán rất nghiêm ngặt. Dương Thị, mẹ Khải, e rằng Khải không được tự bảo toàn được tính mạng, bèn sai người đến kêu xin Đình Bảo thương tình. Đình Bảo khóc nói: "Đình Bảo này thờ tiên vương, rất được đội ơn yêu dấu. Quý tử⁵ là con của tiên vương ta, nếu ta dám có lòng nào, sẽ bị trời tru đất diệt". Từ đấy, việc giam giữ áp chế được nới rộng một chút, nhân đấy, gia thần của Khải dần dần được ra vào chỗ Khải bị giam.

Cán tuy được lập làm chúa, nhưng lòng người không ủng hộ, lại vì Đình Bảo bè đảng phụ họa với Đặng Thị, nên ai cũng ghét. Họ quần tụ ở đầu đường xá chợ bàn tán: có người nói Đình Bảo mưu toan làm việc trái phép; có người nói tân vương bị bệnh nặng, Đình Bảo tư thông với Đặng Thị, lập mưu để giết quý tử⁶. Lời ngoa truyền phao đi khắp nơi, không sao ngăn cấm được.

Dự Vũ, bày tôi của Khải, len vào chỗ các quân sĩ uống rượu, nói vụng với quân sĩ rằng: "Thế tử của tiên vương không tội trạng gì, chỉ vì Đặng Thị là người đàn bà ác nghiệt, làm mê hoặc tiên vương để cướp ngôi cho con; Đình Bảo vốn có chí làm phản, hẳn lợi dụng tân vương còn thơ ấu để áp chế, nên phụ họa với Đặng Thị để thành cái kế cướp ngôi. Nay tân vương bị bệnh nguy kịch, tất nhiên xảy ra họa loạn. Các quân sĩ đều là người cũ ở nơi thang mộc⁷, làm nanh vuốt của nước, vốn giữ lòng trung nghĩa, nếu một bụng tôn phò, yên định được nhà chúa, thì tên tuổi sẽ chép trong thư đỏ, khoán sắt⁸, công ấy

¹ Nguyễn Hoàn đối với Sâm, nói về tình thầy trò, thì Hoàn là thầy dạy Sâm học, đã phong cho Hoàn là quốc sư; nói về nghĩa vua tôi, thì Hoàn là bày tôi của Sâm. Vì thế nên gọi là sư thần.

² Nay thuộc huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

³ Nay là Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

⁴ Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

⁵ Chỉ Trịnh Khải.

⁶ Chỉ Trịnh Khải.

⁷ Xem chú thích số 1. Chính biên quyển XXXVI, tờ 15.

⁸ Nguyên văn chép "đơn thư thiết khoán": Văn thư viết bằng son, khoán ước chế bằng sắt, đời cổ dùng ban cho bày tôi có công, để truyền cho con cháu được miễn tội.

còn gì lớn hơn?". Quân sĩ đều tức bực cảm kích, họ ước hẹn nhau hội hợp riêng ở chùa Khán Sơn, bí mật mưu tính thi hành công việc, nhưng chỉ ngại về uy quyền thế lực của Đình Bảo, bàn tính chưa nghĩ ra mưu mẹo gì. Lúc ấy, trong chỗ các quân ngồi, có Nguyễn Bằng, quân lại trong đội Tiệp Bảo, một mình mạnh dạn nói: "Các quân sĩ nếu định một lòng làm việc này, thì chẳng qua cứ đợi xong lễ tế điện buổi sáng, trong phủ đường nổi hiệu ba hồi trống, chúng mình sẵn đến lôi nó ra quật cho ngã xuống, thế là xong việc, có gì là khó khăn?". Mọi người đều mừng, bèn cử Nguyễn Bằng làm người đứng đầu, cùng nhau uống máu ăn thề, bàn tính không dự định nhật kỳ, chỉ hẹn nhau hãy nghe tiếng trống trong phủ đường, thì nhất tề khởi sự.

Mưu mô bí mật đã định xong. Lúc ấy có viên ngoại lang Bùi Bật Trực biết chuyện, bèn đem việc này báo cho Nguyễn Trọng Chiểu, là con Nguyễn Trọng Viêm biết, để Trọng Chiểu dự vào cuộc hợp, mà hẳn tự đứng giới thiệu, để mong lập công. Nhân đấy, Bật Trực bảo các quân sĩ rằng: "Việc này quan hệ rất to, cần phải nhờ quốc cữu (tức Nguyễn Trọng Viêm, em Trịnh Thái Phi) tâu lên thái phi rõ. Vạn nhất mà Đình Bảo biết chuyện, thì cứ nói là có mệnh lệnh bí mật của thái phi, rồi cử sự một cách minh bạch, như thế là hơn". Quân sĩ theo lời, bọ bèn sai Bật Trực đem việc này đến nói kính với Trọng Viêm, Trọng Viêm lại đem nói với Nguyễn Hoàn. Hoàn muốn theo như việc cũ của Trịnh Doanh, xin hạ lệnh cho Khải tạm giữ chính quyền, để yên lòng quân sĩ. Trọng Viêm vào tâu thái phi Nguyễn Thị, thái phi sai người nói với Đình Bảo. Đình Bảo nói: "Tiên vương có hai người con, nếu tân vương vì bệnh không khỏi, thì ngôi báu tự nhiên thuộc quyền quý tử. Còn như việc cho quý tử tạm giữ chính quyền tức là đi dần đến chỗ cướp ngôi đấy. Tôi vâng nhận lời phó thác của tiên vương trở lại, việc ấy tôi không dám vâng theo mệnh lệnh". Trọng Viêm e rằng việc này mà tiết lộ, mình sẽ bị vạ lây, bàn mưu với Nguyễn Hoàn. Nguyễn Hoàn nói: "Việc đã như thế, để mặc các quân sĩ muốn làm thế nào thì làm". Trong kinh thành huyền truyền ầm lên rằng: "Tất nhiên quân sĩ gây ra sự biến loạn". Duy Đình Bảo vẫn yên nhiên, không biết gì cả.

Sáng ngày 24 tháng ấy, Nguyễn Bằng đi tắt lên trên lầu phủ đường, đánh trống, các quân sĩ họp tập đông đủ, tuốt trần mũi gươm, ồ ạt xông tràn vào. Đình Bảo tay cầm kiếm, ngồi trên lưng voi, ngăn giữ cửa phủ để đánh chặn lại, quân sĩ tranh nhau dùng gạch đá ném chết, em Đình Bảo là Vũ Khanh hầu Hoàn Lương cũng bị loạn quân giết. Quân sĩ bèn đem nhau đến sở giam, phò Trịnh Khải ra ngồi phủ đường, rồi lấy chỉ dụ của Nguyễn Thái Phi tâu xin mệnh lệnh nhà vua lập Khải làm nguyên soái Đôn Nam Vương, truất Cán làm Cung quốc công. Sau đó, Cán bị bệnh chết.

Quân sĩ hoành hành cướp bóc, phạm tặc thuộc hai nhà họ Đặng, họ Hoàng và những nhà trước kia phát giác việc Trịnh Khải, họ cướp phá hầu hết. Kinh thành rối loạn, mấy hôm sau mới được yên ổn.

Quân sĩ cậy công cứ đòi ban thưởng mãi, bèn bàn định phong Nguyễn Bằng làm suy trung dực vận công thần phong cho tước hầu; 30 người nhóm cuộc hội bàn đầu tiên là bọn quân lại Nguyễn Trụ được đặc biệt thăng thưởng; còn các quân thủy, quân bộ trong kinh ngoài trấn đều được thăng chức một bậc, và đều được ban thưởng tiền bạc có người nhiều người ít khác nhau. Lại rộng cấp cho mỗi người một đạo "không đầu sặc", cho phép họ được nhường cho thân thuộc, để tỏ ra việc đền công một cách phi thường. Từ đấy, kiêu binh ngày càng can rở, viên quan cai quản không thể nào thống trị khống chế được, chỉ ràng buộc lỏng lẻo mà thôi.

Lời phê-Cuối đời Lê Trịnh, cái tệ kiêu binh lại hơn đời Ngũ Đại¹, sở dĩ đến như thế đều là do danh nghĩa chức phận không rõ ràng. Thế mới biết xây dựng một nước mà không dùng lễ nghĩa, thì làm thế nào mà không loạn vong!

Lời chua-Nguyễn Trọng Viêm: Người xã Linh Đường², huyện Thanh Trì.

Bùi Bật Trực: Người xã An Đông, huyện La Sơn³, đố hương cống.

Nguyễn Bằng: Người xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường⁴.

¹ Tức 5 triều: Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán và Hậu Chu ở Trung Quốc (907-960).

² Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

³ Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

⁴ Nay là huyện Nam Đàn, tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Trù: Người xã Phật Kê, huyện Nam Đường.

Quân Lại: Cũng như người thư lại trong các đội quân bây giờ.

Binh lính tam phủ: Theo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì từ năm Thận Đức, Hoảng Định (1600-1618) trở về sau, định chế độ quân lính: Các quân lính đóng ở kinh thành để chầu chực bảo vệ chuyên dùng lính ba phủ thuộc Thanh Hoa¹ và 12 huyện thuộc Nghệ An². Có lẽ vì thế nên Thanh Nghệ ưu binh gọi chung là Tam phủ.

Đội Tiệp Bảo: Tức thân binh hầu hạ.

Không đầu sắc lệnh: Như các chức Tri sự, Phó sở, Thiên hộ, Bá hộ, chỉ viết có sắc lệnh, còn họ tên người được sắc lệnh ấy vẫn để trống.

Chùa Khán Sơn: Ở trên núi Khán Sơn, trong thành Thăng Long, chùa ấy nay đã bỏ.

Tháng 1. Trên không trung có tiếng vang như sấm.

Ngày rằm tháng ấy, không có mây mưa, mà trên không trung có tiếng vang lớn kinh thiên động địa, hơn một khắc mới thôi.

Nguyễn Hữu Chỉnh. Quản lãnh cơ Tiên ninh trấn Nghệ An, trốn đi đâu hàng Tây Sơn.

Hữu Chỉnh, lúc trẻ tuổi đỗ Hương tiến, là người hào phóng không bó buộc vào khuôn phép. Du lịch kinh sư, Hữu Chỉnh vào yết kiến Hoàng Ngũ Phúc. Ngũ Phúc khen là có tài khác thường, dùng làm gia khách. Khi Ngũ Phúc vào xâm lấn trong Nam, cho Hữu Chỉnh đi theo quân thứ, giữ công việc thư ký, rồi sai đến Tây Sơn khuyên Văn Nhạc quy thuận với triều đình, được Văn Nhạc kính trọng. Sau theo Hoàng Đình Bảo đánh giặc biển có công, đổi bổ sang quản lãnh đội Tuần hải, rồi chuyển bổ quản lãnh cơ Tiên ninh thuộc trấn Nghệ An.

Đến nay, binh lính trong kinh thành nổi loạn, môn hạ của Hữu Chỉnh là Hoàng Viết Tuyền từ Sơn Nam vượt biển vào báo cho Hữu Chỉnh biết việc ấy. Hữu Chỉnh bàn với trấn thủ Vũ Tá Dao. Tá Dao là em rể Đình Bảo, hỏi Chỉnh: "Bây giờ bàn tính thế nào?" Hữu Chỉnh nói: "Trấn Nghệ An này giáp giới Thanh Thuận Hóa, mà Hoàng Đình Thế, phó tướng Phú Xuân, Khôi Thọ đồn tướng Động Hải, đều là thuộc tướng của tiên công³ ta, cùng ta có tình nghĩa đồng châu⁴. Nay tướng công nên viết mật thư bảo Đình Thế, để Đình Thế dùng kế giết viên đại tướng đi mà chiếm lấy thành, thì tất nhiên Khôi Thọ sẽ đem Động Hải hưởng ứng về ta. Về phần ta, thì tướng công chiếm lấy trấn Nghệ An này, cùng họ gấn bó như môi với răng, rồi chặn lấp con đường Hoàng Mai, đóng trọng binh ở Quỳnh Lưu, làm kế cố thủ. Còn việc phòng thủ mặt biển, tôi tự xin đảm đương. Nếu tướng công làm được như thế, không những thoát khỏi họa hoạn mà tất có công lao phi thường". Tá Dao nói: "Ta không thể làm việc ấy được, xin nghĩ kế thứ hai". Hữu Chỉnh nói: "Trừ kế ấy ra, chỉ còn cách bỏ trấn này mà đi thôi". Tá Dao nói: "Đi đâu bây giờ?" Hữu Chỉnh lại nói: "Thiên hạ có hàng vạn nước, lo gì không có chỗ nương thân? Nếu còn trừ trừ một chút, thì đạo quân phá đi bắt, sẽ kéo đến ngay bây giờ đây". Tá Dao còn ngẫm nghĩ chưa quả quyết đường nào. Hữu Chỉnh bèn về nhà, cùng Hoàng Viết Tuyền dắt díu gia quyến vượt biển chạy vào Quy Nhơn, đầu hàng Văn Nhạc. Văn Nhạc được Hữu Chỉnh mừng lắm, đãi làm bậc thượng khách. Hữu Chỉnh đem tình hình trong nước báo cáo cho giặc biết, rồi hẩn chuyên tâm rình chờ sơ hở để toan tính việc báo

¹ Tức ba phủ Thiệu Thiên, Hà Trung và Tĩnh Gia.

² Tức sáu huyện: Thiên Lộc, La Phúc, Chân Phúc, Thanh Chương, Hương Sơn, Nghi Xuân thuộc phủ Đức Quang, hai huyện Đông Thành, Quỳnh Lưu thuộc phủ Diễn Châu, hai huyện Hưng Nguyên, Nam Đường thuộc phủ Anh Đô, hai huyện Thạch Hà, Kỳ Hoa thuộc phủ Hà Hoa.

³ Chỉ Hoàng Ngũ Phúc.

⁴ Ý nói tình nghĩa bạn bè tâm đầu ý hợp, thời đại Tam Quốc. Lý Ứng và Quách Thái nổi tiếng ở kinh sư, hai người kết bạn thân với nhau. Khi Lý Ứng thôi làm quan về nhà, bạn bè ra sông tiễn biệt có hàng ngàn người. Lý Ứng chỉ cùng Quách Thái đi chung một con thuyền mà về. Vì thế, sau này người ta dùng chữ "đồng châu" để nói về tình bạn bè chí thiết.

thù cũ. Hãn khuyên Văn Nhạc chứa lương thực, sắm khí giới, kén chọn khuyến khích tướng sủng, giáo dục luyện tập sĩ tốt, để mưu tính việc lấy Thuận Hóa.

Lời chua-Vũ Tá Dao: Người xã Hà Hoàng¹, huyện Thạch Hà, đồ tạc sĩ.

Hoàng Viết Tuyền: Người xã Vạn Phân, huyện Đông Thành².

Quy Nhơn: Nay là tỉnh Bình Định, xem năm thứ 36 ở trên (Chb. XLIV, 24).

Tháng 12. Quận công Trịnh Kiều, tham tụng Phan Lê Phiên và tri Lại phiên Nhữ Công Điền đều bị bãi chức.

Trước kia, Trịnh Sâm bị bệnh nặng, cho con là Cán nối ngôi, sai bọn Phan Lê Phiên viết thư cố mệnh của Trịnh Sâm và chế sách về Tuyên Phi Đặng Thị. Khi thư cố mệnh đã viết xong, Sâm không thể phê chữ ["Cán"] vào thư được nữa, sai Trịnh Kiều viết thay. Đến nay, Trịnh Khải đưa thư cố mệnh ấy ra, trong thư có chữ thái phi Nguyễn Thị phê rằng: "Không phải chữ chính tay tiên vương viết, không lấy gì làm bằng cứ, giao xuống cho chính phủ bàn luận". Thêm sai Phạm Nguyễn Du làm lời luận "quốc thị"³ đại lược nói: "Việc lập Điện đô vương và hạ lệnh cho Tuyên Phi cùng xét đoán việc nước, đều là lời trời trăn lăm lăm trong lúc Thịnh vương sắp mất, không thể coi là chính đáng được. Nay thái phi lấy địa vị người mẹ thay đổi việc làm của con, rất hợp sự lý đúng đắn. Xin truy xét tội bầy tôi phụ họa, làm sáng tỏ nghiêm chỉnh điển hình trong nước". Vì thế, bọn Trịnh Kiều đều can tội thiên tiện ra mệnh lệnh, bị bãi chức. Lại truất Đặng Thị làm thứ nhân, sau Đặng Thị uống thuốc chết.

¹ Nay là thôn Hạ Hoàng, xã Thạch Hà, huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.

² Nay thuộc tỉnh Nghệ An.

³ Cũng như quốc kế.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ 46

Từ Quý Mão, Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783), đến Bình Ngô, năm Cảnh Hưng thứ 47 (1786) gồm 4 năm.

Quý Mão, năm thứ 44 (1783). (Thanh, năm Càn Long thứ 48).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập cháu trưởng là Duy Khiêm làm hoàng thái tôn, truất Duy Cận làm Sùng nhượng công.

Thái Tôn (cháu trưởng), con trưởng của Duy Vĩ, thái tử đã mất. Lúc thái tử bị nạn, thái tôn mới 6 tuổi, cùng với em là Duy Trù và Duy Chi đều bị bắt giam. Đến lúc binh lính tam phủ nổi loạn, họ đem nhau rước thái tôn về nội điện, lòng người đều chú ý trông mong.

Trước đây, Duy Cận được lập làm hoàng thái tử, chính là do Trịnh thái phi Nguyễn Thị tán thành¹. Đến nay thấy thái tôn trở về, Nguyễn Thị sợ Duy Cận mất ngôi thái tử, bèn sai hoạn quan là Liêm Tăng (sót họ) đến bắt ép thái tôn sang châu, để toan bí mật giết đi. Thái Tôn từ chối không được, sa nước mắt khóc mà ra đi; khi đi đường bị quân tuần sát ngăn lại. Vì thế các quân lính dục lác âm ỉ, yêu cầu tra cứu người lập mưu làm hại Thái tôn, họ lùng tìm Liêm Tăng không được, ngờ là Duy Cận chủ mưu. Lúc ấy, Duy Cận đương châu Trịnh thái phi, nghi trọng để ngoài cửa phủ đường, quân sĩ đều đập phá tan nát. Duy Cận sợ, phải thay đổi quần áo đi lên về cung.

Trịnh Khải biết việc này là do thái phi gây ra, nhân dụ dỗ quân sĩ chớ làm huyên náo, rồi lập tức hạ lệnh cho bày tỏ trong triều xin nhà vua lập Duy Khiêm làm hoàng thái tôn. Lúc ấy Duy Khiêm 18 tuổi. Lại bắt Duy Cận làm tỳ biểu nhường ngôi thái tử. Duy Cận bị truất làm Sùng nhượng công.

Tháng 2. Núi Tản Viên nứt toạc ra.

Chỗ nứt, sâu hơn 20 trượng.

Lời chua-Núi Tản Viên: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chb. I, 34).

Tháng 6, mùa hạ. Sông Thiên Đức cạn hết nước.

Lời chua-Sông Thiên Đức: Ở giáp giới địa phận hai huyện Đông Ngàn và Gia Lâm, thuộc Bắc Ninh, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Tháng 7, mùa thu, Trịnh Khải khởi phục Nguyễn Lệ giữ chức thượng thư bộ Lại làm công việc tham tụng, bổ dụng cậu là Dương Khuông giữ chức quyền phủ sự.

Nguyễn Lệ, trước làm tư giảng của Khải, sau ra trấn thủ Sơn Tây; Dương Khuông là em thái phi Dương Thị. Trước kia, Lệ bị Ngô [Thì] Nhậm cáo tố, cũng bị bắt giam². Sau khi Khải đã nổi ngôi, hạ lệnh cho khôi phục triều ban. Đến nay, Lệ cùng Khuông cùng vào giữ công việc trong chính phủ, hai người này đều không có tài cán đức vọng, mà lại hay tự cậy mình là người có tài năng, nên người có kiến thức đều lấy làm lo ngại.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XLIII, tờ 25.

² Xem thêm Chính biên quyển XLV, tờ 21, 22.

Lời chua-Dương Khuông: Người xã Phong Phú¹, huyện Thạch Hà,

Tháng 12, mùa đông. Đổi trao cho Hồ Sĩ Đống giữ chức tham đốc quyền phủ sự.

Trước kia, Sĩ Đống vì có tang cha cáo quan về nhà. Trịnh Khải cho được khởi phục, sai đi xem xét công việc biên giới vùng Thuận Hoá, Quảng Nam. Sau đó triệu về triều, cho đổi bổ sang võ giai, giữ chức quyền phủ sự.

Lời chua-Tham đốc: Thuộc về võ ban, hàm tòng nhị phẩm.

Giáp Thìn, năm thứ 45 (1784). (Thanh, năm Càn Long thứ 49).

Tháng giêng nhuận, mùa xuân. Binh lính tam phủ lại nổi loạn giết Nguyễn Triêm.

Từ khi bọn Nguyễn Lệ được giữ công việc trong chính phủ, ngày đêm mưu tính, chú ý về việc ức chế kiêu binh. Lúc ấy bỗng có 4 quân sĩ già xưng đồng đội, vay ức tiền của hiệu buôn ở phố Đông Hà, bị anh em trong bản đội phát giác. Bọn Nguyễn Lệ hạ lệnh lập tức xử trảm. Quân sĩ đều tức giận là giết người một cách quá đáng, nhưng đã trót phát giác rồi, chỉ phải cúi đầu nghe lệnh. Bọn Nguyễn Lệ thấy thế, cho là uy quyền của mình đã được vững vàng, bảo với nhau rằng: "Từ đây ta có thể cứ giữ pháp luật mà thi hành". Bấy giờ có tri huyện Mai Doãn Khuê muốn cầu công với họ Trịnh, bèn bảo kín với Nguyễn Lệ rằng: "Bọn các công nghị kiêu binh có thể dẹp yên, nhưng không biết rằng họa hoạn xảy ra sẽ không thể nào nói xiết được. Tôi nghe họ nói xô xao là: hoàng tự tôn do bọn họ rước về, nay hoàng thượng đương trong lúc mỏi mệt về sự siêng năng, mà tự tôn thì tuổi và đức đều đã trưởng thành, họ đương dự định tâu xin thi hành việc truyền ngôi, làm cho ngôi vua, ngôi chúa đều do tay quân sĩ quyết định, để tạo thêm công lao phi thường của họ. Trong bọn quân sĩ có người không được như ý sinh ra trách oán, lại muốn tôn phò nhà vua giữ quyền nhất thống, để giành lấy quyền bính nhà chúa. Nếu kế ấy mà họ thi hành được, tôi sợ rằng các công sẽ không có đất để nương thân!". Nguyễn Lệ lập tức đem lời nói ấy báo cáo về Trịnh Khải. Khải sai Doãn Khuê trích từng người trong quân sĩ mà phát giác, nhân đấy, Doãn Khuê cáo tố vu cho Nguyễn Siêu là cháu ngoại của Tứ xuyên hầu là Phan Lê Phiên có dự vào mưu ấy, khi giao xuống tra cứu thì không có tang chứng gì, nhưng Khải vẫn cho là tố cáo đúng, rồi phong cho Doãn Khuê tước bá, quản lãnh đội quân thị hậu và là giảng quan của hoàng tự tôn, cho ở nội điện để tiện dò xét.

Đến nay, quân sĩ có người cậy công rước hoàng tự tôn về, xin ban phong cho cha mẹ, họ đem nhau vào sân điện tâu bày để xin phong, nhà vua sai triệu vào nội điện, tuyên bố chỉ dụ yên ủi. Lúc ấy có người chạy đến báo cho Trịnh Khải biết, Khải lập tức triệu Nguyễn Lệ và Dương Khuông vào bảo rằng: "Mưu kế của kiêu binh tôn phò nhà vua không thể dập tắt được, nay chúng đương tụ họp ở nội điện, làm thế nào bây giờ?" Nguyễn Lệ xin phái quân đến bắt và giết đi. Khải lập tức hạ lệnh cho Nguyễn Triêm, thủ hiệu đội Nhung Nhất, đi bắt, Nguyễn Triêm bước ra cửa phủ đường rút thanh kiếm, liếc lưỡi kiếm, và nói: "Sắc bén thay lưỡi kiếm! chém đầu kiêu binh thì ngọt xoét đây". Triêm bèn dẫn quân đến bao vây trên nội điện, bắt được 7 người, giao xuống tra hỏi. Bầy tôi bàn luận, cho rằng, nếu giết hết thì gây ra biến loạn, mà nếu không giết thì không thể nào răn cấm được. Ý họ muốn giết một vài người đầu sỏ đảng ác, để ức chế bớt lòng kiêu ngạo của quân sĩ đi. Duy có Dương Khuông quả quyết nói: "Không cần phải hỏi sự trạng làm gì, chỉ một việc quen mui tụ hội không chữa là phải chém đầu. Chúng cậy nhiều người mà sinh kêu ngạo không thể giết hết được, nhưng hễ có tên nào phạm tội thì không tha. Ví như một nắm đũa cứng không thể nào bẻ cả được, cứ rút tia lấy một vài cái mà bẻ, lâu ngày tự khắc phải hết". Bèn chiếu theo điều luật "vượt vào hoàng thành", đem chém tất cả.

Vì thế, quân sĩ tức giận, cùng tụ họp bàn định rằng: "Ngày nay mà có được triều đình này đều do công sức chúng ta, thế mà họ không lấy làm ơn, lại lấy làm oán. Nếu cái kế "bẻ đũa" của họ mà thi hành được, thì chúng ta sẽ không còn mống nào sống sót!". Họ hẹn nhau, ngày hôm sau sẽ khởi sự. Ngày rằm tháng ấy, quân sĩ đem nhau vây nhà bọn Nguyễn Lệ và Dương Khuông cốt bắt giết hai người này. Khuông và Triêm đều trốn vào phủ chúa Trịnh, Lệ ăn mặc giả dạng theo đường tắt chạy lên Sơn Tây. Quân sĩ tranh nhau phá hủy nhà cửa bọn này, rồi reo hò ầm ĩ vác siêu đao đi thẳng vào trong phủ lũng

¹ Nay thuộc xã Thạch Phú, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

xét bọn Khuông và Triêm. Trịnh Khải cùng Dương Thị đem tiền bạc ra để chuộc tính mạng cho Khuông. Quân sĩ lại lòng bắt Triêm, Trịnh Khải bắt đấng dĩ bảo Triêm ra, quân sĩ lấy gạch đá đánh chết.

Sau đó bãi chức bọn Nguyễn Lệ và Dương Khuông.

Từ đây, quyền bính về tay quân sĩ, chúng uy hiếp áp bức bọn quan lại, động một tý là dọa sẽ phá nhà, giết chết. Thậm chí đến việc thay đổi tướng tá văn ban, võ ban cũng đều do miệng quân sĩ nói ra mới xong, công việc trong nước không thể xoay sở thế nào được.

Lời phê-Lúc này là thế giới nào, ngàn đời chưa từng nghe có việc như thế! Câu nói "chính danh"¹ của thánh nhân thật đáng tin là không phải lời nói vu khống.

Lời chua-Mai Doãn Khuê: Người xã An Đông, huyện La Sơn², Nghệ An, làm tri huyện Đông Thành.

Nguyễn Triêm: Người xã Phú Đa³, huyện Tiên Phong, đỗ tạo sĩ.

Tháng 2. Các trấn định mưu giết kiêu binh, nhưng không hành động được.

Nguyễn Lệ đến Sơn Tây, cùng em là trấn thủ Nguyễn Điều bàn mưu kế để giết kiêu binh. Điều bảo Lệ rằng: "Nay dân ở tứ trấn oán kiêu binh đến tận xương tủy, nếu nay lấy danh nghĩa là dấy quân giết kiêu binh, thì chỉ hô lên một tiếng, không chỗ nào là không hưởng ứng. Địa phận trấn này ở miền thượng du, trước kia anh trấn giữ ở đây lại kiêm trấn thủ Hưng Hóa, thổ tù đều là thuộc hạ cũ của anh; hơn nữa Hoàng Văn Đồng, phiên mục Tuyên Quang, giàu mạnh nhất nước, năm trước anh đã đi chiêu dụ, vốn được lòng hẳn, nay đưa một lá thư hiệu triệu, có lẽ hẳn theo lệnh ngay; Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Nam là viên tướng bách chiến; Trương Tuân ở Kinh Bắc và Trịnh Tự Quyền ở Hải Dương đều là tướng có mưu trí, nay lấy mệnh lệnh của chúa bí mật truyền bảo để họ chiêu mộ nghĩa sĩ, cố giữ doanh trại trong trấn, theo sự điều khiển của anh. Địa vị của anh là một viên tể tướng kiêm chức sư phó, nay chỉ huy các trấn để gỡ hoạn nạn cho nước, ai dám là người không theo? ta sẽ giao ước với họ cùng nhau khởi sự trong một ngày, kéo quân vào thành giết tên đầu sỏ của đảng kiêu binh mà buộc chúng vào kỷ luật, việc ấy tưởng chẳng khó khăn gì". Lệ nói: "Chú nói đúng, nhưng hiện nay chúa ở trong tay kiêu binh, ném chuột, có lẽ nào không ngại va chạm đến đồ vật hay sao?"⁴. Điều nói: "Việc ấy rất dễ, bây giờ nên sai người trình bày với chúa, mật báo cho Hoàng Phùng Cơ đem châu sư đến Thanh Trì, nói phao là đi tuần tiểu mặt sông, rồi ngấm dùng chiếc thuyền nhỏ để đón chúa, chúa ăn mặc giả dạng xuống thuyền, thuận dòng xuôi về Hiến doanh hành tại ở đây. Bây giờ các doanh trấn sẽ khởi sự, thì không quản ngại gì cả". Lệ lập tức làm tờ mật khai báo cáo với Trịnh Khải. Khải theo lời, mật hẹn Hoàng Phùng Cơ đến ngày 28 tháng giêng nhuận đem thuyền đón tiếp; ngày mồng một tháng 2, các trấn sẽ đem đại binh vào kinh thành, giết kiêu binh. Trong bọn quân sĩ có người biết được mưu ấy, họ bèn chia nhau ngày đêm canh giữ phủ chúa Trịnh rất nghiêm ngặt, Trịnh Khải không sao đi được. Vì thế, các trấn cũng bãi binh.

Từ đây, quân sĩ mỗi khi ra ngoài kéo từng đàn hàng trăm hàng ngàn người, tung hoành nơi thôn xóm, tự ý cướp bóc thả cửa. Quân sĩ nào đi đường một mình, thường bị dân quê đón đường giết chết. Quân và dân coi nhau không khác gì giặc cướp thù hằn.

Lời chua-Nguyễn Điều: Em Nguyễn Lệ, con Nguyễn Nghiễm.

Trương Tuân: Người xã Như Kinh⁵, huyện Gia Lâm.

Thanh Trì: Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 14 (Chb. VI, 26).

¹ Câu nói của Khổng Tử, chép trong thiên "Tứ Lộ", sách Luận Ngữ ý nói danh phận của từng người phải cho đúng mức.

² Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

³ Nay là thôn Phú Đa, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

⁴ Câu này lấy điển trong Hán thư, ý nói: Chuột đến gần đồ vật quý, muốn ném chuột lại ngại vỡ đồ vật. Ở đây đem chuột ví với kiêu binh và đem đồ vật ví với Trịnh Khải.

⁵ Nay là xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Hiển doanh: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 39).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Bùi Huy Bích quyền làm công việc tham tụng (hành tham tụng); bọn Trương Đăng Quỳ và Trần Công Xán cùng giữ chức bồi tụng.

Quân sĩ tam phủ kiêu ngạo ngang ngược ngày một quá, mỗi khi chính phủ có xếp đặt việc gì, họ hợp nhau chê bai bàn tán, quan văn, tướng võ chỉ chịu bó tay. Huy Bích điều chỉnh thu xếp một cách thư thả, êm dịu, nên tình hình quân sĩ được tạm ổn định. Nhưng tình thế vỡ lở, chung quy không thể nào hàn gắn được.

Lời chua-Trương Đăng Quỳ: Người xã Thanh Nê¹, huyện Chân Định, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Trần Công Xán (Tên cũ là Công Thước): Người xã Yên Vĩ², huyện Đông An, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1722) năm Cảnh Hưng.

Tháng 10, mùa đông. Nước ở Hồ Tây sục sôi.

Đêm mồng một tháng ấy, nước ở Hồ Tây sục sôi, tiếng kêu như sấm, sáng hôm sau cá tôm chết hết, mùi tanh kinh người.

Lúc ấy, tai biến hiện ra luôn: cây cối trong phủ chúa Trịnh, ngày đêm đàn quạ vừa bay, vừa kêu; trước cửa phủ thành tự biết là điều không hay.

Lời chua-Tây Hồ: Có một tên nữa là Lãng Bạc, xem Thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 11).

Ất Tỵ, năm thứ 46 (1785). (Thanh, năm Càn Long thứ 50).

Tháng 3, mùa xuân. Bầy tôi dâng tôn hiệu.

Dâng tôn hiệu nhà vua là: Uyên úy khâm cung nhân từ đức thọ hoàng đế.

Từ ngày Trịnh Sâm chuyên giữ chính quyền trong nước, nghi lễ sóc vọng bỏ đã lâu ngày. Nay Huy Bích mới vào giữ việc trong chính phủ, bàn định tôn phò nhà vua để thu phục lòng người, bèn dâng tờ khai xin với chúa Trịnh: 1. Trăm quan dâng huy hiệu lên nhà vua; 2. Ngày mồng một và ngày rằm, các quan vào châu mừng theo chế độ cũ.

Lời phê-Than ôi, cũng đã muộn rồi, còn làm gì được nữa! Thế mà còn nhận danh hiệu hảo, thật là tối thời cơ.

Đàm Thịnh Liệt nước đỏ.

Lời chua-Thịnh Liệt³: Tên xã, thuộc huyện Thanh Trì.

Tháng 4, mùa hạ. Mưa dầm. Hạ lệnh cho bầy tôi và thứ dân nói thẳng những điều thiếu sót làm lỗi.

Lúc ấy, mưa mãi không thôi. Trịnh Khải hạ lệnh cho bầy tôi và thứ dân nói thẳng những điều hay, điều dở. Phạm Nguyễn Du Đông các đại học sĩ dâng tờ khai, đại lược nói: "Tôi trộm nghĩ việc cần kíp hiện nay có 4 tiết mục, mà chủ chốt thì căn bản chỉ ở trong lòng:

1. Đối với quân sĩ: Ít lâu nay chính lệnh về quân ngũ đổ nát, lỏng lẻo. Vậy xin kê cứu điển lệ các triều trước tham khảo với việc tiện lợi ngày nay, chép thành một tập quân chính. Đại yếu như lúc ngày thường theo hầu xa giá, lúc có việc sai phái đi làm, lúc ở quân ngũ thao luyện diễn tập, lúc đến dân gian đốc thúc việc quân, đều có điều lệ, rồi dịch ra quốc âm, thời thường gia công dạy bảo, dùng phép tắt để

¹ Nay là thôn Thanh Lê, xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

² Nay là xã An Vĩ, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

³ Nay là xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

tề chỉnh quân sĩ. Như thế ngũ hầu chính lệnh trong quân ngũ mới có thể nghiêm trang, mà tai hại ở dân mới có thể trừ được.

2. Đối với quan chức: Nhà nước đặt quan, trong kinh có Ngự sử đài, bên ngoài có ty Trấn thủ, ty Thừa chính, ty Hiến sát cho đến phủ và huyện, đều có chứa phận phải làm: Ba ty chia nhau xét việc kiện tụng của quân và dân, gần đây điều lệ ngày một thêm nhiều, bọn điều toa dựa vào điều lệ mà xét xử một cách gượng ép, có khi một việc kiện mà chia ra cáo tố ở hai ty, dân bất đắc dĩ kêu cả lên ngự sử, ngự sử lại không có lý thu đạo¹, chỉ dung túng người dưới theo ý riêng làm việc thiên tư, tiếng gọi là chiếu theo điều lệ, mà thực là trái với điều lệ. Vậy xin tập hợp rộng rãi huấn lệnh đã có sẵn của các triều, chép thành một cuốn sách quan phương², ban bố cho các nha môn. Đại để việc kiện tụng trong một đạo từ huyện đến ty Thừa chính thuộc về Ngự sử, còn ty Trấn thủ chỉ cai trị bọn trộm cướp, ty Hiến sát chỉ cai trị bọn quyền quý và chỉ đàn hạch bọn quan lại. Mỗi năm tra khám bao nhiêu việc kiện tụng, làm thành danh sách trình Ngự sử đài chuyển đệ lên chính phủ. Ngoài ra, những phép tắc về sửa chữa bản thân, điều khiển lại dịch, cai trị nhân dân, tôn thờ người trên, việc nào cũng rõ ràng đầy đủ, để người thừa hành chức vụ nghi nhớ không quên, mà thi thố ra công việc chính trị. Về việc khảo xét công trạng, thì mỗi năm xét một lần gọi là tiểu khảo, để đôn đốc thúc giục; ba năm xét một lần gọi là đại khảo, để thi hành việc thăng thưởng hoặc truất bãi. Có như thế thì phép trong quan trường mới có thể ngay thẳng được.

3. Đối với dân: Hiện nay tập tục bạc bẽo, nói càn nói dỡ, xâm phạm đến người trên, tuyên truyền lời vu vơ, làm mê hoặc dân chúng. Vậy xin tham khảo điển lệ đời trước và các triều, chép thành một tập dân chính, từ phép tắc hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em, kính mến người trên, yêu thương người dưới, cho đến nghi tiết cư xử, động tác, mỗi việc cần làm đầy đủ thành từng điều mục, rồi ban xuống cho ty Thừa chính, cho các dân xã sở tại được tùy tiện chọn bầu mỗi xã một hai người hương trưởng, hàng năm cứ lấy những ngày kỳ phước³, ngày xã điền⁴, họp dân lại đem phép ấy ra đọc mà dạy bảo khuyên răn. Nếu có người nào không theo lời dạy, thì kê tội lỗi trình bày lên quan, tội nhẹ thì xét xử ngay, tội nặng thì xét nghĩ rồi đệ hồ sơ lên quan trên. Nếu có người hiếu thảo, đức hạnh, tiết nghĩa, nghĩa phụ, thì phải đem sự việc đề đạt rõ ràng để biểu dương họ, làm cho dân biết mà khuyên làm điều lành. Có như thế, thì pháp lệnh mới có thể thi hành được.

4. Đối với sĩ tử: Nhà nước có trường quốc học để dạy hương cống, có trường phủ học để dạy sinh đồ. Đến trung gian mở nhiều đường ngang tắt cầu may, đặt ra phép "tam quán sinh đồ"⁵, lấy đồ những lạm, đến nỗi có người hương cống mà chưa thông nghĩa lý câu văn; vừa đỗ hương cống xong, liền ngấp nghé để chức làm quan, không được làm quan thì lui về làm đơn từ hoặc làm nha lại, hạng hương cống như thế, chiếm đến gần một nửa sĩ số trong cả nước; hạng sinh đồ lại còn kém hơn. Đến như hạng học trò mới học cũng không có người tiêu biểu để làm thầy. Vậy xin bớt số học quan ở các phủ huyện hợp lại làm một đạo, ở đạo có điện đại thành, có nhà giảng học, có nhà đôn đốc học nghiệp và có nhà chứa sách; các viên quan đề cử thì dùng quan văn vào hạng đại khoa mà có học lực, phẩm hạnh, đạo nghĩa để bổ ở mỗi đạo một người; viên quan này chuyên dạy hương cống, sinh đồ trong bản đạo và người mới học mà tình nguyện ở nhà trường học tập. Còn các viên trực giảng, trợ giáo trong nhà quốc học thì nên chọn kỹ bậc văn thần, cấp cho bổng lộc hậu thêm. Phàm hương cống, sinh đồ các đạo, người nào có thể về kinh học tập đều cho phép được vào học ở Quốc tử giám. Do đây, hạ đặc lệnh ban bố khoa điều, dạy cho biết lễ nghĩa, mà phân biệt ra từng hạng. Phép này trước hết ở nhà Quốc học, rồi thi hành đến các đạo. Nếu có viên quan nào không làm tròn chức vụ, thì ngự sử cùng ty Hiến sát bản đạo

¹ Nguyên văn chép: "Ngự sử hựu bất cứ lý thu đạo, dung tuận hành tư". Trong câu này có chữ "thu đạo", nghĩa rất khó hiểu. Một thuyết nói "thu đơn giao cho đạo xét", một thuyết cắt nghĩa cả năm chữ là "không theo đạo lý". Hai thuyết này chúng tôi thấy đều chưa ổn, nên phiên âm theo nguyên văn, xin độc giả chỉ giáo.

² Cuốn sách chép về lễ phép mà người làm quan phải tuân theo.

³ Ngày tế thần để cầu cho dân làng được phúc lành. Lễ này, xưa kia thường cử hành về mùa xuân.

⁴ Xem lời chua của Cương mục Chính biên quyển XLI từ 15.

⁵ Người nào nộp 3 quan tiền sẽ được gọi là sinh đồ. Xem thêm chính biên quyển XXXIX từ 5 và XLI từ 2.

đàn hặc. Có như thế, ngõ hầu xây dựng được nền giáo dục, mà mới có hạng sĩ tử cao quý để đáp ứng với sự cầu hiền của triều đình.

Nhưng, mọi việc trong thiên hạ cốt gốc là ở tâm tư, chưa có bao giờ tâm tư không ngay thẳng, mà lại có thể thi thố mọi việc được. Thế thì việc sửa chữa tâm tư lại là cốt gốc của mọi người. Tôi trộm thấy vương thượng từ khi thân giữ chính quyền đến nay, một lòng tôn phò nhà vua, nào là kính thượng hoàng, nào là dâng tôn hiệu, đứng về mặt danh phận, vẫn biết rằng đã được chấn chỉnh mà nâng cao lên. Tôi càng mong từ nay lễ thường triều ngày sóc, ngày vọng¹, vương thượng thân hành dẫn đại thần thân cận và có công cùng trăm quan văn võ chiếu theo điển lệ triều trước, thân ngồi giường ngự ở phía tả ngai rồng của hoàng thượng để nhận lễ thường triều của bách quan, làm cho sáu quân trông thấy, bốn biển biết tin, đều hiểu rõ đức tốt về việc tôn phò nhà vua của vương thượng, thì tự nhiên mọi người phát sinh lòng lành và kính cẩn, đối với danh phận run sợ mà không dám xâm phạm, tiêu tan được lòng lấn vượt áp bức, sum hợp lại tình chia rẽ lìa tan. Đây là ý nghĩa thứ nhất đem một tâm tư để quan sát mọi tâm tư vậy".

Tờ khai của Phạm Nguyễn Du không được chúa Trịnh trả lời. Ít lâu sau, cho ra giữ chức đốc đồng ở Nghệ An.

Lời phê⁻² Đều là văn từ chiếu lệ mà thôi. Chứ một nước lại có hai vua à?
Lời chua-Đông các đại học sĩ: Phẩm trật chánh tử.

Sửa nhà thái học.

Lúc ấy, trong nước nhiều biến cố, nhà học bỏ đổ nát. Bùi Huy Bích muốn xây dựng nền văn học để giữ vững lòng người, bèn xin cố sức sửa sang tu bổ. Huy Bích lại thường đến nhà Giám giảng bàn sách vở, luyện tập văn bài, khen thưởng khuyến khích người nho học hiền tài, ức chế người cầu may thi đỗ. Vì thế, lúc ấy nhiều người ngợi khen.

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh hoàng trùng.

Hoàng trùng đầy cả đồng nội, lúa mạ bị tổn hại hết.

Yên Quảng, giặc biển nổi dậy.

Thiên Liên (sót họ), người Yên Quảng, hô hào tụ tập dân chúng ở ngoài biển, có vài trăm chiếc thuyền; tên Sơn (sót họ) người huyện Thần Khê, đem đồ đảng theo về với Thiên Liên, thanh thế của giặc bùng dần mãi lên. Vì thế, dân ven biển vùng đông nam bị rối loạn.

Lời chua-Huyện Thần Khê: Đồi Lê, thuộc trấn Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Hưng Yên³.

Yên Quảng⁴: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, 16, 19, 29, 30, 35).

Bính Ngọ, năm thứ 47 (1876). (thanh, năm Càn Long thứ 51).

Mông mọt, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 3. Dân bị nạn đói.

Thàng này, giá gạo cao vọt, dân trong kinh kỳ và tứ trấn bị đói to, thây chết nằm liên nhau. Trịnh Khải hạ lệnh chiêu mộ nhân dân, ai nộp của sẽ trao cho quan chức, nhưng không ai hưởng ứng. Bèn dùng sắc lệnh bắt ức nhà giàu để lấy tiền chia ra phát chẩn.

¹ Ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng theo âm lịch.

² Chỉ việc xin chúa Trịnh ngồi giường ngự ở phía tả ngai rồng để nhận lễ thường triều.

³ Sau là huyện Tiên Hưng, nay Tiên Hưng hợp nhất với huyện Đông Quan thành huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

⁴ Tương đương với tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Tháng 5, mùa hạ. Nguyễn Văn Huệ đem quân vào cướp phá. Đồn tướng Hoàng Nghĩa Hồ, phó tướng Hoàng Đình Thế, tỳ tướng Vũ Tá Kiên và đốc thị Nguyễn Trọng Đàng đều bị chết trong chiến trận; Phạm Ngô Cầu mở cửa thành ra hàng.

Trước đây, Văn Nhạc chiếm cứ Quảng Nam, sai người xin hàng và xin trấn thủ đất ấy. Trịnh Sâm thấy chỗ ấy vừa hiểm trở, vừa xa xăm, vả lại cũng ngại về việc dụng binh, nhân đấy mới trao cho Văn Nhạc trấn giữ. Sau đó, Văn Nhạc xưng là Thiên vương đặt ngụy hiệu là Thái Đức, triều đình nghe biết việc này cũng bỏ qua không hỏi đến. Trấn thủ Phạm Ngô Cầu là người tham lam nhút nhát, tham tụng Hồ Sĩ Đống từ Thuận Hoá về kinh, đã nhiều lần xin bổ viên tướng khác thay cho Ngô Cầu, nhưng việc này sau cũng im đi.

Ngô Cầu chuyên làm việc buôn bán, không sắm sửa khí giới phòng bị lương thực, quân và dân đều chán nản khinh thường. Nhân đấy, Văn Nhạc phong cho em là Văn Huệ làm Long nương tướng quân, chỉ huy các quân thủy, quân bộ, Vũ Văn Nhậm¹ đem tả quân, Nguyễn Hữu Chinh đem hữu quân, chia đường cùng tiến, qua đèo Hải Vân. Tướng giữ đồn là Hoàng Nghĩa Hồ ra đánh, bị chết. Nhân thế thắng, quân của Nguyễn Huệ xông thẳng đến Thuận Hóa. Lúc ấy, Ngô Cầu đương đặt đàn chay lớn, chợt nghe tin giặc kéo đến, lúng túng, không biết thi thố cách nào. Trước đây, vì bức thư ly gián của Hữu Chinh, nên Ngô Cầu và phó tướng Hoàng Đình Thế vẫn nhị tâm với nhau, sĩ tốt sinh ra nghi ngờ lười biếng, không ai có lòng chiến đấu. Gặp lúc ấy nước thủy triều lên mạnh, giặc bèn cho châu su² ồ ạt tiến sát đến dưới thành. Hoàng Đình Thế, một mình đem quân bản bộ đón đánh, thuốc súng và đạn đều hết. Ngô Cầu đóng cửa thành không cứu viện. Đình Thế cùng hai người con (một người là Đình Vị, còn một không rõ tên) và tỳ tướng là Vũ Tá Kiên dựa vào thành lũy để bày trận, đem hết sức lực chiến đấu hăng hái; hai người con phóng ngựa ra trận giết giặc, ngựa bị què, bèn đánh lối bộ chiến, bị trọng thương, chết tại mặt trận. Đình Thế cùng Tá Kiên đều chết, Văn Huệ lừa quân ồ ạt tiến lên. Ngô Cầu mở cửa thành xe quan tài³ ra hàng, đốc thị Nguyễn Trọng Đàng chết ở trong đám loạn quan. Giặc tung quân vào thành, chém giết thả cửa, hơn vài vạn tướng sĩ đóng ở đồn, chỉ còn được vài trăm người qua sông trở về Bắc Hà mà thôi. Do đấy tướng đóng ở các đồn Cát Doanh và Động Hải nghe được phong thanh đều chạy trốn.

Lời chua-Hoàng Nghĩa Hồ: Người thôn Hoàng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên⁴, tỉnh Nghệ An, đỗ tạo sĩ.

Vũ Tá Kiên: Người xã Hà Hoàng⁵, huyện Thạch Hà, đỗ tạo sĩ.

Nguyễn Trọng Đàng: Người xã Trung Cầm⁶, huyện Thanh Chương, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769) năm Cảnh Hưng.

Cát Doanh: Ở địa phận xã Ái Tử⁷, huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị.

Động Hải: Xem năm Cảnh Hưng thứ 39 (Chb. XLV, 10).

Tháng 6. Nguyễn Văn Huệ cướp phá Vị Hoàng. Bọn Trịnh Tự Quyền và Đinh Tích Nhưỡng bị thua, bỏ chạy.

Văn Huệ hội hợp các tướng, bàn định lại cho quân tu sửa trường lũy Động Hải, vẫn giữ địa giới cũ ở La Hà. Nguyễn Hữu Chinh dâng lời nói: "Tướng công đánh một trận được đại thắng, uy danh chấn

¹ Nguyên văn chép "Sĩ" và chua rằng: "vì tránh tên húy nên đổi đi. Ở đây chúng tôi phiên âm rõ là "Nhậm. Dưới đây cũng đều phiên âm như thế.

² Tên một binh chủng, sử dụng bằng thuyền.

³ Có ý xin ra để chịu chết.

⁴ Nay là huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

⁵ Nay là thôn Hạ Hoàng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

⁶ Nay là thôn Trung Cầm, xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

⁷ Nay thuộc huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

động cả thiên hạ. Đường lối dụng binh, một là thời, hai là thế, ba là cơ hội, nếu có thể dựa vào ba điều ấy, thì đánh đâu mà không được. Nay ở Bắc Hà, quân lính thì kiêu ngạo, tướng sủng thì lười biếng, triều đình lại không có kỷ cương gì. Tướng công mang uy thanh ấy, nhân lúc bên kia đã đổ nát, nếu thực biết dùng danh nghĩa "phò Lê, diệt Trịnh" thì thiên hạ ai mà không hưởng ứng? Đây là cơ hội và thời, thế đều không thể để lỡ được". Văn Huệ cho là phải, bèn nói giả thác là mệnh lệnh của Văn Nhạc, rồi dùng Hữu Chinh làm tiên phong thủy quân, trước hết kéo quân ra cửa biển Việt Hải, vào cửa biển Đại An, kéo thẳng đến Vị Hoàng chiếm lấy kho lương. Văn Huệ tự thống suất đại binh, theo đường thủy, đường bộ tiếp tục xuất phát. Tướng giữ trấn Nghệ An và Thanh Hóa là bọn Bùi Thế Toại và Tạ Danh Thủy nghe được phong thanh, đều bỏ thành trốn. Hữu Chinh kéo quân đến Vị Hoàng, binh lính trong đồn trông thấy, sợ hãi, tan vỡ. Thóc lúa trong kho có hàng trăm vạn đều vào tay giặc. Văn Huệ tiếp tục kéo quân đến chiếm cứ lấy đất này.

Trước đây, được tin báo về tình hình của giặc, bầy tôi bàn định, đều nói: "Thuận Hóa vốn không phải đất đai của triều đình, trước kia tốn bao nhiêu công của mới lấy được, chung quy cũng chẳng ích lợi gì? Bây giờ chỉ nên bàn luận tìm cách đóng quân ở Nghệ An theo như việc cũ mà thôi". Vì thế, Trịnh Khải hạ lệnh cho Trịnh Tự Quyền làm thống tướng, đem hiệu quan và quân lính 27 cơ tiến ngay vào giữ lấy đầu địa giới Nghệ An để chống cự. Tự Quyền nhận được mệnh lệnh đã hơn mười ngày mà vẫn chưa thu xếp hành trang xong, còn quân sĩ thì chần chừ không có ý muốn đi, lại muốn thay đổi thống tướng khác. Kịp lúc Tự Quyền đem quân dời khỏi thành mới được 30 dặm, thì quân giặc đã đến Vị Hoàng rồi. Trịnh Khải lại hạ lệnh khác cho Tự Quyền vẫn đem các quân bản bộ tiến đến chống cự ở Kim Động, một mặt phi sứ cho Đỗ Thế Dận, trấn thủ Sơn Nam, lập tức đem quân bộ tiến đến đóng ở bờ sông Phù Sa, rồi sai Đinh Tích Nhưỡng đốc lãnh các quân thủy đạo tiến thẳng đến giữ ở cửa Luộc. Các tướng hội hợp binh lính đón đánh.

Chợt có thuyền của giặc đương đêm từ hạ lưu nhân chiều gió tiến thẳng lên, thế rất sắc bén. Tích Nhưỡng liền sai các quân bầy "trận chữ nhất" (-) chặn ngang sông, đạn súng và tên nỏ cùng một lúc bắn ra, trông xa thấy một chiếc thuyền giặc tan vỡ rồi bị đắm, còn các thuyền khác cứ nối nhau tiến lên không ngừng, mà trong thuyền vẫn im lặng không có tiếng người. Trong lúc hoảng hốt sợ hãi thì trời đã sáng rõ, mới biết những người chèo sào đều người bù nhìn cả. Lúc ấy, thuốc súng và đạn của quan quân đều hết, đại đội châu sư của giặc vừa đánh trống vừa reo hò tiến lên, thanh thế kinh thiên động địa. Giặc lại dùng toán quân nhanh nhẹn sắc bén xông thẳng vào hàng ngũ quân Thế Dận, đem ống phun lửa loạn xạ, quân của Thế Dận kinh sợ tan vỡ. Toán quân của Đinh Tích Nhưỡng la ó om sòm, tranh nhau bỏ thuyền chạy. Toán quân của Trịnh Tự Quyền nghe tin, cũng sợ hãi rối loạn rồi tự tan vỡ. Giặc bèn đánh phá được trấn Sơn Nam, rồi đưa tờ hịch đi các lộ, bầy tỏ danh nghĩa "diệt Trịnh, phò Lê".

Lời phê-Lúc ấy triều đình đã hết sức rối ren đổ nát, giặc đã nhòm biết kể tóc chân tơ rồi, tiến thẳng quân mà đánh lấy có khó khăn gì.

Lời chua-Đinh Tích Nhưỡng: Người xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng¹, dòng dõi Đinh Văn Tả.

Bùi Thế Toại: Người xã Tiên Lý, huyện Đông Thành², con Bùi Thế Đạt, đỗ tạo sĩ.

Đỗ Thế Dận: Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm³. (Chb. XLVI, 19).

Cửa Việt Hải: Xem Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ nhất (Chb. XVI, 8).

Cửa sông Luộc: Thuộc huyện Nam Xang, chỗ giáp giới hai huyện Tiên Lữ và Hưng Nhân tỉnh Hưng Yên⁴.

¹ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

² Nay là huyện Yên Thành và Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

³ Hà Nội.

⁴ Huyện Hưng Nhân nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Vị Hoàng: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 10 (Chb. XXXVII, 9). Nay là tỉnh thành Nam Định.

Sông Phù Sa: Thuộc địa phận xã Phù Sa, huyện Đông An¹, tỉnh Hưng Yên. Khúc sông này là hạ lưu sông Nhị.

Nguyễn Văn Huệ xâm phạm đến Thăng Long. Hai viên Thiên tướng², quân thủy là: Nguyễn Trọng Yên, quản lãnh đội Tiên ưu, Ngô Cảnh Hoàn, quản lãnh đội Tiên trạch cùng Mai Thế Pháp, thuộc tướng bộ binh, ra đánh đều bị chết tại trận. Trịnh Khải đánh nhau với giặc ở bến Tây Luông (Long), thua, chạy, bị bắt, Khải tự sát. Lý Trần Quán, Thiêm tri lại phiên, chết theo.

Sau khi trấn Sơn Nam đã bị phá, kinh thành Thăng Long rất sợ hãi, quan và quân đều lo toan việc chạy trốn, không có chí chiến đấu, mọi người bàn luận phân vân, không định được kế mưu đánh hay giữ. Nguyễn Lê từ Nghệ An về kinh, khuyên Trịnh Khải: "Sai tướng giữ kinh thành, mà rước nhà vua chạy lên Sơn Tây, để lo tính công việc sau này. Nếu đánh nhau với giặc, thì kiêu binh không thể dùng được, việc nước thành ra hỏng mất". Khải toan theo lời Nguyễn Lê. Kiêu binh hợp nhau lại đúc lác âm ỉ, cho là Nguyễn Lê dặt giặc vào kinh thành, toan giết Lê, Lê chạy lên Sơn Tây.

Khải cho là tham tụng Bùi Huy Bích giữ công việc trong chính phủ không có công trạng gì; đến nay lại không có mưu mô gì cứu chữa được tình thế, trong bụng có ý chán ghét, bèn cho Huy Bích ra đốc chiến, mà triệu Trần Công Xán (tên cũ là Công Thước) vào phủ, bí mật bàn định mưu kế đánh giặc hoặc tránh giặc. Công Xán nói: "Giặc đem đại quân trợ trợ đi sâu vào đất ta, điều ấy binh gia lấy làm kiêng kỵ. Nay nên dữ chúng vào gần, rồi đánh một trận giết cho nhẵn nhụi. Còn như kinh sư là nơi cõi rể, không thể lìa bỏ mà đi xa được. Nếu tình thế quá ngặt nghèo, không thể làm thế nào được, thì cũng nên đánh một trận quyết liệt cuối cùng". Khải nhận là phải, bèn triệu Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây về, sai làm tiền bộ.

Phùng Cơ cùng 8 người con (4 người là Thụy, Bồi, Truyền và Tình, còn không rõ tên) dẫn quân lính bản bộ đóng ở hồ Vạn Xuân; đội quân Tứ thị thủy dàn thuyền ở sông Thúy Ái. Khải đem hết quân trong thành, bày trận ở bến Tây Luông (Long). Lúc ấy, gió đông nam thổi mạnh, thuyền của giặc nhân chiều gió, kéo ập đến. Về phía chúa Trịnh, thì quân thủy tan vỡ trước. Hai viên thiên tướng là Nguyễn Trọng Yên, quản lãnh đội Tiên Ưu và Ngô Cảnh Hoàn, quản lãnh đội Tiên Trạch, cầm ngang siêu đao, đứng ở mũi thuyền, chống cự, bị chết. Giặc bèn kéo lên bộ. Toán quân của Phùng Cơ không kịp dàn thành hàng ngũ, bỏ chạy tan vỡ tứ tung. Thuộc tướng là Mai Thế Pháp phi ngựa lên đón đánh, giết được hơn 10 tên giặc. Bị giặc vây sát. Thế Pháp tự nhảy xuống sông; chỉ còn một mình Phùng Cơ cùng 8 người con dẫn vài chục thủ hạ cố sức chiến đấu. Thủ hạ và 6 người con đều bị giặc giết. Phùng Cơ cùng 2 người con cướp lấy đường mà chạy. Quân lính của giặc tiến đến bến Tây Luông (Long). Khải mặc nhung phục, ngồi trên bành voi, cầm cờ lệnh chỉ huy, nhưng quân sĩ nhìn nhau, không ai chịu tiến lên. Giặc tung quân ra chém giết, quan quân tan vỡ lung tung. Khải quay voi trở về thành, đến cửa Tuyên Võ, trông thấy ngoài phủ đã cắm hàng loạt cờ của giặc, bèn dẫn hơn trăm tướng binh³, hướng theo đường Sơn Tây chạy trốn. Bầy tôi, người thì bỏ trốn, người thì tan chạy, cũng không một người nào biết đến chúa cả.

Khi Trịnh Khải chạy đến xã Hạ Lôi, huyện Yên Lãng, quân sĩ tan tác hết. Lý Trần Quán, thiêm sai giữ công việc Lại phiên, trước đây vâng đem tờ hịch đi chiêu mộ nghĩa binh, chợt ở đấy, Trịnh Khải cùng Trần Quán gặp nhau. Trần Quán nói dối người học trò của mình là Nguyễn Trang rằng: "Đây là quan tham tụng bộ Bùi đi lánh nạn đến đây, anh khá hộ vệ đưa ngài đi qua địa giới huyện này". Trong bụng Trang biết đây là chúa Trịnh, bèn cùng đồ đảng là Nguyễn Ba bắt giải nộp doanh trại giặc. Trần Quán được tin, vội vàng chạy đến, vừa lạ vừa khóc, nói: "Làm lầm lỗi chúa đến thế này là tội ở tôi". Nhân đem nghĩa lớn dụ bảo Trang, Trang nói: "Sợ thầy không bằng sợ giặc, yêu chúa không bằng yêu mình",

¹ Nay là huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

² Danh hiệu để gọi viên tướng giữ một bộ phận nhỏ, cũng như tì tướng, khác với đại tướng, thống tướng.

³ Tên một binh chủng lúc bấy giờ, sử dụng bằng voi.

bèn giải Trịnh Khải đi. Khải dùng dao cắt cổ tự tử. Trang đem thi thể Khải nộp cho giặc. Văn Huệ sai sắm đủ áo quan khâm liệm tống táng; bổ dụng Trang làm trấn thủ Sơn Tây, phong là Tráng liệt hầu.

Trần Quán về nhà bảo với học trò rằng: "Ta là bầy tôi mà làm lầm lỡ chúa, tội ta đáng chết. Nếu không chết thì không giải tỏ lòng này với trời đất được". Bèn sai người đào huyệt, đặt sẵn áo quan, Trần Quán mặc đủ mũ áo, tự nằm vào áo quan, cho vùi đất đi để chết.

Trước đây, Văn Huệ từ Vị Hoàng ngược dòng sông, kéo quân ra Bắc, quân thủy đạo của Đinh Tích Nhưỡng tan vỡ, Trịnh Khải được tin, hạ lệnh hết thủy quân ra đóng ở sông Thúy Ái để chống cự. Cảnh Hoàn là vì con nhà tướng, được giữ chức thiên tướng, lúc sắp ra đi, người em họ là Cảnh Trường hỏi về cái cơ đánh giặc, Hoàn nói: "Nhà ta đời đời ơn nước, nay giặc kéo đến, ta chỉ có đánh giặc mà thôi, ngoài ra không biết gì hết". Hoàn bèn ra đi, bày thế trận để đợi giặc. Một lát, thuyền của giặc tiến sát đến nơi, sĩ tốt tan vỡ bỏ chạy, Cảnh Hoàn cùng hai con cố sức đánh giặc, đều bị chết, được tin Cảnh Hoàn chết, cả nhà thương xót kêu gào, chỉ có Phan Thị Thuần, vợ lẽ cứng yêu của Cảnh Hoàn, là người có nhan sắc, ngoài 20 tuổi, chưa sinh nở gì, vẫn nói cười tự nhiên, hàng ngày kiểm điểm tư trang và may áo cưới, có người chê cười, Phan Thị cũng không biện bạch gì cả. Gần bách nhật, thị nói với người trong họ để mời nhà sư làm chay cho Hoàn. Khi tan đàn chay, thị bèn ăn mặc lộng lẫy bước xuống thuyền, rồi quay lại bảo người trong họ rằng: "Công việc của thiếp xong rồi, từ đây thiếp xin chết theo tướng quân, hài cốt tướng quân không được mai táng, xin các ông hiểu thấu lòng thiếp, đừng mai táng cho thiếp làm gì". Thị bèn sai người chèo thuyền đến chỗ Cảnh Hoàn chết, rồi tự gieo mình xuống sông. Người đứng xem ở hai bên bờ sông không ai là không hãi hùng kinh dị. Sau con Cảnh Hoàn đem hài cốt thị về táng ở đồng làng. Khoảng năm Chiêu Thống truy xét đến những người tiết nghĩa, để cho phong tặng và tên thụy Cảnh Hoàn và Phan Thị đều được dự phong. Triều đình hạ lệnh cho dân sở tại lập đền thờ. Đến bản triều năm Tự Đức thứ 12 (1859) vâng sắc lệnh ban cho chữ: "Lê triều tiết liệt phu nhân Phan thị chi từ". (Đền thờ Phan Thị, người đàn bà tiết liệt triều nhà Lê), dựng bia ở phía đông đền ấy.

Lời phê-Lúc này, sao kêu binh không lo tính để lập công¹.

Lời phê-Từ trước đến nay, trong nước mà có quyền thần chuyên chính, thì không đầy vài đời liền cướp lấy ngôi, chưa từng có bao giờ lại như nhà Lê, nhà Trịnh hai bên sứ song song từ trước đến sau như thế. Việc này cũng là việc lạ ngàn đời!, có lẽ kẻ kia² hiện trông thấy nhà Mạc không thể giữ ngôi vua được dài lâu, nên rất lấy làm răn sợ. Tuy chưa xưng tôn hiệu là vua, mà quyền bính hiệu lệnh trong nước đều thu hết vào trong tay mình, như thế cũng đã mãn nguyện rồi, lại còn mong muốn gì nữa? Đây là trí mưu khôn khéo, nghĩ ngợi sâu xa không thể nào giấu giếm được. Đến như thế tục thường truyền câu "Thờ phật ăn oản" cũng không ngoài sự xét đoán về thâm tâm họ Trịnh như thế.

Lời phê-Người trước để lại ác nghiệt quá nhiều, làm cho Khải phải chịu sự liên lụy mà thôi, nhưng Khải cũng là người khẳng khái không có gì đáng hổ thẹn³.

Lời chua-Lý Trần Quán: Người xã Vân Canh⁴, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Nguyễn Trọng Yên: Có sách chép là Trọng Diệu, người xã Linh Đường⁵, huyện Thanh Trì.

¹ Chỉ việc Nguyễn Lê nói kêu binh không thể dùng được.

² Chỉ họ Trịnh.

³ Chỉ việc Trịnh Khải lấy dao cắt cổ, tự tử sau khi bị bắt.

⁴ Nay là xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

⁵ Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Hà. Ngô Cảnh Hoàn: Có sách chép là Phúc Hoàn, người xã Trảo Nha¹, huyện Thạch

Sơn². Mai Thế Pháp: Có sách chép là Thế Dương, người xã Thạch Giản, huyện Nga

Nguyễn Trang: Người xã Hạ Lô³, huyện Yên Lãng.

Nguyễn Ba: Có một tên nữa là Na, người xã Vân Đầm, huyện Đông Ngàn⁴.

Bến đò Thúy Ái: Ở địa phận bãi Thúy Ái⁵, huyện Thanh Trì.

Bến Tây Luông: Ở địa phận thôn Hậu Lô, huyện Thọ Xương⁶.

Hồ Vạn Xuân: Có một tên nữa là đầm Vạn Phúc, ở địa phận xã Vạn Phúc⁷, huyện Thanh Trì.

Đền thờ Phan phu nhân: Nay ở xã Thúy Ái⁸, huyện Thanh Trì.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua ngự điện Kính Thiên, nhận sổ sách quân và dân.

Trước đây, Văn Huệ đánh được Vị Hoàng, liền làm tờ mật tấu tỏ ý tôn phò. Lại sai tỳ tướng đem một cánh quân đi trước, đợi khi nào đại quân kéo đến Thăng Long, thì viên tỳ tướng ấy đem quân vào bảo vệ cung điện nhà vua.

Bấy giờ vua đương có bệnh, các hoàng tử hầu hạ nâng giắc ở trong nội điện, thấy ngoài cung điện có lính và voi, ngỡ là giắc kéo đến uy hiếp, liền vực nhà vua dậy toan lánh đi chỗ khác. Chợt lúc ấy, viên tỳ tướng đệ dâng bản tâu, trước hết bày tỏ lễ ý xin thăm hỏi sức khỏe nhà vua, sau nữa xin định ngày sẽ vào triều bái yết. Nhà vua nhận được tờ tấu, mới yên tâm.

Hôm sau, Văn Huệ triều yết ở điện Vạn Thọ, nhà vua sai người mời vào, đặt một giường khác ở bên cạnh giường vua ngự để Văn Huệ ngồi. Văn Huệ rụt rè không dám ngồi, nhà vua ép mãi, Văn Huệ mới ngồi ghé vào cạnh chiếu. Huệ tâu nói: "Tôi vốn người dân áo vải ở Tây Sơn, nhân thời cơ nổi dậy, tuy cơ áo triều đình không được bệ hạ ban cho, nhưng tôi ở nơi rừng rậm xa xăm, lâu nay vẫn kính mến thánh đức, ngày nay được thấy thiên nhan, mới đủ giải bày tấm lòng thành thực. Vì họ Trịnh lăng loàn áp bức, không giữ đạo làm tôi, cho nên hoàng thiên mượn tay tôi đánh diệt họ Trịnh, để tỏ rõ uy quyền của bệ hạ, may mà được đến thành công đều do ở phúc đức của bệ hạ cả. Tôi chỉ mong thánh thể yên lành mạnh khỏe, ngự ngôi vua, trị thiên hạ, để kẻ bầy tôi nơi xa xăm đội phúc đức". Nhân đấy, Văn Huệ bày tỏ ý nghĩa tôn phò. Nhà vua bội phần an ủi.

Lúc ấy bầy tôi đều đã trốn tránh, chỉ còn vài người châu chực trong nội điện ra ứng tiếp mà thôi. Nhân đấy, Nguyễn Hữu Chỉnh xin nhà vua hạ chiếu truyền triệu bọn Phan Lê Phiên, Ưông Sĩ Điển, Trần Công Xán và bầy tôi hơn mười người, sau họ lục tục trở về, còn thì đều trốn tránh không chịu ra cả.

Trước đây, họ Trịnh chuyên giữ chính quyền trong nước, một người dân, một tấc đất, đều không do quyền triều đình. Nay Văn Huệ đã vào triều yết, bèn xin ngày cử hành nghi lễ đại triều, dâng sổ sách binh và dân để tỏ rõ ý nghĩa nhà vua nhất thống và Nguyễn Huệ tôn phò. Đến nay, nhà vua cố gắng dậy, ra ngự điện Kính Thiên nhận lễ, rồi ban hành chiếu thư về việc nhất thống để bá cáo cho trong kinh,

¹ Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

² Nay thuộc xã Nga Thạch huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

³ Nay là thôn Hạ Lô, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

⁴ Đất huyện Đông Ngàn, gồm các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn (Hà Nội).

⁵ Nay là thôn Thúy Lĩnh, xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

⁶ Nay phố Nguyễn Trung Trực, có đình Tây Luông.

⁷ Nay là xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

⁸ Nay là thôn Thúy Lĩnh, xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

ngoài trấn biết. Lại sách phong Văn Huệ làm nguyên soái phù chính dực vận Uy quốc công. Sau khi Văn Huệ nhận sách phong, bèn nói riêng với Hữu Chính rằng: "Ta cầm vài vạn quân, đánh một trận mà bình định được Bắc Hà, một tấc đất, một người dân, đều là của ta, nếu muốn xưng đế hay xưng vương việc gì mà ta không làm được? Còn như sắc mệnh nguyên soái quốc công đối với ta có hơn kém gì? Bầy tôi Bắc Hà lại muốn dùng danh vị hão để lung lạc ta hay sao? Đừng tưởng ta là người mọi rợ được chức tước ấy bèn lấy làm vinh dự đâu!". Hữu Chính biết ý Văn Huệ không muốn nhận, bèn bí mật khuyên nhà vua đem công chúa Ngọc Hân gả cha, Văn Huệ rất bằng lòng.

Lời phê:- "Chống hùm cửa trước, rước sói cửa sau"¹, ôi cũng nguy hiểm lắm! Trịnh Doanh lập Hiến Tông để nương nhờ vào phúc đức, mà Hiến Tông từ trước đến sau, nhất thiết việc gì cũng do ở người khác. Nhiều lần gặp tai họa bất trắc xảy ra, chỉ vì không wởng vít với thất tình, mà được trọn đời an toàn, cũng là may mà thôi.

Ngày Mậu Ngọ. Nhà vua mất. Hoàng thái tôn (cháu trưởng của nhà vua) Duy Khiêm lên ngôi, đổi tên là Duy Kỳ.

Trước đây, nhà vua bị bệnh. Văn Huệ xin dùng ngày rằm tháng 7 này, nhà vua ra ngự chính điện để nhận lễ chào mừng về việc nhất thống, nhà vua cố gượng dậy ra coi chầu. Hôm sau, bệnh quá nguy kịch, sai triệu Văn Huệ, Văn Huệ nói: "Nay mai tôi sẽ trở về Nam, không dám can dự vào công việc nhà nước. Và lại, trong quăng vua trước vua sau kế tiếp, tôi e sẽ bị người đời nghi ngờ". Văn Huệ bèn từ chối không vào. Ngày 17, Mậu Ngọ, nhà vua mất tại điện Vạn Thọ, ở ngôi 47 năm, hưởng thọ 70 tuổi.

Nhà vua là người nhân từ, trầm tĩnh. Lúc về già, gặp Trịnh Sâm áp bức, cũng chỉ ngậm miệng mà nhịn. Đến nay Tây Sơn tôn phò, nhà vua ngoài mặt tuy mừng mà trong bụng vẫn lấy làm lo. Khi bệnh nguy kịch, cho triệu Hoàng thái tôn đến bảo rằng: "Ta chỉ sớm tối sẽ trút bỏ gánh nặng, bây giờ lo lắng việc nước là ở mình cháu, cháu phải nghĩ lấy". Thái tôn vừa lạ vừa khóc xin nhận mệnh lệnh. Nhà vua nói: "Bình lính xứ khác còn đóng ở đây, về việc truyền nối ngôi vua là việc trọng đại, cần phải thượng lượng bàn bạc với nguyên soái², chớ nên làm tắt". Nói xong thì mất. Văn Huệ nhân hỏi công chúa về việc các hoàng tử, công chúa rất khen Duy Cận là người tốt. Văn Huệ muốn bàn luận lại về việc lập người nối ngôi, triều đình lo sợ, không biết làm thế nào được, các người trong họ tôn thất đều trách móc công chúa làm hại mưu kế lớn của xã tắc. Công chúa sợ, trở về xin với Văn Huệ, Văn Huệ nhận lời, bèn phò thái tôn lên ngôi hoàng đế, đổi tên là Duy Kỳ, kể từ sang năm là năm Chiêu Thống thứ nhất.

Tháng 8. Làm lễ an táng ở lăng Bàn Thạch.

Ngày 25 tháng trước, rước tử cung³ (vua Hiến Tông) do đường thủy về táng tại Thanh Hoa. Văn Huệ mặc áo tang, thân hành đến nơi đình tạm ở bến sông để lạy đưa, lại sai bầy tôi là nội tán Trần Văn Kỳ và hữu quân Nguyễn Hữu Chính mặc áo trắng hộ vệ chầu chực. Đến nay an táng ở lăng Bàn Thạch.

Lời chua-Trần Văn Kỳ: Người xã Văn Trình, huyện Phong Điền⁴.

Lăng Bàn Thạch: Ở huyện Lô Dương, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyễn Văn Nhạc đến Thăng Long, đem Văn Huệ về Nam. Nguyễn Hữu Chính chạy theo về Nghệ An.

Trước kia, Nguyễn Văn Nhạc sai Văn Huệ đánh Thuận Hóa, chưa có ý định tiến ra Bắc Hà. Sau khi Văn Huệ đã lấy được Thuận Hóa, đưa thư về nói tiến thẳng quân ra để lấy Thăng Long. Văn Nhạc được nhận thư, không bằng lòng, sai người ngăn lại, nhưng không kịp. Đến lúc Văn Huệ đã lấy được Thăng Long. Văn Nhạc biết tin sợ lắm. Nhạc cho là vội vàng đem quân vào sâu như thế tất nhiên khó giữ được lâu. Hơn nữa Văn Nhạc nhận thấy Văn Huệ vốn là người giáo hoạt, hung tợn, nếu đắc chí, tất nhiên sẽ giữ lấy một nước để tự lo toan, rồi dần dà khó mà kiềm chế được. Vì thế, Văn Nhạc lập tức đem 500

¹ Ý nói đuổi được họ Trịnh đi, thì Tây Sơn lại tiến đến.

² Chỉ Nguyễn Văn Huệ.

³ Tức quan tài của vua chúa. Xem thêm chú thích số 1. Chính biên quyển VII từ 9.

⁴ Tỉnh Thừa Thiên Huế.

tên lính thân cận đi vội ra thẳng Thuận Hóa, kén thêm binh tráng, rồi đi gấp đường ra Bắc, để làm đạo quân tiếp ứng, mà thực ra lại là để kiểm chế xem xét Văn Huệ.

Khi Văn Nhạc đã đến Thăng Long, nhà vua¹ đem trăm quan thân hành đón tiếp ở ngoài cửa Nam Giao. Văn Nhạc thúc quân rào bước đi nhanh, mà sai người xin nhà vua về cung và đính ước ngày hôm khác sẽ cùng nhau hội kiến.

Lúc ấy, tướng sĩ Tây Sơn đóng lâu ở ngoài Bắc, nghĩ muốn trở về; tá quân Vũ Văn Nhậm cũng ghét Hữu Chính lộng quyền khu vực, nhân đấy, Văn Nhạc bới xấu Hữu Chính với Văn Huệ rằng: "Kẻ kia² lấy thân phận người tôi trốn tránh mà về đầu hàng với ta, trong bụng chỉ muốn được hả lòng với nước cũ, nên nhờ uy lực của ta để thành công. Nay nếu ta lại giam hãm mấy vạn người ở đây, để làm vây cánh cho nó, thì thật là đại đột quá chừng! Và lại hãn thường nói: "Nhân tài Bắc Hà chỉ có một mình hãn". Thế thì không chi bằng ta bỏ hãn ở đây mà về Nam. Hiện nay người Bắc Hà oán ghét hãn ghi sâu vào xương tủy, ta mượn tay họ để giết hãn đi, khi hãn chết rồi, thì ta lấy Bắc Hà lại minh bạch chính đáng". Văn Huệ cho là phải, bèn có ý bỏ Hữu Chính. Chợt lúc ấy, Văn Nhạc đến Thăng Long, ngày đêm bí mật bèn tính để rút quân về. Hữu Chính không biết gì về việc ấy cả.

Sau đó vài ngày, Văn Nhạc sai người xin với nhà vua cùng nhau hội kiến. Nhà vua xin cắt đất để khao quân. Văn Nhạc nói: "Tôi tức giận về nỗi họ Trịnh uy hiếp ức chế, nên đứng ra làm việc tôn phò. Nếu đất đai không phải của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không để, nhưng nếu là đất đai của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không lấy". Lại ước hẹn đời đời làm láng giềng giao hiếu với nhau. Nhà vua tin là phải, xin Văn Nhạc ở lại ít lâu để giúp đỡ, Văn Nhạc giả vờ nhận lời, sai Hữu Chính chọn ngày lành cử hành đủ nghi lễ bái yết Thái Miếu. Hữu Chính cũng nghĩ là Văn Nhạc chưa trở về Nam. Đêm 17 tháng này, giọt nước đồng hồ³ xuống đến trống canh ba, Văn Nhạc, Văn Huệ sai người vào từ biệt với nhà vua, rồi bí mật ban phát ám hiệu, ngay đêm hôm ấy quân thủy, quân bộ nhất loạt rút đi, của cải trong kho tàng đều bị vợ vét nhẵn. Đến sáng, Hữu Chính mới biết, vội vàng, không biết thi thổ thế nào, bèn cùng vài chục thủ hạ cướp lấy một chiếc thuyền buôn đi theo đuôi giặc. Người đô thành tranh nhau dùng gạch ngói để ném, Hữu Chính tự tay đâm vài người mới được thoát thân. Khi theo đến Nghệ An, Hữu Chính vào yết kiến Văn Nhạc. Văn Nhạc dùng lời khéo léo yên ủi dụ dỗ, rồi sai cùng với viên thủ tướng đóng giữ ở đấy là Nguyễn Duệ cùng nhau giữ châu thành này, tích trữ lương thực, luyện tập binh lính để đợi một ngày khác sẽ dùng đến, mà Văn Nhạc tự dẫn quân về Quy Nhơn.

Sau khi quân giặc đã rút đi, nhà vua lập tức triệu bầy tôi trong triều bàn luận rằng: "Giặc để lại cho ta một nước trống rỗng, nếu có sự nguy cấp, thì chống đỡ bằng cách nào?". Bèn viết thư triệu hết những người thế gia và bầy tôi cũ dấy quân vào bảo vệ hoàng thành. Vì thế, hào mục các nơi chiếm giữ châu quận, chiêu tập binh mã, đều mượn danh nghĩa "bảo vệ". Những hạng vô lại đánh giết lẫn nhau, trong nước thành ra rối loạn.

Lời chua-Thăng Long: Tức thành Đại La xưa, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 10).

Quy Nhơn: Xem năm Cảnh Hưng thứ 36 (Chb. XLIV, 24).

Nghệ An: Xem Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 17, 21, 22, 23).

Bọn Lê Hân, Lê Đình Hoán ở Nghệ An, hợp dân chúng đón đánh Nguyễn Văn Nhạc, nhưng không thắng được.

Quân của Nguyễn Văn Nhạc về đến Nghệ An, lúc ấy có Lê Hân, trước kia quản lãnh cơ Hậu Thăng, và Lê Đình Hoán trước kia quản lãnh cơ Hữu Oai, chiêu mộ hợp tập binh phu xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường, đón đường chặn nơi hiểm yếu, đánh chặn ngang ở núi Đại Huệ. Giặc tung quân tràn lên núi

¹ Tức Lê Chiêu Tông.

² Chỉ Nguyễn Hữu Chính.

³ Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XXXV, tờ 30.

để đi qua, dân binh thua to, bị giặc giết hết, mười phần chết đến tám chín phần, lại có Nguyễn Nhu Tiến, người xã Gia Hộ, huyện Đông Thành, tụ hợp dân chúng đón đánh ở cầu Tiên Lý, không thắng được, Như Tiến bị chết, Nguyễn Tài người xã Hà Hoàng, tự cắp dao găm, phục trong bụi ở đường núi Kỳ Hoa, định mưu giết giặc; toán quân đi trước của giặc thoáng trông thấy, liền tùm giáo đâm xia vào, Tài giấu mình chạy vượt ra, giặc đuổi theo không kịp. Tài lại cùng người anh là Tân ra vào địa phận huyện Kỳ Hoa, huyện Thạch Hà, gặp quân canh giữ của giặc mà đi lẻ loi, họ liền giết chết, trước sau giết được hơn mười người, giặc cùng răn bảo nhau xa tránh. Sau Tài đánh nhau với giặc ở đồn Quy Hợp, bị trúng đạn chết; Tân cũng bị chết tại trận.

Lời chua-Lê Hân: Người xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường sau theo Mẫn Đế (Chiêu Thống) chạy sang phương Bắc.

Lê Đình Hoán: Người xã Lâm Thịnh, huyện Nam Đường, sau Tây Sơn nhiều lần cho triệu, nhưng không ra, rồi chết ở nhà.

Nguyễn Tài và Nguyễn Tân: Người xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà. Sau đây, đến năm Gia Long thứ nhất (1802) được biểu dương và xét đến con của hai người nếu đều cho làm hai đội miễn trừ thân thuế.

Xã Nộn Liễu: Thuộc huyện Nam Đường.

Xã Hà Hoàng: Thuộc huyện Thạch Hà.

Xã Gia Hộ: Nay thuộc huyện An Thành.

Núi Đại Huệ: Ở địa phận xã Sa Nam, huyện Nam Đường.

Đồn Quy Hợp: Xem Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chb. XVIII, 8).

Nam Đường: Tên huyện, thuộc tỉnh Nghệ An.

Đông Thành: Xem năm Cảnh Hưng thứ 20 (Chb. XLII, 5).

Kỳ Hoa: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 7 (Chb. XXXVI, 27).

Thạch Hà: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 38).

Tháng 9. Trịnh Bồng tự lập làm nguyên soái yển đô vương.

Trước đây, Trịnh Khải bị thất bại rồi, thân thuộc là Trịnh Bồng lánh đến huyện Chương Đức, Trịnh Lệ lánh đến ở huyện Văn Giang, đều tự ý lên lút chiêu tập binh mã, để đợi cơ hội sơ hở (sẽ nổi lên). Gặp lúc quân Tây Sơn rút về, Trịnh Lệ bèn cùng người ngoại thích là Trương Tuân đem quân qua đò Thanh Trì, đến cung Tây Luông, Dương Trọng Khiêm, thêm đô ngự sử, cũng đem hương binh đến họp, cùng nhau ủng hộ Trịnh Lệ vào phủ đường họ Trịnh, đương đêm, đánh trống trên lầu hội họp trăm quan để lập Trịnh Lệ lên nối ngôi chúa, nhưng vì vội vàng, nên các quan không ai đến cả. Nhà vua được tin, hạ chiếu vặn hỏi Trọng Khiêm về cơ không xin mệnh lệnh, Trọng Khiêm xé tờ chiếu trước mặt sứ giả, rồi cùng Trịnh Lệ định mưu muốn hợp tập quân chúng để làm sự biến động. Gặp lúc ấy, Trịnh Bồng dâng tờ biểu xin về châu, lời lẽ rất nhũn nhặn uyển chuyển, nhà vua bèn hạ chiếu triệu Trịnh Bồng. Bấy giờ trong triều thấy công việc của bọn Trọng Khiêm làm không thuận theo lẽ phải, nên đều bỏ Trịnh Lệ mà về với Trịnh Bồng. Khi Trịnh Bồng về đến cầu Nhân Mục, Trịnh Lệ sai Trương Tuân và Trọng Khiêm đem quân chống cự.

Lúc còn sinh thời Trịnh Sâm, Trọng Khiêm đã phát giác việc Trịnh Lệ mưu làm phản¹, nay sợ bị Trịnh Lệ quở trách, bèn ngầm sai gia tướng là Nguyễn Mậu Nễ đón đường xin đầu hàng về với Bồng. Việc này, Trương Tuân không biết gì cả. Khi Trịnh Bồng đi gần đến Kinh Thành, Trương Tuân thấy đường đảng trước đều là quân của Trọng Khiêm, nên quân của Trương Tuân bèn đổ vỡ lung tung. Tuân liền ủng hộ Trịnh Lệ chạy lên vùng Bắc. Còn Trịnh Khiêm lại e rằng không được nhà vua bao dung, nên không dám cùng Trịnh Bồng đều vào hoàng thành, cũng chạy lên Kinh Bắc.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XLIII, tờ 9, 10.

Sau khi Bồng đã vào yết kiến, nhà vua yên ủi bội phần, muốn ban phong tước công và hậu cấp bổng lộc, mà không cho tham dự chính quyền. Bồng bèn họp quân đóng ở phủ đường họ Trịnh, dần dần chống lại với nhà vua. Triều thần e rằng khó có thể ức chế được, bèn bàn luận tâu xin nhà vua dựa theo tước vị lúc mới phong Trịnh Tráng (mà phong cho Bồng). Ý nhà vua không muốn phong như thế. Bồng lại vịn vào việc tần phong cũ. Nhà vua bèn sắc phong Bồng làm tiết chế thủy bộ chư quân, bình chương quân quốc trọng sự, thái úy. Côn quốc công, cấp cho 3.000 tên lính, 5.000 mẫu ruộng và 200 xã dân lộc, để phụng giữ việc tế tự nhà họ Trịnh. Hạ lệnh đem sắc thư ấy ban bố cho cả nước.

Lúc ấy, Đinh Tích Nhưỡng từ Hải Dương về kinh, muốn viện lệ phong tước vương cho Trịnh Bồng để dâng công với họ Trịnh. Triều đình cũng sợ thanh thế Tích Nhưỡng, nhân đấy, họ lại cùng nhau xin phong vương cho Trịnh Bồng. Nhà vua không chuẩn y, dụ bảo hai ba lần ở ngay trước mặt. Tích Nhưỡng cố xin mãi. Nhà vua nói: "Trước kia cơ nghiệp nhà ta giữa chừng đổ nát, chính quyền do trong tay họ Trịnh, việc tế tự thì về quả nhân¹. Đây là một thời kỳ. Nhưng nay lòng trời oán ghét họa loạn, phó thác quyền bính cho một mình ta. Một nước hai vua, có lẽ nào cứ giữ làm thế lệ được?". Cách mấy hôm sau, Tích Nhưỡng dàn quân ở cửa điện, rồi tự vào sân điện Vạn Thọ, lạy phục xuống đất cố xin, nhà vua cũng không y cho. Hoàng thân và các đại thần sợ sinh ra biến loạn, vừa khóc vừa kêu xin. Tích Nhưỡng lại cùng triều thần làm tờ biểu xin phong tước vương cho Trịnh Bồng mà chính quyền thì do nhà vua giữ. Nhà vua bất đắc dĩ y theo, bèn sai Nguyễn Du đem tờ sắc phong cho Bồng làm nguyên soái, tổng quốc chính, Yến đô vương.

Trịnh Bồng nhu nhược, lười biếng, không biết tự lập, chính sự đều xuất phát từ tay Tích Nhưỡng, bọn tiểu nhân đua nhau ton hót phụ họa. Ngay giữa ban ngày, thủ hạ ra sức cướp bóc dân cư gần kinh thành, không có hiệu lệnh ngăn cấm. Mọi người đều cho là không còn hy vọng gì cả. Về phần nhà vua cũng phòng bị nghiêm ngặt, rồi bí mật hạ tờ chiếu cho trong nước làm việc cần vương. Được tin Hữu Chính chiếm cứ Nghệ An, nhà vua bèn sai viên quan văn chức là Bùi Dương Lịch làm chiêu dụ sứ các phủ Đức Quang và Hà Hoa, lên đi chiêu dụ và dò xét tình hình.

Lời phê-Sự thế đã cùng quẫn quá chừng, mà còn a dua phụ họa. Thái độ của tiểu nhân gớm thật! rất đáng sợ mà lại rất đáng ghét²!

Lời chua-Nguyễn Du: Người xã Vân Xá, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Ất Ty (1785) năm Cảnh Hưng.

Bùi Dương Lịch: Người xã An Đồng, huyện La Sơn, khoa Đinh Mùi (1787) năm Chiêu Thống thứ nhất sau đây, Dương Lịch đỗ tiến sĩ.

Xã Nhân Mục: Thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội³.

Đức Quang: Nay là phủ Đức Thọ, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Hà Hoa: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 2 (Chb. X, 35).

Trịnh Tráng: Lúc mới được phong là tiết chế thủy bộ chư doanh, kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, thái úy, Thanh quốc công.

Truy tặng quan tước cho bọn Lý Trần Quán có đẳng cấp khác nhau.

Nhà vua hạ lệnh truy tặng Lý Trần Quán hàm thượng thư bộ Binh, cho tên thụ là Toàn Trung. Hoàng Đình Thế hàm thái tử, cho tên thụ là Hoàn Nghĩa, gia phong làm phúc thần. Còn bọn Nguyễn Trọng Đàng, Vũ Tá Kiên và Ngô Cảnh Hoàn đều phong tặng có đẳng cấp khác nhau. Lại giết người dân bạo nghịch là Nguyễn Trang, bắt đem phanh thây để tế ở trước mồ Trịnh Khải.

Đổi định lại tên quan.

¹ Nghĩa đen chữ "quả nhân" là người ít đức. Vua chúa đời cổ dùng danh từ này để nói khiêm tốn.

² Chỉ việc Đinh Tích Nhưỡng viện lệ để xin phong vương cho Trịnh Bồng.

³ Tục gọi làng Mục. Nay là phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Nhà vua muốn cải cách tệ cũ: Đổi tham tụng làm bình chương sự; bồi tụng làm tham tri chính sự; thêm sai làm thêm thư Su mật viện sự; chương phủ, thự phủ, quyền phủ làm sư đường. Thay đổi như thế để thu lấy quyền bính họ Trịnh. Mọi người bàn luận, chưa sao quyết định được. Còn Tích Nhuỡng thì đã trót xin nhà vua nắm chính quyền, nên không dám đem việc chính quyền thuộc về phủ họ Trịnh để thịnh thác nữa.

Gặp lúc ấy, Hoàng Phùng Cơ từ Sơn Tây vào bảo vệ kinh thành, Tích Nhuỡng bí mật cấu kết với Phùng Cơ, rồi tâu nói: "Nhà vua cùng phủ chúa gắn bó với nhau như thân thể con người. Nay mới định tên quan, cũng nên giữ lại một ít danh hiệu cũ. Vây xin: bình chương kiêm tham tụng; tham tri kiêm bồi tụng; thêm thư kiêm thêm sai; chương phủ, thự phủ, quyền phủ kiêm gia ngũ quân đô đốc; nghị sư đường vẫn đặt ở ngoài cửa phủ đường. Sắp xếp như vậy để cho quen thuộc với tai mắt thần dân trong nước. Về chính trị, phạm có bàn luận việc gì, thì trước hết làm tờ khai trình chúa Trịnh, rồi sau tâu bày đầy đủ để xin nghị định quyết đoán. Như thế sẽ không trái với điển chương cũ". Nhà vua xem tờ biểu, giận lắm, nói: "Các người dùng văn từ hão huyền để lừa dối trẫm, cần gì còn phải xin lại nữa?". Phùng Cơ đem trảm quan phục mồi ở sân điện đình, không đứng dậy. Nhà vua biết rằng bọn Phùng Cơ đều không thể trông cậy được, bèn nhận lời tâu. Do đấy, Trịnh Bồng mới thân giữ chính quyền, bổ dụng Hoàng Phùng Cơ làm trung quân tả đô đốc chương phủ sự, Đinh Tích Nhuỡng làm đông quân hữu đô đốc thự phủ sự. Phan Lê Phiến làm bình chương sự. Bùi Huy Bích và Phan Cận làm đồng bình chương sự kiêm giữ chức tham tụng, bọn Ngô Trọng Khuê và Ninh Tồn làm tham tri chính sự kiêm giữ chức bồi tụng. Phạm liêu thuộc trong phủ chúa hết thảy vẫn giữ như cũ. Phan Lê Phiến và Bùi Huy Bích cố từ chối không nhận chức.

Trịnh Bồng lại sai người triệu Dương Trọng Khiêm ở Gia Lâm, Bồng bảo Trọng Khiêm rằng: "Nhà ngươi lúc mới vào kinh thành, liền lấy việc phò lập nhà chúa làm điều trước nhất, đầu việc ấy không thành công, mà khí thế nhà chúa lại phấn khởi lên được, đấy là công sức nhà ngươi. Nay việc nước rối ren, nhà ngươi nên về ngay để cùng giúp sức". Ngay ngày hôm ấy. Trọng Khiêm về đến kinh thành, Trịnh Bồng cho Trọng Khiêm giữ bộ Hộ coi công việc tài chính, thuế khóa.

Từ đấy, chính quyền trong nước lại về tay họ Trịnh, nhà vua rất tức giận, mọi việc đều giằng co hạn chế, trong triều rối beng, không biết thế nào là chuẩn định.

Lời chua-Tà, hữu điểm: Trước kia Trịnh Cương đặt tả điểm và hữu điểm ở ngoài cửa phủ đường, để làm chỗ trảm quan tra khám kiện tụng. Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 12, 13).

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Bồng làm phản, đem quân vây hoàng thành. nhà vua triệu Nguyễn Hữu Chỉnh vào bảo vệ. Trịnh Bồng chạy sang Kinh Bắc.

Dương Trọng Khiêm sợ rằng nhà vua sẽ báo lại sự tức giận trước kia, bèn khuyên Trịnh Bồng đem quân vây chặt lấy hoàng thành, bắt giết người triều thần nào theo về với nhà vua, rồi bàn định lập vua khác. Trịnh Bồng theo lời, liền bí mật sai Nguyễn Mậu Nễ và Bùi Nhuận nhân đêm đem quân xâm phạm vào cung khuyết. Được tin biến động, nhà vua lập tức cho triệu hoàng thân đem quân lính đã mộ được, phân phối bố trí để phòng bị chống cự. Đề lãnh Hoàng Phùng Cơ vốn không ăn cánh với Nguyễn Trọng Khiêm, vẫn lại nhà riêng ở trong hoàng thành, Phùng Cơ sợ rằng, nếu trong nội điện có xảy ra tai biến, sẽ đều phải mang tiếng xấu, liền đem quân bản bộ đuổi đánh. Mậu Nễ không dám tiến, vậy quân rút lui. Nhà vua giận lắm, được tin Nguyễn Hữu Chỉnh mộ lính để bảo vệ, bèn ngầm thân viết thư để triệu Hữu Chỉnh.

Trước kia, Hữu Chỉnh theo Văn Nhạc trở về, rồi lưu lại ở Nghệ An, bèn nói thác ra rằng nhận được chỉ dụ bí mật của nhà vua, chiêu mộ binh đồng, ngày đêm luyện tập. Những hào mục sở tại nhiều người ghét Hữu Chỉnh, nhân đấy, họ ngầm suy tôn viên trấn thủ cũ là Bùi Thế Toại làm người đứng đầu, tụ tập quần chúng, rình lúc sơ hở, sẽ toan tính việc đánh Hữu Chỉnh.

Đến nay, Hữu Chỉnh nhận được mật chỉ, lập tức tung tờ hịch truyền ra các nơi, lấy danh nghĩa là tôn phò nhà Lê. Vì thế xa gần đều hưởng ứng, trong khoảng mười ngày, mộ được hơn vạn lính, đặt hiệu quân là Tứ đột và Tứ thành, bèn hội hợp đông đủ tướng sĩ, hẹn ngày xuất phát.

Bùi Thế Toại đón đánh Hữu Chinh ở Hoa Lâm, Thế Toại bị thua, bỏ chạy. Trịnh Bồng lại sai Lê Trung Nghĩa, đốc trấn Thanh Hoa, và Phan Huy Ích đốc thị, đem quân ra đánh. Quân hai bên gặp nhau ở xã Ngọc Giáp, huyện Ngọc Sơn, Trung Nghĩa đánh nhau, bị chết. Huy Ích bị bắt. Hữu Chinh vẫn coi thường Huy Ích, nên không thèm giết, mà mang đi theo, rồi thúc quân ô ạt tiến lên.

Tin báo đến kinh thành. Đinh Tịch Nhuỡng sợ lắm, từ biệt Trịnh Bồng về Hải Dương mộ quân, Bồng bèn cho Dương Trọng Khiêm giữ chức lưu thủ Thanh Hoa, đem quân chống cự. Khi Trọng Khiêm đi đến Bình Vọng, được tịn Hữu Chinh đã sang qua sông Thanh Quyết, sợ hãi, vội chạy lên Vùng Bắc. Sau khi Tịch Nhuỡng đã ra đi, nhà vua bí mật dụ bảo hào mục bản thổ đánh bắt. Tịch Nhuỡng bị thua, rút về Hàm Giang để tự thủ. Hoàng Phùng Cơ lâm vào thế trợ một mình, nên bỏ Trịnh Bồng mà chạy về Sơn Tây. Quân của Hữu Chinh kéo đến Thăng Long, Trịnh Bồng qua sông sang Kinh Bắc, chạy đến xã Dương Xá, sau lại dời đến xã Quế Ổ.

Trước đây Trịnh Bồng cùng nhà vua tranh nắm chính quyền, có người nói với Bồng rằng: "Hữu Chinh ở Nghệ An, thế lực dần dà trở thành to mạnh, nên nhân ngay lúc này lòng người đương phấn khởi, thân cầm đại quân đi đánh, hễ diệt được Hữu Chinh, lấy lại Nghệ An thì có thể lập được công nghiệp trung hưng. Lúc ấy thành công trở về, quyền lớn quốc gia còn lọt vào tay ai được? Nay trong bụng không nghĩ đến giặc, mà hàng ngày chỉ nghĩ việc tranh quyền, vạn nhất Hữu Chinh lại kéo đến, sẽ lấy gì để mà chống cự? Trịnh Bồng không nghe lời, thành ra cuối cùng phải bại vong.

Hữu Chinh đến kinh thành, tướng của hắn là Hoàng Việt Tuyển cũng đem thủy quân đến, thanh thế binh lính rất hùng dũng. Nhà vua ngự ra cung Tây Luông, thân hành duyệt binh, nhân đấy, hạ lệnh dẫn vào trong thành, phân phối bố trí nơi đóng quân.

Lời chua-Lê Trung Nghĩa: Hoạn quan, có một tên nữa là Mẫn, người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn¹.

Phan Huy Ích: Người xã Thu Hoạch², huyện Thiên Lộc, là con Phan Cận, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) năm Cảnh Hưng. Sau này, Huy Ích thờ nhà Tây Sơn, làm quan thượng thư bộ Lễ.

Nguyễn Mậu Nễ: Người xã Kim Sơn³, huyện Gia Lâm, đỗ hương cống.

Hoa Lâm: Tên xã, nay đổi là Nho Lâm, thuộc huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngọc Giáp: Tên xã, thuộc huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Dương Xá: Tên xã⁴, thuộc huyện Siêu Loại.

Quế Ổ: Tên xã, thuộc huyện Quế Dương⁵-Dương Xá và Quế Ổ đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Sông Thanh Quyết: Thuộc địa phận xã Thanh Quyết, huyện Gia Viễn.

Tháng 12. Bổ dụng Nguyễn Hữu Chinh là Đại tư đồ, phong tước Bằng trung công.

Hữu Chinh vào chầu, nhà vua dụ bảo rằng: "Hiện nay giúp trẫm dẹp loạn, để đi đến thái bình, chỉ trông cậy vào nhà ngươi". Bèn bổ giữ chức Bình chương quân quốc trọng sự, Đại tư đồ, phong tước Bằng trung công; con là Nguyễn Hữu Du và thân thuộc là Nguyễn Khuê đều cầm quân, được phong tước hầu; tướng bộ thuộc là bọn Hoàng Việt Tuyển đều được thăng chức có từng đẳng cấp khác nhau.

¹ Tỉnh Thanh Hóa.

² Nay xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

³ Nay là thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

⁴ Nay là xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

⁵ Nay là huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Lời chua-Nguyễn Khuê: Người xã Đặng Xá, huyện Chân Lộc¹; là anh rể Hữu Chính, khoa Đinh Mùi (1787) năm Chiêu Thống thứ nhất, sau đấy, Nguyễn Khuê đỗ tiến sĩ.

¹ Nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XLVII

Từ Đinh Mùi, năm Chiêu Thống thứ nhất (1787) đến Kỷ Dậu, năm Chiêu Thống thứ 3 (1789) đời Lê Mẫn Đế, gồm ba năm.

Đinh Mùi, Lê Mẫn Đế, năm Chiêu Thống thứ nhất (1787). (Thanh, năm Càn Long thứ 52).

Tháng giêng, mùa xuân. Làm lễ tế giao.

Theo thể lệ cũ, khi tế giao, xa giá nhà vua từ cửa Đại Hưng đi ra. Mở, đóng cửa này, do viên phủ doãn Phụng Thiên giữ chìa khóa.

Bấy giờ Nguyễn Bá Lan làm phủ doãn, theo ngự giá, nhưng đi sau. Kịp khi nhà vua về cung [phải chờ chìa khóa] hồi lâu không vào được. Triều thần muốn trị tội Bá Lan, nhưng nhà vua đặc cách tha cho.

Lời chua-Nguyễn Bá Lan: Người Cổ Linh¹, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785) niên hiệu Cảnh Hưng.

Truy tôn hoàng khảo là cố thái tử² làm Hựu Tông hoàng đế, tôn mẹ là Nguyễn Thị làm hoàng thái hậu.

Tháng 2. Dùng Phan Lê Phiên làm bình chương sự; Trương Đăng Quỹ, Uông Sĩ Điển và Trần Công Xán làm đồng bình chương sự; Phạm Đình Dữ và Nguyễn Huy Trạc làm tham tri chính sự; Nguyễn Đình Giản làm phó đô ngự sử.

Nguyễn Hữu Chỉnh, sau khi đắc chí, dần dần tự mãn và kiêu căng. Nhà vua cho rằng vận nước đang gặp bước gian nan, nên đối với những việc bổ nhiệm quan chức và sắp đặt chính sự, phần nhiều cũng chiều theo ý cầu xin của Chỉnh.

Bọn Lê Phiên vì là chỗ ngày thường vốn thân thiết với Chỉnh, còn Sĩ Điển thì, trước kia, đầu hàng, nộp cho Chỉnh quả ấn binh bộ mà mình quản lãnh, vì vậy cũng được Chỉnh tin. Bấy giờ những người trên đây đều được tham dự chính quyền quan trọng là do ý muốn cất đặt của Chỉnh cả.

Trước kia, Nguyễn Đình Giản nói với Trịnh Bồng, cực lực vạch trần Hữu Chỉnh về tội rước ngoại binh đến lật đổ nước nhà. Rồi Đình Giản thề rằng không chịu cùng sống với Chỉnh, xin trở về Thanh Hoa mộ quân để diệt thù cho nước. Dư luận tỏ ý khen lòng hăng hái của Đình Giản, nhưng Trịnh Bồng không cho phép. Đến đây, Chỉnh sợ không được người nước dung thứ, nên muốn dùng Đình Giản để thu phục lòng người, bèn sai mời Đình Giản bằng những lời lẽ rất khiêm tốn nhũn nhặn. Đình Giản nhận lời mời, vào kinh, được trao cho chức này.

Từ đây, uy quyền quá lừng lẫy, Chỉnh kéo bà con bè đảng, cất đặt chia giữ các chức ở trong kinh đô và ngoài các trấn, việc gì cũng tự Chỉnh chuyên quyền quyết định cả. Chỉnh lại mở phủ cho co là Hữu Du ở tại phía đông dinh mình, bắt chước như lối chúa Trịnh xưa cho thế tử ra ở phủ riêng. Chỉnh kiêu ngạo lẫn lướt, làm cho nhà vua dần dần phát chán.

¹ Nay là xã Long Biên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

² Tức thái tử Lê Duy Vĩ.

Nhà vua bí mật bàn với bọn nội hàn Ngô Vi Quý: định với Chỉnh vào hầu nơi tiền điện¹, bàn việc, rồi nhân dịp, đánh thuốc độc để giết đi. Một hôm, Vũ Trinh vào ra mắt, được nhà vua cho biết về việc này. Trinh cả sợ, nói: "Ai bày chước này cho bệ hạ thế? Tôi trộm lấy làm nguy đấy! Vì nay cường địch đang bức bách lằng loàn, những tin báo động ở nơi biên cương còn đang dồn dập gấp rút, triều đình chưa được hòa thuận, lòng người chưa được yên. Đáng lý ra bệ hạ nên dựa vào Chỉnh, dùng làm nanh vuốt, chứ sao lại bắt bóng dè chừng, chưa thấy hành tích lộ liễu, đã chực vội giết cường thần. Muôn một những kẻ dưới quyền của Chỉnh nổi lên gây biến thì xã tắc sẽ ra sao?". Nhà vua bưng tình và thôi làm việc đã định.

Chỉnh mong manh biết chuyện, từ đó, luôn bỏ cả lễ triều yết nhà vua, buông thả cho những kẻ môn hạ muốn làm gì thì làm. Hào kiệt bốn phương do đó thất vọng. Đâu cũng nhận nhạo nổi dậy, chẳng ai là không nêu cao danh nghĩa giết Nguyễn Hữu Chỉnh, nổi lại dòng họ chúa Trịnh.

Lời phê-Tình thế đã đến như thế này, còn cứ nương tựa vào Chỉnh là thẳng giặc tráo trở, lật lọng, khác nào chất củi lên giàn lửa thì còn phút nào được yên! Nhưng, các bày tôi nhà Lê bây giờ không còn một ai là đáng nương cậy, ấy cũng đáng thẹn lắm lắm.

Lời chua-Nguyễn Huy Trạc: Người Đan Nhiễm², huyện Văn Giang.

Nguyễn Đình Giản: Người Vĩnh Trị³, huyện Hoảng Hóa. Cả hai đều đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769) niên hiệu Cảnh Hưng.

Phạm Đình Dữ: Người Kim Đồi⁴, huyện Vũ Giàng, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) niên hiệu Cảnh Hưng.

Ngô Vi Quý: Người Tả Thanh Oai⁵, huyện Thanh Oai.

Vũ Trinh: Người Xuân Quan⁶, huyện Lang Tài, Quý và Trinh đều đỗ hương cống.

Tháng 3. Lại mở chế khoa.

Nguyễn Hữu Chỉnh tâu xin nhà vua phỏng theo lối thi sĩ tử bằng mười khoa do Tư Mã Quang đời Tống đã đặt, đặc cách mở chế khoa, sai triều thần từ tam phẩm trở lên ai nấy được đề cử người mình biết rõ, rồi cho vào cả sân rồng, làm bài đối sách. Bây giờ có đến vài trăm người ứng thí. Nhà vua ban cho Trần Bá Lãm và Nguyễn Gia Cát được đỗ chế khoa xuất thân, ân điển cũng ngang như tiến sĩ. Lại cất nhắc Nguyễn Huy Túc và Nhữ Công Vũ lên bậc tiến triều, còn thi bổ chức viên ngoại lang, tri châu hay tri huyện. Thế là những người có tài học đều được cất dùng.

Bây giờ nhà vua rất yêu chuộng văn học: cứ sáu ngày một lần cho giảng sách ở tòa Kinh Diên và một ngày một lần cho làm giảng sách ở viện Nội Hàn. Cung phụng Bùi Dương Lịch lại càng được vua yêu, ưu đãi hơn cả. Nhà vua thường với Dương Lịch vào trong nội, giảng giải nghĩa sách và bàn luận văn chương không hề trễ nải.

Lời chua-Trần Bá Lãm: Người Vân Canh⁷, huyện Từ Liêm.

Nguyễn Gia Cát: Người Xuân Cầu⁸, huyện Văn Giang.

Nguyễn Huy Túc: Người Kim Lũ¹, huyện Thanh Trì.

¹ Chỗ điện riêng dành cho nhà vua cư trú và nghỉ ngơi trong lúc thường.

² Nay thuộc xã Văn Phúc, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

³ Nay là thôn Vĩnh Trị, xã Hoảng Quang, huyện Hoảng Hóa, Thanh Hoa.

⁴ Nay là thôn Kim Đồi, xã Kim Chân, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

⁵ Nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

⁶ Nay thuộc xã Lâm Thao, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

⁷ Nay là xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

⁸ Nay là thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Nhữ Công Vũ: Người Hoạch Trạch, huyện Đường An².

Lỗi thi sĩ tử bằng mười khoa: Theo Cương mục tục biên [Trung Quốc] thì năm Nguyên Hựu thứ 1 (1086) đời Tống Triết Tông, Tư Mã Quang xin đặt mười khoa để kén nho sĩ.

1. Có nết, có nghĩa một cách thuần túy và vững vàng, đáng làm thầy, nêu gương mẫu.
2. Có tiết tháo, chân phương, ngay thẳng, có thể giữ việc dưng lời can ngăn.
3. Có mưu trí và sức khỏe hơn người, có thể dùng làm tướng soái.
4. Thông minh, công bằng, ngay thẳng, có thể làm việc giám ty³.
5. Tinh thông học thuật kinh sử, có thể dùng vào việc hầu vua giảng sách, đọc văn.
6. Học nhiều, biết rộng, có thể dùng làm cố vấn.
7. Văn chương vừa điển nhã, vừa đẹp đẽ, có thể làm việc trứ thuật.
8. Khéo xét xử hình ngục và kiện tụng, hết sức công bằng. tìm được sự thật.
9. Có tài về việc làm tài chính và phú thuế, khiến cho công và tư đều được tiện lợi.
10. Có kinh nghiệm, lão luyện về luật lệ và pháp lệnh, có thể xét đoán việc luận tội.

Mười điều trên đây đều được vua Tống ban chiếu nghe lời.

Lời phê-Người Tống phần nhiều háo danh, không có sự thật. Sao lại bắt chước?

Thu vét đồ đồng ở đền chùa các lộ để đúc tiền.

Kho tàng rỗng tuếch, không đủ tiếp tế đều đều mọi sự cần dùng cho việc quân. Các mỏ đồng ở thượng du lại bị thổ ty cản trở, thành thử không thu nộp được như trước. Hữu Chính tâu xin thu vét hết tượng đồng ở đền chùa các lộ đem về kinh đô để đúc tiền "Chiêu Thống thông bảo".

Tháng 4, mùa hạ. Nguyễn Văn Nhạc xưng đế⁴ ở Quy Nhơn.

Nguyễn Văn Nhạc, sau khi từ Thăng Long về⁵, tự xưng là hoàng đế, đóng ở Quy Nhơn, phong em là Văn Huệ làm Bắc bình vương, đóng ở Thuận Hóa, giữ từ Quảng Nam trở ra Bắc; Văn Lữ làm Đông định vương, giữ Gia Định.

Lời chua-Quy Nhơn: Xem Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 36 (Chb. XLIV, 24).

Thuận Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23, 24).

Gia Định: Đất Thủy Chân Lạp xưa.

Nguyễn Văn Huệ sai tướng là Vũ Văn Nhậm đóng giữ Nghệ An.

¹ Tục gọi làng Lủ, nay thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

² Nay thuộc huyện Bình Giang, tỉnh Hưng Yên.

³ Một chức quan ở các lộ đời Tống: làm chuyển vận sứ kiêm giữ cả việc giám sát về tư pháp.

⁴ Nguyễn Văn Nhạc xưng vương, đặt niên hiệu là Thái Đức từ năm 1778, đến năm 1787 này mới xưng là hoàng đế.

⁵ Văn Nhạc ra Thăng Long năm Bính Ngọ (1786) đem Văn Huệ cùng về Nam (Xem Chb. XLV, 27, 29).

Trước kia, Văn Nhạc về Nam, để tướng là Nguyễn Duệ ở lại trấn giữ Nghệ An. Kịp khi Văn Huệ có hiềm khích với Văn Nhạc, dùng binh lực đánh lẫn nhau, Duệ tự cho mình là tướng cũ của Văn Nhạc, e bị Văn Huệ làm hại, nên ngầm cầu kết với cựu tham nghị Nguyễn Đình Viện, sai lén tư thông với Hữu Chính, hẹn cùng nhau chung sức để đánh Văn Huệ, sau khi công việc xong xuôi, sẽ giao trả Nghệ An (cho Hữu Chính), mãi mãi kết tình láng giềng thân thiện với nhau.

Đình Viện đến cửa cung khuyết, nói ý đó với Hữu Chính. Hữu Chính chần chừ không trả lời.

Duệ sợ mưu ấy tiết lộ, bèn dặn Đình Viện đóng giữ Nghệ An, còn mình thì đi đường tắt trốn về với Văn Nhạc.

Nguyễn Thuyên bộ tướng của Duệ, ở Sa Nam, không theo Duệ, trở đánh Đình Viện. Viện cô thế, cùng các con là Ngọc Liễu, Ngọc Triệu, Ngọc Chấn và rể là Thiều Tôn Hiệp đều chiến đấu mà chết.

Văn Huệ thôi vây Văn Nhạc, rồi từ Quy Nhơn kéo quân về, sai người vờ Hữu Chính, nhưng Chính từ chối không đến, lấy cớ rằng bốn trấn chưa yên. Văn Huệ cả giận, sai Vũ Văn Nhậm tiết chế các quân thủy và bộ, kéo ra đóng giữ Nghệ An; mộ binh lính, thu lương thực để tính việc lấy Bắc Hà.

Lời chua-Nguyễn Đình Viện: Người Mỹ Dự, huyện Hưng Nguyên¹ đỗ hương cống.

Nguyễn Ngọc Liên: Đỗ hương cống, con Nguyễn Đình Viện.

Sa Nam: Tên xã, thuộc huyện Nam Đường², tỉnh Nghệ An.

Sai bợn hoàng thân đại tông chánh Duy Hiên, đồng bình chương sự Trần Công Xán và Hộ khoa cấp sự trung Ngô Nho đi sứ Tây Sơn.

Trước kia, Văn Huệ và Văn Nhạc dấy quân đánh nhau, nhà vua muốn nhân kẻ hở đó, thu phục lấy Nghệ An. Hữu Chính vì cố vợ con đều bị Văn Huệ giữ lại, nên chuyển ý chủ hòa. Nhà vua bèn sai sứ đem thư vào nói với Văn Huệ: Nghệ An là đất căn bản của sự nghiệp trung hưng, phần nhiều tướng mạnh binh rỗng đều ra từ đó. Nếu một sớm bỗng gạt ra ngoài mà bỏ đi thì cố nhiên là điều không nỡ làm. Vậy nên yêu cầu Văn Huệ trả lại đất Nghệ An ấy. Triều đình bàn việc lựa người làm sứ giả, nhưng khó có ai.

Trần Công Xán, trước kia, là thầy học của Chính. Khi Văn Huệ đến Thăng Long, Chính đã dẫn Công Xán đến yết kiến, khi nói chuyện, được Văn Huệ rất vừa ý. Đến đây, Công Xán kiên quyết xin đi. Ngô Nho được cử đi cùng. Khi đến nơi, Văn Huệ xem thư, cả giận, hỏi đi vặn lại mãi, cuối cùng Công Xán vẫn không chịu khuất. Văn Huệ bèn giam bợn Duy Hiên và Công Xán vào ngục, sau đó ra lệnh cho trăm hà rồi báo cáo là khi sứ bộ quay về, thuyền đắm, chết đuối.

Lời chua-Duy Hiên: Con thứ sáu của Lê Ý Tông và là ông chú (tụng tổ thúc) của nhà vua.

Ngô Nho: Người Tri Chỉ, huyện Phú Xuyên³, đỗ tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785) niên hiệu Cảnh Hưng.

Mùng 1, tháng 5. Nhật thực. Ban ngày sầm tối lại.

Chiều hôm ấy có nhật thực, đang ban ngày mà sầm tối lại, tinh tú xuất hiện.

Dương Trọng Khiêm bị giết.

Trước kia, Trọng Khiêm từ Bình Vọng chạy đi Lạc Đạo, cùng với cháu là Dương Vân và môn sinh là Nguyễn Mậu Nễ mộ quân ở Gia Lâm, đắp lũy từ Như Kinh đến Phú Thị, chia quân đóng giữ. Trọng Khiêm lại truyền hịch đi các huyện hẹn nhau cùng khôi phục cơ nghiệp chúa Trịnh. Hữu Chính sai tướng

¹ Thuộc tỉnh Nghệ An.

² Nam Đường sau đổi Nam Đàn.

³ Nay thuộc Hà Tây.

là bọn Hoàng Việt Tuyển đi đánh. Tuyển lừa quân rầm rộ tiến lên, bốn mặt cùng bắn vào quân Trọng Khiêm. Bị bại trận, Trọng Khiêm đang đêm lẫn trốn, bị dân xã Ngọc Xá ở ấp bên cạnh bắt được, giải đến kinh đô. Nhà vua hạ chiếu kể tội Trọng Khiêm, đại lược nói: "Làm tôi mà phản vua, thì suốt vòng trời đất không đâu tha được; tội danh nó là giặc, thì người trong nước ai cũng có quyền giết đi". Rồi sai bắt Trọng Khiêm làm tù binh đem dâng ở nhà thái học, giết chết.

Lời chua-Lạc Đạo, Như Kinh, Phú Thị: Đều là tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh¹.

Ngọc Xá: Tên xã, nay đổi Yên Xá, thuộc huyện Cẩm Giàng².

Tháng 7, mùa thu. Tôn miếu hiệu vua Hiến Tông.

Tôn đặt tên Thụy hoàng tổ khảo³ là Vĩnh hoàng đế, miếu hiệu là Hiến Tông. Có người nói: nên đợi đến lúc đem thờ vào thái miếu, bấy giờ hãy đặt miếu hiệu. Phan Lê Phiên nói: "Việc nước bấy giờ chưa biết còn sẽ chuyển biến ra sao. Chính nhằm lúc này nên hãy cứ đặt miếu hiệu tiên đế cho được ổn định đi thôi". Do đấy sự bàn đặt miếu hiệu mới được quyết định, tôn xin nhà vua đứng làm.

Lời phê-Lời (của Phan Lê Phiên) rất đau đớn tha thiết!

Tháng tám. Nguyễn Hữu Chỉnh đánh nhau với Hoàng Phùng Cơ ở xã Đại Phùng: bắt được Phùng Cơ, giết chết.

Phùng Cơ ở Sơn Tây, mưu toan cất quân vào bảo vệ kinh thành, bèn truyền hịch đi các lộ Quảng, Quốc, nêu rõ danh nghĩa dấy quân để giết Hữu Chỉnh.

Hữu Chỉnh sai tướng là Nguyễn Duật đón đánh ở xã Đại Phùng, còn mình thì quản đốc đại quân đi tiếp chiến. Phùng Cơ giao phong với Nguyễn Duật. Duật kéo quân rút lui. Con Phùng Cơ là Gia, khuyên Phùng Cơ nên nhân đà thắng lợi, ruổi thẳng đến kinh thành; nhưng Phùng Cơ không nghe, nói: "Việc bắt Hữu Chỉnh, ta coi cũng như bắt một con nít thôi. Hãy tạm nghỉ, rồi đuổi cũng chưa muộn nào". Duật chạy được nửa đường, ngoái nhìn không thấy quân Phùng Cơ đuổi theo, liền thu quân, dàn thành trận thế mà tiến lên trước. Quân Phùng Cơ đương ăn, không kịp trở tay, đã tan chạy. Phùng Cơ cùng với con trai, trợ trợ trên mình voi, cố sức chiến đấu, bị quân của Duật bao vây khắp bốn mặt. Hữu Chỉnh lại ập đến, phất cờ thúc quân Thiết đột bắn tập trung vào Phùng Cơ. Từ trên bành voi nhào xuống, Phùng Cơ bị bắt và điệu về kinh đô. Khi sắp đem chém, nhà vua cho rằng Phùng Cơ, trước kia, có công đánh lui Mậu Nễ, nên cho Phùng Cơ được uống thuốc độc chết.

Lời phê-Hoàng Phùng Cơ cũng là đồ tráo trở đó thôi, sao gọi là danh tướng⁴ được?

Lời chua-Nguyễn Duật: Người Nộn Liễu⁵, huyện Nam Đường.

Đại Phùng⁶: Tên xã, thuộc huyện Đan Phượng.

Quảng: Túc phủ Quảng Oai, xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8 (Chb. V, 38, 39).

Quốc: Túc phủ Quốc Oai. Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb. X, 16).

¹ Lạc Đạo, Như Kinh: Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Phú Thị: Nay thuộc xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

² Thuộc tỉnh Hải Dương.

³ Hiến Tông là ông nội đã qua đời của Lê Chiêu Tông, nên gọi là "hoàng tổ khảo".

⁴ Tự Đức có ý nhắc lại để mỉa mai ở chỗ trên chép Hoàng Phùng Cơ là "danh tướng" (Xem Chb. XXXVIII, 40).

⁵ Nay thuộc xã Nam Anh và xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

⁶ Nay là thôn Đại Phùng, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.

Sai hoàng đệ là Duy Trù đánh Trịnh Bồng ở Đông Quan: Bồng chạy trốn.

Trước đây, Bồng chạy đi Quế Ổ, cùng với bộ cựu tướng Nguyễn Trọng Mai là chỗ ngoại thích, chia đồn cố giữ. Lại sai thuộc tướng là Đắc Vũ (không rõ họ) giữ lũy Đông Hồ để làm bình phong che đỡ.

Hữu Chính sai bọn Nguyễn Như Thái đi đánh: Bồng bị thua, chạy đi Hải Dương. Đinh Tích Nhưỡng đưa Bồng lên làm bung xung, lại mộ quân ở miền ven biển như Hoa Phong, Vân Đồn, và Đồ Sơn, được đến vài vạn người và hơn trăm chiếc thuyền, tiến đóng ở Bắc Trạch thuộc Sơn Nam.

Trước kia, tình thế Trịnh Bồng ngày một cùng quẫn, có gởi thư cho bình chương Trương Đăng Quỳ: xin đến cửa cung khuyết để tạ tội. Đăng Quỳ đưa ý đó tâu nhà vua biết. Nhà vua sai Đăng Quỳ đạo nghinh sứ để đi đón Bồng. Bấy giờ Lê Dương hầu Phạm Đình Thiện cũng mưu tính đón Bồng để hiệu triệu hào mục, dấy quân đánh Hữu Chính: thuyền bè san sát, ngược dòng sông tiến lên. Đăng Quỳ không đi đón được, phải quay về, Bồng lại sai người bí mật đem thư vào kinh đô, dặn bày tội cũ là Bùi Nhuận làm nội ứng. Việc này lộ liễu. Hữu Chính tâu xin nhà vua cho giết Nhuận và sai Hoàng Việt Tuyển, trấn thủ Sơn Nam, đem nhiều quân và thuyền chiến đi đánh.

Khi Việt Tuyển kéo đến sông Ngô Đồng, thì Đình Thiện và Tích Nhưỡng đem các thuyền biển ra nghinh chiến. Gặp bấy giờ có gió đông nam thổi lộng, bọn Đình Thiện đổ bộ, muốn nhân chiều gió xuôi để giao chiến, nhưng quân lính đều ô hợp, không có tinh thần chiến đấu. Khi đã lên cạn, quân lính tranh cướp lấy đường mà chạy, do đó quân đều tan vỡ. Việt Tuyển nhân đó đánh bại được địch; Tích Nhưỡng chỉ chạy được thoát thân.

Đình Thiện đem Bồng chạy đi Đông Quan. Hào mục ở đó là Trần Mạnh Khuông họp quân lại để tiếp ứng Bồng, rồi đem Bồng vào đóng đồn ở Bái Hạ, đắp lũy, đào hào, làm kế liêu chết cố giữ. Bọn Việt Tuyển đi đánh vài tháng không hạ được. Tình thế trong quân Việt Tuyển hơi nao núng.

Đến đây, nhà vua bàn với Hữu Chính: "Nay ta diệt trừ nạn lớn, dẹp yên được cả những bọn tiếm loạn, riêng còn Mạnh Khuông chiếm giữ thành lũy trợ trợ để làm ngang ngạnh. Các trấn tướng khác đều nhìn vào đó mà cân nhắc hơn kém đấy. Nếu chưa phá được huyện Đông Quan thì không lấy gì để khống chế và thu phục được thiên hạ".

Nhà vua bèn sai hoàng đệ Duy Trù đem thân quân cấm vệ đi đốc chiến và dùng nội hán Bùi Dương Lịch làm tham tán việc quân.

Bọn Việt Tuyển hay tin Duy Trù sắp đến, e công lao sẽ không về mình, bèn cùng Nguyễn Như Thái hợp quân đánh kẹp lại. Bọn Việt Tuyển trèo lũy kéo lên: Mạnh Khuông phải chạy đi Tứ Kỳ. Việt Tuyển tung quân ra đốt và cướp, làm cho một dãy ven sông huyện Đông Quan trở thành đất trọc.

Bồng chạy đi Yên Quảng, rồi nhờ đậu ở Lạng Sơn. Bị thổ dân xua đuổi, Bồng trốn về Hữu Lũng, sau không rõ chung cục ra sao.

Lời chua-Nguyễn Trọng Mai: Người Quế Ổ, huyện Quế Dương¹, là dòng dõi Nguyễn Trọng Thân.

Phạm Đình Thiện: Người Bắc Trạch, huyện Chân Định, là dòng dõi Phạm Đình Sĩ; về sau, theo nhà vua chạy sang Thanh, ở lại Yên Kinh² 18 năm mới về, rồi bị bệnh, chết ở nhà.

Mạnh Khuông: Người Đông Quan, huyện Đông Quan³.

Nguyễn Như Thái: Người Thượng Xá, huyện Chân Lộc⁴, là con cháu sau của Cương quốc công Nguyễn Xí.

¹ Nay huyện Quế Dương hợp nhất huyện Võ Giàng thành huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

² Nay là Bắc Kinh, Trung Quốc.

³ Nay là xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

⁴ Nay là xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Quế Ổ¹: Tên xã, thuộc huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Đông Hồ²: Tên xã, thuộc huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh.

Sông Ngô Đồng: Ở xã Ngô Đồng, huyện Đông Quan.

Tổng Vân Đồn: Thuộc huyện Nghiêu Phong³.

Ấp Bái Hạ: Thuộc huyện Thanh Quan⁴.

Hoa Phong: Tức Nghiêu Phong⁵, tên huyện, thuộc phủ Sơn Định.

Đông Quan⁶: Tên huyện, thuộc phủ Thái Bình.

Hữu Lũng⁷: Tức Cổ Lũng, tên huyện. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 31).

Tứ Kỳ: Tên huyện, xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19 (Chb. XXX, 14).

Tháng 10, mùa đông. Lưu Tiệp, đốc trấn Cao Bằng, giết đốc đông Nguyễn Hàn và tiêu diệt cả nhà Nguyễn Hàn.

Trước kia, Nguyễn Hàn nhận lãnh mật chỉ của nhà vua, chiêu dụ những người phiên mục ở trấn Cao Bằng. Lưu Tiệp lại vâng mệnh lệnh Trịnh Bồng, mộ sẵn quân lính, đợi để cử sự. Do đấy, trong một trấn chia làm hai đảng, coi nhau như thù địch. Tiệp ngầm sai kẻ phiên thuộc giả vờ làm phản, về bè với Nguyễn Hàn, còn mình thì đem binh chúng vây đánh doanh trại của Hàn. Hàn sai chạy ngựa trạm đưa thư cấp báo với triều đình về những biến cố đã xảy. Tiệp cũng tâu trình rằng Nguyễn Hàn làm phản. Triều đình bàn xin nhà vua dùng xu viện⁸ Nguyễn Đình Tố và Nguyễn Huy Túc lên thay quản lãnh sự vụ trong trấn, và gọi bọn Tiệp về triều. Nhưng khi Tố chưa đến trấn Cao Bằng thì Hàn đã bị Tiệp giết chết, cả nhà Hàn đều bị hại. Sau đó, Tiệp đến kinh đô, gặp lúc đang loạn, nên việc này bỏ qua, không xét hỏi đến.

Lời chua-Lưu Tiệp: Người Nguyệt Áng⁹, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772) niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Hàn: Người Phú Thị, thuộc Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1779) niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Đình Tố: Là con Đình Bá, người xã Bình Dân¹⁰, huyện Đông Yên. Đình Tố đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769) niên hiệu Cảnh Hưng.

Tháng 11. Vũ Văn Nhậm cướp Thanh Hoa. Nhà vua sai Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân đi chống cự ở sông Thanh Quyết. Quân Hữu Chỉnh tan vỡ, chạy.

¹ Nay là thôn Quế Ổ, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

² Nay là thôn Đông Hồ, xã Sông Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

³ Nay thuộc huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

⁴ Nay là một phần huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

⁵ Nay là huyện Cát Hải, T.P. Hải Phòng.

⁶ Nay là một phần huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

⁷ Nay là Hữu Lũng, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

⁸ Chức quan ở viện Xu mật.

⁹ Nay là thôn Nguyệt Áng, xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

¹⁰ Nay là thôn Bình Dân, xã Tân Dân, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

Khi Văn Nhậm mới đến Nghệ An, mọi người bàn luận, cho rằng Văn Nhậm đem cánh cô quân vụt đến, ta nên gấp rút điều động số quân quan trọng, quyết đánh với Nhậm. Và lại, cuộc thành hay bại là quan hệ ở một chuyến này. Ta đừng để cho địch lấy được Nghệ An rồi địch dựa vào đó mà mộ lấy quân lính, thu lấy lương thực, gây nuôi thế lực cho địch. Nguyễn Như Thái cũng cương quyết xin đi. Hữu Chính lòng riêng vẫn sợ Văn Nhậm, lại vì vợ con hãy còn ở lại bên địch, nên muốn xuê xoa liệu chiều để đi đến chỗ nghị hòa, nhưng còn do dự, chưa quyết định.

Bấy giờ Văn Huệ lại sai tướng là bọn Ngô Văn Sở hiệp sức với Vũ Văn Nhậm cùng ra cướp Bắc Hà. Văn Nhậm khi qua Thổ Sơn, Nguyễn Duật, trấn thủ Thanh Hoa, không dám chiến đấu chống cự, phải lui giữ sông Trinh Sơn. Văn Nhậm tiến quân đóng ở bờ phía nam: trước hết hãy sai Văn Sở do đường Sơn Cước, lên qua sông Tất Mã, đánh úp phía sau quân của Duật: Duật bại trận, bị chết. Văn Nhậm thừa thắng, qua đèo Ba Dội, thẳng tiến đến bến đò Gián¹.

Hữu Chính bèn ra hết quân tinh nhuệ ở bản đạo, lại điều bát hơn hai vạn quân ở các đạo khác, sai Nguyễn Như Thái làm tướng cai quản. Như Thái sai tướng khác giữ bến đò Gián, còn chính mình thì tự kéo đại quân do đường tắt, đổ ra bến Nghệ, đánh úp vào phía sau giặc. Bấy giờ Như Thái gặp tướng giặc là Quỳnh (không rõ họ) ở Điểm Xá, cùng nhau giao chiến, Như Thái bị đại bại, phải chạy đi Sơn Miêng, sau bị giặc bắt được, giết chết. Giặc bèn tiến đến sông Thanh Quyết.

Tin quân báo đến, kinh thành sợ hãi quá. Hữu Chính vội vàng, bối rối, xin xuất quân để chống cự. Nhà vua ngự ở trong điện, trao cờ tiết mao và cây phủ viết cho Chính và dụ bào Chính rằng: "Khanh đi chuyến này là quan hệ đến sự an nguy của xã tắc. Khanh gắng sớm lập được công lớn để yên ủi lòng trẫm". Hữu Chính thưa: "Văn Nhậm không phải là tay địch thủ với thần. Thần chỉ xin đứng đốc chiến, sai một tí tướng đi hạ Văn Nhậm cũng đủ rồi".

Bấy giờ mới điều bát hết quân lính Thăng Long và tướng các đạo khác đều đặt thuộc quyền Nguyễn Hữu Chính, tất cả hơn 30.000 người, đóng ở bờ bên sông Thanh Quyết, đắp lũy ven sông để làm kế cố thủ. Lại sai Hữu Du đem hơn 50 chiếc chiến thuyền chở hết các chiến cụ như đại pháo và hỏa khí đổ ở cửa sông đối diện với giặc chỉ cách một con sông. Hữu Du dựa vào ven bờ, đổ thuyền, không hề phòng bị một chút nào cả. Quân giặc, ban đêm, ngầm bơi sang, dùng thừng chảo dài buộc thuyền (của quân Hữu Du) kéo qua bờ phía nam: mọi người trong thuyền sợ hãi chực trốn, nhưng không biết xoay xử ra sao. Họ tranh nhau nhảy xuống nước để chạy trốn. Bao nhiêu đại pháo trong thuyền đều bị giặc tước được cả.

Hữu Chính bàn với các tướng, lui giữ Châu Cầu (kiều). Nửa đêm, nổi trống thu quân. Các quân hoảng sợ một cách vô cớ, do đẩy đổ vỡ tan tành, tranh nhau chạy trốn, giày đạp lẫn nhau. Khí giới nghi trưng quăng bỏ đầy đường. Hữu Chính và Hữu Du chỉ kịp đem vài trăm quân chạy về Thăng Long.

Lời chua-Sông Thanh Quyết: Xem Lê Hiễn Tông, năm Cảnh Hưng thứ 47 (Chb. XLVI, 39).

Thổ Sơn: Thuộc xã Vân Trai, huyện Ngọc Sơn.

Sông Trinh Sơn: Ở địa phận xã Trinh Sơn, huyện Mỹ Hóa.

Sông Tất Mã: Phần sông tiếp giáp ba huyện Thụy Nguyên, An Định và Vĩnh Lộc. Những huyện trên đây đều thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Đèo Ba Dội (Tam Điệp Sơn): Ở chỗ giáp giới Thanh Hóa và Ninh Bình.

Bến Gián (gián khẩu độ): ở địa phận xã Gián Khẩu.

Xã Điểm Xá: Thuộc huyện Gia Viễn.

Bến Nghệ: Ở trại Nghệ, xã Đại Hữu, huyện Gia Viễn. Những địa điểm trên đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

¹ Hán văn và Gián khẩu độ. Nay, thuộc Ninh Bình.

Châu Cầu (kiều): Xem Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb. XL.1).

Tháng 12. Nhà vua chạy đi Kinh Bắc. Vũ Văn Nhậm vào giữ thành Thăng Long.

Tin quân Hữu Chinh tan vỡ vừa báo đến, thì nhà vua bàn muốn đi về phía tây: do đường thượng đạo rút vào Thanh Hoa, giữ lấy chỗ hiểm yếu để toan tính việc khôi phục.

Nửa đêm, Hữu Chinh từ Thanh Quyết về. Nhà vua sai vời đến mấy lần, nhưng Hữu Chinh không đến, chỉ bí mật ủy thác cho tham tri chính sự Nguyễn Khuê vào tâu mời nhà vua đi sang Kinh Bắc và nói: "Nguyễn Cảnh Thước ở Kinh Bắc là người hùng mạnh và có mưu lược, đáng tin cậy, ta hãy giữ lấy Kinh Bắc làm thế thủ, vì tại đó có thành bền vững, có sông Cái ngăn cách. Rồi kịp kêu gọi lấy quân Cần Vương thì có thể bắt thông khí mạch với các xứ: trên từ Thái Nguyên, Sơn Tây, dưới đến Hải Dương và Sơn Nam, chẳng bao lâu đại binh có thể tập hợp lại, rồi sau ta sẽ liệu thời cơ mà hành động, bấy giờ mới có thời kỳ hưng phục được". Nhà vua nghe theo.

Sáng hôm sau, nhà vua sai hoàng đệ Duy Trù hộ tống hoàng thái hậu, hoàng phi, nguyên tử¹ và cung tần đi trước. Khi sắp ra đi, nhà vua có đến nhà tắm miếu, khóc, lạ. Bấy giờ các bầy tôi thị vệ đều lén tản đi. Nhà vua lo sợ, không biết tính chước ra sao. Thị thần Bùi Dương Lịch rảo bước đến trước, tâu rằng: "Hữu Chinh dẫu thua trận, vỡ quân, nhưng thủ hạ còn nhiều, người ta còn biết sợ, vậy xin nhà vua truyền chỉ dụ, sang bên nhà Chinh, ép Chinh đi theo hộ giá, rồi lâm thời sẽ kêu gọi mọi người, chắc rằng còn chưa đến nỗi đơn chiếc trợ trợ". Nhà vua cho là phải. Dương Lịch lại sai người đứng ở sân rồng, lớn tiếng tuyên lời chỉ dụ; thị vệ bấy giờ mới lại dần dần nhóm lại.

Nhà vua cùng bọn nội thần là Nguyễn Quốc Đống và Nguyễn Khải đi đến nhà Hữu Chinh. Chinh vội vàng khóc lạy, đón ngự giá, đặt chiếc giao y ở chính gian giữa trong nhà. Nhà vua vào, dụ bảo Chinh đi theo hộ giá. Chinh nhân đó sai Hữu Du đi trước hầu xa giá. Giấy lát, Chinh thu lượm được vài nghìn quân đã tan tác, hộ vệ nhà vua qua sông, sang Bắc.

Lúc chiều tà, giặc vào chiếm cứ thành (Thăng Long), tung quân cướp bóc thả cửa: thành thị phố xá hết sạch sành sanh.

Lời chua-Nguyễn Quốc Đống: Người xã Tỳ Bà, huyện Lang Tài², là anh của hoàng phi³.

Nguyễn Khải: Người xã Hương Mặc, huyện Kỳ Anh⁴.

Nguyễn Cảnh Thước, trấn thủ Kinh Bắc, làm phản. Nhà vua chạy đi Yên Dũng. Tri huyện Nguyễn Thảng và thổ hào Dương Đình Tuấn đem quân và dân đến hộ giá. Nhà vua bèn đi Yên Thế⁵.

Nhà vua đến Kinh Bắc. Trấn thủ, Nguyễn Cảnh Thước, trước đó, đã bí mật đầu hàng giặc; đến nay, đóng cửa thành, cáo bệnh, không ra đón tiếp. Nhà vua và Hữu Chinh bối rối, vội qua đò sông Nguyệt Đức⁶. Đi theo nhà vua chỉ còn 6, 7 người văn thần là bọn Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dữ, Chu Doãn Lệ, Trương Đăng Quỳ và Vũ Trinh mà thôi. Cảnh thước tung thủ hạ ra chặn đường, cướp bóc những kẻ đi theo ngự giá. Chúng lại đuổi theo để cướp áo bào nhà vua. Nhà vua rút nước mắt, phải cỡi ra, trao áo cho chúng. Khi nhà vua qua huyện Yên Dũng, Nguyễn Thảng, tri huyện huyện ấy, tuổi đã 60, đem binh chúng hộ giá, xin giữ sông Xương Giang làm căn cứ bền vững, lại xin giết Cảnh Thước và giữ lấy Kinh Bắc để toan tính công cuộc khôi phục. Nhà vua khen là hăng hái, phong Thảng là lại khoa cấp sự trung. Liền đó, sai hoàng đệ Duy Chi đem thị thần Lê Quỳnh và tôn thất tất cả hơn 30 người rước thái

¹ Con cả của Lê Chiêu Thống.

² Nay là thôn Tỳ Bà, xã Phú Hòa, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

³ Tên là Nguyễn Thị Kiêm.

⁴ Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

⁵ Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

⁶ Tức sông Cà Lồ.

hậu và nguyên tử đi Cao Bằng, vẫn cứ nắm quyền thống trị hai trấn Cao Bằng và Thái Nguyên, tụ tập võ về các phiên thần để thúc đẩy họ cố gắng trở sức làm việc cần vương.

Nhà vua tiến phong Yên Thế. Dương Đình Tiển, thổ hào Mục Sơn, đem quân và dân đi lạy đón nhà vua ở bên đường. Trước kia, Đình Tuấn là tay hào phú, nổi lên làm trùm sở một lộ Lạng Giang; những kẻ trốn tránh đều dựa vào Đình Tuấn và lấy đó làm tổ ẩn núp. Triều đình bỏ qua, không xét hỏi. Đến đây, có chiếu chỉ cần vương. Đình Tuấn lấy làm cảm kích, vâng mệnh lệnh đến trước để bảo vệ, được nhà vua đặc cách phong là Bình khấu tướng quân để khen thưởng.

Lời chua-Chu Doãn Lệ: Người làng Dục Tú¹, huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Thảng: Người làng Gia Thụy², huyện Gia Lâm, đỗ hương cống.

Lê Quýnh: Người làng Đại Mão³, huyện Siêu Loại, là con Lê Doãn Giản, sau theo Mãn Đế chạy sang nhà Thanh 18 năm, Quýnh giữ được nguyên vẹn đầu tóc mà về nước, rồi chết ở nhà.

Dương Đình Tuấn: Người làng Dương Lâm⁴, huyện Yên Thế, nhiều lần cự chiến với giặc Tây Sơn, sau nhân bị bệnh, chết.

Nguyễn Cảnh Thước: Người Đô Lương, huyện Nam Đường⁵, là dòng dõi Tấn Quốc công Nguyễn Cảnh Mô.

Sông Nguyệt Đức⁶ : ở giữa hai huyện Vũ Giàng và Việt Yên. Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 6 (Chb. XXXVI, 21, 22).

Xương Giang: Có tên nữa là sông Thọ Xương hoặc sông Nhật Đức, ở giữa hai huyện Yên Dũng và Bảo Lộc, dưới thông với sông Bạch Đằng rồi đổ ra biển.

Lạng Giang: Tức châu Lạng Giang xưa. Xem Đình Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Yên Dũng, Yên Thế: Tên hai huyện, đều thuộc tỉnh Bắc⁷.

Mục Sơn⁸: Tên xã, thuộc huyện Yên Thế.

Giặc xâm phạm xã Mục Sơn. Nhà vua tự cầm quân để chống cự lại, nhưng bị thua. Nguyễn Hữu Chỉnh bị giặc bắt và giết chết.

Nhà vua đóng ở Mục Sơn. Nguyễn Văn Hòa, bộ tướng của giặc, đuổi kịp. Nhà vua, để cố võ các tướng sĩ, thân chinh cầm quân, ra cự chiến. Nhưng rồi theo lời các bầy tôi can ngăn, nhà vua kìm ngựa đứng ở sau mặt trận, sai Bùi Dương Lịch và Nguyễn Thảng tiến lên trước để đốc chiến. Dương Đình Tuấn giữ ở bên tả núi, Nguyễn Hữu Chỉnh giữ ở bên hữu núi, quân giặc dàn trận tại cánh đồng ở giữa. Đình Tuấn xuống núi để xung kích. Văn Hòa bí mật chia một toán quân cho đi vòng ra phía sau núi, đánh úp: quân Hữu Chỉnh rối loạn, tự tan vỡ; Đình Tuấn thua chạy, hai con (không rõ tên) của Đình Tuấn đều chết ở trận. Hữu Du cố sức chiến đấu, giết được hơn mười người rồi chết tại trận. Thị sư⁹ Nguyễn Khuê cũng

¹ Nay là thôn Dục Tú, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội.

² Nay là thôn Gia Thụy, xã Gia Thụy, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

³ Nay là thôn Đại Mão, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

⁴ Nay là thôn Dương Lâm, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

⁵ Nay thuộc tỉnh Nghệ An.

⁶ Sông Cà Lồ.

⁷ Nay hai huyện này đều thuộc tỉnh Bắc Giang.

⁸ Nay là thôn Mục Sơn, xã Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

⁹ Một chức quan có nhiệm vụ trông coi quân lính đánh trận.

chết ở trong vòng loạn quân. Hữu Chinh thua chạy, bị giặc bắt được vì ngựa què. Đình Tuấn thu lượm các quân còn sót lại, hộ vệ nhà vua chạy đi sơn trại Bảo Lộc. Các bầy tôi khác đều tan tác, không biết nhà vua ở đâu.

Văn Hòa điệu Hữu Chinh về Thăng Long. Văn Nhậm kể tội Hữu Chinh là kẻ bất trung, sai xé xác Hữu Chinh ở cửa thành để rao cho mọi người biết.

Lời phê-Hữu Chinh chết theo nạn nước, còn hơn các người họ Trịnh nhiều lắm.

Nguyễn Việt Khang đánh bại quân giặc ở Lục Giang, rồi tiến vây tướng giặc tên là Quỳnh ở Hiến Doanh, nhưng không hạ được. Sau đó, Việt Khang rút quân về Vị Hoàng.

Sau khi Hữu Chinh đã thua, thuộc tướng là Hoàng Việt Tuyển vì có vợ con đều để làm con tin ở nơi giặc, nên cứ đóng quân yên một chỗ, không nhúc nhích, định tâm đợi Văn Huệ đến, sẽ xin đầu hàng.

Nguyễn Việt Khang, trấn thủ Yên Quảng, được tin Thăng Long thất thủ, bèn đem chu sư đến Sơn Nam hội với Việt Tuyển, tôn Việt Tuyển làm thống soái, họp quân lại để đánh giặc. Việt Tuyển chần chừ, không quả quyết. Việt Khang rút gươm, gào khóc, nói: "Kinh thành thì thất thủ, vua cha thì lặn lội trong đám bụi trần: ấy là lỗi ai? Hiện nay, dưới quyền tướng quân, những người bỏ hạ đều có lòng hăng hái, vậy không đánh còn đợi gì?" Tướng tá của Việt Tuyển cũng hầm hầm trừng mắt nhìn. Bất đắc dĩ, Việt Tuyển bèn cùng Việt Khang kéo quân từ Vị Hoàng đến cửa Luộc (Lục Giang).

Bấy giờ, tướng của giặc, tên là Quỳnh, đóng giữ Hiến Doanh, được tin bọn Việt Tuyển sắp kéo đến, bèn đem cả hơn 200 chiếc vừa chiến thuyền vừa thương thuyền vừa tước được, lùa hết bộ binh xuống thuyền để nghênh chiến. Bọn Việt Tuyển chia thuyền biển làm mười hàng, đầu thuyền đặt khẩu pháo lớn luân chuyển lần lượt cùng bắn ra, phá hoại luôn được hơn mười chiếc thuyền địch. Giặc cố sức đánh, không chịu lui. Việt Khang nhân chiều gió thuận, buồm giương căng, thẳng xông sang phía thuyền địch. Thuyền địch nhỏ, đều chìm đắm, quân địch đổ vỡ tan tành, bỏ hết thuyền bè và khí giới, nhào xuống nước lẫn trốn. Quỳnh chỉ kịp chạy được thoát thân, chạy về Hiến Doanh, đóng cửa lũy, cố thủ.

Bọn Việt Tuyển chia quân ra đánh. Thanh thế quân sĩ rất hùng dũng. Ở Sơn Nam nhiều hào kiệt đều hưởng ứng và dân chúng đều cung đốn tiền của, lương thực để giúp vào việc quân.

Văn Nhậm được tin Quỳnh thua, kéo đại binh ở Thăng Long đến cứu viện, đắp thêm lũy ở đê sông Nhị, hồ Bán Nguyệt, vạn¹ Xích đăng để phòng thủ. Việt Tuyển vây đánh mãi không hạ được.

Có người khuyên Việt Tuyển: "Giặc từ sau khi thua trận ở sông Luộc (Lục Giang), thuyền bè mất sạch; chúng ta riêng nắm được thế thuận lợi ở trong sông lớn. Bây giờ, chia băng ta để một tướng ở lại đây để kìm chân giặc Quỳnh khiến chính hắn phải tự lo lấy việc phòng thủ. Còn tướng quân thì thân hành đem đại đội chu sư, tiến lên chiếm giữ bờ phía Bắc bên thành Thăng Long, cắt lấy nửa đất trung nguyên, Như thế thì các hào kiệt vùng đông bắc tự nhiên đều hưởng ứng, đất đai trong mấy trấn có thể không đánh mà bình định được. Bấy giờ mới đón rước thiên tử², kiến lập triều đình, có thể làm xong việc lớn. Nếu tướng quân chỉ ngồi giữ Sơn Nam, đánh vào chỗ chắc của địch, uống phí ngày giờ, làm hao sức quân, tổn kém tiền của: thế là tự mình thắt bó sức mình lại, chứ không phải là kế hay đâu".

Việt Tuyển không cho những lời nói đó là phải, lại tăng thêm quân để đánh Quỳnh. Quỳnh đóng cửa lũy, cố thủ. Đánh đến vài tháng. Việt Tuyển không hạ được.

Gặp bấy giờ Văn Nhậm sai một tướng khác từ Thăng Long, do đường bộ Châu Cầu đi tắt xuống Vị Hoàng để vây vòng lấy phía sau Việt Tuyển. Lại sai Chiêu viễn tướng quân Nguyễn Dũng đem quân từ Hải Dương đánh chiếm lấy các phủ Thái Bình, Tiên Hưng. Việt Tuyển sợ rằng một khi đường bộ nếu mất vào tay địch, thì thủy quân khó lòng giữ vững một mình. Việt Tuyển bèn rút quân về Vị Hoàng, cầm cự với địch.

¹ Làng dân chài ở nơi sông nước.

² Chỉ Lê Chiêu Thống.

Lời chua-Nguyễn Viết Khang: Người Phúc Thọ¹, huyện Chân Lộc.

Nguyễn Dũng: Người Đan Giáp, huyện Thanh Miện².

Sông Luộc (Lục Giang): Xem năm Cảnh Hưng thứ 47 (Chb. XLVI, 19).

Hiển Doanh: Xem Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu³, thứ 6 (Chb. XXXLVIII, 39).

Đê sông Nhị, hồ Bán Nguyệt, vạ Xích Đằng: Đều ở huyện Kim Động thuộc tỉnh Hưng Yên.

Vị Hoàng: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 10 (Chb. XXXVII, 9).

Mậu Thân, năm thứ 2 (1788). (Thanh, năm Càn Long thứ 53).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở huyện Gia Định.

Nhà vua từ sau trận thua ở Mục Sơn, lần quất đóng ở sơn trại Bảo Lộc. Dương Đình Tuấn đem binh chúng đi theo hộ giá, lại lừa dân phu Yên Dũng giữ sông Nguyệt Đức⁴. Vũ Văn Nhậm tiến quân đi đánh và phá tan được, bắt được em Đình Tuấn, là Lung, nhưng không giết, sai đem thư đi chiêu dụ Đình Tuấn. "Tự hoàng⁵ là do nhà ta⁶ lập lên, nay bị Hữu Chính đem đi cùng chạy. Tự Hoàng bèn sinh lòng ngờ vực mê man mà không biết quay lại. Nếu bây giờ Tự hoàng biết ăn năn, quay lại trước, thì còn có thể chữa lại lỗi cũ; bằng thẳng thẽ, ta sẽ kiếm một người khác làm giám quốc, đứng chủ việc thờ cúng, thì Tự hoàng không còn có ngày quay xa giá về được nữa và các người cũng sẽ như cây rừng mắc vạ lây⁷ đây". Văn Nhậm lại trách cứ Đình Tuấn phải đem nhà vua nộp cho mình.

Biết được việc này, nhà vua sợ Đình Tuấn nhị tâm, bèn sai bọn Phạm Đình Dữ và Trương Đăng Quỹ ai nấy trở về quê mình chiêu mộ binh lính còn nhà vua thì cùng Nguyễn Đình Giản lén đi huyện Gia Định. Bấy giờ chỉ có Nội hàn viện là bọn Vũ Trinh, Ngô Chí và Trần Danh Án mấy người đi theo ngự giá mà thôi.

Lời chua-Ngô Chỉ: Con Ngô (Thì) Sĩ, người Tả Thanh Oai⁸, huyện Thanh Oai.

Trần Danh Án: Người Bảo Triện⁹, huyện Gia Bình, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1787) niên hiệu Chiêu Thống.

Gia Định¹⁰: Tên huyện, tức Gia Bình. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chb. III, 34).

Bảo Lộc¹¹: Xem Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 9¹ (Chb. XL. 29).

¹ Nay là xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

² Nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

³ Cương mục in lầm là Vĩnh Trị.

⁴ Sông Cà Lồ.

⁵ Chỉ Lê Chiêu Tông.

⁶ Chỉ nhà Tây Sơn.

⁷ Nguyên văn là "diên lâm chi họa", do chữ trong sử Nam Bắc Triều: "Sở quốc vong viên, họa diên lâm mộc", nghĩa là nước Sở mất vườn, vạ lây đến cây trong rừng. Đây ý nói nếu Đình Tuấn để Chiêu Thống trốn mất thì sẽ bị tai vạ hình phạt nguy đến thân!

⁸ Nay là xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

⁹ Nay thuộc xã Nhân Thắng, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

¹⁰ Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Giang.

¹¹ Nay là huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Yên Dũng: Xem Lê Chiêu Thống, năm thứ 1 (Chb. XLVII, 19).

Tháng 2. Nhà vua đi Chí Linh. Thổ hào các xứ đông bắc là bọn Trần Quang Châu và Hoàng Xuân Tú dấy quân cần vương.

Bấy giờ, nhà vua ở huyện Gia Định, rồi lại dời xa giá đi Chí Linh. Các thổ hào ở các đạo đông bắc, như bọn Trần Quang Châu ở Gia Định, Trần Đĩnh và Hoàng Xuân Tú ở Chí Linh, Vũ Dung ở Tứ Kỳ, Nguyễn Thế Hiển và Nguyễn Hữu Tế ở Thanh Hà cùng với Vũ Trí Hanh ở Phượng Nhãn đều đem nghĩa binh đón tiếp ngự giá đóng ở Thanh Hà, chia đồn đóng quân để phòng thủ. Nhà vua sai Vũ Chiêu làm tuyên dụ sứ đi vỗ về, yên ủi họ.

Giặc đánh Thanh Hà, lại chia quân đánh Gia Định và Phượng Nhãn để cắt đứt đường viện trợ của Quang Châu và Trí Hanh. Thế Hiển và Trí Hanh cố sức chiến đấu, đều chết trận.

Giặc vây huyện Gia Định, Quang Châu đem quân cảm tử xông ra đánh, cả phá được địch. Giặc sợ, phải rút, nhưng còn chia quân đóng giữ ở Phao Sơn; mặt khác lại điều động quân thủy từ sông Lục Đầu đổ xuống, nương tựa lẫn nhau với quân trên bộ để làm cái chước quyết định đánh được. Xuân Tú nhân ban đêm, đem vài chục chiếc thuyền chài chở đồ dẫn hỏa, lén đến gần quân giặc, vừa đánh trống vừa hò reo, phóng hỏa; quân giặc hoảng sợ, chạy tán loạn.

Các đạo nghĩa binh bấy giờ chỉ có Quang Châu được kể là đánh khỏe hơn cả. Nhà vua thường khen Quang Châu rằng: "Hăng hái thay, thực xứng đáng là ông tướng". Nhân đó, ban tước cho Quang Châu là Định vũ hầu.

Lời chua-Trần Quang Châu: Người Phù Than², huyện Gia Bình, sau đánh nhau với giặc Tây Sơn, bị bắt, không chịu khuất phục, chết. Năm Gia Long thứ 1 (1802) lục dụng con của Quang Châu làm hạng viên tử.

Hoàng Xuân Tú: Người Kiệt Đặc, huyện Chí Linh³, đỗ hương cống, khoảng niên Gia Long (1802-1819) làm đến tham hiệp Kinh Bắc.

Trần Đĩnh: Người Điền Trì, huyện Chí Linh, là con Trần Tiến.

Nguyễn Thế Hiển: Người Cật Thượng, huyện Thanh Hà⁴.

Nguyễn Hữu Tế: Người Tiên Liệt, huyện Thanh Hà.

Vũ Trí Hanh: Người Đan Hội⁵, huyện Phượng Nhãn.

Vũ Chiêu: Con Vũ Miên.

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Tứ Kỳ, Thanh Hà: Đều xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19 (Chb. XXX, 14).

Gia Định: Tên huyện, tức Gia Bình. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chb. III, 34).

Phượng Nhãn: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 32, 33).

Phao Sơn: Tên xã, thuộc Chí Linh. Xem Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 36).

¹ Cương mục in lầm là năm thứ 10.

² Nay là thôn Phù Than, xã Cao Đức, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

³ Tỉnh Hải Dương.

⁴ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

⁵ Nay là thôn Đan Hội, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Sông Lục Đầu: Có tên nữa là sông Bình Than, ở huyện Chí Linh thuộc Hải Dương chỗ giáp giới với các huyện Phượng Nhãn, Yên Dũng¹, Quế Dương và Gia Bình thuộc Bắc Ninh.

Hoàng thân Duy Trọng và Duy Phác dấy quân ở Thanh Hoa.

Bọn Duy Trọng về Thanh Hoa, dấy binh, được phiên tù² là quận Bằng (không rõ tên, họ) và thổ hào là Nhâm Vũ (không rõ họ) đều hưởng ứng. Tên Khương (không rõ họ), đồ đốc giặc, đem quân đến bao vây và bức bách. Trọng giao chiến và chém được Tương, rồi sai sứ giả đi đường tắt đến chỗ hành tại³ để báo nhà vua biết tin thắng trận.

Lời chua-Duy Trọng và Duy Phác: Đều là con Lê Ý Tông, sau không biết chung cục ra sao.

Đinh Tích Nhuận làm phản, đem quân bức bách ngự giá. Nghĩa dân là bọn Trần Đĩnh và Hoàng Xuân Tú đánh phá được Tích Nhuận.

Trước kia, Tích Nhuận theo Trịnh Bồng nổi loạn, từ sau trận thua ở Ngô Đồng, trốn về Đông Triều. Đến đây, được tin nhà vua ở Chí Linh, Tích Nhuận bèn sai đồ đảng là Trần Liên đầu hàng giặc, đưa giặc đến bao vây và bức bách nhà vua ở hành tại, định mưu bắt cóc ngự giá. Nhà vua xuống chiếu ôn tồn dụ bảo, nhưng chúng không chịu lui, cứ vây và đánh đến hơn một tháng. Nghĩa dân Hải Dương là Trần Đĩnh và Hoàng Xuân Tú đốc suất hương binh⁴ nhân kẻ sơ hở, ập đến đánh úp, chém được các em Đinh Tích Nhuận là bọn Đinh Vũ Sầm, Đinh Vũ Kính; Tích Nhuận chỉ kịp chạy được thoát thân.

Do đấy, vòng vây mới phá được.

Lời phê-Tấm lòng trung nghĩa là gốc từ tính trời mà ra, chứ không cứ là người đó có làm quan, hưởng lộc hay không. Lắm kẻ quyền cao chức trọng, lúc thường thì gian tham hà lạm, lúc có biến cố thì tráo trở phản trắc: thế là không bằng loài chim muông, còn đếm xỉa làm gì nữa.

Lời chua-Ngô Đồng: Tên xấu. Xem Lê Mẫn Đế, năm Chiêu Thống thứ 1⁵ (Chb. XLVII, 12).

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 25).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Nhà vua đi Thủy Đường.

Quân giặc ngày càng bức bách. Bọn Trần Quang Châu và Hoàng Xuân Tú ngày đêm chống cự và chiến đấu. Trí Hanh và Hữu Tế đều chiến đấu mà chết. Nhà vua bèn dời xa giá đi Thủy Đường.

Nhà vua đi Vị Hoàng để úy lạo quân sĩ.

Bấy giờ nhà vua long đong, hết xuống Đông lại sang Bắc, đến đâu cũng được hào kiệt và nghĩa binh ở đó theo như về chợ, nhưng những người theo đó đều là các con em nơi hương thôn, không quen chiến đấu trận mạc, hễ gặp giặc thì liền thua. Được tin Việt Tuyền ở Sơn Nam, thanh thế lừng lẫy, nhà vua muốn đi đến để nương nhờ Việt Tuyền. Gặp lúc ấy Việt Tuyền cho người ruổi ngựa đến tâu xin nhà vua để úy lạo quân sĩ để tác động tinh thần của họ, nhà vua bèn từ Thủy Đường vượt biển đi Chân Định. Việt Tuyền thân hành đi đón và yết kiến. Nhà vua vỗ về yên ủi càng hơn, rồi tiến đóng ở Vị Hoàng.

¹ Phượng Nhãn và Yên Dũng nay thuộc Bắc Giang.

² Tù trưởng ở biên giới.

³ Nơi nhà vua ở khi đi tuần du (theo ý nghĩa trang trọng lúc bình thì). Thực tế ở đây thì là ở chỗ lánh nạn của Lê Chiêu Thống.

⁴ Như dân quân.

⁵ Cương mục in lầm là Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 39.

Bấy giờ Đinh Nhạ Hành cũng đem quân đến hội. Viết Tuyền mời nhà vua ở lại trong quân. Nhà vua hạ chiếu khen ngợi và ủy lạo các quân sĩ, cho những nghĩa binh đã đi hộ tống ngự giá đều trở về chỗ cũ của họ, tiếp ứng với bọn Trần Đĩnh để toan tính đánh lấy Hải Dương.

Lời chua-Đinh Nhạ Hành: Người Hàm Giang, thuộc huyện Cẩm Giàng, là dòng dõi thái phó Đinh Văn Phục; sau theo nhà vua chạy sang nhà Thanh, bị bệnh, chết ở Yên Kinh¹.

Thủy Đường²: Xem Đế Duy Phường, năm Vĩnh Khánh thứ 2 (Chb. XXXVII, 16).

Chân Định³: Xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 16 (Chb. XXX, 6).

Hoàng đế Duy Chi dấy quân ở Định Châu: Thái Nguyên và Tuyên Quang đều hưởng ứng.

Khi giặc Tây Sơn đánh phá Thăng Long, Duy Chi chạy đi Định Châu, cùng với phiên thần là Ma Thế Cổ thu lượm và tụ tập dân chúng trong châu, đắp lũy để phòng thủ. Duy Chi lại ước hẹn kết hợp với các phiên mục ở Tuyên Quang và Bảo Lạc, dần dần chiêu mộ quân lính thượng du vùng Thái Nguyên để tăng cường thêm thế lực. Tướng giặc là Uyển (không rõ họ) đến đánh nhưng không hạ được, rồi phải rút quân về.

Hoàng thân là quận Hải (không rõ tên) trước kia, trấn giữ Thái Nguyên, kịp khi Thăng Long thất thủ, lén ẩn ở vùng Tư Nông và Đồng Hỷ, bí mật chiêu dụ các thổ hào dấy quân, đánh nhau với giặc. Thua trận, bị bắt, quận Hải tử tiết.

Lời chua-Tư Nông: Tức Tây Nông. Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 1 (Chb. II, 14).

Đồng Hỷ: Tên huyện, thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Châu Bảo Lạc: Xem Lý Nhân Tông, năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 9 (Chb. III, 45).

Tháng 4, mùa hạ. Nguyễn Văn Huệ vào thành Thăng Long, giết Vũ Văn Nhậm, dùng Ngô Văn Sở lên thay quản lãnh binh chúng.

Trước kia, Văn Huệ sai Văn Nhậm ra cướp Bắc Hà, nhưng trong lòng vẫn rất ngờ vực, nên sai Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân làm tham tán để chia xẻ quyền bính. Văn Huệ bí mật dặn Văn Sở: "Văn Nhậm là con rể của vua anh⁴. Ta với vua anh có hiềm khích nhau. Văn Nhậm tất không yên lòng. Chuyển đi này, Văn Nhậm cầm nắm trong tay binh quyền quan trọng, vào sâu trong nước người ta, thì sự biến sau này không thể liệu trước được. Điều ta lo lắng không phải nhằm ở Bắc Hà, mà chỉ nhằm ở Văn Nhậm thôi. Người nên dò xét từ chỗ kín nhiệm, có gì thì mau mau báo cho ta biết". Kịp khi Văn Nhậm nhân đà thắng lợi, ruổi dài ra Bắc, vào Thăng Long, bắt được Hữu Chính, tự cho rằng oai vũ đủ khuất phục được người ta, không còn kiêng nể sợ hãi gì cả. Văn Huệ làm nhiều việc trái phép: tự đúc ấn chương, chuyên quyền trong việc cất đặt sắp xếp. Văn Sở vốn có hiềm khích với Văn Nhậm, liền viết thư bí mật vu cáo Văn Nhậm về tội làm phản.

Văn Huệ bèn chính mình đốc suất thân binh ruổi ra Thăng Long. Văn Nhậm ra đón. Văn Huệ vỗ về yên ủi bằng lời ôn tồn, rồi sai đem ngựa đang cưỡi và lọng đang che nhường cho Văn Nhậm. Khi đã vào đến trong thành, Văn Huệ sai người trói Văn Nhậm ngay ở trước sân. Tra khảo, xét hỏi tuy không có chứng cứ thật sự nhưng Văn Huệ vẫn nói một cách quyết đoán rằng: "Không cần nói nhiều. Mà có tài trội hơn ta thì không phải là người mà ta dùng được". Văn Huệ liền sai đem chém, rồi dùng Văn Sở làm đại tư mã, thay thế quản lãnh binh chúng, kiêm trấn thủ thành Thăng Long.

¹ Nay là Bắc Kinh, Trung Quốc.

² Nay là huyện Thủy Nguyên. T.p. Hải Phòng.

³ Nay là huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

⁴ Chỉ vua Thái Đức Nguyễn Văn Nhạ.

Nhà vua lại đi Kinh Bắc.

Trước kia, nhà vua đi Vị Hoàng, là dựa vào Việt Tuyền. Đến đây, tướng giặc, Ngô Văn Sở, đem binh từ Thăng Long xuôi dòng sông, xuống đánh. Việt Tuyền đem chu sứ đón đánh ở cửa sông Hoàng Giang. Khi quân hai bên đương giao chiến, thì Văn Sở trối cha và vợ của Việt Tuyền bêu ra đầu thuyền cho biết. Việt Tuyền trông thấy, vật vã kêu khóc, không dám chiến đấu với Văn Sở nữa, rồi rút quân về sông Vị Hoàng.

Nhà vua được tin Việt Tuyền thua trận, hối hả dời thuyền lui đóng ở Quần Anh. Chiều tối, Việt Tuyền cũng đem chu sứ tiếp đến. Đêm đó, gió to, bão lớn, trời tối mịt mờ, thuyền bè lênh đênh xiêu giạt, lạc lổng lẫn nhau. Thuyền ngự trôi vào Thiết Giáp cảng ở Thanh Hoa. Việt Khang, không rõ chung cục ra sao. Việt Tuyền cũng giạt vào cửa Cần Hải, sau ra Thăng Long, đầu hàng giặc bị giặc giết chết.

Bấy giờ quân sĩ tan tác bốn ngã. Thanh Hoa đã bị giặc chiếm cứ rồi. Nhà vua bắt đực dĩ lại từ Thanh Hoa do đường bộ quay ra huyện Kim Bảng thuộc Sơn Nam¹, rồi đi Kinh Bắc, đóng ở Lạng Giang.

Lời chua-Hoàng Giang: Nay thuộc huyện Nam Xang.

Quần Anh: Tên xã, thuộc huyện Nam Chân², tỉnh Nam Định.

Thiết Giáp: Tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoa.

Cần Hải: Tên xã, thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Phủ Lạng Giang: Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Tháng 5. Nguyễn Văn Huệ triệu tập các cựu thần văn võ nhà Lê, ép bảo họ khuyên mời Văn Huệ lên ngôi vua. Tham tri chính sự Nguyễn Huy Trạc tử tiết. Văn Huệ liên sai Sùng Nhượng công Lê Duy Cận đứng giám quốc, rồi kéo quân về Nam.

Văn Huệ sai người lũng hết các bày tội văn võ, cưỡng ép họ đến cửa cung khuyết để cùng đứng tên vào tờ biểu khuyên mời Văn Huệ lên ngôi vua. Huy Trạc bị bắt đến Ngự sử đài, không chịu ký tên vào tờ biểu ấy, đêm đến, uống thuốc độc tự tử. Việc này do đó cũng đình chỉ.

Văn Huệ ở lại vài ngày, bèn sai Duy Cận đứng giám quốc, giữ việc thờ cúng [tôn miếu nhà Lê] còn mình thì rút quân về Nam.

Văn Huệ dùng Ngô [Thì] Nhậm³ làm Lại bộ tả thị lang, Phan Huy Ích làm hình bộ tả thị lang; lại dùng Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tồn, Nguyễn Du⁴ và Nguyễn Bá Lan làm Hàn lâm trực học sĩ, để ở lại cùng làm việc với Ngô Văn Sở.

Bọn Nguyễn Hoàn và Phan Lê Phiên ra thú, được Văn Huệ cho giữ nguyên quan hàm đã có mà về điền viên.

Chỉ có mấy người này đi ẩn không chịu ra:

- Phạm Trọng Huyền, đồng Xu mật viện sự.
- Phạm Quý Thích, thêm sai tri Công phiên.
- Nguyễn Đình Tứ, đô cấp sự trung.
- Nguyễn Đăng Vận, giám sát ngự sử.
- Lê Trọng Dĩnh, cấp sự trung.
- Đỗ Lệnh Thiện, tiến sĩ.

¹ Nay Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam.

² Nay là huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

³ Cương mục vì kiêng tên Tự Đức, chép là Ngô Nhâm.

⁴ Nguyễn Du này là người Văn Xá, huyện Thanh Oai (Hà Đông), khác với Nguyễn Du tác giả truyện Kiều.

- Lê Huy Thân và Nguyễn Huy Đào, tự thừa.

Lời chua-Phạm Trọng Huyền: Người Dũng Quyết¹, huyện Ý Yên, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Đình Tứ: Người Bảo Từ, huyện Chương Đức², đỗ tiến sĩ khoa Ất Ty (1785) niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Đăng Vận: Người Hoài Bảo³, huyện Tiên Du.

Lê Trọng Đĩnh: Người Đa Sĩ, huyện Thanh Oai⁴.

Đỗ Lệnh Thiện: Người Nhân Mục⁵ huyện Thanh trì-Đặng Vận Trọng Đĩnh và Lệnh Thiện đều đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1787) niên hiệu Chiêu Thống.

Lê Huy Thân: Người Bối Khê⁶, huyện Thanh Oai.

Nguyễn Huy Đào: Người Gia Thụy⁷, huyện Gia Lâm-Huy Thân và Huy Đào đều đỗ hương cống.

Nguyễn Thế Lịch: Người Yên Lũng⁸, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775), niên hiệu Cảnh Hưng, sau theo ngụy Tây (Tây Sơn) làm quan đến lại Bộ thượng thư.

Tháng 7, mùa thu. Hoàng thái hậu sang nhà Thanh xin quân cứu viện.

Trước kia, thái hậu đến Cao Bằng, các phiên tù đều đem quân đi phòng thủ, chen đánh. Phiên mục Bế Nguyễn Trù dẫn tướng giặc là bọn Cúc, Hoán đến đánh úp trấn doanh. Bọn đốc đồng Nguyễn Huy Túc, phiên thần Địch quận công Hoàng Ích Hiểu, tụng thần Lê Quỳnh và Nguyễn Quốc Đống bảo vệ thái hậu và nguyên tử do cửa ải Thủy khẩu chạy sang Long Châu nhà Thanh. Quan châu là Trần Tốt đem việc này đề đạt lên tổng đốc và tuần phủ.

Lưỡng Quảng⁹ tổng đốc Tôn Sĩ Nghị và Quảng Tây tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh hội hợp ở Nam Ninh. Thái hậu đưa nguyên tử đến yết kiến ở trong sân, gào khóc xin cứu viện. Bọn Sĩ Nghị tâu với vua Thanh rằng Tự hoàng nhà Lê đương phải bôn ba, đối với đại nghĩa, ta nên cứu viện. Và lại, An Nam là đất cũ của Trung Quốc, sau khi khôi phục nhà Lê, ta nhân đó, đặt lính thú để đóng giữ. Thế là vừa làm cho nhà Lê được tồn tại, vừa chiếm lấy được An Nam: thật là làm một chuyển mà được hai lợi.

Vua Thanh nghe theo ý kiến của bọn Sĩ Nghị, bèn chính tay viết tờ chiếu, trong có nói: Trẫm sẽ giải tỏ nghĩa cả với thiên hạ, nâng đỡ cương thường ở thuộc quốc. Mọi việc về Nam Giao đều phó thác cho khanh cả đấy".

Sĩ Nghị nhận được tờ chiếu ấy, bèn mưu tính làm một chuyển to: đều động quân lính bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam và Quý Châu, ấn định nhật kỳ kéo sang cứu viện. Trước hết tung ra vài trăm tờ hịch để tuyên bố cho gần xa đều biết; lại Lê Quỳnh và Nguyễn Quốc Đống đem tờ trát bí mật, đi đường tắt, về tâu với nhà vua.

¹ Nay là thôn Dũng Quyết, xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

² Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

³ Nay là thôn Hoài Bảo, xã Liên Bảo, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁴ Tỉnh Hà Tây.

⁵ Tức làng Mọc, nay là đất cát phường Thượng Đình, Thanh Xuân Bắc và Nhân Chính, quận Thanh Xuân. T.P Hà Nội.

⁶ Nay là thôn Bối Khê, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

⁷ Nay là thôn Gia Thụy, xã Gia Thụy, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

⁸ Nay là thôn Yên Lũng, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

⁹ Quảng Đông và Quảng Tây.

Lời phê¹Chính mình đã có lòng không ngay thẳng thì giúp cho người ta ngay thẳng thế nào được!

Sai bộn Lê Duy Đản và Trần Danh Ân sang nhà Thanh.

Bọn Lê Quỳnh chưa về tới Lạng Sơn thì các thổ mục ở Yên Quảng đã bắt được tờ hịch (của Tôn Sĩ Nghị), nên trước đã sai người ruổi ngựa đến tâu nhà vua biết. Nhà vua sai Nguyễn Đĩnh đi lên để thăm hỏi dò la. Khi bọn Quỳnh về đến Kinh Bắc, vào yết kiến, dâng tờ trát bí mật lên nhà vua. Bấy giờ nhà vua mới biết rõ việc này, bèn sai tham tri chính sự Lê Duy Đản và Hàn lâm hiệu thảo Trần Danh Ân vâng mệnh lệnh đem tờ bầm, đi đường tắt, lên đón quân nhà Thanh.

Tháng 10, mùa đông. Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc Lương Quảng nhà Thanh, đem quân sang cứu viện. Tướng giặc, Ngô Văn Sở, bỏ thành Thăng Long, chạy. Nhà vua lại vào kinh thành.

Khi Sĩ Nghị vâng mạng vua Thanh, sắp ra quân, thì bọn Duy Đản vừa sang đến nơi, Sĩ Nghị mời vào hội kiến, rất mừng, bèn truyền cho các đạo quân đồng thời cùng tiến.

- Đề tổng Vân, Quý², họ, Ô, từ Tuyên Quang tràn vào;
- Tri phủ Điền Châu, Sầm Nghi Đống từ Cao Bằng kéo xuống.
- Sĩ Nghị và đề đốc Hứa Thế Hanh do đường lớn từ trấn Nam quan³ xuất phát.

Tướng giặc, Phan Khải Đức, trấn thủ Lạng Sơn, đem cả trấn thành đầu hàng quân Thanh. Sĩ Nghị tiến đến Kinh Bắc⁴.

Văn Sở sai tướng chẹn giữ bến đò Xương Giang⁵. Lại sai nội hầu Phan Văn Lân đem hơn một vạn quân tinh nhuệ ở Thăng Long lên đóng ở Thị Cầu.

Sau khi phá vỡ luôn được mấy cánh quân của Tây Sơn, quân Thanh tiến lên chiếm đóng núi Tam Tầng. Văn Lân, nhân đang đêm, xông pha rét lạnh, lén vượt sông Nguyệt Đức⁶, vây doanh trại tôn Sĩ Nghị. Nhưng trận thế của Sĩ Nghị vững chắc, không lay chuyển, đồng thời súng hỏa sang của quân Thanh lại cùng bắn ra: giặc không đến gần được. Trương Sĩ Long, tiên phong quân Thanh, xung phong giết giặc. Cung tên của hai cánh quân tả dực và hữu dực nhà Thanh lại bắn châu vào: quân giặc bị chết vô kể. Trước đó, Sĩ Nghị ra quân kỳ⁷, do phía thượng lưu, vượt qua sông, đánh úp doanh trại Thị Cầu. Trông thấy trong trại bốc lửa, giặc cả sợ, phải vượt lũy mà chạy. Quân Thanh thừa thắng, ruổi dài, cả phá được giặc.

Văn Lân chạy về Thăng Long. Sĩ Nghị tiến đến bờ phía Bắc sông Nhị.

Văn Sở và Ngô [Thị] Nhậm bàn nhau, cho rằng Thăng Long quyết không thể giữ được, bèn thu thập số quân còn lại, chạy vào Thanh Hoa, đóng đồn thủy ở hải phận Biện Sơn, còn quân bộ thì chẹn ở đèo Ba Dội (Tam Điệp Sơn) để phòng thủ cho vững chắc, rồi cho người phi ngựa đem thư về cáo cấp với Văn Huệ.

Bấy giờ nhà vua từ Phượng Nhãn đi Gia Lâm, sắm đủ trâu bò và rượu để khao quân Thanh. Ngày hôm sau, nhà vua vào kinh đô.

¹ Chỉ việc vua nhà Thanh định tâm lợi dụng danh nghĩa cứu Lê để mưu chiếm lấy Việt Nam.

² Vân Nam và Quý Châu.

³ Nay đổi là Mục Nam quan.

⁴ Gồm cả Bắc Giang và Bắc Ninh ngày nay.

⁵ Tức sông Thương.

⁶ Sông Cà Lồ.

⁷ Lối đánh bất ngờ, cho quân xuất kỳ bất ý, đột kích vào đối phương.

Sĩ Nghị làm cầu phao ở bến Bồ Đề để chuyển quân sang sông, đặt màn tướng¹ ở cung Tây Long² bên bờ sông, bố đồn, đóng trại: thế lực rất vững mạnh.

Lời chua-Phan Khải Đức: Người An Ấp, huyện Hương Sơn.

Trần Nam Quan: Xem Lê Trang Tông, năm Nguyên Hòa thứ 8 (Chb. XXVII, 35).

Xương Giang, Thị Cầu: Xem Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb. XL, 4, 10).

Nhị Hà: Tức Phú Lương Giang. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 15).

Núi Tam Tầng: Ở huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh³.

Phượng Nhãn⁴: Tức Long Nhãn. Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 32, 33).

Gia Lâm: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chb. VII, 34).

Tháng 11. Nhà Thanh sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương.

Trước kia, Sĩ Nghị xuất quân, vua Thanh giao cho sách văn và ấn chương, rồi dụ bảo Nghị khi đã khôi phục được kinh đô thì phong ngay cho Lê Tự Tôn làm An Nam quốc vương để giàng buộc lấy lòng người. Đến đây, Nghị tuyên bố mệnh lệnh, chọn ngày làm lễ sách phong. Nhà vua khóc lóc cho rằng lằng lẳng⁵ còn sa vào trong phạm vi của giặc, chính mình chưa được đến tận nơi bái yết, vậy xin hãy tạm hoãn lại ít lâu. Nghị trả lời: "Những lời tự quân nói đó thực ra là từ chỗ chí tình, nhưng hoàng đế⁶ đã có mệnh lệnh rồi, không thể chần chừ để lâu được. Vậy há nên vì tình riêng mà nhằm lời xin hoãn lại?". Nhà vua bất đắc dĩ phải nhận làm lễ chịu phong. Trong bài sách phong có câu: "Phi thập hữu nhất đạo chí để phong, nguyên phi lợi phù thổ địa-Tổ bách ngũ thập niên chi chức cố, năng bất niệm kỳ tổ tông?" Nghĩa là "đối với sự mở bờ cõi gồm mười một đạo, vốn không phải vì ta có lợi tâm muốn chiếm lấy đất đai; suốt từ một trăm năm mươi năm lại đây, (nhà Lê) lúc nào cũng giữ chức phận, làm lễ tế cố, thì sao lại không nghĩ đến tổ tông của tự tôn được". Nhà vua cảm động và tin tưởng một cách sâu sắc vào những lời đó.

Luận công những người đi theo hộ giá, cho thăng chức có cao thấp khác nhau. Trị tội những kẻ đầu hàng giặc.

Nhà vua đã khôi phục được nước, bèn hạ lệnh thăng chức cho bầy tôi đi hộ giá:

- Phạm Đình Dữ lên bình chương sự, thượng thư bộ Lại.
- Lê Duy Đản và Vũ Trinh lên tham tri chính sự.
- Nguyễn Đình Giản lên thượng thư bộ Binh, tri Xu mật viện sự.
- Nguyễn Duy Hiệp và Chu Doãn Lệ lên đồng tri Xu mật viện sự.
- Trần Danh Ấn, lên phó đô ngự sử.
- Lê Quỳnh lên Trung quân đô đốc, tước Trường phái hầu. Ngoài ra đều được thăng chức có cao thấp khác nhau.

¹ Chỗ viên tướng đóng, có màn vây tướng che, ở doanh trại tạm trú trong khi hành quân, theo lối xưa. Đây chỉ nơi Sĩ Nghị đóng.

² Tục gọi Tây Luông.

³ Yên Dũng nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

⁴ Đất Phượng Nhãn đời Trần là Long Nhãn, Phượng Sơn. Đầu đời Lê nhập thành Phượng Nhỡn. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

⁵ Chỉ các lằng miếu của các nhà vua Lê ở Thanh Hóa.

⁶ Chỉ Càn Long, vua nhà Thanh.

Liền đó nhà vua sai trị tội những người hàng giặc:

- Ngô [Thì] Nhậm và Phan Huy Ích đều truất về làm dân.
- Nguyễn Hoãn bị bãi mất tước quận công.
- Phan Lê Phiên bị giáng xuống Đông Các học sĩ.
- Mai Thế Uông bị giáng xuống Tư huấn.

Phạm Như Tụy, trấn thủ Tuyên Quang, và Dương Bành, phò mã, đều bị bắt và giết chết, vì trước kia, khi giặc kéo đến, Tụy đầu hàng trước tiên, lại bắt hoàng đệ Duy Trù đưa cho giặc để giặc làm hại; còn Bành thì đưa quân giặc đuổi theo bức bách ngự giá.

Bấy giờ Ngô Tường Đào, Hiến sát phó sứ Kinh Bắc, vì có công giúp rập nhà vua, cũng được bổ dụng, nhưng tường đào lấy cơ mình già, từ chối, không nhận chức, có dâng sớ nói: "Vận trời đang gian truân, không ngờ bây giờ lại được trông thấy ánh sáng của mặt trời và mặt trời đó thực là phúc vô cùng của xã tắc. Nhưng việc binh cốt phải lanh lẹ chớp nhoáng, nếu cơ hội có thể nắm lấy để làm thì cần gì cứ phải một mực đưa vào ngoại binh, động một tý thì chậm trễ đến hàng tuần. Hiện nay, quân cần vương các lộ, ai chẳng muốn sẵn sàng liều chết để chiến đấu? Bây giờ quân giặc đã rút lui thì ta nên đem đại quân đuổi theo ngay khiến cho quân giặc điên cuồng không rãnh để tính toán mưu đồ gì cả. Thế là làm như sấm vang không kịp bịt tai. Hai xứ Thanh Nghệ nghe biết tin ấy, chắc cũng sẽ hưởng ứng cả. Văn Huệ xa cách ở phía nam Hoàn Sơn, bọn Văn Sở lâm vào thế cô, không có cứu viện, tình thế bị ngăn cách, đường đất không thông đồng. Như vậy không quá mười ngày chúng sẽ có thể bị bắt đấy. Một khi vây cách của Văn Huệ bị cắt rồi thì có thể lần lượt quét sạch sào huyệt của hắn nữa. Cái cơ dấy nghiệp trung hưng chính là ở đó, ta không nên bỏ lỡ".

Nhà vua cùng bọn Đình Giản trao đổi bàn luận, ai nấy đều cho là phải. Nhà vua sai Lê Quỳnh đến nói với Sĩ Nghị, nhưng Sĩ Nghị cho là không nên.

Bấy giờ hào kiệt bốn phương đua nhau trở sức để làm việc, nhưng nhà vua chủ yếu chỉ dựa vào người Thanh. Khi chia ban quan chức, nhà vua chỉ trao cho các bầy tôi đi theo hộ giá và theo hầu ở hành tại, còn cự thần và hào kiệt đều không được bổ dùng. Các bầy tôi cũng không ai nói đến việc ra quân để phục thù. Trong kinh và ngoài các trấn thầy đều chán nản và rời rạc. Cái cơ thành hay bại chỉ một mực tùy theo người Thanh mà thôi. Thế là việc nước không thể xoay sở được nữa.

Lời phê-Không dựa vào sức quân Thanh, e cũng chưa dễ dàng đâu. "Nói thì dễ, làm thì khó": xưa nay cùng chung một bệnh ấy.

Lời chua-Phạm Như Tụy: Người Phúc Dương, huyện Hương Sơn, đỗ tạo sĩ.

Dương Bành: Người Phong Phú, huyện Thạch Hà.

Hoàn Sơn: Phía nam giáp giới với huyện Bình Chánh thuộc Quảng Bình, phía Bắc giáp giới với huyện Kỳ Anh thuộc Nghệ An.

Phong hoàng đệ Duy Chi làm Dực vũ công.

Duy Chi từ Định Châu đem các phiến thần ở Cao Bằng và Thái Nguyên vào châu. Nhà vua ban khen, nên có mệnh lệnh phong cho tước công ấy.

Sai các quan văn võ chia nhau liệu lý việc lương thực.

Bấy giờ luôn năm mất mùa, đói kém, nhất là năm này lại càng quá lắm. Quân lính nhà Thanh đóng ở kinh thành rộng rãi cướp bóc; dân chúng lại càng chán ghét. Triều đình đốc thúc lương quân, các châu và huyện đều không cung ứng. Nhà vua bèn sai các quan chia nhau làm việc này. Dân chúng có người đến nỗi phải khóc lóc mà dâng nộp. Đường tiếp tế lương thực cho quân Thanh thì xa, nên bao nhiêu lương và tiền mà triều đình thu được của dân đều đem cung đốn cho họ hết sạch. Còn vài vạn người vừa nghĩa binh các đạo vừa ưu binh Thanh Nghệ thì đều lòng không dạ trống đi theo việc binh nhung. Lòng người do đấy lại càng chia rẽ tan tác.

Lời phê-Ý trời đã bỏ qua, lòng người đã ly tán, sự thế đã hỏng từ lâu rồi. Có gì đáng trách?

Hoàng thái hậu từ nhà Thanh về đến nước nhà.

Nhà vua có tính hẹp hòi, khắc nghiệt. Trong họ tôn thất có người phụ nữ lấy tướng giặc, đang có mang, cũng bị nhà vua sai mổ bụng chết. Lại sai chặt chân ba người hoàng thúc, quăng ra chợ cung (chợ ở trong cung)¹. Lòng người dần dần ngờ vực, không nhất trí.

Khi về đến Thăng Long, thái hậu nghe biết những việc làm ngang ngược của nhà vua, chỉ thường hay phạt theo một chiều bằng tình cảm riêng mình yêu hay ghét, bà nổi giận nói: "Trái bao cay đắng, ta mới cầu xin được quân cứu viện sang đây, nước nhà phỏng chừng chịu được bao phen phá hoại bằng cách đên ơn báo oán thế này! Thôi diệt vong đến nơi rồi!" Rồi bà gào khóc, không chịu vào cung. Bầy tôi theo hầu là Nguyễn Huy Túc, phải khuyên giải mãi, thái hậu mới thôi.

Lời phê-Hiền thay, bà mẹ này! Thật không thiện với Thân Bao Tư xưa².

Dùng Nguyễn Huy Túc làm Binh bộ thị lang, đồng bình chương sự.

Nhà vua cho rằng Huy Túc có công đi theo hộ giá thái hậu, nên cất nhắc lên làm chức này.

Nguyễn Văn Huệ tự xưng là hoàng đế, lại rầm rộ đem quân ra cướp Bắc Hà.

Tin báo của Văn Sở đưa đến, nói quá nghe gớm về thanh thế của quân nhà Thanh. Văn Huệ cười mà rằng: "Việc già mà cuống quýt lên vậy? Chúng nó chỉ tự đến để đi tới chỗ chết thôi. Ta hãy lên ngôi, làm cho danh nghĩa được quang minh chính đại để giàng buộc lấy lòng người trong Nam và ngoài Bắc trước đã, rồi sẽ ra bắt sống chúng nó cũng chưa muộn nào!" Văn Huệ bèn chọn ngày tốt, tiến làm lễ tế trời ở Bản Sơn, rồi xưng hoàng đế, đổi niên hiệu Thái Đức³ năm thứ 11 làm niên hiệu Quang Trung năm thứ nhất (1788).

Ngày ngày hôm ấy, Văn Huệ lừa hết quân sĩ ở tế đàn vượt sông ra Bắc. Khi qua Nghệ An và Thanh Hoa, lấy thêm quân lính đến 8 vạn người, bèn tạm đóng quân ở Thọ Hạc, trước hãy sai người ruồi ngựa đưa thư đến Sĩ Nghị để xin đầu hàng. Lời lẽ trong thư rất là nhũn nhặn, khiêm tốn.

Lời chua-Bản Sơn: Ở địa phận xã An Cựu, huyện Hương Trà.

Thọ Hạc: Thuộc huyện Đông Sơn, nay là địa phận tỉnh Thanh Hoa.

Kỷ Dậu, năm thứ 3 (1789). (Thanh, năm Càn Long thứ 54).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Hai mặt trời cùng đấu nhau.

Quân nhà Thanh đấu nhau với Nguyễn Văn Huệ ở địa phận hai huyện Thượng Phúc và Thanh Trì, bị thua: bọn đề đốc Hức Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long, tả dực Thượng Dục Thăng và tri phủ Điền Châu Sâm Nghi Đồng đều chết trận; Tôn Sĩ Nghị phải chạy về Quảng Tây.

Sĩ Nghị từ khi qua cửa ải, đến đâu được đấy, có ý khinh địch, lấy được Thăng Long rồi, Sĩ Nghị tự cho rằng thế là xong việc. Những hào kiệt ở các trấn đi ứng nghĩa đều đua nhau đến cửa quân xin Sĩ Nghị tiến binh, nhưng đều bị bỏ qua, không được hỏi đến. Kịp khi được thủ chiếu của vua Thanh ra lệnh cho Sĩ Nghị phải khôi phục hết đất đai cho Lê vương, mới được rút quân về, Sĩ Nghị bây giờ mới tính đến mưu kế tiến hành.

Đến đây, quân Văn Huệ kéo đến đèo Ba Dội (Tam Điệp Sơn), nhà vua được tin, lấy làm lo sợ, hỏi Sĩ Nghị về mưu kế, Sĩ Nghị nói: "Ta cứ lấy thế thông thả để chờ đợi ứng phó với kẻ đang nhọc nhằn, cần chi phải hấp tấp đánh vội". Thế rồi Sĩ Nghị dương dương tự đắc, không để ý đến nữa.

¹ Lời chua của sử Cương mục.

² Người nước Sở đời Xuân Thu, Bao Tư khóc suốt bảy ngày ở sân nhà Tần để xin quân cứu viện, được người Tần giúp đánh giặc Ngô cho Sở khôi phục được nước.

³ Thái Đức (1778-1788), niên hiệu của Nguyễn Văn Nhạc, vua đầu triều Tây Sơn.

Giặc rủ dài ra Bắc, không có lấy một người hay một quân kỵ nào chống lại cả. Khi giặc đã đến Sơn Nam, Sĩ Nghị sai đề đốc Hứa Thế Hanh đem quân tứ dực đi trước, chia đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi để chống cự lại.

Ngày 4, tháng giêng ấy, quân lưu động của giặc đến trước, hễ đánh trận nào thì thua luôn trận ấy. Sĩ Nghị rất coi khinh.

Hồi trống canh năm sớm hôm sau. Văn Huệ xắn tay áo đứng dậy, đốc thúc bản bộ lừa quân rầm rộ tiến lên. Chính Văn Huệ tự mình đốc chiến, cho hơn trăm voi khỏe đi trước. Tờ mờ sáng, quân Thanh lừa toán quân kỵ tinh nhuệ ồ ạt tiến. Chợt thấy bày voi, ngựa quân Thanh đều sợ hãi, hí lên, té chạy, lũng lộn quay về, chà đạp lẫn nhau. Giặc lại lừa voi xông đến: quân Thanh, trong cơn gấp rút, không cứu nhau được, ai nấy rút vào trong lũy cố thủ. Bốn mặt đồn lũy quân Thanh đều cắm chông sắt, sừng và tên bắn ra như mưa. Giặc dùng những bó rơm to lớn để che đỡ mà lặn xả vào, rồi quân tinh nhuệ tiến theo sau. Kê trước ngã, người sau nổi, thầy đều trở sức liêu chết mà chiến đấu. Các lũy quân Thanh đồng thời tan vỡ và quân Thanh đều chạy. Giặc đuổi đến đồn Nam Đồng, thừa thắng, ập lại giết chết. Quân Thanh bị chết và bị thương đến quá nửa. Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long và tả dực Thượng Duy Thăng đều chết trận. Sâm Nghi Đống đóng đồn ở Loa Sơn (tục gọi Đống Đa), bị một tướng khác của giặc đánh. Quân cứu không có, Nghi Đống phải tự thắt cổ chết. Toán thân binh của Nghi Đống cũng tự ải chết theo đến vài trăm người.

Bấy giờ, đương ở nơi màn tướng, thành linh được tin quân giặc đã bức bách gần Thăng Long. Sĩ Nghị không biết xoay sở ra sau, bèn nhổ đồn lũy, vượt qua sông chạy. Cầu gãy, người bị chết vô kể.

Lời phê-Triều vua Càn Long là thời rất cường thịnh, thế mà ủy nhiệm không được người tài giỏi (nên mới hỏng việc). "Quân đã kêu rông thì tất bại trận". Lời cổ ngữ nói thật không sai. Nhưng cũng vì vận nhà Lê đã hết, cổ ngữ nói thật không sai. Nhưng cũng vì vận nhà Lê đã hết, khó cứu vớt được, âu cũng bởi trời.

Lời chua-Xã Hà Hồi¹: Thuộc huyện Thượng Phúc.

Xã Ngọc Hồi²: Thuộc huyện Thanh Trì.

Trại Nam Đồng: Thuộc huyện Vĩnh Thuận. Các đất trên đây đều thuộc Hà Nội.³

Nhà vua chạy sang nhà Thanh. Bầy tôi là bọn Nguyễn Việt Triệu 25 người đi theo. Nhà Lê mất.

Bấy giờ nhà vua đang hội kiến với Sĩ Nghị ở nơi màn tướng⁴, có tám người theo hầu là Hoàng Ích Hiểu, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Phạm Như Tùng, Nguyễn Việt Triệu, Phạm Đình Thiện, Lê Văn Trương và Lê Quý Thích⁵, thì chợt được tin bại trận đưa đến. Sĩ Nghị rút chạy. Nhà vua cũng cưỡi ngựa cùng đi với Sĩ Nghị lên phía Bắc. Riêng Việt Triệu cầm cương ngựa đi theo nhà vua. Nhà vua sai bọn Hoàng Ích Hiểu gấp về nội điện, hộ vệ thái hậu và nguyên tử vượt qua sông. Hoàng đệ Duy Chi hộ vệ bọn hoàng phi và cung tần đến bến sông, thì cầu gãy, không qua sông được, phải hướng về phía tây mà chạy trốn.

Nhà vua đến trấn Nam Quan. Các bầy tôi đi theo cũng lục tục đến. Nhà vua từ tạ với Sĩ Nghị rằng: "Tôi không giữ nổi xã tắc, tự biết sĩ nhục là phải phiến ngài đem quân sang cứu. Tôi lấy làm cảm kích vô cùng. Nay ngài lại bỏ tôi mà đi, tôi không dám lại nhàm làm phiến ngài nữa. Tôi xin trở về nước, lật lượm quân và dân để toan tính cử sự sau này". Sĩ Nghị nói: "Đã tau xin thêm quân rồi. Chẳng bao lâu, đại quân sẽ đến". Nhân đó Sĩ Nghị mời nhà vua vào yên nghỉ trong thành Quế Lâm. Nhà vua theo lời.

¹ Nay thuộc xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

² Nay là thôn Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

³ Nam Đồng hiện nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

⁴ Xem chú giải số 3 ở Chb. XLVII, 35.

⁵ Đùng lẫn với Phạm Quý Thích, hiệu là Lập Trai.

Rồi đó, vua Thanh sai các thần¹ Phúc Khang An làm tổng đốc Lương Quảng, đề đốc binh mã chín tỉnh. liệu lý công việc An Nam.

Tháng 2, Khang An đến mặc phủ Thái Bình thuộc Quảng Tây. Văn Huệ sai bày tôi là Ngô [Thì] Nhậm lên sang nhà Thanh để xin đầu hàng và tạ tội. Lại đem nhiều vàng lót cho Khang An, nài xin Khang An dàn xếp cho. Khang An đã được nhiều của lót, lại lấy làm mai rằng nếu thôi việc đẩy quân thì được ung dung vô sự, bèn tâu xin vua Thanh nên nhân đó cho Văn Huệ được thông hiếu, đừng gây hấn ở ngoài biên giới nữa. Vua Thanh y theo.

Bấy giờ các bày tôi tòng vong đã lần lượt kéo đến:

- Hoàng thúc Lê Duy Án từ cửa ải Đồng Du đi sang;
- Bọn Đinh Nhạ Hành và Đinh Lệnh Dận hơn mười người từ trấn Long Môn thuộc Khâm Châu đi sang;
- Trần Huy Lâm, Lê Doãn, Lê Hạo và Phan Khải Đức² từ trấn Nam Quan đi sang;
- Bọn Bế Nguyễn Cung và Bế Nguyễn Doãn từ ải Cao Bằng đi sang.

Khang An bèn dùng Đinh Nhạ Hành làm thủ bị ở Toàn Châu, Phan Khải Đức làm đô ty ở Liễu Châu, còn mọi người đều tùy chỗ mà cho đi cư trú yên phận. Riêng bọn Lê Duy Án, Trần Huy Lâm, Lê Doãn và Lê Hạo thì bị đưa vào Thành Quế Lâm theo ở tại chỗ nhà vua.

Tháng 4, Khang An về đến Quế Lâm, nói thác ra rằng trời hè đang nắng nóng, hãy tạm nghỉ việc quân, đợi sang mùa thu, sẽ lại điều khiển. Khang An lại lừa gạt nhà vua rằng: "Thời kỳ xuất quân không xa đâu. Tự vương³ sẽ phải chính mình thống suất các thuộc tướng đi trước dẫn đường. Có điều là đồ mặc của An Nam vốn bị Tây Sơn coi khinh. Việc hành binh cốt phải trí trá. Chi bằng Tự vương hãy tạm gióc tóc, thay đổi đồ mặc để đánh lạc tai mắt quân giặc trong khi hành binh. Đợi khi đã khôi phục được nước rồi, bấy giờ sẽ lại giữ theo lễ thói bản quốc như cũ". Nhà vua không dè bị gạt, cũng gắng gượng làm theo. Phàm người nước ta trước hay sau đã sang bên Thanh bấy giờ đều bị Khang An bắt gióc tóc và thay đổi đồ mặc. Rồi Khang An liền mật tâu với vua Thanh rằng Lê Tự vương tình nguyện ở yên bên Trung Quốc, không có ý muốn xin quân cứu viện nữa. Vậy xin tiếp nhận sứ giả Tây Sơn.

Các thần Hoà Thân ngấm ngấm ở trong ủng hộ cho kiến nghị ấy của Khang An, cố sức khuyên vua Thanh nên bãi binh. Vua Thanh cho lời tâu ấy là phải, bèn ra sắc mệnh phong Văn Huệ làm An Nam quốc vương, rồi triệu nhà vua và các bày tôi trước sau theo sang tòng vong đều cho phép lục tục vào cả Yên Kinh⁴. Khang An lại gọi bọn Lê Quýnh, Lê Doãn Tri, Trịnh Hiến và Lý Gia Du vài mươi người đến Quảng Tây dụ bảo gióc tóc và thay đổi đồ mặc. Bọn Lê Quýnh đáp lại rằng: "Được ơn vời đến đây, chúng tôi chưa được nghe ngài dạy bảo rõ ràng gì cả, thế mà nay chỉ bắt chúng tôi gióc tóc thì há phải là ý muốn ban đầu của bọn Quýnh này chạy vạy hàng hai, ba ngàn dặm sang đây để nhận lãnh lệnh truyền ấy đâu? Đầu chúng tôi có thể chặt được, chứ tóc chúng tôi không thể gióc được". Khang An giận, cho đưa luôn cả bọn Quýnh lên Yên Kinh.

Bọn Quýnh đi đến Sơn Đông thì vừa gặp vua Thanh đi tuần du ở phía Đông. Vua Thanh triệu bọn Quýnh vào yết kiến, dụ bảo rằng: "Chúa nhà các ngươi đã tình nguyện yên phận ở lại Trung Quốc rồi, các ngươi đã một niềm theo vua thì khá lập tức gióc tóc và thay đổi lối ăn mặc để đợi lựa chọn bổ dùng". Lê Quýnh từ tạ mà rằng: "Muôn dặm đi tòng vong, chúng tôi xin được giữ theo quốc tục để vào yết kiến quốc vương một chút đã, rồi sau sẽ xin vâng theo chỉ dụ gióc tóc cũng chưa muộn". Vua Thanh khen nói: "Thật là trung thần của họ Lê". Nhưng vẫn cho đưa bọn Quýnh vào Yên Kinh. Về sau, vì không chịu gióc tóc, Lê Quýnh bị khép vào tội chống mệnh lệnh vua Thanh, bị giam ở ngục Bắc Sở thuộc tu Thận Hình.

¹ Bày tôi trong nội các phong kiến.

² Phan Khải Đức trước làm trấn thủ Lạng Sơn, đầu hàng giặc Thanh ngay từ lúc bọn Tôn Sĩ Nghị và Húc Thế Hanh kéo sang xâm lược (xem Chb. XLVII, 34).

³ Chỉ Lê Chiêu Tông.

⁴ Nay là Bắc Kinh.

Tháng giêng, mùa xuân, năm Canh Tuất (Thanh, năm Càn Long thứ 55)¹ nhà vua từ Quảng Tây lên Yên Kinh. Đĩnh Nhạ Hành và các bầy tôi khác liền đó cũng đều được vời đến. Ở lại Yên Kinh được vài ngày, thì thấy Kim Giản, đô thống Nhượng Hoàng Kỳ, vâng chiếu chỉ vua Thanh, ban cho nhà vua bộ mũ áo tam phẩm và được cha truyền con nối chức tá lãnh. Nhà vua biết sự đã rồi, không làm sao được, đành phải gắng gượng nhận lãnh. Kịp khi vua Thanh đi tuần du phía đông đã quay về, lại dùng Phan Khải Đức làm kiêu kỵ hiệu, Đĩnh Nhạ Hành và Phạm Đình Thiện làm lãnh thôi; còn mọi người khác đều được cấp cho lương tháng 3 lạng bạc và một thạch gạo.

Nhà vua căm giận vì bị người Thanh lừa gạt, bèn cùng các bầy tôi là bọn Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiếu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Quý Thích, Nguyễn Đình Miên, Lê Văn Trương, Lê Tùng và Lê Thức mười người uống máu ăn thề, làm bài biểu định đưa lên vua Thanh để xin quân cứu viện, nếu không được thì xin được đất hai châu Tuyên Quang và Thái Nguyên để quay về giữ việc thờ cúng tổ tiên hay là cùng nhau lén về Gia Định, nương nhờ triều ta² để dần dà toan tính việc khôi phục, chứ quyết không chịu sống thừa ở đất Bắc.

Vua tôi bàn nhau cứ phủ phục ở sân rồng mà khẩn khoản yêu cầu; nếu có xảy ra sự gì bất trắc thì sống chết cùng liều.

Trước hết, các bầy tôi đến chỗ ở của Kim Giản báo cho Kim Giản biết. Kim Giản mời họ vào để yên ủi và nói: "Hãy tạm lui về quán trọ, đợi sẽ thương lượng sau". Kim Giản bèn mưu bàn với Hòa Thân; phân tán vua tôi mỗi người một ngả.

Tháng 4, mùa hạ, năm Tân Hợi (Thanh, năm Càn Long thứ 56)³, nhà Thanh cho đem:

- Hoàng Ích Hiếu đi Y-Lê⁴.
- Lê Hân đi Phụng Thiên⁵.
- Phạm Như Tùng đi Hắc Long Giang⁶;
- Nguyễn Quốc Đống đi Các Lâm⁷;
- Bọn Nguyễn Viết Triệu, Lê Quý Thích, Nguyễn Đình Miên, Nguyễn Hùng Trung, Đàm Thận Xưởng và Lê Văn Trương đi Nhiệt Hà⁸ và Trương Gia Khẩu⁹.

Riêng Phạm Đình Thiện và Đĩnh Nhạ Hành vẫn cho ở lại Yên Kinh để hầu hạ hộ vệ nhà vua.

Do sự lo buồn căm phẫn nung nấu trong lòng, nhà vua từ lúc hầy còn mờ sáng, đã vội ruổi ngựa vào nhà Kim Giản, muốn vì các bầy tôi mà kể khổ. Bấy giờ Kim Giản đang hầu vua Thanh ở vườn Viên Minh. Nhà vua kịp phi ngựa vào cổng vườn. Tên canh vườn sợ¹⁰ [động đến tai vua Thanh], bèn giăng lấy ngựa, dìu nhà vua lên xe. Người hầu ngựa (mã đồng) là Nguyễn Văn Quyên níu lấy cương ngựa, kêu lên rằng: "Chúng bay vô lễ! Dám làm nhục quốc vương ta". Văn Quyên liền lấy gạch ở trong sân ném tên canh vườn. Tên này bèn kéo đàn kéo lũ đến đánh. Văn Quyên bị đánh đến gần chết, rồi lại phải đưa đến

¹ Tức là năm 1790.

² Chỉ triều Nguyễn.

³ Tức là năm 1791.

⁴ Một trọng trấn ở phía Tây Trung Quốc.

⁵ Tức tỉnh Liêu Ninh ở Đông Bắc Trung Quốc.

⁶ Một tỉnh ở Đông Bắc Trung Quốc.

⁷ Một tỉnh ở Đông Bắc Trung Quốc.

⁸ Một tỉnh ở phía Đông Bắc Bộ Trung Quốc.

⁹ Trương Gia Khẩu nay là đất huyện Vạn Toàn thuộc tỉnh Sát Cáp Nhĩ, Trung Quốc.

¹⁰ Cương mục chỉ chép là "thú viên giả khủng", nhưng không nói rõ "tên canh vườn sợ" gì... đây chúng tôi dựa vào Lê quý dật sử mà chua thêm trong hai ngoặc đơn cho sáng nghĩa, vì theo sách đó, thì Chiêu Thống đến vườn, phục xuống đất, kêu lớn...

ty Thận Hình. Hơn một tháng sau, Văn Quyên mới được phép trở về doanh trại, rồi vì những thương tật ấy, bị bệnh mà chết.

Tháng 5, mùa hạ, năm Nhâm Tý (Thanh, năm Càn Long thứ 57)¹, nguyên tử qua đời². Nhà vua, do đó, se mình. Ngày Ất Tỵ (ngày 16) tháng 10, mùa đông, năm Quý Sửu (Thanh, năm Càn Long thứ 58)³, nhà vua bệnh kịch, cho vời bọn Duy Khang, Đình Thiện và Nhạ Hành đến, trời trăng: "gặp lúc vận nhà không may, ta không biết liệu chết giữ lấy xã tắc, phải nhờ đậu quê người đất khách để mưu tính việc khôi phục, chẳng dè bị người lừa gạt đến nỗi phải uất hận đến thế này, thật là ở vào tình thế không biết xoay sở ra sao được! Một ngày kia, bọn các người nếu có ai về được nước nhà thì nên đem năm xương tàn của ta về táng để tỏ ý nghĩa quay đầu về núi". Các bầy tôi khóc lạy, xin vâng theo mệnh lệnh. Đoạn, nhà vua tắt nghỉ⁴.

Vua Thanh sai táng vua Lê bằng nghi lễ công tước ở chỗ Tượng đài oa ngoài cửa Đông trực môn, cho con nuôi vua Lê là Lê Duy Khang được thế lập chức tá lãnh.

Các bầy tôi đều để trở theo lễ đã quy định, thay phiên nhau đến thủ hộ tại nơi phần mộ nhà vua.

Viết Triệu ở Nhiệt Hà được tin cáo phó, bèn đặt bài vị nhà vua tại chỗ mình ở, lạy, khóc rất thảm thiết. Nhân đó, Viết Triệu bị bệnh mà chết.

Tháng 11, mùa đông, năm Kỷ Mùi (Thanh, năm Gia Khánh thứ 4)⁵, thái hậu cũng vì lo buồn mà chết.

Năm ấy⁶, vua Thanh sai thả bọn Lê Quýnh ra khỏi ngục, từ đầu tóc đến ăn mặc đều được để cho tùy tiện⁷.

Năm Nhâm Tuất (1802), niên hiệu Gia Long thứ 1 triệu ta⁸. (Thanh, năm Gia Khánh thứ 7). Thế tổ Cao hoàng đế ta⁹ diệt được Tây Sơn, thống nhất bờ cõi, sai sứ sang thông hiếu với nhà Thanh. Nhân đó các bầy tôi nhà Lê dâng biểu xin trở về nước nhà.

Năm Giáp Tý (1804), niên hiệu Gia Long thứ 3 (Thanh, năm Gia Khánh thứ 9), vua Thanh cho phép đưa linh cữu vua Lê, thái hậu và nguyên tử về nước. Tháng 2, mở quan ván ra, thì thấy: vua Lê, da thịt đều tiêu cả, chỉ riêng có quả tim vẫn không nát, hầy còn rướm máu tươi đỏ như lúc sống. Ai trông thấy cũng phải xót xa, kinh ngạc.

Tháng 8, đến trấn Nam Quan. Tháng 9, về đến thành Thăng Long (hoàng phi Nguyễn Thị, trước đây lánh loạn, ngầm ẩn nấu ở vùng Kinh Bắc; đến bây giờ, đi đón quan tài vua Lê, hộ tống châu hầu cho về đến Thăng Long thì uống thuốc độc tự tử).

Tháng 11. Táng nhà vua ở lăng Bàn Thạch (cho Viết Triệu và Văn Quyên phụ táng).

Tháng 2, năm Giáp Thân (1884), niên hiệu Kiến Phúc thứ 1 (Thanh, năm Quang Tự thứ 10), truy đặt tên thụy cho nhà vua là Mẫn hoàng đế. (Trước đây, nhà vua chạy sang nhà Thanh, người nước ta gọi

¹ Tức năm 1792.

² Chết vì bệnh đậu mùa.

³ Tức năm 1793.

⁴ Thọ 28 tuổi.

⁵ Tức là năm 1799.

⁶ Kỷ Mùi 1799.

⁷ Nghĩa là bọn Lê Quýnh cứ việc để tóc và mặc quốc phục, không bị cưỡng ép theo kiểu người Mãn Thanh.

⁸ Triều Nguyễn.

⁹ Tức là Gia Long mà sử thần triều Nguyễn tôn xưng.

nhà vua là Xuất đế, hay là Chiêu Thống đế, còn bài vị thờ trong miếu nhà Lê ở thôn Kiều Đại thuộc tỉnh Thanh thì đề là Nghị hoàng đế. Tên thụ này có lẽ là do bầy tôi tòng vong đặt riêng cho chẳng. Dực Tông Anh hoàng đế (Tự Đức) ta có lời phê [về Lê Mẫn Đế] để bảo cho mọi người biết, đại lược nói: "Nhà vua bị người ta lừa gạt, bị giam buộc ở quê người đất khách, đến nỗi lo buồn phần uất, ôm hận mà chết, thân dầu chết, nhưng tâm không chết, kể cũng đáng thương! Vậy nên truy đặt tên thụ là Mẫn Đế". Việc này đã được giao xuống cho đình thần bàn luận; đến đây truy đặt tên thụ như thế, là tuân theo mệnh lệnh đã ra sẵn từ trước. Trong bài sách văn đặt tên thụ có câu: "Cơ đích nhị tam thần bộc, Phú trung lộ hề hồ vi! Thê tri nhất thập dư niên, khổng đại bang nhi thụ cực!" Và "Mỹ thường giả mệnh, nan vi phục hạ chi Thiếu Khang; Bất tử kỳ tâm, vô quý tuấn Minh chi Trang liệt"¹.

Nhà Lê trên đây từ Thái Tổ, Mậu Tuất, năm thứ 1 (1418)² đến Chiêu Tông, năm Bính Tuất. Quang Thiệu thứ 11 (1626) cộng 9 đời vua gồm 109 năm. Phụ vào đó. Mạc Đăng Dung 3 năm, Đăng Doanh 3 năm, Hậu Lê từ Trang Tông, năm Quý Tỵ. Nguyên Hòa thứ 1 (1533), đến Mẫn Đế năm Kỷ Dậu, Chiêu Thống thứ 3 (1789), cộng 16 đời vua, gồm 257 năm, tổng cộng tất cả là 372 năm.

Lời phê I: Nhà Lê từ Thái Tổ sáng lập cơ nghiệp, truyền nối chưa được mấy đời, chỉ có Thánh Tông được kể là rất thịnh trị, còn các vua khác đều mờ tối, ươn hèn, không đáng đếm xỉa. Từ khi trung hưng về sau, chính quyền về cả trong tay họ Trịnh, nhà Lê chỉ có suông. Lúc khai sáng thì chính đại và gian nan như vậy, đến sau truyền ngôi thì rồi ren còi còm như kia, không biết việc báo ứng ra thế nào nhỉ? Hay là quy mô lập quốc còn có chỗ chưa được tốt chẳng? Nhưng nhà Lê truyền đời được lâu dài, vượt hẳn nhà Lý, nhà Trần trước thì do công đức của Thái Tổ mà được thế chẳng?

Lời phê II³-Nào đâu là "giải tỏ nghĩa cả" như lời đã nói nữa! Hoặc giả vua Càn Long vì già nua lẫn lẩn, bị bọn gian thần phỉnh gạt⁴ hay là chỉ vì háo danh mà không có sự thật chẳng?

Lời phê III⁵-Nghìn năm hãy còn chua xót.

Lời cần án-Nhà Lê từ Thái Tổ (1428-1433) khởi nghĩa Lam Sơn, phá giặc Minh, kiệt thiết đất nước, cảm hóa được kẻ hung tàn, bãi bỏ được hình phạt giết chóc⁶, rộng cứu sinh dân, công đức cao dày như trời đất, sánh với những triều đại từ Lý, Trần về trước, thật chưa đời nào có được như vậy. Truyền vài đời đến Thánh Tông (1460-1497): ở trong nước thì sửa sang văn trị, đối với ngoài thì lừng lẫy võ công; rục rờ hiển hách làm cho sự nghiệp đời trước được sáng tỏ thêm. Kể cũng gọi là thịnh trị đấy.

Từ đời Uy Mục (1505-1509) trở về sau diễn mãi những trò tranh cướp giết hại lẫn nhau, vận nhà Lê, do đó, giữa vơi suy đồi. Họ Mạc nhân dịp, tiến lấn bề trên. Mà nhờ được ý trời chưa thay đổi, Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế⁷ ta đứng đầu xưng xuất khởi nghĩa, đón Trang Tông (1533-1548) mà lập làm vua: chính thống lại được tỏ sáng, kỷ cương lại được đứng đắn, công nghiệp trung hưng lừng lẫy rục rờ hàng ngàn đời. Họ Trịnh dựa vào cơ đồ đã gần thành tựu, chuyên nắm quyền bính trong nước, vua Lê chỉ giữ

¹ Ý nói: Về phần vài ba người bầy tôi tòng vong theo hầu cương ngựa cho Chiêu Thống, họ có cái đau buồn như thơ "thức vị" trong bội phong Kinh Thi tả cái cảnh quá đổi suy vi của Lê hầu trong cơn mất nước, phải kiêu ngạo ở nước Vệ, làm cho bầy tôi phải khổ sở nhục nhã trong cảnh giải móc dầm sương. Về phần Chiêu Thống, nhà vua nhờ đậu ở bên nhà Thanh đã hơn mười năm, kêu cầu với nước lớn, nhưng nào có đi đến đâu. Thật đúng như thơ "Tái trị" (Dung phong, Kinh Thi) đã than phiền, và: "mệnh trời xoay vần bất thường, Lê Chiêu Thống khó làm như Thiếu Khang mà khôi phục được nhà Hạ. Nhưng trái tim không chết, thật chẳng thẹn với Trang Liệt đã chết theo nhà Minh.

² Đây là tính từ năm Lê Lợi bắt đầu khởi nghĩa, xưng bình định vương; nếu kể từ năm lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thuận Thiên thì từ năm 1428.

³ Chỉ việc Thanh Càn Long tuyên bố trong lời thủ chiếu là sẽ "dãi tỏ nghĩa cả với thiên hạ" (Xem Chb. XLVII, 33). Nhưng thực tế theo Tự Đức, thì là bất chính: vì một mặt lừa gạt Lê Chiêu Thống bằng cách bảo đổi trang phục theo người Mãn Thanh, rồi giữ chặt ở lại Trung Quốc; một mặt khác, tiếp nạp sứ giả và thừa nhận nhà Tây Sơn.

⁴ Chỉ bọn Khang An và Hòa Thân.

⁵ Chỉ việc Chiêu Thống chết còn ôm hận đến nỗi trái tim còn đỏ, không tiêu tan.

⁶ Nguyên văn là "thắng tàn, khử sát" (chữ trong thiên "Tứ Lộ" sách "Luận ngữ") ý nói Lê Thái Tổ khéo trị nước, có chính sự tốt để giáo dục kẻ tàn bạo khiến cho bỏ được điều ác và đưa dân đến chỗ lương thiện, không phải dùng đến hình phạt giết người.

⁷ Nguyễn Kim, tổ triều Nguyễn.

có chiếc gai sông, không ai dám nói sao cả. May thay danh phận hầy còn, cả nước cùng tôn vua Lê làm cộng chủ¹. Khoảng niên hiệu Chính Hòa (1680-1705), Vĩnh Thịnh (1705-1719), bốn phương vô sự, trong nước hơi yên; thế cũng là cuộc thịnh vượng trong một thời như đời vua Thiệu Khang nhà Hạ.

Hiển Tông (1740-1786), sau khi bị giam cầm, vào nổi nghiệp lớn, biết kín đáo giữ mình, thuận lựa theo chiều biển cổ, ung dung lạng lẽ, không thi thố gì, làm cho Trịnh Sâm dẫu ngạo nghễ, càn bậy rông rở, lẩn ép đến đâu cũng không dám giở hết mọi ngón độc ác, nên Hiển Tông mới ở ngôi được hơn 40 năm.

Họ Trịnh vô đạo, bị trời tước đoạt mất quyền soi xét: hấn khích nổi ở trong nhà, quân sĩ sinh ra kêu rông ngang ngược. Giặc Chính nhân dịp, dẫn quân ngoài đến phá hoại nước nhà. Thế là Trịnh mất rồi Lê cũng đổ theo.

Kể từ khi nhà Lê suy yếu, tự mình không phần chấn lên được, họ Trịnh đời này qua đời khác làm mãi những sự hung bạo, nhiều lần rông rở lẩn hiếp, nhưng cuối cùng cũng không dám chiếm lấy [ngôi vua] mà vợ làm của mình, để nhà Lê còn được truyền đời lâu dài đến hơn 200 năm, có lẽ cũng vì ở trong Nam, các thánh vương triều ta² gây dựng cơ sở, nêu cao nhân nghĩa, tiếng tăm thiêng liêng thấm khắp mọi nơi, có đủ cơ để làm tiêu tan tấm lòng ngấp nghé của họ Trịnh, nên Trịnh mới sợ mà không dám làm đó thôi.

Mẫn đế (1787-1789) gặp lúc thời vận không may, mà bọn người giúp rập lại không có tài như những tay phò tá ở những đời trung hưng xưa, cho nên dẫu muốn không bị diệt vong phỏng có được chăng? Nhưng, trong một thời bôn ba, vua thì nêu được nghĩa cả, tôi thì giữ được trung trinh, lòng thành khẩn làm cho người Thanh phải cảm động, rạn vỡ sử sách, nếu không phải là do tổ tông nhân hậu lập quốc, ơn đức lưu truyền sao được đến thế?

Lời chua-Hoàng Ích Hiếu: Người Phong Nắm, châu Thượng Lang³.

Phạm Như Tùng: Người An Lão⁴, huyện Thư Trì.

Nguyễn Việt Triệu: Người Thanh Thủy⁵, huyện Nam Đường.

Lê Văn Trương: Người Nghĩa Động⁶, huyện Nam Đường.

Lê Hạo: Người An Ấp, huyện Hương Sơn⁷.

Lê Quy Thích: Người Động Bàn, huyện An Định⁸.

Đình Lệnh Dận: Người Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng⁹.

Trần Huy Lâm: Người Nam Trực, huyện Nam Chân¹⁰.

Lê Doãn: Người Đồng Trạch¹¹, huyện Quỳnh Côi.

Bế Nguyễn Cung, Bế Nguyễn Doãn: Bầy tôi biên giới ở Cao Bằng.

¹ Ý nói chúa Trịnh ngoài Bắc, chúa Nguyễn trong Nam tuy cát cứ đất nước, nhưng cả hai đều theo niên hiệu nhà Lê, coi vua nhà Lê như vua chung cả nước.

² Chỉ các chúa Nguyễn cát cứ ở Nam Hà.

³ Nay là huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

⁴ Nay là thôn An Lão, xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

⁵ Nay là xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

⁶ Nay là thôn Nghĩa Động, xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

⁷ Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

⁸ Nay là phần lớn huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

⁹ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

¹⁰ Nay thuộc huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

¹¹ Nay thuộc xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Lê Doãn Trị: Người Đại Mão¹, huyện Siêu Loại, là em Lê Quỳnh.

Trịnh Hiến: Người Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc², khoảng năm Gia Long (1802-1819), làm quan đến tham tri bộ Binh.

Nguyễn Đình Miên: Người Hương Ngạnh, huyện Từ Liêm.

Lê Tùng: Người Tây Tựu³, huyện Từ Liêm.

Lê Thúc: Người Đắp Cầu, huyện Hoảng Hóa⁴.

Nguyễn Hùng Trung: Người Bình An⁵, huyện Thư Trì.

Đàm Thận Xưởng: Người Hương Mặc⁶, huyện Đông Ngàn.

Lý Gia Du: Người Thụy Lô⁷, huyện Kim Bảng, khoảng năm Gia Long, làm quan đến thị trung học sĩ, rồi được trao chức cai bạ ở Quảng Đức doanh.

Nguyễn Văn Quyên: Người Bồ Vệ, huyện Đông Sơn⁸.

Hoàng phi Nguyễn Thị: Tên là Kim, người Tì Bà⁹, huyện Lang Tài.

Lăng Bàn Thạch: Xem Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 47 (Chb. XLVI, 27).

Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 11).

Dịch xong ngày 28 tháng 3 năm 1960.

¹ Nay thuộc xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

² Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

³ Tục gọi làng Đăm.

⁴ Nay là huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

⁵ Nay thuộc xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

⁶ Nay là thôn Hương Mặc, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁷ Nay là xã Thúy Ái, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

⁸ Nay là huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

⁹ Nay là thôn Tì Bà, xã Phúc Hòa, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.